LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 193

LUẬN BIỆN CHÁNH

SỐ 2110
(QUYỂN 1 →8)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2110

LUẬN BIỆN CHÁNH

Thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm soạn thuật.

LỜI TỰA

Đông cung học sĩ Trần Tử Lương soạn.

Thường nghe, Tuyên Ni vào mộng, Lý của mười dực khắc rõ; Bá Dương ra cửa, nghĩa của hai thiên hiển bày. Hoặc móc sâu buộc tượng, hoặc tham cứu xa vời, nơi danh ngôn chẳng tuyên bày, chỗ âm dương không lường biết, như có thể mở rộng đất trời, cùng khắp quỷ thần. Đạo không đượm thấm nói Đại thiên, lời chưa vượt khỏi trong Hoàn vức. Huống gì pháp thân viên tịch, diệu vượt hẳn hữu vô, chỉ Lý ngưng huyền, dấu vết sạch nơi chân tục, thể tuyệt ba tướng, lụy hết bảy đời, không tâm tức là tâm, chẳng phải sắc là sắc. Không tâm tức là tâm nên hay tâm tâm ấy vậy; chẳng phải sắc là sắc nên hay sắc sắc ấy vậy. Rắn dây từ đó lắng không, hình danh do đó đều tỉnh vắng, ở ngoài lưới nên đâu có thể nói ư? Như Tây Bá buộc dẫn bèn hiển bày tinh vi, con lớn nhà tằm rốt cùng thành chí trước. Nên Dịch nói: “Người xưa tại Dịch”. Đó hẳn là có ưu lo ư? Luận bàn đó mà phát khởi có nguyên do vậy.

Pháp sư vốn dòng họ Trần, là cháu chắt của Thái Khâu Trưởng Trọng Cung ở thời nhà Hán. Tổ tiên xa xưa làm quan nhiều nơi, dần chuyển dời đến Giang tả. Gần đây nhân chuyển dời cư ngụ, lại đến ở Tương châu. Ở thời nhà Tùy, Pháp sư vào Quan nội theo thầy xin thọ học. Ngọc dời kinh tụ, tánh ngời sáng càng rõ bày; Quế đổi rừng sâu, gió thoảng hương càng xa. Pháp sư ứng tốt lành của chân nhân, bẩm xinh đẹp của xiêm vàng. Trong thông rành Tam tạng, ngoài suốt

gồm chín phái triết học. Đã khéo duyên tình lại rất hay thể vật. Thiên chương uyển lệ, Lý thấu đạt văn hoa, tỏa phất văn gấm lụa, vút bay hơi khí vượt mây, vàng ngọc ban cổ chưa thể đồng năm, sông biển Phan lục sao Kham phương giá. Đến như học của Trang sinh Mặc sinh, thư của Hoàng tử Lão tử, văn của Tam thanh Tam động, Lục của Cửu phủ Cửu tiên, Bí mật của Đăng Chân Ẩn Quyết, Lễ nghi của Linh bảo độ mạng, thảy đều nuốt đến trong lòng ngực, nói như chỉ ngón tay. Hơn nữa, trước đây pháp sư đã tập học Trung Quán, thêm một thời gian tích chứa Pháp Hoa, đã có Văn Trì, lại chuyên trước thuật. Vận ý tư ra ngoài cấp dẫn không nhọc mệt, Biện Trung Quán thì Long Thọ có thể mong, luận về tự nhiên thì Lão Trang chẳng xa.

Từ đó, bốn phương chen đạp như về vườn của Trưởng giả, bảy báu lan rộng tợ đến chợ Hoa âm. Nên đem sở học sánh bằng Sa-môn Đạo An, Tuệ Viễn, tài trí vượt quá Sa-môn Tăng Triệu, Đạo Sinh. Thật là bậc khai sĩ rường cột, là tường vách thành trì của giáo pháp ấy vậy.

Nhân có Đạo sĩ Lý Trọng Khanh, Lưu Tấn Hỷ v.v... đều làm văn từ ngu dốt phỉ báng chánh pháp, khiến những vị nhân sĩ ở thế tục hoặc phát sinh tà tín. Pháp sư xót thương sự mờ tối ấy, lo sợ sẽ rơi lạc vào địa ngục, bèn phát tâm đại bi mà chế tác luận này. Có thể gọi là cổ xúy biển pháp đây, lay động ngọn ngôn từ kia. Bén nhọn của Bích Khê đua tranh rong ruổi, tài giỏi của Hoàng Mã giành vượt kém hèn, không gì chẳng như lá rơi búa gãy, mây tan mốc cuộn, tướng trạng như lò lớn thiêu đốt mảy lông, tợ lửa dữ nung băng mỏng nhẹ. Các hàng Phụ thắng khi ấy có thể thấy, tạm quy hướng đến từ định đã phá quân ma, nương nhờ phấn phát da tuệ diệt giặc ngu. Ánh sáng Phật nhật từ đó lại ngời tỏa, mây pháp lại rộng giăng.

Nhưng Pháp sư còn có trước thuật các thứ thi phú khải tụng, bi lụy chương biểu, giáo pháp Đại thừa, và luận phá tà v.v... có hơn ba mươi quyển, hiện lưu truyền ở trong đời.

Riêng luận này có tám quyển, mười hai chương, cả thảy hơn hai trăm trang giấy, nghiên cùng nguồn giáo của Thích Lão, thấu suốt danh lý của Phẩm Tảo, sửa chỉnh trước thuật đã nhiều năm mà chưa lưu bố. Xưa trước, Tần Hiếu Công nghe nói Đế mà ngủ say, đến khi nghe Đàm Bá mới dậy. Dương Xuân Hòa hiếm ít rất đáng buồn than. Chỉ vì điều thuật nói của Pháp sư trong ngoài đều gồm cả, chỉ ngại sợ hàng hậu sinh khéo giỏi việc cuối cùng có chỗ chưa rõ hiểu. Đệ tử là Trần Tử Lương vốn ở Thái Nguyên, gần đây tỏ bày đảnh lễ, nương theo mà thưa hỏi bến bờ, đốt sáng tràn mắt như minh nguyệt vào trong cõi lòng, tỉnh

lắng mà ứng có tợ châu báu sáng lóa vật, đã tỏ ngộ như huyễn ở đường thông, bèn chấm dứt vân du trăm thành. Từ đó mở tỏ điều chưa từng nghe, tạm vì chú thích dẫn giải, ngõ hầu những người đồng hay khéo ở tương lai may mắn được rốt cùng ấy vậy!

MỤC LỤC

(* người dịch tự đặt danh)

- Chương thứ nhất: Tam giáo Trị Đạo.
- Chương thứ hai: Mười đời kính phụng Phật.
- Chương thứ ba: Sự trước sau của Phật giáo và Đạo giáo
- Chương thứ tư: Thầy trò của Thích môn và Lý Tử.
- Chương thứ năm: Mười Dụ
- Chương thứ sáu: Chín Châm.
- Chương thứ bảy: Hơi khí là gốc của đạo.
- Chương thứ tám: Quả báo tương giao của kính tin và hủy báng.
- Chương thứ chín: Văn vẻ trong các sách.
- Chương thứ mười: Ra khỏi sự sai nhầm dối ngụy của Đạo.
- Chương mười một: Các đời tương thừa tiếp nối.
- Chương mười hai: Quy tâm có nơi chốn.

LUẬN BIỆN CHÁNH

Đời Đường, Sa Môn Thích Pháp Lâm soạn

QUYỂN 1

CHƯƠNG THỨ NHẤT: TAM GIÁO TRỊ ĐẠO

Có công tử Thượng Tường hỏi người thông rành cổ học rằng: Thầm nghe khí tượng biến thông chẳng thể vượt quá âm dương; biên vực bao la cũng chẳng thể vượt quá đất trời. Xét tìm, phàm khi ngũ vận chưa thành hình thì vốn không người vật. (Dịch Câu Mạng Quyết nói: Trước lúc trời đất chưa phân, có Thái dịch, Thái sơ, Thái thủy, Thái tố, Thái cực, tức là ngũ vận. Khí tượng chưa thành hình, gọi đó là Thái dịch. Nguyên khí mới nảy mầm gọi đó là Thái sơ. Đầu mối của khí hình gọi đó là Thái thủy. Hình biến có chất gọi đó là Thái tố. Chất hình đã đầy đủ gọi đó là Thái cực. Chuyển biến năm khí nên xưng là ngũ vận. Nói khí hình chất đầy đủ mà chưa phân ly đều là tên gọi của Thái dịch, bấy giờ rỗng không, chưa có người và vật vậy). Tam tài đã lập mới xếp dặt tôn ty (Càn Tạc Độ nói: "Thái cực, Thái tố, Thái thủy tên gọi tuy khác nhưng Lý đồng nhất". Dịch Vĩ Thông Quái nói: "Thái cực là sinh Lưỡng nghi. Nói khí trong lành nhẹ bay lên là trời, khí uế bẩn nặng chìm xuống là đất, thân con người dự tham vào, gọi đó là Tam tài". Dịch Tự Quái nói: "Có trời đất muôn vật, sau đó lập vua tôi, chế định lễ cha con, lớn nhỏ, chồng vợ, tôn ty cao thấp khác biệt ấy vậy). Hóa của tự nhiên đã dấy khởi, phong của vô vi đã trùm khắp". (Hà Đồ Quát Địa Tượng nói: "Trời đất mới lập, có dòng họ Thiên Hoàng, đạm bạc tự nhiên, cùng Thái cực đồng đạo, thân đeo chín cánh làm vua Mộc Đức, không có thi vi tạo tác, chỉ tự nhiên mà hóa". Khai Sơn Đồ nói: "Địa Hoàng dấy khởi ở núi Long môn Hùng Nhĩ, làm vua Hỏa Đức". Mạng Lịch Tự nói: "Nhân Hoàng giá sáu cánh cưỡi xe mây ra cửa cốc, phân chín châu làm lớn thiên hạ, anh em gồm có chín người, ý cứ thế đất của núi sông mà chia làm chín vức, mỗi người ở một châu". Đế Hệ Phả nói: "Thiên Hoàng trị vì mỗi vị mười tám ngàn (18.000) năm, Địa Hoàng có

một trăm năm mươi đời trị vì thiên hạ với thời gian năm mươi bốn ngàn năm (54.000). Tiếp đến là dòng họ Ngũ Long, Hoàng Bá, Hoàng Thân, Hoàng Thúc, Hoàng Quý, Hoàng Thiếu, anh em có năm người đều cưỡi rồng lên xuống. Có một trăm tám mươi đời trị vì thiên hạ với thời gian chín triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm (9.273.600) năm, tức là năm vị Thần Linh, Oai, Ngưỡng, v.v... ấy vậy. Tiếp đến là dòng họ Thần Nông, cưỡi sáu con rồng nhẹ qua bốn biển, lạnh nóng quân bình để trải cho nhân dân, thông khắp gió mưa. Có mười đời, mỗi đời trị vì chín trăm năm. Tiếp đến có bốn dòng họ, tiếp đến có một đời chẳng trọn, tiếp đến có bảy mươi hai dòng họ, tiếp đến có ba dòng họ, hoặc cưỡi dê bay nai bay, mới đầu dạy dân ở nơi hang hóc, ăn thịt chim thú, mặc áo lông da. Tiếp đến có dòng họ Sào, giá rồng lân, cưỡi phụng hổ, dựng cây gỗ làm ổ, dạy dân ở đó để ẩn lành chim thú làm hại. Tiếp đến có dòng họ Toại nhân, dạy dân dùi cọ ra lửa, biến đổi thức ăn sống thành chín, để thoát khỏi loại tanh nồng, nung đúc làm mũi nhọn bằng kim khí, và dân chúng dần vui thích. Như vậy, trải qua sáu giềng mối, có chín mươi ba thời đại, một ngàn hai trăm tám mươi chín (1.289) đời, với thời gian mười triệu một trăm lẻ một ngàn tám trăm bốn mươi (10.101.840) năm. Từ thời hóa xuống, đều xưng gọi là Tam hoàng”). Tiếp đến là Thánh thân rắn đầu trâu (Lục Nghệ luận nói: Thái Hạo Đế, Bào Hy giáo hóa gió, thân rắn đầu người có Thánh Đức. Toại Nhân ẩn mất, Hy Hoàng xuất sinh, đời đó có năm mươi chín dòng họ. Hy Hoàng mới tuần tự chế tác pháp độ, đều làm vua Mộc Đức, chế lễ giá thú, thọ nhận Long đồ, lấy rồng ghi quan, nên gọi là Long sư, ở ngôi với thời gian mười một ngàn không trăm mười hai (11.012) năm. Diệm Đế Thần Nông dòng họ Khương, thân người đầu trâu có lửa tốt lành, tức làm vua Hỏa Đức, có bảy đời, cả thảy năm trăm năm). Hoàng Châu Hành Nhật Giác (Lục Nghệ luận nói: “Hiến Viên dòng họ Công Tôn hai mươi lăm tháng mới sinh, có tướng Châu Hành Nhật Giác, làm vua Thổ Đức trong thiên hạ, lấy Kiến dần làm đầu năm, sinh hai mươi lăm người con, có mười hai dòng họ, có mười ba đời, trị vì với thời gian một ngàn không trăm bảy mươi hai (1.072) năm. Nhân nằm mộng thấy thọ nhận Đế Lục, bèn cùng Thiên Lão đi tuần sông mà nhận thọ đó, được sách Hà Đồ, học ở Tiểu đồng chăn ngựa, kính bái Quảng Thành Trượng Nhân ở núi Không đồng”. Đế Vương Thế Kỷ nói: “Đời của Tam Hoàng có thời gian hai mươi ngàn hai trăm chín mươi bảy (20.297) năm), mới bắt đầu họa vẽ Bát Quái và Trọng Bát Thuần (Hà Đồ Quát Địa Tượng nói: Dòng họ Mật Hy ngửa trông hình tượng trên trời, cúi xét các pháp dưới đất, mới

họa vẽ Bát Quái, dùng đức Thần thông mà sáng rõ đó. Dòng họ Thần Nông trọng Bát Quái làm sáu mươi bốn vậy). Thiết bày Vân Quan và trình bày Điểu Kỷ (Lục Nghệ luận nói: Hiên Hoàng có điềm lành cảnh vân, dùng Quan vân kỷ, Thiếu Hạo Đế có điềm lành chim phụng, nên lấy chim (điểu) làm tên Quan vậy) dạy săn bắn chài lưới để giúp tục, làm cày bừa để giúp dân (Lục Nghệ luận nói: Dòng họ Mật Hy làm mành lưới để săn bắn chài vớt, lấy muôn sinh để nung đủ no bếp bụng nên gọi là dòng họ Bào Hy. Thần Nông chặt cây làm cày, vót cây làm dầm, mới dạy thiên hạ gieo trồng ngũ cốc, nên gọi là dòng họ Thần Nông). Lập chợ (do Thần Nông kiến lập), đúc vật dụng trâu mang ngựa cưỡi, tạo cung thất, ban bày áo xiêm, làm cối chày, đặt thuyền chèo, phỏng theo dấu vết chân chim mà tạo văn tự, nhân hóa thông mà chế lễ nhạc (đều ở thời Hoàng đế vậy. Lục Nghệ luận nói: Hoàng đế có bảy người Quan phụ giúp: Thương Hiệt tạo chữ viết, Đại Nạo tạo giáp tý, Lệ Thư tạo toán số, Dung Thành tạo lịch ngày, Kỳ Bá tạo phương thuốc, Quỷ Thân Khu tạo Chiêm hầu, Hề Trọng tạo xe, làm luật cai quản, thiết bày quét dọn lập đàn lễ). Kịp đến Quân dực thiện truyền Thánh, Hậu nhân thạnh Thánh minh, cử chức Bát nguyên Bát khải (Thuấn nhiếp chỉnh cử dòng họ Cao Dương, dòng họ Cao Tân, mỗi mỗi có tám tài tử để đảm nhận trông coi Ty mục), đặt quan Hy Hòa, Hy Trọng (dòng họ Hy dòng họ Hòa, là quan trông coi nhật nguyệt bốn mùa ở thời Nghiêu), gieo trồng trăm thửa lúa thóc để chuyên cần làm nông (Hậu Lăng gieo trồng trăm thứ lúa thóc), bày Ngũ giáo để làm khuôn phép mọi vật. Thỏa xứng cung khắc nhượng, ngõ hầu tích chứa ngậm sáng, hợp hòa muôn nước, bình an trăm họ, lưu chuyển tứ hung đến tứ duệ, ẩn trốn tam miếu ở Tam Nguy (Hỗn độn Đào Ngột cùng Kỳ Thao Thiết là tứ hung. Nghiêu lưu chuyển đến ở ngoài bốn nước, có dòng họ Miêu phản, Thuấn phóng thả đến ở núi Tam Nguy), điều luật là để thỏa sướng bát phong, xét toàn cơ để ngang bằng thất chính, Hạ Võ dẫn dắt Cửu Hà (Đại phụ trị thủy, bình lắng núi sông ở chín châu, thọ nhận Hồng Phạm ở Hà thần, được địa lý ở Động phủ, chín châu hiến cống đồng để đúc chín đảnh. Lấy tám nhà làm lân, ba lân làm minh, ba minh làm lý) cưỡi chở bốn xe (đi tìm đất liền cưỡi xe, đi nước cưỡi thuyền, đi nơi bùn sình cưỡi khiêu, đi núi cưỡi kiệu), nhậm đất làm cống, thông núi đặt để sông ngòi. Ân Vương chém tội điếu dân (có cá vàng chim đen nhóm tập nơi đàn, hóa làm ngọc đen, mới đánh kiệt, sắc màu thì chuộng đen trắng. Dời chín đảnh đến Hào, lấy trăm Hộ làm Lý). Lắng dứt Bạo loạn, mở lưới cắt tóc, vớt đắm chìm, cứu thiêu đốt, bèn dẫn đến đông đúc lớn

khắp, lắm nhiều tài sĩ, đóng bít đức liếc nhìn lân chỉ (Quy Lịch Phi mang thai, mộng thấy người to lớn cảm rồi sinh ra Văn Vương. Chị Phi Hậu của Văn Vương sinh ra Võ Vương, phát khởi lấy tháng Kiến Tý làm đầu năm, chuộng sắc đỏ. Lấy năm nhà làm lân. Trong kinh kỳ có Tỷ Lư tộc đảng Châu Hương. Chu Công ở nhiếp, tội nhân đó bị, mùa thu có biến đổi sấm gió, chặt cây rạp lúa, mở sách kim đằng, bèn nghinh đón Chu Công, bói chiếm vườn nhà ở Lạc kinh, đo đất định đảnh, chế tác lễ nhạc, chết ở nơi Phong, chôn ở nơi tất, đóng bít đức liếc nhìn Vương Hậu. Lân chỉ dấy khởi dòng tộc của Nhân nhân). Phong của Chu Nam Triệu Nam (nói phong hóa của Chu Thiệu từ Bắc mà đến Nam vậy) xếp bày nghi của ngũ hành lục chánh (Mộc, kim, thủy, hỏa, thổ là ngũ hành. Dự thấy việc sắp đến, tiến cử người hiền thiện, cung hòa chuyên cần không rơi lạc. Xét rõ pháp luật, từ Lộc Nhường ban tặng, Quân vương sai thất thì can gián. Đó là Lục Chánh vậy), ban bố pháp chín ruộng bốn giếng (ba ngang bằng là chín thửa ruộng, ba phòng ốc là bốn giếng), thiết bày lễ phục tích (xếp đặt năm nghi phục, chế định lễ chín tích), mở rộng tiết cách xa, (thông cả mười thành ra cách xa một chuyên chở) vì đời làm khuôn phép vì vật làm mẫu mực, xa vời cách biệt năm tháng chuyển dời Tam cổ, rộng thoáng thời gian trải qua trăm vua. Chỗ Thánh đức lan tới, nơi thần hóa đượm nhuần, sâu rồng hang phụng, khi hầu thâu quý báu, nhật vức lân châu chiếm phong khoản tái sương mốc suối tỏa bày mùi vị trân quý, cỏ cây biến đổi hình thái đẹp xinh, cằm yến thân cá phô bày giống chim, chân sói đuôi trâu rõ ràng ở giống thú. Chỉ có đức cảm động trời, tốt lành trưng bày thỏa nhóm. Đầu óc khiến đẹp xinh rõ ràng thay! Tay chân xếp bày ca tốt lành thay! Chu bói trọn đời, ân xứng nhiều thế hệ. Ấy là đạo vậy.

Nhân luân bẩm nhận mà lợi kiến, mọi vật nhờ đó mà có sinh, nước nhà nhờ đó mà không việc gì khác, vua tôi nhờ đó mà chính sách bình trị, đức dạy thiên hạ, cảm hóa khắp Hoa Di. Đạo quý năm trời, Ân thân trăm họ, lập công lập sự, đáng lớn đang lâu dài, thời gian ý nghĩa hoàn bị, ở đời sử dụng đầy đủ vậy. Đến như phương thuật Thần tiên của Lý Lão, ý chuyên bay hóa; Phạm bản của Thích-ca, mong tự nhập Niết-bàn. Giả sử Thể ở trong Thái Thanh, Thần văn du nói cảnh Thường lạc, Quý luyện hình để Bất tử, cầu tịch chiếu để thấu đạt vô sinh, dựng ngụ ngôn của chim bằng chim yến, bày hư thuyết ở quá khứ và tương lai, nào khác gì Trâu Diễn đàm nói trời trọn kết quy trông nhìn cỏ rậm, Ngô Khâu biện giải mộng, nhọc rong hoa từ.

Nay, Đại Đường đang ngự trị Hoàn cực, Thánh hoàng duỗi ban

chấp tay, chuộng hiền chuộng già, quý đức quý nhân, trở lại giáo hóa lẽ chánh, phong đã thuần thục quạt rộng, theo lý nên san bớt phiền nhiều, chọn lấy đơn giản, bỏ ngụy quy hướng về chân. Kẻ phàm phu tôi cho rằng, Phật giáo và Đạo giáo không cấp thiết ở chính trị, từ lâu muốn tấu trình, xin thử luận bàn đó, chẳng lường được điều nghị, xin tỏ bày điểm chưa hiểu. Ông biết nhiều điều về xưa trước, nghiên cứu sâu xa nguồn học, hiển bày ngầm ẩn có thể được chăng, mong được rõ ràng cột yếu ấy?

Khi ấy, người thông bác cổ học kia nghiêm cẩn nét mặt ngồi yên giây lâu mới bảo rằng: Lạ thay điều tôi được nghe vậy! Xin luận bàn: Nhìn muôn tượng trên trời thì thấy phần thứ đệ của nhật nguyệt năm vì sao, trông muôn tượng dưới đất thì biết nơi kết quy của trăm sông bốn rạch. Trông dấu vết của xưa nay, trên hình Thái cực trước của Hỗn Nguyên tức thấy những việc chưa nẩy mầm ở tương lai, mỗi một mảy lông không nghi ngại, mới gọi là Trí vậy. Ông đã rõ biết mà cố ý hỏi. Tôi cũng xin thuật bày mà lược nói.

Xét về dạy răn trong Lục thư của Chu Khổng thì lấy trung hiếu làm giềng mối. Yếu chỉ trong hai thiên của Lão Tử thì lấy đạo đức làm mở đầu, kinh văn trong Tam Tạng của Cù-đàm thì lấy từ bi làm gốc. Sự tích có khác nhưng lý số không khác, đều là tận mỹ tận thiện, đáng tôn sùng đáng kính mộ. Do đó, đàm nói các huyền diệu nên lấy tâm rỗng, mở thiện quyền nên dùng cấp dẫn. Xưa trước, tôi từng thấy gặp một tiên sinh viễn du và cũng được nghe đó, nói thông mới luận, thuật đủ cả Tam giáo, trình bày cả chín phái triết học. Tiên sinh ẩn dật nơi núi rừng, chẳng biết họ tên là gì, dung nghi nhàn nhã, tiến thối đều khả quan, nói cười ôn hòa, động chỉ có nghi tắc. Tuy nói năng có văn vẻ mà chí ý không khen chê, ăn dùng tùng thái, chẳng lường biết tuổi tác bao nhiêu, gá nghỉ giữa ráng mây, nào ai rõ đời đó. Đến như gốc ngọn của Tam cổ sáng rõ như trong gương, cành nhánh của trăm dân rõ ràng tợ giữa lòng bàn tay. Thấu cùng lệnh điển của Chu Khổng, suốt rành khuôn phép của Phật đạo. Xét chỗ nghĩ nhớ của tiên sinh hẳn ở tiêu dao bằng vật, xem điều mến chuộng, kết quy ở bình đẳng tánh không.

Tiên sinh ngoài sự yên lắng tỉnh mặc, ngoảy nhìn và bảo với kẻ tớ rằng: Ở đời, những người không thấu đạt phần nhiều hay cùng với phải quấy. Lấy điều phải nơi phải ấy mà quấy chỗ chẳng phải ấy, chẳng quấy chỗ quấy ấy mà quấy chỗ chẳng quấy. Đó tức phải chỗ quấy ấy mà quấy chỗ phải kia vậy. Phàm luận bàn về giáo nghĩa của Nho, ý ở tại gia lý trị, lớn nhỏ thuận theo thứ tự, ở trên chẳng kiêu, ở dưới chẳng

loạn, Thần tử dốc hết trung hiếu, tớ thiết trải hết tâm hỷ hoan. Lớn thì phối trời cúng tế vua, tôn thân hưởng Tổ, muốn khiến đất trời rõ xét, quỷ thần xen hiển linh, tai hại chẳng nổi, họa hoạn chẳng gây; nhỏ thì nhuận lợi theo thời, nghiêm cẩn tự thân tiết dụng thi chính trong khuê môn, ban ân cho kẻ thuộc hạ, đều kính phụng việc ấy, mỗi tự được điều thích nghi đó vậy. Về giáo nghĩa của đạo, nói nguyên nhân sinh của muôn vật. Nguyên nhân thành của chí công, ắt sinh không hình tượng do ở không danh, nhưng mà không hình không danh là tông của muôn vật. Thuật đạo thì làm thủy làm mẫu, Đàm giáo thì có yêu có diệu. Do đó, nguyên thủy chấp tay im lặng nơi kim đài, Thái thượng rủ áo ở địa tía, sai hai trẻ để dẫn tục, bảo năm già để vạch mưu, giẫm trải thuyết tối mà tỏ sáng, bao gồm một mà trinh thuần, lắng phách ở nơi Đại La, nép ngưỡng nơi Thái Thanh. Sau đó thiết bày hóa vô vi, thực hành giáo không lời, trải văn sân vàng phủ tía, trao lục bảng vàng dây bạc, diệu của Huyền sương giáng tuyết, kỳ của Ngọc dịch vân anh, hoa của chín mây kiếng sáng, thể của tám luyện thần đan, đủ để trở lại tuổi trẻ ở thân già, đủ để bay giá trường sinh. Vân du lãng uyển mà quên trở về, tắm gội nơi Hàm trì mà chẳng trở lại, chợt mặc áo hạt nơi cửa cung, hoặc khống cưỡi hạc ở Bồng lai, tĩnh lự ở đầu cô tạ tư vi ở trên không đồng, cùng đất trời mà lâu xa; chung âm dương mà tối sáng.

Giáo nghĩa của Phật lớn thay! Ngục lồng hoa tạng, vượt ra ngoài lọng tròn chín lớp, chiếu sáng vân đài, nuốt ngoài chất vuông tám duy, chẳng phải sắc diệu sắc, lưu tỏa sáng soi trước Hỗn nguyên, phân thân hóa thân, liệt bày ảnh mới đầu của Thái Hư. Nên dùng bàng bạc mà tạo âm dương, dùng lò búa để thành đất trời, tượng của đại tượng ngậm dưỡng ở bốn tượng, tải của cương tài, thông vận ở năm tài, ngọc hành vận chuyển xa tít, chẳng lường cơ ấy thế nào, hợp bích huyền mênh mông, ai rõ được hóa đó. Chẳng tỏ rõ chẳng mờ tối, chỉ nhỏ nhiệm chỉ rành rành, gồm tất cả linh phủ của các Thánh, đến với hội mừng của quần sinh. Từ đó, ra khỏi nhà lửa mà ngồi ba xe, vào sông ái mà khua tám mái chèo, hiện việc hiếm có, đâu riêng nơi vườn cây yêm-la giảng nói chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải chỉ ở nước Ma-già-đà, các thứ phương tiện, mỗi mỗi đều là từ bi, phá lồng chậu sinh tử, cứu tế đến bờ kia của Niết-bàn. Không gì chẳng là ý châu vọt sáng, đuốc trí ánh ngời, nhận cả trăm sông, khơi ở đất của bể Đông, giềng mối muôn tượng, vượt ở trời của Bắc cực, sao cùng cao thấp đồng nghiêng, Nho Mặc giao tranh? Thật hẳn suy đó ở ngằn chân, trở lại đó ở nguồn huyền. Nguồn huyền ấy thì cảnh trí đều mất, ngằn chân ấy thì quyền thật hết cả, lớn

tuyên bày yếu chỉ cứu cánh, khắp chuyển vận sức thần thông. Tìm hiểu thiện xảo, ngợi ca hòa đến tận cùng, đào luyện cân công mang đội, tạo hóa không còn có phương thức. Thường ngày sử dụng chẳng thể phỏng lường, đủ để bao trùm bốn đại, vượt hẳn ba cảnh, ông nên viết vào vải áo để tự xem xét vậy.

Công tử nói: Đẹp xinh thì đẹp xinh vậy, nhưng nghi ngờ vẫn là nghi ngờ đó. Phàm có thể giúp đỡ Xã tắc không gì qua lòng trung, kính dưỡng chí thân, không gì hơn phụng hiếu, kính đất trời chẳng gì qua tu văn, định họa loạn không gì hơn giảng võ. An ổn trên dưới, không gì qua hoằng hóa lễ; đổi dời phong tục, chẳng gì hơn tập nhạc. Đó hẳn là yếu huấn của Hoàng vương, cũng là phương thức lớn trị đạo. Tuy nói từ bi của Ma-kiệt, luận giải đạo đức của Lệ Hương chưa là cấp thiết để cứu dời còn là ngôn từ giẫm trải Nhạn gỗ. Chẳng chỉ kẻ tớ nhỏ chưa khước bỏ, ước kẻ trí ngu cũng đồng chối từ vậy.

Người thông bác bảo: Nói vụng về mà thực hành thông mẫn là chỗ ngợi ca của quân tử, không vì chính mình ít nghe mà tha thiết lấy, huống gì là điển luận! Ông không nghe Lỗ Hầu răn bảo ư? Không lắm lời, không nhiều việc. Vì lắm lời thì nhiều hại, lắm việc thì nhiều họa. Như phụng thờ tôn thân vâng theo Vương chủ nên lấy trung hiếu làm đầu, xa hại toàn thân thì lấy đạo đức làm trước hết, lợi sinh cứu khổ thì lấy từ bi làm nguồn bao quát. Phụng hiếu hoài trung có thể để bảo toàn nhà nước, cứu giúp muôn loài thì ân ngang bằng cả sáu thú, lan tỏa thân danh chỉ vinh hạnh trùm một nhà, bảo toàn nước nhà mới công gồm cả chín hợp. Nên trung hiếu là giáo nghĩa dạy răn ở thế tục, đạo đức là thuật để nghiêm trì thân, từ bi là hạnh chở che nuôi dưỡng mọi vật. Cũng như trời có ba thứ sáng, đảnh có ba chân, mỗi xứng với đức và đều hiển bày công năng, tuân theo mà kính phụng đó, có thể thấu đạt tốt lành chỗ nghe vậy.

Công tử nói: Nghệ Văn Chí ở thời Tiền Hán nói: Toàn thể gia bảo trong nước nhà thì gồm có chín dòng:

- Một là dòng Nho, nghĩa là thuận âm dương, trình bày giáo hóa, thuật nên chính sách của Đường Ngu, tuyên truyền đạo của Trọng Ni.

- Hai là dòng Đạo, nghĩa là giữ mềm yếu, tự nhún nhường, trình bày đức bái nhường của Nghiêu Thuấn, làm sáng tỏ thuật xoay mặt phương Nam làm chính sách, vâng phụng khiêm nhường của Dịch mà khiêm nhường vậy.

- Ba là dòng Âm dương, nghĩa là thuận trời trải qua mọi ảnh tượng, nhân thời của dân vậy.

- Bốn là dòng Pháp, nghĩa là rõ sắc pháp thường để giúp lễ chế.
- Năm là dòng Danh, nghĩa là chánh danh xếp bày vị, lời thuận việc thành.
- Sáu là dòng Mặc, nghĩa là trong sạch Tông miếu, cúng tế dưỡng già, thi ban ân huệ.
- Bảy là dòng Tung hoành, nghĩa là nhận mạng sai sử, chuyên đối việc quyền.
- Tám là dòng Tạp, nghĩa là kiêm cả thuyên của Nho và Mặc, gồm huấn của Danh và Pháp, biết đại thể nước nhà, không việc gì chẳng thấu suốt.
- Chín là dòng Nông, nghĩa là khuyên gắng cấy cày, trình bày vật thực của cải. Tuân theo đạo đó có thể an ổn các thứ; thực hành việc đó, có thể lợi ích nước nhà, là chính sách hoàn bị, đối với dân đủ đầy vậy.

Giả sử như điều nói của tiên sinh thông rành các phương, ngôn từ của cổ học tận thiện, sợ thuộc loại gió thoảng tai trai chẳng cùng kịp vậy.

Người thông bác bảo: "Trông nhìn một có thể biết đến trăm, thấy đây đủ để rõ kia. Chỉ bởi Phật giáo xung thoáng, danh nghĩa rộng nhiều, gồm tất cả mà nói đó, đủ có Huyền lục, nay vì ông mà tôi lược nêu đại khái. Từ khi mây lành tan trải giữa không trung, hoa sen quý tốt hiện giữa biển, pháp môn bán tự mãn tự mở đầu rành suốt, sách của Không Hữu đều xiển dương, Thành Tỳ có mưu định xoay tình vào pháp, Linh Sơn có giáo huấn nhiếp ngọn về gốc. Ở Dụng thì như nước nước phân ngàn ánh trăng, ở Thể thì tợ gương soi muôn hình, chặt thể hàm thức cùng che rưới mây từ, vô số cõi Phật đều thấm đượm cam lồ. Kịp đến lúc gom ánh sáng ở Bạch Điệp, vùi ảnh ở sông Đề, khi ấy năm trăm vị La-hán lay Quạt tượng ma văn trì, tám vạn A-tu-la phẩy long sàng mà kính tả. Hợp châu ấn báu đã bày nơi Vương cung, Phạm văn lá bối chất tràn Hải tạng. Lên giảng đường muôn kế tánh tranh nhau tấm gội ruộng thân, mang tường trăm ức giành mở cây tâm. Bèn đến lúc Tôn giả Ca-diếp Ma-đằng vào đất Lạc dương, Sa-môn Khương Tăng Hội đến xứ đất Ngô, xa truyền âm vang trống pháp, đều lưu hạnh nghiệp Tuệ Phong, theo loại tương tụ cũng có chín dòng. Nêu bày danh tốt ấy cũng xứng với chín lục. Đó tức: Một là Chân thuyên, hai là Quyền chỉ, ba là Giới phẩm, bốn là Thiền môn, năm là Chú thuật, sáu là Luận bộ, bảy là Chú giải, tám là Chương sớ, chín là Truyện ký.

- Nói Chân thuyên là trọng tâm của Khương Đẳng, là yếu quán của chư Phật, sự không gì chẳng gần, lý không gì chẳng suốt. Ngôn từ

ấy xảo diệu, nghĩa lý ấy sâu xa, bao gồm áo hạnh của mười tiên, gom cả huyền văn của tám tạng. Duyên giác giẫm trải tìm cầu, mê đồng đắm chìm biển. Thanh văn lắng nghe, hoảng hốt như lén nhìn nhìn trời, đó là hoằng giáo của Hoa Nghiêm vậy. Xé hoằng tông của lưới kiến phá yếu thuật của chúng tà, châu ngọc trong sạch nước bùn vẩn đục thuốc hiện ở rừng sâu, mê loạn sắc màu của sửa đã phân, xoay hồi say của trời chợt tỉnh, nhân an lạc khắc đầy, quả thường bèn tròn đủ. Đó là yếu chỉ cùng cực của Niết-bàn vậy. Ba loài thú lẫn lộn dấu vết một cổ xe cùng dây cương, châu ngọc nơi chéo áo đã hiện bày, vật báu trong búi tóc mới truyền Xung quy của mười vô thượng, diệu hạnh của bốn an lạc. Xét soi chỗ làm Đa Bảo, tỏ ngộ bản tâm của Trưởng giả, mới là chỗ hội quy của Pháp Hoa. Trải bày mười như đây, ngầm ẩn bốn tuyệt đó, tức sắc chẳng phải sắc, lìa danh không có danh, rõ ràng nổi thuyền Lục độ, dày đặc lên bờ Tam không, nghĩa là Huyền phong của Bát-nhã vậy, Lý bao gồm ở tại bốn đây.

- Nói Quyền chỉ, tức là giáo của phương tiện Thế hùng, dẫn dụ chúng sinh ở ngũ trược, tạm dừng ở Tam thừa, tiếp dẫn đạo bạn mà thiết đặt hóa thành, dẫn dắt Cùng tử mà mang thùng hốt phân. Sau khi Đức Như Lai thị tịch, Tôn giả Ca-diếp kết tập kinh, đó là bốn thứ A-hàm, tám bộ Thí Dụ, yếu chỉ của Bản Sinh, Bản Sự, đàm nói xâu hoa rải hoa. Chỗ phân phán của Vương tông, chỗ biên lục của An Duệ, làm duyên tán thuyết, pho bộ càng nhiều.

- Nói Giới phẩm, tức là thay thế Phật làm thầy, khuôn phép chỉ dạy chúng tăng. Cũng như xuất phát hẳn do từ cửa nhà, tế khắc đợi thuyền bè, bởi nền tảng thềm cấp của muôn thiện, chân cẳng của Ngũ thừa. Hoặc ước tùy thời tùy xứ, tùy sự tùy căn, cuối cùng có tên riêng bảy tụ, ý chỉ riêng khác của năm thiên, thuyết khai giá (mở, ngăn) đã khác, tướng của khinh trọng (nhẹ, nặng) chẳng đồng. Tại Thiên Trúc lưu hành, phân làm năm bộ, ở Trung Hoa hoằng truyền hành tập, nay còn có bốn. Tôn giả Ca-diếp mở đầu giềng mối, Tôn giả Cúc-đa phân thành Điều quán, dạy răn chánh tục, đã không phải lễ chẳng thành. Diệt ác sinh thiện, nếu không giới chẳng khắc. Phật ở nhậm trì dẫn nhân Kiều Phạm, sau khi diệt độ, truyền trao thật mở đầu từ Tôn giả Ưu-ba-ly, thật là cửa quan của ba nghiệp, là ngự sử của sáu căn vậy.

- Nói Thiền môn, tức là giềng mối tu tâm của Tam học, hay làm nhân chứng đắc Thánh quả, rất mực xứng với hết lậu hoặc. Do đó, Thanh văn buộc ý tưởng thì ao tâm nước sạch, Bồ-tát huân tu thì cây ý nở hoa. Thiền hay phát tuệ, Đức Phật có lời thành thật, bốn đẳng sáu

thông ngưng rừng thiền mà mới thành tựu; tám trừ mười nhập, nương hang định mới thành. Luận Trí Độ nói: “Dùng sức thiền định, uống thuốc trí tuệ, được thần thông rồi trở lại hóa độ chúng sinh”. Huống gì đặt để thế giới ở nơi một cọng lông, ngưng lắng nước biển thành năm mùi vị. Nên nói: “Duyên pháp xét cảnh, chỉ tịch mới chiếu”, tức ý nghĩa ấy vậy.

- Nói Chú thuật, tức là từ huấn chúng sinh diệt tội, phương thức tiêu diệt độc hại, bẻ kiêu mạn, xua hung tàn, cứu nguy ách, thoát vượt chết. Như Thiền Đề đuổi quỷ, tợ Tiên Ni sai bảo Thần, sáu chữ diệt trừ tai ương, bảy Phật hộ trì tánh mạng, phản thường hợp đạo, nhân vật thành việc chuyên. Thuật cứu giúp đời, ai được như vậy ư?

- Nói Luận bộ, tức là nghĩa phủ dẹp tà lập chánh, mở trệ khai mờ tối. Bởi vì thời đại đổi thay chánh pháp tượng pháp, con người biến đổi cạn dạt thuần phác, đường thẳng khó lên, lối tà dễ vào. Đến nỗi, vào núi tuyết hái thuốc mà tranh nhặt lấy cỏ độc, vào nước sâu tìm cầu châu báu, giành lấy ngói sỏi. Nên có Thanh văn thông pháp, Bồ-tát truyền đăng, bẻ tà luận kia, bày chánh kinh đây. Kình nghê đã bắn, năm thứ ngăn che do đó mà dứt mất; mây mốc thoáng trong, ba thứ ánh sáng nhân đó bèn tỏ. Lời tựa Cổ Lục nói: “Chuẩn mực của bậc chí Thánh gọi là kinh. Đệ tử thuật bày kinh ấy gọi là luận”. Luận là như Khâu Minh làm truyện. Ha Lê nói: “Kinh nếu có luận nghĩa thì dễ hiểu”. Tôn giả Chiên-diên lấy rõ sâu thật đế, mở bày văn Càn Độ. Các Thánh vì giàu sang thấm đượm danh lý, kế tiếp thuyết của Bà-sa, tiếp đến thì Thành Thật, Tỳ-đàm bén nhọn tinh mật, xét mà rõ đó, bởi anh hoa của Tiểu thừa. Đến như dựng phướng vô úy, Mã Minh nên xứng đầu đó; đốt đuốc chánh pháp, Long Thọ bao gồm nguồn có đó. Bách Luận phá ngoại đạo để giản tà, Trung Quán dứt trừ thiên chấp bên trong. Tinh chỉ của Thập Nhị Môn luận, Ha Lê diễn nghĩa rộng sâu, đều là rường cột của Đại giáo vậy.

- Nói Chú giải, tức là căn cứ văn mà hiển bày nghĩa, các hàng thuật mà chẳng làm, đều là lập tượng mà lấy hình. Như chú giải kinh Tịnh Danh của Đạo sinh Tăng Triệu, giảng huấn Bát-nhã của Chi Lục, thảy là thuộc loại ngôn từ sáng lệ lỗi lạc, kháng ý nêu bày kỳ đặc. Xưa kia, Trọng Ni đã qua đời, gởi gắm lời Huyền cho Tuân Tử, Mạnh Tử; Bậc Đại giác đã thị tịch, truyền trao pháp ấn cho các vị thông mẫn. Núi cao ngưỡng nhìn, thật là khai mở kẻ mờ tối nghi trệ ấy vậy.

- Nói Chương sớ, tức là nêu bày giềng lưới, nhặt sót rơi, bù vá khuyết thiếu. Văn nghĩa thông suốt một bộ, cũng vì hoàn bị chỗ sót

quên vậy. Đại pháp mới độ, chưa vội phải giải thích. Vệ An Bạch Viễn bắt đầu mở Huyền Chương, từ đó về sau đua nhau phát huy Đàm bính. Đến lúc có Đại Phẩm của Bằng Phu, Niết-bàn của Ái Lượng, Tỳ-đàm của Tập Cảnh, Thành Thật của Tỉnh Lâm. Nào chỉ ngôn từ tỉnh lược, ý chỉ sâu mầu, hẳn cũng nghĩa cùng khắp, văn thỏa đáng. Như Tả Trạng của Đan Thanh, tợ Đồ hình của kiếng nước, đều cao đến nhật nguyệt đủ xứng với chén... vậy.

- Nói Truyện ký, tức là gồm hết cả ký sự của Thích môn. Như Ban Mã Thuật làm, Trần Phạm tu sửa văn, lời tựa Tấn Nghi của Vương Ẩn, biên thuật Hán Kỷ của Viễn Hoằng. Đó đều là tiểu thuật trị đàn, động đến kỳ tài của Thạc học, trung hiếu phiến thiện, lay bít thơm của Sử thần. Huống hồ Tam đạt dễ ẩn, tám giới khó nghĩ lường, cao vợi sáng rỡ chiếm ở tiếng tăm tốt lành, pháp mở truyền bá Thanh Biện. Bạch Tổ đã đến các Kê Nguyễn, Chi Tuần cũng sánh với Vương Hà kia. Văn từ cao dật ẩn tiết, Biên lục lánh dời du phương. Kẻ sĩ mười khoa dẫn đời, hiền nhân năm bộ lợi vật, đức tốt hình dung giản đơn trong trắng ở tại đó vậy. Tìm xét, đấng Pháp vương giảng ban khuôn phép vì dứt khổ luân. Bệnh đã có muôn vàn sai khác, nên thuốc chẳng chỉ ở một chuẩn mực, cho nên khiến Điệp chất đầy Thiên phủ, kệ chứa ở Long cung, tám ức con hương tượng mang chở phần mới đầu còn chẳng nỗi, năm ngàn (5.000) vị A-la-hán xem duyệt tán hoa mà chẳng cùng khắp. Huống gì pho báu như bụi trần, mực chấm lời truyền, hàng Bồ-tát Thập địa trông xem còn chưa rõ, hàng Bát Hằng quán xét mà chẳng thể lường. Đâu như loại danh lưu của Nho đạo mà có thể phỏng bàn nghị môn tánh hải ấy ư?

Công tử nói: Cổ Triết nói, văn lắm nhiều thì làm mất cốt yếu, lý hiếm ít tất vùi lấp lẽ Phật, nay thấy đó vậy. Giả sử, dòng họ Thích đàm nói về quyền chỉ, thiền định, giới luật, pháp điển chú thuật, truyện ký, tự chỉ là mưu định của một nhà khuyên gắng chính mình, chưa phải là văn huấn của Ngũ thường kinh quốc. Như lỗ vuông cán tròn, tuy xinh đẹp ở hình mà khuyết thiếu ở sự vậy. Vả lại, sách có giáo của Ngũ thường, nghĩa là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Xót thương mà không giết hại, gọi là Nhân; phòng hại chẳng dâm gọi là Nghĩa, giữ tâm cấm rượu gọi là Lễ; thanh khiết chẳng trộm gọi là Trí, phi pháp chẳng nói gọi là Tín. Với năm đức đây không thể vội vã mà khuyết, chẳng thể chỉ chốc lát mà phế bỏ. Các bậc Vương giả giẫm trải qua đó để trị nước, các bậc quân tử kính phụng đó để lập thân. Sử dụng không tạm ngầm mất nên gọi là thường. Vừa rồi, ông thuật nói về Phật giáo, lời rỗng mà nghĩa xa vời, chẳng phải không ngạc nhiên, rất là rơi lạc vậy! Còn Ngũ thường

đây ở trời là Ngũ vĩ, ở đất là Ngũ nhạc, ở nơi chốn là Ngũ phương, ở con người là Ngũ tạng, ở mọi vật là Ngũ hành. Rộng mà nói đó, không gì chẳng gần, ngửa trông cúi xét, đâu có thể thêm hơn vậy ư?

Khi ấy, người thông bác nghe vậy bèn cười, trầm ngâm giây lâu mới tuần tự dẫn dụ rằng: Ở đời nói: Ngàn vàng dễ dốc đổ, một lời khó nhả ra. Nhọc phí chỉ bày, sợ ông đi đêm chẳng khỏi mất lời, gượng mà luận bàn so sánh đó. Căn cứ Quân Thánh Luận của dòng họ Thẩm nói là: Mới đầu của Viêm Hạo, trước tiên của Thuần Mang, con người chưa ăn dùng cơm gạo, chẳng thịt chẳng da, chết mất lập đến. Tuy là Thánh đức chu đáo, ân ở cứu giúp khuyên gắng, mà thân mạng là vốn liếng. Lý khó chóng dứt đoạt, thật nên dẫn dắt đó để dẫn hơi mở nguồn ấy, nên Toại Nhân cải đổi lửa, biến thức ăn tanh nồng thành chín. Tanh nồng thành chín đã biến đổi, bởi do mầm mống của Phật giáo vậy. Quân Tử nói: Thẩm Hầu học gần Huyền Nho, Lý Kiêm cả Thích giáo Khổng giáo. Nếu chẳng phải người ấy, sao có luận đó ư? Sở dĩ như vậy, bởi vì Thái Hạo vốn là Đại sĩ Ứng Thanh, Trọng Ni tức là Bồ-tát Nhu Đồng, trước đến xứ này quyền hành tiệm hóa, xót thương cứu giúp đời Ngũ trược nên tuyên bố ngũ thường, mà tôi và ông chưa phỏng chỗ nghe, nay thô thiển trình bày gốc ấy. Tại sao? Lúc đầu mới thành đạo, Đức Phật tiếp cận hàng hạ phàm, bèn khai mở tiểu giáo, vì Thi Lợi mà giảng pháp Tam quy, nhân Mạt-già mà tuyên bày Ngũ giới, vì Ca Vương mà giảng pháp Thập thiện, vì Trưởng giả mà nói pháp Lục trai. Với bốn nhân trên, ý nghĩa như thế nào? Với pháp Tam quy là khuyên xả bỏ tà, với pháp Ngũ giới phòng ngại hành ác, với pháp Thập thiện khiến chiêu vời quý, với pháp Lục trai tức khiến được an lạc. Thích Danh nói: "Quy nghĩa là hướng, giới nghĩa là dừng, thiện nghĩa tốt lành, trai nghĩa là túc". Nói Tam Quy tức dạy khuyên quy hướng Tam tôn, phòng dừng ngũ dục, hoàn bị lâu dài, mừng vui ban tặng. Túc kính dung nghi thì minh kỳ vui vẻ ứng chứng tốt lành, xứng hợp ấy vậy. Một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu. Đó là Ngũ giới. Giới, nghĩa là cấm, là ngăn ngừa, buộc thân miệng như ngựa; buộc cương, cấm tình dục tợ khỉ mang khóa. Luận Trí Độ nói: "Trong bệnh đại ác, giới là thuốc tốt; trong rất khiếp sợ, giới là thủ hộ; trong chết tối tăm, giới là đèn sáng; trong ba đường ác, giới là bến bờ; trong biển sinh tử, giới là thuyền bè".

- Nói không giết hại, tức như những loại đội trời đạp đất, đầu tròn chân vuông, dưới nước trên đất, trong núi giữa không trung, noãn thai thấp hóa, tất cả các chủng loại gồm có bốn thứ sinh. Trong mỗi mỗi loại

sinh đều có tám vạn bốn ngàn (84.000) hình trạng chẳng đồng nhau. Nhưng mà người và vật khác nhau ở sang hèn, nói riêng khác đến như ngung ngung sợ chết, miệt mài tham sống, lánh khổ để an vui tự thân, cầm an ổn để dưỡng tánh mạng. Tình ấy một thứ, lý ấy muôn quân. Sao có uổng hại trung trinh, lạm giết thuần thiện? Do đó, Lương sĩ giết hết thần ấy trải tóc Triệu đồng chết. Đại Lệ đấm ngực, mang phụ chứa buồn của oan hồn, Tần Khanh bày thảm khốc của kẻ vô tội, ngâm ca thuyền chở đã làm, vịnh của chim vàng nhọc buồn ai, tiếp đến thì bày lưới vây sông Bá, theo chim muông ở đầm mộng, giăng mành đồng hoang, kéo lưới liền núi, lửa đuổi theo non vì thấp cao, khói lồng theo cỏ mà suốt vào kín bít, chim săn tranh cử cùng sấm chớp, ngựa đua dẫn trước gió đuổi, khỉ trông thấy mũi tên mà kinh sợ, chim nhạn thấy cung nõ mà xoay rơi. Đau xót suốt ngực tới bụng, tàn khốc vỡ đầu vùi não. Nào riêng tang tóc ao trống, bèn khiến vượn chết hết rừng. Lại thêm rải tơ quanh bãi, dưới móc đầu sâu, được các chép đỏ nơi ngòi sông, bắt loài mai vãy ở cốc giếng. Những loài đó, v.v... đồng bẩm Ngũ thường, đều ngậm bốn hơi khí, đồng đượm Phật tánh, cùng có Thần minh, sao nhẫn bày núi thịt đó, dựng nấu nướng đây, cùng mạng các loài lông vảy, hết đàn heo lợn, hun nhiễm chỉ đến giải, nướng nấu đỏ đến ngao, cung cấp bào từng được thịnh soạn, đầy đủ thường được ngon lành, đẹp xinh tim gan kia, đủ no bụng miệng ấy, hoan hỷ yến tiệc vậy, an vui ta tốt đãi khách, mừng vinh quang của bảy đức, vui lợi nhiều của chín công? Thật là thương tổn bản ý Đại từ! Cho nên Đấng Chí Thánh ngăn cấm. Do đó, Trưởng giả cho cá ăn mà ngủ cảm hoa trời (thấy ở kinh Kim Quang Minh), Sa-di cứu đàn kiến mà kéo dài số mạng ngắn (thấy ở kinh Hiền Ngu), bèn rốt ráo thể Kim cang, trọn thành nhân trường thọ (nhân duyên hộ pháp, được hình thể Kim cang, quả báo không giết hại là nhân của thọ mạng lâu dài, thấy ở các kinh Niết-bàn, Kim Quang Minh, v.v...). Đó tức là đoạn dứt ghét ganh xưa trước, là đức hạnh thứ nhất vậy.

- Nói không trộm cướp, tức là hành vi của đạo chích, khắp đời đều chẳng dung, tất cả những kẻ dối trá ở đời là nỗi lo của mọi người. Đãy đựng không còn chút vật gì sót lại, mở tráp có nghèo bần tuyệt gốc, bèn khiến chăn vải chẳng đủ, áo vải sao phỏng định. Trưởng giả thẹn lụy gởi nhờ miệng, Tinh Dân xấu hổ nhọc giết bán. Đâu chỉ phạm rau trộm cá trộm dưa riêng táo, thân vì trộm vật Tăng mang, dùng của thường trú, cầu xấu cầu nhiều, lấy lợi sinh lợi, chẳng từng hổ thẹn, Ấp đô chẳng ngăn cản lòng, đâu riêng mang lụy thấy trước mắt, mà tín cũng ương hại

đến đời sau (luận Trí Độ nói: Hết thảy các thứ ăn mặc của chúng sinh vì để tự sống. Nếu đoạt, nếu cướp lấy, đều gọi là cướp đoạt mạng sống vậy. Cho nên Đức Đại Thánh xót thương mà chế giới để ngăn cấm vậy. Đó là đức hạnh thứ hai vậy.

- Nói không tà dâm, bởi vì nó hại đức diệt thân, do tội dâm quá nhiều. Do đó, Muội Phi làm mất nhà Hạ, Đát Hậu chôn vùi nhà Ân, Bao Tự dẹp đổ nhà Chu, Lệ Cơ diệt dứt nhà Tấn. Thần tiêu mắc nhục bởi cưỡi cổ, miếu trời bị họa thiêu thân. Cho nên gọi nó là căn rễ của các tội, gọi là cội gốc của gây ương, gần thì trái với Phạm Thế, xa thì ngăn chướng Bồ-đề, nên đoạn dứt đó mà chẳng lành. Đó là đức hạnh thứ ba vậy.

- Nói không uống rượu, bởi rượu là gốc của loạn, cũng gọi là cuồng dược, gây đầy tội khiên ba độc, đủ tạo động sáu căn, lõa lồ hình thể, gầm gừ lời tiếng, sang hèn đều khinh, thân sơ đều mắng chửi, đã ngu đã dốt, hoặc khóc hoặc cười. Ân Vương trâu uống mà mất triều đình, Sơ Tử hổ uống mà bại đức, Thành Đô buộc lụy say cả tháng, Trung Sơn khổ ngủ cả ngàn ngày. Hình thể dầy dầy như bùn, tâm trí mê mê tợ đêm, ba mươi sáu thứ lỗi quá đều do nó mà sinh (thấy ở luận Đại Trí Độ), tám vạn bốn ngàn (84.000) trần lao đều do đó mà khởi. Hiện tại chướng ngăn hạnh nghiệp trí tuệ, tương lai mắc quả báo ngu si. Tội ấy rất sâu nặng nên Phật không hứa cho uống rượu. Nếu người hay phụng trì giới thì được phước vô cùng. Đó là đức hạnh thứ tư vậy.

- Nói không nói dối, vì miệng là mưu họa, lưỡi là gốc đấu tránh, hay làm búa chém thân, đáng gọi là cửa của các xấu ác. Dao kiếm nổi bày từ khoảng cổ họng, dây trói vốn ở nơi môi răng. Nói gió lạnh đủ khiến cành xanh lá rụng, bàn tiết tốt có thể khiến cây khô trổ hoa. Khen chê do nói một lời nói. Sống chết phát xuất từ ba tấc lưỡi. Bạn bè nhân đó mà thành nước lửa, gia đình vì đó mà chống trái xa lìa. Hại lớn thì diệt dòng tộc mất nước, hại nhỏ thì nguy thân ách mạng, chuốc lấy quả báo sâu nặng ở tương lai, kết buộc oán thù sâu nặng ở hiện tại. Thật là gốc rễ bốn tội quá, là cành nhánh của mười xấu ác. Kinh điển nhà Phật dạy răn như tỷ, sách vở Chu Miếu, Khắc Minh người đồng, phước không gì thêm hơn. Đó là đức hạnh thứ năm vậy.

Công tử mừng vui nói rằng: Kẻ hèn tôi nghe biển không khác muối mặn, lạnh chẳng khác nóng. Còn Nhân Giả Đàm nói các giới giết hại, trộm cướp v.v... cũng như giáo nhân nghĩa của Tiên vương, trọn là nhạn mục khác hiệu, đầu thư khác tên vậy, dẫn biết khác đường đồng về, trăm lo toan đều đến, tức nghĩa đây vậy. Ngũ giáo đã đủ sao lại

phiền có ngũ giới?

Người thông bác đáp: Chức phận của Ngũ giáo là cấm lỗi quấy ở hiện tại, mưu định của Ngũ giới là phòng ngăn tội quá ở tương lai. Với Ngũ giáo, sự cớ hiện bày là tội (nói việc giết hại trộm cướp lệ bày, bắt được tướng trạng kẻ giặc, Quan mới kết buộc chánh luật thành tội). Với Ngũ giới thì miệng máy động bèn đã thành tội. Sách chỉ dứt một tội hình, kinh mới ngăn ngừa ba quả báo (tức hiện báo, sinh báo và hậu báo). Dứt một tội hình tức miễn khỏi tội ở một thời hiện tại, ngăn ba quả báo tức đoạn dứt ương lụy ba thời ở tương lai. Cũng như nghĩa của sáu tông bảy miếu, lễ của ba xan bốn giao, điện của thời tiết mùa tháng muôn rằm mồng một, tu của tốt xấu mừng buồn. Lễ Vương Chế nói: "Thứ dân dâng rau hẹ dùng trứng, dâng lúa tẻ dùng cá, dâng lúa mùa dùng heo, dâng lúa nếp dùng nhạn. Chư hầu dùng trâu, Đại phu dùng dê, các kẻ sĩ dùng chó lợn, dùng hạt cỏ kiển cúng tế đất trời, dùng cầm nấm cúng tế tông miếu, đều có nghĩa là có cớ mà riêng giết vậy". Do đó tu theo giáo đó mà không đổi tục đó, ngang bằng chính sách ấy mà không đổi thích nghi ấy. Giáo nghĩa tức là lễ nghĩa; chính sách nghĩa là hình cấm. Giả sử lễ thấy nó sống không nhẫn thấy nó chết, nghe tiếng nó, không ăn thịt nó, ước đàm nói cũng tạm dứt, chưa phải là dạy răn cùng cực tâm từ vậy.

Phàm, giáo của dòng họ Thích lấy thiện mà khuyên đó, dùng nhân mà hóa đó, dùng ngăn dừng giết hại mà thực hành không giết hại, đoạn dứt nghiệp giết hại đó. Vì đoạn giết hại mà dân sợ tội. Vương giả làm chính trị, lấy tù ngục mà đóng bít đó, dùng hình phạt mà ngang bằng đó, đem giết hại để ngăn cấm giết hại, chẳng đoạn dứt nghiệp giết hại. Vì không đoạn dứt mà dân chẳng cấm. Luận Trí Độ nói: "Giết hại có mười tội bởi: Thứ nhất là tâm thường ôm hoài độc hại, đời đời chẳng dứt; hai là chúng sinh oán ghét, mắt không thích thấy; ba là thường ôm hoài xấu ác, nghĩ nhớ chỉ chuyên việc ác; bốn là chúng sinh ghét đó, như thấy rắn độc; năm là lúc ngủ tâm khiếp sợ, lúc thức cũng chẳng an; sáu là thường có mộng xấu ác; bảy là lúc mạng chung, cuồng sợ ghét chết; tám là gieo nghiệp đoản mạng; chín là sau khi thân hoại mạng chung, sa đọa vào trong địa ngục; mười là nếu sinh ra được làm người thì sẽ nghèo khổ, mạng sống ngắn ngủi". Phàm vì sợ mười tội ở tương lai mà việc giết hại tự dứt, chế năm hình phạt ở hiện tại mà tội quá chẳng chừa (sách phòng dưới mắt, kinh ngăn ngừa tương lai), lập nghiệm ngay trước mắt nghĩa ở đây vậy.

Kinh Pháp Cú nói: "Sát sinh cầu sinh, cách sống đạo xa". Kinh Đề

Vị nói: "Không giết hại gọi là nhân". Nhân là chủ vị của can mộc, thời tiết xuân dương, muôn vật đều sinh, tháng giêng tháng hai. Thiếu dương dùng việc, dưỡng nuôi các loài, ham thích sống ghét giết hại, nên kẻ giết hại là không đức nhân. Không tà nghĩa là nghĩa. Nghĩa chủ vị của phế (phổi) kim, tháng bảy tháng tám, Thiếu âm dùng việc, ngoài phòng ngừa ganh ghét, hại của nguy thân, trong còn hoạn tánh mạng hết tinh. Cấm riêng chẳng dâm, vì kẻ tà dâm là không đức nghĩa. Không uống rượu nghĩa là lễ, lễ chủ vị của tâm (tim) hỏa, tháng tư tháng năm Thái dương dùng việc, thiên hạ rất nóng, muôn vật phát cuồng, uống rượu đến lúc say, tâm cũng phát cuồng. Miệng là gốc của vọng ngữ loạn đạo, thân cuối cùng nguy mất, chẳng hết mạng trời, nên cấm dùng rượu, kẻ uống rượu là không đức lễ. Không trộm cướp nghĩa là trí. Trí chủ vị của thân thủy, tháng mười tháng mười một Thái âm dùng việc, muôn vật gom giấu, kẻ trộm cướp không thuận theo, trời vì được vật tàng giấu đó, nên cấm trộm cướp, vì kẻ trộm cướp không đức trí,. Không nói dối nghĩa là tín, tín chủ vị của Tỳ thổ, tháng ba tháng sáu tháng chín tháng mười hai, Trung ương dùng việc, cấm ngăn bốn vức cửa xấu ác, tổn thương họa người ở trong miệng. Lời ra thì tai ương đến, hơi phát thì hình tổn thương, nguy thân buộc thúc mạng, nên cấm dùng lưỡi. Nên kẻ nói dối không đức tín. Kinh Thí dụ nói: "Nghiêm trì tịnh giới, ngựa khéo buộc làm cương, thân mặc áo giáp tinh tấn mới thoát khỏi giặc ma vương". Kinh Bách Cú Thí Dụ nói: "Họa của năm căn quá hơn rồng độc, hơn cả voi say. Năm căn nhận nạp, như biển nuốt các dòng nước, tợ lửa bén được củi, chưa từng chán đủ. Năm căn như tên bắn, ý tưởng tợ cung nỏ, tư niệm như mũi tên. Dùng gậy ngũ giới mà gìn giữ sáu căn, như trông nom ngựa nhảy vượt". Kinh Thiên Địa Bản Khởi nói: "Ở thời kiếp sơ, con người dùng đất béo tốt, có một chúng sinh chóng lấy ăn của năm ngày, nhân đó mà chế giới trộm cướp để ngăn cấm đó. Vì ăn dùng đất béo tốt mà sinh tham dục, nhân đó mà chế giới dâm. Vì dâm dục nên cùng nhau khinh thường chiếm đoạt, nhân đó mà chế giới giết hại. Vì cầu dục nên nói dối xiểm nịnh, nhân đó mà chế giới không nói dối. Vì uống rượu nên mê loạn làm điều sai quấy, nhân đó mà chế giới rượu". Tính sự phát khởi của ngũ giới, từ đó trở đến nay đã lâu, mầm mống mở đầu của đất trời, hình thành trước muôn vật, nhỏ nhiệm vào không gián đoạn, to lớn khắp cùng tám cực. Đó cha của chúng sinh căn của nhân đạo, bao quát cả tam tài, phủ trùm cả ba đời, nuôi dưỡng muôn loài, thống ngự cả âm dương ấy vậy.

Kinh Tứ Thiên Vương nói: "Mỗi một giới có năm thiện thần. Nếu

có quy hướng Tam bảo, giữ trai trì giới, Tứ Thiên Vương lên khải tấu cùng Thiên đế. Thiên đế bảo hai mươi lăm vị Thần bao quanh gìn giữ cửa nhà. Đến lúc người ấy mạng chung sẽ vãng sinh lên các cõi trời, v.v... Từ đó tiết kéo y phục tinh diệu bằng bảy báu, xếp bày thức ăn thơm ngon trăm mùi vị. Minh châu như vầng nguyệt, mỹ nữ tợ mây giăng, hoa úp hoa nở đã không thủy chung, mắt nghinh mắt đưa tự có chu toàn". Kinh Tỳ-kheo Ma Hóa nói: "Ngũ giới là căn của cõi người, Thập thiện là giống cõi trời v.v..." Nói trì ngũ giới sẽ được thân người, tu hành Thập thiện hẳn được quả báo cõi trời. Thập thiện nghĩa là thân có ba thứ, miệng có bốn thứ, ý có ba thứ, hợp lại thành mười. Luận Đại Trí Độ nói: "Không buông bốn hại của miệng, không thả ba hoạn của thân".

Kinh Phát Tâm Bồ-đề nói: "Dùng mười giới đây phòng ngăn thân miệng ý. Trì thân giới là dứt bỏ các hành vi giết hại, trộm cướp, tà dâm. Chẳng đoạn dứt mạng sống các vật, chẳng xâm phạm của cải người khác, chẳng can phạm đến ngoại sắc. Lại cũng chẳng làm nhân duyên giết hại, v.v... cho đến phương tiện đó, chẳng dùng cây gậy ngón đá mà làm tổn thương hại mạng chúng sinh. Với vật của người khác thì người khác sử dụng, dẫu một ngọn cỏ một lá cây mà người không cho thì không lấy. Lại cũng chẳng từng men liếc nhìn tế sắc. Với bốn oai nghi, cung kính nghiên cẩn rõ xét. Đó gọi là thân giới.

Trì khẩu giới tức là đoạn trừ hết thảy các thứ nói hư dối, nói đôi chiều, nói hung ác, nói thêu dệt, ly gián hòa hợp, bài bác phỉ báng, chuốt trau văn sức ngôn từ, và tạo các phương tiện xúc não đối với người. Nói hẳn phải thành thật, dịu dàng, trung tín; nói thường vì lợi ích, khuyên hóa tu thiện. Đó gọi là khẩu giới.

Trì tâm giới tức là trừ diệt tham dục, sân nhuế, tà kiến, thường tu tâm nhu nhuyến, chẳng tạo tội quá, tin tạo tội nghiệp sẽ bị quả báo xấu ác. Với sức tư duy, chẳng tạo các ác. Đối với tội nhẹ, sinh trưởng rất nặng. Giả sử nhầm tạo, thì phải lo sợ nghĩ suy sám hối, biết ân báo ân, tâm không keo lận, vui thích tu tạo phước đức, khuyên dạy người khác, thường khởi từ bi xót thương tất cả. Đó gọi là tâm giới.

Trì giới Thập thiện, đến lúc mạng chung thác sinh lên cõi trời, thọ thượng Diệu lạc, v.v... Từ đó đắp mặc áo mây năm sắc, kèo bày y phục lụa là ba thù. Dưới cây chất đa, trong nhà Diệu Thắng, theo các trời mà đua vui, bước rảo vườn hương thơm mà dung dự, ngồi thời gian một kiếp chỉ nháy mắt đã ngàn năm. Hoa quang đẹp xinh sáng ngời như nhật nguyệt, phảng phất đẹp xinh hơi khí chiên đàn.

Kinh Dục Vương nói: “Vua bảo nhân dân trong nước thảy đều thực hành Thập thiện, trì Ngũ giới, mỗi tháng sáu ngày trai, mỗi năm ba tháng chay trường. Trâu ngựa chó heo v.v... thảy đều thọ trai”. Kinh Tịnh Độ nói: “Nên trì chín trai, đó có nghĩa là mỗi năm ba tháng, mỗi tháng sáu ngày”. Chín trai ứng với chín thần, trừ chín não, diệt chín ác, lành chín bệnh. Ba trai vượt ra ba cõi, cầu ba đạo, chế ba dòng, đoạn ba khổ, trị ba độc, bít ba đường, ứng ba tôn. Sáu trai là chế sáu tình, cấm sáu giặc, dừng sáu suy, đắc sáu hòa, khởi sáu hạnh, thành sáu đức.

Kinh Thí Dụ nói: “Thiên Chủ Đế-thích bảo sai bốn vị Thiên vương, theo sáu ngày mà án hành trong thiên hạ, dò tìm mọi sự tạo tác thiện ác trong nhân gian. Khi thấy có vị Đại Quốc vương dùng pháp Thập thiện, Tứ đẳng để trị vì cảm hóa thiên hạ, Thiên Chủ hoan hỷ, tức ban cho vua người xe vàng ngàn căm, chạm khắc văn vẻ dùng các vật báu khỏa lấp, ánh sáng soi suốt hơn hẳn ánh sáng nhật nguyệt. Có bốn xe báu bằng vàng, bạc, đồng sắt từ giữa không trung mà xuống, tám hộc minh châu sáng ngời như vầng nhật có khả năng dứt trừ hơi khí nóng bức. Ở trong cung vua lại có nữ báu từ trong hư không mà xuống, thuần toàn thịt không cốt, đầy đủ dáng dấp nữ thân, đùi vế tròn đầy chẳng hiện, tai mềm mại mà rủ xuống, dung mạo phong thái nhàn nhã xinh đẹp, có sáu mươi bốn thứ biến hóa, lông my xanh đẹp, tóc mượt chẳng rối loạn, hay biết tâm ý vua, ứng theo thời hiến dâng. Bảy báu kỳ lạ từ trong nước vọt ra, ngựa báu tám vạn, voi trắng sáu ngà. Bốn Đại thiên vương bưng bình bảy báu đựng nước hương thơm ấm nóng rưới trên đảnh dâng mũ báu cõi trời để đội cho vua. Lúc vua đi, có bảy báu dẫn trước, bốn thứ binh lính theo sau, v.v...” Kinh Dục Vương lại nói: “Phu nhân của Dục Vương có đủ hai thứ trân bảo Anh Lạc, áo châu có ngàn chiếc. Tuy làm Vương phi nhưng hưởng thọ khoái lạc cõi trời, v.v... chỗ gọi là ánh sáng châu ngọc liệt bày sau, ngọc nữ xếp đặt trước, gió sinh quần vỏ mốc, hương nổi áo lưới mây”. Đại Luận nói: “Phụng giới trì trai, hiện tại được năm thứ lợi ích, đó là: 1/ Dao không thể làm thương tổn; 2/ Độc chẳng thể hại; 3/ Lửa không thể thiêu đốt; 4/ Nước không thể nhận chìm; 5/ Đối với trong hết thảy chúng sinh sân nhuế giận hại xấu ác trông thấy đều hoan hỷ”. Kinh Thí Dụ nói: “Một ngày trì trai có được lương thực sống sáu mươi vạn năm, và được năm thứ phước đó là: 1/ ít bệnh, 2/ thân an, 3/ ít dâm, 4/ ít ngủ, 5/ mạng chung sinh lên cõi trời”.

Kinh Tịnh Độ nói: “Bát vương tức là tám tiết nhật. Nói văn thư trình tấu Thiên vương, mỗi năm tám lần ban xuất, nên gọi là Bát vương (tám vua). Ngày ấy rất gấp, nói năm trọn việc xong, xét khóa kết định.

Trên nói Thiên đế ba mươi hai thần, bốn trấn ty mạng ty lục, Diêm-la sở ty, thần minh xem xét, sớ ghi tội phước, chẳng kể Tôn ty. Một tháng sáu lần tấu tức là sáu ngày trai. Mỗi năm ba lần che chở tức ba tháng trường trai. Nay con người trên hai vai tả hữu có tả hữu khế, bên tả Thần nam, bên hữu Thần nữ. Thần nam ghi sớ thiện, Thần nữ ghi sớ ác. Trước đó một ngày nửa đêm lên trời, kiểm định tội phước, mỗi tự cầu công, tranh rõ tội phước chỉ chừng mảy lông tóc chẳng sai".

Đức Như Lai với tâm đại bi vì cứu vớt khổ kia, khiến tu trai giới khiến đó được an lạc. Nay tôi nói rõ cùng ông, ông nên xoay trở lại không trái, chớ làm kẻ hạ sĩ chuốc nhận chê cười vậy.

Tống Diễn nói: Trong khoảng niên hiệu Nguyên gia (424-454) thời Tiền Tống, vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) hỏi Hà Thị Trung rằng: Phạm Thái và Tạ Linh Vận nói: "Lục Kinh vốn là cứu tế thế tục, nếu tánh linh chân yếu thì lấy kinh Phật làm chỉ nam". Vua Văn Đế lại nói: "Nếu khách khắp trong nước nhà đều thuần mỹ hóa ấy thì trẫm sẽ ngồi yên đến thái bình vậy". Hà Thượng Chi đáp: "Thần nghe từ vượt qua sông mãi đến nay, mũi lọng của Vương Đạo Chu nghỉ tể phủ, Vũ Nghi của Vương Mông Tạ Thượng Nhân Luân, Khích Siêu, Vương Mật, v.v... hoặc gọi là tuyệt luân, hoặc gọi là riêng bước, sơ lược có vài mươi người, không ai chẳng là tài tuấn của đương thời, kẻ sĩ thanh tín không thiếu ở nơi đời. Trộm cho, mỹ hóa của dòng họ Thích không gì chẳng đáng. Cớ sao? Phàm trong làng trăm nhà mà có mười người trì ngũ giới thì mười người khác thuần cẩn. Trong ấp ngàn nhà có trăm người tu Thập thiện, thì trăm người hòa hậu, truyền mỹ phong ấy chỉ dạy đã khắp cùng hoàn vụ, biên hộ ngàn vạn thì người nhân có trăm vạn. Phàm hay thực hành một việc thiện bỏ một việc xấu ác. Bỏ một việc xấu ác thì chấm dứt một tội hình, một tội hình chấm dứt ở một nhà, thì muôn tội hình chấm dứt trong một nước. Đó là chỗ Bệ hạ nói là ngồi yên đến thái bình vậy". (Phàm, người một ngày thọ tám giới, mà một ngày không sát sinh, thì một ngày không tội sát sinh; một ngày không trộm cướp thì một ngày thì một ngày một tội trộm cướp; một ngày kính trọng Tam bảo thì một ngày làm việc thiện. Người một ngày phụng thờ song thân thì một ngày làm người con hiếu; một ngày không nói dối thì một ngày không mất niềm tin; một ngày không nói lời thêu dệt, thì một ngày không mất lễ; một ngày không nói lời đôi chiều thì một ngày anh em hòa mục; một ngày không nói lời xấu ác thì một ngày gia đình an hòa. Một thân một ngày còn được công như thế, huống gì một tháng đến mười tháng, một năm đến mười năm, tự mình làm, dạy người khác

làm, triển chuyển tương tục? Từ một người cho đến trăm người, từ quận cho đến trăm quận? Tốt lành nhỏ thì sĩ nữ trong xóm làng, tốt lành lớn thì công vương khanh tướng. So sánh đó mà nói đủ để lập thân chuyển hóa giúp nước giữ nhà. Nếu lấy lập thân đây, không thân nào chẳng lập, lấy giúp nước đó không nước nào chẳng giúp, mới được mưu đồ xa của Thánh nhân, thật là khuôn phép lớn giúp bình trị ấy vậy).

Công Tử nói: Chu Khổng thiết giáo hẳn lấy đức mà đặt điểm đó, dùng hình phạt mà ngang bằng đó, nên mới có năm loại hình, ba ngàn (3.000) tội. Dân còn ít tuân theo pháp độ, phần nhiều vùi lấp trong lưới hình. Nếu y theo lời Phật mà giữ gìn giới bỏ hình phạt, thì ngày một thêm lắm nhiều gian tà trộm cướp. Nên còn giữ công phạt thì lại thiên phụ đại từ, tiến thối hai đường khó khăn, mong được nghe quyết định?

Người thông bác bảo: Thiệu Thư có nói: Thạch Hổ từng hỏi Quốc sư Phật Đồ Trừng rằng: “Phật pháp đã không thuận thọ giết hại hình phạt, nay làm chủ thiên hạ, nếu không dùng hình phạt giết hại thì không biết lấy gì để bình yên nước nhà? Còn như trái lại sát sinh, tuy tôn thờ Phật, há có được phước ư?” Phật Đồ Trừng đáp: “Đế vương phụng thờ Phật, phải là hình thể cung kính, tâm ý vâng thuận xiển dương Tam bảo, không làm điều bạo ngược, không hại người chẳng tội. Đến như các kẻ vô lại hung ngu, chẳng phải chỗ chuyển thay của cảm hóa thì không thể cải đổi, chỉ có tội, không được giết hại, có ác không được hình phạt, chỉ phải giết với kẻ đáng giết, hình phạt với kẻ đáng hình phạt. Còn nếu phóng ý bạo ngược, giết hại người không tội, tuy có dốc hết của cải để phụng sự Phật, cũng không thể giải nỗi ương họa. Mong Bệ hạ xét rõ, muốn khởi tâm từ rộng khắp tất cả thì Phật giáo trọn hưng thạnh, mà thời vận vua lan tỏa xa”. Thạch Hổ tuy không thể thực hành tất cả, nhưng làm điều lợi ích cũng không ít.

Tống Điển nói: Ở đời vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long 424-454) thời Tiền Tống, có Sa-môn Cầu-na-bạt-ma người ngoại quốc, tiếng tăm hóa đạo vang tỏa xa gần. Năm Nguyên Gia thứ tám (431) đi đến xứ Kiến Nghiệp. Vua Văn Đế nhọc hỏi ân ần, nhân đó mà nói: “Đệ tử thường muốn trì giới không giết hại, đem thân theo vật mà chẳng được toại chí nguyện. Pháp sư chẳng ngại xa xôi ngàn dặm đến giáo hóa nước này, nên làm sao để chỉ bày đó?” Sa-môn Cầu-na-bạt-ma đáp: “Đạo vốn ở tại tâm, chẳng ở tại sự, pháp do chính mình, chẳng do kẻ khác. Vả lại, chỗ tu của Đế vương cùng với thất phu mỗi tự có khác. Thất phu thì thân hèn, danh kém, lời lệnh chẳng oai, nếu chẳng nghiêm khắc chỉnh mình khổ thân lấy gì làm dụng? Còn Đế vương lấy bốn biển làm nhà,

muôn dân làm con. Ban ra một lời hay đẹp thì khắp các hàng sĩ nữ đều vui theo, bày một chính sách hiền thiện thì nhân thần đều hòa. Hình phạt không yểu mạng, sai làm chẳng nhọc sức, thì khiến gió mưa đúng thời, lạnh nóng đúng tiết, trăm thứ lúa thóc đượm thuần lắm nhiều, dâu vừng tươi tốt. Như vậy thì trì trai, cứu tế cũng rất lớn vậy, như thế thì không giết hại đức cũng lắm. Thà khuyết mất bữa ăn trong nửa ngày mà an toàn tánh mạng của một muôn thú, sau đó mới vì cứu giúp rộng lớn vậy".

Vua Văn Đế rất vui mừng, thường thử luận bàn đó, có thể làm trọn xét soi, hẳn có thể còn gốc của chí trị vậy. Đang ngồi tại triều mà hỏi đạo, kính phụng pháp không thân, khoan dung tướng mạnh giúp oai, ban ân cùng khắp, thông Tam bảo, xót thương bốn loài quần sinh, thì trăm họ sợ mà mến đó, chín cõi chẳng nghiêm trị vì ấy. Chu Quan không thể vì trình bày hiệu lực mênh mông ấy, Hồng Phạm chẳng đủ để sánh ví công năng cao vời ấy.

Công tử hỏi rằng: Kính phụng Phật hay có lợi ích, cớ sao ba phương mây nhiễu, bốn biển đảnh vọt. Hành đạo đọc kinh mà không phước ư?

Người thông bác đáp: Triệu Thư nói: Quân Tấn mỗi lần xuất trận, nhân tình lo sợ chẳng biết ở đâu. Thạch Hổ giận dữ bảo: "Ra kính Phật phụng Tăng, mà cuối cùng lại có giặc cướp bên ngoài, Phật không thần linh vậy". Sáng sớm, Sa-môn Phật Đồ Trừng vào, Thạch Hổ đem sự việc ấy hỏi. Sa-môn Phật Đồ Trừng nhân đó đáp rằng: "Ở đời quá khứ, Bệ hạ từng làm vị Đại thương chủ đến chùa Kế Tân, thường cúng dường đại chúng. Trong đại chúng có sáu ngàn (6.000) vị A-la-hán. Khi ấy tôi với thân hình nhỏ bé cũng dự trong hội ấy. Bấy giờ có vị đã đắc đạo nói cùng tôi rằng: "Chủ nhân này sau khi mạng chung sẽ lại thọ thân gà, và sau đó chiếm bá đất Tấn". Nay được làm vua, há chẳng phước ư? Lũy trường quân giặc là việc thường của nước nhà, cớ sao lại oán thán phỉ báng Tam bảo, dấy khởi ý niệm xấu độc ư?" Thạch Hổ mới tỏ ngộ mà hổ thẹn đó.

Kinh Nhân Vương nói: "Phật bảo vua Ba-tư-nặc rằng: Hết thảy các cõi nước an lập muôn dân khoái lạc đều do Bát-nhã Ba-la-mật, cho nên giao phó cho các Quốc vương mà chẳng giao phó cho bốn bộ chúng. Cớ sao vậy? Bởi không ai bằng sức vua. Tại Diêm-phù-đề này có mười sáu nước lớn, năm trăm nước vừa, mười ngàn nước nhỏ. Trong các nước vừa ấy có bảy thứ nạn. Hết thảy các Quốc vương bị nạn mà giảng đọc Bát-nhã thì bảy nạn tức diệt, bảy phước bèn sinh, muôn dân an lạc, Đế vương hoan hỷ.

Những gì là bảy nạn? Một là Nhật nguyệt mất độ, thời tiết phản nghịch, hoặc mặt nhật sắc đỏ xã hội, hoặc mặt nhật sắc đen xuất hiện, hoặc hai, ba, bốn mặt nhật xã hội. Hoặc nhật thực không tỏ sáng, hoặc Nhật luân một lớp, hoặc hai, ba, bốn, năm lớp Nhật luân xuất hiện, ngay lúc biến quái đọc tụng kinh này.

Hai là, hai mươi tám vị sao Mất độ, sao Kim, sao Chổi, sao Luân, sao Quỷ, sao Hỏa, sao Thủy, sao Dao, sao Gió, Nam đẩu, Bắc đẩu, sao lớn năm trấn, hết thảy sao Quốc chủ, sao Tam công, sao Bá quan, những sao như vậy v.v... mỗi mỗi biến hiện, cũng đọc tụng kinh này;

Ba là, lửa lớn thiêu đốt nước nhà, muôn dân bị thiêu cháy hết. Hoặc lửa quỷ, lửa rồng, lửa trời, lửa núi, lửa người, lửa cây, lửa giặc biến quái, cũng đọc tụng kinh này.

Bốn là, nước lớn nhận chìm trăm họ, thời tiết trái ngược, đông mùa hạ tuyết, mùa đông thì sấm sét liên miên, tháng sáu thì mưa băng bảo sương mưa nước đỏ nước đen nước xanh, mưa đất núi đá, mưa cát sỏi đá, sông ngòi nước chảy ngược, trôi cát chảy đá. Lúc biến chuyển như thế cũng đọc tụng kinh này.

Năm là, gió lớn thổi giết muôn dân, núi sông cây cối trong đất nước đồng thời diệt mất. Gió lớn trái mùa, gió đen, gió đỏ, gió xanh, gió trời, gió đất, gió lửa, lúc biến chuyển như vậy, cũng đọc tụng kinh này.

Sáu là, hầm hố trong nước nhà phun vọt lửa dữ, thiêu đốt muôn thứ cỏ cây, nắng hạn lâu ngày, năm thứ lúa thóc chẳng được thời vụ, đất cát nóng bừng, muôn dân tiêu diệt hết. Lúc biến chuyển như vậy, cũng nên đọc tụng kinh này.

Bảy là, bộn phương giặc đến xâm chiếm, giặc nổi cả trong và ngoài nước, giặc lửa giặc nước giặc gió giặc quỷ, trăm họ hoang tàn loạn lạc, binh đao cướp nổi, lúc biến quái như vậy, cũng nên đọc tụng kinh này.

Đó gọi là bảy nạn, phương pháp cầu đảo để dứt trừ bảy nạn, tứcphải làm cái phan chín màu sắc, dài chín trượng; hoa chín màu sắc cao hai trượng. Đèn ngàn cành cao năm trượng, khăn của chín vua, làm bàn án bảy báu, tòa cao bảy báu, đặt kinh trên án. Các vị Quốc vương v.v... ấy ở trong màn trướng bảy báu đốt hương rải hoa, ngày ngày cúng dường như phụng sự song thân, tợ phụng sự Đế-thích, v.v... Nếu ở trong đời sau, các vị Quốc vương hộ trì Tam bảo, ta sẽ bảo năm vị Bồ-tát sức lực mạnh mẽ đến ủng hộ nước đó: Một là Bồ-tát Kim Cang Hống, tay cầm luân tướng ngàn báu. Hai là Bồ-tát Long Vương Hống, tay cầm đèn

kim luân. Ba là Bồ-tát Vô Úy Thập Lực Hống, tay cầm chày Kim Cang. Bốn là Bồ-tát Lô Điện Hống, tay cầm mành lưới ngàn báu. Năm là Bồ-tát Vô Lượng Lực Hống, tay cầm năm ngàn (5.000) kiếm luân, cùng với năm ngàn (5.000) vị Đại thần vương, v.v... đến ủng hộ nước đó. Muốn làm lợi ích lớn, phải lập các hình tượng ấy mà cúng dường đó v.v...

Phàm, nước đọng thuyền nổi, gió chứa chim chuyển, ủng hộ nước nhà phải cậy nhờ năm sức lực (trời, rồng, quỷ, thần, người tức là năm sức lực vậy), chẳng chỉ sách lược ở đời, riêng cậy sáu quân năm sức, hẳn nhờ thuyết hiển đồng tâm nên được an ổn, năm quân hoặc trong và ngoài khác kế, bèn khiến sẽ nguy mất. Do đó, nhiếp phục Tu-la, xa nhân do Bát-nhã, vời nhận phong túc an lạc gần cậy ở Bảo Minh, chỉ có thể y theo Vương luận chánh luận để định dân (rút từ các kinh Kim Quang Minh, Nhân Vương v.v...) kính phụng Nhật tạng Nguyệt tạng mà an nước, chuyên việc dấy khởi bảy thiện, tăng trưởng ba hơi khí, thì có ngàn vị Đại tướng trấn giữ kiếm luân, bốn Đại Dạ-xoa đồng thủ lãnh thần chúng, kính thuận lời Phật ủng hộ vua người (Phẩm Nguyệt Tạng ở trong kinh Đại Tập nói: "Đức Phật đem đất nước Chấn Đán phó chúc cho Tỳ-thư-yết-ma Thiên tử, Đại tướng Ca-tỳ-la-dạ-xoa, Long vương Tu-ma-na, Đại thiên Song Mục, các hàng sĩ nữ cõi trời v.v... mỗi mỗi dẫn theo quyến thuộc chủ lãnh, Thần linh cùng ủng hộ nước Chấn Đán. Những nơi có các sự đấu tranh oán thù, kiện tụng tranh giành, hai quân đánh nhau, đói khát bệnh tật, mưa gió trái mùa, băng rét nóng độc, thảy đều khiến dứt hết, khiến cho pháp nhãn ta được trụ lâu dài, tiếp nối hạt giống Tam bảo, không bị dứt tuyệt, nên thứ tinh khí được tăng trưởng v.v... Vương giả dụng tâm thì không gì chẳng hiệu quả, muôn sao lưu cảnh mà chánh hàng, nhật nguyệt tỏ sáng lại mà hợp độ. Âm dương hòa mà không biến chuyển, mưa nước thấm khắp mà ứng thời, có cảm thì thông đó, không linh nào chẳng khế hợp. Đến như nghiệp xứng quá khứ hiện tại, phước nói nhẹ nặng, chỉ chẳng phải định báo đều có thể cầu đảo dứt trừ vậy. Trọn chẳng nhọ không, uổng làm công đức, quyết định đó chẳng bỏ, nghiệp báo không sai vậy.

■

LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN 2

CHƯƠNG THỨ NHẤT: TAM GIÁO TRỊ ĐẠO (Tiếp Theo)

Công tử hỏi: Trộm thấy, trai pháp của đạo môn lược có hai thứ: Một là Cực đạo, hai là Tế độ. Cực đạo, như kinh Động Thần nói: "Tâm trai ngồi quên đến cực đạo vậy". Tế độ, y cứ theo kinh gồm có Ba lục, Bảy phẩm.

Ba lục: Một là Kim lục, trên thì tiêu thiên tai, bảo hộ trấn giữ Đế vương, chánh lý phân độ thái bình thiên hạ. Hai là Ngọc lục, cứu độ triệu dân cải ác theo thiện, hối lỗi quá tạ tội khiên, cầu ân thỉnh phước. Ba là Hoàng lục, bạt độ cửu huyền thất tổ, vượt khỏi năm khổ tám nạn, cứu hồn đêm tối cầu than, tế tội địa ngục buồn khổ lâu dài.

Còn bảy phẩm: Một là Động thần trai, tức pháp cầu tiên bảo hộ nước nhà. Hai là Tự nhiên trai, tức học đạo chân tu thân. Ba là Thượng thanh trai, tức là diệu của vào Thánh lên hư. Bốn là Chỉ giáo trai, tức là cấp gấp cứu bệnh đảo tai ương. Năm là Đồ thán trai, tức cốt yếu hối quả thỉnh mạng. Sáu là Minh chân trai, tức thức cứu vớt u dạ. Bảy là Tam nguyên trai, tức tội tạ tam quan.

Với các trai ấy, hoặc một ngày một đêm, ba ngày ba đêm, bảy ngày bảy đêm, đầy đủ như nghi điển. Ngoài ra lại còn có các trai như lục trai: Thập trực, Giáp tý, Canh thân, Bản mạng v.v... thông dùng trai pháp tự nhiên, ngồi quên một đạo, riêng vượt nguồn sinh tử. Mười trai tế độ đồng lìa gốc buồn lo, nghiêm tầm đầu ngọn, công ấy rất lớn. Khi ấy oai nghi quỷ thức, đàn tràn đường vụ, pháp tượng huyền lư đủ các khuôn phép, áo mão dung nghi dùng chỉ đông đúc, tiếng ngọc boong boong, chầu tiếp kính bái, nghiễm nhiên trai túc, đi quanh xướng tán, đốt hương rải hoa, thần nghi un úc, thân tâm đều chí thành, cảm ứng hẳn đến. Khách chủ đều hài hòa tự phủ hợp cảnh phước.

Minh Chân Nghi nói: "An đặt một đèn lớn, ở trên an đặt chín ngọn đèn chính giữa để soi chiếu chín phủ đêm dài tăm tối. Giữa đêm của các

ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, mười lăm, mười tám, hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi tám, hai mươi chín và ba mươi tháng giêng, an đặt một cây đèn lớn cao chín thước. Ở trên cây đèn đốt chín ngọn đèn. Ở trên soi chiếu cửu huyền. Với nhà Phật thì các trai Bà-la Dược sư độ tinh phương quảng, v.v... oai nghi quy tắc vốn không pháp tượng, người đời đều thấy, nơi nào biểu lộ rõ ư?

Người thông bác bảo: Ông buộc tóc theo thầy, sớm trải qua trường lớp, thấy đủ trăm dân, học cùng tam huyền, tất phải rộng thấy rõ đến thời Hán Ngụy, chẳng nghe các Vương giả kính phụng đạo vì nước nhà mà thiết lập trai ba lục, trừ đảo Thiên tai, thực hành pháp bảy phẩm. Nếu nói pháp ấy sớm lưu hành ở đời, thì xưa kia, nạn hồng thủy ngập cao tận trời, bốn dân hôn mê mái chái, viêm oai thước thạch, lục hợp động nhiên. Ngay lúc ấy, đâu chỗ chẳng đem trai đạo đến cứu, mắt nhìn lang bái như vậy ấy ư? Nếu cứu mà được, văn ấy xương thích, Dũ Võ phát bệnh hại, lại ứng với sức trai ấy khiến nên ư? Còn nếu như cứu không được, há chẳng phải trai đạo hư vọng ư?

Tôi từng đọc xem qua kinh đạo, rõ ràng đầy đủ cốt yếu ấy. Thấy kinh Huyền Trung nói: "Đạo sĩ thọ giới và khi lục, đều đặt ngôi vị ngũ nhạc, thiết bày rượu nem cúng bái". Lại căn cứ theo pháp của Tam Trương thì xuân phân thu phân tế táo cúng xã, Đông chí Hạ chí đồng thế tục cúng tế tiên vong. Cho đến thọ trị lục, binh phù xả khế, đều nói việc của tướng quân sứ binh. Lại thấy ở Thượng nguyên giản văn oai nghi tự nhiên kinh nói: "Thượng nguyên tổng chân, Trung nguyên tổng tiên, Hạ nguyên tổng thần". thường sáng sớm hướng Bổn mạng xoay tâm đảnh lễ ba mươi ba đời, lay lắc đầu, đưa hai tay chỉ trời, phụng bay liệng quay mỗi mỗi chín hồi. Tay xoa trán, đè hai my mày, sau lau hai mắt, đè hai bên lỗ mũi, trên dưới hai lỗ, mỗi mỗi qua bảy lần thọ lục, dùng dâng năm lượng vàng, năm lượng tơ trắng, năm thăng gạo ăn, năm bó củi chụm. Hoặc dùng người vàng, vòng vàng, rồng vàng, cá vàng, người bạc, vòng bạc, ống đồng bạc, cốc chén bạc, v.v... Không gì chẳng rộng bày vàng ngọc, lắm tốn phí tơ lụa. Chỉ bày thuật tham câu, chưa nghe Phật pháp thức xuất yếu. Cớ sao? Trộm tìm thấy Đạo sĩ Lục tỉnh tu vọng thêm xuyên tạc chế soạn trai nghi ấy, trong ý muốn các hàng Vương giả tuân phụng pháp đó, thuộc ở thời vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương mở vận, Đạo hóa mà chẳng hành. Cớ sao biết vậy? Căn cứ đời trước vua Võ Đế thời Nam Lương phụng sự đạo, ngày chưa lên ngôi, tự thân kính phụng Lão Tử. Đến năm Thiên giám thứ ba (504) thời Nam Lương, đã được tự tai, ngày mồng tám tháng tư, ban sắc xả

đạo. Lục Tu Tỉnh chẳng giằng nỗi sự tức giận, bèn cùng các Đạo môn và các vong mạng ở biên cảnh phản vào Cao Tề, lại dốc đổ vàng ngọc tặng các Quý du, nương gá chở che mong gầy dựng Đạo pháp. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề bảo Pháp sư Đàm Hiển bẻ gãy mũi nhọn đó. Lục Tu Tỉnh thần khí chóng hết, cứng lưỡi chẳng đối đáp được gì. Ngày đó đồ chúng đều xả tà quy chánh, cầu xin xuất gia. Những người chưa phát tâm, thì ban sắc sảo xuống tóc mặc nhiễm y. Rõ ràng đầy đủ như biên ghi ở biệt truyện.

Khi ấy, có một Nho sinh thiên chấp, vốn dòng họ Lưu, tự xưng là con cháu Hoàng Cân ở cuối thời nhà Hán, gần đây tiếp thừa tả đạo của Lục Tu Tỉnh, nghe người thông bác nói điều trạng nguyên do Lục Tu Tỉnh phản nhà Lương vào nhà Tề rồi bị giết mất, mới bừng bừng đổi sắc mặt đứng dậy gằng tiếng nói: Ông là bậc Đại nhân, nói sao dung dị có thể chẳng nghe ư? Vội vàn như vậy thì lòng quân tử không bao giờ trái điều nhân. Tìm xét ba lục, bảy phẩm, đều xuất phát từ Linh Bảo; giáo của Tự Nhiên, Động Thần, riêng vượt nguồn sinh tử, đồng lìa gốc ưu khổ, truyền đó ở từ xưa, người thực hành lên tiên. Do đó các kẻ sĩ vào đạo mang đội mũ mão phục chương, đeo phù mang ấn, nắm giữ giản lục, tiếp phụng tiên đình, quạt thổi đạo xưa mà giúp thời sáng tỏ, tu vô vi mà sùng Thượng đức. Tiến tới thì động xoay vút mà lên kim khuyết, chuyển lọng bay mà đến ngọc kinh; thối lùi thì mở thiện nhỏ mà cửu ba đường, vận chuyển Đại từ mà mà tế độ lục đạo. Tướng trạng đó như thế vậy.

Người thông bác bảo: Phàm nói chuộng phù hoa thì lời chẳng phải thật lục, như gà mái không công dụng gáy thức súc sinh, chó gốm chẳng công năng giữ đêm. Cớ sao? Kiểm xét các sử xưa, xa nghe ở các bậc Tiên Nho, chẳng nghe tên gọi Linh Bảo, chưa ghi thuyết của Thiên Tôn. Xét về cội rễ phát khởi đều do Từ Ngụy kinh của Trương Lăng lưu truyền. Các Đạo sĩ học sau cùng, các Nho sĩ thấy biết hẹp hòi, chẳng lường biết được nguyên do, nên kính phụng lấy làm thật, cũng chưa rõ danh hiệu Đạo sĩ phát xuất từ đâu lại. Nếu hay nghe rồi chuyên cần thực hành, sẽ vì ông nói.

Người thông bác nói chưa dứt lời, Nho sinh vội vàng ứng đáp rằng: Tôi nghe châu ngọc dưỡng nuôi từ nước, đồng sinh từ đá. Người lấy giao cho đó, người lấy mê lầm đó, tất có thể giao cho mà truyền. Trộm nghĩ, vì ông chẳng lấy vậy. Tam lư có lời nói rằng: "Đạo có thể thọ mà không thể truyền", tức nghĩa ấy vậy. Nay đối với ông, mà lược nêu Đại tông, căn cứ các kinh Đạo Đức v.v... đều nói: "Mới đầu ứng

một khí gọi là Đại La, ở ngoài Tam Thanh, đặt Huyền đô Ngọc Kinh, Ngọc thành, Kim khuyết, Thiên Tôn ngự trị ở trong đó". Kinh Bảo Huyền nói: "Tự nhiên ứng hóa có mười thứ diệu: Một là Tự nhiên, hai là Vô cực, ba là Đại đạo, bốn là Chí chân, năm là Thái thượng, sáu là Lão quân, bảy là Cao hoàng, tám là Thiên tôn, chín là Ngọc đế, mười là Bệ hạ, thống lãnh tất cả, lập đạo vua tôi". Kinh Chánh Nhất nói: "Trên hóa Tam Thanh để đặt Tiên Chân. Thánh vương tam công cửu khanh có hai mươi bảy vị, tám mươi mốt đại phu, một trăm hai mươi nguyên sĩ, một ngàn hai trăm (1.200) tào lục. Tiên quan mỗi tự trị vì Cung phủ, Thiên tào thống lãnh khắp cả muôn sao nhật nguyệt, phân văn rủ tượng, khiến Thiên tử ở Hạ giới thì làm tượng đó. Như nói: "Nhân pháp địa, Địa pháp thiên, Thiên pháp đạo, Đạo pháp tự nhiên". Do đó, Thánh quân đời trước đều dùng pháp đây mà trị vì. Lại từ một khi hóa sinh ba khí để ứng với ba quân (nói ba quân là từ ba khí sinh đạo là khí vậy). Linh Bảo Cửu Thiên Sinh Thần Chương nói: "Có Thiên Bảo Quân là Thần Đại Đổng; Linh Bảo Quân là thần Động Huyền; thần Bảo Quân là thần Động Chân; Thiên Bảo trượng nhân là tổ của Thiên Bảo Quân; Khí Trượng nhân là khí của Hỗn Động Thái Nguyên Cao Thượng Ngọc Hoàng. Sau chín mươi chín ngàn không trăm chín mươi chín (99.099) ức khí, đến năm Long Hán thứ nhất hóa sinh, Thiên Bảo Quân ban xuất sách. Bấy giờ gọi là Cao Thượng Thái có cung Ngọc thanh. Linh Bảo Trượng Nhân tức là Tổ của Linh Bảo Quân. Khí Trượng Nhân là khí của Xích Hỗn Thái Nguyên Vô Thượng Ngọc Linh, sau chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi (99.990) vạn khí, đến Long Hán Khai Đồ Hóa Sinh. Linh Bảo Quân trải qua một kiếp đến năm xích minh thứ nhất, ban tăng sách độ người, bấy giờ gọi là Thượng Thanh Huyền Đồ Ngọc Kinh Thất Bảo Cung Tử Vi. Thần Bảo Trượng Nhân tức là Tổ của Thần Bảo Quân. Khí Trượng Nhân là khí của Minh Tịch Huyền Thông Vô Thượng Ngọc Linh, sau chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi (99.990) khí, đến năm Xích Minh thứ nhất hóa sinh. Thần Bảo Quân trải qua hai kiếp, đến năm Thượng Hoàng thứ nhất ban ra sách. Bấy giờ gọi là Tam Hoàng, Động Thần, Thái Thanh, cung Thái Cực. Lại nói, ba hiệu ấy tuy năm khác hiệu khác, vốn chỉ đồng một vậy. Nhưng phân làm ba khí huyền, nguyên, thủy mà trị Tam bảo, tức là Tôn thần của ba khí. (Tự nhiên sám tạ nghi nói: Các thần v.v... quy mạng phương Đông vô cực Thái thượng Linh Bảo Thiên Tôn. Nay Thần v.v... ngưỡng tụ phương Đông chín khí thanh thiên thái Thanh huyền nguyên vô thượng, Tam thiên vô cực, Đại đạo Thái thượng lão quân, Thái thượng trượng

nhân, Đế Quân, Đại đế quân, Thượng hoàng, Lão quân, hai mươi chín chân nhân, bảy mươi hai Thánh cao huyền chân quân, chín Lão tiên đô quân, chín khí Trượng nhân, Thủy thanh chân nhân, Đông hoa ngọc bảo cao thần, Đạy ty thượng tướng, Tham đồng quân nguyên lão, Cửu huyền chủ tiên chân nhân, một ngàn hai trăm (1.200) quan quân thái thanh ngọc Bệ hạ, Thánh đế cửu khí, Ngọc môn thần tiên, Tứ ty chân nhân, chư Thiên chí cực thượng Thánh thái thần. Dưới tại phương Đông khanh vô cực thế giới, năm núi bốn ngôi thần tiên chánh chân, chín cúi đầu, chín dập trán vậy).

Kinh Động Thần nói: "Có ba Tam Hoàng nên gọi là Cửu Hoàng. Đó là, mới đầu là biến hóa của Tam Hoàng hư vô không đồng, Tam Hoàng kế tiếp là ứng biến của Huyền Nguyên Thủy, Tam Hoàng sau nữa là biến của Tam Nguyên, lấy làm ba đài hóa hình tiếp vật. Chín Hoàng đó đều là diệu dụng của Đại đạo ứng hóa cùng sinh và Ngũ đế hành hóa. Tiếp theo đó là Tam Vương đời đời tu tập chân, không gì chẳng phải là pháp đạo".

Lại nói, trên ba cõi hai mươi tám trời, tiếp đến là trời bốn dân. Từ trời Bốn dân đến Cảnh thái thanh. Từ cảnh Thái thanh đến cảnh Thượng thanh, từ cảnh Thượng thanh đến cảnh Ngọc thanh, từ cảnh Ngọc thanh đến Vô thượng Đại La, mới lên Cực quả, ứng hóa cung Đài, không thể nói bày, nghĩa là làm đạo của trong đạo, lại là địa vị của Thiên Tôn. Ở cung bảy Ánh ở biện chín Hoa, ngồi giường vàng mà vui tánh, tựa ghế ngọc mà thỏa thần. Ngọc nữ che màn, Tiên đồng hầu quanh, phân phán thiện ác, quyết đoán sinh tử. Phàm là quỷ thần không loại nào chẳng sùng trọng kính ngưỡng, làm chủ ở trong trời, là tôn quý của Thánh giả, chỉ quỷ chỉ thần mới có thể tin có thể chuộng. Do đó các bậc hiền triết xưa trước cùng nương tựa thực hành, hoặc ẩn vết nơi chợ Triều, hoặc tàng hình nơi rừng chầm, hoặc môn nhân cùng theo, hoặc đệ tử cầu hỏi. Bạn của Vương Đài có cả ba ngàn (3.000), chúng của Canh Tang chẳng chỉ một, không ai chẳng nhị quán, điều tâm trọng huyền, tẩy rửa ý tưởng, đàm không cực diệu, quạt thổi Đại đạo để giúp thời cuộc, tu thiện lập trai, vận công huyền mà giúp nước. Do đó, đời đời các Thiên tử thảy đều tuân sùng, đời đời các bậc anh hiền thảy đều khâm chuộng. Hạ hậu cảm được Chung Sơn, Hán Văn chứng nghiệm Hà Thượng, diệu ứng thoát nương, không lúc tạm ẩn, nghĩa chẳng phải dối nói, nguyên do phát xuất, nên xưng đạo giáo khó thể đặt gọi tên vậy.

Người thông bác cật vấn lại rằng: Ông hay đọc lắm văn từ mà không biết tìm cầu nghĩa lý, thuộc loại Hổ chương, thật khó cùng nói.

Phàm, băng ngưng thảm sợ, chẳng thể chạm khắc hoa khoản đông; thù táp thước thạch, chẳng thể đẹp gỗ Tiêu Khâu. Cử sáng rực ở giữa khoảng nhật nguyệt chẳng phải trí vậy, đậy chum bình bên cạnh Hồng chung chẳng phải tự nghĩ vậy. Với văn từ ông dẫn, nay phải lập nghiệm. Tại sao? Lễ nói: “Thái Thượng quý đức”. Trịnh chủ rằng, có nghĩa là Vương giả xưa trước, Lão Tử nói: “Rất biết trên dưới”. Tập Chú nói: Ở thời Thái Cổ, biết trên có Quân vương mà không có bề tôi phụng sự tức ở thời Tam Hoàng vậy. Hiệu của Thiên Tôn xuất phát từ kinh Phật. Danh từ Bệ hạ, đầu tiên có ở Tần Thủy, Công Khanh, Đại Phu đó cho đến Nguyên sĩ Tào Cục, đều dùng chế của Chu Quan Tần Hán mà đổi đầu thay đuôi, lấy ngụy làm chân. Điều thuật về Tam Hoàng, đều dẫn từ Đế Hệ Phả v.v... Còn phẩm thứ Tam giới, chư Thiên trung số đều nương theo bên cạnh kinh Phật mà lập danh tự, và thêm bớt lấy bỏ tợ khác mà đồng. Như từ Thượng cổ trở lại thật có pháp ấy, Bào Hy trước thuật sách Dịch chưa thấy nêu bày đó, đến đời Hoàng Vương, không nghe phụng sự. Từ thời Chu Tần trở về sau dần phát sinh dối nói. Trong chương Thiên Vận, Trang Tử nói: Khổng Tử lúc năm mươi mốt tuổi mà chẳng nghe có đạo, mới theo hướng Nam đi đến Thanh bái, thấy gặp Lão Đam bèn nói rằng: “Giả sử đạo có thể dâng hiến cho người thì không gì chẳng dâng hiến cho Quân vương ấy vậy, mong ông siêng năng đó, chớ nên lắm lời”.

Và nói, ngoài ba cõi riêng có kinh Khuyết Đô Thành, các học trò có sự nhận biết đều ta thán quái lạ. Trong Tiếu Đạo luận, đầy đủ nói rõ sự hư ngụy ấy.

Trang Tử nói: “Vương Đài là người phế tật, Canh Tang là kẻ sĩ ôm bệnh hoạn chẳng hành chương tiếu, chưa ra ngoài Phù Thư, thân mặc y phục người thế tục ở đương thời, miệng đọc trao pháp điển của Tiên vương, chẳng phải là Đạo sĩ không đội Hoàng Cân”.

Tạm dẫn đem lại, muốn phô bày gì? Giả sử kho tàng ở núi Khai Chung của Hạ Võ, chẳng nói đến Thiên Tôn, Hán Văn đi đến Hà Thượng, tuyệt không dấu vết. Căn cứ Phan Nhạc Quan Trung ký, Kê Khương Hoàng Phủ Mật Cao Sĩ truyện, Ban Cố Hán sử, Văn Đế truyện và phỏng đến các bậc phụ lão, thì không có việc Hà Thượng Công bện cỏ làm am và hiện thần biến. Tất cả đều là hư dối sai nhầm, sao có thể nương cậy ư?

Lại nói: “Đạo xưng là giáo”. Phàm, pháp thức lập giáo, trước phải có chủ. Đạo gia đã không chủ đích, cớ sao được xưng là Đạo giáo? Ở đây tạm nêu ba việc mà đạo giao không được riêng xưng là giáo:

Một là, căn cứ Chu Khổng đối đàm, Chu Khổng thật là hai người truyền giáo, chẳng được tự xưng là giáo chủ. Cớ sao? Giáo là giáo của Tam Hoàng Ngũ Đế, Giáo chủ tức là Tam Hoàng Ngũ Đế.

Hai là, căn cứ Tiền Hán Thư, Nghệ Văn Chí, thảo luận bí điển xưa nay, phán định tất cả gồm chín phái triết học, trong đó gồm có Nho Đạo v.v... Đạo không phải là giáo riêng, tất cả đều ở trong chín phái. Căn cứ đó mà nói là không riêng lập giáo. Cớ sao? Bởi không có Giáo chủ. Nếu nói lấy Lão Tử làm Giáo chủ, Lão Tử chẳng phải là đế vương, thì làm sao được xưng là Giáo chủ? Nếu nói riêng có Thiên Tôn làm Giáo chủ của đạo, căn cứ theo Chánh Điển Ngũ Kinh từ Tam Hoàng trở lại, thì Chu Công, Khổng Tử v.v... chẳng nói riêng có Thiên Tôn ở tại trên trời ban giáo trải hóa làm chủ đạo giáo, mà đều là Ngụy kinh do từ Tam Trương trở xuống, vọng nói Thiên Tôn trên làm đạo chủ. Đã không có chủ ấy, sao được xưng giáo?

Ba là, Diêu Đạo An làm Nhị giáo luận, chỉ lập Nho giáo và Phật giáo, không lập Đạo giáo. Vì sao? Nho gia lấy Tam Hoàng Ngũ Đế làm Giáo chủ. Thượng Thư nói: "Sách của Tam Hoàng, gọi đó là Tam Bí; sách của Ngũ Đế, gọi đó là Ngũ Điển, dùng giáo của Bí Điển để hóa trị thiên hạ". Mao Thi nói: "Phong vì động đó, giáo vì hóa đó. Bí Điển là giáo, Đế Hoàng là chủ, nên Nho gia được xưng giáo". Phật là Pháp vương giảng thuyết mười hai bộ loại kinh điển ban trải hóa độ thiên hạ, nên có giáo có chủ vậy. Nhưng Phật là người xuất thế, kinh là giáo xuất thế, nên được xưng là Giáo chủ. Tam Hoàng Ngũ Đế là Thế chủ; Tam Bí Ngũ Điển là Thế giáo. Trước lấy Thế giáo mà hóa trị đó, sau lấy xuất thế giáo mà hóa độ đó. Sự hết ở đây, Nhiếp pháp đã chu toàn, là duyên cũng trọn, sao lại phải riêng có Đạo giáo? Lại nữa, Mao Thi nói: "Việc của một nước, buộc gốc của một người, gọi đó là Phong. Thiên tử có Phong nên hay hóa thiên hạ, nên được xưng giáo. Đạo chẳng phải Thiên tử, không được có Phong. Đã không có Phong, làm sao trải hóa? Không Phong có thể hóa, chẳng được riêng xưng giáo vậy". Căn cứ đó mà nói, chỉ có Nhị giáo, giả sử xưng có Đạo, phán vào phải Nho. Lại nữa, Lão Tử là người thế tục, chưa đoạn phiền não, tuy có ngôn thuyết, chỉ là thuật theo giáo hóa của Tam Hoàng. Hà Thượng Công nói: "Đời của Đại đạo lấy vô vi dưỡng thần, dùng vô sự an dân, nghĩa là không chỗ thi vi, không điều tạo tác, mặt nhật xã hội mà nổi, mặt nhật ẩn lặng mà dừng, gọi là Đại đạo, không riêng Thiên Tôn ở trên trời. Ở đây, nói đạo là đạo lý, khí của thuần hòa cũng không có hình tướng. Lại nữa, Cát Tiên Công nói: "Thầy ta vốn dòng họ Ba Duyệt Tông, tên tự là

Duy-ma-la, người xứ Tây Vức", tức cũng chẳng nói Thiên Tôn là thầy của mình vậy.

Nho sinh hỏi: Đạo lấy tự nhiên làm tông, hư vô làm gốc. Đó nói chẳng phải một. Như kinh Thái Thượng Huyền diệu nói: "Đạo nghĩa là tự nhiên, là chân của đạo vậy". Vô vi là cực của đạo. Hư vô là tôn của đức, chẳng thấy chẳng nghe mà bao gồm cao huyền ấy. Không tâm không ý, như cây mọc rễ, tinh tụ hóa làm thân đó. Lại nữa, kinh Thăng Huyền Nội Giáo nói: "Thái Cực Chân Nhân hỏi Đại đạo lấy gì làm thân, sánh ở nơi nào mà gọi tên là đạo? Đáp rằng: Phàm, đạo huyền diệu, vượt ngoài tự nhiên, sinh nơi vô sinh, trước ở không gì trước". Lại nữa, Linh Bảo Tự Nhiên Kinh Quyết nói: "Thái Thượng Huyền Nhất Chân Nhân nói: Thái Thượng Vô Cực, Đại Đạo Vô Thượng, Chí Chân Huyền ở nơi hư vô, không hình, tự nhiên cùng cực trên hư vô. Trên không còn có trời, dưới không còn có đất, nên nói là Vô thượng chí chân đại đạo, tuy hư vô mà hay sinh một, là gốc của vạn vậy vậy".

Người thông bác hỏi: Đạo hay sinh một, vậy ai sinh đạo? Nếu đạo không từ đâu sinh, thì đạo cũng không sinh được một. Nếu đạo chẳng từ đâu khác sinh, thì một cũng đã chẳng thể tự sinh, đạo cũng chẳng thể tự sinh. Nếu đạo tự sinh đạo, thì đạo cũng tự pháp đạo. Cớ sao Lão Tử nói: "Nhân pháp Địa, địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên?" Đã đạo chẳng tự pháp mà pháp tự nhiên, cũng có thể đạo chẳng tự sinh, mà từ tự nhiên sinh. Nếu đạo chẳng từ tự nhiên sinh thì một cũng chẳng từ đạo sinh. Lại nữa, một chẳng kịp đạo, từ đạo sinh, cũng có thể đạo chẳng kịp tự nhiên, từ tự nhiên sinh. Một từ đạo sinh, đạo được xưng đại. Đạo tự tự nhiên sinh, cũng có thể tự nhiên xưng đại, đạo chẳng được xưng đại. Nếu chẳng xưng đại thì nên nói là tiểu đạo. Nếu đạo trông vọng tự nhiên tức đạo pháp tự nhiên. Tự nhiên tức là gốc đạo. Đã gốc của đạo ở tự nhiên, tức tự nhiên là thường, đạo chẳng được là thường.

Nay đạo đã xưng là thường, tự nhiên cũng thường. Cũng có thể đạo pháp tự nhiên, tự nhiên cũng nên pháp đạo. Nếu tự nhiên là gốc, đạo chẳng được là gốc, tự nhiên là thường đạo chẳng được là thường. Nếu cả hai cái đều là thường, thì hai cái cũng đều cùng pháp. Nếu trong đó một pháp và một không pháp, thì cũng là một thường và một không thường. Nếu nói đều thường tức đều tự nhiên. Đã có tự nhiên và chẳng tự nhiên, tức cũng có thường và có không thường. Nếu tự nhiên là gốc, đạo là dấu vết, mà gốc và dấu vết đều xưng là thường, thì cũng có thể đạo là gốc, thiên là dấu vết, thiên và đạo đều không thường. Nay lấy

đạo làm gốc, đối với thiên là dấu vết, đạo là thường, thiên là không thường, thì cũng có thể tự nhiên đối với đạo là dấu vết, đạo là không thường mà tự nhiên là thường. Nếu đạo tức là tự nhiên thì thiên cũng tức là đạo. Nếu thiên là thể, chẳng phải đạo là thể, tức một thường và một không thường. Nay cũng có thể đạo là thể, tức tự nhiên cũng là thể, đồng thể cũng đồng thường. Nay đạo pháp tự nhiên, làm sao được đồng thể? Đã đạo pháp tự nhiên, chẳng pháp lại phải tự nhiên là thường, đạo là không thường. Nếu có thường khác với không thường, có thể được không thường, chẳng phải có thường, không thường khác với thường, sao được khiến thường khác với không thường? Do không thường có thường, có thường nên không thường, thường pháp còn không có, sao có được không thường? Nếu lìa thường có không thường, nhân các thường khác có thường, cũng lìa thường không có thường, cho nên biết không thường. Thường pháp đã không có, làm sao có không thường đạo? Nếu xưng thường, bèn là đầu của các kiến, như đó xưng Đại, bèn bị bó buộc ở trong vức, chim chuột hai mối làm sao tự ra? Giả sử có Đạo nhân thuộc mà thành tiên, nên Viên Hoằng Hậu Hán Kỷ Giao Tự Chí nói: “Đạo gia lưu xuất từ Lão Tử, lấy thanh hư đạm bạc làm chủ, mở mang hiền thiện, ghét bỏ xấu ác làm giáo. Họa phước báo ứng tại trong một đời, dưỡng nuôi vợ con, sử dụng phù thư, tu hành đó chẳng thôi, được đến Thần tiên vậy”.

Người thông bác lại bảo: Tìm xét Lão Quân ở đời chưa bỏ tục trần, hình nghi dung mạo phục chương cũng không đổi khác, chẳng lập Quán vũ, không nhận môn đồ, giữ chức quan nhỏ Trụ Hạ, ẩn đức làm vua mà dưỡng tánh, hòa quang ấy mà lánh ngoại hoạn, đồng sự đó để nhiếp nội sinh. Kẻ ngu trông thấy đó thì cho đó là ngu, người trí trông thấy đó thì cho là trí. Nếu chẳng phải Lỗ Tư Khấu thì không thể biết vậy. Nay các Đạo sĩ không tuân theo pháp ấy, trái lại đồng Trương Võ khinh mạn thực hành chương cú, cẩu thả cầu lợi nhà mong được dưỡng thân, bỏ năm ngàn (5.000) Diệu môn, thực hành uế thuật của Tam Trương. Như Đạo sĩ Đào Ẩn Cư ở Mâu sơn soạn Chủng Tiếu Nghi mười quyển. Từ trời, đất, núi, sông, muôn sao, non, ngòi, cho đến an trạch, tạ mộ, kêu gọi hồn thần, bày biện Tiếu pháp, sắp đặt các thứ trân kỳ, rộng trải lụa tơ, phần nhiều dùng nấu nướng nem thịt cá nai, bánh ngọt vàng trắng, rượu trong quả tạp, muối đậu dầu gạo v.v... Trước tấu chương, thỉnh gọi tướng quân binh lại. Các Đạo sĩ v.v... đều chắp tay phản, hướng đến thần mà xưng bề tôi, cúi đầu kính bái, cầu ân xin phước, cùng đồng như thế tục.

Đã chẳng phải xuất gia, đều tạo nghiệp tà, nhưng Tử vi, Thái vi, Tiểu vi v.v... đều gọi là Thiên Hoàng Tam Quan. Căn cứ các bậc Tiên nho từ xưa trước đến nay nói: "Thiên Hoàng Đại Đế là Tử Vi Tôn Thần, một tên khác là Diệu Hồn Bảo, tức là trời Trung ương vậy". Có nghĩa là, đó là Bắc cực, tại trong câu trần, làm chủ của trời, chỗ tôn quý của các sao. Bên tả có Thần Thiên Nhất, bên hữu có Thần Thái Nhất, làm tướng tả hữu, như tả hữu Thừa tướng nay vậy. Chủ thừa sự Thiên Hoàng, nhân mạng hệ thuộc, tôn quý của trong tôn quý. Theo Thượng Thư Chu Lễ, nước nhà tự có pháp tế đều là chỗ thân gần kính thờ của Thiên tử. Hiếu Kinh nói: "Chu Công có tâm hiếu kính mới tông tế văn chương ở Minh Đường để phối cùng Thượng đế, giao tế Hậu lăng để phối với trời". Trời nghĩa là trời ở năm phương, Đế nghĩa là Hạo Thiên Thượng đế. Đem cha mẹ phối tế ở Minh Đường và Viên Khâu Nam Giao v.v... vốn chẳng phải Thần của Đạo gia, cũng chẳng phải pháp sở hành của Đạo sĩ, cớ sao ngày nay mới dùng Đạo sĩ tiếu tế? Rất trái với lễ giáo, rất sợ Thiên thần không nhận phi lễ.

Từ cuối thời nhà Hán, Trương Lăng dùng quỷ đạo hành hóa, bèn có Đạo sĩ tiếu tế, mãi đến thời nhà Lương nhà Trần bèn hưng thạnh nơi đời. Pháp thô dễ nhiễm, tập tục xem thường. Ngụy lạm trong thiên hạ, không gì hơn như vậy. Y theo Chu Lễ và giao đặc sinh v.v... nước nhà cúng tế trời, tự có nghi thức. Tiếu là một tên khác trong cúng tế, Tận trước gọi là tiếu. Xét trong ba sử chín dòng cũng không có nói Đạo sĩ vì nước nhà đảo trừ tai ương, tấu chương hình tiếu vậy. Xưa kia, Võ Vương mắc bệnh rất nặng, Chu Công cầu xin mạng, đặt đàn thiết tế cầu đảo trên trời, chẳng nói cáo xin đạo thần, nên gọi Đạo sĩ. Nếu Thần đạo ở trên trời, các Thánh đều tôn quý, mọi sự thọ yểu tốt xấu đều do đó quyết đoán. Chu Công hành tế chẳng dám trước đó. (Thượng Thư Kim Đáng Thiên nói: Võ Đế bệnh nặng, Chu Công thiết lập ba đàn. Nhân Thái Vương, Vương Quý, Văn Vương cầu xin mạng ở trời. Nói Công Đán có nhiều tài nhiều nghề, hay phụng sự quỷ thần, nói Võ Vương chẳng phụng sự quỷ thần, nếu không cứu sợ sẽ bị đọa. Thiên Bảo sai Chu Công trở về mới làm nội san đặt để trong hộp vàng niêm phong lại. Ngày hôm sau Võ Vương mới lành bệnh. Nếu đạo hẳn tôn quý sở thuộc mạng người, Chu Công đâu dám chẳng cầu xin trước, nhỏ nhiệm mà suy xét, hư dối có thể biết vậy). Nếu nói có, sao sách chẳng biên ghi? Lão Tử nói: "Mắc tội đối với trời, chẳng nói mắc tội đối với đạo". Căn cứ lời tựa kinh Ngũ Thiên Văn Giải Tiết Trung nói: "Lệnh Hỷ bỏ ăn gạo cơm, chỉ dùng cháo ba ngày một bữa, dùng dâng chín ngàn

(9.000) vàng tiền, uống huyết ngựa bạch”. Quân tử nói: “Lão đã là từ nhân, chẳng nên giết ngựa làm thề. Đạo xưng không tham muốn, sao lại tham tiền mà nói kinh?” Trong đó, thứ nhất nói Nê Hoàng phủ giải đạo có thể nói, danh có thể gọi, mẹ muôn vật, có tham muốn thì ngăn che, không tham muốn thì huyền diệu. Đồng sinh ra mà khác tên, sâu thẳm tợ như tông của muôn vật. Và thứ sáu nói phủ giải của người cốc thần huyền tẩn, trời đất căn rễ dài sâu như còn v.v... Đạo nghĩa là Nê Hoàn. Quân danh có nghĩa là Tỳ, mẹ nghĩa là Đan Điền. Nê Hoàn nghĩa Thiên Đức, tức là chỗ trị của thần ấy ở trong đầu người. Mỗi năm có năm lần lại xuống, xuống tới Đan Điền. Lão Vị Duẫn nói: “Tỳ là Trung Hoàng Nhất, Hoàng Khí bồi hồi trị ở Trung cung, Hoàng thần dài một thước, đội mặt nhật đeo mặt nguyệt gọi tên là Kim đăng chủ, thường uống cam lồ, ăn nem thịt cừ hư. Thần Thái Bạch ấy chủ ở nhật nguyệt, năm thứ ánh sáng che phủ đó, Thái Nhất phong bít đó. Thanh long đội đó, Chu tước... đó. Bên trong có Thần nhất, không thể chẳng nghĩ”. Lại nữa, Đan Điền nghĩa là Huyền Tẩn, tức dính xương sống, trị Hạ nguyên, bên trong có Thần khí tên là Tiểu Đổng Tử, Hành nhất lại xuống đến Đan Điền, rưới trên lỗ mũi vào Nê Hoàn. Diệu đó nghĩa là hư vô, ngăn che đó nghĩa là Đan Điền. Tên khác nghĩa là các tinh. Tên khác ấy gồm có sáu: Một là Tinh, hai là Niệu (nước tiểu), ba là Hãn (mồ hôi), bốn là Huyết, năm là giải, sáu là đàm, nên gọi là tên khác. Huyền đó lại huyền, nghĩa là hai mắt ở trái phải. Cửa của các diệu, nghĩa là người chết không hơi khí, hơi khí chấm dứt ở miệng, đạo xung mà dùng đó. Xung nghĩa là một, đạo một thân thường xung hành đó chẳng đầy. Sâu thẳm nghĩa là miệng, miệng có ao hòa khạt đàm mà nuốt đó. Nói Tân ước đầy trong miệng, một hàng xâm nhuần một trăm hai mươi phủ, miệng chẳng thể đầy như suối sâu. Tợ tông của một vật nghĩa là miệng uống ăn, muôn thần ở nơi miệng vậy. Cốc thần cũng có nghĩa là miệng. Thần vào miệng thì sinh người. Huyền tẩn nghĩa là mũi và miệng. Trời đất căn rễ nghĩa là mũi miệng làm cửa, thần khí ở trong đó vào ra làm căn sinh dưỡng. Mũi không nói năng, hơi khí ấy lâu dài cửa sổ trời dùng đó chẳng động vậy.

Phàm tám mươi mốt chương, tất cả đều lấy Tam nguyên giáp tý làm thứ đệ. Chỗ nêu rõ chỉ thú, đại khái khế hợp với Hoàng Đình, đều tại uống hơi khí dương và hành bí mật của phòng túc tinh. Đó là chỗ trọng của thế tục, chẳng phải chỗ tuân theo của đạo, chỉ là dối nói, chẳng phải hành thật vậy. Dùng đó để cầu tiên rất là xa rời, đâu có tham dục được trường sinh. Giả sử kéo dài tuổi thọ, thì cũng trọn làm

gốc tội. (Hoàng Đình nói: "Trên có Hoàng đình, dưới có Khai nguyên, trước có Thuyết quan, sau có Mạng môn, hít thở ngoài thư thả ra vào đan điền". Xét người hay thực hành đó có thể được trường sinh, người trong Hoàng Đình mặc áo sắc đỏ, tướng trạng quan môn, chốt đóng hai cánh, thuyết quan cặp đó cao vời vợi. Trong đan điền tinh khí tinh vi, ao ngọc nước trong, phía trên sinh béo tốt, linh căn kiên cố, chí khí chẳng suy. Trong ao có kẻ sĩ mắc áo sắc đỏ, giăng lưới ba tấc là nơi thần ở, trong ngoài cùng cách nhau nhiều lớp bít đóng. Huyền ung khí quản nhận thọ tinh phù, gấp cố tứ tinh để tự giữ gìn. Trong vường nhà có kẻ sĩ mặc xiêm y tơ lụa, ông có thể trông thấy đó và có thể không bệnh. Chỉ trong tấc vuông, cẩn mật che giấu, tinh thần trở về, già suy trở lại trẻ mạnh, khiến lý dài cả thước, đính ước ở trên đó, ông có thể giữ đó mà có thể không bệnh, hít thở ở khoảng thư thả để tự tưởng thưởng. Con của Xích thần đứng trong ao, phía dưới có thành dài, cốc ấp cao, trường sinh cốt yếu hổ giúp gấp trong phòng, thường còn vương phòng trông thấy rõ. Lúc niệm thái thương không đói khát, bít tròng mắt có thể sống lâu dài, Ngũ hành sâm sai đồng tiết, Tam ngũ hợp khí cốt yếu một gốc, ôm châu nhớ ngọc hòa nhà ông, Tiên nhân Đạo sĩ chẳng có Thần, chứa tinh đến rốt cùng chuyên hòa nhân, muốn nghĩa cùng được mở mạng môn, thường hay thực hành đó, có thể được trường sinh vậy).

Biện Đạo Luận của Trần Tư Vương nói: Phàm, sách của Thần tiên, lời của đạo gia, chỉ mới là truyền thuyết, trên có thần Vĩ túc Tuế tinh giáng, dưới làm đông phương sóc Hoài Nam vương, sao giết chết ở Hoài Nam mà cho đó là đắc đạo nhẹ bay? Câu Dặc chết ở Vân Dương mà cho đó là thây đi mất hòm trống không. Đó là hư vọng rất lắm ấy vậy. Kẻ sĩ dốc luận ở Trung Hưng có Hoàn Quân Sơn nổi tiếng là người trước thuật lắm nhiều hay khéo, có Lưu Tử Tuấn từng hỏi rằng: "Người thật có thể đè ép tham dục, đóng bít tai mắt, mà có thể chẳng suy kiệt chăng?" Khi ấy dưới sân có một cụ già, Hoàn Quân Sơn chỉ vào đó mà bảo rằng: "Cây ấy không tình dục có thể nhẫn chịu, không tai mắt có thể đóng bít, nhưng còn khô khan mục rã, mà Lưu Tử Tuấn mói nói có thể chẳng suy kiệt, chẳng phải đàm nói vậy". Hoàn Quân Sơn viện dẫn cụ già để dụ đó, chưa phải vậy. Cớ sao? Trước kia, tôi làm điển nhạc của Vương Bôn, Đại Phu Nhạc Ký nói: "Vua Văn Đế có được người hầu nhạc của Ngụy Văn tức là Đậu Công tuổi đã một trăm tám mươi, hai mắt đều mù, Văn Đế lấy làm kỳ lạ mà hỏi đó: "Làm sao mà thi hành?" Đậu Công đáp: "Năm mươi ba tuổi, thần đã bị mùa lòa, song thân buồn thương chẳng kịp phụng sự đó, chỉ dạy cho thần tập học trống đàn. Thần

chẳng thể dẫn dắt, không biết sống thọ nhờ từ sức nào?" Hoàn Quân Sơn mới luận đó rằng: "Rất có thể bị mù từ nhỏ, chuyên một trông xem bên trong tinh tường, không ngoài soi xét đó hỗ giúp vậy".

Trước cật nạn Lưu Tử Tuấn cho là trông xem bên trong không lợi ích, lui sau luận về Đậu Công bèn cho là chẳng ngoài soi xét mà chứng minh đó. Tôi chưa thấy định luận ấy vậy. Hoàn Quân Sơn lại nói: "Phương sĩ có Đổng Trọng Quân có tội bị giam ngục, giả vờ chết vài ngày, trông mắt vùi hỏm, giòi trùng phát sinh, chết mà lại sống, nhưng sau trọn chết. Sống đó hẳn chết là chỗ đạt của quân tử, làm sao mà thí dụ ư?" Phàm, Chí Thần không vượt qua, trời đất chẳng thể khiến sâu trùng mùa hạ chết, sấm sét mùa đông phát sinh. Thời biến thì vật động, khí dời thì sự ứng, Đổng Trọng Quân kia mới có thể ẩn tàng hơi khí thây ấy, thể ấy thối rữa, da ấy sinh giòi trùng ấy, không là đại quái ư? Ở đời có phương sĩ, tôi làm vua hẳn chỗ chiêu vời đến. Cam Lăng có Cam Thủy, Lô Giang có Tả Từ, Dương Thành có Khích Kiệm. Cam Thủy hay hành khí dẫn dắt, Tả Từ hiểu thuật của Phòng Trung, Khích Kiệm khéo bỏ ăn, đều được gọi là ba trăm năm, cuối cùng nhóm tập đến ở đất Ngụy. Thật ngại sợ học trò của người ấy, cậy gian dối để khinh thường nhiều người, thực hành yêu mặc để dối hoặc nhân dân, nên nhóm tụ mà cấm đó vậy. Cam Thủy tuổi già mà có dung mạo trẻ khỏe, tự các Thuật sĩ đều cùng về nương, nhưng Cam Thủy chối từ nhiều ít, thật rất lạnh lùng có lời kỳ quái vậy. Nếu gặp Tần Thủy Hoàng, Hán Võ Đế, lại có học trò của Từ Loan Đại vậy. Kiệt Trụ khác đi mà đồng hung ác, gian nhân khác thời đại mà ngang bằng hư ngụy, mới như vậy ư?

Lại, ở đời rỗng không, có thuyết của Tiên nhân, Tiên nhân là đồng đẳng thuộc loại khỉ vượn, cùng người đời đắc đạo hóa làm Tiên nhân ư? Phàm, chim Trỉ vào biển hóa làm chim Cáp, chim Yến vào biển làm loài sò hến, phải bồi hồi đó, cánh đó sai ao, lông đó còn tự biết, bỗng nhiên tự ném Thần hóa thể biến, mới lại cùng ngao giải làm thành đàn, đâu lại tự biết liệng quanh rừng chầm, làm ổ trên tường nhà để tự vui ư? Mà đoái hoài làm chỗ mất của thất phu, nhận ngôn từ hư vọng, tin thuyết huyền hoặc, khai sáng lễ để chuốc lấy không kẻ bề tôi, dốc hết của cải để cúng Hư cầu, tán mất vương tước để vinh hạnh đó, làm sạch nhàn Quán để ở đó, trải qua nhiều năm tháng trọn không một ứng nghiệm gì. Hoặc chết mất nơi đồi cát, hoặc đổ ngã ở ngũ tạc. Đến lúc tuy lại giết thân ấy, diệt tộc ấy, rồi nát đủ làm trò cười cho thiên hạ vậy. Nhưng thọ mạng ngắn dài, cốt thể mạnh yếu, mỗi tự có người vậy. Kẻ khéo dưỡng thì trọn đó, kẻ nhọc nhiễu thì nửa chừng đó, kẻ hư dụng thì

yểu mất đó. Nghĩa ấy như thế vậy, ông có thể rõ đó!

Nho sinh mừng vui không biết đối đáp như thế nào, im lặng giây lâu mới nói rằng: "Há như vậy ư? Há như vậy ư? Kẻ quê kệch tôi nghe hai chương đạo đức, nhiều đời tôn sùng kính ngưỡng, Hán Văn Ngụy Võ đều thân gần tư tu hành. Kinh Động Huyền nói: "Năm ngàn văn từ là đạo đức chân thật trong chân thật của Tổ tông, người trì tụng vạn biến thì thân bay được". Người học Tiên bàn nghị rằng: Ban trải mỹ phong vô vi của Lý Lão mà dân tự cảm hóa, giữ đạo ái kính của Khổng Khâu mà thiên hạ hiếu từ. Ông học ưu thắng, thấy biết rộng xa, biện giải như Huyền Hà, xin thuật điều nghe, dám đồng tối chết vậy!"

Người thông bác bảo: Học chẳng thầy xưa, không khác trọn đời. Các bậc hiền giả tài giỏi xưa trước, ai chẳng nhân từ thầy. Chỗ sùng kính của tôi, ở đời xưng gọi là Khai sĩ Tổng trì, hiện sinh nơi đời xấu ác năm trược, theo gót tứ y. Giả sử có người trong bụng sắp lá kỳ tài, nghe đó bèn tan mật gãy bén nhọn, kẻ hùng biện thấy đó liền ngậm môi. Với Nho gồm cả năm xe, với Phật đủ cả tám tạng, thư thả có đủ, hoàn hảo khả quan. Dệt vẽ lời lan, bẩm chất cốt trời, thần tình cơ cảnh do ở tự nhiên, tiếng tăm phát tỏa nơi Thượng kinh, nhã điều lưu tỏa ở nước dưới, ý muốn truyền đăng, tâm làm rường cột, nghiệp gởi vàng để thành, công hộ pháp xa lan tỏa, tiếng tốt vang động nơi muôn nước, ngọc cách thấm đượm ở sáu tối. Nhưng mà Tông Nguyên của dòng họ Lão, khắp chỗ nghiên cứu tường tận, xin vì ông vì tôi Hàm trượng luận đó.

Khi ấy, cả hai cùng đến Kỳ Viên đảnh lễ, Khai sĩ lui ngồi một mặt, tỏ bày điều nghỉ muốn. Khai sĩ mới vận tâm không thỉnh mời, buông biện tài vô ngại, trông nhìn đó mà bảo rằng: Tìm xét Thái Cổ vô vi, dân đó chất phác thuần tố, chưa sùng nhân nghĩa, chẳng chuộng oai nghi dung vẻ, y phục chẳng dùng ở sáu chương, ăn uống đâu điều bởi năm mùi vị. Từ đời vận suy đổi thay, thời tiết lưu động, dòng thuần một lần biến, tràn sóng nỗi bốn bên, đã mất then chốt nơi buộc dây, nhân lấy Thư Khế để soi chiếu thế tục, tám sách nhân đó để làm, chín khâu do đó mà khởi. Đến lúc Hiên Viên lên chấp chính, thuần phong bèn ẩn, rất tranh đua danh sắc, kiêm ham thích săn bắn chài lưới. Bèn cảm bậc ẩn cư dung hợp thành thuyết năm ngàn văn từ, nói rõ thuần thục của đạo đức, tường tự phép trị của vô vi, muốn trở lại nguồn, phản chất phác ôm một giữ mái ấy vậy, nên nói rằng: Năm sắc khiến mắt người mù, năm âm thanh khiến tai người điếc, năm mùi vị khiến miệng người sai, rong ruổi săn bắn khiến tâm người phát cuồng, làm sao chúa của muôn thừa mà dùng thân nhẹ nói thiên hạ? Khinh thì mất bề tôi, tháo thì mất Quân

vương. Người khéo hành không dấu vết, người khéo nói không vết trích, người khéo tính chẳng dùng trù thẻ, người khéo đóng bít, không then chốt, người khéo buộc không dây đính ước, bỏ Thậm, bỏ Xa gọi là Thái (Thậm nghĩa là tham dâm thanh sắc, Xa nghĩa là phục sức ăn uống. Thái nghĩa là cung thất đài tạ. Nói ba thứ ấy là chỗ phải bỏ, trung hòa thực hành vô vi thì thiên hạ tự hóa vậy).

Quả mà chớ căng, quả mà chớ chặt, quả ma chớ kiêu, quả mà chớ cường ấy vậy. Xét biết sở dĩ như vậy, chỉ là cấm kính ngưỡng vật tình gần vì đời dạy răn, chưa thể đoạn gốc phiền não, tuyệt căn sinh tử, tìm vế thời của Hoàng đế, rủ áo xiêm, tạo dựng cung thất, chuộng thanh chuộng sắc, dùng săn bắn dùng chài lưới. Chúa người xa xỉ, hạ dân khổ nhọc, dung thành nhân thời ấy nên thuật cốt yếu đó vậy. Tuy nói không đồng hỏi đạo, nào từng cởi giày ở Đảnh hồ, nhẹ nâng tranh luận chôn ở Kiều sơn, đến như yên xứ siêu nhiên, chưa nghe thuyết ấy.

Nho sinh nói: Phàm năm ngàn văn từ, tham tầm sâu mầu của đạo đức, thuận theo xưa trước, trở lại thuần phác, cuối cùng đạt đến thái hòa. Quý hư tịch để giữ chân, chống chí ngôn để sùng gốc, văn ấy khôi phục rỗng thoáng để rộng xa, giáo đó đạm bạc vì mềm yếu, bỏ lìa danh lợi mà ẩn lắng đời. Thánh trí để lại tâm mà thành công chẳng ở nơi chính mình mà nghiên tầm sâu xa của muôn vật, tình còn nơi phong của Thánh nhân. Do đó, Ban Cố, Dương Hùng còn chẳng mắng hủy con cả, hoặc dùng trước ở sáu kinh, trùm ở đầu Nho, Thúc bì, Quân sơn; hoặc dùng ngôn ước đổi giữ, dùng quá nho thuật. Bởi biết có của ngôn ngữ, biết tinh vi của đạo, có thể vì trăm vua chẳng tước bỏ đó để răn, mà khai sĩ ép là đời dạy răn, đồng như tục điển, như vậy có thể được ư?

Bậc khai sĩ đáp: Người trí lớn quanh co nơi núi vút, kẻ khí nhỏ bồng bay mà bèo nổi. Tôi nghe là có thể làm, ở đời có thể làm thì thiên hạ đồng làm phải vì có thể làm vậy. Nay lấy làm rõ có thể làm lấy chẳng làm để chỉ bày ông vậy. Phàm, năm sắc khiến mù lòa, nghĩa là tham dâm, háo sắc, tổn thương tinh, mất tỏ sáng vậy. Há chẳng phải như chỗ Kinh Tịnh Danh nói: "Thấy sắc cùng mù ngang bằng ấy ư?" Năm thứ âm thanh khiến điếc, nghĩa là đam mê dâm thanh thì tổn hòa khí tâm, chẳng thể nghe nhạc không tiếng vậy. Năm thứ mùi vị khiến sai, nghĩa là người tham năm thứ mùi vị thì lưỡi tổn hại mà nhàm chán sống, đâu chẳng phải chỗ Tịnh Danh nói ăn dùng mùi vị không phân biệt ư? Chẳng quý của khó được đó thì dứt trộm cướp, há chẳng phải Quán vô thường ư? Chẳng thấy có thể tham muốn thì tự tỉnh lắng, đâu chẳng phải tỉnh lắng vậy, chẳng phải Quán thân bất tịnh ư? Bỏ phiền

não khiến tâm trống rỗng, mến ái tinh huyết khiến cốt cứng mạnh, thì có tâm có thể trống hư, có cốt có thể cứng, khí tam hình khô, chẳng phải tâm hư trống vậy. Thần rời bỏ đi thể rả mục chẳng phải cốt cứng vậy. Bẻ bé nhọn ấy gạt dứt tư tưởng vậy, mở rối ren ấy chẳng đấu loạn vậy. Chỉ là đè ép thông minh đó, dứt rối ren đua tranh đó, thanh kiệm tự giữ, chẳng cùng vật ghét ganh. Bởi vì nhất chí của kẻ sĩ, chẳng phải độ lớn của người thông rành, hòa cùng ánh sáng ấy chẳng loạn người vậy, đồng chung cảnh trần đó chẳng tự riêng biệt vậy. Ngay phải dương sóng quậy bùn sình để lánh hoạn, chưa thể lợi ích đồng sự, để giáo hóa chúng sinh, mới là có làm việc và có việc, chẳng phải là không làm việc. Vì mình mà hòa, chẳng biết nguyên do của vật tự hòa thì hòa chỗ chẳng thể hòa, giữa khoảng quanh co hình hài, nơi cảnh phân biệt sấp ngửa, lệ có thể biết vậy.

Nho sinh nói: Nhan Quang Lục nói: Đạo lưu xuất từ Tiên pháp, Phật vốn ở Thần giáo. Đạo ấy hẳn đến chỗ sâu rộng, bay linh tinh đan thạch liệp chi tinh, do đó, trở lại tuổi bỏ già, kéo dài hoa dừng thể vậy. Phật ấy hẳn giả từ thân thích, ngụ nhân thân tánh, bắt chước Tịnh giác, tin duyên mạng, trái lại một không sinh, khắc thành Thánh nghiệp, trí xa sáng lớn, chí cặp nhiều kiếp, tuy khác đường mà đồng kết quy, cũng nào khác mà riêng sang ư? Vừa rồi nghe khác lạ đó, chưa biết do vì sao khác, xin nên chỉ bày môn ấy, mong đồng trở về vậy?

Bậc khai sĩ dẫn dụ rằng: Dòng họ Nhan biết một nhà không biết hai Phàm, Thể của Đạo là vô danh vô vi, Thủy (đầu tiên) của đất trời, càn khôn vốn có chất có vi. Mẫu (mẹ) của muôn vật đó thì đạo chẳng vượt ngoài Thủy. Không vật mà chất đến nay có, bèn là vốn không mà nay có, đã có trở lại không, hạn cuộc giữa khoảng có và không, sinh thành trong thủy và mẫu vậy. Tôi xin nói về đó là: Vì là Chân đế nên không, là vô vi thủy của đất trời; Vì Thế Đế nên có, là hữu vi mẫu của muôn vật. Mẫu hay sinh vậy, thủy là gốc nên là chân đế. Thế đế nói có, chẳng phải không mà có. Chân đế nói không, chẳng phải có mà không. Chẳng phải không mà có, chẳng có có vậy. Chẳng phải có mà không, chẳng không không vậy. Chẳng phải không mà có, thường thấy tự tiêu; chẳng phải có mà không, đoạn kiến bèn dứt. Chẳng có có là chẳng phải có chẳng phải không có. Chẳng không không là chẳng phải không chẳng phải không không. Nói có đó là nói chẳng phải là có; đã có chẳng có nghĩa là chẳng phải có. Phải vì người chấp mất đó, người lại bại đó ấy vậy. Ông biết làm khác của khác, chưa biết nguyên do khác của khác. Chưa biết nguyên do khác của khác, sao biết nguyên

do khác của đồng khác? Chưa biết nguyên do của đồng khác, sao biết nguyên do khác của khác khác? Chưa biết nguyên do của đồng khác, sao biết nguyên do khác của khác khác? Chưa biết nguyên do khác của khác khác, sao biết nguyên do khác của đồng đồng? Chưa biết nguyên do khác của đồng đồng, sao biết nguyên do khác của chẳng phải đồng chẳng phải khác? Chưa biết nguyên do khác của chẳng phải đồng chẳng phải khác, sao biết nguyên do khác của chẳng phải chẳng đồng chẳng phải chẳng khác? Chưa biết nguyên do khác của chẳng phải chẳng đồng chẳng phải chẳng khác, sao biết nguyên do của chẳng phải chẳng không đồng chẳng phải chẳng không khác? Chưa biết nguyên do khác của chẳng phải chẳng không đồng chẳng phải chẳng không khác, sao biết nguyên do khác của khác đồng đồng khác không khác ư? Do đó, Đức Như Lai giảng nói pháp thường theo Nhị đế, khởi từ bi để cứu vật, hành hỷ xả để độ người, vô niệm mà thành tựu chúng sinh, chẳng động mà thanh tịnh cõi Phật. Tuy có thi vi mà không chỗ làm, ông nên rõ đó vậy, chớ tự sai nhầm.

Nho sinh hỏi: Mới đầu nêu bày Tam giáo, mỗi tự tỏ rõ xinh tốt, sau đem Đạo giáo phán vào dòng Nho, bỏ chánh ngôn của Thái sử, theo lời quanh co của Ban sinh. Quân tử không bè đảng, sao như vậy ư?

Bậc khai sĩ dẫn dụ rằng: Kẻ tiểu nhân bè đảng với thân, người quân tử bè đảng với lý. Nếu lý phù hợp mà sự thuận đồng thì nào có gì đáng thẹn lạnh lùng ư? Tôi nghe pháp thế gian có chữ mà không nghĩa, pháp xuất thế gian có chữ có nghĩa. Cớ sao? Vì pháp thế gian bềnh bồng hư ngụy, dụ như sữa lừa. Còn pháp xuất thế gian chân thật, dụ như sữa bò. Nhưng mà sữa lừa làm chẳng thể thành tô, giả sử cưỡng ép làm đó rồi trở lại tức thành nước tiểu. Sở dĩ như vậy là vì Thế phần tuyệt hết vậy. Còn sữa bò làm ra được tô lạc, cho đến thành đề hồ, càng dồi làm càng sạch sẽ, chỉ còn lại mùi vị thơm ngon, năm thứ đầy đủ, tám mùi vị ngọt đượm. Kinh Phật giảng nói, dẫn lấy đó để thí dụ. Khảo xét Sử ký trước Hoàng Lão, sau sáu kinh; Hán Thư trước sáu kinh sau Hoàng Lão. Thấy đó mới khác, căn cứ lý chẳng khác, mối đều theo chỗ ưa thích, chẳng phải luận hết lời ấy vậy. Vả lại, Ban Cố nói: "Dịch có sáu mươi bốn quẻ, Đạo chỉ đáng khiêm dường một quẻ". Nghệ Văn Chí phán xếp sắp đặt chung có chín dòng mà Đạo giáo chỉ đưa vào một dòng. Khổng An Quốc nói: "Sở hành của Tam Hoàng, gọi đó là Đại đạo; sở hành của Ngũ đệ, gọi đó là Thường đạo", chẳng nói riêng lại có đạo khiến người kính phụng đó. Nay vì khuyên ông, không thể tùy theo ức đoán của mình, khéo tự tìm cầu lẽ thật ấy vậy.

LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN 3

CHƯƠNG THỨ HAI: MƯỜI ĐỜI KÍNH PHỤNG PHẬT

Nho sinh hỏi: Tín tâm dần phát, tà chấp hơi xoay, các bậc Quân Vương ở đất Hán kính phụng Phật chí tín, lâu mà càng dốc lòng, làm phước có chứng nghiệm, nay có thể được nghe chăng?

Bậc khai sĩ dẫn dụ rằng: Từ khi Hạng Nhật giáng linh, Tôn giả Ca-diếp Ma-đằng vào đất Lạc dương, những người kính phụng Phật pháp, tâm ý quy hướng không thể nói hết. Nay tôi sẽ vì ông mà lược nêu bày các bậc Quân vương, tam công, tể phụ, thông nho bác thức kính tin Phật pháp để nói cùng ông.

Vua Thế Tổ Võ Hoàng Đế (Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn (là bậc Long nhan kỳ vĩ, thạnh minh thay đổi vận, hoằng dương Phật sự, rộng tạo dựng nhiều ngôi già lam).

Vua Huệ Đế (Tư Mã Trung 250-307) thời Tây Tấn (là người quy tâm với Diệu Đạo, ý hợp với Huyền Tông, mới đến các Hạ tạo dựng chùa Hưng Thánh, cúng dường trăm vị Tăng).

Vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn (là người dốc ý minh cảm, xa giáng thần nghi, bèn đến Trường an, tạo dựng chùa Thông Linh và chùa Bạch Mã).

Như trên, ở thời Tây Tấn, tại kinh đô Lạc dương và Trường an, có cả thảy một trăm tám mươi ngôi chùa, có mười ba người phiên dịch kinh được bảy mươi bộ, Tăng Ni có hơn ba ngàn bảy trăm (3.700) vị.

Vua Trung Tông Nguyên Hoàng đế (Tư Mã Duệ 317-323) thời Đông Tấn (là người Văn quỷ đại đồng, Trung hưng tại Giang tả, tạo chùa Ngõa Quan và chùa Long Cung, độ hơn ngàn vị tăng ở Đan dương và Kiến nghiệp).

Vua Túc Tông Minh Hoàng đế (Tư Mã Thiệu 323-326) thời Đông Tấn (là người Thông thánh soi xét cao, thiết trai tạo phước, tạo dựng chùa Hoàng Hưng và chùa Đạo Tràng, nhóm tụ trăm vị Tăng nghĩa học

danh xưng).

Vua Hiển Tông Thành Hoàng đế (Tư Mã Diễn 326-343) thời Đông Tấn (là người chí ý minh thông, thánh đức xa cảm, tạo dựng chùa Trung Hưng và chùa Lộc Dã, nhóm tập ngàn vị Tăng nghĩa học phiên dịch kinh).

Vua Hiếu Ai Hoàng đế (Tư Mã Phi 362-366) thời Đông Tấn (là người xa hỏi thị thần, xoay tâm với diệu lý, mừng tiếp thật đãi, mở lớn Long Quang).

Vua Thái Tông Giản Văn Hoàng đế (Tư Mã Dục) thời Đông Tấn (là người nhân thứ ôn hợp, làm Thánh khâm minh, tạo tượng thiết trai, độ Tăng dựng chùa, đến nơi tháp cổ ở Trường can, tạo lập ngôi Phù Đồ bằng gỗ rất mực tráng lệ kỳ vĩ).

Vua Liệt Tông Hiếu Võ Đế (Tư Mã Xương Minh 373-397) thời Đông Tấn (là người với tâm tinh tấn kính phụng pháp, chí niệm thầm phù hợp. Vua nước Sư Tử khâm trọng sự mến mộ đạo ấy, nên sai Sa-môn Đàm-ma-toát từ xa mang tượng ngọc đến tặng để biểu lộ tình son sắc, thỉnh mời các danh Tăng giải nghĩa, tạo dựng chùa Hoàng Thái, bèn bỏ phủ đệ xưa cũ để làm chùa Bản Khởi).

Vua An đế (Tư Mã Đức Tông 397-419) thời Đông Tấn (là người dốc tin không biếng lười, nguyện khơi dậy Hoàng nghiệp, đến nơi tháp vua A-dục, tạo dựng chùa Đại Thạch).

Như trên, ở thời Đông Tấn với thời gian một trăm lẻ bốn năm (317-420), tạo dựng cả thảy một ngàn bảy trăm sáu mươi tám (1.768) ngôi chùa, có hai mươi bảy người phiên dịch kinh được hai trăm sáu mươi ba bộ. Tăng Ni có hai mươi bốn ngàn (24.000) vị.

Vua Cao Tổ Võ Hoàng đế (Lưu Tục 420-423) thời Tiền Tống (là người khai mở thánh nghiệp tạo lập đầu tiên, xoay trở lại thuần phác, miệng chuyên trì tụng Phạm bản, tay biên tả giới kinh. Tạo dựng chùa Linh Căn và chùa Pháp Vương, nhóm tập và cúng dường Hiền thánh, theo học khắp ngàn vị tăng).

Vua Thái Tông Minh Hoàng đế (Lưu Úc 465-473) thời Tiền Tống (là người chí trị khắc minh, miệng trì tụng kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tạo bốn tôn tượng bằng vàng đồng cao trượng tám nhưng đúc không thành, sửa đổi lại còn một trượng bốn, tức liền viên mãn trang nghiêm thành tựu; cho họa bức tranh cao trượng tám, sáng sớm thọ thực giải trai, bèn cảm có được xá-lợi, tạo dựng chùa Hoằng Phổ Trung để thỉnh mời các bậc danh tăng).

Vua Thái Tổ Văn Hoàng đế (Lưu Nghĩa Long 424-454) thời Tiền

Tống (là người kính phụng trai giới, không giết hại, tâm tinh thuần kính mộ đạo, lấy chân tế làm gốc, lấy giới Phật làm tông. Ngồi hưởng đến thái bình, thỏa đáng như Thánh chỉ, khâm trọng kính ngưỡng Sa-môn Cầu-na-bạt-ma, chuyên việc hưng thạnh đại pháp. Tạo chùa Thiền Linh, thường cúng dường ngàn vị Tăng).

Như trên, ở thời Tiền Tống, xây dựng cả thảy một ngàn chín trăm mười ba ngôi chùa, có hai mươi ba vị phiên dịch kinh được hai trăm mười bộ. Phật giáo hưng thạnh, dốc tín càng nhiều, Tăng Ni có ba mươi sáu ngàn (36.000) vị.

Vua Thái Tổ Cao Hoàng Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483) thời Nam Tề (là người tự tay biên tả kinh Pháp Hoa, miệng đọc tụng kinh Bát-nhã. Cứ đến ngày mồng tám tháng tư thường chú đúc tôn tượng Phật bằng vàng; ngày Rằm tháng bảy, khắp các chùa đều dâng bồn cúng dường ba trăm vị danh tăng. Xây dựng chùa Trắc Dĩ và chùa Chánh Quán).

Vua Thế Tổ Võ Hoàng đế (Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề (là người tạo dựng chùa Chiêu Hiền và chùa Du Huyền, nhóm tập ba trăm vị danh tăng nghĩa học phiên dịch kinh điển, Tam giáo cách lượng cứ bốn năm khảo xét một lần).

Vua Cao Tông Minh Hoàng đế (Túc Loan 494-499) thời Nam Tề (là người biên tả hết thảy kinh, chú tạo ngàn tôn tượng bằng vàng, miệng đọc tụng kinh Bát-nhã, thường trì tụng kinh Pháp Hoa. Tạo dựng chùa Quy Y, thỉnh mời chư Tăng hành tập thiền, tự thân vua thọ trì sáu ngày trai, chuyên tu pháp Thập thiện).

Như trên, ở thời Nam Tề, tạo dựng cả thảy hai ngàn không trăm mười lăm (2.015) ngôi chùa. Có mười sáu vị phiên dịch kinh điển được bảy mươi hai bộ. Tăng Ni có ba mươi hai ngàn năm trăm (32.500) vị.

Vua Cao Tổ Võ Hoàng đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương (là người tánh độ rộng lớn, phong thái sáng rỡ nổi trội, gá tâm nơi thất giác, luyện ý tư ở Bát thiền, chế tác Ngũ Thời Luận, đọc tụng bốn bộ Phương Đẳng. Tạo dựng năm ngôi chùa, như chùa Quang Trạch, Đồng Thái v.v... Nhóm tập ngàn vị tăng đến điện Trùng Vân để giảng pháp, khắp trong nước nhà đều thọ trì sáu ngày trai, cả triệu dân chúng đều thọ tám giới).

Vua Thái Tông Giản Văn Hoàng đế (Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương (là người có dáng dấp cao sáng, phong thần vượt xa, dốc lòng với diệu pháp. Đọc xem khắp Huyền Chương, tạo dựng chùa Tư Kính và chùa Báo Ân, chích máu để tự biên chép mười bộ kinh Bát-nhã. Ngày giỗ của Thái Hậu không ăn mà thiết trai cúng dường. Soạn

thuật Pháp Tập Ký hơn hai trăm quyển, Pháp Bảo Liên có bốn trăm chương).

Vua Trung Tông Hiếu Nguyên Hoàng đế (552-555) thời Nam Lương (là bậc thể thánh đa năng, vào vi linh ngộ, tạo chùa Thiên Cư và chùa Thiên Cung. Nhóm tập ngàn vị Tăng cao danh cao hạnh, tự giảng kinh Pháp Hoa, thường giải luận Thành Thật).

Như trên, ở thời Nam Lương, tạo dựng được hai ngàn tám trăm bốn mươi sáu (2.846) ngôi chùa, có bốn mươi hai vị phiên dịch kinh điển được hai trăm ba mươi tám bộ, Tăng Ni có hơn tám mươi hai ngàn bảy trăm vị (82.700) vị.

Vua Hiếu Tuyên Hoàng đế (Tiêu Sát 557-562) thời Hậu Lương.

Vua Hiếu Minh Hoàng đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương (là bậc văn minh trị vì, trùng hưng Đại bảo. Ở thời Hậu Lương, xả tắc tỏa rạng khắp cả muôn dân. Ở Kinh Châu tạo dựng các ngôi chùa Thiên Hoàng, Trắc Dĩ, Đại Minh, Bảo Quang, Tứ Vọng v.v...).

Như trên, hai vua ở thời Hậu Lương trị vì tại Giang Lăng suốt ba mươi lăm năm (chỉ ba mươi năm: 557-587). Tạo dựng được một trăm lẻ tám ngôi chùa, ở núi có các chùa như: Thanh Khê, Lộc Khê, Phúc Thuyền, Long Sơn, Phi Sơn v.v... đều là Phật sự nghiêm lệ, Đường vũ điêu khắc kỳ lạ, người trông nhìn hẳn phát tâm, người được thấy quên trở về. Tăng Ni có ba ngàn hai trăm (3.200) vị.

Vua Cao Tổ Võ Hoàng đế (Trần Bá Tiêu 557-56) thời nhà Trần. Là người Ứng lịch báu mà lên ngôi vua, đến với Hội Xương mà làm Ty mục, thân cao tám thước, râu dài ba thước, lông xoay cuộn phủ tai, tay dài quá gối, dùng sức đại nguyện mà an giúp quần sinh, dùng đại trang nghiêm mà cắt dứt lắm nạn, trọn lời bãi ấp, nghĩ báo ân đất, nguyện khiến mắng trách đều đồng mừng vui đó. Năm Vĩnh Định thứ hai (558) thời nhà Trần, ở Dương châu, tạo dựng chùa Đông An, lại vì nước nhà, giúp đỡ quần sinh. Tại ngay Dương Đô trị hạ, tạo dựng bốn ngôi chùa như Hưng Hoàng, Thiên Cư, v.v... đều là dấu cờ chạm cột đường vân sườn phán vách, ba thềm cấp chỉnh túc mà uyển chuyển, ngàn cột trụ sáng rực mà lung linh, dài bày sắp nơi lối thoáng, cửa cao gần đến đường rong. Tinh xá lời tốt chưa đâu ngang bằng. Đều nhân đức lành há có thể sánh ví! Biên tả hết thảy kinh có mười hai tạng, tạo một vạn tôn tượng bằng đồng vàng, độ bảy ngàn vị Tăng Ni, tu sửa ba mươi hai ngôi chùa cũ.

Vua Thế Tổ Văn Hoàng đế (Trần Xuyến 560-566) thời nhà Trần, là người tiếp nối làm hưng thạnh Tam bảo, hoằng hóa Ngũ thừa, ân

đượm lớn sánh như mây từ, ánh sáng tỏ so tợ tuệ nhật, hình đẹp xinh vẻ vang khắp bốn biển, tâm nhân suốt cả ba linh. Điếu đẩu không so lường, dáo mác dội giấu, tu sửa sáu mươi ngôi chùa cổ. Biên tả hết thảy kinh được năm mươi tạng, độ ba ngàn Tăng Ni.

Vua Cao Tông Hiếu Tuyên Hoàng đế (Trần Húc 569-583) thời nhà Trần, là người nắm bảng vàng mà dẫn trong cờ hiệu, cưỡi xe vàng mà chỉ nước trên. Đất ở Đán thích, nhậm gồm cơ hành, năm chỉ được mùa, dân chúng no đủ, trong địa vức vô sự, thiên hạ đều an khương. Đến làng cấm trung ở Dương Châu, tạo dựng chùa Thái Hoàng, nhưng lấy cẩn trọng tang lễ tìm tình xa tha thiết. Chương Lăng vì Thủy Hưng Chiêu Liệt Vương Hiếu Thái Phi, mà đến chùa Thái Hoàng mà tạo ngôi Phù Đồ bằng gỗ cao bảy tầng, vàng quấn quanh sáng linh sánh sắc, châu xoay cùng ngọc hợp tranh ánh ngời. Lại lấy Hán Quang thiền vị để thay nhà phi thừa, thử trồng ruộng phước tạo dựng chùa Sùng Hoàng. Năm Đại Kiến thứ hai (570) thời nhà Trần, lại vì Thủy Hưng Chiêu Liệt Vương Hiếu Thái Phi, tiếp đãi muôn dân, kính phụng tạo dựng chùa Linh Sát cao mười lăm trượng, phía dưới tôn trí móng tay Đức Phật dài hai tấc, rộng một tấc, trang sức ánh ngời khám ngọc, cất giấu các hộp báu. Hoặc ánh sáng tỏa bay năm sắc, sáng rực nổi cả một tầm, thần biến chẳng cùng, người trông thấy càng tôn kính. Tạo hai vạn tôn tượng bằng vàng đồng, tu sửa một trăm ba mươi vạn tôn tượng. Biên tả hết thảy kinh có mười hai tạng, tu sửa năm mươi ngôi chùa cũ, độ một vạn Tăng Ni.

Như trên, ở thời nhà Trần có năm vị Vương chủ với thời gian ba mươi bốn năm (557-589) tạo dựng được một ngàn hai trăm ba mươi hai (1.232) ngôi chùa, trong nước nhà có bảy ngôi chùa mới. Bá quan tạo dựng được sáu mươi tám ngôi. Trong thành có hơn ba mươi ngôi chùa lớn. Hưng Địa Đồ nói: Trong kinh đô xưa có hơn bảy trăm ngôi chùa, gặp lúc Hầu Cảnh dấy loạn, thiêu đốt gần hết. Có nhà Trần thống ngự nước nhà, bèn cùng dân chúng đều tu sửa lại, rui liền tiếp nóc, dãi sánh Hoàng cư, Tháp nổi cùng thấy nhau, lưới sau trị dưới". Biên kinh tạo tượng, không thể nói hết, thiết đại hội vô giá cúng Tăng bố thí, phóng sinh cứu tội, hoằng tuyên Thập thiện, giúp đỡ bốn dân, khó thể xưng kể. Tăng Ni có ba mươi hai ngàn (32.000) vị. Có ba vị phiên dịch kinh điển được mười một bộ.

Trên đây, năm triều đại Quân vương, dốc lòng xinh đẹp Huyền phong, rộng hoằng dương Phật sự, lập chùa tạo tượng thỉnh mời các bậc danh tăng. Vua Thế Tổ thời nhà Tấn làm sống lại gia cấp. Vua Trung

Tông thời nhà Tấn giàu có ở Giang Biểu, Hoàng Minh phi thừa vận báu. Vua Hiếu Võ làm sáng rỡ đức phong. Vua Cao Tổ thời nhà Tống chăm chú lo toan hơi di dời, bước trời còn trở ngại, hai năm cứng rắn, bốn trận chiến nhọc binh, trăm lo toan thỏa sướng nơi cõi lòng, muôn cơ đều ở trong tay áo, nhưng chẳng nhọc hạnh nghiệp Đàn-na, thường giữ tâm hộ pháp, sùng kính tôn trọng Đại thừa, chiêm ngưỡng búi tóc, đọc tụng Long cung, hoằng Thánh chẳng nhọc, vận trong không tạm dừng. Vua Thái Tổ thời nhà Tống vận vầng nhật ấy ban trải thiên hạ thái bình đây, từng dấy khởi lòng nhân mở lưới, nghĩ trái lại chính sách gút dây. Vua Cao Tổ thời nhà Tề suốt thấu huyền diệu của chân giả, hết cả tinh hoa của Nho Mặc, bèn tu Thượng thiện, sáng tỏ Hạ Võ. Vua Cao Tổ thời nhà Lương xa vời vết trước có đức, nối theo khuôn thánh Tịnh Danh, thất gút lưới đất đã xé, chống đỡ màn trời nát đổ, chưa rõ tìm cầu y áo, ngồi đợi chờ sáng sớm, tự gắng gượng chẳng ngưng nghỉ, đến thuần tiếp nối Di luân. Đến như áo điển của Thứu Phong, Mật Nghĩa của Kê Viên, yếu chỉ của Nhị đế và Ngũ thừa, văn từ trong Tam Tạng chín bộ, chỗ mà râu đỏ chưa rõ mắt xanh đi đến chẳng giải thích, mà đều được, văn không xem lại, nghĩa chẳng nghĩ bàn, khinh thường mưu tục của Chu Khổng, dèm chê danh lý của Lão Trang. Hay khiến các bậc Tiên Nho giải thể, đủ khiến những vì tài giỏi ở đương thời phục ứng. Ít vào sân nhà ai nhìn vách tường sâu, riêng mở gương Thánh, chóng phát tình trời. Trí lớn rỗng rang ngoài trai tám tắc, tâm nhỏ giúp giúp, trong kiểm bốn nghi. Đến Xích Huyện mà tràn từ bi, ghé Huyền Hổ vì tin Hoằng thệ. Ân khắp có đảnh, đạo trùm không bờ, linh ứng tốt lành, điềm hợp thấy trước, khoan nhân đức hiếu, sử đầy sách sau. Chỗ hiển hộ chẳng truyền, nơi nhiếp chi chưa ghi lục, đều ghi đó vào thẻ vàng, cất giấu các ấn báu, dùng màn châu che phụ, dùng sàn ngọc đỡ nâng, đài Diệu Liên Hoa ở bốn trụ, tòa sư tử vượt ở chín cấp, chẳng ngay khách cỏ êm dịu, viết trên da thay giấy, cũng thấy khách của chúng Hương, rưới huyết ngấm bụi trần.

Lương Ký nói: Vua Võ Đế ở ngôi bốn mươi chín năm (502-550), thường vì sân râm mát, sớm dốc nghỉ nhớ, cảm suy càng thêm, tự than rằng: "Tuy có được sự tôn quý của cả bốn biển, nhưng không sao tỏ bày được với vàng cực", nên lưu tâm trong kinh điển Phật giáo, lấy tám bộ Bát-nhã là mẹ của chư Phật mười phương, hay trừ tội chướng, khéo tẩy phiền nhọc, nên tham cứu các kinh, tự thân trước thuật chú giải, Pháp luân cùng tiếp nối, trai giảng chẳng dừng tuyệt. Gá thắng phước ấy mong bày tâm hiếu, từng thay vì Nhị hoàng (song thân) mà

xả thân thầm cầu phước hựu. Mỗi lúc xả thân đất vì chuyển động. Đến Chung Sơn mà tạo dựng chùa Ái Kính, vào Thanh Khê xây chùa Trí Độ, bỏ phủ đệ nơi ở xưa trước mà tạo chùa Quang Trạch. Đến năm Phổ Thông thứ tám (527) thời Nam Lương, lại tạo dựng chùa Đồng Thái, điện đường hoa lệ, phòng hiên nghiêm sức, lướt mây chín tầng, sáng lệ như Vĩnh Ninh thời nhà Ngụy. Lại ở trong cung lập điện Chí Kính, đài Cảnh Dương xây dựng bảy miếu thất, cứ giữa tháng lại thiết bày thức ăn chay tịnh, đến lúc tông miếu cúng tế thường, chưa từng chẳng nghẹn ngào rơi lệ, dự theo tả hữu ngầm sụt lùi quạnh lòng. Tuy có ức triệu công việc lớn mà kinh quyển chẳng từng rời tay, mở xem trong ngoài, suốt đêm tới sáng. Trước thuật bộ Thông Sử Thư Uyển và Kinh Luật Dị Tướng, nghĩa loại trong tam giáo, văn ngôn của Ngũ Điển có hơn vài ngàn quyển. Đến như lưu ân nơi ngục chợ, phần nhiều thực hành lòng thương dung thứ. Có tội ấy không thể còn nguyên, thì biến đổi sắc mặt giây lâu sau đó mới hạ bút phán xét gian tà kiện tụng thì minh bạch, thông suốt như Thần. Tự mình không bày yến tiệc, không say sưa âm nhạc đàn xướng. Các thị tỳ trong Hậu cung đều không mặc tơ lụa, khăn áo của vua ở Ngự tẩm trong nội điện cũng chẳng dùng gấm vóc, mũ đai trang sức thảy làm từ vải sô thơ mộc. Vua là tấm gương mẫu mực mà muôn đời vẫn truyền tụng, mỗi ngày chỉ ăn một bữa và chỉ ăn toàn rau trái ngũ cốc. Có người mang tiến vua lọa khoai nước, củ sen, ăn vào có hương vị thơm ngon như thịt, nhân đó vua đã ban sắc chiếu cấm ăn loại đó. Các bậc Đế vương xưa nay hiếm có ai được như vậy. (Đúng là một vị quân phụ bất khả tư nghì vậy!).

Tấn Tề Vương Đại Du (nhã nhặn, thanh đạm); Tấn Tần Vương Hoằng Độ (khí chất nhu hòa); Tấn An Bình Vương (khí tiết, hiếu học); Tấn Nghĩa Dương Vương (trầm tư nhập thầm); Tấn Hạ Bi Vương (dốc chí kinh lược); Tấn Cao Mật Vương (Tín sùng mầu nhiệm); Tấn Kiếm Bình Vương (lập thân hùng dũng).

Các vị Đế vương này không ai mà không phò giúp sự nghiệp hoằng dương Phật pháp. Các quan tả hữu dưới triều đều khiến thọ lục trai, các hàng thân quyến đều thọ trì Ngũ giới.

Tống Lâm Xuyên Vương Nghĩa Khánh, Tống Bành Thành Vương Nghĩa Khiêm; Tống Nam Tiếu Vương Nghĩa Tuyên; Tống Lâm Xuyên Từ Vương Đạo Quy; Tống Kiến An Vương Hưu Nhân... Tất cả các đời vua nhà Tống thảy đều ca ngợi kinh văn, tu tập Phật điển, mỗi tháng sáu ngày ăn chay, thọ trì Bát giới. Văn chương chữ nghĩa sáng rỡ tinh tường, ngôn luận chẳng cùng, như vùng nhật tỏa rạng; như Huyền Hà

chảy cuồn cuộn, như sương khói mù tỏa trên sông. Các cung nữ, nương phi trong cung đều tu trai giới, các hàng tướng sĩ đều chăm tụng kinh. Trước tác “Tuyên Nghiệm Ký” để tán thán Tam Bảo. Vua Cảnh Lăng Tuyên Vương nhà Tề có người con Uyên Bác Lục Kinh, rõ thông bảy sách, đời tên xưng là Bút Hải, vốn dòng giỏi nhà Nho, sau lại quy hướng Thiền môn, tôn sùng kinh Phật, chuyên giảng Thành Thật Luận, tụng kinh Pháp Hoa; trước tác “Tịnh Trụ Tử” hơn hai mươi quyển, với của cải bổng lộc của nước nhà đều dùng để tu tạo công đức, thầm cảm Nhã Phạm, có loại như Trần Vương, tự thân nói Vân Nhã trở lại đồng với Đế-thích, lời vàng tạm mở đã xa trước tâm, pho ngọc mới bày, trước cháy sau rực rỡ, chăn màn mùa đông mùa hạ, biến phong cách vượt tuyệt, bít điềm tây hà, đổi tập tục của Long Trung.

Còn Thái tử Chiêu Minh ở thời nhà Lương và Tấn An điện hạ ở thời nhà Lương. Thái tử Chiêu Minh là người khế hợp đạo, vừa mới sinh bèn đã biết, Tấn An điện hạ là người đức sáng ngang trời, đón đi nơi vườn lễ nhạc, rong rảo giữa trường nhân nghĩa. Vẻ vang của Lạc Tân, bày xưa chẳng sánh, văn hoa của Hà Khúc, đối sao chẳng kịp. Hạ mở mới mà tạm thẹn có tụng phỏng vì lấm hổ, em út tám vương, liền cành mười tuấn, đều học suốt cùng trăm dân, văn gồm cả chín phải triết học, khí sắc sở vượt quá gió mây, khéo từ sáng ngời so với nhật nguyệt, tôn trọng diệu pháp, phàm kính phước môn. Đến như nhân hoa sáng nở, thành nghiêm sớm nở, danh tăng kết bạn, thông Nho đông nhiều, nhã nạp từ lý, văn vẻ trong ngoài, hay khiến các vị thạc đức gãy đâm, tiên hiền cáo bệnh, chẳng nhọc đùa kinh vào tám hẻm, chẳng mượn cưỡi xe dê đến cửa.

Ở thời nhà Trần có Bá Dương Vương, Dự Chương Vương, Hành Dương Vương, Quế Dương Vương, Nghĩa Dương Vương, Tân Thái Vương, sáu vị Vương đây đều là săn tìm bí điển, rong ruổi Thiên Chương, nghiên cứu tinh tường diệu lý, viết kinh tạo tượng, thọ giới trì trai, thường phụng sự ruộng bi (tu hạnh bố thí), cùng làm Đàn-việt thí xả.

Bành thành hầu Lưu Di Dân ở thời nhà Tấn (soạn Ngũ Thời Giáo trước thuật thơ Cửu Tưởng). Dự Chương Thái Thú Lôi Thứ Tông ở thời nhà Tấn (tâm tinh thuần kính mộ pháp, tạo dựng chùa Thê Linh). Lâm Hoài Lệnh Chu Tục Chi ở thời nhà Tấn (đượm phục đạo, ngày một mới). Tân Thái Hầu Tất Dĩnh Chi ở thời nhà Tấn (tâm mong cảnh tịnh). Nam Dương Trưởng Tông Bích Chi ở thời nhà Tấn (như việc khẩn khổ). Năm vị hiền trên đều tạ từ chức vị, chối bỏ vinh hoa, răn danh nơi thần phủ, theo Pháp sư Tuệ Viễn cùng vân du ngưng nghỉ, ý chí ẩn trầm, đồng đều

trải nhất tâm, đồng giẫm vào u cực, gá phù dung ở trung lưu, che Quỳnh Kha để vịnh lời, vụt bay mây khí nói tám cực, trầm ẩn gió hương suốt trăm năm, thể quên an để thêm lớn, tâm vượt vui để tự nhiên.

Thượng Thư Lệnh Hà Sung ở thời nhà Tấn (trung thuần giản chất); Thượng Thư Tả Bộc Xạ Trử Dực ở thời nhà Tấn (chí khí tiết tháo như sương băng); Thượng Thư Hữu Bộc Xạ Gia Cát Khôi ở thời nhà Tấn (giẫm đạo trinh cố); Thượng Thư Phùng Hoài ở thời nhà Tấn (chẳng lánh thanh sắc); Thượng Thư Tạ Quảng ở thời nhà Tấn (ân lòng thành thật can gián ngay thẳng).

Từ ngày Hoàng Huyền Sưu Băng làm phụ chính, cùng thổi gió tà, ghét ganh chư Tăng chống kháng lễ bái, Hà Sung v.v... cùng năm bậc hiền trên đã cùng các nghị quan bác sĩ v.v... thiết lập bàn nghị rằng: “Tìm xét từ thời nhà Hán nhà Ngụy mãi đến thời nhà Tấn chẳng nghe bàn nghị khác. Hiến chương tôn ty, thể thức không tạm ngầm. Nay các Sa-môn dốc lòng giữ giới, mỗi lúc đốt hương chú nguyện, hẳn trước tiên vì nước nhà, muốn cầu phước gia hộ đó, lớn tình không cùng mà thôi, kính phụng Quân vương, tôn sùng hành thiện, xuất phát từ tự nhiên, giản đơn của lễ nghi bởi do gìn giữ pháp. Vì vậy, các bậc tiên hiền ngự trị nơi đời do đó mà chẳng đổi thay. Chỗ có nghĩa là nhân lợi đó mà ban huệ đó. Hiền ngu chẳng dám không dùng tình, trên có thí của trời che đất chở, dưới có người giữ một tu thiện, nên tuân theo việc cũ của Tiên đế, thêm bàn nghị lấy làm lâu dài”. Mọi người không ai chẳng chấp nhận thỏa đáng.

Quan Tư đồ Công Vương Mật ở thời nhà Tấn thấy nơi cửa chùa Đông Dịch bỗng có ánh sáng vàng ròng tỏa chiếu nơi đất, nhân đó đến đào bới có được một tôn tượng bằng vàng phát ra ánh sáng cao bảy thước, bèn riêng xây dựng tinh xá trọn đời cúng dường. Lại cảm điềm lành hiển bày thật, nên tạo dựng chùa Đông An.

Ở thời nhà Tấn, có Hộ Quân Tướng Quân Vương Mặc, Hậu Tướng Quân Lưu Ức, Giang Châu Thứ Sử Sưu Duyệt, Tầm Dương Thái Thú Nguyễn Khản, cả bốn bậc hiền này đều lập chùa tạo tượng, quy mạng Phật giáo.

Phụ Quốc Đại Tướng Quân Hà Vô Kỵ ở thời nhà Tấn (là người sùng tín nghiêm khắc trọn đời, tạo dựng chùa Chỉ Viên). Hà Vô Kỵ vì An Đế trở về phía Tây, Hoàng Vận vui hòa hưng thái, đạo tục đồng mừng, khắp xứ Giang Biểu đồng khởi xướng, khuyên An Đế mở mang Phật giáo, tu tạo công đức. Ung Châu Thứ Sử Khích Khôi ở thời nhà Tấn (Di-đà xuất du, tạo chùa Kim Tượng).

Võ Xương Thái Thú Đào Khản ở thời nhà Tấn, mỗi ngày đi đến Quảng châu, có ngư nhân ở trong biển thấy có ánh sáng vàng ròng tỏa chiếu, trải qua cả tuần càng lớn rộng, lấy làm quái lạ mới nói cùng Đào Khản. Đào Khản đến trông xem mới biết là tôn tượng của vua A-dục, bèn tiếp đưa đến Võ Xương tôn trí tại chùa Hàn Khê. Cảm động công đức ấy, mọi người xa gần đều phát tâm. Đó là do sức lực của Đào Khản vậy.

Đan Dương Duẫn Cao Khôi ở thời nhà Tấn (là người phụng tu phước đức, được cảm linh, tạo chùa Linh Ứng). Trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thời Đông Tấn, Cao Khôi đến cầu Trương Hầu, trông thấy trong bến nước có ánh sáng năm sắc từ dưới nước vọt bay lên cao vài trượng, Cao Khôi bèn đến trông xem, mới được tôn tượng bằng vàng, không có tòa hoa đỡ mu chân, linh nhan hiếm có ở đời, người thợ tạo tác khác thường. Cao Khôi liền phát tâm khuyên dân chúng tu tạo công đức. Lại có Thanh Tín Sĩ Trương Kế Thế ở thời nhà Tấn, vốn chuyên sống bằng nghề chài lưới bắt cá, thấy trên nước có ánh sáng, đến xem mới thấy đó là tòa hoa đỡ mu chân tôn tượng Phật. Vua Giản Thành Đế (Tư Mã Diễn 326-343) thời Đông Tấn mới thỉnh đưa đến tôn trí nơi tôn tượng Cao Khôi có được trước kia, mà đều trông thấy như một, Trương Kế Thế bèn phát tâm bỏ nghề cũ, trọn ngày tinh cần, còn vua Giản Thành Đế hồi hướng, tin Phật oai linh. Lại có Thanh Tín Sĩ Đổng Tông Chi ở thời nhà Tấn là người sống nghề chài lưới bắt cá, thấy dưới đáy có ánh sáng, đến trông xem bèn được hào quang Phật, vua Giản Văn Đế (Tư Mã Dục 371-373) thời Đông Tấn mới đưa về an đặt sau lưng tôn tượng, uyển nhiên phù hợp. Nhân đó, ông ta dần hồi bỏ ác tu thiện, trọn đời hành đạo, tự biên tả kinh Đại Phẩm, mỗi tháng trì tụng một biến, suốt ba mươi năm chuyên ý với hạnh nghiệp.

Thái Thường Khanh Chu Ưng ở thời nhà Tấn đến cửa sông Hổ độc tại Hùng giang, cảm có được hai tôn tượng bằng đá trên nước mà lại. Vua Mẫn đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn nghinh thỉnh đến tôn thờ cúng dường tại chùa Thông Huyền. Chu Ứng bèn phó mạng với cầu pháp, lấy làm việc của chính mình.

Thường Thị Đái An Đạo ở thời nhà Tấn (là người học hạnh nghề tài ưu đạt, tạo dựng chùa Chiêu Ứng, tự tay khắc chạm năm tôn tượng giáp trử đều có được tướng tốt không đâu sánh bằng, thường luôn nơi thân tỏa phóng ánh sáng)

Phủ Tỷ Lang Lý Thông ở thời nhà Tấn (là người giữ chí một lòng).
Bành Thành Hậu Hoàng Hân ở thời nhà Tấn (là người chí tín thuần hậu).

Thái Bọc Khanh Vương Tuân ở thời nhà Tấn (là người Khắc ý trọn đời, tạo dựng chùa Thạch Gian). Dự Chương Thái Thú Phạm Ninh ở thời nhà Tấn (là vị Đàn-việt xả thí không nhọc một, kết chí với Sa-môn Tuệ Trì, đến núi Hộc lãnh, tạo dựng chùa Thê Thiền). Thái Thường Ân Trọng Kham ở thời nhà Tấn (là người chí khắc chung, linh văn cảm ứng). Đông Hải Hà Thừa Thiên ở thời nhà Tấn (là người đọc thông nội ngoại, là bậc sư biểu Nghiêm Công). Trương Cung ở Ngô quận thời nhà Tấn (là người khẩn thành kính phụng giới). Duyên Châu thứ sử Vương Cung ở thời nhà Tấn (là người khâm trọng các bậc thắng đức, phụng kính Sa-môn Tuệ Trì). Thừa Tương Vương Đạo ở thời nhà Tấn (là người ngay thẳng mà không kinh thường). Thái Úy Sưu Nguyên Quy ở thời nhà Tấn (là người thuần tánh không biến đổi). Đình Úy Hoàn Mậu ở thời nhà Tấn (là người Đức kịp các loài hữu tình). Thái Thường Tạ Ấu Hưng ở thời nhà Tấn (là người hiển bày đức nhân, ẩn tàng hạnh dụng). Tạ Côn ở Trần Quận thời nhà Tấn (là người có phong thái ánh ngời trần tục). Quang Lục Chu Bá Nhân ở thời nhà Tấn (là người đặc đạt sống bến bờ, gió trong lành tự thổi). Trung Thừa Thích Siêu ở thời nhà Tấn (là người khâm hiền trọng pháp, gá ý nơi rừng sâu). Hữu Vệ Tướng Quân Trử Thúc Độ ở thời nhà Tấn (là người phong nhã, giúp khắp). Trưởng Quảng Thái Thú Lý Nghi ở thời nhà Tấn (là người thạc tính mến mộ đạo). Thượng Thư Thái Nguyên Công Vương Mông ở thời nhà Tấn (là người nhân hậu cứu giúp đời). Ân Dung ở Trần quận thời nhà Tấn (là người anh tuấn hiếm ai sánh bằng). Thượng Thư Vệ Giới ở thời nhà Tấn (là người thuần nhã tuyệt luân). Tầm Dương Thứ sử Hoàng Y ở thời nhà Tấn (là người quên mình cứu vật, tạo dựng chùa Đông Lâm). Thị Trung Viên Ngạn Bá ở thời nhà Tấn (là người thanh phong thông khắp). Trần Dương Thái Thú Tạ An Thạch ở thời nhà Tấn (là người thần thái vận xa). Thượng Thư Ân Trọng Văn ở thời nhà Tấn (là người phong lưu nho nhã, kháng chí mây cao). Cối Kê Nội Sứ Vương Hy Chi ở thời nhà Tấn (là người văn bút kinh tuyệt). Ích Châu Thứ Sử Mao Cừ ở thời nhà Tấn (là người dốc lòng kính mộ đảnh lễ, gá chí nơi Sa-môn Tuệ Trì).

Văn Học, Vương Hợp, Lưu Khôi, Ân Hạo, Hứa Tuân, Tôn Xước v.v... ở thời nhà Tấn, đều là những bậc lưu danh một đời, tỏa vang khắp ngàn dặm, học chẳng ngày bỏ trống. Lạc Đông biết đó bác văn, tay chẳng rời quyển, mọi người bên cạnh sợ đó thành bệnh, tiếng tăm anh tài vượt tục, hơi khí quá xa mọi người. Đến như Ngạn Bá trước thuật Hậu Hán Thư mừng vui tán thán Phật lý, xem xét văn nghĩa đúng là những người rất mực sùng đạo.

Thượng Thư Tông Kính ở thời nhà Tống (là người khẩn chí cảm người). Trung Thư Lệnh Thẩm Khánh ở thời nhà Tống (là người dốc thành động vật). Quang Lục Khanh Đái Ngung ở thời nhà Tống (là người khéo nghĩ thần thông, tự tay chế sửa tôn tượng bằng vàng cao trượng sáu, tướng tốt không đâu sánh bằng, về sau tỏa phóng ánh sáng). Tân Đình Hầu Lưu Thiệu ở thời nhà Tống (là người có chí nguyện thầm phù hợp). Từ Châu Thứ Sử Vương Trọng Đức ở thời nhà Tống (là người tinh thành cảm triệt). Trung Thư Phạm Thái ở thời nhà Tống (là người bác vật huyền thông). Ngự Sử Vương Hoằng ở thời nhà Tống (là người thanh thông xa tục). Thị Trung Tư Không Chiêu Công Lưu Diến ở thời nhà Tống (là người mưu giúp vương thất). Thủy Hán Công Vương Khôi ở thời nhà Tống (là người kính trọng càng chí thành, gá chất nơi nghiêm sư). Nghi Đồng Tiêu Trung Hoạt ở thời nhà Tống (là người đệ tử hợp môn, nghiêm khắc mình kính hộ giới). Thượng Thư Tạ Trang ở thời nhà Tống (là người thông ngộ đặc đạt).

Ngự Sử Viên Mẫn Tôn ở thời nhà Tề (là người kính phụng giới không biếng lười). Lại Bộ Tạ Thiếu ở thời nhà Tề (là người duyên tình trùm đời, kính tín tuyệt luân).

Thái Úy Văn Trung Công Từ Hiếu Tự, và Thái Úy Văn Hiến Công Vương Kiệm ở thời nhà Tề. Hai ông này, Văn Trung có tài của Trụ Thạch, Văn Hiến ôm hoài lượng của Y Hoắc, kính luân trùm khắp, từ triều đình đến thôn dã đều chiêm ngưỡng, dốc tín rất lắm với khách tốt lành. Thức ngộ mới đến Linh vận, Phật pháp tỏa sáng hiển bày thật nhờ từ người ấy.

Đặc Tấn Trương Thự ở thời nhà Tề (là người phát tâm chí lý). Trung Thư Lệnh Chu Ngung ở thời nhà Tề (là người giải huyền hơn đời). Thị Trung Tả Thượng Thư, Trung Thư Lệnh Thái Tử, Trung Thứ Tử Quốc Tử Tế Tửu Trưng Quân Hà Dận ở thời nhà Tề là người vốn trải trung thành ẩn mật, phong lực đủ đầy, ôm trinh khí của đuốc ngọc, ứng một thời kỳ của Đại hiền, học hết kinh sư, tâm ôm huyền áo. Nhạc của Hòa Thiên Biến Vũ, lễ của Hậu Thành Khúc Đài, luận của Yêm Trung Lăng Hạ, sách của Âu Dương Tiêu Tử. Dịch bổ kinh Triệu Phó Phân Hàn Sở, đều là Huấn thích, không gì chẳng gần, nghiệp sạch chất nghi, rỗng đến thật trái lại, nhóm tụ đồ chúng dạy truyền, học sửa thành đoàn. Đến chùa Bát-nhã, tạo dựng cột trụ minh châu, quy hướng sâu sắc về dòng họ Thích, nhã thuần nội giáo, cột trụ minh châu tỏa phóng ánh sáng bảy ngày bảy đêm.

Thị Trung Thượng Thư Tả Bộc Xạ Trung Vệ Tướng Quân Đặc

Tấn Hữu Quang Lục Giản Túc Tử Từ Miễn ở thời nhà Lương là người ôn nhã sớm vang vọng, khuê chương hiển trước. Điển của Minh Đường Khúc Đài, sách của Tạ Hạ Hàn Ích, văn của Phong Khí Viêm Thụ, học của Yêm Trung Lãng Hạ, đạo của Long Cung Bán Châu, quyển của Thứu Sơn Hoa Thủy, không gì chẳng cùng nguồn hết sâu mầu, lần lượt vì lưu tâm.

Thị Trung Hộ Quân Tướng Quân Giản Tử Chu Xá ở thời nhà Lương là người nổi trội sớm thành, khuê chương phát từ thuở bé, không quản lao nhọc hỏi đạo của Mạnh Võ, khó nói kính khuyên, chẳng đợi nghi của Quý Khương, sự việc hiển bày nơi khuê đình, tiếng tăm lan tỏa khắp bang ấp, ký lục của chín phái trăm dân. Văn từ của sáu thi năm lễ, đều rộng thông cùng xưa trước, làm chuẩn cho đương thời. Thêm vì thọ trì Phật giới, hồi hướng dòng họ Thích, dứt tuyệt máu thịt tanh nồng kia, cam chịu rau quả đây. Nghiên cứu kim điệp của Long cung, hết cả ngọc chỉ của Hộc lâm, thường lấy thắng tập ở thành Tỳ-xá-ly, vi ngôn của nước Ma-kiệt-đề, bẻ sừng vạch má, riêng cao anh tài ở đương thời.

Thượng Thư Lệnh Thẩm Ước ở thời nhà Lương (là người văn uyển hàn lâm, riêng suy giang biểu, học làm khuôn phép cho đời, tài vượt anh tuấn ở đương thời). Thượng Thư Bộc Xạ Chu Di ở thời nhà Lương (là người giúp hợp Đế đạo, dựng lập pháp tràng). Thủy Hưng Lệnh Lục Hàm ở thời nhà Lương (là người bén nhạy xuất chúng, dốc tâm Chánh giác). Thị Trung Viên Sán ở thời nhà Lương (là người tiết tháo ngay thẳng, thường lập pháp Diên). Quốc Tử Tế Tửu Trương Sung ở thời nhà Lương (là người thạc học móc sâu, dốc chí huyền đạo). Thái Tử Thị Độc Vương Hoa ở thời nhà Lương (tuyệt hẳn ở đời không gặp). Đông Cung Thái Tử Thứ Tử Liễu Trừng ở thời nhà Lương (là người đàm huyền chẳng cùng). Trung Thư Lệnh Vương Tăng Nhu ở thời nhà Lương (là người học suốt huyền Nho). Trứ Tác Tiêu Tử Hiển ở thời nhà Lương (là người văn vẻ nội ngoại). Độ Chi Thượng Thư Tiêu Tử Khác ở thời nhà Lương (là người an tâm với huyền đạo). Bí Thư Giám Hà Kính Dung ở thời nhà Lương (là người chẳng rơi lạc luân thường). Lại Bộ Thượng Thư Tạ Cử ở thời nhà Lương (là người mặt chẻ tranh dài). Hành Quân Hạ Bộ Lưu Hiếu Cai ở thời nhà Lương (là người có rõ cẩn nước an, giẫm huyền phong của Linh vận). Hoàng Môn Trần Bá Chi ở thời nhà Lương (là người tin mà khéo thích xưa cũ). Trung Thứ Tử Khổng Hưu Nguyên ở thời nhà Lương (là người lập thân trung chánh, thực hành ở chính mình thanh kính).

Trung Thứ Tử Bình Tây An Bắc Nhung Chiêu Tướng Quân Tương

Dương Lệnh Lưu Tuân ở thời nhà Lương là người nghi biểu ôn nhuận, dáng mạo phong thái sáng rỡ, rảo bước tỏa sáng, lâu sau mà khả kính, khéo léo của cỏ lá móc bạc, kham treo trong trướng, kỳ đặc của văn rùa vết chim, tin đặt trên đài.

Thiên Quan Thượng Thư Lưu Hiếu Xước ở thời nhà Lương (là người thanh danh hơn đời). Tương Châu Thái Thú Liễu Tân ở thời nhà Lương (là người thề bỏ trâm đai, sùng huyền giẫm đạo). Văn học Vương Nguyên Tường ở thời nhà Lương (là người tuấn khí không ai vượt trước). Lĩnh Quân Tướng Quân Lưu Hiếu Nghi ở thời nhà Lương (là người vốn trải trung thành kính mật, xa kính sùng đạo xuất thế). Tả Thừa Trương Lăng ở thời nhà Lương (là người thức chân suốt lý). Ninh Man Trưởng Sứ Từ Cầm ở thời nhà Lương (là người phong nhã nhàn đạm, thanh biện nhập thần).

Trung Thư Nhan Chi Suy ở thời nhà Lương (là người cung kiệm dốc tin). Thị Trung Trung Thứ Ôn Tử Vương Huấn ở thời nhà Lương (là người thần dụng vận sáng, phong nghi nhàn tuấn, ra trung vào hiếu, dõng nghĩa chuộng liêm, bí tố đều gần, lưu lược cả thảy đó).

Tán Kỵ Thường Thị Chương Hầu Vương Quy ở thời nhà Lương (là người Vũ nghi của triều đình, kỷ tử của Hiên miếu, ngang ngang tiến tới sau, bày giải thạch, thuần nhã lai nghi, vén áo ngựa vàng).

Phó Đại Sĩ ở chùa Đông Lâm tại huyện Điểu dương quận Đông dương, thời nhà Lương, là người thường chuyển pháp luân, tiếp nối lớn mạnh tôn vị, phân thân thế giới cứu độ quần sinh. Hoặc ở nơi khoảng ức ngực chợt bày sắc màu vàng ròng, hoặc trong nắm tay có lúc tuôn nhã hương thơm khác lạ. Hoặc hiện thân tướng cao hơn cả trượng, tay dài quá gối, chân dài hai thước, ngón dài năm tấc, hai mắt rành rẽ, tròng ngươi sáng rực, dáng mạo đoan nghiêm có tướng đại nhân. Sai sứ mang thư đến tặng vua Lương Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, viết rằng: "Dưới cây song lâm tương lai sẽ giải thoát, Đại sĩ Thiện Huệ bạch cùng Bồ-tát Quốc Chủ cứu đời, nay tu thiện thượng trung hạ, hiếm có thể thọ trì. Trong đó thiện bậc thượng, lược lấy lòng rỗng làm gốc, chẳng chấp trước làm tông, quên tướng làm nhân, Niết-bàn làm quả. Thiện bậc trung lược lấy trị thân làm gốc, trị nước làm tông, trên trời và nhân gian, quả báo an lạc. Thiện bậc hạ lược lấy bảo hộ nuôi dưỡng chúng sinh". Vua Võ Đế bèn thỉnh mời đến ở chùa Định Lâm dưới Chung sơn, ngồi dưới bóng râm của tùng cao, nằm tựa đá tảng, trong Tứ triệt thường giọt cam lồ, suốt sáu tuần thường mưa hoa trời. Vua Võ Đế ở trong điện Trùng Vân tại vườn Hoa lâm khai đề kinh Bát-nhã,

riêng thiết bày một chiếc giường, cùng thiên chỉ đáp đối xiển bày. Đến lúc kiệu ngọc lên điện, an nhiên ngồi sàn. Hiến Tư dèm pha hỏi, Đại sĩ chỉ nói: "Pháp địa nếu động thì hết thảy chẳng an". Vả lại, biết thời vận nhà Lương sắp hết, muốn thương xót cứu giúp binh tai, mới đốt cánh tay làm đèn, mong đảo trừ họa đến. Đến mùa hạ năm Thái Kiến thứ nhất (569) thời nhà Trần, nghiêng phía hữu mà nằm, an nhiên nhập Niết-bàn. Bố thí đang lúc nắng nóng, mà thân mình vẫn ấm nóng không khác, sắc dáng tự nhiên, hình thể càng đẹp sạch, hơi thơm xông khắp, co duỗi như thường. Mọi người trông xem đều đồng phát tâm, ngợi khen chưa từng có vậy.

Thượng Thư Hữu Bộc Xạ Chương Hầu Từ Lăng ở thời nhà Trần (là người văn chương suốt tuyệt, kính tin hiếm ai bằng, chú tạo vạn tôn tượng, biên tả một tạng kinh điển). Thiếu Bảo Thượng Thư Bộc Xạ Viên Hiến ở thời nhà Trần (là người trung tiết hiếm ai bằng, dốc tin chẳng ai hơn, đến chùa Định Lâm tạo mười tôn tượng bằng giáp trử). Thượng Thư Bộc Xạ Giang Tổng ở thời nhà Trần (là người duyên tình nổi trội, hình ở đời trước. Đến ở khuôn sơn, tạo tôn tượng Di-lặc cao tám mươi thước, biên tả một tạng hết thảy kinh gồm ba ngàn bảy trăm năm mươi hai (3.752) quyển). Lại Bộ Thượng Thư Đình Úy Khanh Mao Gia ở thời nhà Trần (là người chí tiết cao vợi, nhân hậu đều tỏa sáng. Biên vận hai vua, học sánh ba cổ, tự thân cầm bút biên tả kinh Duy-ma, Tử Vân ở thời nhà Lương chẳng thể thêm đó vậy). Đông Cung Xá Nhân Phó Tể (là người học sánh Vương Trịnh, tài so tạ lục, thông sâu Tam giáo, diệu giải Nhất thừa, nổi trội hơn mọi người, trong nước nhà đều kính bái).

Những vị nêu dẫn trên đây đều có kỷ lục đầy đủ trong sử sách, chẳng lại phải thêm lời. Đến như Tạ Phi, Tạ Lãm, xả bỏ sự sống thì chỉ còn lại nghĩa; Liễu Khảng, Liễu Khôi suy công chẳng có; Giang Yêm, Nhâm Phưởng chung thủy thích nghi thay. Lưu Tra, Cố Hiệp trước thuật rất mực khéo giỏi. Thận mật như Trương Hoằng Sách, phỉ giải như Lã Tăng Trân. Trịnh Siêu Thúc trung thành, Vương Nghiệp Tiêu đĩnh trụ. Đầu ngực nghĩa cử đều là quý báu của đời, ước lại thông nhà, đều là đại Nho của một thời đại, thật là tên tuổi vang khắp bốn biển, đều tích chứa mưu lược Kinh Quốc, đồng xứng môn quân tử. Xả tắc do đó mới an, trên dưới nhờ đó mới hòa, có văn có võ, giúp đời giúp nhà. Người nêu công chín hợp, đều dựng nghiệp ngàn năm. Không ai chẳng gieo cả năm vóc kính lễ tam tôn của chúng ta, nhẫn nhục từ bi, tha thứ mình, suy mến vật. Trông nhìn đen vàng đó như mộng, nghe chuông trống đó như điếc,

xem thường thước ngọc mà mến quý mảnh lời, xả bỏ tóc da mà cầu nửa bài kệ, mông bút từng hết chẳng thể ghi cả sở hành đó, đuổi giấy nhọc cùng chưa thể trình bày tất cả ích lợi đó. Ở đây chỉ nêu bày một số rất ít để nghiên cứu mà nói.

Ở đời Thục, Trần, Tùy quý các hàng sĩ nữ nơi xóm làng, anh tài ở đương thời. Cửa cao liền với cổng lớn, nền lớn tiếp nối thềm rộng. Hoàng thân nơi thích lý, nhà giàu có ở Đế Kinh, đông đúc mến mộ đạo, mỗi mỗi giăng bày kinh, miệng đọc tụng lời vàng, tay mở pho quyển ngọc, số đó thật đông nhiều, như cỏ cây nương gá đất liền, gặp gỡ hạng đó như lớp vảy chìm lắng dưới sông dài. Đến như nông phu nhà trống, người già miền quê không tên tuổi, mênh mông biết mong hướng đến; hàng tuổi trẻ phát tín tâm đông nhiều không thể xưng kể, sao có thể ghi nhớ nổi! Do đó, phước hỗ giúp bốn loài quần sinh, vui mừng đỡ trợ ba đời, đáng nhân thỏa thứ đến con đến cháu, hay thực hành đức ấy, không ai chẳng đến vậy.

Vua Thái Tổ Đạo Võ Hoàng Đế (Phác Bạt Quế 386-409) ở thời Bắc Ngụy, đang lúc vận chung tan loạn, nước nhà rối ren suy sụp, muôn dân chẳng thấy lễ vật hiến dâng, dân chúng ở đương thời chỉ thấy dấu vết của chó ngựa. Lễ nhạc, văn chương, quét đất gần hết. Thái Tổ mới dùng dáng sâu hùng kiệt, ôm nhã lượng của bậc Đại vương, chỉnh định bình yên từ triều đình đến thôn dã, bao gồm Trung châu, mở lớn Long quang, ngầm trùm sử dùng thường ngày. Năm Thiên Hưng thứ nhất (398) thời Bắc Ngụy, mới ban sắc chiếu rằng: "Hưng khởi của Phật giáo từ xưa lại hiện còn vậy", nên ở nơi kinh ấp tạo dựng nghiêm sức dung nghi, tu sửa chỉnh trang chùa viện. Lại đến đất của Ngô Quắc, xây dựng ngôi Phù đồ mười lăm tầng. Tạo lập chùa và chùa Định Quốc, biên tả hết thảy kinh, chú đúc ngàn tôn tượng bằng vàng, thỉnh ba trăm danh tăng, mỗi tháng thỉnh nhóm giảng pháp một lần.

Vua Thái Tông Minh Nguyên Hoàng đế (409-428 Thác Bạt Tự) thời Bắc Ngụy, là người thông minh mẫn duệ khoan nhã, trái lễ không nói, xót thương nghĩ nhớ bốn loài quần sinh, kính trọng Tam bảo, bèn ở tại Nghiệp Hạ hỗ trợ độ Tăng Ni đông nhiều.

Vua Thế Tổ Thái Võ Hoàng đế (Thác Bạt Đào 428-452) thời Bắc Ngụy, là người khí khái tỏa trùm ở đương thời, oai phong chấn động cả thiên hạ. Hợp thẻ bốn biển, chậu lòng muôn nước, hồi hướng Nhất thừa, quy y Tam bảo, làm lại thắng địa già lam, tạo dựng tịnh cung Chiêu đề, bèn ở Nghiệp Thành tạo chùa Sùng Chánh, lại nhân Thôi Hạo sàm tấu mới phá diệt Phật pháp.

Vua Cao Tông Văn Thành Hoàng đế (Thác Bạt Duệ 452-466) thời Bắc Ngụy, là người thông đạt dĩnh ngộ, phong cách khác thường, trung hưng Phật giáo, tu sửa chùa vũ, Phật giáo lan trùm rộng khắp trở lại bắt đầu từ vua Văn Thành Đế, độ Tăng Ni có ba mươi ngàn (30.000) vị.

Vua Hiển Tổ Hiến Văn Hoàng đế (Thác Bạt Hoằng 466-471) thời Bắc Ngụy, là người đức hợp trời kia, đạo gần cực Thánh, tạo dựng chùa Chiêu Ẩn, thỉnh mời chư Tăng tọa thiền.

Vua Cao Tổ Hiếu Văn Hoàng đế (Thác Bạt Hoành 471-500) thời Bắc Ngụy, là người có thần quang soi sáng phòng nhà hòa khí sung đầy sân cửa, nhân hiếu thư thả cao vợi hiển bày, nghe xét chánh sự, theo thiện như dòng chảy, thương chuộng trăm dân, thường nghĩ cứu giúp làm điều lợi ích. Nhân ngày húy kỵ Thái hậu, khóc ở bên tả mộ, bỏ ăn hai ngày, khóc không ngưng tiếng. Bèn ở tại Nghiệp đô, tạo dựng chùa An Dưỡng. Các bậc cao Tăng thạc đức từ bốn phương nhóm tập, thị nữ ở sáu cung mỗi năm đều hành trì ba tháng chay trường và mỗi tháng có sáu ngày trai. Với những người tinh tấn đọc tụng kinh điển, đều độ cho xuất gia; với việc chẳng kể lớn nhỏ đều chuyên vì gấp giúp. Thường bảo các sứ quan không kiêng sợ nước xấu ác. Tay không rời quyển kinh, đọc xem đó rồi bèn giảng, mến quý các kẻ sĩ kỳ đặc, hay khéo tỏ tình như đói khát, khéo đàm nói về Lão Trang, rất dốc lòng với nghĩa lý kinh Phật, tài năng văn vẻ đủ đầy, văn chương có cả trăm thiên, chợt nhiên xa vời, chẳng vì việc đời mà phòng ngại đạo. Từ bé nhỏ tiếp nối giềng mối lớn, sớm hiển bày phong thái Duệ thánh, đến lúc dùng văn minh tiếp việc ưu du, khoanh xong huyền lãm, riêng được hiểu biết, tự chẳng nói Thần khế hợp, chỗ nêu hẳn phù hợp với minh hóa. Đến lúc tự thân nắm giữ Đại chính, mỗi ngày có muôn cơ, suốt thời gian mười năm chẳng từng bỏ trông cung cấp, khâm chuộng sáng tỏ, kiểm xét theo xưa hợp ngự trị trời người. Đế vương chế tác, pháp độ của triều đình và thôn dã, khám chước lấy bỏ, sáng rực văn chương, nhưng mà tận Thánh cùng Hiền, tiếp trời nối lịch. Kính vì Tiên Hoàng, đến chùa Đại Giác tu sửa dựng xây phòng nhà, cúng thí nồng hậu, cung cấp đủ đầy. Ảnh tháp kinh đài, sáng rực khắp cả. Trên nêu chùa vàng, dưới bày cột bạc, nhạn liệng như mây, đầu rồng tiếp mặt nhật, danh tăng tiếp gót, bạn đạo kề vai. Sớm rảo bước ao sen, tối nương nghỉ gác hương, phong lưu vườn tuệ, phạm hưởng rừng thiền. Thỉnh mời ba trăm vị Tăng ngày đêm sáu thời đọc tụng kinh pháp không ngưng nghỉ. Độ các hàng Tăng Ni cả thảy mười bốn ngàn (14.000) vị.

Vua Thế Tông Tuyên Võ Hoàng đế (Nguyên Khác 500-516) thời

Bắc Ngụy, là người ở điện Càn Thức, vì chư Tăng và triều thần mà giảng kinh Duy-ma, mừng vui không lộ bày nơi vẻ mặt, cao nhãn mến thích kinh sử, rất khéo giỏi nghĩa lý kinh Phật. Khéo phong nghi, đẹp dung mạo, đức hạnh phong cách âm dương, sáng đồng như nhật nguyệt, truyền bá văn giáo vì nghĩ nhớ người xa; điều hòa lễ nhạc, vì phô bày tuấn đạt. Đến nơi đất ba sông, sáu quận, giữa khu vực của Kinh Vị Bá Sản, tạo dựng bốn ngôi chùa như chùa Phổ Thông, chùa Đại Định v.v... cúng dường ngàn vị Tăng tinh thông tam học.

Vua Túc Tông Hiếu Minh Hoàng đế (Nguyên Hư 516-528) thời Bắc Ngụy, là người được một trinh thuần, thể hai lân cực, gồm ba thừa rong ruổi, đến ngã tư đường thông mà rong bước. Bèn ở ngay Nghiệp Hạ tạo dựng chùa Đại Giác, yểu điệu phòng cong, sâm sai nhiều lớp điện, gió rút ra cửa nẻo ấy, mây ráng nổi trên mái nóc, kề vai thấy tướng cây gỗ quý hiếm xa dài, bên cạnh trông nhìn cỏ lạ. Đó tợ như đất vàng của Tu Đạt xưa trước rất được tương đồng, vườn trúc Ca-lan còn khó sánh phỏng.

Vua Kính Tông Hiếu Trang Hoàng đế (Nguyên Tử Du 528-530) thời Bắc Ngụy, là người phong thần ưu tú vời xa, dáng mạo kỳ vĩ, vốn trải trung trinh, sớm xứng muôn dân trông ngóng, tạo dựng năm ngôi tinh xá, khắc chạm vạn tôn tượng bằng đá.

Vua Hiếu Võ Hoàng đế (Nguyên Tu 531-534) thời Bắc Ngụy, là người khéo thấu cùng số thuật, kiêm thông rành võ nghệ. Gồm tất cả yếu chỉ lên chân, khâm chuộng huyền du xuất thế. Năm Vĩnh Hy thứ nhất (532) thời Bắc Ngụy, đến Trường an tạo dựng chùa Trắc Dĩ, cúng dường hai trăm vị danh Tăng, quanh năm giảng tụng, không ngày nào tạm phế bỏ.

Vua Văn Hoàng đế (Nguyên Báo Cự 535-552) thời Tây Ngụy, là người lập đức lập nhân, xứng văn xứng võ, thường hành tín xả, luôn vận từ bi. Năm Đại Thống thứ nhất (535) thời Tây Ngụy, tạo dựng chùa Bát-nhã cứu giúp người cô quạnh già suy, cùng cấp chư Tăng cảm mắc bệnh; miệng chuyên đọc tụng kinh Pháp Hoa, thân nghiêm trì tịnh giới. Xây dựng điện Thất Giác, làm phòng nhà Tứ thiền, cúng dường không ngưng nghỉ, cúng thí nhẫn nhục chẳng cùng.

Vua Hiếu Tỉnh Hoàng đế (Nguyên Thiện Hiện 534-550) thời Đông Ngụy.

Như trên, ở thời Nguyên Ngụy, mở đầu ứng với điềm lành đế vương xa hợp minh phù, mừng vui nhóm tập đồi thọ, thần soi chiếu như nước, chín vườn nhân trùm khắp, bốn biển thêm sai, tiếp nối giềng mối

tốt tươi của Tam Hoàng, bao gồm dấu vết huy hoàng của Ngũ Đế. Vua Cao Tổ dùng Thánh ẩn ngự trời, dời kinh đô định đảnh. Vua Thế Tông dùng thông mẫn tiếp thừa sự nghiệp, mở mang bình an âu hạ. Tiếp nối cơ nghiệp của nhiều Thánh, vốn nghiệp phép trời, thử quán xét muôn tượng càn khôn cúi hợp mưu người, xa tuân theo thể thức xưa cũ, rất biết thời sự, xét vết rùa tiếp nối tốt lành, dời vườn nhà Chương phủ, xướng lại lịch báu, khắc dựng nền tảng lớn. Thánh đức lại tỏa sáng, kịp đến chín đời mới thọ chung. Vua Văn Tổ vận chung ở đời vua Tỉnh Đế.

Ở thời Nguyên Ngụy có cả thảy mười bảy đời vua với thời gian một trăm bảy mươi năm (386-556), khắp nước nhà tạo dựng bốn mươi bảy ngôi chùa lớn. Lại ở đời Bắc Ngụy thường an trị Tây, bên cạnh đó, mỗi phía trên dưới hơn ba mươi dặm, khắc đá đặt khám, khắp bày tôn tượng Phật, tính chẳng thể hết, trang nghiêm rộng xem, đến nay vẫn hiện còn, tuy từng trải qua gặp phải hủy diệt giáo pháp, khám ấy vẫn chẳng hư hoại. Các hàng Vương công quý thất, Vương hầu ngũ đẳng v.v... xây dựng tám trăm ba mươi chín ngôi chùa, trăm dân xây dựng hơn ba vạn ngôi chùa. Độ Tăng Ni có hai trăm vạn vị, có mười chín vị phiên dịch kinh, được bốn mươi chín bộ.

Vua Cao Tổ Văn Tuyên Hoàng đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề, giáng linh đến ngày, duỗi mừng vui trông nhìn mây, Hà Đồ mang chữ, nghiệm trinh phù của Đế lục, ở ngoài biển đoán gió, biết trong nước có Thánh nhân. Chín mục đến cống hiến, trâm thần đều trật tự, quý đạo chuộng đức, ẩn tàng dụng hiển bày đức, hoặc vượt ra hoặc ở. Chẳng phải chỗ lường tiểu tiết, chợt trí chợt ngu, nên chỗ soi xét của Đại nhân. Đến như hoằng thông tượng pháp, trang nghiêm đất vàng, có đến cạn sâu đều đến cửa Niết-bàn, đất tùy dơ sạch đều ngang bằng sắc màu lưu ly. Đến như bẻ dẹp kiêu mạn, không như chính chiến ở Đan thủy; nhàm lìa ràng buộc, khác lễ của Chiêu hoa. Do đó, chuẩn đích Năng Nhân, tan nát chúng ma Ba-tuần, hiến chương Đại giác, xem nhẹ tôn quý của Luân vương. Hẳn là đại quyền ứng vật, thệ nguyện rộng lớn làm ích lợi quần sinh ấy vậy. Khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (550) thời Bắc Tề, thỉnh mời Thiền sư Điều, cầu xin thọ giới Bồ-tát. Từ đó, lại đoạn thịt cấm rượu, phóng thả chim săn, dẹp quan chài lưới, lại dứt đoạn giết mổ trong thiên hạ. Mỗi tháng trì sáu ngày trai, mỗi năm có ba tháng chay trường, khuyên dân lành trì trai giới. Vườn của các quan và rau quả tanh nồng bất kể của công hay tư khắp cả sáu phường đều phá dẹp, bên ngoài nếu có thì không cho đưa vào. Phát động xây dựng chùa tháp, độ Tăng Ni ở khắp các châu. Lại thỉnh mời các Sa-môn Chiêu

Huyền Đại Thống Pháp Thượng làm Giới sư, từng trải tóc nơi đất để Giới sư giẫm bước qua. Năm Thiên Bảo thứ hai (551) thời Bắc Tề, vua ban sắc chiếu rằng: "Kính ngưỡng chỉ Từ Minh gìn giữ an ổn bốn biển, đức hạnh muốn báo đáp thì nương nhờ Đấng Đại giác. Các loài chim muôn thượng sinh nên thả phóng vào núi rừng. Lấy chỗ đất này vì Thái hoàng Thái hậu, xây dựng tháp Thủy Bảo, bỏ các thầy nuôi luyện chim săn, xây dựng chùa Báo Đức". Độ Tăng Ni hơn tám ngàn vị chỉ trong mười năm, Phật pháp đại thạnh.

Vua Túc Tông Hiếu Chiêu Hoàng đế (Cao Diễn 560-561) thời Bắc Tề, là người tiếp nối chứng cứ chốt điện, kế thừa mừng vui Sao Mống, tỏa sáng trùm khắp ngoài bốn phương, hợp thuận ba thần, thể đạo ở nơi tôn quý, hiển bày đức nhân làm Thánh, sùng phụng chí giáo, tình gá huyền môn, pháp luân nước Ba-la-nại, giảng thuyết vườn Lâm-tỳ-ni. Yếu chỉ của Tứ đế, Bát chánh đạo, giải thuyên của Ngũ thừa thập hạnh, sức lớn Hương sơn tạm ngày khó thắng, trong ngoài hết da, còn nói chứa khắp, tùy hạnh nghiệp thế gian, ứng hoằng thệ của quần sinh. Kính vì Tiên hoàng biên tả hết thảy kinh gồm mười hai tạng, có cả thảy ba mươi tám ngàn không trăm bốn bảy (38.047) quyển. Đầu xanh giải tía, dây bạc tơ vàng, dùng màn hoa sen để che, lấy tòa sư tử để đỡ, văn cùng nhật nguyệt đồng cao, công gần như tạo hóa đồng rộng. Độ các Tăng Ni có ba ngàn (3.000) vị.

Vua Thế Tổ Võ Thành Hoàng đế (561-565) thời Bắc Tề, là người rộng cứu tế quần sinh, ứng vân du cõi Phật. Trong vườn Phương lâm, lại dấy khởi ngôn từ hoa lọng; bên cạnh thành Lạc Ấp, lại quấn quanh bài tụng ấn thư. Ở tầng đài Biệt Quán đều xây dựng già lam, ngọc bích châu cơ đều sung làm vật cúng thí. Tự thân đảnh lễ, thường chuyên kinh hành. Năm Thái Ninh thứ nhất (561) thời Bắc Tề, xây dựng tháp Doanh Bảo, cởi bỏ ngự phục trân quý đều đốt làm của cúng thí, trì tụng kinh Đại Phẩm cứ mỗi tháng vài biến.

Như trên, ở thời Bắc Tề, dòng họ Cao có sáu đời vua với thời gian hai mươi tám năm (550-578). Hoàng gia dựng lập bốn mươi ba ngôi chùa. Có sáu vị phiên dịch kinh được mười bốn bộ.

Vua Hiếu Mẫn Hoàng đế (Vũ Văn Giác (557-557) thời Bắc Chu, là người thông mẫn nghiên cơ, suốt rành xa rộng, trời tung thần võ, dân quy hướng ngục tụng. Nắm kiếng vàng mà ở ngôi vị tôn quý, ngang bằng ngọc hành để dựng xây nước nhà. Gặp thời tao loạn giết chóc, đời lấm mây sấm, đất quất hết lưới, mặt nhật bít che ánh sáng, vướng vít xoay chín phục, chấn động kinh hãi trăm sinh linh. Thế rồi tượng vi lại

lập chương, chốt cung thắt buộc lại, chỉ mẫn duệ làm Thánh, biết cơ gọi là Thần. Năm thứ nhất của thời Bắc Chu (557), hoằng thông tượng hóa, các bậc danh đức trong nước nhà, kính mộ nghĩa, quy hướng nhân, rộng mở cửa giải thoát, rộng thông đường Bồ-đề. Muốn khiến trời thấu cùng hữu đảnh che phủ mây từ, đất hết không ngằn mé đều đượm nhuần tuệ nhật.

Vua Hiếu Minh Hoàng đế (Võ Văn Dục 557-561) thời Bắc Chu, là bậc Quân vương đến muôn nước, bình yên tỏ rõ trăm dân. Trong thân gần chín tộc, ngoài an hòa bốn cửa, phong bít ngọc quỳnh của giới khâu, quán xem gấm ngọc của đồ sơn. Cho đến gốc lành, liệt bút bày tích, các quan năm tướng mười hành đều biết đường quy y, ngoài quán trong giác, đồng lên cửa giải thoát. Thế giới có ngằn mé, thệ nguyện không cùng tận. Hai năm, vì Tiên hoàng kính tạo một tôn tượng Lô-xá-na thêu dệt thành và hai vị Bồ-tát, cao hai trượng sáu thước; mười hai tôn tượng bằng gỗ chiên đàn ngang bằng thân mình, mỗi mỗi đều có hai vị Bồ-tát và Kim cang sư tử v.v... diễm lệ như trời tạo thành, tuyệt diệu đồng như thần chế tác.

Vua Thái Tổ Văn Hoàng đế (?), là người thông minh ẩn tàng trí, nổi trội tiếp nối thể thức, bốn cửa xứng an hòa, trăm vua đều tương tự, trên giáng báo tốt, dưới hợp tinh tường. Ở tại Trường an tạo dựng sáu ngôi chùa như Truy Viễn, Trắc Dĩ, Đại Thừa, Ngụy Quốc, An Định, Trung Hưng v.v..., độ ngàn vị tăng. Cúng dường Pháp sư Vĩ và đệ tử có hơn bảy mươi vị, cúng dường Quốc sư Thiền sư Thật. Lại đến nơi mộ Thiền sư Thật, tạo dựng chùa Phước Điền, lại vì Đại Khả Hản Y Ni, tạo dựng chùa Đột Quyết.

Vua Cao Tổ Võ Hoàng đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu, là người ứng kỳ ngự biện, nắm kiếng cưỡi trời, Huấn hợp lòng trên dưới, Tắc của kinh trời nghĩa đất. Năm vĩ khác phương thì dùng khế trời để ngự trị, bốn hướng mất chốt thì dùng trục đất để kéo giúp. Dời phong đổi tục, an nước trị dân. Đạo trùm khắp cửa chấn, sáng rõ hoa bay ngọc ban thuấn, công mở điện đường, thông sông giáng ngọc khuê tích võ, núi ngôi giao linh, trong ngoài yên phúc. Văn Võ thành thứ hai (560) ở thời vua Hiếu Minh Đế (557-561) vì Văn Hoàng đế (?) mà tạo tôn tượng Đức Phật Thích-ca bằng gấm cao một trượng sáu thước, và Bồ-tát Thánh tăng, Kim cang sư tử bao quanh tháp báu gồm hai trăm hai mươi tượng, không gì chẳng là vân đồ long khí, bỗng chốc thành khéo léo của tổ chức, rưới nước sóng sông, chẳng gá chế của tháo dao. Chiếu Tịnh độ ở Thần quang, mở Hóa Phật ở Viên ảnh, bèn ở tại Kinh đô tạo dựng

ba ngôi chùa Ninh Quốc, Hội Xương, Vĩnh Ninh v.v... Các bay đạp đài của Trung Thiên, cửa lớp giẫm quán của Liệt Tiên, tui mây, cột vẽ, trụ họa, rường vân. Phòng hạ cửa thư, ao sen vườn mít, nơi nơi tinh khiết, mỗi mỗi đều anh hoa. Người thấy quên cả trở về, người trông nhìn lóa mắt. Độ Tăng Ni có một ngàn tám trăm (1.800) vị, biên tả kinh luận có hơn một ngàn bảy trăm (1.700) bộ. Về sau, gặp Trương Tân sàm tấu mới làm điều bất thiện.

Vua Hiếu Tuyên Hoàng đế (Võ Văn Huân 579-579) là người làm sáng ngời lại Phật nhật, sau quang rạng vượt hơn trước, tạo hơn vạn tôn tượng họa ở nơi bốn khám, biên tả ba ngàn (3.000) bộ kinh Bát-nhã, mỗi tháng sáu ngày trai chẳng bỏ sót, tám giới không lạm hủy, trọn đêm đến sáng kinh hành tụng niệm, lập bốn nguyện lớn, chí ở Bồ-đề.

Như trên, ở thời Bắc Chu, dòng họ Võ Văn có năm đời vua với thời gian hai mươi lăm năm (557-581), xây dựng được chín trăm ba mươi mốt ngôi chùa. Có bốn vị phiên dịch kinh điển được mười sáu bộ.

Vua Cao Tổ Văn Hoàng đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy, là người ứng vận ngàn năm, đáng là kế thừa của trăm vua, Huyền đức thông với Thần minh, chí công bao gồm tạo hóa. Mới đầu tiếp nhượng chưa động nhung y, ngay buổi lạc suy đều sáng ngời thứ tích. Từ đó, nắm ngọc quý mà vận càn tượng, giẫm văn minh mà ngang bằng đẩu cực. Nghiệp của đường trời lưới đất, lại tỏa sáng tử vi. Dáng dấp nhân thạnh Thánh minh, liền hoa nhật nguyệt; chí đức trùm khắp người quỷ, thần hóa hợp cùng âm dương. Oai phong chấn động chín lớp vây quanh, mưa mốc đượm nhuần bốn biển, tiếp nối giềng mối tốt tươi của Tam hoàng, bao gồm dấu vết sáng lạng của Ngũ đế, văn cảnh Thành Thang chẳng thể kịp vậy. Nên có rùa đen, chim tước đỏ, nai quý, rồng lành đều đông đúc nơi sông ngòi, đồng đến ở vườn lan, đến như sô ngô ở Thái bình, giáng kỳ lân ở Phú xương, đông cá Điệp, tây chim Kiêm lẫn lộn nơi thượng uyển, quạ đỏ phụng xanh sáng rực rừng hoa. Điện khuyết sản sinh cỏ linh, trụ tảng hoàn thành ngọc đẹp, đá nổ chữ kỳ lạ, núi phát tiếng tốt lành, cam lồ rưới lễ, suối vọt muôn sao, lấp lánh giếng nổi, cỏ châu mọc rậm, mầm tốt tươi đều xinh đẹp, người què có thể bước, người câm có thể nói. Từ đượm chín bờ, đượm nhuần tám biển, trù sáng để hợp biến qua kế tối để biết nắm lại là Thánh là Thần, lắm tài lắm nghề. Chính sách của vô vi, xa tiếp nối lìa liền; phong của hữu đạo, thật sánh cùng Viêm Hạo. Nghe nghĩ dứt tụng sánh phòng ốc có thể ngăn bít, hoằng hộ ở tâm, dẫn dắt niệm rường cột Tam bảo mang đội quần sinh.

Năm Khai Hoàng thứ ba (583) thời nhà Tùy, ban sắc chiếu rằng:

"Trẫm khâm trọng kính sùng Thánh giáo, nghĩ còn Thần vũ. Các chùa viện ở thời nhà Chu phá hủy đều nên tu sửa lại". Kinh Triệu Thái Thú Tô Oai vâng phụng sắc chiếu, nên ở trong kinh thành chọn chỗ đất hình thế ưu thắng, an đặt Già lam. Từ đó khắp trong kinh thành chẳng kể mọi nơi rộng hẹp mà có chư tăng giẫm trải qua đều hứa thuận xây dựng chùa và đều được tên công.

Xưa kia, tháng sáu năm quý sửu, tức năm Đại Thống thứ bảy(1) thời Hậu (Tây) Ngụy, vua Cao Tổ sinh tại phòng Thần Ni ở chùa Bát-nhã tại Đồng Châu. Bấy giờ, chánh khí minh phù, sáng đỏ đầy phòng nhà, ngồi tràn ngoài cửa, lửa tía xung trời. Mọi người trông thấy trong đó thảy đều kinh dị, cùng nhau cấm ước, không để người ngoài nghe biết. Sau đó ba ngày, hơi khí sắc tía tràn đầy cả sân, người vật ở trong đó đều thành sắc tía. Bốn phía trông thấy hơi khí ấy tợ lọng xoay, hoặc tợ như lầu cao. Lại có cảnh phong cam lồ, hợp đầu liền cành, ao nở hoa lạ, rừng sinh trái kỳ, trùng độc ẩn mất, chim cành bay liệng hót, bèn được Thần Ni giữ gìn bảo dưỡng. Đến lúc lên ngôi vị lớn bèn nhớ nơi ở xưa, nên năm Khai Hoàng thứ bốn (584) thời nhà Tùy, vua Kính vì Thái Tổ Võ Nguyên Hoàng đế và Nguyên Minh Hoàng Thái hậu, dùng nền móng xưa cũ của chùa Bát-nhã mà xây dựng chùa Đại Hưng Thiện. Chùa Bát-nhã trước kia trong khoảng niên hiệu Kiến Đức (572-578) thời Bắc Chu, trong ngoài loạn lạc, tấc xà thước rui quét đất đều hết. Nên mới khái thác quy mô, hoàn bị thêm rực rỡ, bảy lớp bao quanh, trăm trụ cùng gìn giữ, khám thất cao kính, hiên vũ liền mái, mâm vàng bưng mốc ngoài mây, khánh bay lay gió trên trời.

Lại vì Thái Tổ sang nhậm Tùy châu, cũng tạo dựng chùa Đại Hưng Quốc, kinh độ tạo dựng chùa Đại Hưng Thiện. Mở mang tạo lập Tháp linh, rộng đặt cung trời, tượng thiết bày cậy tự khoảng không. Mai Lương giá xoay, Bích Đang ngời hình thể, Ngọc Đề ngậm sáng, cột họa cưỡi mây, cột đội bưng vầng nhật. Gió hòa linh báu, mưa đượm nhuần phan ngọc. Rừng nở hoa thất giác, ao tràn nước tám công đức. Thỉnh mời chư đại đức lục hòa và danh tăng khắp mọi nơi thường có ba trăm vị, cúng dường tứ sự.

Năm Khai Hoàng thứ năm (585) thời nhà Tùy, thỉnh mời các đại đức kinh sư Pháp sư để cầu thọ giới Bồ-tát. Nhân đó phóng thả các tù nhân, vua bèn ban sắc chiếu rằng: "Trẩm sớm ứng lắm phước, nối dõi mạng cung bảo, nên muốn quy y chủng giác, dốc lòng sùng kính thắng quả. Vậy ngày hai mươi ba tháng này, thỉnh mời chư vị kinh sư Pháp sư đến điện Đại Hưng Thiện để Trẫm cầu xin thọ giới Bồ-tát. Nhưng giáo

điển của Bồ-tát lấy giải thoát làm đầu, lấy giới hạnh làm gốc, lấy từ bi làm trước hết. Nay nhà tù đóng tối, có cảm động nơi cõi lòng, từ lưu tội trở xuống, đều nên phóng thả hết cả". Hứa cho những tù nhân nhẹ tội trong thiên hạ đều được phóng thả có hơn bốn ngàn chín trăm (24.900) người, những kẻ đáng tội chết được giảm nhẹ có hơn ba ngàn bảy trăm (3.700) người. Mọi người ngâm răng đội tóc cũng rảo theo nhảy múa, nhà nhà hưởng phước, người người xưng mừng vui. Ý muốn đổi tâm mờ tối ấy mà tỏ sáng tuệ nhật đây. Các loài có sống đều biết đời đổi hiền lành vậy. Năm đó, vua lại ban sắc chiếu rằng: "Phật đem chánh pháp phó chúc cho các vị Quốc vương, Trẫm là người tôn trọng vâng phụng thọ nhận phó chúc của Phật, từ nay về sau hết đời Trẫm, mỗi tháng thường thỉnh mời mười bốn vị tăng theo phiên trên dưới, cứ bốn vị kinh sư ba vị đại đức đến điện Đại Hưng Thiện đọc tụng hết thảy kinh giáo". Tuy mắt phải trông xét muôn có, mà tai luôn đượm hưởng pháp vị, mỗi đêm hành đạo, Hoàng hậu thân gần nghe đọc tụng kinh, nếu có chỗ nghi ngờ, thì xin hỏi ở ba vị đại đức. Lại đến Hào châu, tạo dựng chùa Thiên Cung, đến Tinh châu tạo dựng chùa Võ Đức, trước sau mỗi nơi có mười hai viện, bốn phía nhà cửa có hơn trăm gian, cúng dường ba trăm vị Tăng.

Mới đầu, ngày chưa lên ngôi, vua đã đi khắp bốn lăm châu, nên nay đều tạo dựng chùa Đại Hưng Quốc. Ở tại cung Nhân Thọ, tạo dựng chùa Tam Thiện; vì Hiến Hoàng hậu, tạo dựng chùa Đông Thiền Định. Lại ban sắc chiếu rằng: "Nếu hay cao bước thanh hư, cần cầu xuất thế, đều có thể giúp khuyên, ban cấp dạy răn, duỗi bày khuôn phép, núi cốc nhàn xa, hàm linh khác lạ, chỗ khéo thuyết ẩn nói Tiên thánh ở, người học đạo thú hướng rộng nhiều, gá nghĩ đá núi, qua lại rừng chàm, sự chờ đợi của hình hài có cần thiết đều cấp giúp, khắp Ngũ nhạc cho đến dưới danh sơn của các châu, mỗi nơi đều dựng đặt một ngôi chùa Tăng và ruộng nương".

Năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy, Văn Đế, Hiến Hậu cùng các cung nhân, v.v... đều cảm xá-lợi tỏa phóng ánh sáng, dùng cối chày để đánh thử nhưng uyển nhiên không tổn hại. Ở khắp bốn mươi châu, mỗi mỗi đều tạo dựng tháp báu, ánh sáng tỏa phát thần biến khác thường đầy đủ như sự biên ghi của Vương Thiệu. Từ đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) thời nhà Tùy, độ Tăng Ni có hai mươi ba vạn vị. Trong nước xây dựng ba ngàn chín trăm bảy mươi hai ngôi chùa. Biên tả kinh luận được bốn mươi sáu tạng, gồm một trăm ba mươi hai ngàn không trăm tám mươi sáu (132.086) quyển;

tu bổ kinh cũ gồm ba ngàn tám trăm năm mươi ba (3.853) bộ. Tạo tôn tượng bằng các thứ vàng, đồng, gỗ chiên đàn, giáp trử, ngà, đá, v.v... lớn nhỏ có một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm tám mươi (106.580) pho; tu sửa tượng cũ gồm một triệu năm trăm lẻ tám ngàn chín trăm bốn mươi (1508940) pho. Trong cung thường tạo dệt thêu thành tượng, và tượng họa, Phan châu năm sắc, Phan họa vẽ năm màu v.v... nhiều không thể tính kể. Với thời gian hai mươi bốn năm (581-605), tu tạo công đức hoằng dương Phật pháp của vua Văn Đế, không thể biên ghi đủ, trước đã nói rõ nên không ghi thêm.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy, là người nối dõi ứng dưới Võ thừa, nương theo đại nghiệp. Chỉ đức sáng tỏa khắp ức triệu, thần hóa thấm đượm cùng muôn dân. Làng chiêm đoán gió thời mưa, gá núi cầu đầu tháng, đất cây cuộn cát chảy, trầm lắng biển thâu ngọc. Ngoài thông suốt chín phái triết học, trong rành rẽ thấu cùng ba tạng, nghiên cứu diệu lý của chân như, hết cả nguồn thuyết của tạo hóa. Thể vật vượt trước, duyên tình phủ xưa. Từng vì giá xa của Đảnh Hồ, yên tìm hồn của Trường Lăng chợt nhiên trọn đây, mới bèn dấy khởi tịnh nghiệp, tạo dựng ruộng phước.

Năm Đại nghiệp thứ nhất (605), vì Văn Hoàng Đế mà tạo dựng chùa Tây Thiền Định, đều là thể thức trang nghiêm lớn, hoàn bị chuẩn mực quy mô rộng rãi; xây dựng đài như ý, liệt bày phòng thất thần thông. Đến nhân cao vút, chùa Linh chạm mây. Cây báu tám hàng, hòa linh bốn góc, lung tung cách của ba tầng, treo chuông tự vang hưởng, trải hộ sen ngàn cánh, bưng tòa bay lại, cao vợi nuốt điện Lang Da, vượt đạp không Lỗ cung, hết mọi thứ thần kỳ trong đời, đủ đầy các văn vật. Lại đến Cao Dương, tạo dựng chùa Long Thánh. Văn bia do Bí Thư Lang Ngu Thế Nam soạn thuật. Đó mới là các Nghiễm hương xa đến, tướng Đài Ái Hoa đỡ. Sóng vàng ban đêm dâng trào, bồi hồi bên cạnh Bích Đang. Dây ngọc sáng sớm ánh ngời trải qua giữa khoảng lưới châu, lặng lẽ rỗng sáng nơi màn phòng, sinh gió mây nơi hiển cửa. Khám Linh thiền thất, tượng bày hóa thành, vọt đài tháp báu, tận cùng cảnh đồ thần biến. Lại ở nơi đạo tràng, Thắng luận đại hội vô giá. Độ các hàng thanh tín sĩ nữ có một trăm hai mươi người. Lại vì Văn Hoàng đế, kính tạo tôn tượng Phật Thích-ca bằng vàng đồng ngồi tỏa phóng ánh sáng từ mu bàn chân, cao bảy thước hai tấc. Chưa kịp trang nghiêm, mà trên đỉnh ngưng tụ màu xanh biếc, hình thể chiếu ngời sắc màu vàng ròng, phóng ánh sáng lớn chiếu tỏa khắp phòng nhà. Đã cảm thông với điềm tốt lành, ban sắc các châu quận, mỗi mỗi đều đồ họa vậy.

Lại đến Tinh châu, tạo dựng chùa Hoằng Thiện, bên cạnh Long Sơn, làm tôn tượng Di-lặc ngồi cao một trăm ba mươi thước. Đến Dương Châu, tạo dựng đạo tràng Tuệ Nhật; tại kinh đô tạo dựng các chùa Thanh Thiền, chùa Nhật Nghiêm, chùa Hương Đài. Lại xả thí chín cung để tạo dựng chín ngôi chùa. Đến Thái lăng và Trang lăng, mỗi nơi đều tạo dựng một ngôi chùa. Sau khi bình định nhà Trần, đến Dương Châu, tu bổ kinh cũ, và biên tả bản mới có cả thảy sáu trăm mười hai tạng gồm hai mươi chín ngàn một trăm bảy mươi ba (29.173) bộ; chín trăm lẻ ba ngàn năm trăm tám mươi (903.580) quyển. Tu sửa một trăm lẻ một ngàn (101.000) tôn tượng cũ, chú đúc khắc chạm ba ngàn tám trăm năm mươi (3.850) tôn tượng mới. Độ Tăng Ni mười sáu ngàn hai trăm (16.200) vị.

Như trên, ở thời nhà Tùy, phả lục giáo hóa của họ Dương có hai đời vua, với thời gian ba mươi bảy năm (581-617), tạo dựng ba ngàn chín trăm tám mươi lăm (3.985) ngôi chùa, độ hai trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm (236.200) vị Tăng Ni, có hai mươi sáu vị phiên dịch kinh điển được tám mươi hai bộ. Nhờ có nhà Tùy xây dựng nước nhà, Phật giáo Hôi xương, vua Văn Đế mở đầu Linh nghi, điềm lành ứng hợp lắm nhiều. Vua Dương Đế kế thừa, ứng vận lịch báu, dựng xây càng nhiều. Từ xưa trước, khi còn ở phiên để, từng dựng lập bốn đạo tràng, Phật giáo và Lão giáo đều nêu, trong ngoài đồng cấp giúp. Đến lúc lên ngôi báu, lại càng mở rộng xiển dương, một mực ban huệ đến Hữu sinh, ba chứng nghiệm ở nơi Biệt Quán, cúng dường tứ sự hơn hai ngàn vị. Mỗi năm riêng các ngày húy kỵ đều thiết lập đại trai, mỗi lần đều độ Tăng Ni, trọn sung làm thể thức thường. Đến cuối nhiếp hóa Đại nghiệp (617) thời nhà Tùy, yêu giặc sinh khởi, tuy giao lắm ngu, can qua tiếp nối mà cung kính chỉ một, thủy chung không khuyết, tỳ tán Phật lý khắc nơi các bia minh.

■

LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN 4

CHƯƠNG THỨ HAI: MƯỜI ĐỜI KÍNH PHỤNG PHẬT
(Tiếp Theo)

Vua Cao Tổ Thái Võ Hoàng đế (Lý Uyên 618-627) thời Tiền Đường. Hiện nay, vua Thái Tông Văn Hoàng đế (Lý Thế Dân 627-650) thời Tiền Đường.

Cùng Đại Thừa Tướng Bột Hải Vương ở thời nhà Ngụy dòng họ Nguyên, Thị Trung Thái Bảo Tư Đồ Công Quảng Ý Liệt Vương thời nhà Ngụy, Quảng Dương Trung Võ Vương thời nhà Ngụy, Tư Đồ Quảng Dương Vương thời nhà Ngụy, Quảng Dương Văn Hiến Vương, Tướng Quốc Cao Vương thời nhà Ngụy; Nhữ Nam Vương, Nghi Đô Vương thời nhà Ngụy; Thượng Đảng Vương Mục thời nhà Ngụy. Thường Sơn Vương Chí thời nhà Ngụy; Hoài Dương Vương Úy thời nhà Ngụy. Hà Đông Vương Tuân thời nhà Ngụy; Đông Dương Vương Phi thời nhà Ngụy. Hoài Nam Vương Tha thời nhà Ngụy; Tần Vương Hàn thời nhà Ngụy. Từ Đồ Bắc Hải Vương Tường thời nhà Ngụy; Tư Mục Cao Dương Vương Ung, Bành Cổ Vương Hiệp thời nhà Ngụy; Tế Nam Vương Văn Nhã thời nhà Ngụy; An Phong Vương Diên Minh thời nhà Ngụy, Trung Sơn Vương Hy, Lang Da Vương Tụng thời nhà Ngụy; Thượng Thư Lệnh Quảng Dương Vương Gia thời nhà Ngụy; Trần Lưu Vương Kiền thời nhà Ngụy; Tề Hiến Võ Vương thời nhà Ngụy; Sứ Trì Tiết Trung Ngoại Chư Quân Sự Tề Vương thời nhà Ngụy; Cự Lộc Vương Xiển, Lục Thượng Thư Sự Bành Thành Vương Thiều thời nhà Ngụy; Tiếu Quận Vương Lượng, Quang Hạ Vương Di thời nhà Ngụy; Lâm Thao Vương Vinh, Thái Sư Đại Tư Mã Lạc Châu Thứ Sử Phùng Hy thời nhà Ngụy. Sử Trì Tiết U Châu Thứ Sử Tư Đồ Công Hồ Quốc Trân thời nhà Ngụy; Tư Mã Tổ Oánh Tự Nguyên Trân thời nhà Ngụy, Tư Không Lý Vô Vi thời nhà Ngụy, Thái Phó Xương Ninh Vương Lý Thật thời nhà Ngụy, Thiếu Phó Kiến Xương Công Đậu Lược thời nhà Ngụy, Tư Không Cao Vi Tào

thời nhà Ngụy, Tư Đồ Cao Long Chi thời nhà Ngụy, Thị Trung Thượng Thư Lệnh Nguyên Hựu thời nhà Ngụy, Hữu Bộc Xạ Đại Hành Đài Mộ Dung Thiệu Tông thời nhà Ngụy; Lại Bộ Thượng Thư Hình Loan thời nhà Ngụy; Phiếu Kỵ Đại Tướng Quân Nghi Đồng, Tam Ty Hằng Châu Thứ Sử Lục Chính thời nhà Ngụy. Thái Thường Khanh Cung Hầu Trịnh Quỳnh thời nhà Ngụy, Ung Châu Thứ Sử Hàn Trọng Tường thời nhà Ngụy, Hoàng Môn Thôi Lăng thời nhà Ngụy, U Châu Thứ Sử Lô Lệnh Thủ thời nhà Ngụy, Bái Quận Thái Thú Triệu Nguyên Tắc thời nhà Ngụy, Hà Nam Duẫn Võ Ấp Công Lý Tương thời nhà Ngụy, Thái Tử Trung Thứ Ngự Sự Trung Thừa Lục Tải thời nhà Ngụy, Vệ Úy Khanh Hứa Bá Đào thời nhà Ngụy, Tán Kỵ Thường Thị Ôn Tử Thăng thời nhà Ngụy; Ninh Viễn Tướng Quân Trần Mạc Trần Dẫn thời nhà Ngụy.

Đại Thừa Tướng Nội Ngoại Chư Quân Sự Thường Sơn Vương Xác thời nhà Tề; Thái Úy Lan Lăng Vương Trưởng Cung thời nhà Tề; Tư Đồ Lang DaVương Nghiểm thời nhà Tề. Lục Thượng Thư Sư Trưởng Quảng Vương Trạm thời nhà Tề, Đại Đô Đốc Thượng Thư Quảng Bình Vương thời nhà Tề, Đại Tư Mã Thanh Hà Vương Đàn thời nhà Tề, Tả Bộc Xạ Quảng Ninh Vương Hiếu Diễn thời nhà Tề; Thị Trung Sử Trì Tiết Thượng Thư Lệnh, Lục Sự Đô Đốc Triệu Châu Chư Quân Sự Phiếu Kỵ Đại Tướng Quân Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Hộ Tướng Quân Triệu Châu Thứ Sử Đái Lục Châu Đô Đốc Tinh Châu Đại Trung Chánh Trưởng An Công Tấn Xương Vương Đường Ung thời nhà Tề, Hữu Thừa Tướng Hàm Dương Hộc Luật Tự Minh Nguyệt thời nhà Tề, Tả Thừa Tướng Bình Nguyên Vương Đoàn Hiếu Tiên thời nhà Tề, Lục Thượng Thư Sự Hoài Nam Vương Hòa Sĩ Khai thời nhà Tề, Thái Thường Thanh Hà Vương Cao Nhạc thời nhà Tề, Thái Tể Chương Vương Khổ Tịch Thiên Thu thời nhà Tề, Thị Trung Tần Vương Cao Ngạn Quy thời nhà Tề, Thị Trung Thượng Thư Lệnh Nguyên La thời nhà Tề, Thượng Thư Lệnh Cao Triệu thời nhà Tề, Thái Úy Bành Lạc thời nhà Tề, Tư Đồ Phan Tướng thời nhà Tề, Tư Không Tư Mã Tử Như thời nhà Tề, Quang Lục Đại Phu Thượng Thư Bộc Xạ Dương Tuân Ngạn thời nhà Tề, Thiếu Phó Bộc Xạ Thượng Thư Ngụy Thâu thời nhà Tề. Quang Lục Đại phu Thượng Thư Bộc Xạ Thôi Tiêm thời nhà Tề, Hữu Bộc Xạ Thôi Quý Thư thời nhà Tề, Tả Bộc Xạ Yến Tử Kính thời nhà Tề, Bộc Xạ Triệu Ngạn Thâm thời nhà Tề, Thị Trung Hộc Luật Hiếu Khanh thời nhà Tề, Thị Trung Hộc Luật Văn Nhã thời nhà Tề, Thị Trung Từ Chi Tài thời nhà Tề, Thị Trung Cao Chánh Đức thời nhà Tề, Thất Binh Nhượng Thư Vương Nguyện Cảnh thời nhà Tề, Thái Thường Khanh Thôi Ngang

thời nhà Tề. Tán Kỵ Thường Thị Lưu Địch thời nhà Tề, Vệ Úy Khanh Đỗ Bật thời nhà Tề, Điện Trung Thượng Thư Hình Tử Tài thời nhà Tề, Bí Thư Giám Tổ Hiếu Trung thời nhà Tề, Thượng Thư Tả Thừa Phong Hiếu Diễm thời nhà Tề, Sử Trí Tiết Bình Nam Tướng Quân Nhân Châu Thứ Sử Kim Tử Quang Lục Đại Phu An Khương Hầu Phan Nhu thời nhà Tề.

Trụ Quốc Tương Châu Tổng Quản Vệ Vương thời nhà Chu, Trụ Quốc Ích Châu Tổng Quản Triệu Vương thời nhà Chu, Trụ Quốc Ung Châu Thứ Sử Tề Vương thời nhà Chu, Thái Sư Đại Trủng Tể Trụ Quốc Đại Tướng Quân Tấn Quốc Công Võ Văn Hộ thời nhà Chu, Trụ Quốc Thượng Thư Bộc Xạ Sở Quốc Công Đậu Lô Ninh thời nhà Chu; Thái Phó Trụ Quốc Đại Tướng Quân Đại Tông Bá Trịnh Quốc Công Đậu Xý; Thị Trung Trụ Quốc Đại Tượng Khanh Võ Vệ Tướng Quân Quan Quân Tướng Quân Trung Tán Đại Phu An Phong Công Đoàn... thời nhà Chu; Trụ Quốc Ung Châu Mục Nam Duyên Bát Châu Chư Quân Sự, Duyên Châu Tổng Quản Tán Quốc Công Đậu Cung thời nhà Chu. Đại Tướng Quân U Châu Thứ Sử An Định Cung Võ Văn Quý thời nhà Chu. Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Thái Tử Tẩy Mã Vân Minh Trang Công Lang Da Quận Vương Thác Bạt Thắng thời nhà Chu. Sử Trì Tiết Thiểm Châu Đô Đốc Hành Đài Lang Trung Thông Trực Tán Kỵ Thường Thị Hà Đông Công Võ Văn Thiện thời nhà Chu. Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Dương Hóa Công Nguyên Ngang thời nhà Chu. Trụ Quốc Đại Tướng Quân Lũng Tây Đông Cung Dương Toán thời nhà Chu. Thông Châu Thứ Sử Hữu Thị Thượng Sĩ Tán Kỵ Thường Thị Dương Tháo thời nhà Chu. Tư Không Trinh Hầu Trịnh Mục thời nhà Chu. Thị Trung Thiếu Phó Đông Triệu Quận Thú Hành Đài Lang Trung Đại Tượng Khanh Yên Quận Công Lô Cảnh Nhân thời nhà Chu. Thái Bảo Trụ Quốc Đại Tướng Quân Ngô Võ Công Yất Trì An thời nhà Chu. Đại Tướng Quân Nam Man Đô Giám Thương Sơn Công Liễu Ái Chi thời nhà Chu. Bắc Kinh Châu Thứ Sử An Đạo Công Tịch Cố thời nhà Chu. Sứ Trì Tiết Trụ Quốc Đại Tướng Quân Đại Đô Đốc Chương Châu Thứ Sử Từ Quốc Công Nhã Can Phụng thời nhà Chu. Sứ Trì Tiết Thái Phó Trụ Quốc Đại Tướng Quân Thanh Hà Công Hầu Mạc Trần Hưu thời nhà Chu. Thái Sư Trụ Quốc Thục Quốc Uất Trì Hướng thời nhà Chu. Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty An Chánh Công Sứ Hùng thời nhà Chu. Khai Phủ Bình Bắc Tướng Quân Nhân Châu Thứ Sử An Hóa Công Khâu Hồng Tân thời nhà Chu. Ích Châu Phủ Trung Lang Tân Châu Thứ Sử Thái Cả thời nhà Chu. Khai Phủ Oai Viễn Tướng Quân Vương Tỉnh thời nhà Chu.

Đại Tướng Quân Hòa Kê Hùng thời nhà Chu. Đại Tướng Quân Dĩ Niên Vĩnh thời nhà Chu. Ty Kim Đại Phu Phá-đa-la-kỷ thời nhà Chu. Quân Tư Mã Hồng Hòa Công Ý Lực Cần Trọng Khánh thời nhà Chu.

Tần Vương Tuấn thời nhà Tùy. Thục Vương Tú thời nhà Tùy. Hán Vương Lượng thời nhà Tùy. Thái Sư Thượng Trụ Quốc Thân Quốc Công Lý Mục thời nhà Tùy. Thái Bảo Thượng Trụ Quốc Tiết Công Trưởng Tôn Lãm thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Sư Trì Tiết Hoài Nam Tổng Quản Thọ Châu Thứ Sử Quán Vương Dương Hùng thời nhà Tùy. Đại Tư Mã Thượng Trụ Quốc Thần Võ Túc Công Đậu Nghị thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Thượng Thư Hữu Bộc Xạ Lỗ Quốc Công Ngô Khánh Tắc thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Thượng Thư Tả Bộc Xạ Tề Quốc Công Cao Dĩnh thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Hữu Vệ Đại Tướng Quân Trần Quốc Công Đậu Kháng thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Võ Vệ Tướng Quân Lương Quốc Công Hầu Mạc Trần Bính thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Lạc Dự Thập Thất Châu Chư Quân Sự Lạc Châu Thứ Sử Tuân Dương Công Nguyên Hiếu Cự thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Kinh Châu Tổng Quản Thượng Minh Công Dương Kỷ thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Thượng Thư Tả Bộc Xạ Việt Quốc Công Dương Tố thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Thượng Thư Hữu Bộc Xạ Nạp Ngôn Bi Quốc Công Tô Võ Oai thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Đô Đốc Hà Đông Chư Quân Sự Hà Đông Thái Thú Đậu Khánh thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Hữu Vệ Tướng Quân Nam Khương Công Lưu Tung thời nhà Tùy. Phiếu Kỵ Tướng Quân Nghi Đồng Tam Ty Phần Châu Thứ Sử Thôi Phụng thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Hà Minh Vương Dương Tích Tà thời nhà Tùy. Binh Bộ Thượng Thư Thượng Đại Tướng Quân Long Cương Công Đoàn Văn Chấn thời nhà Tùy. Trứ Tác Lang Tế Nam Hầu Vương Thiệu thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Hào Linh Tứ Châu Tổng Quản Hải Lăng Công Hạ Nhã Nghị thời nhà Tùy. Sứ Trì Tiết Đại Tướng Quân Lương Châu Chư Quân Sự Lương Châu Thứ Sử Triệu Quốc Công Độc Cô La thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Lương Ích Lục Châu Tổng Quản Tướng Quốc Tương Công Lương Duệ thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Quản Tông Trong Công Lý Sùng thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Tả Võ Vệ Đại Tướng Quân Sứ Trì Tiết Lương Châu Thứ Sử Võ Văn Khánh thời nhà Tùy. Thượng Đại Tướng Quân Doanh Châu Tổng Quản Ngụy Hưng Công Vi Thế Văn thời nhà Tùy. Thượng Trụ Quốc Lại Bộ Thượng Thư Thượng Công Vi Thế Khương thời nhà Tùy. Quản Hán Thái Thú Tương Viên Hầu Tiết Diễm thời nhà Tùy.

Vua Cao Tổ Thái Võ Hoàng đế (Lý Uyên 618-627) thời Tiền

Đường, là người gom hết Nghiêu ở Tấn, khế hợp Vũ ở nền móng của Chu. Mây nổi rồng bay, vỗ về thời kỳ mạng thế. Hợp một khuôn để dấy vận, nhân chín hợp mà vui suy đẩy. Phát từ tham khư khắc định kinh thất, khuôn phép điều tục đã ban, giáo của ước pháp bèn bày, giếng nhóm năm sao, hóa nhuần bốn biểu. Đất thắt lại chánh, lưới trời tỏa giăng. Từ Đông đến Tây xa an gần ổn, mà cờ nghĩa mới chỉ trải đến hoa râm kia, trông tế linh đàn để cầu nhiều phước. Đất này là đường của Triều Tông, muôn nước là khu vực lục hợp giao hội, có thể chiêm ngưỡng nghi hình, nương đợi thiền tụng, mới đến bên hữu đền thần, thử dựng Già lam, tạo chùa Linh Tiên. Văn bia một ngôi, do con thứ Lý Bá Dược chế thuật, văn vẻ ánh ngời, vàng ngọc cùng tỏa rạng. Dẫn ánh sáng suốt sớm tối, đỏ rực hình thể cầu vồng, đài hoa yểu điệu, gần đồi núi sen, hoa quán cao vời, cong đến cụ khuyết. Lại tạo tượng viết kinh, tu đủ các phước đức. Tại kinh đô lại dựng chùa Hội Xướng, chùa Thắng Nghiệp, chùa Từ Bi, chùa ni Chứng Quả, chùa ni Tập Tiên. Lại xả phủ đệ xưa trước để làm chùa ni Hưng Thánh. Đến Tinh châu tạo chùa Nghĩa Hưng, đều là phòng nhà ngời ánh, tượng bày nghiêm hoa, nhiễu quanh vẽ sao, xà rường khắc họ nguyệt, cửa cao hứng sương mốc, nhà rộng kéo hút gió. Vườn tuệ rừng thiền thảy đều đầy đủ.

Năm Võ đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, ngay trên đường thông phía Nam cửa Chu Tước thiết lập đạo tràng khai mở đại hội vô giá. Quan liêu vũ khách nắm bảng đến dự, dung cùng ruộng phước, tỏa khói ngùn ngụt, bước hư mới dẫn, hết cản mây đi, thanh phạm từ từ đến kham lưu lại độ điểu, phảng phất diệu cúng, hình ngũ tịnh mà nâng lại, rực sáng danh hoa, ngời tam sơn mà bưng đến. Khi ấy, xe ngựa kề cập, các hàng sĩ nữ đông đầy, như đến núi Hiện Thanh cúng tế uống. Giả sử khiến ánh sáng vầng nhật thông mộng, chỉ truyền chứng nghiệm của Bạch Mã, Bồ-tát ứng sinh, nhọc nghe sự tích ở năm xích ô, so sánh với ngày nay, rất có thẹn thay! Lại vì Thái Tổ Nguyên Hoàng đế, Nguyên Trinh Hoàng hậu, tạo ba tôn tượng ngang bằng thân mình bằng gỗ chiên đàn, tướng tốt kỳ lạ, trang nghiêm hiếm có, đưa đến cúng dường nơi chùa Từ Bi.

Tháng hai năm Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, khi ấy cảnh trời trong lành, dâng cầu hiến phước, lưỡng nghi an thái, muôn vật chung hưởng, ứng với thích nghi nhiều phước, trải đượm nhuần chỉ mới mẽ, vua truyền các hàng Sa-môn, Đạo sĩ cả thảy chín vị đến điện Thái Cực suốt bảy ngày hành đạo. Đến ngày bãi hội, thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng. Sa-môn Pháp Lâm cho là Phật giáo và Lão giáo đồng nơi

hoằng tuyên, mong Thần công dẫn ba cảnh liền hàng Bảo mạng cùng nhị nghi đều vào, mới mạo muội với ngôn từ quê kệch dâng bài tụng rằng:

"Xa tìm rỗng xưa
Vời nghe Nguyên Hoàng
Nhân thời dạy răn
Dùng trí tỏa đức
Cầu ân lộc mong
Báo đức nung thưởng
Chỉ rõ tiểu tế
Sao nghe đại phương?
Chưa hoằng tam giáo
Chỉ đọc cửu chương
Ứng kỳ đánh loạn
Vượt Thánh Đường ta
Thấu suốt nhân quả
Yên khoanh văn xương
Hóa sánh mười hiệu
Nhân sâu trăm vua
Giữa tháng trong luật
Thời đến Thiếu dương
Dưới thương côn trùng
Trên đáp cao cả
Thử bày kim khuyết
Dẫn mở đạo tràng
Nhật cung soi sáng
Mây giăng nhà ngọc
Khói tỏa danh hương
Cúng nghi bay xuống
Tiếng ngậm phụng ren
Kỳ lân bày điềm
Cam lồ hiện hành
Công theo kiếp xa
Đức cùng trời dài
Ân đượm có chừng
Nhuần khắp không mé
Mạng đồng nguyên thủy
Thể loại Kim cang

Nghiệp lớn vĩnh viễn
Giáng phước lắm nhiều".

- Hiện nay, vua Thái Tông Văn Hoàng đế (Lý Thế Dân 627-650) thời Tiền Đường, là người bẩm thọ khí của Thái dịch Thái sơ, vốn linh của Thiên hoàng Thiên đế, phòng sâu nền móng Cao Dương, gò đẹp dựng cơ nghiệp Trùng hoa, sáng đỏ lóa cửa, khí tía xung trời. Hình thể mặt rồng ngực phụng, điềm điềm ứng trán vầng nhật trăng treo, khác lạ mắt sông miệng biển, kỳ đặc trên phong dưới bén. Thông Thánh nhìn cao, biết lại ẩn đi, tham sâu vào mầu, cùng Thánh tận tánh. Phàm thửa trời trao đủ thể, tự nhiên mới đầu chưa lên ngôi, kinh luân khắp thiên hạ. Gặp lúc cuối thời nhà Tùy, khắp vũ nội phân loạn đổ nát, lửa đốt núi côn, nước bay biển cả, Vương Thế Sung vớt hổ ở Cũng lạc, Đậu Kiến Đức chật vật ở Ký Định, Đường Bật, Tiết Cử đã là kiến nhóm tụ ở Tam Tần, Hắc Đạt, Võ Chu; cũng là chim si trương bày ở sáu quận, đều là ý rượt đuổi nai, mỗi mỗi mở nghi tiếm hiệu, ung bế đệ tử vô lại, dẫn đồ chúng ô hợp, tung sức trâu dê, phát hung cỏ nước. Bên phải sông đã lại thấy xác rồng rắn v.v... đất của Trung Nguyên ngọc đá đều thiêu đốt, bèn khiến đất bày trời duỗi tranh nhau có tán thán sống lại, yếu phục trên kinh đô, người dấy buồn trử trục.

Hoàng Thượng ta ở thân gần Đế tử, ứng mạng Thiên sách, dùng trạng như gắng gỏi, cứu nguy ách đạp băng, vì rất lo sợ đêm, đến với gấp treo ngược, thực hành đủ chín chặt, bao gồm cả sáu quân. Dùng cờ trời cờ trăng đến trên, dùng trận trời trận đất trải dưới. Tiếng trống chấn động đồng hoang, hơi khí lung lay cửa trời, vọng hưởng sừng núi kêu oai phong kinh động nhà đất. Từ đó, đeo muôn sao mà hướng vào, cưỡi sấm chớp mà dẫn trước, không gì chẳng là ngói vỡ băng tan, gió thổi cỏ rạp, khải ca hiện kiện không cùng luận công.

Từ Thiên Hoàng cửu kỷ trở lại, sau năm mươi hai trận chiến, trải qua một trăm năm mươi hai triều đại, gồm một ngàn ba năm mươi chín (1.359) đời, với thời gian mười triệu một trăm hai mươi hai ngàn một trăm hai mươi bảy (10.122.127) năm trở lại, trượng búa vào trận, cờ hiệu thề nguyện đông nhiều, dẹp trừ khí độc, cắt đứt thương quấy, vớt đắm chìm giăng ngang dòng, cứu họa thiêu đốt bình nguyên, lắng yên một khu vũ, mở trang thiên hạ, chưa có đâu dùng binh như Hoàng thượng chúng ta vậy. Cao Tổ ngưng thần dưỡng nuôi Thánh, rong ý tưởng ngoài ráng mây, ra khai mở vào tối, đạp cao ngoài trời người. Xưa trước dùng muôn phương, làm tối trăm thần khiên tế, khuất cao phong của Dĩnh Dương, vớt đắm chìm khắp nước nhà, dân chúng nhờ đức tái tạo, muôn

loài đội ân lập thành. Chẳng lấy phòng vàng làm tâm, cúi lấy muôn loài làm nghĩ nhớ, ôm hoài cởi giày, không quên linh phủ, chí chọn đội mang, có hình ở minh phát, mừng vui tế giao có thể nương gá. Hân hoan Tông hữu có chủ, xét thời huyện ngày, truyền báu lớn ở Thiếu dương, tự tỏa sáng ứng soi vỗ về làm phó chức xuân cung. Đức giúp trong ngoài, nhân trùm u hiển. Thế rồi, ánh sáng đuổi bày hình thể, đuốc chiếu giữa khoảng vũ trụ, giúp Võ Hoằng Nhân, lớn trăng ngăn gió mây, bèn tuân theo tam thiện, viện trinh muôn nước. Đến lúc cửa trời mở lại, lịch báu chỉ mới xinh. Đến xích huyện mà thề lớn trang nghiêm, vỗ về dân chúng mà rộng làm lợi ích. Mở mặt nhật tứ đẳng chung đốt khắp mây nghiêu, tung gió lục độ, giăng tràn mưa Thuấn. Thuyền báu đắm chìm mà lại nổi, mây từ cuộn xếp mà lại duỗi buông. Đài tiên gần vườn pháp chung hoa, kiếng ngọc với xe vàng đồng chuyển. Đượm khắp hữu đảnh, ân trùm không bờ mé. Linh ứng tốt lành, điềm phù hợp với thấy trước, khoan nhân đức hiếu, sử ghi hoàn bị sau sách. Thường lấy mở lưới làm tâm, buộc dây ở niệm, ý muốn trọn trống không tù ngục, chấm dứt lửa canh phòng, côn trùng quần sinh đồng quy hướng, nhân thọ mênh mông, khắp nước nhà đều kính phụng chân như.

Năm Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, hiến triệu trăng giáp chung, dựng cao thắng tràng. Thiếu Dương lúc cô tẩy, rộng mở điện tuệ. Tăng Ni khắp kinh thành đều ở tại chùa suốt bảy ngày hành đạo. Trai cúng mọi sự cần dùng, do Hữu ty cung cấp. Đến ngày kết thúc bãi trai hội, tất cả đều đến chùa Đại Hưng Thiện.

Năm Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, vua ban sắc chiếu rằng: “Thần đạo thiết lập giáo, lấy từ huệ làm trước hết; Huyền Hóa ngầm thông, đình dục vốn đầu. Trẩm cung kính ứng với Đại Bảo, vỗ về mến thương muôn dân, tâm niệm xót thương, xúc chạm các loài mà lớn, phải dùng bên cạnh mong cầu thầm hổ giúp, u tán minh linh. Mong cầu chín công chỉ tuần tự, năm phước ứng đây. Vừa rồi nghiêm sương sớm giáng, thu thật chẳng lên, tranh lời ít mỏng, không quên thẹn sợ. Nay trăm thứ lúa thóc tốt tươi, muôn thật sắp thành, còn sợ gió mưa trái mùa, ít nuôi dưỡng không nơi cậy nhờ, dám mượn thông minh đây giúp nhiều phước ấy, nên vì sương mốc trời, ức triệu ngưỡng cầu thêm phước. Có thể ở tại kinh thành và chùa quán ở các châu trong thiên hạ, các hàng Tăng ni Đạo sĩ v.v... suốt bảy ngày bảy đêm đọc tụng kinh hành đạo. Mỗi năm vào tháng giêng và tháng bảy đều chuẩn theo đó mà làm. Ân cao chỉ thước tấc, sức Thánh ngầm phù trì, cảnh phong tươi tốt, mưa gió đúng thời đúng tiết. Mầm giống gieo trồng khắp đồng khắp rẫy. Nước

giàu có vốn của chín năm, nhà giàu có đựng đầy muôn sọt. Hoàng đế xưa trước gieo trồng ngũ hằng, rộng giúp Thập thiện, mở đầu khởi phát nghiệp Bá Vương đến với ức triệu tâm ý vui thích. Chỉ vì lúc mới đầu lập nghĩa, gặp phải cuối đời, thân gần đáng sắt đá giáo mác, từng thống lãnh dẫn đầu binh lính, hoặc Đông chém bảy hùng, Tây lọc trong tám nước, tung hoành lính thần mà giết lợn phong, cưỡi sách trời mà chém rắn tu. Đã động oai phong hừng hực ấy, sợ kết đau xót oan hồn, cuối mùa xuân năm đó, đích thân vua ban sắc chiếu chỉ.

Từ cuối thời nhà Tùy mở đầu lập nghĩa, chí ý ở tại cứu vớt đắm chìm, đánh Bắc dẹp Đông đến các nơi bình lắng hết. Hoặc dưới búa vàng, đầu mũi con lăn, phàm có thương tổn chết hại, khó thể nhớ ghi hết, phàm tự tay chém giết gần đến cả một ngàn. Trộm lấy Thánh giáo của Đức Như Lai, rất chuộng Từ Nhân, khoa phân cấm giới, giết hại là trọng. Trọn nói lý này càng thêm hối sợ. Bèn bảo Hữu ty ban sắc các chùa khắp kinh thành đều vì thiết trai hành đạo, bảy ngày bảy đêm dốc hết chí thành lễ kính sám hối. Phàm các thứ y phục đều xả làm cúng thí, mong nạn trong ba đường nhờ đó mà được thoát, khổ của muôn kiếp, nhờ đó mà được rộng giúp. Diệt tâm oán chướng, hướng đến đạo Bồ-đề.

Tháng giêng năm Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, vua lại ban sắc các Tăng Ni trong kinh thành, ở ngay tại chùa mỗi tháng mười bốn ngày đọc tụng kinh Nhân Vương Đại Vân v.v... hành đạo. Lấy đó làm thể thức thường. Lại phụng sắc Tam Tạng Pháp sư Ba Phả v.v... đến ở chùa Đại Hưng Thiện phiên dịch kinh Bảo Tinh. Sa-môn Pháp Lâm vì ghi lời tựa rằng: “Kinh Bảo Tinh nguyên Phạm bản có hơn ba ngàn kệ tụng. Đức Như Lai lúc đầu mới chứng đắc giác đạo, hóa độ các Tôn giả Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất, rồi nhiếp phục Ma vương, hộ trì đất nước mà giảng nói kinh này vậy. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến phương Đông dẫn trải qua thời gian lâu xa. Văn của ba luân tám tạng, ý chỉ của bốn thọ năm thừa, hiển bày thần quang nơi thạch thất, lưu truyền Phạm hưởng đến Thanh đài, tuy dẫn dịch tương tầm, còn nhiều nghi khuyết. Nay, Hoàng đế thời Đại Đường chúng ta là Thánh là Thần xứng văn xứng võ, cưỡi cơ vỗ vận, vớt đắm cứu đốt, trái lại phong của Thượng hoàng, hành hóa không lời. Bỏ thái bỏ thậm, đã nắm nhanh nơi tám hoành, vô sự vô vi, mới là triều tông ở muôn nước. Sóng biển ở đất Thiên sơn vào hết bến bờ, làng sân rồng hang phụng đều đượm Thanh giáo. Nhân giẫm mở lưới, sửa vết buộc dây, Đại đức đông nhiều, ngoài ngang bằng tám tấc tiểu tâm giúp giúp, trong chỉnh bốn oai nghi. Đến

xích huyện mà tràn đầy từ bi, nương cậy Huyền hổ mà phô bày hoằng thệ. Thường vì các pháp chẳng phải có, ngã vật đều không. Nhìn lời chân yếu, không gì qua kinh điển Phật giáo. Có Tam Tạng tạng Pháp sư Ba Phả người nước Thiên Trúc, tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường gọi là "Quang Trí", thệ nguyện hoằng truyền pháp hóa, chẳng ngại sợ gian nguy, xa trải qua thông hà, vân du đến Chấn Đán, đường dài trải hơn bốn vạn dặm. Năm Trinh Quán thứ nhất (327) thời Tiền Đường vừa đến kinh đô. Khi đã lên pháp tịch, bèn đối chác áo gấm. Ban sắc chiếu cho Hữu Ty tìm các bậc thạc đức, kiêm tinh thông Tam giáo đủ cả mười khoa, được cả thảy mười chín vị đến chùa Đại Hưng Thiện thỉnh cầu Tam Tạng Pháp sư Ba Phả cùng đối dịch. Các Sa-môn Tuệ Thừa v.v... chứng nghĩa, Sa-môn Huyền Mô v.v... dịch ngữ, Sa-môn Tuệ Minh, Pháp Lâm v.v... nắm biết vâng thừa yếu chỉ, chăm chú làm rõ lại, xét danh định nghĩa đủ ý thành văn. Bắt đầu từ tháng ba năm Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, mãi đến tháng năm sau (630), phiên dịch được mười quyển mười ba phẩm, dùng một trăm ba mươi cuộn giấy, gồm cả thảy sáu mươi ba ngàn tám trăm tám mươi hai (63.882) lời. Đến tháng Trong Đông năm đó, Sa-môn Tăng Trân chủ chùa Thắng Quang vâng phụng sắc chiếu đến cung thỉnh tôn tượng về chùa Thắng Quang để cúng dường. Năm Trinh Quán thứ tư (690) thời Tiền Đường, hiến triệu chư vị Đại đức ở các chùa gồm bốn mươi chín vị, suốt hai mươi mốt ngày làm lễ khánh tạ tôn tượng mà hành đạo. Đến mãn kỳ hạn, thiết trai hội cúng dường ngàn vị Tăng. Các hàng Vương công đều đến hành hương".

Sa-môn Pháp Lâm lại tấu dâng vua bài tụng về tôn tượng thêu họa rằng: "Lâu vì tám cây ngầm ánh sáng, hai sông ẩn vết, vua Ba-tư-nặc luyến mộ kính ngưỡng, khắc họa mà làm thành toàn thân, Ca Đế chí thành thếp vàng mà đồ hình đủ tướng. Kịp đến lúc Thanh tinh trải qua phương Nam, Bạch mã vượt về phía Đông, tượng giáo lưu truyền, linh nghi lan tỏa. Từ đó, nghiễm nhiên dáng thần đế lên tùng giếng, cúi mong Thánh thể mà thí minh châu. Ánh sáng tỏa bày Trương Kiều, sắc màu lưu nhuận Hổ Độc. Hiện bày đeo mặt nhật nơi Hán Hậu, cảm phất Hào ở Tấn Vương. Hoặc trông nhìn bước mà nép theo muôn núi, chợt bồi hồi mà đến bãi mộng. Điềm ứng tốt lành đẹp xinh từ đó có lại, chưa có châm thêu đồ họa chân tướng viện không khuôn trọng".

Hoàng đế thời Đại Đường chúng ta, xưa trước gieo trồng bốn thệ nguyện lớn, sẵn có năm đức. Thần công xa ở Hiên Hạo, chí trị đẹp ở Thành Khương. Nhân động thượng Huyền, sức sánh Đại Đạo, mây tốt

lành rủ sắc thể, kiếng vàng ngậm ánh sáng bảy sao. Chim linh ứng hiện tốt lành, đuốc ngọc hòa cùng hơi khí bốn mùa. Lớn như tóc bạc văn thân đều cầu thỉnh mạng ở sân vua, mưu lược xuyên ngực thấm tai còn hiến tặng ở cung Ngụy. Thêm vì lưu tâm ở Tám chánh đạo, dốc ý nơi Năm thừa. Rộng vận động Đàn-na, bèn tu tịnh nghiệp, trọn nói Thiện Thệ mịt mờ sao truy tìm? Bèn ban sắc thượng cung thử mô phỏng di cảnh, phụng tạo một tôn tượng Phật Thích-ca thêu vẽ trên màn trướng, và Bồ-tát Thánh Tăng, Kim cang sư tử, đầy đủ nắm bắt nét tiên, hết các thần biến, sáu văn xen tạp, năm sắc cùng bày. Họa tả tướng trăng tròn nơi hai kim châm, gả tu dương ở tay trắng, gian đạp gấm Thục, đẹp vượt lụa Yên, lẫn lộn ngậm ánh sáng bảy ngời, trải lụa gìn giữ liệt bày chín hoa. Nhật Luân nhả lửa ngùn ngụt tơ chu khách, mắt sen ngưng sáng, phát lụa tần cơ, châu của Dương Hầu trăm dặm, thẹn trăm phước đó, bích của Tử Vũ ngàn vàng, hổ ngàn xe ấy. Hoa lọng lìa đất trông xem nghi ngờ nhảy ra. Áo mây lay kéo, trông tợ bay lại. Sao chỉ nghĩ cùng cực xoay ruột ước cũng khéo thấu cùng Huyền diệu. Lấy tháng giêng năm nay ở thái thấu. Tam nguyên mở tiết hầu, trí thủy giao buổi thái, mới ban giáng luân ngôn, đến chùa Thắng Quang, thiết trai hội kính mừng tôn tượng, mời bốn mươi chín vị Tăng suốt hai mươi mốt ngày hành đạo. Thóc Hồng Đại Tần đủ mùi vị Hương tích, mở vàng Chu Lăng thiết bày cúng Phạm Tăng, ruộng phước Tứ Đẳng đời đời đều đủ, quả báo thiện sáu nhân kiếp kiếp trang nghiêm, kiếp thạch nát vụn mà lịch bàu còn dài. Thành hạt cải trống không, mà cơ nghiệp Hoàng đế trọn bền chắc, chẳng ngăn nỗi vui mừng, mới tạm làm bài tụng rằng:

“Thiên đế quắc thước
Truyền xuống vua ta
Là Thần là Thánh
Đáng võ đáng văn
Đến đó tợ nhật
Trong đó như mây
Trinh phù rực sáng
Khí đẹp ngùn ngụt
Sáng trùm thiên hạ
Chợt theo Di luân
Thể đạo hồi hướng
Thự dựng phước điền
Châm cắt quả đỏ
Thêu chế sen xanh

Văn ngậm dệt sáng
Thể lóa ráng đốt
Hoa nghi chóng nở
Lọng tợ treo không
Các phương vọt đất
Xa nhảy trời kia
Ở năm đề cách
Thời lúc Thanh dương
Phụng tuân Huy mạng
Bèn sùng đạo tràng
Mười khoa tinh tụ
Tám tòa ráng bày
Gió xoay nhã Phạm
Điện ngút danh hương
Cơ nghiệp lớn mạnh
Trọn không ngằn mé".

Chúa thượng, mỗi lúc xem nghe rảnh rỗi ra, đến nghĩ rừng tài nghệ, xét mưu của Khổng Bích, mở huấn của Thạch Kinh, xem việc xưa trước của trăm vua, xét chỉ quy của Tam giáo, mà cho rằng: "Lý chưa giẫm đến không không, sự trọn chìm nơi có có".

Rõ ràng, phàm chân yếu của tánh linh có thể trì tâm tế tục thì không thể có gì vượt qua giáo điển của dòng họ Thích, xem lời Pháp Dược có ý lưu thông. Nhân có Tam tạng Pháp sư người nước trung Thiên Trúc, chủng tánh Sát-đế-lợi, tên là Ba-la-phả-ca-la-mật-đa-la, tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường phiên dịch nghĩa là "Tác Minh Tri Thức", xa nghe nước Đường hoằng dương xiển hóa Đại thừa, nên vượt thông hà đến với đời Thánh, vào tháng Đại lữ năm Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, tự thân mang Phạm Bản đến Kinh đô. Xưa kia, Cao Tông trị vì dấy khởi Phó Nham vào mộng, nay Hoàng đế chúng ta đạo lớn, sao đức hiện nơi đồng quê. Pháp sư là người thức độ thông mẫn, khí vũ cao sâu, văn của năm trăm vị A-la-hán cùng kết tập, Lý sở thuyên trong tám vạn kinh giáo. Từ khi Tôn giả Trúc Pháp Lan vào đất Hán, Sa-môn Khương Tăng Hội đến đất Ngô, lần lượt truyền dịch mà có chỗ chưa rõ hiểu. Pháp sư đều thấu suốt gốc ngọn, rành rẽ sự đồng dị đó. Giả sử như các kế của nội bộ chấp riêng của người ngoài, không gì chẳng suốt trọn trong lòng ngực, nói như chỉ trên lòng bàn tay. Đến như Nhân Hoa Luận Chiếu, chỉnh thành giải nghĩa, đặc biệt mong vui thích có thể rõ ràng ở tâm vua. Tháng giêng năm đó (627), vua có ban

sắc chiếu các Sa-môn Tam tạng Pháp sư Ba Phả v.v... đến chùa Thắng Quang phiên dịch luận Bát-nhã Đăng và Đại Trang Nghiêm.

Thượng Trụ Quốc Thượng Thư Bộc Xạ Vu Quốc Công Phòng Huyền Lãnh Tán Kỵ Thường Thị Tả Thứ Tử Chiêm Sự Đỗ Chánh Luân v.v... vâng phụng sắc chiếu thuyên định tuyển chọn các vị Thạc đức gồm mười chín người. Hữu Quang Lục Đại Phu Thái Phù Khanh Lan Lăng Nam Tiêu Cảnh làm sắc sứ, kiểm hiệu bách ty cung cấp tứ sự nồng hậu.

Sa-môn pháp Lâm lại dự phần chấp bút, mới vì đề tựa rằng: Luận Bát-nhã Đăng, nguyên Phạm bản có hơn sáu ngàn (6.000) kệ tụng, Đại sĩ Bà-tỳ-tiết-ca Bồ-tát chủng tánh ở nước Ma-già-đà, tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường phiên dịch nghĩa là Phân Biệt Minh Chi Sở Tác (việc làm phân biệt rõ ràng) vậy. Mới đầu, vạn vật chẳng phải có, nhất tâm như huyễn. Tâm như huyễn nên tuy động mà thường tịch, vật chẳng phải có nên tuy khởi mà không sinh, do đó Thánh nhân nói tâm như huyễn. Xét vật chẳng phải có, rõ vật chẳng phải vật thì mọi vật đều là tánh không; biết tâm không tâm thì các tâm thể vốn tịch. Những bậc Đạt quán được Hội quy ấy mà quên chỗ nương cậy. Từ đó phân biệt hý luận, chẳng đợi xua bỏ mà tự trừ. Còn người không được Quán môn, chẳng giả tu mà đã vào, mênh mông thay chẳng ở chẳng lìa, không trú không nương ấy vậy. Sau khi Đức Phật diệt độ khoảng bảy trăm năm, có vị Bồ-tát xuất gia tên là Long Thọ, là một người thấu đạt thật tướng, đắc Vô sinh nhẫn, vì muốn báo ân Đức Phật nên khai diễn Trung Luận. Trong Phú Pháp Tạng nói: "Vầng nhật trí tuệ đã nghiêng khuất, người ấy khiến tỏa sáng lại. Thế giới mờ tối đã lâu, người ấy tỏ ngộ mà khiến nhận biết vậy". Bộ Trung Luận có năm Pháp sư chú thích. Bồ-tát Phân Biệt Minh là một trong số đó. Bồ-tát ấy đa văn tổng trì, trí âu chí chắc, dùng sức bản nguyện không bỏ quần sinh, trú tại Cung Tu-la để đợi thấy Đức Di-lặc. Gặp lúc cách Thánh lâu xa, các luận rối ren, đến nỗi khiến vào núi Tuyết để hái thuốc mà phần nhiều gom nhặt cỏ độc, vào nước sâu để tìm kiếm minh châu mà đua nhau lấy ngói sỏi. Thật là sợ một lý chẳng cùng, trái lại tăng thêm tà kiến, một lời chẳng tận, mà phiên nỗi khác mối, mới biên thuật kệ văn của Bồ-tát Long Thọ, làm luận Bát-nhã đó.

Luận đó chê tánh bài bác nội ngoại, tán thán chân tục, tận cùng lý vô sinh, rốt ráo nguồn thật tướng. Chiếu mà không gì chẳng tịch, gá tên gọi là Bát-nhã; chấp không gì chẳng phá, dụ như đèn sáng (Minh Đăng). Bởi vì nó trung tâm của phương quảng, hành xứ của chư Phật

vậy. Than ôi! Các người học đời sau, bèn bỏ vân du trăm thành, trọn không nhầm năm mũi tên. Luận gồm có hai mươi bảy phẩm, làm thành mười lăm quyển. Nếu là người trong lập nghĩa cũng nêu tên người, còn như không tên thì liệt bày xưng là Tự Bộ. Nếu là người ngoài lập nghĩa cũng nêu tên người, còn như không tên thì liệt bày xưng là người ngoài. Từ phẩm "Phược giải" trở về trước, do Sa-môn Tuệ Trách chấp bút. Từ phẩm "Quán Nghiệp" trở về sau, do Sa-môn Pháp Lâm chấp bút.

Mới đầu phát khởi từ mùa hạ năm Trinh Quán thứ tư (630), đến mùa Đông năm Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, xét định đã xong, biên tả hoàn tất. Sở tu đọc rõ rồi mới tấu trình. Vua ban sắc các Sở ty mỗi mỗi biên tả mười bộ, ban bố các chùa, lưu thông rộng rãi. Đã theo gót Luân vương, Thập thiện cảm hóa nơi đời. Các chợ trong nước đều chấm dứt hàng thịt. Cấm khắp trong dân chúng không được giết mổ. Đất ở Giang Nam vốn lập trại bắt cá, hơn ba mươi châu thảy đều như vậy, hẳn phải phá đập mà lấy đó. Lấy được so chỉ một cành của Động Lâm, mà chết uổng quá hơn số ức của Hằng sa. Lại giáng tứ đạo, thảy đều phá trừ đó. Lại gặp năm hải thời, khắp nước nhà được mùa. Lại độ ba ngàn (3.000) Tăng Ni, ban rải phối đến các châu. Thế rồi, đức động cả thượng huyền, cảm thông đến chí Thánh, bảy nạn đều hết, bảy phước đều đến. Ân đượm ngoài chín bờ, oai tràn khắp tám cực.

Tháng mười năm đó, vua Hung Nô là Hiệt Lợi v.v... dẫn theo Thần Tử (bề tôi và con) cùng cả Bộ lạc, mang địu tranh nhau, trước sau nối gót, xa trông ngóng về cung đình, cả nước đều đến, bái yết cửa trời mà thỉnh mạng, tới Di Đệ để hưởng hòa. Chẳng phiền quân soái Vệ Hoắc, tự thấu cùng hang ổ; đâu mượn chúng đông của Hiên Viên, chiếu cuộn trốn mất, Hán Nam không lo buồn tạp lỗ, bờ Bắc bãi giặc cường Hồ. Khu vực bờ ngựa đống rồng, đã gội nhuần mỹ phong Đại Đường, bến bờ giao sông lắng biển đều là đất Thánh. Khỏe mạnh thay! Tốt lành thay! Cùng vui mừng ngày ấy. Vô vi vô sự, đồng hớn hở lúc đó, công bao gồm trời lập cực, riêng cao xưa trước, nghiệp kính Phật sùng thiện, vượt các Hiền xưa.

Chúa thượng từng trải qua chiến trường, mũi nhận lóe sáng cùng chống cự. Đến lúc lên ngôi, tình xót xa trong cõi lòng, mới ban sắc chiếu. Phàm các chiến trận nơi đó đều xây dựng chùa, Hữu ty cung cấp, dự liệu khiến hoàn bị, khắp trong nước nhà dựng xây mười ngôi, nghiêm chỉnh khả quan. Lại nữa, xưa trước, nhân lánh nắng nóng, tự thân đến Nam Sơn, bói đoán chỗ thần ở đó mà dựng lập đại tràng đây. Đất đó dãi theo sông Tần xa tít, men cứ núi Lũng mênh mông. Phía Đông trông

nhìn sóng tắm vầng nhật, phía Tây gần bờ treo trăng, đá phụng lớn tận cùng kỳ đặc, uất luật khoan trời, bờ rồng cuồng yêu thuật, sâu thẳm chích Hán, đâu riêng hang tùng đánh mặt nhật, ước cũng khe trúc khua mây. Thật là trường của Tứ Hạo dưỡng đức, bởi chỗ Tam Tần làm bền bỉ. Vì Thái Tổ Hoàng đế mà xả thí làm chùa, đã thêm lợi kiến, nhân đó gọi là Long điền. Lại đưa các tượng của Thái Tổ và Chúa thượng v.v... bằng giáp trữ, cả thảy có sáu pho đến trấn đặt cúng dường.

Mọi thứ Đại chúng cần dùng, thì Sở ty cung cấp không nhọc mua. Đất chẳng đợi trải vàng, hương ngược gió hòa khí phảng phất khắp hiện, cỏ cát tường mềm dịu lan tràn rủ thềm cấp. Lại vì Mục Thái Hậu mà đến cung Khánh Thiện, tạo dựng chùa Từ Đức, dùng các thứ chân thúc ca bảo, vàng Diêm-phù-đàn để trang nghiêm, mỗi mỗi đều hoa lệ. Tuy biết chỗ làm hiếm có còn nơi vãng cực chưa tỏ bày.

Tháng năm năm Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, đến trong phường Châu An thuộc phía Tây đài thành, vì Mục Thái hậu mà tạo dựng chùa Hoằng Phước. Xét hình thắng ấy, bèn bảo Phù nhân mở nền móng kết cấu, giúp đời bảng bạc tức vườn. Vàng đó, bạn đạo kề vai, Triều quý cụng đầu. Đất đó thì bờ cao mang rộng thoáng, lưới trăm trỉ mà quấn quanh dư thừa, tầng thành kết tóc, cao vợi chín lớp mà kéo dài Nam Bắc. Khi ấy rộng mở phường báu, đủ các xe rực sáng, nhìn sao lường cảnh, đặt mối giăng dây giày ngọc rủ ánh, vàng lát phẳng sáng bóng, hiên dài trong yên trái lại vũ vút giữa trời, trụ nỗi vẻ vời, trên cột đội đồ họa mây khí. Hiện bay khắc chạm, dưới ngạch cửa mang giải cầu vồng. Ảnh tháp nghiễm nhiên cùng trông nhìn nhau. Kinh đài chen chốc mà đều giá. Hết cổ đá sắc màu xanh đỏ, hết vòng kỳ đặc của vẽ vời khắc họa. Diệu cực trời tiên, nghĩ cùng thần quỷ, mâm vàng hứng sương mốc, sánh cây ngọc ở Cam Tuyền, khánh báu hòa gió tướng trạng tợ Quỳnh lâm ở An Dưỡng, chuông thoảng thâu đêm, kinh kệ vang sáng sớm, vận hợp với cá núi hưởng phù rồng gỗ. Chỗ linh dị nương náu nơi định tuệ tựa cậy, liễu nghĩa dứt tâm tại nơi ấy vậy.

- Đại Thừa Tướng Bột Hải Vương (Quang Thị) thời nhà Ngụy, là người thần khí tinh linh, tướng dáng đẹp lạ, đức đủ văn vỏ, tài nghệ kiêm cả lễ nhạc, khí vĩ của khuê chương xã tắc, tài cán của Hiên miếu trụ đá. Thật là có phong thái của Vương hầu, đều xưng gá thác của tỉnh loạn. Đến như quy tâm kính phục đạo, riêng vượt các hàng có tiếng tăm, chẳng lận tiếc voi ngựa, không mến quý châu ngọc. Đến ở chùa Định Quốc dựng xây tháp báu.

Ở thời nhà Ngụy có Thị Trung Đại Bảo Tư Đồ Công Quảng Dương

Ý Liệt Vương, Quảng Dương Trung Võ Dương, Tư Đồ Quảng Dương Vương, Quảng Dương Văn Hiến Vương, Tướng Quốc Cao Vương, Nhữ Nam Vương, Nghi Đô Vương. Bảy Vị Vương này đều kính tin ở lòng, dốc sùng đạo làm sự nghiệp. Hoặc văn hoặc võ giúp nước giúp nhà, nhả phong trụ đá, có đức Hiên miếu. Biết mây giữa không trung xa biến, hiển ánh sáng giả chẳng thường, đồng rõ tự thân mình v.v... đều kết quy hư nát, mới hồi tâm về Phật lý, chung tuân phụng Thánh hóa, đều thọ tám giới, đều thọ sáu ngày trai, tạo chùa độ Tăng, thiết hội sùng thiện.

Ở thời nhà Ngụy, có Thượng Đảng Vương Mục, Thường Sơn Vương Chí, hai vị này; Vương Mục tánh khí hòa hậu dung mạo xinh đẹp; Vương Chí dung mạo kỳ vĩ, eo mang mười vòng, lập tánh phương nhã, ít nói cẩn trọng, thường rất tỉnh đạt. Tuy gặp lúc nắng nóng mà chẳng cởi áo mão, làm quan đến Thị Trung Đại Tư Mã.

Ở thời nhà Ngụy có Hoài Dương Vương Úy, Hà Đông Vương Tuân, Đông Dương Vương Phi, Hoài Nam Vương Tha, bốn vị ấy đều có dung mạo tráng vĩ, tai lớn mày xinh. Trong suốt bốn mươi năm đều chuyên giữ ba tháng chay trường; mỗi mỗi tháng có sáu ngày trai, trì giới không sai sót. Bấy giờ trì tụng kinh Duy-ma, tạo dựng chùa Pháp Vương. Người già ngóng tụng mang gậy mà đến chầu, nhưng lại phải vì tiếng tăm cao sáng, thông rành việc nước, hỏi không gì chẳng biết. Đến lúc hưởng yến tiệc, thường ngồi đoan nghiêm. Mỗi lúc cùng các hàng Vương Công học sĩ, Đại đức danh tăng nghiêm đàm Phật lý, thì khẳng tiếng nói lớn với mọi người rằng: “Phật giáo xung hợp, chẳng phải chỗ biết của hàng Nho Mặc vậy”.

Ở thời nhà Ngụy, có Tần Vương Hàn là người thông rành việc ở đương thời, thấu suốt lý thành bại, gần thì phụng sự, xa thì mưu hỏi, vội vàng đủ cả, trạng nhân hành nghĩa, từ triều đình đến thôn dã đều trông ngưỡng.

Ở thời nhà Ngụy, có Tư Đồ Bắc Hải Vương Tường, Tư Mục Cao Dương Vương Ung, hoặc thân ở gốc ngọn, hoặc đất ở ngoại thích, gần cốt yếu của chính bản, đáng quý trọng của thần châu, đều cảm được Viên châu, mến mộ răn gắng khắc lòng, thức sáng triều chính, bày tuyên trị đạo, mà ôm ấp Phật lý, sùng tin pháp kiều, tạo tượng viết kinh, dựng lập chùa tháp, biên tả hết thảy kinh được mười hai tạng.

Bành Thành Vương Hiệp ở thời nhà Ngụy, là người dốc hết tâm lực, bảo hộ Thế Tông, trong ngoài chỉ huy. Mãi đến lúc lên ngôi, pháp môn mở lớn, Phật sự rộng bày, tu tạo Già lam, dựng xây linh tháp.

Tế Nam Vương Văn Nhã ở thời nhà Ngụy là người phong lưu

khoan nhã, dáng vẻ nhàn rộng, nhã phát sâu đẹp, từ sắc ngầm hòa. Người ở đương thời vì thế mà ca tụng rằng: “Tam công rành rành hết lâm lang, chưa như Tế Nam đủ tròn vuông”. Đến như miệng tụng lời vâng, tâm mong cầu Tịnh độ, trì trai ăn chay tịnh, hộ pháp kính Tăng, không gì lấy làm thêm vậy.

Ở thời nhà Ngụy, có An Phong Vương Diên Minh, Trung Sơn Vương Hy, đều là người thuộc dòng Tông thất, thông văn học cổ, đều lập đạo tràng, trai giảng tương tục. Dùng hương thơm châm hòa với mực biên tả một trăm bộ kinh Hoa Nghiêm, viết một bộ kinh Hoa Nghiêm trên giấy trắng chữ vàng, đều dùng năm thứ hương làm hòm, bốn vật báu làm hộp đựng đầy. Giữa đêm tĩnh lắng, sáng sớm tốt lành, thiết trai hành đạo. Từng có tỏa phóng ánh sáng thần năm sắc soi chiếu khắp đài Vũ, mọi người đều trông thấy, cùng phát tâm gấp bội.

Lang Da Vương Tụng ở thời nhà Ngụy là người nghĩa thông sáu kinh, sử gồm cả trăm họ, áo mão nghi mạo, từ triều đình đến thôn dã đều suy kính. Cao Luận Thanh Phong riêng vượt các đồng bạn ở đương thời. Vừa mới tuổi hai mươi, sánh cùng vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương đàm nói trò chuyện trọn ngày. Vua Võ Đế bảo: “Xưa trước Vương Lăng tại Hán, Khương Duy làm tướng Thục, ngay đó thành danh, nào hẳn bản thể ấy thấy lễ như đây”. Từng cùng vua Võ Đế khải bày hẳn nói: “Lâm Hoài Vương Tụng ở Ngụy”. Vua Võ Đế cũng chẳng trách đó mà rất lấy làm kính trọng ở ý. Cứ đến sáu ngày trai, thường thiết bày phẩm vật thanh tịnh dâng cúng Phật Tăng, với các thứ bổng lộc đều đưa vào tu đạo kinh tượng.

Thượng Thư Lệnh Quảng Dương Vương Gia thời nhà Ngụy là người mừng giận không lộ vẻ, trầm lắng thông mẫn tham học, nhân hậu chí hiếu, vội vàng chẳng giẫm trải. Đọc hết thảy kinh tạng được ba biến, tạo dựng chùa Ái Kính để đáp ân hai vua, làm chúng kinh sao gồm mười lăm quyển, quy tâm dốc mạng chí ý ở tại Pháp thành.

Trần Lưu Vương Kiều ở thời nhà Ngụy, là người dáng khí khôi ngô cao vợi, sức lực khác thường. Từ thuở nhỏ xuất gia, rỗng tâm mến mộ đạo, về sau trở lại thế tục mà chẳng bỏ thói chân, tuy dự tham chánh sự mà rất dốc tâm với thắng nghiệp.

Tề Hiến Võ Vương ở thời nhà Ngụy, là người ý tư theo minh vận, trí cùng thần đồng hành, ân sánh với trời xuân, cai đồng mặt nhật ngày hạ, thường chí tâm nơi muôn vật, trùm đại đạo ở tám phương, tu tâm khắc kỷ, hồi hướng chánh pháp, tạo dựng chùa Đại Bi, khắp vì lợi ích quần sinh.

Ở thời nhà Ngụy, có Sử Trì Tiết Trung Ngoại Chư Quân Sự Tề Vương, Cự Lộc Vương Xiển, Lục Thượng Thư Sự Bành Thành Vương Thiều, Tiếu Quận Vương Lượng, Giang Hạ Vương Di, Lâm Thao Vương Vinh, đều là những vị anh tài nghị lực nổi trội, phong cách vượt thường, mà tin kính giáo pháp, hồi hướng dòng họ Thích.

Thái Sư Đại Tư Mã Lạc Châu Thứ Sử Phùng Hy ở thời nhà Ngụy, là anh của Văn Minh Hoàng thái hậu, kính phụng Phật rất mực tin tưởng. Đến các châu, tạo dựng Phù Đồ và Tinh xá cả thảy có bảy mươi hai ngôi, biên tả mười sáu bộ hết thảy kinh, thường cùng các bậc danh Tăng giảng luận Phật nghĩa.

Sử Trì Tiết U Châu Thứ Sử Tư Đồ Công Hồ Quốc Trân ở thời nhà Ngụy, là cha của Linh Thái hậu, chỉ chuyên việc trai tịnh nghiêm khiết, tự mạnh dạng lễ bái, biên kinh tạo tượng, dựng xây chùa Chánh Hóa, cúng dường trăm vị Tăng.

Tư Đồ Tổ Cánh tự là Nguyên Trân ở thời nhà Ngụy, là người hợp đẹp lắm phước, vốn thần chứa thiện, khí cục rỗng thoáng, chí thức khai ngộ. Miệng ngậm tài biện của Bích Kê, tay nắm văn hoa của Diêu Long, Nghĩa Phủ Huyền Tông, nhậm giữ như vậy.

Tư Đồ Không Lý Vô Vi ở thời nhà Ngụy, là người tánh khí khác người, tự nhiên thực hành đã móc sâu đạt xa, nghĩ văn ôm chất. Hồng Hộc dẫn bay, bèn ôm hoài chí khí bốn biển, ngựa giỏi mới dong đã có tâm ngàn dặm. Tuy chính sự lắm nhiều mà thường lấy kinh Kim Cang Bát-nhã làm hạnh nghiệp, mỗi tháng sáu ngày trai, trọn đời không phế bỏ.

Thái Phó Xướng Ninh Vương Lý Thật ở thời nhà Ngụy, là người lập thân nhã chánh, làm người thanh kiệm, thận trọng từ thủy đến chung, kính phụng pháp, tôn thờ thầy, không bỏ phế sáu ngày trai, thường hành trì ngũ giới.

Thiếu Bảo Kiến Xương Công Đậu Lược thời nhà Ngụy là người vốn ôm lượng y hoắc, sớm nhớ rừng trụ thạch, chuyên chánh trao truyền luật, biết rỗng vắng của Giáp ất, đáng tịch chế quyền, biết hướng bối của gió mây, giàu mà không kiêu, quý mà không ngạo, kính tin sùng trọng, gá mạng với đấng Thế Hùng, tạo dựng chùa Linh Sơn và chùa Pháp Vân, cúng dường hai trăm vị Tăng.

Tư Đồ Cao Ngạo Tào ở thời nhà Ngụy là người dõng khí khác thường, võ lược hơn hẳn trong đời. Tư Đồ Cao Long Chi ở thời nhà Ngụy là người khí khái vượt thường, đức hạnh phong thái đáng kính bái. Thị Trung Thượng Thư Lệnh Nguyên Hựu ở thời nhà Ngụy là người khí

phách tài cán nổi trội, anh hoa trong sáng, vũ nghi từ triều đình đến thôn dã, giúp khen rất có tiếng tăm, đến Đại Châu tạo dựng chùa Pháp Âm. Hữu Bộc Xạ Đại Hành Đài Mộ Dung Thiệu Tông ở thời nhà Ngụy là người thông mẫn suy xét khá xứng, lễ mạo hiền giả dốc thành. Lại Bộ Thượng Thư Hình Loan ở thời nhà Ngụy là người có khuôn phép thanh bạch, xinh đẹp nói cười, thông Lão Trang, đượm vị thơ tao, kính trọng Đại thừa, tạo tượng lập chùa.

Phiếu Kỵ Đại Tướng Quân Nghi Đồng Tam Ty Hằng Châu Thứ Sử Lục Chính ở thời nhà Ngụy là người ngay thẳng vô tư, giữ đạo ít tham muốn, có tiết tháo nuôi lớn đức nhân, khéo xinh dung dáng văn nhã, miệng chuyên trì tụng kinh Duy-ma lấy làm luận bản. Người thời bấy giờ cao chuộng, không dám chống kháng luận đàm, tức em thứ hai của Lục Tải vậy.

Thái Thường Khanh Cung Hầu Trịnh Quỳnh ở thời nhà Ngụy là người Huyên Lan phô bày đức, uyển diễm làm tâm, vũ nghi ở triều quý, chuẩn mực ở nhân luân. Xây dựng chùa Tịnh Vức, tạo lập giảng đường Pháp Hoa. Mỗi tháng riêng thiết trai, hàng năm thường tả tượng.

Ung Châu Thứ Sử Hàn Trọng Tường ở thời nhà Ngụy là người giản lược thanh thông, nêu cử nhã tục, ôm hoài phi ngã, tạo dựng chùa Hàn Sử Quân.

Hoàng Môn Thôi Lăng ở thời nhà Ngụy, là người tính tâm đạo nghệ, gá chí với thi thơ, khắc triện làm văn, bổ vẽ thành đức, tiếp đi phong rỗng ý tưởng, trông ngóng đẹp dốc lòng, riêng bước ở đương triều, làm vật xứng đầu, mà hồi hướng Tam bảo gá chất với tứ hoằng thệ nguyện, đến trong nghiệp thành tạo dựng chùa Báo Ân.

U Châu Thứ Sử Lư Lệnh Thủ ở thời nhà Ngụy là người khuê chương đượm nhuần bên trong, phong tái chỉnh túc ở ngoài, khí độ trầm lắng, thần dụng cao sáng, ở U châu tạo dựng chùa Thông Huyền, cúng dường trăm vị tăng.

Bái Quân Thái Thú Triệu Nguyên Tắc ở thời nhà Ngụy là người bẩm tinh thần tượng, dáng linh sông núi, từ thuở nhỏ tiếng tăm đã chiếm tốt lành, đến tuổi hai mươi càng vang lừng. Chí ý kính tin càng chuyển đổi, tâm niệm cúng thí nhẫn nhục không cạn, biên kinh tạo tượng, tâm chưa hề nhọc mệt.

Hà Nam Duẫn Võ Ấp Công Lý Tương ở thời nhà Ngụy là người vũ nghi văn vật, mũ lọng cùng ngóng trông, giữ một ân chân, chí còn an dưỡng. Trong ba tháng trường trai hẳn tự thanh khiết, ngày húy kỵ song thân, đạt hạng buồn cảm, tạo dựng chùa Di-lặc, cúng dường trăm

vị tăng.

Thái Tử Trung Thứ Tử Ngự Sử Trung Thừa Lục Tải ở thời nhà Ngụy vốn người ở đất Ngô, làm Hàm dương vương nghĩa chân hành quân Đại đô đốc sứ ở đất Tấn. Sau mất Hách Liên, nhân đó đến làm quan của Ngụy, là người có tài điều thiện đàm nói hài hước, là chỗ quý trọng của các hàng Quý công ở Ngụy triều, mà tánh lại ưa thích rỗng lắng, thường lưu tâm để ý nơi Phật pháp từng đọc tụng các kinh, tán dương huyền chỉ. Đến lúc tuổi già, tinh thành qua chữ kinh văn tỏa phóng ánh sáng, miệng trì tụng kinh Pháp Hoa, có lúc cảm được xá-lợi.

Vệ Úy Khanh Hứa Bá Đào ở thời nhà Ngụy, là người có phong thái nuôi lớn đức nhân, hoằng xiển đạo không nghịch, sùng phụng chánh pháp, không lúc luống mất.

Tán Kỵ Thường Thị Ôn Tử Thăng ở thời nhà Ngụy, là người có nét của Thái Xung Tam Đô, tài của Tử Vân Bách Tấu, gấm lụa thẹn với văn chương đó, vàng ngọc hổ với ánh ngời đó. Sùng trọng diệu pháp, mến vui Đại thừa.

Ninh Viễn tướng quân hầu Mạc Trần Dẫn ở thời nhà Ngụy, là người gốc ở Hán Trung Sơn, là con cháu của Tĩnh Vương, trải qua thời nhà Hán đến đó mới có phong quốc, nhân lấy hầu làm họ, bèn xưng hiệu là Trần. Tạo dựng chùa Kỳ Viên v.v..., chùa thường thiết trai giảng hội và cấp thí Bi điền.

Trên đây là những bậc anh tài ở triều đại nhà Ngụy, những bậc vẻ vang một thời, khâm trọng kính ngưỡng Phật giáo, đại khái chỉ nêu bày như vậy.

- Đại thừa tướng nội ngoại chư quân sự Thường Sơn Vương ở thời nhà Tề (là người un đúc hạnh nghiệp, sùng quý đẹp xinh đặc đạt khác thường). Thái úy lan lăng Vương Trường Cung ở thời nhà Tề (là người thông mẫn khác thường, cả triều đình và thôn dã kính sợ). Tư đồ lang da Vương Nghiễm ở thời nhà Tề (là người giúp tán dương Hoàng gia, làm hưng thạnh triều chính). Lục thượng thư sự Trường Quảng Vương Trạm ở thời nhà Tề (là người tay chân ở Vương thất, văn võ hiến chương). Đại đô đốc Lục thượng thư sự Quảng Bình Vương ở thời nhà Tề (là người trí tuệ tư tưởng khác thường, tiết tháo nhu hòa thẳng thắn). Đại tư mã thánh Hà Vương Đàn ở thời nhà Tề (là người có hạnh nghiệp ưu tú sâu mầu, phong cách tuân xa). Tả bộc xạ Quảng ninh Vương Hiếu Diễn ở thời nhà Tề (là người thức ngộ ưu tú sâu xa, trinh cán trọn vẹn).

Thị Trung Thượng Thư Lệnh Lục Sự Thượng Thư Sứ Trì Tiết Đô

Đến Triệu Châu Chư Quân Sự Phiếu Kỵ Đại Tướng Quân Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Hộ Quân Tướng Quân Triệu Châu Thứ Sử Đái Lục Châu Đô Đốc, Tinh châu Thái trung Chánh trưởng An công Tấn xương Vương Đường Ung ở thời nhà Tề, là người tạo dựng chùa Chúng Nghĩa Trang Nghiêm và chùa Đại Ninh Quốc, chú đúc một tôn tượng Di-lặc bằng vàng, tinh khí hiện bày phù hợp, thần núi giáng phước. Gặp năm Xương Thạnh ấy, nâng thượng đức sáng ngời đây, phụng sự năm Quân Vương, mến thương tám bộ chúng. Ra tiếp phòng vàng vào giẫm bờ xanh, nhặt dư thừa để bù đắp khuyết thiếu, hiến dâng có thể hết mà chẳng kinh quân chế. Bí mật của khâu phù, lợi báu của nước nhà, không thể chỉ bày cho người, tim sức vóc thưa quay về, trông coi cẩn mật. Lại dùng chích cử áo rơm, đốc xét toàn triệu, gậy trượng tiết tháo hiện oai, dưới xe ban ân huệ. Hào hữu đều gần, trông ngóng gió sương mà kiểm tay, đơn lẻ yếu đuối mà gạt rớt, gội nhuần mưa mốc mà nghỉ vai. Miệng vàng lưỡi gỗ nâng tay chỉ tay, ăn mặc đủ đầy mà biết vinh nhục, lễ nhạc sung túc mà biết trung hiếu. Cờ đình tuyệt của cải kỳ mậu, vườn đất có chức của ai kính, ước sánh ăn cá, thanh bạch so cùng châm nước. Tham dự thành cũ, Trưởng Lại kính sợ đó như Thần minh; ruộng nhà, dân chúng mong ngưỡng đó tợ nhật nguyệt. Thêm vì ruộng tốt ở lễ, vàng thật tại tánh, sống vui trong các pháp, điều phục các căn. Người nghe hẳn tu hành, kẻ thấy bèn tùy hỷ, vì nước nhà là muôn dân. Đến nơi thành đô xưa cũ của Nghiêu tạo dựng chùa Chúng Nghĩa Trang Nghiêm, phòng quy mô tráng lệ rộng lớn, càn tượng sánh khuê, bày do án lệ, lưng âm mặt dương, mở lạnh ngậm nóng, nguyệt cung nhật điện, đêm ngày đều sáng, vườn nại đài sen, xuân thu khác sắc thái, danh Tăng nối gót võ, tịnh tín liền hàng, Lệnh nguyệt lúc mừng vui, tranh xưng lễ bái. Lại đến Bình dương tạo dựng chùa Đại Ninh Quốc, chùa báu nổi trên, tinh lô xa xinh đẹp, rường khắc văn hạnh, trụ góc chiên đàn, văn vẻ cùng ngời ánh, xanh đỏ giao thoa. Lại chú đúc một tôn tượng Di-lặc bằng vàng ròng, hợp cùng hào quang cao bảy thước; một tôn tượng bằng đá trắng cao trượng tám; biên tả hết thảy kinh hơn ba ngàn (3.000) quyển, tu sửa một vạn tôn tượng cũ.

Hữu thừa tướng Hàm dương Vương Hộc Luật Minh Nguyệt ở thời nhà Tề (là người dõng khí không ai vượt trước, giữ tiết càng cứng mạnh). Tả thừa tướng Bình nguyên Vương Đoàn Hiếu Tiên ở thời nhà Tề (là người kính chăm chính sự, đáng sánh triều ủy). Lục thượng thư sự Hoài Nam Vương Hòa Sĩ Khai (là người dốc mến cần kính, kính phụng pháp tự lớn mạnh). Thái thường Thanh hà Vương Cao Nhạc ở thời nhà

Tề (là người dõng cán đẹp thanh). Thái Tể Chương Võ Vương Khố Địch Thiên Thu ở thời nhà Tề (là người dõng mãnh nghị lực cung thuận). Thị trung Tần vương Cao Ngạn Quy ở thời nhà Tề (là người trầm ái ưu mỹ).

Thị trung Thượng thư lệnh Nguyên La ở thời nhà Tề, là bậc sĩ tài danh. Nguyên Vương Cảnh Hình Tử Tài v.v... đều làm tân khách, nhưng vì tánh thanh kiệm trinh tố, chăm lo tiếp vật, sùng kính Tam bảo, khâm chuộng trí hoằng thệ nguyện. Đến chùa Pháp Hỷ, tạo dựng tháp gạch cao bảy tầng. Dốc hết tâm lực để giúp Thánh chúa, dùng mưu đồ vĩnh an để tu sửa mình thì trên yên nơi Quân vương, dưới bảo hộ ở tự mình, đáng là kiếng nước của nhân luân, mẫu mực của thiên hạ.

Thượng thư lệnh Cao Triệu ở thời nhà Tề (là người tạo dựng chùa Nhàn Cư). Thái úy Bành Lạc ở thời nhà Tề (là người nhân hậu hiển bày đẹp xinh). Tư đồ Phan Tướng ở thời nhà Tề (là người chuộng nhân quý nghĩa). Tư không Tư Mã Vu Như ở thời nhà Tề (là người có học nghiệp thanh mỹ, giới tiết cao vời).

Quang lục đại phu Thượng thư bộc xạ Dương Tuân Ngạn ở thời nhà Tề, là người nhận biết nghĩ nhớ ôn mẫu, phong nghi nổi trội, sớm nêu ngọc nhuận vẻ vang tiếng vàng, mà văn gồm chín công, võ bao cả bảy đức, chấn động vẻ vang tốt lành trong thiên hạ, cảm đượm tâm vui thích trong nước nhà. Văn Tuyên cao trông xem ở Thượng kinh, Bộc Xạ biết cả việc đương thời. Bụng trống đánh đất màu mỡ, mọi người không tiếng oán. Trong mười năm nước Tề đại trị, sức lực giúp hợp.

Dương Công có vậy, mà rộng giẫm trải trong ngoài, bao gồm thông rành Khổng giáo, Phật giáo. Đều nhân gở chọn xếp bày chùa thấy nhau, bạn đạo liền hàng, sĩ nữ hồi hướng. Chuyên ý hộ trì, dân chúng xa chiêm ngưỡng.

Thiếu phó Thượng thư bộ xạ Ngụy Thâu ở thời nhà Tề, là người rành đủ lễ nhạc, bao quát cả di luân, thấu đạt khổ không, tôn trọng chánh pháp. Học kiêm Mã Trịnh, tài vượt Lưu Ứng.

Quang lục đại phu Thượng thư Bộc xạ Thôi Tiêm ở thời nhà Tề, là người tài ứng giúp mạng, sủng ái Kế Nhị Nam, bởi cả triều đình đều chiêm ngưỡng, nhân luân thế ngóng trông, gồm tin Phật pháp, tạo dựng ruộng phước, vui cùng danh tăng, cao đàm chí lý, viết kinh tạo tượng, tu sửa Già lam.

Hữu bộc xạ Thôi Quý Thư ở thời nhà Tề (là người vật ngóng thanh cao, vũ nghi ở đương thời). Tả bộc xạ Yên Tứ Kính ở thời nhà Tề (là người kính trên tiếp dưới, giữ pháp tự mạnh mẽ). Bộc xạ Triệu Ngạn

Thâm ở thời nhà Tề (là người nhân hậu thanh kính). Thị trung Hộc luật Hiếu Khanh ở thời nhà Tề (là người nghĩa dõng hơn hẳn ở đời). Thị trung Hộc luật Văn Nhã ở thời nhà Tề (là người thanh kiệm cao kính). Thị trung Từ Chi Tài ở thời nhà Tề (là người đức phong tuân khắp). Thị trung Cao Chánh Đức ở thời nhà Tề (là người luân ước chẳng lạm pham). Thất binh Thượng thư Vương Nguyên Cảnh ở thời nhà Tề (là người thanh thông hiển trước). Thái Thường Khanh Thôi Ngang ở thời nhà Tề (là người dốc nghĩa chuộng nhân, vang vọng danh tộc). Tán Kỵ Thường Thị Lưu Địch ở thời nhà Tề (là người học gồm bảy lược, tài bày bốn cửa). Vệ úy khanh Đỗ Bật ở thời nhà Tề (là người chí tiết đáng xứng, nói làm thỏa hợp). Điện trung thượng thư Hình Tử Tài ở thời nhà Tề (là người văn vẻ tỏa sáng, kỳ đặc khác đời). Bí thư giám tổ Hiếu Trưng ở thời nhà Tề (là người học nghiệp ưu tú, tài vẽ sáng tục). Thượng thư Tả thừa phong Hiếu Diễn ở thời nhà Tề (là người thanh vút cao xa, thấu đạt trước chỗ mong cầu ở đương thời).

Sứ trì Tiết bình nam tướng quân, Nhân châu Thứ sử kim tử quang lục đại phu An khương hầu Phiên Nhu ở thời nhà Tề, là người thể điều ngưng sâu, lý thức trong sáng, tinh thành tráng chí, chẳng ai cùng làm đồng bạn. Đến Lô châu tạo dựng chùa Trúc Lâm, đến Nhân châu tạo dựng chùa Bạt Khổ, tạo dựng biên kinh mỗi năm riêng khác chẳng ngầm mất.

Như trên, là những bậc anh hiền ở thời nhà Tề, tài tuấn của Bắc triều, đều học thông kim cổ, hiểu suốt Huyền nho, mà rất kính tin Phật giáo, hiểu rõ nhân quả, tay mở pho ngọc, miệng đọc lời vàng. Số người đó như cây cỏ nương nơi đất liền, gặp gỡ họ tợ sắp lớp dưới sông dài. Đến như nông nhà trắng, già yếu không tuổi tên, tạm biệt mong quy hướng, phát chút ít tâm, thì không thể xưng kể, sao được nói bày. Do đó, phước hỗ giúp cả bốn loài, mừng vui khắp ba đời, đáng nhân đáng thứ, đến đời con đời cháu. Đức học hay thực hành, không gì chẳng đạt đến.

- Trụ quốc Tương châu tổng quản Vệ Vương ở thời nhà Chu là người gieo trồng gốc đức. Đến Tương châu, tu tạo chùa Thượng Phụng Lâm, cậy nguy vượt cốc, tiếp rường cột liền mây. Gác hương khám thiền tựa non gá núi, Phật sự nghiêm chỉnh, điện vũ hoa sáng, trăng lồng cửa sổ thu, gió thoảng nhà mát ngày hạ, quên lo buồn đầy viện, lớn vui thích đầy thềm, trúc vút diềm tranh, tung giăng kẻ đá, kỳ phong bày thường nhật, cây cao vút tận trời, người ghé mắt mở tâm, tự nhiên quên trở về.

Trụ quốc Ích châu tổng quản Triệu Vương ở thời nhà Chu là người

quy mạng đến Nhân. Ở Ích châu tạo dựng chùa Tuệ Nhãn, cửa lớp đạp cao, gác bay liền mây. Dấu chân chim rồng cuộn, chim phụng liệng tiếp bày. Cửa sổ mở sấm chớp thần nữ, rường cột ánh ngời bóng người đẹp. Diềm bốn phía rót đổ mà bên cạnh gần thềm, ba lần nghỉ đi thẳng lên, dây vảng giăng đường, nhưng đồ họa vườn Đao-lợi, màn sương mốc rủ thềm tức tả đất do càn, ba xuân lệnh nguyệt, tám tiết lúc vui. Sĩ nữ tín tâm đều xem thường hào hiệp, cúi mình hồi hướng, đảnh lễ quy y.

Trụ quốc Ung châu thứ sử Tề Vương ở thời nhà Chu (là người tạo dựng chùa An Cư). Thái sư đại trùng Tể trụ quốc Đại tướng quân, Tấn quốc công Võ Văn Hộ (là người tạo dựng chùa Hội Đồng v.v...). Tấn Công đất thuộc Văn Chiêu, tên Cao Vương Thiểm, nạp nhận Bào Mao của Tử Lý, chuyên chinh phạt Ngũ Hầu. Chu Văn làm phủ dân chúng đều tỏ rạng, Cao Đào làm mưu tính, thiên hạ không việc gì. Xả tắc do đó mà dựng lập. Triều đình nhờ đó mà cân dắt, mà kính tin chẳng ai bằng, hồi hướng không thể sánh. Làm lớn mạnh tượng giáo, dựng lập nên đền Nhân. Phàm, đã tạo dựng năm ngôi chùa như Pháp Vương, Di-lặc, Trắc Dĩ, Hội đồng v.v... Mát gội nhuần bỗng lộc, chẳng phí của thủy hành, quận nước giảm tô thuế, không khổ nhọc lính làm trôi nổi thuyền bè. Đất phần âm đảnh báu, nền an ấp điện tía, vườn mở vàng Trưởng giả, suối vọt gậy Sa-môn. Hết cây gỗ của Đại Tần, khó dốc lửa Nhật Nam, tề chỉnh cùng thợ khắc, chẳng nhân đồ họa của Công Vương, khéo hết Thần Công, mới đợi đối đáp do tôi. Tháp báu giữa trời, xa gần đài vọng khí. Đất vọt khám linh trở lại đối bờ Hạm xa, trì giới bốn bộ, an cư hai mùa, thường chuyển pháp luân, luôn ngưng thiền thất. Lại cúng dường chùa Sùng Hoa.

Trụ quốc Thượng thư Bộc xạ Sở quốc công đậu Lô Minh ở thời nhà Chu, là con cháu đời sau của Yên Văn Minh Hoàng đế Mộ Dung Hoảng. Ông nội là Thập, làm Trực tẩm ty Lệ đại phu ở thời Văn Thành Hoàng đế. Thân phụ là Đốc, làm Trụ quốc đại tướng quân phù lăng công. Năm mới tuổi hai mươi, Tô Ninh ra nhậm làm quan, Nguyệt Giác xưng kỷ, sao tinh bày đức. Ở trong Binh quân suốt ba mươi bảy năm, trải qua bốn mươi hai trận chiến. Linh Hồ chẳng dám lấy phương Nam, người Triệu đâu chịu giữ đất Bắc. Kiếng nước nhân luân, đáng là kỷ tử ở đương thời, mà nhàm ái giữ tâm, hồi hướng chuyên hạnh nghiệp, tạo dựng chùa La-hán và chùa Hội Tông, đúc tượng biên kinh tương tục không dứt.

Thái phó trụ quốc Đại tướng quân Thái tông bá Đặng quốc công Đậu Xý, là người vốn quan tộc ở Ngũ lăng, gia đình tốt lành tam phủ.

Mạnh Tân xưng môn Đồng Đức, Hàm Dương mới giúp lên trước. Công dự tham tám bính, địa vị vào Lục Phù. Đậu Xý tức Hoa Trụ An Phong. Xưa trước chuyên theo Hoàng Lão, nay kính tin Đại thừa, tạo dựng chùa Bạch Mã và chùa Phạm Vân, gieo trồng hạnh nghiệp xuất thế trong tương lai.

Thị trung trụ quốc Đại tượng khanh Võ vệ tướng quân Trung tán đại phu An phong công Đoàn Vu... ở thời nhà Chu, là con cháu nối dõi của Vu Mộc, vỗ về quân lính như trẻ con, phong lưu lập lại nơi đời, tiếng tăm tốt lành nối gót võ, núi đầm thông hơi khí, nghi biểu thuần hòa. Bấy giờ dùng chay tịnh thí cấp, mạnh đạp có yến tô, kính phụng mạng chuyên đối, chỉ bày đồng bọn nghịch trái ấy, liền xin phụ giúp dẹp. Lại thuần khéo hòa mục, có được khẩu mã và kim bối v.v... đều dùng vào việc biên tả kinh và cấp thí người già cô quạnh.

Trụ quốc Ung Châu mục Nam duyên Bát châu chư quân sự Duyên châu tổng quản Tán quốc công Đậu Cung ở thời nhà Chu, là người có chuẩn mực hết cậy nương, áo giải bày sáng rỡ, cả nhà kính phụng pháp, đều khâm chuộng tốt lành.

Đại tướng quân U Châu thứ sử An định công Võ Văn Quý, ở thời nhà Chu, là cháu của Thái tổ Văn Hoàng; là con của Trụ quốc Tề Vương, dòng giao Tây tự, kính nghiệp Hà kinh. Đức trọng rừng Nho, tên cao đại học, phụng sự tôn thân rất mực chí hiếu, kính trọng Phật chỉ cung, bố thí nhẫn nhục giữ lòng, về già càng thấu đạt.

Khai phủ nghi đồng Tam ty Thái tử tẩy mã Vân ninh trang công Lang da Quận Vương Thác Bạt Thắng, ở thời nhà Chu là cháu của Thị trung bảo Từ châu mục quảng vương Vương Gia. Thân phụ là thông xả bỏ nước ấy, tiếp nối thoát vết Vương Gia. Đổi đá nêu mốc làm Hương thành, biến thùy dương làm vườn nại, bỏ mũ mão mà đắp mặc áo ruộng phước, bãi xướng ca mà tuân theo Nhã phạm. Trang công vì cha nên cũng kính mộ quy y, bèn ở nơi đế riêng, thường tu tịnh nghiệp.

Sứ trì tiết Thiều châu Đô đốc hành đài lang trung thông trực Tán kỵ thường thị Hà đông công Võ Văn Thiện ở thời nhà Chu. Võ Văn Thiện vốn tên tự là Trọng Lương, đang tuổi bé thơ đến trường học, truyền áo trăm dân; đến tuổi hai mươi vào triều đình, giật cương quá ngàn dặm. Khoảng đầu niên hiệu Đại Thống (?), đến Sa Uyển hiến tiệp, khắp đất của Hà Đông, kiếm gậy quy hướng chí thành tông ấy, theo người cùng quê hương đều được mở mang nước nhà, mà rất kính tin chánh pháp, lo sợ việc tương lai, tạo tượng viết kinh, suốt một đời tu phước.

Khai quốc nghi đồng Tam ty Dương hóa công Nguyên Ngang ở

thời nhà Chu, là cháu của Đại thừa tướng kinh triệu Khương Vương thời nhà Ngụy; là con của Thái bảo lục Thượng thư Hoàn Chi, chí tiết ôn cung, tâm giữ nhân hiếu, rảo học rừng nho, sớm tập kinh sử, rất kính chuộng dòng họ Thích, xả bỏ vườn nhà tạo dựng chùa Thù Đức.

Trụ quốc Đại tướng quân lũng tây đông công Dương Toản ở thời nhà Chu, là người Hà Nam, cận thần Hoa sơn, quý trụ Tổ khâu, dùng ba quân Vũ Lâm để trị binh lính ở sáu trấn. Thân phụ là An nhân Bắc đạo Đại đô đốc Sóc Châu Trấn Tướng. Từ đời ông nội trở lại đều sùng kính Phật giáo.

Thông châu thứ sử Hữu thị thượng sĩ Tán kỵ Thường Thị Dương Tháo ở thời nhà Chu, Tây Hán có mười người, Đông Kinh có bốn đời, xe đỏ hoa lọng đời đời tiếp nối, là cháu của Thượng thư Trung Công, là nối dõi của Phần Châu thứ sử, hai dương đồng đời, đều sùng kính Phật pháp.

Tư không trinh hầu Trịnh Mục ở thời nhà Chu, là người ra trung vào hiếu, kính Phật trọng Tăng, lâu dài mà không nhọc mệt.

Thị trung thiếu phó Kinh triệu quận thú hành đài lang trung Đại tượng khanh yên quận công Lô Cảnh Nhân ở thời nhà Chu, là Thiếu Tử của Thái Bộc Khanh Tỉnh, là người cao nhã khéo thông rành xưa. Gia đình truyền nghề bổ củi, sớm tối gắng học, đời đời tiếp nối dạy khéo giỏi cung tên. Anh thứ ba là Cảnh Dụ, học trùm huyền nho; anh thứ tư là Cảnh Biện, nghe rộng nhớ nhiều, đều hay sửa đổi hiến chương, chế độ lễ nhạc. Tại Quan Trung xưng gọi là phu tử, ở Hà Thượng nghi ngờ Trọng Ni, đều xưng dương Phật giáo thấu cùng sâu mầu, Lão Trang rỗng thoáng.

Thái bảo trụ quốc Đại tướng quân Ngô võ công Uất Trì An ở thời nhà Chu, là người Hiên viên đản thánh tại Tân trịnh, mở đầu Hồng nguyên ấy, xướng ý giáng ở như nước, tiếp thừa Di Liệt đó. Thủy Tổ là chính của dòng họ Ngụy, phong Uất Trì Quốc Quân. Quân tộc bày công ở đời, mạng họ nhân ấp ở phước, hết nương cậy giềng mối hoa, đảnh thường khắc công sâu, dấu vết sáng rỡ cơ nghiệp cao, dong ngu nhớ ghi hạnh nghiệp đó. Thân phụ là Trụ quốc Đại tướng quân Trường Lạc Công, phu nhân là Công chúa của Thượng thư xướng lạc đại Trưởng Mục tạo dựng chùa Bao Nghĩa và chùa Ni Tuyên Hóa.

Đại tướng quân Nam man đô giám thường sơn công Liễu Khách Chi ở thời nhà Chu, là người cao vút cùng cực, Đại Hạ mây giăng, khí vũ xung xa, phong độ ngưng chỉnh, truy tìm giản yếu của Vương Nhung, quá hơn Thanh Thông của Bùi Khải, có đức có tài, đáng bắt chước đáng

kính chuộng. Đến Tương châu, tạo dựng chùa Hương Sơn, chùa bay ngoài mây, phan vút trời rủ, nhật điện đài sen, rừng ngọc đất vàng, xa sánh với Kỳ thọ, như biên tả Kê viên.

Bắc hình châu thứ sử an đạo Công Tịch Cố ở thời nhà Chu là người khí vũ lắng ngưng, tài lược thông rành, chương bạc thao xanh, rõ kinh cúi nhặt, sơ tước trù dong, không công khắc cử, lệnh đức rõ bày trong quốc sử. Sách huân biên tả ở Gia điệp, nền tảng công trạng ấy, nhiều đời anh hoa tỏa sáng. Đến Đặng châu tạo dựng chùa Đức Vương, phòng nhà tinh nghiêm, điện đường cao ráo, yên ở hình thế ưu thắng, khiến người trông thấy phát tâm.

Sứ trì tiết trụ quốc Đại tướng quân Đại đô đốc Đồng Châu thứ sử Từ Quốc Công Nhã Can Phụng ở thời nhà Chu, là con của Võ Công, cháu của Tư Không, kiến lập xã nối tiếp Tề, nắm ngọc khuê kế tục Vệ, cao phong che mặt nhật, trường kiều rủ mây, tạo dựng chùa Chí Thánh, ngõ hầu cậy nhờ minh phước.

Sứ trì tiết Thái phó trụ quốc Đại tướng quân thanh hà công hầu mạc Trần Hưu ở thời nhà Chu, là người văn võ đều thi thiết, trung hiếu gồm đủ, vừa mới sinh mà biết nghĩ nhớ thiện, thường thực hành từ bi tha thứ. Đến chùa Đại Thừa, phát tâm thọ giới, biên tả hết thảy kinh, tạo tôn tượng Vô Lượng Thọ cao trượng sáu bằng giáp trử, với bổng lộc có được đều sung làm cấp thế.

Thái sư trụ quốc Thục quốc công Uất Trì Hồi thời nhà Chu, lúc nhà Ngụy tan loạn, kinh luân trở ngại, triều đình nhà Chu xây dựng đất nước, bèn phụ giúp kính nhượng, un đúc cao sánh trọng, ở chỗ khó phỏng, sung thiện kính mộ phước, lâu dài càng hiển trước. Tạo dựng chùa Diệu Tượng, cúng dường tứ sự không khuyết thiếu, pháp luân thường xoay chuyển, tam học luôn thêm nhiều.

Khai phủ nghi đồng tam ty An chính công Sử Hùng ở thời nhà Chu. Xưa trước Trụ sử lưu trệ Chu Nam, tiêu tiếng ở Hàm cốc, nhân làm quan họ mạng bèn xưng sử vậy. Ông nội là Tuân, làm Lương Châu thứ sử, thân phụ là Ninh làm Trụ quốc an chỉnh liệt công, đều là những người mưu lược sâu rộng, giúp thời cứu đời. Mà gia đình sùng trọng Tam bảo, mọi người đều vâng giữ tám trai, tạo dựng chùa An Chính, thầm huân đúc theo cha ông, người thời bấy giờ đều kính trọng.

Khai phủ Bình bắc tướng quân Nhân Châu thứ sử An hóa công Khâu Hồng Tân ở thời nhà Chu, là người ở đời nổi trội trung liệt, gia đình tiếp thừa hiển bày sang quý. Hẻm thông cán dài, phỏng theo chỗ ở của Vương Tuyền, cửa bánh xe bốn ngựa, đồng vườn nhà của Ngụy

Thư. Em là Quảng Hóa Công, đều là khí quân bằng Hồ Liên, chất phô bày khuê chương, khó anh khó em, đồng đức của Nguyên Quý, hoặc tướng hoặc hầu, ngang bằng quý của Liệt Đan, kính trọng dòng họ Thích, nghiên tinh đượm vị pháp âm, xả bỏ phủ đệ xưa cũ để tạo dựng chùa Bản Khởi.

Ích châu phủ Trung lang Tân Châu thứ sử Thái Khả ở thời nhà Chu, là người đợi chiếu cửa ngựa vàng, luận Nho học Thạch cừ, cầu vườn làm phú, gặp ngang bằng sô mai, theo Lương mất Chu, lễ quá Thân Bá.

Khai phủ oai viễn tướng quân Vương Tỉnh ở thời nhà Chu (là người cúng dường chùa Ô Hoàng). Đại tướng quân Hòa Kê Hùng ở thời nhà Chu (là người tạo dựng chùa Hòa kế). Đại tướng quân Dĩ Miên Dĩnh ở thời nhà Chu (là người tạo dựng chùa Dĩ Miên). Từ Kim đại phu Phá-đa-la-kỷ ở thời nhà Chu (là người tạo dựng chùa Phá-đa-la). Quân tư mã hồng hòa công ý lực Cần Trọng Khánh ở thời nhà Chu (là người tạo dựng chùa Ý Lực Cần). Như trên, là những vị ở thời nhà Chu.

- Hoàng Thái Dõng ở thời nhà Tùy (là người tạo dựng biên kinh liên tục không ngưng nghỉ, đọc tụng hành đạo không lúc nào bỏ). Tần Vương Tuấn ở thời nhà Tùy (là người tạo dựng chùa Diên Hưng và chùa Ni Tế Độ tại Kinh đô, tạo dựng chùa Khai Hóa tại Tĩnh Châu). Thục Vương Tú ở thời nhà Tùy (là người tạo dựng chùa Không Tuệ, chùa Pháp Tụ, chùa Đại Kiến Xương và cúng dường chùa Hiếu Kính ở Ích Châu). Thục Vương Tú Phi Trưởng Tôn Thị ở thời nhà Tùy (là người tạo dựng chùa Phước Thành). Ích Châu trưởng sứ Xương bình công Nguyên Nghiêm ở thời nhà Tùy (là người tạo dựng chùa Phước Thắng). Hán Vương Lượng ở thời nhà Tùy, là người tạo dựng chùa Thiền Định tại Kinh đô, tạo dựng chùa Nội Hoa và chùa Pháp Nhẫn ở Tinh Châu, mỗi lần cúng dường trăm vị Tăng.

Như trên, cả ba thời Tần, Thục, Hán Vương đều kính tin ở cõi lòng, ý chuyên lưu thông. Dốc ái nhân hiếu thì Tân Vương tối ưu, thường trì sáu ngày trai, luôn thực hành Thập thiện, biên kinh tạo tượng là việc chuyên dụng tâm. Ngày đang làm Tương Châu tổng quản, vỗ về hóa đạo rất được vật tình, tục vịnh sống lại, thời xưng đến già, tạo dựng Đường Vũ, tế độ thần cung thảy đều là chỗ nằm ngồi của Vương xả thí mà làm chùa vậy.

Thái sư thượng trụ quốc công Lý Mục ở thời nhà Tùy, là người khí độ tinh anh, phong vũ trong thoáng, công kỳ đặc tươi tốt, gồm cứu giúp muôn dân. Gặp lúc thời nhà Chu đã suy, ba bên đảnh nghiêng

vọt, phương diện chỉnh túc bình yên, dẹp hết hung xấu, tinh thành khẩn thiết, thấu suốt thuyết minh, chí lo toan lắng sâu, tiếng tài giỏi xa vời, huân dong chóng hiển trước, danh khí sớm tỏa sáng. Đức lớn chí đạo, yên trấn nhã tục. Bấy giờ tông chư nhân kiệt, vũ nghi của triều đình, bèn dùng tùng của Tô Lai, bách của Tân Phụ xây dựng điện Phật, tạo lập Tăng phòng, thiền thất, đài chuông không gì chẳng tinh lệ; giảng đường, phòng cửa thảy đều cao sáng (tức chùa Tu Thiện) vậy.

Thái bảo thượng trụ quốc tiết quốc công trưởng Tôn Lãm ở thời nhà Tùy, là người giáng linh ở sông núi, bẩm hòa thuần túy. Sơn đình trái lại nhà, đức minh phù tá kỳ, vân rùa mắt sông, dáng trời nổi trội mạng thế, hiếu phô bày nguyên do, trung làm lệnh tắc, tánh ôn cung rỗng thoáng, tài giảng văn xa lớn, đạo trị nước thạnh nhà, mưu lược giúp đời cứu thời, thẳng thắng có khí của Chu Xả, chỉnh trú ôm hòa phong của Quản Trọng. Mười loạn chẳng lấy làm thê, ba kiệt chẳng thể phỏng sánh, tay chân tốt lành thay, nghĩa là đó vậy. Nhưng lại xoay hướng pháp bản, sùng phụng cửa Phật, xả thí phủ đệ, dốc hết cửa nhà, sung với đất vàng, tức tạo dựng Bảo phường. Điện nguyệt người vàng, đài sen hoa lọng, các thứ nghiêm lệ, mọi sự đều sáng đẹp (tức chùa Thật Tế) vậy.

Thượng trụ quốc sứ trì tiết Hoài nam Tổng quản Thọ Châu Thứ sử quán vương Dương Hùng ở thời nhà Tùy, là người có tài bình lắng bạo nạn, sách lược chế ngự khinh thường, vận chuyển trù thẻ. Dùng móng vuốt đã hiển bày, sức Ưng Dương bèn tuyên, rạng nước rỡ nhà, đáng lớn đáng lâu, đùi vế thừa thuộc, văn hiến đủ chiêm trông. Rất tin lời pháp, cấp dẫn không nhọc mệt, tu phước tạo chùa, thường làm Đàn-việt, nối dõi công hầu, truyền nhà đài đảnh. Nhận biết không soi xét hữu, đượm phục đạo biết trở về, hy vọng càng cao nhưng tâm càng nhún thấp. Đại tư mã Thượng trụ quốc thần Võ Túc Công Đậu Nghị ở thời nhà Tùy, là người từ thuở bé đã xưng lệnh dự, lúc trưởng thành được gọi là người thông rành. Nhà có ban tặng sách, cửa nêu vệ cán, cung phụng bốn đời vua, trước sau chỉ có một lòng. Nghĩa xem trọng như Long văn, của xem thường như cánh ve. Bẻ ngục động niệm thương kính, đến xuống hết nhân khoan hòa, mà hộ trì Tam bảo, thể đạt ngũ gia, tạo chùa thiết trai, lấy làm việc thường (tức là chùa Vân Hoa) vậy.

Thượng trụ quốc Thượng thư Hữu bộc xạ Lỗ quốc công Ngô Khánh Tắc ở thời nhà Tùy, là người nối dõi áo giải, hạng kỷ tư ở triều đình. Biết rõ tài cán, khí vụ ngầm thông, khéo biết tiếng của sáu nước, thấu hiểu phong tục khắp bốn phương. Đã bao gồm cốt yếu của Di Luân,

riêng biết cơ của màn sách, mà dốc tin ở cõi lòng, mảnh thiện mỏng hẳn ghi, tu phước tạo chùa, chuyên làm Đàn-việt, xây lớn tháp đường, rộng giảng điện Phật. Đến Tương châu tạo dựng một tôn tượng Lô-xá-na bằng giáp trử cao một trăm hai mươi thước, tướng tốt kỳ lạ, linh ứng khác thường (tức chùa Xung Giác) vậy.

Thượng trụ quốc Thượng thư Tả bộc xạ Tề quốc công Cao Dĩnh ở thời nhà Tùy, là người khí cục hòa xứng, thức lự ưu trường, lễ gần Hạ Ân, nhạc thấu cùng Thiều Võ. Húy của trăm quan dân tộc, nghi của chín châu thổ địa, đồ của Hiến chương kinh quốc, thuật của dạy đời an dân, việc của triều chính, biết không gì chẳng làm. Ngôi vị càng cao, tâm ý càng nhún thấp. Nhà Tùy xây dựng đất nước, thật có công kỳ đặc, mà khéo thấu đạt thế gian, sớm biết huyễn hóa, giữ tâm vượt ra cốt yếu, dốc chí ở Hương thành. Đến như đài Hoa thất giác, điện báu Tam minh, Phạm vũ lưu ly, thiền khám mã não, vườn nai Kỳ viên, đàn các Trúc lâm, người đến quên trở về, nơi nơi đều lưu giữ. Phàm các bậc danh tăng đại đức trong nước nhà như Thiền sư Tuệ Sùng, Pháp sư Đạo Ngạn v.v... đều cảm đó kính tin, đồng đến chốn Già lam. Lại mời thỉnh Thiền sư Tín Hạnh riêng xây dựng Thiền viện, năm chúng đều nhóm tụ, hàng Tam học tợ sao giăng, đạo tục quy y không đâu hưng thạnh hơn đó. Lại tạo dựng chùa Ni Tích Thiện cũng rất hoa lệ trang nghiêm.

Thượng trụ quốc Tả vệ Đại tướng quân Trần Quốc Công Đậu Kháng ở thời nhà Tùy, là người với hạng Tam phủ nhà tốt, ngũ lăng quý mũ trụ. Nguồn lớn khơi ở Cơ thủy, từng hiến mền uất ở Kỳ sơn. Ở đời truyền tải vẻ vang của Hiên miện, nhà cửa tiếp thừa lệ của Dương Ưng, nâng gió đổ giúp giềng mối tốt tươi đó, sang bằng phan cao cuộn quanh rễ ấy. Tuy ở giữa trần tục, mà chí ý muốn vượt thoát cốt yếu, từng tạo dựng chùa Tỉnh Pháp vậy.

Thượng trụ quốc Võ vệ tướng quân Lương quốc công hầu Mạc Trần Bính ở thời nhà Tùy, là người siêu việt hơn người, cốt cánh không ai giống, tham mưu vương thất, đứng đầu dựng cờ nghĩa, có công bỏ phiền toái lấy giản đơn, có sức giúp mạng lắng bình hung bạo. Nhận ở chốt cửa, chẳng chứa ấm mát, đêm giữ cung thành, từng di dời khí tự, dụng tâm cung kính nghiên cẩn, riêng đạp xinh ở đường triều, văn vật đều chiêm ngóng tiếng tốt lan trải xa, một nhà anh em ba người làm Phụ mã. Kính tin sùng trọng, tạo chùa biên tả kinh, thường dùng lời pháp, đủ tu các việc thiện (tức tạo chùa Xá-vệ).

Thượng trụ quốc Lạc dự thập thất châu chư quân sự Lạc Châu thứ sử Tả dực vệ tướng quân Tuân Dương Công Nguyên Hiếu Củ ở

thời nhà Tùy, là người có chí thức sâu xa, phong cốt lấn vượt sương tuyết, tham dự cơ nghiệp trị vì, sớm biết cấm giữ, dụng tâm chẳng biếng lười, kính phụng pháp không thân. Xả bỏ phủ đệ nơi ở sung làm thành Tịnh vức, chẳng lận tiếc của cải, thường tu tạo ruộng phước. Chất ngọc tướng vàng, tiếng tăm tốt lành chấn động xa (tức tạo dựng chùa Không Quán).

Thượng trụ quốc Kinh Châu tổng quản Thượng minh công Dương Ký ở thời nhà Tùy. Cửa kinh thắng địa, bỏ sở Thần Hương, chỗ đuôi thuyền hỗn lắng, noi Thủy lục xung yếu, chỉ nhân là nương cậy, tuy thân chẳng ở, bố chính tuyên điều đều xưng cậy nhờ ấy. Gió lành xa đượm nhuần, thạnh chứa có tiếng tăm. Người xướng ca sau muộn, đều bày vịnh nghĩ qua, khai mở đất phước ấy, dựng đặt đền Nhân đó, điện Nguyệt lưu tỏa sáng, đài châu ngời sắc thể, hoa nở phấn vách tường, sen đơm bông đầy ao. Đến như Trịnh Thị Duy Ma tôn công an dưỡng, đều là ưu tuyệt ở đời rất mực huyền diệu đỏ xanh (tức tạo dựng chùa Định Thủy).

Thượng trụ quốc Thượng thư Tả bộc xạ Việt quốc công Dương Tố ở thời nhà Tùy, là người khoét đất mở nhà, giúp hầu dựng nước. Từ thuở thiếu thời đã ôm hoài chí Y Hoắc, lúc trưởng thành hợp phong Khương Lận. Dường cử biết tướng Tần ấy, khuếch hạ khen giúp Hán đó. Thông minh thần túy, khí cục ngầm rộng, nhận nạp sánh với nuốt nguồn, soi chiếu đồng kiếng treo cao, anh tuấn nổi trội, thông mẫn tự nhiên. Đến như dẹp bẻ chín dòng, gặm giấm ba xưa, rót chén rộng thông mà chẳng hết, vận biển cả mà không cùng. Phương sóc Ngô Diên thẹn bờ lớn đó; Lộ Khuôn, Triều Thế hổ đẩy trí đó, un úc đẹp làm văn đó; mạnh mẽ, tráng dùng võ ấy. Sức của Bật Hài, công của Tiếp Lý, không lấy làm thêm vậy. Mà tôn trọng Chánh giác, mở giúp pháp môn. Bổng lộc có được đều tu tạo tịnh nghiệp. Đo xích tiêu mà dựng điện tượng, bỏ cảnh ngã mà xây đài chuông. Nhà bảy báu, tháp chín tầng cao vợi giữa trời, trên giăng tỏa mầm mây, trải mưa danh hoa, miên man chim tốt, khéo hay ghé mắt, rất thỏa du tình, lan đẹp quan trung, lưu danh khắp nước (từng tạo dựng chùa Quang Minh).

Thượng trụ quốc Thượng thư Hữu bộc xạ Nạp ngôn bi quốc công Tô Võ Oai ở thời nhà Tùy, là người trinh oán đủ để giúp việc, có hòa khí đủ để lợi sinh, xác thực chẳng nhổ thể ở tánh ấy, ẩn chẳng trái thân, trinh không tuyệt tục, thuộc loại tám công đến Hán, đồng như bốn Hạo vào triều, lưới trời quốc chính, từ đó lớn đủ. Vả lại, thông rành trăm dân, thấu đạt ba huyền, buông tâm nơi trường tứ đức, gá chất ở quán

ngũ môn. Biên kinh, tạo tượng, lễ Phật đốt đèn, đủ các trang nghiêm ấy, đầy các công đức đó. Quan tể tốt của triều đại nhà Tùy chính ở người này, tâm nhóm thấp mà chí ý cao vời, biết sâu thấy xa, hiến chương văn võ, thuần tiếp Di luân (từng tạo dựng chùa Tế Pháp).

Thượng trụ quốc Đô đốc Hà Đông chư quân sự Thái thú Đậu Khánh ở thời nhà Tùy, là người văn đủ tên người, võ kham dứt nạn, phiếm ái nhân hậu, lại muốn nghĩ đi, cấp dẫn lấy làm lòng, bố thí nhẫn nhục không nhọc mệt.

Thượng trụ quốc Hữu vệ tướng quân Nam khương quân Lưu Trung ở thời nhà Tùy, là người võ nghị cứng rắn thẳng ngay, kính phụng giáo pháp không riêng tư, nhàm lìa ở nhà, khâm chuộng giải thoát (từng tạo dựng chùa Luật Tạng).

Phiếu kỵ tướng quân Nghi đồng Tam ty Phần châu Thứ sử Thôi Phụng ở thời nhà Tùy, là người có tiết tháo giẫm trải trinh túc, kính phụng pháp ưu cần, dốc mến Đại thừa, hồi hướng chánh đạo (từng tạo dựng chùa Kinh Hành).

Thượng trụ quốc Hà gián vương Dương Tịch Hà ở thời nhà Tùy, là người nghi mạo ôn nhã, chí tháo trinh xác, thường khâm chuộng xuất thế, sớm nhàm chán hữu vi (từng tạo dựng chùa Ni Đài Tình).

Binh bộ Thượng thư thượng đại tướng quân Long cương công Đoàn Văn Chân ở thời nhà Tùy, là người ở đời tiếp nối thông hầu, nhà trùng lũng mạng, khí cục hòa xứng, thức lự ưu trường, võ gần Tôn Ngô, văn cao hơn Ban Mã, sách đợi chiếu từng hiển bày, đẹp ứng đối ngày một sáng, là vũ nghi của triều đình, rường cột của Hoàng gia, sùng kính Tam bảo, thấu suốt bốn đường thông, tạo chùa cúng Tăng, biên kinh đúc tượng, thương giúp nhân hậu, thí xả không lạm. (Từng tạo dựng chùa Vân Hóa).

Trứ tác lang tế Nam Hầu Vương Thiệu ở thời nhà Tùy, là người học hết kinh sử, tài vượt anh tuấn, trước thuật "Tề Chí" một bộ, "Thích Lão Chí" một quyển. Lại soạn "Nhân Thọ Xá-lợi Hiện Thụy Ký" một bộ, tổng quát nêu thuật nguyên do Phật pháp lưu truyền đến là: "Phật pháp chẳng thể lén nhìn mà đến kịp, suất dẫn mà vọng nói đó. Xưa trước, ở thời Xuân Thu, ngày Tân mão tháng tư năm thứ bảy ở đời Trang Công, ban đêm sao thường chẳng thấy, nửa đêm bỗng nhiên thấy sao đổ như mưa". Ý nói là ngày mồng tám tháng tư là lúc Phật đản sinh vậy. Căn cứ tháng tư của Chu, tháng hai của Hạ, phô bày Tân mão chẳng phải ngày mồng tám.

Theo Niên Kỷ nói: "Nói Lỗ nhận biết chẳng kịp các nước khác".

Mâu Dung nói: "Vua Minh Đế thời Hậu Hán mộng thấy người vàng, đó gọi tên là Phật, từ đó sai sứ đến tìm cầu kinh sách". Lại căn cứ vua Võ Đế thời nhà Hán được Hư Đồ Vương tế trời người vàng, ở Liệt Tiên truyện của Lưu Hướng nói: "Có bảy mươi bốn người ở trong kinh Phật, nhưng mà từ thời vua Minh Đế trở về trước đã có kinh tượng của Phật". Lỗ Hoạn nói: "Lão Tử vào Tây Nhung dạy răn làm Phù Đồ", lời đó xuất phát từ Hóa Hồ kinh, chẳng đủ để lấy vậy.

Đời nhà Hán nói Phù Đồ, tức là Phật-đà, như Sa-môn chuyển ngữ là Tạng môn vậy. Điển Lược nói: "Hoàng đế mộng đi đến nước Hoa Tư Thị". Hoa Tư Thị tức là nước Thiên Trúc, là nơi Phật thần du vậy!

Trụ quốc hào linh Tứ châu tổng quản Hải lăng công Hạ Nhã Nghị ở thời nhà Tùy, là người thật là cửa của Khanh tướng, xứng làng của mũ lọng, sân núi nghi bày, hang trăng mưu gió, dốc tin Đại thừa, sùng phụng Chánh giác.

Sứ trì tiết Đại tướng quân Lương Châu chư quân sự Lương Châu thứ sử Triệu quốc công Độc Cô La ở thời nhà Tùy, là người con đời của Cảnh Công, là anh cả của Hiến Hậu, kính pháp trọng người, tôn thầy chuộng nghĩa.

Thượng trụ quốc lương Ích lục châu tổng quản tương quốc hoài công Lương Duệ ở thời nhà Tùy, là người dẫn nguồn linh đến Thiếu Hạo, phân hưu đái ở Bá ích. Quan tốt Đông Hán, tôi đảnh Tây Tấn, kính tin có tiếng tăm, cơ nghiệp lớn khắc bày.

Thượng trụ quốc quảng tông trang công Lý Sùng ở thời nhà Tùy, là người sống nổi trội khác thường, ưu tú hiếm động bạn, chỉ em và út, thầy vương bạn đế, đọc học Bát-nhã, dựng tạo Pháp luân.

Thượng trụ quốc Tả võ vệ Đại tướng quân Sứ trì tiết Lương Châu thứ sử Võ Văn Khánh ở thời nhà Tùy, là người bao gồm cán lược văn võ, giẫm đạp khuôn phép nhân nghĩa, tuyên điều muôn dặm, đồ tán trăm thành, đúc tượng viết kinh, tạo phước không thôi nghỉ.

Thượng đại tướng quân Doanh Châu tổng quản Ngụy hưng công Vi Thế Văn ở thời nhà Tùy, là người có phong thái nghe thơ nghe lễ, đức hạnh tam nghĩa tam quân, chung khánh lưu đượm, đời đời chẳng cùng, kính mộ chánh pháp ở đương thời, tập học vi ngôn từ xưa trước.

Thượng trụ quốc Lại bộ Thượng thư Thượng dong công Vi Thế Khương ở thời nhà Tùy, là người dung mạo tướng trạng to lớn, phong vận tỏa khắp, đồng hoa đượm của cây ngọc, thuộc loại sáng nhuần của Bích Sơn, khéo kinh lược, giỏi thuyên hành, quy tâm đến cửa tuệ, du tình nói vườn pháp.

Quản Hán Thái thú Tương Thản Hầu Tiết Diễm ở thời nhà Tùy, là người lông Phụng rừng Lân, nêu văn bày võ, nhà sùng chánh pháp, cửa phụng huyền phong, kịp đến năm lương, bốn yên, ba tần, hai triệu. Cửa cao liền với cung cấm, nền lớn tiếp với thềm rộng, Hoàng thân ở thích lý, nhà giàu tại Đế kinh, nghiêm chỉnh kính mộ đạo, mỗi mỗi giăng bày kinh, miệng tụng lời vàng, tay mở quyển ngọc. Đến thời nhà Tùy, các hàng vương cung tiếng tăm vang vọng ở Đế Vũ, đều khâm sụng Phật giáo, đồng kính trọng ruộng phước. Hoặc tạo chùa dựng tượng, hoặc thực hành cúng thí Bi kính, hoặc tụng đọc đượm vị kinh điển, hoặc nghiên tầm huyền nghĩa, tỷ ốc như vậy có thể phong, rất khó nêu bày đủ.

Đến như triều đại nhà Đường chúng ta, các hàng quan hiền đông thành rừng, Tiêu Tộc lấy Pháp Hoa làm nền tảng phước, Độc Tông dùng chùa tháp làm mạng, Phạt Đái thượng thư đều kính, Tần tướng quân cứu muôn dân. Hoặc cúi xét đồng khâm chuộng, hoặc chùa đài cùng kính phụng, bèn đải yếu hoang Hoa Di lệnh trưởng, men theo các bộc lệ v.v... đều trải một lòng, mỗi mỗi thường lấy Phật lý làm chỉ nam, đều tu thắng nghiệp lấy làm việc chính mình. Đã hình ở nơi tai mắt, nên chẳng ngay việc mà thuật đó, đâu thể lấy Lý Lão chôn vùi danh, nên dò xét sâu có gá thác vậy.

■

LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN 5

CHƯƠNG THỨ BA: LUẬN VỀ TRƯỚC SAU CỦA PHẬT GIÁO VÀ ĐẠO GIÁO

Nho sinh ngưng nghỉ giây lâu rồi, lại bàn nghị rằng: Tìm xét Phật giáo lưu truyền đến Đông Hạ (Trung Hoa) chưa đầy sáu trăm năm. Từ thời nhà Tấn, nhà Tống trở lại, mỹ phong ấy mới hưng thạnh. Vậy mà Phật giáo được coi là công không ai cùng ngang bằng, ở đời chẳng thể xưng gọi tên. Huống hồ Lão giáo ở Trung Hoa, trải qua niên đại lâu xa, kinh sử biên ghi đầy đủ, lược có thể mà nghe. Căn cứ vào Đạo Kinh, Nguyên Hoàng Lịch nói: "Ta lấy Giáp tý, tháng giêng năm Thanh Trược thứ nhất, xuống bắt chước Phục Hy trị nước thái bình, giữa ban ngày lên trời". Lại nói: "Giáp thìn, tháng tám năm Vị Phân thứ nhất, xuống bắt chước Thần Nông; năm Thái Nguyên thứ nhất, xuống bắt chước Dụ, một bản làm tùng cốc, phàm trải qua mười hai đời, biến làm mười bảy thân. Đầu tiên là Huyền Lão, cuối cùng Phương Sóc". Luận Ẩn Chân nói: "Ở trước đất trời chẳng lấy làm dài, tại dưới muôn xưa chẳng lấy làm lâu, tùy thời ứng biến, cùng vật đồng hóa". Xét đó, Đạo giáo vân du nơi đời giúp nước, thời tiết có thể biết, đến như dụ dẫn muôn dân, đúc nắn thành phẩm vật, sao có thể ghi nhớ hết ư? Lược tính đã trải qua hơn hai trăm bảy mươi vạn năm vậy. (Xin Đàn-hặc rằng: Ở thời Thái Tổ, khí hình mới đủ, đục trong chưa phân, gọi tên là Hỗn Độn. Nhị Nghi đã là chẳng phân, Tam Tài cũng xa mờ mà chưa thấy. Ngoài Lục Kỷ tự mạng, Phục Hy mới sinh bốn dòng họ. Cuối thời Toại Nhân, Thần Nông mới ra đời, sao lại nói là Bào Viêm xuất hiện ở đời thanh trược? Chúc Dung lục giáp sinh trước vị phân, sách của ủy cảng, chẳng đủ đáng tin vậy). Nên nói: "Thường đạo chẳng phải đạo có thể nói, vô danh chẳng phải danh có thể gọi". Đã nói là tịch liêu (xa vắng) là xưng hoảng hốt, thác gá triều đại nhà Chu mà làm Trụ sử, ở đời nhà Hán mà làm đại thần, đùa nước cưỡi cá, đi giữa không giá chim hộc, giống ngọc

ngậm nhuần, suốt vọt bay dưới đất đẹp, táo vàng sinh khói, lửa dữ thiêu đốt nhân gian, trướng Bạch châu ở ba cung, hoặc ăn dùng cỏ thơm ngọt, thềm ngọc xanh chín hoa, thường hưởng vị huyện tủy. Cây mai côi hổ phách, không mặt nhật tỏa ánh sáng, cành lưu ly mã não, chẳng gió bay mà sáng hưởng. Đầu lâu có thể nói, từng gá hỏi ở Trang Chu, cốt trắng sống lại, đâu dối đàm ở Từ giáp. Táo ngọc văn ở Tây vương Thánh nữ đem lại, Lê kim sắc ở Đông Hải, tiên nhân bưng đến. Hình không chỗ định, thấy dung mạo của các thứ, tình không khác mối, mở vết lẫn lộn. Qua sông vượt biển đâu nhờ cậy thuyền bè, vào chợ lên núi, tùy tâm tự tại, xa vời đâu lượng, mờ mịt khó tìm, không gì chẳng làm lợi ích cho người trời, làm khuôn phép suốt xưa nay. Còn mỹ hóa của dòng họ Thích, nhật nguyệt chưa ngầm lặng, sao được cùng Đạo giáo mà so sánh ư?

Bậc Khai sĩ trách bảo: "Ông học mà không tầm xét xưa, khốn khổ bởi từ tâm thấy, chẳng thể chọn thiện, trái lại mê lầm, mà giữ gốc tin độ.

Tôi nghe, trí mà không gì chẳng khắp, gọi đó là Thánh; hóa chẳng thể lường, gọi đó là Thần. Xa gần khó tìm, thủy chung chẳng thể cùng tận, đó chính là đây vậy. Sao muốn chỉ ý ở khoảng ấy ư? Ông nghi ngờ còn bưng bít, nên lại phải vì nói đó. Tại sao? Phàm, thế giới lúc mới thành chưa có nhật nguyệt, có hai vị Đại Bồ-tát xuống cứu độ quần sinh, bèn xếp đặt ba thứ ánh sáng, là tạo lập Bát quái. Phục Hy Hoàng là Đại sĩ Ứng Thanh (Xuân Thu Nội Sự nói: "Phục Hy chỉ sắp ba thứ ánh sáng, dựng lập tám tiết, dùng văn ứng khí có hai mươi bốn thứ, tin tức họa phước để chế tốt xấu. Do đó, dòng họ Hy và dòng họ Hòa làm quan ở đời trông coi nhật nguyệt đều là thuộc sau Phục Hy, nên gọi tên là Hy Hòa, bởi vì hiệu gốc của Hy Hoàng vậy).

Nữ Oa Hậu là Bồ-tát Cát Tường. Lấy gì để rõ đó? Tìm xét trong kiếp này có ngàn Đức Phật xuất hiện nơi đời, Đức Phật thứ bốn chính là Thích-ca Văn, ngoài ra tiếp tục xuất hiện mãi đến hết kiếp. Đó mới là kiếp kiếp tương tiếp, thì Phật Phật không cùng ấy vậy. (Lập Thế Tỳ-đàm nói: "Trong kiếp Bạt-đà có ngàn Đức Phật tương tục xuất hiện nơi đời, dùng pháp giáo hóa chẳng dứt tuyệt nên gọi là kiếp Hiền. Trong một kiếp Hiền có bốn đại kiếp trung kiếp với chu kỳ thành trụ hoại không. Như tuổi thọ con người từ mười tuổi đến tám vạn tuổi, lại từ tám vạn tuổi trở lại mười tuổi như xoay vọt trên dưới, trải qua hai mươi lần trở lại là một Tiểu kiếp. Hai mươi Tiểu kiếp là một kiếp thành. Phàm trải qua tám ngàn vạn vạn ức trăm ngàn tám trăm vạn nghĩa làm một

Trung kiếp”. Câu-xá lại nói: “Bảy lần hỏa tai có một lần thủy tai, bảy lần thủy tai có một lần phong tai. Bảy lần hỏa tai, bảy lần thủy đã qua, sau đó phong tai mới nổi. Trải qua tám tám sáu mươi bốn đại kiếp, qua bốn lược chẳng thể tính số mới là một kiếp Hiền. Ở trong kiếp trụ mới có Phật xuất hiện, lần lượt đến một ngàn vị. Đức Thích-ca Như Lai là vị thứ tư, ngoài ra còn có chín trăm chín mươi sáu vị. Thế giới là y báo của Phật, chúng sinh là nhân duyên của Phật, chỉ có chúng sinh tức là có Phật vậy”. Căn cứ theo Tu-di Tượng Đồ Sơn Kinh và Thập Nhị Du Kinh đều nói: “Kiếp thành đã qua vào kiếp trụ lại, đã trải qua bảy Tiểu kiếp vậy. Trời Quán Âm v.v.. xuống ăn đất béo sau cổ các trời, từ lưng tỏa phóng ánh sáng, xa gần cùng soi chiếu. Nhân vì ăn đất béo, mà dục tâm dần phát, bèn mất ánh sáng. Người dân kêu than. Khi ấy, Phật A-di-đà ở phương Tây bảo hai vị Bồ-tát Bảo Ứng Thanh và Bảo Cát Tường: “Các ông có thể đến nơi kia mà cùng tạo nhật nguyệt, khai mở nhãn mục ấy tạo làm pháp độ”. Bồ-tát Bảo Ứng Thanh liền thị hiện mạng tận, trở về Tây phương).

Sơn Hải Kinh nói: “Nước Thân độc, dòng họ Hiên Viên ở đó”. (Quách Phác ghi chú: tức là nước Thiên Trúc vậy). Từ đó mà tin rằng, Tam Hoàng căn cội xuất phát từ kia. Sứ giả kính phụng Phật nên không nghi ngờ vậy. Theo lệ tìm văn có thể được ý. Đế Hệ nói: “Mới đầu của khai tịch, tinh thần con người hôn mê dua nịnh, chỉ ngủ và ăn, chẳng hiểu nghịch theo. Từ khi Thái Hạo Thượng hoàng nhân lúc làm khuôn phép, khắc tượng vẽ quái, địa vị tôn ty, mới biết kính để phụng tiên, phụng trên nuôi dưới”. Nhỏ nhiệm dùng tâm thức, dần hồi mở đường tuệ. Tự chẳng phải không bờ mé đại bi, giải thoát thâm diệu, ao có thể cúi hình chất đồng kẻ ngu, khởi phát mờ tối chuyển hóa nơi đời. Hai vị Thánh đến ứng tin mà có chứng nghiệm vậy. Họ hoằng đạo, số kiếp như vi trần chẳng thể cùng, họ làm lợi vật, khéo trải qua chỗ chẳng thể tính. Quá khứ tô bồi như Hằng sa, tương lai càng vượt trên số đó.

Năm Nguyên Hoàng ông nói như là một mảy trần lúc mới đầu của đại địa. Niên hiệu khai tịch, sách luận biển cả chỉ tợ một giọt nước, chẳng phải chỗ liên loại, chẳng phải chỗ bay liệng. Phàm như sâu trùng ăn cây gỗ còn chẳng biết mùi vị ở ngoài da, há biết được vũ trụ rộng lớn ư? Căn cứ chánh văn ở Tam sử, cùng Điển Cáo ở Ngũ Kinh, đều nói: Lão Tử là người ở cuối thời nhà Chu. Tiếp đến thì bảy lục của Nguyễn Thị, bốn bộ của Vương gia, Hoa Lâm biến lược, sửa văn ngự xét. Văn của Đào Ẩn Cư, ký của Lưu tiên sinh, lục của Vương Ẩn, Ngụy Thâu; thư của Dương Bân, Phí Tiết, đều biên ghi niên kỷ, đều làm đại sử,

không gì chẳng cùng tuân theo chánh sử, từng không đàm luận khác.

Ở thời nhà Tùy, có Diêu Trường Khiêm (tên là Cung ở thời nhà Tề làm Độ Liêu tướng quân, đến thời Tùy làm Tu sử bác sĩ) học thông nội ngoại, khéo cùng tận toán thuật (tức Thái sử thừa truyền nhân quân thọ học thầy), cho rằng chỗ ghi của Xuân Thu chẳng qua bảy mươi nước, Khâu Minh làm truyện chỉ nêu thuật hơn hai trăm năm. Đến như Thế Hệ Thế Bản, rất mất giềng mối cội gốc, Đế vương thế kỷ lại lắm hoang phế, các học giả hậu sinh càng nhiều lầm hoặc. Năm Ất tỵ (585) tức năm Khai Hoàng thứ năm thời nhà Tùy, cùng Quốc tử tế tửu Khai quốc công Hà Thỏa v.v... có sắc chiếu gọi tu sửa lịch, có hơn ba mươi người cùng suy xét, đều là các bậc kỷ tử ở đương thời, am hiểu đủ các kinh sách, căn cứ Tam Thống Lịch, biên niên hiệu đó, trên khuôn phép vận khai, dưới chung cùng ở Ngụy tỉnh. Đầu thống Giáp tý, bên cạnh trình bày các nước, viện dẫn chín kỷ ba nguyên (Chín đầu, Năm rồng, Quát đề, Hợp hùng, Liên thông, Tự mạng, Tu phi, Nhân đề, Thiện thông v.v... gọi đó là chín kỷ). Thiên hoàng Nhân đế, năm kinh mười vĩ, sáu nghề năm hành. Khai sơn đồ quát địa tượng, cổ sử khảo nguyên mạng bao, dẫn Thần khế, Đế hệ phả, móc thiên Thủy Học ở Mạng quyết, Thái sử công luật lịch chí. Điển lược cùng với thế kỷ, Chí Lâm cùng với Trường Lịch, chiếu cáo của trăm vua, quan nghi trong sáu đời. Địa lý thư quyền hành ký, Tam ngũ lịch gồm mười hai chương, Phương Thúc Cô Đào Hoằng Cảnh v.v... cả vài mươi bộ sách, lần lượt biên ghi đó hợp thành bốn mươi quyển, đề tên là Niên Lịch Đế Kỷ, rất được đầy đủ, văn nghĩa có thể y cứ.

Từ năm Canh tuất của Thái cực thượng nguyên, đến năm Ất tỵ (585) tức năm Khai Hoàng thứ năm thời nhà Tùy, có cả thảy một trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi (143.780) năm. Theo Lương Ký nói: “Từ Khai Tịch, đến năm Đại bảo thứ hai (551) ở đời vua Thái Tông (Giản Văn Đế - Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương thì có hai trăm tám mươi ba triều đại với thời gian bảy trăm sáu mươi mốt ngàn bốn trăm mười lăm (761.415) năm”. Căn cứ các bộ niên kỷ, chẳng thấy Lão Thị làm thầy Phục Hy, xét một Hư tắc này thì trăm sự không thật.

Theo Trường Khiêm Kỷ nói: “Phật đản sinh năm Giáp dần tức năm thứ hai mươi sáu ở đời vua Chiêu Vương, đến năm Nhâm thân tức năm thứ năm mươi ba thời vua Mục vương, Phật mới diệt độ (đến năm Khai Hoàng thứ năm (585) thời nhà Tùy là đã được một ngàn năm trăm bảy mươi sáu (1576) năm)”. Điều này so với Chu Thư Dị Ký, Hán Pháp Bản Nội Truyện và Pháp Vương Bản Ký, cùng với chỗ ghi của Thượng

thư lệnh Hám Trạch ở thời nhà Ngô, của Pháp sư Đàm Mô Tối ở thời nhà Ngụy đều chẳng sai.

Suy xét Lão Tử ở năm Đinh mão, tức năm thứ sáu thời Hoàn Vương, thì ra làm quan ở nhà Chu. Đến tháng năm - Nhâm ngọ năm Quý sửu tức năm thứ bốn mươi hai thời Kính Vương mới theo hướng Tây vượt ải (tính đến năm Khai Hoàng thứ năm (585) thời nhà Tùy thì được một ngàn không trăm ba mươi bảy (1.037) năm). Căn cứ các Tiên công đề tựa nói: "Ngày mười hai Bính ngọ, tháng hai Đinh mão, năm Thái Tuệ, niên hiệu Thượng Hoàng thứ nhất, Lão Tử ra làm thầy nhà Chu, tức năm Đinh mão thời Hoàng Vương vậy". Lại nói: "Tháng năm - Nhâm ngọ năm Quý sửu, Thái Tuế Vô Cực thứ nhất, Lão Tử bỏ nhà Chu, theo hướng Tây vượt qua ải, tức năm Quý sửu ở thời Kính Vương vậy".

Xét năm từ Tam Hoàng trở xuống Bản ký cũng không có Kiến nguyên, đến đời Hán Võ mới có Nguyên hiệu, kia xưng Thượng Hoàng Vô Cực v.v... đều là nói dối, toàn không y cứ. Lại nữa, Vương Biểu ở Cao Ly hỏi Tề Hậu rằng: "Chư Phật xuất hiện nơi đời có được nghe chăng?" Văn Tuyên Đế mời Pháp sư Thượng Thống viết thành văn võ rõ đủ để đáp đó. Khi ấy nêu dẫn truyện Chu Mục (tức Biệt truyện của Mục Vương vậy) để đáp đó, chỗ dẫn của kẻ sứ cùng với Diêu Trường Khiêm không khác.

Trong truyện Liệt Tiên, Lưu Hướng nói: "Đam (Lão Đam) cùng Duẫn Hỷ đều đến Lưu sa, đến Tây phục, Củ đằng thật". Là biết Khổng Lão hai Nho đều sinh sống ở cuối thời nhà Chu. Lão Tử sống sau Phật cách mười hai đời vua. Theo Quốc ngữ nói: "Năm thứ hai ở đời vua U Vương, Tam xuyên chấn động, Kỳ sơn sụp đổ". Bá Dương lại nói: "Nhà Chu sắp mất vậy, riêng có một cụ già. Chẳng phải Lão Tử vậy". Căn cứ vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam Lương giảng giải về Lão Trang, nói: "Lão Tử mất khoảng đầu thời Cảnh Vương, Trang Tử sinh ở cuối đời Cảnh Vương". Diêu tướng quân nói: "Khổng Lão cùng thấy gặp nhau lúc hỏi lễ, cũng tại năm thứ mười đời Cảnh Vương". Năm Giáp dần vì Duẫn nói kinh cũng ở thời Cảnh Vương. Vậy thì Phật trước mà Đạo sau, đích thực khá rõ ràng vậy.

Ông nói Lão Tử năm Thanh Trược làm Quốc sư, rất lắm Hà Hán chẳng gần nhân tình. Phàm mới đầu của Thanh Trược, mà âm dương chưa phân. Âm dương chưa phân thì Lưỡng Nghi còn lẫn lộn. Lưỡng nghi còn lẫn lộn, thì Tam tài chẳng thành hình, do đó mịt mịt mờ mờ chẳng thể gọi tên vậy, Giáp tý phát khởi từ Đại Nạo, năm tháng định

xác ở Nghiêu điển, chẳng chỉ Hy Hoàng chưa xuất hiện hẳn phải là trời đất chẳng mở. Nghiệm biết đất trời cấu tinh, nam nữ nữa hóa sinh. Vậy Phục Hy cùng Lão Tử ấy là người ư? Hẳn tại trong Nhị nghi, chẳng vượt trong Tam tài, sao được đạo đức nghe đầu đường nói đầu ngỏ để tự khinh thường ư? Lại nói: Phương sóc cũng là thân của Lão Đam, càng chẳng thể được vậy. Đông phương sóc vốn là tinh của sao Tuế. Sao mà biết vậy? Tầm xét mạn thiền ở Triều hơn hai mươi năm, sao Tuế chẳng thấy, cũng hơn hai mươi năm, sá đến nói mất, Mộc tinh mới xuất hiện. Với chỗ ghi của người thông rành, nghiệm có thể biết vậy. Truyện Thần Tiên của Bảo Phác Tử nói: "Thánh giả không đơn lẻ, hẳn ứng vật để thành hóa, đâu có thể Quốc sư trong thiên hạ đều đợi một người Lý Nhĩ ư?" Lạ lùng thay lời nói ấy, rất mực tốt đẹp vậy! Như trải qua nhiều đời, chỉ một Lão Đam làm thầy, cũng trải qua nhiều triều đại chỉ một Hy Hoàng làm chủ. Đã có lắm chính sách, hẳn nhờ nhiều Quân Vương, có thể tin một thầy: Chỉ giúp một thời trị vì vậy. (Như đó trải qua nhiều đời đều là thân Lão Đam, lời nói ra của cận cố sao có thể tiếp thừa? Căn cứ Cát Trỉ Xuyên nói: "Đều là không biết Đạo sĩ, giả sinh thần dị". Há ấy vậy ư?).

Nho sinh hỏi: Hoàng Phủ Mật nói: "Lão Tử ra ải, vào nước Thiên Trúc, dạy vua Hồ làm Phù Đồ". Đó tức là Lão Tử cùng Phật là người đồng thời vậy, sao nói lãng trước sau để nắn sửa thế tục ư?

Bậc Khai sĩ dẫn dụ rằng: Tìm xét, phàm là chí nhân, huyền tịch có loại, Cốc thần ứng biến vô phương. Sự việc đồng như sơn hưởng không nhanh mà chóng. Há cách Hoa Di, đồ chúng của giếng gò ưa chuộng bắt chước thiên kiến, sáng ba chiều bốn, không sinh mừng thứ. Do đó, rỗng mình ứng vật, hẳn có cốc ngàn biến. Hẹp tình vừa sự đâu biết diệu của muôn khác. Căn cứ Tây Vức truyện nói: "Lão Tử đến nước Kế Tân, thấy Phù Đồ, tự thương xót mình không sánh kịp, mới nói bài kệ tụng cúng dường, đối trước tôn tượng tỏ bày tình ý rằng: "Ta sinh sao quá muộn (Tân bản đổi là Phật sinh sao muộn), Phật ra đời sao quá sớm (Tân bản đổi là nhập Niết-bàn sao quá sớm), chẳng thấy được Thích-ca Văn, trong tâm thường áo não!" (Nói không được thân gần thấy Phật, do đó luyến mộ giao hoài. Ngụy lược Tây Vức truyện nói: Vua nước Lâm Nghê không có con, nhân đến cúng tế nơi Phù Đồ, Hậu Phi là Mada mộng thấy con voi trắng mà mang thai. Đến lúc Thái tử sinh cũng từ hông phía hữu mà ra, tự nhiên có búi tóc, vừa rơi xuống đất liền hay đi được bảy bước. Vì hình tướng tợ như Phật, vì cúng tế Phù Đồ mà có được con, nên đặt tên cho Thái tử là Phù đồ. Trong nước có Thần nhân

tên là Sa Luật tuổi già tóc bạc, tợ như Lão Tử, thường dạy dân làm Phù Đồ. Các Hoàng cân ở đời gần đây thấy đó đầu bạc, nên cải đổi Sa Luật ấy đề lại Lão Đam đây, quanh co hay an ẩn dối hoặc thiên hạ. Ở đời vua Ai Đế (Lưu Hân 06-01 trước Tây lịch) thời Tiền Hán, có Tần Cảnh đi đến nước Nguyệt Thị, vua nước đó bảo Thái tử tự đọc trao truyền kinh Phù Đồ, lúc trở về lại đất Hán, chỗ biên ghi của Phù Đồ, đại khái cũng tương tợ như Đạo kinh vậy. Lời nói của Hoàng Phủ chưa nghiên cứu gốc ấy. Hóa Hồ Kinh nói: Vua nước Kế Tân nghi ngờ Lão Tử yêu mỵ nên dùng lửa để thiêu đốt, nhưng vẫn an nhiên không chết. Vua ấy bèn biết là Thần Nhân, cả nước đều hối hận lỗi quá. Lão Tử bảo: "Thầy của ta tên là Phật. Nếu hay xuất gia, sẽ khỏi tội ở ngươi". Nước đó bèn kính phụng dạy răn, xưa trước làm Sa-môn vậy. Nếu Phật trước không có Lão Đam, thì đâu biết biến hình làm Phật? Bởi vì nước Kế Tân từ xưa lại kính tin Phật, Lão thị nhân đó suy đẩy Phật mà hóa đó, chẳng phải phát khởi từ Duẫn Đam mới có Phật vậy. Bộc xạ Dương Tố ở thời nhà Tùy theo xa giá đến cung Trúc Lâm, trải qua lầu quán, thấy miếu Lão Đam, trên vách tường khắc họa làm hình trạng Lão Tử giáo hóa nước Kế Tân, độ người cắt tóc xuất gia, bèn hỏi Đạo sĩ rằng: "Nếu Đạo lớn hơn Phật, thì Lão Tử giáo hóa người Hồ nên làm Đạo sĩ, cớ sao lại làm Sa-môn?" Nên biết, sức Phật lớn mới giáo hóa người Hồ, Đạo lực nhỏ chẳng thể giáo hóa người Hồ, đó là Phật hóa Hồ, sao nói là Đạo hóa Hồ ư? Khi ấy Đạo sĩ không biết trả lời thế nào cả!).

Theo Tạp Lục ở đời Tấn nói: "Đạo sĩ Vương Phù từng cùng Sa-môn Miên Viễn kháng luận, Vương Phù từng bị khuất phục, bèn cải đổi Tây Vức Truyện làm thành Hóa Hồ Kinh, nên nói Hỷ cùng Đam hóa Hồ làm Phật, Phật có từ đó". (Cao Tăng Truyện của Bùi Tử Dã nói: "Ở đời vua Huệ Đế (Tư Mã Trung 290-307) thời Tây Tấn, Sa-môn Miên Diễn tự là Pháp Tổ từng cùng Tế Tửu Vương Phù; một thuyết khác nói là Đạo sĩ có công thứ tranh luận tà chánh. Vương Phù từng bị khuất phục, đã sân hận, mà chẳng tự nhẫn chịu, mới gá mượn Tây Vức Truyện làm thành Hóa Hồ kinh, để vu khống Phật pháp, bèn lưu hành nơi đời. Có người không biết, ương lụy cho là có chỗ kết quy, đến nỗi khiến tai họa nhiều năm". Trong U Minh Lục nói: Lý Thông ở Bồ thành chất, thấy Sa-môn Pháp Tổ vì vua Diêm-la mà giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm, lại thấy Đạo sĩ Vương Phù thân mình bị xiềng xích, cầu xin Sa-môn Pháp Tổ sám hối, nhưng Sa-môn Pháp Tổ chẳng chịu đến. Cô phụ Thánh nhân, chết mới nghĩ hối lỗi).

Đạo sĩ Khương Bân ở thời nhà Ngụy vọng dẫn kinh Khai Thiên để

đối đáp cùng vua Minh Đế (Nguyên Hư 516-528) thời Bắc Ngụy, tự nói: "Lão Tử sinh sống ở đời Định Vương". Trong luận Phá Tà nêu dẫn rõ chứng cứ ấy. Trang Tử nói: "Lão Đam chết, Tần Thỉ đến viếng điếu". Quyết Trung ký nói: "Lão Tử an táng tại Hòe Lý" (xưa nay ở phía Nam của Thủy bình, Phù phong có làng Hòe lý). Nhưng Tất Viên lại thân gần học đạo ở Đam, tuy có thể Tống Lỗ khác bang, mà xuất hiện ở đời thì đồng thời. Văn của chỗ nói đủ xét nương tin, chẳng đến Thiên Trúc đốt lửa không nghi ngờ. Hoàng Phủ Sĩ sao bài xích dối nói đó, mà rõ ràng đàm luận sai nhầm kia, thuật về Lão Tử đến Lưu sa đều không thật lục, đầy đủ ở truyện Cao Sĩ An, há có thể hư dối ư? Nên Phật có trước Đạo có sau, điều đó không lầm hoặc vậy.

CHƯƠNG THỨ TƯ: THẦY TRÒ CỦA THÍCH MÔN VÀ LÝ TỬ

Nho sinh hỏi: Đại Đường mở vận, bởi là con cháu nối dõi dòng Thánh của Thái thượng Lão Quân - Lý Đam Quốc sư thời nhà Chu, mở hóa vô vi, hoằng truyền thiên đạo đức, khảo xét trụ tử dùng nghiệp sáu kinh, bảo Tư Đồ để phu tuyên năm giáo, đạo đức ngang bằng, lễ nhân ban trải cả chín khu, trừng phạt xấu ác khuyên thiện, oai phong thêm khắp bốn biển. Trời thành đất lắng xa, an gần nghiêm chỉnh, quang trạch trong hoàn vũ đến nay tám năm. Ở năm Hiệp hợp ngày tháng Giáp chung, Thiên tử đích thân đến Tịch ung, thân lâm đến Thích điện, Sa-môn Đạo sĩ đều dự lễ diên, kính vâng lời ban sắc.

Đạo sĩ Phan Đản tấu rằng: Thái tử Tất Đạt chẳng thể được làm Phật, phải trải qua sáu năm cầu đạo mới được thành Phật. Do đó, đạo hay sinh ra Phật, Phật do đạo mà thành. Đạo là cha là thầy của Phật, Phật là con là rộng mở của Đạo. Nên kinh Phật nói: "Cầu đạo Vô thượng chánh chân". Lại nói: "Thấu hiểu đạo lớn, phát ý vô thượng". Tiếng ngoại quốc nói A-nậu Bồ-đề, tiếng Trung Hoa thời nhà Tấn phiên dịch nghĩa là Vô thượng Đại đạo. Lấy theo đó để nghiệm thì Đạo lớn Phật nhỏ, ở sự có thể rõ biết, sao phân phán xao lãng trước sau đưa đến làm thầy trò ư?

Bậc Khai sĩ trách bảo: Tôi nghe điển của Nghiêu Thuấn, Ngũ Bá chẳng chịu xem, đọc sách của Khổng Mặc, của Mạnh tử thì không thể đọc. Phàm sâu trùng mùa hạ không thể đem nói băng lạnh, dốc thành ở đời vậy. Người khác mắc thì không thể cùng luận đạo, bởi còn hạn cục nơi giáo vậy. Nay lại vì ông, lược nói rõ việc ấy đến rốt cùng.

Phàm, Diệu Đạo không hình, lý dung chân tế, đại âm vô thuyết, thể tịch hư tông, không thể lường đó mà nói bày hình tượng, không thể tìm đó ở sự thấy nghe. Tam tế suy tìm mà chẳng được, nhị đế cách mà không biết. Xung tánh chẳng đổi dời, ai hay khiến có? Chí công không rơi lạc, ai hay khiến không? Nhưng mà Trang ngoài lắng bặc ở Bách phi, xưng nghĩa là chìm đắm trong tứ cú. Kịp đến lúc hình của vô hình ứng khắp pháp giới, thuyết của vô thuyết, hóa hợp nguồn tình, nên hay khởi vận đại bi để cổ động đó, mở mang đại từ để nhiếp độ đó. Từ đó, vận mặc áo xấu dơ bẩn, hiện sinh nơi đời ác năm trược, ẩn trí chân thật, dùng phương tiện giá ba xe. Thấy rằng, phàm chỉ một hạt gạo để nuôi thân, vốn vì nhiếp phục ngoại đạo; sáu năm ở dưới gốc cây, chỉ muốn dẹp phá tà sư. (Như trong phẩm Khổ Hạnh ở kinh Bản Hạnh nói: "Các ngoại đạo v.v... hoặc mỗi ngày ăn một bữa, hoặc bảy ngày mới ăn một bữa, hoặc một ngày một bữa hoặc bảy ngày một bữa, hoặc ăn phẩn của

trâu dê, hoặc ăn cộng cỏ ngó sen, hoặc thường đứng bằng một chân, hoặc thường đưa thẳng hai cánh tay, hoặc cả bốn chi chống xuống đất, hoặc dùng năm thứ lửa để hơ thân mình, tự đói khát, tự rơi đổ thân mình trên làm gai gốc ở gò trủng, nằm trong tro đất, phụng thờ trời thần để cầu giải thoát. Bồ-tát quán sát mong cầu tà vạy ấy, mới thực hành hạnh cực khổ đáng sợ, un trú nhất tâm tịch tỉnh ngồi không lay động, như vậy suốt sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè đen, hoặc ăn gạo canh, đậu nhỏ đậu lớn, đậu xanh đậu đỏ, hạt gạo lớn nhỏ v.v... Mỗi ngày chỉ một hạt, mong được duy trì để giữ mạng sống, thân thể gầy suy, hơi thở rất yếu, toàn không khí lực, tay chân cử động không như ý muốn, tợ như ông già suy yếu 80 - 90 tuổi. Khi ấy, Phật nói kệ tụng rằng: "Bồ-tát đến sông Ni-liên, dùng tâm thanh tịnh ngồi bên bờ, vì các người cầu đạo chẳng chân, nên muốn thực hành đại khổ để chuyển hóa tà vạy kia vậy"). Xót nhọc không khổ hạnh, thương không ích tự đói (thương nghĩ ngoại đạo không ích khổ hạnh rỗng hư mà tự đói khát), sau đó mới ăn dùng sữa cửu chuyển. (Trong kinh lại nói: "Khi ấy có hai người chủ thôn Thiện sinh nghe trời mách bảo, liền nhóm tạp một ngàn con bò vắt lấy sữa tốt, triển chuyển cùng cho uống đến còn mười lăm con bò, sửa dính một phần tịnh, hòa cùng gạo canh tốt, vì Bồ-tát mà nấu cháo sữa. Đang lúc nấu cháo, hiện bày các thứ tướng, hoặc hiện tướng chữ vạn, hoặc hiện hình Đế-thích Phạm vương. Sữa đó vọt bay cao lên đến nửa cây đa la, hoặc cao bằng một cây đa-la, xong rồi rơi xuống, không có một giọt lìa nơi đồ dựng kia mà rơi nơi khác. Vào sáng sớm ngày hai mươi ba tháng hai, thọ nhận một bát cháo sữa của hai người nữ, ăn dùng xong, thân thể trở lại bình phục, rồi nhận cỏ cát tường, đến ngồi nơi gốc cây Bồ-đề). Chứng đắc Tam Bồ-đề. Khi ấy, sáu sư quyến thuộc không ai chẳng đảnh hội chu-la (tức bao tóc trên đảnh), ngàn con Ma vương đều cùng quy tâm nhiếp phục (bấy giờ Ma vương ở cõi Dục dẫn theo ngàn người con, cùng ba tà nữ, binh chúng quỷ thần có tám ức, hoặc hiện trong rốn có ngàn mắt, sau cổ có tám cánh tay, trong miệng sấm sét tuôn ra, từ tay tỏa phóng ánh sáng chớp, hoặc rắn nhiễu quanh bên eo trái, hoặc rồng nhiễu quanh bên hông hữu, có các thứ thần biến đến não hại. Bồ-tát phóng ánh sáng lớn, hiện tướng hiếm có, Ma-vương và quyến thuộc đều phát thiện tâm, đồng một lúc cùng cúi đầu). Tà phong vụt chốc rơi bén nhọn, tuệ nhật hừng hực tỏa ánh sáng. Đó cấp dẫn đến như vậy, đó oai thần đều như kia. Điều ông nói đạo (chín mươi lăm thứ đạo) là đạo kia ư? (Hỏi có phải chín mươi lăm thứ đạo chăng) hay là khác với kia (hay chẳng phải chín mươi lăm thứ đạo ấy?). Nếu đồng với

kia, tức là học trò của hai trời và ba tiên (trước lúc Đức Phật chưa ra đời có hai trời là Ma-hê-thủ-la và Vi-nữu-bà v.v...; có ba tiên là Ca-tỳ-la, Ưu-lâu-ca và Lặc-sa-bà v.v... hành tà Tam bảo để hóa thế gian. Đến lúc Đức Như Lai ra đời thì chúng đều xin làm đệ tử, các cành nhánh khác là như Đề-bà, Bồ-tát phá sau, đọc xem ở luận Trí Độ và Bách luận). Con cháu của chín mươi lăm thứ đạo ấy là Phú-lan-na v.v... là thầy của ông, chỗ thầy kia đọa lạc, ông cũng sẽ đọa lạc theo. Còn nếu khác với kia tức là đệ tử Phật, sao được sai nhầm nói cầu đạo ta nên mới được làm Phật?

Lời của Khan đản nói, tội ấy chẳng gì lớn bằng vọng tấu hiên thềm, khinh xuất đến Thiên oai, với lý đáng nên trói buộc đó là tội thứ nhất. Liếc mắt triều đình, nghi ngờ tín tâm, biến đổi tà làm chánh, đó là tội thứ hai. Đem Đại sư Vô thượng cầu tiểu đạo trong hoàn vức trái với kinh giáo kia, đó là tội thứ ba. Nuôi lớn phỉ báng ở tương lai, kết đảng bàn tà ở hiện tại, tự mình sai nhầm khiến người sai nhầm, đó là tội thứ tư. Đã mắc tội khiên phụ dối Thánh, hẳn sẽ đọa vào địa ngục vô gián trải qua số kiếp như cát bụi nhận chịu khổ, đó là tội thứ năm. Vả lại, Chấn Đán cùng với Thiên Trúc còn cách bởi Lân châu trong Hoàn hải, Lão Đam đến cuối thời nhà Chu mới dấy khởi, Phật xuất hiện ở đầu thời nhà Chu, tính ra cùng cách nhau hơn hai mươi đời vua. Luận bàn đó đã trải qua hơn ba trăm năm, đâu có Phật ở đời Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước Tây lịch) mà lùi học đạo ở đời Kính Vương (Cơ Mãn 513-476 trước tây lịch) ư? Giả sử hư nghiệm cũng thật đủ có thể biết vậy (Niên Kỷ nói: "Lão Tử đến năm Quý sử tức năm thứ bốn mươi hai đời Kính Vương, vượt qua ải Hàm Cốc theo hướng Tây vào nước Tần". Ngụy Thư nói: "Lão Đam cùng Duẫn Hỷ, trong đời Kính Vương, đồng ra tán quan". Tính đến năm Ất tỵ (585) tức năm Khai Hoàng thứ năm thời nhà Tùy là đã một ngàn không trăm ba mươi bảy (1.037) năm.

Nho sinh xin hỏi: Các kinh Linh Bảo v.v... nói có Thái Thượng Đại Đạo trước lúc đất trời sinh, trong của Tước bột động hư, trên cả Vĩ Hoa ngọc thanh là thầy của Phật, hay sinh ra Phật, chẳng nói Lão Đam ở thời nhà Chu, là định phải ư? Mong được nghe nói đó!

Bậc Khai sĩ dẫn dụ bảo: Trước Ngũ đế chưa nghe có Đạo, cuối thời Tam Vương mới có tên Đam. Từ đời vua Cảnh đế (Lưu Khải 156-140 trước tây lịch) thời Tây Hán mới phát khởi đạo học, tìm nay xét xưa, đạo ấy là ai? (Dư Cửu Hưng ở đan dương soạn thuật luận minh chân mười chín chương để Ngự Đạo nói: Phàm, chí minh chẳng phải sáng đối với tối, nên không thể nói chí. Tỉnh chẳng phải tỉnh đối với động,

nên không thể nói phúc. Ngưỡng tìm cầu xương đầu của Đạo kinh. Đạo ngôn ấy dòng họ là ai? Đạo lại là ai nói? Đạo nếu có miệng tức đủ Ngũ ấm, chỗ thành ở trong tam tài, chẳng khỏi vô thường, rốt cùng chỉ là phần đoạn, trở lại nhiếp thuộc Tiên đạo).

Căn cứ ba sách bảy vở, ba truyện chín phái, tuy là Điển mô kinh quốc, không gì chẳng là sư Tông ở Chu Dịch. Dịch nói: "Năm vận cùng sinh, dần phân chia trong đục, Lưỡng nghi đã mở bèn phán âm dương" (Lễ Vận nói: Thái Nhất phân mà làm trời đất, chuyển mà làm âm dương, biến mà làm bốn mùa). Do đó, càn nguyên vốn mới đầu, khôn đạo vốn sống, ba thứ ánh sáng hiển trước tượng ở trời, là Đạo của Càn vậy. Muôn vật bẩm hình ở đất, là Đạo của Khôn vậy (Càn Tạc Độ nói: "Càn lấy tượng trời, Khôn lấy pháp đất". Ly Thoán nói: "Nhật nguyệt sáng ở đời, trăm thứ lúa thóc sáng ở đất"). Nên nói, một âm một dương đó nghĩa là Đạo. (Thuyết Quái nói: Đạo quả lập trời gọi là âm cùng dương; Đạo của lập đất gọi là nhu cùng cương; Đạo của lập nhân gọi là nhân cùng nghĩa, gồm cả Tam tài mà lưỡng đó nên sáu họa mà thành Quái). Âm dương chẳng thể lường, gọi là Thần. Đạo ấy là lý là thông là hòa là đồng, nên nói là âm dương vận thông, ngôi vị tam tài vậy. Trên dưới giao thái, muôn vật phát sinh, có đạo lý của âm dương hay thông sinh ở người vật. Trời hòa đất đồng thì các mầm mà loại động vậy. (Lễ Nguyệt Lệnh nói: Khí trời giáng xuống, khí đất vọt lên, trời đất hòa đồng, mầm muôn vật máy động). Cổ xuy đó sấm sét dương động vậy, đượm nhuần đó gió mưa âm theo vậy. Nên biết, không có đạo trời đất thì từ đâu sinh, chẳng có đạo âm dương thì do đâu linh? Đâu được trước tạo hóa, đạo đã xuất hiện, giả sử có đạo cũng chẳng vượt ngoài trời đất và âm dương (Sưu Thần Khế nói: Thánh chẳng quá trời đất, Thần chẳng quá âm dương). Phàm, trời đất, ở sự có thể rõ, âm dương ở sinh có nghiệm. Lý số như vậy, chẳng nói có đạo trước đất trời sinh. Đạo đã chẳng theo, sao có thể sinh Phật? Xưa trước, Xa Dận giải đạo đức rằng: "Ở người làm đức, đến vật làm đạo". Ân Trọng Văn nói: "Đức là đắc (được) vậy". Đạo là do vậy". Nói đắc hiếu ở tâm, nên gọi đó là đức, do đó mà thành nên gọi đó là đạo. Vì vậy, hiếu là gốc đức, thành nghĩa là đạo, công đức rõ bày tự lập nên tên, đạo được xưng gần Tế. Trong nhân đức mà thực hành đến, ngoài do đạo mà hóa thành. Sinh đó nuôi đó, cốt yếu của đạo ấy. Thành đó thục đó, thấu đáo của đức vậy. Nên Luận Hành nói: "Lập thân gọi là đức, thành danh gọi là đạo, đạo đức là như thế đó". Điều Ông nói đạo sao khác ấy ư? Nếu khác ấy tức chẳng đủ để quy hướng kính tin. Đâu có đầu đội mũ vàng, thân mặc áo hạt vàng,

râu xỏa tóc bạc, tay nắm ngọc chương, riêng xưng hiệu Thiên Tôn, ở trên Đại La riêng tên đại đạo, trị trong Ngọc kinh, chỗ núi sông chưa rõ? Điều trong kinh sử không ghi, Đại La đã nói của Ô Hữu, Ngọc Kinh vốn đàm của Vong Thị vậy (Căn cứ kinh Sơn Hải nói: "Trong thiên hạ có cả thảy năm ngàn ba trăm bảy mươi (5.370) danh sơn, trải qua năm mươi bốn ngàn năm trăm (54.500) dặm, Côn Lôn rất cao lớn, trên đó có vườn huyễn, bởi là chỗ ở của Thần tiên, có thành vàng quách đá, cành quỳnh cây ngọc lá báu hoa vàng. Nhật nguyệt và ba thứ ánh sáng liệt bày phía dưới đó, xe mây lọng lông, giá phụng hiên rồng, ngọc nữ tiên đồng chẳng thể tính kể. Tiếp đến thì ba núi trong biển, phương trượng Bồng lai". Trong Danh Sơn Phú, Tôn Hưng Công nói: "Giẫm trải vào biển thì có Lực đài Bồng lai, lên núi thì có Tứ minh Thiên thai, Dĩ nhã Thích sơn chỉ luận Ngũ nhạc Ngọc kinh đã là danh sơn thượng thượng". Lại nói: "Phủ, chỗ trị vì của Thiên Tôn, cớ sao Kinh Sơn chẳng ghi, Quảng Nhã không lời văn ấy?").

Ông xưng Thái thượng là thầy của Phật. Căn cứ các bậc Tiên nho qua nhiều đời, và trong khoảng niên hiệu Thừa Thánh (552-555) thời Nam Lương, giải năm ngàn (5.000) văn, lâu dài có rõ Thích Ngôn Thái Thượng có bốn: Một là dưới biết có đó nghĩa là Tam Hoàng đến Ngũ Long; hai là tiếp thân dự đó, nghĩa là Phục Hy cùng với Thần Nông; ba là tiếp theo sợ đó, nghĩa là Hiên Viên cùng Đế Khốc; bốn là tiếp theo khinh thường đó, nghĩa là từ Nghiêu Thuấn trở xuống. Lễ ký có nói: "Thái thượng quý chuộng đức, tiếp theo đó là chuyên việc thí báo". Nghĩa là Thiên hoàng Nhân đế là Thái thượng vậy. Không riêng đạo thần, gồm luận giáo ấy, chỉ là dạy răn dẫn dắt quân vương dân chúng, cấp dẫn kẻ tục, mới đầu chưa từng nghe tu muôn hạnh mà hướng đến Niết-bàn, vận tứ lưu mà vượt qua sinh tử. Căn cứ Đạo kinh, Nguyên Hoàng Lịch nói: "Tôi nghe đại đạo Thái thượng Chánh Chân xuất phát từ tự nhiên, có nghĩa là làm Phật; Quân vương của vô vi". Kiểm xét trong Đạo kinh gọi là xưng Phật là đại đạo, là Thái thượng, là tự nhiên, là Chánh Chân, là Thái cực, là Vô thượng đều là Phật vậy. Lại nói: "Nước Thiên Trúc có Cổ Hoàng tiên sinh (nói Phật là Thái cổ Hoàng tiên sinh) khéo vào Nê-hoàn. Cổ tiên sinh là thầy của ta vậy, du hóa ở Thiên Trúc, nay sắp trở lại thần hoàn lại vô danh, tuyệt thân diệt có chẳng chết chẳng rốt cùng, mãi mãi thường còn, nay ta đi vậy". (Lão Quân biết Phật nhập Niết-bàn, do đó trình bày việc hóa duyên vừa qua đã xong, từ đó bảo là trở lại, môn đồ chưa biết, nay phải tự thuật là: Thầy của ta vốn ở tại Tây phương, vì Tây thăng ấy tỏ bày luyến mộ đó.

Ở văn chỉ đích thủ chứng, rõ ràng đó vậy).

Kinh Tam Động nói: "Phật là cha của đạo". Tây Thăng lại nói: "Đại thuật trong thiên hạ, Phật thuật là thứ nhất". (Nói thần thông biến hóa vô cùng vậy). Hóa Hồ Kinh nói: "Lão Tử biết Phật muốn nhập Niết-bàn, lại xoay trở lại ở đời hiệu là Ca-diếp, nên ở nơi rừng Sa-la vì chúng mà bày hỏi". Kinh Chuyển Thần Nhập Định nói: "Tư niệm hết thảy". Truyện Quan Lệnh nói: "Lão Tử nói: Thầy của ta hiệu là Phật, giác ngộ cho hết thảy dân, ăn dùng rau quả tụng kinh, xưng là Đạo Vô Thượng Chánh Chân". Nhân oai thần của Phật nên xưng gọi Phật là Thế Tôn, Hình cùng Thần vân du, thọ cao thượng chí Thánh mười phương chí chân đã được Phật đạo.

Nghiệm xét trong Đạo kinh, nơi nơi đều tôn xưng Phật làm thầy, nay tôi vì ông giải thích điều này tại đây, ông phải nghĩ điều ấy tại đây, đảnh nhận mà kính phụng vâng làm. Phật là che trùm tất cả, đại tông tuyệt xưng, u trạch chí diệu, không thể vì không thủ, không thể vì có cầu. Quả có đó sở dĩ chẳng có, nên không thể được mà có. Có đó sở dĩ chẳng không nên chẳng thể được mà không. Cớ sao? Nếu vốn có cảnh thì đại hoạn trọn diệt, suy đó không hương, thì đại bi chẳng khô kiệt, thường lý chẳng thể nguyên, là thể của tự nhiên vậy. Vô tâm để thành hóa, là tông của đại đạo vậy. Tam ngũ chẳng thể đầu tiên, bởi vì Cổ Hoàng đã trước vậy. Chẳng nghiêm để chánh tục là quân của vô vi vậy. Hỗn độn chẳng thể lường là chủ của vô sinh vậy. Lâu dài đó mãi còn, là gốc của các diệu vậy. Đó giáng linh thỉ là thầy của đại đạo, đó khai hóa thì là cha của Thái thượng, sao được bít mắt để quán xem đất trời, bít tai mà nghe sấm sét? Do đó, Phật hiệu là Pháp Vương; là Bậc Điều Ngự ở đời, các hàng hạ phàm thượng Thánh không ai chẳng quy y. Đâu có xưng Thần của Ngũ lão, mang đeo lục của Tam Hoàng mà có thể làm thầy của dòng họ Thích ư? (Căn cứ Xuất Quan Nghi nói: "Vô Thượng Tam Thiên, Huyền Nguyên Thủy Khí, Thái Thượng Lão Quân, Thái Thượng Văn Nhân, Vô Thượng Huyền Lão". Triệu Tịch Triều Lễ Nghi nói: "Thái Thượng Huyền Nguyên, Ngũ Linh Lão Quân, đang vời công tài sứ giả. Hai bên rồng hổ quân, quan lại cưỡi rồng ở trạm, Ngọc đồng nắm hương, Ngọc nữ nắm hương, Ngọc đế trực phù. Nhưng lão là trưởng, là tôn. Nơi Ngũ Lão Quân ở tôn quý của các tiên, lớn của muôn thần. Ngũ linh Ngũ đế, tức là linh oai kính ngưỡng Thần, Tam Hoàng là Thiên Địa và Nhân". Khoảnh Tuấn Thủy Học Thiên nói: "Lúc đất trời mới lập có Thiên Hoàng mười ba đầu, trị vì mười tám ngàn năm (18.000)". Quát Địa Tượng nói: "Thiên Hoàng có chín cánh dùng để

bay qua lại. Chỗ Lão Tử kính thờ Tam Hoàng Ngũ Nhạc, Lục Giáp Phù Đồ đều do Hoàng Linh chế tác, Lão Tử đeo mang đó để phòng thân. Nhưng Tam Hoàng Phù Lục, Ngũ Lão Chân Văn đều là năm sắc xanh đỏ, văn trời chữ lớn, nói đeo mang đó sống hoài chẳng chết, cho đến thành Thần tiên. Chỗ thuật quan lại tương quân binh lính cùng với thế tục không khác nhan sắc". Quang Lục Vương Bân v.v... nói: "Đạo là luyện hình, pháp ở biến hóa, Phật là trì tâm, giáo là tế vật". Tức luận về tông của đạo tức là Tam Hoàng cùng với Ngũ Long vậy).

Niên kinh Niết-bàn nói: "Thầy của chư Phật, đó nghĩa là pháp. Vì pháp thường nên chư Phật cũng thường". Tôi lại vì ông phải nói rõ nghĩa đó. Căn cứ Phật Thuyết Không Tịch Sở Vấn Kinh và Thiên Địa Kinh đều nói: "Ta bảo Ca-diếp đến kia làm Lão Tử hiệu là Vô Thượng Đạo. Nho Đồng đến kia, hiệu là Khổng Khâu, dần dần giáo hóa khiến đó hiếu thuận". Kinh Tu-na nói: "Sau đời ta ngàn năm, pháp sẽ lưu truyền đến phương Đông, vua cùng dân chúng kính phụng giới tu thiện". (Cổ Lục nói: Ở đời Huệ Vương thời nhà Chu đã dần có Phật giáo, sau đó hơn trăm năm, Lão Tử mới nói năm ngàn (5.000) văn từ. Lưu Hướng đề lời tựa rằng: "Tôi kiểm xét tạng thư, từng thấy có kinh Phật, nên biết Phật hóa lưu truyền đến đây đã lâu xa vậy").

Trộm cho rằng: Tam đại sắp cuối sáu nước mới uống khởi, đồ chúng du thuyết, tâm còn cẩu thả được, chưa hoạn nạn khoe dối chẳng ngăn che thịt, xuyên lưỡi trống mà dong mưu kỳ, lay môi mép mà đàm nói ngược lợi. Tào Quế xin chiến khuất hoàn, khi ấy Như Sư cảm khóc phủ tóc, Y Xuyên đau xót lấp đầy hết xe, vượt nước ba sông, chấn động hết bốn di, giao xâm trời tối dế mèn bay. Hao Du thỏ múa, Bành Sinh quái lạ vì heo khóc, Đỗ Bá thấy trừng trị chẻ xương. Giả sử khiến nhậm ở A hành, thân ở đài phủ, không gì chẳng quạt vút gió bảo mưa lạnh, mạnh xoay oai trời chuyển vầng nhật. Do đó, Bao nữ dâng hiến vương kéo dẫn giặc đốt lửa, người sở hỏi đảnh, dần nghịch giẫm đạp trời. Vầng nhật là phản đất trời mênh mông, lễ nhạc đổ hoại, sinh nhục thân tàn, chẳng từng đóa hoài xấu hổ, đổ nhà lấp nước, sao nhẫn quên trở về? Đâu biết tội khổ gì của thế giới, không nghĩ đồ thán của muôn dân.

Do đó, Phật sai ba Thánh quyền hóa một phương, trái nghi trị nước, nêu thuật tu thân, ngõ hầu khiến đó thay hình luật dùng lễ, biến đổi mỏng dạt thành thuần thục, đều là ép vật rong tình, chẳng phải đại đạo vượt ra cốt yếu. Nếu như phóng tâm ở cảnh Tam Đạt, lắng lo toan ở trường tứ đức, cồng trùm sinh linh, đượm nhuần khắp cùng đây kia vậy, thì Đại sĩ ở phương khác động dụ hằng sa, phát tâm ở xứ này cũng như

số bụi trần. Rõ ràng chẳng phải chỗ xưng của văn tự, truyện lược nêu sáu người để mở mộ ngưỡng. Văn-thù khuất dấu vết ở đương thời. Di-lặc Bổ xứ ở tương lai. Quán Âm hiện khắp sắc thân, huệ đượm kiếp xa, Địa Tạng hộ trì Chấn Đán, hóa hợp vô cùng; Mã Minh gồm ba chương ở Đông Hạ, như Triều Dương lúc sớm mai tỏa sáng mà khiến Lục hợp đều chiếu. Long Thọ đạp muôn dặm đến Thần Châu, tợ minh nguyệt đốt sáng đêm đen, hay khiến tám biểu đồng tỏa sáng. Từ đó trở ra, hoặc tuổi già mà hoằng đạo, hoặc trẻ thơ mà tuyên pháp, nam nữ khác hình, Hồ Hán không đồng loại, không ai chẳng nương duyên thi hóa, tùy xứ dẫn phàm. Huyền Công lợi ở trăm vua, chỉ giáo lưu truyền khắp chín cõi, danh ngôn ấy tại đây, đáng ra đó tại đây, không vì Hạ ông trộm tên của Trọng Ni, một góc phỏng sánh với to lớn của Côn lôn vậy.

Nho sinh trịch bày vai, cúi đầu nắn tay mà thè lưỡi liếm chân và nói: "Tôi xin tội vậy! Tôi xin tội vậy!"

■

LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN 6

CHƯƠNG THỨ NĂM: MƯỜI DỤ

Có Hoàng Cân Lý Trọng Khanh học thức thiển cận, trí thẹn tín độ, nhưng lại kiêu căng cho mình là Bạch hạc, mong kinh hãi Trung Hoa, mang ánh sáng bó đuốc tranh ánh ngời nhật nguyệt, mới làm mười dị chín mê chê lường chí Thánh. Tôi bùi ngùi cho người đó không biết, xót thương kia tội gì, liền làm mười dụ để giải hiểu đó, làm chín châm để răn đó, dùng ngón cái bàn tay, ngõ hầu Quân tử minh đạt rõ điều đó đến tận cùng vậy.

1. DỤ THỨ NHẤT:

- Dị thứ nhất của ngoại (ghi chú Thái Thượng Lão Quân thác thần ở Ngọc nữ Huyền diệu, bổ nách bên tả mà sinh. Thích-ca Mâu-ni gá thai phu nhân Ma-da, mở hông phía hữu mà ra).
- Dụ thứ nhất của nội (ghi chú Lão Quân vì nghịch với thường nên mới gá mục nữ mà ra bên tả, còn Đức Thế Tôn thuận hóa, nên nhân Thánh mẫu mà sinh bên hữu).

Bậc Khai Sĩ bảo: Căn cứ Lô Cảnh Dụ, Đái Sằn, Vi Sử Huyền v.v... nhóm tập giải năm ngàn (5.000) văn từ, và vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam Lương, Chu Hoằng Chỉnh v.v... khảo xét nghĩa loại, nói: Thái thượng có bốn nghĩa là Tam Hoàng đến Nghiêu Thuấn ấy vậy. Nói Thượng cổ có Quân của Đại đức đây, đến trên muôn dân nên gọi là Thái thượng. Quách Trang nói: "Lúc ấy chỗ Hiền giả làm Quân, tài chẳng xứng đời làm thần. Lão Tử chẳng phải Đế chẳng phải Hoàng, chẳng tại hạng cuộc tứ chủng, có điển cứ gì, tạm xưng là Thái thượng ư?" Kiểm xét Đạo gia, các kinh Huyền Diệu đến Trung Đài Chu Thao Ngọc có v.v... đều lưu xuất Tải Ký nói: "Lão do Lý mẫu sinh ra, chẳng nói có ngọc nữ Huyền diệu. Đã chẳng phải chánh thuyết, rất giả đàm nói sai nhầm vậy". Căn cứ Tiên Nhân Ngọc Lục nói: "Tiên nhân

không vợ, Ngọc nữ không chồng, tuy thọ thân hình nữ mà trọn không sinh sản”. Nếu có điềm ấy thì thật đáng vui mừng, nhưng cớ sao sử ký không văn từ, Chu Thư chẳng biên chép? Cầu hư trách thật, tin lời của kẻ uốn nắn dối vọng vậy. Lễ nói: “Lui quan không địa vị thì chuyển dời qua phía tả”. Luận Ngữ nói: “Vạt nó bên tả chẳng phải lễ vậy”. Nếu lấy tả thắng hữu, cớ sao Đạo sĩ hành đạo chẳng tả xoay mà lại hữu chuyển ư? Chiếu thư của nước nhà đều nói: “Như Hữu”, tức đều thuận thường của trời vậy.

2. DỤ THỨ HAI:

- Dị thứ hai của ngoại (ghi chú Lão Quân ban lời dạy răn, khai mở trường sinh của bất sinh bất diệt; Thích-ca thiết giáo, chỉ bày vĩnh diệt của bất diệt bất sinh).

- Dụ thứ hai của nội (ghi chú Lão Đam bẩm chất sinh của có sinh có diệt sợ hoạn, trái lại chuốc lấy bạc đầu. Đức Thích-ca bày tượng diệt của hiện diệt hiện sinh, hết quy về tịch diệt, mới khắp thân mình vàng ròng).

Bậc Khai Sĩ bảo: Lão Tử nói: “Quý đại hoạn chẳng gì như có thân giả sử tôi không có thân, thì tôi có hoạn gì?” Nguyên do của hoạn, chẳng gì như thân vậy. Lão Tử đã lo hoạn có thân, muốn cầu không não, chưa khỏi mà đầu bạc chẳng khác người đời. Nếu nói trường sinh, nhân gì mà chết sớm?

3. DỤ THỨ BA:

- Dị thứ ba của ngoại (ghi chú Lão Quân ứng sinh ra nơi Đông Hạ đây, Thích-ca giáng vết ở Tây Nhung kia).

- Dụ thứ ba của nội (ghi chú Lý Nhĩ sinh hình ở huyện Khổ thời Đông Chu, Đấng Năng Nhân giáng vết tại Thần Châu của Trung Hạ).

Bậc Khai Sĩ bảo: Luận Trí Độ nói: “Ngàn ngàn trùng số nên gọi là Tam thiên, gấp đôi số ngàn ngàn ấy nên gọi là Đại thiên, Ca-tỳ-la-vệ ở tại trong đó”. Kinh Lâu Hội nói: “Từ Thông Hà trở về phía Đông gọi là Chấn Đán, vì lúc mặt nhật mới xuất hiện lóe sáng ở góc phía Đông nên xưng gọi là Chấn Đán”. Một bản khác nói: Nên được gọi tên vậy. Chư Phật ra đời đều tại giữa châu ấy, chẳng sinh ở Biên ấp. Nếu sinh ở Biên ấp thì đất sẽ vì đó mà nghiêng lệch. Căn cứ Pháp Uyển truyện, Cao Tăng truyện, Vĩnh Sơ ký v.v... đều nói: “Hà thừa Thiên ở thời nhà Tống cùng Pháp sư Trí Nghiệm, Tuệ Quán chung tranh luận về Trung biên. Pháp sư bảo: Đất ở Tây Vức, đến ngày Lập hạ. Một bản khác nói

là ngày Hạ chí ngay giữa trưa dựng cây cọc không có bóng. Ảnh đài nước Hán đến ngày Lập hạ. Bản khác nói, đến Kỳ Lập Biểu còn thừa ảnh râm, Y Cứ Toán kinh nói: Trên trời một tấc dưới đất ngàn dặm, sao mới tỏ ngộ vậy. Trung biên mới xác định. Ước về sự mà luận, thì nước Trung Thiên Trúc là chính giữa của đất, Chấn Đán tự có thể là phía Đông. Một bản khác nói: "Trung tâm mới riêng cách biển hơn năm vạn dặm. Nếu chuẩn cứ đất đây về phía Đông ước ở bờ biển, bèn có thể Ca-duy chưa chịu là phía Tây". Lý ấy có thể nghiệm vậy.

4. DỤ THỨ TƯ:

- Dị thứ tư của ngoại (ghi chú Lão Quân ngày của Văn Vương làm Tông sư của Long Chu. Thích-ca ở thời Trang Vương làm giáo chủ ở Kế Tân).

- Dụ thứ tư của nội (ghi chú Bá Dương với chức thần nhỏ thêm sung làm Tạng lại, chẳng ở ngày của Văn Vương, cũng chẳng phải thầy của Long Chu. Đức Mâu-ni địa vị là Thái tử, thân chứng Đặc Tôn, tương đương với năm Hưng Thạnh của Chiêu Vương, làm giáo chủ ở cõi Diêm-phù).

Bậc Khai sĩ bảo: Tiền Hán Thư nói: "Khổng Tử là thượng thượng lưu, là Thánh; Lão Tử là trung thượng lưu, là Hiền. Yến Vương Bật nói: "Lão Tử chưa kịp Thánh?" Luận Nhị Giáp nói: "Trụ sử ở triều vốn không hai tán, ra Chu vào Tần, vì Duận nói đạo, không nghe chư hầu chẳng thấy Thiên tử, nếu làm thầy nhà Chu, sao sử không minh chứng, chẳng phá hợp chánh thuyết, đó có thể được ư?" Căn cứ Ký và Bách Gia Phả của Vương Kiệm nói: Lý Lão sau Cao Dương, Thủy Tổ là Cửu sao làm quan Thuấn lý, nhân dòng họ Toại vậy. Dòng họ Lý xuất phát từ Lão Đam, từ Lão Đam trở về trước chưa có dòng họ Lý, chỉ có Thị Lý vậy, vì sinh dưới gốc cây mới xưng là dòng họ Lý. Con của Lão Tử tên là Tông, làm quan Ngụy Văn Hầu, bởi cuối thời Xuân Thu nên là người ở thời sáu nước vậy. Ở đời của Văn Vương đã không có dòng họ Lý, sao được có Đam xuất hiện làm thầy thời nhà Chu? Niên đại sâm sai, không chứng cứ đích thực. Bảo Phác nói: "Ra đời Văn Vương, Kê Chương, Hoàng Phủ Mật đều nói: Sinh ở cuối thời nhà Ân, bởi chỉ Ngụy Văn của đạo, chẳng phải chỗ biên ghi của Quốc điển vậy".

5. DỤ THỨ NĂM:

- Dị thứ năm của ngoại (ghi chú Lão Quân giáng vết ở đời Chu Vương ba lần ẩn, ba lần hiện, suốt thời gian năm trăm năm. Thích-ca

ứng sinh ở thời nước Hồ, một lần diệt một lần sinh, thọ chỉ tám mươi tuổi).

- Dụ thứ năm của Nội (ghi chú Lý Thị ba lần ẩn ba lần hiển, đã không chứng cứ đích thực có thể y, giả sử có sống năm trăm năm còn thẹn so với tuổi thọ của rùa và hạc. Còn Đấng Pháp Vương chỉ một lần diệt một lần sinh, thị hiện dung mạo của vi trần, với thời gian tám mươi năm khai hóa dẫn dụ chúng đông như Hằng sa).

Bậc Khai sĩ bảo: Kiểm xét chánh điển các sử, không có văn từ của ba lần ẩn ba lần hiện vào ra, chỉ tạng tranh đua các Tháo v.v... Lão Nghĩa Liệt nói: "Vì Khổng mà nói gốc của nhân nghĩa lễ nhạc, là một thời. Ở thời Cổ Vương, ngàn nhà bị bệnh tật, khiến cảm, Lão Quân trao cho một trăm tám mươi giới và kinh Thái Bình một trăm bảy mươi thiên, là hai thời. Đến đời vua An Đế thời nhà Hán trao truyền giáo Chánh nhất minh oai cho Trương Thiên sư, bấy giờ tự xưng là Trụ Sử của thời nhà Chu, là chỗ sai sử của Thái thượng, là ba thời". Phàm, ứng hình thiết giáo, hẳn nhờ có duyên, khuyên hóa độ người đều nhờ ở đồ chúng. Há có thể với thời gian năm trăm năm mà toàn không có đệ tử, ba lần hiện ba lần ẩn chẳng thấy môn nhân thọ học tiếp thừa, mịt mờ hà hán? Thuyết của Ô Hữu, gá hẻm không truyền, bởi giá yếu xe nhỏ ở thời nhà Chu, mai rủ tóc tơ, đến Hán tức là tiêu cổ mây xanh, bay theo nổi giữa khoảng không. Can Bảo Sưu Thần chưa nghe thuyết ấy, Tề Hà Dị ký chẳng ghi linh đó. Vỗ ngực luận tâm, dối vọng quá lắm.

6. DỤ THỨ SÁU:

- Dị thứ sáu của ngoại (ghi chú Lão Quân xuất hiện nơi đời, mới đầu từ ngày của Văn Vương thời nhà Chu, mãi đến thời của Khổng Khâu. Thích-ca mới hạ sinh, mở đầu từ nhà của Tịnh Phạn, tương đương với đời Trang Vương ở Trung Hoa).

- Dụ thứ sáu của nội (ghi chú Ca-diếp sinh năm Đinh mão ở đời Hoàng Vương, chung cùng vào năm Nhâm ngọ ở đời Cảnh Vương, tuy mãi đến thời của Khổng Khâu, nhưng chẳng sinh ở thời Cơ Xương. Đức Điều Ngự đản sinh năm Giáp dần thời Chiêu Vương, chung cùng vào năm Nhâm thân ở đời Mục Vương, phải là nối dõi của Tịnh Phạn vốn xuất phát trước đời Trang Vương).

Bậc Khai sĩ bảo: Khổng Tử đến Chu thấy gặp Lão Đam mà hỏi Lễ, Sử ký biên ghi rõ đủ, còn làm thầy của Văn Vương thì không có điển chứng. Nói xuất phát ở cuối thời nhà Chu, việc ấy có thể tìm, còn ở đầu thời nhà Chu thì Sử văn chẳng ghi. Lại kiểm xét Chu Lễ quan

nghi văn võ ở đời Thành Khương, nhưng đều không có tên của Trụ sử tạng lại, đáng là chánh phẩm khuyết điều, chỉ là quan lại nhỏ ở cuối thời Chu vậy.

7. DỤ THỨ BẢY:

- Dị thứ bảy của ngoại (ghi chú Lão Quân lúc mới sinh ở thời nhà Chu, về già đến Lưu sa, không lường biết rốt cùng như thế nào, chẳng biết đến sở nào. Còn Thích-ca sinh ở nước Tây, chung cùng ở Đề Hà kia, đệ tử đánh vàng ngực, bọn người Hồ rống khóc than).

- Dụ thứ bảy của nội (ghi chú Lão Tử sinh ở Lại Hương, chết chôn tại Hòe Lý, rõ ràng Tần Dật đến viếng điếu, trách ở Hình trốn trời; còn Cù-đàm xuất sinh tại cung vua kia, ẩn tạc Hạc thọ ấy, truyền lưu ở đời Minh Đế thời nhà Hán, bí tạng ở sách của Lan đài).

Bậc Khai sĩ bảo: Trang Tử Nội Thiên nói: "Lão Đam chết, Tần Dật đến viếng điều, ba lần gọi mà ra, đệ tử lấy làm quái lạ hỏi: Chẳng phải học trò của Phu tử ư? Tần dật bảo: Vừa rồi tôi vào thấy, người trẻ nhỏ khóc đó khóc cha của họ, người già khóc đó như khóc con của họ. Người xưa gọi đó là Hình của trốn trời, mới đầu cho là người ấy vậy, mà nay chẳng phải vậy". Trốn nghĩa là ẩn, trời nghĩa là khỏi trói buộc. Hình nghĩa là thân. Nói mới đầu cho Lão Tử là tiên ẩn hình khỏi trói buộc, nay thì chẳng phải vậy. Ôi! Đó, dua nịnh lấy tình của người, nên chẳng khói chết, chẳng phải bạn ta vậy.

8. DỤ THỨ TÁM:

- Dị thứ tám của ngoại (ghi chú Lão Quân đạp dấu chữ ngũ, tay nắm chữ thập, mắt đẹp miệng vuông, hai trụ tham lậu, nhật xúc nguyệt huyền, đó là tướng Thánh nhân của Trung Quốc. Còn Thích-ca lỗ mũi như vàng thẳng, mắt thuộc loại sao Tỉnh, tròng ngươi như sen xanh, đầu sinh búi tóc, đó là tướng Phật-đà ở Tây Vức).

- Dụ thứ tám của nội (ghi chú Lý Lão mắt đẹp miệng vuông, bởi là hình của Trưởng giả; còn chân đạp chữ ngũ, tay nằm hình chữ thập, chưa phải tướng của Thánh nhân. Còn Đức Bạt-già nhóm tụ mặt nhật, dung nhiếp sắc màu vàng ròng, đã hiện rõ chứng cứ hiếm có, hình chữ vạn, tướng ngàn căm xe kỳ đặc, thật là nêu tướng Thánh nhân).

Bậc Khai sĩ bảo: Kinh Lão Tử Trung Khai v.v... nói: "Lão Đam da vàng trán rộng, tai dài mắt lớn, răng thưa môi dày, tay nắm đường vân chữ thập, chân bước đạp họa hai chữ ngũ, chỉ là dị tướng ở nhân gian, chẳng phải dáng kỳ đặc của Thánh nhân vậy". Truyện ký đều

nói: "Lão Tử mũi lớn rộng, đầu nhọn miệng cao, răng thưa mắt liếc, tai nghéo, tóc màu trái lê xanh, môi dày tay dài". Tướng trạng như vậy đâu có thể sánh với Phật ư? Đức Như Lai thân cao trượng sáu vuông thẳng không nghiêng lệch, vầng ánh sáng tròn rộng bảy thước soi chiếu khắp các nơi u tối, trên đảnh có nhục kế tóc mà xanh biếc, tai rủ có trái, mắt trông nhìn mở sáng, mà như sư tử, bảy nơi đầy đặn không khuyết lõm, trong miệng có bốn mươi cái răng vuông trắng bằng khít, lưỡi dài có thể che phủ mặt, hình như lá hoa sen, trong ngoài tay nắm vân tay đều thành, mở lời nói năng như sấm động, có tám thứ âm thanh. Trên ngực có tướng chữ vạn, dưới chân hình bánh xe ngàn căm, sắc da dung nhiếp tứ ma, tướng đẹp khó thể nói. Đầy đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, tỏa phóng một ánh sáng mà địa ngục ngưng nghỉ, diễn nói một lời pháp, khiến đau khổ được yên bình. Nói bày đầy đủ trong các kinh, chẳng phiền phải nêu chỉ.

9. DỤ THỨ CHÍN:

- Dị thứ chín của ngoại (ghi chú Lão Quân thiết giáo kính nhường oai nghi tự y theo Trung hạ; còn Thích-ca chế pháp, cung túc nghi dung lại tuân theo ngoại quốc).

- Dụ thứ chín của nội (ghi chú Lão là người thế tục, làm quan ở phẩm vị cuối cùng, áo mão bái phục tự kính phụng triều chương. Đức Phật là Thánh chúa. Đạo cùng tục khác nghi phục, dung mạo oai nghi chẳng đồng như chế tác của kẻ phàm).

Bậc Khai sĩ bảo: Xưa kia, Dư Cửu Hưng ở Đan dương soạn luận Minh Chân có mười chín chương để ngự Đạo sĩ lưu xuất ngụy vọng, rõ ràng luận kia vậy. Nói nghi phục cân hạt, chính là xưa trước nói chỗ phục của Nho Mặc. Xưa kia, Ngũ đế quấn khăn thô, Hứa Do đội mũ da, đều là nghi phục của thế tục. Áo hạt thân dài ba trượng sáu thước, có ba trăm sáu mươi tấc, nói pháp một năm ba mươi sáu tuần, hoặc tượng một năm ba trăm sáu mươi ngày. Phía trước hạt có hai đai, nói pháp âm dương, hai góc của hai bờ khăn, lại pháp nhị nghi. Dòng họ Dư lại nói: Nếu như ở đời Chu đời Tần tức mười tháng của đời Hạ là một năm, đến như phân độ doanh tú, lịch vận chiết trừ, lại sao được số ba trăm sáu mươi ư? Xét về Nghiêu Thuấn, Chu Khổng làm nghi phục ấy, tìm về Hoàng đế gặp linh của Hoàng nhân cửu chân lại giáng Đế Khốc. Đến thời Hạ Võ mở kho ở hai núi Đồ chung, cùng đồng các nghi phục ấy từng không chứng cứ. Căn cứ ở thời Chu có chứng nghiệm của Xích Tước, vả lại cảm điềm của Đan Thư, đã phù hợp hỏa đức, nghi phục ở

đời áo đỏ. Lão Tử là người thời Chu, kiêm bồi kẻ lại thấp nhất, mũ giầy bái phục, tự vâng theo nghi thường, tức ngày trị đầu, vốn tên là lính quỷ, Hoàng Cân Xích Lục, chẳng sánh Bá Vương, chú thủy hành phù, thân gần thầy dòng họ Trương, chẳng phải đạo chẳng phải tục, tổ tập mỹ phong của ai?

10. DỤ THỨ MƯỜI:

- Dị thứ mười của ngoại (ghi chú giáo của Lão Quân dùng lại hiếu từ làm gốc đức. Pháp của Thích-ca lấy xả bỏ thân thích làm hạnh trước tiên).

- Dụ thứ mười của nội (ghi chú Lão Tử dạy răn cuồng bạo giết song thân làm hạnh trước tiên. Thích-ca giáo hóa nhân từ cứu tế muôn loài quần sinh làm gốc đức).

Bậc Khai sĩ bảo: Hóa Hồ kinh của ông nói: "Hỷ muốn theo Đam. Đam bảo: "Nếu có chí tâm theo ta đi, thì phải chém đầu cha mẹ vợ con của người gồm bảy người, mới có thể đi vậy". Hỷ mới chí tâm bèn chém giết cha mẹ v.v... bảy người, đem đầu đến trước mặt Đam, bèn thành bảy đầu heo. Phàm, thuận đạo của trời đất thì thực hành đó, chẳng thương tổn hòa khí, là hiếu vậy. Đinh Lan cảm thông ở cây khô mục, Đổng Vĩnh hiếu cùng cực đối với thiên nữ. Cầm thú còn có mẹ con mà biết thân thiện, huống hồ Đam Hỷ hành đạo trong thiên hạ mà chém giết cha mẹ mình, sao gọi là hiếu? Giết vợ con đâu có nghĩa là từ ư?

MƯỜI DỤ CỦA NỘI, ĐÁP LẠI MƯỜI DỊ CỦA NGOẠI:

1. Theo sinh có hơn kém
2. Lập giáo có cạn sâu
3. Đức vị có cao thấp
4. Hóa duyên có rộng hẹp
5. Thọ yểu có dài ngắn
6. Hóa tích có trước sau
7. Đổi dời có ẩn hiện
8. Tướng tốt có ít nhiều
9. Oai nghi có đồng dị
10. Pháp môn có đốn tiệm.

LỜI TỰA ĐỂ ĐÁP MƯỜI DỊ

Luận rằng,

Tiêu Lan chợ cá quen lâu nghiền ngẫm đó vào trước. Dương Văn hợp cùng vui duyên đó quanh co thành tình, nên đều là ao ngọc anh. Bút mực có luận Phi Thanh, Thuần Hoàng Duệ Hậu. Điền ba có đàm hủy Thánh, bởi đó đo lường vậy. Huống hồ Lân khuân khác chất, Lỗ tục quân bằng dung mạo nó; nai ngựa khác hình, người Tần đồng nhất hình tướng nó. Nhờ biến của cảm chóng đến như vậy, huống gì dần dặc đó ư? Trọng Hương do đó mà trình bày sự hơn kém của Thích giáo và Lão giáo. Tôi xót xa mà thương đó, làm đầy đủ luận sau để đáp mỗi một điệp kiện, văn trên như vậy.

- Dị thứ nhất của ngoại là theo sinh tả hữu: Ngoại luận rằng: Thánh nhân ứng vết khác với phàm phu kia, hoặc cưỡi rồng voi để vào bào thai, chợt mở nách hông mà sinh ra đời. Tuy là hai liên quan hai khí, chẳng nhờ gá song thân, đến như khác của tả hữu, khác của hơn kém ấy thứ nhất vậy.

- Dụ thứ nhất của nội là theo sinh có hơn kém (mẹ của Lý Thị tức là Bình Thị ở Lại hương, Lão Tử lại mà gá chất. Ma-da phu nhân tức là Vương hậu của vua nước La-vệ, Thích-ca nhân đó mà giáng Thần).

Nội dụ rằng: Vạt áo bên tả là chỗ tôn quý của Nhung Địch, mạng bên hữu là nơi kính chuộng của Trung Hoa. Nên sách Xuân Thu nói: “Gia khanh không mạng, giới khanh có đó, cũng chẳng bên tả ư?” Sử ký nói: “Lận tướng như công lớn, địa vị bên hữu của Liêm Phả, Liêm Phả hổ thẹn đó”. Lại nói: “Trương Nghi tướng bên hữu mà bên tả Ngụy. Tê Thủ tướng bên hữu Hàn mà bên tả Ngụy, bởi nói chẳng tiện vậy”. Lễ nói: “Tả đạo bày loạn, giết đó”, há chẳng phải bên hữu ưu mà bên tả kém ư? Cao Sĩ truyện của Hoàng Phủ Mật nói: “Lão Tử là tướng nhân của Sở, nhà ở phía Bắc Oa thủy, bắt chước phụng sự Thường Tung Tử. Đến lúc Thường Tung Tử bị bệnh tai nên sang hỏi bệnh. Kê Khương bảo: “Lý Đam theo Quyên Tử học thuật của Cửu Tiên, kiểm các sách của Thái sử Công v.v...” Chẳng nói Lão Tử vạch nách bên tả mà sinh. Đã không chánh xuất, thì không thể tiếp nhận tin rõ ràng vậy.

Nghiệm biết, khua giáo tháo bút bởi trước của văn võ, năm hơi khí ba ánh sáng, thật là đầu của âm dương. Do đó, cửa Phật xoay chuyển phía hữu, tạm phù hợp với nhân dụng, Trương Lăng đi đường Tả, tin nghịch trời thường. Cớ sao? Đức Thích-ca khởi đức từ vô duyên, ứng tiếp vời với có duyên. Nói về dấu tích ấy, thì hành đủ ba A-tăng-kỳ, tướng tròn trăm kiếp, giáng thần mà cưỡi voi trắng, che vầng nhật mà

sinh ra dáng vàng ròng, ba mươi hai tướng tốt lành, chứng mở ở Địa phủ, mười tám Phạm điềm lành kinh hãi ở thiên cung, linh tướng khắp cùng mười phương, Thần quang tỏa cùng tám cực. Thuật về gốc ấy thì lâu đã chứng tam minh, cát bụi chẳng thể tính sánh cùng tuổi thọ, sớm lên tịch chiếu, hư không chẳng thể lường hình thể đó, đâu chỉ đến vin cành cây mà điềm ứng to lớn, bày tướng bạc đầu mà sánh tốt lành? Giống như ánh lửa đom đóm cùng đuốc rồng mà tranh sáng, mắt cá với ngọc rắn mà đua tỏa ngời. Đó là điểm kém thứ nhất của Đạo vậy.

- Dị thứ hai của ngoại là giáo môn sinh diệt. Ngoại luận rằng: Phàm, ngang bằng không sinh diệt, lý ấy thì quân bằng, dẫn dắt đời phàm, chẳng không sai khác. Chỉ sống là chỗ khâm chuộng của vật, diệt là điều chán ghét của vật, nhưng mà sinh đạo khó được, hẳn đợi công tu, diệt phát dễ cầu, đâu nhọc bẩm học. Phải biết vọt bay Thần, cưỡi giá ảnh, tự có thể nhiều kiếp thân còn, hơi khí hết thân mất, hẳn phải một lúc Thần đi mất. Đó là điều khác thứ hai của giáo môn vậy.

- Dụ thứ hai của nội là Lập giáo có cạn sâu. (Lão Tử dạy răn ôm nhất giữ ngu, bỏ sót hình diệt trí, mới đến được chỗ vô vi. Thích giáo khắp cùng viên tu, các đức đủ cả, sau nói ở Diệu giác).

Nội luận rằng: Phàm diệt thân vì sợ đại hoạn, tuyệt trí vì lánh nhọc dài, bàn nghị sinh linh ở Huyền Vưu, ngang bằng hết tánh ở Vương Lạc, ấy là luận đàm của Lão Trang vậy. Vả lại, lâu dài thường trụ. Cổ Hoàng thì chẳng chết chẳng chung, một mực vô danh. Lão thị thì lại kết quy không vật, nhưng thường còn chẳng phải xứng của trọn mất, không vật đâu phải hóa của Trường sinh ư? Tạm lại rõ ràng cạn sâu ấy. Đến như văn của dưỡng yếu giữ mái, luận của rỗng tâm thật bụng. Xét phù sinh có lượng, thán trí thủy không bờ. Nói lớn thì hạn cục tại trong vức, huyện móc thì chẳng ra khỏi phần tánh, bởi chí ấy vậy. Đâu thể cùng với Đại giác mở duyên vô cùng, nối chiếu viên cực, lường nhỏ nhiệm thì cùng ư? Nghiên cứu Lý thì khống ngự đến vô phương. Khí tốt cùng un đúc chung hòa, thân vàng, cùng Thái Hư che chở bền chắc. Nói về lượng đó thì như Trung Hoa cùng đống nhỏ khác vút. Bể cả sánh giếng hỏm khác sâu. Đó là điểm kém thứ hai của Đạo vậy.

- Dị thứ ba của ngoại là Phương vị Đông Tây. Ngoại luận rằng: Hai phương Đông Tây, tự có không biết của âm dương; hai vị Tả Hữu, bèn thành khác của Nhị nghi. Nhân chỉ lớn Thiện Dương lại thông sinh, nghĩa chủ gieo thành âm luận túc sát, hai khí làm giáo thì âm chẳng như dương. Năm đức làm lời (ngôn) thì nhân sâu mà nghĩa cạn. Đó điều khác thứ ba về phương vị ấy.

(Ghi chú Đàn-hặc rằng: Càn là Dương là cha, địa vị tại Tây Bắc; Khôn là âm là mẹ, bói ở Tây Nam. Phương Bắc là làng của thạnh âm, bèn là vị của Trung nam, phương Nam là đất của thạnh dương, vụt thành chỗ ở của trung nữ. Nam nữ đã không định phương, âm dương chẳng bó buộc thường chuẩn. Do đó, Mộc khắc Thổ nên lấy Kỷ làm vợ Giáp, Kim khắc Mộc, nên lấy Ất làm vợ Canh. Càn đã địa vị cao mới ở Tây bắc, Chấn hay sinh Đế lại tại Nam. Đến như Lễ tịch, nếu Nam bắc phô bày đó, tức lấy phương Tây làm trên, nói thuận Càn tôn vậy. Đông tây liệt bày đó, tức lấy phương Nam làm trên, nói trục âm thanh vậy. Hơn kém tự thấy, nghĩa đó ở đây vậy).

- Dụ thứ ba của nội là đức vị có cao thấp. Nội luận rằng: Phàm, Kim chồng, Mộc vợ, âm dương ai có thể trọn chấp. Ly Nam Khảm Bắc, nam nữ chẳng phải có định phương. Do đó, tý ngọ tỵ ở Đông là dương, lấy nam nữ sinh ở phương Đông vậy. Tý ngọ tỵ ở Tây là âm, tức nói cha mẹ già ở Tây vậy. Đó thì theo sinh già để phán định âm dương, chẳng phải tôn ty để nói hơn kém. Giả sử cha mẹ ở phương Tây, chưa nên thấp kém con; nam nữ ở phương Đông, đâu dám tôn quý cha. Nhân chẳng phải nghĩa thì không thành, nghĩa chẳng phải nhân thì không dưỡng. Do đó, con ở Đông là nhân, cha ở Tây là nghĩa, tùy xứ lập chuẩn, không lầm hoặc Đại phương. Giả sử hạn cuộc phán ở chỗ sống mà bó buộc hạn cuộc ở phong vức, cũng đáng Tây Khương, chỗ xuất sinh Đại Võ, đức của nhân trầm chóng rỗng hư. Đông Di là nơi sinh của Văn Vương, giáo của Tài Thành trọn khuyết. Nuốt sông nạp Hán, chẳng phải chỗ ở hẹp của ải mát. Phù vị y cứ tại sông Kinh, không thần trạch của Đế Hoàng (trước bẻ tà, sau tán thán chánh). Phàm, dòng họ Thích trên trời dưới đất, giới nhiên ở Tôn quý ấy; ba cõi sáu đường, cao vợi suy kính diệu đó. Thêm vì bạn tiểu học Nhị thừa, luân của Đại tâm ngũ phẩm, thí như muôn sao xoay chầu Bắc đẩu, tợ núi vàng ánh ngời biển biếc, đủ khiến đầu nai mặt voi khuất nấn tâm chống kháng, sáu vị mười tiên, bày lễ phục ứng. Sao chỉ đè ép Từ Giá ở Dong phu, dẫn dắt Duẫn Hỷ ở quan lại, bẩm học ở ngằn mé nanh ngà ư? Ghi chú truyện Cao Sĩ nói: Thường Tung Tử nhân tự há miệng. Lão Tử bảo: “Đâu chẳng nghĩa là răng cứng mà mất, lưỡi mềm mà thường còn”. Tung Tử nói: “Hết vậy”. Gom thâu tên ở khoảng Tạng lại, đó là điểm kém thứ ba của Đạo vậy.

- Dị thứ tư của ngoại là Thương hóa Hoa và Di. Ngoại luận rằng: Phàm, Hoa Di các Lễ, tôn ty hiển trước từ Điển Bí. Biên chánh trái đạo, Thắng phụ còn ở sử sách. Chúa của Nhung Địch, chẳng hứa tiếm hiệu xưng vương. Quân của Sở Việt, nêu tự chê đó làm con. Đâu có thể bề

tôi nhỏ của Huân Dục mà sánh với Đại sư của Thiên vương ta ư? Đó là điểm khác thứ tư về Hoa và Di vậy

- Dụ thứ tư của nội là Hóa duyên có rộng hẹp (Lão lấy chín phục thanh hư hóa chủ, giảng nói năm ngàn (5.000) giáo chương. Phật lấy ba cõi biết khắp Pháp vương, khai mở tám muôn Diệu tạng).

Nội dụ rằng: Căn cứ Lời tựa Đạo Đức kinh nói: "Lão Tử tu đạo tự ẩn, lấy vô danh làm chuyên". Đến thời nhà Chu suy, ra ải, giảo của hai chương mới làm, nhưng Chu Thư Điển Mô, không có chế tác của Lão Thị. Căn cứ luận Nhị Giáo v.v... nói: "Năm ngàn (5.000) văn chương dung hợp thành những điều giảng nói. Lão vì Duẫn mà đàm luận, bởi thuật mà không tác vậy". Lại nữa, chức chỉ là Tạng lại, địa vị chẳng phải A Hành. Thầy của Long Chu, sắp chẳng phải Ô Hữu (trước chiết phá tà, sau tán thành chánh). Đức Thích-ca giáng Thần ở La-vệ, gá chất chốn Vương cung. Trí thật vừa sinh liền biết, đạo chỉ giác ngộ cùng khắp. Diễn Tuệ Minh đến trăm ức, trải mây pháp khắp Đại thiên, Linh đượm cùng mười phương, thần hóa khắp bốn biểu. Điển bờ cao vách vút, văn rồng ở voi mang, bởi đầy tràn đến như vậy, tuy hoằng dương thuật ngầm kế, chẳng thể biên ghi mảy may đó. Luận của Sô Diễn Đàm Thiên, không thể bàn nghị nhỏ giọt ấy. Đâu như chương thuyên chỉ tám mươi, văn xếp đặt năm ngàn mà thôi. Hận ông chưa lớn nhìn vách tường nhọn vút, đến nỗi có hủy phá của Võ Thúc, cũng lại nào thương tổn đến nhật nguyệt, nên phần nhiều nghĩ đó chẳng biết vậy. Đó là điểm kém thứ tư của Đạo vậy.

- Dị thứ năm của ngoại là Bẩm sinh có thọ yểu. Ngoại luận rằng: Đạo của Lão Quân khế hợp với vức nội, cùng với hư không mà đồng lượng. Thần vượt ngoài tượng, tùy biến hóa mà không cùng. Do đó thọ mạng hẳn chẳng đồng. Phàm, ẩn hiển tự nhiên khác tục. Còn Thích-ca bờ sinh có hạn, thọ mới một thời kỳ ngắn ngủi, một lần diệt, chẳng thể tái sinh. (Ghi chú, Đàn-hặc rằng: Lão Tử đã nói trường sinh, vậy ngày nay ở quận huyện nào?) tám mươi năm sao kỳ hạn nguy ách! Đó là điều khác thứ năm về thọ yểu vậy.

- Dụ thứ năm của nội là Thọ yểu có ngắn dài (Sử ký của Lão nói Chu Đại Sử Đam chỉ hơn hai trăm ba mươi năm. Pháp Hoa của Phật nói thọ năm trăm muôn ức A-tăng-kỳ vi trần số kiếp).

Nội luận rằng: Lời tựa nói: "Mang tại Lý Thị, ở bào thai tám mươi mốt năm, bởi số thọ của Thái Dương là một trăm sáu mươi tuổi mà ở trong bào thai đã hơn một nửa, ba lần biến năm trăm, gần chẳng phải giả xưng trân quái". Thái sử Công lầm cho là Lão Lai Tử ở nước Sở và Thái

Sử Đam ở nước Chu đều là Lão Tử, nên mới nói hai trăm ba mươi năm, hoặc một trăm sáu mươi năm. Hoàng Phủ Mật nói: “Sách của Chư Tử gần đây là khó tin, chỉ có Tần Dật đến viếng điếu Lão Đam chết là tin vậy”. Người đời thấy cốc thần chẳng chết, phải cho là Huyền Tẩn, nên người hay khéo việc bèn gá mượn đó. Truyện Thần Tiên nói: “Uất Hoa Tử, Lục Hồi Tử, Phó Dự Tử, Thái Thành Tử, Xích Tinh Tử, Võ Thành Tử, Duẫn Thọ Tử, Chân Hành Tử, Tích Xạ Tử, Phản Sắc tiên sinh v.v.. đều là thân của Lão Tử, đều thấy sách nát, không ra chánh kinh Thần Tiên, chưa thể y cứ dùng vậy”. Phàm có trời đất thì có đạo thuật, các sĩ đạo thuật lúc nào tạm thiếu, đâu riêng thường là một Lão Tử vậy. Đó đều do đồ chúng học muộn, ham chuộng kỳ dị, cẩu thả muốn suy sùng Lão Tử, khiến đó được vô hạn. Cạn thấy, Đạo sĩ vì muốn đem Lão Tử làm thần dị, khiến các học giả đời sau tin đó nên vì dối nói vậy. Thật thay lời ấy, có thể trọn soi xét vậy! Phàm, diệu lạc vốn nhờ ba đức mới thành, pháp thân do ngũ phần lập nên, do đó sinh diệt chóng khiển trừ, tánh Viên giác mới hiện rõ, không hữu đều dung thông, diệu của linh nghi thửa còn, nên được hình vượt ngoài thấy nghe, danh dứt ngoài tình trần, trạm nhiên thường lạc. Chỗ văn hệ chưa thuyên giải, ngưng lắng viên minh; chỗ ngôn tượng chẳng thể lường biết, tuy đào thật ở Tây Vương từng chín mà chẳng lâu dài, ruộng sâu ở Đông hải từng biến mà chẳng vĩnh viễn. Năm mây chín chuyển, buồn dây chim tạm lưu, tuyệt bay sương cao, sánh ngựa non dong vì khó chắc tin, chung quỳ không lâu bằng thung lớn, phù du hiếm tuổi như rùa hạc. Đó là điểm kém thứ năm của Đạo vậy.

- Dị thứ sáu của ngoại là theo sinh trước sau. Ngoại luận rằng: Hai kinh của Phật và Đạo mỗi tự có nói, hoặc nói kiếp kiếp xuất hiện nơi đời, tranh sự không trước, hoặc đời đời sinh ra, giành bày lâu xa. Sự xa vời ấy, thật khó lấy chương biết, nay y cứ theo truyện sử để xác định thời đại đó. Theo nhân luân mà nói thì già tôn mà nhỏ ty, theo Hương đảng (làng nước) mà nói thì cũng là lớn anh nhỏ em. Đó là khác thứ sáu về trước sau vậy.

- Dụ thứ sáu của nội là Hóa tích có trước sau. Nội luận rằng: Phật Đản sinh ở đầu thời Long Chu, Lão Tử sinh ở cuối thời Cơ Lý. Luận về năm sinh thì cách hơn hai trăm năm, nói về đời thì cách hơn mười vua. Hơi khí sắc tía, trâu xanh chẳng phải ở đời của Chiêu Vương, Trang Vương, Thần Quang ngựa trắng không liên quan tới năm của Hoàn Vương, Cảnh Vương. Nhưng mà mốc động mờ trời, dòng đục che đất, văn trọng nghịch kỷ, Khổng Tử chẳng phải không trí ấy. Tử cầm

hủy Thánh, buông dèm pha mất lời ấy, lời nói tỳ vết khó giũa mài, xe bốn ngựa chẳng kịp chót lưỡi, thật không hư dối vậy (trước chiết phá tà, sau tán thán Thánh). Phàm, cúi vết ứng phàm, gá chất nơi nguy ách, đạp máy hóa vật, đồng tuổi thọ trăm năm, nên quả hạn cục nhân tu tín tướng, do đó khởi lầm hoặc tuổi nhỏ mà hóa rộng lớn. Đức Từ Thị vì vậy mà nghi ngờ, ngục lớn chẳng chỗ lường cân đá. Thí như tuổi thọ lâu dài mà còn xa tít, Huyền hư chẳng phải trượng thước có thể biện rành, phương kiếp xa mà chưa cùng, đâu như hang rắn cầu tiên, vụt thành yêu thế Nghê Anh đợi thuốc chưa tạm kéo dài tuổi thọ! Bởi vì chim yến vụt bay cùng chim bằng vỗ cánh tình cờ cao rong, ngựa hèn cùng ngựa ký chân tranh chạy xa. Đó là điểm kém thứ sáu của Đạo vậy.

- Dị thứ bảy của ngoại là dời thần phản tịch. Ngoại luận rằng: Lão Quân ngày mới ra đời đã chẳng đồng kẻ phàm, đến lúc ẩn vết, hẳn phải khác thế tục. Do đó theo hướng Tây đến Lưu sa, đường đi trải qua Hàm cốc, trâu xanh ra cảnh vức, hơi khí tía nổi giữa trời, chẳng lường được thủy chung, không biết đến phương vức. Còn Thích-ca ôm bệnh hiểm nghèo ở Xá-vệ, bảo sẽ dứt mạng tại Song lâm, thiêu hàn đốt thây lại đồng pháp thức người Hồ, khí hơi hết Thần đi mất, hợp chẳng khác kẻ phàm. Đó là điều khác thứ bảy về khứ thế vậy.

- Dụ thứ bảy của nội là đổi dời có ẩn hiện. Nội luận rằng: Lời tựa nói: "Gá hình ở bào thai của Lý thị, chỉ bày người có nghĩa thủy chung, đâu chẳng phải sinh diệt ư?" Tức chỗ Trang Sinh nói: "Lão Đam chết, Tần Dật đến viếng điếu. Ấy vậy, mà sinh y cứ Lại hương, chết thì đến Hòa Lý, thủy chung chẳng thể lường, sao mù lòa vậy ư? (Trước chiết phá tà, sau tán thán Thánh). Phàm, Đức Đại Từ hóa viên đức mãn, duyên hết mảy mất, thuyền nhân chim ở Lưỡng hà, tuệ nhật lặng ở Song lâm, vị của sáu trời tám nước, luân của bạn đạo chúng Thánh đó. Vả lại, sấm hợp mà gió dong đã là mây giăng sương tụ, răng linh cốt thụy chiêu bày thắng phước ở phương khác, tóc xanh hồng, hiển hiện thần công đến nhiều đời, vậy đủ biết chẳng lại chẳng đi, đức hoằng tế đẹp xinh vậy không hiện không mờ, phong Thanh hoa thạnh vậy. Đâu đồng như Đảnh Hồ trông ngóng lại, mộ ở núi kiệu riêng còn. Lưu sa chẳng trở về, Mã tại phù phong không dựng (ghi chú: Hoàng Lãm nói: Mã của Hoàng đế ở núi Kiệu, mã của Lão Tử tại Phù Phong). Đó là điểm kém thứ bảy của Đạo vậy.

- Dị thứ tám của ngoại là tướng tốt của Thánh hiền. Ngoại luận rằng: Diệu tướng của Thánh nhân vốn khác phàm phu, tám thể hai tròng ngươi mắt sông miệng biển, nhan sắc rồng bước chân hạc trái vũ

khác hào. Đến như tóc xoắn tròng ngươi xanh vốn tướng trạng của Di nhân, mũi cao mắt sâu là hình thường của Hồ tử, há có thể sánh với Thánh nhân ta dùng làm kỳ tướng? Nếu phụng sự Phật được quả báo ấy, thì sĩ nữ ở Trung Quốc vụt làm hình người Hồ. Đó là điều khác thứ tám về tướng tốt vậy.

- Dụ thứ tám của nội là tướng tốt có ít nhiều. Nội luận rằng: Tướng thánh vô thường, tùy phương hiển diệu. Do đó Thánh thân rắn đầu rồng, đạo hòa vời Thượng hoàng. Nêu Quân hai tròng ngươi bốn vú, đức sáng ngời ở Trung cổ, Chu Công nắm trái còn một sợi lông của kỳ ký. Võ nghĩ ngang vai, mới mảnh ngọc của Côn sơn, chẳng phải chỗ loại vậy (trước giải điều nghi, sau tán thán Thánh). Phàm, pháp thân ngang bằng Như như, nghĩa là phương tuyệt lý vậy, hóa thể do ở ứng vật, Diệu chất đáng giẫm trải danh ngôn. Cho nên có sáng ngời của tướng bạch hào mắt biếc, ánh lệ của môi quả mắt hoa, tướng chữ vạn ngàn căm, khác lạ của nhật luân nguyệt thể, dung mạo phi sắc, thể hình lìa tướng mà đủ tướng. Bạc câu có mà chẳng đủ, chuyển luân đủ mà chẳng rõ. (Ghi chú: Kinh Tát-già nói: Phi sắc sinh tánh thắng, các tướng trăm phước thắng, tám mươi thứ diệu thắng, trang nghiêm thân Phật nhật. Thí như ba ngàn đại thiên thế giới bốn loài chúng sinh đều thành Luân vương, càng tăng gấp bội trăm lần. Mới đầu đến công đức một sợi lông của Như Lai, lại thêm gấp bội trăm lần. Mới đầu thành một tướng tốt công đức, lại thêm gấp bội trăm lần. Mới đầu thành một tướng công đức lông trắng giữa chặng mày, lại thêm gấp bội trăm lần. Mới đầu thành một tướng công đức không thấy đảnh đầu, lại thêm gấp bội trăm lần. Mới đầu thành một tướng công đức Phạm lễ thanh, Tiên nhân trông thấy mà tự buồn, than sớm chiều là suy; Phạm Chí trông thấy mà dấy cảm, tán thán hoa linh hiếp gặp. Sao chỉ bước đạp thành dấu chữ ngũ, cầm nắm đường văn chữ thập mà nêu kỳ, Nông Kỳ Đoạn Trung mà hiển dị. Trong tướng luận, Tào Thực nói: "Khổng Tử mặt như Mông Kỳ, Chu Công hình tợ Đoạn Trung"). Đâu như Dương Văn cùng Tung Miệt sánh dáng. Mãnh thú cùng Lung Liêm tranh đẹp. Đó là điểm kém thứ tám của Đạo vậy.

- Dị thứ chín của ngoại là oai nghi trong ngoài. Ngoại luận rằng: Lão giáo dung chỉ oai nghi bái phục tiếp nhường, khăn đen áo hạt vàng cần hốt kéo giầy, pháp tượng phô bày rõ ràng, bởi chế tác xưa trước của Hoa Hạ vậy (ghi chú Đàn-hặc rằng: Đạo sĩ xưa nay vốn vận mặc nghi phục của Nho gia chẳng khác người tục, đến đời Võ Vương nhà Chu mới có giăng khăn trùm, cắt vá hai mươi bốn mảnh để ứng với hai mươi bốn khí âm dương, xuất phát từ nhân tình, cũng không điển cứ). Phật

bảo mặc áo ca-sa, xuyên riêng bày vai hữu, quần toàn bức giăng mạn, áo nửa mãnh kỳ chi, hói đầu là đảnh, chó ngồi chồn xổm, chẳng dự vào Nhân luân, thật là phong của Nhung địch, đâu riêng dùng hình chế đó với oai nghi ta. Đó là điều khác thứ chín về dung phục.

- Dụ thứ chín của nội là oai nghi có đồng dị. Nội luận rằng: Ngọc bội kim báo chẳng thể đến kẻ tiểu; già quê, áo sen đai huệ không bước đến sân vua. Nên ứng khí chẳng phải chỗ bày của linh miếu, nhiễm y khác với nghi phục của Triều tông. Nên nhân ở đạo hoặc thuận cơ mà làm khuôn phép vật, căn cứ ở đức, hoặc sửa thời mà dạy đời. Do đó, cắt tóc văn thân, Trọng Ni xưng thiện của Thái Bá, trái với thường, hợp với đạo, người thời bấy giờ ngợi khen hoa của Đường Lệ. Huống đem trái ngược tánh lắng thần, cách phàm đạp Thánh, mà chẳng khác tục phục ấy, chưa thể có vậy. Nên khiến y phục biểu tượng ruộng phước, khí lượng đúng như pháp, tơ đồng chẳng mê hoặc ở tai, đỏ tía không lóa mờ ở mắt, nhẹ béo không quen lời ở hình thể, thế lực chẳng kinh hãi ở tâm. Nên trong kinh nói: "La-hán là chân nhân, thanh sắc chẳng thể làm ô nhiễm, vinh vị không thể khiến lay động. Sao phải mũ hạc biện tước trái lại bó buộc, tự buộc soang soảng răng, hà hơi mà xưng đạo ư? Lên cây tìm bắt cá, bỏ cách đó càng xa; khắc thuyền đợi tìm kiếm, sao quê kệch vậy? Đó là điểm kém thứ chín của Đạo vậy.

- Dị thứ mười của ngoại là bày khuôn phép thuận nghịch. Ngoại luận rằng: Lão Quân làm khuôn phép chỉ hiếu chỉ trung, cứu đời độ người, rất từ rất ái. Do đó, Thanh giáo mãi lưu truyền, trăm vua không cải đổi, Huyền phong trùm tỏa đài muôn xưa không sai. Do vậy, trị nước trị nhà, khải thức thường nhiên. Còn Thích giáo bỏ nghĩa bỏ thân, bất nhân bất hiếu. Vua A-xà-thế giết cha, vụt chốc được khỏi tội khiên; Điều Đạt bắn anh, không nghe mắc tội. Lấy đó mà dẫn phàm lại càng lớn điều ác, dùng đó làm khuôn phép cho đời, sao có thể sinh thiện? Đó là điều khác thứ mười về nghịch thuận.

- Dụ thứ mười của nội là pháp môn có đốn tiệm. Nội luận rằng: Nghĩa là, điều thấp kém của đạo đức, lễ sinh đạt trung tín, bó buộc nhân dèm chê đến thất phụ, đại hiếu còn ở chẳng sót. Nhưng đối với hung tàn thì ca cười, trái với dung của Trung hạ; đến đám tang gõ chén, chẳng phải huấn của Hoa tục (mẹ của Nguyên Nhượng chết, cưỡi trên hòm mà ca, Khổng Tử đến trợ tang, chẳng dèm chê. Tử Tang chết, Tử Cống đến viếng điếu, bốn người con cùng trông thấy nhìn mà cười. Vợ Trang Tử chết, ông ta gõ chén mà hát ca). Cho nên dùng hiếu của giáo, do đó kính làm người cha của thiên hạ, dùng trung của giáo, kính làm vua

người trong thiên hạ. Hóa khắp muôn nước, mới rõ chí nhân của Tích, hình tỏa bốn biển, thật thần hiếu của Thánh vương. Kinh Phật nói: "Biết rõ luân hồi, trong sáu nẻo thú không gì chẳng là cha mẹ". Sinh tử biến đổi, ba cõi ai biện rành oán thân? Lại nói: "Vô minh che phủ tuệ nhãn, qua lại trong sinh tử, qua lại lắm khổ làm, lại làm cha con lẫn nhau, số oán thân làm tri thức, tri thức số làm oán thân". Do đó, Sa-môn xả bỏ thế tục hướng đến chân, quân bằng các loại ở thiên thuộc, bỏ vinh hoa tức đạo, ngang bằng ngậm khí ở nơi thân thích mình (hành tâm chánh khắp, ngang bằng ý khắp thân). Vả lại, Đạo chuộng thanh hư, đó là trọng ân ái. Pháp quý bình đẳng, đó là chọn ánh sáng thân, há chẳng phải lầm hoặc vậy? Thế lực đua tranh bỏ sót thân thích, văn sử ghi rõ sự. Hề Hoàn Sở Mục, là hạng ấy vậy, muốn đem lường Thánh há chẳng sai nhầm ư? Đó là điểm kém thứ mười của Đạo.

CHƯƠNG THỨ SÁU: CHÍN CHÂM

Chín châm của nội, đáp chín mê của ngoại.

1. Đời Chu không có
2. Kiến tạo tháp tượng
3. Oai nghi khí phục
4. Bỏ cấy cày khất thực
5. Giáo làm gốc trị
6. Trung hiếu chẳng trái
7. Tam bảo không phiên
8. Khác phương đồng chế
9. Thân Lão Tử chẳng phải Phật.

- Ngoại luận rằng: Phàm, ngôn chẳng chuộng hoa sức, từ quý ở trúng lý, ca chẳng chuộng thanh trong, hưởng quý ở hợp tiết. Kinh Phật, lúc Đức Như Lai giảng nói pháp, Thiên tử các nước đều đến nhóm nghe, hoặc phóng ánh sáng lớn khắp đại thiên cõi nước, cho thấy ngày Đức Thích-ca còn sống ở đời, tương đương triều đại nhà Chu của chúng ta, sử sách biên ghi hẳn không sai sót, chưa nghe Thiên vương đến thông lãnh kia, đâu ở nơi đế của Trung Hoa, không thiện chẳng dự đạo tràng, quân của biên bỉ, có duyên khắp đượm pháp tòa, chở ánh sáng soi chiếu thì chúng sinh lìa khổ, mà xứ này khổ tội gì riêng không người tỏ ngộ, riêng cách ngoài Ân, chẳng từng thấy nghe, ngưỡng độ Năng Nhân, chẳng dung riêng chọn!

Ghi chú: Đàn-hặc rằng: Nghiệp ông không thấy Phật, có tội khiên phỉ báng Thánh, sao được oán Thần? Chỉ tự trách lỗi mình vậy, cầu tâm trách sự thật. Thuấn nói trái vọng hư dối rõ ràng đủ xứng hư ngụy. Phàm phu chẳng ngộ, như chó sủa đuổi bóng, mà đời chẳng thể hay biết. Đó là điều mê thứ nhất vậy.

- Châm thứ nhất của nội là đời nhà Chu không có cơ chỉ. Nội châm rằng: Phàm, Thuần Hy sáng rỡ trời, mông sưu chẳng soi xét sắc ấy, sấm động kinh hãi đất, tai điếc không không biết vọng hưởng đó, bởi dứt tuyệt cơ cảm vậy. Làm bạo hung chích, Khổng trí không dùng ngăn cấm tâm ấy, kết tức giận người nhà quê, phóng túa biện bàn chẳng hết oán hận ấy, cũng riêng khác của tánh tình.

Ghi chú: Trang Tử nói: "Khổng Tử thấy Đạo Thích, Đạo Thích trại lại trách Khổng Tử. Khổng Tử lo sợ, rụt rè mà lui". Lưu Tử nói: "Ngựa của Khổng Tử ăn lạm lúa của người đồng quê, người đồng quê tức giận cấm bắt lấy ngựa ấy. Khổng Tử sai Tử Cống vui thích giải mở

đó. Người đồng quê càng tức giận, xua đuổi người bồi ngựa đi, người đồng quê mới vui thích đó vậy”.

Nên Đạo hợp thì muôn dặm Huyền ứng, thế trái thì can đảm sơ việt, huống gì từ vô thủy kết rỗng. Não ái cùng biển cả sánh sâu, hữu vi nghiệp rộng, trần lao đem núi lớn tranh cao vút, quần tình chẳng thể chóng đến nên dùng tích chứa dần để dẫn dắt đó. Các hạnh chẳng thể tu đủ cả, nên dùng phân hạn để răn sách đó. Như trời đất ba hóa mới đầu hợp ở tự nhiên.

Ghi chú: Lão Tử nói: “Nhân pháp địa, Địa pháp thiên, Thiên pháp đạo vậy”.

Tề Lỗ lại biến mới đến chí đạo vậy, mây kín dẫn đến lúc mưa. Băng cứng mở đầu từ sương phủ, đều có nghĩa là dần tích chứa vậy, nên Tam Hoàng thống hóa.

Ghi chú: Kinh Tu-di Tứ Vức nói: “Bồ-tát Ứng Thanh là Phục Hy, Bồ-tát Cát Tường là Nữ Oa.

Mới đầu ở Thuần Phong, Tam Thánh lập ngôn.

Ghi chú: Kinh Không Tịch Sở Vấn nói: “Ca-diếp là Lão Tử, Nhu Đồng là Khổng Tử, Quang Tịnh là Nhan Hồi, dấy khởi rồi lan tràn đến cùng, ý chỉ của Huyền hư xung nhất, Hoàng Lão hưng thạnh đàm nói đó.

Văn của thi thứ lễ nhạc, Chu Khổng lớn mạnh giáo ấy, minh khiêm giữ chất, mới lên thềm cấp của thánh, ba sợ năm thường là nguyên do dần dần làm trời người, bởi ngầm phù hợp với Phật lý. Chẳng phải cực đàm của chánh biện, như hỏi đường nơi người câm điếc, huơ chỉ phương hướng mà chẳng cùng bao xa, hỏi bến bờ ở loài thỏ ngựa, biết vượt qua mà chẳng lường được cạn sâu. Nhân đó mà đàm nói thì đời thời nhà Ân nhà Chu, chẳng phải chỗ Thích giáo hợp nghi hưng hành. Như lửa dữ sáng rực, trẻ con không thể thẳng mắt trông nhìn; sấm sét xé nổ, nhu phu chẳng thể căng tai mới nghe. Vì vậy, sông hồ nước vọt tràn, Chiêu Vương lo sợ Đức Phật ra đời, mây giăng cầu vồng bổi biến bốn phía, Mục Hậu mừng vui Thánh giả ẩn vết.

Ghi chú: Chu Thư dị ký nói: Ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi bốn đời Chiêu Vương, sông rạch ao suối nước đều vọt tràn. Ngày Rằm tháng hai năm thứ năm mươi hai đời Mục Vương, gió bảo bỗng nhiên dấy nổi, cây cối đổ gãy, trời râm mây đen tối, có cầu vồng sắc trắng quái lạ hiện lên vậy.

Đâu có thể vượt Thông Hà mà bẩm hóa, vượt tuyết lảnh mà xét thực. Kinh Tịnh Danh nói: “Đó là lỗi quá của kẻ mù, chẳng phải lỗi quá

của nhật nguyệt”. Vừa muốn biện luận đến tận cùng đục khoét ấy, sợ tổn thương tánh hỗn độn ở ông và tôi, chẳng phải chỗ biết của ông. Đó là mù tối thứ nhất vậy.

- Ngoại luận rằng: Phàm, núi đồng sụp đổ, Lạc Chung ứng, tro lau khuyết vầng nguyệt thiếu. Chưa thấy hổ gầm mà gió chẳng nổi, rồng vọt bay mà mây chẳng giăng. Nay điều nói của Đức Thích-ca, Phật lực tôn quý một niệm vận tâm, không đâu chẳng đến ứng. Nên các hàng phàm tục đua nhau dốc hết của cải tạo dựng tháp miếu, chẳng tiếc lận vàng ngọc, tranh nhau liệt bày nhà cửa. Hoặc làm khuông đất, khắc chạm gỗ chiên đàn, tả tướng trạng của Dục Hồ, đúc vàng thêu lụa thay dung mạo của Di Địch, huyền diệu hết xanh đỏ, khéo léo cùng tận kỷ quyết (dao khoằm), một lễ một bái, mong ngóng cảm thông. Từ khi Hồ pháp theo hướng Nam dần lưu truyền đến đã hơn sáu trăm năm, chưa nghe một người nói hay thấy Phật, há người Hồ đảnh lễ tức cảm Như Lai, nước Hán kiền thành cung kính mà không gặp Điều Ngự? Nếu hóa chẳng đến đây tức là không linh, dối hoặc nhân gian, không đàm oai lực mà ở đời chẳng thể biết. Đó là điều mê thứ hai vậy.

- Châm thứ hai của nội là tạo dựng tháp tượng. Nội châm nói: Tả Triệt kính mộ Thánh, khắc tượng mà cúi bái Hiên Viên; Câu Tiễn nghĩ hiền, đúc vàng mà mô phỏng Phạm Lễ; Đinh Lan chí hiếu nhờ dao khoằm để thay người thân; Nhan tại vốn nhân thể Bích Đang mà đồ Thánh, nên khiến buồn mừng lộ vẽ ở nhan sắc, tinh thành thông đến mộng mỵ, cũng là thấu đạt đó vậy. Đâu như lên trời Đao-lợi chẳng trở về, vua Ưu-điền vì thế mà khắc tượng gỗ, nơi Kiên Lâm ẩn bóng, A Luân từ đó mà đúc vàng, gá Diệu tướng ở đỏ xanh, gởi linh nghi nơi gan đồng. Hoặc trông thấy đó lành tọa, tả dung mạo xoay thân.

Ghi chú: Truyện cảm ứng nói: Tại chùa Trường Cam ở Dương châu có tôn tượng của vua A-dục. Có người muốn mô phỏng tả lại. Chư tăng ở chùa sợ tổn hoại sắc vàng ròng nên không hứa cho, chủ tạo tượng mới chí tâm phát nguyện; nếu tinh thành có cảm thì xin tôn tượng xoay chuyển về hướng Tây. Khi ấy khóa đóng nơi gác cao, sáng sớm hôm sau mở ra trông xem, thân tượng uyển nhiên đã xoay về hướng Tây, bèn hứa cho đồ họa đó. Thần ức chẳng cùng từ đó đến nay vẫn còn vậy.

Từ khi tôn tượng lưu truyền đến phương Đông, tỏa trùm chánh hóa từ Nam di dời, đêm mộng người vàng, trên sông nổi ngựa ngọc, ánh sáng thần tỏa dẫn đến tương thủy, hình thể linh thụy phát xuất ở Đàn khê.

Ghi chú: Truyện Cảm Ứng nói: Tại chùa Phát Mông ở Lô lăng,

có tôn tượng của vua A-dục ghi rằng: Thân tượng xuất phát ba khúc ở Lô lăng, ánh sáng tốt lành từ mu chân tỏa phát nơi Chiêu Đàm ở Tương châu, và đều tỏa phóng ánh sáng soi chiếu trên sườn bờ.

Thụy tượng ở chùa Đàn Khê tại Võ xương, thân phóng ánh sáng đến Đàn Khê ánh ngời trên mặt nước. Trường sa nêu nhóm dáng vẻ mặt nhật, Lô Nhạc hiển bày chất dung vàng. Việc ấy rộng nhiều, lược mà nói vậy. Như can Bảo sưu tìm Thần, Lâm Xuyên tuyên nói nghiêm, và cả núi đều ứng như trong U Minh Lục, truyện Cảm Ứng v.v...

Từ đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán trở xuống trải qua các thời nhà Tề nhà Lương. Các hàng Vương Công Thú Mục, thanh tín sĩ nữ, và cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni v.v... thầm cảm chí Thánh, mắt trông thấy ánh sáng Thần có hơn hai trăm người.

Đến như thấy dấu vết của Vạn sơn, nổi ánh sáng nơi Hổ Độc, dưới Thanh đài thấy hình dung mãn nguyệt, ngoài Ung chân quán ảnh tướng luân, tại Nam bình được ứng ở thụy tượng, Văn Tuyên Đế cảm mộng răng Thánh, Tiêu Hậu một lần đúc mà thành tựu. Tống Hoàng bốn lần mô phóng mà chẳng xong, các loại như vậy thật lắm nhiều, không thể nêu bày đầy đủ hết. Đâu có thể vì không mắt đó mà bài xích có linh ứng kia ư?

Nhưng mà Đức không gì chẳng hoàn bị, đó có nghĩa là Niết-bàn, Đạo không gì chẳng thông, ấy gọi là Bồ-đề, trí không gì chẳng khắp, đó xưng là Phật-đà. Dùng Hán ngữ đây mà phiên dịch Phạm ngôn kia, thì Phật vua kia và đây rõ ràng đáng tin vậy. Cớ sao rõ biết thế? Phàm, Phật-đà, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Đại Giác. Bồ-đề, Trung Hoa phiên dịch nghĩa Đại đạo, Niết-bàn, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là vô vi. Mà ông và tôi trọn ngày đạp trên đất Bồ-đề, chẳng biết Đại đạo là hiệu khác của Bồ-đề; bẩm hình ở trong cảnh Đại Giác, mà chưa rõ Đại Giác tức là dịch tên của Phật-đà. Nên Trang chu nói: “Tạm có Đại Giác mà sau biết Đại mộng ấy vậy”. Quách Chú nói: “Đại giác là Thánh nhân vậy”, ý nói đều tại đức mà ứng mộng vậy. Quách Chú lại nói: “Phu Tử cùng ông vân du, chưa thể quên lời mà Thần giải, nên chẳng phải là Đại Giác vậy”. Quân Tử nói: “Đàm luận của Khổng Khâu đây cũng hết vậy”. Niết-bàn tịch chiếu không thể biết, biết không thể là tri biết, thì đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, nên quên lời vậy. Pháp thân là ba điểm bốn đức thành nên, tiêu nhiên không lụy nên xưng là giải thoát. Đó là thần giải mà hoạn dứt ấy vậy. Phu Tử tuy Thánh, xa vì suy công với Phật. Tại sao? Căn cứ Cổ Lục và Cựu Lục, Lưu Hướng nói: “Kinh Phật lưu truyền đến Trung hạ, một trăm năm mươi năm sau, Lão

Tử mới nói năm ngàn (5.000) văn chương". Nhưng mà Chu cùng Lão đều thấy ngôn giáo điều nói của kinh Phật, luôn luôn có ứng nghiệm, nên Phu Tử có nói rằng: "Phàm, dịch là vô vi, vô tư, tịch nhiên chẳng động, cảm mà bèn thông, chẳng phải chí thần của thiên hạ". Vậy thì ai có thể sánh cùng.

Do đó, nay tôi kéo tai mà nói với ông là nên xả bỏ tích chứa mê mờ ấy mà đội mang tỏ ngộ muộn màng ấy. Chế của Chi Đề, lưu đó bởi xa trời, vừa phong bít vừa dựng nên. Tỷ Can vì trung cứng chắc mà hiểu biết Bí, chớ cắt chớ chặt. Triển Quý vì Thanh trinh cấm lũng, muôn dân nghĩ nhớ đến Thập thiện, xa vời ân của Luân vương, ba cõi tôn quý ở sáu thông, rõ ràng Đức của La-hán. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Có bốn hạng người được dựng Thâu Bà (Thâu Bà, tiếng Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Trủng (mã)), đó là Luân vương, La-hán, Bích-chi Phật và Như Lai". Huống gì trí đủ khắp mười lực đức tròn đầy bốn hoằng. Diệu biện khế hợp ở quên lời, hay ban bảo dạy răn ở chẳng lường, Đại minh suốt cùng chớ chiếu, mới thỏa sướng đốt đuốc nơi không tối. Cho nên mới có bình vàng tro hương, thân vàng lan khắp tám nước, sáng đẹp loa bối, tan rải hình thể khắp mười phương. Chợt năm sắc ngưng sáng, xoay giữa không sáng tỏa ở đời Hán, tám sắc thể ánh ngời, thần ứng hiện nơi cung ngô. Đó, linh khám trăm kiếng, tháp diệu ngàn hoa, tiếp thừa sương mây, linh khánh tỏa vận gió cao. Trụ tích rường Hồng xa nổi giữa khoảng không, chim côn liệng, chim phụng nhảy xa tiếp phương rỗng. Hết mực dung nghi tráng lệ, tột cùng đẹp xinh luân hoán. Đâu như núi cao ngưỡng chỉ chẳng quên cảnh hạnh, chuộng bày cửa lớn nêu dựng Hồng du mà thôi ư? Không dùng biện của Lan trứu, dèm pha rộng hẹp của biển cả, trí của Du phương, lường do cao thấp của Côn lang ư? Mà ông không biết. Đó là mù tối thứ hai vậy.

- Ngoại luận rằng: Lễ nghĩa là Diệu huấn của thành đức, trung hiếu là hạnh gốc của lập thân. Chưa hề thấy việc thần dân thất lễ mà nước ấy tồn tại, con cháu bất hiếu mà nhà đó lập yên. Nay Cù-đàm chế pháp, thảy đều khiến mặc đồng Hồ phục, tức là thầy của trong loài người; miệng tụng lời Di bèn làm quý của thế gian. Đến nỗi khiến các hàng vô lại, nhân đó mà bội nghịch, ngồi xổm trên cha anh, tự xưng là tang môn; ngạo mạn trước Quân vương, mới xứng là Thích chủng. Bất nhân bất hiếu đã hiển bày ở nhà, không lễ không cung lại lan cả nước.

Ghi chú: Đàn-hặc rằng: Lễ nói: "Con đội thân bên cha thì cúng tế đó, đội thân bên mẹ thì kính bái đó". Do đó, ở cao cũng có thể không lễ không hiếu ấy thì nhà nhà đều sinh ra loại con kiêu kính, người người

nuôi dưỡng loại trẻ sài lang, vỗ ngực luận tâm, thật đáng đau xót vậy. Đạo trời không thân thích, Hoa Di đâu cách biệt, chỉ đức là giúp, đâu phân chia Hồ Hán?

Há có thể đội khăn tu thiện riêng không thắng phước, hói đầu hành đàn riêng hay cảm quả. Nhân huệ đâu ở tại Hói đầu, thủ chân không nhọc hủy dung mạo, ở đời chẳng thể biết. Đó là điều mê thứ ba vậy.

- Châm thứ ba của nội là Oai nghi khí phục. Nội châm rằng: Huyền thánh mở lập điển, lấy nhân quả làm tông. Tố Vương trình bày huấn, lấy danh giáo làm gốc. Danh giáo còn ở Trị thành, nhân quả mong ở đạo lập. Lập đạo đã xả ái ở đầu, Thành Trị cũng trung hiếu nên trước. Nhị nghi khác trời, sao có thể đồng ngày mà nói vậy? Sa-môn là hạnh vượt ngoài tục, tâm du ngoài trần, oai nghi tấn thú, phí pháp chẳng động, dung phục ứng khí, phi đạo chẳng hành. Nên Nê-hoàn là muôn chất đồng quy tụ, tuy y là là mọi thể hoại sắc, giản dị tuân ở giải thoát, điều cách biểu tượng của ruộng phước, riêng mặc chưa có chấp cao (Lễ nói chấp là Đản vậy), khuyết quyết tiện ở vận dịch. Luận Ngữ nói: “Áo lót ngắn dài cánh tay hữu”, tức nói tiện để làm việc vậy. Thánh chế có nguyên do, trọn chẳng nhọc không vậy. Do đó, xả ái bỏ thân, kính ngưỡng Thánh chúng vậy. Dẹp bỏ thanh sắc mà tuân theo phạm hạnh, cắt bỏ râu tóc là trừ bỏ hoa sức tranh đua, cúi mình nghiêm thân là chẳng quên cung kính, mặc áo phấn tảo đi khất thực là chi chẻ thân mạng vậy. Nói không ẩn khúc là lìa tà nịnh vậy. Hòa tiếng hợp hơi tức vào không tranh vậy. Nhả nạp an tường tức cẩn trọng từ lệnh vậy. Ở đời mến quý chẳng khuất là giữ trinh thuần cứng rắn vậy. Thanh hừ điền đàm là thuận tánh đạo vậy. Tà tướng chẳng nhiễu tức trú trong bát chánh vậy. Ngay nhan xuống sắc tức xót thương chúng bệnh vậy. Trời người sùng ngưỡng bởi ba nghiệp thanh tịnh vậy. Cùng huyền cực chân tức lấy cứu cánh vậy. Rộng nhân lớn giúp cũng là thạnh của trung hiếu vậy. Còn Đạo sĩ thì không như thế, nói mộ đạo mà tâm chẳng nhiễm chân, cho là bỏ nhà mà hình chẳng đổi tục. Đội mũ tròn mà không soi huyền tượng, đi giầy vuông mà khuyết rõ địa lý, mặc Nam Trịnh trái khăn của Hán, nắm cờ công mà giết hết nhà, trang sức Đạo dục mà họa phục của Tống, kéo Tôn ân mà bại xiêm của Tấn. Sống với nghề nghiệp thường chẳng phế bỏ, làm việc ngu dong lệ thuộc mà không xấu hổ, sống ở đời thì lễ của trung hiếu khuyết, cầu Tiên thì phong cao thượng mất. Như ruồi xanh chuốc luận của đen trắng. Biển bức (con dơi) có dèm pha của chim chuột, bởi bọn yêu hoặc nên vậy, đó chẳng

tự thấy. Đó là mù tối thứ ba vậy.

Ghi chú: Kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Thí như biển đức, lúc người bắt chim vào hang thì làm Phật, lúc người bắt chuột ra hang thì làm chim". Nay cúng tế rượu cũng bởi vậy. Nuôi dưỡng vợ con, bảo là có từ ái, siêng năng cầy cấy, nói là chẳng hủy tóc da, Khóa Điều Vương Dịch thì nói là xuất gia, dùng như vào ra của loài Biển bức vậy!.

- Ngoại luận rằng: Thánh nhân ứng thế vốn vì tế độ lợi ích quần sinh, ngửa xem cúi xét lội an các loài. Vì vậy, mùi vị cỏ cây hợi với tinh của ngũ cốc, trồng dâu phá sung tơ tám tằm, nên rủ áo xiêm còn ở gặt hái, lập xã chánh trực ty y vì lợi trăm họ, như vậy ở đâu? Nếu một người nữ không dệt thêu thì thiên hạ đó mà khổ hạnh, một người nam không cày cấy, thì thiên hạ vì đó mà thiếu ăn. Nay, Thích-ca ban pháp không dệt thêu không cấy cày, kinh không pháp tuyệt hạt, ruộng không nông phu cấy cày, giáo khuyết phương chuyển luyện, nghề nghiệp phế bỏ, phụ nữ cơ duy. Phải biết, mang bình chống tích, cháo hồ vào miệng nhờ ai? Vạt áo tả y phục riêng từ đâu gá lấy? Nên phải trong một năm đói rét đều đến, chưa nghe lợi ích mà lại thấy khốn cùng, ở không thể biết. Đó là mê mờ thứ tư vậy.

- Châm thứ tư của nội là bỏ cấy cày, đi khất thực. Nội châm rằng: Mưu đạo chẳng trước ở ăn, giữ tín hẳn sau ở đói. Vì vậy, kiệt đấm chìm việc cấy cày. Khổng Tử hiểu rõ các cấm thú, vin theo phải học cấy cày, Trọng Ni dèm pha ở tiểu nhân, lăng hạ vô vi mà vời lộc, cao thượng hiền ấy vậy. Dân đen chẳng phải quan sĩ mà được ban lộc, chuộng kính thanh bạch ấy vậy. Đạo của thiện nhân sao hẳn cấy cày? Xin vì ông mà tôi nói đó. Giáo lý của nhà Phật nghiệm ở nhân quả, gồm cả Hồng Nguyên của ba đời. Tiên đạo chuộng ở vàng ngọc, nhọc hư phí một đời. Cớ sao? Phàm, hiền ngu thọ yểu, tin ở chỉ tay; giàu nghèo sang hèn rõ ràng ngay trước mắt. Báo ứng thì hình ảnh không sai, nghiệp duyên cũng như thanh hưởng chẳng khác, tức chỉ điều đó vậy. Chưa thấy ai phục đan mà không chết, ăn bánh dịch mà trường sinh. Thơ cổ nói: "Ăn mặc cầu thần tiên, phần nhiều vì lầm thuốc, chẳng như uống rượu ngon, vận mặc nỏn với lụa, gởi nói người đời sau, Đạo sĩ chớ nên làm, lời hư phí công phu, phí yếu tuổi thọ vậy". Ông có phương cách chuyển luyện, nhân gì lại xin ruộng đất? Lại đàm nói phụ nữ thêu dệt, hẳn biết đều chứa nuôi vợ trong phòng. Nên Đạo sĩ ứng chuyên cày, nữ quan chăm thêu dệt, cớ sao chẳng đủ cháo hồ sung vào miệng, thường thiếu nuôi thân? Như đó chẳng thêu dệt chẳng cấy cày tức rơi vào nơi bần khổ. Trộm thấy, lầu quán Hoàng Cân cỡi da nai mà sánh cùng cày đất;

Huyền Đô lính quỷ, bỏ trùm giăng mà chợt canh cày. Đã không người tuyệt hạt, hơi hổ nhọc khách làm, tự giả tự mài, đói ở trong đó, nhọc hình mệt tâm, đạo nào có thế. Tìm xét xưa kia, năm Nhâm ngọ (?) tức năm thứ nhất đời vua An (?) thời nhà Hán, Đạo sĩ Trương Lăng phân biệt Hoàng Thư, nói rằng: "Nam nữ có pháp hòa hợp, đạo Tam ngũ thất cửu giao tiếp". Đạo đó thật quyết tại Đan điền. Đan điền là ngọc môn, chỉ lấy cấm bí làm gấp, chẳng hứa lộ bày nơi đường đạo. Đường đạo là việc niệu khổng vậy, gọi làm tên xú căn của thầy bạn mẹ cha. Lại nói: "Nữ nhi chưa gã chồng mười bốn tuổi trở lên, có đạo Quyết minh". Cho nên chú giải năm ngàn văn chương nói là: Đạo có thể nói, nghĩa là sáng sớm ăn thức ăn ngon lành; Đạo phi thường, nghĩa là chiều tối thành phẩn giải". Hai thứ ấy đồng lưu xuất mà khác tên. Nghĩa là căn của người sinh niệu, niệu xuất ra ra tinh vậy. Huyền đó lại huyền, nghĩa là mũi cùng miệng vậy. Lăng mỹ thuật này con cháu ba đời tương tục thực hành đó. Pháp của ngươi như vậy, uế loạn sinh dân. Nếu khuyên trăm họ y theo pháp của ngươi mà thực hành thì bất hiếu bất cung, ở đời sinh ra thứ sài lang, vô lễ vô nghĩa; ở nhà sinh ra con kiêu kính rõ vậy. Phàm, người rõ của cải kỳ lạ, tham nhặt Ly châu, chẳng kỵ sâu chín hồi, tìm cầu Hoa phác đuổi theo lam diễm, không sợ hiểm ba tập, quý báu ấy vậy. Người kính mộ chí đạo, trông nhìn qua ngạch cửa, khinh thường thế lợi tợ lông hồng, vào góc hỏm ấy, chợt vinh vị ở cởi giầy, trọng chân ấy vậy. Thế nên hay khiến kẻ nhọc chẳng mến tiếc sức lực ấy, khách bần nghèo chẳng lận keo của cải, bởi mong cầu minh ích chẳng phải mê mờ đó vậy. Đến như tiên thuật dối vọng bắt nguồn lưu truyền đã lâu xa vậy. Hàn Chung, Từ Thị mới đều dối trá ở Tần Bang, Văn Thành, Ngũ Lợi tiếp hư ngụy ở Hán quốc. Thuật khống ngự hạc chẳng khắc thật lấn vượt mây, nói đượm hưởng ráng mốc chẳng tin thấy ở gầy đói, đến nỗi có luận của khỉ vượn nghêu hến.

Ghi chú: Luận Biện Đạo, Tào Thực nói: "Tiên nhân thuộc loại bạn đản của khỉ vượn, cùng người đời đắc Đạo hóa Tiên nhân.

Phàm, chim trỉ vào biển hóa làm nghêu, chim yến vào biển hóa làm hến, phải bồi hồi đó, cách sai hồ đó, lông còn tự biết đó vậy. Hốt nhiên tự gieo thần hóa thể biến, mới lại làm cá rùa, đâu còn lại biết vui đùa liệng bay rừng chầm làm ổ vách tường nóc nhà ư? Trâu buồn bệnh làm hổ, gặp anh nó mà gặm ăn đó. Như vậy, cớ sao quý ở biến hóa ư? Đàm của buộc bắt bóng, nên bỏ bầu thật vì chẳng phải đồ vật vật, bỏ ruộng đá vì khó cày cuốc vậy. Xem thường tả đạo, vì hư ngụy vậy. Bởi kiểm thật thì xưng chỗ đó đồng, nghiên cứu hư thì nhóm tập chỗ đó

dị. Lý phù hợp thì ở đời trọng, tình dối trá thì vật trái ngược, nên việc thường vậy, đâu nói mê mờ ư? Thấp kém đạo, tôn quý Phật cũng có thể vậy, mà tự chẳng biết. Đó là mù tối thứ tư vậy.

- Ngoại luận rằng: Phàm, nước lấy dân làm gốc, gốc chắc thì nước yên. Do đó, ban sắc đến nhà nuôi dưỡng con, ân đượm đến vợ mang thai, nên con cháu hưởng tế ở đời thường nắm chẳng khuyết. Tuy chỉ hiếu hủy hoại tự thân, chẳng khiến tuyệt cúng tế, nên được nước nhà giàu mạnh, thiên hạ xương thạnh, chưa nghe nhân dân điêu tàn hết mà nước nhà có thể còn.

Nay Phật giáo chẳng vợ chẳng chồng thì gọi là phụng pháp, chỉ việc sớm chết mất, gọi là được Niết-bàn. Đã khuyết thiếu phương pháp trường sinh, lại không thuật chẳng chết. Đó thì trong một đời, nước nhà trống không vậy. Người thế tục tuy muốn cầu phước, chẳng biết hình mạng đã suy tàn, tranh nhau mến mộ nhà an, đâu biết trông yên diệt mất từ lâu. Có thể gọi đó là sợ chết mà lại cú vẫn, sợ đắm mà đến sông sâu. Vả lại, đời trước của Thiên hoàng, Địa hoàng không có Phật mà vận cuộc lâu dài. Từ thời Hậu Triệu, Hậu Ngụy trở lại có Tăng mà thời vận bức ngắn. Chánh do chân ngụy hỗn tạp, lễ nhạc chẳng điều, ở đời không thể biết. Đó là mê mờ thứ năm vậy.

- Châm thứ năm của nội là "giáo là gốc Trị Nội". Châm rằng: Luận rằng, lắng thầm là trái lại tánh, cốt yếu để nhập đạo là tuyệt tình dứt dục, ấy là gốc xa lên Thánh. Nên nói, người đạo cao thì chuộng, người đức rộng thì thưởng, dùng đạo truyền thần, đem đức trao Thánh. Thần thánh tương truyền, đó nghĩa là nối tiếp tốt lành vậy. Lấp nguồn của đạo, chặt rễ của đức, đó gọi là không con nối dõi vậy. Chẳng phải nói dứt dục là không con nối dõi, ông không nghe vậy ư? Xưa kia, Hà Thượng Chi nói: "Hóa của dòng họ Thích không chỗ chẳng thể được". Rõ nguồn giáo của đạo, biết xứng đầu của cứu đời. Phàm, làm một điều thiện thì dứt bớt một việc ác; bỏ một việc ác thì dứt một hình phạt; một hình phạt chấm dứt ở một nhà thì muôn hình phạt chấm dứt trong một nước. Nên biết Ngũ giới, Thập thiện là gốc của chánh trị. Lại nữa, Ngũ giới tu thì ác thú giảm, Thập Thiện thỏa sướng thì trời người đượm nhuần. Trời người đượm thì chánh hóa lớn mạnh, ác thú suy giảm mà tai hại dứt hết.

Ghi chú, kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Người chẳng trì giới thì các trời giảm ít, Tu-la hưng thạnh đông nhiều, rồng thiện không sức lực, rồng ác có sức lực". Rồng ác có sức lực thì giáng sương bảo, gió bảo mưa bệnh trái mùa, năm thứ lúa thóc không được mùa, bệnh dịch đua

nhau nổi dậy, nhân dân đói kém, tàn hại lẫn nhau. Nếu người trì giới thì phần nhiều các trời tăng thêm có đủ oai quang, Tu-la giảm bớt. Rồng ác không sức lực, rồng thiện có thêm sức lực. Rồng thiện có sức lực thì gió mưa thuận thời, bốn khí hòa sướng, mưa ngọt đúng lúc, trăm thứ lúa thóc được mùa, nhân dân an lạc, giặc dã chấm dứt, bệnh dịch chẳng lây lan, như lắng yên củi dứt cỏ càng nặng mà khó rõ, tuyệt lửa dứt khói nhỏ nhiệm mà dễ hiển bày.

Vả lại, mạnh cốt yếu khí là điều đàm nói cùng cực của Lý Sưu, bảo tồn Tủy mến quý Tinh là áo chỉ của Tiên gia. Nay trái lại cho rằng, dâm dục là diệu huấn, vợ con là nguồn hóa. Tôn kính Lão Tử mà hủy phá lời ấy, học đạo tiên mà bỏ thuật đó, trở lại mẫn ái chó ngựa, quý nó biết ân, ghét ganh kiêu kính vì chán nó gặm ăn ngược lại. Đó là canh giữ ban đêm thay nhọc, công kém nơi chó ngựa, nghịch lân phản lưỡi, hấn thề sâu ở Kiêu kính. Rắn hổ hùng mạnh chín đầu, chẳng vậy ấy ư? Chở quỷ một xe, ôi đáng sợ vậy!

Vả lại, vận phúc ngắn dài, tuy nói là Thiên mạng, hưng suy nhanh chậm ước cũng người phù hợp. Nên Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang đều hưởng thọ tốt. Kiệt, Trụ, U, Lệ không trọn một năm. Cơ Phát giẫm đạo mà tuổi lớn, Doanh Chính dâm hình mà vận ngắn.

Ghi chú: Trần Tư luận rằng: “Xưa kia, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn Võ, Chu, Thiệu đại công đều hưởng thọ trăm năm, bảy Thánh ba hiền đều hành đạo, tu sửa chính trị thiên hạ, chẳng đủ phải tổn thần; Hiền Tể cả một nước, chẳng đủ phải nhọc nghĩ suy, do đó, mỗi mỗi được hết tuổi trời. Còn Kiệt phóng minh điều, Trụ chết mục dã, Khuyển Nhung giết U, Lệ vương chẳng trọn. Vận của Chu có tám trăm tám mươi năm, mà Tần diệt chỉ mới hai đời.

Lúc ấy vốn không có Phật và Tăng, mô cáo tại trước mắt, chẳng phải nói hư đàm. Đâu dám không Phật mà vận dài, có Tăng mà vận ngắn. Đàm nói sao dễ dàng? Đàm nói sao dễ dàng? Tiếc thay, ông và tôi tự bào thai thích ấy, rất đủ mà than vậy! Tối tăm như đi đêm. Đó là mù tối thứ năm vậy.

- Ngoại luận rằng: Phàm, hiếu là gốc đức, điều trước tiên của Nhân luân, tông chẳng gì lớn bằng, nên chỉ nương vậy. Đượm nhuần của Hạo Thiên, đâu nói có thể báo đáp, nên sống thì hết sức cung phụng ấm lạnh, đã quá vãng thì phải đủ lễ mộ lăng. Nay Phật dạy răn, hẳn khiến bỏ hài cốt ấy, vất cỏ hoang ấy, phần nhiều xuất ra tài của để tạo lập tháp miếu cho mình, bèn khiến các hàng ngu phu hoặc loạn, phế bỏ điển lễ ấy, hòm rương của cha mẹ chẳng từng để tâm xây dựng.

Ghi chú: Đàn-hặc rằng: Xét ở đời của Thượng hoàng không làm lễ tẩn tán. Mới đầu từ việc huyệt chôn của Kỵ Chu, nên có dây quấn hòm rương, ngói gạch bít ngu quan, đều phát khởi từ thời trung cổ. Ngày của kỵ Chu Văn đem hài cốt phô bày nơi đồng trống, nhân gom nhặt mà cất giấu đó, mới hành tang lễ. Nên nói Tang là tàng (cất giấu) vậy, là muốn người không trông thấy đó. Vì thế Phu Tử mắc bệnh nặng, môn nhân muốn táng đó nồng hậu. Khổng Tử bảo: "Tôi khinh thường trời ấy ư? Phải chọn đất không lông, chẳng phong bít chẳng dựng đắp, chỉ để gai gốc chỉ để tròn xoe". Cúi đồng đời sau thực hành tang lễ, bởi vì chưa khỏi thế tục vậy. Nhung Địch thây linh vụt hết diệu của diêu trang. Vả lại, Thần không hưởng chẳng phải tộc ấy, vật không cúng tế cúng dường trước đó, chẳng kính thân thích của mình mà kính người khác, đó nghĩa là đây vậy. Vả lại, thủy táng, hỏa táng, phong tục chẳng đồng; chôn thây để lộ thây, làng nước vốn khác. Bỏ mình theo kẻ khác, dùng làm cầu phước, đâu biết đất tốt ấy khác, mỗi tự mà vậy. Ở đời không thể biết. Đó là điều mê mờ thứ sáu vậy.

- Châm thứ sáu của nội là Trung hiếu không trái. Nội châm rằng: Dẫn người câm điếc, hẳn cúi ngưỡng mà chỉ huy; mở mang kẻ ngu trệ cũng kéo tai mà dơ tay. Phàm, Nhân luân vốn ở hiếu kính, hiếu kính vốn ở sinh thành, nên nói chẳng phải cha mẹ thì không sinh, chẳng phải Thánh nhân thì không lập, chẳng phải Thánh thì không theo, chẳng phải hiếu thì không thân. Đó là nghĩa thông của sinh thành, trình bày của sư thân. Nên Nhan Hồi chết, Nhan Lộ xin xe của ông. Khổng Tử bảo: "Hồi thân ta như cha, ta chẳng được thân Hồi như con", cũng bởi nghĩa ấy vậy. Vả lại, lễ của Ái kính khác, dung chẳng vượt khỏi hai lý; tánh của hiền ngu khác, phẩm chẳng vượt ba thềm bậc. Nên sống thì hiếu dưỡng không trái, chết thì dùng lễ an táng cúng tế. Đó là khác của lễ chế vậy. Tiểu hiếu thì dùng lực, Trung hiếu thì dùng lao, Đại hiếu thì không thiếu thốn, đó là khác của tánh phần vậy.

Phàm, nghĩa ấy Phật giáo cũng hiện còn vậy. Đến như các hàng rưới huyết đốt thân, lễ của tháp báu đền nhân, cũng có nghĩa là kính thủy thận chung ấy vậy. Cho đến cả tám vạn Luân Vương, ba ngàn (3.000) vị trong chủng tộc họ Thích. Kinh A-dục Vương nói: "Vua giết tám vạn bốn ngàn (84.000) cung nhân, đêm đến nghe trong và ngoài cung có tiếng khóc, vua hối quá, nên đã tạo lập tám vạn bốn ngàn (84.000) ngôi tháp". Nay tại Chấn Đán cũng hiện còn vậy. Thích-đề Hoàn-nhân trên trời tạo ba ngàn (3.000) Luân Bà, cùng hết bể cả mà tìm cầu châu báu, dọn sạch đường thông mà chuyển dời đá, bởi nhọc

sức vậy. Gồm tất cả quần sinh lấy làm việc của chính mình, ngang bằng ngậm khí ở Thiên thuộc, nương náu xa nói hết hữu lậu, mang vác bọn vô lại, bởi nhọc tâm vậy. Xoay hiên nơi vức thật tướng, ngưng thần ở trường tịch chiếu, chỉ Nê-hoàn về lâu dài, cưỡi pháp thân mà xa soi xét. Đó là đạo của không thiếu thốn vậy. Kịp đến lúc Thánh mẫu từ cung trời giáng xuống, bổ kim quan mà diễn bày cú pháp, Phụ vương băng hà, bưng sàn báu mà tiễn đưa.

Ghi chú: Luận Trí Độ nói: "Vua Tịnh Phạn băng hà, Đức Phật tự nắm một chân thằng sàn đi đến nơi trà tỳ, chỉ bày cho hết thảy chúng sinh ở đời sau báo ân sinh trưởng". Hiếu kính phô bày ở nghi thức, đó cũng đủ vậy.

Giáo vất bỏ hài cốt từ đâu mà đưa đến ư?

Vả lại. Kinh khuyên nên đem thây chết thí chung cho các loài chim thú, ý ngại côn sau trái xưa trước mong được khỏi ở tương lai. Chẳng như Trang Chu không đời sau hậu táng thì mất gốc của lễ, mà nói ếch kiến sao thân, cầm thú sao sơ. Sống đã lấy thân làm nghịch tốc, chết phải lấy trời đất làm quan quách, trở lại y như thời Thượng cổ, không hứa chôn giấu, tệ của hiềm ghét vật nhẹ sống nặng chết vậy. Người cầu tiên đạo, hoặc mang tráp theo thầy, vác dù xa lên núi, vạch la nguyên huệ, tiết chim kinh gấu. Táo vàng hiếm thành, hoa ngọc khó thấy, ngưng tủy hóa cốt, rỗng không khiến đàn vậy đội cầu vồng cậy cưỡi ly, chẳng thấy thật đó. Hoặc vất hài nơi địa bậc tang cốt ở Thiên thai, sống khuyết ân ân chưng nấu nuôi dưỡng, chết không lợi minh ích, trái ngược tâm đối với các vật, lưới tà giăng quái ngại các loài. Chín tộc kéo dài ương hủy chánh, sáu thân chuốc lấy nghiệp khinh Thánh, kết nguy cứ hiểm, rõ đủ chạnh lòng; ngạo vậy chẳng sợ, sao ngu lắm thế, mãi vẫn chưa tỉnh! Đó là mù tối thứ sáu vậy.

- Ngoại luận rằng: Phàm, Hoa Di ngữ khác, âm vận chẳng đồng, nhưng kinh Phật xưng là Thích-ca Mâu-ni, đó là Hồ ngữ, Trung Hoa phiên dịch nghĩa tức là Năng Nhu. Tên của Năng Nhu ngôi vị thấp kém so với Chu Khổng, nên mất tên yếu kém của Năng Nhu ấy, mà còn Nhung hiệu của Thích-ca. Như nói A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề, Trung Hoa phiên dịch nghĩa "A" tức là Vô, nậu-đa-la nghĩa là Thượng, Tam-miệu-tam nghĩa là Chánh biến tri, Bồ-đề tức là đạo vậy. Xứ này trước không đạo Vô thượng chân chánh, giáo Hồ pháp của Lão Trang, không lấy làm khác, nên chẳng phiên dịch. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát, tiếng Trung Hoa phiên dịch nghĩa là chúng sinh có tâm đạo lớn. Tên ấy hạ liệt (thấp kém), chẳng phải là Thượng sĩ, bít lấp Bỉ xưng ấy, lại cũng

không phiên dịch. Phàm, các hàng không phiên dịch, đều thuộc lệ như vậy. Phủ mờ thế tục, hoặc loạn tâm vật, nhưng nhàm của chuộng mới, thường tệ của lưu đảng, xấu đồng tốt dị, bỉ tình của thường tục. Do đó, Hàm Đan có khách lăng tóc, Nịch Táng có khách quên về, ở đời chẳng thể biết. Đó là mê mờ thứ bảy vậy.

- Châm thứ bảy của nội là Tam bảo không phiên dịch. Nội châm rằng: Phàm, danh không được vật, bởi nghĩa Thật khách, đâu vì giả đàm của thuận thế, đặt cánh hơn kém của Huyền thánh! Phàm, nhà Tuân lấy đầu vời chất, họ Trọng lấy núi đặt tên.. Núi cao so với gò (Khâu), Trọng Nhân chưa như Phu Tử. Đầu bao gồm cả tai, Tuân đức chẳng kịp Lão Đam. Tên của Năng Nhu dung gì bèn thấp kém so với Chu Khổng? Nhưng hiệu của Thích-ca, nghĩa gồm nhiều thứ, biến hay suốt đến muôn đức, chẳng thể lấy nhân riêng dạy bảo, thông nhân cùng cả tứ cú, sao lại có thể chỉ hạn định ở phiên thuật? Sự chẳng đặng đừng, gượng lại còn ở hiệu cũ. Lại nữa, Đạo gia xưa trước có đạo Chánh biến tri, cùng với Bồ-tát không khác, tin là Chánh giáo lưu truyền về sau ngụy trộm tên ấy, khơi thật tìm nguồn, đâu được hiệu đó. Phàm, Thượng pháp cao thắng, đạo nghĩa thông huyền, chánh thật phiên thành tà, chân do trái ngụy. Nay Phù Thư chú trớ chẳng thể gọi là chánh, Huân Du hỗn tạp không thể gọi là chân.

Ghi chú: Đạo sĩ Úy sợ Quỷ Phù nói: Tả đeo chương Thái cực, hữu mang sắt Côn ngô, chỉ nhật tức ngưng sáng, phỏng quỷ ngàn dặm huyết. Huân Trọng tạo Hoàng thần Việt Chương giết quỷ, lại tạo Xích Chương Pháp cũng giết người vậy.

Giữ lối mềm nhủn tham hạ, chẳng gọi là thượng? (Lão Tử nói: "Chớ như giữ lối mềm nhủn". Lại nói: "Tánh đạo gần nước"). Kẹp miệng nhắm mắt, sao được xưng đạo? (Trang Tử nói: "Mắt kéo dán lìa đỏ, miệng kẹp dương đen").

Như chim mùa xuân ngâm hót, hoặc tợ thành ca, chim không thể ca thật; trùng mọt mùa thu gặm cây gỗ, hoặc gần như chữ, trùng mọt quyết thật không hiểu chữ. Danh thật ấy lạm, bởi nghĩa đây vậy. Lại nữa, nghi ngờ Bồ-tát không phiên dịch, đó là sai nhầm quá lắm. Thư nói: "Thượng Thánh đạt đến Tiêu Minh đều có Trùng xưng". Kinh nói: "Đối với loài nhiều chân hay hai chân, Đức Như Lai là bậc Tối Tôn, nhưng sâu trùng thông cả hàm linh". Chúng sinh đâu vượt phàm Thánh xưng của đại tâm, chẳng phải là thấp kém. Ông tuy tẩy rửa dơ cấu, tìm cầu lầm lỗi, không tổn lệ của Nam oai, bưng tim học bệnh, chưa biến vẻ đẹp của Tây Thi. Lại phải vì đó, trình bày đó chỉ bày. Thích-ca là Phật

hiển danh, Bồ-tát là pháp tôn xưng, Bồ-tát là Tăng dẫn đầu, Tam bảo thắng diệu. Người phiên dịch lưu giữ tên gốc, chẳng phải như sấm của cửa son trụ ngọc, dao của dương cha âm mẹ. Hoàng Thư nói: "Mở cửa mạng, ôm chân nhân, anh hồi Long bưu chở Tam ngũ thất cửu; thiên hạ địa võng, mở cửa son đến trụ ngọc". Dương tư âm mẫu trắng như ngọc, âm tư dương phụ tay xoa nắm vậy. Gọi phẩn ngựa là củi linh, kêu đàm giải là ngọc dịch, gõ răng làm trống trời, nuốt đàm làm lễ truyền (rượu đặc). Phẩn ngựa làm củi linh, chuột chết làm ngọc Phác, ra kinh Thượng Thanh, sự thô bỉ mà khiếp sợ rõ, từ dơ uế mà khó hiển bày. Như Phụng linh làm dung đức hiếm thấy, chuột lỗ làm xú cụ ngầm hình. Tuy ẩn chất sự đồng, dáng ngây ngô khác vậy, mịt mờ sao không biết. Đó là mù tối thứ bảy vậy.

- Ngoại luận rằng: Thánh nhân ứng hóa tùy phương mà dắt dẫn, ở Hồ thì hói đầu bày đảnh, tại Hán thì đoan nghiêm đai mão. Đó là hình thường của Hoa Di, chẳng phải hơn kém của giáo phương. Nếu Phật giả sử bỏ mũ miện y phục đen ở đây mà đắp mặc truy y, bỏ Hoa phong của chúng ta mà xa đồng như Hồ tục, thì không thể gồm thông mũ miện, bèn là trí lực chẳng khắp, sao gọi là Thiên Trúc tùy phương hiện hình mà thiết giáo? Nếu như không có khả năng thì Phật tự là Hồ thần của Thiên Trúc, chẳng phải Đại Thánh của Trung Hoa. Đâu có pháp huấn của hói đầu thí ban nơi Chánh quốc? Nếu Hán học Hồ hình cắt tóc tiện gọi là phụng sự Phật, thì cần nên tập học Hán pháp, mang khăn cũng là phụng đạo. Đủ biết lộ bày đảnh, cắt tóc do hương tộc chẳng đồng. Than ôi! Sĩ dân dùng làm tu thiện, có thể gọi là quý áo choàng nát tệ của nhà hàng xóm, mà khinh tiện áo lễ của nhà mình. Ở đời chẳng thể biết. Đó là mê mờ thứ tám vậy.

- Châm thứ tám của nội là khác phương mà đồng chế. Nội châm rằng: Chí đạo ứng vận vô phương, Thánh hiền nhân cơ dẫn vật. Ông ở Cửu Di mà không lo hoạn hẹp lậu ấy. Võ vào nước lõa thế, vui mừng tự nhiên cởi xiêm, Cơ Bá đến Việt mà văn thân, Võ Linh thuận theo đời mà dùng Hồ phục. Tuy là nôm lưới khác thuật, mà công được cá thỏ ngang bằng vậy. Huống gì biến tục ngậm tâm, hủy hình kết chí, bỏ trâm đai để hợp đạo, vất râu tóc để tu chân. Thánh chế chẳng nhọc không, có đó đặt để vậy. Chỉ nhân nghĩa biến ở ba du, đạo chích nhờ ở năm thiện. Thánh giáo dài xa, trọn khiến chuột phát lạm danh (Lưu Tử nói: Người Chu cho chuột chết là ngọc phác); huyền hóa sâu mầu, bèn khiến gà phụng lẫn chất (Văn Tâm nói: Người Sở lấy gà núi làm chim phụng), nên chín mươi lăm thứ vọt bay đến Tây nhung, ba mươi lăm bộ

rối loạn ở Đông quốc.

Đến như luận của Ưu-lâu-khư-tử, kinh của Vệ Thế Sư. Chủ (kinh Niết-bàn nói: Vệ Thế Sư luận vậy), Tiên của Cát-đầu-di-la (Hỏa tiên ngoại đạo tên là Cát-bà-đầu, Thủy tiên ngoại đạo tên là Di-thúc-la), đạo của Mạt-già-xà-dạ (Nhã-đề-tử đoạn kiến ngoại đạo), hoặc gá thác nước lửa mà cốt yếu Thánh, cậy nương nhật nguyệt mà học thần, chấp tứ đại cho là phi nhân, chỉ ba nghiệp là không quả báo, trệ nhận biết dẫn đến mù tối của Minh sơn v.v... Tà tâm cùng cốc tối đồng mờ tối, các loại như vậy là tà luận của Tây thổ (ở Tây Vức) vậy. Kế đó là quỷ cười linh đàm An Ca hạo xướng, nuốt dao nhả lửa, hãi sợ tâm quê kệch của Trọng Hương; súc mưa hà gió kinh tởm lo toan cạn cợt của Lưu An. Hoặc thân đeo lục của Trung Hoàng, miệng tụng phù của Linh Phi, đạp cửa vàng mà do Thần, cậy kinh ngọc mà tẩy lụy. Các hàng như thế là dị học của Đông âu vậy, thảy đều là lưới tà che phủ tâm, kim ngược chích vào mắt, sâu xa cố giữ lầm hoặc, chồng chất xây cao thành tường nghi ngờ. Mỗi tự ôm lấy một góc mê đắm nơi ba cõi, tranh giữ Nhị kiến chìm tối trong chín dòng. Nhận biết rõ luân hồi, vô minh che khuất bản tánh, tâm dùng nổi động, thủ tướng đắm ở sông dài.

Đấng Đại Thánh với Đạo nhãn dự quán sát tùy cơ mà thiết bày phương thuốc, giáng hiện hình chất ở Tây Vức, chánh giáo lưu truyền đến phương Đông. Với bệnh nặng thì thân gần giáng hiện y vương, hoạn nhẹ thì gởi phương thuốc xa trao. Thiên sư dùng cắt kiêu kính, trọng tướng mà giết kình nghê. Đó cũng là thuật hòa thiên của cửa Phật, Thế Tôn quyền của Pháp vương vậy. Thánh không hai chế, dung phục nghĩa đồng, như sông trong thế tục về biển cả mà đồng vị, Lục ứng ráng tảng nhóm tập đến Tu-di mà chung sắc. Xung Hòa Tử nói: “Văn của Toàn Cơ đều là đạo cầu Thần tiên bất tử. Tiếp theo đó, đạo thì dưỡng ngã, ngày nay thân mạng trú thể diên hoa, thản như đến ba trăm, năm trăm lấy đó làm chân vậy. Trường sinh lâu thấy nghĩa tại đó”. Nay, pháp sở học của Đạo sĩ chẳng lại thấy đó làm niệm, nhưng đại khái chỉ như Phật. Thân chết, Thần minh lại sinh đến Thắng địa. Nếu chẳng quý thân này, chẳng như chuyên tâm học Phật đạo, Phật đạo tạo dựng luyện tinh thần, ngày một tỏ sáng, ngày một càng thêm, đúng là pháp của danh lý định tuệ đông đúc có thể tu, nào nhọc cần khổ. Tự gọi tên là Đạo sĩ mà thật là học pháp nhà Phật. Học lại chẳng chuyên, bởi do bọn đồ rỗng họa hổ ấy vậy. Sao chẳng lui bỏ khăn nai, cởi áo hạt vàng, cạo râu tóc, nhuộm áo ca-sa mà quy y Thế Tôn ư? Kinh của các Đạo sĩ ở thế gian và hành đạo, nghĩa lý thì ước số lượng mà thông sau. Ngôn từ trộm trong

kinh luận nhà Phật cải đổi làm thành sách Đạo, như các kinh Hoàng Đình, Nguyên Dương, Linh Bảo, Thượng Thanh v.v... và cả Hiển của Tam Hoàng đều hoán đổi từ các kinh Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ v.v... mà làm thành vậy. Tu tâm thì y cứ tọa thiền mà vọng cảm, ngôn từ đổi danh tọa thiền thành tĩnh lự. Thượng Thanh rất cao, sư chưa đạp lên vức của Thượng giới. Thái Hư là tiên pháp, lại rặt toàn là không luận, chưa biết pháp nào lấy khác nhà Phật mà xưng là Đạo sĩ, người đắc ý đó làm Thầy Phật vậy. Ông là người Nam, tự thân học nơi Đạo sĩ Mâu Sơn, pháp của Xung Hòa Tử. Xung Hòa Tử cùng Đào Ẩn Cư thường lấy kính trọng Phật pháp làm hạnh nghiệp của mình, chỉ gặp chúng Tăng thảy đều kính bái. Ở trong hang cốc đều an trí tôn tượng Phật, tự dẫn các kẻ sĩ môn đồ thọ học, sớm tối sám hối, thường đọc kinh Phật. Căn cứ "Toàn Cơ Sao" do Xung Hòa Tử chế thuật, vì chẳng phải Đạo sĩ ở đương thời không kính trọng Phật, nên Đào Ẩn Cư viết thư đáp cùng Pháp sư Đại Loan nói là: "Tháng trước tai nghe âm thanh, sáng nay mắt nhận văn tự, hoặc do đảnh lễ nhiều năm nên được cảm ứng lai nghi chánh vậy. Chỉnh phất rác cỏ hái cấp hoa nước, thẳng tay áo nghiễm nhiên tư duy đợi hiểu cảnh tích vậy. Đệ tử là Đào Hoằng Cảnh ở Hoa Dương kính bái".

Thầy của ông phụng Phật kính Tăng, chẳng từng nói khác. Vậy sao tự giẫm đạp trái với bản Tông, bất nghĩa bất nhân, tội chuốc lấy cực pháp? Trong Lý Hoặc Luận, Mâu Tử nói là: "Hóa của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng, Lão Thị so với Phật như nai trắng sánh với kỳ lân", mà ông không thể tỏ ngộ. Đó là mù tối thứ tám vậy.

- Ngoại luận rằng: Trước Thiên Hoàng Cửu Kỷ, thư khế chưa làm, sau Thái Hạo Lục Hào, văn tự mới phát khởi. Từ đó trở lại dần rộng biên tịch. Các bậc Hiền thánh xưa trước đều trước biên Bí Điển, tiếp nhượng dáo mác, trình bày đủ triệu sách, do đó Tả sử, Hữu sử, Ký sự, Ký từ thẳng bút thẳng lời, không nấn không vọng. Ngoại Quốc truyện của Ngụy Thư, Cao Sĩ truyện của Hoàng Phủ Mật đều nói: "Phù Đồ kinh của Tang Môn, do Lão Tử soạn thuật".

Ghi chú Đàn-hặc rằng: Kinh Phù Đồ, ở sách Ngụy Lược và Tây Vức truyện nói: "Tại nước Lâm Nghê có Thần nhân tên là Sa Luật. Sa Luật tuổi già tóc bạc, thường dạy người làm Phù Đồ. Với người mắc tai họa hay không có con, thì khuyên hành Phù Đồ, trai giới, khiến bỏ của cải để chuộc tội khiên. Vua nước Lâm Nghê đã lâu mà không có Thái tử, Vương phi tên là Mạc-da nhân cúng tế Phù Đồ mà sinh được Thái tử, bèn đặt tên Thái tử là Phù Đồ". Ở đời vua Ai Đế (Lưu Hân 06-01 trước

Tây lịch) thời Tiền Hán, Tần Cảnh đi sứ đến nước Nguyệt Chi, vua nước đó bảo Thái tử miệng đọc trao truyền cho Tần Cảnh. Do đó, kinh giáo Phù Đồ ở thời Tiền Hán đã sớm lưu hành. Sáu mươi ba năm sau, vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán mới cảm mộng điềm lành. Xét ở truyện Tần Cảnh thì kinh không nói do Lão nói. Căn cứ ở thời nhà Tần có Đạo sĩ Vương Phù, là người cải đổi Tây Vức Truyện làm thành Minh Oai Hóa Hồ kinh, mới xưng Lão Tử vượt qua Lưu sa dạy vua Hồ làm Phù Đồ, biến thân làm Phật, mới có Phật phát khởi. Đúng là vu khống ấy rất lắm vậy. Chỉ từ Kế Tân cách đây trong khoảng vạn dặm, từ thời nhà Tấn nhà Hán đến nay, thương nhân Phiên sứ tương tục không dứt đoạn, chẳng ai lưu truyền thuyết Lão Tử ở kia Hóa Hồ nói kinh Phù Đồ, và chưa nghe biến thân làm Phật. Giả sử Lão Tử làm Phù Đồ, mới đầu là Báo Ân cúng dường xá-lợi mới hiển Thánh đức, sao gọi là dối ư? Hậu Hán ký của Viên Hoằng nói: "Lão Tử vào Hồ phân thân làm Phật". Kinh cáo của Đạo gia, thuyết ấy thật lắm nhiều, kiểm xét Hậu Hán ký của Viên Hoằng vốn không có lời văn Lão Tử làm Phật. Thời ấy tại triều đình, người thông hiểu rộng có lắm nhiều, đâu có thể bít tai mà trộm Linh khánh, chỉ nai làm ngựa, sao ngu quá lắm vậy!?]

Các kinh Minh Oai Hóa Hồ v.v... đều nói: "Vua Hồ không tin Lão Tử, Lão Tử dùng sức thần để nhiếp phục đó, vua Hồ mới cầu hối quá, tự hói tự cắt, tạ khiên tạ tội. Lão Quân đại từ xót thương ngu muội đó, vì nói quyền giáo tùy cơ răn ước, đều khiến đầu đà khất thực để chế tâm hung ngoan, áo đỏ riêng y, dùng để bẻ tánh cương lương, cắt hủy hình mạo, chỉ bày làm thân hình kiêu, cấm ước phòng vợ, tuyệt giống bội nghịch ấy.

Ghi chú: Đàn-hặc rằng: Ông lấy cấm ước phòng vợ mà lạm tội, thì Huyền Đô Hội Thánh bèn là phường Yến Dĩ, chí đức Thanh hư tiện là Quán Đồng Lao. Đã học Trường sinh, ông thường đổi phụ thân mà mến mộ Lý thị đều phải dưỡng trẻ. Chỉ Lý Nhĩ, Lý Tông, người người đều lấy vợ; Trương Lăng, Trương Lỗ, đời đời đều nuôi vợ. Nên có hai tên Nam quan và Nữ quan là biệt hiệu của Hệ Sư và Tự Sư. Từ thời nhà Tấn nhà Ngụy trở lại, trong Quán sinh con. Ở thời nhà Trần nhà Lương, trong vườn nuôi dưỡng trẻ; gọi phụ nữ là Chu Môn (cửa son), gọi Trượng Phu là Ngọc Trụ, dâm dục lớn mạnh phát sinh từ Đạo gia. Ngoài giả thanh hư, trong chuyên dơ bẩn nhàm nhở, đáng xấu hổ lắm. Đó như là bệnh nặng cho thêm thuốc độc, nên khiến bụng bầu tẩy ruột. Tội sâu ước dùng nghiêm hình, hẳn phải giết tông diệt tự, chỉ quân tự xứ này, sớm bẩm thọ Đạo chân).

Kiểm xét Hán Quan Nghi nói là: “Từ thời vua Cảnh Đế (?) trở lại, ở trong Quốc Học mới lập Đạo quán để dạy học đồ, chẳng hứa cho người đời riêng lập quán xá”. Xét từ thời nhà Lương nhà Trần, nhà Tề nhà Ngụy trở về trước chỉ dùng bầu lô đựng bản kinh, không có hình tượng Thiên Tôn. Căn cứ Đạo luận của Nhâm Tử, U cầu của Đỗ Thị đều nói: “Đạo không hình chất, bởi tinh của âm dương”. Nội truyện của Đào Ẩn Cư nói: “Ở trong Mâu Sơn lập hai nhà để thờ Phật và Đạo, cách ngày vào chầu lễ, nhà thờ Phật có hình tượng, nhà thờ Đạo không hình tượng”. Luận Tam giáo của Vương Thuần nói: “Đạo sĩ ở đời gần đây vô phương lấy kế sống, muốn người quy hướng kính tin, mới học nhà Phật chế lập hình tượng, giả hiệu là Thiên Tôn, và hai chân nhân hai bên tôn trí nơi nhà Đạo để nương cậy ăn mặc, Lục Tỉnh Tu ở thời nhà Lương làm hình tượng ấy vậy”. Không nhọc hói đảnh, vốn tuân theo chí huấn. Há giả cắt tóc mà có thể gọi là thân không tội khiên mà vui thích mang gông cùm; nhà không họa tang mà thích quấn khăn chế. Mờ tối rất lắm, thật đáng đau xót!

Xưa kia, vua Minh Đế thời Hậu Hán cảm mộng, pháp đó bắt đầu truyền lại, khiến người Hồ lập miếu, kẻ sĩ nước Hán không hứa tuân hành. Nhà Ngụy y theo khuôn phép nhà Hán lại tuân theo thói quen cũ. Đến ngày của Thạch Lặc nghĩ mỹ phong Hồ ấy bị Đạo nhân Phật Đồ Trừng nắn sửa đời, từ đó trở xuống, các hàng trốn lánh làm việc đua nhau cắt tạo xuống tóc, mà ở đời không thể biết. Đó là mê mờ thứ chín vậy.

- Châm thứ chín của nội là thân Lão Tử chẳng phải Phật. Nội châm rằng: Đại Hạ do lắm tài thành tựu, quần sinh chẳng phải một người có thể hóa. Nên mười phương Thánh Trí sánh như bụi cát mà chẳng cùng, tám vạn pháp môn, dốc hết sông biển mà chẳng thể lường. Do đó có Thánh đây Thánh kia, khác phương loại mà sánh vai; Phật trước Phật sau khác đời mà đồng nối gót. Tuy tượng chánh sai giáng, tịnh uế phân khu, trừng ác khuyên thiện, hạng ấy chỉ có một. Vả lại, Chu Khổng là Thế huấn, còn không cải đổi ở trăm vua, Sô mạnh kịch đàm còn ban tốt đẹp cả ngàn năm, đâu dung Chu Cơ một đời mà ba lần biến ba lần đổi. Lão Thị một phần mà thành đạo thành Phật, tức là các người khác không lý giẫm đạp lên Thánh, quần manh hết mong lên đạo. Lại nữa, trước dèm chê mười Dị, sau ngợi khen một Đồng; khoảng đầu bộ, hủy báng ngợi khen mâu thuẫn, từ khoảng quyển tựa trở đi đều tham thương. Bịt mắt trộm áo lông cừu, tin có lời đồn ấy.

Phàm, hình tướng chân ngụy, tợ như tướng loại của cỏ và lúa.

Người khéo cày bừa thì chỉ còn mà dứt hết cỏ, người khác cầu đạo cũng nương theo chân mà xả bỏ ngụy. Thắng của Sa-môn, Tông lưu đã lâu vậy. Đến như Hán Đế cúi lễ đối với Ca-diếp Ma-đằng (như truyện Pháp Bản). Ngô Vương khuất tiết tháo đối với Sa-môn Khương Tăng Hội. Ngô Lục nói: "Ngô Vương hỏi Sa-môn Khương Tăng Hội: "Phật pháp có gì khác tục?" Sa-môn Khương Tăng Hội đáp: "Làm ác ở người hiển bày được mà giết đó, làm ác ở quỷ ẩn được mà giết đó". Dịch nói: "Tích chứa việc thiện, có thừa niềm vui, thơ vịnh cầu phước chẳng hồi". Tuy là cách ngôn của Nhọ tục, cũng là tiệm huấn của Phật pháp vậy.

Sa-môn Đàm Thủy được mời lên chiếu của Ngụy Quân. Ngụy Lục nói: "Thác Bạt Đào (Thái Võ Đế 424-452) thời Bắc Ngụy dùng thuyết của Thôi Khiêm, bèn hủy diệt Phật pháp, phá tượng đốt kinh, xua đuổi ép buộc Tăng Ni phải hoàn tục. Sa-môn Đàm Thủy lúc sáng sớm đắp mặc pháp y, chống gậy đến đứng trước cửa thành. Người giữ cửa báo cho Thác Bạt Đào, Thác Bạt Đào bảo chém đó. Chém ba dao mà Sa-môn Đàm Thủy không thương tổn, người hành quyết ấy mới báo lại cùng Thác Bạt Đào. Thác Bạt Đào tự lấy dao mang ra chém, lại cũng như trước, không tổn thương gì, mới bảo đem Sa-môn Đàm Thủy vào giam trong chuồng hổ, hổ bít mắt cúi đầu. Thác Bạt Đào mới thử đặt Thiên sư bên cạnh chuồng hổ, hổ gầm gừ như muốn gặm ăn. Thác Bạt Đào mới biết Phật hóa thanh cao, chỗ Hoàng Lão chẳng thể kịp, bèn mời Sa-môn Đàm Thủy lên chiếu ngồi, và xin sám tạ tội quá".

Sa-môn Đạo Lâm lên sàng của Tấn chúa. Ở thời nhà Tần, Sa-môn Đạo An vinh dự cùng ngồi chung kiệu. Sa-môn Phật Đồ Trừng ở nước Triệu được Chúa thượng sủng ái ban tặng áo gấm. Phù Thư nói: "Phù chúa ra vân du, mời Pháp sư Đạo An cùng ngồi chung kiệu". Triện Cao Tăng Truyện nói: "Thạch Hổ xưng gọi phát sinh Phật Đồ Trừng là Đại Hòa thượng, dùng gấm lụa làm y ban tặng. Mỗi lần Pháp sư Phật Đồ Trừng lên điện, đều bảo các hàng Vương công trở xuống đều cùng nâng đỡ kiệu". Đó đều là đạo giáng cực tôn, đức xoay muôn thừa, thật có như vậy. Thuật của Hoàng Lão từ trước lại nay chẳng kẻ đua tranh, phí tài để sánh ưu thắng tự chết thân mình. Thôi Hạo dùng tà vu khống táng mất thân mạng. Ngụy Thư nói: "Thôi Hạo, Khấu Khiêm Chi khuyên Thác Bạt Đào hủy diệt Chánh giáo, về sau Thác Bạt Đào thân phát bệnh dữ, mới giết Thôi Hạo và Khấu Khiêm Chi". Khương Bân vì tập dối trá mà dời chất, Vương Phù vì tạo ngụy mà giết thân. Tất cả đều nghiệm đó ở tai mắt, chẳng lấy cùng đó hư đàm. Đó sùng kính được như vậy, đó họa khiển cũng như kia.

Phàm, Nhan Mẫn gặp ở cửa Khổng, nên đức hạnh làm đầu, Tô Trương gặp ở Quỷ cốc, bày dối trá làm trước, chẳng riêng hơn kém của tánh người, cũng là chỗ tập quen chân ngụy vậy. Vả lại, hiền nịnh lẫn lộn, nịnh tiết lậu mà hiền rõ ràng, Thánh dối khó phân, dối cùng kiệt mà Thánh hiển bày. Như xà sàn cùng my vu cùng loại chết. Người thấu hiểu mùi thơm thì biện rành dung mạo đó, cẩu vật và tố hoa ngang rễ; người hiểu phương thuốc thì phân rành tánh nó. Do đó, công đán gạt bỏ mà trở lại Phụ, Khổng môn hư rỗng mà lại doanh có tự lại vậy.

Từ Hán Minh sánh thử, tà kiến gãy bén nhọn, Tuệ nhật tỏa sáng, mây pháp giăng râm. Khương Phan bỏ nhà mà vào đạo, Lã Tiều bỏ Ngụy mà quy chân, Tào Mã truyền đăng mà chẳng cùng. Ở thời nhà Tần nhà Ngụy, suối vọt trào mà không khô cạn. Ông tin mới đầu ở thời Sa-môn Phật Đồ Trừng và dòng họ Thạch cũng không vu khống ư? Từ khi phong tục của Hoàng Lão quấy loạn, dung phục cũng biến đổi. Chẳng phải đạo chứng pháp, tục ngạn ngữ gọi là kẻ Hoạn; khéo chú trớ khéo mắng chửi, xưa trước gọi là lính quỷ. Đó cứu khổ thì mở tóc buộc cổ, dùng dây tự trói, dùng phẩn trâu bôi thoa thân mình, đánh đá lẫn nhau. Pháp luật đó, nếu mất phù lục thì ngậm ngược bảng tay, nghịch gió quét đất, cành liễu trăm bó tự chặt tự vác. Trộm tấu chương thì lăng lóc ngục than, lưng mang bình nước (rút từ Đạo sĩ Tôn Thị pháp nghi), trách phạt rất nặng, đồng pháp của kẻ tôi tớ lệ thuộc, tội sai khiến ngậm cúi, sánh như loại súc sinh. Nhưng chuông khánh cửa Phật lúc nhóm tập chúng, từ thời nhà Hán nhà Ngụy trở lại, Đạo gia chưa có Sư tử Kim cang, Thiện thần Hộ pháp, bởi chỗ của Phật giáo rõ ràng, chẳng phải Hoàng lãnh gầy dựng trước, cũng kiểm sánh khuôn phép ưu thắng, trộm dấu vết của Thánh ta vậy. Nên Nhan Chi Tnói: “Việc của Thần tiên có tốn phí vàng ngọc vả lại là hư phóng, cốt trắng dưới Hoa Sơn nhiều như rơm rạ, làm gì có chuyện sao có Lý đắc Tiên?” Giả sử có Đắc Tiên, rốt cùng phải có chết, chẳng thể vượt khỏi thế tục, không khuyên bọn ông học đó. Việc ba đời của nhà Phật, tin mà có chứng nghiệm, gia nghiệp quy tâm chớ khinh mạn vậy. Phàm, bốn y trần năm ấm bổ chẻ hình có, sáu thuyền ba giá chuyên chở quần sinh, muôn hạnh kết quy không, ngàn muôn vào thiện. Biện tài trí tuệ, đâu không thông hiểu bảy kinh trăm họ ư? Rõ ràng chẳng phải chỗ kịp của Nghiêu Thuấn Chu Khổng Lão Trang, nên trước thuật chương Quy tâm để răn dạy đệ tử, ấy mà chẳng thể biết. Đó là mù tối thứ chín vậy.

CHƯƠNG THỨ BẢY: HƠI KHÍ LÀ GỐC CỦA ĐẠO

Có một người thông rành khảo cổ và một Quân tử cùng chiêm hành đọc luận của Lý Khanh phỉ báng, xem đàm của Khai Sĩ biện chánh, mà có thái độ tức giận khởi và vui mừng khác nhau. Nay vì muốn khiến tà chánh khác vết, chân ngụy phân rành, định chuẩn phải quấy đó, để rõ được mất, mong hàng hậu tấn trọn không nghi ngờ.

Người thông rành bảo: Tôi xem tạo hóa vốn ở âm dương, vật loại sở sinh vượt hẳn trời đất, trải qua đời của Tam cổ, tìm văn của Ngũ Thánh, chẳng thấy Thần của Thiên Tôn, cũng không tượng của đại đạo. Căn cứ Linh Bảo Cửu Thiên Sinh Thần Chương nói: “Khí thanh cao lắng tích dương thành trời, khí kết ngưng cặn chứa trệ thành đất. Sinh của người cũng vậy, đều do ba nguyên dưỡng dục, chín khí kinh hình, sau đó mới sinh vậy”. Vậy nên biết, âm dương là gốc của người, trời đất là căn của vật, căn sinh là khí không riêng Thần đạo.

Quân Tử nói: Đại Tiêu Ẩn Thư, Vô Thượng Chân Thư v.v... của Đạo sĩ nói: “Vô thượng Đại Đạo Quân ngự trị tại Ngọc kinh trong trời Đại La trên năm mươi lăm lớp vô cực, đài cao bảy báu, giường vàng ghế ngọc, chỗ tiên đồng ngọc nữ hầu canh, ở ngoài ba cõi ba tầng trời”. Căn cứ Thần Tiên Ngũ Nhạc Đồ nói: “Đại Đạo Thiên Tôn ngự trị ở Đô Thái Huyền, châu Ngọc quang, quận Kim thân, huyện Thiên bảo, hương Nguyên minh, Lý Định Chí, chỗ tai họa chẳng kịp”. Kinh Linh Thư nói: “Đại La là trời trên năm ức năm vạn năm ngàn năm trăm năm mươi lăm lớp trời. Ngụ Nhạc Đồ nói: “Đô nghĩa là đổ (thấy). Thái thượng Đại Đạo là Đạo thần minh Quân trên Trung đạo rất giữ tỉnh lặng ở Đô Thái Huyền”. Chư Thiên Nội Âm nói: “Trời cùng các Tiên gióng trống của Lầu đô, chầu yến ngọc kinh để vui cùng Đạo Quân. Suy đó đàm nói sai nhầm, thì Đạo Quân là Thần minh của trời, đã thuộc châu huyện thì Thiên Tôn lại là hàng dân của trời. Như kinh nhà Phật luận, ngoài ba cõi gọi là ra khỏi sinh tử, không hình phần đoạn, lìa cảnh tâm sắc, sao lại có được đài báu núi ngọc châu quận hương lý? Hư vọng rất lắm, chuyển lại khó kính, chỉ Đạo gia dối nói là dấu vết khả quan.

Tập tục sống thường là ngày đã lâu, các tà đua nhau dấy khởi, lần lượt lẫn lộn có sự bất đồng. Nếu muốn chánh danh, lý phải rành mạch. Nay lược nêu duyên khởi tùy mà phán định đó. Căn cứ Chu Lễ, thì từ đời Nghiêu trở về trước chưa có quận huyện, đến Thuấn đi tuần Ngũ nhạc mới thấy tên châu, Thượng thư Võ Cống trở lại mới trình bày hiệu châu. Ở thời Xuân Thu, huyện lớn quận nhỏ, vì quận thuộc từ huyện từ

thời Hán Cao trở lại lấy huyện thuộc quận. Điển cáo rõ ràng, chín châu Võ tích, trăm quận Tần đều là vậy. Giả sử như có Đạo ở trên trời thì nên xúc sự vô vi, nhân gì nhà cửa thuộc hương ở cùng Phàm chẳng khác? Đã có châu quận tức có Quan trưởng, châu mục quận thú họ gì, tên gì? Hương trưởng Lý ty là con ai, em ai? Đều là Đạo sĩ học hẹp, không biết Hoàng cân, chắc hẳn xưa nay chưa xem kinh sử, thấy ở nhân gian đặt lập châu huyện, cũng nói trên trời cùng thế tục phù hợp đồng nhau, ôm giữ ngụy lấy làm chân, thật đáng xấu hổ. Tướng mạch gốc ngọn ấy đều như trong luận Tiếu đạo mà rút ra vậy.

Người thông rành bảo: Trang Chu nói: "Xét đầu tiên đó mà vô sinh, chẳng phải không vô sinh mà vốn vô hình, chẳng phải không vô hình mà vốn vô khí. Giữa khoảng hoảng hốt, biến động mà có khí, khí biến mà có hình, hình biến mà có sinh, sinh là của người vậy, tụ của khí. Tụ thì là sinh tan thì là tử. Nên nói hữu vô cùng sinh vậy, muôn vật là một vậy". Sao là một vậy? Tức là thiên hạ một khí. Suy đó mà đàm luận, không riêng có Đạo cao ở Đại La, riêng xưng tôn quý.

Quân Tử nói: Với hai khí âm dương, kinh Hoàng Tinh nói: "Lưu Đan chín lần chuyển, kết khí thành Tinh, Tinh hóa thành Thần, Thần biến thành người. Dương khí đỏ gọi là Huyền đan, âm khí vàng gọi là Hoàng tinh. Âm dương giao hợp hai khí theo Tinh, Tinh hóa làm Thần, Tinh Thần ngưng kết trên ứng chín trời. Khí của chín trời xuống ở Đan điền, cùng Thần hợp ngưng đến nơi mạng môn, cần phải chín lần qua là làm cửu đan, trên hóa dưới ngưng để thành ở người", chẳng thấy nói riêng có đạo Thần hay làm chủ muôn vật khiến đó sinh vậy.

Người thông rành bảo: Các bậc danh Nho xưa nay và cả Hà Thượng Công chú giải năm ngàn (5.000) văn chương, nhìn xem đó chẳng thấy, gọi tên là Di, Di nghĩa Tinh. Lắng đó mà chẳng nghe, gọi là Hy, Hy nghĩa là Thần. Nắm bắt đó chẳng được, gọi là Vi, Vi nghĩa là Khí. Phải gọi là trạng của vô trạng, tượng của vô vật, nên biết khí thể man mác. Do vậy, đón nó chẳng thấy đầu nói, khí hình thanh hư, nên nói theo nó chẳng thấy sau nó. Đó là thuật về gốc của đạo theo khí mà sinh. Do đó, kinh Thượng Thanh nói: "Tôi sinh trong man mác rất mờ tối, trong mờ tối sinh ở không đồng, trong không đồng sinh ở Thái nguyên, Thái nguyên biến hóa, ba khí rõ ràng vậy. Một khí xanh, một khí trắng, một khí vàng, nên nói một sinh hai, hai sinh ba". Căn cứ Chương Sinh Thần nói: "Lão Tử lấy nguyên thủy ba khí hợp mà làm một, là pháp thể của chí nhân. Tinh là tinh linh, Thần là biến hóa, khí là khí tượng". Như Lục Giản Tịch, Tạng Căng, Cố Hoan, Mạnh Trí Chu v.v... Lão Tử Nghĩa

nói: "Hợp ba khí ấy để thành Thánh thể". Lại nói: "Tự nhiên là thể của Thông tướng, ba khí là thể của Biệt tướng". Kiểm xét chỗ tông của Đạo lấy khí làm gốc, khảo xét trong ba khí có sắc có tâm. Đã là sắc tâm tạo thành, thì chưa khỏi hoạn sinh tử, sao được xưng thường?

Quân Tử nói: Nguyên đầu tiên của Đạo, lấy khí làm thể. Cớ sao rõ vậy? Căn cứ kinh Dưỡng Sinh Phục Khí nói: "Đạo nghĩa là khí, ôm giữ khí thì đắc đạo. Đắc đạo thì trường tồn. Thần nghĩa là tinh, ôm giữ tinh thì thần sáng, thần sáng thì trường sinh. Tinh là dòng lưu thông của huyết mạch, linh phủ của giữ cốt, tinh mất thì cốt khô, cốt khô thì chết vậy". Nên Trang Chu nói: "Thổi hà hít thở, nhả cũ nạp mới". Bành Tổ tu đó để thành thọ khảo. Kiểm xét đó mà nói thì hay dưỡng hòa khí sẽ dẫn đến Trường sinh. Nghĩa là đắc đạo vậy.

Người thông rành bảo: Giả sử có đạo chẳng thể tự sinh, theo tự nhiên mà sinh, theo tự nhiên mà ra. Đạo vốn từ tự nhiên, thì đạo có chỗ chờ đợi. Đã nhân từ cái khác mà có tức là vô thường, nên Lão Tử nói: "Nhân pháp địa, Địa pháp thiên, Thiên pháp đạo, Đạo pháp tự nhiên". Vương Bật nói: "Nói đạo của trời đất đều có tương vi, nên xưng là pháp, tự nhiên không xưng từ cùng cực đạo hiệu của trí tuệ linh tri, dùng trí chẳng kịp không trí, có hình chẳng kịp không hình". Đạo là nghĩa có, chẳng kịp nghĩa không của tự nhiên vậy.

Quân Tử nói: Dịch Càn Tạc Độ nói: "Xưa kia dòng họ Toại nhân ngưỡng xem Đẩu cực để định phương danh, Bào Hy nhân đó mà họa Bát quái". Hoàng đế thọ mạng khiến Đại Nạo tạo Giáp tý, dung thành thứ lớp lịch số, thuyết của Ngũ hành cửu cung từ đó mà phát khởi. Nên Thuyết Quái nói: "Dương số chín là đạo của lập trời". Nói âm cùng dương, âm hai dương một thì trời có ba vậy. Đạo của lập đất, nói nhu cùng với cương, nhu hai cương một thì đất cũng có ba. Đạo của lập người, nói nhân cùng nghĩa, nhân hai nghĩa một thì người cũng có ba, ba cái ba hợp thành chín. Âm dương tương thông để thành muôn vật, chẳng nghe riêng có Đạo thần ở nơi cao tòa Đô Thái Huyền, bởi trên trời lưới ba thanh, dưới bao ba cõi. Ở phòng của bảy ánh, ra trên chín cung, hành thần trải khí, tạo tác muôn vật. Há chẳng phải hoặc loại vùi lấp nhân gian ư? Kiểm công thì nghiệp khác, sánh lớn mạnh thì việc khác. Sa-môn nêu bảy đức mà chẳng trái, Đạo sĩ nói làm mà nhiều lỗi quá, lập vết xa mà không phán định, dựng mưu cao mà chẳng lường biết, mênh mông chẳng thể chuộng vậy. Đó chỉ là Thích giáo ư? Đâu thể đem ít nước nói nhà thấp trủng sánh cùng sóng cả Bằng Di ấy ư? Chẳng phải cùng loại vậy.

LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN BẢY

CHƯƠNG TÁM: QUẢ BÁO TƯƠNG GIAO CỦA KÍNH TIN VÀ HỦY BÁNG

Nho sinh hỏi: Tạo tượng viết kinh, vốn mong hiện phước. Trì trai hành đạo, quý được lợi ích trước mắt. Cớ sao xưng niệm Địa Tạng mà không chứng nghiệm, kêu gọi Quán Âm mà chẳng được cứu? Ương họa bảy nạn lưu luyến đua nhau nhóm tập, nguyện của hai cứu dắt tay chẳng theo. Phùng Sĩ Cán có văn cật hỏi Thánh, Dương Huyễn Chi đặt viết luận lỗi Thần linh, nhọc nhằn luống khổ uổng phí châu ngọc, chuyên việc nói khoe, hiếm nghe thật lục. Chẳng chỉ người làm thiện không được hiệu nghiệm đó, mà kẻ làm ác vẫn an nhiên nhận vinh dự đó. Đâu để ý Thích môn, trái lại thành ô hợp?

Bậc Khai sĩ dụ bảo: Phàm U hiện khó mở, chỉ tin có thể vào; sóng cả mênh mông, chỉ trí hay vượt qua được. Trí là nền tảng của vượt Thánh, tin là gốc của vượt phàm, vốn nhân tin mà lập hạnh, độ nhờ trí mà thần lắng. Tin là công của chiêu phước, trí là thuật để trở lại nguồn. Nên nói: Người có trí có thể lấy điều nghe hợp lý, người ôm giữ niềm tin có thể để thành đạo thầy trò. Phu Tử nói: “Binh lính ăn thì có thể quên, niềm tin không thể mất”. Nay phải vì đó mà luận rõ yếu chỉ vậy. Phàm, cảm ở tại tinh thành, đạo do khẩn khổ, ý chẳng chuyên đạo lấy gì khắc tâm, chẳng chí cảm không lấy gì làm thông? Cho nên, Sô Diễn than dài linh sương ngày hạ, Lý Quảng chú tâm cất cánh lấp đá, Tướng quân bái giếng, Sơ Lặc suối bay, Minh phủ cúi đầu, Giang lăng lửa tắt. Nếu vạch can bày đảm giao mạng ném hình hài, phước phước cùng giúp, niệm niệm không nhọc mệt, bèn có thể trở lại tuổi thọ, chuyển trừ tai chướng, đâu chỉ được phước thọ ân ấy ư? Ngoài đã có vậy trong cũng không sai. Nếu cho rằng Quán Âm không thần, thì Sĩ Cán do đâu mà khỏi chết? Địa Tạng không sức lực, thì Hiếu Khiêm nhờ ai mà được an toàn?

Đến như Kiến An cảm mộng mà bệnh tật được lành (truyện Cảm Ứng nói: Tề Kiến An Vương mắc bệnh chảy mủ vàng, xưng niệm Quán Âm không ngưng nghỉ, ban đêm thấy Quán Âm tự tay trao cho thuốc, đến sáng sớm bệnh lành). Văn Tuyên giáng linh mà bệnh khỏi (Nội truyện của Tề Cánh Lăng Vương nói: Vương Dị bệnh nhiệt, nửa đêm chết ngất, mộng thấy tôn tượng vàng tự tay rưới nước thần ấm nóng, nhân đó bèn được bình phục). Cao Vương hành hình mà dao gãy (Ở thời nhà Tề có kẻ tù, tội đáng xử nghiêm trọng, mộng thấy có vị Thánh tăng, miệng tụng truyền cho lời kinh, bèn chí tâm tụng niệm đủ vài ngàn biến. Đến lúc đưa ra hành hình, dao gãy, nhân đó bèn được khỏi chết. Kinh đó chính là kinh "Cao Vương Quán Thế Âm" vậy). Tôn tượng vàng thay chịu chém chặt mà trên cổ có vế thương (truyện Cảm Ứng nói: Trương Dật làm việc đến chết, dự định tu tạo tôn tượng bằng vàng, sớm tối mong cầu được mạng sống. Đến lúc đưa ra hành hình, dao gãy mà trên cổ không vết thương tích. Có vị Quan hỏi về nguyên nhân, Trương Dật đáp: "Chỉ chuyên lễ bái tôn tượng". Trên cổ tôn tượng ấy có hai vết sẹo dao chém, vết sẹo đỏ như huyết, nhân đó mà được khỏi).

Người dòng họ Tạ giao thông tâm hồn, được thấy con đã chết, nhân đó mà cầu phước (Tấn Lục nói: Phu nhân của Long Da Vương Ngưng, vốn dòng họ Tạ tên Thao ở quận Trần, là con gái của Nguyên Dịch, là người thanh tâm huyền chỉ, dáng vẻ tài tú xa cao, bị chết hai người con trai nên đau khổ rất lắm, suốt thời gian sáu năm chẳng vén mở màn trướng. Bỗng thấy hai người con trở về gông cùm lớn, khuyên mẹ tự khoan tha, nói là bị tội không được khỏi, chỉ làm phước mới có thể được miễn đó. Lại thuật nói rõ đủ các thứ thống khổ. Người mẹ (Tạ Thao) vì đó mà cầu phước mong được phước giúp vậy). Tôn Tộ thấu đạt sâu xa, thấy người chết mất mà thiết trai (Tuyên Nghiệm ký nói: "Tôn Tộ người ở Trở dương - nước Tề, làm Thái trung đại phu. Thuở thiếu thời có người con nhỏ tự là Pháp Huy, rất thông minh mẫn tuệ, kính phụng Phật pháp. Năm Hàm Khang thứ nhất (335) thời Đông Tấn, Pháp Huy vừa mười tám tuổi, làm Quế Dương quận mắc bệnh mà chết, khi ấy Tôn Tộ đang trấn nhậm tại Võ xương. Đến ngày mồng tám tháng tư năm Hàm Khang thứ ba (337) thời Đông Tấn, Tôn Tộ thiết lập đạo tràng, thỉnh Phật mời Tăng thiết trai hành đạo, thấy Pháp Huy đứng trong chúng theo sau tôn tượng, bèn đến hỏi han. Pháp Huy quỳ bái, nói rõ ở và tiện đó theo cha mẹ về nhà. Trước đó, Tôn Tộ có bệnh, Pháp Huy nói không có họa lớn, đến tháng năm sẽ lành, nói xong bèn từ biệt". Nói tạo phước cứu giúp u hồn khỏi khổ, việc ấy không hư dối

vậy).

Trường Thư một lời xướng mà gió xoay, tuổi trẻ bốn lần ném mà lửa tắt (Tấn Lục, Minh Tường Ký nói: Ở đời Tấn có Trúc Trường Thư vốn người xứ Thiên Trúc, chuyên tâm tụng kinh Quán Thế Âm. Sau đến ở Ngô trung, bấy giờ trong ấp gặp phải nạn lửa, phòng nhà liền cột, rui tranh biết lẫn nhau, lửa đến đều cháy cả, không thể nào cứu được. Nhà của Trường Thư ở dưới gió, trong ý cho là hẳn bị thiêu hủy, nên nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm. Lửa sắp đến nhà Trường Thư, gió liền xoáy ngược, lửa tắt, cuối cùng nhà được khỏi nạn. Cả huyện đều kinh dị, ngợi ca đó là có thần. Bấy giờ có gã tuổi trẻ hung ác lấy làm quái lạ, không biết Lão Hồ ấy có linh ứng gì mà lửa thiêu đốt không cháy, bèn đang nửa đêm gió dữ, gã tuổi trẻ đó đem lửa ném vào phòng nhà bốn lượt mà đều tắt mất. Gã tuổi trẻ đó thán cảm, đến sáng sớm vào nhà cúi đầu hối tạ lỗi qua. Trường Thư bảo: “Tôi không thần lực, chỉ xưng niệm Quán Thế Âm lấy làm hạnh nghiệp thường chuyên, nên mỗi lúc hữu sự thường được thoát khỏi vậy”).

Sa-môn Tăng Hồng ở trong tù cấm, được tôn tượng chú đúc đưa tay xoa đầu (Minh Tường ký nói: Trong thời nhà Tấn, có Sa-môn Tăng Hồng ở chùa Ngõa Quan tại kinh đô. Năm Nghĩa Hy thứ mười hai (416) thời Đông Tấn, đang lúc quan cấm chú đúc tôn tượng, mà Sa-môn Tăng Hồng đã phát tâm chú đúc tôn tượng bằng vàng cao trượng sáu. Nếu được viên mãn thì có chết cũng không hận, bèn liền trộm chú đúc. Đúc xong tôn tượng hiện còn trong khuôn, thì Quan sở ty bắt Sa-môn Tăng Hồng giam cầm trong phủ, gông cùm rất nghiêm mật. Sa-môn Tăng Hồng nhất tâm chuyên niệm Quán Thế Âm, mỗi ngày tụng trăm biến, bèn mộng thấy tôn tượng vàng mình chú đúc vào đến trong ngục đưa tay xoa đầu, bảo: “Không phải lo sợ!” Trước ngực tôn tượng đó có khoảng một thước sắc màu đồng rực cháy. Những ngày Sa-môn Tăng Hồng đang ở trong ngục cấm, thì trâu ngựa khắp cả nước nhà đều chẳng chịu vào chuồng, bấy giờ mọi người lấy làm quái lạ. Qua mười ngày sau có sắc ban đưa đến Bành thành, Sa-môn Tăng Hồng nhân đó được phóng thả, phá khuôn, tôn tượng tự hiện).

A Luyện thác sinh mà tiếng Hồ vượt miệng (Minh Tường ký nói: Vợ của Lang Da Vương Mân không sinh con, thường khấn cầu Quán Âm để xin con. Sau đó, Vương Mân đi đường gặp vị Tăng người Hồ, trong ý rất vui mừng đó. Vị Tăng ấy bảo: “Sau khi tôi chết sẽ làm con của ông”. Qua thời gian ngắn, vị Tăng ấy tịch, ba tháng sau, vợ Vương Mân mang thai, đến lúc sinh, đứa trẻ liền biết nói, hiểu âm mười sáu

nước xứ Tây Vức, rất thông minh có khí độ. Đó tức là thân của Thượng thư Vương Uyên Minh thời nhà Tấn. Nên lúc nhỏ có tên là A Luyện, mọi việc trước lúc sinh đều có ứng nghiệm vậy).

Đức Tổ nhất tâm, mây giăng mê mờ Lỗ Kỵ (Tuyên Nghiệm ký nói: Có Mao Đức Tổ người xứ Vinh Dương, mới đầu đi lính ở Giang nam, lén trộm đường. Giữa đường gặp phải Lỗ Kỵ đuổi bắt, bèn núp ẩn trong cỏ lau bên cạnh đường. Vì cỏ thấp lau thưa nên nửa thân mình còn lộ bày, trong ý Đức Tổ hẳn phải chịu chết. Cả nhà im lặng xưng niệm Quán Thế Âm, bỗng chốc mây nổi mưa đổ. Đức Tổ bèn được thoát khỏi nạn).

Lý Nhu mặc niệm, đàn giặc ngựa kinh hãi (Tuyên Nghiệm ký nói: Đội chủ Lý Nhu sau đến trấn Hổ Lao, bị Ngụy Lỗ vây bao, nguy cấp đến nơi, nửa đêm vượt thành ra thấy giặc, ngang dọc đều nằm. Lý Nhu mới nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm, tiện qua nơi giặc đến một đầm thiêu, giặc liền đuổi theo lại, Lý Nhu bèn vào núp trong cỏ, chưa kịp ẩn kín, mà đàn ngựa đã đến nơi cỏ. Lý Nhu kinh hãi, chợt nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm, bỗng nhiên giặc ngựa kinh sợ bỏ chạy, nhân đó mà Lý Nhu thoát khỏi).

Quách Tuyên hứa tiền gông cùm tự mở, Xử Mậu trái thề tên rơi bắn trúng. (Năm Nghĩa Huy thứ mười một (415) thời Đông Tấn, Quách Tuyên ở quận Thái Nguyên cùng Văn Xử Mậu ở quận Thục, trước kia cùng Lương châu thứ sử Dương Mục Kính làm bạn. Dương Mục Kính vì hại người nên bị bắt giam. Do đó, Quách Tuyên và Xử Mậu đồng bị gông cùm, xưng niệm Quán Thế Âm qua sau mười ngày, giữa đêm canh ba, mộng thấy một vị Bồ-tát đến an ủy dẫn dụ, bảo là mạng lớn không phải âu lo, cũng tự thấy gông cùm tự mở, tới sáng thì khóa trói lại. Như vậy qua vài lần, hai người vui mừng cùng nhau phát nguyện: “Nếu được khỏi tội thì mỗi người xuất mười ngàn tiền đưa đến chùa Tây Minh để tu tạo công đức”. Cùng lập nguyện lớn xong, ít ngày sau cả hai người đều khỏi. Quách Tuyên y như lời nguyện đưa tiền đến chùa, còn Xử Mậu nuốt trái lời thề không đưa tiền đến, nên khi lo việc theo dấy nổi binh lính, đang ở trong quân lính tại Tra bồ, bị trúng tên rơi lạc, đang lúc chưa chết, Xử Mậu nói: “Ta có tội lớn!” Nói xong bèn chết).

Hà Hồ cảm Thánh, mẹ bệnh mới lành (Truyện Hà Thị nói: Hà Hồ tự là Trọng Bảo, ở thời nhà Lương làm Bắc chinh tư nghị, hiểu rộng học nhiều, mới đầu rất có tiếng tăm, sửa Tả Thị Xuân Thu, lược thông đại nghĩa, tánh hiếu thuần hậu, phụng sự thân thích rất cung cẩn. Người mẹ mắc bệnh, đi tìm cầu thầy thuốc mà chẳng cưỡi ngựa xe, bỗng cảm vị

Thánh Tăng thể chất khác thường tay nắm lò hương đến cầu trai thực mà đến không sớm muộn, nên nghi đó là phi thường. Như vậy hơn mười ngày, người mẹ bệnh có phần thuyên giảm. Vị Tăng ấy bèn giả từ mà đi, lưu lại một quyển kinh Bát-nhã viết trên lụa trắng, nhân đó nắm tay Hà Hồ mà bảo: "Bần đạo là tướng Nhân Bất Thối trong hai mươi bảy Hiền thánh, cảm sự chí tâm của Đàn-việt, nên đến thăm chữa bệnh. Nay người bệnh đã lành, bần đạo nên lui về". Nói xong, bèn thẳng hướng trước mà đi, bỗng nhiên không thấy mà khói lò hương phảng tỏa một tuần mới hết. Tinh thành được ứng cảm, nên từ triều đình đến thôn dã đều tán thán. Nhân đó, Hà Hồ xả thí vườn nhà riêng mà tạo dựng chùa Nguyệt Ái).

Trương Ứng xả tà, người vợ mắc bệnh bèn lành (Linh Quỷ Chí nói: Trương Ứng ở huyện Lịch Dương, trước kia là nhà Ma cưới con gái nhà Phật làm vợ. Năm Hàm Hòa thứ tám (323) thời Đông Tấn, chuyển dời đến ở Yến Hồ, người vợ mắc bệnh do vì ma sự, của cải trong nhà sắp hết cả, người vợ bảo: "Tôi vốn là con gái nhà Phật, xin nên vì tôi mà làm Phật sự". Trương Ứng đến trong Tinh xá, gặp Sa-môn Trúc Đàm Cảnh, Đàm Cảnh bảo: "Phật cứu tế chúng sinh khắp cùng chẳng kể là ai, chỉ cần ông phải nhất tâm thọ trì thân giới". Đàm Cảnh kỳ hẹn ngày mai sẽ đến nhà. Chiều tối hôm đó, Trương Ứng mộng thấy có một người thân hình cao lớn trượng năm, sáu, thẳng hướng từ phía Tây bắc ngay nhà mà vào, bảo: "Nhà này vắng vẻ, vả lại bất tịnh". Đang trong mộng, thấy Sa-môn Đàm Cảnh theo sau người ấy thưa rằng: "Nhà này mới muốn phát ý, chưa thể mỗi một đều trách đó". Trương Ứng đưa tay nhụi mắt mà tỉnh giấc, bèn đốt lửa làm tòa cao và tòa quỷ Tử mẫu. Sáng ngày, đúng giờ thọ thực, Sa-môn Đàm Cảnh đến nhà Trương Ứng, mọi thứ thuộc tòa cao đều hoàn thành đầy đủ, nghe Trương Ứng kể lại điều mộng, bèn cả vợ chồng đồng thọ ngũ giới, bệnh cũng dần lành).

Khương A Đắc tạo dựng chùa tháp nên được phóng thả trở về (U Minh Lục nói: Khương A Đắc chết, ba ngày sau sống lại kể rằng: "Lúc mới chết có hai người cặp nách, có ngựa trắng và quan lại cưỡi đi. Không biết đi được mấy dặm, thấy ở hướng Bắc có cửa đen tối, vào hướng Nam thấy hướng Đông có cửa đen tối, vào hướng Tây thấy hướng Nam có cửa đen tối, vào hướng Bắc thấy có nhà gạch rộng hơn mười gian, có người mặc y phục sắc đen, đội mũ lồng, bên cạnh có hai mươi quan lại, đều nói là Phủ Quân. Ở phía Tây nam lại có bốn mươi - năm mươi quan lại. Khương A Đắc bèn đến trước kính bái Phủ Quân. Phủ Quân hỏi: "Đã từng phụng sự điều gì?" Khương A Đắc đáp: "Ở nhà

tạo lập Phật tượng chùa tháp, cúng dường đạo nhân". Phủ Quân bảo: "Ông phước đức lớn vậy!" Rồi hỏi Đô lục Sứ giả: "Người này mạng đã hết chưa?" Thấy mang đến một quyển sách, cúi xuống đất mà đặt để trên án, chữ trong sách rất nhỏ, và tâu là: "Số mạng còn ba mươi lăm năm". Phủ Quân tức giận bảo: "Kẻ tiểu lại cớ sao dám đoạt mạng người vậy?" Bèn trói vị quan lại cưỡi ngựa trắng ấy vào trụ, xử phạt đánh trăm trượng, máu đổ lai láng. Xong, hỏi Khương A Đắc: "Muốn trở về lại chăng?" Khương A Đắc đáp: "Muốn". Phủ Quân bảo: "Nay phải đưa ông trở về, và tiện đây sẽ đưa ông nên đi trông xem địa ngục". Bèn cấp cho một con ngựa và một người dẫn theo, theo hướng Đông bắc đi ra. Không biết đi được mấy dặm, thì thấy một thành vuông vài mươi dặm, có nhà cửa đầy khắp thành, nhân đó mà thấy vong Bá bá mẫu và Thúc thúc mẫu lúc chưa kính phụng Phật, đều mang gông cùm, áo xiêm rách nát, thân thể nồng tanh hôi hám. Lại theo phía trước thẳng đi, thấy có một thành, trong đó có người nằm trên giường sắt, lửa thiêu đốt giường cháy đỏ. Phàm thấy khoảng mười ngục, mỗi mỗi ngục đều có đủ các thứ khổ độc. Các ngục tên là Cát đỏ, Cát vàng, Cát trắng, như vậy có đến bảy thứ cát; có núi dao cây kiếm, có ôm cột đồng cháy đỏ. Khi ấy bèn trở về, lại thấy các nhà liền tiếp bảy mươi - tám mươi gian, cặp theo đường đi trồng cây hoè, gọi đó là Phước xá, nhưng chẳng có chư Phật ở trong đó. Người phước nhiều thì sinh lên trời, người phước ít thì sống trong nhà ấy. Xa thấy đại điện rộng hơn hai mươi gian, có một người nam, hai người nữ từ trên điện đi xuống, thì chính là vong Bá bá mẫu và vong Thúc thúc mẫu của Khương A Đắc sau khi đã kính phụng Phật. Chốc lát, thấy một đạo nhân đến hỏi Khương A Đắc: "Ông biết tôi chăng?" Khương A Đắc đáp: "Không biết". Đạo nhân ấy bảo: "Cớ sao ông không biết tôi? Tôi cùng ông làm Phật đồ chủ". Khi ấy Khương A Đắc bèn cười mà nhớ đó. Về đến nơi Phủ Quân, bèn sai hai người trước đưa trở về, chốc lát mà sống lại).

Thạch hiền giả cúng dường Phạm tăng mà được sống (U Minh Lục nói: Thạch Trường Hòa chết, bốn ngày sau sống lại nói: "Lúc mới chết, theo hướng Đông nam mà đi, thấy hai người dẫn đường, thường cách khoảng năm mươi bước, Thạch Trường Hòa có chạy nhanh cũng vậy. Hai bên đường gai gốc đâm chính đều như móng chim ưng, thấy mọi người lớn nhỏ từng đoàn chạy trong gai gốc như bị rượt đuổi, thân thể rách nát, giữa đất có máu đọng. Người trong gai gốc thấy Thạch Trường Hòa riêng đi trên đường bằng phẳng, mới than thở bảo là: "Đệ tử Phật riêng được đi trong đường lớn". Đi tới phía trước thấy có bảy mươi - tám

mươi gian nhà liên tiếp nhau, bên trong có hơn mười gác, trên sườn nhà có cửa song, bên trong có người mặt lớn vuông ba thước, mặc áo bào sắc đen cặp vá bốn nách, chỉ bày tay áo trở lên. Thấy Thạch Trường Hòa, bèn liền hướng trông kính bái, và nói: “Thạch hiền giả đến đó ư? Một lần cách biệt đã hơn hai mươi năm!” Thạch Trường Hòa nói: “Phải vậy!” Trong ý bèn như có nhớ. Khi ấy, có vợ chồng Phùng Mạnh Thừa đã chết trước. Người trên gác hỏi: “Hiền giả biết Thừa chăng?” Thạch Trường Hòa đáp: “Biết”. Người trên gác bảo: “Mạnh Thừa lúc sống không tinh tấn, nay luôn vì ta mà quét đất, còn vợ Mạnh Thừa tinh tấn yến nhiên, nên cũng làm việc với quan gia”. Và đưa tay chỉ vào một phòng ở phía Tây nam tiếp bảo: “Vợ của Mạnh Thừa hiện nay ở trong đó”. Vợ Mạnh Thừa liền mở cửa đi ra, thấy Thạch Trường Hòa, bèn hỏi: “Thạch hiền giả đến đây lúc nào?” Và hỏi khắp mọi người lớn nhỏ con cái trong nhà có được bình an chăng? Lúc nào trở về ngang qua đây, xin gởi một lá thư. Chốc lát liền thấy Mạnh Thừa từ đầu phía Tây gác đi lại, một tay nắm chổi ky hốt quét phẩn bụi, một tay nắm đai, cũng hỏi tin tức ở nhà. Trên gác có một người hỏi: “Nghe cá rồng siêu tinh tấn, có tin vậy chăng? Ông tu hành như thế nào?” Thạch Trường Hòa đáp: “Không ăn cá thịt, rượu chẳng dính qua môi, thường đọc tụng Tôn kinh, cứu các bệnh khổ”. Người trên gác bảo: “Lời lưu truyền không hư dối”. Người trên gác lại hỏi Độ Lục chủ rằng: “Thạch hiền giả mạng đã hết chăng? Sao uổng đoạt mạng ấy vậy?” Đô lục chủ nói: “Còn hơn bốn mươi năm”. Người trên gác bảo: “Riêng đưa một xe chở đôi tích, xa kỵ hai kẻ lại tiễn đưa Thạch hiền giả”. Phút chốc, từ phía Đông bèn có xa kỵ và người theo như số đã sai bảo. Thạch Trường Hòa bèn bái từ, lên xe mà trở về. Trên đường đi phía trước, bên cạnh có trạm dừng nghỉ. Kẻ lại và dân ăn uống đầy đủ, chốc lát về đến nhà. Trước tiên thấy cha mẹ ngồi bên cạnh thây của mình, thấy thây trướng lớn như trâu, nghe mùi hôi thối, nên không muốn vào trong mà đi nhiễu quanh thây xác ba vòng. Thạch Trường Hòa tha thở, đến đứng trước đầu thây xác, vong hồn người chị ở phía sau xô đẩy đó, bèn rơi vào trên mặt thây xác, nhân đó, liền sống lại vậy).

Quỷ cũ lắm hiểu biết, hay hiện quái lạ mà được hưởng ăn ngon lành. Quỷ mới không biết, vào nhà Phật mà vận chuyển cối xa (Biến Lược nói: Có quỷ mới không được ăn uống thân hình gầy ốm. Bỗng gặp một quỷ cũ chết đã nhiều năm thân thể béo tốt khỏe mạnh, bèn cùng hỏi thăm nhau, xin chỉ cách thức sống. Quỷ cũ đáp: “Hãy vì người mà làm điều quái lạ, người hẳn kinh sợ, nhân đó hiến dâng các thứ ăn

uống mới được béo tốt mạnh khỏe". Quỷ mới bèn vào nhà phụng thờ Phật, nhà đó tinh tấn thường tu thiện nghiệp, thấy ở phòng phía Tây có cối xay. Quỷ mới đến đó xay đẩy, chủ nhà vui mừng bảo cùng con em rằng: "Nhà tôi nghèo khổ, Thiên thần đến giúp giả xay, hãy gấp khiêng chuyển thóc lúa cho đó". Đến chiều xay được vài mươi hộc thóc. Thế rồi, quỷ không được ăn uống gì, mà nhọc mệt bèn bỏ đi, lại đến trên cối của một nhà khác mà giả. Nhà đó chánh tín, cũng cùng vui mừng bảo: "Hôm qua xay ở nhà kia, nay đến nhà ta giả". Càng thêm lúa thóc, sai bảo kẻ tớ sàn dần đưa đến, đến chiều được năm mươi hộc gạo. Như vậy, quỷ mới nhọc mệt quá lắm lại không được ăn uống, trong tâm tức giận chẳng nhẫn chịu nỗi. Đêm đến, gặp quỷ cũ mới trút đổ hết oán trách. Quỷ cũ bảo: "Ông tự chẳng nghĩ tính vậy, hai nhà đó kính phụng Phật, tâm họ chánh tín khó lay động, dụng tâm nhất chí cũng có thể cảm triệt, bọn ta mình không, đáng phải làm kẻ bị sai sử đó. Nay đi có thể tìm nhà ở phía trước có cành trúc, treo đoạn lụa ngắn rủ xuống cửa. Đến đó mà làm quái lạ". Quỷ mới bèn nghe theo đến một nhà trước cửa có cành trúc, thấy một đàn con gái ngồi trước song cửa cùng ăn, trong sân có một con chó lông trắng. Quỷ mới bèn khiến con chó đi hỏng trên không, mọi người trong nhà đó kinh sợ, nói rằng: "Từ lúc sinh đến nay, chưa thấy quái lạ như vậy". Đi xem bói, bảo rằng: "Khách quỷ đến đòi ăn, có thể giết chó làm bánh quả đặt để trong sân mà cúng tế đó, thì sẽ được không việc gì xảy ra". Người nhà ấy y theo lời thầy bói mà làm, quỷ mới bèn được ăn, về sau thường luôn no đủ).

Triệu Thái tinh tư (thiền định), chỉ thiện thì cầu (U Minh Lục nói: Triệu Thái tự là Văn Hòa, người xứ Bối châu - Thanh hà, chốn công phủ mời chẳng đến, tinh cần suy xét điển tịch, làng nước đều ngợi khen. Năm Thái Thủy thứ năm (269) thời Tây Tấn, khi ấy mới ba mươi lăm tuổi, nửa đêm mồng ba tháng bảy, Triệu Thái đau tim mà chết. Trên ngực còn ấm nóng, thân thể co duỗi mềm mại, nên để thây xác lại chưa tẩm liệm. Đến mười ngày, hơi khí ở cổ họng phát ra như sấm, mở mắt, đòi ăn uống, bèn ngồi dậy nói: "Lúc mới chết, có hai người cưỡi ngựa vàng và hai lính đi theo, chỉ nói là "bắt đưa đi". Hai lính cặp hai nách, theo hướng Đông đi không biết mấy dặm, chỉ thấy một thành lớn như sắt thiết ngay thẳng cao vợi. Từ cửa thành phía Tây đi vào nhà quan phủ, có hai lớp cửa đen, phòng nhà liền tiếp nhau vài mươi rường, có khoảng năm mươi đến sáu mươi người vừa nam vừa nữ cùng đứng: Kẻ lại mặc áo đơn sắc đen dẫn năm - sáu người chú sớ, tên họ các người nam nữ riêng khác, bảo chẳng động, phải vào khoa trình Phủ Quân. Tên của

Triệu Thái ở thứ ba mươi. Chỉ phút chốc dẫn vào, Phủ Quân ở hướng Tây xoay ngồi, khoa nêu trình án danh. Lại dẫn theo hướng Nam vào cửa đen, có một người mặc áo sắc ráng xanh ngồi dưới phòng lớn, theo thứ lớp mà gọi tên. Trước hỏi: "Lúc sống làm việc gì, có tội quá gì, làm công đức gì, tạo được việc lành gì?" Người nói mỗi mỗi chẳng đồng. Chủ giả bảo: "Hứa cho các người từ sai khiến sáu bộ Đô Lục Sứ giả, thường ở tại nhân gian ghi sợ mọi việc làm thiện ác của người để cùng kiểm hiệu, người chết có ba đường ác: Giết hại, khấn đảo cúng tế là rất nặng, kính phụng Phật pháp, thọ trì ngũ giới, thực hành Thập thiện, từ tâm bố thí, sau khi chết sẽ vào Phước xá an ổn" vv... Triệu Thái đáp: "Không làm một việc thiện gì, cũng chẳng phạm tội ác". Khoa hỏi Đô Cánh Sứ làm Thủy quan, giám làm lại dẫn hơn ngàn người vốc cát đắp trên bờ, ngày đêm cần khổ, gào khóc hối hận nói: "Lúc sống không làm việc thiện, nay bị đọa đến xứ này, sẽ trở về đòi thay thế. Sau chuyển làm Thủy quan đô đốc, trông coi việc ở các ngục, cấp cho ngựa và binh lính". Theo hướng Đông đến địa ngục án hành, lại ngược đến địa ngục Nê-lê, có năm ngàn - sáu ngàn kẻ nam người nữ, có cây lớn giăng tỏa rộng hơn năm mươi bộ cao ngàn trượng, bốn phía đều có dao kiếm dựng ngược lên. Người mang lên cây đốt lửa, phía dưới mười mười năm năm rơi lửa, kiếm trên đâm xuyên thân thể họ, nói: Những người ấy là chú trớ mắng chửi, chiếm đoạt tài vật của người". Điệu thương lương thiện, thấy cha mẹ và hai em của Triệu Thái ở trong đó gào khóc. Thấy có hai người mang văn thư lại và bảo cùng Ngục lạc: "Có ba người ở nhà phụng thờ Phật, vì họ đến trong chùa treo phan đốt hương chú nguyện cầu giải tội quá của lúc sống". Ra đến nơi Phước xá đã thấy tự nhiên y phục. Lại thẳng đến một cửa đề tên là Khai Quang Đại Xá, có ba lớp cửa đen đều vách tường sắc trắng trụ đó. Ba người ấy liền vào cửa, thấy đại điện trân báu sáng lóa mắt. Trong nhà có hai sư tử đều nằm, trên lưng mang đội một sàng tòa bằng vàng ngọc, gọi tên là tòa sư tử. Thấy có một người thên cao trượng sáu, dáng hình sắc màu vàng ròng, cổ có vàng ánh sáng sắc trắng, ngồi trên tòa đó, bốn phía có các Sa-môn đứng hầu rất đông, đều là chân nhân Bồ-tát. Thấy Thái sơn phủ quân đến, Triệu Thái hỏi kẻ lại: "Đó là người nào?" Kẻ lại đáp: "Vị đó là Phật, bậc thầy cứu độ người trời". Bèn nghe Phật nói nay muốn dùng từ tâm cứu độ người trong đường xấu ác đây và trong các địa ngục đều khiến ra nghe. Lúc nói như vậy, có một triệu chín ngàn(1.009.000) người đồng một lúc được ra khỏi, địa ngục liền trống không, chuyển dời đến trăm dặm trong thành, ở trong đó đều là những đệ tử kính phụng Phật pháp,

phải qua Phước xá bảy ngày theo đi, các công đức tạo tác. Có người làm ít có người không có, lại thấy có gọi mười người khác sẽ sinh lên trời, có xe ngựa theo hầu nghinh đưa lên hư không mà đi. Khi ra lại thấy một thành ngang rộng hơn hai trăm dặm, tên là Thành kẻ lại thọ biến hình, nói là lúc sống chưa nghe Đạo pháp mà địa ngục xét trị đã xong, phải đến ở thành ấy lại thọ chịu biến hình. Vào cửa đó đang thấy vài ngàn vạn nhà đất có phường hẻm, chính giữa có nhà ngói lớn rộng hơn năm ngàn bộ, dưới phòng nhà có hơn năm trăm kẻ lại đối đáp thâu nhận tên người. Hình trạng người tạo ác làm thiện tùy theo đường biến đổi thân hình, mỗi mỗi tùy theo chỗ đến mà đi. Với kẻ sát sinh v.v... sẽ phải làm thân trùng phù du sớm sinh tối chết; nếu ra làm người thường phải bị đoản mạng. Kẻ trộm cướp thì làm thân heo dê, bị giết mổ thịt để đền trả. Kẻ dâm dật thì làm thân bồ câu, vịt trời. Kẻ nói lời đôi chiều thì làm thân chím cú, tiếng kêu hung ác, người nghe đều nguyền rủa muốn khiến chết. Kẻ hay chỉ trách thì làm thân loa lừa ngựa trâu cá rùa. Phía dưới nhà lớn có phòng nhà, đất ở phía Bắc có một phía Nam có hai, gọi từ cửa phòng phía Bắc đi vào mà ra cửa phòng phía Nam, đều biến thân hình làm chim thú. Lại thấy có một thành ngang rộng trăm dặm, trong đó, phòng nhà bằng ngói gạch, ăn ở khoái lạc, nói là người lúc sống không làm những việc xấu ác, không thấy Thiên đạo, cũng không nhận chịu tội, gọi đó là thành quỷ, sau ngàn năm được ra làm người. Lại thấy có một thành rộng hơn năm ngàn bộ, gọi là địa ngục, bên trong trích phạt, thống khổ chẳng thể kham, trở về đời một đời nhà vì giải mở trích phạt, đều tại trong thành ấy. Có năm sáu mươi vạn kẻ nam người nữ đều thân hình lõa lồ không y phục, đói khổ cùng ép bức, thấy Triệu Thái, bèn cúi đầu gào khóc. Triệu Thái hỏi kẻ lại: “Thiên đạo và địa ngục đạo cách nhau bao nhiêu dặm?” Kẻ lại đáp: “Cửa Thiên đạo và địa ngục đạo cùng đối án hành giáp vòng”. Trở về lại, Chủ giả hỏi: “Địa ngục có đúng như pháp không? Ông không tội nên cùng Sứ giả làm Thủy quan đô đốc, còn không như thế thì cùng người trong địa ngục chẳng khác”. Triệu Thái hỏi: “Người chết thế nào là vui?” Chủ giả bảo: “Chỉ có đệ tử Phật tinh tấn, không phạm giới cấm là vui”. Triệu Thái lại hỏi: “Lúc chưa kính phụng Phật, tạo tội như núi chất cao, nay kính phụng pháp, tội quá ấy có trừ được chăng?” Chủ giả đáp: “Đều trừ được cả”. Và gọi Đô Lục Sứ giả đến hỏi: “Triệu Văn Hòa cớ sao mà chết đến đây?” Sứ giả mở tráp xem tuổi tác ghi ở bộ tịch còn dư cả ba mươi năm, vô tình bị quỷ hung ác bắt lấy, nay sai bảo đưa trở về nhà”. Từ đó mọi người lớn nhỏ, đều phát ý kính phụng Phật, vì ông bà cha mẹ và hai con

mà treo phan lọng thiết lập phước hội).

Vương Thản hoài nghi, ước hẹn chết làm chứng nghiệm (Tục Sưu ký nói: Sa-môn Trúc Pháp Độ trước cùng Bắc trung lang tướng Vương Thâu kết bạn lành, thường cùng bàn luận về sống chết tội phước báo ứng, mịt mờ khó rõ, chưa xác định là có hay không, bèn cùng yếu ước, nếu ai qua đời sớm như thần thức có biết và quyết định được việc tội phước có không thì nên báo cho nhau biết. Về sau, Vương Thản đang ở tại Đô, bỗng nhiên thấy Sa-môn Pháp Độ đến, bèn kinh hãi, hỏi: “Thượng nhân từ đâu đến đây?” Sa-môn Pháp Độ đáp: “Ngày....... tháng... ấy, bần đạo đã tận mạng, tội phước đều không luống dối, mọi sự như bóng theo hình, tợ vang theo tiếng, Đàn-việt chỉ nên tinh tấn tu hành đạo đức để lên cứu tế Thần minh. Trước kia có cùng ông ước hẹn nên lại cùng báo”. Nói xong, bỗng nhiên không thấy nữa).

Tháp năm tầng chưa dựng tạo, mà đến chịu tội hình, dạo gãy mất (ở Vinh Dương, có Cao Cú tuổi đã năm mươi, vì giết người nên bị bắt giam khóa cổ trong ngục tối, trong ý cho là hẳn sẽ bị chết. Có người đồng bị giam cầm bảo: “Nên nỗ lực cùng tụng niệm Quán Thế Âm”. Cao Cú nói: “Tôi tội rất nặng nên cam tâm chịu chết, chẳng do đâu mà có thể được khỏi”. Người ấy lại tiếp khuyên, nhân đó Cao Cú mới phát tâm, thề nguyện sẽ bỏ ác làm thiện, và chuyên niệm Quán Thế Âm. Chẳng kể vội vàng, nếu được thoát khỏi thì nguyện xây dựng ngôi tháp năm tầng, đồ họa tôn tượng Phật, xả thân làm kẻ tôi tớ cúng dường chúng tăng. Trải qua tháng trời dụng tâm, gông cùm tự mở ra. Giám ty kinh hãi bảo cùng Cao Cú: “Sức thần của Phật xót thương ông, thì chém sẽ không chết”. Đến ngày đưa ra hành quyết, nhấc dao chưa hạ xuống mà dao gãy mất. Kẻ hành hình tấu trình, nhân đó mà Cao Cú được khỏi. Rút từ Tuyên Nghiệm ký và Tục Sưu Thần ký).

Một con ngỗng sắp bị giết, vì cảm mộng mà được toàn mạng (ở thời nhà Tống, Ngô Hưng thái thú lang da Vương Tập Chi là người có học vấn uyên thâm, mến trọng Lão Trang mà chẳng tin Phật, chỉ chuyên việc chủ giết hại làm chí ý trước tiên. Mới đầu, ông ta làm Tây tỉnh lang trung ở thời nhà Tần, rất mến chuộng khách, tại nội tỉnh có nuôi một cặp ngỗng, ông rất mến vui đùa cũng nó, lấy làm thích ý vừa lòng. Ban đêm, ông mộng thấy miệng nó ngậm lại quyển sách khoảng mười trang giấy, lấy xem đều thấy nói về các việc tội phước. Sáng sớm quả nhiên thấy đó là kinh Phật, nhân đó ông bèn bỏ việc giết hại, dốc lòng kính tin hơn mọi người, về sau lại được giàu sang phú quý).

Quách Thuyên hiện thân khiến thiết lập pháp tập (Ích châu thứ

sử Quách Thuyên chết cả hơn hai mươi năm. Đến năm Nguyên Gia thứ tám (?), cưỡi kiệu dẫn theo như lúc sống, hiện hình đến nhà của nữ tu Lưu Ngưng, bảo: "Tớ khiển trích việc chưa xong, nên nỗ lực thiết hội trai diên cúng dường bốn mươi chín vị Tăng, mới có thể được khỏi". Nói xong bỗng nhiên không thấy nữa. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Thâu Văn bị đắm chìm mà không sợ sóng gió (Thâu Văn chở muối ở Nam hải, gặp phải gió dữ, chí tâm mặc niệm Quán Âm, gió bèn ngưng, sóng yên lắng, do đó bèn được an ổn. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Văn Hòa sống lại, dốc tâm kính phụng Phật (Trình Đạo Huệ là Văn Hòa, người xứ Võ Xương, xưa trước không tin Phật pháp, ở đời chỉ kính phụng đại pháp. Thấy các Sa-môn đến khất thực thì ông liền cật nạn đó, luận rằng: "Nếu cùng lý tận tánh, thì không gì hơn Trang Lão". Về sau, nhân bệnh nặng chết giấc, thấy vua Diêm-la, mới biết Phật pháp đáng tôn sùng, bèn mời kính phụng Phật. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Trương Đạt bị giam cầm được phóng thả, mới chí tâm tu trì trai giới (Trương Đạt có tội, bị bắt giam ở ngục, đáng phần phải chết, mới chuyên niệm Quán Âm, gông cùm tự mở, nhân đó bèn được thoát khỏi, mới trọn đời tu trì trai giới. Rút từ Biệt truyện của Trương Thị).

Ngô Hưng bị thiêu đốt hết, nhà kinh vẫn như cũ (trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia (?), trong Quách Ngô Hưng, từng bị nạn lửa thiêu đốt hết, chỉ có ngôi nhà tranh cỏ tôn thờ kinh vẫn nghiễm nhiên như cũ, người đương thời cho là Thần vậy. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Bồ thành bị nạn lửa, Tinh xá không bị cháy (năm Nguyên Gia thứ tám (?), ở thành Bồ Phả tại Hà đông gặp phải nạn lửa không thể cứu, chỉ có các ngôi Tinh xá lớn nhỏ vẫn nghiễm nhiên, kinh tượng ở các nhà cư sĩ tại gia đều không bị tổn hoại rơi đổ, trăm họ đều kinh dị gấp bội, cùng nhau phát tâm. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Ở miếu thờ trời tại Kiến Khương có con ngỗng chết mà trở lại kêu (nơi đường hẻm ở quận Kiến Khương có miếu thờ Tứ thiên vương, mỗi tháng đến ngày sóc vọng (mồng 01 ngày 15) thường giết hại muôn sinh sắc trắng để cúng tế, mọi người gọi đó là tập tục người Hồ. Về sau, giết ba con ngỗng trắng, làm xong, bỗng nhiên ngỗng kinh hãi vùng vẫy kêu thương chạy vào dưới tòa thờ thần miếu báo mộng, Thần bảo: "Ta là đệ tử lớn của Phật, vốn không giết hại, nghiêm trì giới thanh tịnh, cớ sao giết ngỗng mà cúng tế? Vừa rồi giết ngỗng chết kinh sợ chạy, là muốn khai ngộ tâm ngươi". Về sau bèn cải bỏ giết hại, cũng chẳng tà dâm.

Rút từ Kiến Khương Biệt ký).

Trong chợ Ngô quận, tù nhân bị hành hình mà khỏi chết (có Thẩm Anh người ở Ngô quận bị trói buộc xử chết, ngày đưa đến trong chợ để hành hình, Thẩm Anh tụng niệm danh hiệu Quán Thế Âm, tâm miệng chẳng ngưng dứt, dao bén tự gãy, nhân đó mà được phóng thả. Một thuyết khác nói là: Lục Huy người ở Ngô quận bị trói giam ngục phân xử chết, mới bảo người nhà tạo tôn tượng Quán Thế Âm, mong được khỏi chết. Đến lúc hành hình, chém ba dao mà dao đều gãy, quan hỏi đó, mới nói: "Sợ là do sức Từ của Quán Thế Âm". Đến lúc trông xem trên cổ tôn tượng mới có hiện ba vết dao, nhân đó tấu trình mà được khỏi. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Thần miếu phụng cúng lụa quyên, liền được lìa khỏi thân trăn (Ngoại binh thượng thư Lưu... ở thời nhà Lương soạn thuật bộ Tháp Tự ký nói: Sa-môn An Thế Cao là Thái tử nước An Tức, ngầm trì vào kinh là do đó lưu xuất vậy. An Thế Cao đến hồ Cung đình tại Dự chương, Thần miếu mách bảo rằng: "Xưa trước tại ngoại quốc, tôi xuất gia làm Đạo nhân, ưa thích thực hành bố thí nhưng không nghiêm trì giới luật. Ngày nay ở đây làm thần trong hồ Cung đình, trong khoảng chu vi ngàn dặm đều là của tôi cai quản, trăm họ hiến dâng các thứ trân quý nhiều vô số, đó là phước báo của tôi do đời trước tạo nên. Nếu hay trì giới thì phước ấy có thể sinh lên cõi trời, nhưng vì hủy phạm nên phải sa đọa làm Thần. Sư là bạn đồng học, ngày nay được gặp gỡ, mừng buồn lẫn lộn có thể nói, thọ mạng tôi sắp hết trong sớm chiều, mà hình hài hôi hám dài lớn. Tôi không muốn xả bỏ thân mạng ở đây khiến dơ bẩn nước hồ, nên phải vượt qua trong đầm trống ở phía Tây núi này. Sau khi thân này hoại diệt, tôi sợ sẽ bị sa đọa vào địa ngục. Tôi có ngàn xấp lụa quyên, những thứ tạp vật hiện trong các hòm đá, sư có thể vì tôi mà dựng tạo chùa tháp, xây dựng Tam bảo, khiến tôi sau khi bỏ mạng được sinh về nơi tốt lành. Đó là điều tôi rất tha thiết muốn gởi gắm nơi sư!" Nghe vậy, An Thế Cao thương cảm, lệ rơi lai láng, bảo với Thần rằng: "Sao chẳng hiện rõ thân hình mặt mũi để cùng trò chuyện?" Thần đáp: "Bởi tội hủy phạm giới nên thân hình rất xấu xí, sợ thấy ắt sẽ kinh sợ". An Thế Cao bảo: "Chỉ cần tạm hiện rõ thân hình, tôi không khiếp sợ". Thần bèn từ sau sàn dần xuất hiện đầu ra là một con trăn lớn bò đến nơi đầu gối An Thế Cao, lệ đổ tợ mưa tuông, không biết chiếc đuôi dài ngắn bao nhiêu, chốc lát trở vào lại sau sàn. Khi ấy, An Thế Cao gom lấy lụa quyên và các vật đưa vào trong thuyền rồi giả biệt mà lui, cùng các khách lữ đồng lúc căng buồm lên đường. Thần lại hiện rõ thân hình

trăn rắn bò leo lên đảnh núi, xa trông theo lướt đi, mọi người vẫy tay, sau đó mới ẩn mất. Chỉ khoảnh khắc thì đến Dự chương, bèn ở tại xứ đó tạo dựng chùa Đông Lâm. Thần chuyển dời sang phía Tây núi mà xả bỏ thọ mạng, đầu đuôi dài lớn cùng cách nhau hơn bốn mươi dặm. Hiện nay tại quận Tầm Dương có thôn Rắn (Xà thôn), tức là đó vậy. An Thế Cao trở về lại kinh đô, đem các vật còn lại trong miếu đến chùa Ngõa Quan xây dựng ngôi tháp cao ba tầng. Về sau, An Thế Cao mộng thấy Thần đến mách bảo là nhờ Sư vì tạo phước nên đã được lìa khỏi thân hình trăn rắn. Trích ở Tuyên Nghiệm ký).

Xa mẫu đốt đèn, không kỳ hạn mà con trở về. (Xa mẫu gặp phải nạn của Lô Lăng Vương Thanh Nê ở thời nhà Tống, bị Phật Phật hung nghịch bắt giam ở trong doanh trại giặc. Người mẹ từ trước vốn kính phụng Phật, nên đốt bảy ngọn đèn trước tôn tượng Phật, suốt đêm ngày tâm thành tinh tấn khóc cầu Bồ-tát Quán Thế Âm, mong cho con được thoái khỏi. Cứ như thế trải suốt cả năm trời, người bỗng nhiên được tha trở về. Bảy ngày bảy đêm riêng một mình từ phương Nam mà chạy, gặp phải trời râm tối nên không nhận biết được hướng Đông tây. Xa thấy có bảy đoạn ánh sáng lửa nên cứ trông theo lửa mà chạy, tợ như gần đến thôn xóm nên muốn vào nhưng trọn không được. Cứ như vậy, qua bảy đêm, bất chợt về đến nhà, thấy người mẹ riêng một mình đang phủ phục trước tôn tượng Phật, lại thấy có bảy ngọn đèn, nhân đó mới tỏ ngộ. Mẹ con cùng nhau trò chuyện, biết đó là do sức thần của Phật. Từ đó về sau chuyên khẩn thiết thực hành bố thí, tu hạnh nhẫn nhục. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Lại bộ Khổng Quỳnh do phóng sinh mà được thoát khổ (Lại bộ thượng thư Khổng Quỳnh là Ngạn Bảo, vốn không tin Phật, nhân ngày mồng tám tháng tư, cùng Phạm Thái đến chùa Ngõa Quan phóng sinh sám hối. Sau khi chết khoảng vài tuần, gá mộng báo cùng anh em và con cái là: "Tôi vốn không tin Phật, nhân cùng Phạm Thái phóng sinh, nhờ sức tạo việc lành nay được thoát khổ. Tội phước báo ứng quyết định không sai. Các người cần nên chuyên tâm làm phước trợ giúp cho tôi mà tu thiện thì có thể thoát khổ vậy!" Rút từ Quỳnh Biệt truyện).

Đạo sĩ Sử Tuấn nhân rưới tắm tôn tượng mà trở lại đi được (Sử Tuấn là người có học thức kính phụng Đạo mà khinh thường Phật, từng bảo với mọi người rằng: "Phật là Thần nhỏ, không đáng để phải tôn thờ". Mỗi lúc thấy tôn tượng thì thường khinh lờn dèm chê. Về sau, nhân mắc bệnh cẳng chân bại liệt, mong cầu các thứ phước báo nhưng đều không hiệu nghiệm. Có người bạn thân là Triệu Văn bảo rằng:

“Theo trong kinh đạo nói về phước báo thì rưới tắm tôn tượng là phước báo lớn nhất. Có thể thử tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm”. Sử Tuấn vì bệnh nên gấp vội theo như lời nói mà rưới tắm tôn tượng. Khi tôn tượng hoàn thành, Sử Tuấn mộng thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, bèn được lành mạnh. Rút từ Tuyên Nghiệm ký và Minh Tường ký v.v...).

Tôn tượng do vợ của Trần Phạm tu tạo có ánh sáng tỏa chiếu khắp tòa (vợ của Trần Huyền Phạm vốn dòng họ Trương, là người tinh tâm kính phụng Phật, thường ước nguyện tự tu tạo một tôn tượng Phật bằng vàng ròng để cúng dường. Có mong cầu thảy đều thành tựu, chuyên tâm lâu ngày, bỗng từ tôn tượng Quán Thế Âm bằng vàng ròng tỏa phóng ánh sáng dài rộng năm thước trên tòa cao vút. Rút từ Minh Tường ký và Tuyên Nghiệm ký v.v...).

Mẹ của Trương Đạo nhả lửa tỏa sáng mâm bàn (mẹ của Trương Đạo vốn dòng họ Vương, là người chí thành tin kính, nhân ngày mồng tám tháng tư đang lúc thọ trai cảm được xá-lợi tỏa phóng ánh sáng tuông ra từ miệng, soi chiếu nơi mâm bàn thức ăn. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Bộc xạ Trịnh Tiên cảm được sâu mầu nên kéo dài tuổi thọ (Trịnh Tiên tự là Đạo Tử, là người khéo giỏi tướng võ, tự biết tuổi thọ của mình ngắn ngủi, nghĩ suy không biết làm sao để kéo dài. Nhân mộng thấy một vị Sa-môn hỏi han, bảo muốn kéo dài mạng sống thì nên trong sáu ngày trai phóng sinh tu thiện, nghiêm trì trai giới thì có thể kéo dài mạng sống và được phước. Trịnh Tiên nhân đó kính phụng giáo pháp bèn được sống thọ lâu năm. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Thượng thư Lưu Thức chí tâm nghĩ nhớ tôn tượng trở về (Lưu Thức Chi người ở Bành Thành thường cúng dường một tôn tượng, tự nhiên vô cớ bị mất chẳng biết ở đâu, giữa đêm khuya Lưu Thức Chi nghĩ suy hổ thẹn tự trách, chí tâm nghĩ nhớ ngầm thông, trải qua trăm ngày sau, tôn tượng ấy bỗng nhiên thấy trở lại nơi chỗ cũ, ánh sáng Thần tỏa chiếu khắp phòng, mọi người trong nhà đều kinh sợ mừng vui, càng gấp bội dốc tâm chí thành. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Lưu Di Dân tinh cần tư duy, giữa chặng mày tỏa phóng ánh sáng. (Lưu Di Dân người xứ Bành thành, thuở thiếu thời là một Nho sinh, chịu tang người thân giữ đạo hiếu, mọi người đều biết tiếng tăm. Vì nhà nghèo khổ nên đến làm chòi ở trong chùa Tây Lâm tại Lô sơn. Thân hình lắm bệnh tật nên không nghĩ tưởng đến vợ con, tuyệt dứt lui tới, tinh chuyên tư duy thiền pháp. Trong khoảng nửa năm, thấy tướng giữa chặng mày dần dần thấy hiện một mắt Phật và hai sắc màu ở khoảng

chân tóc, lại thấy toàn thân, mọi người cho đó là họa vẽ. Lại thấy một đạo nhân phụng cúng minh châu, nhân đó bệnh bèn lành khỏi. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Ngô Vương bao vây chùa bắt bớ chư Tăng, xá-lợi nổi tỏa ánh sáng ở trên Bát (ở thời Tôn Hạo (Quy Mệnh Hầu 264-280 thời Đông Ngô) có Vương Chánh biện sự nói: "Với Phật pháp, cần nên hủy diệt, tại Trung Quốc không lợi ích gì ở Hồ thần". Tôn Hạo bèn ban sắc chiếu nhóm tập các vị Sa-môn, dàn bày binh lính bao vây chùa, muốn thực hành việc giết hại, bảo cùng Pháp sư Khương Tăng Hội rằng: "Nếu Phật có sức Thần thì nên sùng kính, còn như không linh nghiệm thì các Sa-môn cùng một ngày chung mạng, chư Tăng hoặc đều phải chết, hoặc nên trốn lánh ra nước ngoài". Pháp sư Khương Tăng Hội mới xin thiết trai kỳ hẹn bảy ngày sẽ hiện sức thần biến. Bèn đem một bát đồng đựng đầy nước đặt ngay giữa sân, sau khi thọ trai buổi trưa xong mà bầu trời tỏa sáng, bỗng nhiên nghe trong chiếc bát ở giữa sân có tiếng động, chợt thấy xá-lợi nổi trên bát tỏa phóng ánh sáng khắp cả phòng nhà. Tôn Hạo và mọi người đến trước trông xem đều kinh sợ đổi sắc mặt, khó giữ nỗi sự bình tỉnh mà tiến tới. Pháp sư Khương Tăng Hội nói: "Bệ hạ sai người có sức mạnh của Mạnh Bí dùng chày nặng trăm cân bằng chất Kim cang đánh phá trọn không hủy hoại". Tôn Hạo bèn y như lời nói: "Xin trước nên phúng tụng kinh bối, đốt hương rải hoa lễ bái, xướng tụng lớn tiếng thành khẩn vận cách đức Từ Thị đượm nhuần chưa dứt thì bánh xe chánh pháp dần xoay chuyển thấu suốt muôn loại, oai thần không ít nên hiện ở ngày nay, còn không như vậy thì Tam bảo sẽ trọn tuyệt dứt". Nói xong, người tráng sĩ khua chày phát sinh gió, mọi người trông xem kinh vợ mà nín thở, chày vỡ bể mà xá-lợi không tổn hoại, ánh sáng tỏa phát soi chiếu khắp phòng nhà. Tôn Hạo cúi đầu chí thành cầu khẩn tu tạo trai hội giảng pháp. Tháp ấy hiện ở phía Bắc chợ lớn tại Kiến Khương. Về sau còn tỏa chiếu ánh sáng tốt lành. Đến mùa thu năm Nguyên Gia thứ mười chín (241 - thời Tiền Tống), giữa đêm từ chùa tỏa phóng ánh sáng màu hồng xinh đẹp, có ánh lửa hợp trên bốn tầng từ phía Tây nhiễu quanh đến phía Nam. Lại thấy có một vật tợ quạt đuôi Trĩ cùng theo sự tiến dừng đó. Không rõ tên nói là gì, các người trông xem hoặc có người gặp hoặc có người không gặp, suốt thời gian hai mươi ngày khắp trong thành đô phố chợ đều xá-lợi có ánh sáng sắc tía lớn. Rút từ Ngô Lục và Tuyên Nghiệm ký).

Đinh Linh hung nghịch bắn mặt nguyệt mà lại bị chết (trong Tuyên Nghiệm ký nói: Ở Ly thành tại Tương châu có một tôn tượng đứng bằng

vàng ròng cao trượng sáu. Gặp lúc Đinh Linh Thiền Vu đến; là một người tánh nết hung bạo, không tâm tin kính mới dùng cung tên bắn vào tôn tượng, mũi tên trúng vào mặt tượng, máu huyết tuông đổ. Tuy gia công tu sửa lại nhưng vết sẹo huyết đổ vận hiện còn. Lại tuyển chọn năm trăm lực sĩ lôi kéo khiến tượng đổ ngã nơi đất, phá dẹp tôn tượng để nấu đồng, phỏng định sung làm binh khí. Từ miệng tôn tượng ấy mới phát ra tiếng lớn âm vang như sấm động. Các lực sĩ kinh hồn tan đảm, mọi người đều té ngã nơi đất, mê muội xoay chuyển, kinh sợ chẳng thể dậy nỗi. Từ đó, tâm bọn giặc dần hồi tỉnh lắng, lo sợ kính tin quy hướng đông nhiều. Về sau, Đinh Linh cảm mắc bệnh, bị giết mà chết).

Hách Liên hung nghịch đùa vui che đậy tôn tượng nơi áo mà bị sấm sét đánh chết (Trong Tuyên Nghiệm ký: Phật Phật hung nghịch phá hoại khắp trong Ký châu, các hàng đạo tục đều bị giết hại, hung ngược bạo loạn giết chết không dám chán. Cho đến cả trong Quan châu, người chết hơn một nửa, hình cốt phụ nữ trẻ con chất chồng thành núi, phóng túng tâm giết hại ấy mà tự lấy làm vui. Và, tự bảo rằng: "Phật Phật là Phật trong loài người đáng nhận sự lễ bái". Bèn sai bảo tạo một tôn hình tượng Phật đeo mang trên lưng, vào trong điện mà ngồi, khiến các Sa-môn khắp trong nước nhà đều hướng về lưng mình mà lễ bái tượng Phật tức là kính bái ta. Về sau, nhân đi ra ngoài, bỗng nhiên mưa gió bão bùng ùn nổi, bốn phía đen tối mịt mờ, chẳng biết hướng để trở về, sấm sét nổ rền vang động mà chết. Sau khi đã chôn cất trong phần mộ, sấm sét lại nổ tung, quan tài tung vỡ, thây xác văng ra ngoài, trên lưng có ghi các chữ "hung nghịch vô đạo" v.v... Mọi người trong nước nhà mừng vui, nhưng còn giận ghét gã đó chết muộn. Thời gian ngắn bị sách đầu chủ Sa Khuê vùi dập, vợ con đều bị hành hình giết hại. Thấy ở Tiêu Tử Hiển Tề Thư).

Thác Bạt phá hủy chùa, khắp thân thể máu mủ nồng hôi (Vua Thái Võ đế (Thác Bạt Đào 424-452 thời Bắc Ngụy) hủy báng Tam bảo, phá hoại chùa tháp, sau đó khoảng vài năm, khắp thân mình phát sinh ghẻ lở, máu mủ tanh nồng rơi đổ đầy thân. Bề tôi bàn luận cho đó là bởi Phật thần khiến nên. Rút từ Thôi Hạo truyện).

Võ Văn Đế phá hủy chúng Tăng, khắp thân mình lở loét nồng hôi (Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579 thời Bắc Chu) phá hủy Tam bảo. Về sau ở tại cung Vọng di cảm phát bệnh nặng dữ trải suốt hằng tuần không lành, bỗng chốc mà chết).

Tạ Hối hủy phá pháp, bị bệnh tật nhiều năm (Trong Tấn Lục nói: Thượng thư Tạ Hối trước lúc chưa phát tâm, làm Hình châu thứ sử, cho

rằng chùa tháp không nên để tồn tại ở dân gian, phải nên chuyển dời ra ngoài biên địa. Ông bèn tự đốc suất dẫn dắt bộ hạ đến cửa chùa Tân, sai khiến quân đội bảy mươi - tám mươi người mỗi mỗi tự cầm dao búa phá hủy Phù Đồ tôn tượng nghiêng đổ, ngói gỗ vải rơi. Bỗng chốc sấm sét nổ đúng, trời đất mịt mờ, gió bụi tung nổi, Tạ Hối kinh sợ bỏ chạy, quân đội đều khiếp hãi rả tan chẳng biết đi đâu. Đến đêm, Tạ Hối v.v... đều mộng thấy vị Sa-môn bay vọt giữa hư không, tỏa phóng ánh sáng rực rỡ. Lại thấy có hai người thân hình đều cao hơn cả trượng, dáng vẻ oai hùng to lớn, gằng tiếng trừng mắt bảo: "Các ông làm việc trái đạo, sau đây sẽ tự thấy biết". Về sau, mọi người trong quân đội ấy thân thể đều cảm bệnh hung cùi, qua thời gian mà chết, còn các người khác đều bị phạm pháp mà chịu chết. Tạ Hối suốt nhiều năm mang tật bệnh. Về sau nhân vì mưu phản nên cả gia đình đều bị giết, chẳng phải mạng chung mà chết vậy).

Tôn Hạo tiểu tiện nơi tôn tượng, dương vật sưng đau nhiều tháng (trong Tuyên Nghiệm ký nói: Ngô chúa Tôn Hạo (Quy mệnh hầu 264-280 thời Đông Ngô), tánh tình bạo nghịch, làm những việc chẳng gần nhân tình. Ông cùng các thể nữ sửa sang đất đai trong vườn, bỗng nhiên gặp được một tôn tượng bằng vàng, hình tướng trang nghiêm. Tôn Hạo bảo đặt tôn tượng bên cạnh nhà xí che đậy gìn giữ. Đến ngày mồng tám tháng tư, Tôn Hạo mới tiểu tiện trên đầu tôn tượng, cười mà bảo rằng: "Nay là ngày mồng tám nên vì người mà rưới tắm trên đảnh". Và đối trước các hàng thể nữ tự lấy đó làm vui. Sau đó một thời gian, dương vật bỗng nhiên sưng lớn, đau nhức rất nóng, không sao nhẫn chịu nỗi, từ đầu đêm suốt tới sáng đau buốt mong muốn chết. Các bậc danh y chạy chữa bằng mọi thứ thuốc mà bệnh càng tăng thêm. Quan Thái sử chiêm đoán bảo do phạm trái với Đại thần mà mắc bệnh, và bảo đến cầu đảo nơi các linh miếu. Nhưng mỗi một lần cầu đảo thì mỗi một lúc càng đau quá lắm, mọi người trên dưới chẳng biết tính làm sao. Trong cung có một thể nữ nguyên trước rất kính phụng Phật pháp, bên trong nội tâm có khả năng nhận biết, phàm mọi việc nói ra phần nhiều đều trúng, mới tấu trình rằng: "Bệ hạ đã đến khẩn cầu nơi tôn tượng Phật chưa?" Tôn Hạo hỏi: "Phật là Đại thần ư?" Thể nữ ấy đáp: "Tôn quý trong thiên hạ không gì bằng Phật. Trước kia Bệ hạ có được một tôn tượng hiện còn ở bên cạnh nhà xí, xin nên nhận đưa vào để cúng dường, chứng bệnh sưng đau hẳn sẽ được lành". Tôn Hạo vì quá đau nhức, nên bảo sắm gấp các thứ nước ấm nóng hương thơm, tự tay tẩy rửa tôn tượng và đem thiết đặt trên điện, cúi đầu sám tạ lỗi quá, chí tâm thành khẩn thiết tha. Ngay

đêm đó đau nhức liền ngưng, sưng đọng tiêu mất. Bèn đến nơi Pháp sư Khương Tăng Hội cầu xin thọ trì ngũ giới, xây dựng chùa Phật, cúng dường chúng Tăng).

Chu Cung giết hại vô vi mà bị rơi lạc vào hầm xí (ở thời nhà Tống, có người xấu ác tên là Chu Cung, thường lấy việc giết trộm làm kế sống. Ban đêm đến chùa Liên Hoa giết chết cô ni trộm lấy đồ vật, suốt cả đêm vòng quanh trong viện mà chạy chẳng biết lối ra, bèn rơi lạc vào hầm xí mà chết, trên lưng còn dính mang đồ vật. Rút từ Sư Thần lục).

Đổng Lễ cướp giết vị Tăng mà chết bởi trâu húc (Đổng Lễ thường chuyên trộm cướp của chư Tăng, có được của vật đưa về nhà linh đình thết đãi khách bạn. Bỗng nhiên có một con trâu điên từ ngoài đi vào đến nơi chỗ ngồi, húc vào Đổng Lễ mang đội trên sừng mà chết. Rút từ Lương Hậu ký).

Bình Nghiệp nung nấu tôn tượng mà mắt bị mù lòa (ở thời nhà Lương, có người tên là Thôi Bình nghiệp rất tài giỏi nghề bắn tên cưỡi ngựa, làm võ sĩ giám quân, suốt đời lại chuyên việc trộm tôn tượng Phật nung nấu thành đồng, bán đồng để cung cấp cho việc uống rượu ăn thịt, trong tâm không hề xấu hổ lo sợ. Đến lúc năm mươi tuổi, vợ con anh em đều chết hết, chỉ còn một thân mình Bình Nghiệp, bỗng nhiên cảm mắc bệnh mù lòa, đói lạnh rất ngặt nghèo mà chết. Rút từ Lương Hậu ký).

Trấn Ố trộm chuông mà lưỡi cuốn như tơ (ở thời nhà Lương có Đạo sĩ Vương Trấn Ố rất có học thức mà không thiện tâm, mở miệng phần nhiều đều nói lời hủy hoại, cũng là kẻ bị người thời bấy giờ ganh ghét. Trấn Ố khinh thường Phật pháp, thấy chư Tăng thì hẳn cười chê chế nhiễu. Về sau làm nghề dạy học, bấy giờ có Sa-môn Pháp Mãn ở chùa Lộc Khê gởi một quả chuông đồng ở trong chỗ Trấn Ố dạy học. Đang lúc chưa lấy lại, Trấn Ố trộm lấy đem đúc tiền, sau đó lại cùng Sa-môn Pháp Nhãn nói lời thề thốt. Trải qua mấy năm sau, Trấn Ố cảm mắc bệnh nặng mà chiếc lưỡi cuốn lại như tơ, miệng không nói được. Đã biết trái với lời thề, Trấn Ố mới xả bỏ của cải chú đúc quả chuông để chuộc tội, nhưng mãi đến lúc chết miệng vẫn không nói được. Rút từ Vương Thị Gia Giới).

Tổ Thâm hiến dâng sách kế mà cảm mắc bệnh Bạch lại (ở thời nhà Lương có người tên là Trịnh Tổ Thâm dâng trình vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550 thời Nam Dương) quyển sách gồm mười tám điều sự, xin phá bỏ các ngôi chùa nhỏ và các hàng Tăng Ni không có danh bộ nghề nghiệp ở trong thành quách, vua Võ Đế chẳng nhận chịu. Về sau

Tổ Thâm mộng thấy có vị Thiên thần khạc nhổ nơi mặt bèn cảm mắc bệnh bạch lại, tuy ăn năn hối cải mà bệnh chẳng lành khỏi. Rút từ Oan Hồn ký).

Nguyên Trung dâng sách kế mà cảm mắc bệnh hoạn phong nhiệt (Vệ Nguyên Trung sau khi phá hủy Phật pháp, tự thân cảm mắc bệnh phong nhiệt, gục đầu mà chết).

Thượng khách chết mà rống tiếng dê kêu (trong Nhan Thị nói: Vương Khắc làm Vĩnh gia quận thú, có người trộm bắt dê, nhóm tụ khách bạn muốn bày yến tiệc, mà dê sổng dây buộc chạy đến nơi một vị khách quỳ lạy hai lạy xong bèn vào núp trốn trong áo, vị khách ấy trọn chẳng nói năng gì. Nhân không cầu xin cứu giúp, chỉ chốc lát kẻ mổ giết bắt lấy thui nướng. Trước tiên đến nơi vị khách, một miếng thịt đưa vào miệng bèn lọt xuống da thịt rảo khắp bên trong, thân thể đau nhức kêu gào. Vị khách ấy mới nói việc đó, lại rống làm tiếng dê kêu mà chết).

Huyện lệnh tĩnh ngộ mà bệnh phát sinh (ở thời nhà Lương có người làm Huyện lệnh đến nghỉ lại nơi chùa. Dân chúng ở quanh đó đem trâu và rượu đến hiến dâng Huyện lệnh. Huyện lệnh đưa trâu buộc nơi cột chùa, dẹp bỏ các tôn tượng Phật, bày sắp giường tòa nơi điện Phật để tiếp đãi khách bạn. Trong lúc chưa giết, trâu cởi bức dây buộc đến nơi thềm cấp mà bái lạy, Huyện lệnh cười lớn bảo mọi người giết mổ. Ăn uống no say rồi bèn nằm dưới rèm, đến lúc tỉnh giấc, cảm thấy thân mình đau nhức ngứa ngáy, cào gải cùng mình, nhân đó thành bịnh hung cùi, suốt mười năm mới chết. Rút từ Nhan Thị Gia Huấn).

Bộ Khúc sinh con trai tự nhiên không có tay. Triều Thỉnh ăn tro than như dao kiếm đâm vào thân mình (Dương Tư Đạt làm Tây dương quận, gặp phải lúc Hầu Cảnh làm loạn, khi ấy lại bị khan hiếm thóc lúa, dân chúng mót trộm lúa tẻ trong ruộng. Tư Đạt sai một Bộ Khúc gìn giữ trông coi, nếu bắt được kẻ trộm thì chặt cánh tay, và có hơn mười người bị chặt tay. Về sau, Bộ Khúc sinh một đứa con trai tự nhiên không có tay. Ở nước Tề, có một người kính phụng Phật là Triều Thỉnh ở nhà rất giàu có xa xỉ, chẳng phải tay giết trâu thì ăn uống đó không ngon lành. Đến năm ba mươi tuổi, cảm mắc bệnh rất nặng, bèn thấy trâu đến húc chạm vào ngực, khắp thân thể như bị đao kiếm đâm chích, kêu gào mà chết. Rút từ Nhan Thị Gia Huấn).

Người thời nhà Lương tắm gội tóc, trên đảnh đầu có tiếng gà kêu (ở thời nhà Lương có người thường dùng ngòi trắng trứng gà hòa với nước để tắm gội, cho là như vậy tóc sáng mượt. Mỗi lần tắm phá hại

hai mươi - ba mươi quả trứng gà. Đến lúc gần chết, trong đầu tóc chỉ nghe tiếng kêu chiêm chiếp của hàng ngàn gà con. Rút từ Nhan Thị Gia Huấn).

Lưu Thị bán canh thịt, trên đầu con tợ lươn (ở Giang lăng có người dòng họ Lưu chuyên làm nghề bán canh thịt lươn. Về sau sinh một đứa con, mà trên đầu thấy thật là lươn, từ cổ trở xuống mới là thân người. Rút từ Nhan Thị Gia Huấn).

Xét xem những vết tích của sự kính tin hay hủy báng, thật như ảnh bóng theo hình, ảnh hưởng trong hang cốc vang theo tiếng. Tai nghe và mắt thật nghiệm thấy, có thể sơ lược mà nói, khuyên gắng thay cùng ông và tôi, mong may tự có thể thoát khỏi.

Nho sinh nói: Căn cứ ý chí chân thật của sư thì thiện ác quẩn bách, kính tin hay hủy báng có quả báo tương giao. Nhưng trộm thấy, Nhan Hồi là người đức hạnh lại mắc phải chết yểu, còn Đạo Chích là kẻ hung cường bạo ngược mà có được tuổi thọ lâu dài. Hai vị vua kính phụng Phật mà giết hại cả gia tộc, ba người dòng họ Trương tôn phụng đạo mà diệt mất cả dòng tộc. Thực hành việc thiện mà bị tai họa, tạo tác việc ác nhưng không ương lụy, chứng nghiệm của quả báo tương giao há chẳng phải là điều nói hư dối?

Bậc Khai dẫn dụ rằng: Nhan sinh biết mười, nhưng tôi đây còn rõ hơn, nêu bày góc chẳng trái lại, thật đáng xấu hổ vậy. Nhưng một đời hạn cuộc mà nói ngọn nguồn. Thuyết giáo của bậc Thánh nói có nghiệp hiện tại khổ, có khổ báo, có hiện nghiệp; an lạc có khổ báo, có nghiệp hiện; khổ có an lạc, quả báo có nghiệp hiện; an lạc có an lạc quả báo. Hoặc các phước thừa khác chưa hết thì ác chẳng liền thêm, hoặc tội khiên xưa trước hiện còn thì thiện duyên bèn phát. Thêm than vào lửa đâu thể được nói là không, như mờ tối tìm theo âm thanh phải biết hẳn có. Vả lại, phàm thiện ác có chỗ kết quy, báo ứng không sai nhầm. Giáo điển của Chu Khổng đều đồng thuyết này. Có thể vì làm việc thiện mà gặp phải tai họa đến, làm điều xấu ác mà được phước lành lại, tức cho rằng Khổng Khâu nói hẳn hư dối, vả lại đàm nói chẳng thật ư? Cũng như nhà Ngô ở Giang nam không tin có màn trướng ngàn người, nhà Hán ở Hà bắc không tin có chiếc mâm muôn thạch, không được đem tiểu tâm của Bồng Ngãi mà suy lường vận xa của Phù Diêu. Dòng họ Nhan dạy răn con cái rằng: "Các người khác nếu nhìn lại còn có mưu kế thế tục, tạo dựng cửa nhà, chẳng bỏ vợ con, chưa thể xuất gia, còn phải kiêm thực hành giới hạnh, lưu tâm đọc tụng lấy làm vốn liếng cho đời sau. Thân người khó được chớ sống luống qua không". Phàm người

có con cháu, tự phải là một thương sinh trong khoảng đất trời. Cho tấm thân trọn có gì thân thiết bằng ư? Mà mới mến thương gìn giữ, vì đó mà cần khổ, khiến vì gia sản sự nghiệp lo toan đó vui buồn đói no, huống gì đối với Thần sảng của chính mình mà chẳng tự nghĩ suy nhanh chóng muốn vất bỏ đó ư? Có thể nói là lầm mê từ huấn của bậc Đại Thánh, tin theo lời nói ước đoán của người phàm ấy vậy.

CHƯƠNG THỨ CHÍN: VĂN VẺ TRONG CÁC SÁCH

Nho sinh hỏi: Các bậc Thánh nhân lập bày giáo pháp đều có nguyên nhân. Xin vì nói rõ đó, mong được nghe xác định thú hướng?

Bậc Khai sĩ dẫn dụ bảo: Xưa trước có cụ già miền quê không tên, chẳng biết là người xứ nào, chưa rõ dòng họ là gì, dừng ở tại phía Nam Thanh khê cách ngàn nhẫn, và thuộc phía Bắc Tử đài cách bảy bàn. Thế đất ưu thắng, núi tên là Vị Du, cửa gối ngọn núi cao, rèm gần đến khe biếc, quên lo toan an vui lâu dài. Đã là sương mốc trải bày nơi sân rộng, che đội áo lá sen cũng lộn xen bày nơi ao cong. Làn mây tạm nổi ánh bóng sáng ngời Triệu châu, ráng gấm vừa buông tỏa sáng bao gồm gần mặt nhật, trải trúc rưới quét đàn tranh bày xanh biếc ở trong vườn, ngô đồng tươi tốt che phủ giếng đua chen rủ im viện rộng. Thềm nhiều liễu rủ, cửa treo huyền la, đá nằm tợ sàn giường lâu giăng bày dưới rừng. Suối bay như mưa thường rưới trước cửa sổ, gió tùng dẫn Hạc kêu cùng ai thương, chim xuân cùng tiều phu ca ngâm đồng vận. Thật là chốn đất lành nương gá tâm, nơi Đào Nguyên lánh đời ấy vậy!

Tôi từ lâu tiếp thừa linh dị mới bèn qua đó, tháng năm năm Kỷ mùi, mang vác hòm rương chống gậy từ xa mà đến. Cụ già mới vỗ khảy đàn cầm của Cấp Quận, khua động tiếng trống của Tô Môn, nhân đó ca khúc nhạc Tuyết trắng (Bạch tuyết), chợt ngâm vịnh thiên núi xanh (Thanh sơn) với ngôn từ: “Nguyên Thục thế vị thấp, Trường Khanh quan kém tình hai khoảnh làm ruộng lúa, ba tiền giành nuôi ngựa, ngọn cao nổi mây trắng, vầng nguyệt dưới núi xanh, trong lòng muốn có tiếng, chưa được quên nói năng”.

Nhân đó, tôi nhún nhường nói: “Phàm dùng hình tượng để phô bày ý, được ý thì hình tượng quên; lời nói dùng để hiển bày lý, thấm nhuần lý thì lời nói dứt. Nên biết, dùng lời nói để được lý, chẳng đợi cầu xin mà tự nói; mượn hình tướng để hội ý, hẳn gá cớ mà sau đó cử động. Kia dùng vô ngôn mà nói đó, đây cũng lấy không nghe mà nghe đó. Nói chỗ không lời ấy lý tự ngầm hợp, nghe chỗ không được nghe đó kết quy đại thông. Do đó, miệng không chọn lời, nên thiên hạ vâng theo; lời nói không dối bày nên thế giới kính ngưỡng”.

Khi ấy Cụ già buông đàn cầm rời khỏi chỗ ngồi, nắm tay mừng bảo rằng: “Tôi gặp được người vậy! Tôi gặp được người vậy!” Và bèn dẫn tôi đến nơi quán Phong đình du nguyệt, mở kho văn uyển tứ thư, đọc xem Di kinh của Khổng Bích, trông nhìn văn lý của Cấp Trủng, tìm Điển ký của Đông Quán Nam Cung, xét phương thức của Ngọc Hàm

Đan Chẩm. Ghé mắt thời gian lâu, nhân đó mới hỏi rằng: "Bần đạo nhận chịu thân hình chẳng lợi, thường mắc phải chứng trầm kha. Vả lại, bệnh đã vào lồng ngực, các phương thuốc đều không hiệu nghiệm, nhiều năm ăn bánh bột, chưa thấy sự giảm lành. Đến như soi chiếu tuyết ngưng tụ đom đóm, gắng sức đã nhọc mệt, bảy phái bảy lược khó thể men vin trời, muôn quyển trăm nhà mịt mờ tợ đi biển. Tiên sinh là người đã thấu suốt Tứ đạt, ở đời xưng gọi là người thông rành. Vậy, xin hỏi: Sách vở trong dân gian có cả thảy bao nhiêu?" Tôi đáp: "Trộm đọc làm lợi mình đâu phải lợi ích ưu tối?"

Cụ già nghe thế, xót thương đổi sắc mặt, ngưng lắng giây lâu mới bảo: "Xưa trước tập học Đối của Úc Khuất Di Thiên, dòm ngó lời của Đàm Thôi Đăng Địa. Trước mặt thợ khéo giỏi khó thể múa búa rìu. Tuy nhiên, Lễ nói: "Không lời chẳng dạy răn, đâu nên cứng buộc lưỡi". Nay thô thiển phô bày xác thực hiến dâng để báo đáp đức âm. Thánh nhân bảo mà là Văn ký, Thương Hiệt sưu tìm viết thành sách, mà không sách không cần, không trí chẳng xem".

Tôi lại cật hỏi rằng: "Chưa thấy khai nhân chẳng đọc sách, đọc sách chưa hẳn khiến người đẹp, sao lời nói ấy khác vậy ư?"

Cụ già lại đáp với tôi rằng: "Vốn có hiểu biết rành rỏi mọi sự gồm cả nhạn gỗ mài giũa ngọc thành đồ dùng, đâu phải lời nói hư dối ư? Xưa kia các vị đầu trâu mình rắn, các bà kết lưới lông tơ, thuần phác tự nhiên, chẳng từng có điển cáo. Cho đến lúc xa rời thời gian dài, gọi là Lật Lục Triệu Hưng, mà chỗ Phu Tử, nhận biết có hơn bảy mươi đời, ngoài ra dài xa, các Thánh chẳng thể nhớ rõ. Bao Viêm đã xuất hiện, Hiên Hục nổi lên, phong kiến chợt mở bày nhân còn sách thẻ. Đến lúc văn chất cùng lẫn lộn, Đạo chí văn từ hoa mỹ. Khi ấy Ngô đặt Thượng tường, Hạ mở Tây tự, Âm xưng Hữu học, Chu bày đông giao. Đến lúc mất, nhà Tần đào hố thiêu đốt, pho quyển vất bỏ hết. Hồng Hán viết sửa tôn sùng Nho mến trọng nghề nghiệp, có Tế Nam phục sinh chuyên miệng trao truyền, hoặc gặp Tất Thư mở bày ở cấp trúng, hoặc thấy Tàn kinh xuất hiện nơi Khổng Bích. Tìm lửa Phúc chim cưu nhóm tụ nơi phần mộ ít nhiều". Nghệ Văn Chí nói: "Sáu thư bảy tịch, trăm nhà chín phái có cả thảy mười ba ngàn hai trăm sáu mươi chín (13.269) quyển. Năm trăm chín mươi sáu nhà, khác bộ phân chia gồm ba mươi sáu thứ. Trong đó, bảy kinh đều là Nhạc Chương có ba ngàn không trăm ba mươi tám (3.038) quyển". Người đời hiện nay chẳng thực hành nhạc chương, nhưng mà phong tục dạy răn ở đời chỉ có lễ và hiếu. Hiếu là gốc của lập thân, lễ hẳn dẫn đầu để trị chính". Sưu Thần Khế nói: "Một bộ kinh

hiếu có năm mươi chín quyển, chẳng phải gặp thời văn biến chất mà cũng học thành hơn kém". Đến thời Hậu Hán tôn kính Tế Tửu, Thiên tử thực hành nghi cân quyển, nên Hoàn Vinh Bái Phong Phỉ nói: "Võ lực sở dĩ mất dùng, nhóm tụ học trò hoa râm dựng chợ, thuộc cuối sách sử thêm nhiều, sung thêm xe gồm hai giá chứa đầy phòng nhà".

Đổng Trác chuển dời Trường an chở hơn hai ngàn (2.000) chuyến, gặp phải mưa hỏng mất trăm phần không còn một. Bấy giờ người tham chọn lụa quyên trắng lại lấy làm bó buộc khăn trùm đầu. So sánh về Lạc ấp gom lấy quá ít, đầu đuôi không tàn, hoặc chẳng phải pho bộ. Khảo xét văn ký của Luận Ngữ khéo nói, Mao Thi dùng mở ngâm vịnh, Thượng thư dùng làm sáng tỏ chiếu sách, Chu Dịch dùng trình bày tốt xấu. Ba lễ khác biệt ở tôn ty, ba truyện bàn rõ về đất trời. Chiến Quốc mở đầu từ Quyền Chính, Sơn Kinh biện rành từ Khâu Lăng, ghi lục xưa nay của ba sử, đàm nói văn tự của ba kho. Tiếp đến thì Hàn Phi, Lão Tử, Mặc Địch, Trang Chu, Quản Trọng, Mạnh Kha chẳng hại Bình Trọng. Đại Đái, Tiểu Đái cùng họ mà khác tên. Đại Quan, Tiểu Quan đồng tên tự mà khác họ. Tất cả đó biên thuật trước sau mà chương quyển càng nhiều. Hoặc hai ngựa hai ban. Huyền Yến, Bảo Phác, Thái Ung, Lưu Hướng, Tôn Thạnh, Vương Sung, đến cả bảy lục của dòng họ Nguyễn, bốn bộ của nhà họ Vương.

Xét như vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, sai Nguyễn Hiếu Tự v.v... đến điện Văn Đức Chánh Ngự soạn bộ Văn đức Chánh Ngự Thư có hơn bốn mươi bốn ngàn năm trăm (44.500) quyển. Bấy giờ vua chuyên tu nội pháp, phần nhiều phỏng tham Phật đạo. Lại sai Lưu Tra Cố Hiệp v.v... gồm mười tám người đến trong vườn Hoa lâm phân chọn yếu ngữ gồm bảy trăm hai mươi quyển, đề tên là Biến Lược, đều biên sao từ các sách xếp loại tương tự. Khi ấy các tài sĩ văn bút phải tiện kiểm dùng, đến nỗi khiến treo tóc cầm chày, duyên vẫn biếng lười.

Lại có Thọ Quang Uyển gồm hai trăm quyển, Yếu Lục sáu mươi quyển, Loại Uyển một trăm hai mươi quyển. Rốt cùng là nhà Chu, nhân nhà Ân Lễ tổn hại ích có thể biết, danh mục tuy khác, trở lại rộng hơn trước. Cũng như trên sàn giường bày trải sàn giường, dưới phòng ốc giá thêm phòng ốc.

Sưu Tín buồn nói trong Giang Nam Phú rằng: "Chữ cung vùi lấp tối, vua Nguyên Đế tự tay đốt sách mười bốn vạn quyển là phải gần bản". Trộm muốn nghi nhiều mà so sánh Hồng lưu kia lại chẳng phải chỗ hàng kém hèn lường biết, sợ lửa trải bày đó đến chìm ở Điển luận.

Pháp sư muốn đọc, tưởng chừng khó có đủ. Vả lại, nên tùy sự cần gấp chẳng thể gồm tất cả, chỉ là Huyền Vi chẳng gặp, xiển ước không đồng loại. Đến như sách sử nêu thuật toàn liên quan thỏa đáng, lời của Xuân Thu càng ở nơi nghiên xạ. Nho Phong mất ở Công chiến, Lão Trang qua nơi Khiển thang, Quốc ngữ còn hư dối, Tà Khâu sai dèm giả sử khiến năm kinh trăm họ, không gì chẳng phải hài cốt của Hàn Lâm, Dĩ Nhã lìa thanh thoáng đủ làm căn bản duyên tình. Nguồn gốc đạo làm người đó nói rõ đủ đâu gì qua lễ và hiếu kính ư? Hiếu kính là văn điển từ thời thứ Đạt Đế không thay đổi, từ mới sinh đến lúc chết thủy chung đều đủ vậy, có hiếu có trung có tín có nghĩa. Ở lý tập học để đủ khắp, đối với sự xét khó quên. Hiếu, lược nói gồm có mười tám chương, Hiếu Trị là đứng đầu; Quỷ lại đảm nhậm cung phụng dân đều là đội nhờ, suốt thông thần minh, dẫn bày phong tục. Giả sử năm hàng đều xuống, một đọc xem gồm tụng, luận chất là phô bày ở tinh thần, nói khả năng kết quy ở kỹ lưỡng, chỉ có hiếu bao quát đáng nhân đáng chứ, chẳng phải nhà tự đến như thế mà thôi".

Tôi lại nhún nhường nói: Phàm năm kinh đượm nhuần, trăm họ bày suốt, nghĩa cùng cực biết lý sâu mầu bao gồm hết tánh, thí như Bắc thần đến gần muôn tượng, tợ bể Đông dẫn nhận cả trăm sông, công chẳng cùng suy, đức không lên xuống. Cớ sao chỉ tán thán ở một quyển Hiếu kinh ư?

Cụ già đáp: "Nền tảng của đức thì nhân luân là chủ, đứng đầu trăm hạnh thì yếu đạo là cội nguồn. Vì thế, Thái Hạo Viêm Hoàng gọi đó là công việc gốc, Võ Phát Chu Đán xưng gọi là "Lớn thay!" Đến như dạy răn Tử Hạ đối với sắc nạn, lấy biết kính để chỉ bày cho Tử Du, các bậc Tiên Vương kính phụng pháp thì càn khôn muôn tượng hiển trước rõ ràng. Triết Hậu tôn thờ người thân thì núi sông phô bày điềm lành, bèn có chim ưng sắc xanh ngậm tiết, chim trĩ sắc trắng thuần bay, cây bách nơi phần mộ mùa xuân khô héo, các lặng chìm mùa Đông nhảy vọt. Ban hành đó khắp cả nước nhà, trị hóa theo luật hình khắp bốn biển. Sử dụng đó đến người trong thôn ấp, đức giáo càng thêm đối với trăm họ. Nên nói: "Hiếu trước tiên là tôn thờ người thân, kế tiếp là phụng sự Quân vương và sau cùng là lập thân vậy". Đến như giẫm trải sương mốc mà dấy cảm, ôm hoài trà rau đắng mà buộc buồn thương. Đau xót trong rừng lạnh đã tăng thêm, tâm tư cây gió càng rít cắt, đủ để cúi dâng thượng Thánh, khấp khểnh đến hàng Hạ ngu ấy vậy. Căn cứ theo Lễ ký nói: "Hiếu là súc (nuôi dưỡng)". Câu Mạng Quyết nói: "Hiếu là Tựu là Độ là Dự là Cứu là Súc". Dĩ Nhã nói: "Tốt lành với mẹ cha gọi là hiếu".

Hiếu là làm việc nghĩa. Tiếp nối kính phụng người thân. Lễ ký nói: "Súc là đạo của làm hiếu". Nuôi dưỡng đức thuận theo lý chẳng trái nghịch với thời, đó gọi là súc. Tựu nghĩa Thành, tức nói hiếu của bậc Thiên tử, nghĩa là đức của võ hay dốc hết lực mở tỏa ngòi nước để thành công lớn, ăn rau lá ở cung xấu kém. Nên Trọng Ni nói: "Tôi không liên quan vậy". Độ là hiếu của hàng chư hầu, tức trên kính phụng Thiên tử dưới đốc suốt cả một đất nước, giữ lấy pháp độ ấy, nghĩa không trái phạm. Dự là hiếu của hàng khanh tướng đại phu, chuyên cần giữ đức bên trong tự tỉnh xét, một lòng kính phụng bề trên, nếu như lợi ích cho xã tắc thì không pháp gì chẳng làm. Các nước lân cận lan truyền tiếng thơm, mưu lược trong sáng tự tỏa tràn xa. Cứu nghĩa là cùng tận, Sĩ nghĩa là sự. Có thể biện rành đó chặng dùng so sánh ở một quan. Xét đức chánh việc, trung thuận chẳng mất, dốc cả thành thật xong việc, quyết chí chẳng đổi thay.

Chu Lễ Sư Thị Chức nói: "Dùng đức để chỉ dạy mọi người trong nước: Một là chỉ đức tức lấy làm đạo gốc, hai là mẫu đức tức lấy làm hạnh gốc, ba là hiếu đức, dùng để phòng ngừa ác nghịch". Nói về công chở che đó thì gọi đó là chí đức. Nói về dụng của cắt thành thì gọi đó là mẫn đức. Ngợi ca tâm nhân ái thì gọi đó là hiếu đức vậy.

Trọng Ni trình bày về hiếu, trước tiên thuật về mến kính người khác thân nêu cao danh hiệu, sau đó mới kính trời nghĩa đất. Chu Công luận bàn về hiếu, trước hết xưng tán che trùm cắt mổ, sau mới trình bày khéo tốt đối với mẹ cha. Phu Tử sinh ở cuối thời nhà Chu, trưởng thành cuối tập tục, trông thấy hiếu để đó gọi là dứt tuyệt, bùi ngùi lễ nhạc đã suy đổ, tầng dự tham dốc chí thực hành kính cẩn đối với việc phụng sự người thân. Nhân đó những kẻ hầu hạ bên cạnh đã làm sáng tỏ đạo hiếu, học trò hiện còn biên ghi đề tên là Hiếu Kinh. Câu Mạng Quyết nói: "Trăm vua theo vâng làm, muôn xưa chẳng đổi thay, đó gọi là hiếu vậy". Tần Huyền Lã bảo một chữ phiên thành có thể trách, Thục Quải Dương nói ngàn vàng thay chuốc lấy sâu vời quái lạ đức của Hiếu kinh. Sông núi khôn lường hiếu cảm thần minh, công sánh đồng tạo hóa, so nặng thì núi Ngũ nhạc còn nhẹ, lường sâu thì dòng bốn ngòi vẫn cạn, gió mưa chẳng thể làm loạn sóng cả ấy, hư không chưa đủ để nương gá Linh dự đó. Nói ước lược mà ý chỉ sâu rộng rất mực tốt lành. Pháp sư Phật giáo có thể được nghe chăng? Xin thử nói bày để khai mở điều chưa tỏ ngộ!"

Tôi trả lời rằng: Nội và ngoại ngược nhau, chân và tục trái hẳn. Tuy vết tích khác lạ, lý của chín phái khó đồng nhất, chỉ có các bậc

Đạt Quán mới hội thông được. Như muốn bao gồm chỉ thú quy hướng, tỏ rõ đầu đuôi đó thì Tánh tướng không dùng liên quan tới cửa, sức tâm chẳng thể đến cảnh đó, quên lời dứt tuyệt tư lự, đã ngậm miệng ở thành Tỳ-da. Hết chiếu sạch thần bèn đóng thất nơi Ma-kiệt, cao sâu u nhàn, chức của Hy Hòa há biết, kín mầu Hy Di, sách của Thượng Lâm chẳng biên ghi. Tầm xét, phàm các bậc chân sĩ ứng sĩ đều gội nhuần Từ phong, phương trên phương dưới thảy đều thấm đượm Thánh giáo. Mở đầu từ Lộc uyển, rốt cùng tại Hạc lâm, thì có văn gồm ba tạng ba luân, thuyết của bốn thừa bốn cấp, ý chỉ rộng lớn của nửa chữ đủ chữ, bàn nói riêng biệt của xâu hoa và rải hoa, mênh mông dòng suối tuông vọt khó khô cạn, dẫy đầy sương mốc rủ trường sinh. Lời ấy khéo diệu nghĩa đó sâu xa. Như tám sông đồng chảy vào biển cả, tợ muôn tượng tỏa khắp giữa không. Khó hiểu khó vào, xứng với kinh của chư Phật nhậm lý; tùy loại tùy nghi, gọi là pháp điển của Bậc Chí nhân quyền hóa.

Từ Lạc thủy quấn quanh tụng Ấn thư, vườn cỏ thơm dựng đền Hoa lọng. Chu Sĩ Hành bậc cao lưu ngậm uống nước tám vị của ao A-nậu, Khích Gia Tân người quý tộc mang đeo một viên Già-đà, không ai chẳng đồng tỏ rõ tự thân mình v.v... có tánh Phật, thể đó phiền não tức là Bồ-đề. Giả sử sách thấu suốt biết xa, chữ Động Ngọc chương vàng, thuật của Tử Phòng trao giầy, thiên chương của Văn Kỷ hỏi đạo, nơi chưa liên hệ đến không không, mọi sự trọn chìm lắng ở hữu hữu, đều treo lưới của tám Ma, lại quấn lồng bốn đảo. Vừa rồi tiên sinh đàm nói, đâu là rất mực tốt lành?”

Cụ già hối tạ nói: “Có thể gọi là Lão tướng Trí Huy lại kịp đó. Sơ lược nghe pháp âm, hoảng nhiên như mất. Kính nghe lời chỉ bảo, sẽ đầy đủ vâng làm!”.

■

LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN 8

CHƯƠNG THỨ MƯỜI: RA KHỎI SỰ SAI LẦM DỐI NGỤY CỦA ĐẠO

- Sai lầm về Linh văn phân tán.
- Sai lầm về Linh bảo thái thượng tùy kiếp sinh tử.
- Sai lầm về cải đổi kinh Phật lấy làm kinh Đạo.
- Sai lầm về trộm lấy bốn quả chứng và mười địa vị trong Phật pháp.
- Sai lầm về kinh Đạo chưa lưu xuất mà ngôn từ lưu xuất.
- Sai lầm về Đạo sĩ hợp khí.
- Sai lầm về ghi thuật Thiên tôn và Hóa tích.
- Sai lầm về các nhà làm sách Đạo.

Sai lầm về Linh văn phân tán

Quân tử nói: Tin rằng có vậy! Tin rằng có vậy! Phàm sân lan chợ cá, sống lâu ngày hẳn mến quen trước đó. Dương Văn thuần đượm, ưa thích chứa duyên tình quanh co. Do đó, nai ngựa khác hình, người Tần chỉ một dung mạo; Lân chương khác chất, tục Lỗ sai lầm hình dung, lũ gầm gừ chóng đến ở đây.

Nay tôi khảo xét bọt nổi dối trá đó, lại chỉ bày cho các người sau. Căn cứ Thái Thượng Động Huyền Linh Bảo Hoàng Lục Giản Văn Oai Nghi kinh nói: “Nguyên thủy, Thiên Tôn bảo Thái thượng Đại Đạo quân rằng: “Hạ Nguyên Hoàng Lục Linh Tiên phẩm công vượt quá khai độ”. Văn đó ở trong cung Linh tiên. Xưa cũ gồm có tám trăm bộ, Tự kinh đến Long Hán văn cũ phân tán, bèn đến niên hiệu Xích Minh văn đó lại cải đổi, phần nhiều bị phiền tạp tệ hại. Nên nay sưu tập Hạ Nguyên có tám mươi mốt điều, chọn làm yếu dụng, trên ứng với số Tam nguyên, giữa ứng với thần Bát Cảnh, dưới ứng với hai mươi bốn khí,

thường có ba bộ oai thần theo hầu gìn giữ Linh văn".

Quân tử nói: Linh văn chân lục lưu xuất từ nhiên là văn của Thiên Tôn gìn giữ, là pháp của các thánh vâng theo thực hành, cất chứa nơi Ngọc liễm, giấu kỹ ở Huyền đài, có ba bộ oai thần ở bốn bên gìn giữ, đầu ở vô thủy cuối ở vô chung, cớ sao liên quan đến Long Hán mà phân tán đến niên hiệu Xích Minh mà cải đổi ư? Cải đổi tức là chẳng thật, phân tán tức là không linh, cớ sao hư dối, để chuốc lấy vất bỏ nhục nhã ư?

- Sai lầm về Linh Bảo Thái Thượng tùy kiếp sinh tử

Linh Bảo Chư Thiên Linh Thư Độ Màng Diệu Kinh Xưng Thiên Tôn nói: "Đại kiếp Giao châu trời nhào đất lộn, trong sáu tầng trời giữa cõi Dục các tạp pháp đều diệt không còn sót thừa. Thái Bình Đạo kinh, Phật Thuyết Pháp Hoa Đại Tiểu Phẩm kinh phân tán trên dưới trong mười tám tầng trời ở cõi Sắc. Đến lúc đại kiếp giao châu đất trời biến đổi, văn đó mới ẩn mất, nhưng Ngọc Thanh Thượng Đạo Tam Động Thần kinh, Chân Văn Linh Thư Ngọc Tự Linh Bảo Chân kinh đều lưu xuất ở nguyên thủy, đặt để ở trên hai mươi tám tầng trời cõi Vô sắc". Lúc đại kiếp Giao châu, đều trở về trên trời ở trong trời Đại La nơi núi Ngọc kinh, huyền đài bảy báu, chỗ tai họa chẳng thể đến được. Trời Đại La là trời ở trên năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm (55.555) tầng trời. Nên văn của tự nhiên cùng vận đồng sinh cùng vận động diệt. Nếu người hay kính phụng đó thì Thất tổ sinh cõi trời làm Chuyển luân Thánh vương, đời đời chẳng dứt tuyệt.

Linh Bảo Chân Văn Độ Nhân Bản Hạnh kinh nói: "Các bậc đại Thánh ở mười phương tự nói rằng: Bởi nhân duyên gì được nhậm của Thái thượng? Đạo Ngôn tự xưng Nguyên Thủy Khai Quang trở lại đến năm Xích Minh thứ nhất là trải qua chín trăm chín mươi chín ức kiếp, độ người đông nhiều như số cát sông Hằng. Từ niên hiệu Xích Minh trở về sau đến năm Thượng Hoàng thứ nhất, độ người nhiều vô lượng. Ta tùy theo kiếp sinh tử đời đời chẳng tuyệt dứt, thường dùng Linh Bảo đồng xuất hiện trải qua bảy trăm ức kiếp, gặp kiếp Thanh đế, cuối cùng chín khí đổi vận từ đó gá thai ở dòng họ Hồng suốt thời gian ba ngàn bảy trăm (3.700) năm. Đến năm Xích Minh khai thông ẩn tàng tại Giáp tý, Đản sinh ở trời Tráng lực cái, lại cùng Linh Bảo đồng ra độ người đông nhiều vô lượng. Nguyên Thủy Thiên Tôn vì nhân duyên của ta cho ta hiệu là Thái thượng, ở tại Huyền Đô Ngọc kinh, vì ta tin Linh Bảo nên vậy".

Chân Loan Tiếu nói: "Chân văn ấy đã ở trong núi Ngọc kinh; nơi tai họa không thể đến được". Mà lại nói rằng, văn của tự nhiên, cùng vận đồng sinh đồng diệt, ngày sinh diệt đâu phải là tai họa? Lại nói: "Thân ta thường cùng Linh bảo đồng thời xuất hiện và ẩn mất". Lại nói: "Ta tùy theo kiếp sinh tử, tính ngày Linh Bảo vận diệt, Lý Thái thượng luôn luôn riêng còn", mà nói là Đại pháp trường sinh bất tử, rất là nói năng hư dối vậy. Lại nói: "Núi Ngọc kinh ở trên các núi, nơi tai họa chẳng thể đến". Với lý rất đáng nghi ngờ. Tại sao? Hết thảy các pháp đều là vô thường, loại có hình sắc không thể có tồn tại. Núi Ngọc kinh đài vàng cửa ngọc làm bằng bảy thứ báu tức nhiếp thuộc cõi Sắc, sao nói là thường được ư? Lại nói: "Năm Xích Minh là năm ở Giáp tý". Hiệu của Xích Minh, há có thể tin được ư?

- Sai lầm về cải đổi kinh Phật lấy làm kinh Đạo

Thái Thượng Tiên Công Thỉnh Vấn kinh nói: "Long giá sáng rỡ giữa hư không, trên đảnh đội vầng ánh sáng tròn, thân sinh ánh sáng trời". Lão Tử nói: "Đời đời sinh ở nhà Vương Hầu, đó nghĩa là nhà Chuyển luân Thánh vương, cuối cùng vào đạo của chân tiên". Thái Thượng Linh Bảo Ngũ Luyện Sinh Thi Diệu kinh nói: "Thiên Tôn ở trong vườn Hương lâm, các vị Thượng trí đồng tử luân thiên, Quán Thế Âm v.v... đến phía trước đảnh lễ dâng lời thưa bạch Thiên Tôn".

Bản Tướng kinh nói: "Lúc Thiên Tôn nói pháp, Càn-thát-bà cho đến người và phi nhân v.v... voi trắng sáu ngà, bốn chúng vây quanh đi nhiễu cả trăm vòng. Thiên Tôn dùng một loại ngôn từ của Trung Hạ (Trung Hoa) diễn nói nghĩa ấy, chúng sinh tùy theo âm thanh từng loại mà hiểu. Ở núi Thiên thai có Thần nhân tên là Thiên Tôn, có ba mươi sáu trời khua chuông đánh sừng tấu nhạc mà tới lui nơi Thiên Tôn, suốt mười tuần thì tới nơi". Trên đảnh Thiên Tôn có cục thịt nổi cao, lưng cổ có vòng ánh sáng, tai cao đến chóm tóc, trán có ba ngấn, tay dài quá đầu gối, dùi vế tợ chân nai, mặt đầu bình lắng. Đó là tám tướng của Thiên Tôn. Sau cùng tổng quát mà nói ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. Lại cải đổi quả vị Mười hạnh, Mười hồi hướng, Mười trụ làm thành Mười phương tiên, Mười thắng, Mười trú xứ; tiết cấp mà lập từ đầu, từ Hoan hỷ cho đến Pháp vân, tướng tốt đầy đủ hiển bày Kim cang. Trong đó có mười chương và bốn đạo quả. Lại nói, tọa thiền là đoạn chướng phiền não. Thần tâm an định trên đảnh núi Tu-di, cung trời Thích-đề-Hoàn-nhơn rộng lớn bốn ngàn dặm. Bao quanh gồm có một ngàn hai trăm cửa. Trong đó có ba ngàn sáu trăm cung nhỏ, năm

thành mười hai cửa, thuần toàn bằng chất lưu ly làm đất, có ba mươi hai trời bao bọc bốn bên. Lại nói, Thiên Tôn ở tại trong rừng tỏa phóng ánh sáng nơi lông trắng giữa chặng mày soi chiếu đến Đại thiên cõi nước ở phương Nam. Các hàng Thanh văn, Duyên giác biết đến mà xem biết. Đến (Tấn) là các lậu đã hết, không còn phiền não (cải đổi các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Bát-nhã).

Kinh Phương Đẳng hai quyển cũng tên là Diệu Pháp. Kinh Di-đà Tử là do Đạo sĩ Trương Đạt ở thời nhà Ngụy tạo ra. Trộm lấy tên kinh Đại Phương Đẳng của nhà Phật. Diệu Pháp Di-đà Tử là lấy tên Di-đa-la-tử ở trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Xoay bến bờ của Nhị thừa tuyên dương đường chánh của và Nhất thừa, thuần một không tạp. Xin hỏi: Lấy gì làm Nhất thừa và Nhị thừa? Sao gọi là thuần một? Sao gọi là không tạp? Căn cứ kinh Pháp Hoa có nói: "Nhất thừa và Nhị thừa, thuần một không tạp". Đầy đủ tướng phạm hạnh thanh bạch, gọi là mười thiện. Làm sao tính đếm đó?

Nước Ha-tra-đơn, nước A-lệ, nước Phản Chân, nước A-bàn-tra, nước Xích My, nước A-cương-đề. Xin hỏi sáu nước đó nay ở tại xứ nào? Biên chép trong các thư tịch cũng không có tên đó? Tức là cải đổi lấy tên nước ngoài của trong nhà Phật.

Phải quy mạng ba mươi sáu Chân nhân (phỏng theo tên ba mươi lăm vị Phật của trong nhà Phật). Quy mạng Sư Tử Hống Chân Nhân (tức lấy tên Bồ-tát Sư Tử Hống), quy mạng Bảo Thắng Chân Nhân (tức lấy tên Phật Bảo Thắng). Mỗi mỗi hổ quỳ chấp tay, đúng như pháp mà sám hối. Ba, ba hợp làm một (tức cải đổi ba, ba hợp làm chín thứ). Thân này như thân trước, có tội đều sám hối (cùng đồng như nhà Phật). Xin hỏi, các đời vua tiếp nối ở trong chín cõi nước, chỉ có nói quỳ thẳng cúi đầu dập đầu, dập trán cúi đầu áp má v.v... Trong các sử sách vốn không có việc hổ quỳ chấp tay, mà Đạo gia chỉ có cởi khăn cúi úp đất, cũng không có hổ quỳ, đều khiến hồi hướng hết thảy cúng dường (hết thảy cung kính)? Quy mạng Vô Thượng Thiên Tôn (tức quy mạng Vô Thượng Tôn). Quy mạng Phương Đẳng Chân Kinh (tức quy mạng Tá-bà-nhã). Quy mạng Tứ Duy Thượng Hạ Hư không Pháp Giới Đắc Đạo Thánh Chúng (tức quy mạng Chư vị Ứng Chân (A-la-hán)). Giáo hóa chúng sinh đều chứng đắc quả vị Đa-la. Xin hỏi: Thế nào là hồi hướng? Có bao nhiêu thứ hồi hướng, dùng bao nhiêu pháp thành, hồi hướng về xứ nào? Sáu mươi bốn Chân Bộ Hư phẩm có bài kệ nói:

"Thấy chư Tôn quá khứ
Tự nhiên thành Chân đạo

Thân sắc như núi vàng
Đoan nghiêm rất vi diệu
Như trong lưu ly sạch
Hiện rõ nguyên thủy chân
Thánh tôn giữa đại chúng
Diễn nói hóa mê cường".
Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa có bài kệ nói:
"Lại thấy các Như Lai
Tự nhiên thành Phật đạo
Thân sắc như núi vàng
Đoan nghiêm rất vi diệu
Như trong lưu ly sạch
Ứng hiện tượng chân kim
Thế Tôn giữa đại chúng
Diễn nói nghĩa pháp sâu".

Như vậy là đã cải đổi các Đức Như Lai làm thành Chư Tôn ở thời quá khứ, cải đổi Phật đạo thành Chân đạo, cải đổi Tượng chân kim làm thành Nguyên thủy chân, cải đổi nghĩa pháp sâu làm thành hóa mê cường, chánh đắc quả vô lậu. Vậy xin hỏi: Thế nào là quả vô lậu? Lại nói, ngày mười sáu tháng tám năm Cảnh Minh thứ nhất thời nhà Tề (?), Đạo sĩ Trần Hiển Minh từ nhà xa tử thọ được kinh đó.

Trí Tuệ Tư Vi Định Chí kinh nói: "Pháp sư vì độ mười giới, năm giới, tức là năm giới của nhà Phật". Lại nói: "Xưa trước, số nhiều như cát sông Hằng". Vậy xin hỏi: Nếu Đạo gia trước đã có mười giới xuất phát từ tự nhiên, Lão Tử đã đời đời làm thầy các bậc Đế Vương, các người chủ từ xưa lại đều nên tuân hành, pháp ấy cớ sao đến nay không nghe lưu truyền? Nhưng nước ngoài có tám sông lớn, một tên là sông Hằng, hai tên là Tân Đầu. Sông ấy rộng lớn, số cát vô hạn. Xưa kia Đức Phật dùng làm thí dụ nêu bày đủ trong các kinh. Nay xưng như cát sông Hằng tức xuất phát từ xứ nào? Tin chắc trộm lấy từ kinh Phật, giặc ấy rõ bày vậy. Lại nói: "Lạc Tịnh Tín là thân tôi nay vậy. Pháp Giải là Huyền Chân Nhân ở bên tả, vợ Pháp Giải là Huyền Chân Nhân ở bên hữu". Tức đều cải đổi từ trong các kinh Kim Quang Minh, Pháp Hoa v.v... vậy.

Trong kinh Thái Huyền Chân Nhất Bản Tế ở quyển thứ hai, phẩm Hộ Quốc nói: "Bấy giờ Nguyên Thủy Thiên Tôn thành tựu các cõi nước ở năm phương, độ hết thảy mọi người".

Quân tử nói: Nếu Thiên Tôn xuất hiện nơi đời độ hết thảy mọi

người, tức nên động đất, tỏa phóng ánh sáng, trời người đều nhóm tụ. Cớ sao trong các sách thể không biên ghi, xưa nay chẳng lưu truyền, khắp trong chín châu không một người nào thấy? Đó là hư dối, đều thuộc loại ấy vậy.

Trong phẩm Thánh Hạnh có các ngôn từ như: Tam Đạt Ngũ Nhãn, Lục Độ Tứ đẳng, Ngũ Trược, Lục Thông v.v... cũng có nói chưa độ khiến độ, chưa an khiến an, chưa thoát khiến thoát, dùng Tam thừa giáo hóa dẫn đưa vào Nhất thừa, một niệm rõ suốt ba đời. Trong phẩm Đạo Tánh có các ngôn từ như: Bảy chánh định, ba tiểu kiếp, có bốn ma, bốn thú, năm đạo, sáu căn, sáu trần, sáu thức, ba đường ác v.v... Lại có các thuyết như ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bốn nhiếp, bốn biện, chẳng phải nhân chẳng phải chẳng nhân, chẳng phải quả chẳng phải chẳng quả.

Quân tử nói: Như trước nêu bày, danh tự pháp môn đều trộm từ kinh Phật mà làm thành ngụy điển đó. Mỗi mỗi tìm xét, bộ bộ bao gồm, đều lấy từ văn của Niết-bàn, Bát-nhã; hoặc trộm từ các thuyết của kinh Pháp Hoa, Duy-ma. Đó là trộm cướp lấy, nghiệm thấy rõ trước mắt. Các bậc danh Nho thông hiểu đều nghiên cứu rõ ràng, chưa thể vội vàng nêu hết, chỉ sơ lược đơn cử ý chỉ đại khái vậy.

Thăng Huyền Nội Giáo kinh nói: "Đạo nói năm phẩm năm khí lan tỏa khắp tám cực, hoặc gọi là nguyên thủy, hoặc gọi là Lão Quân, hoặc gọi là Thái thượng, hoặc gọi là Như Lai. Thảy đều đang tư duy nghĩ đến vườn nhà các trời Đế-thích, hỏi Phật luận bàn kinh pháp". Cửu Chuyển Tiên kinh phần thứ năm Bố thí chuyển nói: "Cúng thí đến Phật tăng, Linh Bảo kinh nguyện thứ mười ba nói phải quán xét Phật pháp ở hiện tại" (cải đổi là đạo pháp); Nguyện thứ mười bốn nói: "Phải quán xét Phật pháp ở tương lai hóa độ khắp cùng không riêng biệt" (cải đổi là đạo pháp). Nguyện thứ mười lăm nói: "Phải quán xét Phật đạo ở quá khứ và tương lai đều không dấu vết bẩn" (tức cải đổi kinh Dược Sư). Tiên Công Thỉnh Vấn kinh nói: "Lại thấy Đạo sĩ dõng mãnh tinh tấn. Lại thấy Hiền giả dõng mãnh tinh tấn" (tức cải đổi kinh Pháp Hoa). Phẩm Bất Tích Chân Nhân Hạnh nói: "Hai là thấy thân Phật như Kim cang, sắc tướng đầy đủ". Thái Thượng Tiêu Ma Bảo Chân kinh nói: "Nếu thấy vợ con ở nhà, phải cầu mong hết thảy sớm vượt ra khỏi ngục ái, nhiếp ý kính phụng giới" (tức cải đổi nguyện thứ một trăm bốn mươi ở kinh Hoa Nghiêm).

Nguyên Dương kinh nói: "Thái Thượng Linh Bảo từ vô ương kiếp đến nay, ở nơi Đạo làm Đạo bản (đạo gốc), ở nơi Phật làm Phật trước,

chư Phật ở mười phương đều bản chất từ Linh Bảo. Cõi nước Hương Lâm ở phương Đông, Phật đó tên là Nhập Tinh Tấn, Bồ-tát hiệu là Kính Thủ", Nguyên Dương lại nói: "Xích Tùng Tử đến Tiên Quán, việc biến hóa trong vườn nhà Nguyên Dương". Trong đó có đủ các ngôn từ của Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử cầu thiện tri thức, nhập pháp giới, và hiện thần thông v.v... Trong Linh Bảo Diệu Chân kinh có bài kệ nói:

Giả sử chúng Thanh văn/ Như lúa mè tre lau/ Khắp đầy mười phương cõi/ Đều cùng chung suy lường/ Chẳng thể biết đạo trí". Vậy là Linh Bảo chỉ cải đổi một chữ Phật lấy làm chữ Đạo, còn về thể trạng toàn lấy theo ở kinh Pháp Hoa. Ngoài ra các lời văn khác đều là góp nhặt.

Có Tạ Thường Thị ở thời nhà Tống làm Ngự Đạo Luận đem hỏi Đạo sĩ Cố Hoan. Cố Hoan đáp: "Linh Bảo Diệu kinh văn trời chữ lớn lưu xuất từ tự nhiên vốn chẳng phải cải đổi từ Pháp Hoa mà làm nên đó, mà do chính La Thập gian dối cùng đệ tử Tăng Ni cải đổi Linh Bảo của nhà Đạo ta mà làm thành Pháp Hoa, chẳng phải Đạo ta cải đổi Pháp Hoa để làm thành Linh Bảo". Căn cứ thể trạng đây có thể theo tình tìm cầu thì kinh của Linh Bảo không nói cũng có thể thấy vậy. Nếu nói Pháp sư La Thập cải đổi kinh Linh Bảo làm thành kinh Pháp Hoa thì xuất phát từ Ký Truyện nào? Chỉ có thể cuồng dối ở phương Đông đây để làm mê hoặc hàng hạ dân, chứ chẳng thể lưu truyền đến Tây phương, vì ở đó thảy đều có. Nay Sa-môn ấy đi đến nước này, kinh điển mang theo đều được ghi chép trên lá cây, ngày ấy lại sai bảo người đối chiếu dịch giải cùng với kinh văn ngày nay chẳng khác. Lấy đó để nghiệm xét hẳn biết các Đạo sĩ cải đổi trộm lấy kinh Pháp Hoa để làm thành kinh Đạo, việc ấy thật rất đáng tin. Như nêu bày trên không chỉ một bộ, phàm là các kinh sách của Đạo, trừ năm ngàn văn ra thì đều trộm nhặt xếp đặt làm thành kinh sách của mình, thật như điều giảng nói ở trong kinh Niết-bàn vậy. Trộm lấy của Phật và chư tăng đời đời tiếp nối truyền thừa, các bậc hiền triết trước sau mỗi mỗi người đều khâm trọng cung kính, bởi do oai linh hóa khắp sứ lý khá rõ ràng.

Do đó từ xưa đến nay, các bậc danh Tăng nối tiếp gót nhau như sư tử được sức không khiếp sợ, có dụ như rừng hương chiên đàn vây quanh, gìn giữ cõi nước, ngầm đượm nhuần khó lường. Dùng sức từ tu thân, an ổn cho người tha thứ cho mình, thận trọng thực hành tốt đẹp, không phục với xưa trước vậy. Lập thân kính phụng đạo nêu bày tiếng tăm ở hiện tại. Nếu như cải đổi trộm lấy kinh Đạo để làm thành kinh Pháp Hoa tức đã tập học theo hư dối, sao có lắm nhiều thắng hạnh, tâm

dụng thanh cao, biển trí sâu rộng? Trái lại, Đạo sĩ đã kính phụng chân văn, bởi việc gì mà ngu xuẩn tiếp nối, sách sử biên ghi chưa được một ai trong đó? Lấy đó mà suy lường, đổi lấy kinh chánh để làm sách tà, nghĩa đó đáng vạch bày, mọi người cùng chung rõ biết vậy.

- Sai lầm về bốn quả chứng và mười địa vị trong Phật pháp

Phẩm Độ Quốc Vương trong Đạo kinh nói: “Thiên Tôn bảo vua Thuần Đà rằng: “Chư vị Thánh chúng đắc đạo cho đến vô số Như Lai không ai chẳng từ phàm phu tích chứa công hạnh mà chứng đắc. Quả vị Thập tiên số chúng rất đông nhiều, cũng có nhất cử mà đạt đến Nhất Tiên, cũng đều từ phàm mà được quả vị đó. Cớ sao như vậy? Bởi vì công cao thì nhất cử, công kém thì mười thăng. Mười thăng là giai cấp Mười trú xứ mà đến. Từ địa vị Hoan Hỷ đến địa vị Pháp Vân tướng tốt đầy đủ hiện thân Kim cang”. Khi ấy các vị Đại vương, Tiểu vương nghe Thiên Tôn giảng nói pháp liền được chứng đắc bốn quả vị”.

Lại căn cứ phẩm Độ Thân nói: “Ni Kiền Tử ở nơi Thiên Tôn nghe giảng nói pháp Giải định bèn được đạo quả Tu-đà-hoàn”. Lại nói: “Huyền Trung Dưỡng ở trong núi Linh Thứu nơi năm bộ Tôn kinh, độ người đông nhiều vô lượng”. Lại nói: “Cùng với Thái Hòa tiên sinh ở trong núi đàn độc hóa độ vua dân, hiệu là Sa-môn”.

Căn cứ Văn Thủy truyện nói: “Lão Tử ở nước Kế Tân khảy móng tay, dẫn các vua trời và các vị La-hán chứng đắc Ngũ thông, trời người đại chúng trong một lúc đồng đến, sai Y Hỷ làm thầy”. Lại nói: “Các Bồ-tát đắc đạo vì Lão Tử mà làm kệ tụng”.

Lại nữa, Linh Bảo Trí Tuệ Tội Căn phẩm nói: “Đông nhiều trời người nghe giảng pháp chứng đắc Đạo quả rồi thành Như Lai”.

Những thứ vọng thuyết như thế đã nhiều, vì phỉ báng cũng rất lắm. Sở dĩ như vậy, vì Phật và Đạo giáo tích chẳng đồng, vào ra ẩn hiện biến thông cũng khác. Đạo lấy tự nhiên làm tông, Phật dùng nhân duyên làm nghĩa. Tự nhiên là vô vi mà thành, nhân duyên là do tích chứa công hạnh mới chứng. Do đó, Tiểu thừa nêu bày thềm bậc bốn quả chứng. Đại thừa hiển bày thứ lớp mười quả vị, từ phàm vào chân có đủ văn chứng. Không biết Đạo gia nêu bày bốn quả, chứng mười địa vị, tên gọi cùng đồng như nhà Phật, nhưng thứ phẩm tu hành chưa thấy nói như thế nào?

Lại nữa, pháp sở tu của Đạo hoặc có hợp hơi khí để bay lên trời, hoặc uống nước mà chứng đạo, hoặc nghe pháp mà bay vào hư không, hoặc ăn bánh bột lá cỏ mà giải thây. Hạnh nghiệp đã khác, quả chứng

theo lý nên chẳng đồng.

Hoặc nói chín lớp trời, hoặc nói ba mươi sáu ngàn (36.000); hoặc nói tám mươi mốt trời, hoặc nói sáu mươi Đại Phạm; hoặc nói ba mươi sáu trời, hoặc nói ba mươi hai đế; hoặc nói hai mươi tám trời, hoặc nói hai mươi bốn đế; hoặc nói mười tám trời, hoặc nói chín chân Thiên vương; hoặc nói chín khí Thiên quân, hoặc nói sáu trời cõi dục; hoặc nói khí quân bốn phương, hoặc nói ba nguyên ba trời; hoặc nói chín cung Thiên tào, hoặc nói Ngọc thanh đại hữu; hoặc nói Huyền đỏ cung tử vi, hoặc nói Tam hoàng thái cực. Các loại như thế, lược nêu bày danh mục, chưa biết các trời ấy là đồng hay dị, là ngang hay dọc, là cao hay thấp, là hư hay thật? Tu hạnh nghiệp gì mà có thể bay vượt? Ăn uống lá cỏ gì mà được vãng sinh? Nhân duyên thứ lớp, chưa được nghe thuyết đó! Nhưng phía sau trông xem sở dĩ quán xét nguyên do, căn cứ sự an đặt đó thì tình hư vọng đã thấy rõ vậy.

- Sai lầm về kinh Đạo chưa lưu xuất mà ngôn từ lưu xuất

Căn cứ theo các Đạo sĩ ở Huyền Đô quán v.v... nêu bày danh mục tất cả các kinh, và nói là lấy từ Lục Tu Tĩnh, người thời nhà Tống biên soạn, căn cứ đó mà biên ghi tấu trình. Kiểm xét danh mục cũ của Lục Tu Tĩnh chú giải kinh Thượng Thanh có một trăm tám mươi sáu quyển. Trong đó, một trăm mười bảy quyển đã lưu truyền nơi đời. Từ Thủy Thanh trở xuống có bốn mươi bộ, gồm sáu mươi chín quyển chưa lưu hành nơi đời. Kiểm xét danh mục kinh hiện nay đều nói hiện còn. Danh mục kinh của Lục Tu Tĩnh lại nói kinh Động Huyền có ba mươi sáu quyển, trong đó hai mươi mốt quyển đã lưu hành nơi đời. Còn từ Đại tiểu kiếp trở xuống có mười một bộ gồm mười lăm quyển còn ẩn giấu nơi cung trời chưa lưu xuất. Kiểm xét danh mục kinh hiện nay đều ghi chú là hiện có.

Lục Tu Tĩnh là người ở đời vua Minh Đế (Lưu Úc 465-473) thời Tiền Tống. Năm Thái Thủy thứ bảy (471), nhân sắc lệnh dâng trình danh mục kinh đó, Lục Tu Tĩnh ghi chú là ẩn tại cung trời chưa lưu xuất nơi đời. Từ đó lại nay đã hai trăm năm, chẳng nghe người trời giáng xuống, lại chẳng thấy Đạo sĩ lên trời. Không biết kinh ấy do nhân gì mà đến?

Xưa kia, Văn thành đem sách Hạn Ngưu dối nói là Vương Mẫu bảo đến, mà Hoàng Đình Nguyên Dương đem đạo cải đổi Phật, Trương Lăng sáng tạo Linh Bảo. Trong khoảng niên hiệu Xích Ô (238-251) thời Đông Ngô mới bắt đầu xuất hiện Thượng Thanh ở Cát huyền, đến thời

nhà Tống nhà Tề mới lưu hành. Bảo Tĩnh tạo kinh Tam Hoàng, bấy giờ mọi việc lộ bày mà ẩn mất. Văn Thành cuối cùng bị giết chết trong thời nhà Hán, dòng họ Bảo bị diệt hết từ xa xưa. Các học giả ngày nay nối gót theo thuật ấy, rất đáng buồn thương vậy!

Lưu Yên ở thời nhà Hán truyền xưng rằng: Ông nội của Trương Lỗ là Trương Lăng ở thời Hoàng đế làm khách ở đất Thục, học đạo trong núi Hạc Minh tạo tác Phù Thư để dối hoặc trăm họ. Người thọ học đạo ấy được ban xuất năm hộc gạo, nên gọi là giặc gạo. Trương Lăng truyền cho con là Trương Hành. Trương Hành nối tiếp làm thầy và tiếp truyền cho con là Trương Lỗ. Trương Lỗ cũng tiếp nối làm thầy, nên gọi là Tam sư (ba thầy). Các người đến học mới đầu gọi là Lý Quỷ, sau gọi là Tế Tửu, nhóm tu học trò xấu xa từng làm điều chẳng căn cứ. Vợ của ba người đó gọi là ba phu nhân. Trương Lăng bị rắn độc chích nọc. Đệ tử cũng lần lượt giao mạng cho rắn ăn, mà đều nói là giữa ban ngày bay lên trời. Những điều khinh thường vọng dối ấy, Truyện ký đã nói rõ ràng.

Căn cứ Diêu Thư nói: Từ xa xưa trở lại đến thời Phù Diêu đều gọi tên chư Tăng là Đạo sĩ. Đến đời vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452) thời Bắc Ngụy, có kẻ yêu quái tên là Khấu Khiêm Chi khinh dối cuồng hoặc, tự xưng là Thiên sư, mới đầu trộm lấy tên của Đạo sĩ, riêng cải đổi xưng là Tế Tửu. Căn cứ theo Lễ con của Lương Cung khéo giỏi làm ky, nhà của Lương Hợp hay làm áo cừu, việc ấy thuộc loại như vậy. Nếu Đạo của Trương Lăng thật là chất phác thì con cháu tiếp nối đâu mà yêu quái cuồng hoặc như thế?

Lại căn cứ Tam Nguyên Phẩm kinh xưng nói: “Người tích chứa việc thiện thì có con cháu tích chứa điều thiện đến sinh nhà đó. Người tích chứa việc ác thì có con cháu làm điều bất thiện đến sinh nhà đó”. Trương Lăng đã là giữa ban ngày bay lên trời, sao có điều bất thiện mà chuốc lấy con cháu yêu vọng như vậy? Đầu mối xuyên tạc, đều thuộc loại ấy rõ biết vậy!

- Sai lầm về Đạo sĩ hợp khí

Chân Nhân Nội Triều luật nói: “Chân nhân bảo các hàng nam nữ Lễ pháp đến ngày sóc vọng, trước nên thanh trai ba ngày để vào chầu hầu thầy ở phòng riêng, đến ở chỗ thầy lập công đức. Âm Dương và Tiến Mệnh nghe bảo cho lập công đức xong ra, nên đã ngày đêm sáu thời thường lập công đức”.

Lại Chân Nhân Nội Lễ, Đạo Gia Nội Thị luật xưng, thì không

được mất thứ lớp hầu hạ bên trong, không được tham ngoại đạo, đánh mất giáo bên trong chế ngự, không được ham thích giao tiếp bên ngoài đánh mất lễ của nội dưỡng, không được ham thích ở trước đánh mất việc tu bên trong. Lão Tử nói: "Thầy ta dạy tu kinh Kim Đan, khiến ta chuyên tâm dưỡng cành ngọc. Tam ngũ thất cửu hoàn lại âm dương hô hấp ao ngọc, vào Huyền minh hành đạo mất giữ lên Thái Thanh". Lại nói: "Lão Tử nói: "Thầy ta dạy ta thông hiểu thầy hợp ăn Kim Đan bay lên Thái Thanh, ta thực hành Tam ngũ, trú tại thất cửu, hô hấp Thái Huyền sinh cửa miệng, kiên giữ ao ngọc, bái lạy đạo mẫu". Xích Tùng Tử nói: "Thầy ta dạy ta kinh Kim Đan, khiến ta chuyên tâm dưỡng cành ngọc, Tam ngũ thất cửu hoàn lại âm dương, hô hấp ao ngọc vào Huyền thành hành khí một nửa giữ bay lên Thái Thanh". Lại nữa, Chân Nhân lễ đến nhà thầy hành đạo luật nói: "Hành khí theo thứ lớp không được tự ý, bài tiết dơ bẩn gần tốt lành sao cắt vượt thứ tự". Lại nữa, Đạo sĩ Lễ Luật nói: "Huyền Tử nói: Không địch lệ được độ đời, không ganh ghét đời có thể độ. Âm dương hòa hợp cưỡi rồng đi". Xích Tùng Tử nói: "Cây gỗ bay lên tiên mở cửa sống, Chân nhân nơi Tử phủ mở cửa ruột".

Chân Loan Tiếu nói: "Năm xưa lúc tôi hai mươi tuổi, vì tâm thích Đạo thuật đi đến chỗ Đạo sĩ tập học. Trước tiên thực hành đạo Hoàng Thư, hợp khí Tam ngũ thất cửu, đạo của nam nữ giao tiếp. Bốn mắt, bốn mũi, hai miệng, hai lưỡi, bốn tay. Khiến tâm chánh đối âm dương, pháp tính hai mươi bốn khí hành đạo, chân quyết ở tại Đan điền, chỉ lấy cấm bí làm gấp, chẳng tiết lộ nơi đường sá, không được ganh ghét lẫn nhau. Người thực hành tai ách đều trừ, gọi đó là Chân nhân độ đời, tuổi thọ lâu dài. Đổi chồng thay vợ chỉ bởi sắc làm đầu, cha anh lập trước không biết xấu hổ, tự xưng là trúng khí chân thuật". Ngày nay trong dân gian các Đạo sĩ thường hành pháp ấy. Lấy đó cầu đạo có chỗ chưa rõ!

- Sai lầm về ghi thuật Thiên Tôn và Hóa Tích

Linh Bảo Trí Tuệ Định Chí Thông Vi kinh nói: "Thiên Tôn ở thời quá khứ vốn là dân Đạo, dòng họ Lạc tên là Tịnh Tín, do cúng dường Đạo sĩ mà được thành Thiên Tôn".

Hữu Huyền Chân Nhân ở đời quá khứ cúng dường vị Tỷ-khưu các thứ của cải gấm lụa thức ăn uống mà nay thành Chân nhân, là cũng chẳng thể được. Cớ sao? Đạo có mười hiệu đều từ tự nhiên ứng hóa. Nói Thiên Tôn trước trời mà sinh, chẳng do nghiệp hạnh mà được, nhưng nếu không cha mẹ thì chẳng bẩm thụ âm dương, đâu có ở quá khứ tu

nhân để nay thành vô cực? Tự mâu thuẫn nhau, dối vọng có thể rõ biết! Nếu thật có dòng họ sinh ra cớ sao truyện ký không ghi chép? Linh Bảo Độ Mạng kinh nói: "Thiên Tôn ra nơi bên cạnh Tây Hà ngồi trên nước sình, miệng nhả ánh sáng năm sắc soi chiếu khắp các trời ở bốn phương. Nước bên cạnh thấy khắp ánh sáng, trai gái già trẻ đều đến cúi đầu". Cớ sao như vậy? Xích huyện Thần Châu là nơi Đại nhân ngồi, thành ấp tụ lạc nhà cửa lắm nhiều, Thiên Tôn thật tâm tính ứng bình đẳng, cớ sao xa đến nước bên cạnh gần bỏ xứ Trung Hoa? Đó bởi do sức thần chẳng cùng khắp, chỉ đáng dân chúng ở Trung Hạ (Trung Hoa) hạ liệt, kham hóa cùng sức yếu kém ấy, chẳng nên yếu kém ở biên bỉ mọi rợ kia. Biên bỉ mọi rợ kia đã được sức Thánh mà duỗi dung ở Trung Hoa, sao chẳng giáng Từ quang mà hiện bày đức? Nếu chẳng thể đến đây tức là không linh. Chỉ dối bày đàm nói trở lại thành luận suông. Từ xưa lại, các khách buôn lui tới, các phiên sứ ngang qua cùng chỗ chưa rõ, tuyệt không tung tích đầu mối.

Trí Tuệ Tội Căn kinh nói: "Chẳng được khinh thầy xem thường giáo pháp, dối ngạo Tam bảo". Giới thứ mười hai nói: "Không được trộm lấy kinh Phật, vọng tuyên bày là cốt yếu của đạo".

Thập Nhị Môn luận nói: "Vắng lặng cùng khắp cả, thông dong hết sông trí. Đã vào biển Đại thừa, ai lường ngăn kiếp nhiều, vượt xa ngoài ba cõi, tâm từ ra lưới đời". Phật là vô tâm tông cũng là có vật nhân, lập công không định chủ, bản nguyện mỗi do người, rộng nghĩ cứu các loài, đấm ái xưa nay đồng.

- Sai lầm về các nhà làm sách của Đạo gia

Kiểm xét kinh ở Quán Huyền Đô, tự xưng là Truyện ký, Phù Đồ luận v.v... của Đạo gia, tất cả gồm có sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba (6.363) quyển. Trong đó, hai ngàn không trăm bốn mươi (2.040) quyển hiện có văn bản, tính gồm cả thảy bốn mươi ngàn không trăm năm mươi bốn (40.054) trang giấy. Trong đó một ngàn một trăm năm mươi sáu (1.156) quyển là kinh truyện về Phù Đồ của Đạo gia, còn tám trăm tám mươi bốn quyển là luận của Chư Tử v.v... Còn bốn ngàn ba trăm hai mươi ba (4.323) quyển, mở xem là mục lục của Lục Tu Tĩnh đáp trình vua Minh Đế (Lưu Úc 465-473) thời Tiền Tống. Danh mục và các bản kinh ấy đến nay đều chưa thấy.

Kinh Dưỡng Sinh một bộ mười quyển (do Bành Tổ tu soạn); Truyện Thần Tiên một bộ mười quyển (do Bảo Phác Tử Cát Hồng tu soạn); Truyện Liệt Tiên một bộ mười quyển (do Lưu Hướng tu soạn);

Luận Di Hạ một bộ năm quyển (do Đạo sĩ Cố Hoan tu soạn); Trang Tử một bộ mười bảy quyển (lưu xuất từ Trang Chu, Cát Hồng tu soạn); Bảo Phác Tử một bộ hai mươi quyển (do Cát Hồng soạn); Quảng Thành Từ một bộ bốn quyển (do Thương Lạc Công tu soạn); Duẫn Văn Tử một bộ hai quyển (do Lưu Hâm tu soạn); Hoài Nam Tử một bộ hai mươi quyển (do Hoài Nam Vương An ở thời nhà Hán tu soạn); Văn Tử một bộ mười một quyển (do Văn Dương soạn); Liệt Tử một bộ tám quyển (do Liệt Lưu Quan soạn); Bảo Phác Tử Phục Thực Phương một bộ bốn quyển (do Cát Hồng soạn lục); Kinh Thôi Văn Tử một bộ bảy quyển (do Thôi Văn Tử soạn); Kinh Quỷ Cốc Tử một bộ mười ba quyển (do Quỷ Cốc tiên sinh soạn); Kinh Phục Thực Cấm Kỵ một bộ năm quyển (do Huyền Nữ Hoàng Nhân v.v... soạn).

Trị Luyện Ngũ Thạch một bộ tám quyển, Quái Dị một bộ mười hai quyển, Hưng Lợi Trạch Xá Pháp một bộ năm quyển, Kinh Trị Bệnh một quyển, Kinh Thuyết Âm Dương một quyển, Kinh Nhật Nguyệt Minh Cảnh một quyển, Kinh Thái Huyền cảnh một quyển, Kinh Án Ma một quyển, Kinh Thôi Văn Tử Tài Hậu một quyển, Kinh Đào Chu Biến Hóa Thuật một quyển (do Đào Chu Công soạn).

Kinh Bành Tổ Ký một quyển, kinh Dưỡng Tánh một quyển (do Bành Tổ v.v... biện xuất); Kinh Định Tâm một quyển, Kinh Quỷ Cốc Tiên Sinh Biến Hóa Loại một quyển, Kinh Sư Khoáng Vi Tây Cung Tử Thọ Dược một quyển, Kinh Cửu Cung Xà Quy Tự một quyển, Đạo Dẫn Đồ một bộ mười quyển, Hà Đồ Văn một bộ chín quyển (do Hà Thừa Thiên tu soạn).

Kinh Chi Thảo Đồ một quyển, Chi Thảo Đồ sáu quyển, Kinh Trâu Dương Tử một quyển, Giang Đô Vương Tư Chánh một bộ hai quyển, Đạo Đức Huyền Nghĩa ba mươi ba quyển (do Mạnh Trí Châu tu soạn).

Luận Tất Nhiên một quyển, Luận Vinh Ẩn một quyển, Luận Toại Thông một quyển, Luận Quy Căn một quyển, Luận Minh Pháp một quyển, Luận Tự Nhiên Nhân Duyên một quyển, Luận Ngũ Phù một quyển, Luận Tam Môn một quyển (tám bộ luận trên do Lục Tu Tĩnh soạn).

Căn cứ danh mục kinh do Đạo sĩ tấu trình đều nói y theo Lục Tu Tĩnh người thời nhà Tống nêu bày. Nhưng kiểm xét trong danh mục của Lục Tu Tỉnh, thấy có kinh sách Dược Phương Phù Đồ v.v... cả thảy gồm một ngàn hai trăm hai mươi tám (1.228) quyển, vốn không có tên các sách tạp Chư tử như các Đạo sĩ ngày nay nêu bày là có hai ngàn không trăm bốn mươi (2.040) quyển. Trong đó phần nhiều lấy từ danh mục,

Hán Thư Nghệ Văn Chí dối vọng ghi chú tám trăm tám mươi bốn quyển làm thành kinh luận của Đạo gia.

Căn cứ hình trạng đó với lý có lắm quái lạ. Tại sao? Chỉ như học trò của Hàn Tử, Mạnh Tử, Hoài Nam đều nói việc Đạo. Lại phương của tám lão Hoàng Bạch, thuật của Đào Chu biến hóa, phù của nghiêng trời đổ đất, pháp của Tịch Binh Sát Quỷ, cho đến phương thuốc chú yểm, đều được làm thành sách Đạo. Như Liên Sơn Quy Tàng, Châu Lâm Thái Huyền, Hoàng Đế Kim Quỷ, Thái Công Âm Phù, Âm Dương Thư, Ngũ Tánh Trạch Đồ, Thất Thập Nhị Táng thư v.v... cũng được làm sách Đạo ư? Căn cứ trong danh mục của Lục Tu Tĩnh đều không có các sắc thái trên, nay lấy biên tập đó. Đó lấy chứng cứ gì?

Tiếu Đạo luận nói: "Dối vọng ghi chú Chư Tử cả thảy ba trăm năm mươi quyển làm thành kinh Đạo". Nếu có y cứ, cớ sao trước sau ghi chú riêng khác chẳng đồng? Vả lại, người có điều xấu ác hẳn sợ người khác biết đó, còn mình có điều thiện thì lại lo sợ người khác không thấy biết? Do đó, các Đạo sĩ tự biên ghi là: "Người không thọ giới của Đạo thì không được xem đọc". Kinh đạo tức hình trạng như vậy. Đạo có gì xấu xa là lo sợ người khác biết ư? Như sự ghi chú của các Đạo sĩ, Chư Tử vì làm sách đạo, Chư Tử ở trong dân thảy đều phải truy tìm vào không thôi. Xét, Đào Chu tức là Phạm Lễ. Phạm Lễ thân gần phụng sự Kiệt Vương Câu Tiễn, vua tôi thảy đều bị bắt giam tù ở nhà Ngô, ăn phẩn uống nước tiểu cũng đành cam chịu. Lại nữa, con của Phạm Lễ bị giết ở Tề Phụ. Đã có thuật biến hóa, cớ sao chẳng biến hóa để thoát khỏi?

Căn cứ Tạo Lập Thiên Địa ký nói: "Lão Tử sinh trong bụng Hoàng hậu của U Vương (Cơ Cung niết 781-870 trước Tây lịch, thời Tây Chu)", tức con của U Vương, tự thân lại làm Trụ sử, tức là bề tôi của U Vương. Hóa Hồ kinh nói: "Lão Tử đến đất Hán làm Đông Phương Sóc". Nếu xét vậy, biết U Vương bị Khuyển Nhung giết hại, đâu có thể chẳng mến thương vua cha mà cho Thần Phù để khiến vua cha chẳng bị chết ư? Lại nữa, Hán Võ tận cùng binh lính nhọc tệ, thiên hạ trong nước rất mực giảm bớt hơn một nửa, Lão Tử sao nhẫn đành chẳng cho phù ấy khiến dùng để tịch binh? Lấy đó mà nghiệm xét phương thức chú yểm sao sai lầm vậy ư? Sao sai lầm vậy ư?

Mục Lục kinh ở Quán Huyền Đô nói: "Kinh Ký Phù Đồ luận của Đạo gia có cả thảy sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba (6.363) quyển". Hai ngàn không trăm bốn mươi (2.040) quyển, đã có bản hiện hành. Trong đó, bốn ngàn hai trăm hai mươi ba (4.223) quyển, chỉ mục lục của Lục

Tu Tĩnh đã không có bản chánh, sao lầm dối quá lắm vậy? Nhưng Lục Tu Tĩnh làm danh mục đã là rất hư ngụy, mà nay ghi lục ở Quán Huyền Đô lại là hư ngụy trong hư ngụy vậy!

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT: CÁC ĐỜI TƯƠNG THỪA TIẾP NỐI

- Đạo gia không có Kim cang mật tích, Sư tử
- Thích-ca và Lão Tử hình phục khác nhau
- Các ngày lễ tiết của Đạo gia
- Chuông phướng chẳng đồng
- Khí danh chẳng đồng
- Không hợp du hành ngoài thành
- Y cứ theo pháp chầu bái
- Xin lập danh mục các kinh
- Huyền Đô Đông Hoa không phải là Đạo Quán.

- Đạo gia không có Kim cang mật tích, Sư tử

Căn cứ luận Tứ Kiến của Đạo gia gồm hai mươi mốt điều đại nghĩa: 1. Lời tựa, 1. Nêu danh, 3. Giải thích danh, 4. Biện sắc, 5. Khí số, 6. Lý số, 7. Trùng số, 8. Dị danh, 9. Xuất thể, 10. Nhiều ít, 11. Dị đồng, 12. Giải thích rộng, 13. Tăng giảm, 14. Thô tế, 15. Ba thứ trói buộc, 16. Bảy thứ xấu ác, 17. Thừa kiếp, 18. Thọ mạng, 19. Sự tướng, 20. Ngũ nhạc, 21. Hỏi đáp nói rõ về ba mươi sáu trời của Đạo gia, từ đầu từ Hoàng Tằng mãi đến Vô thượng Đại La. Nêu thuật rõ đủ các trời và Thần đạo v.v..., các thứ nơi ở cung điện lầu gác, cửa vàng thành ngọc, cây báu cành ngọc, chim lành thú quý đều nêu bày trong đó. Chỉ có Tiên đồng ngọc nữ theo hầu Thái thượng, vốn không có thần Kim cang, không thấy tượng Lực sĩ Mật Tích.

Căn cứ các kinh như Đạo Gia Huyền Diệu Nội Thiên, Đại Chân Khoa Cửu Thiên Sinh Thần Chương, Hồn Thành Đồ, Vô Thượng Chân Nhân truyện, Ngũ Nhạc Thần Tiên Đồ, Thanh Hư truyện, Tả Tiên Công truyện, Huyền Đô luật, Quỳnh Văn Đế Chương, Đăng Chân Ẩn Quyết, Thái Bình Chân Khoa v.v...; cùng các sách như Tán Tụng Chư Thiên Nội Âm Đại Tiêu Ẩn Thư, Vô Thượng Chân Thư v.v... thảy đều không có thần Kim cang lực sĩ.

Căn cứ Tam Thiên Chánh Pháp kinh, Ngoại Quốc Phóng Phẩm kinh, Ngọc Vĩ kinh, Tam Đạo Thuận Hành kinh, Động Huyền kinh, Động Thần kinh, Động Chân kinh, Linh Thư kinh, Huyền Đan kinh, Quán Thân Đại giới kinh, Định Chí kinh, Độ Nhân kinh, Bảo Huyền kinh v.v... đều thuật nói về đô của Thái Huyền, châu của Ngọc Quang, quận của Kim Chân, huyện của Thiên Bảo, hương của Nguyên Minh,

lý của Định Chí. Quyết vàng kinh ngọc, cho đến Thanh linh cung, Cực chân cung, Tử dương cung v.v... đều là nơi Tôn Thần an tọa của Đạo gia. Chỉ có Kỳ lân, Phụng hoàng, Bạch tước, Chu ngạc, Côn kê, Linh hộc, Xích điểu, Thanh tước v.v... bày biện trong vườn, rải rác trong cung đài, cũng không thấy có thần Kim cang và tượng Lực sĩ Mật Tích.

Nay các Đạo sĩ cải đổi Kim cang gọi tên là Thiên võng. Căn cứ Tào Thị Thái Giới kinh nói: "Hoàng đế gặp phải đời... Vưu tán loạn, cóThần nữ thấu suốt tiết âm dương mở đóng, vì thấu đạt độ của toàn cơ hồi hành, thông hiểu ứng nghiệm của Lục giác khuất thân, tham tầm ứng của Quỷ thần Doanh Tú để suy đẩy đất trời, cùng Tinh vào Vi, nên thiết bày nhật nguyệt, muôn sao, bốn mùa, năm hành, sáu luật, bảy biến, tám tiết, chín cung, mười hai Thần. Trên lấy Thần tướng lập hiệu, dưới lấy Nhật thần làm tên. Thần tú hợp dùng làm Nguyệt, lấy khí của thần Nguyệt Kiến dùng làm thần, gọi tên Thiên võng là Thần của Bát nguyệt, nguyệt kiến tại dậu, nói muôn vật mạnh chắc, cành lá dùng để định mầm, thật chẳng phải Kim cang nên gọi là Thiên võng". Các sách đều nói: "Thiên võng là tên của Nguyệt tướng, chẳng phải kinh Thần Động Phòng Nội của Đạo gia. Nói có kinh Kim Cang Lực Sĩ Thần Chú, có ba vạn ức lực sĩ Mật Tích, đều là nói lãng.

Căn cứ sách của chín phái trăm nhà, thì ba trăm sáu mươi lông trùng, loài Phụng là trên hết; ba trăm sáu mươi lông trùng, loài Lân là trên hết; ba trăm sáu mươi vãy trùng, loài Rồng là ở trên hết. Xuân Thu nói: "Lân phụng ngũ linh là điềm tốt lành của Vương giả". Chưa thấy luận về Sư tử, chẳng nói dẹp tà, Điểu Bí ở đây không gì chẳng nêu thuật.

Từ thời nhà Hán trở lại chỉ truyền Tây Vức từng có hiến dâng. Lấy nay để nghiệm xưa tức việc đó có thể biết. Nếu nói Đạo gia từ trước lại đã có, rất là xa vời chẳng gần nhân tình. Tam thiên Thần tiên đại đạo nghi kia có Kim cang lực sĩ. Độ Nhân kinh có sư tử năm sắc. Bản Tướng kinh có sư tử bảy sắc. Bản Tướng kinh nói: "Trong nhà Thiên Tôn có sư tử hổ mạnh giữ gìn hai bên cửa, lực sĩ chống trời oai hùng mạnh mẽ trước sau". Căn cứ các Quán Đạo sĩ ở Giang nam Hoài bắc ba đô hai kinh ở thời nhà Hán nhà Ngụy và nhà Tấn chỉ dùng Bầu Lô đựng đầy Bản kinh, không có hình tượng Thiên Tôn và Thần Kim cang. Ngày nay làm ra đều là do Lục Tu Tĩnh, Trương Tân v.v... nói bày trong Ngụy kinh. Nhưng Kim cang sư tử là Thiện thần hộ pháp. Từ thời nhà Tấn trở về trước, trong Quán của Đạo sĩ cũng chưa từng có, cho đến Bia tụng tán vịnh đều không luận bàn, sử sách văn điển không có ghi chép. Xin

hỏi các bậc biết nhiều xưa trước hiện ở đời, các vị thông Nho khảo xét chánh điển tự biết hư thật. Nếu y cứ kinh Độ Nhân Bản Tướng v.v... thì Thiên Tôn phải cưỡi sư tử chứ không ngồi hoa sen.

- Thích-ca và Lão Tử hình phục khác nhau

Đức Như Lai có móng tay sắc hồng, tóc xanh biếc, môi đỏ trái cây, mắt hoa, tướng chữ vạn ngàn căm xe, mặt nguyệt vầng nhật, ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, y phục đắp mặc dệt bằng vàng kim tuyến, ngồi trên hoa sen ngàn cánh, có hình có thể đồ họa, có tướng có thể vẻ nên.

Còn Lão Tử mũi có hai trụ, hai tai khuyết lọt, đầu hói miệng cao, môi dày răng thưa, đùi chân có họa nét hai chữ Ngũ, tay cầm nắm văn chữ thập, đội mũ pháp thiên, mang giày tượng địa, tóc bạc mặt nhăn, dáng vẻ già suy.

Trong Nội truyện, Đào Ẩn Cư nói: "Ở trong Mâu Sơn dựng lập nhà Phật nhà Đạo, cách ngày chầu lễ. Nhà Phật có tôn tượng, nhà Đạo không tôn tượng". Sở dĩ như vậy, vì Đạo vốn không hình, chỉ là nguyên khí. Kinh Dưỡng Sinh nói: "Đạo nghĩa là khí. Bảo dưỡng khí thì gọi là đắc đạo". Từ xưa lại các bậc thông Nho lấy khí làm đạo không khác Thần đạo. Nếu nói có thì sao sách vở xưa nay chẳng từng ghi chép? Nay làm hình đạo y cứ từ đâu làm khuôn phép, như nếu vốn có sao xưa chẳng truyền?

- Các ngày lễ tiết của Đạo gia

Căn cứ trai nghi kim lục, ngọc lục hoàng lục v.v... cho đến pháp tám trai của Động thần tự nhiên v.v... thì trong Đạo gia chỉ có lễ tiết Tam nguyên. Nói công cử đổi dời lên, nói công chương ba hội, nam nữ đều đủ, thứ tự làng ở nhà thuộc để cầu xin bảo hộ. Ngày mồng năm tháng giêng là tiết Thượng nguyên. Ngày mồng năm tháng bảy là tiết Trung nguyên. Ngày mồng năm tháng mười là tiết Hạ nguyên. Vừa đến các ngày đó, Đạo sĩ tấu chương dâng lời Thiên Tào, mong được đổi thay, kéo dài năm ích lợi. Tính rõ ngày Rằm tháng bảy chẳng phải ngày lễ tiết của Đạo gia.

- Chuông phướng chẳng đồng

Căn cứ pháp của Đạo gia, bình thường sáu thời không nên đánh chuông. Cớ sao? Xét điểm kính chuộng của Đạo sĩ có đủ ở ba trai pháp lớn, như Trai Nghi, Kim Lục, Hoàng Lục v.v... Các thứ đều thiết bày

đầy đủ, vốn chẳng luận chuông cũng không khua trống, chỉ nói an thí đã xong, tôn ty theo thứ lớp, từ ngoài đàn vào đến cửa tự thiên, trước ngậm răng tiến vào trong đàn, ba lần đốt hương xong sau đó mới dâng khải. Ngọc Kinh Sơn Kinh Bộ Hư Từ nói: "Trường trai hợp Huyền Đô, khua ngọc gõ chuông Quỳnh, trống pháp nhóm các thần, linh xướng đều đồng nhau". Đó là nói các tiên tụ hội, khi ấy bày nhạc mới khua trống đánh khánh. Chuông Quỳnh chỉ là khánh ngọc, ca xướng làm vui Đạo quân. Nên Chư Thiên Nội Âm lại nói: "Khua trống ở Lầu đô, ngà lớn đánh chuông, nói đủ nhạc chín thành, Chầu Yến Ngọc kinh, chẳng như nhà Phật sáu thời đánh chuông nhóm chúng hành đạo". Xin kiểm xét trai nghi phân lấy đen trắng.

Lại y cứ theo pháp Đạo thì không nên dựng chùa treo phướng. Căn cứ Trai Nghi, Kim Lục, Hoàng Lục và Huyền Đô luật, Chi Thiên Nội Âm v.v... Các thứ thiết bày đều chẳng có phướng đạo. Như bộ Hư Từ, Tán Vịnh Ngọc kinh chỉ nói: "Cảnh sáng rực rỡ, đài báu vời vợi, chùa vàng dáng vàng, giá rồng chợt đến, chim phụng kêu ứng theo tiết, gió linh htổi rải hoa, khói tía thành cung điện, nhạc trời cùng hòa vui, tuyệt không việc phan phướng". Xin y theo nghi ấy. Động Phòng Nội kinh có phướng linh mười tuyệt, sách nối liền dài chín thước lụa, họa vẽ mạng Quỷ đặt để ở năm phương, tùy theo phương mà làm sắc màu, dùng đất trắng viết trên lụa xanh làm tên Thần phương Đông (lấy phấn trắng dùng chữ xưa viết tên Thần phương Đông), đúng theo phương mà thiết đặt để hộ mạng vậy. Nếu ở núi thì viết trên lụa năm sắc làm Văn phù. Cửu Thiên Phong Khí Huyền Khâu Chân Thư chỉ có hai chân, đều không tạp sắc, lại không phướng lớn. Nghi Văn Kim Lục v.v... chẳng nêu bày chuông phướng, cũng không nghi chế phạt.

Minh Chân Khoa nói: "Cứu bạt hồn chết thường vào tháng giêng, tháng ba, tháng năm tháng bảy, tháng chín, tháng mười một. Lại dùng các ngày mồng 01, mồng 08, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 trong tháng và dùng tám tiết Giáp tý Canh thân làm Minh chân trai. Mùa Xuân chín ngày chín đêm, mùa hạ ba ngày ba đêm, mùa Thu bảy ngày bảy đêm, mùa Đông năm ngày năm đêm, còn các tháng cuối của bốn mùa thì làm mười hai ngày mười hai đêm. Ở trong sân đốt một đèn lớn cao chín thước, khải thỉnh Tiên trời tiên đất, Chân nhân tiên bay, Nhật nguyệt cửu cung, Ngũ đế ngũ nhạc, ba sông bốn ngòi, các hàng quỷ thần. Ban ngày đốt hương, ban đêm đốt đèn. Đạo sĩ ở dưới đèn trong sân, đi nhiễu quanh đèn hành đạo, lễ khác Linh Bảo Thiên Tôn ở mười phương, đều cởi khăn cúi đầu dập trán, hoặc tám lần, hoặc mười một lần, hoặc hai

trăm tám mươi tám lần. Nếu gặp ách nạn thì dùng Đan thư chân văn năm biến. Ở trong sân thiết đặt năm bàn án, mỗi án đặt theo một phương, ở trên tôn trí chân văn. Lại dùng năm lượng vàng làm năm hình rồng để trấn ở năm án. Lại dùng lụa văn năm sắc làm thư để trấn nơi tòa của Ngũ đế. Lại tùy theo năm mà dùng lụa văn sắc tía làm thư. Thọ chân văn dùng ba rồng vàng đặt vào nước Phủ Linh sơn, và ở ba nơi trong vườn nhà dùng hai mươi bốn ngàn (24.000) tiền vàng để làm vốn hai mươi khí". Sáu thời sám tạ, hành sự trong sân, đều chẳng treo phướng đánh chuông. Trong khoa không nói việc đó.

Y cứ đó để kiểm xét Phật Thuyết Thái Tử Thụy Ứng kinh nói: "Mới đầu lúc Phật đản sinh, có năm trăm sư tử từ núi Tuyết đến hầu, xếp đứng bên cạnh cửa". Luận Tát-bà-đa nói: "Có sư tử đá rống nhiếp phục các Dị đạo hộ trì già lam". Rút từ Tây Vức, ngày nay người dâng hiến lại theo kia đến. Lấy nay chứng nghiệm xưa, mọi sự phù hợp. Kinh Nhân vương nói: "Phướng dài năm trượng". Kinh Dược Sư nói: "Phướng dài bốn mươi chín thước, đều dùng bằng lụa năm sắc để giữ gìn cõi nước, kéo dài mạng sống, chuyển hóa chướng nạn, tiêu trừ tai ách, treo ở Long câu móc nơi Phụng sát". Giả sử Đạo gia có vậy, giáo tông đã khác, phướng chế cũng khác, không nên sắc màu hình thể chẳng khác, số lượng chung đồng. Kinh Vu Lan Bồn nói: "Ngày Rằm tháng bảy, lúc chư Tăng tự tứ, người dâng bát cúng dường, có thể cứu vớt nỗi khổ của cha mẹ trong bảy đời". So thấy Đạo sĩ ở các châu cũng thực hành pháp ấy, há chẳng phải lạm dụng ư?

- Khí danh (tên đồ vật) chẳng đồng

Luật Tăng Kỳ v.v... nói: "Bình bát, bồn tắm cổ nhỏ bụng to giữ gìn trong sạch, tiện dễ sinh thiện nuôi lớn đạo rất là yếu dụng. Do đó được Phật hoan hỷ chế bày, các đệ tử đều cất dùng đó". So thấy Đạo sĩ cũng dùng vật dụng ấy. Nếu vui thích hành trì bình bát của nhà Phật, cùng phải thọ trì bát của Tăng dùng. Bát đã chẳng chịu dùng, thì bình ấy đúng lý cũng nên bỏ. Căn cứ Nội Pháp Trai thì lên tòa thọ thực, trước phải chú nguyện và xướng lễ cúng dường bình đẳng. Pháp ấy đều rút từ luật Thập Tụng v.v... So thấy Đạo sĩ cùng đều chú nguyện và xướng bình đẳng. Đạo gia trước đã không văn từ, chứng cứ ở đâu? "Đàn" là âm ngữ của Tây Vức, Trung Hoa ngày trước phiên dịch là thí. Còn Việt dịch nghĩa là độ. Nếu hay hành Đàn tức sẽ được vượt qua sinh tử, nên gọi là Đàn-việt. Còn Ưu-bà-di nghĩa là người nữ có tín tâm thanh tịnh. So thấy, Đạo sĩ cũng kêu gọi người thế tục là Đàn-việt, Ưu-bà-di. Căn

cứ sách vở nào mà xưng gọi như vậy? Xin mỗi mỗi phải tự y theo kinh pháp mà riêng lập danh tự. Nếu như Đạo sĩ mến thích Phật pháp mà chẳng chịu cải đổi, thì cũng xin cải đổi chữ Đạo kia thành Bồ-đề. Nếu vì đó là âm ngữ của Tây Vức mà chẳng chịu xưng gọi, thì tên của Đàn-việt, Ưu-bà-di cũng không được kêu gọi đó.

- Không hợp du hành ngoài thành

Căn cứ kinh Thái Tử Thụy Ứng v.v... nói: "Ngày mồng tám tháng hai là bốn vị Thiên vương nâng chân ngựa của Thái tử vượt thành xuất gia". Nhân đó có pháp xuất hành ngoài thành, vì truy tìm dấu vết chân ngựa của Thái tử, bày tỏ tình luyến mộ bậc Thánh. So thấy, Đạo gia ở các châu huyện cũng thực hành pháp ấy. Lúc du hành ngoài thành mới xướng nguyện ta ngồi đạo tràng, hương hoa cúng dường đạo. Chỉ cải đổi chữ Phật làm khác. Chỉ bởi Đạo gia đã không có pháp ấy, rõ ràng biết là hư dối chẳng thật. Nếu nói là có thì rút từ kinh cáo nào? Tức lấy đó làm chuẩn, mọi việc phần nhiều phù hợp với nghi nhà Phật.

- Y cứ theo pháp chầu bái

Luật Tứ Phần và các kinh đều nói: Hàng bạch y kính lễ chư Tăng, còn chư Tăng không kính lễ người thế tục. Nếu theo Đạo gia thì Lão Tử là Thầy, lại xưng bề tôi kính bái vua. So thấy, các Đạo sĩ chẳng kính bái Quân vương. Tuy thuận theo tình của Đạo sĩ, mà trái ngược sự chỉ dạy của Lão Tử. Giả sử tham tiến tự thân mà chẳng rõ hiểu trái với tông, chỉ muốn thành đạt chính mình sao mong mất ý chỉ! Nếu y theo pháp của Thầy gốc, tức Đạo sĩ nên xưng là bề tôi, nữ quan xưng là thiếp. Đầu năm và Đông chí đều phải nắm hốt mang giầy đến chầu bái chúa thượng, như vậy tức là cải đổi gió bạc của Đạo sĩ trở lại thuần giáo gốc của Lão Tử.

- Xin lập danh mục các kinh

Căn cứ từ xưa đến nay, nhà Phật lập danh mục hết thảy kinh điển đều nêu rõ người phiên dịch ở triều đại vua nào và đều có ghi chú những bộ còn "tồn nghi", vì sợ làm hoặc loạn mọi người nên vậy. Nay Đạo gia trước không phiên dịch, bèn lập thành ký mục, hoặc y theo bên cạnh tương tợ kinh Phật, hoặc riêng nêu đầu giả tạo mà chẳng ghi năm tháng, chẳng rõ thuộc đời nào. Trang hoàng pho quyển cùng như Chân kinh một loại, dối nói từ không trung tự lưu xuất; hoặc trong Đạo cốc bay lại thạnh hành nơi đời, nghi dối hàng hạ ngu.

Gần đây như khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) thời nhà Tùy, Đạo sĩ Phụ Tuệ Tường ở Quán Ngũ Thông suốt ba năm không nói, cải đổi kinh Niết-bàn làm thành kinh Trường An. Khi ấy cấm ước chẳng cho ra khỏi cửa thành, ở trong nhà thấy mặc áo vàng cầm đưa lưu giữ. Việc cải đổi kinh bị phát hiện, bị Thượng thư Vệ Văn Thăng tấu trình, đưa đến ngoài cửa Kim Quang giết chết, tai mắt đều chứng nghiệm. Việc làm bị phát hiện đã vậy, còn việc không phát hiện hẳn cũng có đó. Xin cùng các bậc Đại đức danh tăng, chư vị Nho sinh Đạo sĩ, đối cùng Tể phủ triều tuấn xét rõ nội ngoại kinh sử, phán định phải quấy, lập danh mục làm ký để chấm dứt tà ngụy, khiến các người mến mộ Đạo y theo Tông chỉ, học hành thứ lớp, trọn dứt tuyệt mê vọng.

- Huyền Đô Đông Hoa không phải là Đạo Quán

Thái Huyền là Đô, Đông hoa là Cung (luận Tứ Kiến nói: Ngoài ba cõi, kế tiếp là trời bốn dân. Đó là Đông hoa, Nam lý, Tây linh và Bắc châu. Người thực hành đức nhân thì sinh về cung Đông hoa, người thực hành nghi lễ thì sinh về cung Nam ly, người thực hành việc nghĩa thì sinh về cung Tây linh, người thực hành đức tín thì sinh về cung Bắc chân. Nói trong ba cõi lúc đại kiếp Giao châu, có bốn Hành giả kham làm giống dân. Vương mẫu nghinh tiếp đó đưa lên bốn trời làm hạng hạ dân.

Giải thích tên rằng: Đô nghĩa là Đổ (thấy). Nói đất Hoa Hạ (Trung Hoa) là nơi bậc Đế vương ở muôn nước đều quy hướng tu tập về thiết đặt hoa vật tráng lệ, gọi đó là Lục hải, có chỗ xem thấy nên gọi là Đô. Toản Văn nói: “Kinh đô đều là rộng lớn, rộng lớn gọi là đô, nhỏ hẹp gọi là ấp”. Nơi Thiên Tôn ở trị nên gọi là Huyền đô. Giải thích tên rằng: Nơi Thiên tử ở gọi là Đô là Cung, nơi chư hầu ở gọi là Đệ là Trạch, nơi khách dừng nghỉ gọi là Quán (?). Tập Hiền viết là Quán (?). Như nay là Hồng Lô và Hoàng Văn vậy. Do vậy, Trương Hành hai kinh, Tả Tư ba đô, chẳng gọi là Quán. Nay lấy Đô và cung làm Quán tức chẳng phải nghĩa ấy vậy. Giải thích rằng: Quán là ở trên trông xem vậy. Cung điện ở thời nhà Hán tên là Trường an có năm mươi bảy Quán. Dĩ Nhã giải thích cung trọn không chữ Quán. Nếu cải đổi Đô làm Quán bèn là hạ tôn xuống ty; đem Quán thay thế Cung tức lại là lùi lớn thành nhỏ. Vả lại, cung trời bốn dân chẳng phải nơi ngồi của Thiên Tôn, nay làm thành Đạo quán, với lý tức không thể được. Tên gọi đã không chánh, pháp cũng hẳn là tà. Sao được lấy tên của Quán thấp kém mà phế bỏ hiệu Cung tiên?

CHƯƠNG MƯỜI HAI: QUY TÂM CÓ NƠI CHỐN

- Sắc văn xả bỏ đạo của vua Võ Đế thời Nam Lương
- Văn xả bỏ Lão Tử mà thọ giới Bồ-tát của Triệu Lăng
- Thư gởi Thượng thư bộc xạ Thái Quốc Công của Sa-môn Pháp Lâm

----

- Sắc văn xả bỏ đạo của vua Võ Đế thời Nam Lương

Ngày mồng tám tháng tư năm Thiên Giám thứ ba (504) thời Nam Lương, Hoàng đế nước Lương là Lan Lăng Tiêu Diễn cúi đầu kính lễ mười phương chư Phật, mười phương tôn pháp, mười phương Bồ-tát Tăng! Cúi xét kinh văn Huyền Nghĩa với lý hẳn phải thuyên giải, người phát tâm Bồ-đề tức là tâm Phật. Ngoài ra, người làm mọi việc lành chẳng thể được làm thí dụ, hay khiến chúng sinh ra khỏi cửa khổ ba cõi, bước vào đường ưu thắng vô vi. Nêu giữa không, xét lý sâu cao vi diệu, căn cứ nghĩa mà bày bàn luận, nhân ứng dụng rốt cùng hiển bày. Đức Như Lai với trí vô lậu ngưng thành Chánh giác, chí đạo thông cơ, đức tròn Thánh quả, đốt đuốc tuệ để soi chiếu mê tối, soi kiếng pháp để lắng trong dơ bẩn. Mới đầu vết lành ứng tại trong trời, Linh nghi sáng rỡ ngoài tượng, độ chúng sinh nơi biển khổ, dẫn muôn loài đến Niết-bàn, lên núi cao Thường Lạc, ra bờ vực sông Ái. Nói trái Tứ cú, luận Tuyệt Bách Phi, ứng vết nơi Ta-bà, thị hiện tướng đản sinh ở cung vua Tịnh Phạn, bước trên ba cõi mà làm tôn quý, đạo thọ thành tỏa sáng khắp Đại thiên mà soi chiếu.

Xứ này, chúng sinh căn tình mỏng cạn, ham sống, nhàm chán biếng lười. Từ đó, tháng hai cho đến Song lâm cũng là diễn nói Viên thường sâu mầu, tạm ngừng tắt ánh sáng nơi rừng Hạc, khiến vua A-xà-thế diệt tội, Bà-tẩu-bàn-đà dứt trừ tai ương. Nếu chẳng gặp được Đại Thánh Pháp Vương thì ai có thể cứu tiếp? Ở vết tích tuy ẩn mà đạo ấy không khuyết.

Đệ tử từng mắc phải hoang mê, đắm say phụng thờ Lão Tử, nhiều lớp tiếp nối nhuốm tà pháp ấy. Tập nhân khéo phát, xả bỏ mê biết trở về. Nay xả bỏ màn che mờ xưa cũ quay về nương tựa Chánh giác, nguyện ở đời sau được làm thân trai mà xuất gia, hoằng dương kinh giáo rộng khắp, hóa độ chúng sinh cùng thành Phật quả. Vào nơi các địa ngục cứu vớt quần sinh. Thà có thể sống trong chánh pháp mà mãi nổi trôi giữa đường xấu ác, chứ không ham thích nương theo giáo pháp của

Lão Tử mà tạm được sinh lên trời, trải giẫm tâm Đại thừa, lìa ý niệm Nhị thừa. Cầu mong chư Phật chứng minh, chư vị Bồ-tát ghi nhận. Đệ tử Tiêu Diễn (Võ Đế 502-550) kính bái.

Sắc chỉ rằng: Thần bút tự biên ghi tại trên Trùng các điện Trùng vân, phát tâm Bồ-đề. Khi ấy các hàng Tăng tục có hai mươi ngàn (20.000) người cũng đồng phát tâm thọ trì giới cấm.

Vua ban sắc cùng môn hạ: Trong Đại kinh nói: “Đạo có chín mươi sáu thứ, chỉ có một đạo Phật là Chánh đạo, ngoài ra, chín mươi lăm thứ đều là ngoại đạo”. Trẫm xả bỏ ngoại đạo để phụng thờ Như Lai. Nếu công khanh nào có thể cùng vào thệ nguyện này, thì mỗi tự có thể phát tâm Bồ-đề. Lão Tử, Chu Công, Khổng Tử tuy là đệ tử Đức Như Lai, mà vì hóa đã tà, chỉ là thiện của thế gian, chẳng thể cách Phàm thành Thánh. Công khanh bá quan hầu vương tôn thất, nên bỏ ngụy trở về chân, xả tà vào chánh. Cho nên, kinh giáo trong luận Thành Thật nói: “Nếu tâm phụng sự ngoại đạo sâu nặng, tâm phụng sự Phật pháp thường nhẹ tức là tà kiến. Nếu tâm bình đẳng như nhau, tức là vô ký không đáng thiện ác. Còn tâm phụng sự Phật lớn mạnh, tâm phụng sự Lão Tử yếu kém, mới thật là Thanh tín”. Nói Thanh tín; thanh tức trong ngoài đều sạch, cấu uế hoặc lụy đều hết. Tín tức là tin chánh chẳng tà. Nên nói là đệ tử Phật kính tin thanh tịnh. Ngoài ra, các thiện đều là tà kiến, chẳng được xưng là Thanh tín. Môn hạ chóng nên thi hành.

Ngày mười một tháng tư năm Thiên Giám thứ ba (504) thời Nam Lương

Công đức cục chủ Trần Thích
Thượng thư đô công đức chủ Cố
Thượng thư lệnh Hà Kính Dung
Trung thư xá nhân Nhậm Hiếu Trung
Ngự sử trung thừa Lưu Hợp
Chiếu cáo xá nhân Chu Thiện.

- Khải văn xả bỏ Lão Tử mà thọ giới Bồ-tát của Triệu Lăng Vương

Thần Luân khải tấu: Thần nghe: Đức Như Lai đoan nghiêm tướng tốt cao vời lên tận trời Hữu đảnh, thân sắc vi diệu rực rỡ hiển bày không ngằn mé, gá kim luân mà mở vật, nương ngân lật mà ứng phàm, mài liềm bén của Bát-nhã, gom thật quả Niết-bàn, chìm trong biển khổ sinh tử, cứu giúp Thường lạc đến bờ kia. Cho nên hay giăng mây từ bi rưới mưa cam lồ, bảy xứ tám hội nghĩa giáo hóa chẳng cùng, năm thời bốn

đế, phương lợi ích không tận. Đều là nước trong mặt nhật tỏ, sương móc tan mây mất, đốt lửa tỏa sáng che mờ, bụi trần nóng bức tự lắng. Có thể gọi là vào cõi tục giáo hóa mê si, vượt thế gian thành đạt Chân như. Khiến người điều lâm tà kính, cảnh pháp môn mà không nhọc mệt, kẻ khát ái mù lòa mến mộ sâu mầu mà biết xoay trở lại. Đạo thọ mở đầu từ Ca-duy, Đức âm tràn tỏa nơi kinh khác. Muôn sao chẳng hiện, khắp soi thần chứng, dáng vầng nguyệt tròn đầy khéo cảm tiêu mộng, năm pháp dùng truyền muôn đức mới ứng. Hoa lạc ngầm nên tranh giành quạt gió cao. Nhờ đó mà Tam minh soi chiếu mất đường mê, nhờ đó mà thất giác cứu nhổ khổ đêm dài. Nay gặp được Hoàng đế là Bồ-tát ứng với trời nhiếp ngự muôn vật đến với mọi người, ngậm sáng vũ trụ soi chiếu ngoài biển trong, duỗi vô ngại biện để dẫn tiếp các loài, dùng sức thệ nguyện để thâu nhận quần sinh. Vậy nên hay tùy phương ban thuốc, bày phương tiện nhân hiển yếu chỉ tôn sùng Nhất thừa, mở rộng nền móng Thập địa. Do đó, muôn nước quy hướng đều bẩm thọ chánh thức, u hiển linh kỳ đều được dẫn dắt cứu độ. Người dấy nguyện Đẳng giác, vật phát tâm Bồ-đề, không ai chẳng kiều cần với cảnh quy tông, vui thích hướng về nguồn cội. Cùng gìn giữ từ bi, đồng tu nhẫn nhục, chỗ đáng xưng gọi là chở che lợi ích, bến bờ cứu vớt ấy vậy. Đạo đã sáng khắp, muôn dân cũng đội ân giáo hóa. Nhân đó mà ứng chân khắp ban bố, tỏa khắp hư không mà tiếp ảnh, phá ngoại đạo tà thuật để bảo trì quốc gia theo nẻo chánh. Khắp các Già lam, Tinh xá, Bảo sát cùng hướng về; giảng đạo, truyền kinh ân đức vang khắp đến.

Thần xưa kia vì không thấu rõ chánh lý nên đã chạy theo ngoại đạo. Như vì cầu mong quả ngọt mà lại gặp quả đắng, mong giải cơn khát mà lại uống nước biển vậy. Nay xả mê mà biết quay về nương tựa, nguyện thọ đại giới Bồ-tát để thúc liễm thân tâm. Bỏ ngọn gió tà của Lão Tử để vào dòng pháp của chân giáo. Cúi nguyện Thiên từ rũ lòng chứng giám! Cẩn phải.

Ngày mười bảy tháng tư năm Thiên Giám thứ tư, Thị trung An tiềm tướng quân Đan dương Duẫn Thiệu Lăng Vương thần kính khải tấu.

Sắc chếu nói có thể bỏ mê theo chánh, tức được gọi là do nhiều kiếp trồng thắng duyên nên nay càng thêm dõng mảnh vậy.

Ngày mười tám tháng tư năm Thiên Giám thứ tư, Trung thư xá nhân thần Nhậm Hiếu Phụng tuyên cáo.

- Thư gởi Thượng thư bộc xạ Thái Quốc Công của Sa-môn Pháp Lâm

Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp gởi thư đến Thượng thư bộc xạ Thái Quốc Công túc hạ.

Pháp Lâm tôi kẻ quê mùa mặc áo cỏ; người ở núi ăn lá cây, rất giống loại châm cong, thật động như rác thúi, chẳng biết đủ ở hiện đời, phận ngậm miệng đến trọn đời. Đã là đức thẹn bên trong đủ đầy, tiếng tăm hổ ngoài tràn khắp. Chẳng chỉ cô phụ Sa-môn Tuệ Viễn, thật cũng mang lụy Sa-môn Đạo An. Do đó, dốc chí ở nơi khe xanh, quy tâm ở lọng tía, dưới hang phúc thuyền trọn đượm vị kinh sách, trước ao quỷ cốc mãi trông xem chim cá. Đâu có nghĩa là gấp giả từ rừng chầm lại vào nơi bụi trần ồn náo. Từ lâu làm khách sông Tần, bỗng chốc lìa ải Sở. Lục bình xuôi trôi tám nước lá rơi Tam dương, xấu tệ của miệng bụng đã chìm, tình Trọng Thúc sao nương cậy. Nằm nơi Linh đài mà nổi hận, rảo bước giữa bạch xã mà dấy than, mến mộ của Nam Sào càng tăng, buồn thương của Bắc phong càng cấn rứt. Sống ở uất ức, bẩm mạng víu vương, không vịnh bảy ai, nhọc ngâm chín thán, vỗ mình điếu ảnh, vận vậy thế nào!

Lại thêm mắc bệnh trong tin, gió quấn thớ da, nhiều năm sắp mất, chưa cảm thấy giảm bớt. Đến như nhóm đom đóm để soi sáng tuyết, gắng sức đã tàn tạ. Chín phái bảy lược khó kham men núi, muôn quyển trăm nhà mịt mờ như đi biển. Trước nhân Phó Tử lại hiến dâng văn vẻ, nhưng vì chưa cạn nguồn tà, nay lại sửa chỉnh biện chánh.

Vả lại, kinh sách hiếm ít sử tịch chẳng đủ, tuy dốc hết nghĩ tưởng ngắn ngủi, chưa biết thành chăng, chỉ ngưỡng sung Bộc xạ công vận tài năng năng trù sách, ở nhậm đảm A-hành, khí biết người xa vời sóng núi, tâm tiếp hiền sĩ trở lại sánh Triệu Võ, dáng vẻ sáng lạng, thức độ rộng xa. Đã nắm châu của Linh xà, bèn đeo ngọc kinh sơn. Do đó, giúp hợp thứ tích, biến lý Văn Xương. Gương đức soi sáng các quan, hình dáng vẻ vang từ triều đình đến thôn dã. Thêm vì, nhà xứng biển bút, ở đời xưng gọi là Nho Tông, chẳng kỵ kiêng nổi lòng xưa trước, quanh co phỏng hỏi mên thương tro lạnh lại ấm nóng, cây khô chợt nảy mầm. Xưa kia, Vương Sán đọc sách lấy giúp dòng họ Thái, Tương Như Đạt Phú hẳn nhờ Dương Hầu, ý chỉ là tạp thư của Chư tử. Đến thời nhà Tấn nhà Tống trở lại, nội ngoại văn tập cùng với sách Phật có chỗ tương quan. Xin mở xem kính cẩn làm Biệt lục tấu trình, mong được ân hứa. Khinh nhẹ tỏ bày điều cầu xin, lo sợ dứt cả biết nói sao?

Tà kiến tín tâm xưa lại đều có, người lành bạn ác ngày nay sao

không? Trước vì phó tử xiểm bày, lược trình tiểu luận. Đã được trên vừa ý lại đội ân ngợi khen tán thán, giấu ở trong tâm, chỉ biết thẹn đức. Xưa kia, Phú Tam Đô chưa gặp Trương Hoa, không người thấy thưởng. Nay Luận Phá tà không gặp quân tử, ai chịu lấy làm quý? Vừa rồi, được các hàng đạo tục bốn phương, các châu trong nước nhà lưu truyền biên chép tán vịnh thành lời. Xoay tâm tà kiến, phát thiện người ngu, há chẳng phải nhờ sức của Minh Công ư? Hẳn hay lợi vật mỏng manh có ngầm công, ngưỡng mong dùng trang nghiêm đều đem hồi hướng. Xin ông làm Hoằng tán Đàn-việt!.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 193

LUẬN MƯỜI MÔN BIỆN HOẶC

SỐ 2111
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2111

LUẬN MƯỜI MÔN BIỆN HOẶC

Thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Phục Lễ
ở chùa Đại Hưng Thiện soạn thuật,
giải đáp điều xét nghi kinh sách nhà Phật
của Thái tử văn học Quyền Vô Nhị.

LỜI TỰA

Quyền văn học tiếng tăm vang vọng, vậy mà khi dạo vườn pháp vẫn có lời tà vạy; các Quan liêu ngợi ca tốt giỏi đó, các hàng đạo tục kính trọng đức hạnh ấy, mà vạch bày mười điều nghi ngờ liên can đến Nhị đế nhà Phật chúng ta. Tuấn biện như Công Tôn Sinh từ xưa khó đáp trả, Hùng tài tợ Xá-lợi-tử cũng phải than nay chẳng nghĩ định. Đâu đáng điều nhân mà kháng nghị. Thử nói chí để thành văn, hẳn là chánh danh ư? Nên chỉ tạm gọi đó là mười môn biện hoặc. Tuy Kinh Thi nói: Khuyên răn mờ che đó có thể chăng một lời, mà pháp chỉ bí mật, thuật bày dám quên chăng ba chuyển? Bèn dùng loại Quán tượng biên ghi đầy pho quyển, phiền nhiễu mà không đáng thật thẹn với người Tri âm.

1. Thông lực thượng cảm
2. Ứng hình phủ hóa
3. Dơ sạch khác xứ
4. Mê ngộ thấy khác
5. Bày thật được nhận
6. Trái kinh khen đạo
7. Quán nghiệp cứu xả
8. Tùy giáo ép nâng
9. Hóa Phật ẩn hiển
10. Thánh vương hưng suy.

LUẬN MƯỜI MÔN BIỆN HOẶC

Đời Đường, Sa-môn Thích Phục Lễ ở chùa Đại Hưng Thiện soạn.

QUYỂN THƯỢNG

1. THÔNG LỰC THƯỢNG CẢM

Xét nghi rằng: Trộm thấy Duy-ma có thần lực chưởng vận Như Lai chỉ quán của mười địa, Như Lai còn cách la cốc. Thế nào là trong một chưởng có thể dung cả mười hiệu tôn quý ư? Chẳng riêng đem thấp hèn đổi thay tôn quý đối với Lý chẳng thuận. Thật Phật và Bồ-tát đâu không bình đẳng sai khác. Nếu có bình đẳng sai khác sao có thể vận Phật? Nếu không bình đẳng sai khác thì sao phải thành Phật? Nếu Duy-ma là Như Lai hỗ trợ Phật hoằng dương giáo hóa, thì chưa biết tên là gì, hiệu gì, kinh nào, luận nào, xin phiền Thượng trí chỉ bày cho kẻ hạ ngu?

Biện hoặc rằng: Thường nghe nghịch tình mà lấy, hàng thất phu tuy là giặc mà khó cướp đoạt. Thuận lý mong cầu, muôn thừa tuy tôn quý mà có thể giáng hiện. Núi đầm thông hơi khí, mới đầu đồng nhất quý hèn, vàng đá cùng âm thanh chưa hẳn ngang bằng lớn nhỏ. Huống gì chỉ chư Phật có thệ nguyện bình đẳng, nhân thời có mà ứng vật. Bồ-tát có thần thông hay du hý, ngồi quên đạt đến xa vời, xúm quanh cùng ảnh hưởng đồng đến với cơ duyên thay.

Duy-ma-cật là bậc Đại sĩ pháp thân, đức vượt trên các Thánh, mở Quyền trí để có sinh, hiện ở nhà mà Hoằng đạo. Hoa sen sức tổng trì đến từ phương khác, hạt cải cửa giải thoát mở tại nước này. Chưa từng có phòng thất bao quát tất cả không ngoài, Đạo chẳng thể nghĩ bàn lợi ích ứng dụng vô phương. Do đó, năm trăm vị Thanh văn đều chối từ đến thăm hỏi bệnh, tám ngàn Bồ-tát chẳng thể vâng mạng. Bồ-tát Di-lặc ở địa vị chỉ một đời bổ xứ thành Phật mà đượm phục Huyền giải đó, Bồ-tát Văn-thù là bậc thầy của chư Phật mà từ tạ chân nhập đó mà nhóm tập ở vườn Yêm-ma-la, Nhân Tịnh Danh mà dấy phát, vết của Tịnh Danh gá nơi cõi nước Vô Động mà tỏ sáng. Nên Đức Như Lai mới liếc mắt đến phương này, cư sĩ kính mời ở tay phải. Sức Tam-muội có

cảm hẳn thông. Mười hiệu tôn quý chẳng đi mà đến vậy. Nhưng mà chí thành cảm đến thần, chẳng biết thần lớn hay nhỏ. Hiếu đức động đến trời, ai hay trời cao hay thấp. Ví bằng mắt tuệ xa trông thấy Mâu-ni ở thật tướng, thần túc vừa mới vận, giữ gìn diệu hỷ ở tràn hoa mà chẳng thể khuất Nhân Tôn kia vào cõi nước này. Há chỉ dụ sánh của La cốc mà có thể thông cũng đem danh truyền của Kim Lật mà có chứng cứ ấy vậy. (Pháp sư Cát Tạng nói: Việc Kim Lật rút từ kinh Tư Duy Tam-muội, và tự nói chưa thấy bản kinh ấy. Nay kiểm xét danh mục các kinh, không có tên kinh ấy. Trộm nghĩ là ở Tây Vức có kinh ấy mà tại Trung Hoa chưa phiên dịch ra vậy).

2. ỨNG HÌNH PHỦ HÓA

Xét nghi rằng: Long nữ thành Phật chỉ trong thời gian ngắn. Nếu thật như vậy thì Phật đạo rất dễ, sao nói là phải cần khổ vô lượng mới được thành Phật? Còn như là biến hóa, thì biến hóa tức là không thật, há đem không thật mà giáo hóa quần sinh ư? Phật không gì chẳng thật, cớ sao lại như vậy ư? Vả lại, Văn-thù là thầy của Nhiên Đăng, Thích-ca lại là đệ tử của Nhiên Đăng. Văn-thù đã là mẹ của chư Phật, phải nên thành Phật trước Nhiên Đăng, huống gì Di-lặc chưa thông mà Văn-thù đã ngộ? Long nữ thành Phật là do sức của Văn-thù. Nay Long nữ thành Phật trước, Di-lặc thành Phật sau mà Văn-thù lại chẳng thành, sao có thể không lầm hoặc? Còn nếu trước đã thành thì thành ở kinh nào? Kinh nói thế nào? Phật nếu chưa thành thì bởi việc gì mà trệ lại? Xin chỉ bày ý trệ lại ấy. Như Văn-thù chưa thành Phật là phải, thì chư Phật đã thành tức là quấy. Nếu chư Phật đã thành là quấy, quấy thì Văn-thù đâu có phải. Lý phải quấy thế nào, xin vì chỉ bày đó.

Biện hoặc rằng: Bậc chí nhân không vì mình, chỉ vì vật mà có hình, cao thấp chẳng thể đem vết tích mà định, ẩn hiển chẳng thể lấy tình mà lường. Long nữ thân tuy rảo cùng trong năm đạo mà địa vị tỏa sáng ở Thập địa. Văn-thù tuy danh xưng là Bồ-tát mà thật là Như Lai. Lấy gì để chứng minh đó? Căn cứ kinh Pháp Hoa nói: “Có con gái vua rồng Ta-kiệt-la vừa mới tám tuổi mà trí tuệ lợi căn, khéo biết các căn hạnh nghiệp của chúng sinh. Cho đến Biện tài vô ngại có thể đến đạo Bồ-đề”. Rõ ràng, phàm là trí tuệ lợi căn tức chẳng phải hàng hạ thú mà có được. Biết rõ các căn hạnh nghiệp tức chẳng phải việc của hàng Tiểu thừa. Biện tài vô ngại là địa vị Thiện Tuệ. Có thể đến đạo Bồ-đề, tức là đạo của hàng Đẳng giác. Đó tức là ba A-tăng-kỳ kiếp đã xong, nhân mười độ đã mãn. Hiến dâng châu báu mà chuyển nữ thân, ngồi

trên hoa sen mà lên quả vị giác ngộ. Nghĩa khác sớm tính, sự đồng như nhặt. Mà kẻ lầm hoặc thấy Long nữ tức cho đó là ở trong ba đường xấu ác mà mắc phải năm chướng. Nghe nói phát tâm tức cho là từ phàm vị mà mong cầu quả Thánh. Rất không biết ngũ đạo có nghĩa của Thị hiện sinh, Tứ phát có văn nói bổ xứ. Trí Tích vì vậy mà hoài nghi, Xá-lợi-phất do đó mà cật hỏi. Tâm rối bời sao quanh co vậy.

Lại căn cứ kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Văn-thù ở thời quá khứ là Đức Như Lai Long Chủng Thượng Tôn ở nước Bình đẳng". Kinh Ứng-quật-ma-la nói: "Văn-thù là Phật Ma-ni Bảo Tích ở thế giới Thường Hỷ tại phương Bắc". Kinh Văn-thù-sư-lợi Phật Độ Nghiêm Tịnh nói: "Ở trong đời vị lai sẽ thành Phật hiệu là Phổ Kiến".

Trộm nghĩ, Văn-thù trí tuệ bao quát cả quyền và thật, thể gần vừa chân lẫn ứng. Hoặc thành đạo ở đời kiếp trước đã làm Phật Long Chủng, hoặc lưu hình ở cõi này còn gọi là con của Đấng Pháp Vương. Hoặc Chánh vị ở phương Bắc từ lâu tên là Phật Bảo Tích. Hoặc dự ghi ở tương lai sẽ xưng là Phổ Kiến. Biến hóa khắp mười phương vô ngại, vân du khắp ba thời mà chẳng động. Không thủ không đắc mà thành quả, chẳng đi chẳng lại mà thấy thân. Há có thể dùng một tướng mà mong cầu, chưa thể dùng một tên gọi mà xác định. Nên gặp Nhiên Đăng mà kính thầy, gặp Thích-ca mà lánh khỏi tòa. Từ Thị đến đó mới quyết nghi, Long nữ bắt chước đó mà tiến đạo. Nhưng Long nữ tự thân dơ bẩn mà tỏ sáng nhanh chóng, dẫn dụ vật trì kinh, Văn-thù ở nhân vị mà hiện bày trệ lại, khuyên người sau mình, đều là khúc thành phương tiện thật vì lợi ích.

Vả lại, đạo của Quân tử trinh mà chẳng lượng, việc của Thánh nhân nhường vì hành quyền, đồng hứa xe mà chẳng cho, thuộc loại hóa thành mà lại tiến tới. Đã tin kia chẳng phải dối vọng mà lại nghi ngờ đây không thật. Than ôi! Bảy lỗi mà một còn chưa thấu đạt.

3. DƠ SẠCH KHÁC XỨ

Xét nghi rằng: Lúc Đức Phật giảng nói kinh Pháp Hoa là suốt thời gian năm mươi Tiểu kiếp. Chỉ đem sáng ở thời Xuân Thu tức là Đức Thích-ca đản sinh, chánh pháp tồn tại một ngàn năm, tượng pháp tồn tại một ngàn năm, đều là sau khi Phật đã diệt độ đồng trong một kiếp đó. Nếu người ở Tây Vức nghe pháp do thần lực bức thúc nên chỉ như trong khoảng bữa ăn, còn người ở xứ này không nghe pháp là đã cách xa năm mươi Tiểu kiếp. Cớ sao mới đầu chưa nghe thần lực Phật đâu thêm thần lực, chẳng thêm thì nên thành tro tàn. Nay đã chẳng thành tro tàn thì là

đã hơn ngàn năm vậy. Giả sử biết hơn ngàn là quấy; sai lầm thì sao có năm mươi Tiểu kiếp? Nếu là tuy chẳng nghe thần lực Phật cũng được thêm thì Phật lúc mới thành đạo, đại tiểu đều nên chứng quả, sao chỉ có mười hai vạn người ở nước Tần Bà? Gìn giữ tướng trạng tình huống đó chẳng thêm rõ ràng vậy. (Sa-môn Thích Phục Lễ nói: Ở phẩm tựa Kinh Pháp Hoa nói: Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh giảng nói kinh Pháp Hoa trải qua sáu mươi Tiểu kiếp mà cho là chỉ như khoảng bữa ăn. Trong phẩm Tùng Địa Dõng Xuất nói: "Thời gian năm mươi Tiểu kiếp mà cho là chỉ như nửa ngày". Nay hỏi vặn ở thời Phật Thích-ca, nêu dẫn văn gồm cả việc của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, tức chỉ lấy ý mà đặt thông, không y văn mà hỏi ngược lại ấy vậy).

Biện hoặc rằng: Phật có Chân thân và Ứng thân, Chân độ và Ứng độ (cõi nước chân thật và cõi nước ứng hóa). Chân thân và Chân độ tuyệt hẳn danh tướng mà độc lập, Ứng thân và Ứng độ tùy vật cảm mà có nhiều tướng trạng. Người thanh tịnh thấy đó cho là thanh tịnh, người dơ uế thấy đó cho là dơ uế. Người dài lâu thấy đó cho là dài lâu, người ngắn gần thấy đó cho là ngắn gần. Mỗi mỗi đều bị ngưng trệ bởi bít ngăn, hiếm thành đạt quán. Cho nên Xá-lợi-phất thấy dơ uế mà mê lầm thanh tịnh, không tiếp thừa đàm nói về Nhật Nguyệt Đăng Minh. Di-lặc chấp ngắn gần mà nghi ngờ lâu dài, bèn dẫn sinh thí dụ về cha con. Đến lúc Đức Phật đè ấn xuống đất hiển bày cõi nước trang nghiêm, mảy trần sánh với tuổi thọ A-tăng-kỳ kiếp, thì tình chấp dơ uế mới dứt trừ, thấy bít ngăn ngắn gần mới trừ hết. Nhưng nêu bày thanh tịnh là vì trừ dơ uế, dơ uế hết mà thanh tịnh có thể lưu tồn ư? Nói lâu dài vì phá ngắn gần, ngắn gần mất mà lâu dài có thể còn ư? Chẳng thanh tịnh chẳng dơ uế mới là cõi nước vi diệu, không lâu dài không ngắn gần mới là chân thân. Vậy thì thời gian hơn bốn mươi năm là cõi nước dơ uế là Hóa thân; năm mươi Tiểu kiếp là cõi nước thanh tịnh là Báo thân. Hóa thân đổi thay chuyển động, tự có thể lấy năm tháng mà suy lường. Báo thân viên thường há có thể đem thời đại mà hạn cục? Đã là Báo thân Hóa thân phân khác vết. Lâu dài và ngắn gần khác chỗ kết quy. Đem dài lâu mà cật hỏi ngắn gần, há không sai lầm ư? Ở phẩm Như Lai Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phật Quốc trong kinh Duy-ma-cật, văn pháp có đủ, nghĩa ấy rõ ràng, đâu đợi phải nói nhiều.

Hoặc có người bảo: Đức Phật Thích-ca lợi kiến nguyên là Hóa thân, thế giới Ta-bà đều là hoang dã vốn chẳng phải cõi nước thanh tịnh. Núi Kỳ-xà-quật là Linh trấn của cõi nước dơ uế. Kinh Pháp Hoa là Diệu điển của Hóa thân. Nay đem Báo thân mà thuật nói về Hóa thân,

đem cõi nước thanh tịnh để làm rõ cõi nước dơ uế. Đó chẳng là sai lầm quá lắm ư?

Xin giải thích rằng: Sao nói vậy ư? Sao nói vậy ư? Trước há chẳng nói sao? Thanh tịnh hay dơ uế, lâu dài hay ngắn gần đều phát sinh từ chỗ thấy. Pháp sư từ chỗ thấy là tuy đồng xứ mà thấy khác; chẳng phải khác xứ mà thấy khác. Thí như Đức Phật Thích-ca chỉ là một vị, hoặc có người trông thấy đó là lâu dài, hoặc có người trông thấy đó là ngắn gần. Ta-bà chỉ là một thế giới, mà hoặc có người thấy đó là thanh tịnh, hoặc có người thấy đó là dơ uế. Dài lâu cùng với thanh tịnh là chỗ thấy của Bồ-tát thượng nhân, ngắn gần và dơ uế là chỗ thấy của phàm phu hạ thừa. Nếu vậy, dơ uế đã là Ta-bà, mà thanh tịnh được chẳng phải ư? Ngắn gần tức là Thích-ca mà lâu dài được khác ư? Mà nói Thích-ca chỉ là Hóa thân, Ta-bà chỉ là cõi nước dơ uế, nghĩa phù hợp với thiên lệch chấp trước, Lý khác huyền đồng, huống gì vài phẩm kinh Pháp Hoa, một tập Linh sơn. Mới đầu thì Hội nhóm cả ba kết quy về hai, xoay Tiểu đạo để vào Đại thừa; tiếp đến thì ba biến tám phương, dẫn tâm dơ uế mà quán cõi nước Thanh tịnh. Đại thừa đã vào, không tranh luận Tiểu thừa; cõi nước Thanh tịnh đã quán sao có cõi nước dơ uế? Nên trong kinh mới đầu tự nhóm tập các Phật phân thân, cho đến nói về thọ lượng đều ở trong cõi nước Thanh tịnh mà diễn giảng nghĩa thường thân. Nên trong kinh nói: "Đúng thật như vậy, từ khi ta thành Phật đến nay đã lâu xa, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường trú chẳng diệt". Lại nói: "Thường ở tại núi Linh thứu và các trú xứ khác, chúng sinh lúc thấy kiếp tận, lửa lớn thiêu đốt, mà cõi nước ta đây vẫn an ổn, trời người thường đông nhiều". Nên biết, Thánh thọ lâu dài, chẳng phải bụi trần cõi nước có thể tính lường được; cảnh giới vi diệu bền chắc, đâu phải kiếp lửa có thể thiêu đốt. Sao lại suy tầm mới đầu phát khởi từ thời Xuân Thu, lấy năm mươi Tiểu kiếp là có nghiệt ngã? Chưa trải qua nước lửa lấy hơn ngàn năm là chỉ thật. Người không thấy sương phủ, hẳn nghi băng cứng chắc.

4. MÊ NGỘ THẤY KHÁC

Xét nghi rằng: Lúc giảng nói kinh Pháp Hoa, ánh sáng Thần soi chiếu xa đến cõi nước khác. Lúc giảng nói kinh Niết-bàn, lọng báu rộng che khắp Đại thiên. Chưa biết phương này bởi cớ gì mà không thấy? Nếu là vô duyên chẳng được thấy, thì vô duyên là người tội, còn có duyên là người phước. Đề-bà-bạt-đa giết cha và mẹ, đâu phải là người phước mà hứa cho xuất gia? Vua A-xà-thế hại cha giam tù mẹ đâu phải

là người phước mà soi chiếu nguyệt quang Tam-muội? Xứ này muôn dặm là tướng cõi nước Hiền triết, há không một người có duyên sao riêng cách biệt? Chẳng nói rừng phóng trái lại hơn núi Thái ư?

Biện hoặc rằng: Trời xanh tin rộng, gà giấm đi quanh hủ mà chẳng thấy; mặt nhật tỏa che, chuột tiên núp ngày mà sao thấy. Đâu vốn mới đầu có ngoài mà soi chiếu đó chẳng đến ư? Hẳn do vật gần vì đó ngăn che thì không thể xa xét, tình điên đảo vì đó mà mê hoặc thì không thể thuận biện. Giả sử nói đó là có trời, có mặt nhật, trời bao rộng ba trăm độ mà che xuống mặt nhật thẳng ngàn dặm cao mà chiếu ngoài. Trông nhìn đó, hai trùng hẳn điên cuồng mà chẳng tin vậy. Nay người chưa vạch bày nghiệp chướng thì nào khác đi quanh hủ ư? Người chưa mở mắt tuệ, há chẳng như núp ngày ư? Tuy lọng báu từng treo trên trăm ức Tứ thiên, hào quang rộng chiếu trong vạn tám ngàn cõi nước mà hàng hữu lậu giữa đêm khuya vừa rong ruổi mộng lớn. Vô minh che phủ, thềm cấp nào thấy suốt. Nếu chẳng thấy thì là không, nhưng trời xanh mặt nhật có thể là không ư? Nếu chẳng thấy mà có thì lọng báu hào quang chẳng phải có ư? Trái lại, tướng che phủ rõ ràng nói mà đủ vậy.

Huống gì Sử Lỗ viết ngay, ghi điềm lành tỏa sáng nơi đêm mão; Khổng Quân hiểu biết nhiều, suy Thánh đức ở phương Tây. Thảy đều phân luân mà có chứng cứ, đâu phải hoang tịch mà không điềm. Nên biết, Quân tử hoặc im lặng vì rõ ràng mà cảm thông. Trung sĩ như còn chuộng Hà Hán mà kinh sợ. Đó, các hàng có sức trí bằng lăng, bọn Hoài ngu hỗn độn sắp vỗ tay mà cười lớn. Hoặc tuyệt sức lực mà từng hủy phá chẳng phải người ấy. Đạo có thể hư hành đó ư? Nên Trọng Ni rõ thấu không hóa đó mà trước giẫm trải nơi hữu. Quý Lộ hỏi việc chết, trái lại đem việc sống mà hỏi vặn đó. Nhân nghĩa hơi kiểm tánh linh ấy. Đạo đức vừa rõ diệu triệt đó. Sau đó, ứng chân dấy khởi ở phương Tây.

Tượng giáo lưu truyền đến phương Đông, tám mươi ngàn (80.000) pháp môn nuốt trọn chín phái mà nhỏ bày, ba ngàn (3.000) tháp báu đầy khắp bốn biển mà tỏa sáng. Như trước là ráng mà sau là mặt nhật, thuộc loại mới đầu là mây mà sau cùng là mưa. Giáo pháp có tiệm há chẳng thích nghi ư? Nhưng mà, có duyên hay vô duyên là tánh của hàng Tam thừa Bồ-đề. Người phước người tội là nghiệp sinh tử trong sáu loài. Nghiệp có nặng nghẹ. Tánh có sinh thục (sống chín). Tánh còn sống, phước tuy nhiều mà khó mở; duyên đã chín, tội tuy nặng mà có thể hóa chuyển. Phước còn khó mở, huống gì là tội ư? Tội còn có thể chuyển

hóa, huống gì là phước ư? Nên có xa chứng đắc Tứ thiền kiêu căng công nhỏ ít mà trái dối, làm đủ ba điều nghịch. Biết ngày trước sai quấy mà hồi hướng. Hồi hướng phát sinh chánh giải. Chánh giải sinh thì tội có thể diệt. Trái dối dấy khởi tà kiến. Tà kiến dấy khởi thì phước tự mất. Phước mất thì trọn kiếp mãi trầm luân, tội diệt tức tự thân này mà giải thoát. Nên nói, giẫm bước đường đạo thì là Quân tử, trái lại đó tức là tiểu nhân. Đức nhân xa vời vậy thay! Thực hành đó tức là mượn để sáng rõ nghĩa. Ai bảo không như vậy?

Lão Tử nói: “Thường hay cứu người nên không bỏ người, thường hay cứu vật nên không bỏ vật”. Lại nói: “Người không hiền thiện, có gì mà bỏ”. Huống gì là đại bi bình đẳng mà có chỗ bỏ ư? Thí như người thợ khéo giỏi biết được tướng cây gỗ, thầy thuốc tài giỏi thăm trị bệnh. Có thể dùng mà dùng đó, chẳng phân chọn gỗ xấu tốt. Có thể trị liệu mà trị liệu đó, chẳng phân biệt bệnh nặng nhẹ.

Hoặc có người hỏi rằng: Y Lan là cây gỗ xấu, sao ông lấy dùng đó? Cu-ma là chứng bệnh nặng, sao ông lại trị liệu đó? Nhân tướng đó là hỏi phải hay là hỏi quấy ư? Hẳn cho là hỏi quấy vậy.

Đức Như Lai khéo phân biệt căn cơ, giỏi biết thuốc bệnh. Tuy Đề-bà-đạt-đa làm điều xấu ác hung tàn, vua A-xà-thế có tội sở mục, nhưng vì từng đã phát tâm Bồ-đề có thể dùng, nay dấy niệm hối giải có thể trị liệu vậy. Có thể trị liệu mà trị liệu đó, có thể dùng mà dùng đó, dẫn dắt khiến quy tâm, giáo hóa khiến vào đạo, mở đường đó cùng tiến tới, bít nguồn kia làm loạn. Giúp người có tội tự làm mới với Hiếu từ, người không lỗi quá giữ trọn thuần chí. Thiện quyền phương tiện, lợi ấy rộng lớn thay! Nhưng vua A-xà-thế hỏi đạo mà trái lại mê lầm tự đồng như ở rừng phóng. Phủ Tử biết căn cơ mà kính ngưỡng Thánh có thể sánh ví với núi Thái. Hiền triết cùng đó, tuy ba lần trở lại mà không mất, sao là riêng cách biệt? Xin tư duy lại mà có thể biết vậy.

5. BÀY THẬT ĐƯỢC NHẬN

Xét nghi rằng: Đề-bà-đạt-đa là em của Phật, khuyên vua A-xà-thế hại Phật mà vẫn được làm Thiên vương Như Lai. Thiện Tinh là con của Phật, có tội khinh thường Đề-bà-đạt-đa vì sao lại sinh vào địa ngục? Người hủy hại đáng tội nặng, người chỉ phỉ báng đáng tội nhẹ. Nay người tội nặng thì thành Phật Như Lai, còn người tội nhẹ thì đọa vào địa ngục. Lấy đó mà chỉ bày cho người sau sao được thỏa đáng ư? Nếu Thiện Tinh là biến hóa, sau đó sẽ thành Phật thì đã có dự ghi hay không dự ghi? Nếu có dự ghi thì xin chỉ nói đó, còn như không dự ghi

thì sao được là biến hóa ư? Nếu cho rằng Thiện Tinh là chân thật thì cớ sao chẳng đồng đó? Con quý lên cung trời vì dẫn dụ đó. Vào địa ngục vì lo sợ đó. Nhẫn nhục vào địa ngục đó há là từ bi, chỉ cứu giúp Thọ Đề ở trong lửa dữ, bay đá lớn trên trời xanh, sợ quỷ thần nơi đồng trống, nhiếp phục say của vua A-xà-thế, cớ sao đối với Thiện Tinh chẳng như đó mà cứu giúp ư?

Biện hoặc rằng: Thầm nghe, Đức Như Lai thiết giáo có hai thừa Đại Tiểu, hành vi của Điều Đạt (Đề-bà-đạt-đa) có hai sự Quyền Thật. Đại thừa thì xiển dương về Thật, Tiểu thừa giảng nói về Quyền. Nếu mờ tối về Thật luận bàn Quyền thì có tội nghịch hại Phật chuốc lấy khổ địa ngục; nếu phế bỏ Quyền bàn Thật thì không tội phá Tăng, nên thọ nhận dự ghi làm Phật Thiên vương. Với Quyền, có quả báo cùng Thiện Tinh có thể được khác chăng? Với Thật, không tội ương cùng Thiện Tinh có thể được đồng chăng? Không đồng thì chẳng có nơi thiết bày nạn, không khác thì lại không nạn có thể thiết bày. Ý chỉ nghi ngờ đến luận bàn do đâu mà xếp đặt ư? Huống gì phỉ báng hay hủy hại nặng nhẹ lại khác với bàn nghị cao. Tại sao? Phàm hại tuy là tội nghịch nhưng có thể chẳng hủy hoại chỗ thấy, phỉ báng thì hủy hoại chỗ thấy mà chẳng thành tội nghịch. Thành tội nghịch chỉ mắc nghiệp chướng, gần thì chuốc lấy ương lụy vô gián. Hủy hoại chỗ thấy đó là đoạn mất thiện căn mới nhận chịu tên gọi là Xiển đề. Do đó, Phật quở trách Điều Đạt chỉ nói là người ngu si, còn gọi Thiện Tinh là kẻ tà kiến. Xét đoán đó có thể biết vậy.

Lại hỏi: Thiện Tinh là chân thật hay là biến hóa?

Phàm biến hóa đó là lý, hẳn phải dùng lẫn lộn chân thật làm diệu. Chân thật đó là sự, tự nhiên dùng tợ biến hóa làm thường. Chân thật và biến hóa cùng lẫn lộn như ngư lỗ khó phân. Nhưng mà dây ngắn múc nước sâu, suối trong không thể giúp ở trên. Trí nhỏ mưu lớn, thức ăn ngon hẳn dừng ngay trong vạc. Khinh thường mà bàn nghị đó thì tôi đâu dám. Hãy trở lại khảo xét ở Thánh điển, chẳng phải gọi là đánh phá dị đoan ư? Thử luận bàn đó là một đời của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, kinh Niết-bàn được giảng nói sau cùng, Ca-diếp lại thỉnh cầu. Thiện Tinh là người ở dưới ấy, chuồng tiêu dơ uế than đó trọn sa đọa, khổ ngục thấy đó sinh vào. Lại nữa, bạn ác làm việc ác, báo ân đã rõ đó là quyền, Thiện Tinh đoạn mất thiện căn, kinh Niết-bàn không nói đó là biến hóa, đâu phải không là lý của biến hóa, tằng không là văn của biến hóa. Lấy đó mà suy, chân thật cũng có thể vậy. Đến như rộng trì các bộ, giữ nơm mà há được cá, tập học khắp các Thiền làm núi mà đã

từng chiếu. Giống như chuột đá đánh trổi nhạc, tợ chim bay mà hay nói. Tuy phụ môn nhân lại như Bá Liễu, không xưng Phật tử lại rất thương ước. Nửa đêm vạch áo phát sợ tiếng nói của trẻ con, giữa đường quét dấu vết diệt bày tướng của người lớn, gặp người ăn bả rượu nói đó là chứng đạo, thấy quỷ ăn đồ ói nhả gọi là đã sinh lên trời. Kia là người gì mà ngu xuẩn quá lắm vậy? Phàm, biện tài đệ nhất còn chuốc sự dèm chê của ánh lửa đom đóm, trí tuệ không ai bằng, chưa khỏi lầm lẫn của thầy vàng. Nên biết, người có căn lực giải lực chiếu xưa chiếu nay giúp giáo hóa chẳng thể trốn lánh chân thật đó, người ngu chẳng thể ẩn khỏi trí đó. Đó là phần của Đại Thánh, chẳng phải chỗ người thường có thể kịp. Than ôi! Phàm ngọc hào đã che khuất, kim khẩu chẳng tuyên nói, chỉ có thể bẩm thọ giáo pháp mà vì giải hiểu dung ngu bỏ văn mà sinh ý, như vậy mà thôi ư? Phàm người có thể cùng làm lành chẳng thể cùng làm ác là bậc Thượng trí, người có thể cùng làm ác mà chẳng thể cùng làm lành là hàng hạ ngu. Người cùng gặp lành mà lành, gặp ác mà ác là người bậc trung. Nói rằng: Chỉ có bậc Thượng trí và hàng hạ ngu là chuyển đổi, rõ ràng là bậc trung là có thể chuyển đổi vậy. Nên Tuyên Phụ là bậc Chí Thánh chẳng xoay đổi tâm của Đạo chích, Thanh hà là bậc Trung Hiền có thể biến tiết khắp nơi. Nay Nan-đà v.v... là hạng người bậc trung, còn như đồng bạn với Thiện Tinh là hạng chí ngu, nên có thể dẫn dụ có thể ép thúc, nhân đó mà học đó mới thành A-la-hán. Phỉ báng nhân, phỉ báng quả, người đó là bậc hạ có thể làm thành Xiển đề. Há đức Đại Thánh nhẫn khổ ấy ư? Bởi vì đó là hàng hạ ngu không thể cứu vậy. Thí như thửa ruộng thượng thượng há có thể khiến đốt cháy giống sinh mầm, có thấm đẫm lạnh lẽo, chẳng thể tìm cành khô trải lá, đâu có thể liên quan vậy? Khi ấy mưa có trông lại ở ruộng tốt ư? Kịp đến lúc lực sĩ khinh mạn có thể hàng phục, trẻ con mắc nguy ách có thể cứu giúp, Thần ở đồng trống có thể chuyển hóa, voi nơi cung điện có thể nép phục. Cùng loại như vậy tuy lắm nhiều, có thể lấy một mà xuyên suốt đó. Mới đối với Xiển đề hẳn không đẳng cấp. Nên trong kinh nói: “Giết hại loài trùng kiến thì có tội, mà giết Xiển đề thì không lỗi quá”. Lại còn dẫn dắt khiến xuất gia đặt để đó bên cạnh. Thí như ngựa già suy chưa thể cưỡi chạy trước, đồng như ruộng gai góc sao quên giếng sau. Biết hiện tại nó không ích lợi, mong tương lai có được gieo nhân, rốt cùng hàng Hạ thú mà hướng đến người trời, phát tâm rộng lớn mà thành phước trí. Vậy biết lớn của từ bi, khéo léo của phương tiện, đất trời chẳng đủ sánh đồng, âm dương không dùng lường ví. Người biết hồi hướng như con phụng thờ cha làm điều chẳng gì lớn

bằng; kẻ phỉ báng tợ bề tôi phản vua, tội ác chẳng thể giải, nhưng gốc chẳng giải diệt dừng chẳng gì lớn bằng mới đầu từ tâm nhân. Mới đầu có nhỏ nhiệm đó, sau cùng thành đấm trước đó. Then chốt phát khởi có thể chẳng thận trọng ư?

■

LUẬN MƯỜI MÔN BIỆN HOẶC

QUYỂN TRUNG

6. TRÁI KINH KHEN ĐẠO

Xét nghi rằng: Đề-bà-đạt-đa sau làm Như Lai tức là Bồ-tát. Đâu có Bồ-tát mà khuyên người hại cha ư? Nếu bởi nghiệp nên đáng hại thì vua A-xà-thế hẳn nên tự hại, sao đợi khuyên mới hại đó? Nếu nghiệp chẳng phải hại, Bồ-tát mới đầu không tâm làm hại thì không nên khuyên người làm hại vậy. Thánh nhân thiết giáo sao như vậy ư?

Biện hoặc rằng: Núi chẳng phải tự cao, sở dĩ cao là có vì đầm thấp; mùa Hạ chẳng phải tự nắng nóng, sở dĩ nắng nóng vì có mùa Đông giá rét. Nên nước lửa cùng cách mà biến sinh, mơ muối cùng lờn quen mà công hiển trước. Cùng lờn quen là cùng khác vậy. Vì công là Đại đồng, cùng cách đó là cùng trái, ở biến thì đều thuận. Nên có thể không cùng cứu tế, tổn hại ích lợi cùng thành, khác đường mà đồng kết quy. Sao chẳng do đạo đó. Rõ ràng, Bồ-tát đại quyền trú ở chẳng thể nghĩ bàn. Ứng vật mà vân du, theo lợi hại của người, phóng tình mà động. Quên được mất của chính mình là lợi của người, mình tuy mất mà thực hành đó; làm hại của người, mình tuy được mà trái ngược đó, và trí lớn như ngu, lời chánh tợ trái. Người thấy đó phỉ báng, người nghe đó nghe loáng thoáng. Hạnh của phàm phu có không có tàng, đạo của Thánh nhân hoặc nghịch hoặc thuận. Hạnh của phàm phu nhỏ hẹp, không tàng chẳng đủ để dạy răn ở thời cuộc. Đạo của Thánh nhân rộng lớn, nghịch thuận đều có thể làm khuôn phép vật. Thuận mà làm khuôn phép là như Văn-thù v.v..., nghịch mà làm khuôn phép vật là như Điều Đạt v.v...

Hoặc có người nói: Thuận để giáo hóa người lâu dài tôn thờ lời nói ấy, nghịch mà chỉ dạy tục sâu dày khác hẳn chỗ nghe. Tướng lấy tấn thân mong lại chỉ tay.

Xin giải thích rằng: Người khởi mâu là thương, hãy vì ông nói đó. Phàm, thiện đắm trước thì hiển bày ác, ác đắm trước thì tỏ rõ thiện. Phần tất nhiên lý ấy chẳng sai lầm. Nên dụng quyền của Thánh nhân là

đạo ác đã đấm trước, tức thiện tự rõ bày. Ác đấm trước giúp người soi xét bên trong, thiện rõ bày khiến vật tư duy ngang bằng. Tư duy ngang bằng để có thể khuyên thiện, soi xét bên trong lại có thể dùng để dứt ác. Thuận mà hoằng đạo cũng để dứt khuyên, nghịch mà hành sự cũng để dứt khuyên. Dứt khuyên đã ngang bằng hơn kém có thể được chăng? Mà người nghe Sư Lợi là Thánh nhân tức liền cúi đầu tỏ bày cung kính, cho Điều Đạt là Bồ-tát tức liền chống tay chẳng bằng lòng. Đó bởi sáng ba chiều bốn, nhận biết năm mê lầm mười. Có thể vì người nhận chịu giáo hóa vậy, sao biết lý vì giáo hóa ư? Khổng Tử nói: "Ba người cùng đi, trong đó hẳn có bậc thầy của ta". Chọn người tốt lành mà theo đó, phải biết người không tốt lành mà cải đổi đó. Người tốt lành là Thầy, lý ấy đã lâu hiển trước. Trọng Ni đã xưng thiện mà dẫn dụ vậy. Điều Đạt sao dùng chẳng tàng ư? Nên trong kinh nói: "Do Đề-bà-đạt-đa là thiện tri thức nên khiến ta đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật", tức là nghĩa đó vậy.

Hoặc có người lại nói: Nếu thuận đạo mà chẳng thể khuyên thiện, có thể trái kinh mà khuyên đó. Thuận đạo chẳng thể ngăn dứt ác, có thể trái kinh mà ngăn dứt đó. Nay thuận mà vì giáo hóa đã đủ vậy, sao lại dùng trái mà vì giáo hóa ư?

Xin giải thích rằng: Phàm, nhị nghi che chở, bốn mùa sinh thành. Hơi khí mùa hạ phát triển lúa gầy trên gò và nói tiều tụy, gió mùa thu lạnh buộc thắc cây quế trên núi vì nó phương phi. Ngày Xuân chậm rãi, chưa thể khiến hoa cúc tươi tốt nở xinh, sương Đông rét lạnh há có thể khiến tung trinh lay rụng? Chỉ có Đức Đại Bi chuyển vận vật như sự chở che của nhị nghi, nhân cơ mà thiết giáo tợ bốn mùa sinh thành. Bẩm ngộ mỗi khác tợ một số vật tốt tươi hay tiều tụy. Người có trí nhân thí dụ mà có thể rõ hiểu, ngõ hầu men từ cạn mà dần đến sâu vậy.

Lại nói: Làm ác có thể vì giáo hóa người. Người ác làm ác cũng giáo hóa ư? Người ác nếu đã có khả năng giáo hóa, sao phải dùng người thiện giáo hóa làm gì?

Xin giải thích rằng: Người ác làm điều nghịch, quả báo hoặc xa xôi mà chưa nhận chịu. Bậc Đại sĩ thực hành quyền xảo, quả báo ở hiện tại mà hẳn ứng nghiệm. Nay thì phải có thể quán xét vật khiếp sợ mà hay đổ lỗi xa xôi thì thầm im lặng khó biết. Người kiêu hãnh mà mong thoát khỏi, nên người ác chẳng đủ khả năng mà cảm hóa vật, hẳn phải đợi Đại quyền biến mà vì giáo hóa đó. Nhưng Điều Đạt thủy chung hành sự, quyền thật song biện. Trong kinh nói: "Bạn ác còn là tên Quyền". Luận nói: "Khách lớn mới là xưng Thật". Nên trên hội Thứu sơn, Thiên vương dự ghi mười hiệu tôn quý. Trong kinh Nại Quốc, ở chốn địa ngục

như hưởng lạc ở cõi Tam Thiền. Bậc Chí nhân chẳng bỏ sót nên đồng với Dĩnh Thúc, ác nhỏ không phạm đâu làm Phan Sùng. Hẳn vì vua cha có định nghiệp chẳng đổi thay nên gặp hung nghịch đó. Em Phật nhân đó có khuyên bày nhận chịu ương lụy thật vậy. Mới đầu khuyên người là quyền, khiến người thấy khuyên. Đã khiến người thấy khuyên cũng khiến người thấy ương lụy. Ương lụy sinh ở khuyên, khuyên dừng thì ương lụy dứt. Thấy khuyên nên sợ ương lụy, sợ ương lụy mà dứt khuyên, đó là khuyên của Điều Đạt muốn khiến người chẳng khuyên vậy. Khiến chẳng khuyên nên khuyên thì khuyên là chẳng khuyên vậy, quyền có khuyên còn vì chẳng khuyên. Thật không khuyên sao được có khuyên ư? Đó mới là nghĩa của Tích loại vốn toàn vẹn đồng với nghi ác có thể chấm dứt, cưỡi giá Nhất thừa mà thông đạt. Tử Hạ đã im lặng nhận biết đó, Sư Lợi nào từng đặt để nghi ngờ? Cây gỗ như đá, đâu đợi trọn ngày ư?

7. QUÁN NGHIỆP CỨU XẢ

Xét nghi rằng: Vua Tần-bà-sa-la đầu tiên cúng dường Phật, Phật thấy rõ vào thời của Vi-đề-hy, vua Tần-bà-sa-la sẽ bị giam ở trong ngục tối mà chưa chết. Phật có sức thần đại bi chỉ một hạt cải có thể nuốt trọn cả núi Tu-di, vậy cớ sao chẳng cứu vua Tần-bà-sa-la, mà khiến phải mắc hại? Đến khi vua A-xà-thế bị mụt nhọt lại đặc biệt soi chiếu ánh sáng thần, sắp vào địa ngục bèn được kéo dài tuổi thọ? Đối với con ngổ nghịch may mắn gì mà riêng được sống lâu? Đối với cha hiền từ, tội khổ gì mà không được kéo dài tuổi thọ? Chỉ vua Tần-bà-sa-la là bậc Hiền vương chứng quả, đáng cứu mà chẳng cứu đó. Vua A-xà-thế là kẻ bề tôi giặc; là đứa con hư nghịch, chẳng nên cứu mà lại cứu đó. Lấy gì để khuyên tương lai, lấy gì để chỉ bày cho con người? Thấy trái mà chẳng nâng đỡ, dùng kia cùng mặc tình con hại cha, Phật sao làm vậy ư?

Biện hoặc rằng: Phàm nghĩa lý về nghiệp rất lớn, sâu chẳng thể lường, rộng không thể cùng, mênh mông biến hóa tin tức. Bày biện chừ, không hình; mong ngóng chừ không tiếng; không hình không tiếng các loại phát sinh. Sinh đến cùng gọi đó là mạng, tập thành đó gọi là tánh. Thể ấy như không mà có, dụng ấy chẳng nhanh mà chóng. Vừa mới lại đó chẳng thể bài bác, vừa mới rơi rụng đó chẳng thể ngăn dừng. Đến như rộng của đất trời, linh của âm dương, nhật nguyệt trinh minh ở trên, núi sông tuyệt lý ở dưới. U hiển khác đặt để mà gọi là làm, cây giống khác loại mà trải hộ. Hoặc có người thấy như vậy mà chẳng biết tại sao như vậy. Nên hoặc suy đó ở tự nhiên, hoặc phó mặc đó ở tạo hóa, hoặc

nói mới đầu sinh ở nguyên khí, hoặc bảo vừa lớn từ bản cổ, hoặc cho rằng bên trong có thần ngã bên cạnh dấy khởi các vật, hoặc chấp phía trên có Phạm thiên ở dưới sinh ra các loại, hoặc đạo ngầm làm tự tánh, từ không hình mà biến hóa có hình, hoặc chấp thể là vi trần, từ chẳng biến hóa mà sinh chỗ biến hóa. Đó đều là mất gốc chính mà mê lầm ở ngọn, mờ tối nguồn mà lầm hoặc ở dòng. Do đó, dị kiến lẫn lộn rong ruổi, khác tình tranh cử đâu biết nghiệp nhân từ tâm khởi. Tâm làm nghiệp dụng, nghiệp dẫn tâm mà nhận thọ thân hình, tâm tùy theo nghiệp mà tạo tác cảnh, sáu đường lên xuống của cải thành mà chẳng vượt. Nhị nghi trên dưới vạch mổ mà phân đó. Nhưng mà, nhân nghiệp thọ thân, thân lại tạo nghiệp, từ tâm tạo tác cảnh, cảnh lại khiến sinh tâm, vô thủy vô chung, thí dụ đó ở luân chuyển. Chẳng phải không chẳng phải có thí dụ đó như huyễn hóa, bốn loài đổi thay dẫy đầy, ba cõi khó vì quy căn. Nhưng, nghiệp lấy thiện ác mà phân dòng, quả báo lấy khổ vui mà khác ứng. Tích chứa việc thiện có thừa an vui, làm việc thiện do đó mà đạt đến an vui, tích chứa việc ác có lắm tội khiên, tạo ác do đó mà dần bước chịu khổ. Như bóng theo hình mà cong thẳng, tuy lìa gốc buộc giữa chẳng thể so định đó. Tợ âm vang theo tiếng mà lớn nhỏ, tuy bắt chước trống rỗng mà điều trục, chưa thể thí dụ nó quân bình chẳng thấy hình ngay mà bóng vẹo, đâu có tu thiện mà quả báo khổ. Chẳng nghe tiếng nhỏ mà âm vang lớn, há có tạo ác thành mà được quả vui. Cũng như quan điền tuấn gắng chức mà thóc lúa đầy kho, người nông phu mất mùa, gai tranh đầy đồng, mướn sai cày bừa mà cẩu thả, riêng việc ấy mà diệt nát nghiệp đó mong muốn không cỏ lang cỏ dữu. Như sườn núi như kinh đô, tìm Bế lệ ở trong nước, bít Phù dung ở trên ngọn cây vậy.

Hoặc nói: Thiện là mở đầu của phước, ác là nguồn tội, đồng như ảnh hưởng không trái ngược, tợ canh cày có quả kết. Kinh nghe bảo vậy, cớ sao vua Tần-bà-sa-la làm việc thiện mà vụt nhiên mắc họa cuối đời, vua A-xà-thế tích chứa nuốt máu thề nguyền mà được phước cuối cùng?

Xin giải thích rằng: Cũng chẳng khéo thay mà hỏi như vậy. Ông nghe nghiệp có quả báo, mà chưa nghe quả báo có thời vậy. Phàm, nghiệp kết cảm quả báo có ba thời chẳng đồng: Có nghiệp Hiện báo tức là thân này tạo nghiệp thân này tự nhận chịu. Có nghiệp Sinh báo, tức thân đời này tạo nghiệp qua đời sau mới nhận chịu quả báo. Có nghiệp Hậu báo, tức đời này tạo nghiệp mà đời nay chưa nhận chịu qua đời sau đời sau nữa mới nhận chịu quả báo. Loại thứ nhất tợ lúa đậu trải qua

thời gian tức sẽ chín. Loại kế tiếp tợ như lúa mạch, phải qua năm khác mới chín. Và loại sau cùng là như đào lý phải qua nhiều năm mới thật có kết quả. Nên như người ngày trước chăm chỉ mà ngày nay biếng lười, đồng ruộng để hoang trống không lại mong tới mà gặt hái, nhưng may nhờ trong nhà có lúa thóc tích chứa nhiều năm. Người ngày trước biếng lười mà ngày nay chuyên cần, sáng sớm không có vốn liếng chừng vài hạt thóc, nhưng chiều tối lương thực tích chứa có thừa. Đâu có thể thấy người chuyên cần nhưng không đủ mà cho là không đủ ấy chẳng phải mới đầu biếng lười ư? Hay thấy người biếng lười mà có thừa lại cho rằng có thừa đó chẳng phải ngày trước chuyên cần ư? Mong lấy cảnh tượng để tỏ bày ý, lại mượn sự để làm sáng tỏ lý.

Có hai người cùng ở gần nhau xây dựng nhà cửa, một người trước vụng về mà sau khéo giỏi, một người trước khéo giỏi mà sau lại hư phế. Người trước vụng về xây dựng nhà rất xấu, ở mà tập học nghề nghiệp, nghề nghiệp thành đạt lại nghĩ suy khéo giỏi. Đã khéo giỏi mà biến đổi vụng về ấy vậy. Người trước khéo giỏi xây dựng nhà rất xinh đẹp, ở mà tự thọ hưởng, thọ hưởng quá mà nghề nghiệp phế hư. Đã phế hư tức là mất khéo giỏi ấy vậy. Tuy mất khéo giỏi ấy nhưng nhà cửa đó vẫn còn đẹp xinh. Tuy biến đổi vụng về đó nhưng nhà ở vẫn còn xấu vậy. Đến lúc trải qua năm tháng dài lâu thay đổi, gió mưa mà hư nát, nhà cũ đã hư hỏng, bèn trở lại dựng xây nhà mới, tức thợ vụng về xây dựng, đẹp xấu lại trái nhau vậy.

Nhân đó mà bàn luận thì thân là vườn của tâm mà là quả của nghiệp vậy. Nghiệp là dụng của tâm mà là nhân của thân vậy. Khéo giỏi hay vụng về cùng thay đổi nhau là do thiện ác tập thành vậy. Nhà cũ hay nhà mới tạo dựng tức là thân trước và đời sau vậy. Vua Tần-bà-sa-la tuy ngày nay không bỏ sót hạnh mà xưa trước có chẳng tàng. Vua A-xà-thế tuy hiện tại là người ác mà xưa trước tu thiện nghiệp chẳng tàng, do đó mắc họa mà tu thiện, do đó mà kéo dài tuổi thọ đến cuối cùng vậy. Có thể tìm xét, sao lại lấy làm quái lạ!

Lại nêu luận rằng: Phật có sức thần đại bi, chỉ một hạt cải còn có khả năng nuốt trọn núi Tu-di, cớ sao chẳng cứu vua Tần-bà-sa-la mà khiến gặp phải tai hại?

Xin giải thích rằng: Phàm nghiệp có quyết định và nghiệp chẳng quyết định. Nghiệp không quyết định thì dễ chuyển đổi, nghiệp ấy có thể mất. Nghiệp đã quyết định thì khó đổi thay, quả báo ấy hẳn phải nhận chịu. Vua Tần-bà-sa-la bị nghiệp quyết định làm sao có thể cứu được ư? Nên thầy thuốc giỏi chẳng thể cứu người mạng tận, mẹ hiền

chẳng thể mớm cho con cứng miệng. Nhưng mà người thì có nghiệp, vật thì vô tâm, vô tâm thì ngã tâm có thể chế. Núi lớn hoặc có thể vào nói nhỏ. Có nghiệp thì nghiệp ấy làm chủ, mạng bức thúc không thể dẫn kéo dài. Nay mới đem vô tâm mà xếp bày có tâm, đem có nghiệp làm ngang bằng không nghiệp. Bắc viên vừa vượt cùng đi cũng chẳng tạm xa ư?

Lại nói: Đối với con ngổ nghịch, may mắn gì mà được kéo dài tuổi thọ? Đối với cha hiền, tội khổ gì mà không được kéo dài tuổi thọ?

Xin giải thích rằng: Căn cứ kinh Niết-bàn nói: "Xưa trước vua Tần-bà-sa-la du hành săn bắn nơi núi Tỳ-phú-la, đi khắp đồng trống mà không được gì, chỉ thấy gặp một Tiên nhân đầy đủ ngũ thông, liền sai mọi người theo cùng bắt giết đó. Tiên nhân ấy phát lời thề rằng: "Trong tương lai ta cũng sẽ hại mạng ngươi như thế này". Lại nói: "Phật bảo cùng vua A-xà-thế rằng: Xưa trước ngươi đã ở nơi chỗ Phật Tỳ-bà-thi mới đầu phát tâm Vô thượng Bồ-đề, trộm vì rong ruổi phát cuồng phóng túng ngổ nghịch ở trên cảnh hạnh của ngũ thông, hạnh dừng mới quy tâm ở đầu tiên của bảy Đức Phật". Hoặc do điều thiện xưa trước chẳng mất, nhân đó sám hối tẩy trừ mà kéo dài tuổi thọ. Hoặc bởi ương lụy dư thừa chưa hết, gặp giết nghịch mà chẳng phải mạng, chẳng phải mạng do phóng túng ngổ nghịch, há là không tội, kéo dài tuổi thọ? Mới đầu quy tâm, sao gọi là có may mắn, xin theo lý của ba thứ quả báo, sẽ lầm hoặc trái lại ở một góc.

Lại nói: Vua Tần-bà-sa-la chứng đắc quả vua hiền, đáng cứu mà chẳng cứu đó. Vua A-xà-thế là bề tôi giặc con nghịch, không đáng cứu mà cứu đó.

Xin giải thích rằng: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Vua Tần-bà-sa-la bị giam tối trong bảy lớp phòng, tự nhiên tăng tấn mà thành A-na-hàm". Các kinh luận đều nói: "A-na-hàm nghĩa là Bất hoàn, tức không còn trở lại sinh vào cõi Dục". Kinh Niết-bàn nói: "Vua A-xà-thế chỉ thấy hiện tại mà không thấy tương lai. Vua cha không tội mà gia tâm nghịch hại, rồi tâm sinh hối hận nóng bừng khắp thân thể sinh mọc mụt nhọt". Lại nói: "Nếu chẳng thuận theo lời của Kỳ-bà thì ngày mồng bảy tháng sau sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ". Rõ ràng, phàm u ẩn bực tức mà lên thượng quả, tuy ngoài hung xấu mà trong tốt lành, mắt mù mà vượt cõi dưới, tuy gọi là chết mà thật là sống. Cứu đó tức biến thành tổn hại, mặc tình đó thì tự lợi ích. Đến như thân mọc mụt nhọt mà tâm nóng bừng, không biết đường xoay trở lại, nghiệp sâu mà quả báo gần, sắp đọa mà thành Nê-lê, cứu đó thì là lợi ích, mặc tình đó thì là tổn hại. Đó

tức là quán chỗ đáng nên cứu, cứu đó vì làm lợi ích; xét chỗ nên bỏ, xả bỏ đó vì làm ích lợi. Cớ sao nói đáng cứu mà chẳng cứu đó, chẳng đáng cứu mà cứu đó? Tâm Thánh tuy nhỏ nhiệm biết đó nào xấu hẹp. Nhưng quả báo quyết định nhận chịu đó mà đổi thay, rõ ràng nghiệp khó phạm vậy. Tội nặng sám hối đó mà trở thành nhẹ. Rõ ràng hạnh đó có thể cách hạnh có thể cách, người ác đổi dời thiện ở lạm thương. Nghiệp khó phạm, người thiện dừng ác ở tham thang. Ác đừng thiện thực hành tức có xấu hổ mà sợ kính. Đó bởi dùng đức mà dẫn dắt vậy, đâu như dùng luật hình để ngang bằng vậy. Cha con đều đã tiến nơi đạo. Điên gì mà chẳng nâng đỡ ư? Hiền ngu đều có thể theo nơi giáo hóa, sao lại chẳng khuyên ư? Người biết ta, mong cầu thì ta quý vậy.

8. TÙY GIÁO ÉP NÂNG

Xét nghi rằng: Niết-bàn chương môn bao quát các phẩm, nếu chẳng y theo Niết-bàn, sợ khó thành Phật. Đâu là nơi tán thán công đức? Xem nhẹ đối với Bát-nhã, Pháp Hoa ư? Nếu đem Bát-nhã xả bỏ chấp trước làm hơn, thì Niết-bàn vì nửa bài kệ mà xả thân, đâu kém so với Bát-nhã vậy. Nếu lấy Pháp Hoa chứng Đại thừa làm hơn, thì Niết-bàn lấy Đại không làm cửa, đâu kém so với Pháp Hoa vậy? Pháp môn không hai, sao làm hai ấy vậy?

Biện hoặc rằng: Chân thân tịch tĩnh đâu còn ở ngôn thuyết, Chí lý hy vi vốn mất tánh tướng. Tuy không ngôn thuyết nhưng chẳng trái đạo của ngôn thuyết, tuy không tánh tướng mà là bến bờ của tánh tướng. Thí như gương sáng không làm gì, có hình lại tức ảnh tượng hiểu biết. Cốc hang sâu không vẫy lay, tiếng đến âm vang đầy. Nhưng mà các thứ tiếng sâm sai, không hang cốc chẳng thể khiến vang vọng. Các vật tiếp nối, không gưng soi làm sao phát sinh ảnh tượng? Nên biết, hình tiếng vì đó cảm, gương hang vì đó ứng, cảm ứng khuyết thiếu một thì xem nghe đều mất cả. Trộm vì Đức Như Lai có sức Đại từ vô duyên, thệ nguyện rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn, là gương sáng là hang cốc sâu vậy. Chúng sinh có chủng tử nghe và huân tập, phát tâm Bồ-đề là các thứ hình các thứ tiếng vậy. Ngọc hào tỏa sáng và ba mươi hai tướng tốt hiển trước là ảnh tượng trong gương. Kim khẩu phát mở và mười hai bộ loại kinh giáo tuyên bày là âm vang của trong hang cốc vậy. Từ trong vườn Ba-la-nại giảng rõ khổ tập diệt đạo, đến trong vườn kiên cố nói bày Thường lạc ngã tịnh. Suốt trong thời gian đó, tám tạng đều xiển dương ba thừa đua tranh rong ruổi. Mùi vị cam lồ chẳng khác, đượm nhuần mày lớn không riêng. Nhưng mà cỏ lớn cỏ nhỏ nhận thọ có ít nhiều, có duyên không

duyên đượm phục đó sống chết. Tiệm đốn ở nơi trăm nghĩ lự, Bán tự mãn tự do đó có lắm môn. Vốn nguồn ấy không gì chẳng một rốt ráo, nên từ gốc mà quán sát thì thảy đều bình đẳng, từ ngọn mà soi xét thì lắm nhiều chẳng đồng vậy. Chẳng đồng do đó mỗi tự giải hiểu, bình đẳng do đó mà chỉ nhất âm (một thứ tiếng). Nhất âm nên pháp môn vì đó mà không hai, mỗi tự giải hiểu nên giáo tích vì đó mà chẳng phải một. Nếu là diễn bày pháp Lục độ, đàm nói lý Tứ tuyệt, tức có dùng làm rõ nghĩa không, y theo không mà khởi hạnh. Đó tức là nghĩa của Bát-nhã vậy. Nói rõ bảy thứ thí dụ, biện rành ba pháp bình đẳng, phá hai để kết quy về một, xoay Tiểu để theo Đại, đó là yếu chỉ của Pháp Hoa vậy. Hoằng dương áo nghĩa Tam điểm, xiển hóa diệu chỉ tứ đức, khách lạ xuất phát từ nhà trân quý đó, thuốc mới dùng vời sữa cũ ấy. Đó là chỗ rốt ráo của Niết-bàn. Đó đều là Bí phủ của Đại thừa, Diệu môn của Phương Đẳng, là núi cao của Hiền thánh kính ngưỡng dừng, là biển lớn của kinh luận Triều Tông. Người được đó đều có thể đạt đến xa; người mất đó, ai có thể cho là chẳng đắm chìm.

Lại luận rằng: Chẳng nương tựa mọi người sợ khó thành Phật. Nhân muốn cho rằng không nương tựa Pháp Hoa, Bát-nhã mà có thể thành Phật đó ư? Nhưng mà, Pháp Hoa là vua của các kinh, Bát-nhã là mẹ của chư Phật. Ai thấy không mẹ mà mang thai con, không vua mà thống quản mọi người ư? Nghĩa không hơn kém, đoán có thể biết vậy.

Luận lại nói rằng: Đâu là nơi tán thán công đức? Xem thường đối với Bát-nhã Pháp Hoa ư?

Phàm, nghĩa tùy theo thời mà ven nương, không thể giữ theo thường ấy, chỉ biến đổi với chỗ thích hợp. Lấy bỏ hẳn quý còn ở Hội Hòa đó, riêng theo bệnh mà trao cho thuốc, ban thùy mặc tình theo vật mà thí khéo léo. Đâu phải lạnh ấm chẳng biến, quy cũ có thường ư? Huống tìm tiếp nối thành văn có khác ý chỉ vừa nêu lại. Trong kinh nói: “Lời nói bậc Thượng cũng tốt, bậc Trung Hạ cũng tốt, Kim cang kho báu đầy đủ không khuyết thiếu”. Lại nói: “Như trong các thứ thuốc, Đề Hồ là bậc nhất”. Lại nói: “Cũng như mặt nhật xuất hiện tỏa phóng ngàn ánh sáng”. Lại nói: “Thí như các dòng nước đều trôi chảy vào biển”. Lại nói: “Tu hành là kinh tức được đầy đủ mười sự công đức”.

Phàm lấy phân dòng mà bày hiểm, biển Như Lai vua của trăm hang cốc, xếp đặt ánh sáng thành văn, mặt nhật làm chủ của ba thứ ánh sáng. Kim cang là thứ nhất trong các vật báu, Đề Hồ là tối thượng trong các thứ thuốc. Ba lời nói đều thiện nghĩa, câu nào mà chẳng phải Huyền? Mười sự đều thành, công nghiệp nào mà chẳng đủ? Đó là so

Hưng thạnh như kia, đó là xưng dương như đây. Lặng lẽ mà rõ công hiệu, rõ rồi chẳng xem thường. Ví như Niết-bàn nguyên Phạm bản kệ tụng có hơn ba vạn, tại Trung Hoa phiên dịch mới hơn mười ngàn, tức gương pháp mở mà chưa toàn, Châu huyền được chỉ phần nửa.

Hoặc lại nói rằng: Giáo tích chẳng phải một, pháp môn không hai. Biện giải sự có không của công đức, làm sáng tỏ sự rộng lược của kinh gốc, tự nhiên thuận lý vậy. Chỉ cao thấp cùng nghiêng ngắn dài cùng hình. Đã là kinh Pháp Hoa nói: "Kinh này là thứ nhất", vậy các kinh khác được chẳng kế cạnh ấy ư? Kinh Niết-bàn nói: "Kinh này là tôn quý ưu thắng", vậy các kinh khác được chẳng thấp kém ư? Kinh Bát-nhã nói: "Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn", vậy các pháp môn khác được chẳng thể nghĩ bàn ấy ư? Nghĩa đó không sáng tỏ, nghi ngờ trước lại vạch bày vậy.

Xin giải thích rằng: Phàm phu vì lợi giẫm trải vào sông lớn, thuyền chèo là ưu tối chở rong giữa đất rộng, xe kỵ là dẫn đầu, yên xứ siêu nhiên, cung quán là lớn. Tuy đất nước khác vị trí, động tĩnh khác thích nghi, mà muôn nước chẳng dừng ở một người, chín châu chẳng dứng ở một xứ vậy. Nên họa mái chèo ích phương rong ruổi khắp dòng mà chẳng thôi dừng, cưỡi ngựa câu vẽ bầu rong ruổi mà chưa thôi, cưỡi Phụng hoa ở nơi ngũ mà sao phế bỏ. Đó thì thuyền chèo chưa thường chẳng là ưu tối, xa kỵ chưa thường chẳng là dẫn trước, cung quán chưa thường chẳng là lớn vậy. Đó có hạn cục nơi làng nước, được xe tức phá đó, chuyên ở nơi núi đồng. Cho thuyền là bổ đó, thân chẳng xuống khỏi nhà chẳng biện rành chỗ dùng của xe thuyền, tâm chuyên đi xa vời, không biết chỗ thích hợp của nhà cửa. Những hạng người như thế, sao đủ để cùng nói ở đạo ư? Khổng Tử nói: "Dạy người thân ái chẳng gì khéo so với hiếu, dạy người lễ thuận không gì hay so với để". Lại nói: "Pháp tượng chẳng gì lớn so với đất trời, ánh sáng tỏ không gì hơn so với nhật nguyệt". Đó cũng là mỗi mỗi tùy theo nghĩa ấy để xứng chẳng gì hay khéo bằng vậy. Lại nói: "chẳng gì lớn", ở trong các kinh nói là thứ nhất, bởi cũng từ đó mà rõ vậy.

■

LUẬN MƯỜI MÔN BIỆN HOẶC

QUYỂN HẠ

9. HÓA PHẬT ẨN HIỂN

Xét nghi rằng: Ngày Rằm tháng hai, Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, thúc giục Thuần Đà hiến dâng thức ăn, vì thời gian diệt độ sắp đến. Lại sau ba tháng mới ứng kỳ hạn đó, Thánh chúng khuyên thỉnh Đức Phật là sẽ diệt độ, chỉ Phật không lời nói hư dối, thì diệt độ ấy cũng chẳng hư dối. Bởi cớ gì Phạm Chí Độc Tử hơn một tháng mới bảo, Phật bèn tợ như chưa diệt độ. Đó là tại sao? Nếu Phật đã diệt độ thì Phạm Chí không nên sai khiến bảo; còn như Phật chưa diệt độ, không biết diệt độ ở thời gian nào? Kinh nào nói về lúc diệt độ, ngày diệt độ của Phật? Mong đợi tiếp thừa ý chỉ cao vời có được nghe chăng? (Sa-môn Phục Lễ nói: kinh Niết-bàn nói: "Phạm Chí Độc Tử lúc đủ mười lăm ngày chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, ở nơi rừng Sa-la tu hành hai pháp, không bao lâu chứng quả A-la-hán". Sai báo tin Phật đã nhập Niết-bàn hơn một tháng, nói vậy khác ư? Tôi nghe thế đó).

Biện hoặc rằng: Phật Đà lấy Viên giác làm nghĩa, Niết-bàn lấy chí tịch làm thể. Viên giác là đạo không gì chẳng cùng, lý không gì chẳng chiếu; chí tịch là lụy không gì chẳng dứt, công không gì chẳng quên. Quên công và dứt lụy không thể cho là có, chiếu lý và cùng đạo không thể cho là không. Nhưng mà có vì không sinh, không nhân có lập, nếu khuyết một đó hẳn mất cả hai. Đã là chí tịch không thể cho là có, mà có thể cho đó là không ư? Viên giác không thể cho là không mà có thể cho đó là có ư? Không thể cho là có mà chẳng cùng của tịch, không thể cho là không mà chẳng có diệu của giác. Hoảng chừ, hốt chừ, như còn như mất! Mù chừ, mờ chừ, chẳng diệt chẳng sinh! Phàm sinh là mới đầu dấy khởi của pháp, diệt là mới đầu tàn tạ của pháp. Mới đầu tàn tạ thì vốn có mà nay không, mới đầu dấy khởi thì vốn không mà nay có. Như Lai chẳng phải vốn không mà nay có. Xấu thay mà cho sinh Niết-bàn chẳng phải vốn có mà nay không. Xấu thay mà cho rằng diệt có sinh diệt sau đó có thủy chung. Có thủy chung sau đó có xa gần, có xa

gần sau đó phân năm tháng. Sinh diệt còn không, năm tháng sao nương cậy ư? Nên Xá-lợi-phất hỏi đến mất sinh, cư sĩ hỏi vặn mà chẳng đáp. Ca-diếp nghi ngờ về hoại diệt, Đại sư quở trách mà sau đó biện giải.

Vậy biết, lý của giải thoát, tánh của Niết-bàn không thể lấy sinh diệt mà tìm cầu, không thể dùng có không mà chấp thủ. Ông sao lại lấy tâm hạnh sinh diệt mà hỏi đến thật tướng Niết-bàn ư? Nhân nay lấy ngày giờ mà hỏi Niết-bàn cũng như lấy thước gậy mà lường hư không. Hư không không thước gậy, không thể dùng thước gậy để lường, có thể dùng thước gậy để lường vật chẳng phải hư không. Niết-bàn không ngày giờ, chẳng thể dùng ngày giờ để định, có thể dùng ngày giờ ấn định với pháp chẳng phải Niết-bàn. Cớ sao? Phàm, thước gậy sinh từ hình chất, ngày giờ vốn ở thủy chung. Không hình chất thì không thước gậy, không thủy chung hẳn không thời gian, rõ ràng vậy. Không mà đặt để hỏi, sao xa vời vậy ư? Trong kinh nói: "Như Lai là tối tôn tối thắng trong trời người". Đâu là hành ư? Lại nói: "Thân Như Lai là thân thường trú, thân của Kim cang thì là pháp thân. Chẳng phải thân là thân chẳng sinh chẳng diệt". Lại nói: "Trong thường pháp, hư không là thứ nhất. Như Lai cũng vậy, trong thọ mạng rất là thứ nhất". Phong phú thay Thánh giáo! Tận cùng thay diệu lý! Tự có thể lấy chân thường mà tỏ ngộ đó, sao lại lấy sinh diệt mà nghi ngờ đó?

Hoặc nói rằng: Nghe được nghĩa lý chân thường, cam lòng vui chịu tối chết, nghe được tên gọi của Niết-bàn còn mịt mờ ở sáng suốt triệt. Nếu Như Lai thường trú chẳng diệt, cớ sao xưng là Bát Niết-bàn ư?

Xin giải thích rằng: Niết-bàn có bốn thứ, ông chưa nghe nghĩa Vô trú ư? Phàm, vô trú Niết-bàn là chân như Diệu tánh làm thể, đại bi Bát-nhã vì hỗ trợ. Bát-nhã nên chẳng trú ở sinh tử. Đại bi nên không trú ở Niết-bàn. Chẳng trú Niết-bàn nên tuy chứng mà chẳng chấp thủ; chẳng trú sinh tử, nên trong ở mà chẳng đắm trước. Chứng mà chẳng chấp thủ nên có cảm. Sở dĩ ngay dấy khởi ở mà chẳng đắm trước nên vô duyên do đó mà tàn tạ. Đó tức là tịch nhiên bất động, hình biến khắp mười phương. Ngầm vậy không tư lự, trí cùng khắp muôn vật, ứng hiện chẳng nhọc mệt mà tịch diệt. Ẩn hiển không hằng mà thường trú. Đâu như Thanh văn lìa khổ trọn vào Vô dư, Duyên giác nhàm chán thân mãi giả từ Hữu hoạn. Hình đồng với cỏ cây vụt đã thiêu rụi, tâm thuộc loại tro chết từng nhỏ nhiệm suốt rõ, quân bằng độc thiện của tuyệt Thánh, trái ngược gần nhân của rộng thí ư? Nên kinh Niết-bàn nói: "Ta từ lâu đã trú trong Đại Bát Niết-bàn, thị hiện các thứ thần thông biến hóa".

Lại nói: "Đại Bát Niết-bàn hay dựng lập nghĩa lớn". Đó là dụng của Vô trú Niết-bàn vậy, đâu trái với nghĩa của chân thường ư?

Hoặc có người khác lại nói: Đạo của Niết-bàn nếu là thường, sao có sự việc ở Song lâm ư?

Xin giải thích rằng: Phật có nghĩa của ba thân, đó là Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân. Pháp thân lấy tánh tịnh chân như làm thể, nghĩa là vượt ngoài trói buộc vây bủa. Báo thân lấy đức thù đáp nhân quả làm tánh, ngầm chân chiếu tục làm nghiệp. Ứng hóa thân lấy bên trong nương tựa thắng trí làm gốc, bên ngoài ứng với các tình mà làm tướng. Pháp thân như tánh của hư không, mây ùn thì ngăn che, sương mốc tan tức liền tỏa sáng. Tánh nó vốn thường vậy. Báo thân như mặt nhật cưỡi giữa hư không sáng rực lên cao tỏ rọi, soi chiếu thể ấy thường tồn tại vậy. Ứng hóa thân như ảnh soi nước, nước trong lắng thì hiện, nước đục dơ là ẩn tối. Hiển hiện ẩn tối chẳng thường, qua lại không định. Đến như bảy đóa hoa sen nâng đỡ chân Thánh, nghiệp bắt đầu mở đồ, nơi Song thọ yên thần hay trọn việc mà dứt giá. Trong đó, hoặc lìa kinh biện giải chí tối sáng đối với hàng sơ học, hoặc nhận thể hỏi tên đồng trần đối với hàng mới đầu lễ. Kim luân đến mà giăng lưới bảy báu, tóc chu vọt mà ra chín lớp, tung thần lực mà hàng phục ma, hung tà thay đổi mặt, dương biện tài mà nhiếp phục chúng, Thánh hiền cúi dập đầu. Mỗi mỗi cõi nước xứ xứ phân thân, khắp phương khác mà chẳng cùng, tận vị lai mà không mất, đó đều là ứng tình mà hiện hóa. Ảnh của soi nước cũng nào thương tổn với nghĩa Niết-bàn thường trú ư?

Hoặc có người khác nói rằng: Hai thân thuần túy mà Viên Thường, tám tướng theo tình mà hưng phế. Như vậy, chân là tịch tĩnh, hóa là quyền biến, việc của Hạc Lâm, không gì chẳng nghi ngờ của Độc tử mà chờ định quyết.

Xin giải thích rằng: Vừa rồi biện giải chân hóa đó chẳng phải một. Chưa rõ chẳng khác của chân hóa. Phàm, hóa Phật đâu khác ư? Báo thân là dụng của Viên ứng. Báo thân là thế nào ư? Bi trí tạo thành thể ấy vậy. Bi lấy rộng cứu tế làm lý, trí dùng thiện quyền làm nghiệp. Do đó, nhân thời cơ mà giáng vết tích, tùy tình vật mà hiện thân. Thân và vết tích là dụng vậy. Bi và trí là thể vậy. Thể là gốc đó, dụng là ngọn đó, y cứ thể mà khởi dụng, gom thâu ngọn về gốc. Muốn cầu tìm sai khác đó, với lý có thể vậy ư? Mà mới định quyền biến của Hóa thể, khác tịch tĩnh của chân thân, đó là chưa đắc vậy, đó là chưa đắc vậy. Nhưng đây tạo rõ Báo thân khởi phát hóa, chưa rõ hóa thân tức là pháp. Hóa thân tức là pháp lý ấy nhỏ nhiệm tinh vi, lại mượn ảnh dụ mà thuật

vậy.

Phàm, ảnh mặt nhật trong nước chẳng từ ngoài lại mà từ trong ra. Chẳng đây chẳng kia, chẳng khác chẳng một, chẳng không tướng trọng ấy chẳng có hình chất ấy, chợt nhiên mà còn chợt nhiên mà mất, cảnh tượng đắm trước mà động, tánh hư rỗng mà yên lặng. Người chấp thật là vọng, người biết vọng là rõ thật. Mặt nhật sao có nghĩa vậy, mặt nhật từ ngoài mà lại, ngoài nước sao tồn tại ư? Nếu từ trong mà ra, trong nước trước vốn có ư? Nếu nói ở tại đây, thì ở kia chẳng thấy ư? Nếu nói ở tại kia thì ở đây chẳng thấy ư? Nếu nói là khác, một thấy có hai ư. Nếu nói là một, hai thấy đâu phải một ư? Nếu nói là không, đối với thấy có thể mất ư? Nếu nói là có, tìm thể từng được ư? Cho rằng đó sinh sinh không chỗ theo, cho rằng đó diệt diệt không chỗ đi, chẳng sinh vậy, chẳng diệt vậy. Tánh tướng vắng lặng, dứt đường tâm ngôn. Đó có thể gọi là thấy thật tánh của ảnh nước vậy. Thấy thật tánh của ảnh nước thì chứng thể của Pháp thân. Lại nói: Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy. Kinh Bát-nhã nói: "Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức là thấy Như Lai". Lại nói: "Lìa hết thảy các tướng thì gọi là chư Phật". Dẫn mà bày đó, xếp loại mà lớn đó, gần thì lấy ở thân, xa thì lấy ở vật, ở đâu chẳng tịch diệt, ở đâu chẳng thanh tịnh. Do đó nhấc chân đặt chân, đạo tràng khắp nơi mà chẳng cùng. Mở mắt nhắm mắt, chư Phật hiện tiền mà chẳng diệt. Nên Tu-bồ-đề ngồi yên mà thường thấy pháp thân. Liên Hoa Sắc tranh tới trước tạm lén nhìn hình tướng. Phần của mê ngộ, hơn kém như vậy, đâu thể lấy có không sinh diệt mà thấy ở Hóa thân ư?

Phàm người biết kiếm, quên vật chất ấy, đợi biết thể sang đó. Người biết ngựa lược bỏ qua hình sắc, trông xem khả năng giỏi khác, sau đó mới cắt ngọc tơ đất bùn, một ngày chạy ngàn dặm. Trái lại vậy, đâu thể nói là Biết kiếm biết ngựa ư"? Tán ngưỡng nơi pháp môn nghiên tinh ở Phật sự cũng như thế vậy. Đến như nghe xuất hiện từ phía hông bên phải thì cho đó là sinh, hóa ở gối đầu xoay hướng Bắc thì cho đó là diệt, ngồi nơi hoa sen cho đó là có, thiêu đốt ở gỗ thơm cho đó là không. Đó đều là hạng tầm thường, sấm chớp đồng thấy cũng nào đủ để chống đỡ ở cửa cao ư? Trong kinh nói: "Vị Tỷ-khưu trì giới không nên đối với Đức Phật khởi sinh ý tưởng hữu vi. Nếu nói là hữu vi là vọng ngữ". Lại nói: "Thà dùng dao sắc bén để tự cắt lưỡi ấy chứ trọn không nói là Như Lai Vô thường. Lại nói: "Không thể tính toán thời gian Bát Niết-bàn và chẳng Bát Niết-bàn vậy". Tùy điều hỏi mà đáp, theo sự mà đồng chấp. Hội đồng dị của kinh văn, định xa gần của thời gian diệt

độ, xua hai chữ Trí điếc mà chẳng nghe, tám mùi vị khoái miệng mà tự mất. Than ôi, thật đáng sợ vậy! Chẳng phải chỗ dám nói.

Người lầm hoặc kia đến đây đã sáng ra, bùi ngùi mà than rằng: Lời nói trước thật là sai lầm vậy! Xe bốn ngựa chẳng thể rong kịp đầu lưỡi. Thường nghe, ếch ở đáy giếng nằm nơi thành giếng chẳng biện rõ sâu của đất rộng. Chim yến đầm đậu cành dâu há biết được rộng của trời phủ che. Vật đã như vậy, người cũng có thể. Đến như bốn cửa Niết-bàn không sinh không diệt, ba thứ thân Phật chẳng một chẳng khác. So với không tánh mà khó lường, sánh với bóng nước mà thường diệu, đếu được chỗ chưa được đó, nghe điều chưa nghe đó. Từ nay mãi về sau, kính phụng đó không chán nãn. Nên biết, đồng phàm nép nằm hiện bày dấu vết càng lưu lại, xuất phát từ tình của bụi trần, sao dự thể của kim cương. Thể chỉ một tướng, thủy chung chẳng thể bày ngôn từ ấy, tình có lắm mối, trước sau chẳng thể ngang bằng thấy đó. Biết khắp ngày của thị hiện diệt độ, thời kỳ của Phạm Chí sai khiến báo, tồn tại mà chẳng luận, đặt để mà chẳng đáp, cũng chẳng là vậy ư?

Xin đáp rằng: Ông đã được đó! Tôi không chỗ ẩn giấu gì ông.

10. THÁNH VƯƠNG HƯNG SUY

Xét nghi rằng: Ngày Luân vương vỗ vận hóa thị khắp tứ thiên hạ, lại lúc giảng nói kinh Pháp Hoa, Luân vương đến dự nghe, chỉ Lưỡng nghi mở cửa chở sách rõ ràng vậy. Chỉ nghe vòng ngọc dâng hiến ở phương Tây, đâu thấy xe vàng chuyển đến phương Đông. Tuy trắng đen có khác nhưng nghe thấy không ràng buộc, không biết Thánh thân Luân vương cớ sao chẳng đến xứ này? Nếu cho là cưỡi giữ hư không mà qua lại, không phải chỗ biết của con người. Con người đã không biết sao dùng làm vua vậy? Sao chẳng bày thăm hầu Đông hậu trước khu phóng bá, ngựa báu cùng ngựa trời đua bay, kim luân cùng nhật luân tranh tỏa sáng, ngàn cưỡi muôn kỵ tạp đạp trước Thanh Hán, gióng trống khua tiêu rầm rĩ ngoài đơn Hà, phát hiệu lệnh vỗ về trơ trọi, giúp đói rét sửa trị oan trệ. Khiến Đế Hiên Hy ngửa mặt giữa trời tiếp thừa phong, quân Nghiêu Thuấn động trời rỗng mà kính mộ đức. Sau đó xuống Bích không mà chầu muôn nước, cưỡi mây trắng để lễ trăm thần, dất chén tiêu nơi rương ngọc, tấu đại nhạc ở Quân thiên. Há chẳng phải việc thánh của Thánh vương ư? Lại nữa, Si Vưu làm loạn đuổi gió vời mưa, Cộng Công chạm núi nghiêng trời tuyệt đất, tám năm chín lão. Lão ấy rất lo sợ hôn chấp. Đá cứng chảy vàng, Thành Thang có ách cắt tóc. Cuối thời hai Hán tám phương mây nhiễu, ở thời hai tấn muôn phương

đảnh vọt. Mà vua xa đến Tây Vức, không tâm vớt kẻ đắm chìm, xa xem đến phương Đông, không ý đi tuần vỗ về. Làm Thánh vương là như vậy ư? Bèn khiến tâm nghi ngờ ức tiệu, mất trông mong của Thần nhân, chẳng biết có vua hay không vua ư? Khống Ngự Thiết Vi mà ba mươi hai tướng. Đạo đó hợp vậy ư, hay chẳng hợp vậy ư? Dốc lòng xa lắng đợi chờ nghe ý chỉ tốt lành.

Biện hoặc rằng: Phàm lấy câu mang làm chủ Xuân, chẳng thấy giáng ở mùa Đông mà phát sáng, Hy Hòa ngự giữa ngày, chưa từng trong đêm lắng buông cảnh. Nên như hoa chiếu diệu, đem sắp sao mà phân thời, gió lan phát thổi cùng với sương lạnh mà riêng khoảng. Lạnh ấm giúp phụ ấy vậy, tối sớm có khoảng vậy, mà vật đã tàn tạ, không thể lấy che tìm, thời chưa đến, không thể dùng dự thấy. Huống gì xa vời của xưa nay ư?

Phàm, Luân vương xuất hiện, bảy báu ứng đồ; mười thiện gieo hóa, ranh giới Thiết vi. Quân vương thiên hạ mà tỏa sáng vườn nhà là nơi kim luân vân du, trong thành lớn mà tiện lợi qua lại, ngàn ngựa cúi ách; từ không trung bày ra bày lại, bốn rồng giữ tạng từ trong đất mà nhảy vọt ra. Khi sắc ruộng báu đâu riêng khác lúc lạnh nóng, trụ ngọc tỏa sáng chẳng phân lúc sớm tối. Nhà cấp người đủ, tục phụ thời ung, dưới có biết ở trên, trên không việc ở dưới. Đến như mang dưỡng hình chất trắng lạ, bói năm cảnh lịch, ba mươi hai tướng chẳng riêng ở Nhật giác châu hành, tám mươi ngàn đâu gồm ở quỷ thần dụng hóa. Tuy cao vợi vậy, mênh mông vậy. Việc thạnh của Thánh vương, bởi đó là ngày của kiếp Tăng, rất chẳng phải buổi tuổi thọ giảm, tìm cầu xưa ở nay, nghe đó khó được (các pháp các kinh luận nói ba ngàn cõi nước đồng thời mà thành, thành rồi trụ, đồng thời mà hoại, hoại rồi không. Thành trú hoại không, mỗi mỗi có hai mươi kiếp, tuần hoàn như vậy, chung cùng mà trở lại từ đầu ở trong kiếp Trú. Từ Diêm-phù-đề con người có tuổi thọ vô lượng năm cho đến tám mươi ngàn (80.000) năm, trong thời gian đó có Chuyển luân vương ra đời. Nên luận Câu-xá nói: “Chuyển luân tám vạn năm xuất hiện”. Luận Tạp Tâm nói: “Ở kiếp Tăng, Luân vương xuất hiện” vậy). Nếu là Bảo Hy kết lưới, Hoàng đế rủ áo, Cộng Công loạn thường, Si Vưu làm hung bạo, đều trông mong xưa cổ chẳng phải đời dài lâu. Hình nay là khoảng thời gian ấy. Nên Hoàng vương nối gót chẳng gặp ngựa báu tuần thú. Cướp lớn bày vai không gặp lính thần chém giết. Từ Đường Ngu trở xuống chiếu theo đó mà có thể biết vậy.

Luận xét lại nói: Lúc Phật giảng nói kinh Pháp Hoa, Luân vương đến dự nghe.

Xin giải thích rằng: Trộm nghĩ, Thánh vương làm muôn vật thấy, chư Phật xuất hiện mười phương nhóm tụ. Vậy biến bốn binh hổ theo, Yên Phi Hoàng của cõi này, ngàn ông tiếp đi là Thánh đế của phương khác. Nên kinh ấy có bài kệ tụng rằng:

"Lại ngàn muôn ức nước,
Chuyển luân Thánh vương đến
Xin nguyên thủy yếu chung.
Mong được nghĩa ấy vậy".

Luận nghi lại nói: Lưỡng nghi mở cửa chở sách rõ ràng vậy. Chỉ nghe vòng ngọc dâng hiến ở phương Tây, đây thấy xe vàng chuyển đến phương Đông.

Xin giải thích rằng: Phàm phát khởi của chở sách vốn ở Thư Khế, Thư Khế làm ra nguồn gốc từ Dịch tượng. Nhân Tam tài mà họa vẽ Quái, dùng trùng hào mà trải sáu vị. Đượm trên ở trời, hậu Thánh lấy mà thành khuôn phép. Chim đi nơi đất, tiền triết đồ hình tượng để làm văn. Đó mới là Thư Khế, chẳng phải ở Hoàng Hùng, văn tự thành ở Thương Hiệt. Nên nói: "Dịch, từ thượng cổ gọi là Hy Hào". Sách ở đầu Thiên chẳng gì qua Nghiêu Điển. Sách vở xa gần hiển nhiên khá rõ, mà mới cho là văn của kinh sử rõ ràng việc mở cửa, lý chẳng như vậy. Nếu rộng tìm xét Đồ Điệp bên cạnh vẫn còn Tử Ký, thì nguyên thần là chỗ khế hợp của Cự Linh. Côn lăng là chỗ ở của Đại Đế. Hoa tư, Trụ châu, Y hy được đất đó, dung thành Tháo thượng phản phất đến đạo đó mà văn vật đếu khuyết chẳng luận. Thánh chính luận bàn sơ mà chẳng đủ, chỉ ngày tàn của Long sư trở xuống, kinh cáo đầy xe mà chưa khắp. Năm nhiều của Nhân Hoàng trở lên, Đồ thư vài quyển mà bèn hết. Lấy thời gian mà so sự việc nghĩa có thể thông ư? Nhưng mà xưa kia có Thánh vương xe vàng từng chuyển đến phương Đông đó, gần không Triết Hậu, vòng ngọc bèn đem dâng hiến ở phương Tây. Người theo thời mà hưng suy, vật theo người mà đi lại, lấy loại thuyền rỗng, khác ở trụ keo dán ấy vậy.

Hoặc có người nói: Nếu luân vương chỉ sinh ở thời người thọ tám mươi ngàn (80.000) năm. Cớ sao ngày Ngọc Hào ở nhà bảy báu đều đến, lúc Thiết luân trị vì vũ trụ chỉ trăm năm đã giảm?

Xin giải thích rằng: Có hóa mà làm điềm ứng tốt lành, có giả lấy làm tên gọi. Hóa mà làm điềm ứng tốt lành, Quân vương ở muôn nước; giả lấy làm tên gọi, chẳng trưng bày ở bảy báu. Nên Tiên nhân cùng chất nung nấu vàng, hẳn thành tôn quý của mười hiệu. Như Lai dự ghi trẻ con hiến dâng đất, chỉ làm vua đất được một phần. Còn việc của

Thiết luân vương, chưa nghe thực lục vậy. (Hoặc có người nói: Phật dự ghi làm Luân vương một trong bốn phần, nghĩa là Kim luân vương một trong bốn phần. Nếu vậy, Thiết luân có thể chẳng phải một Luân vương ư? Chỉ nói làm Thiết luân vương thì rõ vậy. Cớ sao phải nói một trong bốn phần ư? Phàm, Luân vương giáng hiện tốt lành bảy báu, thực hành pháp hóa mười thiện. Cớ sao mới đầu thực hành mười ác sau cùng không bảy báu ấy ư?).

Người nghi hoặc lại nói: Hoàng vương là do vì chỉnh trị người, người chẳng tự chỉnh trị nên lập chủ để chỉnh trị đó. Đến như mới đầu của hai mươi kiếp trú, tận cùng tám mươi ngàn (80.000) năm Tăng, tục thuần hóa mà có đạo, người chất phác mà không tranh. Đang thời kỳ ấy sao dùng Thánh vương ư?

Xin giải thích rằng: Ba cõi nhận chịu hình chất chẳng lìa vườn nhà khổ; mười sáu tình xúc đối cảnh, hẳn chịu ở lưới mê. Phải quấy nhân đó mà lẫn trái nhau, thiện ác vì vậy mà chống đối. Giả sử lên cao trên trời Hữu Đảnh nơi tam tai chẳng đến kịp, vắng lặng của trời Phi tưởng, tứ không là trên. Khổ uẩn còn bức bách đó, giả sử pháp còn vì rong ruổi, huống hồ người ở cõi Dục ư? Nếu nghe Thái cổ cho là tận cùng của vô vi, xưng toại lời nói mới đầu rốt ráo của Hữu đạo. Đó bởi say mê ở Đồng cốt đều vậy, sao biết diệu của Chân đế ư?

Sa-môn Thích Phục Lễ nói: Nói năng do vì phô bày ý, nhưng chẳng phải ý vậy. Dấu vết do vì làm rõ gốc, nhưng chẳng phải gốc vậy. Nên đức Đại Thánh rũ giáo, hoặc dấu vết cạn mà gốc sâu, hoặc làm trái mà ý hợp. Người chưa được môn ấy có thể không đường núi ư? Chỉ chẳng xa mà trở lại, đó là thiện vậy. Đàn-việt ngày trước tạo tác thuần nhân, phước phủ khắp xa mà sử dụng hằng ngày. Nay nhờ dị khí trinh khâm đẹp xinh mà nổi trội, đông nhiều tùng bách của Quân tử, lắng gương nước của nhân luân, văn trường rõ đẹp, xứng nhã luận cao tài ấy. Học bày anh hào hứa nghe nhiều nhớ kỹ đó. Sao đẹp ấy vậy. Đến như mở khóa sâu xa mà tham tầm, vạch Phương Hào mà thảo luận. Lý còn trái ngược ở được tượng, ngôn từ sắp giẫm trải đến chẳng phải Thánh. Nếu nghi ngờ mà nêu thuật ý, khác Tam tử mà nào hại thương. Nếu phỉ báng do vì ngang trái, chở một xe mà có thể quái lạ, nhưng kính tìm văn bút nêu lại nói: "Ngày trước mở xem kinh sách nhà Phật, bưng quyền dốc lòng chí thành". Ngôn ngữ ấy cẩn trọng chăng? Cũng rất ân cần vậy. May lắm, may lắm!

Bần đạo không ngần mé hình chất dư tàn, lạm nhiều năm tháng ở chốn Huyền môn, như sương mốc mùa xuân nhẹ đượm, học thẹn với rót

đổ vào bình, đồng như cảnh ngọn của ánh đóm mùa thu, nghiệp rơi rụng truyền đăng. Phàm vì nghe thực hành đến đó, là sở thích của Trọng Ni, lìa nơi rốt ráo vậy, chẳng phải có như đo hay đối đáp. Huống gì Diệu nghĩa Nhất thừa, lời huyền trong ba tạng ấy ư? Thỏ giẫm chưa đủ để cùng sau, ông vụt đâu mong ở Hóa lớn!

Bấy giờ là ngày mồng một tháng bảy năm Tân tỵ, tức là năm Vĩnh Long thứ hai (681) thời Tiền Đường vậy.

THƯ TRẢ LỜI CỦA QUYỀN VĂN HỌC

Đệ tử Quyền Vô Nhị kính gửi thư đến chùa Đại Hưng Thiện, đảnh lễ Pháp sư thị giả. Xưa trước, Bồ-tát hỏi Như Lai đoán định sinh mạng, vì Phật nhanh diệt độ mới mở miệng nói lời ấy. Đâu có người ở quả vị Thập địa đối với Thánh mà khởi ý phỉ báng. Chỉ vì Lý vốn sách ẩn, nghĩa ở móc sâu. Trước nêu đặt xét nghi ý cũng như vậy. Vả lại, Trọng Ni đức hạnh gần Thánh còn hỏi Lão Đam. Từ Thị tôn quý sắp làm Phật còn dò xét Sư Lợi. Huống gì xấu tệ của hàng Hạ ngu mở vạch văn của Thượng thánh, ngàn nhà muôn cửa, xúc chạm đường lắm lầm hoặc! Sở dĩ dốc hết can đảm phô bày mờ tối, rất mực chí thành cầu xin cao đức, bèn dẫn giá của ba xe, mở đường tám chánh, tiếp vết chân của Thần Phù, soi xét lỗ hỗn độn. Nghi ngờ suốt trăm năm, chỉ một sớm mai chóng dứt hết, mới đáng trọn tuân theo đường giác, mãi tỏ ngộ nguồn mê, đốt củi phiền não, ăn cơm Niết-bàn. Xin vâng phụng theo lời ấy để đến cùng năm tháng còn lại. Kính cẩn phát bày thước thư, dám tạ không sáng suốt.

Đệ tử Quyền Vô Nhị kính bái.

(TRỌN BỘ)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 193

LUẬN CHÂN CHÁNH

SỐ 2112
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2112

LUẬN CHÂN CHÁNH

Thời Tiền Đường, Sa-môn Huyền Nghi ở chùa Bạch Mã soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Công tử Trệ Tục hỏi tiên sinh Chân Chánh rằng: "Tôi lớn lên từ quê kệch điếc câm, tình chưa hiểu ở phương lớn, sinh ở cuối đời, tâm còn lầm mê với Lý thông. Từng rong ruổi trong thấy nghe, dùng dằng muốn đạp lên đường núi, trọn vẫn ngưng trệ mê lầm ở ngôn thuyết, ngưỡng tìm đường mà ngã vấp, tự ôm hoài lầm hoặc ấy đã thời gian lâu. Hy vọng có được chỉ Nam để thấu được phương Bắc vậy?"

Tiên sinh mới ẩn cơ mà đáp: "Tôi từ thuở nhỏ từng nghe Thi Lễ, lớn lên lại ưa thích phần tịch, đam mê tập học có mấy năm, tìm xem không nhọc mệt. Mọi biên nghi của giản sách, viết chép của văn tự, chính hóa của Đế vương, giáo môn của phàm tục, không gì chẳng mong nung đúc rõ rành, phải quấy biện lầm sai. Từ lâu tích chứa xét soi của Linh đài, hận không đo đấn khởi động tôi. Nay ông vặn hỏi nghi ngờ không mất lời nói vậy".

Công tử quỳ mà nói vậy: Phàm, sách của ký sự, sử của nhiều đời, thuật cặn bả của người xưa, thật là cừ lô của Tiên vương, đó mới là đàm nói của Mạt tục, sao đủ để luận bàn! Đến như Phật Thích-ca để lại khuôn phép, Pháp vương diễn giảng giáo hóa vượt hẳn chín phái mà riêng bước, trải cả muôn kiếp mà xem cao. Ngôn tượng chẳng thuyên vức lũy ấy, ngu trí không trông nhìn mầm điềm đó, rực rỡ như mười cảnh chiếu sáng giữa trời xanh, mênh mông tợ chín bể nổi trên biển biếc. Đó mới là Thánh chỉ xuất thế, chẳng phải một vài đàm nói của

hàng sĩ bộc. Phàm, lập giáo của đạo từ xưa lại vẫn còn, viện dẫn từ sách của Hoàng đế, cho đến Điển của Bá vương, cốt yếu của tu thân trị nước, công khó kéo dài mạng sống tuổi thọ, khuôn phép lắng lùi thanh hư, đức hạnh mềm mại điềm đạm, dụng của Từ kiệm giới cương, khả năng bẻ bén nhọn mở rối ren, thật có ích với phàm tình, hẳn không khuyết với thời đại chính cuộc nào. Từ gia đình đến hình luật nước, ước hẳn có nguyên do vậy.

Gần đây, từ thời nhà Ngô nhà Thục phân chia cương giới, nhà Tống nhà Tề nối tiếp trị vì, riêng lập Thiên Tôn, dùng làm giáo chủ. Căn cứ các kinh luận ấy biên ghi: "Thiên Tôn là Tông tượng của đạo pháp, ngôi vị cùng tột của Huyền môn, chỗ kính phụng của trời người, nên xưng gọi là Thiên Tôn. Nguồn gốc có trước tạo hóa, đứng đầu cả âm dương, sinh thành đất trời, dưỡng nuôi càn khôn, muôn vật nhờ đó mà lập hình, ba thứ ánh sáng bẩm thụ đó để thành tượng". Căn cứ sự nêu bày ấy thì Thiên Tôn là trước cả đất trời. Tiên sinh học hơn cả Bồng sơn, tài nghệ gồm cả Thạch thất, nói bàn gồm cả Nho sử, nhận biết rành rẽ sâu xa, gương sáng treo cao, hình vật đến soi hiện đó, Hồng Chung chờ đợi gióng dám ngoi lên hạ phong, xin phân quyết nghi ngờ sâu, ngõ hầu không mê lầm lại!"

Tiên sinh mới ngữa mặt lên trời mà than rằng: "Kẻ mê lầm như thế hẳn đông nhiều, nào chỉ riêng mình ông! Hãy ngồi xuống, tôi sẽ vì ông mà luận bàn đó.

Phàm, lập giáo của đạo phát xuất từ Hoàng đế cho đến thời Bá Dương, thật như điều ông nói. Còn về Thiên Tôn, hư vọng gì ư? Hư dối gì ư? Ông nên lắng nghe đó, tôi sẽ vì ông mà phân chiết biện rành. Phàm, ngoài vũ trụ chỗ ngôn từ bàn luận chẳng thể đến, người không thể biết được. Trong đất trời, nơi tai mắt ghé kịp, đều có thể nghiên tầm mà rõ ràng vậy.

Tôi mở xem sách sử, người xưa nêu bày dấu vết, giảng đọc biên ghi, mực bút lưu truyền đều thấy đó vậy. Nay sẽ vì ông mà căn cứ nơi sách sử, dựa vào Điển Ký mà nói đó. Căn cứ Chu Dịch Câu Mạng Quyết nói: "Trước lúc đất trời chưa phân, có Thái dịch, Thái sơ, Thái thủy, Thái tố và Thái cực, gọi đó là ngũ vận". Xin giải thích rằng: Khí tượng chưa phân thì gọi đó là Thái dịch; nguyên khí mới nẩy mầm gọi là Thái sơ; đầu mối của khí hình gọi là Thái thủy; hình biến có chất gọi là Thái tố; chất hình đã đầy đủ gọi là Thái cực. Năm thứ khí dẫn biến gọi là ngũ vận. Đó là nói về khí hình và chất đầy đủ mà chưa tương ly, đều gọi là Thái dịch, Thái tố v.v...

Lại căn cứ Dịch Vĩ Thông Quái nói: "Dịch có Thái dịch là sinh Lưỡng nghi, hơi khí trong sạch nhẹ nhàng nổi lên làm trời, hơi khí dơ đục nặng nề chìm xuống thành đất. Trời đất hòa hợp mà sinh ra người, đem người dự tham cùng đó, thì gọi đó là Tam tài". Lại căn cứ Dịch Tự Quái nói: "Có đất trời muôn vật, sau đó lập nên vua tôi, định chế lễ nghi của cha con, vợ chồng, già trẻ, tôn ty trên dưới riêng biệt". Trước Thái dịch, khí sắc chưa phân, hình tượng chưa hiển trước, tướng trạng lẫn lộn đắm chìm mờ mịt không hình trạng. Nhị nghi đã phán định, hình tướng đất trời đầy đủ, ba thứ ánh sáng đã rõ ràng, chất khí tượng hiện, âm dương giao hợp người mới sinh vậy. Từ đó về sau, Tam tài mới đầy đủ, đó đều là chỗ thuyên của thư ký như ngón tay trên bàn bày. Thiên Tôn nếu vốn không hình sắc tức cùng Thái dịch v.v... không khác, không được sinh trước ngũ vận. Nếu có hình sắc tức sinh tại trong Tam tài, không được trước Thái dịch. Vả lại, trước Thái cực không hình không tượng, Thiên Tôn chẳng nên có hình rõ ràng vậy. Nếu cùng đồng khí với Thái dịch, đến sau Thái cực cùng Tam tài đồng bẩm thọ hình mà sinh. Đó mới là chỗ sinh của âm dương đất trời, đâu có thể trước đất trời ư? Xin nghiên cứu lý ấy, hư thật rõ ràng, không đợi tìm xét nơi kinh sử'.

Công tử hoảng nhiên kinh sợ mà thưa: "Như lời đàm nói của tiên sinh thật là hư vọng, chỉ bởi tập tục chuyển dời lâu dài, xúc chạm đường, lắm rõ ràng, chỉ vì ngu không rõ, còn có lầm hoặc vậy. Lại xin nêu bày mối nghi ngờ, cúi mong chỉ bày dạy răn. Căn cứ các kinh Linh Bảo, v.v... của Đạo gia, không phải là không chứng cứ, đều là do Thiên Tôn giảng nói, pho bộ hiện còn đầy đủ. Nếu vốn không có Thiên Tôn, kinh giáo từ đâu mà có? Linh Bảo ghi chép sự tích rõ ràng. Kẻ hèn lại xin nêu bày, cầu mong một lần soi xét. Trong kinh nói: "Thiên Tôn ở núi Ngọc kinh tại Huyền đô trời Đại la, hoặc đi đến trong rừng xanh trống rỗng, hoặc ngồi dưới trại cây gỗ, ở trên Tam thạnh, gồm lớn hơn cả chín tiên, trăm linh chầu hội, muôn phẩm thềm cấp vời các thần biến kỳ dị". Nêu bày đủ trong kinh văn. Nếu không ảnh hưởng, sao có thể được như vậy, lắm nhiều nghe cao, mong tạm giải thích điều nghi!".

Tiên sinh mỉm cười mà bảo: "Ông sao ngưng trệ lầm hoặc quá lắm vậy? Tôi lại vì ông vạch bày xác quyết mà luận bàn, ông nên xét đỡ. Phàm ngôn từ không thể phát ra bừa bãi mà phải y cứ ở Lễ kinh; bút mực không thể biên ghi dối vọng, mọi sự phải tuân thao điển tịch. Vậy biết Lễ kinh không biên ghi thì đều chẳng phải đàm nói của Nhã chánh. Điển tịch không thuyên giải, đều là điều nói sai lầm hư dối. Sách vở có thể kiểm nghiệm, đen trắng khó dối lừa. Giáo khác phương

ngoài, tích khác trong vức. Khảo xét sử sách đó như hình tượng đến nơi gương sáng; tìm cầu ở Đế tải, như quyền hành xác chuẩn vật, tự không ôm hoài vì văn xưa cũ chưa dung. Từ đời Viêm Hoàng trở lại, thư ký mới dần, mãi đến đời Hoàng đế Thiếu Hạo, triều Chuyên Húc Đế Khô, Quân Đường Ngu Nghiêu Thuấn, Hậu Hạ Võ Ân Thang, Chu Võ Tần Dương đã gián, Hán Ngụy Tấn Tống trở về trước. Trên từ Thượng thư xa vời, Tả truyện Tư Mã đổi thay sử ký, sách của Hoàng Phủ Mật, Đế Vương Kỷ, Vĩ Diệu Đổng Kỷ, Dương Hoa Bùi Giới, nhiều đời tương thừa tiếp nối, niên đại rõ ràng. Lớn không gì chẳng biên ghi, nhỏ chẳng gì không viết chép. Đế của thuyền nhượng chiến tranh, Hoàng của Thuần kiêu bộ sậu, trưng bày của thần kỳ biến hiện, ứng của tai dị tốt lành, cảm thông của rồng phụng rùa rắn, tinh lình của cá miết Hủy Hổ. Cho đến cây đá kỳ quái, yêu quỷ ly mỵ, không gì chẳng biên ghi đầy đủ, sao riêng Thiên Tôn không rõ ràng việc ấy? Từ Thiên hoàng hậu vận, Đế nghiệp quyền hưng, cho đến Nhân hoàng niên đại lâu xa. Năm họ lấy đó làm tông bản, bảy mươi hai họ phái từ đó lưu xuất nhiều, đến có việc sào toại nhân, trải qua sáu kỷ chín mươi sáu đời, hơn một triệu tám mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi ngàn (1.082.760) năm, thời gian đó văn tự chưa sinh, tục còn thuần phác. Từ Thái Hoàng đến dòng họ Vô Hoài gồm mười sáu đời, cả thảy mười bảy ngàn sáu trăm tám mươi ba năm (17.683) năm số lịch ba kỷ bảy mươi hai thuyền. Từ dòng họ Viêm Đế Thần Nông cho đến con cháu Hoàng đế tiếp nối có mười tám đời, cả thảy một ngàn năm trăm ba mươi (1.530) năm, văn tự đã sinh dần có thể ghi rõ. Từ đó trở xuống, sử quan được thành lập, rõ ràng có thể xem thấy, đủ các phương sách. Nghĩa của Thiên Tôn vắng vẻ không nghe. Lấy đó mà suy, đủ để chứng minh là hư vọng, rõ ràng có thể nghiệm, nghi ngờ chỗ nào ư?"

Công tử nói: Tiên sinh biện luận như Huyền Hà, nhả ngôn từ liền chuỗi, vẻ sạch tâm linh, lắng tẩy tai mắt. Tự có thể giấu tiếng đều dứt, xét lý thông suốt sâu mầu, mà nghi trệ cao sâu, không gì chẳng ít lầm hoặc, lại nhàm chán nghe cao, có thẹn nơi sâm. Lại xin được rõ ràng đó, mong được tỏ bày lắm mờ tối. Căn cứ giáo tích của Đạo gia, nghĩa chỉ rất nhiều, danh số pháp môn, sự lý không ít. Kinh có ba mươi sáu bộ, tên bao gồm cả ba động. Chữ ngọc, sách vàng, hòm bạc, dao oách, bút tía, túi đảy chu, đầy đủ có phô bày, đâu phải toàn hư dối vậy?

Tiên sinh bảo: Ông mê mờ ở gốc lại lầm hoặc ở ngọn, tôi sẽ vì ông luận bàn đầy đủ, chọn lực một ít thì có thể tỏ ngộ. Đạo kinh đều suy do Thiên Tôn giảng nói. Chủ giảng nói vốn tự nương cậy hư trống,

giáo tích thành có được ư? Da đã không thực còn lông vảy sao bám víu? Tuy có ba mươi sáu bộ nhưng đều là ngụy thư. Nhọc xưng ba động đều chẳng thật lục. Chữ ngọc sách vàng, trong ngụy sinh ra ngụy. Hòm bạc, từng ngọc dao, trong hư tạo dựng nên hư, tên gọi của bút tích đã là kiểu từ mà vọng lập, thuyết của túi chu, cũng giả trang sức mà không đề, nói việc tợ mê hoặc vong tình, vỗ thật đủ làm hư vọng. Vả lại, kinh giáo của Đạo gia nói là Thiên Tôn thuyên giảng. Giáo chủ rốt cục chẳng còn có, rõ ràng kinh không chủ có thể nói. Kinh đã không chủ thì nên tự hiểu là đầu mối hư ngụy. Nhổ gốc bít nguồn, nào phải nhọc nói nhiều? Nay ông còn chưa tỏ ngộ, trọn đợi vạch chiết luận bàn đó.

Đạo kinh xưng là có ba mươi sáu bộ, nghĩa ấy có nguyên do, tên gọi ấy phát xuất từ kinh Phật, Đạo sĩ nhân đó mà sáng tác, hàng dong tục ngu tình dùng tăng thêm làm thắng. Vì kinh Phật có mười hai bộ loại, mới thêm hai mươi bộ, tổng hợp thành ba mươi sáu bộ. Thấy Phật giảng nói pháp, mắt tai v.v... sáu căn nhiễm trần nhân đó mà kết tội, bèn ở trên sáu căn mỗi căn lại mở sáu môn, sáu lần sáu là ba mươi sáu, nên nêu là ba mươi sáu. Xưng gọi tuy có tên đó mà trọn không có nghĩa đó. Trong mỗi bộ, sự lý trái bày, đó chẳng phải chỗ thuyên giảng của Thánh nhân, vọng tạo há có thể đều khít kín! Nên ba mươi sáu bộ ngụy vọng, có thể biết vậy.

Lại nữa, tên gọi của ba động lại phỏng theo ba tạng của kinh Phật. Ba động: Một là Động chân, hai là Động huyền và ba là Động thần. Đó gọi là ba động, động có nghĩa là thấu suốt sáng tỏ, tức nói tập học ba kinh ấy, sáng tỏ được đạo lý, nên gọi đó là ba động. Động chân là học Phật pháp kinh Đại thừa, thuyên giảng pháp, hiểu rõ thật tướng. Động huyền là giảng nói Lý nghĩa khế hợp chân. Động thần là các loại phù cấm chương tiếu. Nay khảo xét kinh văn ba động thì chỉ có Lão Tử hai quyển có phần nhỏ khế hợp với mục của Động huyền. Còn bộ Động chân tức là Linh bảo, kinh sớ đều là do đời gần đây, trong bốn triều đại Ngô, Tống, Tề, Lương, do các Đạo sĩ Cát Huyền, Tống Văn Minh, Lục Tu Tĩnh và Cố Hoan v.v... ngụy tạo, đều không điển thật. Còn một bộ Động thần là do Trương Đạo Lăng là người đất Thục ở cuối thời Hậu Hán tự nói là ở núi Nga my tu Đạo chứng quả, Lão Tử từ cung Tử vi giáng xuống trao cho Trương Đạo Lăng đảm nhậm làm Thiên sư và thuật phú cấm chương tiếu sai gọi quỷ thần. Trương Đạo Lăng mới tự ngụy tạo Đạo kinh vài trăm quyển. Trong kinh nói về Trương Đạo Lăng cùng với Thiên Tôn giảng nói kinh. Kinh văn phần nhiều nói: Thiên sư bảo Đạo Lăng rằng: "Sau khi vua Võ Đế (Tư của Viêm 250-290) thời Tây

Bình trị thời Đông Ngô rồi, kinh pháp của Đạo Lăng mới lưu truyền đến Giang tả". Tống Văn Minh v.v... mới ở trong các Ngụy kinh do Trương Đạo Lăng tạo ra mà sáng chế nghĩa sớ để giải thích đó, nhân đó lại tạo ngụy kinh để tăng thêm số lượng, tướng trạng giả ngụy của ba động đủ để có thể biết vậy.

Chữ ngọc Kinh vàng; trong kinh nói: "Thiên Tôn ở Ngọc Kinh Huyền Đô giảng nói kinh xong, các trời chân nhân bện ngọc làm chữ để biên tả văn ấy". Một thuyết khác lại nói, chữ ngọc là các trời viết tên, còn kinh vàng là khắc chạm vàng làm chữ. Nay các Đạo sĩ thọ pháp Chân Văn và từ Thượng Thanh ấy đều lấy chữ ngọc làm văn, chữ ấy tợ như tiểu triện lại chẳng phải tiểu triện. Đạo gia minh chân hành đạo, ở năm phương trong đàn tràng, một phương thiết đặt một chân văn, văn ấy viết làm chữ ngọc. Tống Văn Minh v.v... viết theo lối chữ Lệ để dịch đó. Căn cứ tướng trạng ấy của Tống Văn Minh càng rõ ràng là chữ hư ngụy. Nếu chữ ngọc vốn do các trời Chân nhân viết nên, thì Tống Văn Minh là Đạo sĩ sống trong đời gần đây, chẳng dự hội giảng pháp, lại không giao tiếp tương quan với các Chân nhân kết tập kinh, làm sao Tống Văn Minh biết được chữ ngọc mà dùng lối chữ Lệ để phiên dịch? Tức rõ ràng chữ ngọc do Tống Văn Minh làm ra cải đổi thể chữ Lệ và dối ngụy lập nên tên của chữ ngọc, do đó trở lại tự dùng lối chữ Lệ dịch chữ hư ngụy đó. Lấy đó mà xét nghiệm, rõ ràng biết được vậy.

Lại nói, hòm bạc từng ngọc dao thì, hòm là rương tráp đựng kinh, từng là tạng chứa dựng kinh. Ở đây nói kinh Thiên Tôn giảng nói trời người kính trọng nên dùng hòm bạc để chứa đựng cất giấu kỹ trong kho ngọc. Vì bạc và ngọc là quý nên dùng đó để chứa đựng kinh. Căn cứ hư từ đó đều là lừa dối. Chỉ thời đại của con người và ở Thiên cung, sự quý chuộng mỗi nơi có khác. Nếu dùng bạc ngọc của nhân gian làm vật trân quý ở Thiên cung, thì thanh sắc ở nhân gian có thể làm chỗ quý trọng cho chốn Thiên cung. Ngụy kinh vọng nói Bạc ngọc, sao là tài sắc chân thật, đối cảnh là đồng, đây kia có gì khác biệt, lập của cải phá sắc dáng, chưa biết nguyên do ấy thế nào?

Lại nói bút tía, túi chu. Đó lại hư ngụy, chỉ khởi xưng của bút phát xuất ở thời sáu nước, do Mông Điền người thời nhà Tần mới bắt đầu tạo bút. Từ thời nhà Tần trở về trước đều vót cây gỗ mà viết chép, hoặc gọi đó là Tạm, hoặc gọi đó là Trác, hoặc gọi đó là Cô, nguyên không gọi là bút. Há có Thiên Tôn đã xưng làm bút? Huống gì năm sắc chẳng phải thật, sáu trần đều hư giả. Mê lầm tâm chấp buộc vọng lấy làm sắc, ở nơi Hiền thánh vốn không thấy vậy, Tống Văn Minh v.v... lấy son tía là

chỗ quý trong thế tục dùng để trang sức tên của Thiêm Đề. Vả lại, Túi (Thao) vì phỏng theo sáu túi vọng trận hiệu Binh thư của Thái Công, là tên gọi khác của sách thế tục, mục khác của Binh chỉ, chẳng lìa cảnh trần lao, mới đắm chìm trong dòng sinh tử, nói sự tợ danh xưng tốt đẹp, xét Lý toàn là vết tích dối Ngụy".

Nghe Tiên sinh nói như thế, Công tử tâm mê mang, chỉ rối loạn, chẳng biết làm sao, mới nói với Tiên sinh rằng: "Cúi nghe lấm miệng vàng sáng, tích chứa hủy hoại tiêu cốt. Tiên sinh bàn luận đó, không là thật ư? Chưa giải được điều nghi, lại xin giải thích tiếp. Trong kinh nói: "Sắc mây ráng sáng kết tụ giữ hư không thành chữ, khói ùn sương móc nhỏ giọt kết khí thành văn, rộng rãi tám góc, chữ vuông một trượng". Linh bảo hiển bày rõ đủ, là chỗ lầm hoặc ư?"

Tiên sinh bảo: Người tình tệ chấp khó đổi thay, người tánh minh xác dễ tỏ ngộ. Phàm ông chìm đắm chết đi mà chẳng trở lại, chẳng tư duy mình lầm hoặc, lật lại chỗ thấy đặt để nghi ngờ. Ông xét nghe đó, tôi vì ông thuật, ý chỉ kinh ấy từ lâu đã rõ hiểu. Bởi mở đầu chân văn vốn là ngụy lạm, hiển bày Linh bảo là dấu vết hư vọng. Đã nói Thiên Tôn đầu mối ngậm một hơi khí, bao gồm mới đầu của Lưỡng nghi, sinh hóa vật tượng, mang dưỡng các hình. Nói kinh chẳng gá không nghe, tạo chữ nào suy hơi khí kết. Đó là do Tống Văn Minh ngụy tạo nhân văn, dối lập tướng trạng duyên khởi, mới nói Thiên Tôn cảm hơi khí của mây ráng tụ kết thành văn, chữ vuông một trượng, tức mong khác sách của phàm tục; rộng rủ tám góc, tức dùng khác thể của lối chữ Lệ chữ Triện. Nếu vậy thì chân văn ấy nên thấy ở Hạ phương đây để kỉnh ngộ phàm tục phải hiện bày tướng trạng Linh dị, còn Chân văn ấy nếu ở Thượng phương nơi Thiên Tôn Đô hóa, nào cần văn ấy rộng lớn, để bày dấu vết hư dối quái lạ? Nhọc trình bày luận của Hải Táo, thà tư duy hư vọng của Đa giác. Đó lại là dối ngụy vậy".

Công tử nói: "Văn của chữ ngọc kết hơi khí giữa hư không, đã nói là hư dối, thật như chỗ nói. Còn trời Đại La cảnh Huyền đô, ngọc kinh nhà tiên cửa vàng cung trời, rừng báu không thanh, cây linh trại mộc, Tam thanh thượng giới, cửu Tiên linh phủ, các hàng đạo tục đều thuyên giải, há đều chẳng thật ư?"

Khi ấy, Tiên sinh mỉm cười mà bảo: "Vừa muốn vì ông mà nói đó, ông quả có thấy hỏi, nay sẽ vì ông nêu bày đầy đủ hư vọng ấy. Xét Linh Bảo, kinh dối ngụy nói: "Có ba mươi hai tầng trời, trời đó từ dưới mà lên trùng điệp xếp đặt đó. Từ dưới thấp tầng thứ nhất là trời Thái Hoàng Hoàng Hoàng Hội, thứ hai là trời Thái Minh Ngọc Mạo, thứ ba

là trời Thanh Minh Hà Đồng, thứ tư là trời Huyền Thai Bình Dục, thứ năm là trời Nguyên Minh Văn cử, thứ sáu là trời Thượng Minh Thất Diệu, thứ bảy là trời Hư Vô Việt Hành, thứ tám là trời Thái Cực Mông Ế, thứ chín là trời Xích Minh Hòa Dương, thứ mười là trời Thượng Chân Huyền Minh, thứ mười một là trời Huy Minh Phong Phiêu, thứ mười hai là trời Trúc Lạc Hoàng Già, thứ mười ba là trời Hư Minh Đường Huy, thứ mười bốn là trời Quán Minh Đoan Tỉnh, thứ mười lăm là trời Huyền Minh Cung Khánh, thứ mười sáu là trời Thái Hoán Cực Dao, thứ mười bảy là trời Nguyên Tải Khổng Thăng, thứ mười tám là trời Thái An Hoàng Nhai, thứ mười chín là trời Hiển Định Cực Phong, thứ hai mươi là trời Thủy Hoàng Khảo Mang, thứ hai mươi mốt là trời Thái Hoàng Ông Trọng, thứ hai mươi hai là trời Nguyên Tư Giang Do, thứ hai mươi ba là trời Thượng Phác Nguyên Lạc, thứ hai mươi bốn là trời Vô Cực Đàm Thể, thứ hai mươi lăm là trời Hạo Đình Tiêu Độ, thứ hai mươi sáu là trời Uyên Thông Nguyên Động, thứ hai mươi bảy là trời Thái Văn Hàn Sủng, thứ hai mươi tám là trời Thái Tố Tú Lạc, thứ hai mươi chín là trời Thái Hư Vô Thượng, thứ ba mươi là trời Thái Thích Đằng Thắng, thứ ba mươi mốt là trời Long Biến Phạm Độ, thứ ba mươi hai là trời Thái cực Bình Dục".

Cẩn trọng xét về ba mươi hai tầng trời của Đạo gia, lược không có tên hiệu của Đại La, tức rõ ràng vốn không có trời Đại La. Đó lại là vọng tạo, thì ba mươi hai tầng trời ấy đều là ngụy lập. Cớ sao biết thế? Nay y cứ trời thứ hai mươi bốn tên Đàm Thệ, trời thứ ba mươi mốt tên là Phạm Độ, trộm tìm hai chữ Phạm Đàm, tại xứ này trước kia vốn không, Ngọc Thiên thuyết văn tự lâm tự đều trọn không chữ ấy. Hai chữ Đàm Phạm vốn rút từ kinh Phật, cùng người khác phiên dịch, hạng không thấy tạo dùng thuyên giải âm của Thiên Trúc, diễn thuật ý chỉ của Thích-ca, ở phương này trước vốn không chữ đó. Về sau, Cát Hồng đến trên kinh Phật ghi lục chữ Phạm, lực dạy răn dùng làm Tịnh Lục (đất sạch), pháp ngôn nhân đó chọn đưa vào Thiết vận. Nếu Thiên Tôn giảng nói kinh Linh Bảo v.v... trước khi Phật pháp lưu truyền đến phương Đông thì chữ ấy chưa tạo, cớ sao tên trời dự dùng? Còn nếu sau Phật pháp lưu truyền tức là trộm lấy kinh Phật, gần đây mới ngụy tạo, tiến lùi không bằng cứ. Dấu vết hư ngụy rõ bày, tên của Đại La, thật thuộc loại ấy, xét nghiệm một tiết đó, phô bày cả ba góc.

Lại nữa, Huyền Đô Tiên Cung, Ngọc Kinh Linh Trụ, căn cứ trong kinh nói: "Huyền Đô là tên cung ở trên núi Ngọc kinh, cửa vàng (kim khuyết) là tên cửa ở cung Huyền Đô". Tìm xét tông chỉ, hư vọng lại

rõ bày. Vả lại, Đạo pháp là giáo của phương này, Thiên Tôn là Thánh nhân ở cõi này, thuyên giảng giáo hóa chẳng ở ngoài phiên, ở chỉ hợp tại đất này. Từ theo văn tự trở lại, cảnh vức của Đế vương, trên từ đời Hiên Hoàng, dưới đến triều Cơ Chu, phía Đông chẳng vượt quá Thần hàn, phía Tây chưa qua Đại hạ, phía Nam mới tới Tượng quận, phía Bắc còn hạn cục ở Nhạn môn. Trong đó, rộng hẹp cơ thể biết, xa gần còn ở đó. Lại căn cứ Cửu Châu ký, Tứ Di truyện, Địa Lý Chí, Dư Địa Chí, Quát Địa Chí, cấp gia thư đều không thành lũy của Ngọc Kinh Huyền Đô. Không biết Thiên Tôn ở xứ nào mà giáo hóa. Nếu ở trên các cõi trời, thì trên trời và trong loài người cảnh giới toàn riêng biệt. Chẳng chỉ có dơ sạch có khác mà rõ ràng ngữ ngôn cũng chẳng đồng, đến như văn tự còn đẹp. Việc ấy cách biệt xa vời, chỉ có đất trời nhật nguyệt núi sông, vàng ngọc châu bối rừng chầm núi đá v.v..., đồng nghiệp cùng cảm, vọng tình khởi chấp có quý tiện sang hèn. Ở trên trời mới đầu không các việc ấy dùng theo nhân gian vọng chấp vàng ngọc trân quý, dùng nêu tên của Tiên đô Tiên khuyết, nhục gọi là Thánh nhân, nhận định chẳng đồng đó. Đó lại là hư dối vậy, chỉ có ngôn từ của Phương vức, tùy xứ mà cải cách, chỉ trong vòng muôn dặm âm chỉ còn chẳng thông, huống gì ở trên trời hẳn khác thanh vận.

Giả sử có Thiên Tôn thật ở trên núi Ngọc kinh giảng nói pháp, trọn nhờ người lưu truyền mới đến phương này, lại phải phiên dịch mới có thể lưu hành. Nghiệm xét thì không thấy có người truyền kinh, lại không chỗ phiên dịch. Giả sử lời kinh là âm từ của xứ này, hẳn phải đợi người truyện được đến nước này. Sau khi Thiên Tôn giảng nói kinh phải có môn nhân gom góp ghi, giáng từ trên trời truyền xuống đời dưới, phát cảnh ưu thắng của Huyền Đô, đến Thần châu của Xích huyện, thuyên giải Linh văn của ba mươi sáu bộ, diễn giảng khoa cách của mười hai phẩm. Việc của nhân gian thật là trang quán, cớ sao sử sách bỏ sót mà chẳng biên ghi? Phàm là hữu tình, biết đó không thể. Đó lại là hư vọng vậy.

Lại nữa, rừng không thanh, cây trại mộc, chỗ mà Tam nhã chẳng biên ghi, nơi Cửu khâu chưa rõ biết, dối bày Dị Danh, mong khác vật tục. Chỉ có kinh Linh Bảo nói, trọn không điển kỷ đáng y cứ, mọi sự đồng như soi xét hư không, ngôn từ tợ như bắt bóng. Đó lại là hư dối vậy. Lại nói, trời của Tam thanh, phủ của Cửu tiên, càng thêm dấu vết ngụy bày lại lấm Hư tông. Xét kinh Linh bảo nói tên trời Tam Thanh lại đồng như trước đã nói, trên dưới an đặt đó. Dưới gọi là Thượng Thanh, giữa gọi là Thái Thanh, trên gọi là Ngọc Thanh. Ba Thanh ấy là ba trời

dàn trải dưới trời Đại La mà trên ba mươi hai tầng trời.

Xin giải thích rằng: Trời Ngọc Thanh là nơi Thiên Tôn ở, trời Thái Thanh là nơi Đại Đạo Quân ở, trời Thượng Thanh là nơi Lão Tử ở. Căn cứ vào giáo mà suy tìm, lại thành hư ngụy. Kinh Linh Bảo xếp bày ba mươi hai tầng trời, ngôi vị của trời đã định trước. Nếu thêm ba Thanh và Đại La, thì có ba mươi sáu tầng trời, không hợp chỉ có ba mươi hai ngôi vị. Đó lại là không thể vậy. Nếu ba Thanh và Đại La là trong ba mươi hai tầng trời, thì ba Thanh và Đại La là biệt hiệu, thì xếp bày tên ba mươi hai tầng trời số mục hợp nêu. Còn tên của Biệt hiệu, kinh không xưng gọi riêng, rõ ràng chẳng phải số của ba mươi hai tầng trời. Đó lại là hư dối vậy. Lại kinh ấy xưng là do Thiên Tôn giảng nói. Chủ giảng nói nguyên từ hư cấu, nhọc có tên của Tam Thanh, vốn không Thiên Tôn đáng lập, cảnh của Ngọc Thanh lại là hư vọng luận bàn. Chỗ xưng gọi Đại Đạo Quân, thì Đạo là Lý của hư không, nghĩa là không có vật, Thái thượng Đạo Quân đâu đáng có hình tượng, lại không thể lập trời của Thái Thanh. Đó lại là hư dối vậy. Lão Quân rong xe đến Tây Vức, không nguyên do lên trời, dối nêu ngôi vuị của Thượng Thanh, sự việc đồng như thuyết buộc gió. Vài ba hư vọng, dấu vết ngụy bày càng rõ. Sở dĩ nói Cửu tiên, căn cứ trong kinh nói: "Tiên có chín đẳng, đẳng cấp sai giáng vì nêu ngôi vị ấy". Thiên Tôn nếu ở và lớn lên trong đó, chẳng vượt ngoài loại Thần tiên, trong truyện Thần tiên cớ sao không ghi chép? Giả sử như vậy là thật, tức chưa khỏi sinh tử, trọn sẽ bị kiếp lửa thiêu đốt. Chẳng vào ngôi vị chứng thánh, rốt cùng tướng trạng hư ngụy đó tức hạng ấy vậy".

Công tử nói: "Vườn biện luận tiên sinh mở rộng, ngôn từ tinh ba sáng ngời mời đầu lưỡi, suối ngôn từ trút đổ rót văn chảy xiết ở đầu mối nói bàn, như ánh sáng cảnh xuân chiếu tan băng tuyết, tợ gió thu vút thổi lá nguy ách. Biện luận tức là biện luận, nghi ngờ vẫn còn nghi ngờ. Căn cứ kinh Linh Bảo Độ Nhân nói: "Thiên Tôn ở chốn Bích lạc Không ca Đại phù lê trong cung trời Thủy Thanh". Đó tức là chỗ ở có chứng cứ, giảng nói pháp không nghi ngờ, trời Thủy Thanh hiển nhiên, cung Bích lạc rõ ràng. Không ca là nêu về cảnh xưng đó, còn Phù Lê là tên xứ ấy. Cớ sao cao luận đều bài bác, cho là hư ngụy?"

Tiên sinh mới vỗ tay cười lớn mà bảo Công tử rằng: "Nghe một biết mười, Nhan Hồi được xưng ở Khổng Phụ; sáng ba chiều bốn, Thư Công đêm phẫn hận đến Trang sinh. Ngày trước tôi lấy làm quái lạ mà nay tin đó vậy. Vả lại, trời Thủy Thanh cùng với Đại La nào khác? Hiệu Bích Lạc so với Thượng Thanh đâu khác? Trước đã xướng ngôn,

nay lại đặt để lầm hoặc. Căn cứ trong ba mươi hai tầng trời, không có danh xưng của Thủy Thanh, ngôi vị của Tam Thanh, không có cảnh của Phù Lê, đặt để ngôi vị sâm sai, thủy chung trái lầm, chỉ trên các đều là người trời. Trời trong cõi Dục, nam nữ sống xen tạp, tuy có việc dục nhưng nặng nhẹ chẳng đồng. Từ trời cõi Sắc trở lên không có nữ, chỉ riêng nam, tu nhân bốn vô lượng tâm mới cảm quả đó, đều không thật có đất đai, chỉ do các vật báu hợp thành. Nay nói đất đại Phù lê, sao xa vời gian dối, tướng trạng hư ngụy? Tham xét chiêm nghiệm có thể biết đó, từ tình ông mê hoặc, chẳng phải tôi biện giải sai lầm”.

■

LUẬN CHÂN CHÁNH

QUYỂN TRUNG

Công tử nói: "Trên trời không đất, thật cũng có đó. Nhưng do sức thần của Thiên Tôn thì không thể không có thật. Căn cứ kinh văn ấy nói thì lúc Thiên Tôn đang giảng kinh độ người, suốt bảy ngày bảy đêm, các trời nhật nguyệt, tuyền có ngọc hành đồng một lúc ngưng xoay chuyển, thần gió lắng yên, núi biển ẩn tàng mây, trời không nổi ngăn che, bốn thứ hơi khí sáng trong. Đó là do sức thần khiến nên, linh cảm của Thánh đức nên được nhật nguyệt ngưng cảnh để đừng xoay chuyển, gió mây gom ùn tỏa để lắng trong. Nếu không phải Đại thánh thì ai có thể khiến nên như vậy?

Tiên sinh bảo: "Không trời còn giả tạo trời, không đất còn có thể dựng đất, nhật nguyệt mặc tình theo ngọn bút vót đó, gió mây tùy chỉ huy đó. Xác thực mà luận bàn, đều không có các việc đó. Vả lại, Tuyền Cơ xoay chuyển, vàng hỗn ứng tượng, ba trăm sáu mươi lăm độ là một trong bốn phân độ, mười hai lần giao hội, ngày đêm một trăm khắc, xoay quanh ngầm chuyển, chẳng phải có ít ngừng, Xuân phân Thu phân, Đông chí Hạ chí, giả sử có dệt đầy, số lớn chẳng khuyết như vậy.

Nhật thực sai thời, hàng thứ mất độ, sử hẳn biên ghi đó, để chỉ bày việc trời. Chỉ Nhật độ hơi dài còn là cát ứng, còn ghi vào sử sách để chỉ bày cho tương lai, huống gì trời bảy ngày không xoay chuyển trải qua bảy trăm khắc. Từ lúc có đất trời đến nay chưa từng có điềm lớn như vậy. Tự gán hợp các riêng biệt trang sức sử từ sáng nơi giản điệp, điển tải không biên ghi, rõ ràng đều là hư ngụy vậy. Như nói Tuyền cơ nhật nguyệt gió mây núi sông v.v... đó đều là luận bàn trời ở trên trời, chẳng phải trời của trong nhân gian. Vả lại, các trời cõi trên đều không có nhật nguyệt, ánh sáng tự nhiên xa gần cùng ánh ngời, lấy hoa nở hoa tàn làm ngày đêm, chẳng tương đồng như ở cõi này, Tống Văn Minh v.v... chỉ thấy nhật nguyệt núi biển ở cõi này mà cho là trên các trời đồng như cảnh đây, cũng có các vật nhật nguyệt gió mây núi biển

v.v..., mà không biết rằng trên các trời vốn không những thứ ấy. Thánh giáo nói rõ ràng đầy đủ, đây có thể lược nêu bày hư vọng như vậy lại rõ ràng đó".

Công tử nói: "Trên trời không có nhật nguyệt v.v..., như tiên sinh đã biện giải đó. Đến như Thiên Tôn giảng nói kinh, lợi ích rộng lớn, trong kinh nói: "Thiên Tôn giảng nói kinh độ nhân, giảng một biến thì trong một nước kẻ nam người nữ mắc bệnh điếc đều được khai thông, giảng hai biến thì người mù được sáng mắt, giảng ba biến thì người câm có thể nói, giảng bốn biến thì người què có thể đi được. Đến đủ mười biến thì phụ nữ mang thai, chim thú mang thai, các loài đã sinh hay chưa sinh đều được sinh thành. Đất ngầm chứa phát tiết, vàng ngọc lộ bày hình, cốt khô sống lại đều dậy thành người". Lấy đó mà nói thì Thần công rất lớn vậy!

Tiên sinh bảo: "Tôi nghe đó. Có người ngủ nằm mộng, trong giấc mộng lại chiêm đoán mộng ấy, quả nhiên như vậy. Từ trước đến đây đã luận bàn đầy đủ, nhưng ông vẫn chấp chặt, nào khác chiêm đoán mộng ư? Tôi nói với ông trên trời và cảnh dưới hơn kém chẳng đồng, đâu có các thứ bệnh tật mù điếc câm què, cũng không mồ mả hài cốt dơ uế. Tuy có việc sống chết, nhưng đều chỉ là biến hóa, không có sinh của sản sinh, không có chết của thây chết. Nay kinh ấy nói Thiên Tôn ở trong trời Thủy Thanh giảng nói pháp, cho đến nói kẻ nam người nữ trong một nước v.v..., thì trên trời đâu có nước ư? Lại nói: Các thứ bệnh mù điếc v.v... Trên trời vốn không các bệnh ấy. Căn cứ kinh văn ấy, vốn chẳng theo mọi sự thiện ác trên trời, phát xuất từ ức đoán mà tạo kinh hư ngụy ấy. Đó là do theo đàm nói phù phiếm cạn hẹp, chẳng phải nhã luận của điển thật, tướng trạng hư ngụy ở đó lại rõ vậy".

Công tử nói: "Tiên sinh thuyên giải không gì chẳng hư ngụy, nhưng mà Đạo pháp lưu hành thời đã lâu ngày, giáo tích chẳng phải một, nghĩa lý lắm nhiều môn. Chỉ như nhân quả quả ba đời, nghiệp duyên trong lục đạo, địa ngục Thiên đường, tội phước báo ứng, rõ ràng không mờ tối, đâu nói trống không ư?"

Tiên sinh bảo: "Đó lại là hư ngụy vậy. Việc của Thiên Tôn, kinh của Linh Bảo, đầu đuôi hư ngụy, không thể làm chứng. Tông chỉ của Đạo gia đều chẳng vượt quá Lão kinh. Hơn nữa, có sách của Trang Chu, cũng chỉ góp nhặt từ cá luận khác, trọn không có thuyết của ba đời, cũng không văn nói nhân quả, chẳng rõ tông của Lục đạo, há thuật nghĩa của nghiệp duyên? Địa ngục Thiên đường, trọn không nơi biện giải, tội phước báo ứng, chẳng hiển bày nguyên do. Ngoài ra, các thứ

Tạp kinh đều do Lục Tu Tĩnh v.v... trộm lấy kinh Phật, dối vọng an đặt. Tuy có danh mục, nhưng rất không chỉ quy.

Tôi lại nêu bày riêng biệt mà luận bàn đó. Đạo gia xưng Thiên Tôn giảng nói kính ở đời Thượng Hoàng trước thời Nghiêu Thuấn. Thời đó thuần phong còn chất, tục xấu chưa nẩy mầm, con người không tâm kiểu vọng, thời ấy có hóa của vô vi. Lão Trang giảng nói kinh đáng cuối đời của Suy Chu, cuối thời Đế vương. Vua mờ tối ở trên, tôi làm loạn ở dưới, chinh phạt chẳng do Thiên tử, Lễ nhạc xuất phát từ chư hầu. Cậy lớn lấn nhỏ, ỷ mạnh đánh yếu, lòng người dối trá, tục biến nổi trôi. Nhân gì Thiên Tôn đang ở ngày thuần phác mới giảng nói Địa ngục Thiên đường, tội phước nhân quả, ứng báo nghiệp duyên trong lục đạo ba đời. Lão Tử đang ở thời xấu bạc, mới giảng nói nghĩa lý vô vi vô sự, điềm đạm thanh hư, mềm mại ít muốn. Sao sai lầm vậy ư? Lấy lý mà suy đó hư ngụy càng sai lầm vậy".

Công tử nói: "Thiên Tôn ở đời trước, tiên sinh chấp là hư ngụy, Tĩnh Tín ở sau đâu lại hư vọng ư? Xin chút ít rõ ràng đó, vô vi càng lãng. Căn cứ Đạo kinh nói: "Nhạc Tĩnh Tín xưa trước bẩm thụ tiên tài, sớm gieo gốc đức. Công mãn hạnh thành, Đạo chứng Thiên Tôn, hoằng dương giáo tích, diễn giảng kinh luận". Đâu phải đều là hư ngụy ư?"

Tiên sinh bảo: "Từ thời Thượng cổ vốn không, mà còn có thể ngụy tạo nguyên thủy; đời sau đồng hư ngụy, há chẳng hiểu giả lập Thiên Tôn? Công tử trước lầm hoặc ở gốc nay lại mê mờ ở ngọn, lừa dối nguồn ấy mà ngoi lên dòng ấy, sao có thể được ư? Đó đều do Tống Văn Minh v.v... làm nguyên thủy, lập Thiên Tôn, tự biết không chứng cứ. Vì thấy kinh Phật nói, Thích-ca vất bỏ ngôi vị của Trử Hậu xuất gia tu đạo chứng đắc quả Phật, bèn ngụy lập Nhạc Tĩnh Tín tu đạo chứng đắc Thiên Tôn, và gồm nói kinh giáo luận đủ các việc nhân quả v.v... rong ruổi dưới mặt nhật, trốn lánh bóng ảnh, lại cảm thấy tâm nhọc mệt muốn ẩn, mà rõ ràng dấu vết hư ngụy càng hiển bày. Chẳng chỉ ngoài không tục học, chẳng rõ biết dòng họ nhân do, mà trong cũng không trí biết, chẳng rõ dựng lập chủ hư ngụy. Vả lại, dòng họ Nhạc xuất phát từ Nhạc Chánh Tử Xuân, Tử Xuân làm quan trông coi nhạc ở thời nhà Ân, nhân làm quan nên bảo dòng tộc về sau làm dòng họ Nhạc. Năm tháng gần xa, kiểm nghiệm có thể biết vậy. Nếu Tĩnh Tín thật đắc Thiên Tôn ở cuối đời nhà Ân đầu đời nhà Chu, cớ sao Thượng sách nhà Chu đều chẳng biên ghi? Sử ký động kỷ cớ sao không viết chép? Lại xét cảnh vức của Tĩnh Tín hoằng hóa trọn không có cơ sở, phía Đông chỉ đến Nam Quật, phía Tây tận cùng Nguyệt thúy, phía Bắc chỉ tới Huyền

châu, phía Nam gần đến Đan phổ. Suy cứu về cảnh vức đều không nơi ở của Tĩnh Tín. Có thể gọi là nói Bế Lệ ở nơi sông dài, giảng nói đủ làm kinh sợ thấy nghe, máng hoa sen trên cây cao, bàn luận rất là ngoài lý. Tâm không ôm hoài cặp đàn, sao biết lấp vùi giếng đến chết".

Công tử nói: "Nguyên thủy là Pháp thân, Tĩnh Tín là báo quả, mà đều cho là giả ngụy không một chân thật, tồn tại ở Hạ ngu, không gì chẳng hai lầm hoặc. Trộm cậy vào sử sách, dám lập Thật tông, khinh nghịch cao hoài, cúi mong tha thứ".

Tiên sinh bảo: "Sao ông nói quá lắm vậy? Tôi thuở nhỏ đọc xem phần điển, lớn lên xét khảo danh lý, tuổi ngoài năm mươi nghiên tầm chẳng nhọc mệt. Bên cạnh đó lại trông xem giữa khoảng vũ trụ, than không gặp ngôn luận; cúi xem trên thời đại, hận bởi ít tri âm. Vừa rồi tôi cùng ông bàn luận, chưa lao theo hoài bảo. Nếu hay giả hư thành thật, biến ngụy làm chân, thì công đó sánh bằng công của tạo hóa, sức xa vượt sức của Đào Quân, mong một lần sạch tai, ông nói lời mỏng dạt vậy".

Công tử nói: "Tiên sinh đem Thiên Tôn vì sử sách không biên ghi, mà cho là hư vọng. Đối với kẻ hèn mọn cũng thật như vậy. Chỉ như kinh Linh Bảo, Điển ký biên ghi đầy đủ, há cũng hư ngụy ư? Căn cứ Ngô Sở Xuân Thu và cả sách của viết tuyệt đều nói: "Võ Thị Hồng Thủy đến núi Mục đức, thấy gặp Thần nhân bảo cùng Võ rằng: "Nhọc hình hài con, sai sử con phải lo lắng để trị Hồng Thủy, không là biếng lười ư?" Võ biết đó là Thần nhân, bèn kính bái cầu xin dạy răn. Thần nhân bảo: "Ta có năm phù Linh Bảo dùng để sai sử rắn rồng thủy báo, ông có thể thọ trì đó, không bao lâu sẽ thành đạt". Võ cúi đầu mà cầu xin. Nhân đó, Thần nhân trao cho mà răn dạy Võ rằng: "Sự việc hoàn tất có thể đem giấu kín ở núi Linh, chớ truyền cho người đời". Võ bèn sử dụng đó, công phu thành đạt lớn, sự việc hoàn tất mới đem cất giấu ở hang Động đình Bao sơn. Đến thời Ngô Vương Hạp Lư, có rồng oai trượng nhân đến nơi Bao sơn Động đình mà được năm phù đó, đem dâng hiến Ngô Vương. Hạp Lư Ngô Vương được đó chỉ bày hỏi các bề tôi nhưng không ai biết gì cả. Nghe nói có Khổng Khâu ở đất Lỗ là người khéo giỏi việc xưa, lắm chỗ đều xét xem, nên sai kẻ sứ đem năm phù đến hỏi Khổng Khâu rằng: "Ngô Vương nhàn cư, có chim sắc đỏ ngậm sách này đến nơi Ngô Vương, chẳng biết văn ấy nói gì nên sai bảo xa đến tìm hỏi". Khổng Khâu trông thấy đó mà trả lời với kẻ sứ rằng: "Khâu tôi nghe là Võ Thị Hồng Thủy đến núi Mục đức gặp được Thần linh trao cho năm phù Linh bảo, về sau cất giấu ở Bao sơn Động đình, Ngô Vương được

đây, không là đó ư? Còn việc chim sắc đỏ, thì Khâu tôi chưa rõ biết". Trước kia ở Giang tả có trẻ con đùa hát lời vè rằng: "Võ Thị Hồng Thủy được năm phù, đem cất giấu đó ở Bao sơn Động đình, hồ Rồng oai trượng nhân trộm sách, Võ được sách ta tan mất nước nhà". Sau đó nhà Ngô quả nhiên hoại diệt vậy. Đó tức là sự tích rõ ràng, sách sử biên ghi đầy đủ. Đó mà gọi là hư dối, nói sao điếm nhục vậy ư?"

Khi ấy tiên sinh thương cảm cười mà bảo công tử rằng: "Vừa rồi ông trút đổ ngôn từ của Hà Hán, phát ra tiếng vang vọng của sấm sét, có nghĩa là phóng túa biện luận chắc sạch, là bày biện đàm nói nhốm trắng. Lấy đó mà xét xem, nói rõ dễ dàng vậy. Vừa rồi cùng ông luận bàn về Linh Bảo là kinh hư ngụy, chưa từng nói đến Phù Linh Bảo là giả quấy. Nếu được dẫn nêu Phù để làm chứng kinh, cũng có thể như chỉ lửa làm nước. Huống gì Ngô Việt Xuân Thu, đời gần đây mới soạn, sách của Việt tuyệt, sửa chẳng còn xưa, giả sử đem lấy làm thật cũng chẳng được xếp bày kinh. Vả lại, Phù-đề là Linh Bảo, hiển bày Phù ấy có Linh, xét nghiệm có thể có bằng chứng, kham làm vật báu trọng. Đó là phô bày công năng của Phù, chẳng phải vẩy diệu tông của kinh, tự là sách của Quỷ thần, việc của thuật số, há dùng Phù của Trương Đạo Lăng mà vọng nói là do Lão Tử truyền trao? Mới đem bản Phù của Hạ Hậu Khắc làm Phù của Lão Tử, mong thành Linh Bảo, kinh thật sánh loại mà nói, đủ có thể biết đó. Vả lại, ba phần năm điển là việc của thời Đường Ngu trở về trước. Thuật Dịch sửa Thi, Khổng Khâu ở cơ triều mới soạn. Há đem Phần Điển đều cho là sánh tục? Chứng thật là do Tuyên Ni làm ra. Lấy đây mà dụ kia, rõ ràng có thể biết đó. Lại nữa, việc của Linh bảo có hai nghĩa đó. Nếu sách của Việt Tuyệt v.v... được tạo trước thời Tống Văn Minh, thì Tống Văn Minh v.v... lấy Phù đặt để danh mục của Linh Bảo dối ngụy ghi vào kinh đã ngụy tạo. Nếu có sau thời Tống Văn Minh thì hai sách ấy cũng đều hư ngụy, vọng bày đặt vết tích của năm phù, dùng để chứng minh đề kinh Linh Bảo, đem việc thêm vào đó, trước sau đều hư ngụy. Lại nói: "Ngô Vương có được Phù, bỗng chốc diệt mất nước nhà", thì đó là sách của hung yêu, há nói là giáo của từ bi? Chết thân mất nước, thật là do Phù của Linh Bảo. Phàm ông nhọc muốn khua sáng, há có thể lấp bít tai họa ấy ư? Trang sức ngôn từ sùng quý hư ngụy như được ngọc ly, nhưng xét cứu nguồn gốc mới thành mắt cá, điếm nhục của ngôn từ ấy trại lại thuộc về ông".

Công tử nói: "Linh Bảo là kinh giáo hư ngụy đã như chỗ nói, còn sách của Lão Tử há cũng gọi là hư ngụy? Đến như hóa Hồ thành Phật, sự tích hiển nhiên, trong truyện của Duẫn Hỷ nêu bày đủ thuyết ra ải,

biên ghi đầy đủ ở nguyên thủy nội truyện. Kinh Hóa Hồ đều có người biên thuật, chẳng phải không cớ thật".

Tiên sinh bảo: "Đó lại là hư ngụy ở Linh Bảo vậy, Lão Tử làm quan Trụ hạ Sử ở thời nhà Chu, sau bèn vượt lưu sa ở phương Tây, đến ải Hàm Cốc, vì Quan lệnh Duẫn Hỷ mà diễn giảng sách của Hoàng đế, thuật rộng văn ấy làm thành hai thiên Đạo Đức, phân hai quyển thượng hạ. Luận bàn về Đạo tu thân trị nước, răn cứng giữ mềm, bẻ bén nhọn mở rối ren, hành từ cung kiệm khiêm hạ, thành hơn năm ngàn ngôn từ. Duẫn Hỷ lại biến ghi ngôn chỉ của Lão Tử cùng mình đàm luận, làm thành Tây Thăng ký. Trong đó người sau lại thêm lời văn xen lạm nghĩa lý nhà Phật, đại khái là cùng Đạo kinh hơi đồng. Phần nhiều nói về việc thân người tâm tình tánh bẩm sinh, lý tu dưỡng, nguyên do của thọ yểu. Người sau lại cải đổi ký làm thành kinh. Chương đầu kinh ấy nói: "Lão Tử bảo Duẫn Hỷ rằng: "Tiên sinh xưa trước là thầy của tôi vậy. Lại là không tên, tôi nay lên đến cũng trở về một nguồn". Tham cứu nghiệm xét lời nói ấy đủ rõ Lão Tử biết có Thích-ca, do đó từ bỏ quan vị rảo tìm đến phương Tây. Nói "Lại là không tên", đó là lý của Niết-bàn, trở về một nguồn là xưng của không hai. Gốc của trang một là thể của Chân như vậy. Nói "thầy của tôi", tức Lão Tử sắp đến chỗ Đức Thích-ca rủ áo mà học đạo, nên xa tôn kính xưng gọi là Thầy. Lão Tử trong văn kinh Tây Thăng đã xưng gọi Phật là Thầy mình, cớ sao phiên chuyển nói là hóa Hồ làm Phật? Nếu Lão Tử vốn định đến Thiên Trúc hóa Hồ, trốn lánh nơi nào mà nói: "Nghe nói ở Trúc càn xưa trước có tiên sinh khéo vào vô vi". Nghĩa của hóa Hồ như vậy là hư ngụy. Chỉ trong văn đó đáng nên nói là Càn trúc. Càn nghĩa là Thiên. Nên hai quẻ của dịch dùng làm biểu tượng đất trời. Đủ biết Càn nghĩa là trời (Thiên) vậy. Người sau sao viết lầm lẫn chữ Thăng trúc ở trên chữ Càn, nên nói là Trúc càn. Lại xét, Tây phiên thông lãnh trở về hướng Tây đến tận Tây hải thì Đông, Tây, Nam, Bắc chỉ có năm Thiên, không có nước Trúc Càn, rõ ràng là đời sau truyền ghi sai lầm vậy. Lão Tử không vết tích hóa Hồ, rõ ràng có thể biết. Còn Duẫn Hỷ truyện, Lão Tử Xuất Tải ký và Nguyên Thủy Nội truyện, đều do các Đạo sĩ v.v... ở thời gần đây thấy Phật pháp hưng thạnh, người đời xem thường giáo điển của Đạo gia, nên mối ôm hoài đố kỵ mà ngụy tạo nên sách ấy, nói là Lão Tử hóa Hồ làm Phật. Nay căn cứ ngay văn Hóa Hồ đủ để rõ bày kinh vốn là hư ngụy.

Căn cứ sử ký và Tiền Hán thư, Tây Di truyện, các phiên bộ lạc tên gọi khác nhau. Trong một phiên lại phân nhiều bộ. Nước của Tây phiên

đều là đất ở, hiệu nước tên Phiên số đó rất nhiều, như Nguyệt Chi, Sơ Lặc, Toái Diệp, Thiết Lặc, Đại Hạ, Đại Uyển, Cư Diên, Hưu xà, Ba Tư, Thiên Trúc. Lược nêu số lớn, còn nhỏ nhiệm thì có lắm nhiều. Trong Thiên Trúc bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc và giữa phân chia làm năm nước. Quốc hiệu là Thiên Trúc, người gọi là Bà-la-môn, cách xa cảnh vức nước Hồ cả muôn dặm. Nếu Lão Tử thân gần hóa Bà-la-môn làm Phật, thì trong kinh không nên nói là hóa Hồ. Huống gì Thích-ca vốn là Thái tử nước trung Thiên Trúc, nguyên tự chưa lên ngôi vua, cớ sao trong kinh nói Phật là vua nước Hồ? Nghiệm xét, kinh văn ấy vài ba phen đều là hư vọng. Chỉ bởi do Tống Văn Minh v.v... thấy Phật pháp đến xứ này trăm họ đều quy y, bèn ngụy tạo kinh Hóa Hồ, nói Phật là do Lão Tử hóa làm, lừa dối mê hoặc các hàng dung tục, muốn khiến họ kính phụng. Lại nữa, Tống Văn Minh v.v... sống ở bến Trường giang, không am tường về Tây Vức, truyền nghe ở phương Tây là nước Hồ, mới nghi Phật cũng là Hồ. Lại nghe Phật thuộc chủng tộc làm vua, nên cho rằng Phật là Quốc vương. Trông ngóng phong mà ngụy tạo kinh luận ấy, nói việc Hóa Hồ, tên nước hiệu vua rất không tương đương, nào khác gan Sở mật Việt? Lấy kinh nghiệm nước, hư ngụy tự phân rành, chẳng đợi nói bàn, mới biện rành giả vọng".

Công tử nói: "Nếu vậy thì kinh ấy là hư ngụy, sao được nói Lão Tử vì vua Hồ và quần thần mà giảng nói các kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Quang Minh v.v... Các kinh ấy nay hiện thật, đâu nói là hư ngụy ư?"

Tiên sinh bảo: "Hóa Hồ là vọng nói, kinh ấy là hư ngụy, hẳn không còn phải nghi ngờ, sao ông tệ quá vậy? Vả lại, kinh Niết-bàn v.v... đều là do Phật giảng nói, mỗi mỗi tự có duyên khởi, luận bàn pháp tướng đầy đủ, thuyên giảng nhân quả cả ba đời, rành rẽ tội phước trong Lục đạo. Biện biệt nghiệp báo ứng, hiển bày lý chân như, ý chỉ chẳng luận Hóa Hồ, nào liên quan đến chỗ giảng nói của Lão Tử? Tống Văn Minh v.v... từ trước chưa trộm Phật pháp cho rằng như nghĩa thú của Đạo kinh, vọng nói là Lão Tử giảng nói. Suy tầm đến gốc tích sao nhảy cuồng quá lắm. Phàm chỗ thuật làm phải uốn theo giềng mối, nên ở song lâm Đức Phật thị hiện diệt độ, Tam Tạng mở tông kết tập, hai gian mộng điện, mười triết soạn luận kỷ ngôn. Có văn Bắt Khương, Nghĩa Minh Di biên ghi phô bày, Mã Thiên xuống ngục, sách Thái sử mới trước thuật, đều có nguyên do, không phải chẳng bày rõ. Bọn Lục Tu Tĩnh v.v... là hạng dong ngu ở Giang tả vốn tích chứa tà kiến, không biết tâm nắn thẳng đâu tỏ ngộ dấu vết hư dối.

Căn cứ Tiền Hán thư nói. Trong niên hiệu Nguyên Thú (122-116 trước Tây lịch) thời Tây Hán, vua Võ Đế (Lưu Triệt 140-86 trước Tây lịch) sai Hoắc trừ bệnh đánh dẹp Hung nô, đến Cao lan qua Cư diên chém đầu Đại Hoạch. Vua Côn Da giết vua Hưu Xà, dẫn đem binh lính có năm mươi ngàn (50.000) đến hàng, được người vàng. Vua cho đó là Thần nên tôn trí ở cung Cam tuyền. Đến mở Tây Vức, sai Trương Khiên đi sứ Đại Hạ, trở về nói bên đó có nước Thân Độc. Thân Độc là tên Thiên Trúc, mới đầu nghe có giáo pháp của Phù Đồ. Đến năm Nguyên Thọ thứ nhất (hai trước Tây lịch) đời vua Ai Đế (Lưu Hàn) thời Tây Hán, Bác sĩ Cảnh Hiến nhận vua nước Đại Nguyệt chi sai miệng đọc truyền kinh của Phù Đồ, đó đều là Phật pháp dần lưu truyền đến phương Đông. Nhân gì chẳng nói việc Lão Tử hóa Hồ? Nếu hóa Hồ không hư dối, sử sách tự nhiên đáng nên ghi lục. Thật vì vốn không việc đó, tướng trạng hư ngụy không thể vọng biên ghi".

Công tử nói: "Kinh Hóa Hồ, tiên sinh gọi là hư ngụy, cớ sao trong thời nhà Đường, Đạo sĩ Duẫn Văn Tháo ở Đạo Quán Thiên Hạo vâng phụng sắc chiếu tu chỉnh Thánh kỷ của Lão Tử. Dẫn nêu các kinh truyện Hóa Hồ v.v... nói: "Lão Tử hóa thân cưỡi voi trắng sáu ngà từ trong mặt nhật giáng xuống cung vua Tịnh Phạn, vào trong bào thai phu nhân Ma-da, sinh ra mà làm Phật". Căn cứ điều nói đó thì Phật tức là Lão Tử ứng thân, sao phòng ngại thật nói kinh vậy?"

Bất chợt tiên sinh thở ra giây lâu mà than rằng: "Sai lầm của lời nói ấy, khiến ông mê hoặc vậy! Chỉ Lão Tử ngay ngày qua ải, tự nói: "Trúc Càn xưa trước có tiên sinh", mới sắp vất bỏ đẩy kim hà cứng chắc, tinh ngọc bít lấp, trải qua sa thạc, đạp giẫm núi sông, trăm nhà quên nhọc mệt, nhất tâm phỏng hỏi đạo. Xa kính mộ Thánh đức, nên tên xưng là thầy. Nay trong kinh Hóa Hồ nói tự thân làm Phật, trước sau sai trái, tôi biết theo ai? Nghiệm xét, chương đầu của Tây Thăng thuộc loại câu cuối của Hóa Hồ, kia bàn đây nói thủy chung sâm sai, bởi vì hư cấu, lắm ngôn từ lầm sai.

Vả lại, việc đến Trúc Càn của Lão Đam là do mến mộ thạnh đức của Thích-ca, căn cứ đó thì Phật sinh đã lâu, tiếng tăm vang vọng khắp cùng xa đến Đông Chu. Lão Đam mến mộ nghĩa, khâm chuộng phong hóa nên đánh xe đi đến Tây đô. Nay lại nói sau khi đến đó thân mới vào thai, hư ngụy ngay trước mắt, há phiền phải nói bàn, làm hư ngụy, tâm khổ nhọc theo vết bày rõ. Đã nói cưỡi voi vào thai, biến thân làm Phật, cớ sao lại nói Lão Tử hóa Hồ? Phải chăng việc Lão Tử vào thai là không hư dối, giáng là sinh có thật? Thân Lão Tử đã làm Phật, sai bảo

ai cùng giáo hóa? Tức là Bá Dương tự sinh làm Phật đâu liên quan gì đến Bá Dương hóa Hồ thành Phật. Xét chuyện Hóa Hồ và vào thai đó cả hai đều là nói hư dối. Việc của kinh đều đồng một loại hư ngụy. Giả sử Lão Tử thật vào thai mẹ thọ sinh làm Phật, thì Phật là Ứng thân của Lão Tử, tức là Tông tổ của Đạo môn. Vậy các Đạo sĩ v.v... tự nên cắt tóc nhuộm áo, nên theo các Sa-môn, biến đổi tiếng chim kêu nơi vang vọng dơ uế, thay đổi cách nhìn lang sói ở tà tâm. Sao trái lại, khinh hủy Thánh văn của Ngũ thừa, ca ngợi bỉ giáo của Tam Trương, giẫm đạp đường mê mà què chân, bước vào biển dục mà chìm thuyền, chẳng trở lại gốc để về tông? Đáng là hư ngụy của kinh ấy vậy".

Công tử nói: "Đó lại nói là hư ngụy, kẻ hèn biết nói sao đây? Chỉ bởi nền tảng dấy khởi của đạo pháp từ xa xưa, giáo môn rộng xa, tông trí sâu mầu. Đàm vịnh đó lắm văn, quy hướng đó Tam bảo, Chánh chân đại đạo Vô thượng phước điền, tu mà hành đó đều được lợi ích. Hoặc khống chế chim loan xanh ở thượng Hán, hoặc giá cưỡi hạc trắng để bay lên trời. Ngự hơi khí biện để tuyên rao đi, đạp lưới mâu mà bay bước. Đó đều là chỗ biên ghi của sử truyện, ông tôi sao có thể cật nạn ư?"

Tiên sinh thông dong mà đáp rằng: "Vừa rồi ông nêu lập đều là xả bỏ thật để nương cậy hư, cũng là trái với Chánh mà nâng đỡ ngụy. Tôi cho rằng, ông biết mê lầm trước mà tỏ ngộ sau, biết nay phải mà trước kia quấy. Trái lại, bưng ánh sáng đom đóm mà sánh với mặt nhật, đánh ngựa què để muốn ngang bằng ngựa giỏi, dùng đó để bàn nghị, sao chẳng lường sức ấy ư? Vả lại, Đạo lập giáo thật cũng có lắm đường, vốn từ một khí phái thành muôn vựng. Ông nói xa xưa, đó thật chẳng hư đàm. Từ tượng Nhị nghi hiển trước, vị Tam Tài thành hình, đồng bẩm một đạo hư mà hay thông. Biện giải đó ở nơi con người, ngoài con người không có đạo. Dùng đó thì hiện, bỏ đó thì ẩn, khế hội lý ấy, gọi đó là đắc đạo. Người có khả năng hiểu đó tức khỏi mắc tai ương, thuận sinh mà thọ, giả sử trái với lý ấy hẳn mắc phải lỗi ương, nghịch sanh mà yểu. Nên Lão Tử nói: "Ngoài thân ấy mà thân tồn tại". Trang Tử nói: "Sát sinh mà chẳng chết". Đó tức là thuận sinh. Lão Tử nói: "Sở dĩ tôi có hoạn lớn vì tôi có thân". Trang Tử nói: "Dưỡng sinh mà chẳng sống". Đó tức là nghịch sinh. Ngoài thân tức là chẳng tự quý có thân mình, chẳng lấn hiếp người khinh ngạo vật, chẳng tham thanh sắc. Ta và người đều đượm pháp vị bình đẳng, đông nhiều cùng suy kính, khỏi các hoạn nạn trọn được hưởng thọ. Đó tức là sát sinh mà chẳng chết. Có thân tức là tự quý có thân mình, lấn hiếp người khinh ngạo vật, tham thanh sắc tài lợi để cung phụng thân ấy, sinh ích lợi cho sự sống ấy là

chỗ tổn hại của vật, thân phải chịu bẻ nhục, mắc phải họa hoạn, chết yểu tuổi trời. Đó tức là dưỡng sinh mà chẳng sống vậy. Đó là nhân hạnh mà luận đạo, còn nếu lấy nước nhà mà luận bàn, thì Quân vương bỏ xa xỉ, lắng đọng thanh sắc, thấp kém cung thất, mỏng manh phú kiệm, bớt bắt làm việc, khuyên mở nông tạng. Vua trên rủ khoanh mà khỏi, tôi dưới vỗ bụng mà vui, trên dưới cùng an thái, gió mưa đúng mùa, nhật nguyệt tỏa sáng, lịch vận dài xa. Đó là ngoài thân ấy mà thân tồn tại, tức là Nghiêu Thuấn vậy.

Còn như Quân chủ xa xỉ kiêu thái, trang sức cung thất cao quý, đam mê mến thích Thanh sắc, sai sử thâu thuế nhiều nặng, nhụm đầu cờ bài, nhọc khổ sinh nhân, pháp lệnh bày chương, giết hại người không tội, gió mưa trái mùa, muôn sao mất độ. Vua mờ tối ở trên, tôi nhiễu loạn ở dưới, giặc cướp dấy nổi, tông xã nghiêng đổ diệt mất. Đó là có thân, tức như Kiệt Trụ vậy. Tu sửa đó ở hạnh, thì gọi đó là Thân đạo, thực hành đó ở nước nhà thì gọi là là Hóa đạo.

Nên Khổng An Quốc nói: "Sách của Phục Hy, Thần Nông, Hoàng đế, gọi đó là Tam phần, nói đó là đại đạo. Sách của Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Dương, Đường Ngu, gọi đó là Ngũ Điển, nói đó là Đế Đạo". Nên Lão Kinh nói: "Đạo có thể nói chẳng phải đạo thường", tức nói đó vậy. Vua hay hiểu đạo vô vi thì thời ung tục thái. Người hay hiểu đạo vô vi thì toàn sống bảo thọ. Thọ có ba bậc: Thượng thọ là một trăm hai mươi năm; Trung thọ là một trăm năm; Hạ thọ là tám mươi năm. Chỗ gọi là không chết tức trọn đủ ba thọ ấy, chẳng là chết yểu. Ông nói Đàm Vịnh Trọng Huyền, tức Lão kinh nói: "Huyền đó lại Huyền". Đó rõ xét diệu, hai quán đồng ra vọng của một tâm, thấy đây thấy kia tâm biết biện sinh, suy tầm tâm biết biện, trọn không đích chủ, việc ấy mù mờ chưa thể rõ biết, nên nói là Huyền vậy. Huyền là xưng của sâu xa mờ mịt. Lại nữa, huyền tức lý của mù mờ ấy cũng không thể được, mà lại mù mờ soi xét, nên nói là "Lại huyền". Đó là Lão Tử không có tuệ tâm thanh trí, chẳng thể soi xét sâu xa thấu đạt tinh vi, nên đặt để nghi ấy vậy.

Ông nói: "Quy y Tam bảo", thì Đạo gia kinh điển hư ngụy không có nghĩa của Tam bảo. Chỉ trong kinh văn Lão Tử có Tam bảo. Kinh nói: "Ta có ba báu (Tam bảo), quý báu mà gìn giữ đó: Một là từ, hai là kiệm, ba là chẳng dám trước thiên hạ". Ở đó ý nói "Từ" tức là lý từ bi mẫn niệm, "Kiệm" nghĩa là liêm thứ không tham; "chẳng dám làm trước thiên hạ" là hạnh nhường lùi thấp kính. Với ba báu ấy, nương tựa mà thực hành đó thật cũng có lợi ích với hạnh. Đó là Đạo Nhân thứ

liêm nhượng, đức khiêm quang tế vật. Quy y với ba bảo ấy thật là người thiện ở trong loài người, nhưng trọn không lý của nhân quả nghiệp báo. Đạo gia mỗi sớm mai kính lễ Tam bảo đó, không biết có công đức gì. Lại nói: "Chánh chân đại đạo, chánh nghĩa là không thiên lệch, chân là tướng trạng chẳng phải giả". Đại là tên của rộng lớn. Đạo là lý hư thông. Nói hành đạo ấy, chánh mà không thiên, chân mà không giả, lớn mà hay rộng, suy mà nghiệm đó, đều là giả hiệu. Đạo là thông lý, vốn không thức tánh, do người thực hành đó có thể thiên có thể chánh, nên nói đạo có thể tả có thể hữu. Rõ ràng không cố định là chánh, tướng trang của chân hay giả, do người đặt để đó, chứ ở ngay trong lý nào có chân có giả. Đó là chẳng phải chân vậy, tướng của rộng hẹp, buộc nó tại tâm, ngoài tâm không đạo. Lại không đại (lớn) vậy. Nên nói: "Đạo đại, Trời đại, Đất đại, Vua đại. Trong vức có bốn đại, mà vua ở thứ nhất". Vức nghĩa là giới vức, tức là cảnh của con người dừng ở. Đạo không chất cố định, nhân người hành mà hiển bày chẳng vượt ngoài cảnh người, nên cùng trời, đất và người Tam Tài ngang bằng lớn nhỏ đó, xoay quanh trong vức sinh tử, đàn hồi trong vòng Thế đế. Vọng xưng gọi là chân chánh, hư dối nói là đại đạo. Có tên không thật, sao sai lầm ấy ư? Lại nói: "Vô thượng phước điền". Phàm, đạo dùng xả do người không khác biệt, chủ tể chu toàn, chẳng vượt cảnh người, sao có khả năng của Vô thượng? Lại nữa, danh từ phước điền, sách Đạo không ghi chép, vốn rút từ sách Phật, trộm mà ngụy đặt. Đạo có phóng túa tu hành cũng chẳng lìa sinh tử, cưỡi hạc bay lên trời, trong năm ngàn (5.000) ngôn từ nguyên không có thuyết ấy. Khống ngự chim loan thượng Hán, trong bảy thiên nào có lời giẫm qua. Đó là rút từ trong truyện Thần Tiên, đâu liên quan gì ý chỉ của Lão Trang? Chỉ Tiên do sức của chi truật, gồm nhờ công của Đan dịch, chẳng phải là huân tu, nào liên quan đến Đạo. Vả lại, truyện Thần Tiên phần nhiều xen tạp hư dối.

Như Hoài Nam Vương An ở thời nhà Hán, bị phạm pháp hạ ngục mà tự giết, mà trong truyện Thần Tiên nói là được thuật của tám ông, giữa ban ngày bay lên trời. Lại như, Kê Thúc ở thời nhà Tấn, ban đêm bị chung hội sàm tấu nên bị chém chết tại chợ Đô, mà truyện Thần Tiên nói là được Tiên. Hán thư Tấn thư đều có nêu bày loại truyện Thần Tiên, tức là hạng ấy vậy. Chẳng đủ để tin cậy.

Lại nữa, ông nói ngự biện khí để tuyên bày đi, ở thiên Tiêu Dao của Trang Chu, phá tình của Kiện Khương, dẹp thuật của Thần Tiên. Tuy nói Liệt Tử cưỡi gió, không gió thì dừng, chẳng thể không đợi, huống gì là rồng phụng ư? Tự chẳng nương chánh của đất trời, ngự biện

của sáu khí, mới đầu không chờ đợi. Đó là ngụ ngôn của Trang Chu, giả mượn mà nói dùng chấm dứt tâm mong cầu, chẳng phải thật có vậy. Đạp lưới mây, trong Linh Bảo Ngọc Kinh Sơn Ngụy Kinh Bộ Hư Từ nói: "Toàn đi đạp lưới mây, cưỡi hư bước huyền kỷ". Đó là do Trương Đạo Lăng, Lục Tu Tĩnh v.v... ngụy tạo nói rằng, Thiên Tôn ở tại Huyền đô núi Ngọc kinh giảng nói pháp xong, các trời Chân nhân vây quanh Thiên Tôn, đạp trên ráng mây tán vịnh mà đi, gọi đó là bộ hư (bước đi giữa hư không). Đó là kinh dối ngụy, trước đã phá xong, sao lược dẫn ngụy trở lại xác chứng cho ngụy ư?"

Công tử lại nói: "Đó hư ngụy, dám chẳng vâng mạng. Nếu căn cứ kinh thật để xác chứng, tiên sinh có hứa chăng?"

Tiên sinh bảo: "Sao chẳng hứa ư?"

Công tử nói: "Trong kinh Tây Thăng, Lão Tử giảng nói chẳng đồng, Linh Bảo Thiên Tôn hư ngụy cùng kinh Phật, sự tích cũng có phần xen lẫn. Lão Tử nói: "Học đạo thành Thánh chứa hạnh khó khổ". Nên nói: "Cần thì trải đến kiếp sau, tự tư duy rất khổ cần". Đó là luận bàn đầy đủ về việc kiếp số, sao có thể khác ư?"

Tiên sinh bảo: "Tây Thăng ký, thật là do Lão Tử giảng nói, người sau thêm vào việc kiếp, xen tạp trong văn ấy. Căn cứ hai thiên Đạo Đức của Lão Tử, vốn không yếu chỉ về kiếp số. Nhân gì trong Tây Thăng ký có tên của kiếp số? Lại nữa, sách sử xứ này đều không nói việc kiếp số, điều nói của Đạo gia cùng thế tục hơi tương đồng. Đều nói trước lúc trời đất chưa phân, hỗn độn không hình, sau khi Nhị nghi đã khai mở, vật tượng mới hiển trước, vốn không nghĩa của kiếp hoại kiếp thành. Vả lại, Phật pháp trước lúc chưa truyền đến Đông Hạ, xứ này chỉ có việc của kiếp giết, kiếp giặc, chứ không có văn từ nói kiếp số kiếp thạch. Tây Thăng ký bàn luận về kiếp, sau khi kinh Phật lưu truyền đến đây, các Đạo sĩ v.v... trộm lấy việc kiếp trong kinh Phật để thêm vào trong Tây Thăng ký, văn muốn xen loạn chữ kiếp nhà Phật để thay thuyết hỗn độn. Căn cứ Đạo Đức kinh nói: "Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh muôn vật". Đó là Lão Tử nói. Mới đầu trời đất mở hé, lúc đầu muôn vật hiển hình, nên nói Đạo sinh nguyên khí, nguyên khí sinh trời đất, trời đất sinh người và âm dương, âm dương sinh ra muôn vật. Đó là một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh muôn vật, thì cùng chỗ nói trong sách tục, đại khái tương đồng. Lão Tử nếu biết nhân của kiếp sơ, cớ sao chẳng nói kiếp hoại trước mà kiếp này sinh, mà nói Đạo sinh một? Lấy đó chứng nghiệm thì đây rõ ràng là xen lẫn chữ kiếp trong nhà Phật chẳng lầm hoặc vậy. Đến như Linh Bảo kinh hư ngụy cũng luận đủ về

việc kiếp, đều là do Lục Tu Tĩnh v.v... trộm biên ghi kinh Phật pháp để tăng thêm số ấy. Đó cũng có thể biết vậy".

Công tử nói: Tây Thăng luận bàn về kiếp, ông cho là điều nói của người sau thêm vào. Còn như nhân quả tội phước, tu thiện trừ tai, đâu không có việc ấy? Đến như hành đạo thiết trai, oai nghi chỉnh túc thì có Tam lục cầu thỉnh, Tam nguyên đại biến, tiếp đến thì minh chân đồ thán Linh Bảo tự nhiên, khoa nghi nghiêm mật, chẳng rơi vào Phật giáo, muốn lấy làm quấy, há có thể lìa khỏi?"

Tiên sinh bảo: "Đạo gia nói nhân quả, Lão Tử không thuyên giải, mà chỉ thấy nói ở kinh Hư Ngụy, trong bộ Linh Bảo. Sự việc chẳng phải trong sách Đạo, mà vết tích ở nơi kinh Phật, Lục Tu Tĩnh, Tống Văn Minh ngầm trộm lấy trước để biện bày đầy đủ, không đợi phải nói lại. Còn chỉ như Tam lục minh chân, Tam nguyên đồ thán, Trai pháp tự nhiên đều rút từ văn của Linh Bảo, vốn chẳng phải giáo của Lão Trang, do Tống Văn Minh, Lục Tu Tĩnh v.v... tạo nên. Việc đó đều là hư dối chỉnh tu, tướng trạng dấu vết hiển bày trước, chẳng phiền phải giải thích lại. Chỉ bởi ông quá lầm hoặc, phải phá tích chứa nghi ngờ. Căn cứ trai nghi trong Linh Bảo kinh Hư Ngụy nói: Tam lục: Một là ngọc lục, hai là Kim lục, ba là Hoàng lục. Ngọc lục là Thiên tử tu đó, Kim lục là Vương công tu đó, Hoàng lục là thứ nhân tu đó. Hoặc kính bái nhật nguyệt tinh linh, hoặc kính bái muôn sao khí tượng, hoặc kính bái ngũ nhạc tiên cung, hoặc kính bái thủy phủ bôn ngôi, cúi đầu ai khẩn, dập trán cầu phước, lắm khoa văn thể, tình khuôn phép ở tài lợi, giăng rộng đốt đèn, ý ở dầu đuốc, lấy vọng cùng khinh thường. Thực hành việc đó mãi đến nay, so với tà dối giải cầu, có gì khác lạ? Hành tà cầu phước, thần đâu hưởng đến? Tự nhiên đồ thán đều thuộc loại ấy. Tam nguyên là: Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Ngày Rằm tháng giêng là Thượng nguyên, ngày 15 tháng 07 là Trung nguyên, ngày Rằm tháng mười là Hạ nguyên. Xin giải thích rằng: Ngày Thượng nguyên là ngày Thiên quan tính xét, ngày Trung nguyên là ngày của Địa quan tính xét. ngày Hạ nguyên là ngày Thủy quan tính xét. Đó là ba ngày của ba quan Thiên địa thủy tính xét. Ngày của ba quan Thiên địa thủy tính xét việc công quá, đều là do Lục Tu Tĩnh v.v... giá hư ngụy uốn nắn lập nên, vốn không có việc ấy, giả sử là thật tức là việc của Quỷ thần Minh đạo. Chỗ nhiếp của Quỷ đạo, đối với Đạo sĩ sao được dự cùng ư? Lại nói ba ngày đó, ba quan tính xét việc tội phước hạnh nghiệp trong nhân gian, nên phải thiết trai sám hối, để diệt tội đó. Đó lại càng hư ngụy vậy. Kiểm xét tìm trong văn của Lão Trang, vốn không có việc ấy, đều xuất phát

từ kinh Linh Bảo hư ngụy. Vả lại, Lý của minh ty, nghiêm ngặt đối với tục pháp. Đến như trong pháp Thế đế, người phàm phạm tội, chưa từng phát giác từ đầu tức nguyên sự việc đã rõ bày, tuy đầu chẳng khỏi. Nếu chưa đến ngày của ba Quan tính xét trở về trước, mà định lập lễ sám Tam nguyên, dung tha đó miễn khỏi tội. Đến ngày tính xét, tướng trạng mắc phạm đã hiển bày, tội bày mới sám. Đó là phục thức mong khỏi bị đó, định hẳn không thể được nguyên. Ở thế gian thô thiển còn chẳng thể khỏi tội, nơi Minh đạo nhỏ kín làm sao có thể tha? Hư dối bày có văn trai sám, trọn không lý miễn khỏi tội. Lấy vọng làm vọng, tâm tình dong ngu không tỏ ngộ, nhọc thiết bày khoa nghiêm cấp, rõ ràng không ích lợi rửa sạch oan khiên”.

■

LUẬN CHÂN CHÁNH

QUYỂN HẠ

Công tử nói: "Tiên sinh buông biện luận của Đàm Thiên, khua âm vang dậy đất, ân cần thuyên giải. Cốc rét lắng mốc xuân ấy, lời khuyên trùm khắp, ao lạnh đóng băng Đông đó. Vì kẻ hèn đem ánh sáng đầu ngọn đuốc so cùng mặt nhật thường sáng, tự có thể tiêu tiếng chồng chân, hớp khí chất vai, trầm nghi chưa trừ, bèn mong Diệu thích. Chỉ có điều thuyên giải trong Linh Bảo đều kết quy thuộc hư ngụy dối vọng. Sự tích của Lão Tử đáng nên không hư dối.

Hà Thượng Công là người Thần tiên, xưa kia ở thời vua Hiếu Văn Đế (Lưu Hằng 179-156 trước Tây lịch) thời Tây Hán, kết cỏ làm am ở trên bến sông. Vua Văn Đế ưa thích kinh Đạo Đức, ban sắc các hàng Vương công Khanh tướng, và ba ngàn (3.000) thạch đều khiến tập đọc. Lão kinh có vài câu không hiểu, Văn Đế chẳng thể thông đó, có người nói Hà Thượng Công thường tu tập và đọc Lão kinh, có thể hiểu đó. Văn Đế mới sai sứ mang điều không rõ nghĩa ấy đến hỏi. Hà Thượng Công bảo: "Đạo tôn đức quý không thể xa hỏi". Khi ấy Văn Đế tự thân đến trên sông dò hỏi điều nghi ngờ, Hà Thượng Công thấy Văn Đế, mới chống đầu, nằm trên cao. Văn Đế rất lấy làm lạ, mới nói cùng Hà Thượng Công rằng: "Khắp trong thiên hạ không đâu chẳng là đất vua, khách ở khắp chốn, không ai chẳng là tôi của vua. Trẫm có thể khiến người sống chết giàu sang. Ông tuy là đức trọng nhưng sao lại tự cao ư?" Hà Thượng Công mới vỗ tay cười lớn, đạp giữa hư không, cách đất vài trượng, ngồi trên khí mây năm sắc, trông nhìn xuống Văn Đế mà bảo: "Tôi trên không tới trời, dưới chẳng tới đất, giữa chẳng lụy người. Bệ hạ sao có thể khiến tôi giàu sang hay nghèo hèn ư?" Văn đế mới nhận biết đó là Thần nhân, mới xuống kiệu kính bái mà tạ tội rằng: "Trẫm vì không đức, nhục nắm giữ tiên nghiệp, đau đáu răn dạy cẩn trọng, thường sợ phế đọa. Chí tánh ngu muội, không biết Thánh nhân, cúi đầu dẫn nêu lỗi qua". Hà Thượng Công mới trao cho Văn Đế hai quyển Tố Thư, và bảo: "Ai đọc sách này, điều nghi sẽ tự giải. Từ khi tôi chú

giải sách này đến nay đã trải qua hơn một ngàn bảy trăm (1.700) năm, truyền trao được ba người, thêm ông nữa là người thứ tư. Ông chớ truyền chẳng phải người đó". Nói xong, Hà Thượng Công ẩn biến mất.

Căn cứ linh tích ấy, nếu chẳng phải Thánh nhân thì ai biết đó? Do vì vua Văn Đế dốc tin tinh thành cảm thông minh triệt. Lão Quân sai Thần nhân ấy trao cho Văn Đế Đạo Đức chương cú. Văn Đế đã nhận xong, Hà Thượng Công mới ẩn bóng trở lại chân về phương trên. Đó là Thần dị rõ ràng hiển trước, há cũng là hư dối ư?"

Tiên sinh bảo: "Lời ông nói đó lại thành hư vọng, nghe đầu đường nói đầu chợ, sao đủ đáng tin cậy? Ông luận bàn vừa rồi là do Cát Huyền làm Tựa Lão kinh, ngụy dối nghiêm sức ngôn từ ấy để mê hoặc vùng Giang tả. Nhân theo chẳng tỏ ngộ, khiến ông nghi ngờ vậy. Trộm phỏng Hán thư Đế kỷ, phàm có đi cầu may, không gì chẳng biên ghi. Đến như từ cung Cam Tuyền cách Kinh đô hơn trăm dặm, mỗi lần vua Văn Đế (Lưu Hằng 179-156 trước Tây lịch) thời Tây Hán đi cầu may thảy đều biên ghi đó. Vả lại, ở thời vua Cảnh Đế (Lưu Khải 156-140 trước Tây lịch) thời Tây Hán, Ngô, Việt v.v... có bảy nước cùng phản. Vì Thái hậu ở Đông cung, Cảnh Đế luôn lui tới thăm hỏi. Hán Thư nói: "Khoảng thời gian vua Cảnh Đế lui tới Đông cung thì vua Văn Đế cầu may ở cung Ngũ tộ, và cầu may nơi đền thờ Hậu Thổ ở Hà đông", sử đều biên ghi đó. Xét Đạo sĩ Thành Huyền Anh soạn thuật Lão Kinh Sớ nói là: "Hà Thượng Công ở cách thành Thiểm châu ba dặm về phía Nam". So với đền Ngũ tộ, Cam tuyền, Hà đông xa gấp bội, cớ sao Hán Thư không nói? Huống gì Hà Thượng Công đạp ngồi giữa hư không ngự trên mây khí, trao sách cho Văn Đế hoằng dương sáng tỏ đạo đức, so với việc của Giao kỷ Thần quang và Lý phu nhân, thì đó là rất nổi bậc, lại bỏ mà không biên ghi. Lý ấy chưa thể có được.

Lại nữa, Hà Thượng Công nói: "Tôi chú sách này đã một ngàn bảy trăm (1.700) năm". Lời nói đó lại là hư vọng. Căn cứ từ sau khi Thành Vương (cơ tụng 1063-1026 trước Tây lịch) thời Tây Chu đánh dẹp Hoài di mới chế định pháp Tỉnh Điền. Ruộng vua ngàn dặm, xuất cách xe muôn thừa. Thiên tử muôn thừa phát khởi từ Thành vương. Từ Thành vương trở về trước không có chế định muôn thừa. Căn cứ Thành vương lúc tại vị cùng Chu Công nhiếp chánh có được ba mươi bảy năm. Đến thời Noãn Vương (Cơ Diên 314-255 trước Tây lịch) thời Chiến Quốc, bị Chiêu Tương Vương (Doanh Tắc 306-250 trước Tây lịch) thuộc nhà Tần giết hại, thì cả thảy có được tám trăm sáu mươi năm. Nhà Tần từ Chiêu Tương Vương đến đời Tử Anh (?) cả thảy có năm mươi năm

là bị Hạng Vũ diệt mất. Qua thời Tây Hán, Cao Tổ (Lưu Ban) ở ngôi được mười hai năm (206-194 trước Tây lịch). Vua Huệ Đế (Lưu Doanh) ở ngôi được bảy năm (194-187 trước Tây lịch), Lã Thái hậu (Cao Hậu - Lã Trỉ) ở ngôi được tám năm (187-179 trước Tây lịch), rồi đến Văn Đế (Lưu Hằng) ở ngôi được hai mươi ba năm (179-156 trước Tây lịch). Từ đời Thành Vương thời Tây Chu đến năm cuối của Văn Đế thời Tây Hán có cả thảy chín trăm ba mươi hai năm. Căn cứ Lão kinh nói: "Làm sao Chúa cưỡi xe muôn thừa mà đem thân khi thường thiên hạ?" Thì rõ Lão Tử đang lúc giảng nói kinh này phải là sau đời của Thành Vương. Chỉ kinh hư ngụy, chú vốn là giải thích kinh, kinh còn chưa có, sao chú thuật trước? Một ngàn bảy trăm (1.700) năm đó lại là hư dối vậy.

Lại nữa, Hà Thượng Công tự chú Lão kinh rằng: "Thuấn Dao ở Hà tân, Chu Công xuống Bạch ốc". Rõ ràng lời chú ấy toàn ở sau đời Chu công, nên một ngàn bảy trăm (1.700) năm lại càng hư dối. Sự tích đã hư ngụy, cảm ứng đâu thật, thuyết ẩn ảnh là vọng đàm, dời trở lại chân sao uốn nắn?"

Công tử nói: "Sử sách không biên ghi, thật cũng khó cậy nương, vì ngu dốt, trông nhìn hẹp hòi nên khiến mê hoặc như vậy. Giáo của Lão Trang hoằng truyền lại đã lâu, hiệu của Đạo sĩ chẳng chỉ nay mới có, Đạo quán tôn dung thiết trí trang nghiêm ở đó, mũ sao khăn trắng, áo mây, xiêm cầu vồng, mắt xem nghiệm xét có thể biết, há tất cả đều hư ngụy ư?"

Tiên sinh bảo: "Với giáo điển của Lão Trang, tôi đâu hủy phá ư? Vừa rồi phỏng định nghĩa lý kinh Phật thì toàn khác biệt. Luận bàn về thiện thì đồng đường mà mỗi tự chạy quàng, bàn tông thì khác vết mà phân khu. Yếu chỉ của Lão giáo ở nơi mềm dịu, với Phật pháp thì mọi sự rõ ràng nơi nhân quả. Áo nghĩa của hai pho bảy thiên, quên được mất ở nơi trường ngang bằng vật, tám mươi bốn ngàn (84.000) pháp môn khế hợp tịch diệt ở nơi cảnh Niết-bàn, cốt yếu của tu thân trị nước, trong kinh Đạo Đức đều nói rõ ràng. Xả phàm chứng Thánh quả, văn Bát-nhã càng hiển bày. Đến như dứt chấp phá cảnh, dứt trí quên thân, Lão kinh không gì chẳng nói đó. Ở Hạnh chẳng lập, chỗ tu Tông ấy chỉ ở quả vị cùng cực nói nhân gian mới lên thọ khảo.

Phật lập giáo điển ứng vật theo duyên, tùy loại phân môn, nhân cơ mở hạnh, từ gần đến xa, từ cạn vào sâu. Vượt một niệm tâm chứng quả chân như, hiển bày như đất trời, rõ ràng đồng nhật nguyệt, văn thô xem lượt tợ như tương tham. Diệu lý ngầm nghiên cứu rõ ràng toàn khác.

Lại nữa, ông nói hiệu của Đạo sĩ chẳng chỉ có ở ngày nay cũng gì

sai lầm ư? Từ lúc mở mang trở lại cho đến cuối thời nhà Tấn, vốn không đội mũ ban cốc, trùm màn lụa vàng, lập tượng Thiên Tôn, tập học kinh Linh Bảo, xưng là Đạo sĩ ấy vậy. Sở dĩ có hiệu Đạo sĩ là do bọn Quảng Thành, Vụ Quang, Sào Do, Quyên Cức, Thoát Lạc thời đại khinh ngạo Vương hầu, chẳng đồng người đời, cao chuộng chí riêng, tiếp đến có để lại vẻ vang quan miện, quấn quít chốn suối rừng, Ca Tử Chi để tự mua vui, đanh khảy tố cầm mà buông tuồng, đến cuối đời thì có tánh tham bay biện chí thích thuật số, đều xưng là Đạo sĩ. Vết dấu tuy khác tục mà y phục chẳng chế riêng.

Ở đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán, Phật pháp lưu truyền khắp Trung Hạ. Đến trong niên hiệu Xích Ô (238-251) thời Đông Ngô, Cát Huyền là người pháp thuật dâng thư tấu trình Ngô Chủ Tôn Quyền rằng: "Phật pháp là giáo điển của Tây Vức, tại Trung Quốc chúng ta trước kia đã có Đạo giáo, xin nên hoằng dương pháp ấy". Mới đầu sáng lập thiết đặt một Quán, đến nay gọi Quán là lạm chương vậy. Cát Huyền lại ngụy tạo Đạo kinh, tự xưng là Thái Cực Tả Tiên Công. Nêu Đề kinh ngụy tạo là Tiên Công Thỉnh Vấn Kinh. Tống Văn Minh v.v... lại thêm pháp ấy, tạo chín đẳng trai nghi, bảy bộ khoa lục, tu văn chầu lễ dâng hương, hành thức Đạo Đàn toản phục, chế y phục giầy mũ, dung quỳ bái chiết toàn. Người hành đạo ấy, mới đầu dứt đoạn hôn thú, cấm tuyệt tanh nồng. Lại ngụy tạo các kinh Linh Bảo v.v... vài ngàn quyển. Về sau, Lục Tu Tĩnh lại lập tên hiệu của y phục, áo choàng vầng nguyệt, khăn sao, xiêm cầu vồng, áo tụ ráng, lọng báu chín quang, phan linh mười tuyệt, từ đó hiển trước vậy.

Đến đầu đời vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, vì Lục Tu Tĩnh làm mê hoặc, nên vua từng kính lễ tuân phụng, nhưng về sau tỏ ngộ đó chẳng phải pháp cứu cánh, nên đích thân vua chế tác văn xả bỏ Đạo giáo. Hiện còn trong Lương Võ Đế tập. Về sau, Lục Tu Tĩnh rong chạy đến Bắc tề. Thời ấy tại Đan dương có Đào Hoằng cảnh là người bẩm tánh hiểu biết nhiều, thông mẫn hơn người, tự thân làm Đạo sĩ ở tại Quán Chu Dương ở Mao sơn, lắng lùi vô vi, không dự tham việc đời. Người thời bấy giờ xưng gọi là Trinh Bạch tiên sinh, còn gọi là Đào Ẩn Cư, có lắm trước thuật, đều lưu hành ở đời, tự thân vận mặc đạo phục, mà tâm kính phụng Phật pháp. Tại chỗ ở tạo dựng một ngôi tháp, đắp họa tôn tượng Phật, tự thân gần cúng dường, đề hiệu là Thắng Lực Bồ-tát. Tháp đó nay hiện còn trong Quán Chu Dương ở Mao sơn. Đến nay chẳng bị chim thú làm dơ. Đào Hoằng Cảnh chế lại quan phục, cải đổi Quán ?? làm Quán ??, thực hành giáo của Hoàng đế Lão Tử, ghét

chán pháp Linh Bảo hư ngụy xấu xa mà chẳng hành, tự tay viết luận mà bác bỏ đó. Đào Hoằng Cảnh rất được vua Võ Đế mến chuộng, từng đề cử ra làm quan, nhưng trọn chẳng dời đổi. Đào Hoằng Cảnh trước thuật thơ dâng tặng vua Võ Đế, đều đưa vào trong tập, sự tích rõ ràng tỏa sáng nơi trong sử nhà Lương, sao ông lầm hoặc đó".

Công tử nói: "Đã nghe tiên sinh nói thế, tâm mở ý ngộ, đổi thay nhận biết mê lầm, như vạch nhạc trời rộng, tợ mở bày vượt sương". Mới rời khỏi chỗ ngồi, cúi đầu bái lạy mà sám tạ rằng: "Kẻ hèn tôi từ lâu đắm chìm lưới tục, ít rõ được nơm chân, tại đắm dính trong âm thanh hoa vàng, chí mờ tối bởi tấu của tuyết trắng. Tuy từng tiếp thừa Diệu thích, nhưng lại càng kết buộc mối nghi ngờ sâu, hình trí điếc mù đến nỗi như vậy. May nhờ chỉ Nam nay theo vết Bắc. Linh Bảo Thiên Tôn hư vọng như vậy, đến như kinh giáo không gì chẳng là ngụy tu. Phàm mọi sai lầm, đều xin nhủ lòng dạy răn, mong dứt bệnh nặng vượt thoát trầm kha!"

Tiên sinh vui vẻ mà đáp: "Nay ông đã tỏ ngộ vậy, cũng chỉ sớm tối mà được. Hãy ngồi lại, có điều gì nghi ngờ cứ tiếp hỏi, tôi sẽ vì ông mỗi mỗi luận bàn đó".

Công tử nói: "Trong Phật giáo có Tăng Ni hai chúng, trong Đạo pháp có Đạo sĩ và nữ quan hai hàng. Đây kia tương đối oai nghi đủ đầy. Chuẩn cứ theo luật Phật thì chư Tăng thọ hai trăm năm mươi giới, chư Ni thọ năm trăm giới. Nay các Đạo sĩ và nữ quan thọ trì pháp lục đồng đều ngang bằng nhau không có thêm bớt, đều thọ pháp của mười giới Chân văn Thượng Thanh và thọ sự phù lục, chưa biết pháp ấy do ai truyền".

Tiên sinh bảo: "Đạo sĩ và nữ quan vốn không có giới luật, lại trộm lấy mười giới của nhà Phật để sung vào pháp Chân văn Thượng Thanh ấy, đều dùng lụa quyên mà làm. Trong đó họa làm Phù Đồ và viết chữ ngọc. Chân văn ấy gồm có ba pháp: Một là Tám cảnh tức họa vẽ hình tượng của nhật nguyệt muôn sao. Hai là Năm Lão tức họa vẽ năm lão thần. Ba là Năm nhạc tức họa vẽ làm tướng trạng núi Ngũ nhạc. Ba bản mỗi tự được thọ trì, không cần phải thọ trì tất cả. Thượng Thanh là trong đó viết về quan vị và Phù Đồ v.v... ở trong trời Thượng Thanh. Mới đầu thọ mười giới, tiếp đến thọ Chân văn và sau cùng thọ Thượng Thanh, pháp ấy đầy đủ vậy. Lục, số ấy rất nhiều, không sao nói đủ cả, sơ lược mà nói là có một ngàn năm trăm (1.500) tướng quân, ba - năm Đại tướng quân v.v... các thứ lục. Người thọ Lục ấy mới có thể hành các sự phi cầm chương tiếu. Phật vì Ni là người nữ tánh nhiều ái nhiễm, tùy

căn cơ mà chế pháp, nên gấp bội nhiều hơn Tăng. Pháp lục của Đạo gia do người phàm vọng tạo, đã không biết căn tánh, do đó, Đạo sĩ và nữ quan không có khác biệt. Các pháp ấy đều do Trương Đạo Lăng ngụy tạo nên vậy".

Công tử nói: "Lão Tử đã không nói thế, hẳn là hư ngụy không còn phải lầm hoặc. Đạo pháp trước vốn không có giới luật, Đạo sĩ không cưới vợ, dựa theo điển ký nào?"

Tiên sinh bảo: "Đạo gia không có luật cấm việc dâm dục. Nay các Đạo sĩ không cưới vợ là học theo chư Tăng mà àm đó, không một bằng cứ. Cho nên ở thời nhà Tùy, Đạo sĩ Lý Bá ở Trung dương quán dâng tấu biểu văn nói: "Chuẩn theo Đạo pháp, Đạo sĩ không điều lệ cấm cưới vợ". Các Đạo sĩ đều xin cưới vợ. Biểu văn ấy hiện còn trong Lý Bá tập".

Công tử nói: "Giáo điển không có khoa cấm dục. Cưới vợ đâu trái với giáo điển? Lý Bá xin như thế thật hợp với nghi ấy vậy. Vả lại tông của Đạo giáo; chủ chính ở Lão Tử. Lão Tử làm quan, về sau đến Tây Vức, trọn không dấu vết bỏ vợ xuất gia. Ngày nay các Đạo sĩ xuất gia tuân theo giáo của ai?"

Tiên sinh bảo: "Pháp xuất gia nền tảng ở Tây Vức, Đức Thích-ca từ bỏ ngôi vị Quân Vương sang quý, bỏ sự mến thương của Phi tần, xuất gia tu đạo, sáu năm khổ hạnh, một sớm mai thành Phật. Sau khi thành Phật mới độ Kiều Trần Như v.v... Ở xứ này nguyên không dấu vết xuất gia. Lão Tử vốn tự có vợ, làm quan Trụ sử ở thời nhà Chu, sau đó bỏ nhà Chu, xa đến phương Tây. Thân nguyên là người tục, vốn không tướng trạng bỏ vợ con gia đình thay đổi y phục mà xuất gia. Nên con của Lão Tử tên Tông; con của Tông tên là Hà, làm quan thời nhà Ngụy được phong là Đoạn can. Về sau làm Hán giao Đông phương thái phó, mỗi người đều có biệt truyện. Lại nữa, Lão kinh nói: "Con cháu tế tự không thôi dừng". Đó là luận y theo giáo mà tu hành, thì con cháu nối dõi đông nhiều, đời đời không dứt, nên nói là không thôi. Đâu khiến đoạn dục ư? Ngày nay Đạo sĩ xuất gia, vốn học theo Phật giáo, không căn cứ gì riêng khác".

Công tử nói: "Tuy học Phật giáo mà xuất gia, bản tông tự không có giáo ấy, Lão Tử chẳng cấm cưới vợ, Kinh văn lại nói về con cháu. Ngày nay giả sử học theo Phật tông, các người có sự nhận biết há chịu tin theo? Trộm chuông bít tai đâu khỏi người khác nghe. Vọng lập Thiên Tôn, vết tích trước lộ bày; ngụy tạo kinh giáo, lại đã phơi rõ. Linh Bảo, do Tống Văn Minh v.v... ngụy tạo, còn các kinh khác do người nào làm

ra? Cúi xin chỉ rõ, mong thấu suốt cội nguồn".

Tiên sinh bảo: "Đạo kinh, trừ bộ Đạo Đức hai thiên, Tây Thăng một quyển. Lại có luận Hoàng Đình nội cảnh. Ngoài ra, các kinh đều là ngụy tạo. Lại có kinh Thái Bình một trăm tám mươi quyển, do Vu Cát người đất Thục tạo ra. Người ấy khéo lánh hình tích, chẳng lấm khổ lục kinh Phật, phần nhiều nói về pháp của Đế vương trị nước, việc âm dương sinh hóa v.v... đều biên giáp tý làm thành pho bộ đó. Lại có kinh Thái Thanh, Thượng Thanh v.v... đều thuật về các pháp bay luyện thuốc thang trắng vàng. Đến như Bản Tế năm quyển là do Đạo sĩ Lưu Tấn Hỷ ở thời nhà Tùy tạo nên. Đạo sĩ Lý Trọng Khanh tiếp tục biên soạn mà thành mười quyển, đều mô phỏng biên ghi kinh Phật, lạm trộm lấy việc tội phước, đặt để nhân quả xen loạn Phật pháp.

Từ đầu thời Tiền Đường đến nay, tức có Đạo sĩ Lê Hưng ở Ích châu, Đạo sĩ Phương Trường ở Lễ châu cùng chung tạo kinh Hải Không mười quyển. Đạo sĩ Lý Vinh lại tạo kinh Tẩy Dục để đối lại kinh Ôn Thất. Đạo sĩ Lưu Vô Đãi lại tạo kinh Đại Hiến để phỏng như kinh Vu Lan Bồn, và tạo kinh Cửu U xếp loại tội phước báo ứng. Ngoài ra chẳng phải các pho bộ lớn. Ngụy dối tức không thể lường tính hơn.

Đâu như Đức Thích-ca là Bậc Đại thánh riêng đáng ngôi vị vua pháp, thiết giáo hoằng hóa ở nước Tây Vức mà tiếng tăm lưu truyền đến Đông Hạ. Căn cứ Ngự Khấu Thư nói: "Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử: "Tam Vương có phải là Thánh nhân ư?" Khổng Khâu đáp: "Tam vương khéo nhậm trí dõng, còn phải Thánh hay không Khổng Khâu tôi chẳng biết". Lại hỏi: "Ngũ Đế có phải Thánh nhân ư?" Khổng Khâu đáp: "Ngũ đế khéo dùng nhân nghĩa, còn phải Thánh hay không Khổng Khâu tôi chẳng biết". Lại hỏi: "Tam Hoàng có phải Thánh nhân ư?" Khổng Khâu đáp: "Tam Hoàng khéo dùng thời chánh, còn phải Thánh hay không, Khâu tôi chẳng biết". Tái Tể kinh ngạc hỏi: "Vậy ai là Thánh nhân ư?" Khổng Khâu đáp: "Khâu tôi nghe ở phương Tây có Bậc Thánh nhân ấy vậy, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin. Mênh mông thay dân chẳng thể được mà xưng gọi vậy!" Xét lời nói đó của Tuyên Ni cùng với lời nói trong Tây Thăng của Lão Tử lược đồng. Bá Dương, Trọng Ni đều là người xứ này tôn xưng làm Thánh, hai người ấy đều biết ở phương Tây có Thánh nhân, thì rõ ràng đạo của Đức Thích-ca rộng lớn vậy".

Công tử nói: "Kẻ hèn tôi từ thuở nhỏ ôm chí cao thượng, sớm trộm vinh dự của đương thời. Khi nói bàn đến đó dùng lấy từ khiến thấy ngợi khen. Cúi nhẹ cao luận có hỗ dụng về hết cây, ngửa trông Tuyên Ni

cao vợi, thẹn tường bao quanh thấp xấu. Trịnh Hàm trông nhìn yên dụng của Tử Lâm mà rõ biết tâm thức mờ tối biếng lười. Vậy biết truyền lay chín vạn rủ cánh của trời mới lên, đánh nước ba ngàn (3.000) giăng vảy của biển mới vận. May tiếp nhận chỉ giáo mà nghi trệ đều hết. Trộm thấy, những vị Hồng Nho bạch ốc, Thạc Học Hoàng quan, tài sĩ nắn tay cán hành, tân khách dương mày chỉ tay, đều nói kinh điển của Tam giáo Nho Lão Thích là một, đều lên đường thiện, lý không có ba, từ bi nhân thứ, khác đường mà đồng xét quy, lợi vật giúp đời trăm mối nghĩ mà ngang bằng rốt cùng. Tuy biện giải của Bích Khê Hoàng Điểu chưa thể phân chia đó, tuy ngôn từ cứng chắc hợp dị, đâu thể khác biệt vậy. Mỗi lúc nghĩ ngợi thuyết ấy, giao chiến nơi cõi lòng, xin một lần bàn luận rõ để dứt trừ các thứ lầm hoặc”.

Tiên sinh bảo: “Điều ông nói thật đáng vậy, tôi thường muốn trước thuật luận, nhưng chưa rảnh rỗi chuốc thảo, nhân ông cầu xin được chí ý tôi vậy. Phàm, Tam giáo có lắm phần, chín phái riêng biệt, vốn dấu vết khác, nghĩa ý mới khác, chẳng chỉ thô cạn cùng xa mà ước về phàm Thánh toàn cách. Tầm văn tợ như liên quan, nghiên cứu lý rõ ràng chẳng đồng. Từ Bát quái thành tượng, Lục hào lập ngôi vị vạch Long Đồ mà ghi hiệu, trông dấu chân chim để viết sách. Lập đức lập ngôn, ba phần thỏa sướng mỹ hóa của Tam Hoàng; rủ ban răn dạy khuôn phép, năm điển nêu nỗi văn chương của Ngũ đế. Kịp đến Cơ Công chế lễ chế nhạc, lớn nhanh phong nhã của Nhị Nam, Khổng phụ tu thi thuật dịch, thuyên giải tinh vi của Thập Dực. Không gì chẳng rõ ràng, định đạo của vua tôi cha con, tiếp đến riêng khác của lớn nhỏ, rõ ràng chồng vợ bè bạn. Dốc hết trung trinh để phụng sự đất nước, kính sùng hiếu để mà giúp cửa nhà, tích chứa cung kính khiêm nhường để tự khắc mình, ban thí nhân thứ để tiếp đãi vật, thuần hòa tín nghĩa để tỏ bày kết giao, chuyên liêm nhượng để suy hành. Đó là năm đức; nghĩa lý lập thân, tuyên bày văn đức để chuyển hóa tập tục, vận Võ Công để an dứt loạn tu cúng tế để cầu thần kỳ, Sùng Tông miếu mà kính tổ khảo. Mở dần săn bắn chài vớt, đổi nghĩa máng lưới, dẫn nguồn bàn du lễ điển đánh săn thú, xẻo tai chặt đầu, giao nhạc chinh chiến, giết mổ sinh linh, khơi phước cúng dâng, xuyên ngực suốt bụng, bày vui rong ruổi, lóc da chết yểu, buông vui thưởng tâm, Hình lễ khơi động mà gian trá nỗi bày, phù ấn hiển hiện mà kiểu ngụy phát sinh. Kẻ cướp nước trộm vật hại cha giết vua, kẻ tranh quyền giành lợi diệt tông phế tộc, không ân huệ lớn của từ bi, có nhân đức nhỏ của trắc ẩn. Mê mờ nhân quả ba đời, rõ ràng họa phước trong một kiếp. Ương họa hay tốt lành xưa trước hẳn đợi đến

đời cháu con, tích ác tu thiện tuyệt ở minh báo. Cầu mạng của hiện đời, tuổi thọ có hạn ngắn dài; làm chất của quỷ, thọ không thời kỳ chuyển biến. Do đó nói ham sống ghét chết nghĩa là quý trọng của tánh mạng, người vật đều đồng, loại như ở tình mình đâu nên làm thương hại. Cho nên Tử Cống muốn bỏ cúng tế dê cáo sóc, nghe tiếng nó kêu thương không nhẫn ăn thịt nó, lấy làm tâm của mình, thấu hiểu mạng của kia, chí ý mến sống, ta vật đều vậy. Cho nên Khổng Tử không nếm mùi chim trỉ của Lương Sơn; Vu Định Quốc khoan dung luật hình. Tôn Thúc ngạo âm dương, Bá Sở dùng xương sau đó, Cao môn dùng đải phong đó, Hạng Vũ vùi xe Tần, Bạch Khởi chôn lính Triệu, thân chết dưới Đỗ Bưu, thì phần trên Ô giang. Hoặc họa phước đủ ở hiện đời, hoặc vinh nhục lưu lại cho cháu con. Thân tạo thân chịu tợ đồng hiện báo. Nghề nghiệp của cha mà con lưu truyền, thù đáp chẳng phải tự chính mình, cũng có bắn Tuyên Vương để trả lại oán đó, chống Đỗ Hướng để đáp ân đó, vạch sinh mạng Hồ Đột để cưỡi xe, Lưu Ước theo Nguyên Hải mà giúp chở. Đó, luận bàn u minh giao tiếp, người quỷ đối thù, chẳng phải nghiệp duyên của tội phước khác với luân hồi của báo ứng. Nho giáo và Phật giáo khác biệt, như thế đó, rõ ràng vậy.

Phàm, Đạo gia lập giáo khác với Nho lưu, Hoàng đế thuật về Lạm thương đó, Lão Đam tiếp nối then chốt ấy. Xét cứu về cội gốc đó là giữ tinh dưỡng khí, dấu ẩn ánh sáng, an toàn sự sống xa lìa hại họa, vô vi yên lắng, điềm đạm thanh hư, ít riêng bớt muốn. Đó là tông chỉ vậy. Từ sau biến đổi thanh thuần thành mỏng dạt phân ngàm mỗi tự chạy quàng, phải lý của nhất nguyên, lập sai khác của Tam đẳng. Bậc thượng thì bỏ ăn cơm gạo kéo dài tuổi thọ, bay lên tiên vũ hóa như Quảng thành, Hoàng đế. Bậc trung thì giữ mềm dịu răn cứng cỏi, quên biết dứt trí, như Bá Dương, Tử Hưu. Bậc hạ thì ruồng bỏ việc đời, giả từ vinh hoa, ẩn náu nơi núi hang, như Hứa Do, Sào Phụ. Suy cứu vết tích của Thần tiên mọi sự xen lẫn cậy tựa không hư. Căn cứ Hoàng Đế Bản Kỷ thì Hoàng đế thực hành thuật của phòng trung, tu pháp tuân theo dưỡng sinh, ngự bảy mươi hai người nữ, đượm phục chín mươi mốt kim đan. Lên Đảnh hồ đánh rồng bay, giữa ban ngày lên trời. Quần thần mến thương, gom nhặt áo mão kiếm giầy mà táng ở phía Nam Kiều sơn. Tham tầm nghiệm xét ngôn từ ấy, làm sao có được? Phàm táng là khỏa lấp che giấu. Tiên nhân bảo sau khi chết con cháu cảm thương mến mộ, bói chọn chỗ đất tốt lành, xây dựng mồ mã, an đặt hồn linh giấu kỹ hài cốt, ngỏ hầu khỏi bị hoạn phơi bày. Hoàng đế cưỡi rồng xanh để bay lên trời, đạp mây tía mà lên xa, cao tạ muôn cơ, cỡi giầy bốn biển, vốn xưa nay

chẳng chết, cớ sao phải táng vùi? Vả lại, Thiệu Bá Tư mục phần Thiểm Di Huệ ở người còn che chở em là Cam Đường Tư Đức Lưu Thọ, huống gì Hoàng đế ở ngôi vị cửu ngũ, nơi tôn quý của muôn thừa, cưỡi giá rồng để lên tiên, nên thắng bệnh ngủ mà chết. Nếu quần thần mến mộ tâm tình cắn rứt, tức nên lưu lại kính thờ áo mão, đâu nên chôn bỏ di phục của Hoàng đế để tỏ bày chí ý mến thương? Trọng Tử chưa chết mà đến phúng viếng, Tả truyện cho là trái lễ; Hoàng đế chẳng băng hà mà táng vùi, quần thần sao khổ lừa dối vậy? Nếu táng cùi là việc không hư dối thì lên Tiên tức là vọng bày. Lý tiến lùi, sự tích có thể rõ biết. Vả lại, ngự nữ cầu tiên, phóng dục cầu quả lại vào cảnh luân hồi, đâu thể lên trường giải thoát? Giả sử khiến chứng đắc thần tiên trọn vẫn chưa lìa khỏi sinh tử. Huống gì thuật ấy, Hoàng đế nhận thọ từ Quảng Thành, tu ở một phương, vốn chẳng phải pháp xuất thế. Vết tích của Hoàng đế như vậy, truyện thần tiên đều dối bày, đều đã luận bàn trước, khỏi lại phải nói nhiều.

Phàm, Lão Tử lập giáo đầy đủ ở trong văn chỉ năm ngàn ngôn từ. Trang Chu diễn giảng luận, rõ ràng nói yếu chỉ của bảy thiên. Điều rõ ràng về Đạo chỉ thuyên giải lý của âm dương trời đất hòa khí, bốn mùa sinh dục. Nên nói Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh muôn vật. Nghiêm Quân bình đẳng giải thích rằng: Một đó là nguyên khí, có nghĩa là hỗn độn chưa phân, không hình trạng có thể thấy. Ở trong Đạo không hình trạng có thể thấy phát sinh một khí, trong sạch của khí là làm trời, dơ bẩn của khí là làm đất. Một khí ấy sinh ra trời đất, là một sinh hai vậy. Nhân đất trời hòa hợp mà sinh âm dương và người, đó là hai sinh ba. Vì người bẩm thọ âm dương, âm dương hay sinh ra các loại phẩm vị động vật thực vật. Đó là ba sinh muôn vật. Nên trong Dịch nói một âm một dương, đó gọi là Đạo. Rõ ràng, Đạo là âm dương. Âm dương nghĩa là Thần minh chẳng thể lường, tức lý của âm dương chẳng thể lường đạt mà có thể biết. Đó là thần diệu vậy. Hay thuận theo lý âm dương ấy, an định điều bẩm nhận, thích nghi phần giữ mềm dịu, điềm đạm, tịch lắng vô vi, tuyệt Thánh trí kiểu tánh, bỏ nghe biết vượt phần, đồng hai quán kiêu diệu, hết hai chấp có không, bẻ dẹp tâm nhọn tiến, mở mang chí rối nhiễu, trừ cường lương cứng mạnh, bỏ đấm nhiễm thanh sắc, thấu rõ mầm họa phước cậy núp, thực hành hạnh từ kiệm khiêm tốn, tức được trọn hưởng thọ khảo, miễn khỏi thân hoạn, con cháu hưng thạnh đông nhiều, tế tự không thôi. Nếu trái lại như thế, thì mạng yểu thượng sinh, chuốc lấy bại lụy, con cháu tuyệt dần về sau không người nối dõi. Nên nói: “Khéo dựng xây không nhổ bỏ, khéo ôm ấp

không bỏ thoát, con cháu tế tự không thôi". Trang Chu cởi mở trâu để bảo sự sống của nó, truyền hơi ấm để kéo dài mạng nó, đều muôn vật để phô bày dáng tráng kiện, hủy tứ chi để bỏ mến tiếc hình hài. Thuật nhạn gỗ dùng làm phương dứt ngu trí đắm giữ, dụ chỉ ngựa để thấy quên đất trời chấp trước. Lẫn lộn biến hóa mà mộng Hồ Điệp, một thọ yểu mà kéo dài thương tử. Núi Thái nhỏ so với đầu mảy lông, thì có hư vọng của lớn bé ấy hiển bày. Cây nấm lớn so với thông to thì buộc của nem ngắn mới giả. Đó đều là Trang Chu thuyên giải tục tình chấp trước, bèn có thật của ngắn dài gian xú, mà khởi tâm nhân ngã tham xấu, lợi mình tổn hại vật, đến nỗi phải chuốc lấy họa hoạn. Đó là luận về trong một đời có điên đảo như thế, chết yểu hại mạng, buộc lụy bại thân, không có nghĩa minh báo ở tương lai, lý nghiệp duyên ở quá khứ. Ngay đời này tạo làm việc thiện ác, tùy việc làm đó mà ngay đời này nhận chịu quả báo. Cũng như điều nói ở sách Nho giáo, đại ý tương đồng. Đó đủ rõ Phật giáo và Đạo giáo hoàn toàn khác biệt".

Công tử nói: "Tam giáo xa vời sai khác như thế, thuyết của lý sao có thể đồng ư? Vậy biết, Tử Hưu thực hành tâm hai để quên thân, chẳng phải vì kẻ khác mà cầu phước. Trọng Ni khiết trai để biến thức ăn, đâu liên quan gá nhân cầu quả. Giả sử Đạo cúng để khơi dậy sự trợ giúp của minh tư, tạo Thiên Tôn để mong cầu công Tế bạt. Sao hư phí ư? Sao hư phí ư? Mà từ này và mãi về sau ngõ hầu miễn khỏi. Nhưng pháp của Chương Tiếu, thuật của Phù Cấm, so thấy người thực hành đó, lúc nào cũng có hiệu nghiệm. Việc ấy như thế nào? Lại xin bảy chỉ rõ".

Tiên sinh bảo: "Điều ông vừa hỏi, thật có lý vậy. Vả lại, người thực hành Chương Tiếu là hạng tế tự vậy. Việc cầu đảo xuất phát đến nay đã lâu xa. Chẳng phải chỉ pháp của Trương Đạo Lăng. Ở thời Hoàng đế Thái Công đã thực hành thuật ấy. Tiếu là tên gọi khác của Tế. Lễ điển trước thuật nghĩa ấy. Trương Đạo Lăng nhân đó mà tu theo. Người thực hành pháp ấy thì gọi là Tế Tửu. Đó tức là kỹ nghệ của người có pháp thuật trong thế tục. Đạo sĩ trộm pháp đó để cầu lợi dưỡng, vốn chẳng phải tông của Đạo giáo. Đó là xen lẫn đến lý của Quỷ đạo thần kỳ. Tục đế vọng tình, không gì chẳng việc ấy, cùng đồng loại như Thầy là âm dương, bói toán lá cỏ, tế giao, chú thầy. Người hành pháp đó, tự là Thái thường sở ty, chẳng hợp lệ ty tân chùa Quán, Tăng Ni. Do vì thuộc Ty tân chùa là vì Phật pháp từ nước Tây Vức lại, đồng như các ngoại khách. Đạo sĩ vốn chẳng phải khách, tự nhiên không hợp thuộc Ty tân chùa Quán. Lại nữa, thực hành pháp Chương Tiếu tế tự tức là Ty lễ việc chùa. Chỉ vì chùa quán có sự tương đối, nhân đó bèn thuộc

Ty tân. Lấy thật mà luận bàn thì đó chỉ hợp sự quản lý của giao xã. Lại nữa, Phù là Quỷ lục, thực hành đó đối với đạo của quỷ thần vì vậy mà có ứng nghiệm, cũng không đáng lấy làm quái lạ vậy".

Công tử bỗng nhiên biến tan hết nghi ngờ, vui vẻ đảnh lễ mà sám tạ rằng: "Kẻ hèn tôi tập quen ngọt đắng, ở nơi chợ cá mà quên cả mùi hôi hám, đắm chìm vùi lấp suốt thời gian dài, nay đã thuộc buổi ánh sáng ngã bóng về Tây xa vời, mới tỏ ngộ chẳng còn tệ, cuồng điên rảo chạy Đông. Sáng sớm được nghe, chiều tối chết hẳn an úy với tâm ý soi xét. Kính cẩn vâng theo sự chỉ bảo, xin tuân theo yếu chỉ ấy, viết vào vạt áo để tự răn, lưu truyền đến tương lai, khiến những người bị vấp ngã cải đổi tâm thế tục mờ tối, những bậc tài sĩ hoằng thông thấu suốt nghĩa lý của chân như". Bèn dùng nghiên bút làm luận để lại cho đời sau.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 193

BẮC SƠN LỤC

SỐ 2113
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2113

BẮC SƠN LỤC

- Đất Tân châu, chùa Huệ nghĩa, Sa-môn Thần Thanh soạn
- Nước Tây Thục, đình Thảo huyền, Sa-môn Huệ Bảo chú.

Bộ sách này gồm mười quyển nói về các mục sau:

1. Thiên Địa Thủy
2. Thánh Nhơn Sanh
3. Pháp Tịch Hưng
4. Chơn Tục Phù
5. Họp Bá Vương
6. Chí Hóa
7. Tông Sư Nghị
8. Thích Tân Vấn
9. Tang Phục Vấn
10. Cơ Dị Thuyết
11. Tống Danh Lý
12. Báo Ứng Nghiệm
13. Luận Nghiệp Lý
14. Trụ Trì Hạnh
15. Dị Học
16. Ngoại Tín.

LỜI TỰA

Trước tôi muốn nghe sách Phật nên học hỏi ngài Nam Bình Phạm Trăn Pháp sư mà nhận được lục này. Ngài Nam Bình nói: Xưa tôi từng nghe Lão sư nói Đinh Bí Giám rất thích sách này, mới xem qua không rằng trong tay có được bản gốc. Lời Lão sư rất đáng tin. Những bài viết của Đinh Bí Giám đều nêu ra những điều rất hay. Nhất thừa là gốc mà sách của Bá gia chỉ là nhánh lá. Tìm nhánh thì như tìm sông mà đi trên đất không được nguồn gốc cũng đủ xem là học rộng huống là thấu suốt nguồn gốc ư? Song sách ấy lưu hành chưa bao lâu thì trên đời hiếm thấy người đọc. Người đọc đều là kẻ có tiếng thời ấy. Mà người đọc chỉ dùng chơi riêng làm của không hề truyền rộng ra ngoài. Tôi nghe ngài Thần Thanh ở thời Nguyên Hòa đạo ngài rất hiển hách, đương thời được các công khanh kính trọng lễ bái, người theo học Ngài có đến ngàn người. Tánh Ngài thích sáng tác các phần trích luận trong kinh hoặc học bớt hoặc hàn thêm có hơn trăm quyển mà riêng lục này thì nêu ra được các điều sâu sắc và rộng lớn nhất khiến người học thấu đáo sách mà đạt đến nguồn cội thì lo gì mà chẳng được Thần Thanh. Thần Thanh là tên Ngài sanh ra ở dưới núi Đại An, sau ở Trường Bình Sơn Âm nên gọi là Bắc Sơn Lục. Ngài Hiền Đại sư có được Bản Thục đầu tiên bèn đem truyền rộng cho các người thích sách bèn mời tôi ở Đại phương mà khắc bản in ra. Nhơn đó tôi thuật lời của ngài Nam Bình Pháp sư để ở đầu quyển.

Năm đầu Hy Ninh, ngày 12 tháng 05
Tiền Đường Trầm Liêu kính lời tựa.

*****

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 1

I. THIÊN ĐỊA THỦY (nguồn gốc của trời đất vũ trụ)

Bậc Ngại Nho (Lão Nho có đạo đức) gây tiếng tốt cho Đạo Nho và đám nhà Nho mến thích giáo ấy. Tiểu Tử tôi nghi việc khởi đầu của vụ trụ trời đất mà kính lạy nêu hoài bảo. Ngại Nho nói: Lớn lao thay lời hỏi. Ta biết trời đất mênh mông rộng lớn và mịt mờ đối với người mà hiểu biết sáng tỏ. Hãy lắng nghe lời ta giải bày. Dịch có Thái Cực mà sanh Lưỡng Nghi, lúc đầu tiên chưa có điềm gì thì bằng bằng dực dực hạng hạng đổng đổng (mênh mông lẫn lộn), trong đục một lý, hỗn độn (trộn lẫn) không có hình tượng gì. Kịp khi nguyên khí hồng mông bắt đầu manh nha (nảy mầm) trời đất lúc chưa phân cũng như cái trứng gà trong đục đã có điểm rồi thì gọi là lưỡng nghi, khí trong là trời khí đục là đất, khí hòa là người, là tam tài) về sau mới có Bàng Cổ sanh trong đó 18.000 tuổi. Khi trời đất mở ra, trời cao một trượng, đất dày một trượng. Mặt trời Bàng Cổ dài một trượng, đầu ở Đông Chân ở Tây, tay trái đến Nam, tay phải đến Bắc. Mở mắt là ngày, nhắm mắt là đêm thở ra là nắng nóng, hít vào là lạnh, thở hơi ra thành gió mây, nhả tiếng ra thành sấm sét. Bèn có bốn mùa, vạn vật sanh ra. Tám hành vi là lớn, có gì nhiều hơn (tám hoành = tám hướng, chín vi = chín châu) Tam Hoàng Ngũ Kỷ là tôn quí có ai trước hơn. Thời Thái Cổ (xa xưa nhất) ăn dơ uống bẩn. Mùa đông thì ở trong hang đốt lửa, mùa hạ thì ở trên cây. Khi chưa có lửa để nấu ăn thì ăn trái hạt cây cỏ, thịt chim thú thì uống máu ăn lông. Khi chưa có tơ thì mặc bằng lông chim da thú. Sau có thánh chỉ bày mới lợi dụng được ích (mới dùng lửa mà sửa trị?) lợi của lửa. Bèn đúc vàng nắm đất làm đồ dùng rồi cất nhà cửa cung điện, rồi nấu nướng chưng cất, rồi chế biến tơ gai làm vải, nuôi người sống chôn kẻ chết thờ chúng quỉ thần. Từ Thái cổ đến nay không thể kể hết năm tháng, từ sau đời Phục Hy khoảng bốn mươi vạn năm thì có tiền của, có vua quan nhân dân có giúp hại hưng vang. Nho trước chỉ dạy, Nho sau tuân làm

mà bận rộn lăng xăng không có một ngày nào dứt.... Từ trên là lời của Ngại Nho nói về sự mở mang của trời đất.

Ở bến Bồi thủy dưới chân núi Bắc, kẻ quê mùa này từ lâu đã xa lìa vinh hoa tục lụy (đây là nói về thần thanh Sa-môn người soạn lục này) chí chuộng việc xưa mà chỗ biết chưa rộng, hết mình vì đạo nhưng đi du học thì trở ngại (ngại việc du học), bèn học ở trường làng nghe Nho phong mà mừng bảo rằng: Lớn lao thay lời Nho. Kịp khi học Phật thì bến bờ mênh mông mà không hề chán sợ. Chỉ lo không sớm được nghe ai là Thánh nhơn Tây trúc, nói kiếp trước đã hoại, trời đất đã không. Không rồi lại thành kiếp này mới bắt đầu. Lúc không đó thì có gió nhẹ thổi, gió nổi lúc càng mạnh ở dưới thế giới này là phong luân. Bỗng mây lớn hay lên không trung mưa xuống như thác đổ chứa trên mặt tung luân kết thành lớp nước là thủy luân. Phía trên thủy luân cứng lại thành vàng như sữa đặc (chỗ tựa cũng) là kim luân. Khi ba luân đã thành thì từ trên không mưa xuống ngày đêm không dứt suốt mấy ngàn năm trên lớp kim luân, lớp nước này trong đục khác chất, là trời Phạm Thế ở trên không là đá báu, là núi biển, là đất đai là nhà cửa cung điện và các đồ vật tạp nhạp, mà có khu vực. - Trên trời các trời chết rồi thì sanh xuống, hình thể có ánh sáng, chân đi trên mây không ăn không uống sống lâu vô số, bay đáp xuống. Đất có vị ngọt, da đất rễ cây cỏ và lúa thơm đều có vị thơm ngọt ăn được. Ăn các thứ ấy rồi thì tai họa vào thân, thân thể cứng nặng ánh sáng mất hết. Từ đó mặt trăng mặt trời và các sao hiện ra rồi thành hình ra cõi người (nhân đạo) giận hờn mến tiếc này ra, ái dục càng dữ mà có cha con, mà có vua tôi. Rồi phân ranh giới bờ cõi nước non có của ông của tôi, có buôn bán trồng trọt sinh lợi, rồi lập luật pháp để ngăn sai quấy, lập hình phạt để trị tội. Từ Diêm-phù-đề này cho đến trăm ức Diêm-phù-đề khác, từ bốn thiên hạ này cho đến trăm ức bốn thiên hạ khác, núi Thiết vi to lớn... đều từ lúc này mà thành một đại thiên thế giới là một cõi Phật. Rồi tuổi thọ của loài người giảm dần, giảm còn mười tuổi, giảm rồi lại Tăng, Tăng đến tám vạn tuổi, hai vạn tuổi đầu thì có Thiết Luân Vương, bốn vạn tuổi kế thì có Đồng Luân Vương, sáu vạn tuổi kế thì có Ngân Luân Vương, tám vạn tuổi sau thì có Kim Luân Vương. Như đây mà thống lãnh một Diêm-phù-đề cho đến hai, ba, bốn thiên hạ. Nay là kiếm giảm thứ chín của Hiền kiếp, còn mười một kiếp kia có thể biết rõ. Cuối một kiếp giảm, giảm đến ba mươi tuổi thì có lần tai ương đói kém kéo dài bảy nằm bảy tháng bảy ngày. Giảm đến hai mươi tuổi thì có một tai ương bị dịch bệnh kéo dài bảy tháng bảy ngày, giảm đến mười tuổi thì có một

tai ương đao binh chém giết nhau suốt bảy ngày bảy đêm. Khi kiếp đã hoại thì lửa dữ cháy suốt chín trời phá tan đến trời Tam thiền. Rồi nước mênh mông dâng đến cõi này (bảy lần lửa cháy thì có một lần nước dâng, bảy lần nước dâng thì có một lần gió thổi tan hết). Mọi vật tan mất hết rồi thì trở thành kiếp không, kiếp không đã thành rồi thì sau đó kiếp mới bắt đầu. Kinh nói Thành - Trụ - Hoại - Không đều phải trải hai mươi tiểu kiếp làm thành đại kiếp.

Phàm cao dày không gì lớn hơn trời đất, lâu xa không gì qua cổ kim (xưa nay). Lớn lao thay Phật (Đại Thành) đã biết rõ chỗ bắt đầu của trời đất, chỗ chung cuộc của trời đất, biết chỗ cao của trời chỗ dày của đất, biết sự chiếu sáng của mặt trời mặt trăng và các sao, biết rõ sự đi về của kiếp biết xưa đã qua biết nay sắp đến. Thấy rõ nhất không gì bằng Thiên nhãn, nghe rõ nhất không gì bằng Thiên nhĩ, biết rõ ý niệm không gì bằng Túc mệnh thông. Có cái gương sáng rỗng suốt này mà chẳng khắp thiên hạ đều không. Cho nên che trùm không kín được, mặt trời mặt trăng không chiếu đến được, sương mù không rơi vào được, thuyền xe không chở được, mong thấu suốt ở tâm mục huống là một khu ở Oa Giác. Thương tôi sanh ở trong ấy mà làm Ê-kê, mà làm ve sầu, làm sao biết được sự rộng xa của vũ trụ, sự dài lâu của năm tháng thành ức, há ức năm là kiếp, phàm nhiều đất làm cõi nước há cõi nước là thế giới. Vua Thang hỏi Cách Nhật: Trên dưới tám phương có chỗ cùng cực chăng? Cách đáp: Ngoài cái vô cực lại có vô cực. Nhiễm hữu hỏi Trọng Ni: Lúc chưa có trời đất có thể biết được không? Trong Ni đáp: Xưa cũng như nay. Thế nên biết các vua Tiên Triết đến các Tiên Nho đều có biết chỉ vì ngầm xét mà thôi. Phàm lên núi Mông mà không coi nhỏ (khinh khi) kẻ ngu độn (xem nước Lỗ là nhỏ), phàm lên núi Thái sơn mà không coi thường thiên hạ(xem thiên hạ là nhỏ) huống là có cao như núi Thái sơn thật chẳng dối vậy - Xưa vua Huỳnh Đế ngủ ngày mộng thấy dạo chơi nước Hoa Tư, chẳng biết nước ấy có mấy ngàn vạn dặm, bởi không phải sức thuyền xe mà đến được. Nước ấy không có Sư trưởng, tự nhiên mà có trí, không chết ác, không chết yểu, không biết quí mình mà khinh người, nên không thương ghét, không biết trái nghịch hướng thuận nên không có lợi hại. Đều không có chỗ thương tiếc cũng không có chỗ kiêng sợ. Khi Huỳnh Đế thức dậy thì vui mừng có chỗ được. Tôi khảo cứu suy nghĩ nước ấy thì như thiên hạ của Bấc Tước (Uất) (cõi Bắc-cu-lô-châu). Ở ngoài Cửu vi (chín châu của nhơn gian) ở trong Doanh hải (là biển lớn ở phía Bắc núi Tu-di) nếu không phải sức của Thiên Lão, Lực Mục, Thái Sơn Kê thì không thể biết được (ba

người này là tôi của vua Huỳnh Đế) vì Huỳnh Đế chánh tâm sửa mình cầu đạo nuôi thân điều khiển vật cho nên có Thần dạo chơi như thế. Nếu không phải Bắc Châu thì không mộng được như thế. Cho nên ta dạy (nói) các người trung Tiểu thừa (bậc tiểu thánh) kiếp trước kiếp sau đều tám vạn thấy nghe hai ngàn cõi bậc Bồ-tát thừa (bậc trung thánh) thì thấy nghe được ba ngàn cõi. Bậc Đại thánh (Phật thừa) thì tất cả đều thấy biết. Mặt trời mặt trăng và các sao đều sáng rỡ trên không. Mặt trăng mặt trời không có hưng vong, các sao cũng không đầy vơi, một ngày một đêm chúng chiếu bốn Đại châu hướng theo Nam Bắc để phân lạnh nóng (mùa hạ thì mặt trời gần Bắc, mặt trăng gần Nam; mùa đông thì ngược lại) do gió giữ gìn, di chuyển chẳng ngừng mà không rơi. Phía trên có các Trời ở. Ngày đêm dài ngắn so với phương này thì phân chia thời tiết đồng nhau mặt trời to năm mươi mốt do-tuần, mặt trăng to năm mươi do-tuần, sao to thì một do-tuần, sao nhỏ thì một Cu-lư-xá (một do-tuần # ba mươi, bốn mươi dặm, một Cu-lư-xá= hai dặm. Một do-tuần của Tiểu thừa là mười sáu dặm) mặt dưới của mặt trời mặt trăng mà ở lỗ sao rơi như mưa, ở Tống có năm vẫn thạch. Bởi đó bỗng nhiên mà có điềm lành điềm dữ.

Nhà Nho nói ở ngoài Đông nam hải, trong Đại hoang, tại Cam tuyền có nước Hy Hòa, có người con gái tên Hy Hòa, sanh mới mười ngày thường tắm ánh nắng mặt trời ở Cam tuyền. Ở đời vua Nghiêu có mười mặt trời hiện ra sai quan bắn thì chín mặt trời rơi xuống. Đến thời Chí Đức, thì mặt trời mặt trăng như họp bích, năm sao như Liên châu. Các sao đi từ Đông về Tây, mặt trời mặt trăng trái trời mà về Đông - Thái Hạo vẽ Bát quái thông Thần minh mà làm sách kết dây. Bà Nữ Oa bắt trời lập cực, cùng với Chuyên Húc tranh làm vua, cùng với Đầu Xúc chẳng khắp núi, chống trời vạch đất duy tuyệt. Cho nên trời nghiêng về Tây Bắc mặt trời mặt trăng và các sao tựu hội. Đất chẳng khắp Đông Nam nước trăm sông từ xa kéo về. Dương Châu nói: Việc Thái tổ (quá xưa) mất rồi ai ghi chép. Việc của Tam Hoàng hoặc còn hoặc mất, việc của Ngũ đế hoặc biết hoặc không, việc của ba vua hoặc ẩn hoặc biển. Theo lời biện biệt của Dương Tử thì ta là chất gì. Trọng Ni nói: Ngũ (5) đế là dùng ở thuyết Tam (3) vương là dùng ở độ, xa thì chỉ do ngôn thuyết, gần thì cần pháp độ, xa thì chỉ do ngôn thuyết, gần thì cần pháp độ. Trung Quốc coi cái cao nhất trong thiên hạ thì không gì to cao hơn gò (núi) Côn lôn. Trên có mây (ráng) năm phương, dưới có sóng năm sắc. Nếu không phải là bậc Đại nhân lịnh tiên thì không đến được. Cho nên vua Huỳnh Đế lên đó trông về phía Nam mà trở về, vua Chu Mục

vương đãi yến Vương Mẫu ở Dao trì. Bèn từ đó mà lồng lộng giáng xuống sức tạo hóa.

Riêng Phật giáo thì lấy núi Tu-di cho là lớn nó từ nước biển mọc lên cao, tám vạn do-tuần cao rộng do bốn báu tạo thành, dưới bốn phía đều có tầng bậc. Trên hết thì có cung điện của trời Tứ đại (thiên) vương làm rào ngoài cho Đế-thích mà giữ gìn Tu-la. Ở trên đảnh Tích-lô vuông vức tám vạn do-tuần thì bằng phẳng và êm như bông, là nơi đóng đô của Đế-thích. Ở bốn phương có tám trời bao vây hầu vua ở giữa là trời ba mươi ba (Đế-thích ở đấy, là trời Đao-lợi nhiếp giữ cả ba mươi hai trời kia). Các núi trên biển có nhiều trời ở trên đất, bởi là kinh đô của bốn trời Tứ thiên vương. Đó là phương trượng Bồng Lai, năm rất dài, cõi rất đẹp, ngọc vàng sáng rực làm đầu đài lầu các. Chuyên làm Tiên đạo, là nơi tập họp dạo chơi của các thần tiên. Nguyện làm vây cánh mà ở, làm đùi vế mà hộ vệ trời Đế-thích, có nghiêm có dực mà thống lãnh các trời. Chiếu trùm các cõi, ngự điện Thiên luân, lưới kết châu sáng rực cả vùng mà hiển bày các thứ. Cho nên tội phúc sống chết thọ yểu, cát hung, gặp gỡ đều hiện rõ trong châu. Thế nên bậc thượng lưu (Thánh hiền, vua quan). Có tội thì trời hình phạt, còn tội của kẻ hạ dân thì trời nhờ các bậc ấy hình phạt. Còn người thiện thì có phước cũng như thế. Người quân tử thì nói họa phước do mạng trời, nói giản dị là do lòng vua. Lại nói cát hung chẳng lạm (quá mức), nói Càn đạo (đạo trời) là chánh. Cho nên Thần nông hậu tắc ở người thay trời mà nuôi Cao Đào và Bổ Hình thay trời mà hình phạt. Vua Thành Thang phát từ nhà Chu thay trời mà đánh dẹp. Truyện nói Triệu Bá thay trời mà trị. Hoặc là hướng từ dùng năm phước (là thọ, phú, khang ninh, Du Hảo Đức, Khảo Chung Thọ), oai thì dùng sáu cực (là hung đoản chiết, tật, ưu, bần, óc, nhược). Không phải là Thánh nhân thì không thể thấy được các hiện tượng của luân thường. Đại phạm là tôi của Đế-thích, Đế-thích là tôi của Tứ Thiên là tôi của các thần (Đại phạm có tôi là Đế-thích, Đế-thích có tôi là Tứ Thiên, Tứ Thiên có tôi là các thần) cho đến các hậu. Sách nói: Dám dùng trâu đen mà cúng tế chiêu cáo các Thiên thần hậu, ngẫu nhiên mà được chẳng phải đại thiên ư? Nếu chẳng thể thì trời xanh không thơm không thúi, ai thật là chúa tể. Phàm có việc ở Viên khâu mà tế Hạo Thiên Thượng đế, cúng tế các thần ở bốn phương, lễ mặt trời mặt trăng và các sao. Đây hoặc là thơ (việc) các trời Đại Phạm vương, Thiên Đế-thích, Tứ thiên vương v.v... phàm năm khí năm giao Đế lên đàn, họp tế năm thần, cùng tế trăm thần hoặc là Tứ thiên vương Đế-thích. Chỉ đời sau làm theo phép xưa đã bày. Xưa tức là thời Hồng

Hoang rất thuần phác tỉnh lược, đều do chiếm cứ đất đai theo vận khí Ngũ hành, mà thành, bày ra lễ kinh gọi là thần kỳ (tế thần), giết vật sống mà cúng tế, tên có khác, nhưng việc thì phù hợp giống nhau. Nên ở Tây vực không có đàn để cúng tế mà có đền Trời (Thiên Tử) cũng có phong tục giống cõi Hoa Hạ (Trung Quốc) này.

Xưa Triệu Giảng Tử hưởng vui ở Điếu thiên, vua Tần Mục Công lạy ban cho Thuần Thủ. Bởi Thần cùng Trời giao nhau, hồn đi mà thân còn, cao thấp tuy xa mà ứng rất gần. Giáp Sanh làm Tố Bị Phát. Lưu Ước có thỉnh Mỹ Ngọc. Bởi trời trao cho linh tính bày chết cho biết, nếu không thì dân thường ai tin.

Từ ba mươi ba trời này đều ở trên không nêu không có thần thông thì chẳng đến được, phàm có hai mươi sáu trời ở trên nhiều từng mây, sống rất lâu (từ năm trăm năm đến tám vạn kiếp). Hoặc là mây nhỏ hoặc là hình nhỏ hai mươi tám trời này cả bốn loài trong ba cõi đều nhiếp hết.

Hổn Thiên Nghi nói: Trời như cái trứng gà, đất như lòng đỏ mà ở trong trời. Trời lớn đất nhỏ, trong ngoài có nước. Trời đất đều nương mây mà đứng, nước nâng mà nổi.

Có người thích hỏi bảo rằng: Bàn Cổ kia nói: Nơi nào đất dày thì đến đó mà ở, ngoài Hổn Thiên ra thì ai che chở. Mà một nhà học giả ấp úng lo nghĩ gì để được việc ấy - Sông xuất phát từ núi Côn lôn, chảy về tích chứa ở Thạch sơn bị vua Võ mở đường dẫn nước đi, chảy qua Trung Quốc rồi dần chảy ra biển Đông. Sông Hoàng hà này từ ao A-nậu-đạt chảy ra. Ao này từ phía Bắc Trung thiên qua Thất hắc sơn đến phía Bắc núi đại Tuyết sơn và Hương túy sơn, mà chảy ra phía Nam hai núi ấy, vuông vức năm mươi do-tuần, bốn báu làm bờ, bốn mặt đều chảy ra một sông lớn rồi chảy về Đông. Các sông này từ Thông sơn phân lưu mà chảy ngầm.

Phù Tang Linh Kha lên ở Đại Minh, hoặc đây là cây Diêm-phù, nó lớn cả trăm do-tuần, quả nó ăn được, đầy cả vùng cực Nam ở châu này. Các và chim to lớn tức là loại cá Ma-kiệt và chim Ca-lăng-la (kim sí điểu). Vua Sở chẳng biết được loại bèo thật, người họ Tạng sai đem tế ở Viên cư. Nếu như không gặp Thánh Khổng Tử thì liền bảo hai vật ấy là lạ lùng. Cho nên Phương Hạ xưa nay, nước Yên nước Việt ở trong quan ải ở ngoài quan ải thì lời nói ấy với vật đồng mà tên chẳng đồng (phương là bốn phương, Hạ là Trung Quốc, Yên ở Bắc, Việt ở Nam nói năng tên gọi có chỗ chẳng đồng). Nếu là khác cõi sao lại là đó - Ở chân núi Tu-di nước tám công đức dùng làm biển lớn (nước tám công đức:

Một là trong, hai là lạnh mát, ba là nhẹ, bốn là mềm mại, năm là thơm, sáu là chẳng thúi, bảy là uống vào không hại cổ họng, tám là không hại bụng), sâu rộng cùng đồng với Tu-di. Biển bao quanh núi. Bên ngoài biển lại có hai núi như biển Luân vi, cao dày bằng phân nửa núi Tu-di. Trên ngọn cao ngang mặt trời mặt trăng. Có các núi khác biển khác vây quanh, đã thấp lại hẹp, ngoài núi thứ bảy mới có biển mặn. Mà bốn đại châu ở bốn mặt núi Diệu cao đều ở trong biển mặn. Đó gọi là một tiểu thế giới, một ngàn tiểu thế giới gọi là tiểu thiên, một ngàn tiểu thiên gọi là một trung thiên, một ngàn trung thiên gọi là một đại thiên. Đó thì biết trời đất vô cùng. Phẩm vật lưu hình cái gì ở ngoài Lục hạp. Áo Nho áo Đạo danh và lý đều cao quí. Có Vụ Huyền tiên sanh luận sâu Nho học, nhà có nhiều sách đạo, bảo rằng từ xưa nay tôi bình chú thì chỉ có đạo Phật là rộng lớn. Tôi không thể nghĩ bàn, tuy là cuối đời của Thánh nhân đều được bã rượu mà chua ngọt mập gầy ai chẳng nói là khác. Cho nên kiếp xa nếu chẳng phải Lệ Thủ thì không thể tính đếm, Diệu Linh nếu chẳng phải là khoa phụ thì chẳng toại lòng. Bởi Đông, Tây, Nam, Bắc bốn biển đều có bờ. Hỗn Nghi, Chiết Thiên, Thiên Khung Long Tuyên Dạ, trải tạo hóa một khối mà thôi. Xưa là Thánh nhân Trung Quốc biết đến (nay) mà dấu đi (xưa), xét đi (xưa) mà biết đến (nay), xét hết Thần mà biết Hóa, rõ đầu mà biết cuối. Dẫu chưa đến (phi thời - không phải thời) nhưng đạo chẳng dối làm. Vả lại sửa kinh Bá Ích mà biết dấu vua Đại Vũ, đặt ra Tam cương, Ngũ thường, lạy khắp Hoa Hạ, đó gọi là một thiên hạ. Đến như bốn loài rợ Bì Phục, Điêu Đề, Tả Nhâm, Cùng Phát đối với Vương Hóa còn thô lậu đều theo về cống nạp. Có đến thì ghi chép còn không thì thôi, huống là cả đại thiên mênh mông không bến bờ, phương sách lại thiếu, không muốn nêu thành văn. Có người cho họ Thích (Phật giáo) là dối lừa (sanh ra), ấy là ganh nhau. Phàm dối lừa (sanh ra) thì trời đi (trừ đi?) từ lâu, sao được truyền khắp (đi trong) thiên hạ. Thật đáng sợ thay ngọn cây thương thâu phương mà cười Nam minh (biển Nam) là xa. Cho nên đem tâm Thánh nhân mà cầu thì vạn thứ đều được, còn đem tâm hẹp hòi mà cầu thì một việc cũng không thành. Như việc hai nước Man và Xúc nghe thân người Tiều Nghiêu cao một thước rưỡi, người Chu Nho cao ba thước mà thật sợ, còn người Tiều Nghiêu và Chu Nho nghe người Phòng Phong Dưu Man và Rợ Trường Địch Kiều Như thân cao ba trượng, xương chất đầy xe, cổ họng rách nát thì cái sợ cũng như Man Xúc nghe Bành Tổ bị hại bởi Thương Tử mà không biết là Thương Tử của Vương Mẫu - Con rắn bò ngoằn ngoèo mà đi nhanh hơn gió, con quì một chân mà nhảy nhanh hơn rắn. Cho nên riêng nhỏ

mà chẳng biết lớn, riêng gần mà chẳng biết xa, riêng cô quả một mình là khác biệt đông. Sao không đúng như thế ư?

II. THÁNH NHÂN SANH

Đạo khế hợp với vô vi, có nhơn và đức cao hơn người, hóa khắp muôn hạnh thì gọi là Thánh nhân đây là chỉ cho Phật Thích-ca Mâu-ni giáng sanh.

Đo là 08 tháng 02, mùa xuân năm Giáp dần đời Châu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, Đại thánh sinh ra ở nước Ca-duy (Ca-tỳ-la-vệ - dưới cây vô ưu, tại cung thành vua Tịnh Phạn ở Trung Ấn Độ) khắp bày Đức giáo ở Ngũ Thiên trúc mà người Châu không biết.

Trước hết sông suối dâng đầy, đất đai rúng động khí lành bay lên không xâu suốt Thái vi khắp hiện sắc xanh hồng ở phương tây. Vua hỏi Thái sử Tô Do rằng: Điềm lành gì thế? Thái sử đáp: Có đại Thánh nhân sinh ra ở Tây phương. Vua hỏi: Đối với thiên hạ như thế nào? Đáp rằng: Bây giờ thì không có gì khác, nhưng một ngàn năm sau thì Thanh giáo truyền dạy khắp phương này. Vua nhơn đó khắc bia đá để ở Nam giao. Xưa nước Cao Ly hỏi người Tề thì sư Pháp Thượng cũng lấy văn này mà đáp. Phàm Chiêu Vương nối nghiệp các vua Văn - Võ - Thành - Khang đem hình phạt trị nước. Có dịp suy nghĩ về vô vi, cẩn trọng về Đạo mà mắt thấy các điềm lành nhưng tâm không tinh cầu. Bởi phước ứng đến đây cho người có số.

Xưa thế giới mới thành có ngàn hoa hiện ra là xa báo tin ở Hiền kiếp có ngàn Phật ra đời. Nay là kiếp giảm thứ chín, tuổi thọ của người từ sáu vạn tuổi xuống còn trăm tuổi, mà bốn Phật hiện ra đời (Phật Câu-lưu-tôn ra đời người sống sáu vạn tuổi, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni ra đời người sống bốn vạn tuổi, Phật Ca-diếp ra đời người sống hai vạn tuổi, Phật Thích-ca ra đời người sống một trăm tuổi). Các Phật khác ở khắp kiếp giảm khác. Đại thánh nối tiếp Phật xưa từ cung Tri túc (Đâu suất) giáng thần sanh vào cung vua, chiếu sáng khắp trăm ức, từ đó mà theo các trời đại oai đức đến các thần quỉ trên dưới biết đã đúng lúc. Bèn ở vườn Tỳ-lam dưới cây Ba-la (vô ưu) mà từ hông hữu sanh ra. Xưa người sanh ra có ráng hồng thì được làm vua trị đời, cho nên Đại thánh cũng dùng voi trắng làm điềm lành. Xưa vua Nghiêu có tám lông mày hai đồng tử mà làm vua lớn, cho nên Đại thánh cũng dùng ba mươi hai

tướng mà biểu hiện ngôi bậc. Nước có Lão tiên (vị Tiên già) bảo vua rằng: Than ôi, Vương tử có tướng kỳ lạ, nếu ở tại gia thì làm Chuyển luân vương, nếu xuất gia thì sẽ thành đạo Vô thượng. Xem tướng hảo đẹp sáng tỏ ắt là chẳng ở tại gia. Vua Tịnh Phạn nghe nói thì lòng rất buồn lo. Thật là nối ngôi nước không phải ở đây thì họ ta sẽ mất. Dân chúng không bảo hộ con cháu mà xưng là khách của nước thì nước ấy sao còn. Mưu đồ được an thì hết lòng làm, lập người giữ gìn và dạy dỗ, trải các việc học bắn cung cỡi ngựa. Vương Tử bèn ngồi xe dê đến trường học, học ba điều : phụ - quân - sư trưởng. Từ đó ngồi voi khảy đàn bắn cung cỡi ngựa đấu vật đánh nhau, làm đủ các thứ đều đứng đầu thiên hạ. Lại làm cung Thiếu dương rồi tìm chọn mỹ nữ hầu hạ và cưới con gái của vua Thiện Giác là Gia-du-đà-la dung nhan đẹp đẽ tiết hạnh đoan trang, dùng đủ mọi thứ âm nhạc hay quí cốt làm vui lòng Thái tử, tổ chức yến tiệc vui chơi. Nhưng Ngài vẫn tai ngơ mắt lấp mà chuyên tinh đạo tánh. Vào ngày 08 tháng 02 tiết xuân, thời cảm ứng đã đến nên quỉ thần họp bàn mưu giúp. Đêm chưa hết, buồn thương dần lòng, chán việc vợ con, phóng ngựa bay lên không, đến Thanh sơn mà cắt tóc. Thể luôn vui mà hóa độ thiên hạ. Than ôi, người tính thua quỉ tính, quỉ tính thua trời tính. Người mưu tính là theo dục, trời mưu tính là theo đạo, quỉ không phải kẻ địch của người huống lại giúp trời ư? Thế nên lính giữ thành bỏ cửa, kẻ canh gát lỏng lơi, người tấu nhạc im tiếng. Vì họ hôn mê không rảnh rang há làm tròn chức phận. Cho nên chất sanh ra tuy nói tánh trời, công còn độ vật mà chẳng được làm Thiên tánh.

Vua cha thấy Thái tử chậm trở về cung âm thầm nhìn núi rừng người đi mãi không về, bèn khóc lóc ủ uê. Rồi mời trong tộc họ các anh em cậu chú năm người mà đến tìm. Khiến hầu hạ ấm lạnh giúp Thái tử hành tàng mà không trái ý Thái tử, qua sáu năm thì đều tỉnh ngộ. Tu khổ hạnh mà chẳng được công đức gì. Bèn cho bụng no mới là chí đạo. Rồi tháng ấy ngày ấy đêm ấy khi sao hôm đã chuyển, các động đã yên, ngồi tòa Kim cương như rồng cuộn khúc, dứt hết đại nạn muôn đức đến chầu. Lồng lộng nhiều kiếp hồng huân bèn như một phút giây. Phàm như những vật nhỏ nhặt dần dần tích chứa từ lâu xa như nhiều bụi của đất, nhiều đá của núi, nhiều giọt nước của biển bỗng chốc mà thành đại dụng. Đại sĩ đến tu Đại hạnh làm thiện không trái dùng hạnh nguyện Phổ Hiền mà vào tất cả. Cho nên vào sáng nay thân ấy khắp ngồi tất cả Đạo tràng. Mà kẻ tiểu trí thì thấy là thân trượng sáu bậc Đại sĩ thì thấy lớn xa. Lớn xa thì bao gồm báo thân, còn trượng sáu thì là hóa thân. Nó cũng như ngồi đáy giếng nhìn trời tùy miệng giếng lớn nhỏ mà thấy trời

rộng hẹp. Thương thay biển khổ chìm nổi thác dữ cuốn trôi, gặp ai trước để độ thoát. Do đó, mà nhìn quanh dụ dự trải hai mươi mốt ngày đêm. Rồi đi nhanh đến vườn nai. Vườn Thí lộc Phật xưa đã hóa độ. Nay được năm người ở đất này (là năm anh em Kiều Trần Như) họp với chuyện xưa. Kịp đi ba lần Chuyển pháp luân mà chứng ngộ chẳng đồng. Lúc ấy Thần đất lên tiếng trăm thần đều theo, trên thấu chín trời, dưới thông Địa phủ, khắp cả tám phương trời người đều mừng vui, mặt trời mặt trăng chiếu sáng không ai chẳng vui mừng khen ngợi, quần linh hòa vui, muôn Thánh suy tôn Đại giác là Pháp vương. Lúc đó là thời Châu Mục Vương nước Cực Tây có Hóa nhân đến, vào được nước lửa, xuyên qua vàng đá núi sông, dời được thành ấp, bay trên không chẳng rớt, gặp vật cứng không ngăn cản được, ngàn biến vạn hóa vô cùng cực. Đã đem hình biến đổi vật lại lo dị nhân. Mục Vương kính như thần, thờ như vua. Hóa nhân bảo vua cùng dạo chơi. Vua nắm tay áo Hóa nhân bay lên không trung mà đến cung điện của Hóa nhân. Cung điện cấu tạo bằng vàng bạc và châu ngọc, ở trên mây mưa chẳng biết ở dưới là đâu, nhìn thì thấy toàn mây. Vua bèn ở đấy mấy ngàn năm chẳng nhớ quê cũ. Hóa nhân lại rủ vua cùng đi. Chỗ trở về ngước chẳng thấy mặt trời mặt trăng, cúi nhìn chẳng thấy sông biển, ánh sáng chói lòa chẳng thấy được gì, tiếng vang dội tai chẳng nghe được gì. Vua xin Hóa nhân trở về. Hóa nhân dời đi, vua như từ trên không rơi xuống. Tỉnh lại ở chỗ ngồi như cũ. Vua hỏi ở đâu về, tả hữu nói vua chỉ ngồi im vua từ đó ba tháng không trở lại (nhớ gì). Lại hỏi Hóa nhân, Hóa nhân nói ta cùng vua thân vía dạo chơi, thân sao động được. Lại chỗ ở xưa đâu có cung vua khác, chỗ dạo xưa sao khác vườn cũ. Vua rất vui. Bỗng nghĩ đã gặp Phật nhưng chưa biết là Phật. Tiếc thay! Vua nói phàm người chưa thấy Thánh hoặc không được thấy. Đã thấy thánh rồi cũng chẳng do thánh (dùng được), thật là ở đây. Cây Bồ-đề rậm mát, tòa Kim cương bất động. Cây là biểu thị cho tòa, ngồi tòa ấy thì nhờ cây ấy. Cây ấy tốt đẹp chớ chặt chớ đốn, tòa ấy chắc chắn chẳng sụp đổ. Thánh nhân thành đạo mà đức trong cả thiên hạ. Chỗ này ghi dấu thánh tích nơi khác không có. Cho nên Tiên vương ngoại quốc, khắc đá làm tượng Nam Bắc nêu chí để xem Di hóa.

Lão Tử sanh năm Châu Định Vương ba, ngày 14 tháng 09 tại nước Sở, quận Trần, thôn Lại, làng Khúc nhân, họ Lý, tên Nhĩ, tự là Bách Dương, thụy là Đam. Trọng Ni sanh ở năm Lỗ Trương Công hai mươi, mùa Đông, thôn Bình nước Lỗ. Lão Tử ngầm biết Năng Nhơn (Phật?) Trọng Ni hỏi Lễ với Bách Dương về kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh, lấy

Đại Ca-diếp làm Lão Đam, lấy Nho Đồng Bồ-tát làm Khổng Khâu - Kinh Thăng Tây (tức Đạo Đức kinh) nói: Thầy ta hóa đạo Thiên trúc khéo nhập Nê-hoàn. Đây bèn giữ gìn đạo không dám đứng trước thiên hạ. Đức của Lão Tử toàn là ở đây. Thi nói: Không ganh đua thì chỉ có ở Lão Tử. Phù Tử nói thầy của Lão Tử là Thích-ca Văn. Đây hoặc là theo lời Lão Tử. Xưa Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử rằng: Ngài (Phụ Tử) là Thánh chăng? Đáp rằng: Ba vua khéo dùng trí dõng, Thánh thì Khâu này không biết. - Năm đế là Thánh chăng? Đáp: Năm đế khéo dùng nhơn tín, Thánh thì Khâu này không biết. - Ba Hoàng là Thánh chăng? Đáp: Ba Hoàng khéo dùng thời chính, Thánh thì Khâu này không biết. Thái Tể kinh hãi hỏi vậy lấy ai làm Thánh nhân. Phu tử nghiêm sắc mặt đáp rằng: Ở phương Tây có Thánh vậy. Chẳng trị mà không loạn, chẳng nói mà tự tin, chẳng dạy mà tự làm. Thênh thang người không thể gọi tên. Thể mới biết đạo nho sáng rỡ như mặt trời trên không nhưng lại khiêm nhường như thế, bởi Thích sư đã ngầm hóa độ - Ba giáo Huyền thuyết đồng nhau, (?) chỉ có pháp Bi có nhiều cách, kinh sách có nhiều môn Thích tông thì dùng nhân quả, Lão Tử thì nêu hư vô, Trọng Ni thì dùng lễ nhạc. Từ cạn vào sâu, lời huyền vi làm giáo thích hợp với đương thời, giúp nhau làm đẹp. Cũng như trời đất bốn mùa nếu không có lúa thóc rau cỏ thì chẳng phải xuân, chẳng có cỏ thì chẳng phải thu. Cho nên Nho giáo thà dần đến (Tiệm chí), Ân Thang sửa chú, chỉ câu và không lưới cá. Lão Giáo thì Trung chí, một là từ, hai là kiệm, ba là chẳng dám đứng trước thiên hạ. Thích giáo thì Cực chí, từ chim thú nếu giết hại đều bị trừng phạt. Như có người dùng Thích giáo khiến người ở lậu tận như có người dùng Lão giáo khiến dân rất xung hòa. Như có người dùng Khổng giáo khiến dân lên Nhơn Thọ. Do đó Đại thánh (Phật) sanh ra đời Châu Chiêu Vương. Người năm thiên, ấp ngàn thặng, vua trăm xe đều do Thánh trí - hai giáo sanh ra ở đời suy mà Đại Đạo rất cao rộng, cho nên Lão Thánh, ngầm ở Long Đức ẩn ở Trụ hạ, Tử khí xông lên ở quan ải xa đến Lưu Sa. Trọng Ni thì Tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiếu chương Văn Võ, từ Vệ trở về Lỗ mà sửa kinh Xuân Thu Cảm Linh Ứng ấy tay áo lau mặt bảo đạo ta đã cùng, đều chẳng phải chí ta. Mà kẻ biết đạo thì có quan Duẫn, kẻ biết đạo Nho thì có Nhan Hồi làm hai giáo thì có Bá vương (trăm vua?). Lão Tử là Cao Tiên, Trọng Ni là Tố Vương. Thánh mưu mênh mông cùng với trời đất mà vô cùng. Lúc đó có người thấy giận (Uẩn kiến) bảo rằng: Nếu chẳng chê đè hai giáo thì dạy mà có đức nào. Tôi bảo ông ấy chẳng biết chỗ mâu thuẫn. Kinh ta đã do hai người chí hóa đến nay đã suy vi (Ca-diếp là Lão Tử, Nho đồng

là Trọng Ni) thời trái nghĩa ấy.

Năm Châu Mục Vương thứ năm mươi hai, Nhâm thân, ngày 15 tháng 02 thì Đại Phật Thánh tịch diệt. Ngày ấy mây đen bốn hướng nổi lên, gió bão, đất đai rung chuyển, ở phương Tây có mười hai luồng ráng trắng xuyên ngang Nam Bắc suốt đêm không mất. Đó là tướng suy.

Đầu tiên Mục Vương nghe phương Tây có Thánh nhân lại thấy khí sáng, lo không trọn Chu Đạo bèn sai Lữ hầu hội họp chư hầu ở Đồ sơn đê dự bị có tai biến đến, đó đều là khải ốc (bầy tôi khuyên vua làm tốt).

Thuở xưa Đại thánh phó thác pháp tạng cho Đại Ca-diếp. Việc xong đến Song lâm Đạo tràng. Cuối cùng nằm trên giường bảy báu đầu xây về Bắc trong đêm vắng lặng im không tiếng động, mặt trăng Chánh biến tri ẩn vào núi Niết-bàn. Muôn thứ chấn động, suối khô núi sụp, ác tinh chợt rơi các sông chảy ngược. A-nan tâm chìm biển lo âu. La-hầu-la chỉ quán vô thường, bậc hữu học và vô học đều sầu thương. Các trời than khổ thay rừng Ta-la. Bốn đôi tám lẻ hợp thành hai cây mà buông rủ xuống, đua bày sắc trắng bạch hạc nên gọi đó là cây hạc. Cành lá đều ngậm sương, đông giá chẳng điêu tàn, cho nên gọi là rừng kiên cố. Khi xưa lúc Đại thánh sắp ở vô vi từ thành Tỳ-xá-ly ra đi đến bờ sông Nam (phía Nam sông Hằng) Phật ngồi trên tảng đá vuông bảo A-nan rằng đây là lần cuối cùng ta thấy tòa Kim cương và Vương xá thành mà lưu lại vết tích. Cho nên nay trên đá có dấu hai chân Phật dài một thước tám tấc rộng sáu tấc (một thước ba), dưới có tướng ngàn nan xe chỉ rõ muôn chữ hoa văn và bình cá rất rõ ràng. Từ xưa đám tà chê hủy mà lại trở về nguồn (khôi phục lại?). Giáo này Thánh nhân gởi dấu để biểu thị giáo, giáo còn mà dấu chẳng mất. Người xem khóc chỗ nương nhờ mà nghĩ luôn còn tháng hai thời Châu nay là tháng mười hai, vào đêm rằm ở Ấn Độ. Tháng mười hai ấy lấy tên sao mà gọi. Sao mới mọc là sóc, sao lặn là hối, cho nên ngày mười sáu nay phải là sóc họp với ngày ba mươi mà thành. Nửa tháng trước gọi là Hắc phách tử, nửa tháng sau gọi là Bạch minh sanh. Phân mười hai tháng làm ba thời, gọi ngày mười sáu tháng giêng ngày mười lăm tháng năm là Nhiệt Tế. Từ ngày mười sáu đến ngày mười lăm tháng chín là Vũ tế, từ ngày mười sáu đến ngày mười lăm tháng giêng là Hàn tế. Gió lạnh nóng cùng lịch tượng này hội nhau. Xưa chánh (tháng giêng) ba đời có chỗ lấy bỏ. Họ Hạ Hậu chuộng đen, mà lập Dần làm chánh (tháng giêng). Người Châu chuộng đỏ mà lập Tý làm chánh (tháng giêng). Mà Đại thánh (Phật) sinh ra ở đời Châu nên lấy tháng mười một làm tháng giêng (chánh) khác với đời

nay. - Tháng ấy trời đất chẳng mở, rồng rắn trốn mất, Vi Dương ngầm bày ở dưới suối, mầm hung chưa ló lên trên đất. Vì sanh này ứng khí vận mà đến, vì diệt này ứng với đại tạ mà đi phàm ở cuối mà chẳng chết là không phải Thánh nhân. Đã chết mà chẳng thể sanh là chẳng phải Thánh nhân. Chẳng chết chẳng sanh mà có thể sanh chết thì gọi là Đại Thánh nhân. Mà trong Lục hạp vạn loại theo chức phận, không làm hại hữu vi, không làm hại vô vi. Sanh mà lại sanh, chưa bắt đầu mà có cùng cực. Mà Thánh nhân ứng sanh thì sao lại có cùng cực. Do đó mà Đại thánh sanh cái sanh của đời, diệt cái diệt của đời sanh diệt là vật chắc chắn chẳng ở mình.

Ngày mồng tám sanh ra biểu thị cho hoa đầu tiên trọn đầy. Ngày mười lăm mà tịch diệt là hiển bày đầy mà lại vơi. Đầy thì thấm nhuần hoa, vơi thì hại đầy. Xét ngày ấy để thấy sanh diệt là hữu vi. Lại phương hoạch mà sanh, phản hoạch mà chết. Bởi sanh là hiển rõ tử hối, là trưng bày sáng suy nghĩ mà tối biếng nhác. Than ôi! Quần sanh lăng xăng như ở trong mộng. Hoặc có người thấy Phật sanh đó diệt đó, sống đó chết đó, thể thường còn đó vốn chẳng sanh. Thí như ngủ cùng nhà mà khác mộng. Người mộng cũng chẳng biết mình mộng. Lại có bậc Đại giác biết rõ người ấy mộng, quả có phân mà khác, chẳng thể họp cái đồng ấy mà đồng là chẳng thể lìa cái khác vậy.

Nếu năm Châu Trang Vương thứ mười là Phật sanh là xét theo Sử Lỗ, cắt cong ý kinh chỉ là nhiều xuyên tạc - Có nơi lấy 15 tháng 03 là ngày Phật diệt độ, bởi Tây vức theo lời Tỳ-la-bộ, các Huyết khác thì không như thế. Lão thánh là Tần dật đến Điếu như lại về Châu. Trọng Ni mộng Điện ở lưỡng Doanh - Xét vạn hóa mà đồng hết. Trí trời sanh ra ở vũ trụ, chết rồi về vũ trụ. Đó là chơn hay quyền. Chơn thì tượng Thánh, quyền thì nải Thánh. Nếu chẳng phải chơn chẳng phải quyền thì do thấy mà tâm có khởi diệt (khởi lên và diệt mất).

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 2

III. PHÁP TỊCH HƯNG

(Thiên này nói về lý do kiến lập ra kinh luật luận là giáo pháp một đời của Như lai).

Dưới gốc cây, nhiếp phục quân ma, giúp cho thiên hạ được thái bình (Đức Phật lúc mới thành đạo, ngồi trên tòa Kim Cang dưới cội Bồ-đề tại thành Già-da, dùng năng lực trí tuệ nhiếp phục ma quân, giúp cho pháp giới vắng lặng), thương xót thế gian mà lập giáo suốt bốn mươi chín năm (vì ba mươi tuổi thành đạo, bốn mươi chín năm nói pháp độ người, bảy mươi chín tuổi nhập diệt), chia kinh, luật, luận làm ba tụng (kinh là Tu-đa-la tạng, luật là Tỳ-nại-da tạng. Luận là Ma-đắc-lặc-già tạng), dùng năm giới, mười thiện, bốn Đế, mười hai nhân duyên, sáu độ làm năm thừa (năm giới là nhân thừa, mười thiện là Thiên thừa, bốn Đế là Thanh văn thừa, mười hai nhân duyên là Duyên giác thừa, sáu Ba-la-mật là Bồ-tát thừa). Bao gồm mười hai phần (một là Khế Kinh, hai là trùng tụng, ba là ký biệt, bốn là trùng thuyết, năm là tự thuyết, sáu là duyên khởi, bảy là thí dụ, tám là bản sự, chín là bản danh, mười là phương quảng, mười một là hy hữu pháp, mười hai là luận nghĩa. Cũng gọi là mười hai bộ giáo). Khai bốn tông: (Kinh, luật, luận và chú), (Âm giáo vừa mới khởi mà hiệp cả pháp tâm, có nhấm đặt đó gọi là Cam-lô, cũng có khi cho đó là Trống Độc (Tùy theo bệnh mà, trừ nhiệt não nên gọi là Cam-lộ, chẳng đúng bệnh, khởi phiền não nên gọi là trống Độc). Đấng Chí thánh đã thị tịch mà di ngôn gần dứt, Vương Thành mới đầu nhóm họp đến Thạch Thất (Chí thánh tức Đức Như lai) Đại Ca-diếp vội bảo một ngàn vị Ứng chân, soạn định thuyên tựa để không rơi lạc, thiếu sót yếu chỉ (soạn âm là tuyển, Đức Phật diệt độ, sau khi Trà-tỳ, Đại Ca-diếp bảo ngàn vị La-hán đến hang Tất-bát-đa, kết tập pháp tạng, thỉnh vua Vô Ưu làm chủ Đàn hộ). Quy thị thi vị ấy (thi là chủ, Quy thị là Ca-diếp). đầu tiên là ngài Ưu-ba-ly được đề cử tụng luật Bộ (Ưu-bà-ly là

thợ cắt tóc cho các Thích Tử, khi các Thích Tử xuất gia, bèn trao vòng xuyến v.v... cho, Ưu-bà-ly được rồi trong tâm tự nghĩ: Các người này tánh cao thể quý mà còn xả bỏ, huống chi ta kẻ hèn, giữ vật báu chỉ chịu khổ, bèn treo lên cây, nếu ai cần thì tùy ý nhận dùng, do đó cầu xin xuất gia, thường mở rộng luật Bộ). Ưu-ba-ly rời chỗ ngồi mà đến tòa (Đại Ca-diếp lúc mới đầu ở Tất-bát-la-đặt-ba pháp tòa, một khiến kết tập luật tạng, một khiến kết tập kinh tạng, một khiến kết tập luận tạng. Nên Ưu-ba-ly rời khỏi chỗ ngồi mà đến tòa này) đảnh lễ dưới chân chúng tăng rồi bước lên, tay cầm quạt ngà voi, đúng như những điều trước kia Phật nói, không trái lỗi văn tự (mỗi một đều y như Phật hiện còn mà nói, chẳng thiếu một câu một chữ). Một ngàn vị Lậu tận thay nhau quán xét thay biên ghi, lại đáp lại lời đó, sau mới quyết định, đủ tám mươi lần, nên gọi là Bát thập tụng (Ưu-bà-ly ghi nhớ toàn bộ mà nói. Đại chúng ghi chép xong mà kết tập. Kế đến, bảo A-nan (A-nan vốn vì còn ở giai vị hữu học, chẳng được dự vào số chúng, bị đuổi ra ngoài hang, bèn đem ba cõi chín hoặc buộc thành chín loại, khởi chín thứ vô gián đạo đoạn, chín giải thoát đạo chứng. Sau đó được ba minh sáu thông, dùng thần cảnh thông, theo lỗ hổng ở cửa mà vào, nên được dự vào hội. Ca-diếp bèn bảo kết tập Kinh tạng, Ca-chiên-diên kết tập Luận tạng). A-nan đáp: Thường vâng, như Ưu-ba-ly, qua ba tháng, Ẩm quang ngu dật vong, dùng lực trí nguyện quán sát đó không biển mạn (Ẩm quang tức là Đại Ca-diếp, ngu là lự, Dật vong là tan mất, sợ trãi qua dài ngày tan mất, bèn thường dùng trí nguyện để quán xét không biển mạn). Phàm trăm năm đường dài rộng, người dùng biết dạy răn (từ sau khi Đức Phật diệt độ, Ca-diếp mở mang pháp tạng hai mươi năm, rồi giao phó cho A-nan, cũng hai mươi năm lại giao phó cho Mạt-điền-địa, hai mươi năm, Mạt-điền-địa lại giao phó cho Thương-na-hòa-tu, hai mươi năm sau Thương-na-hòa-tu lại giáo phó cho Ưu-ba-cúc-đa, năm vị cộng lại thành trăm năm, mở mang và hành trì pháp tạng). Sau trăm năm, Ưu-ba-cúc-đa trái thế, pháp tham ... trục (trái thế là viên tịch, phục bên ngoài, gọi là tham v.v... là tàn, dụ cho sau khi Ưu-bà-cúc-đa thị tịch là pháp thừa bị tổn hủy). Tuy bạc xà can hỷ chiếm dấy mười lỗi, mà gồm bảy trăm người như Ly-ba-đa, v.v... không đấm dính mắc, như kim bộc cô mà xuyên lỗ cảo (sau khi Đức Phật diệt độ trăm năm, tại nước Tỳ-xá-ly, có Tỳ-kheo Bạt-kỳ-tử nói mười việc là thanh tịnh, đó là chỉ thức ăn khô, uống sao, nhận cất vàng bạc v.v... mười việc đều bị Phật cấm không cho phép. Trưởng lão Ly-ba-đa và tất cả đến chỗ thượng tọa Tam-phù-na và bảy vị La-hán Trưởng lão ở thôn Sưu-bà v.v... làm pháp

Yết-ma mà dứt diệt tội đó, soạn ra Luật Tứ phần năm mươi bốn quyển. Cảo là lụa trắng, kim bộc cô là tên mũi tên, Lỗ Trang Công dùng để bắn Cùng Trường vạn). Thế rồi, Đại trưởng lão Ma-ha-đề-bà (tức Đại Thiên, vốn là con của một vị thương chủ nước Thổ-hỏa-la, nhân người cha đi xa, bèn gian dâm với mẹ, khi người cha trở về bèn giết cha, sau cũng giết cả mẹ, và A-la-hán. Do sợ tội mà cầu xuất gia, rất thông minh, rộng thông ba tạng) trộm danh của bậc thánh, cậy thế của vương giả (tự nói: Ta đắc A-la-hán, vào cung vua Vô Ưu, thường làm thầy của các bậc vương giả. Hỗ là cậy. Bỉ tránh là tâm, lìa chiết là mỗ, tăng tổn lời Phật, độc loạn thánh điển (nhân ngày rằm, chúng tăng thuyết giới mà vọng có nói năng, độc loạn lời thánh, bất hòa với chúng tăng). Các bậc thánh quở trách thì chống trái mà chẳng trái qua, (thánh chúng thượng tọa quở trách trái loạn lời Phật bèn thành sự tranh cạnh, vua chẳng thể giảng hòa được). Đồ chúng đó nhưng cho rằng trương cắt mà làm quán thù (đồ chúng của Đại Thiên như lông dím mà trương lừng lực cùng thánh chúng chung làm giặc thù) các thánh chẳng khắc ngự hối (khắc là năng. Đại thiên bộ cường thạnh, thánh chúng bộ chẳng thể cản ngăn) bèn chia thành hai bộ (Đại Thiên là Đại chúng bộ, thánh chúng bộ là Thượng tọa bộ). Hai bộ phải lưu truyền rất rộng chẳng trái, mãi trăm năm tiếp xâm thành hai mươi bộ (trong Đại chúng chia ra thành chín bộ: Một là Thuyết bộ; hai là Thuyết xuất thế bộ; ba là Kê dận bộ; bốn là Đa văn bộ; năm là Thuyết giả bộ; sáu là Chế-đa-sơn bộ; bảy là Tây sơn trú bộ; tám là Bắc sơn trú bộ và Bộ gốc thành chín bộ. Thượng tọa bộ chia thành mười một: Một là Thuyết nhất thiết Hữu Bộ; hai là Tuyết Sơn Trụ bộ; ba là Độc tử bộ; bốn là Pháp thượng bộ; năm là Hiền trụ bộ; sáu là Chánh lượng bộ; bảy là Mật lâm sơn bộ; tám là Hóa địa bộ; chín là Pháp Tạng bộ; mười là Ẩm quang bộ; mười một là kinh lượng bộ. Tuyết Sơn bộ là bộ gốc, vậy thành hai mươi bộ). Thương Thay! Hóa thuần là nhạt, Đại nghĩa là thừa. Thuần nhạt là rượu nhạt. Phật diệt độ từ sau trăm năm, chia thành hai mươi bộ, pháp vị bạt nhạt) Chiết vàng tranh điệp, phân sông từ đó uống (thí như một cây gậy vàng chia thành năm đoạn, mỗi đoạn đều là vàng, như Phật pháp chia làm năm bộ. Thân phụ Phật Ca-diếp là vua Cát-lợi-chỉ từng thấy mười điều mộng, đều tiêu biểu cho các đệ tử trong di giáo của Thích-ca; một là mộng thấy một xấp lụa trắng, hai mươi người tranh nhau tấm lụa đó. Mà tấm lụa chẳng rách, tiêu biểu cho hai mươi bộ Đại Tiểu thừa này sau khi tranh nhau thì phân sông mà uống nước! Nên các Bộ nói Khế kinh như vậy, bộ ta chẳng tụng, mà ở tự Bộ đều đến nơi giải thoát (đều cho giáo của tự bộ là lời Phật, còn bộ

khác thì chẳng phải). Tông Đại Thừa: Luận Đại Trí Độ nói là Văn-thù-sư-lợi cùng các đệ tử tổ chức đại hội tại núi Thiết Vi, mời A-nan đến tụng, các Thanh văn chẳng thể dự nghe (luận Đại Trí Độ cũng nói: Đại thừa kết tập là Bồ-tát Văn-thù cùng A-nan, v.v... kết tập tại núi Thiết Vi. Khi ấy đều là Đại thừa, các Thanh văn Tiểu trí chẳng được tham dự). Các Thanh văn nghe điều đó, mê loạn điên đảo, hoặc cho là Biệt thừa (nghĩa là Nhị thừa thật Thanh văn), hoặc có người chẳng xoay tâm (nghĩa là các Thanh văn định tánh chẳng xoay tâm, là thuộc loài nguội tâm bặt trí, nghe nói Đại thừa, mê đảo chẳng tin) các kinh khác, thánh khác, chê chẳng do luận, đâu phải khó của hành mà cũng chẳng thể biết đó ư? (Hoặc có các bậc Thánh của bộ kinh giáo khác và các bộ chê luận mà chẳng lấy. Vì luận là tuệ học, nghĩa lý sâu mầu, học đó thật khó, mà biết cũng chẳng được). Di-lặc soạn Du-già gồm mười bảy địa (một là năm thức thân tương ưng địa, hai là Tuệ Địa. Hai là ý Địa, ba là hữu tầm hữu tư địa, bốn là không tầm chỉ tư địa, năm là không tầm không tư địa, sáu là Tam-ma-hê-đa-địa, bảy là chẳng phải Tam-ma-hê-đa-địa, tám là có tâm địa, chín là không tâm địa, mười là văn sở thành địa, mười một là tư sở thành địa, mười hai là tu sở thành địa, mười ba là Thanh văn địa, mười bốn là Duyên giác địa, mười lăm là Bồ-tát địa, mười sáu là hữu dư địa, mười bảy là vô dư y địa, nêu đủ ba thừa mở bày giảng nói (tiếng Phạm là Du-già, Hán dịch là tương ưng, nghĩa là tất cả thừa cảnh hạnh quả, v.v... tất cả các pháp đều gọi là tương ưng, tức mười bảy địa gọi đó là sư). Sau các học giả coi Văn-thù là pháp tánh, coi Từ Thị là pháp tướng (pháp tánh lấy chân lý dung quán làm môn, pháp tướng lấy thức tướng Hành Bố làm yếu chỉ) mỗi tự phong giữ bờ vực, cũng rong ruổi chương cú, tự khoe đẹp đó (người người sau y cứ tánh tướng có khác, tông về tánh là lấy dung quán làm hay, tông về tướng thì lấy riêng biệt làm khéo, mỗi mỗiđếu y cứ). Đến nỗi khiến Tây cực đông hoa, mọi người mãi đến ngày nay có sự khác nhau giữa hai tông Nam bắc, nên Nam tông thì lấy không giả trung làm Ba quán (Quán Biến kế phiền não không xứ năng hiển chân lý làm chân đế quán. Quán y tha giả có làm tục, Đế quán là quán chân tục hỗn đồng làm đệ nhất nghĩa Đế quán). Bắc tông thì biến kế, y tha, viên thành là ba tánh (Biến kế nương vọng tình mà sinh, y tha mượn các duyên mà khởi, viên thành tức chân lý). Mà Hoa Nghiêm lấy thể tánh đức tướng nghiệp dụng làm Phạm vi pháp giới (tức năng chứng sở chứng thể dụng mà nói phạm vi bao la). Được môn đó, gồm cả Nam bắc, đó như chỉ nơi các lòng bàn tay (học Hoa Nghiêm là thấu đạt cội nguồn tánh tướng, đều hết yếu chỉ Nam

bắc) Ấn-độ truyền pháp, từ Đại Quy Thị đến Tỳ-kheo Sư Tử có hai mươi bốn vị, thường tiếp nối chân cáo truyền bá rộng khắc (từ sau Phật diệt độ, Đại Ca-diếp mở mang giữ gìn pháp tạng, cho đến Tỳ-kheo Sư Tử có cả thảy hai mươi bốn vị, thường lan tỏa dấu vết của Năng Nhân, khéo phất lên ngọn gió mầu nhiệm của tổ thánh) mãi đến lúc Tỳ-kheo Sư Tử bị hại ở Kế-tân, từ đó, tương thừa tương phó mới hết (Tỳ-kheo Sư Tử tuyền pháp đến nước Kế-tân bị vua Kế-tân giết hại, từ đó về sau, pháp tạng tuy truyền mà đạo đó mỏng nhạt! Nhưng giới pháp ngăn ngừa họa hoạn chỉ có Đại thánh cấm chế (giới, tiếng Phạm là Tỳ-nại-da, Hán dịch là Điều phục tạng, vì ngừa quấy ngăn lỗi điều phục ba nghiệp của hữu tình, Đức Như lai đích thực cấm chế rất vì căn dặn). Vì giới tức nghiệp của bảy chi, nghiệp tánh rất sâu, thành đạt trí lực rõ biết vì nghiệp mới tột cùng số đó (bảy chi: Tức thân có ba nghiệp: Sát, Đạo, dâm, không có bốn nghiệp: Ác khẩu, lưỡng thiệt, vọng ngôn, ỷ ngữ, cộng thành bảy chi, thành đạt trí lực là rõ số của nghiệp vậy) nên khai già trì phá, liên quan đến tổn ích, mà Phật trước Phật sau đều chẳng gửi miệng mà nói (trong giới pháp, có khai thì chấp thuận dung thông, có già thì tuyệt làm, có trì là giữ chắc chẳng phạm, phá là lầm phạm chẳng trì. Luật tạng chính do Phật thế, chẳng do giữ miệng mà truyền nói). Lại cao bày giữ lời chẳng phù hành, tâm giúp định tuệ để Huyền giải (Đức Như lai nói lập cấm giới, bày cao ngăn ngừa phù phiếm, tâm tập hành định tuệ để đạt đến Huyền giải. Huyền giải là như dùng dây treo vật, mà treo tuệ giải liễu đạt như mở ra). Nên cũng gọi là Ba-đề-mộc-xoa (Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán gọi là giới biệt giải thoát, nghĩa là bảy chúng nghiêm trì, mỗi mỗi giải thoát riêng biệt. Lại, trì một giới, được một giải thoát). Kinh gồm năm hạng người nói (luận Đại Trí Độ chép: Năm hạng người là: Một là Phật; hai là đệ tử; ba là thần tiên; bốn là trời; năm là biến hóa) để nêu thiện ẩn ác, dẫn vật khởi tin, phân định tà chánh, đều được gọi là nghĩa dây mực (chương là rõ, ôn là bệnh, bệnh ở ác mà rõ ở thiện, dẫn dắt sinh khởi, có người chẳng tin thì dẫn đó khiến tin, người chẳng định thì mổ xẻ người, tà khúc thì sửa đổi ngay đó, như ở đời dây mực năng chỉnh thẳng cong co của gỗ). Bao gồm tánh tướng, chẳng để tan mất, xuyên suốt tâm người, đều được gọi là nghĩa kết man. (trong kinh tánh tướng đều bao gồm nghĩa tụ, trước sau liền suốt, như người ở Tây Vực dùng chỉ xỏ tràng hoa đi nghiêm sức) chỉ ngôn có chuẩn, quy củ hợp độ, mà dân là pháp tắc đó đều được, gọi là pháp nghĩa (giống như lời vua ban ra, thiên hạ đều vâng theo. Quy là tròn, củ là vuông. Vuông tròn đều hợp chế độ làm tiêu chuẩn của người, nên gọi là Pháp.

Pháp là phép tắc). Lời đó như lan, tin theo là hằng, thiên hạ rót đó mà chẳng biết hết đó đều được, gọi là nghĩa thường (Lan là cỏ thơm, hằng là thường, như suối tuôn chảy chẳng khô cạn, nên gọi là thường). Luận gồm cả đệ tử soạn. Vì năng hợp lìa chân tục, buông chứa danh lý, lỗi sâu tại vỏ, phong vị phái thẩm, nguyên do của pháp nghĩa sinh nên đều được, gọi là Ma-đát-lý-ca (Luận là tuần hoàn nghiên cứu điểm huyệt chân tông làm nghĩa. Vốn chỉ do Phật nói rải rác trong các kinh về sau, các thánh đệ tử lớn nhỏ đều cũng soạn mà năng lìa hợp chân tục, khu tánh sắc tâm, định chỉ quy của không hữu, tận lối sâu của danh nghĩa, đó chỉ là luận Tạng. Tiếng Phạm là Ma-đát-lý-ca, Hán dịch là Bản mẫu, năng sinh trí tuệ như mẹ sinh con). Kiểu phục cầm túng, khải tắc quan kiếu (kiểu là dối trá, phục là thuận, cầm là bắt đoạt, túng là buông thả. Đạo của luận nghĩa hoặc dối hiện buông thuận mà sau đoạt lấy nghĩa đó. khải là khai mở, tắc là đóng bít, quan là khóa cửa, kiếu là đường nhỏ, luận tông có mở có bít, có ngăn phòng, bít chốt cốt yếu), Phát mong đích đó, phóng buông có thừa dõng duệ (đạo của quả phát ngôn, phải có chuẩn đáng, như mũi tên bắn đi có phải mang trúng đích, thí là buông phóng, buông phóng nghĩa đề đó phải khiến dõng khí có thừa. Môn khổ lý trong bốn tông chẳng hiển luận tông, v.v...) ngoại đạo khác đảng, chẳng dám khinh hối (luận là dẹp tà hiển chánh nên các ngoại đạo chẳng dám khinh mạn), nên đều gọi là Ưu-ba-đề-xá (tiếng Phạm là Ưu-ba-đề-xá, Hán dịch là luận nghĩa vậy) Pháp là sở đối (thuộc về cảnh sở chiếu) tuệ thì hướng quán (nghĩa là tâm năng chiếu). Hướng thì khắc diệt (nghĩa là trí năng chứng khởi thì các hoặc đều dứt). Quán thì khắc thánh (nghĩa là Tuệ chiếu lý như đèn đó chiếu vật thì năng hiển thánh đạo) nên đều gọi là A-tỳ-đạt-ma (tiếng Phạm là A-tỳ-đạt-ma, Hán dịch là Vô Đối pháp). Xưa một thuở nọ, Đức Phật nói khoảng giữa đây kia mà nhập định (một ngày nọ, Đức Phật nói khoảng giữa đây và kia ba thứ chưa chỉ nhập định), các Đại đệ tử, đều tự lấy sự hiểu biết của mình, đua nhau giảng nói thánh ý, hoặc cho sinh tử là đây, Niết Bàn là kia, đạo là khoảng giữa (sinh tử, nghĩa là hai thứ phần đoạn và biến dịch sinh tử làm đây. Niết Bàn nghĩa là bốn lý của Niết Bàn sở chứng làm kia, đạo thì trí năng chứng làm khoảng giữa). Hoặc là nhãn căn làm đây, sắc cảnh làm kia, thức là khoảng giữa (căn là năng chiếu, cảnh là sở chiếu, thức tại khoảng giữa là năng liễu biệt). Như vậy mới có năm trăm nói, chẳng đoạt nhau với chí (tuy đều chẳng đồng, cũng đều nói lên chí đó) đến lúc Đức Đại Thánh nhập định, Xá-lợi-phất, v.v... bày tình xét nghi, Đức Phật dạy: Xúc là đây, tập là kia, thọ là khoảng giữa

(xúc là đối cảnh, tập là năng nhiễm, tâm thọ ở khoảng giữa lãnh nạp) các ông tuy chẳng phải ý ta, nhưng đều là nhân của diệt khổ, đều nên thọ trì, chớ để quên mất (tào là bọn, điều đệ tử nói tuy chẳng phải bản ý của Phật, nhưng cũng không trái đạo lý) nên ngày Đức Phật chưa thị tịch, Xá-lợi-phất soạn tập dị môn túc luận (gồm hai mươi quyển, một trăm tám mươi chín trang, do Huyền Tráng dịch) Mục-liên soạn Pháp Uẩn Túc luận (hai mươi quyển, một trăm bảy mươi tám trang, Huyền Tráng dịch) Ca-đa-diễn-na soạn Thi Thiết Túc Luận (mười tám ngàn bài tụng, bộ này chưa thấy lưu hành, ba bộ luận trên đều do các vị đệ tử soạn lúc Đức Phật còn tại thế) Ngọc Hào đã ẩn, Đề-bà-thiết-ma soạn Thức Thân Túc luận (mười sáu quyển, được soạn sau Phật diệt độ khoảng trăm năm, do Tam Tạng Huyền Tráng dịch). Thế Hữu soạn Phẩm Loại Túc Luận (mười tám quyển, hai trăm chín mươi trang, được soạn sau Phật diệt độ khoảng ba trăm năm) và Giới Thân Túc Luận (ba quyển, bốn mươi chín trang, do Thế Hữu soạn, trên đây gọi là Lục Túc), Ca-đa-diễn-ni soạn luận Phát Trí (mười sáu quyển, ba trăm sáu mươi lăm trang, do Đại nghĩa đầy đủ nên gọi luận này là Thân, lấy Lục túc làm chân, được soạn sau Phật diệt độ). Phàm, bảy luận phấn phát mở mang, tài tảo khống vượt đường gió, cạnh đó cầu thánh lý. Thức Bật thần hóa, lớn đó cùng cả thiên hạ, nhỏ đó xét hết lân hư (Bảy luận đều là văn của Tiểu thừa; Từ tảo, (văn vẻ) rộng thoáng, Phong Quy Vượt dịch, còn tánh tướng tâm sắc không gì chẳng luận đủ, lân hư là bụi trần của cực vi). Sánh các Nho môn, ba truyện bốn thi, đều là âm vàng ngọc. (Ba truyện là: Một truyện Tả Khâu Minh; hai là truyện Công Dương Cao; ba là truyện Xác Lương Dịch. Bốn thi là: Lỗ thi, người Lỗ tỏ bày Bồi Công, Hán Võ vì Bồn luân vi đến đã hơn tám mươi lần dùng kinh Thi là truyện Huấn Khẩu mà không truyền, Tề Thi là do Viên Cố Sinh người Tề Lưu truyền. Hàn Thi là sở học của Hàn Anh người Yên, Mao thi, do Mao Công Tự là Văn Tháo người ở Hà Giang truyền cho Tử Hạ). Do đó khoảng đầu bốn trăm năm, ở nước Ca-thấp-di-la có năm trăm vị chứng sáu thần Thông y cứ luận Phát Trí mà soạn Tỳ-bà-sa (sau Phật diệt độ, khoảng đầu bốn trăn năm, có vị La-hán tên là Ca-chiên-diên tử đánh kiền-chùy báo khắp các trời và Hiền Thánh ở mười phương, chẳng được nhập diệt, ở chỗ Phật có được nghe một bài kệ, một câu pháp đều nên nhóm họp tại nước Ca-thấp-di-la. Lúc các thánh hiền đã đến, bèn gom điều đã nghe. Phải thì lấy, quấy thì bỏ, mới thành bộ Đại Tỳ-bà-sa, Hán dịch là Quảng Giải, cấm không cho truyền ra ngoài nước. Nghĩa là Tôn giả Bà-sa-đầu-bạc ngầm vào nước đó đọc tụng rồi ra khỏi nước trở

về nước Kế-tân lưu truyền, về sau mới lan tỏa đến các nước khác). Giải thích đủ cả ba tạng (đó là kinh, luật, luận). Do có tám phẩm, người dịch cho là tám uẩn, cũng gọi là tám tạng vậy (uẩn hay tạng đều là nghĩa tụ, tức tám kiền-độ) đến năm trăm năm, Long thọ học cùng khắp vực nội, tự cho là bậc Nhất Thiết Trí, mới lập làm Đại sư. Rồng ao A-mậu-đạt dẫn vào cung, chỉ bày cho Trần Sa Bí tạng mà. Long Thọ thẹn chỗ mang tội suốt chín tuần mượn tụng tại cung Rồng mà rất hối hận điều xưng đó (Long thọ vốn là Phạm Chí nước Nam Thiên-trúc. Tục thông bốn bộ phệ-đà, nhân vào cung vua, nhàm chán dục lạc mà xuất gia, kinh luận tụng đọc hết, tự dèm chê kinh pháp Phật nói chẳng nhiều. Sau Long Vương mời xuống cung rồng trong chín mươi ngày, chấm Đề kinh còn chẳng hết, rất hối hận lời nói sai nhầm. Thông giải soạn luận Đại Trí Độ gồm mười muôn bài tụng, ở Thiên-trúc kính trọng lập miếu phụng thờ như Phật) chỗ đó tụng tập, nhân gian có người được đó, do vậy rộng soạn các luận, phi thủ giáo trước (phi là lớn, nghĩa là rất có khả năng Hoằng giữ giáo của giáo bậc Thánh trước.) Đến một ngàn năm, Thế Thân lúc đầu học Tiểu thừa, thường muốn làm việc tót lợi đối với Đại thừa, người anh là Vô Trước, thương xót, giả có bệnh để sai người gọi đến, dùng đủ lời huyền để răn bảo. Thiên Thân trở lùi mà tỉnh xét lỗi lầm cũ, sắp tự rút dao cắt lưỡi, Vô Trước bèn đến ngăn cản, (581) bảo là: Tội từ tâm ngươi, chẳng phải lỗi của lưỡi, ngày trước đã dùng lưỡi để hủy báng, nay phải dúng nó để tán thán (hạp là sao chẳng) cắt bỏ nó đâu có ích gì? Bèn soạn ngàn bộ luận, hoặc y cứ hoặc giải thích cổ xúy cả năm thừa (Bồ-tát Thiên Thân là người nước Bố-lũ-sa-phú-la thuộc Bắc Thiên-trúc, anh em gồm ba người đều xuất gia theo Hữu Bộ. Người anh là Vô Trước ngộ Đại thừa trước, thường lên cõi trời Đâu-suất thỉnh Di-lặc giảng nói Du-già. Thiên Chân lúc còn ở Hữu Bộ, có soạn năm trăm bộ luận Tiểu thừa, rộng bài bác Đại thừa, sau được Vô Trước chuyển hóa đã ngộ Đại thừa, bèn soạn năm trăm bộ luận Đại thừa, rộng khen ngợi Đại thừa, nên hiệu là Thiên Bộ Luận Chủ).

Ở đời Tần Chánh (Tần Thỉ Hoàng, họ Danh tên Chánh, tự là Tổ Long, con của Tần Tương Vương, gồm thâu sáu nước, đắp xây Vạn lý trường thành, khiến kẽ sĩ ở các phương vào Biển đến Bồng lai tìm thuốc tiên), có mười tám vị Sa-môn từ Tây Vực đến (đó là mười tám người như Thất-lợi-phàng, v.v...) kia bạo doanh mới có sự thiên hạ, chẳng hoàng Đại đạo (hoàng là kịp, chẳng kịp hành Đại đạo). Xấu ta có đức nên bắt giam các Sa-môn lớp tường, bị thần lực sĩ phấn phát oai phong đánh tường (Thỉ Hoàng chỉ hàng phục lễ tạ. Đạo nhân tức trở về Tây

quốc). Phàm Tần đó đối với đạo ta như đá chẳng thấm nước, môn của Cao Manh chẳng đủ để phát thuốc đó ở đây, Tần mới vô đạo, dùng thiện để cảm hóa đó nên chẳng cùng đến. Tấn Cảnh Công bị bệnh cầu thuốc ở Tần, mộng bệnh hóa thành hai đứa trẻ bảo là: Kia là lương y sợ thương tổn ta ư? Một đứa bảo ở trên cao ở dưới cao, như ta làm sao thầy thuốc đến? Nói bệnh tật chẳng thể làm vậy, nay Tần bạo ác chẳng đáng để thiện hóa, như Cao manh của Tật). Tuy đương thời Sa-môn chẳng thấy bày ở Tần mà lúc đó cũng rất được nguyên do đó (Thất-lợi-phòng, v.v... tuy chẳng được Tần thấy gặp mà lại cấm đó, vì Tần hung bạo mà chẳng nhận nạp ở Thiện cũng làm nhân của Đằng lan). Tâm người hiểm dễ nhàn ở sông núi, sau đó chỗ lại thật may. Thất-lợi-phòng, v.v... trước ban thưởng đó, chẳng cầu đó chẳng đến (thưởng là thử, vì Thất-lợi-phòng, v.v... trước thử lại, tần tuy chẳng nhận, sau lại Tam Tạng mang việc này mà biết. Nên nếu không Thái Hâm sai người cầu thỉnh thì chẳng đến nơi đây). Năm Tân Mão, tức niên hiệu Vĩnh Bình thứ bảy thời Hậu Hán (đem niên lịch mà so sánh, thì phải là năm Giáp Tý, nay nói Tân Mão là nhầm) Hiển Tông mộng thấy người vàng (Hiển Tông là Minh Đế, chúa thứ hai thời hậu Hán, tên là Trang, con của Quang Võ, hoàng hậu Âm sinh ra). Cổ đeo ánh sáng mặt trời, bay ở sân điện, nghiêng y đêm hầu sáng (hầu là đợi. Đêm mộng thấy người vàng khắp mình phát ra ánh sáng, bèn ngồi đợi sáng), gọi các quan để hỏi. Phó Nghị đáp rằng: "Đó là thần Phật" (bấy giờ vương Tuân Phó Nghị v.v... tâu, năm thứ hai mươi bốn đời vua Chiêu Vương nhà Chu, Thái sư Tô Do tâu: Phật sinh ở Tây Quốc, một ngàn năm sau Thanh Giáo lưu truyền đến đây. Nay đã hơn ngàn năm nên là thần Phật đến) bèn sai Tái Hâm Tần Cảnh đem mạng lệnh cầu ở mộng (bèn sai gồm mười tám người như Thái Hâm v.v... sang Tây Quốc đi tìm). Đến Đại Nguyện Thị, cùng gặp Ma Đằng, Trúc-Pháp-Lan (Đến nước Nguyệt Thị thấy hai vị Tam Tạng: Một vị họ Ca-diếp tên Ma-Đằng, một họ Trúc tên Phá-lan). Hai vị đó từ trước đã chứa nhóm chỉ ý đi xa cứu tục, gặp Tần Cảnh Thái Hâm mà hợp (Tần Cảnh v.v... thấy hai vị Tam Tạng ở nước Nguyệt-thị bèn cầu thỉnh đưa về đất Hán) mười năm sau tức năm Giáp Ngọ (vốn là năm Đinh Mão, Giáp Ngọ là nhầm, Hán Sứ đến từ Tây Vực. Hai Sa-môn đến đất Lạc (thời Hán đóng đô ở Lạc Dương). Dâng tượng Phật Thích-ca và các kinh. Từ đó bắt đầu có chùa ở Lạc Dương (Tam Tạng mới đầu đến ở chùa Hồng Lô, vì đường Bạch Mã Đà mà đến, bèn gọi là chùa Bạch Mã. Nếu theo tiếng Phạm là Tăng-già-lam, Hán dịch là chúng Viên, nghĩa là chỗ hành đạo) Làm tượng tại Đài Thanh Lương ở

Nam Cung và cửa Quan Dương trên gò Hiển Tiết (đều là đồ tượng ở các xứ này) kinh đó mới đầu bảo phiên dịch, ghi ở đầu kinh bốn mươi hai chương (Ma-đằng hai Tam Tạng mới đầu dịch kinh một quyển, tên là Kinh Tứ Thập Nhị Chương) cất giữ tại Thạch Thất Lan Đài, đợi người có thể nghe nghe đó ở mục thay (Thạch thất Lan Đài là bí lầu chứa kinh. Ư tha là từ ta thán, mục là kính). Thánh giáo đó ở thời, đó có thể thuận theo chẳng thể cường. Thuận thì ác vật (ác là thấm đượm, nghĩa là như đời của Hán Minh mà lại). Cường thì tỳ vật (như đời Tần mà lại bị bệnh). Nên suy dẫn đến đạo, nếu chẳng phải chí trí thì chẳng thế thấy, người cũng có lời nói, Vĩnh Bình là đời gì? Minh Đế là đức gì? Bởi nguyên thuần nhần nhạt nhân nghĩa dần phế, đạo đức và Ngũ Kinh sắp biến mất ở đời (từ thời Vĩnh Bình, đạo đức đã mảng, Văn Tịch sắp rớt, nêu là nói đời rất mỏng nhạt) mà từ vận dựng xa, Thích giáo tỏa rộng, khiến Phương Tây nhàm chán chỗ tập học trước mà ưa thích điều nghe mới (Phật pháp đối với đời mỏng nhạt mà lại khiến người nhàm chán nhân nghĩa lễ nhạc mà ưa thích giáo mới đó, đời cũ tập mới mà hành đó) thay trái theo cần ba huấn cát cử để sáng khắp thiên hạ (Huấn là giáo, Tốt là tập, dùng ba giáo tập cử mà giáo hóa thế gian) nên đạo ta sao sắp chẳng thể nếu khắp, tuy ngàn năm tham thần trái (giáo ta là gốc của Hán đạo, nếu chưa hợp với đời trải qua kỳ hạn ngàn năm như sao Tham và sao Thần hẳn chẳng hợp nhau), sắp có thể nêu, tuy muôn dặm phong mã cùng chung (đó hoặc giáo có thể nêu, đường đi tuy muôn dặm cũng có thể chung. Phong mã là con cái, con đực theo nhau. Tề Hoàn đánh Sở, Sở tử nói: Đến chỗ Phong Mã, trâu chẳng kịp). Vì vậy Hán ban chiếu ở Thiên Thùy, thánh nhật xuất hiện ở phương Đông (thùy là biên, nghĩa là Tần Cảnh, v.v... đến Nguyệt Chi, thánh nhật nghĩa là Ma-đằng đến phương Đông) Đuốc sinh linh ở trùng ngân, bày Đại giác ở Chiêu Hồi (ngân là biên, Phật nhật soi chiếu các loài sáng đẹp đất trời). Mượn mộng một đêm, tiếng cây gió đến muôn xưa, như Đế Trang là thiên hạ thật có vua (Hán Minh nằm mộng thấy người vàng, tây tâm giáo pháp mới lập phong phạm, Thanh giáo cuối cùng làm quy của muôn xưa). Tuyên tâm mậu du sáng mở có Hán, như Vương Phó Tần Thái, như Hán thật có bề tôi (mậu là thạnh, du là đồ, Tuyên tâm thạnh đồ mở vận Minh Hán, nghĩa là Vương Tuân Phó Nghị Tần Cảnh Thái Hân, v.v...) là Di đồ của Pháp Vương (Di là miêu, đồ là đệ) mở mang nối tiếp Đức Âm, như Ma-đằng là Thiên-trúc thật có tăng (năng nối dõi Thanh giáo) miễu quán xưa trước, Đức lớn lợi này thật châm ở sinh dân, dân gánh vào ơn đó, lan tỏa tốt lành mạnh mẻ, thạnh ở kính thờ (miễu là nhỏ nhiệm), vậy

quán đời trước có lợi đối với dân, cảm ân đó, thì phát dương tốt lành, nghiệp lớn bày tỏ ở hưởng tế). Nên lễ nói, pháp thí đối với sinh nhân, chết thì cúng tế, đen nhọc định nước thì cúng tế, dùng khả năng chế ngự tai họa lớn thì tế đó, năng chống đỡ đại nạn thì tế đó, mà hai họ cùng hai ba bề tôi xướng giáo của Kim tiên thích tục của chưa nghe, khiến người đem chân thành của khổn khổn (khổn khổn là thiết thực) biết chỗ về của tội phước, nhàn chán thân có bờ mé, chuộng lý của diệt tâm (Hán Minh cùng hai ba bề tôi, mới đầu mở mang Phật giáo, khiến tục của mê đảo ngộ hiểu tội phước nhàm chán thân có tận, chứng lý vô sanh). Khôi khôi (lồng lộng) công của huyền hóa bao trùm ở nhân từ, mà đời đời chẳng sùng trọng tẩm chiêu đó điện lễ đó, tuy xưa nói khuyết mà nay cũng chưa được (khôi khôi là khuếch (lớn to). Vì công đó tuy to lớn tạo hóa đối với phép thờ hợp nên bao trùm đầu đó, mà ở đời chẳng sùng trọng tẩm miếu, rõ hưởng điện đó, ở xưa nói là thuyết nay cũng chưa được chẳng thuyết) từ mới đầu là Hán Trung Hưng, từng giọt ở Lạm thương (lạm là dật (tràn đầy). Hán Thủy mới đầu ra chỉ có thể tràn đầy một chén uống rượu (thương). Phật pháp từ mới đầu ở thời hậu Hán từng giọt nhỏ chảy như mới đầu ra của sông Hán) Ngụy chảy Thúc Tân (đến đời của Tào Ngụy dần như dòng chảy ở Thúc Tân) mãi đến nay thời Đại Đường ta, phong đó xâm rộng, (từ đời Hán Phật pháp bắt đầu đến, cho đến thời Đại Đường này, pháp đó dần rộng lớn). Cúc sưu chúng bộ (Cúc là tận cùng) hơn tám ngàn quyển, nay các Phạm tăng lại phiên dịch chưa xong. Trong khoảng đời Tề đời Lương, hai nhà họ Tiêu (Nam Tề Tiêu Diễn thành, Lương Võ Tiêu Diễn, hai Triều hai tiêu đều đóng đô ở Kim Lăng). Học ưu từ hợp ở chế soạn, như Cánh Lăng Vương Tử Lương, sao tập các kinh riêng làm bảy mươi bộ, hai trăm năm mươi chín quyển (Tề Cánh Lăng Vương đem bộ loại sao tập đó). Tuy đương thời tự ý chẳng muốn truyền ra ngoài, mà đời sau ghi chép ở các chánh lục. Lương Thái Tử Cương (tức Giản Văn Đế) soạn Pháp Bảo Liên Bích hai trăm quyển, sa-môn Tăng Hựu (soạn Hoằng Minh Tập mười sáu quyển). Tăng Mân (ở núi Hổ Khâu, Tiêu ngang đến kính lễ mà vẫn nằm dài chẳng dậy, người đời gọi là Tổ vương đời Lương). Bảo Xướng (vị tăng chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, là người biết rộng nghe nhiều, Lương Võ khiến soạn Kinh Luật Dị Tướng năm mươi quyển). Trí tạng (là bậc cao tăng thông minh biết rộng đời Lương) thảy đều thuật lại rất nhiều điều mục, đời sau hoặc có phế, thông trang mà tuân kỳ lộ (thông trang là đường lớn, nghĩa là Chánh kinh, kỳ là đường nhỏ, là các tập). Bấy giờ, Thái Học Giang sắc nữ (học sĩ đời Lương) vừa mới tám tuổi từ niên

hiệu Vĩnh Nguyên năm thứ nhất đến niên hiệu Thiên Giám thứ tư (Vĩnh Nguyên là niên hiệu của Nam Tề, Thiên Giám là niên hiệu của Lương Võ Đế, từ năm Kỹ Mão đến năm Ất Dậu, tính ra là bảy năm) ngồi yên nhắm mắt, tự nhiên tụng ra ba mươi quyển (nay trong tạng có đề mục mà không có văn kinh. Đã chẳng phải Phật nói nên nay ở Ngụy Lục). Các người bàn luận cho là trời trao, làm sao phân biệt chân nguy ư? Đại thừa lấy một pháp cho là thật tướng (Thật tướng là chân như) Tiểu thừa thì có ba, đó là các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng, nhưng có trái đối với đây thì chẳng phải giáo của ta. Đó có vu lụy Phàm thiển, như các kinh Thất Phật thần chú, Phổ Hiền chứng minh, pháp Hoa Độ lượng, Thiên địa bát dương, Diên thọ mạng, v.v... trái với các giáo điển, mất thể của thánh ngôn, còn ở nghi ngờ là ngụy chẳng phải điều đáng nói. (đều nghi là ngụy lục) (582). Đó hoặc chất trược nhỏ nhiệm (như các kinh Âm Trì nhập đạo địa, v.v...) như các kinh Hán Ngụy thất dịch, nay ở tại chánh lục) tuy chẳng nhã áo, lại chẳng phải khuyết lầm, nghiệm xét đó trùng dịch chẳng thể phế bỏ, nhưng được chim tuy lưới có một mắt, mà nhờ muôn mắt gần ở một mắt. Vượt ra khỏi khổ tuy pháp của một môn, mà gần muôn pháp giúp ở một môn (tuy dùng một mắt được chim mà chẳng thể chỉ mở ở một mắt, tuy dùng một pháp khế cơ mà chẳng thể chỉ điển một pháp) nên diễn mà bày đó làm tám mươi bốn ngàn pháp tạng. Mâu Tử nói (Mâu Tử là quan Thái thú đời Thương Ngô, viết sách đề là Mâu Tử) kinh Phật trước nói việc trong ức năm, tức nói cốt yếu của muôn đời. Thái tố chưa triệu, Thái Thủy chưa sinh, trời đất mới dấy, tinh tế chẳng thể nắm, mỏng dính chẳng thể nhập, Phật đều lan tỏa ngoài cửa rộng lớn đó, mở chiếc trong của sâu xa đó, không chi chẳng ghi chép, kinh quyển đó dùng muôn kế, nói dùng ức số (nên Long Thọ qua chín mươi ngày ở nơi cung rồng chẳng thể đọc hết đề mục đó). Thí như xuống sông uống nước no mà tự đủ, sao biết còn lại đó ư? Kinh của hai thánh Hàm Hạ (là Hiếu tử tuyên phụ) ở trăm họ như Bắc thần đối với Huyền tượng (Khổng Hiếu là Bắc thần, các vị Hiền triết là các sao) mà ngoài của Khổng lão còn có cách ngôn của tượng giáo. Dương Chu tuệ thí dòng của hư vô (rút từ Trang tử). Mặc Địch, Hàn Thi dòng tế thế (rút từ Sử Ký) trong thời gian đó, Mã Thiên tu chỉnh sử (Tư Mã Thiên tự là Tử Trường, người thời Hán Võ, làm Thái sử tiếp nối cha tu chỉnh Sử Ký gồm một trăm ba mươi quyển) trước Hoàng lão mà sau Lục kinh (Lục kinh là Xuân Thu, Lễ Ký, Mao Thi, Thượng Thư, Chu Dịch, Nhạc Ký vi v.v...) Ban cố nghệ văn (Ban Cố, tự là Mạnh Kiên, tu chỉnh tiền Hán Thư một trăm hai mươi

quyển) mới đầu là nhà Nho, kế tiếp là đạo đức và kế nữa là tông ta làm ba giáo (cái gọi là Nho, Đạo, Thích) nâng mặt trăng mới chẳng thể hư nát, đến chỗ Phế Hưng lấy bỏ, đều hệ thuộc ở thời (hoặc lấy hoặc bỏ, hoặc phế hoặc hưng đều hệ thuộc ở thời số) đó có người làm ở đời sau, hoặc từ thắng so với lý, hoặc tài chẳng bằng sự (hoặc từ tuy dồi dào mà lấy đó rỗng trống, hoặc sự tuy đủ sử mà tài lực chẳng đủ) chuyên hoa bỏ thật (là lọt mất, người khéo viết sử đối với sự thật phần nhiều bị mất) chuộng đen chẳng chuông vàng biết đó là hoạn ở nắm bắt, ai có khả năng cùng người chết giao luận (của biến kế, mà chỗ hoạn sắc đời ngắn ngủi, ai năng cùng người đời trước giao luận phải quấy ư). Người chẳng biết thật tụng tại tâm, truyền bá lưu tỏa vô cực (các học trò chẳng rõ chỉ biết trì tụng ở tâm, lưu bố vô tận mà thôi) nhưng Nho giáo lấy triều tự tán nhung làm giềng mối của nước nhà (triều là lễ của xa trông hợp hầu, tự là sự của sáu cúng tế ở Tông miếu, Táng là nghi của Điếu tặng bồ Lâm, nhung là sự giảng võ chinh phạt) gần hành đạo đó tốt khắc du phồn (du là nơi chốn, phồn vặn là loạn, năng bao gồm sự đó mà thực hành thì lễ ít có phồn loạn). Giáo lý của Thích lão ở tại dấu vết Hư Huyền xen quyền thật (lý đã hư vô u huyền, đạo đó hoặc thật. Đến nỗi khiến hạng người bậc trung trở xuống (thượng sĩ nghe mà thực hành, trung sĩ như còn như mất, hạ sĩ xem thường mà cười) gá nương nói quanh co hẳn chẳng yêu thì vọng, tiếng trịnh loạn nhã, mắt cá khi xem thường châu ngọc. Do đó đạo thì có Hóa Hồ kinh (do Đạo sĩ Vương phù đời Tấn soạn, một quyển, sau dần thêm mười một quyển) Di Hạ ba phá mười vị chín mê (đều là văn của Đạo môn chẳng phải Thích giáo) thích thì có diệt hoặc ngự Di Hạ (Tiếu đạo luận v.v... chân Loan đều ở Hoằng Minh tập) Phá tà biện chánh (Sa-môn pháp Lâm đời Đại Đường soạn) rối ren lấn giá. Đã trái lẽ mà qua, cũng trái lẽ mà lại (mâu thuẫn lẫn nhau) tình ý kỵ mộ (kỵ là ghét, mộ là yêu thích). Nghĩa chẳng do thẳng, cùng gá nhau như chấp buộc (lấy cong làm thứ chẳng vậy) tương thù hưởng đáp, nhữu làm biên giản (nhữu là lẫn lộn) muộn làm Côn Đằng (Côn Đằng là lấp bịt) đâu liên quan bản của mười hai phần năm ngàn văn ư (ý chỉ bậc thánh vốn không có văn phải quấy) Tây Vực gồm giáo của một đời Đức Phật, chia làm ba thời, đó là: Hữu giáo (tức là A-hàm) Không giáo (tức tám bộ Bát-nhã v.v...) chẳng không chẳng hữu giáo (tức kinh Giải Thâm Mật) còn xứ này lấy năm thời để so sánh: Một là bốn đế (đó là bốn sự khổ tập diệt đạo, Tiểu thừa giáo); hai là Bát-nhã (đó là tám bộ Bát-nhã, không giáo); ba là các kinh luận Tịnh Danh, Tư Ích ,v.v... (đó là luận Duy-ma, v.v... Bất Tư Nghị Giáo); bốn là Pháp

Hoa (gom hai về một, là Trung đạo giáo); năm là Niết-bàn (viên tịch giáo hoặc có người cho là không đúng, nay còn ở xưa (nghĩa là ba thời giáo).

IV. CHÂN TỤC PHÙ HỢP

(Ngầm khế vô vi là chân, có tướng động dụng là tục. Tục chẳng phải chân mà chẳng hưng chân, chẳng phải tục mà chẳng phải hiển bày chân tục, nương nhau, có không cùng hiển nên gọi là Phù Phù Khế). Các bậc của chiêu cơ là có (chiêu là hiển, nương giáo của ngôn luận trải qua môn của tu chứng) các bậc minh cơ là không, (minh là tối, vượt tướng ngôn luận, lìa cảnh của tác vi) trái nhau là đạo (nói chân là ở tục còn mê, còn tục là ở chân chưa rõ, đều lấy chấp làm đạo). Như một bánh xe chạy giữa đường, kỳ hàn xoay giữa trời đều làm sao được (Kỳ là đơn lẻ, hàn là vốn hai bánh mới chuyển, chim dùng hai cánh mà bay. Nay đối với chân tục nếu chẳng viên thông, như xe một bánh, chim của cánh lẻ, đều bằng nhau) chỉ đạo đó chẳng mở mang, làm chỗ y cứ của vật, miệt du tế đó (miệt là không, du là nơi chốn, nếu chẳng mở mang đạo chân tục, muốn làm tông tượng của vật thò sẽ không thành, tế là thành). Nên lấy hai môn chân tục làm then chốt chung của đạo, thổi muôn hữu ở một ngón tay, lắng các động ở tuyệt điền, mênh mông sao chân có thể vào đường lớn của pháp môn chẳng hai (nhiếp muôn hữu mà ở một chỉ thú, lắng các lự mà hết hình điềm, ở chỗ đối thì rõ ràng không) khởi mãi may can thiệp động đó gọi là Tục (chưa hẳn dùng tạo cảnh của chí cực, bèn làm chân, can thiệp hữu làm tướng, bèn cho đó là Tục, đâu kỳ hạn vậy ư?) chân là tánh không (nghĩa là không của chân tánh, lý của viên thành) tục ấy là giả có (nghĩa là y tha huyễn có). Có của giả có, gọi đó là tợ có (pháp đó vốn không, nương duyên mà có, duyên lìa thì không, tợ có của huyễn hoặc đó) không của tánh không, gọi là chân không (trên của chân tánh, bốn tướng Bách Phi không được) nên bậc tỏ ngộ lập chân ở trái nhau của tục (chân là vô vi, tục là hữu vi, vì hai pháp chẳng đồng) hợp chân tục ở chẳng hai (chân là lý, tục là sự, sự không lý mà chẳng dấy, lý không sự mà chẳng hiển, không tục chẳng thể nói chân, không lý chẳng thể bàn sự, chẳng tức chẳng lìa nên làm chẳng hai). Trung đạo chiếu suốt, rõ ràng Huyền hội, chưa từng có một sự đáng tình đó. Phàm lý giản dị như vậy ở đâu chẳng hiển bày, nghiệp

lâu lớn ở đâu chẳng đủ (Hệ từ nói: Dị thì dễ biết, giản thì dễ theo, dễ biết thì có thân, dễ theo thì có công, thuận tình của muôn vật, thông chí của thiên hạ, thì năng thành công có thể lâu dài, có thể lớn lao). Tuy Tăng-kỳ nói: Xa pháp thân không ngoài sao ngộ ư (A-tăng-kỳ, Hán dịch là vô lượng, từ Thập Tín sơ phát tâm cho đến cuối thế đệ nhất, gọi là Sơ-tăng-kỳ, từ kiến đạo đến cuối địa thứ bảy là Tăng Kỳ thứ hai, từ địa thứ tám đến đạo giải thoát, gọi là Tăng-kỳ thứ ba, ngoài ba Kỳ này mới được thành Phật, cũng chẳng xa ư. Nhưng lý của pháp thân xưa nay dung chứa lẫn nhau, mê ngộ tuy khác mà chẳng phải bên ngoài được) nên muôn tượng nói chân, lấy không làm tánh (Trúc biếc rờn rờn đều là chân như, hoa vàng rực rỡ không gì chẳng phải Bát-nhã), dùng tướng hữu vi nói về giả (nương giả tức tướng của chân không) đã không giả một chất, hai mà không được, chẳng phải Trung đạo, làm sao (không là tánh, giả là tướng, tướng chẳng lìa tánh, tánh chẳng lìa tướng, nên nói là một chất, hai mé là hai bên, hai bên không được nên khế hợp Trung đạo) vì vậy quán sinh của tượng cũng chẳng có tự thể, đợi các duyên kia sinh. Đã đợi duyên thì tượng vốn là không (pháp kia muôn tượng vốn không tự thể, duyên hợp mà sinh, duyên lìa mà diệt. Nếu tâm pháp bốn duyên, sắc pháp hai duyên, tự chẳng năng sinh thì là không tự thể), căn là ở không (tượng của giả có lấy không làm gốc) không gồm ở tượng, đợi tướng hiển bày. Hiển đã ở tượng thì Không là tượng. Ngoài tượng chẳng có không (không của vô vi gồm tượng của hữu vi, sắp hiển vô vi phải nhờ hữu vi, hữu vi thì chẳng hiển, vi là sở hiển). Thí như ở trăng nước duyên hợp thì thấy, ai được gọi đó là là không, hình là dối không thật. Ai được gọi đó là có (mặt trăng vốn ở trên trời, bóng nó trôi dưới nước, ai nói đó là không, nước vốn không trăng, mượn chỗ ảnh trôi, ai được nói có). Nên Diệu Thể của bậc thánh khoảng của có không năng thành dụng của có không. Đó gọi là chí (vì vậy bậc thánh mới rõ thể dụng đó). Thanh Biện nói: Hữu vi như Huyễn hóa, vô vi như Không hoa. (Luận Chưởng Chân nói: Pháp hữu vi giống như Huyễn Hóa, vốn chẳng thật có, pháp vô vi giống như hoa đốm trong hư không, định chẳng khởi nên). Huyễn pháp giả có, vừa có vừa không (sừng thỏ vốn không, nhà ảo thuật dùng khăn tay mà giả có, lìa khăn tay thì không có sừng thỏ, như pháp hữu vi nương các duyên mà giả có, lìa các duyên giả pháp vốn không, cho nên vừa có mà vừa không) Không Hoa vốn không, bởi do không mà tợ có, không mà tợ có, lắng ở mé chân (chân tánh vốn không, chẳng khởi giống như Hoa đốm trong hư không, vi là hữu vi làm nương tựa, do đó

tợ có đây vốn không, tức là lắng yên mé chân) có mà vừa không, lại về vô vật (nếu dùng pháp hữu vi của giả có, duyên tan về nguyên tức vốn không vật) Hỏi là hai dụ để bày pháp tắc, pháp không chỗ (hai dụ; Huyễn pháp dụ cho chân tánh hữu vi, dùng Không Hoa dụ cho chân tánh vô vi) chỉ khéo văn tự là, được kiếu mà chẳng được số, khéo tâm học là biết cực mà chẳng biết tượng (vật sinh có tượng tượng, sau đó có số, kiếu là biên, cực là chung. Đãi của Tầm văn, tuy được lối nhỏ của mé kiếu mà chẳng được tổng số của chỉ quy đó. Truyền tâm ấn là, tuy được diệu môn của chung cực, nhưng chẳng biết điềm tượng của nguyên thỉ). Giữ hai bờ mà chẳng hết, hoạn là ở đây (một là duyên văn tự mà dính mắc có, một thì bác bỏ các tướng mà dính mắc không, đều giữ bên của một bờ, đâu đạt lối của Trung đạo) nên dính mắc có là lạm ở thường, theo không là xen ở đoạn (chấp hữu là chấp các pháp là thường, như ngoại đạo chấp bốn biến thường. Lại, Tiểu thừa chấp tất cả hữu, v.v... chấp không là như ngoại đạo chấp luận bảy đoạn diệt, v.v... lại tông ta cũng có khi bác bỏ các pháp toàn là không, v.v...) cùng với Thiệp đoạn làm sao cùng lạm thường. Thường thì có pháp đáng tu, đoạn thì không thiện nào chẳng bỏ, bỏ thì đáng với tà kiến, tu thì tiệm ở chân đạo (như bác bỏ Bồ-đề Niết-bàn là không ,v.v... nên nói làm sao có thể khắp có, như núi Tu-di chẳng thể bác bỏ là không, như hạt cải) nay có phong ở táng hữu, chấp không làm môn chí cực (như đời gần đây nói thiền kẹt ở đạo của táng hữu là: Toàn chấp không làm đạo chí cực). Thử hỏi: Không đây là có thể thủ hay chẳng thể thủ (nếu vậy thì lỗi gì). Nếu có không có thể thủ thì không làm mà có (không đã có thể thủ há chẳng phải có? Vì dùng tâm của phong chấp thủ không hỗn mang (đây chỉ diệt không của đãng nhiên) đâu liên quan gì lý tu hành thấy tánh? Nếu không chẳng thể chấp thì cùng có chỉ dứt trừ (có cũng chẳng thể chấp cùng không có gì riêng). Đã cùng có đều khiển trừ thì cũng cùng có đều còn (có đã chẳng thể chấp còn không, dứt trừ, ở đó có không cũng chẳng thể chấp, đâu ngăn ngại cũng còn có) nào riêng đạo còn không ư? Năng dứt trừ tất cả và còn tất cả, thì đãng nhiên không lụy (ở tướng thì không có chẳng không, hỗn chân thì có không đều sạch) mới gọi là chánh quán của Đại Sĩ, huyền chiếu của đạo tràng (lìa tướng hai thủ nên gọi là thật trụ duy thức). Long Thọ nói: Thí như có đến nước khác, quán ở nghịch lữ (nghịch lữ là nhà khách) chủ nhân nghịch lữ dâng đó, dùng cơm ngon mới triệt (triệt là bỏ, nghĩa là thâu cơm) khách làm mà từ nói, có gì ư? (Thấy thức ăn ngon mà nêu câu hỏi) người chủ nói: Vì nước tôi có

tương nên, kia lùi mà nói riêng: Tương cùng vị hợp nói thì vẫn đến là cũng như riêng làm vị ư? Mới tuyên tuệ của người chủ (tuyên là rõ, nghĩa là nhớ rõ lời nói của người chủ). Do đó, âm nơi nhà chúc tương (âm là tối, chúc là bán) tham buông lung tâm mình, ở phòng không người, thuộc yếm mà ăn (thuộc yếm là nói túng) mặn quá khát mà chết, Phàm lấy thiên không làm đạo là cũng rốt cùng lấy không làm hại (dính mắc mà chẳng thông hiểu nên bị hại). Luận Trung Quán chép: Nếu người thấy có không, thì Chư Phật chẳng hóa, sợ mê đắm nên răn đoạn. Trong kinh nói: Tỳ-kheo Thắng Ý nghe Hỷ căn nói Dâm-nộ-si là đạo (Bồ-tát Hỷ căn nói Dâm-nộ-si là đạo là, như nói trước dùng móc dục kéo, sau khiến vào trí Phật, v.v...) bất bình lý đó, phẫn mạn sinh ra. Hỷ căn quán ở đời khác có ích, gượng trao chẳng kỵ (nay tuy chưa đạt, trọn làm nhân lành cho đời khác, kỵ là quán) chỉ nay tà kiến là nhầm chấp vấn đó làm danh tướng, đều không làm ác chẳng tạc (tạc là hổ thẹn, nghe nói không cho là chẳng được ý đó bèn bỏ danh tướng đều không mà chẳng hổ thẹn). Đâu được ý kinh. Nhưng mà thứ nói: Hoàng kiến có cực, hội có cực đó, quay về có cực, Hoàng Đại cực trung (phàm lập sự phải dùng đạo của Đại Trung. Ở đây so với văn thượng thư có khác chút ít) đạo của Đại Trung, chẳng phải bậc thánh chẳng năng, ngõ hầu thực hành đó (đạo của Đại Trung là chín trù: Một là Ngũ Hành; hai là Kính dụng ngũ sự; ba là năng dụng tán chính; bốn là Hiệp dụng năm kỳ; năm là kiến dụng Hoàng cực; sáu là lại dùng ba đức; bảy là minh dụng xét nghi; tám là niệm dụng thứ trưng; chín là hưởng dụng năm phước, oai dụng sáu cực; có ai đủ chín đều này là bậc thánh quân tử Đế vương). Lễ nói: Trung dung chí hỷ đó ư? (Lễ Ký thứ mười sáu có thiên Trung dung) dung là thường, dụng trung làm thường đạo, nên Hoàng cực là trung trung của muôn hóa, trung dung có đạo ở trong đó) làm tánh của chí đức, làm hình dung của muôn vật (làm chủ trương của muôn hóa, chân tể của âm dương). Lão thánh nói, ba mươi bức cộng một cốc, đáng dụng không có xe đó (văn trong chương mười một của Lão Tử đạo kinh, ba mươi bức là nhiều, một cốc là ít, lấy ít gồm nhiều. Ở đây nêu pháp của Viên Xưởng có tự thể mà giúp dụng của vô thể). Duyên thực dùng làm khí đó (duyên là hòa, thực là đất, hòa là đất làm đồ gốm, là có khi dùng nội không xứ có dụng đựng vật, nên có đó dùng làm khí (đồ đựng) (như sự pháp hữu vi) không đó dùng làm dụng (như vô vi mượn sự pháp hữu vi mà hiển bày) không thì là trung (trung dụ cho chí đạo) Trung bày một, nên nói thiên được một để trọng, địa được một dùng Ninh (văn trong chương

ba mươi chín của Lão Tử, vật được đạo dụng nên thiên thanh mà địa minh. Dụng mất thì thật táng (vùi lấp)). Dịch chép: Thần vô phương mà dịch không tự thể (văn của Hệ từ, thần là âm dương chẳng lường, dịch thì chỉ có chỗ biến đó, chẳng thể dùng một một phương một thể mà nói). Lại chép: Một âm một dương gọi là Đạo (đạo là tên gọi của tịch nhiên không tự thể, âm dương tuy khác mà không có một để đối đãi, tại âm dùng vô âm âm để sinh, tại dương làm không dương dương để thành, nên nói một âm một dương) chỉ yết lệ có sâu cạn mà thuyết của ba môn là khác, (Luận Ngữ chép: Sâu thì lệ, cạn thì yết, Nhĩ Nhã chép: Lấy áo thấm nước làm lệ, nếu cạn thì nhúng áo vào, cạn thì yết vén áo. Cạn thì vén dụ cho hành đạo quán đó có cạn sâu) nắm giữ Đại Trung ở trong, hành đức giáo ở ngoài, trời đất hòa bình, quỷ thần chẳng linh, nên Đại Đình rạng rỡ (đều là vua trước ..., trị) được thuật hay của Trang Hoàn, gồm muôn hóa ở vô vi (chẳng thân thân đó, chẳng con con đó, vô vi tự hóa) xưa kia, miếu của Lỗ Hoàn (Hoàn Công, thì trọng tử con Ẩn Công con của Lỗ Tuệ Công sinh ra) có kỳ khí vậy (hình như hũ gốm nhỏ, dùng đựng nước, rổng thì ỷ, ỷ là nghiệp, trung (vừa) thì chánh, đầy thì úp, dụ giữ đạo Trung Chánh) lấy Trung Chánh để chỉ bày cho người, Trung thì chánh, chánh thì rỗng đầy hợp độ, siêu nhiên đặc thực, mới đầu ở mắt, sau ứng ở tâm, sâu mà mát mẻ (đặc thọ đó là, mới đầu trông ở mắt mà cuối cùng ngộ ở tâm, Huyền mà có thể tin) thư nói: Nương mà không ngược, giản mà không ngạo (văn của Thuấn điển, cương mất vào ngược, giản mất vào ngạo) Tử ôn mà lệ, oai mà chẳng mãnh (văn của luận Ngữ Ôn là Hòa, lại nghiêm lệ, tuy nhiên là chẳng mạnh mẽ) đều là bậc thánh quân tử, Quyền hành vật lý, tâm dung sự hội mà chẳng mất trung (trên đây tuy là điều ngoại điển nói, nhưng đều lấy nghĩa của Trung. Ý Hòa-thượng Bắc Sơn chỉ người học có học không nên được Trung). Trí luận dùng đại sĩ quán ở sắc không như thầy trò mổ trâu (văn luận Đại Trí Độ và văn của Tráng Tử ý toàn đồng nhau). Họ Trang lấy làm Bào Đinh mổ trâu, mắt không hoàn toàn trâu (Bào Đinh làm Văn Tuệ Quân mổ trâu, chỗ tay xúc chạm, chỗ của vai tựa, chỗ của chân đạp, chỗ của gối tựa,v.v... là nhiên hưởng vậy, tấu dao v.v... nhiên chớ chẳng trúng, âm hợp ở cách múa của Nhu lâm, mới trúng hội của kinh thủ, vì thần gặp mà chẳng dùng mắt nhìn, dùng một dao suốt mười chín năm mổ mấy ngàn con trâu. Dao nếu mới ra từ đá mài là, tiết kia có khoảng mà dao nhọn không dày, dùng không dày vào có khoảng. To lớn thay đó ở dao nhọn hẳn có thừa vậy, đây là trang sinh ngu nói nhục đạo, lấy ý lợi

dụng chẳng dính mắc) vì sao? Vì chất của châu đội sừng rủ hồ (hồ là thịt ở cổ) là có, khoảng cốt tiết thì không như vậy, nhọn của không dầy nhập vào thân có khoảng, sao được chẳng khôi khôi ư? Nào có của trâu. Người giết mổ trâu biết rõ đó, (lúc chưa mổ trâu, chỗ thấy không chẳng phải trâu là, sau của ba năm chưa hề thấy toàn trâu, vì thần gặp đó) thầy trò mổ trâu rõ khó đó. Đó như Lương Bào Tộc Bào dao có lâu mau. (lương bào năm đổi dao hại, Tộc Bào tháng đổi dao bẻ, cùng dao mười chín năm khác). Nên trong thể là chẳng lấy vật thật làm ngại (được đạo đó là vật chẳng năng ngại) mà núi Diệu Cao nhét vào Hải cải, thật ủy chín chú ở Hào Khích (ủy là chín biển) thật có thể được mà dễ (ý kinh Tịnh Danh) Lão thánh nói: Hủy không chỗ ném sừng đó, hổ không chỗ mượn móng, binh lính không chỗ dung nhọn (đây chẳng tâm hại vật không hại vậy, nên không chỗ của ném sừng, mượn móng chứa nhọn), Trang Thị chép: Đại xâm cúi lạy trời mà chẳng mê đắm, (Đại xâm là biển, kê là đồng, văn của Thiên Tiêu Dao). Đại Hạn vàng đá chảy, đất núi cháy rụi mà chẳng nóng (chẳng vì lạnh nóng mà đổi tướng, chẳng vì thế vật đoạt tháo đó). Trọng Ni thấy Lã Lương Trượng nhân trong dòng ba mươi nhận. Thị Trung tín chọn nhặt bơi lội (bảy thước làm nhận, đạo Thị Trung Tín, mà chẳng sở hiểm trở) há chẳng đều dùng gần lý Đại Trung, hòa tánh của phẩm vật mà năng đến ở đây ư? Nên đi trên nước chảy vào lửa, chạm mũi nhọn, dẫm nguy ách, thân có thể bay lên, tai năng nghe rõ, mắt năng thấy suốt, chánh do tâm rỗng mà thôi (Lão Tử nói: Rỗng tâm, thật bụng), Tâm rỗng nên chẳng ngược đối với muôn vật, (không đây kia mà tiếp đó) muôn vật cũng cùng ta huyền thuận. Tánh của hoạt nhiên không đến đâu chẳng hợp (rỗng tâm tâm vật, chỗ gặp Huyền Hội). Vả lại, nước lửa là có hại của vật (nước năng trôi chìm, lửa năng đốt nóng, đều là cái hại của vật, mà loài vảy nuôi ở suối (cá rồng có nước để sống) thú sinh ở lửa (như có chuột lửa đều sống trong lửa) kia đâu mượn phương thuật của chế ngự nước lửa ư? Chỉ tánh hợp ở táo thấp, khí đồng ở lạnh nóng, nên dung nhau mà chẳng trái nhau, sinh nhau mà chẳng hại nhau, thật thì hoàn toàn (đã chẳng thương tổn nhau thì tin nước lửa năng toàn ở vật), huống chi có đạo là mà đức toàn ở muôn loại ư? Nên Đại sĩ dùng tâm này học, gọi là thiền, thiền là tĩnh lự (tiếng Phạm là Tam-ma-hý-đa, Hán dịch là Tĩnh lự. Định này năng dừng lắng tâm lự) ngoại cảnh chẳng đủ để chuyển đổi tình gọi là Định (tiếng Phạm là Tam-muội, Hán dịch là Chánh Định). Định là chuyên nhất, hễ có dùng thân thì Phật dứt trừ tượng, nếu ở vị của đại thánh là,

thật ngu bội ngược mình (như đồ chúng của Kim Cang thiền). Nếu thật là dùng nước lửa thì đâu được nhiều may đó là khỏi ư? (Nếu ném đồ ở nước lửa thì đâu thể trốn lánh cái hại), hạ thức kém lầm, lời không đúng lý, chẳng lý thật hành, gá mà nói tâm thẳng đường khó mình (như người mù dẫn đám mù). Người làm đạo có ba thứ biết tâm, hành tâm, khiến tâm, xét ở mình, sau đó nói chỗ đó đến. Biết tâm nghĩa là rõ chân vọng. Hành tâm nghĩa là diệt thương ghét, khiến tâm nghĩa là khắp dơ sạch´, (tâm tịnh thì thế giới tịnh đồng). Nay mới bắt đầu học, mới muốn tợ biết, đối với thứ khác thì thiếu, sao tâm tự lừa dối (các thiền sư thời nay thường tự cho là đắc mà lừa dối với người là như do quả Kim Cương thiền, v.v... yêu loạn là nhiều) nên đại bi vô cùng, cơm thơm vô cùng, Đại Trí chẳng ngại, phương trượng chẳng ngại (như Duy-ma-cật đại bi vô cùng, chỗ lấy cơm thơm chẳng cùng tận, chỗ tu trí hành chẳng chướng ngại, nay chỗ phương trượng chiêu cảm cũng chẳng chướng ngại) kinh nói: Nếu lúc thành Phật, đủ ba mươi hai tướng v.v... (văn kinh Pháp Hoa) mới được gọi là hết hẳn. Hành nhạc, Thiên thai (tức Hòa-thượng Tư Đại ở Nam Nhạc, đại sư Trí Giả ở Thiên Thai) nhất tâm tam quán (nghĩa là Đại Bát-nhã, đại pháp thân, Đại Niết-bàn. Một là từ giả vào không, quán sắc tức không, nên hiển pháp thân, hai là từ không vào giả, quán không tức sắc nên hiển Bát-nhã, ba là không giả bình đẳng, nghĩa là sắc không chẳng khác nên là Niết-bàn) thành ở viên y ba đức (trên đây ba pháp tướng nương nhau mà thành, gọi là ba đức, cũng gọi là viên y, Phạm Thư nói chữ y có ba điểm, như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la) bởi được đó là Long thọ. Gia Tường quyền thật song hành thành ở hai chân Bi Trí (Tuệ Kiểu là tăng trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê, học thông nội ngoại, giỏi về kinh luật luận, dính mắc dấu vết Phạm Võng, Niết-bàn, v.v... vì có đại bi nên ưa thích độ sinh, vì có đại trí nên ưa thích đoạn chứng, nương nhau như hai chân người) bởi được đó ở Hoa Nghiêm (đây mới được ý chỉ của thật tánh). Bồ-đề-đạt-ma trí tư vô vi, vô tư, vô lự, được đó ở tánh không (lấy từ niên hiệu Thiên Giám thời Nam Lương đến nay) mà đời gần đây chẳng biết không, chẳng lìa giả, bỏ có cầu không, khác đầu mối ở việc làm đó (vì chân không chẳng lìa giả có) làm sao vẫn dẫm tục là biết giả chẳng lìa không (dẫn trải sự pháp, biết sự pháp lấy không làm chỗ nương tựa) thì đạt chỗ của ta làm, chẳng gọi là tục (tuy tục mà năng đạt thân đó, đâu được gọi là Tục?) ở chân là biết chân, chẳng lìa giả thì chiếu chẳng làm của ta chẳng gọi là chân (ở chân năng biết chân dùng tục hiển thì chẳng chấp chân mà tự) nên Đại

thánh ba cõi làm Vô sinh, Nhị thừa diệt ba cõi làm Vô sinh (Đại thừa mới ngay tục mà nói chân, Tiểu thừa là diệt tục mà bàn chân) thiên viên hơn kém là ở đây (Đại thừa do Viên thông giải thoát, Tiểu thừa vì thiên chấp tự dính mắc) kinh nói: Tuy biết các cõi Phật và và chúng sinh là không, mà thường tu tịnh độ, giáo hóa các chúng sinh (tuy biết có tướng là không mà chẳng phế bỏ độ sinh) đó gọi là hành trung đạo. Như vậy, nấu vàng dệt lụa ai gọi đó là có, lụy gót chân nhắm mắt, ai gọi đó là không (ở đó làm ma rõ tướng của có làm, ai nói đó ở có ư? Ở không làm là đạt không làm, ai nói đó rơi vào không của không làm ư?) đó năng thể đạt hành ở phi đạo thông hiểu Phật đạo, mới có thể nói là cùng cực (thể đạt được phi đạo đó, mà thông hội được Phật đạo, mới có thể nói về lý chí cực đó). Kia cô lậu là gọi đó là gì ư! (Hạng mê không đắm có đâu biết đạo). Hạng có trí bảo trọng với danh tiết nỗi trội riêng, mà năng trì luật đắm danh dự, mà chẳng năng rỗng tâm hợp đạo (chỉ bền chắc tâm tiểu tiết có vị đạo của viên thông) lạnh thì vào nước, nóng thì vào lửa, khát thì ăn muối, đó là chết giá buốt, buồn làm thần chùa, tuy gắng gỏi tiết tháo dốc thành thực mà chẳng biết sở do của đạo, phàm lạnh nóng là hằng kỷ của đất trời, kia còn phức mà trái đó (phức là ngang bướng). Thịt ngăn nằm tình ở vật ta ư? (tổ thứ hai mươi là Xà-dạ-đa đến thành La-duyệt gặp một vị Đầu-đà sáu thời lễ niệm, ít muốn biết đủ, thường ngồi chẳng nằm, ngày ăn một bữa mà thôi. Tôn giả bảo đại chúng; Vị Đầu-đà này các ông thấy thế nào? Đại chúng đáp: Chẳng thể nghĩ bàn, thường tu phạm hạnh, đây là đạo chăng? Thật như. Hành giả. Tôn giả bảo: Nay vị Đầu-đà chẳng bao lâu sẽ đọa lạc, cách đạo xa vời, tâm có sở đắc, chẳng gọi là Đạo. Đại chúng hỏi: Sao biết? Tôn giả đáp: Ta chẳng cầu đạo, cũng chẳng điên đảo, ta chẳng ngồi hoài cũng chẳng biếng lười, ta chẳng ngày ăn một bữa cũng chẳng ăn tạp, ta chẳng biết đói cũng chẳng tham dục. Vị Đầu-đà nghe nói vậy bèn sinh kính trọng, ở Thiên-trúc gọi là Biến Hành Đầu-đà, tức Bà-tu-bàn-đầu) nên sống nhọc hình, chết đắm chìm không tướng trạng, mà Tiểu thừa đối với Đại thừa trì luật là phá giới (như luận Du-già chép: Bồ-tát nếu thấy hữu tình chịu nghiệp ác, riêng đoạn mạng đó, tự chịu nghiệp sát, khiến thân đó được thoát khổ,v.v...) Siêng năng là biếng lười (ưa đắm pháp tiểu thừa là biếng lười) tin là trí chướng (tin tiểu quả mà chẳng khởi Đại Trí) nghĩa có thể thấy. có chấp quên lời làm đạo là hẳn cũng loại đây. Phàm chẳng biết mà nói là nói dối, không biết nói mà chẳng nói là thận trọng lời nói đó . nương lời mà nói gọi là học nói (nương lời nói của người. Biết nói mà

không nói là lời nói yên tĩnh). Đó muốn mất ở lời nói mà chẳng quả ở tâm của mất lời nói, thì tuy hưởng dứt ở ngoài, tình xao động bên trong, bởi chẳng mất đó (miệng tuy hết nói mà tâm đuổi theo danh lợi thì chẳng phải ở tâm của mất nói) phàm năng nói rõ sinh ở vật vật đều tự hóa, nói đó cũng tự hóa, suốt ngày nói mà thường im lặng, đó gọi là chân thật mất nói (tuy nói mà tâm chẳng dính mắc) mà trong kinh, Tịnh Danh chẳng nói, do các Đại sĩ trước nói đã đến hết lời chăng? (Chẳng nói là chân thật vào pháp môn chẳng hai) lại còn gọi là gì. Trung Thị vô vi, gọi là chẳng cáo biết dạo Bắc, vì người đó chẳng thể hội lời nói mà ngay nơi đạo mới chẳng cáo vậy (cáo là thỉnh, tự ấn chứng chẳng thỉnh cáo) như trong kinh nói: Pháp đó chẳng thể bày, tướng nói phô vắng lặng (văn kinh Pháp Hoa, bàn chân lý đây là tướng nay) há chẳng nói ư? Do đó Bát-nhã âu hòa làm hai đầy đủ của viên tông. Bỏ phương tiện thì Bát-nhã soi chiếu lẻ loi (tiếng Phạm là Bát-nhã, Hán dịch là Trí, tiếng Phạm là Ân-hòa-câu-xá-ra, Hán dịch là phương tiện. Phương tiện và trí thể dụng nương nhau. Nếu bỏ dụng của phương tiện thì thể của Bát-nhã là soi chiếu lẽ loi,) cho nên chí đạo, gồm trời đất, bao gồm muôn vật, động biến hóa, được đó vào một trần mà rộng thoáng cả pháp giới (một trần chẳng hẹp, pháp giới chẳng rộng, thoáng) mất đó dạo pháp giới mà hẹp ở một trần (chẳng được đạo đó là tuy pháp giới mà chật hẹp so với bụi cát). Núi lớn đó cũng đầu mảy lông mùa thu mê ngộ sao trái nhau (Thái sơn và Thu nữ lớn nhỏ chẳng bằng nhau, tình của mê ngộ thông suốt, dính mắc, cũng là riêng).

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 3

V. HỢP BÁ VƯƠNG

(Nói về các các Đế Vương tiếp nối nhau, các Sa-môn từ Tây Vực và cả Trung Hoa gặp thời vua hưng phế ,v.v...)

Kiếp sơ chư dân, tự ở gạo ăn (chưng là đông nhiều, tư là lẫn nhau. Đất béo đã hết thì có gạo canh tự nhiên), lúa thơm đã hết, phân đất làm nghệ (nghệ là trị, người đã xâm đoạt, mới phân đất ruộng mà mỗi việc đều trị). Vì phòng ngự biên giới mà lập Đại-tam-ma-đa-vương (Tam-mạt-đa, Hán dịch: vua tụ lạc sợ có kẻ mạnh xâm đoạt bèn lập một người làm vua, cung cấp thay nhau hiến cúng, khiến làm dân chủ) thứ loại vâng theo, ân tỏa khắp xứ, lại lìa kế thể, vận đời tại Thiên-trúc (quân phụ kế tiếp làm chủ của Thiên-trúc, đến đời Tịnh Phạm là có hơn tám mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi vị vua (kinh A-hàm chép: Ở quá khứ có vị vua tên là Ý-ma, có bốn thứ tử: Một là Chiêu Mục; hai là Liên Mục; ba là Điều Phục Tượng; bốn là Ni-lâu Thông, đều thông minh thần võ, có oai đức lớn, phu nhân thứ nhất có người con tên Sinh, dáng mạo xấu xí, mọi người khinh rẻ, phu nhân lo nghĩ bốn người con kia sẽ đoạt ngôi vị đó, bèn nói cùng Vương Trương ruồng đuổi đó, vua liền đuổi bốn người con mỗi mỗi mau ra khỏi nước, khi ấy, các lực sĩ tất cả nhân dân đều nguyện theo đi, đến khoảng núi tuyết, dừng ở ngay rừng cây, chỉ trong vài năm, mọi người kính mến đức, quy về đông như chợ, bèn thành nước mạnh. Vua cha thấy vậy, vời gọi mà họ chẳng trở về, vua cha bèn ba lần than: "Con ta có tài năng", từ đó bảo gọi là dòng họ Thích. Kinh A-hàm nói: Thích Lâm là họ, nên có dòng họ Thích. Thích tức là thọ). Sau vua ý-Sư-ma có vị vua tên là Đại Thiện Sinh, suốt bảy đời là dòng họ Cù-Đàm (xưa có vị vua, cha mẹ mất sớm, nhường nước cho con. Xả bỏ ngôi vị, giữ tâm đạo gặp một vi Bà-la-môn dòng họ Đàm, nhân theo đó học đạo, vị Bà-la-môn bảo: Thường cởi áo vua, như chỗ ta mặc, nhận dòng họ Cù-Đàm, gọi là Bồ-tát Tiểu Cù-Đàm) Sau

vua Uất-ma có vị vua tên là Ni-lâu-thông, suốt năm đời là dòng Thích-ca. (Vua Ni-lâu sinh ra vua Ô-đầu-la, vua Ô-đầu-la làm chủ nước Ca-duy- la-vệ, sinh vua Cù-đầu-la, vua Cù-đầu-la sinh vua Thi-hưu-la, vua Thi-hưu-la sinh bốn người con: Một là vua Tịnh Phạm, hai là vua Bạch Phạm, ba là vua Hộc Phạm, bốn là vua Cam Lộ Phạm, vua Tịnh Phạm tức là thân phụ của Phật) Đại sĩ đã qua kiếp tu tướng tốt (Bồ-tát ba đại Xí-da-kiếp tu hành đến định Kim Cương dụ, sau trăm kiếp tu tướng hảo, ngàn kiếp học oai nghi, muôn kiếp học hóa hành) sau cùng quyết sinh không gì bằng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, mà Sát-đế-lợi địa vị quý trọng (tiếng Phạm là Sát-đế-lợi, Hán dịch là Thổ Điền chủ, là dòng họ vua) Bà-la-môn đức tôn, (tiếng Phạm nói đủ là Bà-la-hạ-ma-noa, Hán dịch là Tịnh ngự, là con cháu của Phạm Thiên, chỉ năm xứ Ấn-độ có, ngoài ra các nước không có, làm thầy vua nên gọi là Đức tôn), chỉ cho kiếp trược, đức chẳng thắng địa vị nên ta chẳng sinh ở Bà-la-môn. Tuy nước nhỏ không có Sát-đế-lợi (vi là không) mà thế tục lâu dài, không gì vượt hơn Đức Thích-ca (từ vua Tam-mạt-đa cho đến vua Tịnh Phạm có hơn tám mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi đời vua) ngoài ra, còn có hai dòng họ thấp hèn, sinh vào đó thì chẳng tránh khỏi bị người đời phỉ báng, nên Đại thánh chẳng sinh (tấc là lấp bít, hai dòng họ đó: Một là Phệ-xá, dịch là ngồi buôn bán, tục nhiều vật báu nên lấy làm tên, hai là Nhung-đạt-la, cũng gọi là Thủ-đà, nghĩa là học giả bề tôi làm ruộng) năm xứ Ấn-độ phân đồng trống khắp hơn chín mươi ngàn dặm ba bờ biển lớn, lưng phía Bắc núi Tuyết có tám nước lớn, mười sáu thành lớn, hơn bảy mươi nước nhỏ. Bấy giờ, không có Luân Vương thống ngự, theo lệnh của nước Vu-Bá (nếu có Luân Vương thì các nước nhỏ đều phục thuộc, nay không có Luân Vương chỉ lấy mạnh làm bá) giống như ở thời Chư Hạ Xuân thu, chư hầu được nhiều chuyên chính, như Tấn Văn Công, Tề Hoàn công v.v...) lễ phục chinh phạt chẳng phải do của một người (thời xưa, hạ lễ làm nhạc của việc chinh phạt, đều phải từ nơi Thiên Tử, từ đó trở lại chuyên lạm chẳng phải từ một người mà ra). Ma-kiệt-đề là nước lớn (Hán dịch là Bất chí), vì nước này đem binh lính mưu tính đánh chiếm, binh lính các định gần đều chẳng thể đến. Khắp năm ngàn dặm. Thành ít người ở, Ấp nhiều biên hộ. Lúa mạ tươi tốt đượm nhuần, có loại gạo thơm hạt lớn, mùi vị khác lạ, tục kia gọi đó là gạo cúng đại nhân, đất đai ẩm thấp, ấp nước ở hang, phong thuần tục chất phát, khí hậu ôn hòa) ở bên trong góc biển, vua Binh-sa là quân trưởng (tức Tần Bà-sa-la, Hán dịch là nhan sắc đoan chánh, tức phụ thân vua A-xà-thế). Đứng đầu trong các hậu, thành Vương-xá là pháp

tập thắng hội, bày muôn phái mà quy về (thành Vương-xá, tiếng Phạm là Cư-xa-yết-la-bổ-la, Hán dịch là thành Thượng Mao. Nơi sản sinh loại cỏ tranh (mao) tối thượng. Trong nước Ma-kiệt-đề, xưa kia nhân hỏa hoạn mà ra ở đây, bèn thành nha ở, về sau vua vô Ưu dời đến ở Ba-tra-ly, đây chỉ có ngàn nhà Ba-la-môn ở chung) núi Linh Thứu là áo phủ của các bậc thánh, bày tướng của các nhạc phía dưới (thánh Câu-tô-ma đã là thành núi, gần thành vương xá, tuy có năm núi này riêng tốt đẹp, cao mà lại hiển, nên bày ra quá Nhị thừa, có nhiều chim thứu đậu ở nên gọi là Thứu phong) A-xà-thế nghĩ Hoàng đăng dong (hoàng là lớn, đăng là lên, dung là dụng, lớn lên dụng nghĩa là quân) vì giết cha bại danh, tuy có công đức chẳng đánh ca ngợi (cũng Đề-bà-đạt-đa bày mưu giết cha, giam tù vua Tần Bà-sa-la, lại phục kiếm đuổi mẹ là Vi-đề-hy, v. v...) đến thời vua A-dục, hưng thạnh trong niên hiệu đại nghiệp, oai trùm góc biển, thế kiện Thiết luân mà chẳng tức chân (kiện là bằng, tức là thành. Thế tuy ngang bằng Thiết luân, là tằng tôn của vua Tần-bà-sa-la) mới đầu trong kinh Pháp Tượng tạo địa ngục (Pháp Tượng là nương học) đắp tường thành nhiều lớp, nấu sắt nóng chảy đổ vào, xô người xuống đó, tuy xưa kia có mổ xẻ thiêu đốt nhưng chẳng quá tàn khốc như thế (xưa kia, Thương Trụ mổ bụng phụ nữ mang thai, chẻ cẳng chân của Triều Thiệp, đặt ra ngàn hình luật kế tiếp, thiêu đốt kẻ trung lương, mổ moi tim bậc hiền nhân, nếu so sánh thì cũng chưa bằng) mến kẻ dõng tế ác, khắc mại kẻ hung đức (dưới Nam Sơn có một người, hung ác có thể làm lính ngục, vời gọi đó, cha mẹ chưa chấp thuận, nó bèn giết hại cha mẹ mà đến). Gặp người đắc đạo dùng thần lực giáo hóa, vội sửa đổi mà qua (Mới đầu trong nước, các tội nhân pháp chẳng kể nặng nhẹ đều đưa vào đồ thán, sau có ai đến ngục, tiếp thì bắt đầu giết hại. Bấy giờ, có vị Sa-môn, lần lượt khất thực, kẻ sứ ngục bắt vào, Sa-môn kinh sợ, cầu xin lễ sám bảy ngày, bỗng chốc thấy có một người bị trói đưa vào, chém chặt tay chân, mổ xẻ hình hài, thấy rồi càng thêm buồn thương, thành quán vô thường, chứng quả Vô học, tuy bị bỏ vào vạc sôi mà như ở ao mát, có hoa sen lớn, dùng để làm tòa, vua nghe vậy, đích thân đến xem, rất ngợi khen Linh Hựu. Sau đó giết chủ ngục, bèn phế bỏ ngục đó). Đại Đức Cúc-đa lại dùng nhân quả khải địch (Khải là mở, địch là dẫn dắt, Tổ thứ năm, Ưu-ba-cúc-đa dùng đạo lý nhân quả mà khai mở dẫn dắt) càng xét thêm sợ, vội nghĩ bổ đắp, bèn mở hộp của tám vua, dựng tám muôn linh sát (từ sau phế bỏ địa ngục, Cúc-đa mỗi ngày càng thêm khéo dẫn dụ, nói rộng về nhân của hiến đất, Đức Như lai huyền Ký Công đức của sự dựng lập, bèn nhóm họp

quỷ thần, dốc lực đồng tâm, đem tám nước cùng phân chia Xá-lợi, bảo quỷ thần đến kỳ hạn ngày tháng, có ẩn che tướng trạng như bàn tay, nên hạ Xá-lợi ngay giữa trưa, La-hán đưa tay che mặt trời, tạo dựng bèn thành) vua đó do phước của thí đất, công cao vị trọng đến như A-túng. Đại thiên xua đuổi hiền thánh, đến nỗi khiến chúng tăng chia thành hai bộ (từ sau khi Đại thiên vào cung thường ngày thọ nhận ân sủng, ngay đêm thuyết giới tranh cãi với chúng tăng, vua Vô Ưu a dua theo, mới chia thành Đại chúng bộ và Thượng tọa bộ) Phật pháp mới bắt đầu bị phân chia, tuy nguyên ác đãi đổi vốn chẳng tại mình mà vị vua vốn không xét trước, chẳng được chẳng chia đều tội ở tự mình (từ đó pháp thừa một vị. Nguyên là đầu, đổi là oán, vì vua chẳng có khả năng năng định tội cho đúng, chẳng phải lỗi đó ở đây) phía Bắc Thân-độc (Độc theo thư là âm đốc, tức Ấn-độ, hoặc gọi là Hiền Hổ, đời Đường gọi là Nguyệt, nguyệt có một ngàn tên. Quần sinh luân hộ đem dài chẳng dứt, hiền thánh giáo hóa, dẫn vật như trăng chiếu đêm, do đó đặt tên đất kia) có nước Kiện-đà-la (tức bắc Ấn-độ, cách Ma-già-đà năm trăm dặm, không sương tuyết, người khéo tập học nghề tên kính ngoại đạo là quê quán của Vô Trước, Thiên Thân) vua ấy hiệu là Ca-nị-sắc-ca (sau Phật diệt độ bốn trăm năm), làm vua mà có lễ, rộng mà kính tin, tôn La-hán Mô Hiếp kàm thầy (phú pháp tạng nói: Tỳ-kheo Ba-xa từng sống chẳng nằm, hông chẳng dính chiếu, người thời bấy giờ gọi là Hiếp Tôn giả) giải thích các bộ, phẩm cách đồng dị, soạn Đại Tỳ-bà-sa (hai trăm quyển), tuy có nước có vua, không có lúc nào không có tăng ở, tin mà hành tin, đó là chẳng nịnh (miệng tài gọi là minh, làm vua của nước ở trung tín mà hành kính tin, đó gọi là chẳng xiểm nịnh, mới đầu vua chẳng tin tội phước nhân đi săn, thấy hai mục đồng đắp Tốt-đổ-ba, bèn hỏi, hai mục đồng nói: Phật thọ ký sẽ có vua ở đây thâu Xá-lợi của ta. Đại vương xưa đã gieo trồng nên tín tâm sâu chắc, kính trọng Phật pháp) kẻ tăng người tục dùng đó, nghiệp lớn bày đượm (người ở Tây Vực, tăng tục đều học luận này) đời gần đây vua giới Nhật là kế đó (vua Giới Nhật tức vua nước Ma-kiệt-đà ở đầu thời Tiền Đường, Á là kế thứ) đời Chu Tần, nguồn chân xa bít, bờ linh dài ngăn, chủ trái với đạo, sớm chẳng lên Hiền. Bá Dương Ni-phụ khinh thường gặp phải (thời đại Chu Tần, Khổng lão tuy đại hiền mà đều chẳng thấy dùng) thương ưởng lý tư, rất đỗi buông lúng (đều rất chiêu mộ kẻ lại, đều chẳng được chết) mà họ Thích cẩn thận gian nan nên chẳng đến (Phật pháp chưa truyền đến là biết gian nan của Bạo Tần, nhưng cảm hóa có thời, chẳng thể gượng ép). Vả lại, Hán tiếp thừa ngựa xấu nhà Tần, lên để lấy thiên hạ,

mượn lực để anh hùng mới thành đế nghiệp (Hán cao tổ chống kiếm ba thước mà lấy thiên hạ) nên khiến má Luận Công đều rút kiếm đợi nói, Cao Tổ mắc hoạn đó (Hán sau năm năm hội cai sắp phong công, mà các tương đua tranh rút chợt nói, cao tổ vì ngậm răng, từng bấn Cao Tổ có thù, mới phong đó, các tướng biết có trông mong mới định). Vì vậy, Thúc tôn gạn chung nên cả các sinh lỗ, tu chỉnh lễ của Triều Hội, trông xa kiệu hoàng đế, trăm quan không ai chẳng sợ hãi, thức ngăn cấm tệ của đương thời, để tôn muôn thừa oai nghi (đây là tên Thiên Tử mà ép chư hầu) nên Thái Hoàng phản bái (cha của cao tổ) gia lệnh được ban, tự xưng nghiệp bá, lưu lại quyết tôn mưu, phong cách của Hoàng vương tôn sùng sư mà giáng lễ, chưa hề có nghe (đây là Thúc Tôn Thông ở thời Tiền Hán ,v.v... nêu bày cả Hán lễ, mà chưa thấy việc tôn sư trọng đạo giáng lễ từ việc bề tôi). Hoàng đế hỏi đạo ở Quảng Thành (Hiên Viên hỏi đạo ở Quảng thành tử) Đường Nghiêu thuận phong ở Cụ Tỳ (Nghiêu Vương lễ tiên sinh Cụ-tỳ và đưa ra Nam Hoa chân kinh) há chẳng phải việc của Chí tôn ư? Đến khi nhà Hán Trung Hưng, đế Trang Phi Hiển (chúa thứ hai thời hậu Hán Minh đế tên là Trang phi hiển minh) tiếp khách ở Đại Hồng Lô, đáng ty ở Đại Tông Bá (từ Tây Vực, chỗ Ma-đằng, v.v... đến, hoặc an ở chùa Hồng Lô, hoặc Tông Bá làm chủ đó vậy) nên Chi Khiêm an thanh (Chi khiêm là Ưu-bà-tắc ở nước Nguyệt thị, tự là Cung Minh, Hán chưa đến đất lạc, trao nghiệp cho Chi Lượng, Chi Lượng trao cho Chi Sấm, ở đời xưng là thiên hạ biết rộng chẳng ngoài ba chi, An Thanh tự là Thế cao, con vua nước An-tức, nhường ngôi vị mà xuất gia, niên hiệu Nguyên Gia năm thứ nhất thì Hán Hoàn đến đây, đức trọng trong chúng tăng, mà chưa làm thầy bạn của Vương Hầu, tuy Sở Vương tu sửa đền thờ của nhân thánh, Hiếu hoàn dựng tế của Hoa cái (đều là các vua đời Hán) cũng chỉ có thần Phật mà thôi. Chưa đền thờ nhân tâm, người của Hoa cái (chỉ là nghiêm trang khí cụ) Ngụy nhân Hán lễ, trưng dụng chuộng lạ, chỉ vì âu lo Cần vương đánh cao, nhân nào mà thờ đối với ta khắc hạ ư? (Ngụy Tào Tháo tự là mạnh đức, làm tướng nhà Hán, vì nhà Hán suy yếu mới ép Thiên tử khiến chư hầu mưu toan phân bá, chẳng rảnh sùng hiển giáo của ta) nhưng tuy chẳng thể mở mang khen ngợi phong cách đó, mà cũng chẳng tệ đối với đạo ấy (cũng có các Tam Tạng pháp sư như Khương Tăng Khải, Đàm Đế ,v.v... đến` phiên dịch) đầu đời Tam Quốc, người Ngô chưa dốc tin từ Thiên-trúc có Sa-môn Khương Tăng Hội mới đầu đến đất Ngô, dựng lập hành đạo. Tôn Quyền (tự là Trọng Mưu, đóng đô ở Kim Lăng) cho là lừa dối khác tục, bất giữ, Khương Tăng Hội nói; thân

Phật tuy diệt, nhưng di cốt Xá-lợi ứng hiện vô phương. Các bậc tiên vương ở ngoại quốc xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp, phô bày Di hóa, Tôn Quyền cho là đãi mình (đãi là nói khinh thường) bèn khiến ra kỳ hạn cầu Xá-lợi, nghiêm khắc điều lệ hoản phạt hai mươi mốt ngày, Khương Tăng Hội cùng đồ chúng sắp chết, Xá-lợi bèn rơi xuống lẻng kẻng trong mâm, hiện ráng cầu vồng trên đèn, vua tôi của Ngô cùng trông thấy bèn vui mừng bảo: Lành thay, điềm lạ vậy mới bắt đầu xây chùa Kiến Sơ, gọi xứ đó là làng Phật-Đà. Lúc ấy là niên hiệu Xích Ô năm thứ tư, cách niên hiệu Vĩnh Bình hơn một trăm bảy mươi năm (năm Giáp tý thuộc niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười đến niên hiệu Xích Ô thứ tư tức năm Tân Dậu là được một trăm bảy mươi tám năm) một ngàn người Ngô ở tại Ngô Lạc biết pháp gần không muộn ư? Tôn Hạo cuồng ngược vô đạo, cả nước sắp bị bệnh, mới đầu phá Hủy Dâm từ, dần hồi đến chùa am. Các thần bàn nghị rằng: Oai lực của Phật chẳng đồng các thần khác, Khương Tăng Hội cảm linh Thái Hoàng xây chùa. Nay nếu khinh thường Tăng Hội. Tăng hội là người tài biện nổi bật, ngày mai khó thể giúp thêm, bèn đến chỗ Tôn Hạo, Tôn Hạo nhóm họp các Công khanh cho đến Liêu thứ, dùng xe ngựa để trừng Tăng Hội, khi đã đến Tôn Hạo gượng ngôn từ, mờ tối lý, cho là Tăng Hội chẳng bằng minh (Tôn Hạo hỏi Tăng Hội rằng: Điều Phật giáo nói về thiện ác báo ứng là thế nào? Tăng Hội bảo: Phàm minh chúa hiếu từ dạy đời, thì chim đỏ liệng, sao người già hiện, nhân đức kịp vật thì suối lễ tuông mầm tốt ra, thiện đã có chứng, ác cũng có thể nghiệm, làm ác nơi ẩn, quỷ được dịp giết đó. Làm ác nơi hiển, người được dịp giết đó. Tôn Hạo nói: Nếu vậy thì Chu Khổng đã rõ, Tăng Hội bảo: Phật giáo rộng sâu) mà Tăng Hội đối kháng hết thể của Điển mô, suy dẫn hợp bàn nghị của người trung lương. Tôn Hạo tự nhiên biết đó chẳng thể khuất, mới đổi sắc mặt mà kính. Nên, trị quốc là thể thánh hiền và quân tử. Như khí thức của Tôn Hạo là sau cùng, đâu được chẳng làm chủ của mất nước ư? Vừa rồi chẳng phải Tăng Hội dùng đạo nghĩa dẫn dắt, chở che buông lung làm ác, chẳng biết kỹ cực thể của Tiêu Tường, Thi Ân Tử Đạt, đâu được nhục sâu dày ở đất Tấn (Tôn Hạo tự là Tông Nguyên, con của Hòa, cháu của Tôn Quyền. Mới đầu Phông Ô Trình Hầu, Trương Bố ,v.v... lập đó, sau oai ngược độ, bị chinh nam tướng quân Đỗ Dự ,v.v... tóm bắt, Tôn Hạo bắt trói hàng Tấn vào Lạc Phong về mệnh hầu, tức niên hiệu Thái Khương năm thứ nhất) Tăng Hội từ niên hiệu Xích Ô mới đến, tới cuối niên hiệu Thiên Kỷ, Tôn Hạo hàng, chẳng mấy tháng thì mất (năm Tân Dậu, niên hiệu Xích Ô thứ tư đến đất Ngô, đến năm Canh Tý, niên

hiệu thiên kỷ thứ tư, Tôn Hạo hàng được ba mươi chín năm. Đến mùa đông mất tại đất Ngô). Đầu cùng nước Thạnh sau cùng nước Tiêm (tiêm là diệt). Người trong Bang Quốc kính mến Tôn Hạo, hát dũ so với mến mộ Tăng Hội ư? (hát là sao, dũ là hơn). Thổ Đức đã mỏng, đảnh dời đến Tấn (Ngụy dùng Thổ Đức mà ứng lịch số) Tuệ Hoàng mất ngự, thiên hạ đổ nát (Tuệ Hoàng là con Võ Đế, tên chung, tự là Chánh Độ, lập mà Vô Trí, triều chính chẳng trị, đến sau niên hiệu Vĩnh Khang, tại đó phân lập thành mười sáu nước) Tiền Triệu ở Ly Thạch (Lưu Nguyên Hải, mới dấy Hung Nô, sau Xương Đốn. Hán Cao Tổ lấy Tôn nữ làm vợ, Xương Đốn kết làm anh em, bèn thuộc dòng họ Lưu. Nguyên Hải tay vượn khéo bắn. Thành Đô Nương tang bày đó làm Ninh Sóc tướng quân, không nước thành hai tuần, đông đã năm mươi ngàn, bèn tiến vào thành đế vị, bảo Tử Thông cướp Lạc Dương. Lưu Diệu sau dời đến Trường An, bị Thạch Lặc giết hại, tất cả có bốn chủ trong hai mươi bốn năm). Hậu Triệu dấy khởi ở Cát Bà (Thạch Lặc là người Yết ở Thượng Đảng, khởi nhường nước Bắc Vương Tuấn hàng Lưu Côn, bèn thành đế vị, sáu chủ trong bốn mươi sáu năm) Thạch Lặc, Thạch Hổ binh lính mạnh lại đông, chống hung bạo làm đức, chém giết như cây cỏ, các Sa-môn bị hại rất đông. Vì vậy Phật-đồ-trừng thương điếu rằng: Tội gì của người kia mà tánh mạng chẳng bảo toàn. Nhân tướng của Thanh Lặc là Quách Hắc Lược, hiển bày thần vị, giúp mưu kế lớn, hẳn được tỏ bày với Thanh Lặc, ngày khác Quách Hắc Lược đánh mạnh gặp Thạch Lặc, tỏ bày thành quả qua nhan sắc, đem việc của Phật-đồ-trừng mà nói. Thạch Lặc mừng vui mời đến hỏi. Phật-đồ-trừng biết Thạch Lặc chẳng đạt huyền lý bèn đáp rằng: "Chí đạo tuy xa, nhưng có thể nghiệm gần" bèn dùng bình bát đựng đầy nước, đốt hương cầu chúc, chỉ trong khoảng khắc mọc lên hoa sen xanh, Thạch Lặc trạng thần thánh đó, cúi đầu xuống phong rỗng tâm nhận dạy răn. Nhân trắc đồ thán, niệm lự chẳng nghĩ (Thạch Lặc lúc đầu kết làm bạn cướp với Vương Dương Chi Hùng, thường làm việc giết hại, lại Thạch Hổ tự là Quý Long, tức tùng tử của Thạch Lặc, võ mạnh chống kháng ở sĩ nữ, ít có loại bỏ sót) người của Hồ Hạ đáng bị giết chết gồm có mười chín mà được sống, thật có thể gọi là thám xét mạng người ởmiệng Hổ. Cho nên biết ngắn dài ở thánh mà chẳng ở ty mạng. Ty mạng năng ty làm sao có thể ngắn dài (vì bậc thánh thực hành pháp mà kéo dài, chẳng phải điều ty mạng làm được) Phật-đồ-trừng nghe tiếng linh, gồm quán tay dính dầu, nhờ thông minh ở tai mắt mà thật hư chiếu ở tâm, các gọi là không đâu chẳng phù nghiệm (Phật-đồ-trừng mỗi lúc biết Thạch Hổ sắp bại, giả đem dầu xoa

tay mà hiện ánh sáng. Lại Quách Cảnh Lược dùng xem đó, giả dùng tiếng linh, và niệm Bát-nhã Ba-la-mật, mà báo đó nhưng sâu xét ở tâm, mượn việc bên ngoài khiến sinh tin, chỗ báo sẽ phù hợp) Thạch Lặc chết Thạch Hổ tiếp nối Ngụy hiệu, sắp cẩn khinh tục, thánh kính ngày một lên (cẩn là nghiêm, Thạch Hổ đã kế tiếp vị, muốn nghiêm cẩn đối với tục khinh thường, nhân tự thêm kính cẩn đối với Phật-đồ-trừng) ban chiếu thứ rằng: Hòa-thượng là Đại bảo của nước nhà, vinh tước chẳng thêm, cao lộc chẳng nhận, tước lộc chẳng chuộng. Lấy gì nêu đức đó, từ đây đã sang, nên dùng gấm lụa làm áo, dùng kiệu xe để đi. Ngày triều hội, Hòa-thượng lên điện, thường hầu trở xuống đều nêu lên, Thái tử, các công giúp đỡ, mà chủ trên xướng đại Hòa-thượng, chúng ngồi đều đứng dậy, để bày tỏ sự tôn trọng. Lại sắc ban ty không lý nông sớm tối thân hầu thăm hỏi. Thái Tử các Vương cứ năm ngày chầu một lần, biểu thị trẩm kính. Tấn Sư ra Hoài Phì (sông Hoài ra từ núi Đồng Bá, Sông Phì ở Lô Giang, bấy giờ nhà Tấn đóng đô ở Kim Lăng, Thạch Hổ đóng đô ở Lăng Dương) Thạch Hổ bèn tức giận nói: Tâm ta kính thờ Phật, lại khiến quan ngoài, Phật không phải thần, Phật-đồ-trừng biết vậy, ban đêm đến chỗ Thạch Hổ mà bảo: Vua ở đời quá khứ làm vị Đại thương chủ, thường cúng dường trong chùa Kế-tân, trong đại hội có sáu mươi vị La-hán. Tôi đây thân nhỏ bé cũng dự hội. Bấy giờ có người đắc đạo bảo tôi rằng: "Người chủ này khi chết phải làm loài gà, sau làm vua đất Tấn", nay chủ làm vua há chẳng phước ư? Cương trường quân cướp (cương trường là đất bờ ven) việc thường của nước nhà, sao lại oán giận phỉ báng Tam bảo, ban đêm dấy khởi niệm độc ư? Thạch Hổ kinh sợ khắp cả mà tạ lỗi. Một hôm cùng Thạch Hổ ngồi, bỗng nhiên đứng dậy bảo: Biến U châu tai họa, vội bảo lấy thuốc rượu xa rưới, Thạch Hổ sai người xét nghiệm, ngày đó lửa từ bốn cửa nổi lên, mây đen từ phía Tây nam đến, chợt gặp cơn mưa dập tắt đó, nước mưa lại có mùi rượu. Phật-đồ-trừng sắp tịch, bảo Thạch Hổ rằng: Ra vào sinh tử là lẽ thường của Đạo, ngắn dài phân định chẳng kéo dài. Đạo trời trọng hành, hoàn toàn đức trọng không biếng lười (đạo đức chẳng thể do biếng lười mà được) nếu nghiệp tháo không thiếu sót thì dù mất cũng như còn, trái lại mà được kéo dài, chẳng phải chỗ nguyện. Niệm ý chưa tận là vì nước nhà tâm còn ở Phật Lý, phụng pháp không sai, xây dựng chùa miếu to lớn tráng lệ, xứng với sự mong mở đó. Nên Thuần Hưu xã mà bố chính dữ dội. Dâm hình khốc lạm, bày trái thánh điển, sai quấy giới pháp, chẳng tự trừng cách, cuối cùng không có Phước đức (trừng là răn, cách là đổi, tuy xây dựng chùa miếu kính thờ Phật pháp, nếu hình pháp khốc lạm thì

không hề có ích lợi gì) nếu hàng tâm đổi suy nghĩ, ban ân người dưới đây, thì vận nước lâu dài. Đạo tục mừng nhờ, rốt cùng mạng đều hết, chết không để hận. Quân tử cho rằng lời nói của Phật-đồ-trừng thật là trung của xả tắc, từ của Phổ Môn, hoặc nói thật để khen đức). Sách Thi nói: Người đó nói mất nước nhà Điển Tụy (thi là chương của Đại Nhã chiêm ngưỡng. Điển là diệt, tụy là bệnh, nói vua chẳng tốt, triều đình hiền nhân ẩn mất, thì thiên hạ nước nhà sắp hết bệnh) mà Phật-đồ-trừng tịch, quần thây hồ kia nhiễm mẫn (Thế gian nói: Phật-đồ-trừng tịch, Thạch Hổ mở quan không thấy thấy xác, chỉ có Ca-sa ở nhiễm mẫn. Thạch Hổ dưỡng cháu mưu dõng tuyệt luân, giết Thạch Giám mà tự lập, cờ xí chuông trống nổi dậy, rang xa cả trăm dặm, chỉ việc giết hại mà Mộ Dung Lận bắt giết, hai bên phải trái khắp bảy dặm cây cỏ đều khô) Phàm có kỳ chất, hẳn có kỳ trí, có kỳ trí thì sẽ có kỳ hành, có kỳ hành thì sẽ có kỳ ngôn, ngôn thì mới kinh xưa kia, da vãy đầu trâu, mũi hổ mỏ chim (phục hy vảy rồng, đại chuẩn mũi lớn, thần nông đầu trâu, Nữ oa thân rắn, Hoàng đế dáng rồng, đế khốc răn ngựa, Nghiêu mày chữ bát, Thuấn mắt tròng đôi, Cao Đào mỏ chim, Võ vương mắt dê, Chu Công lưng gù) đều bẩm linh khí chẳng lường, chứa nhóm thánh đức chẳng cùng, mà bên cạnh vú trái của Phật-đồ-trừng có lỗ vây quanh bốn, năm tấc, sâu suốt thấu trong ruột, có lúc có ánh sáng từ trong tỏa ra, dùng khoáng bít lại (khoáng là bông tơ) ban nếu hoặc rút khoáng ra thì chiếu suốt cả phòng, hằng ngày đến Thủy Hử (hử là bờ sông) kéo ruột già ra mà tẩy rửa. Đây thật là biểu thị của chí kỳ (đều xuất xứ từ Cổ Cao Tăng truyện). Loạn trong niên hiệu Vĩnh Gia, nhà Tấn dời về phương Đông (nhà Tấn từ lúc Tuệ đế lên ngôi, triều cương nhiễu loạn, cốt nhục tàn hại nhau. Triệu Vương luân dấy loạn từ đầu niên hiệu Vĩnh Khang đến niên hiệu Vĩnh Gia, cùng khắp Giang Đô, v.v... đều làm loạn. Tiền Triệu, hậu Triệu, hậu Thục đua nhau nổi dậy, Tấn Nguyên Đế trấn ở Dương Châu, bèn sang Kim Lăng lấy hiệu là Đông Tấn) Trúc-pháp-tiềm (Cao Tăng thời nhà Tấn, họ Vương, tên Tiềm, tự là pháp Thâm, uẩn chưa tiếng tăm ở thời đó) là con của Vương Đôn. Trước tôn thờ Lưu Nguyên Châu ở Trung Châu, sùng đức chăm học, tiếng tăm vang khắp Tây triều (Lưu Nguyên Chân sớm có tiếng tăm tài năng, Pháp Thâm rất được Tôn Xước mến trọng) quan Thừa tướng của Nguyên Đế và Minh Đế là Vương mậu, Hoàng Thái Úy Sưu Nguyên Quy (tức vương đạo Sưu Lượng) đều kết bạn mà kính trọng, khoảng niên hiệu Kiến Võ Thái Minh, Pháp Thâm thường mang guốc vào trong điện, người thời bấy giờ gọi là bậc sĩ của phương ngoại, do đức trọng nên như

vậy. Sau về ẩn tại Kiếp sơn, mọi người đến thưa hỏi điều lợi ích, thì dùng Phương đẳng, Lão Trang, giáo điển nội ngoại mà đượm nhuần (dùng kinh sách nội ngoại mà dẫn dạy). Ai Đế đến chỗ pháp hội khai giảng (Tấn Ái Đế là con của Thành Đế, tên Phi, tự Thiên Linh. Vua Mục Đế băng, không có con nối dõi cho nên lập ông, thờ Không Hà Thứ Đạo Tông lấy làm thầy, sau tấu xin về Kiếp sơn, khi đã mất, Hiếu Võ ban chiếu nói: Pháp sư Tiềm, lý ngộ rỗng xa, phong soi rỗng suốt, vất bỏ vinh quang của Tể tướng, tiếp nối trắng trong của nhiễm y, ở núi ngoài vật, chuyên cần chẳng biếng nhác, mới nhờ tuyên đạo để cứu chúng sinh, an nhiên thị tịch, đau nhói cõi lòng, có thể phụ mười muôn quan tiền (tặng chết gọi là phụ, Hiếu Võ tên Diệu, tự Xương Minh, là con thứ ba của Hải Tây Vương. Hoàn Ôn Phụ Chính, Đế còn nhỏ mà thông minh, người tuổi lên ngôi). Ở đời Mục Đế (Tấn mục đế, tên Đan, tự là Bành Tổ, con của Khang Đế, lập năm hai tuổi, Trử Thái Hậu lâm triều) chi đạo lâm là bậc kỳ mậu của rừng nâu sồng, phong trong mẫu nhiên, sóng lắng lấm hoa, lập am nơi rừng vắng, ẩn ở tâm chí, đạo đức văn chương làm chỗ đời kính ngưỡng. Thiên Tử ba việc thứ duẫn (ba sự là ba công, thứ duẫn là các khanh) Hiền Sở đại phu Nghiêm Tẩu biết tên, không gì chẳng cao anh mại´. Khâm thừa đạo luận Tạ An Vương Mông, Lưu Đạm Ân Hoạt Tôn Xước Hoàn Ngạn, biểu vương văn độ, các vị như vậy là kỷ vật Quốc Hoa (đều là các bậc Công khanh quý tộc ở thời Đông Tấn) đều dùng pháp bát quan trai, dạo núi đượm đêm, mượn ngày quanh mâm, tẩy rửa đai đãi cúng tiến hương hoa, ung ung mục mục, đủ khắp đoái mộ (ung ung mục mục là dáng mạo hòa nhạc) Khế hợp thường thức thanh kỳ làm hưng thạnh một đời. Vương Hy Chi nói với người rằng: Một hơi khí thoảng qua cũng nào đáng tin, đã thấy mới hối tiếc lời nói trước đãi nơi tai (đãi là nơi lạc, hoặc có bản ghi là điếm, đều thông). Phàm sở dĩ bày có sinh là nói loạn đó, sách Thi nói: Chỉ bạn nói đó, cho nên tợ nó (Thi, Tiểu nhã thường thường là chương cuối cùa Hoa, ý dùng quân tử đó có phong cách cao thượng, chỗ được bạn, tương tợ cùng đó, Thi ít riêng dùng văn hại ý) vậy biết Kiêu Phụng chẳng chung Đàn (Kiêu là loài chim bất hiếu, ăn thịt mẹ mà bay, đông lệnh bắt mà xé xác ngay giữa đường, chữ từ là chim trên cây, phụng là chim tốt lành, đầu gà cổ rắn, cằm yến lưng rùa, đuôi cá, năm mầu, cao sáu thước, con mái gọi là hoàng) báo và lợn chẳng làm bạn (báo giống như con hổ, lợn là con heo) nêu thiện để tìm đảng, bởi suất phong cổ xưa (suất là theo) Trọng Ni nói: Chẳng biết người đó thì xét người sứ mà ông tu làm bạn, chẳng biết vua đó thì xét chỗ nó sai sử. Thiền hiện

thay! Thật Khổng thánh, phàm bảy tử (người) theo đó, Hầu Bá nhà tấn (bảy người đó là: Điên Hiệt, Ngụy Võ Tử Tư không, Quý Tử, Cô Yểm, Triệu Suy, Cô Mao, Giả Đà bảy người theo Tấn Trùng Nhĩ ra rão cuối cùng về Bá Tấn) bốn ông đến hộ, Hán trữ định (Hán Cao Tổ vì Thích Phu nhân sắp lập Thái Tử chưa định, trên dưới, lo sợ. Trương Lương khiến Lã hậu thỉnh ở Thương Sơn giúp đỡ vào triều. Cao Hoàng vừa thấy vị đó mới định, bốn Hạo một Đông viên công, hai Hạ Hoàng Công, ba Kỹ Lý Quý, bốn Giác Lý tiên sinh, giác âm là lộc) Trường Lộc bỏ hưng thịnh của Ngụy Tần (Phạm tuy vì chỗ dèm chê của tu giả chịu sỉ nhục của Ngụy Tề, mới đổi họ tên là tiên sinh Tiên Lộc. Tần dùng đó làm tướng phong hầu mà rất hưng thạnh nước Tần). Ác lai cùng trụ mất của nhà Ân (Sử ký nói: Phi Liêm sinh ác đến phụng sự Trụ nhiều lực, lại khéo dèm pha hủy phá chu hầu. Võ Vương đánh Trụ giết chết ác lai). Lời nói đó rất ứng nghiệm, mà người ít để bụng. Nên đảng xưa nêu đảng giết chết, thật chẳng mất thiện ác của thiên hạ (hình luật xưa, đảng đó thiện là đều thưởng hết cả. Đảng đó có ác duyên bị mà giết). Tiểu nhân thời nay phần nhiều lén trộm, bạn quân tử sinh làm tiếng tăm (gần đây hạng người dối trá, tự không đức hạnh nương cậy hàng cao lưu, buông tâm tiếng tăm, dáng chồn ở đời) mà thôn xóm chẳng khảo xét mối manh đó, cùng nhau nhận lấy dối trá. Mà hạng biết hiểu cao xa khó gọi riêng đó là chẳng đúng, nên làm bạn bè. Ở xưa thì thẳng, ở nay thì lạm (Tử nói: Bạn thẳng ngay, bạn tin thực, bạn nhiều nghe lợi ích. Bạn khiển lánh xa, bạn khéo mềm mại, bạn khiến nịnh tổn). Lâm Công bị lưu giữ tại chốn kinh đô ba năm, nghĩ muốn về Đông Sơn, mà không lúc nào vua chấp thuận. Cổ dùng biểu văn chối từ, đó thật buồn đau. Thời Ngụy Tần có Thiệp Công (Cao Tăng Thiệp Công, gốc Tây Vực, mọi việc dự đoán có lắm ứng nghiệm. Niên hiệu Kiến Nguyên thứ mười lăm ông đến Trường An, qua năm sau thì viên tịch, năm sau nữa trời nắng hạn) chẳng ăn ngũ cốc, mỗi ngày đi năm trăm dặm, có khi năng chú nguyện rồng xuống, trong bát khiến giáng mưa. Thiệp Công viên tịch sau một năm thì trời nắng hạn, Phù Kiên nói với Chu Đồng rằng (Chu Đồng làm Bí thư giám). Nếu Thiệp Công còn thì đâu khiến trẩm đốt cháy tim gian nơi mây Hán ư? Mới đầu Tần Thái Thú tâu: Sao có đức xuất hiện ở phần dã nước ngoài quốc, sẽ có bậc thánh đến giúp nước nhà. Định đó là vua, Phù Kiên mới phân bảo Phù Phi (Phù Phi là con thứ của Phù kiên) đánh Tương Dương bắt được Đạo An, Lã Quang bắt được La-thập ở Quy-tư (nói đủ là Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng Chân). Chu Tự bị Tần vùi dập (Tán nam trung lang tướng Chu Tự bị Phù Phi vùi

dập) cuối cùng được Đạo An và Tập Tạc xỉ. Phù Kiên mừng nói: Trẩm dùng mười vạn quân mà được nửa người (một người là Đạo An, một nửa là Tập Tạc xỉ) nước nhà có nghi ngờ mưu tính và khí phục xưa cũ như Triện Lệ ngọc báu mà chẳng biết là đều nhờ thưa hỏi Đạo An. Phù Kiên thường muốn đi dạo Đông Uyển, bảo Đạo An cùng đi chung kiệu. Quyền Dực can ngăn rằng (Quyền Dực là Tả bộc xạ) thần nghe pháp giá của Thiên Tử, Thị trung giúp cưỡi. Đạo An là kẻ sĩ hèn hủy mình, làm sao có thể tham dự, bức ép cưỡi kiệu? Phù Kiên tức giận đổi sắc mặt bảo: An Công Đạo ngầm Chí Cảnh, đức mọi thời tôn, trẩm là trọng của khắp thiên hạ chẳng đúng dể đổi đó ư? Nếu chẳng phải điều vinh hạnh của ông thì là điều vinh hạnh của trẫm, và bảo Quyền Dực đỡ Đạo An lên kiệu. Nhưng bề tôi can ngăn là bày trung. Chủ Kháng cự là mến hiền, Quyền thì xích độ của khư khư (can ngăn của Quyền Dực là nghĩa của thần tử, nhưng chẳng năng tôn hiền trọng đức, cũng là khí lượng chưa rộng lớn) Phù thì bờ hồ thăm thẳm (An Công thật là hiền một đời, Phù chủ sâu chỗ khí trọng, tuy có lời nói mạnh can ngăn, nhưng cũng chẳng hề theo, Tin là cái thấy của sự nhận biết sâu) vua tôi trái nhau, như chẳng cùng hợp (nếu vậy cũng tợ) mà đối với nước nhà thì hợp, nêu quân tử hòa vào chẳng đồng, chỗ gọi là khác đường mà đồng về) Kia tuy Ngụy Phù mà còn hơn chân kiệt (Kiệt tuy là chân chúa mà vô đạo, Tần tuy ngụy Bá mà có đức) thật có thể gọi là được đạo của Bá. (Đạo An là người xứ Phù Liễu thuộc Thường Sơn, họ Vệ, gia thế anh nho, sớm mất cả cha mẹ, được người anh họ ngoại nuôi dưỡng. Năm bảy tuổi đọc sách, xem lại thì tụng được, năm mười hai tuổi xuất gia, dáng mạo thấp xấu, rất được thầy mến quý, làm việc nhọc nhằn chẳng tỏ vẻ oán thán, sau mấy năm mới mở Tâm kinh và kinh Biện Ý một quyển khoảng năm ngàn chữ, mang kinh vào ruộng, chiều tối trở về đã tụng được. Lại được trao cho kinh Cụ Thành Quang Minh một quyển khoảng muôn chữ, như trước cũng tụng được, thầy cầm kinh dò chẳng sai một chữ) Tần đánh Yên và Lương (tiền Yên tức Mộ Dung vì chiếm cứ tại Nghiệp Đô, bị Phù Kiên đánh phá. Tiền Lương tức Trương Thiên Tích chiếm cứ Lương Châu, bị Phù Kiên đánh diệt) hàng phục vua đó làm tôi. Bột Hải Lưu sa khôi phục làm Quốc nhượng (Bột Hải tận đông, Lưu Sa tận Tây) đủ lương thực, đủ binh lính, oai lực chấn-động cả Hải Nội, thường lo hoạn chẳng được theo cựu phục của Võ Lên Cối Kê mà trông biển xanh, chầu muôn nước, để hiệu lệnh thiên hạ (Võ ở Đồ Sơn hội muôn nước chư hầu giữ ngọc lụa mà triều cống Đồ Sơn ở Cối Kê, thuộc Việt Châu) nhiều lần hỏi Đạo An về kế đánh Tấn, Đạo An thường bảo:

Tấn đức tuy nhỏ, mà mạng trời chưa đổi, khó thể mưu tính. Quân tử cũng lấy làm riêng giữ viện bản triều mà thật được lễ, nên một lời nói mà gồm an đặt. Phù dùng cái thấy của Độc Phu (Thư nói: Độc Phu là Trụ) viện nêu chúng đông cả trăm vạn. Phù Dung trị tiền quân, Tấn đến lừa dối, cuối cùng trống giục chưa thành lệ. Tần sư tan rã (Phù Kiên học binh kỵ của Trường An có tám mươi bảy vạn, trước sau ngàn dặm cờ trống giục nhau, Đông tây muôn dặm thủy lạc đều tiến, Phù Dung làm tướng, Tấn Tạ Huyền ,v.v... dùng bảy mươi ngàn thủy quân chống cự. Vương Đạo Tử dùng Cổ Xúy Tâm hỗ trợ ở núi Thần Chung, Phù Kiên đến Thọ Xuân, lên thành trông thấy trên núi Bát Công, cỏ cây đều tướng trạng như người dẫn quân trận đến sông Phì, quân Tấn chẳng được qua, sai sứ nói với Dung rằng: Ông treo quân sâu vào ép sông làm trận, đây là kế giữ lâu, đâu muốn đánh ư. Nếu thối lui quân thì khiến tướng sĩ chu toàn. Bậc và các Công hoảng bí mà trông xét cũng chẳng khéo ư? Dung liền xua quân ra trận, quân bèn chạy lui, chẳng thể cấm ngăn, Dung cưỡi ngựa đánh trận té ngựa nên bị quân giết) từ hậu yên trở lại Yên (sau khi Phù Kiên bại, Mộ Dung xung nổi dậy binh lính đánh Trường An, Mộ Dung Thùy trở lại nghiệp đô mà xưng là hậu Yên) Lương trở về Lương (Lý Hạo vốn tướng Trương Quỹ, sau xưng là Tây Lương ở Đôn Hoàng. Lã Quang xưng là hậu Lương mà Cô Tàng). Tần chiếm cứ ở Tần (Diêu Trành sai tướng vây Phù Kiên ở núi Ngũ Tướng, bị bắt mà thắt cổ tại chùa Phật, Tân Bình tự lập làm Hậu Tần). Trước đó Thích Công viên tịch (Thích Công tức Đạo An) Phù Kiên Lâm đổng (buồn thương quá gọi là đổng) nói: Tôi chưa cứu giúp, An Công bỏ ta mà đi. Ở lời nói đó đâu sai lầm ư? Mới đầu, Đạo An bảo Vương Tử Niên rằng: Đường đời như nay cái hành ư? (cái là sao chẳng) Niên nói: Công hãy đi trước, tôi phải trả nợ sau. Sau Niên bị hại ở Diêu Trành (Vương gia tự là Tử Niên, người xứ Lạc Dương, hình mạo thấp xấu dường như chẳng đầy đủ, khéo khôi hài, chẳng ăn dùng ngũ cốc, như có người hỏi việc thiện ác, ứng đáp tỏ vẻ như đùa cười, mà việc qua rồi phần nhiều rất ứng nghiệm, đáp với Đạo An rằng: Trách nhiệm nhỏ chưa xong, chẳng được cùng đi. Đến lúc Diêu Trành được Trường An, cùng Phù Đăng gìn giữ rất lâu. Diêu Trành hỏi rằng: có phải Trẫm được chăng? Đáp hơi được. Diêu Trành bảo: Phải nói là được, chứ sao hơi được? Nhân đó bèn chém chết, sau khi Diêu Trành chết, con là Diêu Hưng mới giết Đăng. Diêu Hưng tự là Tử Lược, tức chỗ ý của gia nói là hơi được). Pháp Thải đến Vu kinh yết kiến Hoàn Ôn, Hoàn Ôn cậy oai thế danh trọng chẳng vội đón tiếp, pháp thải lo hoạn rụt rè nên chợt bảo

rằng: Tôi có bệnh phải lui gấp, kẻ ấy nói Pháp Thải đến Hoàn Ôn, chẳng đợi giẫm dép mà đi trước đó (Pháp Thải người xứ Đông Hiện, thuở nhỏ là bạn đồng học với Đạo An, tuy tài biện chẳng bằng Đạo An mà dáng mạo khôi ngô vượt xa) Đạo An đã bị bắt tại Tần, môn nhân đều tự tan rã. Tuệ Viễn mới đầu sắp đến La Sắc (núi gần Nam Hải) đến Tầm Dương (Giang Châu). Chiêm bói tại Lô Sơn mà dừng ở đó, đã được chỗ đất khô tìm ra suối nước nên chẳng đang tâm bỏ đi. Tuệ Vĩnh (cũng là học trò của Đạo an) mời đến ở Tây Lâm (chùa Tây Lâm ở Lô Sơn) về sau Thứ sử Hàn Y (bề tôi của Đông Tấn) lập riêng chùa Đông Lâm, trước đó, Đào Khản trấn ở Quảng Châu (Đào Khản tự là Sĩ Địch mới đầu ham học, tiếp đón bạn bè, khách đến, nhà nghèo mẹ cắt tóc bán để tiếp đãi, sau làm đô đốc cả tám châu) được pho tượng vua A-Dục (tức tượng do vua A-dục-tạo) đưa đến chùa Hàn Khê ở Võ Xương (Võ Xương tức là Ngạc Châu) Xa chùa thành xa thỉnh tượng, mới vượt hư không mà đến. Bấy giờ các hàng quan lại nho sĩ ngạo đời lão bàn đó, như Tông Cửu Lôi thứ Tông, Lưu Di Dân, Chu Tục Chi, Trương Quý Thạc, v.v... (ở Nam Dương có Tông Bính, Trương Thái Dân, Trương Quý Thạc, ở Bành Thành có Trương Di Dân, ở Dự Chương có Lôi Thứ Tông, ở Nhạn Môn có Chu Tục Chi, Tân Tế, Tất Dĩnh Chi, Sa-môn Tuệ Trì, Tuệ Vĩnh cùng lập liên xã) Phàm cả trăm quân tử danh lớn đều cùng tư phụ (tư là chung cùng). Tuệ Viễn thuở nhỏ cùng Tuệ Trì đều là những vị tinh học sáu kinh, lễ nhọc danh số, đặc làm pháp độ từ triều đình đến thôn dã. Vương Tuân cùng Phạm Minh Thư (Vương Tuân làm chủ Bộ Hoàn Ôn, Phạm Minh chú Cốc Lương Truyện) nói: Viễn Công và Trì Công đôn dũ (Đôn là ai, dũ là hơn). Phạm Công lại nói: Thật là hiền huynh đệ (Tuệ Trì Và Tuệ Viễn thật là anh em thân tục) Vương Tuân lại nói: Chỉ khiến như anh em thật chưa dễ có, huống chi là hiền ư? Mới đầu, Diêu Hưng, dịch Trí luận xong (Trí luận hoặc gọi là luận Trí Độ, do Bồ-tát Long Thọ soạn) đốc sở mang đến thỉnh cầu Tuệ Viễn viết lời tựa. Đó lại thấy khác hẳn như thế (Hoàn Huyền chinh Ân Trọng Kham (Hoàn Huyền tự là Kính Đạo, con của Đại Tư Mã Hoàn Ôn, làm thứ sử Giang Châu, niên hiệu Nguyên Dữ thứ hai giết An Đế đời Tấn Lưu dụ dấy binh, Hoàn Huyền bèn đánh Trọng Kham) muốn Tuệ Viễn ra khỏi Hổ Khê. Tuệ Viễn cáo bệnh, Hoàn Huyền tự vào núi, mọi người bảo: Xưa kia, Ân Trọng đảnh lễ Tuệ Viễn, xin Ngài chớ nên kính lễ. Huyền bảo: Sao có lý này Trọng Kham vốn là người chết. Đã thấy vốn trái với trước, ước vốn trước y cứ rằng: Vốn trước là, vốn nói chẳng lễ, nhưng khi thấy liền lễ). Ra khỏi núi, Huyền bảo mọi người: Thật là việc

chưa từng thấy, về sau, Hoàn Huyền muốn sa thải giáo, các Liêu thuộc nói: Lô Sơn là chỗ các bậc đạo đức ở, chẳng tại phần sưu giản (giản là duyệt), mới đầu Thành Đế nhỏ trẻ, Sưu Băng làm phụ chánh (Tấn Thành Đế húy là Diễn, con của Minh Đế (Hoàng Thái Hậu họ Sưu nhiếp triều xưng chế, thuế ước Tô Lăng đến lúc họ Sưu chuyên chính) cho rằng Sa-môn phải kính lễ vương gia: Hà sung, Vương Mật v.v... can ngăn luận bàn, đồng khác chẳng thống nhất, sau Hoàn Huyền tại Cô Thục (Cô Thục là Đang Đồ Huyền, ngày trước Tống chúa đổi làm Thái Bình Châu) muốn cho đều phải kính lễ, liền đem thưa hỏi. Tuệ Viễn viết thư trả lời và soạn luận Sa-môn bất kính vương giả năm thiên, để bít lấp các luận bàn ngang trái đó (thư và luận đều còn trong Hoằng Minh Tập) An Đế áp bức Hoàn Huyền giết Tốn ở quận Nam (An Đế húy là Đức Tông, con của Hiếu Võ, dùng Vương Đạo Tử ở Cối Kê làm Thái Phó nhiếp chính. Thứ sử Duyên Châu Vương Cung cùng Hoàn Huyền làm phản, dời Đế đến Tầm Dương, Hoàn Huyền mới soán vị hai năm. Lưu Dụ bèn giết chết) Hoàn Huyền chết, Đại giá khắc phục lại kinh đô cũ. Hà Vô Kỵ trước khuyên nghinh hầu (Vô Kỵ làm Thị trung) Tuệ Viễn cáo bệnh chẳng đến, được ân ban chiếu chỉ thăm hỏi, Tuệ Viễn viết thư cảm tạ, chiếu đáp than hận chẳng được gặp. Tuệ Trì đến tỉnh Lạc, người xứ tỉnh Lạc thấy Đạo Phong của Sư mà đua nhau kính mến (Tuệ Trì đến đất Thục, trú tại Viện Hậu Nham ở huyện Y chính) Đạo phúc con của Ngụy Thục Tiêu Trung Chi rất hung dữ. Lại đến Bì Trung (chùa Cái Pháp Định ở huyện Trâu) chư tăng trong chùa xa thấy người ngựa máu đổ đều tuôn chạy (kẻ sĩ kinh sợ) Tuệ Trì đứng rửa ráy ở tại cửa, khí sắc vẫn tự nhiên. Đạo Phúc đã đến, Tuệ Trì đến chỉ vào nước lọc trọn chẳng thôi. Đạo Phúc kinh sợ toát mồ hôi mà lui ra, bảo với tướng hiệu là Đại nhân hẳn khác mọi người! Quân tử nói: Tấn mất Trung Nguyên, ranh giới tại Giang Quốc, áo mão lánh loạn Ngũ Hồ (Ngũ Hồ tức tiền Triệu Lưu Nguyên Hải, hậu Triệu Thạch Lặc hậu Ngụy thác bạc thị, tiền Tần Phù Thị hậu Tần Diêu Thị) đều dời về phương Nam, nước nhà lấy Bắc đánh làm mưu, kính mến lòng can đảm, mạnh mẽ, đến nỗi khiến những kẻ anh hiền, các hàng tăng tục, trạch tâm ngoài sự, loan ngâm hạc hót, nhìn thớt đậu dãi miện mà như bỏ lại (trạch là ở, sự là vật. Các hạng cao thượng, nhìn đời loạn lạc, đặt tâm ngoài vật, buông tình của Loan Hạc, nép yên cạnh suối rừng, đối với Lễ Nhạc mà chẳng đoái hoài) Phàm các vị, Phật-đồ-trừng, Đạo An, Lâm Tuệ Viễn chế tác đối dương, đều ngôn từ chí khí cao sâu, có luân có nghĩa (luân là lý) tuy tuyên phong hóa ngoài tượng, dẫn nhiều lược của

kinh tế, nên mới đầu nói việc trước tiên phải tin trọng ở Thiên Lạc, Lã Quang vào Quy-tư, bắt được La-thập, dưới gối đầu đó, khiến cưỡi lạc đà bị té mà không tỏ vẻ tức giận, Lã Quang mới rất lấy làm lạ, chẳng dám xem thường (Phù Kiên sai Lã Quang đem binh đánh Quy-tư bắt La-thập khi đã bắt được, không mấy trọng vọng, bèn dùng con gái vua Quy-tư để ép bức, lại khiến cưỡi ngựa dữ, bị ngã mà La-thập vẫn không tỏ vẻ oán giận. Đến lúc trở về, La-thập lại khuyên dời địa điểm doanh trại, quả nhiên mưa lớn nước dâng, do đó Lã Quang lễ kính trọng vọng) khi trở về đến đất Lương, nghe Tần bị bại, bèn tiếm vị và chiếm cứ xứ đó, cải đổi xa thư (Lã Quang đánh Quy-tư trở về, dùng hơn hai mươi ngàn lạc đà, mười ngàn ngựa giỏi và có hơn ngàn thứ châu báu, cũng về đến Cô Tàng, nghe Phù Kiên đã chiến bại, bèn tự xưng là Hậu Lương thứ sử, sau tiếm xưng là hậu Lương được mười bốn năm) Diêu Hưng dẫn binh bắt đánh đất Lương, bắt La-thập, nhà Lương mất, khiến đó đến Quang Trung. Học chúng bốn phương nhóm họp, nhà Tần mưu tính sinh con nối dõi đó bèn dùng vợ để ép bức (Diêu Hưng mến mộ sự thông minh của La-thập, nên dùng kỹ nữ trong cung để áp bức) người tịnh hạnh xấu hổ nghe việc ấy. Nhà Tống rùa linh mà nạp giới, người kinh nói mà với chặt (Tống Nguyên Quân nằm mộng người chẽ tóc bảo rằng: Ta cho rằng sứ giả trong sạch, Bá Ngư là Dự thả được ta, Nguyên Quân vời lại hỏi rằng: Được rùa mới mổ đó, dùng bói bảy mươi hai khoan đó là không sót. Lại Biện hòa ở kinh Sơn được đá, mài giũa đó có ngọc đem dâng Sở Vương, Sở Vương không biết hai lần chặt chân, dâng lần thứ ba mới khác, đó đều vì linh trí mà chịu mổ chặt, như La-thập vì thông minh mà ô giới hạnh, giới là vỏ). Há chẳng phải trí có chỗ có thể được, lực có chỗ có khốn khổ ư? Nên tiếp nối càng vì tổn vật, chớ làm đó là chẳng lầm hoặc, Ngụy Chiếu Văn ban chiếu bắt La-thập (Hiếu Văn Húy là Hoằng Hiến con trưởng của Văn Đế, năm tuổi nhận thiền của cha, dời đô về Lạc Dương, đổi thành họ Nguyên, làm vua được hai mươi chín năm, nhân hiếu nhã hão Hoàng Lão, rất tinh giỏi về thích nghĩa) sau được rồi mà ban lộc. Tuy giáo pháp ta vì vấp ngã hiểm nạn quá quỷ quyệt (chẳng chân chánh) nhưng nghĩa của Xuân Thu nói công, mười đời cũng có thể tha thứ (Xuân Thu có công, tha thứ tội của mười đời). Mới đầu đồng thọ tai nước ngoài gặp vị thánh bảo là: Nên thận trọng chớ đến Đông Đô sẽ có điều rất chẳng lợi, La-thập mới chẳng đoái hoài mà đến. Há chẳng phải bề tôi tốt chết mưu kế nước nhà, nắm giữ tốt chết bởi nghĩa cao, người nhân chết bởi thành nhân đức, sao đoái hoài đó, có vậy (sắp mở mang Đại giáo chẳng thể vì tiểu

tiết mà giữ gìn vững chắc pháp môn, đến nhận đó ban sự hưng thạnh của giáo pháp, thật do lựa của La-thập) nên La-thập thật viên tịch, thiêu chiếc lưỡi còn nguyên. Tăng Đạo mười tuổi theo thầy học kinh Quán Âm hỏi rằng: Kinh này có mấy quyển? Thầy muốn thử đó bèn nói chỉ có một quyển. Tăng Đạo nói, mới đầu nói: "Bấy giờ Vô Tận Ý" nên biết trước đó hẳn có việc gì. Thầy lấy làm kỳ lạ, gặp hoặc phải phận nghèo không vốn liếng nên chặt củi để nuôi sống, đêm về học nhờ mà thành sự nghiệp. Diệu Hưng khâm trọng đức đó, vào chùa vội kính mến mời ngồi chung kiệu về cung. Tống Võ vui mừng là bậc hiền nên vì đó mà xây chùa Đông Sơn tại Thọ Xuân (Tống Võ Lưu Dụ đánh bắt hậu Tần cùng Tăng Đạo đưa về Kim Lăng) Tấn, Đàm Thủy cuối thời Hiếu Võ (Đông Tấn, Đế làm vua rất kính phụng Phật pháp, binh lính Phù Kiên đến Tạ Huyền phá) đến Liêu Đông, khai Đạo bắt đầu ở Cao-ly, sau trở lại Tam Phụ (Tam Phụ là huyện Hàm Dương, xưa kia Tần Hoàng đặt điện quán ở đó, người xứ Tam Phụ rất kính ngưỡng. Tống Võ đánh diệt Diêu Hoằng để lại con là Nghĩa Chân trấn ở Trường An, Hách Liên khuất cú (Hách Liên là Bột Bột) đuổi theo đánh bại. Kẻ tăng người tục lớn bé đều bị giết hại. Đạo thỉ tiếp mũi nhọn chẳng thương tổn. Quật cú tự mạng kiếm đánh mà không thể hại, mới kinh sợ tạ tội, đến lúc Ngụy thế tổ lỗ Hách Liên Xương (Hách Liên là con của Bột Bột, bị hậu Ngụy diệt) được Đạo Thỉ thường rất kính trọng đã diệt pháp, Huyền Phong dứt bặt áo đỏ hết đó (áo đỏ là bởi màu càn-đà). Đạo thỉ mới bít, hình sâu ngại, chẳng phải chỗ nghịch mạng đến kịp (xóa vết nơi núi hang) bởi chim hồng bay mờ khoảng cao, trong bầu trời mà chẳng phải chỗ của uất la với kịp (... là lưới), sau biết Đại pháp sắp hanh thông, vào ngày mồng một tháng giêng, Thiên Tử Lý Đoan (nghĩa là ngày đầu của tháng giêng, Lý Đoan ở mới đầu, nêu chánh ở trung (giữa) gom lại ở chung (cuối) người tạo lịch làm đầu của Bộ Lý, nghĩa là tiết hằng tháng nêu chánh được trung khí tức làm tháng đó, hai trăm năm mươi bốn ngày, con lại mười một ngày mười lăm phân, chứa thành ba mươi hai ngày làm một lần nhuận) đình thật lữ bách (thật là đầy, lữ là đông nhiều, nghĩa là ngày mồng một tết, vật hiến dâng đầy sân). Hà Tích ở Quốc Môn mưu tính sắp biến đổi đó. Ngụy chúa nghe rất tức giận, bảo Hữu Ty nhanh chóng tránh đi, da chẳng dung chịu mũi nhọn, kiếm tay đưa đến thương tổn như chỉ vụn, tỷ ném chuồng hổ, hổ nép phục (mãi là ngươi, tích là hành hình, tỷ là sai khiến) cuối cùng thế nào? Dời đến điện xét hỏi sự hưng phế (do đó hỏi việc vận nước ngắn dài) Đạo Thỉ bèn đóng cửa tà, cứu mở đường nghẽn. Đào lo sợ mới tỏ ngộ (hậu Ngụy

Thái võ húy là Đào, mới đầu chẳng tin Thích giáo, tàn hại Sa-môn, phá hủy tượng Phật v.v... nhân gặp được Đàm Thỉ hóa độ, sau, hối hận lỗi lầm, về phương Nam đánh nhà Tống, giết người vô tội, lập ngôi vị được mười chín năm).Ở Thái Sơn có ngài Tăng Lãng, không biết là người phàm hay thánh, sáu Thiên Tử Tấn, Ngụy, Yên, Tần ban chiếu hỏi về sự cúng hiến, đều là của cải quý báu rất kỳ lạ trong đời. Tuy châu có mà không chân, cho đến người không tâm mà chỗ của đức vời lại, nên không nơi xa nào chẳng đến (Chí Nhân vốn không có tâm cầu Châu Ngọc, Châu Ngọc cũng không chân mà đi, chỉ do đạo đức chiêu cảm mà không nơi xa nào đều đến). Do đó đức nhân danh hiển, danh do đức mà có. Danh đức giúp nhau thật thì trọn đời, nên nay kiệu vàng cốc linh, dấu vết chẳng mờ phai (Chùa Thần Thông núi Thái Sơn ở Tề Châu. Mộ Dung Đức ở Nam Yên lập nơi chỗ ở của Thiền sư Tăng Lãng, đem dân của ba huyện để xây đắp, hiên dài sân rộng có thừa mấy gian, ba lần phá chùa phá hủy mà đều chẳng được. Hễ xâm phạm thì Tăng Lãng liền hiện thân dùng tích trương xua đuổi, ngã chết tâm buồn như mới đầu, có một cái giếng, mà người nữ đến liền khô cạn, đốt hương tỏ tâm cầu sám thì trở lại như cũ. Dựng lập đã bốn trăm năm, đến nay tượng Phật vẫn sáng đẹp như mới, chúng hội chẳng ngớt, đến nay vẫn nghiễm nhiên) Tây Tần, Bắc Lương đều là nước nhỏ. (Tây Tần khuất phục Quốc nhân đóng cứ tại Hà Tây, Bắc Lương Thơ Cừ Mông Tốn đóng cứ tại Cô Tàng) xét về Thánh Hiền thì chỗ phiên dịch biên soạn của Đàm-vô-sấm, Pháp Tấn, Đạo Lãng, nước đó chẳng phải nhỏ. Nên Sở Thư nói: Nước Sở không lấy gì làm quý báu, chỉ lấy thiện làm quý báu, phải chăng, sao được chẳng do năm vận bỏ xa, khai hoang cây am. Xã tắc tự dựng sự nghiệp lớn một phương. Ở đời Lương, Tuệ Ước mới đầu qua chí học đã có phong thái người già, người thời đó đã có câu nói là: Trẻ thấu Diêu Lý cư sĩ già, khi đã vào đạo, đức lớn vang ra, lên làm Quốc sư, có sắc chiếu ban lấy vườn nhà cũ làm chùa Bản Sinh, tại làng đang ở đó gọi là thôn xóm Trí Giả. Ở Bắc Tề có pháp Thượng (Cao Hoan thọ thiền từ Đông Ngụy, đóng đô ở đất Nghiệp xưng là Bắc Tề, bị hậu Chu phá diệt, mới đầu rụng hai búi tóc mà trót vọt thành khí khắc ý chuộng hành, lại nghiên cứu huyền vi, người thời bấy giờ gọi là thánh Sa-di. Do hình sắc chẳng đẹp, nên tục ngữ gọi là Lý Sa-di, như cao đến tòa gặp tai họa, văn tuyên thỉnh làm giới sư, che mặt phủ tóc khiến giẫm bước, mới nhận kính trọng rất mực của giáng quân. Trong khoảng niên hiệu Thiên Bảo nước nhà thiết đặt mười thống, lấy thượng làm Đại thống (Giáng là giáng tôn của quân phụ (vua, cha) hành kính của thầy trò, Văn Tuyên

Húy là Dương, tự là tử Tấn, con thứ ba của Cao Hoan. Bấy giờ có loạn của Nhĩ Chu Vinh cộng với cái lo đói lạnh. Đế mới sinh chỉ vài tháng, tự nhiên vui vẻ nói được. Đến lúc lên ngôi thần võ suốt tuyệt, cuối năm bị độc nghịch giết hại, chẳng thể nói ghi, băng hà lúc ba mươi sáu tuổi) Tùy Linh Tạng Cao Tổ bạn của Long Tiềm (Tùy Cao Tổ họ Dương, Húy là Kiên, sinh vào niên hiệu Đại Thống thứ bảy đời Bắc Chu, tại chùa Bát-nhã ở Phùng Dực, hơi khí sắc tía đầy sân, nối tước vị Tùy Quốc Công, Chu Võ vì Thái Tử sính đế bằng trưởng nữ. Tuyên đế băng hà, Lưu Phưởng, v.v... vì đế phụ chính đế làm Thừa tướng, Đế băng hà, thọ Bắc Chu thuyền, làm vua mười hai năm, ngày Tiềm Long cùng Tang làm bạn rất thân). Khi đã lên ngự cực lại càng dốc lòng son xưa cũ cửa cung đó vào thì không bị ta cấm, ra cũng như thế, ngồi thì đồng giường, đi thì đồng kiệu, gọi đệ tử là Thiên Tử người tục, Luật sư làm Thiên Tử đạo nhân. Nay gọi là nói quá của đế vương vậy, lời vua thì sách nào có thể cười đùa ư (chỗ hai bên vua nêu hẳn ghi tả sử ghi lời hữu sử ghi động) Mến thương người chẳng mất nghĩa đó thì mến thương đó xa. Năm khổ hạn hán mà không mưa, người trong nước lo chẳng phải năm có, Đế cho rằng nghe ở thần chẳng bằng nghe ở bậc thánh. Bèn thỉnh Đàm Diên đến điện Đại Hưng, lên ngự tào xoay mặt về phương Nam mà truyền giới. Đế bảo triều tể trãi chiếu xoay mặt về phương Bắc quỳ thọ, chẳng sùng triều mà mưa. Áo mặc thức ăn đều xuất từ cung vua, trao từ tay vua, sau đó lên làm Sa-môn bình đẳng. Đối với chỗ phạm hai lần đầy đủ, sau đó khóc mà răn trừng, ai buồn kính hình thư, mở mang truyền bá thương trách của Đại Võ (Đàm Diên vốn họ Vương, người xứ Tang Tuyền thuộc Bồ Châu, thuở bé rất thông minh, lúc làm Sa-di có Cư sĩ Bệ Nhân ghi bốn chữ để dạy đó là vuông, tròn, động, tĩnh và khiến đó hiểu rõ. Đàm Diên liền đáp: Vuông như thành Phương đẳng, tròn như mặt trời trí tuệ, động thì tợ sóng nước, tĩnh như thất Niết-bàn, cư sĩ Bệ kinh ngạc. Về sau trước nói kinh Niết-bàn Sớ mười lăm quyển, đến trước tháp Xá-lợi cầu thỉnh, phát ra ánh sáng soi chiếu suốt đêm) đế thường muốn thử khí độ Sa-môn. Rộng tìm kêu ở sân điện, sắc cấm Giám Hổ Bí, khua kiếm đuổi đó, chỉ kinh thoát trước võ, nếu rảnh thì quanh co mà lui. Vua đẹp vui lòng rộng xa, mới lên điện tích pháp vật đạo phục, tiêu biểu lại thường đó (cao tăng kính thoát thường cõng mẹ đi học, khéo viết chữ lớn, cây bút như ống vai dài ba thước nơi phương trượng ghi một chữ lại chẳng chỉnh sửa. Tùy Văn bảo lên điện, ban tặng chiếc quạt tre lớn mặt rộng ba thước, liền bảo cầm dùng và ban tặng đôi guốc bằng gỗ thông, khiến mang từ cung điện mà ra, vua tự đưa

tiễn đó mà nói là: Thật là tăng kiết!) xem ra trong thời gian nhân thọ, khai hoàng, thiên hạ rất ổn định, cũng bởi thiện mà đạt được, mà trí chẳng mưu tính xa, gia ái chẳng tàng (tàng là thiện, gia ái nghĩa là Dương Đế kế thừa đại nghiệp của cha mà chẳng tu lệnh đức (Hoang mê nữ sắc đến nổi mất bại) bèn khiến bói đời chẳng còn mãi, nên giáo pháp ta lấy phước tuệ làm hai sự cứu giúp, nếu thiếu thì nói sao ư? (nhà Tùy có ba vị vua, làm vua tất cả ba tám năm, rồi mất, đến tay nhà Đường) xưa kia, có đức ban tước, có công mà hưởng lộc. Mà Sa-môn có tước lộc là Chí Khanh đại phu, xưa kia, tên sống chữ quan, chết thì thụy, mà Sa-môn có thụy của chí hầu bá đó (con sinh đến hai mươi tuổi đội mũ đặt tên tự. Tự (chữ) là tiêu biểu đức chết mà lập thụy, người thời nhà Chu vì Húy kỵ tôn thờ tên thần, chết dùng tên Húy, nên dùng thụy để đổi, xưa kia không ban (y mầu tía) và hiệu sư có ban thụy hiệu, như Định Lan được ban thụy là Giác tánh). Buồn thay người Tần đuổi Bạt-đà đến Lô Sơn (Bạt-đà, Hán dịch là Giác Hiền, một ngày tụng tập hơn mười người khác một tháng, từ trung Ấn đến đất Tần, cùng La-thập luận bàn rất thần dị, bị ngài Tăng Khế v.v... phỉ báng rồi đuổi đến Lô Sơn, dịch kinh có hơn trăm quyển, thị tịch lúc bảy mươi mốt tuổi) Ngụy hậu xử tử Huyền Cao ở bình thành (Huyền Cao sống rất thần dị, hậu Ngụy Thac Bạt Đào tiếm cứ ở Bình Thành, Huyền Cao cùng Thái Tử Hoãng làm bạn lành, Hoãng bị dèm pha cha nghi ngờ Huyền Cao. Lại vì Thôi Hạo, Khấu Khiêm Chi v.v... dèm tân vua, vua tức giận trói lại đem giết, ánh sáng tỏa chiếu về chùa, các đệ tử mới biết bèn xin thây muốn an táng. Huyền Cao nói đủ mọi sự tốt xấu xong rồi liền tịch. Xuất xứ từ Lương Truyện) giả sử chẳng phải tâm đó, tuy bậc thánh còn phải chịu khổ khóc nguy thân, đâu chỉ khóc rồng thương phụng mà thôi ư? Nên Hán Văn Ưu Hiền mà giả nghị còn khiển trách (Hán Văn nhân thánh, mà giả nghị tài hiền còn trách, đày đến Trường Sa mà chết) Ngụy Võ lễ sĩ, mà Khổng Dung chịu chết (Khổng Dung tự là Văn Cử bị Ngụy Võ giết chết, Dung có hai người con khoảng tám, chín tuổi, ngồi yên đánh cờ chẳng dậy, mọi người hỏi: Cha bị giết chết sao chẳng dậy? Hai người con đáp: Đâu có che dưới ổ, lại có trả trứng đó ư? Sau đó đều bị bắt mà chết) há chẳng phải mạng của Thông bít treo ở thời vận ư! Tôi có đến đồng trống mãng thương (mãng thương là đồng trống ở vùng ngoại ô) gặp gió đẹp hương thơm, vì đó nhìn khắp bốn phía, được vài gốc tử chi ở cuối rừng suy, mà chỗ đồng trống cháy đốt và thân nương hủy khuyết, mới ngắt hái mà đùa vui, chỉ nhìn vụn về ở chỗ thường đến lúc xế chiều... trên đá mà trở về, ngày khác lên chu môn nhìn trong lộng quỳnh

dùng văn vẽ để cân, sao khác với chỗ tôi thấy trước, chỉ gặp và chẳng gặp. Tiếc thay người đối với người sao chớ như vậy ư!

VI. CHÍ HÓA

(Nói về đấng Đại Giác dùng tâm bi trí hành hóa chí cực)

Đại thánh cung kỷ muôn linh làm phụ, lợi kiến làm tâm, cứu giúp làm công, sáng đượm thiên hạ. Hóa (trời rồng giúp kính Thích Phạm tông sư, gồm ba cõi ở địa vị tôn quý, bao gồm bốn loài mà đều hóa) hoặc làm đại phu, hoặc làm nhân vương (đáng dùng sự hóa hiện của Tể quan, Tiểu vương v.v...) cho đến Bách Công, Trưởng giả Chúc Hương (nước Quảng Đại có Trưởng giả Chúc Hương tên là Ưu-bát-la, khéo biết, riêng biết tất cả mùi hương, cũng biết pháp hòa hợp tất cả các các thứ hương, thiêu đốt bôi thoa bóp,v.v... lại biết xuất xứ có thứ hương tên là tượng tạng, do rồng đánh nhau mà sinh ra, nếu đốt một viên thì nỗi mây thơm lớn che phủ cả vương đô, trong bảy ngày mưa nhỏ mưa hương, dính vào thân lầu gác y phục đều thành vàng ròng. Tại núi Ma-la-đa có cây chiên đàn tên là hương ngưu đầu, nếu xoa vào thân, thì dù vào lửa cũng chẳng bị đốt cháy. Tại núi tuyết có loại hương tên là A-lô-đa chúng sinh ngửi được là lìa các nhiễm dục) thiền sư vượt biển (ở phương Nam có thành trong lầu gác có vị Thiền sư tên là Bà-thí-la trên biển đó cùng trăm ngàn thương nhân dùng phương tiện chỉ bày pháp công đức của Phật, độ thoát chúng sinh). Ngoại đạo khổ hạnh (núi Thiện Đắc ở thành Đô-đát-la có ngoại đạo tên là Biến Hành, vì giảng nói cho người nghe tất cả xảo thuật kỹ nghệ của thế gian, lại năng điều phục chín mươi sáu thứ, ngoại đạo khiến họ lìa bỏ tất cả các kiến) đồng tử vốc cát đùa vui. (Ở phương Nam có đồng tử tự tại ở bờ sông nước Danh Văn, cùng mười ngàn đứa trẻ vốc cát vui đùa. Đồng tử này đối đãi với tất cả chúng sinh gọi là tất cả nghiệp, gọi là tất cả đế, gọi là thảy đều biết rõ) với sự có ích đối với mọi người thì không gì chẳng làm, hoặc muộn muộn dùng chỉ bày sự chất phác (muộn muộn là vẻ ngu tối) hoặc sát sát dùng trí chỉ bày đó (sát sát là vẻ minh đạt) hoặc hành hành dùng dõng chỉ bày (hành hành là vẽ mạnh mẽ) hoặc khản khản dùng hòa chỉ bày (khản khản là vẻ hòa vui) mà chẳng được nhất trí của tâm, chẳng thể bỏ một dùng tâm ấy. Nên hoặc hấp hoặc tịch, hoặc hiển hoặc hối, hoặc oa hoặc long (hấp là tu, tịch là mở, hiển là rõ sáng, hối là mờ tối, oa là thấp

sâu, long là cao hiển) sắp được lại mất, sắp nương lại trái. Đức đó sâu thay, vết đó đổi thay, biểu đó hay thay, ảnh đó dối thay, âm đó bốc thay, vang đó bít thay. Thật chẳng thể nêu bày sự nhỏ nhiệm đó, vì vậy chân đạo làm sao có thể dùng tu thân, Quyền Đạo làm sao có thể dùng ngự hóa (chân đạo là Mãn giáo, chẳng chuyên lợi mình, Quyền Đạo là Bán giáo, chẳng thể gồm giúp ngự nhiếp) chân đạo chẳng thể để tạm phế, nên hỗn mà chẳng cặn đục (ở quả chẳng thêm, ở nhân chẳng bớt, tùy thường lưu mà chẳng chìm ở, các dây sắn mà chẳng khác nên) Quyền Đạo chẳng dùng lập lâu, nên xả bỏ mà hợp đạo (giả sử quyền tạm dùng nên chẳng thể lập lâu, phải trở về thường đạo) mà chân đạo là chung (chữ chung trước là tròn khắp, chữ chung sau là quả của ba kỳ, mới là xứ của chúng chung cách, sáu độ là chân đạo của muôn Hạnh năng trong khắp quả của ba kỳ) Quyền Đạo thỉ thỉ (chữ thỉ trước là mới phát, chữ thỉ sau là Hạnh của năm giới, mười điều thiện, Tiểu thánh, v.v.... Phật mở giáo quyền nghi, đây dùng làm thỉ của mới phát thú nhập). Như điều-đạt gây ra ba tội nghịch mà cuối cùng cũng được thọ ký, ba tội nghịch cũng có quả báo (tiếng Phạm là Đề-bà-đạt-đa, Hán dịch là Thiên Thọ, là con vua Hộc Phạn, là em chú bac với Phật, theo thiền thần mà cầu xin được nên thường coi Phật là kẻ thù, xô đá làm chân Phật bị tổn thương, khiến thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng, giết Tỳ-kheo-ni là ba tội nghịch, tuy vào địa ngục mà trên pháp hội Linh Sơn cũng được thọ ký, quả báo của ba tội nghịch đâu rỗng vậy ư?) Thánh ký hiển lại quy về gốc. Thường Bất Khinh lễ bái bốn chúng, thật thì mất nghi, chỉ kiếp trược khó hóa, mà bậc thánh khéo dùng thời, giữ vết bày lễ (kinh Pháp Hoa nói Bồ-tát Thường Bất Khinh nhờ thường lễ bái bốn chúng mà được thành Phật là quyền ứng theo thời, vì thời nhiều khinh mạn, thạnh hành lễ kinh mà hóa) ở Tây Vực vua Ưu-đà-diên cùng Tân-đầu-lô thiếu tướng Hậu thiện (Tân-đầu-lô dòng họ Phả-la-đọa ở núi Ma-lợi, chẳng nhập Niết-bàn) vua từng đến mà Tân-đầu-lô chẳng đứng dậy, mọi người xin vua dùng pháp trị, vua bảo: Sự ký vậy (ký là đã vậy. Sự độ trước chẳng dậy đã xong) phải ta đến sau, ngày khác vua đến chỗ Tân-đầu-lô Niệm Dục chẳng dậy, sợ vua hại mình đọa vào địa ngục nên Niệm Dục liền đúng dậy, lo tổn phước vua, mất cả vị nước nhà, chốc lát lại cắt đó, trọng của mất nước chẳng quá lắm so với đường ác. Dậy hơn chẳng dậy, nên theo điều hơn, mới đi ngược đến trước vua bảy bước, vua ngạc nhiên sự khác thường đó, Tân-đầu-lô bảo: Tôi trước lo vua mất vị, nay sắp vì ta hại nên chẳng được lo nghĩ điều đó. Vua nói: Tôi mất nước thế nào? Đáp sau bảy ngày sẽ mất nước bảy năm, ở Bắc

Tề, Tăng Trù thấy Văn Tuyên không sắp tiễn đưa (Văn Tuyên Cao Dương đóng đô ở Hà Đông, tại vị mười năm thì băng), vua kín nhận lời tà sàm tấu, Khấu Khiêm Chi dùng sấm kỵ hắc y (Bấy giờ có sàm tấu văn Tuyên rằng: Thấy vua mà chẳng dậy là có ý khinh quân mạn chủ. Lại có sấm rằng: Hắc y đáng vua Tăng Trù mặc y nhuộm là thích hợp oai nghi, mong ngày khác đến, vì rất chẳng kính nên trừ đó, chọn giá lớn đi đến trong núi, Tăng Trù ra khỏi núi cách hai mươi dặm đứng riêng bên cạnh đường, vua bảo: Thường ngày khác chẳng tôi ngươi, nay thì như vậy Tăng Trù bảo: Sợ máu trên thân làm dơ bẩn tăng phòng. Vua trong tâm cần khẩn, xin dùng thân mình cõng Tăng Trù trở về chỗ ở cũ, Tăng Trù có chẳng thọ mạng (chẳng nhận mạng lệnh cõng khiêng trở về). Dịch nói: Đạo của quân tử hoặc đi hoặc ở, hoặc nín hoặc nói, nói thì ứng biến theo thời (cái gọi là Bang hữu đạo thì trí, Bang vô đạo thì ngu dụng đó thì hành, xả đó thì tàng) người giàu có trong thiên hạ, quý có người dân là, xem hành nghề giống như loại gà chó, trâu ngựa. Bắt đầu vì biết được giờ giấc (là gà) năng sủa dữ (là chó) năng đến xa (là trâu) năng thay nhọc (là ngựa) mà vui vẻ đó, cuối cùng chẳng vì khả năng đó mà chẳng giết nó, chẳng ăn nó mà chẳng lấy lông da nó mà dùng. Nên kia thận trọng cậy nương thưởng đó, mà sợ làm hại nó, còn lẽ loi ở tốt lành. Huống chi đạo đức: (các loài chim thú này tuy được mến thưởng mà vẫn có lúc bị giết hại) nếu chim kỳ thú lạ làm dụng của muôn giếng chẳng gấp (tỉnh là hương tỉnh, chín nhà là một Tỉnh) hoặc chỗ vui của một sĩ, đó năng lâu dài ư? Mà đời Chí Đức (thời Thượng cổ) ổ chim có thể nhìn, nai hươu có thể nhờ gữi đó, vì sao giết các căn cơ nhỏ bé như vậy? Đời sau, ở đó cao, người đó xa (cầm thì ở cao, thú thì ở xa người, sợ giết hại cho nên như vậy) chớ được quen lớn đó, há chẳng vì quá lắm của đó ư? (như Ngô Quý Phác đến sính lễ Tấn vừa vào nội cảnh liền than: Bạo thay! Mọi người cùng theo hỏi lý do. Đáp rằng thấy chim ở cao, hoặc vì biết hung bạo) Trọng Ni nói: Nghiêng ổ che trứng, phụng hoàng chẳng đến, tận chầm khô đầm, kỳ lân chẳng đến, chê bai hại đó (ác thương tổn loại đó) nên hiền giả chẳng giúp, thế khéo xuống thôi (chẳng A-đảng mà cao cứ) trời trao phước đó, người nghĩ không cạnh tranh (sống chết do mạng, giàu sang tại trời, chỗ biệt báo cảm chẳng vọng động). Phàm đối với Quyền hào (kẻ sĩ quyền thế hào cường) ít có chẳng giống mình mà vụ nhiều còn ở người đó (tiển là ít, thái là tập, vụ là mộ, thượng là thắng, kẻ sĩ cao quý quyền hào, ít có ai chẳng tập, nghĩ thế của mình quyền hào đã tập, nghĩ đó mà hẳn thiết tâm thắng thượng đối với người). Trông nhìn nhà kia lạnh lùng mà viện

ít. Tuy mang trí nghề, miệt đó sao có (kẻ quyền hào ở bậc nhà bồng cửa tất, giả sử tài nghệ lướt mây cũng chẳng đoái hoài) tưởng ở mình chẳng do cô tức thì hẳn La-chước dùng tội mà độc hại (cô tức là thương xót, đã chẳng xót thương tức riêng việc là chước, mà thêm tội lệ để hại đó) nên sách chép: Nhà của Lộc đời ít khắc do lễ (văn của thượng thư tất mạng, ở đời nhà có lộc vị, ít hay dùng lễ) Tại sao dùng lễ mà muốn lý giới đó ư? Mà kẻ lại hoặc có chí, có khí là lấy tàn khắc làm đức, đâu biết ân huệ của ôn át vừa rồi khiến gặp hổ hủy trông nhìn khinh bỉ cũng phải dùng lực xúc đó, sao trông mong ở tức giận ư? (xãi nhai là kẻ tức giận, xúc là đối để. Đâu sợ tức giận đó) xưa kia Quản Phiên giết Bạch Viễn (Viễn tự là Pháp Tổ, vốn họ Vạn, người Hà Nội, xuất gia từ thuở nhỏ, tài tư thấu suốt, mỗi ngày tụng thuộc muôn lời, Trương Phụ rất mến thương, muốn khiến về tục mà chẳng chịu, về sau với luận nghi đạo sĩ Quản Phiên, Quản Phiên thua, dèm pha tới Trương Phụ giết đó, các Hồ nghe vậy tức giận liền đến Tần Châu giết Trượng Phụ và Quản Phiên) Sưu Cung giết Pháp Tuệ (Pháp Tuệ người ở xứ Quan Trung, phương nghi có giới hạnh, trong khoảng niên hiệu Kiến Nguyên đời vua Khương Đế đời Tấn thì trụ ở Tương Dương, chẳng thọ thỉnh riêng, mỗi lúc đi khất thực, thường mang giường chõng đi theo, một lúc nọ mắc mưa, dùng dầu ấp vai tự che, mưa dứt chẳng thấy nữa. Sa-môn Pháp Chiếu nói: Ông có lỗi trước kia từng làm tổn thương chân một con gà, oan đó sắp đến, về sau bị đánh chiếm phương Tây là Sưu Trỉ Cung giết đó) buông tứ tức giận mạnh phạt một sao phá lắm. Lượng cũng do kia chẳng tự lưu độn. Lại chẳng ách tốn (lượng là tin thật, độn là trốn hiền giả lánh đời, đã chẳng thể lánh ác của đời, tức hợp tiện ách hành tốn lời, bao phòng của khắp thân mà tự rước lấy họa) dính mắc nghiệp lý cho nên đến đó (chỉ dính mắc chẳng chung chỉ nghiệp báo mà dứt). Hoặc vì đạo giàu có thì chẳng có mình. Nên chăn ao tiết hạt, tổn hình hài như ve sầu héo úa, nên chẳng khó mà chết, làm sao có thể kiểu bày ư (khoảng đó hoặc có đạo đức cao vời, thấu suốt không hữu, vật ngã đều mất, đối với chết nên không hề sợ, làm sao có thể kiểu sức tâm sinh đó) kia bởi chẳng được nghĩa của chết (đã chẳng phải cứu giúp giáo môn, lại chẳng phải tâm đạo giúp vật, luống một đường chết, sao cũng lấy làm ư). Phàm có dũng mà khinh chết, có tang ta mà khinh chết, đối với dũng đó là chẳng ngu là nhân). Dũng mà chết là, hoặc vì ngu mà chẳng sợ chết, hoặc vì dùng nhân mà dũng đối với chết). Ngu như Hổ dữ Bằng Hà (Hổ dữ không đánh bắt, Bằng Hà không giẫm qua) nhân thì được nghĩa lên chốn Minh Đường (vì giữ nước khó khăn mà chết thì lên nơi Minh

Đường) Tang ta là bậc thánh, chẳng phải nên xúc chết, chết đến chẳng sợ. (Ngộ Đạt sống chết đâu hề sợ, chỉ nghiệp là đáng sợ) xưa kia khoảng thời của Ngụy Chu, nào từng có chẳng phải tự thân bẻ chuồng dũng chết, đối với nghĩa là (Hán thư, Chu Vân tự là Tử Du, người xứ Lỗ, thời Thành Đế, Trương Võ làm Đế Sư rất tôn trọng, Chu Vân dâng thư nói: Xin ban phương trên kiếm chém ngựa chặt đầu một nịnh thần, để răn các người còn lại, Thượng hỏi: Ai vậy? An Xương Hầu Trương Võ. Đế tức giận bề tôi nhỏ ở dưới chê tránh trên sân, nhục sư truyền lệnh ngự sử đem xuống điện. Chu Vân vin điện bẻ chuồng khổ kỵ, kêu can ngăn mới thôi, từ thời hậu Ngụy, hậu Chu đâu từng có người như thế) tuy hạng lống mây chưa đạo hang rỗng giết thân, cũng bởi tự trải qua dòng của Câu Vạn (tĩnh ái can ngăn Chu Võ sa thải chẳng theo, vào núi chích máu ghi tên trên đá, treo ruột trên cây, moi tim ra bưng lấy mà chết. Luận Ngữ nói: Đâu như tin thật của những người tầm thường, tự trải qua nơi câu độc) sau khi bình Tề, Tuệ Viễn tức giận quát mắng buông lời sấm sét, lại chẳng đẹp, bện râu ngược vảy chẳng khỏi bị hại (Viễn Công can ngăn Chu Võ mấy lần nhầm lẫn ý chỉ mà ra, sau Tuệ Viễn ẩn lánh nơi núi rừng mà giảng kinh Niết-bàn, đến thời Tùy Văn hưng khởi mới ra) nên bậc hiền năng quyền làm bậc Thánh biết cơ, tuy chẳng quý sống cũng chẳng thể khinh chết. Tăng Trù nói với Cao Dương rằng: Đàn Việt xưa làm La-sát, hãy đến chỗ có nước sẽ tự thấy. Đế theo đó nhìn thấy đàn La-sát bèn chẳng ăn thịt, bải bỏ trói buộc chim thú, cấm giết mổ đem thịt vào chợ bán (Tấn Tề nói Cao Dương đánh Khế Đan, trước lộ bày đều thân? Tổ ngàn dặm chỉ ăn thịt uống nước, trạng khí gắng gỏi, về sau làm vua, tổ bày hình thể, truyền phấn bôi xoa. Lạc đà trâu ngựa chẳng mang yên dàm, nam nữ lẫn lộn nhóm họp dâm dật, thân khán vô lễ, bẻ chân tay phụ nữ, dùng đùi làm cầm sắt, tự mổ bụng người leo lên rường cột nhà, chạy nhanh như ở mặt đất, giết hại chẳng thể tính kể. Lấy đó mà xét, nếu gọi là La-sát thật chẳng nhầm, lúc đầu. Đế ở Tấn Dương bảo người cưỡi lạc đà đến chùa lấy hòm kinh, kẻ sứ hỏi đến đâu, Dương nói: Dẫn lạc đà ra thành, lúc ra khỏi am như mộng thấy đến một núi, nửa núi có chùa Phật, các Sa-di xa nói Cao Dương Thác đà đến, bèn dẫn đến gặp một lão tăng, vị tăng bảo: Dương làm Thiên Tử thế nào? Đáp: Ngày càng là thánh minh? Hỏi: Ngươi đến đây làm gì? Đáp lấy hòm kinh, vị tăng bảo Dương ở chùa lười đọc kinh, nay Bắc đi đến đầu phía Đông. Sau Đế đến chùa Mộc Tĩnh ở Cốc Khẩu, bấy giờ có người Si xả thân, trước chẳng hiểu lời nói, chợt bảo với đế rằng: Tôi đi trước, ông lại đi sau. Đêm đó người Si chết, Đế sau đó cũng băng

tại Tấn Dương (có đạo nhân ở Thái Sơn, Đế hỏi rằng: Tôi được làm Thiên Tử mấy năm? Đáp Được ba mươi năm, Đế nói: Được mười năm mười tháng mười ngày chẳng phải ba mươi, đến kỳ hạn quả nhiên băng) Đế là người ngu hay trí chẳng thể lường biết. Ủy chính Dương Tuân Ngạn, mà ngày xây chùa rộng lớn xong, ngồi thiền lễ Phật hành nhiễu, mau chóng như gió. Bỉ cho rằng như Cao Dương tự phù hắc sấm. (Trước đó sấm gọi Hắc y là Thiên Tử, thiền sư Nghi Đảo, nay Hòa-thượng Bắc Sơn, ý lấy tiếng chữ Cao Dương cùng Cao Dương đồng, tức là hắc (đen)) trước là vào khoảng niên hiệu Chánh Quang đời Ngụy trở đi (trước là Hồ Thái Hậu lâm triều, vua Thanh Hà vui vẻ, khắc binh lính quyết sự ở trong điện, đổi niên hiệu Chánh Quang năm thứ nhất, người vào chợ đều đóng thuế một tiền), thống trong lắm ngu, Vương dịch quang bệnh, chỗ tại biên hộ theo nhau vào đạo, lẫn lộn càng nhiều, lược tính chùa miếu có hơn ba vạn, tăng ni hai trăm vạn, đến lúc Chu Võ đánh Tề, Tề nối tiếp sau Ngụy, chùa ra bốn ngàn năm, chúng giảm ba trăm vạn, Vệ Nguyên Tung hoặc vì Phật pháp giặc ác cương khóc chủ của rước họa, dùng trách báng gá đó, sắp khiến diệt đó, diệt mà lại hưng, cùng nghĩa chỉ mới của thiên hạ (Nguyên Thường người ở huyện Tân Phồn, đất Thục, xuất gia tại Hắc Thủy núi Nga My, dâng thượng sách hai mươi điều, khiến Trừng Thải Phú tăng không hạnh, đặt một chùa Diên bình lớn, an ổn hạng bệnh yếu khắp bốn biển, lý đó rất đúng. Đường Thái Tông vào trong chỗ tối thấy đó đang ở trong ngục, tự nói ở đây như cõi thiền thứ ba, người đó chẳng ở ba cõi, kinh nói: Chỉ bày chúng có ba độc, lại thấy tướng tà kiến (kinh Pháp Hoa) há chẳng phải hạng người này ư? Chỉ có Chí Nhân hành, Quyền sự tế mở Quyền, nếu trọn muộn mà chẳng mở, thì trái là so quyền hại thật, như Nguyên Tung thì chưa tận thuật của quyền. Tống Bôi vượt trên biển trách tiên, ẩn giấu trên họ đó, người thời bấy giờ ngồi trên Bôi (cái chén) mà qua sông, bèn ngay nơi sự mà gọi, cũng gọi là độ luyện (hoặc có chỗ gọi là độ luyện) thời xưa gọi chư tăng là Đạo sĩ A-luyện, A thượng, (lại có ba tên này) thường ngủ qua đêm trong quán trọ, tờ mờ (sáng sớm) trộm tượng vàng mà đi, người chủ cưỡi ngựa đuổi theo. Kia chậm rãi đi mà chẳng đãi (đãi là kịp, đuổi nhanh bằng ngựa mà chẳng kịp) đến bến Mạnh Tân, ngồi trên bôi mà qua sông (mạnh Tân là sông Hoàng Hà) đi đến kinh đô thì y phục ăn mặc thô xấu, ăn uống mừng giận đều chẳng tiết độ, mang một lô thuyên (thuyên là đồ dùng bằng tre, như chiếc lộng nhỏ, đều làm bằng tre lau) trong thuyên đặt một chén gỗ, thường muốn Qua Bộ (Qua Bộ là địa danh ở Giang Hoài, xưa kia Tôn Chung trồng dưa ở xứ này,

tức trên sông Dương Tử) Người ở bến chẳng gì tháo thuyền mới tự kẹt chân trong chén, đưa mắt liếc nhìn ngâm vịnh mà vượt thẳng đến bờ phía Bắc, một hôm ở thôn xá Quảng Lăng (tức Kim Lăng) gặp hội bát quan trai, bèn đặt thuyên trong sân, nhà đó cùng nhau dời bỏ nhưng nó nặng chẳng thể giở nổi, có người lén nhìn thấy bốn đứa trẻ ở đó, mới đầu Ngụy chết dưới hạng núi phía Bắc Quảng Lăng, hoa sen nhiễu quanh thân, mọc trên đá. Sau khi an táng lại có người thấy ở Bành Thành (tức Từ Châu) mở quan tài để xem, chỉ còn có đôi giày (chư tăng mang giày mũi cong ngắn, gọi là Phú-la) Chu Hư Kỳ (người đời Tống) đi xứ từ Cao-ly trở về, mất tiếp tế trên châu, được bát của Độ, khi đã đến, Độ bảo: Ta không thấy bát này đã bốn ngàn năm (Độ thấy bát liền biết). Vào thời Nam Lương, có Bảo Chí ăn uống phi pháp, tóc dài mấy tấc, cầm một chiếc gậy chống trên mũi dao và gương hoặc hai ba mảnh vải, Tề Võ bảo đó là Dương mê hoặc dối người (Nam Tề Võ Đế, dòng họ Tiêu, tên Trách, tự là Tuyên Viễn, con của Thành Đạo, làm vua được mười một năm thì băng, để lại chiếu văn trên linh chớ dùng muôn sinh cúng tế, chỉ dùng bánh cơm mà thôi, chẳng cho người xuất gia nhập đạo và xây tháp, dùng vườn nhà làm tinh xá v.v...) trói buộc ở Kiến Khương, mà Bảo Chí phân thân dạo đi trên chợ, thường đến người đòi xin nem chả, ăn no rồi bỏ đi, người chủ nhìn trong bồn, cá sống như cũ (Chí Công có lần chính mắt Lương Võ ăn nem, Lương võ dèm trách, Chí Công bèn vội nhả trong nước, đều thấy cá như cũ, chỉ tổn thương ở đuôi. Đến nay ở Giang Lăng có nem cá thừa) Võ Đế sử dụng hình pháp tàn khốc, Bảo Chí gá thần lực đó khiến thấy Cao Đế ở dưới đất chịu cực khổ (Cao Đế là Tiêu Đạo Thành) do đó trừ bỏ cái hại của dao. Mới đầu Lương dốc chí tôn sùng Khổng Mạnh, có Trần Chinh Lỗ, cả nhà đều tôn thờ Bảo Chí mới vì hiện thân, có ánh sáng như tượng Bồ-tát. Có chỗ cho Quán Âm là Bảo Chí, nay có chỗ xây dựng đó (tức nay tôn tượng Quán Âm mười một mặt) Phàm Đại sĩ Thập Trụ còn có khả năng thành Phật đầy đủ mười hiệu (người đầu địa tiền tức thập trụ) huống gì là Bồ-tát nhục thân ư, nên có chỗ cho rằng Bảo Chí là Quán Âm, chẳng phải Quán Âm là Bảo Chí (thánh hiền quyền hóa đều như vậy, chưa hẳn chỉ là Quán Âm) Bảo Chí từng đến chỗ Vân ở chùa Quang Trạch, liền ở trong đêm nói tôi muốn giải sư tử rống, Vân mổ cho và búng ngón tay nói: Lành thay pháp Vi diệu. Lúc sắp qua đời đốt một ngọn đèn giao cho xá nhân ở sau gác, Đế bảo: Kia sắp giao phó hậu sự cho ta, và ban sắc táng lễ nồng hậu (tức niên hiệu thiên giám năm thứ mười bốn đời Võ Đế thời Nam Lương, thị tịch tại chùa Khai Thiện) có Sử Tông là

người xứ Bồng Lai, Ma Nhu, Thiệu Thạc, Trương Nô (bốn người đều ở ngoài vật) đều là loại đó. Ma Nhu gặp Phật-đồ-trừng, ngôn từ tặng nhau qua lại rất bí áo. Bấy giờ, Trương Nô người trẻ được ăn, thường đối nhưng vui vẻ suốt mùa đông hạ, chỉ một áo đơn, có đạo nhân nước ngoài là Tăng-khư-tra là người Thần Dị, đến nghỉ lại qua đêm tại chùa Thường Thiên (ở Dương Châu) cùng Tăng Ngộ chung phòng, nửa đêm bưng nâng chùa vào mây, sau đó đặt xuống lại, và bảo Tăng Ngộ chớ tiết lộ (cột trụ chùa tháp, Tăng-khư chẳng khiến Tăng Ngộ tiết lộ với người) sau trên đường thấy Trương Nô (Tăng-khư thấy) vui mừng cười bảo: Tôi từ phương Đông đến Thái Đồn, đến phương Nam hỏi Mã Sinh, qua phương Bắc gặp Vương Ngưu (đều là các hiền sĩ ẩn tích) nay muốn đến Bôi Độ mới được gặp ông. Trương Nô đề chỗ cây hòe bài ca rằng: Mênh mông trong đại tượng (pháp giới thoáng rỗng, vật tương mênh mông) chiếu diệu thật rõ bày (bản tánh linh minh luôn tự chiếu soi) việc gì mờ tối nam, buông hoặc tự vời hoa (tánh của Bản giác chẳng thể tự biết, năm dục điên trụy mê hoặc vời họa. Đây là ý buồn thương phàm ngu chẳng tỏ ngộ), chỗ vui ít người đến (cảnh của Chư Phật, duỗi tay dài tiếp dẫn mà phàm tục ngu mờ chẳng chịu hướng về) đường khổ như đãy phiên (chìm đắm ba đường, một lúc mất thân người, trở lại khó được, giống như đãy lượt nước) chẳng có chí thông bách, sao dùng phỏng gió sương (chẳng có chí vững chắc, làm sao đối các cảnh, gió sương sống chết đến làm sao có chỗ nương) nhàn dự ngoài mây tía, ca dài ra Hạo Thương (Hạo Thương là trời, đây là Trương Nô tự trình bày chí ý của mình, tức nhàn ngâm nhạc đạo, dạo rão giữa khoảng đất trời). Lắng hư không sắc nước (Thượng Thiện như nước, lắng như không sóng, muôn cảnh chẳng động, sóng thức vốn lặng) nên thấy quê có duyên (nơi này duyên hết đến nơi khác hóa độ) Tuế Diệu Tỳ Hán hậu (Tỳ là phụ, Đông Phương Sóc là tinh của Sao Tuế, xuống giúp Hán Võ Đế hậu quân) thần lệ giúp Ân Vương (truyền thuyết là truyền thuyết sao xuống giúp Ân Vương, võ Đinh) kia ta chẳng hai tiên (nói ta chẳng phải Phương Sóc, đây truyền thuyết hai tiên) chín phương mờ dấu vết (chín phương là tám phương và phương trên) cũng thấy lưu tục tử chạm mắt khiến đau thương (hai câu này là ý thương) Lược Ca xem có nghĩ ngày nào hết Khâm Chương (vì có chỗ thuộc ý lạc làm bài ca này, làm sao có thể hết lượng của ta ôm ấp) Tra đáp hòa có giữ, thư gửi (văn đó chưa thấy) Trương Nô nói vô Cực Độ, chẳng có ai hiểu (theo lời Lưu Công Hạ cho rằng giấu từ) bởi kia thần dạo ở ngoài có biết, mà bên trong chẳng kịp (ba cõi đều là cảnh của khổ biết, nghi người này là ngoài ba cõi, nay ở trong ba cõi

nên chẳng kịp ngôn luận đó) phàm trang sức ngu làm trí dễ, tức điếc mờ tối khó (văn của Tả Truyện) như Bôi Độ Bảo Chí kia dáng khác tám phù (Bởi quân tử hòa mà chẳng đồng) mà trong chiếu chưa hề ngu (mà nội dung cảnh thật đâu được gọi là Ngu) người ngu cho đó là ngu (kẻ ngu chẳng đạt nên cho đó là Ngu) di tích chẳng huyễn trí, người trí gọi đó là trí (chiếu trong vết mờ người nhận biết biết trí đó) chỉ tâm người không thường đối đãi cảnh mà chuyển dời, phàm vật lý giữ thường thì tai mắt chẳng hãi (nếu chẳng phải hiển khác thì chẳng thể xoay tâm thức đó, kinh hãi tai mắt) nên ở khoảng mênh mông, hẳn giả gá hành vi lạ thường, mới để giúp giáo (đang lúc loạn tục mênh mang thì nên bày hành vi lạ thường để quyền hóa mà giúp sức cho giáo phong) đó như biết đổi của gió mưa sấm sét ở tình của muôn vật (cách là sửa đổi, mùa xuân sấm động mà sâu trùng mở cửa, gió đông thổi vút mà băng nhẹ vở tan, đổi quẻ lên sáu, quân tử báo biến Văn Úy đó) kinh nói Tam mật chẳng phải là đây ư (Tam mật là ngôn, hành và tâm) Nhưng Đại nho, Tiểu nho lấy thơ làm đạo (Đại nho là nho quân tử, Tiểu nho là nho tiểu nhân, nho là đêm trước gắng học để đọc hỏi, ôm hoài trung tín để đợi nêu lên. Lực hành dùng để tự lập có kẻ như thế. Nay các Tiểu nho ghi lấy mãnh văn chữ vụn cẩu thả trận danh dự, nên gọi đó là đạo) ngu truy ngu tục lấy pháp làm đạo, nên có lời nói của trộm yêu dung sắc quái (nên có kẻ sĩ lừa dối, ở đời xưng là bậc thánh, cũng trộm sánh ví yêu dung quái phục mà làm mê hoặc thế gian, rất là lạm tràn.) mới đầu xưng là thánh trí, cuối cùng thì bỉ nhục (như loại quả núi, loại Kim Cang thiền rất nhiều) chỉ rất tin là thật dối đều đến, Gia mưu bại ở Lương Lạc (gia mưu là thóc lúa, lương là giống lương (kê) lạc là cỏ rác, tuy lương bị chỗ lạc xen lẫn cũng còn gọi là gia lật,) hạng không tin thì ngu, thánh đều lùi, hòa ngọc hổn nơi yên mân (người chẳng tin tốt xấu đều lùi, nên ngọc đá đều bỏ. Đá yên mân tợ như ngọc) Nậu Phu đẽo tượng vừa đủ, vì đó buồn (nậu phu là người cày bừa, trác tượng là thợ làm ngọc, lương lạc yên mân nên làm buồn) nhà quyền quý ít có, chẳng áng áng cùng kỳ lạ, làm có đạo đó (áng bồn thuộc nhà quý, vì một loại tăng thường thấy đó như bồn chất phác, rất chẳng biết bên trong chứa đựng hành vi rất mực dối trá, bèn cho là người có đạo) chuộng tim phủ đó hỗn hình dung hành vi bỉ lậu (chỉ vì y phục bụi trần đó che phủ nói năng thật vụn, bèn chuộng đó làm đạo) mới đầu thân đó, kế đến ngợi khen, người ngu kia được đến nơi giàu sang mà mờ tối ở Hình Hiến, giam hồi là thường ngu, không ngu ác gì mà chẳng làm cũng đã rõ, kia tự chẳng lấy Sưu (mắt không có con ngươi) làm lỗi trái lại cho rằng thiên hạ đều là người

xuất gia là việc chẳng thể có.(sưu là không mắt, tự không nhận biết riêng, đoái hoài dùng hạn gian tà, cho đến trái rõ ràng, trở lại trách hàng thanh bạch, há chẳng phải mê ư? Chá Cốc Tử dụ đó là cổ hoặc) dùng du bằng khiết, ngu xen lẫn chẳng ra gì. Loại phàm tình này lam so sánh ngang với hàng thanh triết, ngu trược xen lẫn kẻ chẳng ra gì, từng chẳng biết chư Tăng có vết tích sâu thẩm ngoài Thiên Phủ thần hư lụy ra, vào sống chết, động tĩnh vô phương. Chí đức đó khắc đến ở đây (chư tăng có cùng trời đất hợp đức, xua tan tro bụi nhơ, đến nơi nào cũng chẳng kính mắc, đức chí cực đó bằng ở đây) chư tăng có khí trọng danh dương giáo tông, nhân phạm, có thể nhìn thấy mà chẳng thể đến gần (có thể dùng đức nhìn thấy mà chẳng thể dùng tình quen lớn) khó tiến tới mà dễ thối lui (tánh đồng mây hạc, đời chẳng được thân gần) Cao trời đó mà đến ở đây. Chư tăng có từ Lương ở ý (mến vật ban vui gọi là Từ, không chỗ can phạm gọi là Lương) nhân thứ khắc kỷ(ban từ trải tuệ gọi là Nhân, thốn độ hợp độ gọi là Thứ) nhường thì tự bằng(khiêm thân ước kỷ gọi là Nhượng) vui mừng thì bằng người (việc thành khắp nơi gọi là Khánh (vui mừng)) Đó đượm vật có như thế, đó như cách nang trời tiên ngói sỏi châu cơ (cách là da, nếu thấy ngoài hiện chất phác cho là đãy da ngói sỏi, mà không biết ở trong chứa hạnh châu cơ của trời tiên, châu nhỏ gọi là cơ) vui còn chẳng cười, nghĩa còn chẳng thủ (vui cười là tình còn động, nghĩa mà thủ là dục con đủ, chẳng phải đồng loại Công Thúc Văn Tử) há lấy chỗ mình chẳng biết mà đo lường (hạng thế tục tự đã chẳng biết hành tung của chư tăng, mà lấy ước đoán vọng đo lường) Nên Tam Miêu nghịch mạng, Quỳ Long có đức (Thời Thuấn là nước của Tam Miêu, Tả diệt đình Hữu Bành, chẳng thuận Đế mạng Võ đánh chiếm, một tháng chẳng phục, xin trở lui mà tu đức bảy tuần sau mà tự lại, đây là đức của tương phụ. Quỳ Long là phụ tướng của Thuấn) nghĩa Hy hòa miến, Thiên Tông không phế (họ Hy, họ Hòa ở đời làm quan trông coi trời đất, đến Thái Khương quá sai chẳng độ, tỷ miến nơi rượu, nên bỏ giết đó, mà thề rằng: Quyết diệt cừ khôi hiệp theo không ý trị. Lấy Tam Miêu Hy hòa dụ cho gian hồi. Quỳ Long Thiên Tông dụ cho chúng thanh tịnh) Phàm tâm người ở nghĩa mới đầu thì thục thắc có thể biết (xem đó ở mới đầu có nghĩa hay không nghĩa thì biết đó thiện hay ác. Thục là thiện, thắc là ác) khảo tình ở tố hành thì cuồng triết có thể biết (tố là trước, cuồng là ngu, triết là trí) nên việc làm tăng của Kiểu Trác, hẳn chẳng phải Điều-đạt Thiện Tinh (kiểu là tử sản, trác là con út của Diên Lăng. Kẻ sĩ khổ sứ lương thiện làm tăng hẳn chẳng làm việc ác, Điều-đạt Thiện Tinh là ác Tỳ-kheo) làm tăng của Trang chích hẳn

chẳng phải Thu Tử Thục Thị (Trang chích là hung tặc, Thu Tử là Xá-lợi-phất, Thục Thị là Mục-kiền-liên) sao là mới đầu được tăng ở Trang chích mà sau tránh chẳng hiển ư? Mới đầu chẳng biết tăng có Kiểu Trác mà trước cho là không đức ư? Phàm có khí của kẻ sĩ quân tử có tăng của kẻ sĩ quân tử. Có tánh của đài kiệu, hẳn có tăng của Đài Kiệu (Đài Kiệu là người hèn mọn) nên lấy nhân cầu Tăng có thể hẳn, dùng tăng cầu nhân khó thay, (dùng nhân hành hướng trong tăng mà cầu thì có thể có người nhân hành, nếu phàm là tăng bèn trách nhân hành đó, tức là sợ khó) vả lại khiến An Viễn vọng (đạo định Tuệ Viễn) kia hẳn chẳng làm vọng, thật tự có thừa, khiến Tư Khải bạo (thiền sư Tư đại, thiền sư thiên thai trí giả) kia hẳn chẳng là bạo, nhân tự có thừa, khiến Phật-đồ-trừng, Tuệ thỉ yêu (Phật-đồ-trừng như trước, Tuệ thỉ là Sa-môn thời Nguyên Ngụy, rất có thần dị, hơn năm mươi năm không hề nằm ngủ, đi qua chỗ đường sình lầy mà chân chẳng nhơ, ở đời gọi là Bạch Túc) kia hẳn chẳng làm yêu thần lực tự có thừa, khiến Tăng Mân Trí tạng ninh (Tăng Mân ở núi Hổ Khâu, Lương Tiêu ngang đến lễ yết, chẳng cho gặp mặt theo cửa sau mà bỏ trốn. Trí Tạng thì Lương Võ Đế lập chế cho vào suốt trong cung, nhân rảnh cùng Sa-môn dạo chơi. Quan Hữu Ty tấu ngự tòa chẳng phải chỗ Sa-môn lên. Trí Tạng ngang nhiên ngồi đó, nghiêm sắc mặt lớn tiếng bảo: Bần đạo xưa làm Ngô trung cố lang còn chẳng hổ ngồi giường v.v...) kia hẳn chẳng làm nịnh, nguy chẳng tự có thừa, vì thế nhà Trung Hiếu chẳng thể khiến làm loạn, nhà đức hạnh chẳng thể khiến làm lạm. Tống Văn Đế cúng cơm chư tăng đồng chúng ngồi trên chiếu dưới đất ban thức ăn chậm, chúng nghi sắp chiều chẳng ăn, Đế bảo: Đầu có thể giữ, Sinh Công nói: Bạch nhật sáng bầu trời, trước nói là đầu giữa, sao được chẳng phải giữa, bèn bưng bát mà ăn, ở chúng cùng theo, Đế rất vui vẻ (quân của muôn thừa chủ của Phật pháp, nắm cán của bỏ lấy, có quyền của giết để, nếu có thủ tiểu đạo, mà chống đó, giả sử không họa phế cả, thì chẳng trái với đạo kính thuận hay sao? Như chỗ thấy sâu xa của Sinh Công là đúng) đó bởi đại nhân cùng đất trời đồng đức, nhật nguyện đồng sáng, nên nói giữa thì giữa. Huống chi năng lực của Đế Vương có thể sợ ư? Nên lánh thiêu đốt chẳng đợi ở sư mổ (mổ là nữ sư, vợ của Đại phu năm mươi tuổi mà không con thì vào cung là nữ sư. Đứng ngồi đều được, mới đi đã gả thì chẳng đợi. Tống Bá Cơ mắc lửa, đợi mổ chẳng lại mà thiêu chết, đây là chấp mắc,) vớt chìm đắm đâu hiềm ở nắm đầu (Mạnh Tử như người cha chìm nước, con chụp đầu tóc để cứu cũng chẳng có lỗi, bởi đều lấy quyền đó thích nghi của gấp nạn) phúc cấn đâu đoái hoài ở chặt cánh tay (phúc là loài rắn, tay

chân thân thể đâu chẳng yêu tiếc, nếu bị rắn cắn, sợ chết nên phải chặt bỏ) Lý của hộ pháp thông với thần minh (vì hộ pháp nên đâu đoái hoài ở tiểu tiết mà thôi) xưa kia Viễn Công sắp tịch, môn nhân dâng nước đường, tỳ sử (tỷ là khiến lại cẩn thận lo nghĩ có trái với phương luật (kiểm luật chưa được mà tịch (không khó nên nương pháp hành) kia khắc ép ở mình, sai khiến người thì đó không vượt qua, nhàn một cúi một ngửa có làm cũng (nhàn là pháp, mình đã nghiêm ép năm giữ khiến người sau nương phép tắc đó mà thực hành). Vào thời Bắc Tề, khoảng niênhiệu Thiên Bảo, có Sa-môn Đàm Hiển chẳng biết từ xứ nào đến, ăn uống đồng như người tục, bấy giờ buông lời rộng xa, thượng thống biết đó kỳ dị (Pháp Thượng làm Tăng Thống nên gọi là Thượng Thống) thầm giao tiếp rất thân. Bấy giờ, gặp Hoàng quan Lục Tu Tĩnh từ Lương chạy sang Tề (Tu Tĩnh trước của Lương, hủy báng Phật giáo, Lương Võ muốn giết, nên trốn chạy sang Tề. Lại cầu thử) ban sắc Sa-môn cùng đồng bạn của Tu Tĩnh gồm mười người đối biện, chiếu ban so sánh hơn kém. Đồng bạn của tu tĩnh dùng chúc yêu thuật, y bát Sa-môn hoặc bay đến, chúc cây rường hoặc đến ngang dọc , trông thấy Sa-môn chẳng thể đối lại, nên lớn tiếng bảo: Chỗ Sa-môn thấy một ta sẽ thấy hai. Đế bảo Thượng Thống. Thống cầu Đàm Hiển, Đàm Hiển say ngồi ở cuối cùng, mọi người bảo: Gã say ấy ư? Pháp Thượng nói: Kia được gọi là Tế Tửu chánh có thể người sau đối đáp được, vội khiến cặp dắt lên tòa, thế rồi cười đưa một chân bảo: Ta đã thấy một, khanh có thể hai ư? Đồng bạn tu tĩnh hổ thẹn im lặng, Đàm Hiển lại bảo lấy y bát Thiền sư điều khiến kia chúc đó, nhưng chẳng thể nào nhúc nhích. Đế khiến nhấc y bát lên, từ một người đến năm cặp (mười người) đều chẳng nhấc nổi. Đặt trên sườn gỗ chúc đó cũng chẳng nghiệm. Đồng bạn Tu Tĩnh chiến nữu (chiến nữu là kinh sợ, hổ thẹn) bèn phế thuật mà nói là: Phật tự xưng nội, nội là nhỏ, cho ta là ngoại, ngoại là lớn Đàm Hiểu liền bảo: Thiên Tử ở nội, Bá Quan ở ngoại, nhỏ lớn sao bộ trái nhau ư? Người Tề do đó, đức ở tu. Trâu tuy tích còn phẫn ở trên đồn (tích là gầy, phẫn là đỗ ngã, đồn là heo, nói trâu tuy gầy nhưng bị ngã còn có thể đè trên heo, nói tuy lớm kém còn đè ở nhỏ. Đây là văn Xuân Thu, dụ cho Tấn Lỗ) sao nay chẳng vậy ư? Mới đầu nước nhà tứ thế tích đánh đòi ở Hà Bắc, quà biếu chẳng cấp, Vương sư lại gầy, vay lương thực ở chùa, chư tăng bảo: Thường trú chẳng thể, Tuệ Hưu nghe bèn bảo đó rằng: Nếu khắp đây không công, thì đó là niềm vui của nước nhà. Nước nhà vui mà chùa còn chưa như vậy, vời đồ đó cản trở chúng báo với sư (vời tăng chúng tán rải báo binh sư mà cấp tán rải)) mở kho phát lương thực. Thần Nghiêu

lúc đầu muốn bãi bỏ Đạo Phật, chỉ ở Hà Bắc chẳng bị chiếu, dùng anh dùng công bày vang vọng nên (thời nhà Tống niên hiệu Càn Đức thứ tư đánh Thục, quân Hậu Xuyên làm loạn, Vương sư đánh toàn sư hùng quân thực chẳng cấp, viện Thiên Thai ở Bành Châu mở kho lẫm của chúng tăng để cứu viện. Đến niên hiệu Khai Bảo năm thứ sáu, chúa thượng ban sắc bồi thường lại, nhưng ban ân giúp riêng) thời gần đây, Đạo Khiêm ở Toại Châu đáng mạo to lớn, giỏi giảng kinh Niết-bàn, bấy giờ hoặc dùng huyết tanh bồi bổ thêm mùi vị, các hàng đạo tục rất chẳng bằng lòng cho, Đạo Khiêm bảo: Giúp lực vì giảng xin chớ chê bai, đang lúc nắng gắt, do mở đỗ tẩm tỏa thơm khốc liệt (khốc là rất lắm), so với Đàn Khương còn chẳng như. Làng nước đặc biệt tỏ bày ai kính, cho nên là quyền đạo, là chí chí (chữ chí trước là kịp, chữ chí sau là cực, năng kịp nơi đạo chí cực) Trọng Ni nói: có thể cho lập, chưa thể cho quyền (văn của Luận ngữ chỉ có thể cho lập sự, chưa thể cho quyền đạo, trái lại với thường đạo, trước trái mà sau hợp). Hoa của Đường Lệ riêng trái (Đường Lệ là Di, cũng gọi là Úc Lý, lại nói là cây lý dưới xe cao ba thước, đã đến tháng hai hoa nở tàn, hoa hồng điều. Các hoa trước hợp sau mở như thường đạo. Hoa đây trước nở sau hợp dụ cho Quyền đạo, mới đầu dường như trái nhau mà sau hợp đạo). Há chẳng nghĩ vậy thất là xa (đây là thơ mà Quyền đạo dụ. Há chẳng thế nghĩ đến hiền nhân làm thất xa của hiền nhân, thơ đây chưa đủ, tiếp theo nói là: Nghĩ của sau cùng. Phàm sao có của xa tự đó chẳng nghĩ, nghĩ liền kịp) thật chẳng gì khó ư? Nên tâm chỉ trinh nhất, có do cúi ngửa (trinh là chánh, hành tâm còn ở đạo chánh nhất của cơ quyền, thì hoặc cúi hoặc ngửa chẳng nhất định) sự thật chỉ công dùng như chỉ tư là nhân trí. Quán ích đó tuy trái mà đạt. Quán vô ích đang thuận mà giữ (chẳng hẳn định chấp đó. Phàm lệ cùng Tây Thi nhăn mày (Tây Thi là gái đẹp, Lệ là con gái xấu, tần là thích) chỗ nhăn mày là một mà so sánh biết đó chẳng bằng, thì như chớ nhăn mày mà biết là khó khăn (Tây Thi dáng đẹp nhăn mày càng đẹp, phía đông gần đó cô gái xấu, so sánh với Tây Thi nhăn mày càng xấu. Ý này dụ như tâm của tu Tĩnh, v.v... thử mà càng trái).

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 4

VII. TÔNG SƯ NGHỊ

(Bàn luận về kinh, luật, luận, thiền, mỗi pháp đều có đạo của sư thừa tông tổ)

Sóng thừa của Nại Uyển, đến đầu niên hiệu Vĩnh Bình mới chảy tỏa (là khu vườn ở nước Ba-la-nại, cũng là nước Ba-la-nitư, Hán dịch là thành Chú Nhiễu, vì sông chảy quanh thành, gieo giống cây hoa, có khu vườn tên là Lộc dã, đức Như lai thường ở đó nói pháp. Niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười đời vua Minh Đế thời Hậu Hán, Phật pháp mới truyền đến Trung Hoa, nên gọi là mới (triệu)). Từ phía đông Thông Lãnh đến Lưu sa, phong quang dần xa (phía Tây Chấn Đán có ngọn núi rất cao tên là Thông Lãnh, vì thông đó xanh biếc cho nên gọi tên như vậy) tỏa khắp đến Trung hạ. Ở đời Hán hơi có kinh học, còn thiền luật chưa dung (dung là nói, từ Trúc-pháp-lan, v.v... mới bắt đầu mang kinh Tứ Thập Nhị Chương đến, lại có An thanh, v.v... mang kinh tượng đến, nhưng chưa hiểu thiền luật) người tuy cạo tóc, mà chuyên việc như thế tục, y phục không điều tướng, thức ăn có cả cá thịt, cúng hội trai sám, giống như tế tự (tăng không giới luật, như tục chẳng khác. Y nghĩa là ca-sa, Hán dịch là hoại sắc, có ba thứ y: Một là Tăng-già-lê, Hán dịch là hợp thành, cắt vải may chồng lại, ba bức dài một bức ngắn; hai là Uất-đa-la-tăng, Hán dịch là thượng trước y, là y mặc trên hết, hai bức dài một bức ngắn, nay là y bảy điều; ba là An-đà-hội, Hán dịch là Trung túc y, nghĩa là cận thân, tức y năm điều, cũng nghĩa là y chấp tác. Đây là ba y. Đức Như lai điều khiến cắt rọc để để làm điều lá, lấy biểu tượng ruộng lúa, bởi lấy nghĩa sinh ra phước tuệ, hòa chí là thịt, quân là đồng) Chu Sĩ Địch là người đầu tiên xuất gia (Sĩ Địch, người xứ Dĩnh Xuyên, sau khi xuất gia lấy đại pháp làm trách nhiệm của chính mình, ở Lạc Dương Giảng Tiểu phẩm, thường hay chẳng thông, thường khen kinh này là cốt yếu Đại thừa mà dịch lý chẳng hết, bèn tim đến Vu-điền, quả nhiên gặp

được Chánh phẩm bản phạm, sai đệ tử thỉnh đưa về Lạc Dương. Các sư Tiểu thừa ở Vu-điền cho là chư Tăng đất Hán dùng Sách Bà-la-môn làm loạn chánh điển, do đó đốt hủy mà chẳng tổn hại, tức nay là kinh Phóng Quang Bát-nhã) đầu đời Ngụy, Đàm-kha-la bắt đầu truyền giới pháp, lá vàng khuôn ngọc năm thiên bảy tụ (đời Nguyên Ngụy Phật pháp truyền vào đất Hán, giới luật từ Kha-la là đầu tiên, Ba-la-di, tăng tàn, Ba-dật-đề, Đề-xá-ni, Đột-kiết-la là năm thiên, thêm Thâu-lan-già, ác-tác, ác thuyết là bảy tụ) thể của thằng khẩu là lỗi trái (thằng là chánh, lỗi của miệng có bốn: Nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, ác khẩu, thân có ba: Sát, đạo, dâm. Trì giới luật có công năng chánh đó, khiến không lầm lỗi) tiết phục làm mạn dịch của soạn, liệt thay thương diễn, thê thê thay sương lạnh, trật trật thay khoa điều (liệt liệt là oai, thê thê là nghiêm, trật trật là thanh, nói giới pháp nghiêm tuấn) chẳng oai mà nghiêm túc chẳng hình phạt mà trị, ở Thần Châu có Sa-môn, Kha-la là đầu tiên (thời Hán tuy có Sa-môn, mà giới luật chưa hoàn bị) xưa kia cuối thời Hán có An Thế Cao, thời nhà Cao có Khương Tăng Hội đều là kỵ nhân của khu vực xa (Thế Cao là Thái tử của vua nước An-tức. Tăng Hội là Thái tử của vua nước Khương-Cư, cái gọi là phương ngoài mà chẳng ngụ ở người tục. Trang Tử nói: Kỵ nhân là ẩn ở người mà ngang ở trời), học cùng chỗ sâu kín của trời người, đức động khế hợp với quỷ thần (Tôn Hạo sắp cấm dâm từ mà muốn hủy phế, khiến Trương Dục vặn hỏi Tăng Hội, hết ngày mà chẳng thể khuất phục, Thế Cao dạo đến Binh Đình, Thần hồ mới thấy, nhân đó cảm hóa mà bỏ đường ác) đèn như Trí Tham u vận, Tăng Hội như chẳng kịp (Thế Cao biết có túc trái mà hai lần lại đáp trả) chế ra Thùy Văn, Tăng Hội có lẽ hơn đó (Tăng Hội tài biện lập lời Thành Điển). Từ đó về trước, Sư huấn chưa rõ (từ niên hiệu Vĩnh Bình thời hậu Hán đến niên hiệu Xích Ô thời nhà Ngô, tuy có phiên dịch, nhưng chưa lưu truyền tốt đẹp lắm) tường cách mũi nhọn của Tăng Hội, chẳng có ai được môn đó (Tử Cống nói: Tường của Phu Tử vài mũi nhọn, được môn đó là hiếm ít) ở đời Ngụy có Chi Khiêm ở xứ Nguyệt Chi, thọ học ở Chi Lương, Chi Lương thọ học từ Chi Sấm nói rằng: Trong thiên hạ biết rộng chẳng vượt ngoài Ba-chi (vốn là Ưu-bà-tắc ở nước Nguyệt-Chi, cuối đời Hán mới đến Lạc Dương, tinh cứu thành nghề nghiệp, thông khắp dị thư, hiểu tiếng sáu nước, nhiều chỗ thám học) Chi Khiêm là người nhỏ cao đen gầy, mắt trắng mà tròng vàng. Nói là Chi-lang. Chi-lang vàng trong mắt, thân hình tuy thấp nhỏ mà là đãy trí, cuối đời Hán. Lánh nạn về đất Ngô. Tôn Quyền tôn làm Tiến sĩ, Phụ Đông cung cùng Vi Diệu đồng hàng, mà Ngô Chí chẳng ghi

chép, bởi sử thần chẳng ngay thẳng (Đông cung tức Thái Tử Hòa, được khen mà phế. Vi Diệu tự là Hoằng tự, ham học khéo thuộc văn, chuyển đổi Thái Tử trung thứ, sau lụy chuyển đổi đến Thị Trung, tu chỉnh Ngô sử chưa xong thì bị Tôn Hạo giết chết). Ở Thục có kinh Phổ Diệu chẳng biết do ai dịch (mười quyển, nhập tạng hiện hành).. lờ mờ chí ngôn, đối với tục của nhẫn dục thì hẳn tạc bính trở ngữ (tạc bính là cán, trở ngữ là dáng chẳng đều nhau. Sở Từ nói: chẳng lường tạc mà Chánh Bính mà cây gỗ phá, như dùng thiện mà ném ác) nghi báng rối ren, chẳng phải hiền của thần đức tôn oai thì không sùng công khắp vật, mà Thục Chí chẳng ghi chép truyện người đó là, bởi họ Lưu muốn làm phản nhà Hán. Vật cũ dấy binh lính ở Ngụy. Giáo của Du Huyền tuy mở mang, động của Nguyên tượng chưa hiển, bèn khiến đời sau những người ghi chép rõ ràng tìm hận (Lưu Bị nhân cuối đời Hán Hiến ba phần chiếm cứ Thục, phía Bắc có thù của Bá Ngụy, phía Đông có địch của Tôn Ngô, chứa để lương thực, huấn luyện binh lính, chiến tranh ngày một cản trở, đâu rảnh mà mở mang giáo pháp không tịch. Lại Trần Thọ Thục Chí nói: Gia Cát săp mất tại chẳng đặt sử quan, vì vậy không văn mà ghi chép) đầu đời Tấn có Trúc Pháp Hộ, bấy giờ gọi là Bồ-tát Đôn Hoàng (Cao tăng Trúc Pháp Hộ người xứ Đôn Hoàng, tám tuổi xuất gia, sau đến Tây Vực, dốc chí ham học, muôn dặm tìm thầy. Tôn Xước Phương Chi Sơn Cự Nguyên, dịch kinh Chánh Pháp Hoa v.v... đến thời Tấn Tuệ thị tịch tại Thằng Trì) môn hạ có bảy tác giả, đó là đầu tiên dịch Chánh Pháp Hoa, đã định cổ huấn bảo Khương-na-luật giảng trao, người phúng tụng tự nhiên lấy làm đẹp. Đến đời La-thập dịch là Diệu Pháp Liên Hoa mà chỗ dịch của Pháp Hộ hơi ngầm tỏa sáng (trong niên hiệu Hoằng Thỉ, La-thập dịch tại vườn Tiêu Dao, ở đời đang lưu truyền hưng thạnh, còn bản Chánh Pháp Hoa hơi ít, nay ở trong tạng, bởi thấy Đại Lộ là chẳng lấy chùy luân làm quý (Văn Tuyển nói: Chùy luân là mới đầu của Đại Lộ, Đại Lộ sao có chất của Chùy luân, thêm băng làm chỗ chứa nước thành, chứa nước thêm nhỏ ở lạnh của tầng băng, Chùy luân là xe sạn cổ. Đại lạc là Ngọc lạc, được hoa quên nghĩa của mộc mạc) môn nhân của Pháp Hộ có pháp thừa (Trúc-Pháp-Thừa nương Pháp Hộ làm Sa-di, tuy trẻ thô mà thần ngộ soi xét cao hơn người. Có dối đến Pháp Hộ, gấp cầu hai mươi vạn tiền, Pháp Hộ chưa đài, năm mươi ba tuổi, Pháp thừa ở cạnh thầy, đã nói rằng: Hòa-thượng đã hứa với người trước, Pháp Thừa hẳn chẳng phải người cầu của cải, sắp trông thấy đạo đức của Pháp Hộ) Tài tuệ nổi bật, Tôn Xước phương khác Vương Tuấn Xung, về đều trẻ nhỏ có soi xét của cơ ngộ (Vương Nhung, tự là Tuấn

Xung, người xứ Thái Nguyên, con của Hồn, cùng Nguyễn Tịch kết bạn từ nhỏ đến hai mươi tuổi, cùng được như thời đồng bạn, thường đến nhà mỗ liền đến nhà Nhung, nói với người cha rằng: Tuấn Xung thanh chuộng chẳng phải Hương luân, cùng Hương nói năng chẳng bằng A Nhung.) Trúc-pháp-nhã (người xứ Hà Gian, Phỏng Chánh có thứ thuở thiếu thời giỏi ngoại học, lớn lên thấu đạt kinh Phật, tài tư tuấn thiệm, các hiền giả bấy giờ rất mến mộ, giỏi cả soạn thuật) Khương Pháp Lãng (người xứ Trung Sơn, khéo rành giới tiết, dạo khắp các nước Tây Vực trở về) đem nghĩa loại trong kinh Phỏng Luận bàn sách nho, làm ví dụ về sinh giải, gọi đó là cách nghĩa để dạy răn môn học, thường cùng Đạo An, Pháp Thải giảng nói các kinh, đều khéo tận cốt yếu . Môn nhân của Pháp Lãng có Lệnh Thiều, mỗi lần nhập định mấy ngày mới xuất, Pháp Lãng khắc cây làm tượng, như lễ thờ sống bạch pháp tổ tuấn của thần gió. Đối với Vương Đạo thì dùng giản suất, đối với trông đó thì trang kính lấy làm Phong Đạo của Vương Công. Ở đây nói biện lệnh quỷ độc cách vật (Bạch Viễn, tự là Pháp Tổ, Vốn họ Vạn, người xứ Hà Nội. Tài tư thấu suốt, thông minh chẳng ai bằng, mỗi ngày tụng muôn lời, gặp lúc nhà Tấn loạn bèn trốn đến Lũng Hữu, Tần châu. Thứ sử Trương Phụ mến trọng, muốn cho trở về quy phục, nhưng chẳng theo bèn giết, phiên Hán truy điệu. Tôn Xước Đạo hiền luận Phương Chi Kê Khương). Em của Pháp Tổ là Pháp Tộ, đức tài xung đầy thật út của Pháp Tổ (Pháp Tộ cũng có ít vẻ vang bị bác sĩ gạn hỏi mà chẳng đến, năm hai mươi lăm tuổi xuất gia, thấu suốt Phật lý. Thứ sử là Lương Châu Trương Quang vì anh của Pháp Tộ chẳng chịu quy phục, Trương Phụ bèn giết, Trương Quang lại ép bức đến Pháp Tộ, cũng kiên chí chẳng theo, nên cũng bị Trương Quang làm hại) Bạch Cao Tòa là bậc tài giỏi cao xa (Bạch-thi-lê Mật-đa-la, người nước Cát Giao, bấy giờ gọi là Cao Tọa, vì Ngài khéo nói pháp. Con của vua nước đó, nhường ngôi vị mà xuất gia vào thời Đông Tấn, dịch kinh Dược Sư, v.v...) Vương Đạo nói với đó rằng: Nước ngoài có quân (vua) một người mà thôi. Thi-lê-mật cười bảo: Nếu khiến bần đạo chỉ như đàn việt làm ngày nay, đâu được đến đây (Kiên Tịch vào niên hiệu Hàm Khương đời Tấn, thọ hơn tám mươi tuổi, an táng tại sườn núi Thạch Tử, sườn núi ở đất Ngô, về sau xây chùa) Chi Độn thường sai người đến Trúc Tiềm mua núi, tức ngang bên cạnh tiểu lãnh của Lệ Châu (Chi Độn tự là Đạo Lâm, họ Quan, người xứ Trần Lưu, thuở bé đã thần tuấn, thông minh tài giỏi, Vương Mông rất mến trọng. Sau đến Tiểu Lãnh ở Lệ Châu lập chùa, về già, ra Sơn Âm giảng kinh Duy-ma, Hứa Tuân làm Đô giảng) Trúc Tiềm nói: Muốn lại liền

cấp, đâu nghe Sào Hứa mua núi mà ẩn (Trúc Tiềm, tự là Pháp Thâm, họ Vương, em của Đại tướng Quan Đôn đời Tấn, tôn thờ Lưu Nguyên Chân ở Trung Châu làm thầy, Nguyên Chân có tài nổi tiếng, về sau ẩn tại núi Diễm, người đương thời tìm vết hỏi đạo). Về sau Chi Độn gửi thư cho đạo nhân ở Cao-Ly, nói: Thượng tọa Trúc-Pháp-Thâm, đệ tử của Lưu Công ở Trung Châu, thể tánh trinh kỳ, đạo tục luân tông đến chỗ kinh ấp, duy trì lưới pháp, trong ngoài đều chiêm ngưỡng thật là bậc thầy mở mang đạo pháp. Dốc đem đạo nghiệp giúp sức, chẳng nạn trần tục, khảo thất núi Chầm tu đức an nhàn, nay ở tại Ngang Sơn của huyện, dẫn hợp đồng đạo, luận Đạo nói nghĩa, lầu cao rỗng rang, xa gần có vịnh. Tôn Xước sánh Trúc tiềm với Lưu Bá Luân, gọi là thể của khoáng đại đồng. Bấy giờ, Trúc-Pháp-Hữu ở Ngang Sơn theo Pháp Thâm thọ học A-tỳ-Đàm (một trăm quyển) qua một đêm bèn tụng Pháp Thâm bảo: Qua mắt thì tụng thuộc txứng với người xưa. Nếu đấng Năng Nhân tái hiện ở đời Đại Tấn này hẳn lấy ông làm một trong năm trăm người (năm hai mươi bốn tuổi, Pháp Hữu bèn khéo giảng nói, sau lập chùa Nam Đài ở thành Diễm Huyện) ở đời Tấn Thành có Khương Tăng Uyên, Khương pháp sướng, Chi Mẫn độ đều qua sông (Tăng Uyên vốn người Tây quốc, sinh tại Trường An, xuất gia làm tăng, thường đi khất thực tự sống, đức Vượt hơn Pháp Sướng và Mẫn Độ cùng Ân Hạo đối hỏi điển tịch nội ngoại, Hạo đuối lý chẳng thể đáp). Pháp Sướng thường nắm đuôi cờ đi, mỗi lúc gặp khách tiếng tăm liền bàn luận cả ngày, Dữu Nguyên Quy nói: Đuôi trần này vì sao thường còn? Pháp Sướng bảo: Liêm là chẳng cầu, tham là chẳng cho, cho nên thường còn, trước thuật nhân vật thỉ nghĩa (Chi Mẫn Độ soạn thuật dịch kinh lục, nay hiện hành ở đời) Chi Độn mới đầu đến kinh đô, Vương Mông rất quý trọng, nói với mọi người rằng; Công đức nhỏ nhiệm chẳng giảm phụ tự. Lúc Ân Dung cùng vệ trân giao thời, cho rằng đó thần tình thấu suốt, Hậu Tấn chẳng có ai kế tiếp. Đến lúc gặp Chi Độn khen ngợi coi trong người này (nhược nhân là người này gọi là trân quý) mỗi lúc giảng Chi Độn khéo nêu Tông hội, mà chương cú hoặc có chỗ sót, bây giờ làm Tông văn là chỗ sơ sài. Tạ An nghe liền bảo: Đây là ngựa chân tướng của chín phương. Lược đen vàng mà lấy ngựa giỏi (Trang Tử nói: Tướng của chín phương là Chân thiện, Hoài Nam Tử, Tần Mục Côngvời Bá Lạc sai tìm kiếm ngựa, ba tháng sau trở lại nói: Đã được, tại Sa khâu, Mục Công hỏi: Ngựa gì vậy? Đáp: Đực mà vàng, kịp đến ly mà cái, Mục Công tức giận bảo: Chỗ ông tìm kiếm mầu lông đực cái chẳng biết. Bá Lạc bùi ngùi nói: Một đến đây đã, chỗ xem là thiên cơ, được tinh mà quên thô, ở

trong mà quên ở ngoài, thấy chỗ thấy mà quên chỗ chẳng thấy. Ngựa đến mà quả nhiên ngựa của thiên hạ) sau ra Lệ Châu ở Sơn Âm giảng kinh Duy-ma. Hứa Tuân làm Đô giảng. Chi Độn giải thích một nghĩa, chúng cho rằng Hứa Tuân không chỗ chỉ nạn, Hứa Tuân bày một cật nạn cũng cho rằng Chi Độn chẳng thể giải thích (thế thuyết Hứa Tuân tự là Huyền Độ ưa thích dạo sông núi, Thuyết bèn lên Thiệp ẩn hang sâu Vĩnh Hưng, thường khiến bỏ sót của chư hầu bốn phương. Huyện Sơn Âm ở Việt Châu, tức Vương Hữu Quân Lan Đình khúc thủy ở đây, có thành nhỏ của Việt Vương Câu Tiễn hiện còn) Ai Đế nêu ra kinh đô Vương Mông sớm dựng mấy trăm lời, cho rằng Chi Độn chẳng thể chống lại. Chi Độn từ từ bảo, Bần đạo và Quân Cách biệt đến nay đã nhiều năm. Quân nói rõ chẳng tiến xa. Hy siêu hỏi Tạ An rằng: Lâm Công bàn luận sao giống như Kê Trung Tán (Hy siêu, tự là Gia Tân, Hoàn Ôn Ký thất tham quân, thân hình thấp bé có nhiều cơ biện. Kê Khương làm Trung tán đại phú) Tạ An nói: Cố gắng lo lường được đi. Lại hỏi: Đối với Ân Hạo thế nào? Đáp: Gắng gỏi luận biện sợ ân rãnh rỗi, Chi siêu nhổ thẳng lên, Ân có đức thẹn, về sau Siêu gửi thư cho bạn thân nói: Pháp sư Lâm thần Lý Thông Huyền nỗi bật riêng ngộ, mấy trăm năm nay tiếp sáng Đại Pháp, khiến chân lý chẳng dứt, chỗ một người mà thôi, Chi Độn lúc nhỏ cho rằng gà con không có mạng sống, vị thầy tranh luận lại chẳng thắng, sau khi chết bị hình luật ném trứng dưới đất, vỏ vỡ ra gà con bước đi, Chi Độn mới cảm mà ăn chay, (Chi Độn cùng thầy luận bàn rằng trứng sống dụng chưa đủ, giết đó không tội, vì thì Chi Độn tài tuệ biện bác nên thầy chẳng thể thắng, bèn hiện thân chết, ném trứng để giác ngộ đó). Lễ nói: Quốc quân xuân chẳng trái đầm, đại phu chẳng bưng bít các sĩ chẳng lấy... trứng hư. Chi Độn như mới đầu là chưa biết. Đã biết vậy thì chẳng trái nhân, đâu đợi sự dạy răn của thầy (bởi thầy thấy trước đó còn chưa ngộ) có người bỏ sót ngựa, Dưỡng bảo: Tôi muốn nó thần tuấn nên lại nuôi dưỡng nó, có người tặng hạc, bèn thả rồi bảo: Mày là vật xung thiên, sao làm vật để vui tai mắt. Trước trải qua núi diêu ổ, đến nơi sinh thần riêng trở về trong ổ. Hoặc có người hỏi ý đó, đáp: Trước kia Tạ An mấy lần lại gặp gỡ liền chuyển dời cả mười ngày, nay chạm tình khắp mắt, không gì chẳng hứng tưởng, Tôn Xước so sánh các Hướng Tử Kỳ (Hướng Tú Tự là Tử Kỳ) vì nhã chuộng phong hảo đồng với Lão Trang. Vu-Pháp-lan (người xứ Cao Dương, thuở trẻ có tiết tháo khác thường) Ẩn ở hang hốc, bấy giờ băng tuyết rất nhiều, có một con hổ vào phòng, Pháp-lan thần sắc không đổi, sau đến Giang Đông, sắp tới Tây Thành đến Giao Châu,

thị tịch tại Tượng Lâm. Chi Độn làm bài tán rằng: Dòng họ Vu Diêu thế gồm rõ Huyền Chỉ, vui ẩn núi đầm, rõ thuần hổ dữ. Tôn Xước phương ở Nguyễn Tự Tông, đều dùng cao thượng khác mọi người, học trò của Vu-Pháp-lan có Vu-Pháp-khai và Vu-Pháp-Thúy, học trò của Vu-Pháp-khai có Vu-Pháp-oai suốt ba đời đều nổi tiếng, Pháp Khai từng cùng Chi Độn luận nghĩa tức sắc không, bởi kình địch của rồng hổ (Lô hỏi sao im lặng, trình bày pháp khai cật nạn Cao Bình, Hy siêu tuyên thuật, Đạo lâm giải thích đều truyền ở xuất vậy) Tôn Xước vì Pháp Oai làm bài tán rằng: Dịch nói ngựa bạch (Văn của quả Bí) Thị Viên văn vẻ, ban như tại trường, phân nhã thuần lạo, vu oai phát rõ, rõ ràng xét xa, có danh khiết đó, không thẹn lòng ân, Pháp Khai từng sai Pháp Oai ra đô, trên đường ngang qua Sơn Âm tính toán, Chi Độn đang giảng Bát-nhã, sáng sớm hôm ấy đến chỗ nêu bày công kích cật nạn, Pháp Oai đến quậu quả nhiên chẳng nghĩ ra kế đó, mới qua lại vài phen, Chi Độn kéo lui, nhân đó gắng tiếng bảo: Ông sao đủ khả năng mà nhận người chuyển gửi lại ư? Sau có sắc chiếu nêu giảng kinh Phóng Quang, Pháp Thúy theo Pháp Khai qua sông, tịch ở Giao Chỉ (đất của Nam kích, Thông Dự nói: Người nước kia đứng hai ngón chân cái giao nhau) Hy Siêu vẽ tượng Chi Độn, khen rằng: Anh anh thượng nhân, thức thông lý suốt, chất sáng ngọc ngời, đức âm thơm tỏa. Tôn Xước sánh với Nguyễn Oai. (Nguyễn Hàm tự là Trọng Dung, nhà nghèo bảy tháng bảy ngày đều phơi áo đẹp, Nguyễn Hàm đang ở trong sân phơi Độc Tỵ Côn, có người hỏi rằng đâu thể khỏi tục) vì đó Cao Phong nhất trí. Ở núi Diễm có Trúc Pháp Sùng (chẳng rõ là người xứ nào, từ thiếu thời vào đạo, chỉ chuyên một kinh Pháp Hoa, sau soạn thuật nghĩa sớ bốn quyển lưu hành) Sư có đến Lộc Sơn ở Tương Châu (Nay là Đàm Châu), thần núi hóa thành Đại Nhân, đến Pháp Sùng cầu thỉnh giới, thần núi bèn cúng núi làm chùa, ở đó thời gian ngắn, trị Tương sĩ, sau trở lại núi cát hiện của núi Diễm dựng am tranh ở, uống nước suối mà thôi) học trò của Trúc Tiềm có Trúc Pháp Nghĩa, chợt mắc bệnh tim, chỉ thành xưng niệm Quán Thế Âm mộng thấy bị người mổ ruột, bệnh ấy bèn lành (năm mười ba tuổi Pháp nghĩa gặp Trúc tiềm, lấy làm lạ bèn khuyên xuất gia, đi khắp nơi nghiên cứu các kinh điển, cửu thiện Pháp Hoa: Sư thị tịch vào niêu hiệu Thái Nguyên thứ năm thời Đông Tấn) Phó Lượng nói: Tiên Quân tôi cùng Nghĩa Công đi đến đâu thường nghe Quán Âm thần dị, bất luận lớn nhỏ đều nghiêm túc, Hiếu Võ mời ra kinh đô giảng pháp (Hiếu Võ con của Văn Giản Đế đời Tấn tên là Xương Minh ở ngôi được hai mươi bốn năm thì băng) người xưa xuất gia lấy họ thầy, Đạo An thọ nghiệp từ Phật-đồ-

trừng, Phật-đồ-trừng họ Bạch, Đạo An cho rằng thầy chẳng hơn Phật, bèn lấy chung họ Thích làm họ, nên Sa-môn ở Trung hạ (Trung Hoa) xưng họ Thích là từ Đạo An là đầu tiên. Ngữ nói: Học chẳng bắt chước Đạo An nghĩa chẳng trúng nạn. Tập Tạc Xỉ gửi thư cho Tạ An nói: Vừa rồi gặp Thích Đạo An, hẳn bậc thắng sĩ phi thường, thầy trò vài trăm vị, trai giảng chú giải mỏi mệt, không kỹ thuật biến hóa có thể dùng mê hoặc tai mắt người thường, không dốc phạt trọng oai có thể để sửa sự so le, của quần tiểu, mà thầy trò nghiêm trang tự kính nhau, ích lợi đẹp xinh xưa nay chưa từng thấy, người ấy các sách nội ngoại đều lược xem qua. Âm Dương Kế số cũng đều thông hiểu, diệu nghĩa kinh Phật hẳn là chỗ thể hội, lật lại trù tính không thể sánh vai. Hận dưới chân chẳng đồng ngày mà gặp, Tuệ Viễn lúc đầu là nhà nho, tuổi ngoài hai mươi mới gặp Đạo An ở Thái Hành thuộc Hằng Sơn, vui mừng nói: Đây thật là thầy của ta! Thường muốn thống nhiếp giềng lưới, lấy đại pháp làm tránh nhiệm của mình, suốt cả ngày đêm, bần lữ nhiều thiếu sót, Đàm Dực thường cung cấp chi phí đèn dầu, Đạo An nghe vậy bảo: Đạo sĩ thật là biết người. Thường những ngày khác, Đạo An khen rằng: Khiến dòng Đạo tỏa Đông Đô là do Tuệ Viễn này. Về sau Tuệ Viễn đức lớn đã rõ bày, tiếng thơm tỏa khắp, nước ngoài đều tôn xưng đất Hán có đạo sĩ Đại thừa, từng hướng về Lô Sơn phương Đông, đốt hương cúi đầu từ xa Chí thành cung kính, khi La-thập vào Quang Trung, Tuệ Viễn gửi thư thăm hỏi. La-thập đáp thư chương cuối nói: Kinh chép: Sau đời Mạt ở phương Đông có Bồ-tát Hộ Pháp, cố gắng thay nhân giả khéo mở mang sự nghiệp đó, ân trọngkham qua kinh châu đến núi, cùng Tuệ Viễn qua khe phía bắc, bàn nói về Dịch, cảnh dời chẳng nhọc, Lô Tuần lúc đầu cát cứ tại Giang Châu, vì cha Phúc đồng làm làm thư sinh, khuyên vậy dốc cựu có người can ngăn rằng: Lô Tuần làm quan nhà nước, cùng đó thân hậu được chẳng nghi ư? Tuệ Viễn bảo: Trong Phật pháp ta không có tâm lấy bỏ, há chẳng phải chỗ người hiểu biết xét xem, đến lúc Tống Võ khảo xét Lô Tuần, mọi người nói Viễn Công vốn dốc lòng giao du với Lô Tuần. Dụ nói: Viễn Công là người của Thế Biểu, tâm không đây kia, bèn mang thư đến và gy6i tăng tiền gạo, Tuệ Viễn giảng Tang Phục Ký, Tông Lôi đồng thời cầm quyển (Tông Bính Lôi Thứ Tông) về sau Thứ Lôi soạn thuật nghĩa sớ, mới đầu xưng là họ Lôi, Tông Bính giễu cợt bảo rằng: Xưa cùng chung túc hạ nơi Hòa-thượng Thích tạn mặt thọ nghĩa này, nay bèn ghi đầu quyển xứng là họ Lôi ư? Tuệ Trì thân cao tám thước, thường mang guốc, mặc áo nạp ngắn nửa ống chân, sắp đến đất Thục, người anh ngăn cản rằng: Người đời muốn đoàn tụ, riêng

ngươi ưa xa lìa là thế nào? Tuệ Trì đáp: Nếu vướng kết tình ái nhóm tụ gốc thì chẳng nên xuất gia, nay đã cắt dục hướng tâm về đạo, phải lấy phương Tây làm kỳ hẹn, có bạn đồng học là Tuệ Vĩnh lên trên đảnh Tây Lâm lập một phòng thất riêng muốn tham thiền, liền đến ở đó, thường có một con hổ ở chỗ thất, khách đến thì xua nó đi, một hôm gặp Hà Vô Kỵ ở Hổ Khê. Tuệ Viễn theo đồ chúng hơn trăm vị trang nghiêm mà chỉnh túc, riêng Tuệ Viễn mặc áo nạp mạng giày cỏ cầm gậy bưng bát từ dưới gốc thông an nhiên bước đến. Bấy giờ ngọn gió mát rải phần nhiều từ Tuệ Viễn, môn nhân ở đó có đức hạnh là từ Đạo tổ, Tăng thiên, Đạo Lưu là các vị giàu có tài tư, Tuệ Viễn từng bảo với Đạo Tổ, v.v... rằng: Phàm dễ ngộ hết như các ông thì tôi không còn phải buồn lo với hậu sinh (Khổng Tử nói: Nghe nghĩa chẳng thể dời là sự lo ngại của tôi) sau đó Tăng thiên, Đạo Lưu qua đời. Tuệ Viễn nói: Các vị này đều là bậc tài nghĩa, anh mậu, thanh ngộ, ngày một đổi mới mà khiến họ đi xa như vậy, một bề đau xót! Có Tuệ Yếu lo trong núi không khắc lậu, mới đến trên nước dựng hoa sen mười hai cánh, nhân sóng chuyển mà định mười hai thời, lường cảnh không sai (lại thường chim oanh võ bằng gỗ khiến bay vài trăm bước, có Trương Sơn Nhân, vào niên hiệu Quảng Chánh đến trước điện Thục Chủ dựng lầu Hồn Nghi, rót thủy ngân vào đó, sai người gỗ nắm tấm bảng hai thời, tùy thủy ngân chuyển đối điện mà báo thời, khắc bóng chẳng sai, Trương Sơn Nhân tên là Tư Huấn, vốn người Toại Xuyên, sau vào kinh, hệ Tự Thiên Giám) có Tăng Triệt khéo giỏi ghi viết thường đến Sơn Nam vin cây thông mà thổi (phía nam Lô Sơn) khi ấy gió hòa xa đến, chim muông kêu buồn, siêu nhiên có thắng khí, trở về đem hỏi Tuệ Viễn: Luật cấm đàn sáo ca múa, vậy một ngâm một thổi có được làm chăng? Tuệ Viễn đáp: Vì loạn ý ngôn nêu đều trái pháp. Tăng Triệt nghe vậy bèn thôi, có Cô-ni Đạo Nghi, thấy ở Cao-ni truyện (Ni truyện bốn quyển) bàn nghị là cho rằng học trò của Phật-đồ-trừng có Dự Chương Kỹ Tử (tức là An Công), học trò của Đạo An có Côn Lam Tông Bích (Tông Bích mỹ vương ra ở Côn Sơn, Lam Điền là Viễn Công) học trò của La-thập có Hồ Liên Phủ quỹ (tức Đạo sinh Tăng Triệu v.v..., Ân Hồ, Hạ Liên, Chu Phủ Quỹ) học trò của Tuệ Viễn có Tê Tượng Xỉ Cách (tức Đạo Tổ,v.v... là ngà voi, da tê), học trò của Tuệ Quang có Khổng Thúy Vũ Mao (Tuệ Quang là Thùy Dương, người ở Định Châu, nương Phật-đà mà xuất gia, tuấn dị lãng ngộ tập học các kinh bèn vì người nói, sư vì xuất gia càng thêm dĩnh tuấn, người đời bấy giờ gọi là thánh Sa-di, rất công kích Luật bộ, tạo sớ chú kinh rất nhiều, học trò theo học đông như rừng, nhập thất có chín vị, trong đó

Đạo Huy là đứng đầu, nho sinh phùng duyên) học trò của Huyền Tráng như trầm Đàn Lan tuệ (Khuy Cơ, tự là Hồng Đạo, soạn trăm bản sớ) cách thánh càng xa, đạo đức cùng thấp, nghệ hành mỹ (đẹp)) (ở đời Tấn Tống, phần nhiều tu thiền Quán, người đắc đạo nhiều, thời Tùy Đường đã xuống, người tuệ học nhiều, nghệ giải mỹ. Đắc Đạo ít), chẳng phải cá của suối sắp cạn, mất chỗ sông hồ tại nhiều sủi bọt đó ư? (ruồng bỏ giáo mà nương miên man, tùy Tuệ giải dùng bạc bẽo). Người Tống người Ngụy, Nam bắc hai đô (Tống dòng họ Lưu đóng đô ở Giang Nam. Ngụy dòng họ Nguyên đóng đô ở Lạc Ấp) Tống phong còn Hoa, Ngụy phong còn thuần. Thuần thì ít mà y cứ đạo, hoa thì nhiều mà dạo ở nghệ (Cao Tăng thời Tấn Tống nghệ giải tỏa sáng một thời, mở mang giáo pháp, nên gọi là Hoa. Cao tăng thời Nguyên Ngụy, dùng thiền quán hạnh nghiệp y cứ đạo nên gọi là thuần, nhưng tại người mà chẳng tại gì khác) làm sao biết quán ư? Bắc thì cành lá sinh ở đức giáo, Nam thì cành lá sinh ở loạn hành. Xưa kia Tạng Thị tể Tất Điêu thị, dùng Đại Thái Phồn phân biệt biết sự hơn kém của Tạng Thị (Tạng Thị là Lỗ Đại Phu, Tất Điêu khai là Lỗ Hiền Nhân, tể là Gia tể, đời Tạng Thị chưa nhóm rùa của Đại Thái, văn trọng Hiền ba năm một mười, Võ Trọng hai năm một bói, trở xuống một năm một bói. Giản là ít, phồn là nhiều, biết ưu thắng yếu kém) nay thì riêng chẳng như đối với bằng ở tượng (Hề là sao, Tạng Thị dùng tượng của Thái Quy mà biết hơn kém, sao chẳng dùng thuần hoa mà biết sư huấn) nhà của văn chương, Khuất Tống Dương mã thay nhau noi theo (Khuất Bình, Tống Ngọc, Dương Tử Vân, Mã Trường Hương đều là những bậc sĩ biên soạn văn chương) tuy muốn nhanh chóng mà khó đều chân, nên đạo đức ngôn hành xưa nay khác đời, quyết như Pha-đà (dáng vẻ chẳng đều) xâm vi vậy (dáng thứ lớp), đẽo đá lạ thành vật dụng đẹp là khả năng của thợ giỏi. Dựng gỗ quý làm nhà rộng là do Triết tượng (thợ khéo). Dùng thạnh đức trao truyền chuyên môn là dạy răn của nhân sư. Nên chim có thể chọn cây, cá có thể chọn suối. Bề tôi có thể chọn vua, đệ tử có thể chọn thầy, phàm năng làm tôi, mà cầu năng làm vua, chẳng năng làm con mà cầu năng làm cha, chẳng năng làm đệ tử mà cầu năng làm thầy, đó là khó vậy (đo mình lường việc có thể) nên làm người ở tha thứ mình. Nhưng cha con thiên thuộc. Đó có chẳng tượng (đạo cha con là thiên tánh, như Võ... chẳng tượng) vua tôi quốc thể, nên có tượng chẳng tượng, Nguyên khải của bạc bẽo làm tượng, bốn hủy làm chẳng tượng) thầy trò nghĩa hội, đâu được có chẳng tượng ấy ư? Như Thuấn Sinh Quân (Thánh Sinh Võ Vương cũng thánh là tượng của cha con) Đình Kiên làm tôi nhà ngu, Phi

Liêm làm tôi nhà Trụ, Hoan Đâu là nhà tôi nhà Nghiêu, Long Phùng làm tôi nhà Kiệt, vua tôi tượng chẳng tượng (Đình Kiên là Cao Đào cùng Ngu Thuấn làm tượng, Phi Liêm cùng Trụ làm tượng. Hoan Đâu cùng Nghiêu, Long Phùng cùng Kiệt là vua tôi chẳng tượng,) học trò của Trọng Ni, nhan mẫn chuộng nhân nghĩa. Học trò của Quỷ Cốc, Tô Trương chuộng ở dối trá là khắc tượng. (Tô Tần, Trương Nghi đều bắt chước Quỷ Cốc Tử, học thuật của Tung Hoành giáp hạp) nên học trò của Trọng Ni, đồng tử tam xích còn hổ thẹn nói Bá, xưa kia Thích Công đạo hành đến Quan Hữu, Lô Sơn hóa khắp ở Giang Tả, Pháp Thải lương trực ở đời Tấn (Pháp Thải và Đạo An đồng hàng, Đạo An đến Tương Dương. Hoàn Ôn đón rước, thân cao tám thước, phong thứ khả quan, cùng Pháp sư Đạo Hằng luận nghị mà phá đó, xây chùa Ngõa Quan, Vương Tuân, Tạ An thường lễ kính) Đạo Sinh quả đoán ở thời Tống (nghĩa là quyết định nói tất cả chúng sinh đều được thành Phật ở đời Tống). Phàm tượng nào mà trải xem qua trước, ai năng chẳng do nhà của đạo đức mà đến danh lớn ư? (Dương Hùng nói: Thầy là mô phạm của người chẳng mô (khuôn) chẳng phạm (phép) thì chẳng thể tôn làm thầy) Lễ nói: Khéo ca khiến người kế tiếp tiếng đó, khéo dạy là khiến người kế tiếp chỉ đó, nên chẳng thể kế tiếp bậc thánh dòng họ Thích mà có thể kế tiếp quân tử của dòng họ Thích, sao chẳng do đạo của thầy ư? Phàm từ Phật-đồ-trừng đến Đạo An, từ Đạo An đến Tuệ Viễn, từ Tuệ Viễn đến Đàm Thuận, Từ Đàm Thuận đến Tăng Tuệ, suốt năm đời, giá trọng Đế Vương, gió động bốn phương, sự nêu sử sách (thư nói: Bốn phương gió động chỉ đây mới dừng) đó hoặc lập đức (nghĩa là Hành giả của thiền quán) lập công (tức phiên dịch lưu truyền) lập ngôn (giảng nói soạn thuật) làm người của thiên hạ, Tăng Hội Chi Độn làm người của thiên hạ mà một Hội một Độn, sau đó miệt văn, nhưng có chí ở nhiều đời là, hoặc màu xanh có ra từ mẫu Lam, hoặc băng có ra từ nước, chỉ là hiền của một phương, chưa quả quyết làm hiền của thiện hạ. Nên làm đệ tử là do ngại thầy chẳng được như Đạo An, Tuệ Viễn. Làm thầy cũng lo ngại đệ tử chẳng đến như Đạo An Tuệ Viễn, phàm chuông trống ở trong cung, tiếng vang ra ngoài, Huyền Tượng ở trên trời mà ánh sáng xuống dưới, cầm sắt tại ngự, tri âm khó muộn, băng tuyết mang chở để vết sao ẩn (trên đây dụ cho việc tốt ẩn ở trong, Quang Hoa bày ở ngoài, hẳn có vết tích). Như kia đức hạnh cầm nắm, nói nín tin thời (đã chứa đức hạnh chẳng nói, mà người tự tin, như đào lý tự có hàng lối) Tuy bờ cao đã thành hốc, Thông Bách đã khô mà Hoa huy chẳng xấu, Dương Dương thay! Đầy vậy thay! (Dương Dương là khen đẹp) năm của Tào

Mã (thời Ngụy Tấn) kinh luận quyền dư, nguồn nguồn dòng lẫn lộn (giáo pháp mới đầu truyền đến như nước đục lẫn lộn chảy tràn chưa rộng) người tuyên xướng chỉ bao gồm đại nghĩa, thưởng vị Huyền Chỉ, đến chỗ mổ xẻ danh tướng, không có du cứ (võng là không du là chỗ, giáo văn thiếu nhiều) há chẳng phải chỗ làm thanh giáo chưa hoàn bị hay sao? An Công lúc đầu thấy dịch các Tiểu luận, hớn hở vui mừng, cho rằng may thấy hoàn toàn ba tạng, mà chưa biết chỉ là thương minh quyến quái (quyến quái là bờ ruộng, câu từ là dụ cho chỗ thấy đó. Thương minh là du cho chỗ chưa thấy) tuy bậc thượng sĩ mượn giải thích để ngộ chỉ, mà bên trong thì thật chưa nhiều. Thời Bắc Lương, Phù-đà-bạt-ma dịch A-tỳ-Đàm Tỳ-bà-sa (Hán dịch là Giác Khải, người Tây quốc, Mậu xứ con của Mông Tốn thỉnh dịch tại Cô Tang một trăm quyển) học giả trút sáng tràn lan đó như không bờ ven. Thời hậu Tần Phật-đà-da-xá rất giỏi Đại Tỳ-bà-sa, thời bấy giờ gọi là Xích Tư, (Hán dịch là Giác minh, người nước Kế-tân chủng tộc Bà-la-môn. Năm mười ba tuổi theo thầy mỗi ngày tụng ba mươi ngàn từ, tụng kinh Đại Tiểu thừa mấy trăm vạn, tánh tình đơn giản v.v... chẳng phải chỗ chư tăng gặp, La-thập đến Sa-lặc rất tỏ vẻ trọng hậu, từ Quy-tư đến Trường An, dịch kinh Thập Trụ, Đại Tỳ-bà-sa, v.v... Diêu sảng nghi chỗ tụng đó, khiến tụng ở Khương tịch dược phương có năm mươi ngàn từ, hai ngày tụng, sau đó đáp lại chẳng nhầm một chữ) Tỳ-ma-la-xoa giỏi về Thập tụng, bấy giờ gọi là Thanh Nhãn (Hán dịch là Vô Cấu Nhãn, người nước Kế-tân, khổ tiết luật tạng, cùng gặp La-thập, La-thập kinh lễ tôn là thầy, dịch luật Thập Tụng thành sáu mươi quyển, thị tịch tại chùa Thạch Giản ở Thọ Xuân. Bấy giờ, gọi là Thanh Nhãn Luật sư) thời Đàm Thỉ Túc Ngụy, ở thời đó gọi là Bạch Túc A-luyện-nhã (Đàm Thỉ đi chân chẳng giẫm đất, Luyện-nhã tức là Tăng, vô tránh là nghĩa tịch tĩnh) Da-xá lúc ở Sa-lặc làm thầy La-thập, sau đến Cô Tàng. Nghe La-thập bị Tần làm ô giới bảo rằng: La-thập như tấm lụa đẹp, làm sao có thể để cho vào trong rừng gai nhọn ư? (Diêu Hưng có bảo La-thập rằng: Đại sư thông minh siêu ngộ, trong thiên hạ chẳng có người thứ hai, một mai qua đời sau, làm sao có thể để cho pháp chủng không được nối dõi? Bèn dùng mười người kỹ nữ ép bức khiến cho nhận chịu. Từ đó trở đi chẳng ở tăng phòng, sống riêng nơi mái chùa, mỗi lúc đến giảng nói, trước thường thí dụ như trong bùn dơ mọc hoa sen, chỉ nên hái sen chớ lấy bùn dơ) La-thập nói với Tần chủ rằng: Hề muốn giảng nói giải thích giáo pháp vô thượng nên khiến văn nghĩa lý thú viên thông. Bần đạo tuy là diệt tụng văn đó mà chưa hiểu rành lý đó, chỉ có Da-xá là người đạt sâu

kinh giáo, hiện ở tại Cô Tang, xin ban chiếu thỉnh, nói một rõ ba, sau đó ghi chép khiến lời huyền chẳng rơi lạc, lấy làm tin tưởng ngàn năm. Diêu Hưng bèn thỉnh Da-xá, Da-xá cười bảo: Minh chỉ đã ban, liền nên ghi chép, Đàn Việt đãi sĩ đã hậu, thoát như La-thập hiện xứ thì chưa dám vâng mạng, Diêu Hưng ngợi khen sự cẩn trọng đó, lại ban sắc chiếu giáo dụ, cho đến buồn thay Tấn giết Đậu Độc. Trọng Ni chẳng qua sông (Khổng Tử từ nước Vệ sắp đến Tấn, tới sông, nghe Triệu Giản Tử giết Đậu Minh Độc và Thuấn Hoa, bèn đến bên sông mà than rằng: Đẹp thay nước mênh mông thay! Phàm Khâu ta chẳng qua mạng này. Tử Cống hỏi tại sao, đáp là Đậu Độc Thuấn Hoa, giản từ chưa đắc chí phải đến hiền đại phu của Tấn Triệu. Nay giản tử giết chết, mổ thai, đốt rừng thì kỳ lân chẳng đến, úp tổ phá trứng thì phụng hoàng chẳng liệng v.v... bèn xoay xe trở lại chẳng qua) Tần độc hại La-thập, Da-xá khước từ mà chẳng vào nước. Há chẳng phải hại một hiền mà các hiền chẳng ký (ký là đến) vui đùa một đức mà các đức sắp lìa ư? Đầu niên hiệu Hoằng thỉ đời Ngụy Đồng Thọ dịch Tam Luận (Trung Bách, Trung Quán, Thập Nhị Môn) người mến chuộng Không môn tìm đến tấp nập, sau dịch Thành Thật, người giỏi về Pháp tướng lại nhóm họp đông nhiều. Thời đó lấy làm cứu sướng danh số, chẳng gì hơn luận này. Mới đầu La-thập bảo Tăng Duệ giảng, Duệ nói rằng: Trong tranh luận này có bảy xứ phá tông A-tỳ-đàm mà tại ngôn nhỏ ẩn, nếu chẳng hỏi mà hiểu thì đáng gọi là anh tài, Tăng Duệ mở bày sâu mầu quả thật chẳng hỏi La-thập. La-thập khen rằng: Tôi truyền dịch kinh luận được gặp ông, không hề tiếc gì (Tăng Duệ người xứ Trường Lạc, Ngụy Quận nương pháp sư Tăng Hiền làm độc tử khiêm hư không mẫn, giúp La-thập dịch kinh, khó nhiếp oai nghi, hoằng tán kinh pháp, thường hồi hướng hạnh nghiệp ấy nguyện sinh về An Dưỡng, ngồi chẳng xoay về lưng phía Tây, lúc sắp chết tắm gội đốt hương xoay về hướng Tây chắp tay an nhiên mà tịch) hoặc gọi là học trò của La-thập có bốn vị thánh là Đạo sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ là thượng thủ, tinh nan thì Tuệ Quán, Tăng Triệu bậc nhất, hoặc gọi là mười triết thì thêm Đạo Hằng, Đạo tiêu (Đạo sinh, Tăng Triệu, Đạo dung, Tăng Duệ, Đàm ảnh, Tuệ nghiễm, Tuệ quán, bản truyện không ghi danh, Bằng là có Đạo bằng ở Nam Tề, chẳng phải học trò của La-thập, có Tăng khế rất tuấn tú, sợ là nhầm chữ) mà Đạo Hằng, Đạo Tiêu xếp vào tám vị, còn phụ giúp tài của Lượng (Đạo Hằng, người ở Kinh Triệu, chín tuổi xuất gia, ẩn sĩ Trương Trung khen rằng: Đứa trẻ này có tướng vượt hơn người, ở tục thì có công lao phụ chính, xuất gia thì có đức của sáng hiển, tôn thờ

mẹ kế rất hiếu thuận, rộng thông minh thư, giúp La-thập dịch kinh, Đạo Tiêu cũng nhã có tài lực, đều có công trợ giúp) có thể ở Vương Tá, Diêu Hưng chuyên việc kinh luận, dùng địa vị của Nham Lang vàng tía cưỡng ép hai hiền, tuy bức Bá oai mà rốt cuộc chẳng làm bề tôi. Người chuyên việc hiên vinh lấy chiếu cỏ ăn trữ làm bay chạy (Dụ như chim thú chẳng thể cùng đàn) người mến vị hư huyền lấy áo ăn thóc làm gông cùm (như hy sinh của vào triều) mà Y Duẫn Lã Vọng cầu làm bề tôi (Y Duẫn tướng nhà Thang, Lã Vọng là Thái Công, bề tôi của Võ Vương) Biện tùy chuyên việc tỏ sáng đều là nhường chủ (Nghiêu Thiền vị mà chẳng nhận) há chẳng mỗi mỗi trái phản tốt xấu, khác vinh khổ! Như Đạo Hằng, Đạo Tiêu mà còn lấy hình hài nghịch lữ, đâu đoái hoài danh khí. Vì vậy tiếp gặp của gió mây, cắt ái của quân thân, nỗi trôi ngũ hồ mà chẳng làm khó (Phạm Lãi từ Việt Vương Câu Tiễn cưỡi thuyền con mà trôi nổi Ngũ Hồ, vua dùng vàng đúc vời gọi mà chẳng trở lại) Nhảy qua biển xanh mà chẳng là xa (Lỗ Liêm nói là: Thà chìm dưới biển xanh mà chết, chẳng tôn thờ chủ vô đạo) kia cứ khư khư, Tần chỗ nào mà đạt đến ư? Khiến thời Đường, Ngu Nguyên Khải tương xỉ (Bát Nguyên Bát Khải là tôi hiền của Nghiêu, Tương Xỷ là bằng tuổi) mới đầu của Ân Chu cùng Y Duẫn bằng chân. Còn lo mất đó, huống chi thời nay tước lộc làm sao gọi là trọng ư? (thời bấy giờ gọi là Thiên Bá Ngụy Tần). Xưa kia, Chi Lâm Tuệ Viễn là tiếng tăm trọng vọng, thường mắc nạn này (bị ép của vua tôi) mà khua bỏ như bụi nhẹ, phải dứt như Hủ Triền (Hủ Triền là tơ mục) chẳng lấy làm khó. Nên Sào Do có thể làm tôi hoàng, chẳng phải sức vua có thể khởi được. Di Thúc có thể làm tôi đế, chẳng phải chỗ năng lực của vương dấy được. Ỷ lý có thể làm tôi của vương chẳng phải chỗ lực của Bá Năng dấy động được (Tĩnh Dân thì pháp gọi là hoang, nghĩa là chủ của Viêm Hạo, Đức tượng trời đất gọi là Đế, đó là Nghiêu Đế, chỗ nhân nghĩa đến được gọi là Vương, như Ân Chu nhà Hạ. Tần Hán đều gọi là Bá. Phàm ở ngoài tục mà là trong tục, chỗ khởi cũng chẳng khó. Tống Văn Đế có thuật nghĩa đốn ngộ của Sinh Công, chư tăng cật nạn, đế cầm phất Trần gõ vào ghế bảo: Nếu khiến người chết có thể dậy, đâu là chỗ các ông khuất phục (Trúc Đạo Sinh, người xứ Cự Lộc, từ thuở bé đã thông minh, thấu suốt như thần, toản ngưỡng các kinh, châm chước tạp luận, ở chùa Thanh Viên, mới đầu thấy kinh Nê-hoàn là nói về nghĩa đốn ngộ thành Phật, lộng nan thuyết cũ, bấy giờ cho là tà thuyết bị đuổi chuyển đến Lô Sơn, về sau phần kinh đến, quả nhiên nói Xiển-đề đều có Phật tánh, mới lên tòa luận nghĩa mấy phen, Trần Vĩ rối ren mà rơi rớt, ẩn án mới tịch, nói nhẫn chết đợi kinh,

nên Tống Văn lại nêu lên) trước thuật lý thức luận của Nham Điên, Đế nhờ Tuệ Nghiêm giải thích đồng khác, qua lại suốt ngày. Đế cười bảo: Các ông, v.v... ngày nay không thẹn bàn nói của Chi Hứa. Chi Độn tài chương mậu dật, được phong của Tăng Hội, Tăng Triệu bút vót xa lạ, lại được phong của Chi Lâm, môn đồ của Đạo An, Tuệ Viễn, Đạo Sinh, Tăng Tuệ đều chuyên tốt đẹp, từ đó về sau, chư Tăng ít có ai tiếp nối âm huy. Đến sau thời Tề Lương, ở đời còn dính dáng quanh co, từ thuyết thể yếu, đến nỗi khiến cầu nhã ngôn lập ý đó từng chẳng kịp châm luận ở thời Hán Ngụy (như tục Ngu Châm của Dương Tử Vân) mà so với kinh Tịch của bậc thánh ư? Nên Huyền Tượng, Nhạc Độc chẳng lấy gian hoa làm văn chương của trời đất, lấy công năng giềng mối chở che làm văn chương (Huyền Tượng là kinh thiên, Nhạc Vạn là đề địa). Nhân văn sao chẳng vậy ư? Từng đọc Bàng Minh của Ân nói: Giả sử ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới. Lời Viếng Khổng Khâu rằng: Hạo Thiên chẳng thà để lại lão già, chẳng cùng vị con. Than ôi! Buồn thay! (Khổng Khâu chết, Lỗ Ai Công đến Viếng đó nói: Hạo Thiên chẳng điếu chẳng thà để lại một lão khiến che chở tôi một người, để tại vị côi cút tôi tại đau lòng, than ôi, buồn thay! Ni phụ không tự văn luật, tại Tả Truyện ba mươi, cùng nay khác chút ít) Văn này là trời sắp lấp lâu, chẳng có thạnh đức đại nghiệp. Như vậy, ai có khả năng dấy khởi đó (Trọng Ni vì trời rộng lắm tài nên ai viếng đó) Tăng Triệu trước thuật luận Bát-nhã vô tri (Tăng Triệu người xứ Kinh Triệu, nhà nghèo nên làm nghề viết mướn, nhân được trải qua xem đọc kinh sử, giỏi về Trang lão, sau gặp được kinh Duy-ma bản cổ ,v.v... mới biết chỗ về, La-thập đến thì theo Ngài phiên dịch, soạn thuật bốn bộ luận như: Bất Thiên, v.v... thị tịch vào niên hiệu nghĩa hy thứ mười tại Trường An, thọ ba mươi mốt tuổi) Lưu Di Dân thấy vậy than rằng: Chẳng hay phương bào lại có bình thúc. Đạo Dung giảng kinh Pháp Hoa, bản tân dịch, mở thành chín vết, hiệu là Cửu Triệt Pháp Sư. La-thập bảo: Sự hưng thịnh của Phật pháp là do Đạo Dung. (Đạo Dung người ở Lâm Lự, quận cấp. Được thầy mến thương sự thông minh đó, trước bảo theo học ngoài, khiến vào trong rừng, mượn luận Ngữ đọc xem mà chẳng hề mang về, khi kia đã tụng, thầy cầm bản khảo lại chẳng sót một chữ. Đến tuổi ba mươi, tài giải suốt rành, nghe La-thập đến bèn sang học hỏi. La-thập thấy vậy lấy làm lạ, về sau tịch tại Bành Thành, thọ bảy mươi bốn tuổi) La-thập dịch Trung luận mới hai quyển. Đạo Dung lại mổ xẻ, dự suốt đầu cuối. Bấy giờ, tại nước Sư Tử có vị Ba-la-môn, cưỡi lạc đà chở sách đến, xin thử sách hơn kém, nếu hơn thì thực hành, người Tần trông thấy

mắt miệng đó bèn lánh, sắp đổi quán ta (có tâm xoay kính đó) La-thập bảo Đạo Dung: Ngoại đạo này thông minh khác người, đấu lời sẽ thắng, há có thể khiến Đại Đạo vô thượng tại chúng ta mà bị kia khuất nhục, như sự thấy biết của tôi, thì chỉ có mình ông. Đạo Dung tự xem xét tài lực có thể tế (Tế là thành) chỉ lo sách vở ngoại đạo chưa mở đọc hết, mới kính ghi chép danh mục, xem qua một lượt mà đã tụng, thuộc định ngày chỉnh sửa, đối chất tại sân vua, ngoại đạo kia tự cậy biết rộng, thêm ý công kích Đạo Dung, Đạo Dung nêu ra chỗ biết mà tránh chỗ chưa biết, kia vội ôm lấy tụng nhiều, mà Đạo Dung nêu lên chỗ tụng và các sách ở chư hạ, biên danh mục rất rộng, chỗ đó tụng Phạm Chí kiểng mà tứ (tứ là buông lung, kiểng là xin tình buông thả) La-thập tế từ mà giễu cợt, kia vội vượt mà mất (tế là thêm, nói trốn) xưa kia, phù sư đánh Tấn, đại sự sắp đi, Tạ An biết Huyền mà nêu đó, bèn đạt huân tập lớn, thiên hạ phục soi xét xa đó, mà La-thập biết Đạo Dung, sao chẳng đồng như Tạ An ư? Nên chất vấn hưng phế đó đồng ở một việc (chất là hình đối, vì La-thập cử Đạo Dung có thể đối Tạ An cử Huyền) Đạo Dung tánh chẳng lờn tuyên, thường lên lầu mở vui, Tăng Duệ mới đầu làm đệ tử Tăng Hiền, Tăng Hiền có bạn là Tăng Lãng giảng kinh Phóng Quang, gặp Tăng Duệ dèm pha cật nạn, Tăng Lãng nói với Tăng Hiền: Vừa rồi Tăng Duy cách nạn, tôi suy nghĩ rất nhiều mà chẳng thể thông, có thể gọi là đệ tử Hiền Hiền. Tăng Duệ người quận Ngụy, Tần chủ hỏi Diêu Tung rằng: Duệ Công thế nào? Đáp: Thông Bách ở đất nghiệp đất vệ, Diêu Hưng mời đến gặp rất vui ban thưởng, lại cấp xe cộ, sau bảo với Diêu Tung rằng: Đây là tiêu lãnh của bốn biển, đâu chỉ có sao riêng thông bách của đất nghiệp đất vệ ư. Tăng Duệ bình sinh vốn chẳng xoay lưng về hướng Tây (do nguyên sinh về phương Tây). Đàm ảnh mới đầu theo La-thập nói với Diêu chủ rằng: Hôn qua thấy Cảnh Công, cũng là Tăng Phong lưu tiêu vọng ở nước này. Đời Tống có Tăng Đạo (người ở Kinh Triệu, mười tuổi xuất gia, về sau soạn Thành Thật Luận Sớ, xây chùa Quang Sơn ở Thọ Xuân. Hiếu Võ ban chiếu mới đến kinh đô. Xe loan giáng tất. Tăng đạo vì mới đầu của Hiếu Kiến Tam Cương lại bắt đầu buồn chẳng thể chịu nổi (niên hiệu Nguyên gia thứ ba mươi, Thái Tử Thiệu giết Văn Đế mà tự lập, mới ba tháng bị Võ Lăng Vương Tuấn cùng các vua giết chết, liền lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Võ, hiệu là Hiếu Võ Hoàng Đế), Đế cũng ngậm ngùi, ban sắc khai giảng, Đế và Công Khanh nhóm hội, Tăng Đạo nói: Xưa kia thác sinh ở cung vua, song lâm thị tịch, từ đó đến nay năm tháng lâu dài, nguồn thuần dứt hẳn, Phong bạc chẳng đuổi, cấp vường, đồi gò, vườn nai hoang uế, chín

mươi lăm loại (loại ngoại đạo, có chỗ nói là chín mươi sáu) lấy hướng xuống làm lên cao, các loài trong ba cõi lấy nhà lửa làm cõi tịnh (kinh Pháp Hoa chép: Ba cõi chẳng an, giống như nhà lửa) đâu biết bậc thượng thánh đổ lệ, đại sĩ xót thương, nhân thì nước mắt mũi, bốn chúng vì đó mà đổi sắc mặt (ngài Tăng đạo thị tịch tại chùa Thạch Giản, Thọ Xuân, thọ chín mươi sáu tuổi). Bây giờ, tại chùa Thạch Giản, có vị tăng cũng là bậc Danh tượng ở đời, có người hỏi so với Tăng Đạo thì ai hơn, vị Tăng đáp: Tôi cùng Tăng Đạo đồng học với ngài La-thập, phương khổng môn tắc, Tăng Đạo vào thất, tôi lên giảng đường, Đạo Du Thuật nghĩa đốn ngộ, Hiếu Võ nói: Sinh Công tình đơn dứt chiếu, Du Công dây thẳng riêng cao, có thể là khắc sáng sư tượng, không thẹn vi chỉ (Đạo Du người đất Ngô, đệ tử của Sinh Công, Sư nói sau khi thấy kinh Thắng-nam, mở sách than rằng: Tiên sư nghĩa trước cùng kinh này thần hợp, nhân chú giải đó năm quyển, về sau Hiếu Võ ban chiếu giảng nghĩa đốn ngộ, những người tranh biện nghe tấu đua nhau nổi dậy, Đạo Du đều phá, Đế bèn vỗ ghế ngợi khen). Đời Tấn có anh em Tuệ Viễn, Tuệ Trì, đời Tống có pháp Ái, pháp Viện, viễn trì, pháp Ái làm quốc sư nhuế, được bổng lộc ba ngàn hộ. pháp viện thì vua Văn Đế khiến thuật nghĩa đốn ngộ của Sinh Công. Hà Thượng Chi nghe bèn thán rằng: Thường cho rằng sau khi Sinh Công thị tịch vi ngôn dứt hẳn, ngày nay lại nghe lời bàn của tượng ngoại, có thể gọi là trời đây chưa mất văn này! Tăng Viễn ẩn trên chùa Định Lâm. Thượng Tề Thái Tổ đi kiệu loạn đến, cửa Tăng Viễn hẹp, kiệu chẳng vào được, Bởi Thái Tổ muốn ra mắt Tăng Viễn, Tăng Viễn viện cớ già chân chẳng bước xuống giường, Thái Tổ sai người thăm hỏi, đang nằm ngồi dậy mà đi. Văn tuệ Thái Tử Cánh Lăng Vương (Tiêu Tử Lương) tôn làm sư phạm, Hà mặc chu ngung, Ngô bào Trương dung bẩm giới thọ đạo. Xưa kia, Sa-môn xưng bần đạo với Đế vương, Pháp Hiến, Huyền Sướng thời Nam Tề đều làm Tăng Chánh, Võ Đế cùng bàn nói, đều gọi là chẳng ngồi (bất tọa) sau Tăng Chung xưng là bần đạo Đế chê trách rồi hỏi Vương Kiệm rằng: Sa-môn tiền bối đối với Đế Vương xưng thế nào, tại chánh điện có ngồi đực chăng? Vương Kiệm đáp: Vào thời Hán Ngụy, Phật pháp chưa hưng thạnh, chẳng có ký truyện, từ thời Ngụy quốc xưng là bần đạo cũng dự ngồi, mãi đến đầu đời Tấn cũng vậy. Trong đời có Sưu Băng, Hoàn Huyền, v.v... đều muốn Sa-môn phải kính trọng, bàn luận giữa triều lăng xăng, mọi sự đều dứt nghĩ. Trong triều nhà Tống cũng phải rất kính lễ, nhưng sau đó thấy chẳng thi hành, từ đó mãi đến nay phần nhiều dự ngồi xưng là bần đạo, Đế bảo: Hai vị pháp Hiến, Huyền Sướng đạo

nghiệp như thế, còn tự xưng danh, huống chi các vị khác lễ bái rất đáng, xưng danh cũng không ngại, từ đó về sau xưng danh là bất đầu từ Pháp hiến, Huyền Sướng, ở đời Lương có Bảo Lương tánh rất thẳng thắn mỗi lúc đối diện Võ Đế, xưng là bần đạo thượng, tuy có lúc vậy mà rút lui thần chí đó, Bảo Lượng người ở Thanh Châu, mới đầu đến kinh đô, Viên Xán lấy làm lạ hỏi: Châu sinh hợp phủ, người Ngụy lấy làm chiếu thừa. Bích ở Hàm Đan, người đời Tần xin là Hoa quốc. Báu của thiên hạ phải cho thiên hạ cùng chung, chẳng phải là chỗ của thượng nhân Quý Châu nên chuyên, Tăng Mân bảy tuổi xuất gia ở Hổ Châu, hoặc có người hỏi: Sa-di họ gì, nhà ở xứ nào? Đáp rằng: Bần đạo họ Thích, nhà ở núi này, Trương Dung Tạ Thiếu thuở trẻ rất thân hậu, Lục Thùy thường cùng khách đến chỗ Tăng Mân, Tăng Mân viện cớ bệnh chẳng tiếp, Lục Tùy mừng rỡ bảo: Pháp sư chẳng dạo ở đời, đây thật là chỗ mong muốn của đệ tử! Tiêu Ngang ra trấn thủ Ngô Hưng (Quận Ngô Hưng là nhà Hán đặt, xưa là nước của họ Phong Phong, đến đời Tùy bỏ quận, đổi thành Hồ Châu, tức huyện Ô Trình) sắp đến bái yết Tăng Mân, Tăng Mân bảo: Tôi là người bệnh ở núi Chầm, không việc được hai ngàn thạch quý. Xưa kia Đối Ngung ở tại Bắc Lãnh, Tông Giang Hạ vương vào núi, Đối Ngung nằm cao nơi cửa sổ chú giải xuống chẳng gặp nhau. Nói tôi tuy đức mỏng xin phụ việc của Đới Công, khi Tiêu Ngung đến thì theo cửa sau mà trốn. Phàm người ruồng bỏ đời, lợi lộc liên can đó chẳng bằng, người muốn chuộng liên can lợi lộc đó chẳng bằng, Đã được lợi lộc quen lờn làm chí, đối với bậc Hiền tay mới giáng lễ, nếu vui mừng gặp đó mà không thường tâm đó, cuối cùng năng dùng quyền thế mà sai sử (đã có lợi lộc bằng đó thì thân quen mà lờn mạn, tuy có Hiền giả mà năng xuống lễ cùng tiếp, nhưng đạo của thấy gặp, tâm đó chẳng thường, thì cậy thế lực đó mà cứ ngạo cho đến rốt cùng, thì nay nhà sang quý đều như vậy) nhưng năng bệnh rốt cùng đó sai sử mà điềm lành đầu tiên đó gặp thì cao, thấy đó rành rẽ thì chẳng để lại mình đau xót (trông đầu mà biết cuối, thì khỏi đó tự để lại đau xót kia) Trí Tạng hầu thầy, do hiếu kính mà nổi tiếng, thầy bệnh bỏ ăn, Trí Tạng cũng bỏ ăn, đến lúc thầy uống, Trí Tạng mới uống, chỉ tánh thương ở Hứa Trực (bới móc nêu lời riêng của người) mà dùng hành vi vẻ vang làm can lỗ nên chẳng đến nơi nguy ách, thường xả bỏ của cải mà đại sám, Tạ Cơ Khanh chỉ cành trúc móc áo, cười đó bảo: Còn lưu lại vật này là còn có ý ư? Trí Tạng bảo: Thân còn chưa diệt ý làm sao có thể hết, học trò của Đạo An là Pháp Ngộ, dẫn dắt bốn trăm đồ chúng, bấy giờ có một vị tăng uống rượu bỏ đốt hương ban đêm, Pháp Ngộ phạt mà

chẳng đuổi, Đạo An nghe vậy lấy ống buộc gậy gửi đến Pháp Ngộ, Pháp Ngộ nói: Đây là do người uống rượu, con dạy răn chẳng chuyên cần, xa để lại lo cho, mới nhóm họp đại chúng, bảo Duy-na đánh gậy đến ba, nhân do đó khóc lóc tự xấu hổ, thời nhà Ngụy, học trò của Đạo Biện có sư quên tên, cậy của cải mà ngạo đời, Đạo Biện đánh mà đuổi đến Hoàng Long, vị đó không có ý hận, sớm tối hướng về Đạo Biện từ xa kính lễ. Đời Đường môn nhân của Trí Chánh là Trí Kiến, chỗ thầy biên soạn thì đứng hầu mà ghi chép nhiều năm, lúc đầu thầy chẳng bảo ngồi, vì đứng lâu nên bị té. Trí Chánh trách đó là: Cất chân bảy ngày chẳng phải nhọc, nay tâm ông khinh sao chẳng như vậy (Đức Thích-ca ở trong nhân địa bảy ngày giơ một chân, khen ngợi Đức Như lai Để-sa). Học trò của Bắc Viễn là Trí Vi mỗi lúc giảng nói phân tích pháp sâu mầu đều nói: Ý Đại pháp sư như thế, nhân thì tiếng lệ đều phát (Tuệ Viễn ở Lô Sơn họ Giả, người ở Nhạn Môn, gọi là Nam Viễn; Tuệ Viễn trụ chùa Hiệp Thạnh ở Đàm Châu, họ Lý, người xứ Đôn Hoàng, soạn Niết-bàn kinh sớ, gọi là Bắc Viễn) kính lễ nói: Phàm học Đạo, thầy nghiêm là khó, thầy nghiêm thì về sau đạo tôn quý, đạo tôn quý thì về sau dân biết kính học. Nhưng nhà lành con ở nhà nhà có răn dạy từ thầy, thầy có dạy bảo gì nên ghi nhớ, dốc hết chỗ kính mà hành kính, dốc hết chỗ tin mà hành tin, do đó Đấng Đại thánh đều bảo tộc họ con mà gắng gỏi (dáng mạo thấp hèn luật cấm xuất gia) chẳng phải dây chốt hủ cửa là làm được (nhà nghèo dùng dây buộc then chốt, lấy vò hủ là cửa sổ) buồn nay đệ tử ít có không nghe nói ở sư phạm là, kia dùng lễ sơ (xa) mà đến, ở đây lấy ân mỏng mà sang (đệ tử đã ở chỗ thầy xa, thầy sợ bèn trông lại đó ân mỏng nên chẳng ở mà đi), nhưng dẫn trâu đi tắt nơi ruộng mà đoạt trâu (vào thời Xuân Thu có dẫn trâu đi tắt nơi ruộng là tội, còn đoạt trâu thì tội rất nặng. Nay dụ cho ân mỏng của thầy đã chẳng phải mà bèn bỏ đó chẳng tôn thờ, như đoạt trâu tội tất nặng,) gốc nhẹ mà ngọn nặng (ân mỏng của thầy gốc nhẹ mà chẳng kính làm ngọn nặng) như tôn tuy nghĩa chẳng thấp hèn thì muốn y cứ việc đó ư? (Cha dù cho chẳng đáng cha, con không thể chẳng giữ phận con) Lễ nói: Cha mẹ thương con mừng mà chẳng quên, cha mẹ ghét con, sợ mà không oán (người làm con là chẳng lo không làm được việc gì mà lo chẳng có hiếu, cung kính lệnh cha, đâu thường có đó) chuyển dời được điều này đến thầy đó là đâu khiến quá thân đó ư (chuyển dời phụng thờ cha, đạo chẳng quên chẳng oán, mà phụng thờ đối với thầy thì sẽ không quá đó) nên có giả thầy mà làm danh, xem thường lương đức của thầy, (lương là mỏng, giả là mượn, vì đức của thầy mỏng, rất không có nghi thức kính

thuận, chỉ mượn danh thầy mà thôi) sắp thăng đường thì gân cốt liền mở, khiến hầu ngồi thì tay chân uể oải (ở trong hang nằm mà không ngồi, lại là người lười biếng như ở trong tại hang nằm mà chẳng ngồi dậy) đó hoặc đuôi lớn mà chẳng xứng, tả truyện nói: Đuôi lớn chẳng xứng nay hoặc đệ tử hơn thầy nên cùng khinh ngạo) nên răn phạt đó chẳng đến, hoặc minh linh đó có tợ tướng của vật loại vời (minh linh là ông lấy trùng mà chú đó tợ như ta, tợ như ta chẳng mấy ngày mà trùng hóa thành ong. Nay đệ tử là do người khác sinh ra, lấy để dạy răn, khiến làm học trò) oai đó còn chẳng cẩn dung, mà đức đâu thể phục tâm đó ư? (Quan có oai hình sự công còn chẳng sợ dung. Nay thầy dùng đức làm sao có thể phục tâm đó?) nay phong của bạc bẽo cuối cùng, thầy tìm đệ tử, chẳng phải đệ tử tìm thầy, thầy cho đây là bắt đầu, đệ tử cho đây là kết thúc, than ôi! Ngày nào chẳng do đó! Phàm, tiên sư nước Lỗ vì nhiễm có phác, phiền trì ngự, Tử Cống dịch Nhan Hồi... (Nhiễm Cầu tự là Tử Hữu, Phiền Tư tự là Tử Trì, Đoan Mộc Tứ tự là Tử Cống, Nhan Hồi tự là Tử Uyên, xưa kia Phu tử tại trần thì ban địch đồng sở) đó sao đến so với đây ư? Đức kia dày có thể mến, mà đệ tử Phật mến đức cho nên như vậy, thời nhà Lương có bậc chí nhân là Tuệ Bố Tam Quả, khéo thấu suốt ba luận thời bấy giờ gọi là Đắc Ý Bố, thấy người ưa thích sinh Tịnh Độ thì bảo họ rằng: Phương độ là tịnh, chẳng phải ta nguyện. Thế nào là ở trong hoa mười kiếp thọ vui, không phải như trong ba đường cứu khổ (sinh phương Tây thuộc hạ phẩm trung sinh thì ở trong hoa sáu kiếp, còn hạ phẩm hạ sinh thì ở trong hoa sen mười hai kiếp, hoa nở mới được thấy Phật, chẳng như ở trong ba đường, chúng sinh khổ. Đây là Bồ-tát thêm tâm bi) phàm pháp tập thì trước chúng đến mà im lặng, lếu láo kia sợ như ngậm chí của gốc đức (thăng đường thì đến trước, sau sinh sợ đó mà im lặng) sau khi thị tịch tay cong ba ngón, đất rung động bảy ngày, sử Tần nói là sao người đắc đạo diệt (cao tăng truyện chép Tuệ Bộ thệ sinh trong ba đường cứu khổ chúng sinh) xưa kia đời Ngụy, Huyền Cao có thệ nguyện sinh vào ba đường xấu ác, thời nhà Tề Tăng Cảnh cũng vậy, chỉ có bậc thánh và bậc thánh mới năng đến nơi đây, thời Trần, Tuệ Tư ở Địch Nhạc tức Nam Nhạc ở Hồ Nam, nay là Nhạc Châu) chứng Pháp Hoa Tam-muội, biết được việc đời trước, trên đảnh có nhục kế biết được tâm người, độc chẳng thể hại, oán chẳng thể động, mới đầu Trí Khải vui mừng phong đó mà đến, Tuệ Tư bảo: Xưa kia ở Linh Sơn đồng nghe Pháp Hoa, chỗ tìm duyên xưa nay lại đến, bèn chỉ bày đạo tràng Phổ Hiền bốn hạnh an lạc. Trí Khải hành đạo trải qua hai mươi mốt đêm tụng đến phẩm Dược Vương, câu tâm duyên khổ hạnh là

tinh tấn chân thật thì thấy cùng Tuệ Tư đồng tại núi Linh Sơn nghe Phật nói pháp, Tuệ Tư bảo: Tướng linh dị này nếu chẳng phải ông thì không cảm, chẳng phải tôi thì chẳng biết, Pháp Hoa Tam-muội này là phương tiện trước, Tuệ Tư dùng trao truyền nghĩa Tam quán cho Trí Khải, Trí Khải dùng nghĩa bốn giáo bổ sung. Nên tông chỉ Ba Quán bốn giáo, từ Hành nhạc Thiên thai là đầu tiên. Lương sách thảo đường ước làm Trí giả (tức Pháp sư Tuệ Ước). Đời Trần đời Tùy tôn xưng Trí Khải là trí giả (tức nay chùa Ngọc Tuyền ở giang lăng, do quan tướng quân xây dựng) chỉ có bậc hiền của đạo nghe hư danh chẳng phải tốt đẹp, thấy hư khí chẳng lấy làm trọng, tâm như sắc mây, vết như lông bay (chỉ có khí và danh chẳng thể dùng giả người, mà các bậc cao sĩ có đạo thấy danh trôi nổi cũng chẳng cho là quý) mà đế thiên hạ là thầy thánh đó, bạn hiền cố nhiên đó là vậy (vì đời Lương, Trần, Tùy quý có thiên hạ, chẳng thể chẳng tôn thánh mà bạn với Hiền ư?) có người hỏi quả Vị, của Hành Nhạc thì bảo là: Tôi là người ở vị Thiết Luân Vương (Bồ-tát vị Bốn gia hạnh làm vua bốn châu, vua Thiết Luân thì ở Noãn vị) hoặc hỏi về quả vị của ngài Thiên thai, thì bảo là: Tôi chẳng lãnh chúng, thì sẽ tịnh sáu căn (một là từ Bát địa trở lên sáu căn thanh tịnh, hai là Sơ địa trở lên, ba là tư lương gia hạnh cũng thanh tịnh. Nay Trí Khải và Tuệ Tư đều là hàng tư lương gia hạnh Địa tiền) vì người tổn mình chỉ là người trong năm phẩm, Gia Tường mới đầu nghe Thiên Thai lại khinh ở tai (Cao Tăng Tuệ Kiểu ở chùa Gia Tường) khi cũng đã mắt thấy mới dốc lòng làm học trò, lại dùng ba luân mổ đoán qua lệ, chế thắng đó luận, mà đặc biệt nổi tiếng khắp thiên hạ, đệ tử Trí Khải nghiệp chuyên môn tuy chẳng dốc hết đối với thầy mà đến chết thì được ngợi khen. Bốn triều ở Nam Độ Khắc chuông Huyền Lý (Tống, Tề, Lương, Trần) giúp Long Thọ, Đề-bà soạn luận chẳng nhổ, Chân Đế tuy dịch các bộ như đối pháp Duy Thức, v.v... (Tam Tạng pháp sư Chân Đế đến thời nhà Trần) gặp nhà vua rất vui lòng, Thiên bộ khổng gian (khổng rất gian nan, hậu chúa biến loạn) chỗ học trò nghiên cứu sự nghiệp mở mang, có pháp hội vạch nghiên giảng ký để lại hơn một nửa, tiếc thay thọ mạng ngắn ngủi nên chẳng làm tròn chí nguyện, ngày sắp tịch bảo đốt bản thảo người nghe rơi lệ, từ đó về sau, học trò dần mất đi (gặp pháp sư khảo xét Duy Thức chưa tận cùng yếu chỉ, mà đến thời Tiền Đường, Từ Ân trước soạn Duy Thức Sớ mười quyển) đến thời Chân Đế trở về Nam gom tập những gì không nghe, nên học của sắc tâm trọn ít nghe ở tận thiện, các nhà chương sớ hẳn để ý trước ở lý Không (từ Chân Đế về sau, ít tuyền pháp tướng, phần nhiều mở rộng tánh không) Quốc sơ Huyền Trang

(vào niên hiệu Trinh Quán) dịch, Duy Thức trao cho học trò là Khuy Cơ (Khuy Cơ họ Uất Trì, tự là Hồng Đạo, du tử của Ngạc Công kính đức, soạn trăm bản sớ, tức Hòa-thượng Từ Ân) và bao gồm Du-già (đều luận về Đại thừa). Dịch Câu-xá trao cho học trò là Quang (chưa rõ) bao gồm Bà-sa (và luận Tiểu thừa) có thể gọi là pháp tướng sáng đẹp, danh số sâu rộng, tinh sưu châu tục, thông đạt đại đạo, cái học của Không tông kia im lặng như chẳng kinh qua chỉ đó (Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang vào niên hiệu Trinh Quán đến Tây Quốc học kinh luận Pháp tướng, đến niên hiệu Trinh Quán cũng trở về, mở rộng Pháp tướng, các vị chuyên tánh không thấy đó như lặng mà sóng yên) Thái Tông, Cao Tông soạn lời tựa thánh giáo (nay thấy ở đầu các kinh). Hoa tỏa ở văn trời, chân phong luyện ở góc biển, đến khi Huyền Tông chú sớ Bát-nhã, bởi hai thánh chứa đượm của Khuy Cơ (Huyền tông chú sớ kinh Kim Cang, hiện lưu hành ở đời) chỉ ở đời vì dịch kinh thì dễ, dịch luận thì khó, mà người truyền cũng thế (truyền kinh là dừng ở tìm văn nêu chỉ thuật ý liên hoàn cho nên dễ, truyền luận là xoay vần tánh tướng thấu đạt sâu mầu cho nên là khó) thật do kinh chỉ dứt nghi sinh tin, ý chỉ xa mà văn gần, luận thì sạch cùng tánh tướng, răn sương tinh vi, làm nghĩa hẳn là điển, làm văn chuộng hoa, lầm lẫn âm luật, khanh thương bân uất (Ban uất là vẻ văn thể hưng thạnh) khách chủ do nhau, móc sâu làm đẹp, tự chẳng phải bậc thượng trí chẳng thể thấy ý của qua lại, nên người học ít chẳng công bồi làm núi (hạng cạn gần nghe mà khinh lờn, bởi chẳng phải cảnh đó. Làm núi chín nhận phát khởi từ đắp nhiều lớp đất) nói tham thần hóa vì giáo hành trung hạ, lúc đầu chẳng dịch luận, cầu đạo thầy trò giúp nhau cho nên khó (đến nay hạng người học kinh, đồng bạn đông như rừng, còn các vị nghiên cứu luận thì như vạch cát tìm báu). Phàm đồng bạn của pháp học biết kinh luật là chỉ như tán thuật văn đó mà thôi. Còn viện dẫn nhiều nghĩa lớn thì chẳng gọi đó là thấu suốt (nên nay ở đất Thục , khéo truyền kinh đều gồm cả học tập luận, sau đó truyền giảng mới tốt.) La-thập dịch kinh từ hẹp hòi, dịch luận thì buông thỏng. Huyền Trang thì trái lại. Nên ở đời La-thập, kinh học thì ưu (ưu là thắng), ở đời Huyền Trang luận học thì gấp bội. Xưa kia, Tuệ Lâm mạng một đôi giày ba mươi năm, gặp bùn sình thì đi chân không mà bảo: Bùn sình mềm dịu dễ đạp, tôi chẳng muốn tổn của tín thí nên làm như vậy. Thường bảo chúng rằng: kinh luật tôi đã nghe đều hai ba mươi biến, còn sợ là thiếu công, muốn gần các bộ khác mà chưa rảnh học nhiều. Học giả ngày nay ít có thông đủ, văn cú biết sơ sài thì đã dự làm sư phạm, đến nỗi có bao gồm thì chẳng biết đầu mối thế nào, ở đây

pháp diệt là do người, do đó trọn đêm tưởng hoài có bùi ngùi trong nỗi lòng!

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 5

VIII. GIẢI THÍCH KHÁCH HỎI

(Giả nêu bày hỏi đáp giữa chủ khách để giải thích điều nghi ngờ của chúng tôi).

Hướng Phương sĩ đến quán của Thạch Lâm (Hướng Phương Sĩ là giả thiết, như ô tiên sinh thì mất là loại của công) mô quỵ trông nom (mô quỵ là lạy, Mục Thiên Tử truyền rằng: Mô quỵ thọ nhận. Quách Phác nói: Như nay người Hồ lễ Phật) thuật với thủ nhân rằng: Đời tôi ràng buộc trăm mối lo toan, một hôm phòng khác có rượu thịt, có đàn ca, có thi thơ sum tụ đông đầy, ưa thích ca vịnh phong cách của tiên sinh, còn thiếu chưa vui, nay bèn lại ở cao, thông quế vắng vẻ, tường bao rỗng lắng, tâm bỉ lận vén (khiểm là hận, lâu ở trong lưới tục, thường nhàm phiền tạp, một lúc đến chốn chùa lắng thâm u nên thỏa sướng đó) sắp may hưởng vị yếu chỉ của kim tiên, thỏa sướng thiên của vô sinh (kinh Phật khen ngợi lý vô sinh) uống hết pháp hỷ (kinh Pháp Hoa nói: Thức ăn Pháp hỷ thiền duyệt ăn uống pháp vị tự nhiên no đủ, tắm gội Cam-lộ, sáng phiền tố nơi thu chiếu, vắt hoa tươi nơi xuân đượm, dáng tâm tuy khẩn, chẳng dám dùng trông như thế nào (đã gội Huyền Phong, đạo tâm đượm tốt, dáng tâm tuy có tình khẩn chẳng hay chưa dám trông mong thế nào) người chủ nói: Tôi bệnh phế bỏ đã lâu, trong các vị ở đời như mờ mắt chẳng vui ở quyết cung (Thuyết Mạng chép: Nếu thuốc chẳng mờ mắt, thì quyết bệnh chẳng lành. Nay tôi bệnh, người đời phế bỏ đã lâu, trông mọi người ở đời đối với tôi mờ nhạt chẳng đoái hoài nhạc) lui ẩn nơi núi rừng, ở bèn chứa Tô-biện-tỳ (Tô là cỏ, tỳ là tranh) mặc là tệ hạt thô thuần (hạt là lông, thuần là tơ, Luận Ngữ chép: Nay là thuần kiệm) ăn là chén đơn đậu lẻ, hang dòng luôn luôn, cùng hưu nai làm đàn, vậy có đạo gò khả quan sự gì đáng hỏi ư? Chỉ sự hòa nhau của vàng đá, tùy vỗ đánh đó, mới có thể lớn nhỏ buông nhanh, hoặc cũng quả ứng (nhạc không tiếng hay, tùy đánh gõ mà tấu, người không lời đáp, theo đánh hỏi để cùng đáp) khách hàng bái (để tạ người chủ hứa

hỏi), người chủ tỵ chẳng mẫn (tỵ là nhường vị, mẫn là đạt) đã trở lại chỗ ngồi, khách hỏi: Hán mộng chưa chiêm, âm thích chưa thông, xứ này trước có ai được nghe Chí giáo chăng? (từ thời Hán Minh đế về trước, xứ này có ai biết ở phương Tây có Phật không) người chủ đáp: Liêu thay! Làm sao tôi biết được (liêu là xa, vừa rồi tôi biết là khiêm nhường) chỉ chạm đá đó mây sinh ở phu thốn (Công Dương truyện chép: Mây nhân chạm đá mà sinh, phu thốn mà hợp: Bốn ngón tay gọi là phu, hai ngón tay gọi là thốn) nước của bắn cá mang ở Dư Hoàng (Dư Hoàng là tên thuyền của Ngô Vương, nói bắn cá là nước ít năng chở thuyền lớn) Kỳ nào chẳng như thế, xưa kia đức Đại thánh đến nước Bà-xà, nước đó ở Nam Hải, cách phương hạ không lấy làm xa (Nam Hải cách Lạc chưa quá muôn dặm) gió của dòng nhỏ sao chẳng kịp nay, nên vua Chu Mục gặp Tây cực hóa nhân, lão thánh xưng là Cổ Hoàng tiên sinh (kinh Lão Tử Tây Thăng chép: Trúc càn có tiên sinh Cổ Hoàng) Khổng Tử suy tôn ở phương Tây có bậc Đại thánh (Khổng Tử nói: Phương Tây có Đại bậc thánh chẳng nói mà tự sửa) Phật-đồ-trừng biết dưới đá Lâm Truy có lộ bàng bên hữu tượng cũ, Kiện-đà-ha thấy trong núi Bàng Châm có nền móng chùa cổ, chẳng có người thấy nghe ư? (đây đều dự có thấy nghe đó). Đến đầu niêm hiệu Nguyên Thú thời Hán Võ (chúa thứ năm thời tiền Hán lấy niên hiệu là Nguyên Thú) là niên hiệu Chủ Nguyên Thú thứ năm thời Tiền Hán bảo Hoắc Khứ Bệnh ra phía Bắc đánh Hung Nô, Qua Cư Diên bắt vua Hưu-xà (xà âm là trừ) được người vàng, cho là Đại thần, đưa về cung Cam Tuyền, dùng lễ bày hương đèn, tôn đó ba năm, đảo ao Côn Minh (niên hiệu Nguyên Thú thứ ba thời Hán Võ giảm một nửa lính của quận Thú Lũng Tây thượng và người lộng pháp thì giáng chức, sai đào ao côn minh, Tây Kinh Tạp Ký chép: Trong ao khắc đá làm cá, lúc gặp mưa sấm cá thường kêu rống, ở trên có ghe thuyền vài trăm hoa mâu chiếu đèn. Tam Phụ Cố sự nói rộng ba trăm hai mươi mẫu, lúc đầu xuyên được đất đen, Đế đem hỏi Đông Phương Sóc) được đất đen đem hỏi Đông Phương Sóc, Đông Phương Sóc nói: Điều này tôi chẳng biết, bệ hạ hãy hỏi Đạo Nhân Hồ ở Tây Vực, đến khi Trương Khiên đại hạ trở về, biết có nước Thân-độc, (Hán Thư nói: Trương Khiên truyện Âm là Đốc, tức Ân Độ đồng) kinh Sơn Hải chép: Dân của Thân-độc gần người mà mến người. Quách Phác ghi chú là: Thì xứ của chỗ Thiên-trúc sắc đồ gầy dựng, cũng gọi là Ấn-độ, Ấn-độ là tên Nguyệt, sau Nguyệt có cả ngàn tên, nay mới một vậy (như xứ này thiềm thứ treo ảnh xe lạnh mâm vàng, v.v... thì xứ kia lấy làm tên nước, đủ nghĩa lâm chiếu) đời vua Ai đế, Cảnh Hiến đến Đại Nguyệt Thị, thọ

kinh Phù Đồ, vua Nguyệt Thị bảo Thái tử miệng đọc trao truyền, Lưu Hướng nói: Tôi tìm khắp các sách, thường thấy có kinh Phật. Trong niên hiệu Hồng Gia (đời vua Hán Thành Đế) soạn Liệt Tiên Truyện (hai quyển) chép: Tôi xem xét tạng thư xa tìm Thái sử, mới đầu tạo Liệt Tiên Đồ, từ Hoàng đế về sau sáu đời mãi đến nay, Đắc Đạo Tiên hơn bảy trăm người, vừa rồi xem xét hư thật, được một trăm bốn mươi sáu vị, trong đó bảy mươi bốn vị đã thấy kinh Phật. Lấy đó mà suy biết, Chu Hóa thành Tần, Tần diệt Hán Hưng, đến niên hiệu Vĩnh Bình, thật đã ngàn năm, từ đây về trước sao chẳng nghe (đáp: Hán mộng chưa chiêm, v.v...) Khách nói: Thuở xưa ở vườn Am-la ấn ngón chân xuống đất, Linh Thứu vọt sáng (thánh chúng đầy khắp hư không (cư sĩ Duy-ma dùng dùng thất phương trượng vườn tánh am thấy Phật. Đức Thích-ca nói kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu, Phóng quang động đất) đạo tràng cùng khắp pháp giới (trên pháp hội Pháp Hoa ba lần biến ruộng đất khắp cùng pháp giới), điển của cơ khổng chỗ nào mà chẳng chép, người của Tần Lạc chưa từng dự hội. Há không phải Đại thánh riêng lệnh ư? Truyền là trương bày ư? (Phật đã phát ra ánh sáng khắp cả pháp giới, tại sao ở kinh Lạc không ai thấy nghe? Đại thánh giáo hóa có riêng lệnh là như truyền mà mở bày luống dối ư?) người chủ đáp: Cá lặng chẳng biết ở nước, người đất chẳng thấy gió đó, chẳng phải có thể biết mà biết, ở đó mà chẳng biết, chẳng phải có thể thấy mà thấy, ở đó mà chẳng thấy. Huống chi phương chư chước nguyệt, chẳng phải phương chư thì cho là không nguyệt (Phương chư là Vương Sung Luận Hành nói, là gương nước, tháng mười một ngày Vương Tý nửa đêm giờ Tý, luyện đá năm phương đúc như mâm chén, hướng lên ánh trăng được nước. Cao Dụ nói: Âm toại tợ cáp lớn, đốt xoa lau để hướng nguyện, dưới nước được vài thạch) Dương Toại sáng mặt trời, chẳng phải Dương Toa-i thì cho là không có mặt ư? (Có châu ánh mặt trời, dùng ngãi trung hứng thì được lửa, gọi là Dương toại, lại có khi dùng lưu huỳnh, v.v... đúc gương, hứng mặt trời cũng ra lửa, hứng mặt trăng ra nước, viên (tròn) là hiệu của Dương Toại. Phương (vuông) là hiệu của phương chư, mặt trời, mặt trăng thường luôn, mà phương chư,v.v... chợt khuyết thì nước lửa chẳng có, như Phật hiện khắp mà người không duyên, hoặc chẳng thấy rẽ) thật do linh biến tại tâm, mà ngoài ứng ở vật, chỉ tâm bất biến thì sao được? (ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức, tâm biến mà thấy vật, không hư khởi) Lễ chép: Tâm chẳng có, nhìn mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị, nên biết trước tin chẳng do kia, chẳng phải nên nghe thấy (xưa người xứ này chưa tin, nên hoặc

giả sử thấy trong nhà rực sáng, đất rung động chẳng để ý, nên chẳng ghi chép) giả sử có ôm niền tin được riêng mà nói, thì người đời chê trách cho là dối vọng (chỗ mọi người không duyên chẳng thấy, trong đó hoặc vị nào có duyên được nghe thấy riêng thì mọi người sẽ chê trách đó là quái vọng, đâu thể cùng họ tin được. Lại thêm năm tháng xa mờ, biên giảm rơi lạc (huống chi năm tháng thời đại trải qua lâu xa, sách sử lạc mất, đâu thể biết đủ). Hoặc Chu Sử biết chẳng phải việc của Trung quốc nên mới chẳng ghi chép (phàm là sử quan, thường chỉ ghi chép việc sự của nước mình, đây chẳng phải là việc của Trung quốc. Lại nữa, quân tử rất thận trọng nên chẳng ghi chép) Khổng thánh tự chê trách mình không phải khí thọ đạo, nên chẳng nói (chê trách, Không Tử tự chê trách mình không phải khí thọ đạo, nên chẳng muốn nói) đâu vì thiếu trong Sử Ký thì cho là không có ư? Phàm chiết trụ Quán Hồng Hiệp Ô Đằng Nga Hôn Kiến Nhiễu Xu Kỵ Vĩ (xưa kia, Nữ oa cùng Cộng Công Thị tranh giành thiên hạ. Đầu chạm chẳng khắp núi, cột trời bị gãy, lại chặt chân Ba ba để lập cực. Lại nữa, Nữ oa cảm ánh sáng cầu vồng xuyên suốt mặt trời mà sinh Chuyên Húc, ở thời Xuân Thu có ráng mây như chim đỏ cặp mặt trời mà bay ba ngày, lại Nghệ xin thuốc bất tử ở Tây Vương Mẫu, vợ Nghệ là Hằng Nga lén trộm để đùa giỡn trong trăng, xuất xứ từ Dịch lược. Lại điện chớp quanh sao xu mà hoàng đế sinh, lại theo truyền thuyết chết thì tinh thần lên làm sao, đồng với các sao, ở trên Vĩ Tú nên nói là kỵ) mà chở che là một, ba thứ ánh sáng thửa đồng, Tây vực kia không thấy ghi chép, nên thật ra cũng cho rằng tiếng Hoa là không thật ư? Nếu kia nghi quả là sai thì nghi này đâu đúng. Nếu kia tin là thật thì tin này đâu luống dối, nhưng sáu điển của Hoa Hạ, ai giản vụ yếu, phải ở tần diệt, còn chẳng nghe đầy đủ (sách vở xưa, vốn dùng giản yếu lại gặp phải bạo Tần đốt hủy, mọi việc đã qua đâu được lại đầy đủ ư?) Như ở hai đời Đường, Ngu, thượng thư còn vài thiên (chỉ còn năm thiên như Nghiêu Điển, v.v...) Thương Chu thạnh hóa, thi tụng có thể hơn mấy mươi. Đây trọng hình đức còn có chỗ khuyết, huống chi kia vượt ngoài tượng mà có thể đầy đủ ư? Nên Nghiêu Sư Duẫn thọ, Thuấn sự vụ quang. Chu Khổng cũng là chỗ chẳng ghi chép, Khổng Tử nói đạo thấy ở họ Trang (Năm kinh không lời đều xuất xứ từ Trang Tử, Lão Đam biết lễ, còn ở Đái thánh (Đái đức tự là cận quân truyền lễ, hiệu là Đại Đái Lễ, Chí tín thái phó. Đái thánh tư là thứ quân truyền lễ, hiệu là Tiểu Đái Lễ, vì bác sĩ luận thạch cừ đến Cửu Giang thái thú) vừa rồi giả sử sách này cháy nát hết thì đâu biết hai thánh biết lễ, biết đạo ư? (nếu tại Bạo Tần thiêu đốt hết, thì đây đâu thể thấu tận cùng ư?)

khách nói: Trúc pháp Lan, Ma-đằng đến nước này, có người đem đất đen để hỏi, Trúc-Pháp-Lan nói: Đây là đất thừa của kiếp thiêu, mà thật được sự đó ư? (thật là đất của kiếp lửa ư?) Người chủ đáp: Nói tại người đã qua, sao biết tâm đó (lời này truyền lại tuy còn, mà người đó đã không, thì làm sao có thể biết ý của kia đáp ở chỗ nào) Trọng Ni nói: Tình muốn tin biện muốn khéo là biện (lời đáp này, chỉ là biện đối của Trúc-Pháp-Lan) hoặc cũng trinh mà chẳng lượng (Trinh là chánh, lượng là tin, ý tuy chánh, lời nói chưa hẳn đúng tin) phàm chỗ thiêu đốt của kiếp lửa. Đại địa đều hết, nhưng đã tức lại, thì làm sao cháy nát ư (khoảng của kiếp lửa, hai ánh sáng của đại địa đốt đến Sơ thiền, sau đó trở lại, đâu có đất cháy nát, cho nên biết kiếp lửa là không tro) xưa kia Trang Chu vì trí của Trong Ni chẳng phải rất hung dữ như chẳng xem thường, nên xa lấy Đông Lăng ngụ từ thấy ý (Đạo Chích ở tại Đông Lăng) mà Lan cũng lấy Huyền của họ Thích chẳng phải kinh tai mà chẳng biếng nhác, nên mượn kiếp thiêu để khai mở giáo đó (người vì kinh sợ nghe lấy làm lạ, nên sắp khai hóa, lấy đây cũng là phương tiện mà kích động) Bở quân tử lấy nghĩa đức làm tin (quân tử nghĩa sau đó tin, tin gần ở nghĩa, nói có thể lại) nếu khiến chỉ nói là lửa thường, thì nạn thiếu đâu đem nhường ư? (Mạn Thiên tức Đông Phương Sóc, tự là Hướng, nếu đáp chỉ nói là lửa thường thì đâu có chỗ nhường của Đông Phương Sóc ư?) nên vỗ về không để dẫn thật, bở phế gần để nêu xa (vì muốn giáo hóa nên trước tạm chỉ ở không mà dẫn dụ, phế bỏ lửa thường gần, mà nêu kiếp lửa ở xa) khiến người khác nghe chỗ mới mẻ đó đến thiện, phàm khát nghe là đặt để điều nghi, đặt để điều nghi thì phải cầu đến Lý, Lý đến thì chẳng xa mà trở lại (nghệ là thật) đó như Ngu Cơ Trương Tĩnh quát được ở Độ (Văn của Thái Giáp, cơ nổ nha, ngu là độ, sắp bắn mũi tên, thì trước độ cơ đó, hợp thì phát ra sẽ trúng, như sắp khai hóa, phải khiến hẳn quy về) khách nói: Phật xuất hiện ở Nhung, giáo khắp người Nhung, Hoa Phong là nhung, cũng chẳng xấu xa ư? Người chủ đáp: Không phải như vậy không phải như vậy, chỗ quân tử ở còn là chẳng xấu xa, huống chi nói bậc thánh ư (Luận ngữ chép: Khổng Tử muốn đến Cửu Di, có người nói: Xấu xa đến làm gì? Khổng Tử bảo: Quân tử ở đó, còn có gì xấu xa. Quân tử còn vậy, bậc thánh ở đó, thì hóa hẳn chẳng xấu xa) Phàm Hoàng Thiên không thân, chỉ đức là phụ, học không thấy thường sư. Chủ Thiện làm thầy (chủ là thân, có thiện thì theo ý mà theo) thiện của thiên hạ là một, sao có thể lấy đê phong làm hạn ư? Chỉ lấy lợi tế làm tâm, đâu lấy phong vực làm hạn) nên đại Võ Cơ Văn là bậc thánh vương (Đại Võ ra từ Tây Khương sống ở Thạch Tế,

nay là Lộ Mậu Châu, Chu Văn sinh ở đất Bân đều là Nhung Khương) Do Dư Nhật Đạn là bậc tôi hiền (Do dư là Nhung sứ đến đất Tần, Tần xây dựng cung thất, Do Dư dèm chê là: Nếu chẳng thợ quỷ thì phải do người tạo, Kim Nhật bi là người Phiên ở thời Hán Võ, ở tại Hán cung rất hiền) khi sống chẳng ở Trung Hạ, Thái Khương Chu U là các quan quân (Thái Khương là Hạ Vương ham vui dạo đồng ruộng, năm người con làm bài ca để ngăn cản, mười tuần (trăm ngày) mà chẳng trở về, Chu U Vương sủng ái Bạo Tự mà diệt thân) Hàn Trác thân hầu là kẻ tôi bội ngược (Hàn Trác Bá họ Minh đến dèm pha con em, diệt Nghệ mà lên ngôi, thân hầu diệt Chu U Vương) sinh chẳng ở bốn di. Há đem bang vực mà nói về hiền bỉ ư? Mà hoàng đế lên Côn Lôn, lão thánh đến Lưu sa (hoàng đế lên núi Côn Lôn hỏi đạo với Quảng Thành Tử, Lão tử đến Lưu sa, tìm Phật Thích-ca) đều quý điều đã nghe, kính mến chỗ đồng, mà sau tìm sang (đồng thanh ứng nhau, đồng đạo tìm nhau) nên Hồ Mã phục tạo (Tạo lệ dưỡng mã chức hèn) Hồ Nhạc Trương Đình (như cầm, sắt, khương, địch, v.v...) Hồ Tông sung phủ (Tông Bích ra khu vực khác) thì chẳng gọi là xấu xa ư? Nên mong cầu đạo xuất tục, phải là nghi của trái tục (đầu tròn áo vuông) ở trong nghi thức đó mà chẳng muốn gắng gỏi, với đạo thì hạng trung tài trở lên vừa xấu hổ (ở đất không bụi trần, làm nghi trái thế tục, chẳng tiến đức tu nghiệp mà rong ruổi trong làng tài lợi, hàng thượng sĩ tthấy vậy rất xấu hổ) mà Khổng thánh nói: Chẳng dám hủy thương, bởi nói răn mù vời hại (sảnh là lầm lỗi, hại là tai, Hiếu kinh nói: Thân thể da tóc chẳng dám làm thương tổn, bởi răn lỗi lầm tai hại ấy). Còn Thái Bá thì thấy cắt tóc làm chí đức, Dự Nhượng vì sơn làm giữ trung (Ngô Thái Bá là con trưởng của chu Thái Vương, vì ấu đệ quý lịch hiền, lại sinh Thánh Tử Văn Vương, xương biết đó sẽ có thiên hạ, bèn trốn đến đất Ngô, Khổng Từ lấy đó làm Chí Đức,Sử Ký chép: Triệu Nhương Tử giết Trí Bá, Dự Nhượng nghĩ vì Trí Bá mà bảo đó, Nhượng Tử biết bèn bảo người trong nước đuổi đi, Dự Nhượng mới sơn thân biến đổi thân, suốt than để đổi tiếng mà đến nước đó, Sử Ký cho là trung, thì cắt tóc biến thân chưa phải là bất trung bất hiếu) Họ năng lập đức phô bày danh, đâu từng lấy toàn vẹn tóc da đó làm hiếu ư? Do đó, xưa nay Hoa Hạ biết họ có ích lợi sâu dầy nên đắp tượng đó, chẳng vì biến đổi thân nghi nên anh hiền đó phế bỏ, tại quan phục thì nhà nước hưng, nên hữu viện chẳng mượn trâm cấp (quý Hữu và vệ thúy viện đều là hai bậc hiền, đâu do trâm cấp mà đạt) Hoàn Mão chẳng vì râu đỏ (Hoàn Đồi Thiếu Chánh Mão đều là kẽ bất nhân, đâu vì râu đỏ) sao vinh đây nhục kia ư? Xưa, Triệu Võ Linh Vương là người đầu tiên biến đổi y phục

người Hồ (Triệu Võ Linh vương bảo với Lâu Hoãn rằng: Tôi muốn mặc sắc phục người Hồ, đáp: Tốt! Các quan chẳng muốn, Phì Nghĩa hầu vương lại bảo đó rằng: Tôi muốn mặc sắc phục người Hồ mà sợ đời sau sẽ bàn nghị quả nhân phải làm sao! Phì Nghĩa nói: Thần nghe nói nghi việc không công, nghi hành không danh, vua đã định mạng lo nghĩ của dị tục, trị không đoái hoài bàn nghị của thiên hạ, người ngu mờ tối rối với việc đã thành, người trí thấy việc khi chưa nẩy mầm, nhưng vì sao vua nghi? Từ đó bèn mặc sắc phục người Hồ) sau thời Tùy Đường dần sửa đổi áo mão, chỗ quý là trị, kiến lập làm vương độ, ghi sự ghi lời, chưa thấy ai dèm pha đó (làm chính trị là quý ở sửa dân, lập vương độ đó, chưa thấy ai dèm chê mặc y phục người Hồ). Trọng Ni chẳng phải bề tôi của Ngu Hạ, mà tông ở ba đời Lễ Nhạc(Ngu, Hạ, thương) Ngô Việt chẳng phải nước Lỗ thuộc Vệ mà hành giáo của Cơ Văn, Chu Công họ Khổng, đến chỗ Tần Chánh Tân thất đặt nên điển pháp trăm quan hành chánh, Đế vương đời sau phần nhiều cũng tầm ở chính nhân mà không tiếm (Chánh là Thỉ Hoàng, Tần Thất là Vương Mãn cả hai tuy là vô đạo, đặt pháp độ trăm quan, hoặc nhân mà chẳng sửa đổi). Hoặc vì hai đời Vương Mãn đồng ở Trung Hạ nên thay nhau tiếp nối. Chẳng phải kia tuyệt vực là, hoặc là mất ý của dụng thiên ty mục (trời xanh chưng dân, tư mục của cây, hoặc nói dùng đạo của trời, đâu hạn cục ở Di Hạ) phàm chỗ có một mặt trời, mặt trăng đều là thiên hại ta, ta hành thiện của thiên hạ thì ai chẳng là thiên hạ của ta ư? Xưa kia Sở Vương mất, Cung Nhậm Sở được đó, Trọng Ni nói: Tiếc thay đó chẳng lớn, sao chẳng khiến người được đó? (Sở Vương mất, Cung nói: Chẳng qua người Sở được đó, Trọng Ni nghe vậy bảo: Tiếc thay sao chẳng nói người mất, người Cung được đó) nay chỉ nói là đều xưng Tây Vực là Hồ, mà thật Hồ ở dưới Thông lãnh hơn ba mươi nước, phía Tây lãnh nước Thân-độc gọi là nước Bà-la-môn. Nhưng ở khoảng đó chẳng phải không lẫn lộn, hỏm mắt điêu quyết, như y lạc xứ này, Nhung Địch bức chiếm vương kỳ gần, nên Thân-độc rất xấu xưng là Hồ (nay Hà Nam là khoảng đất Ỷ Lạc đều có người Nhung ở) nhưng Vương Phù nói trong kinh Hóa Hồ là: Người Hồ rất hung tợn, nên giáo hóa đó thành Phật khiến râu đỏ dứt dòng dõi. Tại sao mê lầm như vậy? Ngay thời Xuân Thu, Xích Địch, Bạch Địch làm cướp thì các nước, Hiểm Duẩn, Khổng Xý, Man Di, Hoạt Hạ (Khổng là rất, hoạt là loạn, đương thời Xuân Thu, Địch đánh Tấn Lỗ v.v...)Vì sao gần mà chẳng phục xa, ở bên ngoài Lưu Sa, cuối cùng của Đại Hoang mới bày dõng ư (Lão Tử sinh trong nước vào thời Định Vương, tự bị Nhung Địch bức ép sao chẳng hàng phục đó, mà nói

đến Tây Trúc hàng phục người Hồ kia ư). Lại từ xưa, thánh vương đều xa là nghĩ đó, sao có ngầm mong hết nối dõi kiểu răn nhân đạo (người xa chẳng hàng phục thì tu văn đức để lại đó. Lại nói: Chỉ đức động trời không xa đâu chẳng đến, lại không lười không hoang, bốn di lại vương, đâu cần dứt dòng dõi, ép làm răn dạy đó) rõ ràng phàm tam miêu hoằng khóc, thương ưởng cực pháp chưa quá lắm so với đây (Thời Thuấn, nước của Tam miêu, bên trái là Động Đình, bên phải là Bành Thành, ở ngoài hoang phục, mấy ngàn vua giết chết mà chẳng theo Vương Đạo, thời Tấn Thái Công, Tôi hèn cảnh lâm tiến vệ nhân thương ưởng, dùng khóc mà giúp Tần, sau Hiếu Công băng, Tuệ Vương lập sai xứ đánh bắt, thương quân chạy đến dưới quan, muốn nghĩ ở nhà trọ, người khách chẳng biết đó là Thương Quân, nói lệnh của Thương Quân, người trong nhà không xem xét là ngồi đó. Thương Quân nói: Than ôi! Là tệ của pháp, một đến đây ư? Bèn bị vạch bày mà giết, nay Thích tử chẳng phải học trò của Tam miêu, lão thánh chẳng phải loại của Thương ưởng, sao đến ở đây) mà lão thánh nói thường thiện cứu vật, há như vậy ư (nếu vậy thì nói và làm trái nhau) Khách nói: Trái lệnh cha, để lại me đau xót, khinh úy đến hiểm, có thể gọi là hiếu ư? (Thái Tử Tất-đạt-đa muốn xuất gia, vua cha chẳng chấp thuận, thêm thể nữ để mua vui, nửa đêm Thái tử ngầm vượt thành trốn đi là trái lệnh cha, khiến cho di mẫu buồn khóc, tan tát ruột gan, là để lại cha mẹ đau xót. Ở vị trữ phó mà riêng đến ở núi hang là khinh úy, ở trong núi Tuyết là đến hiểm. Như vậy có thể gọi là hiếu ư?) làm thầy vua Bình Sa, ở tộc Ca-tỳ-la, bị A-xà-thế nghịch hại, Tỳ-lưu-ly đánh chiếm, mà chẳng cứu được, vậy được gọi là nhân ư? (vua Bình-sa tức là Tần-Bà-ba-la, ở thành Vương Xá là cha của A-xà-thế, vua A-xà-thế bắt giam bỏ tù cho đến đói khát mà chết, Phật chẳng thể cứu. Lại nữa, con của vua Ba-tư-nặc là vua Tỳ-lưu-ly, do phu nhân Mạt-lợi sinh ra, là cháu ngoại của họ Thích, vì lời nói là con đứa đầy tớ mà dấy binh giết hại họ Thích, Phật biết túc nghiệp đó đối nhau mà cũng chẳng thể cứu.) Điều-đạt thiên luân (Điều-đạt là con của vua Hộc Phạn, anh em chú bác với Phật) Thiện Tinh chí tánh sống bị mắng nhục, chết mắc phải đồ thán, có thể gọi là Nghĩa ư? (Điều-đạt, Thiện Tịnh đều đọa địa ngục) ngồi giường ngọc báu nhận bái lễ của vua và cha, nói rất trái khiêm nhường, dáng vẻ cao ngạo, có thể gọi là Lễ ư? Treo cung chưa tới mười ngày, mẫu hậu mất, họa hoạn khôn cùng, lỗi chẳng lớn ư, có thể gọi là Phúc ư? (Thái Tử sinh, treo cung dâu ở cửa, xưa kia Phật làm Thái tử, sinh mới bảy ngày mà Ma-da mất) Lợi đó như vậy sao còn muốn cho người trong nước hành theo? Người chủ đáp:

Luận về Ái Ố, danh Dự nhục nhã nào nhất định, xưa có kẻ mắc tội với Tam Hoàng mà hủy bỏ Ngũ Đế, có danh dự Hán âm mà ép đè Trọng Ni (Trang Tử là Trượng nhân, Bão hũ xuống giếng để lấy nước tưới vườn, Tử Cống dạy đó làm lược. Hán Âm Trượng nhân thạnh, chèn ép Trọng Ni, đó là xảo Ngụy) có cương ngư phụ mà trách Tam Lã (Tam Lã là đại phu Khuất Nguyên, gặp chỗ khen của Cận Thượng, Hoài Vương nghi ngờ, bèn biếm xuống Trường Sa, đi một mình trên bờ sông, gặp ngư phụ hỏi nên nói: Khắp trong đời đều say, chỉ mình ta tỉnh, khắp trong đời đều đục, chỉ có mình ta trong, ngư phụ khuyên mà chẳng được, bèn trầm mình xuống nước mà chết) có kịch Tần Pháp mà mỹ tân thất (Tần Thỉ, Vương Mãng pháp tàn ngược, đời sau có Dương Hùng soạn Mỹ Tân Thất, một thiên, kích bác Tần Thỉ mà ngợi khen Vương Mãng) xét sự trái thuận đó, phá tường xuyên cửa, là công của chim chuột (có tập học người xưa Tào Bá lại thêm xuyên cửa để cổ xúy phải quấy , như Vương Sung Lưu Tử Huyền, v.v... chỉ thờ Thư hoàng) Lễ chép: Đại Hiếu nghiêm thân, kế là chẳng nhục, kế là năng dưỡng (nghiêm thân nghĩa là khiến Tôn tỏ khảo đó, chẳng nhục là tu thân trì hạnh). Nếu đổi nhà thành quốc qia, thiên hạ gọi đó là Đại Hóa, hễ làm thánh thì thiên hạ ai cho rằng đó là nhỏ ư? Nên tuy gần mất Nghiêm ái xa giẫm núi rừng, mà khiến người của thiên hạ biết cha là cha của Đại thánh, biết mẹ là mẹ của Đại thánh, đã biết đó mà tôn sùng, đã tôn sùng mà an đó, nghĩa của Hiếu Tử thật gọi là chẳng quỹ (quỹ là thiếu). Đây mới là đạo Nghiêm Thân. Thi nói: Hiếu tử chẳng thiếu, trọn cho là loại đó) từng cho là bất hiếu, thì ai năng làm hiếu đó ư? Tăng Tử nói: Dưỡng thì có thể, còn kính là khó, (còn như chó ngựa đều năng có dưỡng, bất kính sao lấy làm riêng ư?) kính là có thể, còn an là khó, an là có thể rốt cùng là khó, cha mẹ đã mất, thận trọng hành thân đó, chẳng để lại tiếng xấu cho cha mẹ, thật có thể gọi là chung của hiếu) mà Đại thánh đâu chẳng đốc đó đầy đủ ư? Nếu là bậc thánh có làm chẳng trái, hai ánh sáng sớm tối chẳng trái bốn mùa, chỗ Vinh Lạc có thể trái: Là tạm hóa mà thôi, hóa lâu thì lỗi ở vật tánh, khôi quái quỷ quyệt sinh (tuy là bậc thánh chẳng thể trái với túc nghiệp). Còn tù tội đói chết vùi cốt vầm thịt là bởi đền trả nhân ở đời trước (vua Bình-sa vì không con, thầy tướng đoán là trong núi có vị tiên sẽ làm con, vua bèn giết vị trên đó để thọ sinh gấp. Lại khi chưa sinh thì làm con thỏ trắng cũng bị vua giết, nên nay bị vua A-xà-thế giam trong ngục tối mà chết. Dòng họ Thích lại vì đời trước giết cá lớn Ma-kiệt cho nên như vậy) báo ứng duyên trước, chẳng phải bậc thánh chẳng thể khiến tạm trái, chỉ vì chẳng phải dứt hẳn nghiệp lý (trong

kinh chép: Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã gây chẳng mất, lúc nhân duyên hội đủ quả báo lại tự chịu). Phàm hậu tắc khéo truyền bá thuận với thiên thời, Biển Thước thầy thuốc giúp hữu mạng, trái thời và mạng, kia chẳng thể làm, cho nên bỏ hình thì ảnh mới mất, trừ nghiệp thì báo mới hết. Nếu khiến mất ảnh để lại hình, dứt báo còn lại nghiệp, thì ảo thuật làm ra (chưa qua sám tẩy cho nghiệp dứt sạch thì đồng với thuyết của Vu Cuống yêu huyễn) xưa kia ăn thóc ngựa, Mục-liên thỉnh cầu mùi vị đất (Bà-la-môn A-xà-ni-đa thỉnh Phật chín mươi ngày, chỉ ăn thóc ngựa, ở kiếp sơ có mùi vị đất vùi lấp ở dưới đất, Mục-liên muốn vận thần thông đến lấy, Đức Như lai chẳng chấp thuận, ý chỉ bày người đời sau) Ca-tỳ bị vây quanh, Mục-liên xin dùng sắt làm thành (dòng họ Thích bị vua Tỳ-lưu-ly vây bủa, Mục-liên muốn hóa thành sắt để bảo vệ. Đức Như lai lại chẳng nhận lời, vì nghiệp chẳng thể trốn lánh) Đại thánh đều cho nghiệp báo chẳng phải như thế cho nên làm được mà chẳng làm là bất nhân, chẳng làm được mà làm, sao gọi là bất nhân ư? Nếu là được lý, tuy thương tổn mà gọi đó là nghĩa vậy, mất lý túy tồn tại mà chưa gọi là Nghĩa. Đan Quân bạc bẻo đối với Nghiêu Thuấn (vì đó bất tài nên bạc bẽo, chẳng để cho nối ngôi) Quẩn tế di đối với Chu Đán (quản tế nhị thúc để lại lời phỉ báng Chu Đán, Chu công chẳng vì cốt nhục mà chẳng giết, bèn giết quản thúc ma tế. Tế thúc) Trịnh trang Khắc Đoạn (cùng Thúc Đoạn là mẹ của Trịnh Trang Công. Vì làm loạn, Trang Công Khắc đó ở yển) Thạch Thước giết hậu (Thạch Thước là cha của Thạch Hậu. Hậu cùng Công Tử Châu Hu giết Vệ Hoàn Công, tự lên ngôi, hỏi định Quân với Thước, Thước khiến triều bày mà giết chết) bởi cốt nhục là nhẫn. Bảo Tông Thiêu phụng thờ, nêu hình pháp đó để răn bày người ở tương lai, khiến những người không con, không em, sợ mà cố gắng, như Điều-đạt, Thiện Tinh, thường mượn Hồng Tư để khỏi tội, cho nên khuyên thiên hạ làm nghịch, nên kêu ăn đàm dãi để làm nhục (Điều-đạt học thần thồng rồi, hóa thành một đứa bé ở trên đầu gối vua A-xà-thế, vua A-xà-thế nhân đó khạc nhổ vào miệng đó, Điều-đạt hứng lấy mà nuốt, nên Đức Phật cho nhục đó là người ăn đàm dãi) rõ ràng trọng khổ để mong (ban đêm Đức Phật hành đạo, Thiện Tinh thấy thời gian lâu sắp hết, bèn giả làm quỷ Bạc-câu-la để làm Phật sợ hãi, nên bị đọa địa ngục) khiến chỗ ngửi vị đều có xấu hổ tạm cách (cách là chánh, tuy ở chỗ cốt nhục tợ có sĩ nhục, nhưng Lý Quy ở Chánh Đồng Tộc là ngửi đồng với vị) không có việc may đến mà khỏi (chẳng có việc may mắn mà khởi) do đó bậc thánh hình tự gần mà xa, chẳng kín thân mà chia sơ, nghĩa của Quyền lớn đâu có lường. Nếu là đại lễ

cùng thiên hạ đồng tiết, đạo đức cùng trời đất Đồng Tôn, bậc thánh đồng thể với đạo đức, mà quân phu sơ suất lỗ thì Tôn kính trời đất, tôn kính trời đất thì gần đạo đức, gần đạo đức thì kính bậc thánh, kính bậc Thánh thì hợp tiết trời đất, mở rộng ngọn gió đạo đức, chẳng phải Đại thánh ta cần trên để cầu tôn trọng, bởi quân phụ do đạo đức mà tự tôn trọng, lễ pháp đã rõ ràng mà người là bắt chước, nên khiến hình nghi khác tục, thì chẳng khác là lễ kính, thuận với đạo đức, hình nghi chẳng khác tục, khiến khác tục là lễ kính, thì trái với đạo đức, tuy khác mà không hẳn hiền đối với chẳng khác. Chẳng khác là không hẳn ngu đối với khác, nhưng ngẫu của đất đá tiêu biểu tượng tiết đó vẫn có thể kính (đất cây đắp khắc họa tượng) con của người làm ruộng, người buôn bán phục mạo sao chẳng kính. Bốn tánh xuất gia đều đồng họ Thích, không vì dòng họ thấp hèn mà không kính, kính kẻ chẳng ra gì còn hơn không kính.(chẳng vì phàm thường mà kính thì còn hơn chẳng kính) còn dê mà biết lễ (thường lễ của Lỗ thì phải giết dê, cáo, sóc ở miếu, từ Văn Công về sau chẳng rành lễ cáo, sóc, chỉ còn tế dê mà thôi, đến thời Ai công, Tử cống làm ty thương, chủ lễ tế miêu sóc, cáo, do vua chẳng thấy sóc, bèn gần muốn phế bỏ sự của tế dê, phu tử bảo: Ông mến dê, ta mến lễ đó, quân tuy chẳng thấy sóc, thấy dê còn biết lễ này, nếu gồm bỏ cả dê thì lễ không được ghi chép, nay kính cũng vậy, mua xương ngựa để chiêu hiền) Xưa kia, Yên Chiêu Vương sắp chiêu mộ hiền sĩ, Quách Quỳ nói: Xin Vua dùng vàng ròng đắp đàn, mà tôn đối với bề tôi thì bậc hiền của phương Tây sẽ đến. Vì thân chẳng giống mà Vương còn dùng đó, huống chi bậc hiền ư? Xưa kia, có khi cầu rồng ngựa mà chẳng được, có được đầu ngựa chết là lên, Vương đem ngàn vàng cúng tế, mọi người nghe vậy đều đến, chỉ một tháng được ba rồng ngựa, xin vương tôn thần, sau quả có vui lại cùng mấy người mà đến). Bởi đại đạo của nhân luân. Nên Quân Phụ kính hay chẳng kính là tại mình, vì Sa-môn thọ hay chẳng thọ mà tại người chẳng phải Đại thánh hẳn muốn ép Quân Phụ phải kính, Sa-môn phải muốn ngồi nhận bái tiếp. Con Tân Quan mà mẹ bái (Lễ Ký Quan nghĩa nói: Đã hai mươi tuổi mà đặt tên chữ, là đạo thành nhân, thấy ở mẹ, mẹ bái, thấy ở anh em, anh em bái, thành rồi mà đủ làm lễ) Giới trụ là chẳng bái, đều chẳng mất kính của Quân thân. Huống chi nho chẳng có bề tôi, Thiên tử chẳng có Quan Sĩ chư hầu ư? (như Sào Hứa, Tứ Hạo, v.v...) nếu là Ma-da mượn tuổi thọ đợi làm mẹ Phật, thánh đã ra đời, hoàn hình về trời (kinh Hoa Nghiêm chép: Chư Phật ở quá khứ và tương lai đều lấy Ma-da làm mẹ, sinh Phật xong thì trở về trời) mẹ con có dụ sao chẳng phải là phước ư? Xưa kia,

Hạ Khải sinh mà mẹ hóa thành đá (Đế Vương Thế Kỷ chép: Lấy con gái họ Diệp nói: Tu rồi đi dạo núi thấy sao băng ý cảm, lại nuốt ý tỳ ba năm chẳng sinh, sau đó vạch hông mà sinh Võ, nay ở huyện Quảng Diệp núi Thục Vấn có vùng đất tên Thạch Tế, là nơi mẹ Võ hóa đá. Lại Võ muôn thông Viên sơn, bảo con gái Đồ Sơn rằng: Hưởng ta nghe tiếng chuông trống mà đến, Võ đáp đá năng trúng tiếng trống, nữ đến hưởng thấy Võ mới hóa động, mà đến dưới Tung Sơn hóa thành thạch nữ, mới mang thai Khải, Võ nói: Ta là con của đá về phá mà sinh khải, thì mẹ hóa thành đá). Y Duẫn sinh mà mẹ thành không tang (Y Duẫn là tướng văn của Thang, vừa sinh thì mẹ hóa thành không tang). Há chẳng tốt lành ư? Nên hai giáo nói thẳng ở đời này Thích giáo gồm bày ở đời khác, như hai người mẹ kia hóa thành đá dâu tinh hồn đi đâu, Thánh mẫu cúi đầu, nhật nguyệt xuống buồn, người đời thật thì phước giẫm sắp đến, khách nói: Ngược nhà Ngụy giết ở nội tín. Hôn Chu chẳng giống ở Huyền Lữ (Ngụy Thái Võ thác bạc đào, niên hiệu Thái Diên thứ năm diệt pháp có che giấu Sa-môn thì bị tội chết, Chu Võ tự Văn Ung, niên hiệu Kiến Đức năm thứ hai Phật giáo Huyền Tăng cũng phải gánh chịu) khiến khắp nơi xôn xao, ân vua hết sạch, mới đầu như có thỏa ý, rốt cùng thì chóng hại (hai vua lúc đầu diệt pháp dường như hợp với chí, sau đó cũng kết quy về bệnh xấu ác) kia sao đến so với đây ư? Người chủ đáp: Lệ khí un đúc mà năm nghĩa bại, gian tà làm mà muôn linh tức giận (ngũ hành đã bại, trăm thần tức giận) nên chỗ giúp của trời là thuận, chỗ người giúp là tin, chẳng phải tin, chẳng phải thuận, người trời đều giết, chẳng mất được ư? (Thư nói: Trời làm yêu nghiệt còn có thể lánh, tự làm yêu nghiệt chẳng thể trốn). Đầu đời Ngụy, Thái Tổ Thái Tông (Thái tổ là Thát Bạc Khuê, Thái Tông là Thát Bạc Từ, hiệu là Minh đế, Thái Tổ là con cả của Võ Đế) dốc tin giáo lý nhân duyên, Sa-môn Pháp quả là bậc giới hạch tinh thuần, khai giảng pháp tịch, vua Thái Tổ ban chiếu làm Sa-môn Thống, Thái Tông càng thêm tôn kính, trao cho hết ngôn từ là phụ quốc nghi thành tín hầu an thành Công Đế đến chỗ đó ở, vì cửa hẹp xe kiệu chẳng qua được nên ban sắc chiếu cho mở rộng, tám mươi tuổi mới thị tịch, Đế đích thân đến dự lễ tang, tặng hiệu là Lão Thọ tướng quân (đều biểu trưng sự sủng ái của Đế) Triệu Linh Công Thế Tổ lên ngôi (Thái Võ Hoàng Đế) mới đầu vâng hành, thường dẫn các vị Sa-môn cao đức cùng chung bàn luận, vào ngày mồng tám tháng tư, kiệu tượng ra giữa đường rộng, đế ngự đến cửa, rải hoa cúi đầu cung kính, chỉ vì tám tuổi lên ngôi, thưa hỏi Quốc Chính với quan Tư Đồ Thôi Hạo, đến lúc gặp được Thiên sư Khấu Khiêm, ban chiếu

cho các châu trấn lập đạo tràng gặp Cái ngô phản lại ở Hạnh Thành, Quan Trung bị nhiễu loạn, niên hiệu Thái Diên thứ năm tức năm Kỹ Mão, Đế tiến về hướng Tây đánh Trường An (thời Hậu Ngụy đóng đo ở Bình Thành) bấy giờ, Sa-môn có gieo trồng lúc thóc, trong chùa có ngăn đạo mục, Đế vào chùa xem ngựa, theo quan lén nhìn, thấy trong phòng có tài sản cung nỏ mục thú, do các nhà giàu gửi giấu, mọi vật nhiều đến muôn vàn, khi ấy Đế mới hai mươi bốn tuổi, Xuân Thu dồi dào mà ít ở Lý Học, thấy việc ấy hợp với lời nói của Thôi Hạo, do đó ban chiếu, đốt phá kinh tượng, chỉ để lại bốn chùa dưới đài như Trường An. Niên hiệu Thái Bình Chân Quân thứ năm lại ban chiếu, từ Vương Công trở xuống đến thứ dân, có ai riêng chứa Sa-môn, kỳ hạn ngày mười lăm tháng hai năm đó phải ra, quá kỳ hạn chẳng ra, Sa-môn thì tội chết, người dung chứa thì giết cả nhà, bấy giờ, Tông cung phụng Thái Tử giám quốc dâng biểu cản ngăn: Hình giết Sa-môn rất tàn khốc, lại chẳng phải tội của Đồ Tượng, nay nên bãi bỏ đạo đó, phá dẹp các chùa, ở đời chẳng tu phụng, đất gỗ xanh đỏ tự nhiên hủy diệt, tấu chẳng thực hành, năm đó thầy của Thái Tử Hoãng là Sa-môn Huyền Cao, do Thôi Hạo sàn tấu, nên đều bị giết (cùng Thái Tử đều như vậy) nhưng tháng ba mùa xuân niên hiệu Thái Bình Chân Quân năm thứ bảy, ban chiếu Phật pháp tất cả đều trừ diệt, Sa-môn chẳng kể lớn nhỏ đều bị chôn sống. Tông Cung nói tuy chẳng dùng, còn hooãng tuyên chiếu mạng lịnh xa gần đều được che giấu, tính kế chạy trốn. Thôi Hạo chết khoảng năm thứ mười một, Võ Đế Di Lưu bị Tống Ái là một người bị thiến làm hại (hậu Ngụy mới đầu đóng đô tại Bình Thành, họ Thác Bạt đến thời Hiếu Văn Hoàng đế mới dời đô đến Lạc Dương, đổi thành họ Nguyên. Tây Ngụy nương theo Vũ Văn Thái đống đô ở Trường An, Đông Ngụy đánh triệt cung quyết Lạc Dương đóng đô ở Nghiệp Thành) lúc đầu Thôi Hạo và Khấu Khiêm đồng theo vua Khấu Khiêm tranh giành mà Thôi Hạo chẳng theo, Khấu Khiêm nói: Nay ông thúc giục tuổi thọ, diệt cửa nhà (cuối cùng sắp bị giết còn khiến đái vào miệng đó) Chu Cao Tổ cho rằng Sa-môn ứng với sấm đen, lúc đầu Thái Tổ Hắc Thái gặp Ngụy chạy về phương Tây, y vật cờ xí đều chuộng sắc đen, sau đó Sa-môn đều mặc y vàng, dân Tề rất kỵ, mà người Chu lấy làm chẳng hắc (đen chẳng phải quạ) giết họ Ô chẳng hắc, chẳng phải đậu, bèn giết họ Đậu, có Vệ Nguyên Tung phản phúc, (người huyện Tân Phồn đất Thục, phản phúc là dâng trạng văn sa thải) Mũ vàng Trương Tân cùng Ngẫu Canh (ngẫu là đối, canh là dùng khẩn ở Tông giáo hai – nùa Xuân Thu ngẫu nước Tấn) Đế-đích thân thọ phù lục, tháng ba mùa xuân năm kỷ Sửu tức

niên hiệu Thiên Hòa thứ tư, nhóm họp cả Tam giáo những người có gia văn, và văn võ hơn hai ngàn vị, kiểm bàn Hưng Phế chẳng nhất định, qua tháng tư mùa hạ, ban chiếu, ban chiếu ty lệ chân loan xét rõ, niên hiệu Thiên Hòa thứ năm, Chân Loan dâng luận Tiếu Đạo (ở trong tạng) để lấy làm rõ đạo pháp luống dối rất là thấp hèn. Đạo An dâng luận Nhị Giáo để mưu hơi ngầm, đến tháng năm mùa hạ niên hiệu kiến đức thứ ba giúp hai giáo hủy nhau, kế đó lại thực hành, Thích Lý đồng bỏ, sánh như chó rơm. Lão Tử đạo kinh cho muôn vậy là con chó dồn bằng rơm) chôn tượng giết người, chẳng thể nghe nổi, mùa xuân niên hiệu Kiến Đức thứ sáu Chu Sư đánh Tề, tự lấy làm giúp của diệt giáo (ngày mười chín tháng giêng niên hiệu Kiến Đức thứ sáu Bình Trị Bắc Tề, được Ấn Ngọc do Tần Hà truyền, vuông bốn tấc, văn viết là: Nhận mạng ở đời, đã thọ Vĩnh Xương, được năm mươi châu, ba trăm tám mươi lăm huyện 3.002.528 nhà, 30.002.886 người, tháng hai sư trở về) Qua niên hiệu Kiến đức thứ bảy, đổi niên hiệu là Tuyên Chính, năm đó chẳng kịp thường mà băng ở Vân Dương (thường là thu tế, tháng sáu Đế băng, ngày Thái Tử Bân lên ngôi, tuyên đế đổi niên hiệu là Đại Thành, Đại Tượng, hoang dâm tửu sắc, vào chợ vào thuế đều một tiền, sau đó lập Thái Tử làm Đế, Tự xưng là Tuyên Nguyên Hoàng Đế. Hễ tham, hễ trọng lợi nào đoái hoài đối với Quân thân, như Thương Thần khoát quý không lánh điều ác (Thương Thần là Thái Tử Sở Thành Vương, giết cha lại thêm tên thụy xấu ác, mắt cha chẳng nhắm, đổi thụy hiệu là thành mới nhắm, Khoát Quý là Thái Tử Vệ Linh Công muốn giết mẹ, Nam Tử chẳng nhanh chóng bèn bỏ chạy, Công chết mới lập con của Khoát Lý, cha con đánh nhau giành nước, ra vào giết hại nhau, đâu lánh tiếng xấu ác) Thác Bát vì lời dèm tấu mà giết Nguyên Tử, (Thái tử Hoãng bị Tông Ái sàm tấu hành dâm ở nội cung, Đế tức giận, Thái tử Hoãng sợ giết chết nên sắp mưu tính phản nghịch, đế mới giả vờ chết sai gọi Thái tử đến, dùng lộng sắt giam giữ đó, đánh ba trăm gậy rồi giết chết ném vào bụi gai. Thường Thị Tông Ái về sau hại đế) Vũ Văn vì ngờ kỵ mà hại Gia tể (Tấn Công Vũ Văn Hộ làm Thái Tể chấp chính, thường nghị kỵ đó, tháng ba niên hiệu Kiến Đức thứ nhất đế tự đánh giết đó ở trong cung, Đế tự nắm cả muôn cơ, kia còn là kình nghê đối với cốt nhục mà há đấng năng nhân tha thứ ở đạo đức ư? (cá kình nghê lớn mà ham đấu đá) nên nay đồng tử Tam Xích không gì chẳng để chưởng, thở dài với việc đó (để chưởng là chống tay mà bàn nói) buồn thay hai Võ chẳng được làm quỷ, sao mặt dày đối với Tổ Khảo, khách nói, Ngụy Linh Thái Tổ sắc đồ hết sản của Ức Triệu, lao vời như tạo hóa, người thật gìn giữ

đó, trời như bỏ đó, nên một mai làm tai họa, khói lửa cháy rực ở chín bụi trần un cháy suốt ở Trùng Ngân(nhiều lớp bờ) chưa dụ ý trời, có thể nói ư? Người chủ đáp: Phàm vật lấy hợp độ làm đức, mất độ làm nghiệt làm đức thì thường, làm nghiệt thì mất, họ Hồ là Nghiệt, vì quá với đại tráng, đâu thường của quỷ thần, bởi do sức người, đó cao ngàn thước, gồm có chín tầng, trên sát bình vàng, đựng được hai mươi lăm hộc. Vàng hứng lộ bàn mười một lớp, bốn góc khóa sắt, bốn đường dẫn sát đều tủa linh vàng như một hộc khí, bốn mặt đều có ba cửa lớn, khoảng giữa có sáu cửa sổ, cửa son chạm vàng, trụ thêu vàng thiếp, gió thu suốt đếm chói lòa giữa hư không, âm vang leng keng vang xa hơn mười dặm, chăn dài rông tỏ, lên xuống trót vọt, bậc nhất ở Diêm-Phù-Đề. Kinh (Dịch nói: Xưa kia Huyệt ở nơi đồng trống, đời sau bậc thánh đổi thành cung thất, trên nóc dưới mái để đãi gió mưa, bởi lấy các Đại tráng, chưa có trái khiêm vượt lễ, năng tráng đó ấy) tuy thạch thì cực, mà nam có cường lân, giữa phân nhật nguyệt. (Bấy giờ, Thái Hậu ở Lạc Dương, Võ... Kim Lăng) nước có gian thần cầu bệnh của chủ (nghĩa là loại của Nhĩ Chu Vinh) vàng ngọc đã hết, vật dịch cũng khổ, sau đó Nhĩ Chu thừa khe hở, chân động dưới cầu song Triền Lạc, áo mão mất nơi cá ba ba (Thái Hậu chẳng tu đức chính, Nhĩ Chu Vinh, v.v... kháng biểu nói: Nay trong nước đều nói mất đế vì chẩm độc hại đó, vàng trẻ con chưa nói để đến bốn biển, Vinh bèn dẫn mọi người vượt qua sông, bèn đến Lạc Dương, sai kỵ bắt Thái Hậu và thiếu chủ ,v.v... và Triệu thượng thư Trương Ly, Trương Lương đều xây một ngôi tháp lớn, Phật-đồ-trừng bảo với đó rằng: Thờ Phật ở nơi thanh tịnh vô dục, từ căng làm tâm. Đàn việt kính thờ đại pháp, làm sao có thể mong cầu của phước báo, Da-ly v.v... về sau đều bị giết chết, chỉ tâm người không gửi gắm nên gá tháp tượng để nói,Lý Nghệ thì nên lấy tâm của bậc thánh từ thứ. Nếu ngoài chinh phạt nịnh thiện, trong giấu tàn ngược, hẳn chỗ nhóm hợp của nghiệp hại, chẳng phải sức thánh mà năng a dua đó, vả lại Đại thánh bị cắt thịt xoa da tánh vẫn bình đẳng không hai (Đức Như lai có ba bình đẳng, bên trái dùng Chiên-đàn xoa, bên phải dùng dao bén cắt, ở giữa một người không cắt không xoa, Đức Như lai đến với ba người đó, tâm vẫn bình đẳng) sao có thể vì một ngôi tháp mà cho đó chẳng phải thiện ư? Nên làm thiện là phải, đem Thiệu đến thiện, không thể chẳng phải thiện đến thiện. Thư nói: Con cái móc không sớm, sớm của con đực móc chỉ đòi của nhà, hoang thay! Hồ Hậu đòi nhà của họ Nguyên (văn của Mục Thệ, Đem phụ nữ biết quốc chính dụ cho mẹ móc thay đực móc kêu thì người nhà phải lặng đòi, là dụ cho Hồ Hậu biết chính) tuy muốn

dựng chẳng Công của thế gian, mà thật nhọc chẳng tạo của nhà (hậu Ngụy Linh Thái Hậu Hồ Thị là Hậu của Tuyên Võ và là mẹ của Hiếu Minh, nơi Hồ Sung Hoa Tôn làm hoàng hậu. Hiếu Minh nhỏ dại, Thái Hậu lâm triều xưng chế, dâm loạn nơi triều, bảo thị thần bấn, không thể phạt đó, tự bấn lỗ kim, trong đó vui mừng, Đại thần tuyên dâm, có Dương Bạch Hoa là người có tài năng tướng mạo, Thái Hậu bức ép, Bạch Hoa sợ họa mới chạy trốn đến đất Lương, Thái hậu nghĩ theo chẳng quên, bảo các văn sĩ làm ca từ, suốt đêm ngày sai người trong cung ca xướng liên tiếp rất buồn thảm) nói: Gần phía đông giết trâu, chẳng như tế được của gần phía Tây tế nói quỷ thần hưởng ở khắc thành, mà sánh với bậc thánh ư? Có chỗ cho rằng của cải trái đọa làm thiện còn hơn so với tế ác chẳng tuyên bày biến đó, kia là A-lợi-dung, chẳng phải kẻ sĩ khinh gốc trọng ngọn. Phàm Sa-môn chứa nhóm buôn bán làm tượng, luật gia không lễ (chẳng trọng chẳng phải đạo. Hồ Khâu trộm tài vật làm thức ăn, nghĩa sĩ mửa ra: Viên Tinh Mục từng đói khát đạo, Hồ khâu trông thấy đến mà hưởng đó, nhân đó hỏi: Ông là ai? Đáp tôi là Hồ Khâu, xót thương ông đói nên trộm cơm cha để cho ông. Nói: Tôi là nghĩa sĩ, chẳng ăn thức ăn vô nghĩa, bèn chống hai tay nơi đất, oái nhả đó mà chết, xuất xứ từ Liệt Tử) Lễ nói: Cha mẹ đã mất, phải cầu gạo thóc của bậc nhân giả để cúng, đây gọi là lễ, vậy biết của cải chẳng phải lễ thì chẳng làm phước. Nếu chiếm thật như điều đã nói, bởi tiểu nhân ở trong chẳng phải đạo tự nói hơn kém. Đó do con của thường hủy hú chẳng nối tiếp cha là đức (chẳng kế thừa cha hung hủy làm đức) trộm của mở tráp, lấy năng hành nhân nghĩa làm hiền (Quỷ Cốc Tử nói: Mở tráp mò đãy khư bàng vậy, từ bên cạnh mở lấy làm khư) cũng chẳng phải rõ bày, lưu huấn của khuyển điển. Khách nói: Lương Võ dốc chỉ mở mang, nổi tiếng khắp vũ trụ, đáng với trời khuyên gồm giáng trời trọn mạng sao phân băng lìa chiết cốt nhục tàn hại nhau, chẳng phải hết đời mà có dụ ư? (Lương Võ Đế Tiêu Diễn thọ trai thiền, chỉ tôn sùng Phật giáo, Tông Miếu ăn chay thân mặc pháp phục, xả thân vào chùa, bề tôi góp tiền chuộc về, đến lúc Hầu Cảnh phản nghịch, tại thành Thạch Đầu chôn vùi buồn tức mà băng, Giản văn Hiếu Nguyên thảy đều bị hại) người chủ đáp: Lịch số tại trời, biết nhỏ nhiệm tại thánh, mà bậc hiền con mờ tối, huống chi chỗ tài năng thích hợp mà nói ư? (...) trong niêm hiệu Đại Thống, họ Tiêu ứng vị của báu lớn, hành giáo của bậc thánh, hoặc chẳng thấy tâm của bậc thánh xa, phàm mặc văn thể đeo kiếm bén, mang tấm chắn để đến các hậu, đâu hẳn tổn mình làm đài lệ ư? (đài lệ là kẻ nghèo hèn, lại làm tạo lệ thông) hẳn

như nhàm chán nhà vàng để cung thấp bé (tề là ưa thích). Hồ chẳng trải có đức mà cao nhường, giẫm dây vàng mà chẳng trở lại (Hồ là sao, Kỳ Viên dùng dây vàng giăng ranh giới đất) đâu đợi có cầu xin của bên bề tôi ư (Lương Võ ở trên muôn thừa, ba lần xả thân vào thường trú để cung cấp tiện lệ, triều thần đem muôn tiền chuộc bèn trở về) Dương Chu nói: Đường Nghiêu ngụy nhường để hưởng phước, Di Tề thật nhường mà làm cho đói khát, huống chi Họ Lương gồm mất cả ngụy, thật ư? Tuy bốn mươi lăm năm giang biểu vô sự, mà chính hình tương khuyết, lễ nhạc băng buông, chính dao chẳng giảm, giáo bụa không cáo, vua xướng tôi hòa, cha xướng con hòa, tự cho là trí lý vô vi, Cao Đàm trị nước bèn khiến cho Hầu Cảnh dòm ngó, cậy trời làm oai, đã mất thân đó cũng bỏ tộc đó. Thượng cửu ở đầu, đâu được không hối (dịch càn quẻ thượng cửu lữ lục, Kháng long có hối ở cùng cực của thượng vị, là nói biết tiến chẳng biết lùi, biết còn chẳng biết mất, biết được chẳng biết mất. Niên hiệu Thái Thanh thứ nhất, Hầu Cảnh làm phản ở Thọ Xuân, bèn vượt qua sông, bao vây Đài Thành. Trần đế đến mười mất viện quân chẳng có chí đánh, bèn vúi lấp Đài thành, Hầu Cảnh tự làm Thừa tướng. Đế buồn giận thành bệnh, miệng đắng đòi mật chẳng được hà hà mà băng thọ tám mươi sáu tuổi) Tống Văn Đế nói với Cầu-na-bạt-ma rằng: Đệ tử thường muốn trai giới, chẳng giết bức hại, đem thân theo vật chẳng được theo chí, Pháp sư lấy gì chỉ dạy! Cầu-na-bạt-ma bảo: Đế Vương so với thất phu, hạnh tu đều khác, thất phu thân hèn danh kém, nói lệnh chẳng oai, nếu chẳng khắc kỹ chỗ thân thì lấy gì làm dụng, đế vương lấy bốn biển làm nhà, muôn dân làm con, nói ra một lời các hàng sĩ nữ đều lấy làm vui, bày một thiên chính, người thần đều hòa, nên phải hình luật không yểu mạng, khiến làm không nhọc sức, khiến gió mưa thuận thời, lạnh nóng đúng tiết, trăm thứ lúa thóc đượm nhuần, dâu mè tươi tốt, trì trai như vậy trai cũng lớn lên, chẳng giết hại như thế, đức cũng nhiều (thanh khiết là trai, phòng phi là giới) thà tại cửa ăn vào giữa ngày để toàn mạng một con thú, sau đó mới là rộng tế. Đế vỗ ghế bảo: Lời pháp sư nói thật đáng là khai ngộ tâm người, minh đạt vật lý, có thể gọi là bàn nói ở giữa trời người. Tốt đẹp thay như người chẳng phải riêng dụ tiến ở chân môn, ước cũng giúp hưng thạnh vương hóa, mà trai đó và giới tuy thiên tử đến thứ dân đạt chí lý đó, còn ngũ hiếu chẳng đồng kinh đó (Thiên tử lấy bác ái rộng kính làm hiếu, chư hầu lấy chẳng kiêu cẩn pháp làm hiếu, Khanh đại phu lấy tuân theo pháp ước lễ làm hiếu, sĩ lấy mến cha đồng vua làm hiếu, thứ dân lấy nghiêm cẩn tự thân dưỡng (người) thân làm hiếu),

nghe một để biết hai; đó tại Tống Văn ư? (Văn Đế tên là Nghĩa Long, con thứ ba của Tống Cao Tổ, lên ngôi đổi niên hiệu là Nguyên Gia, có tài Văn Võ, chứa đức khoan dung, cần khổ tiết kiệm, làm vua ba mươi năm) vừa rồi khiến Lương Võ nhận thâu Đại Lộc khó thứ quan thuận khảo cổ thận quyết chung (lộc là lục, nghĩa là thân muôn cơ, chọn nhậm các quan chỉ khó được người, thuận xét đế đạo xưa mà thực hành, kính thận rốt cùng đó. Cái gọi là an phải nghĩ nguy trị chẳng quên đạo của loạn) xét ở lời trước mà hoặc chẳng bằng nạn này (nếu Lương Võ thường xét lời nói trước, sợ chẳng kịp nạn của họ Hầu), Thái Tử Cương (tức Giản Văn, con thứ ba của Đế) Luân (tức Thiệu Lăng Vương) Kỷ (thứ sử Ích châu Võ Lăng Vương) Tôn Thất các vương rất thoải mái văn mực, thỉnh đế tự giảng, bèn ban sắc đáp rằng: Các ngươi chưa đạt gian nan của cấy gặt, sao biết mang nặng của thiên hạ, chỗ chủ thường quân tử trẻ lấy nối bước che đầu đều do an chẳng nghĩ nguy, huống chi chưa an hay sao? Ân Giám chẳng xa, tại nơi đời trước, nay chỗ tôi hành tuy khác với ngày xưa, chỉ biết giảng nói, chẳng lo việc nước, thì cùng người kia khác thuật đồng mất (thuật là đường lối) nói trước sau nhiều lần cầu thỉnh, Đế cũng nhiều lần kháng cự, chỉ tuổi cao khí mờ, tinh hoa đã cạn kiệt, nhà có con nịnh cha, triều có sĩ chẳng phải cung, trước chẳng sau đáng, chết như đã nói (như lời nói khác thuật đồng mất, đến sau khi Hầu Cảnh làm loạn. Đế băng, Hầu Cảnh lập Giản Đế tìm chỗ tối đến tỉnh Vĩnh Phước để bặt người mong, về sau Hầu Cảnh lại giết chết, đến vương tăng biện phá, Hầu Cảnh lập Hiếu Nguyên Đế. Binh lính Hậu Ngụy đến thành chôn vùi bị bắt, nhưng phú thi làm túi đất chôn đó, Tiền Lương bốn chủ, nước quy về nhà Trần, hậu Lương ba chủ nước vào nhà Tùy) Khách nói: Một người mất ngự đã bị trời trách phạt, trăm thợ hành khắp lỗi gì dự nạn đến nỗi khiến chết là đùi mang đầu dựa, mà ngày tiếp nối ư? Người chủ đáp: Nói gì vậy? Phàm vua nhục tôi chết, huống chi vua chết ư? Phàm đế thiên hạ là lấy nhậm trung lương làm thánh. Trung lương lấy vệ xã tắc làm hiền, nên bề tôi của Văn Võ tiến nghĩ tận trung lùi nghĩ giúp lỗi, tuy đương thời ứng khí của Kim Lăng, chợt gặp vận của thời ung. Đài Cổn chẳng nghe ở Triều Toán, chinh soái chẳng nghĩ ở lấy thắng, vì vậy nhà của Thi Tố đều dùng văn chương tự huyễn (trầm ước, hà thượng chi, nhan diên niên v.v...) như pháp Bảo Liên Bích, Hình thần diệt luận đều đáp Phật tánh hai đế khó đồng, vua chẳng có oai đó, tôi và hại gần(võng là không, Hại là Hầu Cảnh) ràng buộc vườn uyển, vật dịch chẳng phải nhậm, Trang Thị nói: Người bồi bếp tuy chẳng sửa bếp, thi chúc đâu thể vượt khỏi thớt mỏng ư? Xưa, Trần Bình

chẳng đối nơi kho lúa thóc (Văn Đế hỏi Chu Bột thiên hạ kho lúa thóc ít nhiều, khố tàng tiền vật thường ngày xuất nhập bao nhiêu, Chu Bột toát mồ hôi chẳng thể đáp được, đem hỏi lại Trần Bình, Bình nói: Xe của kho lẫm mỗi có Ty Tồn, tể tướng chỉ điều âm dương mà thôi) Bính Cát ải thì hỏi Ngưu Suyễn (Bính Cát tự là Thiếu Khanh, người xứ Bắc Hải, làm tướng thời Hán Tuyên Đế, Thấy Ngưu Suyễn hỏi đó lại gần xa, nếu gần là âm dương mất độ) nên làm vua là phải làm ở vô vi (thiên tử rủ áo xiêm mà cầm thẳng tua mũ tơ vàng mà thôi, đây tức là vô vi) chẳng vì mình khéo ở hữu vi, chẳng vì mình khéo nơi vô vi (chẳng khiến vua làm ở vô vi (tôi chẳng nương chấp chính khiến vua tự chủ) do đó lửa của Liệu Nguyên nhúng tụng quyết không tha) Thư nói: Xấu thì đổi, nếu liệu của lửa ở Nguyên, chẳng thể hướng gần, đó do có thể đánh diệt ư?) thoát bức dư thi (dịch tiểu súc quái chín hai từ. Dự thoát bức sư quái sáu năm hào từ nơi đệ tử Dư Thi) làm sao than kịp! Thi chép: Tĩnh cung là vị ấy, chánh trực là cho, thần đó nghe đó, thức cốc dùng ngươi (thi,Tiểu nhã, tĩnh là trị, nhĩ là ngươi, thức là dụng, cốc là lục, nói kính trị chức vị ngươi chính sự, người chánh trực mới cho làm luân, thần nghe việc của ngươi làm, dùng phước cho ngươi), kia chẳng cùng trực thức, cốc sao mong được? Khách nói: Kiều-trần-như mặc y phục xấu năm tiền, Tu Bồ-đề ở phòng hoa trăm báu, đều là bậc thánh, (Kiều-trần-như cũng gọi là Kiều-trần-na, thì năm câu luân, chẳng cầu hoa sức, Tu Bồ-đề xuất gia lâu mà chẳng đắc đạo quả, Phật bởi A-nan, A-nan thưa: Vô thiếu ở mọi thứ của báu vui nên như vậy. Phật bảo A-nan đặt cho, A-nan không có vật báu, Phật sai vào cung vua mượn để trải trong phòng, liền được giải thoát, chứng quả A-la-hán) . Địch Nhạc trọn đời một áo nạp (là Nam Nhạc Tuệ Tư) Huyền Cảnh mỗi xế chiều thay áo (Cao Tăng Huyền Cảnh mỗi ngày phải thay áo mới, trải qua thân thì đem thí cho người) đều là cao tăng, sắp tu ở mình, bốn thứ gì trước tiên? Người chủ đáp: Thiện đối với thiện không gì chẳng thiện, chẳng thiện đối với thiện không gì có thể thiện. Nên bốn đây là khắc hay chẳng khắc là ở nơi ta, đáng hay chẳng đáng chẳng ở nơi vật (năng tu hay chẳng năng tu là ở nơi người, chẳng phải do vật bên ngoài) vậy sao hễ nghèo thì chì làm cho mình tốt, giàu thì khắp thí rộng giúp, xa xỉ thì chuyên việc lễ, tiết kiệm thì gần với nhân, là bậc hiền trí, nghèo nên thì vẫn hoạch, giàu có thì gia thực (văn quẻ đại súc. Thật của đại súc dùng đó nuôi Hiền, mạng hiền là chẳng gia thực) xa xỉ thì tiếm dật (vì chẳng khiêm tốn, như họ Quý, v.v...) tiết kiệm thì cố lậu (như Yến Anh tiết kiệm chẳng hợp lễ, đều là cố lậu) là ngu bỉ. Nên bậc thánh chẳng cách giàu nghèo, đối với

nghèo giàu đều là bậc thánh. Hiền chẳng cách ngăn xa kiệm, ở nơi xa kiệm đều là cao tăng, người xưa nói: Kiệm là cung của đức, xa xỉ là lớn của ác, mà thật chẳng đức chẳng kiệm, ác đầy mà xa xỉ, thật là mang thai họa sao chẳng kỵ ư? Dịch chép: Phong ốc đóv.v... nhà đó lớn nhìn cửa đó, nghe đó không người, ba năm chẳng thấy hung dữ (là che ngăn Dịch Phong quái thượng lục hào từ, ý đó nói: Không đức mà được lộc là tai họa của thân, ba năm phải chịu ương đó, nên nói nghe đó không người) chỉ tơi thuê da võ, chỗ thánh từ chấp thuận, nay có hành thì là quả đức, trái lại thì hợp đạo, là nói lầm. (Cho rằng mặc tơ gấm là quả đức, dùng lá che là hợp đạo, rất không biết Như lai có đạo khai già, vì tục tình chấp chặt) đó có chuyên tự khổ tiết, mè ngải nuôi thân, cao lắng nghiệp đó, đây đáng ưa chuộng, nếu chuông hạnh mua danh vận mặc khinh tích duệ tiêm câu (cô là bán, kiểu là luống dối, tích là vải mịn, vốn không đạo đức, dối hiện hồ tiết, dùng vải mịn làm y, dùng vải thâm làm vạt, kiệm nào có đó) thật ra thì xa xỉ chẳng phải thương tài (của cải) sao làm liêm sỉ, ăn mặc là tiêu biểu của tâm hành, được nghi thức đó thì ít nhục ít lỗi, trái nghĩa đó thì mở gian thâu nhận hại, nên Lễ nói: Quân tử ở suy diệt thì có vẻ buồn, ở đoan miện thì có vẻ kính, giới trụ thì có vẻ chẳng thể nhục, so với đây. Sa-môn ở đạo huề thì phải có vẻ hư tĩnh (đạo huề là ca sa, Đức Phật thấy ruộng nước, chỉ mà bảo với A-nan rằng: Đệ tử ta phải cắt rọc làm y, như ruộng nước này có nghĩa xuất sinh. Có thể sinh ra ruộng phước), hư là đạo, nên chỗ ăn mặc tại đạo chẳng hẳn ép dùng da tơ mà cứ chấp nối giúp người chuyên việc dối trá (nếu chuyển giúp vải chấp vá thì dối trá là chuyên ở trong sức) đời Lương, Thẩm ước cho rằng Sa-môn ăn thịt, Tiểu giáo tuy dung thứ mà sau giáo lấp trái, lý của tằm lụa thì sao chẳng vậy, chỉ giáo truyền lại có sót khuyết, chẳng thể chấp nhận, bèn soạn luận cứu cánh từ bi, rộng bày ví dụ đó, nhưng lo nói sai (thẩm ước tự là Hưu Văn, người xứ Võ Khương, Ngô Hưng lưu ngụ nghèo nàn, dốc chí ham học, đêm ngày chẳng nghỉ, người mẹ sợ ông khổ nhọc nên thường giảm bớt dầu tắt đèn, đến lúc giúp Lương Võ lên ngôi, nhiều lần chuyển đổi thượng thư, lâu ở đoan quỷ, có chí đài ty, đế chẳng hề dùng, gửi thư khuyên cố gắng, gắng làm lời đối với đế, chỉ thêm cổ xúy mà thôi, tỷ ước tánh chẳng uống rượu, ít đắm dục, mắt trái có hai tròng, lưng eo có tử chí, nhóm góp sách hai mươi ngàn quyển, làm Đan Dương Duẩn Thị Trung, thôi nghỉ chức quan, soạn thuật sách Tấn, Tống, Tề, v.v...) tuy muốn rộng bày thấy biết đặt thù đó, mà ý của bậc thánh thì hoặc chẳng như vậy. Phàm nhân lo rỗi giới, bỏ tổn đến ích, lỗi của ăn thịt, hung tợn mà không mưu tính (kinh

Niết-bàn chép: Người ăn thịt thì chúng sinh xa lìa, kinh Lăng Nghiêm chép: Là chư Phật oán, dứt giống từ bi, tất cả quỷ thần đêm rằm liếm môi mép, phước đức ngày một tiêu mất) người trí còn khinh bỉ, huống chi bậc thánh ư? (Mạnh Tử nói: Vì vậy quân tử đối với cầm thú, thấy nó sống mà chẳng nỡ thấy nó chết, nghe tiếng nó mà chẳng nỡ ăn thịt nó, do đó chẳng gần kẻ bồi bếp) thịt da giúp hình nghi phục tu khiết, người đời không hề cười chê (nên Tỳ-kheo Mã Thắng dùng oai nghi nhiếp chúng) bậc thánh do vậy mà ngợi khen, nên trong kinh chép: Treo giăng phước lọng, lại nói lụa mềm mại dùng làm chăn gối (kinh Pháp Hoa) nếu y theo ngày nay chưa dứt là do kinh chưa truyền đến đó, mà Niết-bàn chấp thuận có ý Kiêu-xa-da (nghĩa là y đẹp mầu đỏ, lại nói là thượng phục giá trị ngàn muôn, cúng Phật và chúng tăng) vì sao chẳng đầy đủ ư? Chỉ ở đời họ Tiêu, họ Trần con người quá tin, pháp giáo đượm rõ, từng đọc Tề Thái Tử và Lương Trần Thư, từng xả bỏ cổn niệm xe cộ và ngọc báu làm các kinh sám, cầm bút tuông từ, lấy hạnh nguyện Bồ-tát làm trẻ nhỏ đùa vui. So ở thời Chu Ngụy thì hơn, mong cầu nơi phong giáo thì bệnh, Khách nói: Pháp Vân rong ruổi khắp Điếu Khánh, kẻ dèm pha cho đó là nịnh, Linh Dụ Kiệm mặc vải xấu, bấy giờ bàn nghị cho đó là kiểu (pháp vân là sau Chu xứ, gặp trong tang mẹ, Hủy bệnh quá lễ nhiều ngày chẳng ăn, đến nổi chẳng muốn chôn cất. Tăng Mân can ngăn rằng: Bậc thánh chế lễ bậc hiền cúi đến, kẻ chẳng hiền mong và hủy tánh chẳng diệt, còn xứ từ sách Nho, huống chi Phật có yếu chỉ gần thì kính phụng sắc dưỡng, xa thì phát khởi Bồ-đề, huống chi giặc ân ái chẳng thể dung túng, mới cắt tình đau thương, dần hồi ăn cháo, Linh Dụ vì chu diệt pháp, bèn ngầm ẩn hình đời, quần áo trảm thôi, ba thăng vải bố đầu quấn đai gai, như chịu tang cha mẹ, thề phải được Phật pháp trở lại như lúc đầu mới tiếp nối nghi cũ) Phàm đức hạnh như vậy, sao được chẳng thâu? (thâu là bạc) người chủ đáp: Cho người không cần đủ. Lễ nói: Lấy nghĩa độ người thì khó làm người (chẳng thể cầu đủ. Lấy người trông người thì bậc hiền có thể biết rồi vậy (vì hiền trông kẻ chẳng hiền thì biết hơn kém) phàm lấy pháp phục chật vật làm pháp thì nhục mình, chẳng làm pháp thì gồm nhục pháp (làm số làm chúng thì theo trần còn có thể ngõ hầu, chẳng phải đây thì là nhục) chỉ bậc đại số hoặc dùng lý thông làm tốt đẹp (trái giáo thuận lý cũng có thể thực hành, nhưng giáo có quyền thật) nên Hoàng Thường Nguyên Cát tin tại nội (khôn quái Lục Ngũ từ). Hoàng là sắc trung chánh, thường là nghiêm sức ở phía dưới, khôn là bề tôi, Đạo tận mỹ ở dưới, nhậm phu văn lý rủ Hoàng Thường để được Nguyên Cát, như Pháp Vân, v.v... vì pháp

mà đến cõi trần). Tấn Văn Công quỷ quuyệt mà chẳng chánh, chẳng phải chẳng bá.(Văn công là trùng nhĩ, sau của phục tấn, đại bá chư hầu, sắp triều chu tự chê bai mạnh mẽ, bèn vời vương khiến ra mà hành thăm lễ, phu tử nói: Lấy tôi với vua chẳng thể răn, nên Xuân Thu đổi thànhthiên vương thú đến Hà Dương, là vì quỷ quyệt mà chẳng chánh) như Pháp Vân đâu được chẳng làm cao tăng? Người đó là anh mẫn trong trời người, sống nổi trôi nơi đời, cảm thông Linh Thụy thân chết mà lời nói còn, thật là sự tốt lành của pháp (Pháp Vân, mẹ họ Ngô, ngày sinh pháp Vân thấy mây lành tỏa khắp hư không, nên đặt tên là Pháp Vân, trụ chùa trang nghiêm ở Nghĩa Hưng, giảng các kinh Pháp Hoa, Tịnh Danh, v.v... như gió nhanh ứng biến, người thời bấy giờ gọi là ảo Pháp sư, nhưng xứkia, Viễn Công ảnh chẳng ra khỏi núi, vết chẳng vào thế tục, đón đưa chẳng qua Hổ Khê. Tuệ Hy rêu phủ, một lần hơn ba mươi năm ngồi ngay giường, tầm hai đầu trần hợp chắc thì nhục(đời Thục, Sa-môn Tuệ Hy ở chùa Không Tuệ, người xứ Thành Đô thuở nhỏ ham thích thiên vịnh, nhân cùng Sa-di Đạo Trưng chùa Đại Thạch liền xướng thi chương bèn thành lời, nhàn rỗi mới hồi ý, gá tâm thiền quán, đến lúc thọ giới cụ túc mới tập học tất cả kinh luật, nghiên cứu ba luận, đêm nghỉ tại phòng chỉ ngồi một giường, tâm hai đầu bụi đầy, ngoài ra phòng đất, chỉ có một dấu vết, còn lại toàn là rêu phủ) Linh Dụ nói: Tôi lừa đời mà làm thiện, còn hơn so với trực tâm mà làm ác, đó là hứng nói ở người xưa, tiếp nói đó là ở Linh Dụ, phàm Quản Yến đều làm Hiền đại phu, Quản Thế, Yến Lậu trước lễ, sau đồng cười chê (Quản Trọng là Tề đại phu Di Ngô, lấy chín con gái của ba nước, Quan sự chẳng nhiếp, dùng dựng cửa chấn bít và đặt điếm phản đều là tiếm, nhưng tướng Hoàn Công chín hợp chư hầu, tôn giúp vương thất, trách sở bao mao, nên gọi là Hiền. Yến Anh là Tề đại phu, tánh kiệm vai heo, chẳng loại bít đậu, nhưng tướng Cảnh Công, một lời xét hình, đều được gọi là Hiền, nhưng mấy người kiệm) Tăng tử nói: Nước xa hoa thì dùng kiệm chỉ bảo người, nước cần kiệm thì dùng lễ chỉ bảo người, đó là của Yến Tử (Tề Hoàn Công có ngàn con ngựa, đến ngày chết, dân không đức mà tôn xưng vậy, nên Yến Tử lấy kiệm để chỉ bày) chỉ sánh ngầm lặng là chẳng được hết biến quả cá rồng, ở đất là chẳng được hết công của bay chạy (vật tượng chẳng thể dùng tận cùng tánh nó) há áo phùng dịch thì tận cùng cái học của Khổng môn (Phùng Dịch là đại tụ, tuy gọi là nho sĩ mà thật mời tối Điểm Bí. Luống gọi là thư sinh, sao biết xét xưa) quan (mũ) anh dung thì tận phong của lão thánh (hèn tham mạng gạo, đâu chuộng thanh hư, chỉ đọc kinh táo, sao thông suốt tận cùng đạo đức)

Cầm Trượng vòng thì tận đạo của họ Thích (chỉ cậy một chiếc lông, bèn quá sắc sinh, chẳng gắng tiến tu, sao biết xét tập) nhưng có nêu lên Trường Đoản, trông bờ mà tin, trông bờ mà ngăn, ngăn chưa hẳn mất Hiền, tin chưa hẳn được người. (Chỉ người khó biết, tự biết cũng khó) vả lại Trọng Ni tham tầm sự chỗ hành của các bậc hiền trí trong mấy muôn năm mà Lễ Nhạc, khiến kẻ sĩ trong trăm năm thực hành, cố nhiên chẳng rốt ráo (Trọng Ni dùng tài sinh của thiên túng. Lỗ Tương Công hai mươi hai năm, mười tám tuổi đến Tây Chu thăm hỏi, lễ bái, môn đồ có ba ngàn, có bảy mươi hai người thông đạt. Lỗ Ai công mười một năm, từ vệ trở về Lỗ, tu sửa Xuân Thu, biên soạn địch đạo, san dịch thi thư, xét định Lễ Nhạc, mà hiền triết của thời xưa rõ tận cùng một kinh, râu tóc bạc phơ chẳng được bờ đó, nên nói, ngửa đó càng cao, khoan đó càng chắc) huống chi thiện ác chẳng xa nhau, công một phải thì cũng một quấy theo đó, nên Trần Ty Bại, lấy Húy quốc ác làm đảng (Trần Ty Bại hỏi phu tử Chiêu Công biết lễ chăng? Tử đáp: Biết lễ. Hỏi: Quân lấy vợ ở Ngô là đồng, họ đâu biết lễ, Ty Bại nói: Tôi nghe quân tử chẳng có đảng, quân tử cũng có đảng ư? Cho húy nước ác là phải thì đảng quân biết Lễ quấy, nếu chẳng có đảng là phải, thì rõ ràng nước ác là quấy) Quý Khương Tử đem hỏi ngủ ngày là nghịch, mà trung chẳng hẳn cung, cung chẳng hẳn phó (đến) hiếu chẳng hẳn nghĩa, nay họ Thích ông gần Thiệu Sở hành cả ức đời mà muốn cho một thân một đời thực hành, thì chẳng thể được, bèn có trí mà không tiết (có tuệ giải mà không có tiết tháo) chất mà dốc đạo (phác độn mà thuần trực) càn thể khắp vật, chuộng hành chuyên đã, chỉ có thể mừng điều đã được, mà giận chỗ chẳng được, chẳng phải dựng mái hiên thì suy lữ mong đó (suy là rui, lữ là xà ngang, cây gỗ thẳng liền dài) sắp vô phế (tuy chẳng phải tài của rường cột cũng có thể dùng nhỏ) ngựa ký xứng đức đó mà chẳng xứng lực đó, chim phụng xứng tốt đẹp mà chẳng xứng chí, phàm sao hoàn bị ư (chí là hung dữ đánh nhau) Khánh nói: Khoảng của ngược Chu, Tĩnh ái mổ tim (Tĩnh ái can ngăn, Chu Võ cực lời kháng chỉ, chẳng toại ý bèn vào núi, cắt hại thân thịt, treo ruột trên cây, mổ tim mà chết, sau khi chết thân ngồi chẳng ngã) Linh Dụ thôi điệt, Tuệ Viễn bôn tang là (Bắc Viễn, chạy trốn nơi núi rừng, lánh đạo tang) Phổ Khoáng trâm hốt (Phổ Khoáng người xứ My thuộc- Phiền Xuyên, gặp lúc Chu Võ sa thải, đặt Thông Đạo quán, chọn ba trăm học sĩ tài giỏi, Phổ Khoáng vâng chiếu, nhưng cạo tóc đội mũ để ô-sa, đoán quyết như nước chảy, đến lúc Phật giáo hưng thịnh lại thì xuất gia) ai là Hiền ư? Người chủ đáp: Kia đều nhậm khả năng của họ, Tĩnh Ái vì chẳng chịu gánh vác nên giết thân

động tục, tuy không có ích ở đương thời, mà thật nêu rõ tội của vua, đó như thi gián mưu cho sau hối cải ân hận của cát, chẳng oán đó ư?)Vệ Linh Công thường sủng ái Di Tử Hà, Sử Thu mấy lần can ngăn chẳng nghe,, đến lúc chết khiến người nhà để xác dưới cửa, vua sẽ đến dự lễ tang, nếu hỏi thì mới nói Đại Phu lúc sống muốn tiến cử kháng Bá Ngọc, lùi Vi Tử Hà mà chẳng được, do đó chết chẳng thành tang, quả nhiên vua hỏi, bèn nhận việc đó, khiến dời thây vào vị trí trong nhà. Khuất Nguyên can ngăn Sở Hoài Vương chẳng nghe, bèn ôm chặt Cát nhảy xuống sông Mịch La mà chết, việc của Tĩnh Ái cũng đồng.Linh Dụ vận chuông trăm sáu (trăm sáu là bốn ngàn sáu trăm mười bảy năm làm một nguyên, trăm sáu năm gọi là ách của Dương Cửu, xuất xứ từ văn Tuyển Tam Quốc Danh Thần Tán) dùng gậy mà chặt (như để tang cha mẹ) không tang mà phục như bỏ nước mà mất, cho nên như vậy (năm Quý Tỵ tức niên hiệu Kiến Đức thứ hai diệt pháp, đến năm Giáp Ngọ phục hưng, năm Đinh Dậu vua băng, năm Tân Sửu nước mất. Tuệ Viễn nối pháp, tại mình lánh đời mưu tính còn, số chẳng chung ư? Hẳn đem thái bình trao đó, chỉ tự mình còn mà pháp mất, ở ta như chẳng mất (vì giáo hưng trùng diễn) Phổ Khoáng dùng buồn vui, cúi ngước cùng thời đẩy dời (làm diều năng bay, làm các năng lặn, tối thẹn hòa sáng ngầm xét hưng phế, dáng mạo tuy thay đổi mà khí phách chẳng thể đoạt, xưa kia Âm mất, mà ba người khác chí, Trọng Ni đều gọi là nhân ư (Vi Tử Khải thứ huynh, trước chạy Chu để còn của Tông miếu, Ky Tử gia phụ của Trụ, từ nước giả vờ rồ dại, thường can ngăn mà mổ tim, tuy khác hành mà đồng gọi là nhân) Khách nói: Muôn đức quy về Nhân, nhân không chẳng chết làm vô vi đợi sự trong của nước sông (tu hành kỳ hạn, đạo năm nào mới chứng) sao như nhấm vị Linh Anh, thấm đượm mây béo, nhẹ bước dưới thần đan, có thể leo lên trên tuổi lớn, thăng khỏi làm cốt thối của một hộp, thật là tính toán hay tốt của sống lâu, may mà sao gọi là ở ngay thẳng đợi hóa ư? Người chủ đáp: Sống lâu do tiên cốt, tiên cốt là trong giáo pháp ta gọi là xưa có gieo trồng gốc đức, tự chẳng phải nhiều đời đức gạt bụi đục, tu luyện tinh hồn, sao có thể dẫn do cả khô đốt đá, há có thể độ đời ư? Nên trường tang dần ở nơi thềm tiên, biển trước cứu đời làm sinh, trong Chu đời ở Đồng Bách, bởi Công chưa hoàn bị mà chẳng lên nơi mây trời, khắc xa thọ đó, nếu đều do trước học, sao chẳng chuyên chí ở họ Thích ư? Phàm hoàng đế cưỡi rồng biển, Liệt Tử ngự gió, vương triều bay giầy (Hiên Viên cỡi rồng tiên ở Đảnh Hồ, Liệt Ngự Khấu cưỡi gió mà đi, Trang tử Vương Kiều làm lá khiến hóa giầy làm chim phù mà cưỡi) kia trước có tiên cốt,

là ở người đó. Như rùa có giới, hạc có cách, xưa bẩm khí vận chỗ đó thọ, chẳng phải giới của rùa, chẳng phải cánh của hạc, tuy đồng tộc đó màchẳng được phương đó (như thuộc của thuồng luồng, lại như loài chim muông) nếu khiến bắt chước mà được thành là môn của Trọng Ni, bạn của Đức Hạnh, sống không có gì chẳng quý, biết không có gì chẳng rộng, sao chẳng tinh ý, cầu đến biến hóa để khắc bạn trọn đời ư? Chu Mục (cưỡi tám ngựa gặp Vương mẫu ở Dao Trì, có thể chẳng cầu thuốc của Trường sinh vũ hóa Tần Hoàng (Phương sĩ lên núi Bồng Lai hái thuốc, cuối cùng chết ở Hà Khâu) Hán Võ (ham đạo cầu tiên, cuối cùng về Minh Lý) Yến Chiêu phương sĩ có mấy người còn? Lầm mến mộ thì đông, chứng đắc là ai? Trải qua chỗ được chẳng nhiều so với chỗ mất. Lão Đan ngậm túy mang linh, lập năm ngàn văn trị ở nhà nước, đạo vị ngưng ở Thái Hòa, Chí đức bao gồm Thái hư, nên chẳng thọ năng thiếu để ẩn để hiền, còn như giá ly loan kẹp nhật nguyệt, dẫy đầy vũ trụ, ra vào sống chết, mượn thần dụng kia để rõ bày đạo đức, chẳng phải gọi là chẳng triệt tinh phì chẳng khiết tâm lự, chỉ do khắc ý cỏ cây, mà năng đóng khoái miệng kia tánh mạng của ruột thối đó, nên lão thánh nói: Dung của khổng đức chỉ có đạo là Tùng (khổng là rất, tùng là thuận, nói người rất có dung đức chỗ hành chỉ lấy đạo của hư cực là thuận) Thầy lấy đức nghĩa làm gốc, Nghi Du Phú lấy Trương làm ngọn, đó hoặc là bệnh gốc, ngọn sao lấy làm (đức hạnh là gốc, kỹ nghệ là ngọn) mà giáo lý ta tuy có hóa của thần tiên năm thông, đều do định lực mà sau mới thành, đời Tấn, Đơn Đạo thọ trăm tuổi (Cao Tăng Đơn Đạo khai , ưa thích đạo, thường ăn mở thông, cuối cùng kết quy vô thường), đời Lương, Tuệ ước ăn bánh bột thông hơn ba mươi năm, tuổi thọ gần như Kỳ Di (cũng là Cao tăng, Lễ Ký nói Kỳ Di thọ trăm tuổi) Đạo trường sinh chưa có nghe, chỉ đường đời ham tu ác đoản lầm hoặc, lầm hoặc nhưng chẳng tự quyết, giáo lý ta lấy bỏ giết hại thực hành thí thực làm nhân sống sâu, sao chẳng vâng ư? Đường đời ham bám chặt xấu nát làm hoặc, mê lầm nhưng chẳng tự quyết, giáo lý ta vì trừ nạn trao pháp làm nhân chẳng hoại, sao chẳng cố gắng ư? Còn như chỗ của đời nói muôn năm, như sớm chiều đồng hết ấy. Vận mới chưa từng không làm vật đến hóa, dài là hóa của ông đời nay, ngắn là hóa của đời trước sau, cùng chẳng hóa sao khác ư? (Trang Sinh nói: Sống là buồn của chết, chết là buồn của sống) nên các bậc thấu đạt xưa kia an thời mà ở, thuận chỗ buồn vui chẳng năng vào. Mạnh Tôn hỏi Dương Chu rằng: Có người đến đây ham sống quý thân, vì cầu chẳng chết có được chăng? Đáp lý không sống lâu dài, phàm sống chẳng phải quý chỗ năng còn, thân chẳng phải

ham chỗ năng dầy, vả lại, sống lâu làm gì? Năm tình đẹp xấu xưa như nay vậy, bốn thể an nguy xưa như nay vậy, việc đời khổ vui, xưa như nay vậy, thay đổi trị loạn xưa như nay vậy. Đã nghe đó rồi, đã thấy đó rồi, đã khắp đó rồi, trăm năm còn chán đó nhiều, huống chi khổ của sống lâu ư? (ở đời nếu chẳng tiến đạo, tu hành sống lâu cũng đâu làm gì) Khách nói: Tử Cống hỏi Khổng Tử rằng: Người chết có biết chăng? Khổng Tử đáp: Tôi muốn nói có biết, sợ rằng con hiếu cháu thuận ngại sống mà tiễn đưa chết. Tôi muốn nói không biết, sợ con cháu bất hiếu bỏ người thân đó mà chẳng hết tang, muốn biết có biết và không biết, chẳng phải gấp của nay, sau sẽ tự biết đó (xuất gia ngữ). Trọng Hiến Tử nói (Trọng Hiến Tử là Trọng Tôn Miệt) thời nhà Hạ, họ Hậu dùng đồ thề (minh khí) chỉ bày dân không biết, người Ân dùng đồ tế chỉ bày dân có biết, người Chu gồm dùng đó chỉ bày dân có nghi. Kinh nói về nhân duyên sắp hẳn cực sao? (Đây là việc nhân duyên ba đời, Nho giáo chưa rõ nên có câu hỏi này) người chủ đáp: Chết là hình rã mà tinh thần có đi, liên tục trong năm đường xoay lại không cùng (vì vô minh phát chi hành cảm ái thủ đượm nhuần, hiện tại mười chi nhân, vị lai hai chi quả, luân hồi không đổi) đây lấy sống kia làm chết, kia lấy chết đây làm sống (văn của Nam Hoa chết có sống là sống có chết, sống có sống thì chết có chết) nên làm quỷ thì có biết là chết chẳng làm quỷ thì không biết, mà quỷ có lớn nhỏ, lớn thì biết lớn, nhỏ thì biết nhỏ, cho đến như tại gò đồi xã tắc làm cương làm kỷ là lớn. Tại giọt tranh phòng bếp làm quỷ quái làm ủy xà nhỏ. Quý Lộ hỏi về thờ quỷ thần, cũng là chỗ Trọng Ni chưa đáp (chỉ nói chưa thể thờ người làm sao thờ quỷ) vì minh đạo tối tăm lo ngại càng sinh lầm hoặc của người đời Hà Thừa Thiên Tống nói: Sống phải có chết, hình vùi thân tan, như xuân tươi thu úa, bốn mùa đổi thay, sao có lại thọ hình ư? Thi nói: Ba hậu tại trời, nói thăng xa của tinh linh (luận thần diệt) Nhan Diên Chi nói nhường rằng: Nếu tinh linh thật khác với cỏ cây thì luận của thọ hình không còn giúp, gần do ba hậu hợp thiện báo sinh lên cõi trời, nếu nhọc có tinh linh còn không thể trạng, chẳng hay ở trời sẽ dựa vào đâu để đứng, đời Lương, hình thần diệt luận của Phạm chân chép: Tông Miếu Tế hưởng là đạo của Chu Khổng để kính. Thân Sinh Bá có yêu của khôi quái (Hồ Đột sang khúc ốc thấy Thân Sinh khiến đến ngự nói: Di Ngô đối với tôi vô lễ, tôi được thỉnh đến Đế sẽ lấy tấn con hèn Tần, nói xong bèn diệt sau Tuệ Công quả vì Tần được Trịnh giết Bá, sau chợt có mai vẩy mà thấy) tuy ở nhân gian có qủy, tự là một vật của trời đất, như loài người, loại súc sanh chẳng phải người chết mà làm đó, Đương thời ban chiếu trăm

quan tinh tường hiểu dụ, người đó ngu phản chẳng phải pháp của bậc thánh, chẳng thể giáo hóa. Dịch nói: Ngửa để xem thiên văn, cúi để xét ở địa lý, là biết cớ của u minh, nguyên thỉ trở lại chung, cho nên biết thuyết sống chết, tinh khí làm vậy, hồn dạo làm biến, cho nên biết tình trạng của quỷ thần. Lời nói này gọi là thấu đạt vậy thay! Văn Tử xưng hình của hoàng đế có mỵ mà thần chẳng hóa, vì hóa của chẳng hóa thừa biến vô cùng. Diêm Lăng Quý tử thương đến Tề, con cả chết chôn ở khoảng đất Luy Bác (Luy Bắc là đất Tề, huyện Thái Sơn) Hỏm đó sâu chẳng đến suối, liệm dùng nghi phục đương thời nói: Cốt thịt kết quy về mạng Thổ, nếu hồn khí là biến không chỗ nào chẳng đến, Trọng Ni là bậc hiền (Trang Tử sắp chết, đệ tử muốn hậu táng, Trang Tử bảo: Ta lấy trời đất làm quan viên, nhật nguyệt làm liền vách, muôn sao làm châu cơ, muôn vật làm tư tống, ta táng đủ chẳng hoàn bị ư? Đâu thêm gì nữa? Đệ tử nói: Tôi sợ quạ diều đến ăn phu tử, Trang Tử bảo: Tại trên thì quạ diều ăn, tại dưới thì sâu kiếm ăn, đoạt kia cho đây sao thiên lệch vậy!

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 6

IX. HỎI VỀ TANG PHỤC

(Phục từ ân chế, tang do lễ thành. Hỏi tang cha mẹ và thầy, năm thứ phục nghi nên thực hành thế nào)

Hai ba người theo hầu tiến đến trước (môn sinh) khách lùi, phụ đở mà tiến (rút khủy tay để tiến) nói: Hạnh ba thừa hoặc được nghe vậy, lễ của ba đời chưa từng học (Hạ Ân Chu Văn chất chẳng đồng mà kỹ của trăm hạnh không gì lớn bằng hiếu, hiếu không gì lớn bằng đưa tiễn người chết. Có chết đã lại (đưa tang trở về, thiết đặt Kỷ Diên đáp lại Linh Phách, tận ái đó có tâm đảo từ) sống có tiết, phàm nêu bày các chung chung thì có thỉ để biết (Lễ nói: Mới chết người chủ kêu, anh em khóc, tiểu liệm tức vị ở nội tổ, cạo râu tóc, táng bậc sĩ hai ngày liệm, đều ba ngày chẳng ăn, ăn cháo sáng một vốc gạo chiều một vốc gạo, vốc là một phần trong hai mươi bốn phần, đã táng, người chủ ăn chay uống nước, chẳng ăn rau quả). Xin hỏi sao gọi là tang của Sa-môn với năm thứ nghị phục như thế nào (năm phục là Trảm thôi, Tề thôi, Đại công, Tiểu Công, Ti Ma) tôi mở kỹ buồn bã giây lát mà bảo đó rằng: Lễ của tiên sinh, chỗ biết của Lỗ quân tử, mới là họ Khổng đa năng, tôi chưa nghiên cứu đó xong, phàm Thiên-trúc phương tục chẳng đồng nhau (Thích tử đã y cứ giáo của Thiên-trúc, chẳng đồng với phương tục ở Trung quốc) chất cực mà nhỏ nhiệm (tục của Tây quốc, giản chất mà di lược. Truyện Nam Hải Ký Quy chép: Thiên-trúc thông minh tuấn lợi, Thần châu chẳng bằng Thiên-trúc. Lễ nghi pháp tắc Thiên-trúc chẳng bằng Thần Châu), xưa kia thuần của Hy nông Trung quốc thì biến, bởi chất cực mà văn, văn cực mà chất, bốn biển thì chẳng như vậy (Hạ ân pháp địa nên chất, chu pháp ở trời nên văn, bốn biển bất biến) Nay truy y tại hoa. Hoa thì có nghi, đó có thể đồng với dị vực ư? (Tiên vương Chế nhạc của bốn di, chẳng chế lễ của bốn di. Nay Thích tử đã ở Trung Quốc, chẳng thể đồng với dị vực) cho nên y theo số của năm phục,

tượng tiết của thăng giáng, phỏng bàn giáo đó, lập dùng làm văn, còn nói Hiến chương có chỗ tổn ích hợp với tâm thiên hạ để đợi quân tử (nay y cứ năm phục mà tượng, trảm suy ba năm, Tề suy tròn năm, Đại công chín tháng, Tiểu công năm tháng, Ty-ma ba tháng, hoặc lên hoặc xuống để thực hành, như cần hợp nghi của thiên hạ để được trung dung, đợi quân tử tương lai cắt chế) nên tang cha mẹ là như tang bậc sĩ hoặc là trung mà được lễ (trong năm hiếu, y theo lễ của tang bậc sĩ thì được trung) táng bậc sĩ là trượng gian lý (Lễ nói: Tang của bậc sĩ, hai ngày liệm mà gậy khóc, liệm thì gậy khóc, quan (hàn) thì tập trượng) ăn cháo (ba ngày không ăn, ăn cháo uống nước) dựa lô ngủ chiếu gối đất (Lễ nói: Tang cha mẹ, chịu dựa lô chẳng xoa ngủ chiếu gối đất, chẳng phải việc buồn thì chẳng nói), tuy Sa-môn khổ tiết, giáng ở biếm ăn mặc, có lỗi với tang lễ đó, mà chịu tang hợp với sĩ hành, không thương tổn giáo của bậc thánh (hạnh của Sa-môn, vốn tự khổ tiết, nếu lại nhân tang, mà thêm ăn mặc nhiều, hợp với hạnh bậc sĩ, chẳng trái lễ luật, nên nói tang và dịch đó vậy, đâu đáng buồn). Nếu hẹp hòi dùng trong tục, buộc gấp là đức chẳng rộng, sao chẳng thương khiến thể gồm trượng, chân tục đều nêu, giảm mà có thương (nếu chẳng muốn tục lễ buộc kỵ, lo thiếu chân đạo, thôi mà chẳng trượng, thì chân tục không ngại, nghi đó tuy lược, mà ai lễ thì chẳng không) phàm bày phủ quỷ thiết Kỷ Diênchẳng cần dùng quỷ mà cha mẹ cầu, bởi nói lên sự buồn kích, kính đó hoặc là còn. (phủ quỷ là đồ cúng tế, Kỷ Diên là linh tòa, đặt là chưa hẳn dùng quỷ cầu đến cha mẹ, Bởi lấy chỗ của Kế tâm còn mà đối với ai kính có chỗ hướng về, biểu lộ tình cảm.) Thôi điệt thay cho đệ miện (thôi điệt là tang phục, đệ miện là triều y), Sa-môn đã chẳng thôi, vì sao điệt (thân đã chẳng thôi phục, thì đâu chẳng nên an điệt) hy thôi tuệ thường tiết ở tang nghi, Nho thì chẳng làm, huống chi họ thích cao hơn (Lễ nói: Gai là chẳng thân, nắm ngọc thẳng gai, gai chẳng thêm ở biện, vì lành dữ khác nhau, tăng đã lìa tục chẳng đồng chế). Hoặc có chỗ chẳng lánh là thêm ở hiềm của dung dung (dung dung chẳng chánh, dáng vẻ chẳng lánh tục cười chê, thì có dung của yêu đúc, dèm chê chẳng phải chánh) chẳng phải y trảm không dùng gai cỏ mạo ở đầu (tang cha mẹ và thân giáo giới sư ,v.v... có thể dùng mạo đầu) Ni thì còn có thể vậy, phàm lễ chẳng địch với công môn, công môn chẳng phục, tuy y trảm, trảm gai cỏ không dùng ở đầu (Khúc Lễ nói: Giày bao tráp uổng nhàm quan chẳng vào công môn, đều vì hung phục, nên tuy có tang cha mẹ, sư trưởng đều chẳng dùng) Tôn là trước như công môn (cũng chẳng mạo gai ở đầu) phải trai giới, không kêu vỗ lánh mọi người chê bai (chỉ nên đốt hương

tu đạo phước đức mà giúp tiến vỗ về tâm) không cậy vì tang mà từ các việc thiện, cậy vì các việc thiện mà hạ thấp tang riêng, vì thật có nghĩa (đó có các việc lành như Bồ-tát giảng pháp sám hối trai giới, v.v... chẳng vì việc tang đó, nên trong phế bỏ vì các việc lành mà giết tang lễ không ngại) bấy giờ có rưới đất trải chiếu, sao nói là nhảy nhót mất ai của suy sụp (trai là tang của trảm, đất trời sụp đổ, đau cắt ai tình, đâu đợi trải chiếu rưới đất, sau đó mới nhảy nhót) tuy năm phục tôn ty đồng, mà tổn ty vì tuổi lớn đức cao chẳng gọi là chẳng biết lễ (tiên vương chế lễ của năm phục tuy đồng, nếu ty (nhỏ) mà chết, tại số của năm phục, với người tuổi lớn đức cao giáng đó cũng có thể) Phàm chí đạo hợp với chí ái, chẳng khóc chẳng nhảy nhót, chẳng phải bàn nghị của tượng nội (chế của khóc nhảy vốn theo tục tình, ngoài tượng quên tâm, đoái hoặc mến luyến chẳng phải có, Trang Tử nói: Sống của người là tụ khí thì làm sống, tan thì làm chết, nếu chết sống không đường thì tôi đâu phải lo gì, nên muôn vật là một) xưa kia pháp vân chịu tang, gần đến hủy diệt (mẹ mất, hủy bệnh quá lễ, nhiều ngày chẳng ăn, gần như chẳng hơn nổi tang. Tăng Mân bảo rằng: Bậc thánh chế lễ, hiền giả cúi vâng, kẻ chẳng hiền mong kịp, hủy chẳng diệt tánh, còn xuất xứ ở sách Nho, huống chi Phật có vi chỉ, gần thì kính phụng sắc dưỡng, xa thì phát tâm Bồ-đề. Huống chi giặc ân ái, chẳng thể dung túng, mới cắt ai tình, dần hồi ăn cháo) Linh Dụ hầu thăm mẹ, nghe tang mà trở về (Linh Dụ là cao tăng thời đời, họ Hình, người ở Tùng Tư, Nam quận, ở Tương Châu rất lâu, chợt nghe mẹ bệnh đang ở tại Nghiệp Đô, nên đến hầu thăm, đến giữa đường nghe mẹ đã chết, bèn nói: Ta vốn đến thăm mẹ, nay mất sao đến thăm! Bèn trở về) quân tử lấy làm dũ lòng tuệ huấn, thì Pháp Vân vượt hơn, Linh Dụ chẳng bằng. Phàm lễ quá là cúi mà đến, chẳng đến thì kiểng chân là kịp, Pháp Vân mới gọi là Tôn đức thật, buộc tình vượt tục. Linh Dụ thì vị sùng sư biểu, hiến pháp không thủ, bàn nghị là cùng đó chẳng kịp đâu hơn, hơn thì dễ ép, chẳng bằng thì khó dẫn (ai quá thì có thể ép, chẳng bằng thì khó dẫn dắt người sau) nhưng bang của các hạ, lấy lễ nghi trông đức, ở bang đó biến tục đó, điều quân tử chẳng làm, tuy đời chuyên lập tiết, hiền giả đạt đó, như Tử Tạng Nguyên Nhưỡng (Hân, con của Tào Công, tự là Tử Tạng, thứ tử của Tuyên công, Tào Bá mất, chư hầu thấy Vương sắp lập, Tử Tạng từ chí trước có đó, thánh đạt tiết thứ thủ tiết xuống, mất tiết là quân chẳng phải tiết tôi, tuy chẳng năng đạt, dám mất thủ ư? Bèn chạy đến Tống, Nguyên Nhưỡng người Lỗ là bậc sĩ ngoài vật) đời chuyên loạn lễ, hiền giả lập đó, như hạng Tăng Sâm Tử Cao (Tăng Sâm tự là Tử Dư, khóc

huyết ba năm chưa hề thấy răng, đều là người Lỗ đệ tử của Khổng Tử) nay thiên hạ phần nhiều nghĩ loạn, lễ ở đâu mà không lập? Xưa kia bậc hiền như Trúc Lâm, đến Đồ của Hồ mẫu phụ, kia là mất lễ cho là đạt (Trúc Lâm là Nguyễn Tịch có tang mẹ, Bùi Khải đến viếng điếu, Nguyễn Tịch xủ tóc đứng khừ chẳng khóc, say mà nhìn thẳng, Bùi Khải đã khóc xong bèn đi, có người hỏi Bùi Khải là khi điếu viếng, người chủ khóc thì khách mới làm lễ, Nguyễn Tịch đã chẳng khóc, sao ông lại điếu? Bùi Khải đáp: Nguyễn Tịch là người của phương ngoài, nên chẳng lễ chế, bọn ta là người tục, nên lấy hủy nghi tự giữ. Người thời bấy giờ cho là cả hai đều đúng. Hồ mẫu phụ là người Tề) Linh Dụ nếu cũng lấy làm đạt giả thì chẳng thầy chẳng trò, phải như kia chẳng cha chẳng con. Há sống thì chẳng bỏ ái cầu thăm, chết thì dốc cầu đạt đó ư (sống thì ân của vỗ về nuôi dưỡng chưa dứt, nên còn thăm viếng, chết thì đã đồng cỏ cây, chỉ có thể ngầm giúp) nên về sau là chẳng lường đức hạnh, chẳng kiện Linh Dụ mà thường làm Linh Dụ (kiện là ngang bằng, bằng con chưa thể được, huống chi chẳng bằng đó ư? Vì vậy tượng vật là tuy ngầm đạt huyền cơ, mà làm vật thường giữ, ở người thì năng người, ở trời thì năng trời, bởi người xứng có đạo thì chẳng lấy nghịch vật làm hoài bão. Xưa kia, Mục-liên khóc dàng thức ăn (mẹ của Mục-liên là Thanh Đề thuộc dòng họTrường Trảo Phạm Chí, vì san tham chẳng kính tin, bị đọa vào đường ác. Mục-liên chứng đắc đạo quả mang thức ăn đến cứu giúp), Mâu-ni khiêng quan tài (vua Tịnh Phạm băng, Đức Phật nâng quan tài mà an táng. Lại Di mẫu Phật là Tỳ-kheo-ni Ái đạo cùng năm trăm vị ni cùng nhập Niết-bàn trong một ngày. Khi ấy Ưu-bà-tắc chánh đạo dắt năm trăm vị, Bốn thiên vương dắt Di mẫu Phật đại ái đạo, Phật tự tại đến trước bưng lò đốt hương cúng dường, bảo các Tỳ-kheo: Các thầy giúp ta cúng dường thân nhũ mẫu. Bấy giờ, các Tỳ-kheo A-la-hán đều dùng sức thần túc đến núi Ma-lợi-chi dùng hương ngưu đầu giúp Phật làm lễ) chỉ bày người vết của cảm mến phàm năng chịu vết đó mà chẳng có vết đó, có thể gọi là chí (tang có bốn chế, có ân có lý tiết có quyền biến mà theo nghi có thể) kinh nói: Hiếu gọi là giới, là nghĩa gì ư? Bởi hiếu là lấy kính từ làm gốc, kính thì nghiêm thân, từ thì mến người, nghiêm thân thì chẳng xem thường muôn vật, mến người thì chẳng thương tổn sinh loại, phòng hoạn dứt trái, chẳng gì lớn hơn đây. Đó có lẽ chẳng do ở hiếu mà năng trì giới thì không có (giới lấy Từ làm gốc, lấy kính làm phụ). Vì sao chẳng hiếu thì vô thân, vô thân thì chẳng kính đối với trên, chẳng kính mà năng Từ đối với dưới, là việc chưa có. Luật nói: Vai mang cha mẹ đến nỗi đại tiểu tiện trên vai trải qua nhiều

kiếp, còn chưa thể báo đáp một ngày sinh thành. Đã là Đại thánh giúp sinh dùng lực báo đáp, sao chết thì không thương? Nên trái với Linh dụ hoặc hiền, mến mộ Linh Dụ thì khinh rẻ (hạng người sau cao tiết chẳng bằng Linh Dụ mà muốn so sánh là chẳng phải chỉ có thể theo thường) chớ khiến giữ gìn danh giáo là, vì con cháu vào đạo, trái với hiếu để, trách ảnh hưởng đến luận này mà đượm, vài ba học trò nói: Tang chỗ thân, kính cẩn vâng nghe (đã nói về tang của cha mẹ xong) còn tang thầy thì thế nào? Đáp: Lễ nói: Tôn thờ người thân có ẩn mà không phạm (con làm cha ẩn thẳng ở trong đó) tả hữu đến dưỡng vô phương (tả hữu nghĩa là phương thường của giúp đỡ) phục vụ chuyên cần đến chết chịu tang ba năm (tang cha Trảm Thôi ba năm, tang mẹ Tề thôi ba năm, nếu cha còn thì đầy năm mà thôi, lánh cha là thôi. Trảm thôi là chẳng tiện, Tề thôi thì tiện đó như thường) Tôn thờ vua có phạm mà không ẩn bề (tôi lấy ngăn cản tranh cãi làm trung) tả hữu đến dưỡng có phương, phục dịch chuyên cần đến chết mới để tang ba năm (tại nghĩa của của tôi sánh phương cha mẹ) Tôn thờ thầy không phạm không ẩn, tả hữu đến dưỡng không phương, phục dịch chuyên cần đến chết, tâm tang ba năm (tang thầy vốn không có tang phục, giới ở tại tâm) lại nói anh em khóc trong miếu, bạn của cha khóc bên ngoài miếu, thầy khóc ở chỗ ngủ, bạn bè khóc bên ngoài cửa chỗ ngủ, khóc thầy ở chỗ ngủ, đối với họ Thích thì khác với Lễ (cùng Nho lễ chẳng đồng). Thầy là gốc của đức nghề, chẳng phải đức sao lập, chẳng phải thầy sao dạy, tuy trên từ vương công đạt đến thương ưu (ưu là người nông, trường trở kiệt đấm thấy tử lộ bừa mà không thôi nghỉ) đều là thầy nghiêm, mà họ Thích thêm nguyên do của giới sinh (các ông sĩ, nông, công, thương còn lập thầy, huống cho họ Thích cạo tóc nhuộm y truyền giới ư), nên có giới thì gọi là Sa-môn, không giới thì chẳng phải Sa-môn, từ giới mà sinh mới gọi là thật sinh, giới từ thầy trao (giới là Tỳ-ni-tạng, nghĩa là ngăn quấy dứt ác, đồng với tiếng Phạm là Tỳ-nại-da) cho nên xem thầy như cha, (thầy vốn không phục nay đồng với cha) nước ngoài nói Hòa-thượng, Hán dịch là Lực sinh, nghĩa là nói có năng lực sinh ra giới pháp cho đệ tử. Nước ngoài nói A-xà-lê, hná dịch là Quỹ Phạm, nghĩa là nói nghĩa năng giáo Quỹ Phạm. Loại này có năm, đó là cạo tóc, mười giới y chỉ Yết-ma, giáo thọ (Yết-ma nghĩa là tác bạch lúc thọ giới) khoảng đó hoặc vì rơi tâm mang cấm, tự ta mà bắt đầu, hoặc vì pháp thân tuệ học từ ta mà thành, nhưng ở đời lấy vua, cha, thầy ân đó nhất quán, cha sinh, thầy dạy, vua nuôi, nên có ba loại tang: Trí, phương và tâm (cha là trí tang, vua là phương tang và thầy là tâm tang) mà Họ Thị do giới pháp

nên lớn (giới là gốc vào đạo, thầy là nhân xuất thế) chẳng phải chỉ khóc ở chỗ ngủ, nắm giữ ở tâm tang, ngay dây gai chẳng phải giày, mới cha trảm (phục của tang thầy đồng như cha, hiếu của trảm thôi hai mươi lăm tháng) chỉ chẳng hẳn trượng mà sau khởi khóc, như chẳng trở lại (nghĩa là một hết tiếng) chỉ mà chẳng đối (đây đều là lễ của tang cha, đối với tang thầy thì không hẳn như vậy) đối với các thứ khác thì như lễ (ngoài ra đều đồng với lễ tang cha) nay con của ủy hạng (ủy là cong, con của dòng họ thấp kém trong thôn xóm) kêu gào cao xanh, cáo xích khốc phạt, bởi chẳng biết chê trách của cha (nay tăng có tang thầy kêu khóc gọi trời xanh v.v... đều chẳng phải Lễ, đối với cha có hiềm nghi, nên dứt bỏ đó là đúng) khí của xe đồ sộ linh thần minh đã chẳng dùng quỷ đạo cầu mong thầy, nay sao dùng vậy (thuộc về Đồ để, Thể đều không ích lợi) đời Ngụy, Đạo Đăng qua đời, Cao Tổ Hiếu Văn ban chiếu là: Thầy của trẩm là pháp sư Đạo Đăng chợt mất đi, đau xót xúc động chẳng thể thôi, chọn sửa thận trọng lễ tang chưa chỉnh liền đến, khiến chuẩn nghĩa thầy, khóc ở ngoài cửa (lễ trong thầy khóc ngoài của chỗ ngủ) đời Tùy, Đàm Diên tịch, Đế xót thương bãi triều. Tất vua trở xuống, trùm tóc đi chân đất theo tang mà khóc, đời sau chẳng thể khinh trọng đó, trụ sử kháng dứt quỹ nơi sa mạc, hoặc phơi thây ở làng Hòe, hạng đó không chỗ nghe (Lão Tử thấy Chu đức khóc ác bèn cỡi trâu xanh ra ải Hàm Cốc, theo hướng Tây đến sa mạc. Lại Trang Chu nói: Lão Tử chết ở làng Hòe, thuộc Phù Phong. Tần Dật đến viếng điếu kêu ba tiếng mà ra, từ đó, học trò ông với chế của tang phục chưa nghe ông nói) Lỗ, Tư Khấu chết, các học trò thắc mắc tang phục, Tử Cống bảo: Xưa kia Phu tử tang Nhan uyên, Tử lộ như tang con mà không tang phục, xin tang phu tử như tang cha mà không phục, vài ba ông đều điệt mà ra (chẳng làm phục mà thêm gai, tâm tang ba năm, văn của Đàn cung) mãi đến thời Hán Ngụy, tang thầy càng dốc, có dùng đến so với tang của cha´, Lễ ngày nay mỏng bạc ít có miễn (miễn là tang phục). Xưa kia, Viễn Công chế tang bảy ngày, vì phàm tình khó, cắt giúp bày ai, quá thì ép thúc so với lễ (tăng vốn là giáo của tượng ngoại, vì phàm tình chưa dứt hẳn mới chế lễ bảy ngày để bày tỏ tình, nếu quá thì ép thúc Nho giáo) thời Tề, ẩn sĩ Lưu Cầu chết, đệ tử tuy bẩm thọ nội giáo, mà như tang cha không tang phục (Lưu Cầu ở Kinh Châu, sau bỏ áo mão chẳng làm quan, nhịn ăn mặc áo gai ở nhà tranh, lắng dứt sách vở thế gian, tinh chuyên cứu xét Phật lý, thuật nghĩa đốn ngộ, đương thời chẳng có ai quật nổi, chú sớ kinh Pháp Hoa, giảng kinh Niết-bàn, Đại phẩm ,v.v... khoảng đầu niên hiệu Kiến Võ được nêu làm quốc tử bác sĩ, mất ở

Giang Châu, mây trắng bồi hồi, mùi hương khác lạ tỏa khắp phòng, giữa hư không có vang vọng tiếng khánh, thọ sáu mươi tuổi. Các đệ tử chịu tang như cha mà không có nghi phục, Dữu Sằn nói: Văn làm khuôn phép (Phạm) cho đời, hạnh làm sĩ tắc, do đó ban tên thụy là Văn phạm tiên sinh) Ngài Tùy, đời Thiên Thai dạy không khóc lóc là nghi phục, đó là các nghĩa tùy thời. Phàm Lưu Cầu Cao Nhạn chẳng đoái hoài (khanh nắm (dê), đại phu nắm nhạn. Lưu Cầu lúc đầu làm lệnh Đang Dương, đổi là Nam thành, phất áo tự miễn năm bốn mươi hai tuổi, bấy giờ luận sánh đó như Hán Lưu, khước từ vinh hoa, chẳng đoái hoài lộc vị) hình chất đã để lại, chết của ở nay, chẳng phải nói là mới chết nếu khiến làm tang, còn kiểu so với Cao Nhạn, nên tổn nhân nghĩa để bày giản phác có chung, mà đệ tử theo luận bàn của Khổng môn, Thiên thai hơn năm mươi châu đều bẩm thọ quy giới, nếu theo với Khao Tố thì người nửa nước đều có tang phục, nên có thể ép mà theo phong của Thiên-trúc. Trọng Ni nói: Tang và Dịch sao thích (tang lễ nên đắc trung, nếu hòa với Dịch đâu đáng buồn bã) đây là ý khơi dậy thời thế rất sâu sắc, nay phong cách của Tần Lạc, mất thì để tang, Thập sư mà tịch, ai thương giáng sát? (thân giáo sư có thể đồng trảm thôi, bổn đầu giới sư có thể đô đồng Đại công, giáo thọ sư có thể đồng Tiểu công, Yết-ma sư trở xuống, thế pháp sư thập giới sư, bát giới sư, ngũ giới sư, y chỉ sư, thọ pháp sư đều là Ti-ma có thể) chẳng phải tang thì thôi, tang thì không khác? Nên giới sư có thể so với Đại công (tang phục chín tháng) giáo thọ như Tiểu công (tang phục năm tháng) ngoài ra thì Ti-ma có thể (ba tháng). Về bạn bè, theo Lễ nói: Quần cứ vào thì điệt, ra thì không. Bàn bè đều ở bang khác, thì chỉ thầy là tâm tang ba năm, bạn bè đầy năm, nên mợ bạn bè có tú thảo thì chẳng khóc. Ở nơi khác không có tang chế (hễ nói Dị Vực hay nước ngoài đều chỉ cho Thiên-trúc) chẳng phong chẳng thọ (phong là mộ đất) Vất bỏ giữa đồng trống (thí cho chim thú ở rừng lạnh) hoặc chất đống rồi đốt, (dùng củi đốt) hoặc ở vực sau nhận chìm, chỗ biếm là ít, tang kỳ không số (biếm là chôn giấu, hoặc vất bỏ hoặc đốt, hoặc nhận chìm, cũng không sự của kỳ hạn năm phục) như thời tiền cổ của Trung Hoa (đồng với thời thượng cổ) có muốn vâng theo đây mà bải bỏ khóc lóc, vất bỏ tang chế, vì chẳng trái luật, tôi không cùng với người (thân ở đông độ, mà muốn lễ theo tây quốc thì chẳng thể) phàm sủy thực minh túc, đản kiên tiển chỉ, nhiễu quanh tức lùi, đều là phong tục khác (truyện Nam Hải Ký Quy nói: Ở Tây Vực dùng tay bốc cơm mà ăn, lễ bái kêu chân dùng lưỡi liếm, đản kiên là hở bày vai phải, tiển là gót chân trần, đi nhiễu quanh rồi lui ngồi đều là

phong tục của Tây Vực, nay đều chẳng thực hành tang lễ, làm sao lại muốn vâng theo đó, Trung quốc chẳng thực hành, gặp tang sao muốn vâng thừa ư? Phàm ai khóc tang phục tạm chẳng phải tánh giới (chỉ là già giới chế ước) tuy theo ngũ thiên thì cấm, nhưng luật thì có nghĩa tùy phương, sao gọi là chịu tang, hẳn trái với thánh ý, xưa kia nơi song lâm đánh vỗ, Phật mở quan và dậy, an ủi mà chẳng trách, bởi xót thương kêu gào luyến mến, dốc ai kính đó (Đức Phật nhập diệt tại Câu-thi, đệ tử kêu gào vỗ bửa, Phật mẫu Ma-da từ cung trời Đao lợi xuống, Đức Như lai từ trong kim quan dậy cho thánh mẫu được thấy, mà chẳng trách đệ tử buồn khóc kêu gào, vì muốn sâu dày tâm ai mộ đó. Hễ kính thì thực hành chí đó, mến thì tư duy giáo đó, giáo lập mà chí tuyên, đối với lý đánh vỗ thật là có được, Niết-bàn là giáo pháp rốt ráo, ở đâu chẳng vậy, nếu đem bỏ thân vất tục tập, pháp vô sinh phải quên tình dứt ái, nên chẳng thích nghi, làm sao rất sớm (khác chưa thực hành bèn muốn quên tình, sao sai nhầm vậy) tính thấy mão mà cầu thời dạ, thấy đàn mà cầu hào nhục ư? (thời dạ là gà, có công của ty thần, nay thấy trứng bèn muốn tìm gà, theo lý chẳng đúng. Hào là như Cưu, duyên theo sắc nhục làm dáng rất đẹp, phải dùng đàn mới được, nay thấy đàn bèn đòi hào dao là chẳng đúng, quên tình nơi cảnh mới hợp với đạo, nay tình chưa quên làm sao muốn vất bỏ tục ư?) Người mới hành chưa bước lên thềm thánh vị, chí nghiệp sánh gì, bởi một người bé nhỏ trong khu, sâu xa thì năng cắt ái, hễ chẳng mến người thân của họ thì lại mến người khác (chẳng mến người thân của họ mà mến người khác, đó gọi là bội đức) mà đối với nhà quyền thế nhuận ốc thì mơn mởn (mơn mởn là dáng mạo của cỏ) có chỗ nương tựa. Đó quên tình là chỉ quên ở danh giáo lễ nghĩa (nay thấy nhà tôi vất bỏ danh giáo, cho đó là Thanh văn, đắm trước hoàn toàn bèn quên bỏ phép, lại phép quý nhà của cải, đổi sắc mặt miệt mài) tức giận muốn hơn thua y phục ăn uống thường thường, chỗ nào mà quên? Tình đã chẳng hết, mến chẳng dứt hết, đâu đối với tang lễ mà muốn bỏ ư? Hoặc nói: Nếu khiến Sa-môn tùy phương làm tang lễ cũng được, tùy phương chẳng kính vương giả ư? (đã đồng với tục lễ, phương tiện nào đồng bái tiếp) Đáp: Chẳng đúng (là đáp chủng) vì sao? (là lại gạn) bái là ngoại sức, hiếu tự nội tâm, ép làm ngoại sức tổn nghi của khôn tổ, ép nội tâm đó, mất tánh ái kính, cùng cả hai đó ép, chẳng như buông cả hai, buông đó chẳng bái, thành tin giúp của vua tôi, buông đó làm tang. Thành hiếu để của nhân luân, nên nương trái khác, rõ ràng phàm nước ngoài ai thương cũng rất lắm, nên vua Ba Tư Nặc tang mẹ mà sợ sợ lo lo (vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ có tang mẹ mà thân

để bụi đất lấm đầy) Đấng Đại thánh diệt độ mà bốn chúng huyết hiện, như hoa ba-la-xà, Xá-lợi-phất nguội thân, các tầng trời cõi Vô Sắc rơi lệ như mưa nhỏ ngày xuân (cõi Vô Sắc hóa định quả sắc mà xuống hỏi hỏi han an ủy) há chẳng do sinh ta, đức-ta, tình đó dốc thiết, chẳng phải hình chẳng phải khuyến, chí phát ở trung, nên có đau khổ của Hạo Thiên Liệu Nga (xót thương cha mẹ khổ nhọc sinh ta, muốn báo ân sâu, như trời cao chẳng cùng, liệu là dài lớn, Nga là La Hạo, ở thời Chu U Vương, người dân đi lao dịch lâu, chẳng được nuôi dưỡng cha mẹ, như thấy nghĩa chẳng biết) ai của thăng đường mang tự (tự là tường đông tây, hiếu tử lên nhà mà lưng mang tường) chẳng mong khóc mà tiếng tự kêu gào, chẳng hu địch mà dáng mạo tự khổ, làm sao có thể dùng sức cao mà cưỡng ép, xấu hổ tục cầu biến sư? Xưa kia Tề Châu Tam Tạng (tức Nghĩa Tịnh) tử Tây Vực trở về, chuyên việc giảng, vời tình thưởng vàng sánh huấn đó, lấy làm khoát vải đen mà trái với thường thức, để tóc dài mà khác nghi cũ, đó cũng buộc thêm trần lao lại mắc gông cùm (...tóc đen dài, chưa hẳn hợp đạo) lại nói: Bỏ thánh giáo của Thích phụ, trọng tục lễ của Chu Khổng, đặc biệt cho Linh Dụ la người biết đạo. Trộm lấy, Sa-môn trong thiên hạ đều chẳng phải Linh Dụ, làm Linh dụ thì bước của Hàm Đan chẳng thành (Hàm đan tức ở quận triệu, gái đẹp thực hành được) được không chân tục, gồm cả tang, người xưa nói: Thánh đạt tiết, kế đó là thủ tiết, dưới nữa là mất tiết (Trang ngữ của Tào tử... ngữ phàm chẳng phải đạt chẳng phải thủ thì chẳng phải mất, thế nào? Vì vậy, chịu tang là lui ở gắng hành, khởi nơi suối lạnh nghĩ tu hương lửa của Khải Phong, phước của trai giới u hiển đều nhờ, thì sao trái với đạo ư? Nay có Toản phu chịu tang như không tang, ăn mặc an, nói cười vui vẻ, sao lại bội nghịch (gặp phải tang mà chẳng buồn, tôi lấy gì để xét? Có lánh của đất cũng có thuận hỏi đó, sinh thành tội gì, lương thảo đường ước, cha mẹ sắp mất, và đến sắp quyết biệt nhu bộ anh hiền (mộ đồng với con nít, hiều sánh tợ trẻ thơ) chẳng tương giao với người đời, đó đều càng xa, đó trông càng trọng, chẳng ăn ngũ cốc, còn đến như vậy, ăn ngon mặc nhẹ: cho nên thêm y cứ.

X. CHÊ BAI THUYẾT KHÁC

(Khiển trách chỗ quấy gọi là có, nêu việc trái gọi là dị)

Hiền của Kiến Đức, tuệ chí như trộm (kiến là lập, tệ là che giấu,

người lập đức, chỗ chứa ngậm rộng, lớn bưng bít đó mà như chẳng đủ) nhà làm ngụy, cả ngôn như lưu (cả là có thể kẻ làm ngụy, chỗ nêu bàn nịnh, nên hạng xảo ngôn ngợi khen) chấp hư làm có trang sức tà vạy, nhiễu loạn chánh chân, nêu chỗ đồng đó, rỉa rói chỗ chẳng đồng đó để cậy lấn rối ren, như mặt trời lên, bị mây ngăn che, như nước lắng trong bị gió nhiễu sóng, khó thay cùng cực (xảo thuyết loạn chánh) kinh chép: Xưa, có hai đệ tử, mỗi vị giữ gìn một chân của thầy, đều chẳng phải không giữ gìn (kinh Hiền Ngu chép: Xưa, có hai người đệ tử, mỗi vị giữ gìn một chân, đứa giữ bên chân trái chẳng có mặt thì bị đứa giữ bên chân phải đánh, giữ đứa bảo hộ bên chân phải chẳng có mặt thì bị đứa giữ chân bên trái đánh, chân thầy chưa tới một tháng mà đã bị nát tan, nay dụ như Đại, Tiểu thừa mỗi thưa đều quấy nhau) tức giận thì cùng đánh, tức giận chẳng thôi thì chân đó mất, nay dị thuyết, đều là ganh ghét mà hại, đối với thánh sư thì không chỗ đoái hoài. Đáng buồn thay! Từng thử luận đó là: Dáng mạo khác với tâm, tánh thành thói quen, Hạ-lý-ba hát, người hòa sẽ hòa hẳn đông (xưa, người nước là Lý-ba hát thì người lý họa theo rất đông, soạn thiên Bạch Tuyết, thì người họa theo rất ít) mắt cá Yến thạch xét đó thì ít (yến thạch tợ ngọc, mắt cá như châu) nên khiến hạng đuổi theo ụ đất tà nịnh đồng đàn (bạn tà thuyết đó như chó đuổi do) đều bênh chủ nó, sủa Nghiêu làm Thuấn, nay lấy lời chẳng kịp nghĩa thì làm dị thuyết, phân tích đó có đáng, thì gọi là người khiển trách, chặt gốc bít cực, hoặc mong ở được (chỗ nay nêu bày, mong tại chặt đó, lấp bít nguồn đó) chỉ ánh sáng lửa bó đuốc giúp soi, rồng lấy phụ chiếu, yêm lao vang gần, ngưỡng sấm sét mà giúp rung chuyển (lửa bó đuốc là lửa đom đóm, yêm lao là loài thú biển, cá kình thì tiếng vang khắp cả sông hang, nay đem đúc nó trên chuông, dùng hình cá làm chày đánh, lấy tiếng đó, nay Hòa-thượng Bắc Sơn khiêm nhường nói: Tuy muốn chặt gốc lấp nguồn để dừng tà thuyết đó, nhưng tiếc là tài trí của mình đồng như lửa bó đuốc, tợ nhỏ nhiêm bấy giờ, tiếng các hiền giúp để hỗ trợ, dùng tỏa sáng tượng). Đây thật là chỗ chứa của xấu ốm, từng có Thích thi ốc y (Thích thi là mặt mềm mại, ốc y là dáng cứng cỏi) riêng tôi nói: Lũ kia thạnh nay (nghĩa là bọn dị thuyết) e chẳng được ở ông, vì sao? (sợ vì chỗ thời thế kỵ nhiều dân lánh không tự lập hạng người dua nịnh rất nhiều) tôi nói: Thú trông lại cụp đuôi, cho nên chẳng bằng (chồn sắp vượt qua sông nếu sợ ướt đuôi, cho nên chẳng bằng) được nghĩa mà tổn thương cũng đâu nệ. Ngư phụ chuyên thi kẻ săn bắt hổ, đều là chí đó (sợ thì chẳng làm, cái gọi là bậc chí đức chẳng hòa với tục, công thành người là chẳng mưu tính đông nhiều).

Dị thuyết nói: Người Phong giới học: Thật thì tiểu trí, ải tình chẳng di (phong là kẹt, ải là hẹp, di là bằng, nói người trì giới hạn cục ở Tiểu thừa) xúc vật tránh lỗi, mất thân như bụi đất, hậu ý ở cỏ cây (xưa có vị Tỳ-kheo trì giới, đi đường bị giặc ướp y bát , giặc dùng cỏ để buộc, suốt nửa ngày mà vị Tỳ-kheo chẳng bứt đứt cỏ mà đi, sợ phá giới) đại sĩ quán xét đó như đường hiểm ác, chẳng bằng giúp đại đạo tôi, rơi tiết tôi, buông tâm tôi, chẳng nối võ chẳng nhương mày, chẳng đói bụng, chẳng bệnh rau quả, tiêu dao trong sự uống ăn, thản nhiên ở trên hóa thực, sao chẳng vì tôi đến, ai có thể quyên mỹ hậu của cao lương thuần quảng, cùng hồn linh đời sau làm tàn khắc ty lệ ư? (đời này chẳng ăn ngon mặc đẹp hoa lệ, khi chết trọn làm quỷ ty tiện ư?).

Khiển trách rằng: Vì sao như vậy ư? Chẳng thẹn với người, chẳng sợ với trời, vừa ý nghịch thiện, tội chẳng gì lớn bằng. Giới là oai nghi (oai là có oai đáng sợ, nghi là có nghi đáng bắt chước) oai nghi là tiêu biểu của đức, Thi nói: Thục thận đó dừng, chẳng khiên với nghi. Lại nói: Ép ép oai nghi, chỉ góc của đức (đều trọng đạo oai nghi) nên nếu tức tu đồ, lấy đó làm phù ấn (tu là dài, qua đường dài, do giới năng giẫm trải, phù ấn là như công bằng ở đời nay) nếu giẫm trải qua nước lớn, dùng đó làm chiếc phao (luật chép: Như người muốn qua biển lớn, nhờ chiếc phao mà được qua, dụ như trì giới, phá một giới nhỏ, cũng chẳng thể vượt qua) như cương chế ngựa, dùng đó làm hàm sách, như lúa mạ ngàn mẫu, dùng đó làm đất bằng, xe dê chỉ năm phạm (một là Ba-la-di, hai là Tăng-già-bà-thi-la, ba là Ba-dật-đề, bốn là Đề-xá-ni, năm là Đột-kiết-la, chỉ ngăn ngừa hai nghiệp thân, miệng) trâu nương chung ba nhóm (ba nhóm thân, miệng, ý) thiếu đầu đuôi thí như rồng quỷ (phá giới là phần nhiều sánh như rồng quỷ) hoàn toàn trước vượt qua trời, người. Chiếu soi như nhật nguyệt, đẹp như anh lạc. Do đó, cỏ tốt hộ nga (cỏ tốt là như trên, hộ ngỗng là xưa có vị Tỳ-kheo vào cung vua, thấy con ngỗng nuốt một viên ngọc, sau đó vua tìm ngọc chẳng được, nghi vị Tỳ-kheo ấy lấy, bèn hỏi, vị Tỳ-kheo ấy sợ vua giết con ngỗng nên chẳng trả lời. Vua sắp giết vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cũng chẳng nói, đến khi con ngỗng đã nhả viên ngọc, vua biết chẳng phải vị Tỳ-kheo lấy, nên lại hỏi: Vì sao chẳng nói? Tỳ-kheo đáp: Nếu tôi nói sợ vua sẽ giết con ngỗng) có chết cũng không hai, đuôi rồng rơi nhạn, tinh thành nhất quán (như có vị Tỳ-kheo đến chỗ ở của rồng hiện thần thông đến cùng chẳng mất, người trì giới đến búng ngón tay ba lần, rồng bèn bỏ đi, luận Đại Trí Độ chép: Có vị Tỳ-kheo trí giới lúc ăn chỉ tâm niệm, thức ăn liền cảm hiện, nhạn đầu đàn biết vậy, khiến bầy nhạn gieo xuống đất

muốn cúng dường làm thức ăn, vị Tỳ-kheo ấy biết vậy nên chẳng ăn) vả lại, tôi và ông đồng là nâu sồng, trên đầu không mũ, trên thân chỉ mặc vải xấu, bốn biển chỉ là một, không thích không mạc (thích là sâu dày, mạc là mỏng nhạt) sao chỉ chọn tuổi của ruộng tăng, ăn cúng của đốt lò (tăng từ đủ hai mươi tuổi mới thọ Đại giới, qua hạ đến đông, gọi đó là hạ lạp) nghi phạm chẳng nhiếp, đen trắng đâu khắc, (nay tăng chỉ lấy người niên lạp cao ở tòa trên mà nhận cúng dường, mà hoàn toàn chẳng biết tu nhiếp oai nghi, hạnh của bậc thánh chẳng gì bằng chuộng trai giới ,tâm bậc thánh chẳng gì bằng chuộng từ kiệm, chẳng trai giới thì phỉ báng hạnh của bậc thánh, chẳng từ kiệm thì trái với tâm của bậc thánh. Báng hạnh trái tâm, thì tám nạn chẳng do bước mà đến (tán nạn là: Một: Địa ngục; Hai: Ngạ quỷ; Ba: Súc sinh; Bốn: Châu -cu-lô; Năm: Trời vô tưởng; Sáu: Điếc mù câm ngọng; Bảy: thế trí biện thông; Tám: Sinh trước Phật sau Phật. Đây đều làm chướng ngại thánh đạo) năm khổ chẳng đợi vời mà đến, đời này đời khác, cùng u hồn đời sau làm cửu sâu quả lớn (do thân này cùng phỉ báng, khiến hồn thức đời sau sa đọa mà chất chứa oán hận) nếu do đạo lớn rỗng không, hạnh nhỏ tổn đức, thì đối với Bồ-tát giới kinh làm sao có được (giới Tiểu thừa nếu chẳng giữ được, thì làm sao giữ được giới Bồ-tát, của Tiểu thừa vốn từ Đại thừa lưu xuất) do đó, như dáng mạo tợ hổ mà chất xứng với chuột, lạm hình ngựa đó (làm tăng chẳng thể giữ giới mà lại nêu Đại chê Tiểu, thật là loại hình chó chuột mà lạm chất của hổ ngựa) tuy muốn mượn ngôn từ, trốn lánh trách nhiệm mà thật văn tội đó.

Dị thuyết nói: Thiền là tâm học, tâm ngầm thần hóa, chẳng đi mà đến, sắp dừng lại chóng. Đó động như sóng vọt, đó tĩnh tợ vực lắng, phải nhận đó ở tự đắc, buông đó ở vô vi, sao hẳn ở yên với hình khô, lấy có đối đãi không? Hễ được thì là người trăm năm, còn chẳng được thì cũng là người trăm năm, nhục tông đồ, tiếm cao vợi, nhà cửa hoang tối (buông là đạt lý, chưa khởi sinh diệt mà dấu vết vượt Tỳ-lô, há chẳng tiếm cao vợi ư? Sắc tâm lẫn lộn, há chẳng hoang đó ư?) vỗ về đó ở thật thì ai tỏ ngộ, chẳng bằng vui ở cúi ngước, tạm vượt tự thể, chuông phạm giảng tụng lại vui ý ấy. Thiền đối với tôi không chỗ làm (ý trọng giảng xướng mà chẳng ưa thích thiền vị).

Khiển trách rằng: Phù phiếm luống dối: Dằn dặt nguy ngập (phiếm là sắc, du là xa, một khi nghe dị thuyết, thì huống dối phỉ báng của sắc cạn, tợ như tâm lự dằn dặt cao xa, lý thú sâu mầu, hoàn toàn trái với nguy ách, lý sơ thì nguy) đã thăng mà điên thật chỉ vì hối hận. Chỗ của năm đường chẳng buộc ràng, ba thừa do đây mà chống hoãng (buộc

ngựa là buộc xe lên dây. Người đạt lý không là năm đường chẳng thể trói buộc thân, ba thừa làm sao có thể nhiếp vị, siêu nhiên mà ra) tĩnh lắng ồn náo, bụi bặm ở thông trang, mở chốt sâu của linh quan (trang là đường lớn, xu là chốt cửa) mà chẳng trước đối với thiền học. Nên bậc sĩ tu đức nhàn tà, chư từng không có thây ở, xác thực cho đến nơi vô vi (nhàn là phòng ngại, xác là chim non, vậy bậc sĩ quên tâm, đó ở thì như thây không, làm thức ăn đó thì như xác chẳng đua tranh, điềm nhiên mà thôi) có đó chẳng do đạo này, thì từ tưởng như ma, kế sự như lưu. Hình là tâm rong ruổi, khổ chung với tuổi tác, hoảng hốt bàng hoàng, (huy hu là mở mắt) bó buộc tư trừ (dáng bước chật vật). Sao yên ở đó, là có (nay những người xưng là thiền, chẳng thể vắng lặng, thân tâm rong ruổi theo cảnh chuyển đổi, sớm tối khư khư đâu thể gọi là yên ở?) chỉ thiền chung trong ngoài, vị khác Tiểu đại (thiền là tâm nhàm chán địa dưới mà dẫn tâm địa trên, chiết phục phiền não, khiến chẳng sinh khởi, làm sáu hạnh sự, quán chung nội giáo ngoại đạo, Đại thừa, Tiểu thừa các chỗ làm, chẳng phải chỉ là một lời một câu mà thôi) đều tùy theo tu chứng có cạn sâu (có gần phân căn bản lý sự, Đại thừa Tiểu thừa luận cạn sâu chẳng đông) như ba con thú: Voi, ngựa, thỏ lội qua sông, bởi sự hứng vịnh của tiên thánh (Tiểu thừa dụ như thỏ, Trung thừa dụ như ngựa, Đại thừa dụ như voi, sâu cạn đều khác nhau) xưa khoảng đời Tấn đời Tống. Các vị Tam Tạng pháp sư từ Tây Vực đến phần nhiều dùng pháp thiền để dạy truyền, ung ung túc túc, im lặng mà thực hành, chẳng lấy làm lóe sáng nơi đời. Như Trúc Đạo Du định lực cao xa, tụng kinh ở non cao, bầy hổ đến lắng nghe, có một con hổ ngủ gật, Trúc Đạo Du dùng chuỗi châu như ý gõ đầu, nó bèn nghe, Cầu-na-bạt-ma ngồi nhiều ngày chẳng dậy, đệ tử đến hầu, thấy sư tử trắng đứng tựa cột, hoa sen xanh mọc đầy khắp hư không, nên đứng giữa mưa mà chẳng ướt, giẫm trên bùn sình mà chẳng dơ, ở đời Ngụy có Bạt-đà truyền tâm ngộ cho Tuệ Quang, Tuệ Quang thiếu định lực, trọn lấy văn tự của Tam Tạng làm Quốc đại thống (Tuệ Quang họ Dương, người ở xứ Định Châu, Bạt-đà gặp mà lấy làm lạ, giữ lại cho xuất gia, thông minh không ai bằng, thời bấy giờ được gọi là thánh Sa-di. Ở đời Nam Tề được làm tăng quan, sau làm Tăng thống, có văn chương lưu hành ở đời) chỉ Tăng Điều đắc đạo của Bạt-đà, dùng tích trượng giải hổ, áo ca-sa hộ nạn (thiền sư Tăng Điều ở núi Vương Ốc thấy hai con hổ đấu nhau, dùng tích trượng mà tách chung ra, mỗi con đi một ngã. Vào thời Cao Tề, có Lục Tu Tĩnh, v.v... tấu xin thử làm pháp với chư tăng, chưa cầu y bát của tăng chúng, v.v... xoay giữa hư không, tích trượng vọt bay. Đại Thống khiến Đàm Hiển ứng đối, kia lại

chúc cầu cây gỗ lớn bay lên giữa hư không, bèn đặt áo nạp của Thiền sư Tăng Điều lên trên. Khi ấy, chú nguyện đó là pháp đều chẳng thể động, vua rất vui mừng). Lúc đầu, Tăng Điều nhập định chín ngày chẳng xuất, Bạt-đà bảo là: Từ thông lãnh trở lại đây, thiền học là trên hết, ông là người đó. Cuối thời Đông Ngụy, Bồ-đề Đạt-ma bày bốn hành pháp, đầy đủ cả chân áo (bốn hành pháp là: Một là báo oán hạnh, hoặc gặp thương ghét đều cam tâm nhận chịu, đó là do ta xưa đã tạo tác, đều không oán đối, hai là tùy duyên hạnh, nghĩa là đối với tất cả cảnh không vui mừng, không oán hận, ba là vô sở tâm hạnh, nghĩa là không tâm hế có tham, bốn là xứng pháp hạnh, tức lý tánh tịnh viên minh) truyền pháp cho Khả (tức Tuệ Khả, tổ thứ nhất) Tuệ Khả bị giặc chặt cánh tay, dùng pháp chế ngự tâm, như mới đầu không đau khổ, từng than về kinh Lăng-già là: Kinh này sau bốn đời sẽ biến thành danh tướng, rất là đáng buồn! (Tăng xán, Đạo tín, Hoằng nhẫn, Tuệ năng là bốn đời. Sau đó phần nhiều dùng danh tướng truyền tâm) từ Tuệ Khả đến Lục Tổ, chia làm Nam Bắc, đều dẫn mạnh đẩy yếu, đua nhau tranh công đức, nhưng muốn nói về ô nhiễm và hưng thạnh là, chánh nên xét ngôn hạnh đó (từ Hoằng nhẫn có Thần Tú là Bắc tông, Tuệ năng là Nam tông. Đá chẳng phải ngọc nên chẳng nhuận, vực sâu chẳng có rồng nên chẳng oai, kia có đạo là tâm rỗng rộng xa, nên tiếng của chuông trống, tức giận đánh thì võ, ưu lo đánh thì buồn, hoan hỷ đánh thì vui, chí đó biến là tiếng cũng tùy đó, chưa có bậc hiền đắc đạo nên chí trí mà nói thì là ngu. Xưa tôi quan sát thiền môn tịnh chúng, sùng mà chẳng tiếm, rộng mà chẳng nịnh, mà chưa từng dẫn kéo khác lạ, kinh ngại tục Chân nói là bậc sĩ đại trí nhàn nhàn (Hòa-thượng Kim chùa Tịnh Chúng ở đất Thục hiệu là thiền sư Vô Tướng, vốn là Thái tử thứ ba của vua nước Tân-la xuất gia tại chùa Nam ở quận Nguyệt Sinh nước đó, niên hiệu khai nguyên thứ mười sáu đến kinh đô, sau vào đất Thục đến Tư trung bái yết Sằn Công học thiền, vào đất Thục dừng ở chùa Tịnh Chúng, trao pháp cho học trò, là Thần Hội, lại có Nam ấn Tuệ Quảng, lại có An tăng, Lương tăng, v.v... đều y cứ thiền pháp) bèn lễ bái sát chân làm thầy, thưa hỏi mọi sự ở ý chỉ đó, mà người học vì chưa thấy ban thùy nhậm nhiễu của doanh manh (ban thùy là thợ giỏi, doanh là trụ, manh là nóc mái) chẳng gặp hòa hoãn , thứ bệnh của phổi ruột (hòa hoãn đều là bậc danh y xưa đời Tần) cẩu thả tại tự ngã tinh sưu mà thôi, nếu chỉ lấy việc bên ngoài làm bến bờ của tự lụy, giống như Bắc viên mà đến các Sở (viên là buộc ách của xe, sở là tại nam địa, nay người học chẳng thể tinh sưu soi suốt, chỉ cầu ngôn cú nêu thành tự lụy, như muốn đến phía Bắc mà đi về phía

Nam, thì chẳng bao giờ đến nơi).

Dị thuyết nói: Thiền giả chẳng cùng cực so với thầy ta, thiền đó nói Thủ-lăng-nghiêm (tức Tam-muội) từ Phật truyền cho Đại Ca-diếp. Đến Bồ-đề Đạt-ma đợi thầy ta, tâm và tâm trao nhau, còn các tông khác thì chẳng như ta (Tam Tạng pháp sư Bát-la-mật-đế mang bộ kinh Phật đảnh mười quyển đến Quảng Châu dịch với Phòng Dung, xong dâng tấu Thiên Hậu nói đây mới xứng là ý chỉ Viên Đốn, đều là tông tượng của thiền).

Khiển trách rằng: Cát nhân ít lời, công phạt chẳng thường, huống chi chẳng phải công vọng, phạt người cát đó ư? Truyện phó pháp chỉ có hai mươi bốn vị, từ sau Sư tử, bốn vị như Xá-na, Bà-tư v.v... đều là khúc thuyết của các nhà khác (ghi ở truyện bảo Lâm) Lại Tổ thứ hai mươi chín là Đạt-ma-đa-la, chẳng phải Bồ-đề Đạt-ma. Truyền pháp hiền thánh đó trong lúc lấy Thanh văn, như Ca-diếp v.v... tuy là hồi tâm mà còn có tiểu trí (Ca-diếp, A-nan, v.v... tuy được thọ ký ở Linh Sơn mà còn là tiểu thánh) đâu thể truyền Phật tâm ấn ư? Xưa kia, Thương-na-hòa-tu nói với Ưu-ba-cúc-đa là: Tam-muội của Phật thì Bích-chi chẳng biết, Tam-muội của Bích-chi, thì Thanh văn chẳng biết. Tam-muội của A-nan nay ta chẳng biết. Tam-muội của ta nay ông cũng chẳng biết, Tam-muội như vậy đều diệt theo ta, lại có bảy mươi bảy ngàn kinh bản sinh, mười ngàn A-tỳ-đàm, tám mươi ngàn Tỳ-ni thanh tịnh cũng diệt theo ta, nên truyền pháp là chỉ truyền lời đó, tiếp thừa pháp là rõ lời thấy tâm tức là đắc pháp (tuy nói quán trí mà chỉ truyền ngôn cú) đó như nghề đục đẽo vòng tròn, truyền nghề mà chẳng truyền diệu (Tề Hoàn Công đọc sách ở nhà trên, Luân Thiên đẽo bánh xe ở nhà dưới, thích đẩy đục mà lên, hỏi Hoàn Công rằng: Xin hỏi chỗ đọc của ông là lời gì? Hoàn Công đáp: Lời của bậc thánh. Hỏi: Bậc thánh ở đâu? Hoàn công đáp: Đã chết rồi. Hỏi: Vậy thì chỗ đọc của ông là cặn bã của người xưa? Hoàn Công bảo: Quả nhân đọc sách Luân Nhân đâu được chê trách? Có thuyết thì rồi, không thuyết thì chết, Luân Thiên nói: Là bề tôi, vì vậy của tôi trông coi đẽo bánh xe, từ từ thì ngọt mà chẳng chắc, nhanh vội thì đắng mà chẳng vào, chẳng từ từ chẳng nhanh vội thì được đó nơi tay mà ứng ở tâm, miệng chẳng thể nói, có vài người con còn như vậy khoảng đó tôi chẳng dụ con của tôi, con tôi cũng chẳng thể nhận đó ở tôi, vì vậy tuổi đã bảy mươi mà già đẽo bánh xe, người xưa truyền cho đó chết rồi, nhưng điều ông đọc là cặn bã của người xưa). Đàn cầm của Sư Tương được đàn cầm mà chẳng được số (Trọng Ni ở đất Vệ, học đàn cầm với con Sư Tương, mười ngày mà chẳng tiến, con Sư Tương nói:

Hãy học thêm, Khổng Tử nói: Tập nguyên do đó, chưa được số đó vậy có lúc nói: Tập số đó đáng thêm, Khổng Tử nói: Khâu tôi chưa đắc chí, có lúc nói: Tập chí đó đáng thêm. Khổng Tử nói: Khâu tôi chưa được làm người đó, có lúc nói: Chỗ tu lặng im nghĩ, chợt có chỗ vui vẻ, trông cao mà chí xa, nói: Khâu tôi được làm người đó, ủ rủ mà im lặng, xót xa mà lớn mắt như đối với dê, như đối với vua. Bốn nước tức Văn Vương ai làm đây, con Sư Tương lánh khỏi chỗ ngồi, kính bái rằng: Sư cái nói Văn Vương tiết tháo) nên có người tu tập lâu mà không thành, lại có người vừa phát tâm bèn chứng, lại có hạng nhỏ mà đắc, Anh tài chẳng ngộ, chỗ quý ở nơi ngầm hợp, chẳng hẳn ở nơi trao nhau, nhưng nay các môn đều thiền, mà xấu nơi biết Phật, thiền riêng mới một nhà ư? (Như chỗ truyền của các bậc tiên đức Trưởng giả đều có tông sư).

Dị thuyết nói: Đạt-ma đã phải truyền pháp khiến hai đệ tử đến đất Hán, bị người Tần đuổi tới Lô Sơn (tức Bạt-đà) nhân cùng Viễn Công dịch ra kinh Thiền Yếu, Đạt-ma nghe vậy bùi ngùi, mới tự ra khỏi đất Bắc, vượt biển đến đất Lương, người đất Lương chẳng kính tin lắm, nhìn về hướng Bắc có khí Đại thừa, bèn đến ở đất Ngụy (điều nói này là truyện Bảo Lâm và Cao Tăng Truyện khác nhau).

Khiển trách rằng: Ngôn từ mất ở chánh đáng, dẫn cong che thẳng, há gọi là trí ư? Chỉ môn của Tổ sư, thiên hạ quy về nhân, thiền đức tự cao, đâu đợi truyền pháp, sau đó mới bắt đầu làm Tông giáo ư? Mà có khảo xét năm tháng, vì Tỳ-kheo Sư Tử đã đáng đời Tề, Đạt-ma là Tổ thứ hai mươi chín, chợt ở đời Tấn, đâu mất lời ở năm tháng (đệ tử Đạt-ma bị đuổi ở đời Tấn, khoảng niên hiệu Hoằng Thỉ ở đời Tần đến cuối đời Tống là tám mươi năm, đời Nam Nam Tề được hai mươi bốn năm, cách nhau từ trăm năm trở lên, đâu được Tổ thứ hai mươi chín lại trước Tổ thứ hai mươi bốn đến một trăm hai mươi năm ư)? Có lời truyền Lỗ-bát Phù Đồ (Lỗ-bát là lời thi nhân sau Xuân Thu, Phù Đồ từ thời Tấn, Tống mới có) Hữu Quân Bát-nhã (tục truyền, đời Tấn, Hữu Quân Vương Hy có tự thân viết nhiều tâm kinh, rất nhiều người biết không Tâm kinh là do Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang dịch vào khoảng niên hiệu Trinh Quán thời Tiền Đường) kia vừa rồi biết bát tại Xuân Thu, vương ở Tấn Mục thì chẳng có lời ấy.

Di thuyết nói: Đạt-ma sáu lần vượt qua, bị Bồ-đề-lưu-chi và Quang Thống lén bỏ chất độc vào thức ăn, năm lần vượt qua nhả ra, đến lần thứ sáu, chẳng nhả mà chết. Lại bảo với đồ chúng đó rằng: Tông ta đến đời thứ sáu mạng như sợi tơ treo, cho nên biết, sùng sơn đến Tuấn Hủ nhượng băng đó, kiều mộc đến kiên hạt trùng đó, nên khiến tổ ta chẳng

xa có hại, trọn xót thương sau ta vậy (Bồ-đề-lưu-chi, Hán dịch là Giác hy, thông suốt Ba tạng, khéo vào Tổng Trì, chí ở hoằng dương diễn hóa, rộng lưu bố thấy nghe. Năm Kỷ Sửu tức niên hiệu Vĩnh Bình thứ nhất thời Tuyên Võ Đế đời Ngụy đến Lạc Dương, dịch kinh luận gồm ba mươi chín bộ một trăm hai mươi bảy quyển, chi chép bản thảo chất đầy một gian nhà, giỏi cả các tạp thuật, thường ngồi ở miệng giếng gội rửa giữa hư không, hoặc chú nguyện vào nước khiến tuôn vọt lên, rót mà lấy dùng, Luật sư Quang Thống là bậc tài giỏi một đời, huống chi là chủ Tăng Bính, đâu thể vậy ư? Truyện Bảo Lâm là sai nhầm rất nhiều, người học về sau nên phải xem xét).

Khiển trách rằng: Tà Phu liên can chánh, chánh rốt cuộc thành tà, Vong Sĩ bàn nói chân, chân trở lại thành vọng, thương thay bên trong mỉa mai Thích Đảng, vì danh lợi hại nhau mà có đến như vậy, ý kia cho là đức cao vật kỵ, sâu dụng tự bày (ý cho là Đạt-ma đức cao, Lưu-chi v.v... đố kỵ) mà chẳng biết tự thương, cũng do cùng cực, xưa kia thời Ngụy Chu diệt pháp, chiếu ban mượn cố tiên sinh ba lần phá luận, v.v... (tiên sinh Cố Hoan vậy) ác của lừa dối họ Thích phương Tây mà thật chẳng quá lắm. Thi nói: Người không tốt, oán nhau một phương, nghĩa là đó vậy, phàm tốt sắp giết hại ở nói dãm, thật tâm của kẻ khoái địch (như loại Bạch khởi chết bởi loại Đỗ Bưu) Cao đức nung ở Báng Phu, thật giúp khinh lời của ngoại đảng (đem giúp phỉ báng ngoại tông) đó nghe phỉ báng chẳng bít tai, đây cũng là hạng khen ngợi phỉ báng. Xưa những người có đạo, điềm nhiên vô cực, mọi tốt lành theo đó, nên hổ dữ chẳng chiếm cứ, chí điểu chẳng quặc (chỉ là đánh, quặc là bắt, chẳng dương oai mà bày dõng) huống chi là người ư, nếu sáu lầm vượt qua mắc độc hại, biết vẫn mà ăn, tâm bào tự chết, chẳng biết mà ăn, sao gọi là có đạo (đâu gọi là bậc thánh) Phàm Lăng Dương vụ thành, chưa nghe mắc ở chậm hiệp (Lăng Dương vụ thành, đều là người có đạo thưở xưa, còn chẳng làm độc hại). Há nơi không môn thì có đây ư? Nên khéo làm đạo là chẳng khiến người mến, mến rồi còn khiến người dứt bặt, huống chi khiến người hại mình ư? Lưu Chi, Quang Thống kia đều là các bậc đức hóa rộng mở, trời người trông ngóng, phụ hiền giúp thiện, chung mở mang phong giáo, như môn của Quang, mười người đức hạnh (học trò của Tuệ Quang, danh bày chẳng phải chỉ một) nay đây người nịnh đâu dám mỉa mai hủy hoại (Trọng Ni nói: Cho nên người ác gọi là kẻ nịnh) khiến gieo đến hổ báo, ai gọi là cùng trách, vả lại nghe tụng ta giống như người, xét mình làm nhân chẳng thể quả, làm nhân của người ác sao có thể quả ư (nhân là gốc quả cảm quyết đoán, quyết đoán là

nghĩa, nay người ác dấy khởi mỉa mai phỉ báng đó văn chẳng phải ở tốt lành, đã chẳng thể xét quyết phải quấy mà tin, như thế thì nhân đâu có dụng của quả cảm) nên quân tử bên trong thứ mình để lượng người (đạo của quân tử là trung thứ mà thôi, xét mình độ người, đó là trung thứ) xưa kia Ngu Nhuế tranh giành ruộng còn thẹn với Tây Bá (hai nước Ngu, Nhuế tranh giành ruộng mà tố tụng, qua nhiều năm mà chẳng dứt khoát, mới nói với nhau rằng: Tấy Bá là bậc nhân, nên sang đó mà hỏi, khi vào cảnh vực đó thấy người cày nhường bờ, người đi nhường đường, Triều thần nhường vị bảo: Bạn tôi là tiểu nhân, chẳng đáng vào chầu quân tử, bèn nhường làm nhàn điền, Khổng Tử nói: Văn Vương đáng gọi là bậc Chí Đức, chẳng dạy mà theo) Sừ Nghê diệt giặc còn kính đối với tấn Thần (Sừ Nghê là hiệp sĩ vâng lệnh Tấn hầu đâm giết Triệu Tuần, Triệu Tuần sắp chầu còn sớm phục mà giả ngủ, Sừ Nghê thấy vậy bảo: Chủ của dân, chủ của giặc dân chẳng trung, mất lệnh vua chẳng tín, bèn xúc chạm cây hòe mà chết) thiền tổ chết ở mưu, chưa làm nhân đức (giả sử nói dối Đạt-ma chết bởi Lưu-chi, sao là người có đức? Lại nói Đại sư Khả bảo chẳng chết ở thành an, khiến dưới cây khô mà tiếp tục chết ở chỗ chận độc bởi Thiền sư Hòa, ở đây chê Tổ sư Khả quá lắm (Tăng Khả còn một tên là Tuệ Khả, họ Cơ, người xứ Hổ Lao, có thiền học, tôn Đạt-ma làm thầy, bị giặc chặt cánh tay, dùng pháp chế ngự tâm, chẳng biết đau khổ, vẫn đi khất thực như cũ. Hóa Công và Thiền sư Hòa đều là bậc danh đức ở đương thời, có nói Thiền sư Hòa dùng thuốc châm, Tuệ Khả phỉ báng đó rất lắm) Háo thắng là hẳn kình địch, há là Tổ sư hảo thắng ấy ư? (Kình là mạnh, kẻ sĩ háo thắng cùng địch tranh nhau mạnh yếu, nên có sự ghét thương thù nhau, Tổ sư sạch niệm, mà lắng tâm, đó là không cạnh tranh với vật, đâu có ghét thương khiến hại ấy ư? Tin chắc sai nhầm của truyện). Xưa, Kỷ Tiêu Tử nuôi gà đá, hay khiến quên tâm khí trạng gà gỗ, bầy gà trông thấy đó khi miệt có chí đá nhau, Trù dung là người có đạo mà nhục với gà ư (kỹ tiêu tử làm vua muôi gà đá, mười ngày mà hỏi đó rằng: Gà đã xong ư? Đáp chưa, mới hư kiểu mà trì khí mười ngày lại hỏi, đáp chưa, còn ảnh hưởng, mười ngày lại hỏi, đáp còn chóng thấy mà thạnh khí, mười ngày lại hỏi: Bao nhiêu? Gà tuy có gáy mà mình không biến, trông đó như gà gỗ, đức đó hoàn toàn, gà khác không dám ứng là trái lại chạy tại đó, ở gà có đạo, bầy gà con đời trông đó mà chạy, huống chi đối Với Tổ sư mà dám hại sao?) Nên ngói bay vì đánh người chẳng oán, xúc chạm của thuyền rỗng, là người không oán, kia vì sao như vậy? Vì vô tâm nên vậy, mà Tổ sư Khả đâu có tâm ư (Tuệ Khả đã vô tâm, thì chẳng nên hại) xưa kia, Tề

bào khiên chặt cẳng, Trọng Ni bảo: Bào là trí của Trang Tử, chẳng như Thái, Thái còn năng giữ gìn chân (Tề khánh khắc thông ở tiếng, Mạnh Tử nhờ áo mà vào cung, Bào Khiên trông thấy báo với Quốc Võ Tử, Võ Tử gọi khánh khắc đến mà nói, Khánh Khắc cùng phu nhân tức giận, Tề Linh Công đánh Trịnh, Bào Khiêm giữ nước, phu nhân tố cáo đó rằng: Tướng chẳng nhận vua mà lập công tử Giác, vua bèn chặt chân. Trọng Ni bảo: Bao là trí của Trang Tử chẳng như Thái, há nay bị hại là có trí) Phật-đồ-trừng ở núi Thạch Lặc, như đá ném xuống nước, có một hôm, Thạch Lặc đòi Phật-đồ-trừng đến, muốn hại đó, Phật-đồ-trừng chẳng khiến mà được, bởi bậc thánh chẳng muốn chôn vùi người ở trong tội (nếu khiến được hại thì giúp đến địa ngục) tuy Đề-bà mổ ruột (Bồ-tát Đề-bà soạn Bách luận để phá ngoại đạo, về sao đệ tử chẳng còn, bị ngoại đạo mổ ruột, Bồ-tát trao y bát cho ngoại đạo, dạy cho chạy nhanh, đệ tử ta chưa đắc pháp nhẫn thì sẽ hại ngươi, sau đó quả nhiên đuổi bắt mà chẳng kịp) sư tử chặt cổ (tổ thứ hai mươi bốn là Tỳ-kheo Sư Tử, bị vua nước Kế-tân chặt đầu mà cánh tay rơi rụng) đều vì ngoài nạn chưa giết, trong tâm như gắng, hoặc thuận hóa, chú giải đủ nghịch hóa, hoặc sống hóa đó chẳng đủ chết hóa, đều khiến bảo mà không oán, chẳng quy lỗi về có đức (đâu đem phi lý vọng thêm có đức) xem Tổ thứ sáu được tín y, như đạp hổ sợ cắn, Ôm Ngọc sợ bị hại (Ngu Thúc bảo: Chu ngạn nói thất phu không tội, Ôm Ngọc tội đó, tôi sao dùng đây, vì bị hại. Chu Chương đi đường, nghỉ bên đầm cỏ, nay lo người truyền sai nhầm, (Truyện Bảo Lâm chép: Ngũ Tổ thầm trao tín y cho hành giả Tuệ Năng, khiến chạy lánh đường hoang trống, nghĩ đến Nam Hải, gặp Pháp sư Ấn Tông, mới xuống tóc cho) Phàm đắc đạo là mất ngã, mất ngã là gồm mất cả muôn vậy. Y nào có đâu mà gìn giữ ở mình ư? (đạo vốn do tâm, đâu ở nơi y) phàm cừu là đạo tế ư? Hẳn chẳng cạnh tranh, chẳng tế ư? Hẳn không chỗ dùng (người nếu thấy đạo, nào mượn cừu bình, nếu chưa đắc đạo, được y làm sao dùng), tìm kim mộc để xét đuổi, sắp việc gì ư?

Dị thuyết nói: Nguyên do của tội phước, chỉ do tâm mà thôi, tâm diệt vô vi, đạo ở vô sự, chẳng lễ tán, chẳng giảng tụng là chân vô vi, chẳng cầu giới, chẳng gìn tội là chân lìa tướng, có nói có hành là tâm có chỗ biết, là pháp Thanh văn. (Giảng nói đọc tụng, thiền sư gọi là pháp Thanh văn, đều là hữu vi) do đó trừ tượng bày, bỏ kinh pháp mới xứng là đốn môn, như có chỗ nói ở tự lòng ta, gặp văn xén cắt, sao đợi chương cú sớ luận ư (thì nay gặp có hỏi đáp ngôn cú).

Chê trách rằng: Rất là đốn thay! Tuy dàn dựng tợ lời của bậc

thánh chưa có, đạo của bậc thánh (cơ là gần, ngôn cú tuy tợ lời của bậc thánh. Đạo sở hành, chưa gần đạo của bậc thánh) phàm chỗ biết cùng ở đồng là đồng như mê, cùng nhược dị là nghĩa là mê ở nhược (nhược là ngươi, nay cùng ngươi đồng là thì cùng ngươi đồng mê. Nếu cùng ngươi dị thì là mê ở đạo của ngươi, kỳ chí lo buồn, mông nhu tin, làm sao có thể thôi ư? (kỳ chí là già lão, Mông nhu là trẻ nhỏ, lão túc là lo buồn, ngu trẻ là tin dùng, nên trọng ở đời) phàm vô vi là hư dung tịch bạc, không điều thiện nào chẳng làm (lìa ngại gọi là hư, chiếu suốt gọi là dung, vượt phiền gọi là tịch, điềm nhiên là bạc) như do lễ tán dệt khắc làm ngại, kia thấy hữu vi, chẳng phải ở vô vi (nếu vì lễ tán, đồ khắc tượng Phật, ngăn ngại ở vô vi thì là hữu vi, nay thấy có tướng này thì là hữu vi, chẳng phải vô vi) lìa tướng là chiếu đạt sắc tâm, không có tướng để được, bỏ mê đắm gọi là lìa (đối với tướng sở quán nếu không chấp trước, thì là thành tựu đạo lìa tướng) nếu vì chẳng thọ giới, xả bỏ trì hộ mà là lìa tướng, kia sẽ là chấp tướng, nào lìa tướng (nếu phải là trừ thọ giới dứt hộ trì mới gọi là lìa tướng, thì chấp trước tướng của trừ bỏ) pháp Thanh văn là nương thanh giáo của Phật, nhàm chán khổ mừng diệt, cô tuệ độc dĩnh (cô tuệ là trí đơn không dứt phiền não chướng, chứng được lý không , không khéo gồm tha (chỉ tu tự lợi) chẳng phải giảng tụng: hữu thanh là pháp Thanh văn (bởi mến mộ muộn chẳng thấu đạt nghĩa Thanh văn. Đốn môn là chẳng mượn tiệm của Nhị thừa, thẳng dây đường Vô sinh hành hóa khắp đều, khởi nghiệp rộng lớn, đây gọi là đốn (đây mới là đốn ngộ Đại thừa, chẳng do đường Trung tiểu) chẳng phải biến nhiên bặt chiếu, chê trách muôn điều thiện là đốn môn (đâu thể im lặng không tu, chẳng tạo một điều thiện mà gọi là đốn môn thì với châu ở phía Bắc Cu-lô, trời vô tưởng, v.v... đâu khác gì nhau) phàm giáo của bậc thánh, có duyên chẳng phải một, ứng biến muôn sai, hoặc nói lưu mà lý thẳng, hoặc đầu quyền mà cuối thật (nên Khế kinh là ứng căn cơ thể lại giáo, có đốn có tiệm, có thật có quyền, có bán có mãn, đâu thể chẳng tập mà biết) huống chi âm vận cổ huấn, phạm Hán ngư lỗ, phải bẩm thừa có tượng (học chẳng nhờ thầy, hẹp hòi ít nghe) tìm xem có công. Há đối với văn tự chưa biết, bèn chẳng nghĩ mà nói, chẳng lo mà đối, vọng giẫm hư huyền, lưu tục mà gọi đó là sâu mầu) hoặc dùng tài lực khen thưởng. Đến nỗi khiến đồ chúng đó tự yên vui (vì cung cấp thức ăn ngon dụ dỗ, bèn khiến thay nhau khen thưởng) như kia có chỗ biết được nhờ định lực, năng nói kinh Phật, sao chẳng dùng dị điển để thử, xem đó nhã nạp thế nào, thẳng cong tự rõ (nếu nói kia dùng định lực giúp thêm, chẳng học tự biết, thì có thể thử sách Nho mà

hỏi thì biết có đáng chăng) Vả lại, hễ xưng là Nho mà chẳng truyền tập, cũng là chỗ bệnh của Hiền Nho (truyền chẳng tập là bệnh của tăng tử) hoặc nói: Khởi thiện động hành, càng thêm vọng đó, như mặt trời soi bóng, thêm củi bãi đảnh, thành mới đạo của chuyên đây, đâu là đạo của dứt diệt (nếu nói chỉ dùng đặt thiện lợi lấy làm hạnh môn chẳng hẳn giáo điển, thì lại chẳng đúng, vả lại giáo là bày đường tất để vào thiện, chẳng tập làm sao biết, nay muốn hành thiện, chẳng dứt bỏ giáo điển, đó như treo mặt trời mà muốn bỏ bóng, đảnh sôi trào vọt mà lại thêm củi, nên biết là chẳng thể) nói kia bởi chẳng biết chấp sự tịnh mạng, dùng tiếng ngăn tiếng (nay dùng có kinh điển dẫn về để biết vô tướng, đó như chấp sự kinh điển dùng tiếng của kiền chùy kêu để lắng tiếng chúng, thầy thuốc dùng độc để dứt độc (nên kinh cũng gọi là Đề hồ, cũng gọi là thuốc độc, như thuốc độc của sói con v.v... vốn là thuốc độc, nay thầy thuốc bảo uống đó, lại có công năng trừ độc).

Dị thuyết nói: Tông triều đời Đường (con của Túc Tông thời Tiền Đường tên là Dự, đổi niên hiệu là Bảo Ứng) có thuyền khách lớn, xép dẹp lễ nhạc,đài tạ thế quý (đài là đạp, tạ là phô bày, còn nói là giẫm đạp) bện cỏ cửa vàng, ổ kiến vua ở, nên đối với đấng Chí tôn, sắc đó ngạo như, từ đó yết như (yết là thẳng ngay mà vô lễ) Tâm khí mạnh mẽ, giả sử không sinh tử, có thể gọi là thật có đạo ư?

Chê trách rằng: Đây mới xứng là dõng, chẳng xứng đạo, phàm dõng của bất nghĩa, mưu tìm đạo để tổn, đã chẳng thể tổn thì đạo đó có thể biết (thích dõng mà chẳng thích học đó là tệ, giặc lại dõng mà vô lễ thì loạn) từng có con của người quê kệch xưng cha nó có gân lực, có miệng trán lớn, ông cha lấy làm đức, các hàng Hương Hào sợ hãi, xóm làng lánh né, huyễn hoặc đó càng nhiều, lỗi lầm đó càng rõ. Hễ xưng là có đạo thì sắc ấm mà lời đượm, khí mềm mà tâm xa, tuy muốn tuấn điều ác của người (tuấn là sửa đổi) cũng ưu du mà phúng dụ, nên đối với người biết ta là bày ở biết, chẳng biết ta là bày chẳng biết (nước có đạo thì hành, nước không đạo thì cuộn mà ôm, lại dùng đó thì hành, bỏ đó thì ẩn giấu) chẳng vui mừng với người không biết ta, chẳng giận người không biết ta (người không biết mà chẳng giận) xưa kia bậc Đại thánh đến các nước, nhiếp phục voi suy hộ tài (Điều-đạt khiến vua A-xà-thế thả voi say hộ tài muốn hại Đức Như lai, Đức Như lai từ năm đầu ngón tay hóa thành năm sư tử, voi say liền quỳ phục) chế quỷ thần khoáng dã (lại quỷ khoáng dã thường ăn thịt trẻ con, một hôm bắt được một đứa trẻ, nó xướng Nam-mô Phật thì quỷ chẳng thể ăn, Phật hóa thành núi lửa vây quanh bốn phía, quỷ dốc hết sức lực mà chẳng thể ra

được, bèn phát tâm quy hướng Phật, thề chẳng ăn thịt người), chưa hề sân nhục Ba-tư, mặt chẻ Xà Vương (Quốc Vương mỗi lần đến chỗ Phật hội, Đức Phật đều trước bảo: Lành thay, Đại Vương! Dùng lời mềm dịu như vậy để thăm hỏi) tuy đức tôn thần hóa mà chẳng tổn thương lễ của quốc quân. Trọng Ni đến nước Vệ, với trò chuyện Vệ Linh Công, thấy chim nhạn bay ngang qua, ngửa mặt nhìn sắc, chẳng nhìn Khổng Tử, Khổng Tử đi chỉ lánh nước Vệ, ông đó chẳng dốc lòng đối với ta, chẳng phải bày lời để tỏ chí, có nước như Tần Thỉ Hoàng, có tâm như Tần Thỉ Hoàng, mạnh như Tần Thỉ Hoàng, mà nhìn thẳng thiên hạ, một lần chầu Đường tuy đè kiếm, lại đất của Yên Dĩnh (Yên Dĩnh là nhầm, phải là huyện Yên Lăng thuộc Dĩnh Xuyên, Tần Thỉ Hoàng diệt Ngụy, sau chấp nhận đem đất ngàn dặm để đổi năm mươi dặm đất của Yên Lăng quân. Yên Lăng Quân sai Đường Tuy đi sứ đến Thỉ Hoàng. Thỉ Hoàng bảo: Quả nhân đem đất gấp bội mười lần để đổi, mà ngược lại với Quả nhân là thế nào? Đường Tuy đáp: Chẳng dám làm điều đó. Yên Lăng Quân Tiên Vương giữ đó, tuy ngàn dặm cũng chẳng đổi, chợt Thỉ Hoàng tức giận bảo: Ông có nghe Thiên Tử giận chăng? Dẹp thây trăm vạn, máu đỏ ngàn dặm. Đường Tuy nói: Đại Vương nghe Bố Y tức giận chăng? Dẹp thây hai người, máu đổ năm bước, là thiên hạ đơn sơ ngày nay đó, bèn đè kiếm đứng dậy, Thỉ Hoàng đổi sắc mặt mà bái tạ: Tiên Vương sao đến đây, là Quả nhân dụ. Tướng như nghễ trụ, về Bích của Hàm Đan, chẳng thể làm sao Dõng đó (nước Triệu có Biện Hòa Bích, Tần muốn đem mười lăm thành để đổi, Triệu sai Lạng Tướng Như dâng Bích, Tần Chiêu Vương được Bích mà chẳng cắt đất. Tướng Như dối nói là có vết, lấy lại chỉ đó, nhân giữ trụ chẳng trả, xin cắt đất mà chừng năm ngày mới nhận bích. Nếu vua cần gấp bề tôi, thì đầu bề tôi cùng Bích đều vỡ nát, vua sợ vỡ nát Bích mà chẳng dám làm hại, Bích trọn đem về Triệu) Lương Võ triệt bỏ chế độ của cung vi, cho phép Sa-môn du dạo, Hữu Ty cho rằng ngự tòa, chẳng phải chỗ Sa-môn nên lên, Trí Tạng chợt ngồi xổm đổi sắc mặt gằng tiếng bảo: Xưa bần đạo trước làm Ngô Trung cố Lang còn chẳng thẹn giường vua, huống chi Thích tử lại là Tổ Định Quang Kim Luân (là ta vậy, ta là con cháu của Định Quang Như lai) nếu Đàn Việt giết bần đạo, chẳng lo không có chỗ thọ sinh, nếu giao còn phương ngục thì chẳng ngại hành đạo, lưu tục lấy làm năng đạp qua bờ cao Thiên Tử, còn quân tử nhà họ Thích thì chẳng như. Lưới Hoàng nhà Lương đã thí (thí là rối) thứ sự rơi rụng, chỉ trừ một giường vua đáng nhận nhàn rỗi vậy. Lương Võ từng muốn ngự chế tăng quan, ban sắc người chủ khiến khắp ai chấp thuận thì đặt tên, lúc

ấy không ai dám chống kháng, đến lúc sớ đưa tới Trí Tạng, Trí Tạng lấy bút khoanh tròn bảo: Biển lớn Phật pháp chẳng phải chỗ người tục biết, vua xem đó chẳng lấy làm để ý, thư viết: Dùng khoan để nhiếp chúng, dùng giản mà đi xuống, đây là hóa của Đường Ngu, phàm khoan mà dùng giản, giữ đó thì người an, khoan mà chẳng giản thì pháp đó loạn. Ngay đời Lương khoan mà chẳng giảm, chẳng loạn, sao đợi Trí Tạng kia, tuy may đó không pháp, há chẳng sợ giản thư đời sau ư? (giản là thư của sách).

Dị thuyết nói: Thầy ta ngồi kiết già, tâm ở trong định, diềm nhiên thoát xác, người sau buồn nghĩ xây tháp cao lễ tang lớn, cũng chẳng thạnh ư? (ta tức là các vị Tôn túc trong thiền môn, người học khoe việc ngồi mà thị tịch, xây tháp cao lễ tạng lớn).

Khiển trách rằng: Quân tử dụ ở nghĩa, tiểu nhân dụ ở lợi (dụ là hiểu) chỉ chỗ rõ ràng. Nếu chỗ đức hạnh đạt được, hoặc là ai buồn, vinh hạnh. Nếu quanh co dùng tanh hôi nhân đẹp ngói hợp, nấn kế sau đó, thì thêm nhiều hồn, sánh với tội của giả dự (nếu thật do liễu đạt, đi ở vô ngại thì có thể, nếu vốn chẳng phải chân thật, giả sử lấy vinh dự sau, nấm dối phàm tục, thì tăng thêm tội vùi lấp đó) phàm việc chẳng nghiêm sức thì chẳng tên, quá thí nổi dậy cạnh tranh (có đức mà chẳng rõ bày, thì mất sáng tỏ đời sau. Không đức mà nấn sức thì giẫm vào dấy nổi cạnh tranh) nên Sư Cố nói xa mà tìm ở nghĩa, Sư cố nói bộ cũng tìm ở nghĩa, chẳng phải cố là tin chỉ nghĩa là tin (tuy có lời của Cố mạng, cầu hợp độc mà hành). Xưa Tào hầu bảo Táng đơn sơ, Đại phu bảo: Nước có thường lễ, (xa là tiếm trên, kiệm là ép dưới, sám kiệm được vừa, là hợp với thường lễ) nhưng cỏ mạng mến thây, tuy muốn lợi với loài bay chạy mà thật không sao giết hại thây đó (Cao tăng Tuệ Thật dặn dò khách đem thây thí cho chim thú, nhưng đó thí ít chẳng đủ khắp, sao bằng khéo nguyện giúp rộng lớn ư? Lại phơi bày dơ uế đó, bày thây gọi là giết hại), ở lệnh đức là, nên bỏ ý này, tuy Viễn công thấy sắp qua đời, hoặc chưa ta khéo (Nam Viễn lúc sắp tịch bảo thả trăm con chim) phàm chết là tinh thần đi, hình chất đâu biết được (tạng thức đã đi thì đồng với vô tình) đứng và ngồi nằm cái nhỏ là hơn kém ư? Nên ở tại Kim Hà nằm nghiêng hông phải (Phật tại sông Kim Sa nằm nghiêng hông phải và nhập Niết-bàn) Tại Kê Phong lụy giai (tôn giả Ca-diếp vâng giữ pháp y ca sa của Như lai ở núi Kê Túc, đợi đến lúc Di-lặc ra đời vâng giữ pháp y ca sa rồi, làm mười tám thứ thần biến, tức sang núi Kê Túc ngồi kiết già nhập tịch, hóa lửa thiêu đốt tự thân) Tuệ Vĩnh đòi giầy mới đứng dậy (Cao Tăng Tuệ Vĩnh ngay trước giường tìm đôi giầy

mà chết) Linh Duệ cầm quyển mà hóa (Cao Tăng Linh Duệ cầm quyển sách trên tay mà tịch) đều nhậm thời mà đi hết, chẳng phải mến mộ khác thường mà lừa dối tục (Đặng Ẩn Phong đứng ngược mà chết) xưa Cao Tăng Đàm Giám là người vãng sinh, ngồi yên mà tịch, đệ tử vẫn bày mà liệm, nay thì ngược lại. Định là mở cửa của Huyền Giải, vượt ra bờ vực sinh tử, chỗ nóng lạnh chẳng vào, chỗ đốt chìm chẳng kịp. Nếu ở trong định mà có chết, thì đâu khác, rửa xuân ngâm mà đốt ở lửa dữ, trang bị giáp trụ mà trúng tên độc ư? (Phàm lúc chết, phải ở tán vị) nên trước Phật sau Phật có các thánh đệ tử nhập định diệt tận, trải qua trăm năm, ngàn năm , ức muôn năm chẳng xuất định là chết. Tại nước Khư-Bàn-Đà, nước Chước-câu-ca, nước Ô-sát ở Tây Vực, nhân vị lậu tận hình nghi đô vĩ (đô là lớn) nơi núi non cao vợi, ngồi nhắm mắt rủ tóc, sét đánh núi đổ mà những người đi săn thường thấy có (theo Tây Vực Ký là lời tựa của Đường Tam Tạng hành ký) xưa, Triệu Tương Tử (vua Tấn không... con, con của Triệu Giản tử) đi săn bắn đốt núi rừng, có một người bay đi trong lửa, núi đá chẳng làm ngăn ngại, đó là hạng người nhập định (nhập định thì chẳng bay đi, nghi là các vị vận thần thông) đời Tấn, thần tăng Ha-la-kiết đã tịch, đệ tử chất cây gỗ như gò để thiêu, trải qua nhiều ngày mà chẳng hết, bèn chuyển đưa đến thạch thất, sau vài mươi năm, thì thấy khác với người sống, kia nhập thiền thứ tư, đã ở định cõi vô sắc, nên khiến cho miệng mũi không thở (từ thiền thứ tư cho đến cõi vô sắc địa, pháp không có phong đại chủng, nên xuyên vào hơi thở gió chẳng đi) chế độ tháp miếu, đời mất đạo ấy đã lâu, ở Tây Vực lấy tháp làm phương phần (tiếng Phạm là Tháp-bà, hoặc nói là Thâu-bà, Hán dịch là phần tháp, là lược, hoặc vuông, hoặc nhọn, hoặc tròn) đối với phàm thứ thì phong bít, như nhà của xứ này là (bốn phương) như hạ ốc là (bốn bên nhà lớn). Từ Luân Vương đến Đại thánh, mới dùng tầng cấp để bày đức biện danh (Luân Vương một tầng, Thanh văn bốn tầng, duyên giác mười hai tầng, Bồ-tát và Như lai mười ba tầng) từ xưa đến các vua đời Lương, đời Trần ít có người chẳng treo quan mà biếm phản, nhưỡng phong thọ, cho đến như thiết bày bi khiên (khiên là dây hạ quan, thời xưa lập đá dựng trên phần, có lỗ xỏ dây, dây dùng để hạ quan, gọi là biếm, về sau hoặc có người khắc dòng họ vua cha ở trên phải theo đường miệng, gọi là bia thần đạo. Thiên Tử gọi là Lăng, chư hầu sĩ đại phu gọi là Phần, thứ dân gọi là trũng, mộ chí chẳng vượt ngoài điển lễ, nay chư tăng lập tháp ký, bởi mô phỏng theo sự ấy) mở duyên đạo chẳng phải quốc vọng thì chẳng làm (ở trước phần làm toại lộ, đây đều là bậc sĩ của quốc vọng, lại có ai tru ai sách bi chí, chẳng

phải đại sĩ thì chẳng như vậy. Thời xưa tăng không có ban tặng y tía sư hiệu, từ niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười một đời vua Hiến Tông, nhưng trước có ban thụy hiệu đó) say thời nhà Chu, nhà Tùy, đua nhau chuộng tiếm phỏng, đó có cao hoa đổi thay, tệ so với thánh trước đó (gần đây thấy có Thiềm Bá chưa tịch mà tự bảo khắc đá xanh xây tháp lớn, dùng sắc mây nhiễu quanh, dùng hoa tòa hợp lại, bốn vua ngự giữ, tám rồng khiêng đỡ, trọn dùng vương nạn về tục chẳng được ở đó) hoặc tự lực lúc còn sống, hoặc dặn lại sau khi chết chẳng sợ tàn khốc của oan hồn, chỉ rong theo phí của tường liễm, sai nhầm chẳng gì lớn bằng. Xưa bệnh của tăng tử là cách, còn bảo bỏ đại, bày chẳng muốn tiếm (cách là gấp, trách là chiếc chiếu trên giường, cách âm là cực), Yến Bình Trọng nói với Quản thị là (nghĩa là chẳng phải mặt nói bình luận đó) đã chết, đâu tại ta ư? Thiêu đốt, vất bỏ, chôn đó lấp đó, phơi bày (cách an táng ở Tây Vực có bốn cách: Một là thả lưới nước, hai là dùng lửa đốt, ba chôn dưới đất, bốn là đem vào rừng Thi-Đà, Luật ngũ phần chép: Thây nên chôn cất) áo dùng củi mà vất bỏ ở các hang hốc (cách táng thời xưa, nhiều áo dùng củi, chôn cất đó giữa đồng hoang, chẳng bít chẳng dựng, bậc thánh dùng quan quách cải đổi đó, bởi lấy các lỗi lớn, xét công kỹ, Đào lệnh làm hòm sành, hạ hậu thánh dùng... Tức, lửa đốt chín gọi là Tức, người ân dùng hòm cây tử chôn, lại dùng hòm gỗ chôn đất tức. Viên văn nhận các quách đá, chỉ chỗ gặp nhau, mà con của ốc ngu (Trang Tử chỉ ở trng nhà chẳng ra mà ngu) chẳng biết phần của Đạo Lâm chẳng cao, mà Đái Quỳ ngợi khen. Cây của Thiệu Bá chẳng lớn, mà thi nhân vịnh (Thiệu Bá Thích từng ở dưới Cam đường sửa ngục bỏ, sau người Chu nhớ đức đó, chẳng nỡ chặt cây đó, nên thi nói: Che lớp Cam đường, chớ cắt chớ chặt, chỗ Thiệu Bá nhổ) chỉ chuyên tiếm nịnh, bèn khiến ở khoảng tầng tầng lớp lớp, như gò đống không hề bày kính, chồn, thỏ, rắn, thằn lằn làm nhà ở đó, chim kêu cáp tước sinh ấp ở trên, các kẻ tiều phu chăn trâu lên đó mà ca hát, người đi đường chẳng biết là ai, tôi lúc ở Lô Sơn, giảng xong mến mộ dư thừa, từng tìm tới hang rừng, thấy thì đọc xem đức hạnh đó, không một đáng cùng trở về. Do đó, sự dính mắc nghiệp, ẩn mà càng rõ, ít của đức soi rọi mà càng mờ tối, thật đáng buồn? (Tỳ-nại-da Tạp sự quyển hai mươi ba nói: Tỳ-kheo Bản Thắng lúc bình sinh nặng về sân, sau khi tịch xây tháp, La-hán Kiếp-bì-đức lầm nhận mà lễ bái, Ưu-ba-ly bảo đó, mới bảo năm trăm người hủy phá.) Trọng Ni nói: Đạo của quân tử mờ tối mà mặt trời rõ bày, đạo của Tiểu nhân soi rội mà mặt trời mất, Thi nói: Ngầm tuy phục cũng rõ ràng của lỗ, đời gần đây nắm ống sáo ghi đó mà ít nghe đạo

đức, nghê hạnh cao xa làm cao tăng, phần nhiều nhóm đồ chúng, kết nạp duyên dự làm cao tăng (vì người đời nay chẳng phải nghi người xưa, lý trí tức trung ở chùa phước cảm thỉnh xương ngón tay, Xá-lợi được đó, bèn soạn thuật bia thư, mười vị tăng được gọi là Cao tăng, như trên là rất lầm, đều là những hạng không ra gì, thật là lầm với các bậc có đức ở trước) hoặc ở đời ít có người hiền lương, hoặc tìm tòi chẳng tinh, phàm của cải để nhóm đồ chúng, xiểm nịnh đủ để kết nạp, kiểu tiết đủ để diên dự ư? Đây là muốn truyền đến người đời sau, vừa đủ để dụ lạm, hễ có ở hương (làng) thì hương hào là trọng, ở ấp thì ấp Duẫn là Trọng, ở châu thì châu tôn là trọng, cửa mười phòng, thì mười phòng xin nhà, nhà mười tụ, thì mười tụ xin quỹ, mà hoặc chưa đủ nói. Phải xưng kia trọng là, người nào vậy, vì sao vậy? (Trọng Ni nói: Người trong làng đều ưa thích thì phải xem xét, người trong làng đều ghét thì phải xem xét) đó hoặc tiểu nhân bèn nịnh, cầu dáo, thì chấn đạt, quân tử liêm lại cũng là đức nghĩa, thì chìm mất (đạo Tiểu nhân lớn thì đạo Quân tử tiêu mất) mà người sau khen ngợi đó lạm tiến tu, danh dự phản phất, chẳng phải tính như trời trăng, cầu hợp ở quyền lợi, quên nhục mất mình mưu đẹp nghĩ lạ. Phải lấy hợp đó, đã hợp vậy, xứng mưu về nương, mưu dùng làm đảng để làm viện, dùng làm lối đường tất gấp bội trăm thẳng, chê trách kia giản phác chẳng thể tiến thủ đó (cái gọi là dối tình giặc trí) đời Lương, Bảo Chí soạn Bộ Danh Tăng Truyện, Tuệ Kiểu san định mà sửa đó, nói là: Cao tăng lấy làm danh là khách của thật. Nếu thật hành ngầm sáng, cao mà chẳng danh, ít đức vừa thời, danh mà chẳng cao, danh mà chẳng cao là chẳng phải chỗ đáng ghi, mà Kiểu Công có thể gọi là Lương sử của họ Thích.

Dị thuyết nói: Người sắp chết, vắng lặng không thấy gì gọi là Chí đạo, chẳng do hiểm sợ, nếu thấy Phật , đến cho tướng là ma, thủ của tâm cũng, đâu khỏi ư?

Khiển trách rằng: Phu này (đây là chỗ thấy của kẻ thất phu) chưa gọi là ty khế, phàm chết là hình lìa thần vượt, vui mất khổ đến, tới đêm dài, giẫm làng không bờ, chẳng nhìn thánh nghi buồn thay mạc cứu, (mạc là không), cho nên ở Tây Vực, người sắp chết tiếng vang soeng soẻng, chẳng đợi ở xuân dung (ở Tây Vực lúc sắp qua đời thì khiến đánh chuông, bảo là khổ thú diệt, nay ở xứ này cũng vậy. Xuân dung là tiếng từ từ) khác kia lắng tưởng dứt loạn mà hồn có chỗ về. Lại dùng phướn buộc tượng, khiến tay nắm đó, bày tướng vãng sinh, đó là do xưa có tu ba thứ phước, xa lìa hậu báo, kim dung hoa mắt, đại quỳnh trao tay, kèn chuông hòa tấu, pháp tụng suốt năm, thật là ban cho lớn

của Đấng Pháp Vương (đều là tướng của tịnh độ) hết hữu khổ ở thiên hạ, oán trách làm quỷ là, bởi quỷ do mình, nhưng pháp không chỗ thủ, thật quên chiếu của định dụng (định căn bản, lúc tâm chiếu cảnh chẳng vướng tướng năng thủ sở thủ) chẳng phải chết là mờ tối, sao quẩn kia mà cùng đây, đồng thời mà nói ư? (chẳng phải có thể đem chân tâm chứng lý mà muốn đồng thức mờ tối của sắp chết).

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 7

XI. TỐNG DANH LÝ

(... Các định khởi lên, mặt đất rung chuyển, kẹt còn dính đất, Phật bảo: Xá-lợi-phất thiền định, Mục-liên còn chẳng biết tên) Phú-lâu-na nghe trí tuệ ở đệ tử mà vì nói pháp biết (Phú-lâu-na-di-la-ni tử, Hán dịch là Mãn từ tử, từ mẹ mà bày tên, Mãn từ là họ mẹ) Đại Ca-diếp làm nối dõi dòng pháp mà riêng nổi tiếng Đầu-đà (Ẩm Quang Ca-diếp là nam, người thành Vương xá, bỏ giàu sang, khất thực tự nuôi sống, tu hạnh Đầu-đà) Xá-lợi, Mục-liên v.v... soạn A-tỳ-đàm, mà Ca- chiên-diên chuyên hiệu là luận Nghị (A-tỳ-đàm, Hán dịch là Vô Đối pháp, tức là luận Tạng, Mục-liên, Xá-lợi đều soạn luận ấy mà chỉ Ca-chiên-diên được xưng là luận Nghị bậc nhất, cũng gọi là Ca-đa-diễn, dịch là chủng tộc hớt tóc, thưở xưa có vị tiên, ở trong núi đã lâu, tóc dài mà không có người cắt, có một vị tiên chuyên cắt tóc cho các tiên, nguyện hộ trì đến đắc đạo, từ đó về sau gọi là chủng tộc hớt tóc, Tôn giả tức là tiếp sau đó) đây là hoằng chỉ của đấng Đại thánh, chẳng phải những chỗ khác chẳng gồm (do chuyên tốt đẹp được xưng) nhưng ở khoảng đó, hoặc có khuyên hộ, hoặc có cản trở, đều là hữu vi mà nói, nên Kiếp-tân-na riêng thấu cùng lịch tượng (Kiếp-tân-na, Hán dịch là phòng tú, bởi nhân cảm đó mà sinh, nên liễu rõ lịch tượng) Thủ-lung-na hồi nhiên tinh tấn (là Tỳ-kheo ức nhĩ, từ lúc mới sinh, chân chẳng giẫm đất, khi xuất gia rồi ban đêm hành đạo, dưới chân ra máu. Đức Phật cho nghe giảng nói du đàn cầm̩ , phải khiến gấp mạn được sở nhân chứng quả) Đến như năm trăm, nếu dùng một hạnh mà cầu, thì không gì chẳng ở giáp mà chẳng phải ất, đó như khổng môn có ba ngàn vị thăng đường, bảy mươi hai người nhập thất, nêu lấy bốn khoa mười triết, tuy tăng sâm chẳng nêu đức hạnh mà được gọi là hiếu để (đức hạnh, chính sự, văn học, ngôn ngữ là bốn khoa, nhan hồi, mẫn tổn, nhiễm ung, ngôn yển, Bốc Thương, nhiễm canh, Trọng do, Nhiễm hữu, Tể ngã, Tử cống là mười

triết, Tăng sâm chẳng dự) họ Tả chẳng lên, văn học mà viết bút quốc sử (chẳng dự hàng mười triết, mà soạn thuật Tả Truyện, Tả Khâu Minh cũng là đệ tử của Khổng Tử) kính lễ ba trăm vị oai nghi, ba ngàn chỉ cao lập của Công Tây Xích (Công Tây Xích tự là Tử Hoa, rất có dung nghi, Khổng Tử nói: Buộc đai đứng ở triều có thể khiến cùng tân khách nói) nên phong giáo hai tông huyền phù ở đè nâng, xưa, ngợi khen Đại Ca-diếp thì gọi là đồng một giải thoát, chê trách Xá-lợi-phất tức nói chỗ chẳng thể biết (theo kinh Pháp Hoa chép: Dù cho các Tỳ-kheo đầy khắp các cõi nước ở mười phương đều như Xá-lợi-phất cũng chẳng thể biết được) các cõi nước ở mười phương chẳng phải chẳng thanh tịnh, riêng khen ngợi nước Vô Lượng Thọ, các bậc đại sĩ đều chứa từ bi, chỉ riêng hiển bày năng lực Quán Tự Tại. Đại sĩ ở núi Tuyết thấy tướng biết mạng chung (Đức Phật ở tại Câu-thi nhập diệt, Đại Ca-diếp đang ở tại núi Tuyết thấy mặt đất rung chuyển, lại thấy ánh sáng, biết đâu hẳn là Như lai diệt độ, bèn trở về với chúng hội) Bồ-tát giả danh nghe nói thường trú bởi chẳng phải chỗ ích mà chẳng khéo việc đó, chẳng phải có thể lâu mà chẳng tuyên giáo đó (giả danh là mới phát tâm, nghe Đức Phật nói trú lâu ở đời không lợi ích gì. Kinh Niết-bàn chép: Sau ba tháng sẽ nhập Niết-bàn, bèn sinh buồn khóc, kinh Pháp Hoa chép: Nếu Phật trụ lâu ở đời, những người đức mỏng chẳng gieo gốc lành) đó là chỗ người truyền pháp chưa đắc, là khó ở đây. Phàm chấp văn để định nghĩa, nghĩa kết quy bít lấp, trách nghĩa để trái văn, văn sẽ bị hại (lìa văn xuyên tạc là hại văn). Hoặc học rộng mà lý chẳng thể tinh thông, hoặc tâm biết mà miệng chẳng thể nói. Hai hạng này thật là có (bởi không tâm đầy đủ ở một người) nhưng chỗ nói kinh đều xưng là bậc nhất, hẳn có ý chỉ. Phàm thâu biển ở chỗ người bị hoạn là (Sử Ký chép: Du phụ Biển Thước đều là thầy thuốc xưa) âm thảm quế tiêu là tốt (âm thảm là lạnh, quế tiêu là nóng nên là tốt) dương tháo băng tuyết là tốt (dương tháo là nóng, băng là lạnh, là tốt) mà pháp Đại y vương xót thương các loài có thân (Phật là bậc Đại y vương) dùng Bát-nhã phá danh tướng, dùng Pháp Hoa hội ba thừa, dùng Kinh Quang Minh đặt để ai sám, đều có mục đích mà chẳng ở thứ lớp (kinh Kim Cương dùng phá tướng gọi là tối thượng bậc nhất, kinh Pháp Hoa dùng hợp xe dê xe nai, trung tiểu ba thừa quy về xe trâu trắng lớn làm bậc nhất, kinh Kim Cang Quang Minh y cứ Bồ-tát Tín Tướng sám hối tất cả tội chướng là bậc nhất) mà kinh nói: Quốc quân mất đạo, ngọc chúc chẳng điều (bốn mùa hòa, gọi là ngọc chúc) mưa gió trái mùa dịch bệnh dấy khởi bởi ngôn từ của cảnh giới (như kinh Nhân Vương, kinh Kim Quang minh, v.v... cảnh

là động, giới là ước). Vương: Dùng phong hóa đến dưới, phong đó nếu mờ tối, thì người biến thành xấu ác, đức mỏng họa dày, sao được Đại khang nên tiếm người đó, không cho giữ nước, thì mất lộc vị, như sự sụp đổ của núi (tiếm là giết hết, võng là không, Dân là tên núi, nếu vua vô đạo, thì trời giáng ương họa, giết hết hiền lương tôi trung, nước hoại như núi sụp đổ). Đây, đại thánh uyển mà thành chương, như ở trong giáo cũng có tợ mà ý chẳng phải, nhưng yến ở ba tháng bảo tất cả chẳng được thấy, chỉ trừ một người cúng dường (Đức Phật an nhàn mà ở, trước bảo chẳng cho mọi người nhìn thấy), có Tỳ-kheo Hòa Tiên cùng sáu mươi vị tu hạnh Đầu-đà (chẳng thọ thỉnh, thường đi khất thực, ở trên núi, mặc áo thô xấu, ngồi dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, chỉ giữ ba y, thường ngồi chẳng nằm, quán thây chết, chẳng ăn thịt, như vậy đều là hạnh Đầu-đà) đi thẳng vào gặp Phật, Phật biết ít muốn mà ngợi khen, trong đó như người chẳng phải ít muốn mới ngộ là ngồi yên, do chúng tôi, cùng dẫn nhau như Hòa Tiên mới được thấy Phật (Hòa tiên nhờ ít muốn mà thấy Phật, người nhiều ham muốn bèn dẫn nhau mà ít muốn) xưa nói chín bộ kinh, ngợi khen ở hóa thành, ở mà không thật, khi đến bảo sở (Phật nói giáo trung tiểu, gọi đó là quyền bày, như người muốn đến bảo sở, giữa đường tâm muốn lui vị đạo sư ở giữa đường hóa thành một diệt, phương tiện nói là bảo Sở, đợi nghỉ ngơi xong mới nói là quyền biến hóa, dẫn đó tiến đến Bảo Sở, chín bộ Tiểu thừa giáo) ở lời nói như đồng mà ý đó thường chẳng đồng. Có lời nói trái mà ý chỉ hòa như kinh giáo giới. Tỳ-kheo bất đãn, Đại thánh để lại trách đó, thành dụ kinh, đã đãn, chẳng trùm hai (đãn nghĩa là hở bày vai, thông là vai hai vai đều che, lại chẳng phải đãn). Thu tử dùng Chánh ngôn, dường như trái với lấy bỏ chưa dụ (chưa biết có thể chấp) Phật nói hạnh cúng dường là đãn, làm ruộng phước chẳng nên đãn, chỗ quý là khéo thời, chẳng phải kiên bạch có thể lìa (lấy bỏ vừa lúc, tới lui theo quyền, chẳng phải như mài mà chẳng mỏng mới nói là chắc (kiên) nhuận mà chẳng thâm mới nói là trắng ư?). Từng bảo vua Tần Bà-sa-la rằng: Chớ buông tha Tỳ-kheo xấu ác, khiến ruộng tăng hoang uế, tội đó rất lớn như khoét ngàn mắt (chủ thành Vương xá) có lúc vì Tỳ-kheo phá giới như hoa chiêm-bặc héo úa, vương quan mặt sắc trắng, chớ được hình phạt, (kinh Di Giáo chép: Hoa Chiêm-bặc tuy héo, vẫn hơn các hoa khác, các Tỳ-kheo phá giới, vẫn hơn các ngoại đạo. Lại nói: Các Tỳ-kheo ta nếu phạm pháp vua, hoặc giết hoặc đánh, hoặc xé ca-sa, ép khiến hoàn tục, hoặc đuổi ra khỏi nước, như sống mà mổ ba ngàn đầu trâu, tội đó còn nhẹ, bởi vua quá nhân từ khiến người ngu tha hồ thắc

(thắc là ngầm ác), quốc vương quá ác, khiến người uổng lạm, lo mất, trong đó bày hai kinh để phòng tổn, giới kinh mới đầu xoay vần can ngăn nhau, cuối cùng dạy chỉ tự quán thân (giới kinh lại chép tăng tàn có văn ba lần can ngăn, giới bảy Đức Phật lại chép: Chỉ tự quán thân hành, chớ quán làm, chẳng làm) vì thẳng mình mà chẳng thể thẳng người, chế khiến đều can ngăn, phạt thiện mà ham tố tụng, lỗi lầm là chế khiến trở lại xét ở chính mình, có sự chuyên ẩn mà nói thật, như Kiều-Phạm-ba -đề làm rơi vài hạt thóc mà năm trăm đời làm trâu, kia lại phải có nghiệp trâu mà chỉ nêu rõ ở một việc. (tức Tỳ-kheo Ngưu Ty ở đời quá khứ nhặt một cành thóc rơi vài hạt gạo, mà năm trăm đời có chân trâu, miệng trâu, Đức Phật lo ngại người đời cười chê, nên bảo Ngài mãi trên tầng trời Ba mươi ba.) A-na-luật thí một bữa ăn mà chín mươi mốt kiếp thọ vui cõi trời cõi người (Hán dịch là Vô diệt, thiên nhãn bậc nhất) kia do duyên lành giúp nhau thành trong nhiều kiếp, nhưng do điềm từ một bữa ăn, ẩn ngọn mà xứng gốc. Như ở đời gọi là người giàu, ăn một tiền vàng, kia mới đầu dùng một tiền vàng, mà sau thành người giàu. Phàm đồng có mười hiệu, vì sao hơn kém, mà xưng bái ích có giàu nghèo ư? (đồng do mười hiệu thành Phật xưng lễ ở có thấy được ích lợi chẳng đồng) bởi nêu một lúc một hạnh, mà bày ở đây chẳng phải một (như phương Tây nghiêng về tiếp dẫn, còn dược sư nghiêng về cứu hoạn, v.v...) có lý mà chẳng phải nói quấy, như uống rượu, cầm giữ của báu nhất định chẳng phải Sa-môn (điều giới kinh cấm) thọ ký Đề-bà-đạt-đa một kiếp vào địa ngục (Đề-bà-đạt-đa gây ra năm tội nghịch, đọa vào địa ngục một kiếp, trọng tâm hai kiến, tội trọng giết người (như đặc khởi thượng phẩm sân tâm hại kiến, trọng ở nhầm ý hại người) tuy ở sự thì nhỏ, mà duyên tình thì lớn, đều là ngôn từ của bậc Chí thánh ché trách. Nên trong kinh chép: Ta nói người Tu-đà-hoàn được thành Phật, ông chẳng hiểu ý ta (y cứ hồi tâm tu hành mà nói) ta nói chẳng thành Phật, ông cũng chẳng hiểu ý ta (y cứ định tánh nguội thân chưa hồi tâm mà nói). Hoàng thánh chiếu soi căn cơ, co duỗi không nhất định, có khi dùng giáo khởi theo người nên trước nói người trời, sau dùng đế duyên mà tổn hoại (người trời nghĩa là năm giới mười điều thiện, v.v... đế là Bốn đế, duyên là mười hai duyên sinh) trước nói đế duyên, sau dùng Nhất thừa mà tổn hoại đó khiến bỏ xe dê, xe nai, hướng về xe trâu trắng lớn. Từ tổn đến vô tổn là trở về, nói Đại đạo có khi dùng giáo không theo người. Như Hoa Nghiêm hội trước các tiểu thánh ngồi tại tòa, chỗ thấy nghe mờ mịt (tám hội đầu, tuy tiểu thánh tại tòa mà chẳng thấy chẳng nghe, qua hội thứ chín mới thấy nghe). Có khi

dùng người không theo giáo, như sơ chuyển pháp luân, mười hai ức chúng phát vô thượng đạo ý (Phật mới thành đạo, nói pháp cho Trưởng giả Đề-vị có mười hai ức chúng đắc vô sinh pháp nhẫn) nhiếp ngọn về gốc, vô lượng người, trời đắc pháp nhãn tịnh, phàm như, chẳng câu nệ sâu mà chẳng đạt vậy, xưa kia Trọng Ni chỉnh Xuân Thu, nêu bày khen chê, mà học trò dạo khắp xứ Hạ chẳng dám chỉ một từ, há chẳngvì trí chẳng bằng ư? Đến như hỏi nhân, hỏi chính, nghe hành này, những điều hỏi là một, mà chỗ bảo chẳng đồng (như luận ngữ) tuy muôn dòng đều thấm đượm mà chẳng vẩn đục nguồn đó, nên nói tin gần ở nghĩa, nói có thể xét lại (có nghĩa chẳng hẳn tin, có thể xem xét lại). Xưa kia, Đại Thục Thị (tức Mục-kiền -liên (thời xưa có vị tiên ở nơi núi vắng, thường hái lá đậu mà ăn, do đó lấy họ là Thái Thị, mẹ của Tôn giả là dòng họ đó) dự ghi bảy ngày sau sẽ mưa (dự ghi bảy ngày thường mưa mà chẳng mưa, thì Mục-liên quán sát chẳng tinh tế) trâu cái sinh nghé trắng, trọn dùng khắc sảng (lại ghi: Bà-la-môn có trâu cái sinh nghé, trán trắng mà đuôi cũng trắng, đây đều là tâm thô của Mục-kiền-liên) năm trăm vị Vô học đồng dùng thiên nhãn thảo luận trời đất, đều vài ba thuyết, bởi phân lý sự hoặc cũng trái, phàm mười hai phần giáo như đêm ngày có giờ, nóng lạnh có tháng, thuốc thang vị phân, thiếu thì ít lực, nhiều thì không cần (trên đây đều chẳng thể thiếu, pháp cũng như vậy) Bà-sa bảo là: Như Ba châu theo lịch bốn thánh đế số, nếu luận đó chẳng cùng cực (ba châu số bốn đế nghĩa là giảm duyên giảm hành quán) thì Đại thừa ta chẳng chướng tiểu quả, chúng Độc tử kia (thời xưa có vị tiên nhiễm trâu cái mà sinh, nên gọi là Độc Tử Bộ) hoặc chấp đó, mà người đều cho là tùy mất sinh ngã. Tôi chẳng tin, nên Thiên Thân soạn luận Đối Pháp, chỗ y cứ có hai, bởi chẳng lấy một tông làm môn tận thiện (Thiên Thân vốn ở tông Hữu Bộ mà xuất gia, nói nghĩa nhiều tông kinh Bộ) pháp thắng đạo A-tỳ-đàm tâm luận, nói nếu sinh các phiền não là thánh nói hữu lậu. Đạt-ma-đa-la cho rằng chữ Sinh đó lạm ở diệt đạo, mới riêng soạn Tạp A-tỳ-đàm Tâm Luận rằng: Nếu tăng các phiền não là thánh nói hữu lậu. Vô Trước soạn luận Bát-nhã, Thiên Thân hai đó. (Bồ-tát Vô Trước soạn luận Kim Cương Bát-nhã Bồ-tát Thiên Thân cũng soạn nên nói là hai) dùng Bá Trọng, dùng thầy trò, dùng hạnh vị, Thiên Thân đều chẳng trước vậy (Vô Trước, Thiên Thân và Sư Tử Giác là ba anh em, người nước Lưu-lũ-sa-phú-la ở Bắc Thiên-trúc, Hán dịch là Trượng phu Thổ, là xứ Thiên Đế đánh là Tu-la, đều xuất gia với phái Tát-bà-đa, Vô Trước ngộ Đại thừa trước, lên cung trời Đâu-suất thỉnh Di-lặc giảng nói Du-già, sau khuyên Thiên Thân khiến ngộ Đại thừa)

chỗ không đúng là, chỉ vì Vô Trước trí chướng chưa dứt mà tránh chẳng kịp nơi bụng ngựa. Thước có ngắn ở tấc ấy (trí chướng là chướng sở tri, Tả Truyện nói: Tuy roi đó dài chẳng kịp bụng ngựa, dụ cho Vô Trước tuy soạn luận, còn có chỗ chưa đến). Thanh Biện cùng các học trò thệ ở hang Tu-la-đợi hội Long Hoa thành đạo mới phỏng hỏi bốn bờ, nghĩa là nay Di-lặc chưa là biến tri vậy (Bồ-tát Thanh Biện dùng hạt cả đánh hang Ta-la, ẩn đợi Phật Di-lặc ra đời, đem hỏi việc chưa hiểu, nay Bồ-tát Di-lặc chưa là bậc chí thánh). Sau Đức Quang mượn Long Quân mà được thấy chỗ chẳng lễ bái. Lại lấy hình nghi để đòi (được đến Đâu-suất thấy Di-lặc mà chẳng lễ bái vì đó làm tướng người, trời) Trước kia tai Trung Hoa chưa có thuyết Nê-hoàn chưa thuyết Nê-hoàn thường trụ, chỉ nói thọ mạng lâu dài mà thôi. Viễn Công than rằng: Phật là chí cực, chí cực thì không biến, lý của không biển đâu có cùng ư? Bèn soạn luận Pháp Tánh (tức Tuệ Viễn ở Lô Sơn) La-thập thấy đó bảo: Người nước vùng ven chưa có kinh, bèn mờ tối hợp với lý, há chẳng diệu thay! Chỉ đạo sinh giảng kinh Nê-hoàn cho rằng người nhất xiển đề đều được thành Phật, các vị cựu học cho đến Tà Thuyết, bèn đuổi đến Hổ khâu, sau đó (đạo sinh) trụ ở Lô Sơn, đến lúc Bản kinh đầy đủ truyền tới, quả nhiên khéo léo khế hợp (kinh Nê-hoàn chép: Có một loại Xiển-đề không chủng tánh, chẳng bao giờ thành Phật, đến lúc kinh Niết-bàn phần sau truyền tới, thì nói tất cả chúng sinh đều được thành Phật, thật phù hợp với nghĩa của Sinh Công) Đạo Sinh mới lên pháp tòa, luận nghĩa vài phen, bụi bặm rối ren liền rơi rụng, ẩn cơ thuận hóa, Đạo sinh xưa chẳng chết, có đợi chờ nên vậy (khi kinh Đại Bản chưa truyền tới, Đạo sinh cố đợi chờ đó, nay đã đến mới chết, người thời bấy giờ gọi là Nhẫn tử sinh). Đạo sinh nay chết đợi đã xong. Xưa không có Sinh công giải thích thì rành rành Phật tánh ẩn đối với hạng của không biết. Đầu thời Tiền Đường, Huyền Trang Tây Vực, dùng hoa cầu thỉnh trước tượng Bồ-tát Quán tự tại, thưa rằng: Nếu tất cả chúng sinh thật có Phật tánh, thì xin cho hoa đã rải hãy treo nơi cổ Bồ-tát, liền đúng như nguyện. Nay là: Nếu khiến Huyền Trang có cái biết của Sinh Công thì lẽ ra chẳng nên có cầu chúc đó. Nếu như lời chúc đo chẳng tốt thì sẽ chẳng tin ư? Phàm, bói là quyết do dự định hiềm nghi, chẳng nghi thì sao bói? Dịch nói: Trong tâm nghi là Từ chi đó. Huyền Trang chẳng phải chi đó (chi là tán rải, Trang Công chẳng được có Đạo nghi tán). Nếu làvật mà như thế bởi vì dẫn vật làm nghi mới dẫn dắt tâm của người (Huyền Trang vốn chẳng nghi, sợ người sau nghi, nên bày ra như vậy để dẫn dắt, dẫn dắt lìa tán. Bên trong rơi tán là nghi tâm của đời sau). Đàm Diên soạn

Niết-bàn sớ, lo chẳng phải hợp với Thánh ý, nên đặt sớ trước tháp xá-lợi, đốt hương thỉnh cầu chứng nghiệm sớ đó, cùng xá-lợi phóng quang suốt ba ngày đêm soi chiếu liên tiếp chẳng dứt, mà đồ chúng của Tịnh ảnh vẫn chưa hài lòng. Lớn đã chế nên, trọn đều xua bỏ. Phàm, vọng thư đã ngự chẳng nhờ tải toại (vọng thư là trăng sáng, trăng sáng đã lên, hành giả chẳng cần cầm đuốc). Ế hiệu đã giăng, sao mong riêng rưới (Ế hiệu là mây sấm, mây sấm đã giăng, nước ngọt đượm thấm khắp) mà nhà của cửa nẻo, hoa công đặc cử (ảnh trăng tuy tỏa mà lan công còn chiếu), Lão của trại vườn, dây bồn đều rưới (rau lá căn tánh chẳng tưới). Vì ánh sáng xa chẳng rọi hóc hẻm, chợt mưa chẳng ướt tới gốc, mỗi mỗi chỉ lợi làm tốt đẹp. Bàn nghị lấy xa thì văn cú thích đáng, dài thì nêu rộng đủ. Học là đàn tốt đẹp, gồm thiện mà cầu đến, chẳng vì cảm linh, được Diên mà phế bỏ Viễn (Địch là bàn hặc. Bấc Viễn và Đàm Diên đều soạn Niết-bàn kinh sớ, Đàm Diên thì văn từ rộng đủ, Tuệ Viễn thì ngôn từ giản đáng, về sau phần nhiều lưu truyền bản Sớ của Tuệ Viễn, chẳng dùng bản sớ của Đàm Viên, vì có điềm linh phóng quang. Nên xưa nói: Tuy có trí của khế bình mà giữ chẳng nhờ đồ vật (Đỗ Dự nói: Khế Bình trí nhỏ, tuy chỗ trí nhỏ giữ chẳng thể nhờ người). Đó tại pháp nghĩa khéo. Nay có hành sự đều chuộng Trung Thiên làm tốt đẹp. Tiếng Phạm đều lấy kinh mới dịch làm chánh. Rõ ràng vua các nước khắp năm xứ Ấn-độ chế tác mỗi khác, huống chi năm tháng đời phong tục xưa nay trị loạn. Vốn là, đấng Đại thánh hễ đến nước nào đó, nhân việc mà diễn giáo, đâu được đồng luật độ một lượng cân kia (lượng là đấu, cân là xứng). Nên do-tuần Câu-lô-xá, xa gần nói khác nhau (tám Câu-lô-xá là một do-tuần, hoặc nói mười sáu dặm, hoặc bốn mươi dặm. Xa gần chẳng đồng nhau). An cư trị nhuận, dài ngắn có nhiều loại (An cư có bảy, tiền an cư là từ ngày 16 tháng 04. Trung an cư là từ ngày 17 đến ngày 15 tháng 05. Hậu an cư là từ ngày 16 tháng 05, phân bốn tâm niệm đối thú quên thành cập giới. Cập giới có bốn thứ: Một chân cập giới, hai chân chập giới, một chân cập lam, hai chân cập lam, cùng với trước thành bảy loại. Đối với năm chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa, Sa-di và Sa-di-ni. Tiền an cư, năm lần bảy thành ba mươi lăm. Hậu cũng ba mươi lăm, thành bảy mươi. Trung an cư, chỉ có tâm niệm đối thú, hai hai năm mươi, cộng thành tám mươi, An cư tâm niệm, nghĩa là riêng ở một mình không người tác pháp. Đối thú như thường, quên thành chợt quên, cho đến ngày mười bảy muốn rõ mới ghi nhớ cũng thành an cư. Trung an cư chỉ một tháng nên không có pháp này. Cập giới v.v... nghĩa là từ ngoài đến, chưa nói đến chùa, một chân vào

cũng được) mà người đi chưa nên thấy khắp, người đến sao không ít biết. Tại sao muốn đem một đời để định giáo của Bậc thánh muôn phương ngàn xưa ư? Kinh nói: Nếu người sống trăm năm chẳng hiểu pháp sinh diệt, chẳng bằng sống một ngày mà được hiểu rõ. Có vị Tỳ-kheo được thầy dạy liền tụng rằng: Nếu người sống trăm năm chẳng biết con Hạc nước già, chẳng bằng sống một ngày mà được thấy nó. A-nan nghe vậy than thở đến đính chính, mà vị thầy kia không dạy đệ tử mình sửa đổi. Thầy là không ai lớn hơn Phật, về sau các người học, đều coi thầy m,ình là thầy, chẳng nương Phật làm thầy, nên có gom nhặt lời tương tợ, giữ lại tục chưa giúp đỡ, bỏ kinh tượng mà trước tự tánh, nói: Là Tông giáo của tôi, (như bậc sĩ ngôn cú). Nhà giải thích đó, đều xét lấy sở luận, phát từ đoán lý, chẳng hề dùng kinh. Luyện chung việc đó, bảo: Tôi nhận thọ đó ở thầy tôi (nghĩa là nhà giảng nói. Thầy là có thể học của nhân, chẳng giữ sở học đó (phát minh ở thầy, biến thông do mình) chương cú có thể dùng làm nôm lưới chẳng phải giữ đó làm nôn lưới (nôm dùng để bắt cá, lưới dùng để bắt thỏ). Vì vướng học bít văn, có người đến chỗ đó (chẳng dùng văn hại ý). Bồi thần trung với chư hầu mà chẳng tin ở Thiên tử, thì vương hóa đánh nhau, gia lão trung với Đại phu mà chẳng tin ở chư hầu, thì cung thất nguy vậy (đó do bỏ văn kinh mà chấp chương cú). Nên đảng là hại trên vậy, mà kia chẳng phải nhân biết đảng đó. Chỉ nghiêm ái gìn giữ ở khoảng đó, danh dự lợi dưỡng còn ở trong đó, tổn đảng thì chỗ được chẳng ở mình. Xưa kia, Điều-đạt do năm tà mà rơi vào lửa dữ (Điều-đạt do năm tội nghịch mà đọa vào địa ngục) ở Tây Vực còn có người thực hành theo giáo đó, há chẳng phải trên biển có mùi hôi (mùi hôi dưới nách, nay gọi đó là mùi quạ) còn chẳng ở riêng, thật có mến mộ loại ấy vậy. (Người đều có bè đảng). Thiên tử kỳ kỳ dung dung (kỳ là kính, dung là dùng). Tiểu nhân ghét thiện, hẳn đảng rất lắm, (ghét điều thiện là đạo của bè đảng ác). Phàm là đời nay đều ẩn chẳng có khả năng đó, mà đối khả năng đó ác hơn mình mà tốt chẳng bằng mình. Phàm, vội vàng ở chẳng bằng mình là như khoe đen vàng với kẻ mù, đùa vui cung vi với kẻ điếc, chỉ luống nhọc. Nếu đem nhìn ly lũ nghe Sư Khoáng (Ly lũ trăm bước nhìn Thu nữ, Sư Khoáng nghe tiếng biết Hưng phế) thì kia có chỗ rõ, tôi được tất cả. Nên cao nghị Kỳ-đàm phải như đục tối mở cửa, sẽ có chỗ thấy. Còn việc khen chê chẳng nịnh, sùng tiếm khắc hiển (sùng là trọng, tiếm là phế, khen chê chẳng theo ở đời, đáng gọi là quân tử). Khắp đời như vậy đó, có chỗ nói là không đúng, khắp đời chẳng như vậy đó, có chỗ nói là đúng (chúng xấu sẽ xét, chúng tốt sẽ xét), như Vệ Linh Công hôn thắc,

Trọng Ni lấy làm hiền quân, nhậm trí trao năng, chẳng mất xã tắc (hôn là mờ tối, thắc là ngầm ác, Linh Công tuy vô đạo mà chẳng mất, Vương Tôn Giả trị quân, lữ chúc Thi trị Tông miếu, Trọng Thúc Ngữ trị tâm khách, nên cũng lấy dùng người đó, được Phu Tử khen). Tạng văn trọng Uyên Tuệ, Trọng Ni cho là chẳng hiền, chẳng nhân chẳng trí, cả hai đến ở ba (tạng văn trọng có ba thứ bất nhân: Hạ triển cẩm, Thả nghịch Kỷ, Dối chức am, ba thứ bất trí: Phế sáu ải, tế viện cư, làm hư khí). Họ quản chín hợp làm công, giáng làm tiểu khí (Phụ Hoàng Công chẳng đến Vương Đạo, mà dùng Bá Thuật nên nhỏ đó). Tử Cống vì Lỗ Quân rớt ngọc gạt bỏ là không may (Lỗ Định Công mười lăm tuổi, Chu Ẩn Công đến chầu, cầm ngọc cao dung đó ngửa trông. Định Công nhận ngọc xong cho đó cúi. Tử Cống bảo: Dùng lễ mà xét, hai quân này đều có chết mất. Năm đó, Định Công băng, Lỗ Ai mới bảy tuổi, Chu Tử bèn trốn chạy, đều như lời đó nói). Do đó miệng là vườn từ, tâm là phủ trí, cất giấu là lăng của bất đức (Biều là vuông, lăng là nhọn, có trí là năng tròn), phát huy hoa của ngầm thiện mới đáng gọi là nhân luân bàn giám (bàn giám là gương soi). Thời nay, một kẻ sai lầm chẳng phải hòa là muôn kế, một kẻ lờn khen hòa là cũng muôn kế (tùy dòng theo khối là rất đông). Chỉ, chỉ là đều chẳng biết lý do thiện ác. Đó có môn bỉ tránh háo thắng, tự chẳng ẩn quát ngu thí đột kích bác (cho nên tập làm mâu thuẫn vì đồng bạn làm kình địch), như quái ném vào đá (quái là dùng cây dẫn đá, dùng kích đánh người, như chiếc lược ngày nay, chỗ gọi là ném bỏ) lấy làm năng bít địch cương trường, (âm dịch, đất ở biên giới) chẳng cớ chợt kỵ, ở chỗ chẳng cho thì chạy cắn chân, rất đáng sợ. (bè đảng tông đồ sinh ra hủy diệt lẫn nhau gọi là ác ấy muốn đó chết). Phàm Hoằng Nghệ là không hẳn răn, tinh thức là khó làm hòa hợp. Hoằng thì thời chẳng vì cần yếu, tinh là người ác đò xét (có hạnh của cao nhân, nên bị chê trách ở đời. Có lo nghĩ riêng là hẳn là kiêu ngạo đối với người). Chỉ chẳng thể dùng đó mà chẳng làm. Nay huyên học đồ (Huyên là loài nhỏ bay) đối với Sở Luận Thiền Pháp đều kém người mà hơn mình, vì chỗ mình chưa nghe gọi là chưa nghe của người, vì chỗ mình chưa biết gọi là chưa biết của người, chẳng từng xem xét các bậc thầy, quyết rành chỗ đó chuyên. Vì vậy làm được chút thiện mà người ngu chẳng làm, trông khi đó thì đầy không lấy làm thêm (lộng lưới ở hạng người quê kệch, trống quạt hướng đến trong người ngu). Người mộng khi thức mới biết là mộng, người mê ngộ rồi mới biết là mê. Vừa khiến chánh xứ, ở trong mê mộng, người cho rằng mê mộng thì sẽ cấu tra (cấu tra là giận mắng). Xét qua chỗ chế soạn, ít có chánh ở Danh lý,

như Tục Cao Tăng Truyện nói: Oanh võ chết gọi là diệt độ, đạo pháp mất, đời gọi là ngồi hóa trong định (tất cả tâm định không có tử sinh). Thập Công mất gọi là Hoăng (Thiên tử gọi là băng, như trời đất sụp đổ, chư hầu gọi là Hoăng như tiếng núi đổ. Nay hoặc sánh Thập Công với chư hầu). Huyền Trang đại xả sám, gọi đó là xả đọa (đọa là tên tội, đó là ba mươi Ni-tát-kỳ, như cất chứa y mười ngày nên hai người đối tay giả xả, gọi đó là xả, nếu quả mười ngày chẳng xả thì kết tội Ni-tát-kỳ, gọi đó là Đọa, nên nói là xả đọa. Nay xả tài sám hối, chỉ có thể gọi là xả sám). Bởi lưu tục cạn nhầm, chẳng kỵ bàn nói. Trọng Ni nói: Quân tử đối với lời đó không chỗ cẩu mà thôi (cẩu là cẩu thả). Nên Vệ Quân đợi con mà làm chánh. Tử bảo: Đúng vậy, chánh danh ư? (Vệ Linh Công vời Phu Tử, Tử Lộ hỏi: Nếu Phu Tử đến đất Vệ thì sẽ thực hành điều gì trước? Tử đáp: Trước là chánh danh của muôn vật, danh chẳng chánh thì lời chẳng thuận, lời chẳng thuận thì sự chẳng thành). Linh cán giảng kinh Hoa Nghiêm, soạn Hoa Nghiêm quán, lúc sắp tịch, nhạc trời đến đón rước, Linh Cán từ tạ chẳng muốn đi, chợt thấy nước lớn tràn đầy ngồi trong hoa sen. Kia truyền là như chẳng đạt, phàm, cung trời cũng ở trng Hoa Tạng (ý người nói là Linh Cán chẳng muốn sinh lên cõi trời, phải sinh về cõi nước của Chư Phật, thì chẳng thấu đạt Hoa Tạng bao gồm pháp giới há không có các trời ư? Bởi người truyền sai nhầm). Đàm vinh có vị Tăng hành đạo, thấy bảy Đức Phật trong ánh sáng, bảo rằng: Đó là Phật Phổ Quang Minh ở kiếp Hiền, nay dùng trăm kiếp tu tướng tốt, chân hóa cầu đó, như thật chưa được (sau Thập Địa mãn tâm Kim Cương định mới trăm kiếp tu tướng tốt, ngàn kiếp học oai nghi Phật, muôn kiếp học hóa hành, v.v... nếu là chân thân thì đâu cho kẻ phàm thấy, nếu là hóa thân thì sao có thể tu tướng tốt). Việc chẳng đáng ghi, lời chẳng phải là điển, đâu nhọc giản độc ư? (Sự chẳng y cứ theo xưa thì đâu đáng để biên thành truyện). Vì vậy, đại biện thì không lời, lời thì dẫn ý, ý thì có chỗ về, nên thấu suốt nhỏ nhiệm mà nói cốt yếu, hết từ mà chỉ kín mầu, đối với điều lừa dối thì không ghi chép(như lời tựa Tục Truyện nói: Pháp Tấn thực hành Thủy quán, người nhà lấy củi, thấy trên giường dây có nước trong đẹp, múc hai thạch đặt ở đó, chiều Pháp Tấn trở về cảm thấy đau lưng v.v... Đây là sai nhầm rất lắm. Vả lại, thực hành quán thì độc ảnh cảnh, chỉ là giả tưởng, nếu khiến người khác thấy thì thuộc về tánh cảnh. Đây là bàn nói của Tuyên Công Mạnh Lãng). Chấn động ở đời thì ghi, đó gọi là Táng Chuẩn, đối với Nho Lão cũng vậy. Nếu là bình nay xưa thật chẳng giấu, chẳng thể lấy tôn nghiêm xưng, chẳng thể vì Ty nhục phế, chẳng thể vì thân hậu đảng,

chẳng thể vì chê bai mà ngược lại (hễ viết sử: Một là tài, hai là học, ba là quán, tự chẳng phải hạng huân cô nam sử, chớ phải nhậm đây). Kia ba Hoàn của Lỗ (Quý Tử, Trọng Tôn và Thúc Tôn đều là con cháu của Lỗ Hoàn Công) nhận biết đâu bằng Nhan Mẫn bảy hiền của Hán (dòng tộc của kim trương bảy đời quý thạnh, Tả Tư nói: Kim Trương dẫm nghiệp cũ, bảy đời đeo Hán điêu) tài đâu vượt qua Dương Mã (Hương Hùng tự là Tử Vân, thuật kinh Đại Huyền, Pháp Ngôn, Phương Ngôn ,v.v... Tư mã Tương Như tự là Trưởng Khanh, soạn văn Phong Thiền, Văn Phú v.v...) có con xem hòm cây ngô đồng bốn tấc, biết chết mà chẳng muốn chóng mục nát, bói thương dẫn thi nhân hứng vịnh phát ra lời than của Khởi Mâu (Khổng Tử nói: Khởi Mâu là Thương), từ kim ngôn hà tốt, soạn thuật nhiều môn, Quảng bản, lược bản, Danh nghĩa chẳng đồng, Đơn dịch trùng dịch, có không sai khác (Tạng kinh có một dịch gọi đó là đơn, có vài ba trở lên gọi là Trùng dịch). Nên Đại Thánh khiến nương nghĩa chẳng nương ngữ, đây là sự soạn thuật của các bậc tiên kiến. Phật có tám âm bốn biện (tám âm: một là Thanh tịnh âm, hai là Nhu nhuyến âm, ba là Hòa thích âm, bốn là Đế liễu âm, năm là Bất nữ âm, sáu là Bất ngộ âm, bảy là Thân viễn âm, tám là Bất kiệt âm; Bốn biện là: 1/ Pháp vô ngại biện, 2/ Từ vô ngại biện, 3/ Nghĩa vô ngại biện, 4/ Tổng trì vô ngại biện). Vượt hẳn các hữu, duệ tâm xung chiếu, linh cáo chân nhã, mà người dịch dẫn tình cạn dễ, chương cú lậu mạn, đến nỗi khiến các hàng Tấn thân Phùng dịch (Tấn là cấp nón, Thân là đai lớn, Phùng dịch là Đại tụ nho phục) cùng trông lại ý có chỗ chẳng đúng (vì từ ngữ đó chẳng phải Điển Nhã, như An Thế Cao) khoảng đó thì có nhặt vỗ phần tố, gọt giũa văn tự, nói quá dẫm tục (như Trúc-Pháp-Hộ, Chi Khiêm, v.v... dịch các kinh, văn hoàn toàn như thể soạn thuật). Lý trái tinh mật, rất mất cách ngôn của bậc thánh, Khó vậy thay! Xưa nay tuyên dịch, đều suy tôn môn hạ của Thập Công chất văn phồn giản, nhã được chỗ đó, mở quyển thuộc vậy, xót thương Phong xưa. Thường đặt để ý ở người dịch là y cứ bản Phạm hay y cứ chuốt gọt ư? Như phẩm Pháp Sư trong kinh Pháp Hoa, La-thập chẳng ghi ở đầu, phẩm Phổ Môn thì xà-na tiếp dịch ra phần cuối (ở đây văn kinh Diệu Pháp Hoa thiếu, văn Chánh Pháp Hoa và Thiêm phẩm đầy đủ), trong đó cũng có lầm làm văn, như Chân Đế phiên dịch Câu-xá, nói: Thấy pháp có thì chẳng đắc. Huyền Trang dịch ra Bà-sa, thêm mười sáu chữ (đại Tỳ-bà-sa, chỉ có chỗ dịch Câu-xá của Tam Tạng Pháp sư Chân Đế trên, thêm văn đó gồm mười sáu chữ). Cho nên biết, lời chẳng gọt giũa, chỗ ấy chưa khế hợp. Đạo An lấy ba chẳng dễ năm lỗi lầm, rõ ràng phê bình

phiên dịch, khéo diệu tận cùng tinh tế then chốt (vì Văn Phạm khó hiểu, Thánh ý sâu xa, từ chỉ nhã đáng, đó là chẳng dễ. Chẳng khéo Thánh chỉ chương cú lọt mất, ngôn từ hoang uế, là lỗi lầm). Đời sau chẳng thể nghiên cứu ý chỉ đó. Báu làm cân, độ lấy làm từ, chẳng do trung sinh như chẳng nghe (sinh là nhìn thẳng, vì xưa phiên dịch văn kinh chẳng nhuận, bèn chẳng thể xét cứu, nhưng không có chỗ ngộ giải, như chỗ An Thế Cao phiên dịch). Vả lại, Nho là giáo của xứ này, từ Khoa Đẩu làm hai Triện: (Xưa có sách khoa đẩu, về sau có Đại Triện tiểu triệu. Chu Tuyên, Vương Thái Sử, Sử Lưu tạo Đại Triện, Lý Tư đời Tần, v.v... tạo Tiểu Triện, Trình Mạo tạo Lệ Thư,v.v...). Triện biến thành Lệ, lại trải qua thời Tần diệt văn có lẽ là sai thiếu (Thỉ Hoàng ba mươi tuổi, nhân các sinh, đều luận về việc nhà Tần, mới thiêu đốt sách chôn học trò, diệt hủy điển tịch của đời trước). Tam Hoàng Ngũ Đế lấy bỏ khác thuyết. (Có chỗ nói: Tam Hoàng là Thiên Hoàng, Địa Hoàng và Nhân Hoàng. Hoặc nói là Phục Hy, Thần Nông và Hoàng đế. Ngũ đế là: Thiếu Hạo, Hiên Viên, Đế Khốc, Nghiêu và Thuấn). Lỗ Luận, Tề Luận, thứ lớp các thiên đâu nhất định (Lỗ Luận hai mươi thiên, Tề Luận hai mươi thiên, khoảng đó thứ lớp lại chẳng đồng). Lễ ký cùng Xuân Thu, Ai Công viếng điếu Khổng Tử, thêm bớt ai phải (Khổng Tử chết, Lỗ Ai Công đến viếng điếu. Lễ truyện văn đó sai lẫn nhau) Gia Ngữ với Đàn Cung, Trọng Ni trao đàn cầm khảng khảng thiết thiết, văn đó đâu đồng (Đã Tường mà cầm, Lễ Ký, gia ngữ, văn đó chẳng đồng). Nên chỗ lãnh của Mạnh Trang, mất lời lấy ý (Mạnh Kha tự là Tử Dư, viết sách mười bốn thiên, Trang Chu viết sách mười quyển, đều là ngụ ngôn lập ý, chẳng thể chấp văn chất nghĩa). Chỗ Mã Trịnh ghi chú, văn tự sửa đổi lẫn nhau (Mã Dung tự là Quý Trường, người ở xứ Bắc Hải; Trịnh Huyền tự là Khang Thành, cũng người xứ Bắc Hải, đều ghi chú Thi Lễ Luận Ngữ, đều có chỗ khác nhau). Huống chi năm xứ Ấn-độ khác ngữ, các bộ tông trái (có sáu Tông mười một bộ khác nhau. Lại Đại Tiểu thừa không tánh đều khác nhau). Từng gặp hạng vô đạo (thời Chu Ngụy hủy diệt) kinh vị khó riêng, dịch Phạm thành Hán, đó có thể một ư? Phàm dùng thủ đánh chuông (thủ là trúc nhỏ) chẳng tận cùng âm vang đó. Dùng ống rỗng lén nhìn trời chẳng đạt bờ mé. Đem phàm đạt thánh, sao rõ suốt sâu mầu đó, nhưng chẳng thể chẳng y cứ lực của thủ, nghe mà hòa đó, theo bờ của ống rỗng để xét ngằn mé, dốt hết suy nghĩ của phàm, tinh rành nghĩa lý, mà bậc sĩ của truyền pháp ghét chỗ sâu xa của nhầm lẫn, vì tin thực chí đạo chẳng người của thiên (thấy sự mênh mông của văn tịch, thấy đồng khác của các bản, khiếp sợ mà chẳng nghiên

cứu, đây là tệ của người học). Kia dùng dao trụ côn đằng (côn là đeo, đằng là vá, cái gọi là đánh kinh ấy). Phát ra từ miệng vàng làm văn định. Đùa vui giũa gọt làm lỗi kinh điển đó, chê cười thảo luận là Thế trí biện thông (đây là kẻ sĩ của truyền tâm, lấy giảng giải là làm lỗi của mê đắm vị kinh điển, thảo luận là có bệnh Thế trí biện thông). Trọng Ni nói: Quân tử vị chỗ chẳng khả năng đó mà sợ người (vì tự mình chẳng có khả năng mà kính người có khả năng). Tiểu nhân vì chỗ chẳng có khả năng đó mà chẳng tin người (tự mình đã không khả năng, mà lại chẳng trọng chỗ hiểu biết của người). Nên quân tử nuôi lớn người có tài, tiểu nhân thì ép người để lấy hơn, mà ở đời có ẩn vết nép sẹo, trang bày trí, trùm đậy xấu xa, trộm Hư dự của Huyền tượng, giữ kín tình tối để tự lừa dối (vốn chẳng phải uẩn thức, bèn gọi là sư tượng, tình nhiều võng mạo, thường sợ nêu lên nghiên cứu). Đặc chẳng biết khát, cực thì uống nhiều, nghi sâu thì ngộ xa, kia là tiếm phu (các gọi là phu của tiến dịch). Hoặc nói: Khơi vết của tiền hiền, thì vật không vết ở giáo (vì giải thích thẳng chân lý thì đối với vật không kẹt, lấy đây bài xích tiền hiền). Nhật thì chẳng như thế. Thần Nông biện trăm cỏ chẳng phải muốn đưa ngươi đến chỗ thuốc độc, Kỳ-bà bàn nghị giam thạch, chẳng phải gọi là bại người ở ngũ tạng (Phật nói kinh chẳng phải muốn người đọa) chẳng lẽ Nam Hoa ngạn cơ Khổng, thì nhà nhà không có sáu Điển (Trang Chu chẳng thực phải ở Chu Công Khổng Tử, sáu kinh hà chẳng hành ư). Ban thư bình mã sử thì nhà nhà không sử ký ư? (Ban Chu Hán Thư chẳng phải Mã Thiên Sử Ký). Xưa kia, Thiên Thân soạn Câu-xá, Chúng Hiền soạn Bão mà chẳng đúng. Thiên Thân đổi tựa đề là Thuận Chánh Lý, hai luận đều mở mang, khiến kẻ phàm phu lại khơi tìm ngay thẳng bỏ mờ tối, nói rành tinh thô mà lấy bỏ (Bồ-tát Thiên Thân soạn luận Câu-xá, Luận sư Chúng Hiền soạn luận Câu-xá Bão để bẻ dẹp, như mưa bão làm hư lúa mạ, đến công kích Thiên Thân, Thiên Thân đều lánh đó mới gởi trình chỗ soạn luận, Thiên Thân xem đó, đều thuận nghĩa của mình, do đó sửa thành luận Thuận Chánh Lý).

XII. NGHIỆM VỀ BÁO ỨNG

(Nói về nghiệp thiện ác báo ứng chẳng sai lầm).

Làm thiện thì trời ban trăm thứ tốt lành, là giúp đức (Hoàng Thiên không thân, chỉ có đức là giúp). Làm điều bất thiện thì trời giáng trăm

tai ương, dốc dâm (dâm là lỗi, trời là phước thiện, họa là dâm). Nên, thuận lý, khác loại sinh ái, huống chi là Thánh hiền ư? (Như Rồng thần khâm phục v.v...) nghịch lý vậy thì chí thân còn dấy binh, huống chi quỷ thần ư? Trang Tử nói: Làm điều bất thiện, ở trong sự hiểu rõ, người biết được mà giết. Làm điều bất thiện ở trong mờ tối, quỷ biết được mà giết. Thi nói Nghiệt của Hạ Dân, chẳng phải giáng từ trời, nói do tự mình (họa vốn không có cửa, chỉ người tự vời lấy). Trọng Ni bảo Ai Công rằng: Còn mất, họa phước do mình mà thôi. Chu Tụng nói: Sợ oai của trời, ở thời giữ đó. Cháu của vua A-dục ở Tây Vực là Phất-sa-mật-đa, xuống dưới sân bàn luận rằng: Tôi làm sao lưu danh lại chẳng mục nát ư? Các quan bảo: Phải như Tiên vương xây dựng tám mươi bốn ngàn (84000) ngôi tháp, không như vậy thì ngược lại, danh tuy có tốt xấu mà đều chẳng mục nát. Vua bảo: Ta không có oai đức để tiếp nối Tiên vương, phải xây dựng lời bàn luận sau, bèn xem thường lời dạy răn của Hoàng Tổ, ... kỷ của Dịch Di luân (Di là thường, luân là lý, là lý của Đế vương thường thực hành hằng ngày). Đốt pháp dơ (âm bị) tháp kiền lưu thích chúng (kiền lưu là giết), trời sầu người oán, chẳng biết làm sao tàn khốc, tuy có Thánh hiền mà chẳng thể trái. Lên núi Nam kia, tự cầu khỏi hại, bạn của dứt tâm, máu chảy thành sông (giết hại đạo nhân). Đầu chùn kiêu mục đích là thưởng, phủ không có ngày trống, chính phú do đó mà cạn kiệt (mưu bàn có được đầu của chư tăng là thưởng cho Vua càng tức giận, lại bày giết ngược, dẫn sư đến tháp răng Phật, chết dưới núi Đồi Sơn. Vào đời Hán Hoàn Linh, Phạm Kim làm tượng Phật, gặp lúc nước loạn, để lại hố lấp vùi hoang. Ngô Tôn Hạo sai Vệ binh sửa vườn cấm, họ gặp được, bèn khiến đặt ở nhà xí, ngày mồng 08 tháng 04, đái trên đầu tượng (tiểu tiện) mà bảo: Rưới đảnh cho ngươì . Vua tôi cùng nhau cười vui. Bỗng chốc khắp thân thể sưng bỏng, chỗ kín rất đau, độc thống năm chỗ bên trong, tiếng ai thương vang tỏa bên ngoài. Sai người bói quẻ, đều cho là vì xúc phạm Đại thần. Tôn Hạo mới chạy khắp các vị thầy thuốc nổi tiếng, có thêm mà không bớt. Người trong cung tin Phật, bảo đó là Phật, Tôn Hạo bèn thỉnh tượng đi tắm rửa, sớm tối di úy (Di là kính), cúi tảng gõ trách (trách là giường. tảng là trán. Nghĩa là dập đầu xuống giường), tỏ bày tội trách mình, mọi người chung quanh nghe vậy, xót xa rơi lệ. Trong gây lát (có đỡ phần nào). Dốc tâm nghiêm khiết trai giới, sau mới yên vui. Ngụy Hạ Hách liên Bột bột Hung nô, chiếm cứ Sóc Hán, giăng cờ Rồng, vận phục Đế vương, tôn cao đức mình, mờ tối Đạo của bậc thánh, bảo: Bột là Phật; Ta là Phật đây, bày tượng Thánh ở sau chỗ ngồi, khiến các Sa-môn

chầu nhóm lễ bái mình. Trời phạt kẻ có tội, nổi sấm sét đánh chết. Nên sấm là linh vật, tựa linh khí để làm oai (Vương Sung Luận chép: Sấm là khí âm dương xung đột nhau mà làm tổn hại vật, nên Dương khí cực mà sinh ánh sáng v.v... nhưng sấm có Thần, là sứ của trời, gìn giữ sự nghiêm tịnh, giận ghét kẻ xấu ác, nương khí dương mà hành, tựa mây mưa mà động, mùa đông thì tàng trữ sâu độc, dùng khí Dương thâu tàng đó). Phàm khí âm dương, buông thì an mà tỉnh, chứa thì ùn mà giận, có lúc ghét xấu ác má rung chuyển nơi cây đất để cảnh răn mọi người. Đối với đó mà chẳng kỵ thì tứ hại (tứ là buông phóng, kỵ là sợ. Nếu đối với nhìn không hề kỵ sợ, thì sẽ nhanh chóng hại đó). Đời Tống, Tạ Hối trấn tại Kinh Châu, gặp Sa-môn Tăng Xướng xây tháp trong thành, thế đất hẹp trũng, tự thân lo liệu. Hậu lao tửu thực, khiến buông lung oai dũng, trống nghiêm răn oai, không ai dám chẳng tiến tới trước, khua đánh đả hoại (đa là rơi đổ, còn gọi là hổ. Hoại âm là quái, là cố hoại, không tổn mà riêng hủy hoại). Khám tượng rơi đổ, bỗng chốc có gió bão, đầy trời mây mốc làm mờ tối đất trời, khiến lạnh cả gan mật. Tạ hối bị bụi đất lấm thân, dùng tay phủi bỏ, mà da dẻ theo tay rơi, tan vỡ lỡ loét, khắp thân không còn dáng mạo da thịt. Cuối cùng vì phản mà gia tộc bị giết chết (Tạ Hối tự là Tuyên Minh, người ở xứ Dương Hạ quận Trần, dung mạo khôi ngô, khéo nói cười. Ở thời Văn Đế nhà Tống, làm tướng quân Lãnh Quân ở Kinh Châu. Mục Phản Triệu Đàn Đạo tế xét đó, binh lính ở bến bắt đưa về Nghiệp đô, chém tại đô thị. Thời Chu Thế Tông, họ Sài dùng tượng Bồ-tát Đại Bi tại Trấn Châu để đúc thành tiền Chu Tông Nguyên bảo. Về sau, khắp thân thể họ bị lỡ loét mà chết, đây cũng thuộc về loại đó). Cho nên, tạo tội lớn là Thiên hạ chẳng điếu (Điếu là thương xót). Mới đầu giúp sức đó dẫn tràn họa đó, họa cùng cực thì đổi thay. Lúc đầu Sa-môn Pháp Mẫn hết lời can ngăn mà chẳng nghe, (răn Tạ Hối), về sau vì đó mà soạn luận Hiển Nghiệm. Thời nhà Ngụy, Thái Võ lấy mũ trụ của khung lư (khung lư là phan phướn mà trướng) nhân nhờ thời vận, lâu sau có Hà Lạc (Đó vốn ở dưới núi Tiên Tỳ, ở đời làm Quân Trưởng, xưng là họ Thác Bạt, thời Tấn Võ dần thông trong nước. Đến lúc Hoài Mẫn bị Lưu Diệu giết hại, thì lúc đầu đóng đô ở Vân Trung, sau dời về Bình Thành, lại dời tới đất nghiệp. Đến thời Hiếu Văn Đế thì dời tới Hà Lạc, bèn đổi họ là Nguyên). Thôi Hạo chấp chính Tố truy y đến chỗ Thái Võ nói là: Phật hóa không ích lợi mà có thương tổn nhân dân, chẳng bằng phế bỏ là lợi lớn của nước nhà. Ngày khác dưới đài bốn phương như Trường An, năm khác có lệnh sau, nơi nào có Đồ tượng Sa-môn tất cả đều trừ dẹp. Từ đó chẳng được mùa. Thôi Hạo

chuyển xác ấy (xuyết xa chế, văn trước đã giải thích). Thái Võ mắc bệnh dịch, mà pháp lệnh khoan thí (thí là buông thả). Đã dứt rồi trở lại (đến thời văn thành thì lại hưng thạnh). Trị quốc là: Lấy quan lớn làm tay chân, lấy quan nhỏ làm tai mắt (may mà được sủng ái thì gọi là bế). Chưa có chi khiếu tà mà thân thể chẳng bệnh hoạn, buồn thay mạng lớn chưa khuynh, chưa hề thỉ ngộ. Đã khuynh mà ngộ, phương mê nào khác (khuynh là nguy ách, mạc là không. Thỉ là trước, phương là chánh. Đến nguy ách mà ngộ, cùng chánh mà mê có gì khác nhau. Niên hiệu Hội Xương thứ năm thời Võ Tông nhà Đường, sa thải hủy diệt. Đến năm thứ sáu thì khắp thân thể bị ghẻ lỡ mà chết. Trước là lý đức dụ bày mưu, sau là Tuyên Tông bị biếm đày đến Nhai Xuyên mà chết). Nhưng có họ Tiễn Thôi, Thái Võ dấy khởi ở luận của Vô Ích (Đỗ Quang Đình soạn luận Vô Phật, cuối cùng mù cả hai mắt mà chết). Ý Thôi Võ lấy việc săn bắn, uống rượu, đam mê thanh sắc, đài tạ, khắc táng ở nước nhà (chỉ vì các thứ ấy làm tan nát nước nhà, chẳng vì hủy phế mà tan nát, bèn cho đó là vô ích), mà lúc đầu làm ích lợi đó ư? Tăng Tử nói: Người khéo làm lành, phước tuy chưa đến mà cách họa đã xa. Người chăm làm ác, hung tuy chưa đến mà cách họa rất gần. Đông Bình Vương đời Hán nói: Làm lành là rất vui. Tấn Lạc Quảng nói: Trong danh giáo tự có việc vui. Phàm, đó là chí ngôn, chưa hề chẳng phải không có ích lợi, mà chỉ là chẳng phải chỗ biết của hạng Hạ sĩ. Than là ở đời không người Hiền Trực Khiến Thôi như vậy. Mới đầu buông thả, vợ của Hạo vốn họ Quách, tụng kinh Bát-nhã, Hạo lấy kinh đem đốt ở chỗ hầm xí. Đến lúc sắp hành hình chuồng xe đưa đến phía Nam thành, mười người vệ sĩ tiểu dãi trên đó, tiếng kêu gào thét, nói: Đây là quả báo ném bỏ kinh. (Xuất xứ từ Lô cầu Kim Cương kinh Nghiệm). Luận chép: Kẻ tà kiến nhẹ lúc sắp chết tiếp tục làm lành, lành ấy tiếp tục (thiện là tâm tịnh tín, Đức tin là cội nguồn quả đạo, là mẹ sanh ra tất cả mọi công đức, nuôi lớn tất cả các pháp lành. Duyên lực dứt thiện là lúc đọa vào địa ngục tiếp tục, nhân lực dứt thiện là lúc chết đọa vào địa ngục tiếp tục). Tại Tây Vực, Luận sư Vô Cấu Xưng đến trước Tháp Chúng Hiền Cáo với u linh, thỉ hủy Đại thừa (thỉ là thề) phá luận của Thiên Thân. Nói xong, tâm phát cuồng, lưỡi thè ra, chỗ ông chết, bỗng đất nứt ra và bị vùi lấp, mãi đến nay mọi người nhìn thấy, đều chúng chúng (chúng chúng là sợ hãi), ai có thể không thương ư? Sa-môn Tuệ Thiếu nghiên cứu học thuyết Tiểu thừa, tiếng tăm vang khắp Giang Hán, nghe tượng Vương Triết giảng Tam luận, chê bai rằng: Tam luận nói về không, mà người giảng chấp không. Sau đó, thì lưỡi dài ra ba thước, tai mũi đều rỉ máu. Bèn tinh

thành cầu sám bảy ngày mới trở lại như cũ. Có An Tuệ, vào niên hiệu Vĩnh Gia đời Tấn ở Lạc Dương, dùng lụa vàng viết tay một bộ Đại Phẩm thành một quyển gồm mười bản. Vợ của Chu Trọng Trí người họ Hồ mang một bản qua Giang Lăng, bị lửa hàng xóm thiêu đốt, chẳng kịp lấy kinh ra, chỉ buồn khóc như bệnh bỉ lửa đốt, bèn ở trong tro tàn tìm được kinh không tổn khuyết một chữ. Sùng tà là dập đầu mà tin. Bản kinh ấy đến đời Lương Võ còn cất giữ tại ngự các, lúc gặp loạn Hầu cảnh thì không biết lạc ở đâu. Kinh Niết-bàn bản Bắc đời Tống (do Trở Cừ Mông Tốn dịch) mới đầu lưu hành tại Nam Đô; Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán, Tạ Linh Vận chú sớ bản đó ngôn từ mở rộng, nương bản Nê-hoàn lại thêm nhuận sắc, sữa chữa giải thoát (tức kinh Niết-bàn bản Nam). Ban đêm Tuệ Nghiêm mộng thấy vị Thần cầm gậy sắt, màu đỏ lớn tiếng hỏi tội, bèn kinh ngộ mà sanh lolắng, toát mồ hôi hoảng sợ, nhòm họp cùng bàn luận, muốn tìm lại bản trước. Các vị thức giả cản ngăn, bảo là: Đây là vì muốn răn người sau, nếu như cẩu thả trái ngược đâu cho tức thời mới cảm. Ngày khác, Tuệ Nghiêm lại mộng thấy nói: Ông do mở mang kinh điển rất tinh chí, sau này sẽ thường thấy Phật. Cuối đời Tấn, có Hồng Dự đúc tôn tượng trượng sáu. Hồng Dự bị bắt giam nơi phủ Thừa tướng, trì tụng kinh Quán Âm, mộng thấy tượng đưa tay xoa trên đảnh đầu, bảo: Có sợ chăng? Hồng Dự đáp: Tự nghĩ sẽ bị chết, sao không sợ được. Bèn thấy trước ngực tượng mầu Đồng tan cháy sôi sục. Đến lúc sắp hành hình, gặp phải xe trâu của giám quan bị hư, lại hẹn ngày khác, có lệnh từ Bành thành đưa tới, tội của Nguyên Dự (Bành Thành là Tống Võ, Nguyên Xá). Tỷ mở khuông tượng trước ngực đúng như điềm mộng (tỷ là kịp, tiêu là vọt). Thời Đông Ngụy, Cao Hoan làm Thừa tướng, có người cháu là Kính Đức, người phu dịch của lính nhà đến trấn nhậm biên cương, tạo tượng Quán Thế Âm bằng đá, chí thành không hai. Về sau, Kính Đức bị liên lụy bởi tội của kẻ khác, thật phải tử hình gần tới lúc hành hình, lúc sáng sớm có vị tăng bảo rằng: Ta trao kinh cho ông, đến giờ Ngọ chỉ tụng đủ ngàn biến thì khỏi. Vừa nói xong vị tăng ấy bèn biến mất. Kính Đức nghĩ mắc phải thân họa, nên chí thành trì tụng chẳng biếng lười, vừa đủ thì pháp quan đến hành hình, giơ dao lên đều gãy, chỉ nghe xoang xoảng như tiếng vang chạm đá. Kính Đức bị cúc (cúc là cùng vấn) nói là không, tức tượng ứng ư? Quan sai đến nghiệm xét, cổ tượng đá quả nhiên có mấy vết. Họ Cao ghi chép kinh đó, mà Đề là Kinh Cao Vương Quán Thế Âm. Tôn Khanh nói: Thế của báo ứng, đều theo loại mà đến. Lời đó thật đáng tin cậy! Nếu người xưa nêu đức để ngăn ác, bày họa để hoằng dương điều thiện, khiến

người chẳng cho ác là không thương tổn mà chẳng bỏ, chẳng cho thiện là không lợi ích mà chẳng làm. Chỉ nghiệp lý là nhanh hay chậm (thuận sinh báo, thuận hậu báo là chậm, thuận hiện báo là nhanh). Kỳ hạn của báo ứng ở xa hay gần, tình lự sinh ở dốc lòng hay không dốc lòng, tổn ích sai ở khinh trọng, mà số lành dữ thuộc về ảnh hưởng, nên lưới trời sơ sài mà chẳng lọt, âm phủ mịt mờ mà rất sáng. Vu Công cửa cao mà đợi đóng (Vu Công Định Quốc Trí Sử cao cửa nhà đó mà bảo người rằng: Tôi có trông coi ngục không riêng tư, con cháu sẽ hiển đạt). Nghiêm mẫu quét mộ mà đợi giết chết (Nghiên Diên Niên làm Hà Nam Duẫn hành pháp tàn khốc, người mẹ thường ngày quét mộ mà bảo: Con tôi hành pháp tàn khốc, tôi sắp đợi nó giết). Đâu sai lầm ư! Người cũng có nói: Gieo trồng chẳng thấy nó lớn, có lúc rất chỉ lệ, chẳng thấy khuyết, cuối cùng tiêu quyết sâu dầy đó (chỉ lệ là mài đá. Hành vi của người sẽ tự có quả báo, thiện ác hợp nhau, giống như hình và bóng, tiếng và vang.

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 8

XIII. NÓI VỀ LÝ CỦA NGHIỆP

(Chi Hành trong ba đời gọi là Nghiệp, trưng đòi cầu lý gọi là Luận).

Giác Hoàng có nghiệp trí lực (Phật có tịnh nghiệp vô lậu, tám thức bốn trí ,v.v... lại bày trong tướng môn có chín nghiệp báo: Một là con gái Phạm Chí là Tôn-đà-lợi phỉ báng Phật; Hai là con gái của chiên-già-sà buộc khúc gỗ ở bụng phỉ báng mang thai với Phật; Ba là Đề-bà-đạt-đa xô núi đè Phật; Bốn là cây thương gỗ đâm chân Phật; Năm là vua Lưu-ly hại dòng họ Thích mà Phật cũng nhức đầu; Sáu là nhận lời Bà-la-môn A-kỳ-đạt-đa thỉnh Phật chín mươi này ăn lúa ngựa; Bảy là gió lạnh động lưng Phật đau nhức; Tám là sáu năm khổ hạnh; Chín là vào xóm Bà-la-môn khất thực, mang bát không trở về. Lại trước sau Đông chí tám ngày đêm rét lạnh đòi y. Lại gặp lúc nóng bức bảo A-nan đứng sau hầu quạt ,v.v...) Buồn thay! Có sinh khác dáng khác tiếng khổ vui ngu trí tôn ty thọ yểu, nên rất rõ bày nghiệp lý. Dụng mở người cảm (vì khởi kiến khác loại, tạo nghiệp khác loại, chịu báo khác loại) Chỗ của Tiểu thánh chẳng bằng, huống chi chẳng phải bậc Thánh ư? Mà có kẻ trù trướng phẫn chất (trù trướng là lừa dối, phẫn chất là tức giận) tự cho rằng được một, thấy người chẳng bằng ta, các gọi là Mạng, chẳng phải do nghiệp (có một loại trái đó, luống chẳng tin nghiệp báo, đều nói thiên mạng). Lễ nói: Thiên mạng gọi là Tánh, được là tự phải, chẳng được cũng tự cho là phải, vì nghe Thiên mạng (ngoại điển gọi nghiệp là Thiên mạng. Khổng Tử nói: Mạng. Phàm tánh mạng dài ngắn đều từ chỗ trời đó đổ xuống). Trọng Ni nói: Sắp hành của đạo vậy ư? Là mạng vậy, sắp phế của đạo vậy ư? Là mạng. Công Bá Liêu như mạng đó sao? (Công Bá Liêu người nước Lỗ, hủy báng Trọng Ni nơi Thúc Tôn Võ Thúc Thu Tử nên có lời ấy). Tử Hạ nói: Sống chết có mạng, giàu sang do trời (sống chết là nghiệp báo chung, giàu sang là nghiệp báo riêng). Lỗ Công muốn thấy Mạnh Tử (Lỗ Bình Công sắp thấy Mạnh Kha, vì đó

là hiền đức). Bế nhân tàng thương hủy báng ở công mà thôi, Mạnh Tử nghe vậy bảo: Trời vậy (Mạnh Tử nói: Ông chẳng thấy ta tự vì mạng trời chưa hợp, chẳng phải tàng thương chẳng thể ngăn được. Nên biết do nghiệp nên chẳng như vậy (lấy duyên nghiệp làm Thiên mạng). Vả lại, bậc nhân là Khắc Kỷ, kẻ bất nhân là hại người. Bậc nhân nguy rất lụy cờ, kẻ bất nhân an quá úp bát (chứa thiện ương cựu như hạng Tỷ can, làm ác vừa gặp như hạng Tào Tháo) họa phước miệt trưng đó như tai mắt. Nên Đường Ngu là hạng Thánh đức chỉ tự một mình giúp thiện truyền Thánh. Nói: Nghiêu vì Đan Chu chẳng ra gì mà dứt, nhân Thánh thạnh minh nói: Thuấn vì Thương Quân chẳng nói dối mà dứt) Lệ U hôn dâm mà vận dài bảy trăm (bạo ngược vô thân gọi là Lệ, bít trệ chẳng thông gọi là U, đều là Chu Vương, tuy hôn vẫn còn dài số đời) Tam Hoàng lăng tiếm, đời cầm Lỗ Chính (Quý Tôn thượng khanh, Thúc Tôn trung khanh, Mạnh Tôn hạ khanh) Di Ngô khuông phụ, dòng bặt sử Tề (Di Ngô là Tề Quản Trọng, giúp Hoàng Công chín hợp chư hầu, tôn giúp vương thất, tiếng nước Tề không người nối dõi). Tao làm Thiên vấn (Tam Lư Đại Phu Khuất Nguyên, trước thuật kinh Ly Tao, nên gọi là Tao Nhân có Thiên Vấn). Ban phú Thông U (ban cố tự là Mạnh Kiên, soạn bài phú Thông U, thương hiền lương chẳng dùng, đều tại trong văn tuyển) Lý Thôi vận mạng đó chẳng ở đây ư? (Lý Tiêu Viễn có luận Vận Mạng). Nên cửa của Kim Tiên, đó ai nói được? Do vậy, các lời sư sư, như yêu lệ mượn lưỡi (trước có kẻ thù trướng thuật đó đều nói là Mạng, chẳng phải là nghiệp, sau đó tiếp tin, như truyền của đồng bóng lừa dối là yêu lệ). Khiến các quân tử đại phu nghe được, còn như vất bỏ khung cửi (mẹ của Tăng Sâm đang dệt, có người đến báo Tăng Sâm giết người. Mới đầu, mẹ chẳng tin, lại báo lần hai, mẹ sinh nghi, báo lần ba mẹ vất bỏ khung cửi mà chạy. Vì Tăng Sâm là người nhân từ hiếu thuận. Người báo chẳng qua ba lần, mẹ còn tin đó. Nay đây lời chẳng phải kinh, người truyền chẳng qua ba lần, các hàng Đạt nhân quân tử cũng phải tin, huống chi kẻ khác ư?). Bấy giờ có những vị vén y bày vai phải, xịu mặt chẳng vui, đi giày mài mũi nhọn, sắp chém nghi ngờ (bấy giờ có Thích tử vén y bày vai phải, thấu suốt nghiệp lý, thấy mê lầm đó, bèn mài mũi nhọn gương trí dẫn quyết lưới nghi đó) bảo: Nếu xưng là mạng chẳng gọi là nghiệp, đó là tệ mà cũng cố (tệ là bít lấp, cố chấp). Nghiệp là sinh ở vận động vận động tức là nghĩa phát hành. Động có trái thuận, (thiện và thiện là thuận, ác và thiện là trái) thành ở thiện ác (phước nghiệp là thiện, chẳng phải phước là ác) thiện ác nung đúc nơi báo thí (thí giới thiện tương ưng, giết trộm hợp khoảng ác), sau đó có tánh mạng

cùng thông sinh (ở ngoài báo chung có cùng thông, nghèo giàu ngắn dài, thông minh mờ tối, xinh đẹp xấu xa đều gọi là Nghiệp báo riêng). Chỉ nghiệp của cơ, vận có ở khinh trọng mà báo của tánh mạng có ơ nay sau (thuận hiện nghiệp gọi là thành trọng, thuận sinh nghiệp thuận hậu nghiệp, gọi hậu thì khinh). Hẳn như chẳng mượn ở nghiệp, mà thọ mạng chỉ trời, thì đạo trời nào đến phú mạng mà chẳng đồng đều dày mỏng (nếu người, v.v... đều do mạng trời, tại sao đạo đó chẳng đồng đều) nếu nghiệp hẳn chỉ vận động, chẳng thể vời mạng, thì cúng tế đâu có phước, hung bạo đâu có thương tổn (nay vì hành xưa trước quyết định vời lại, gọi là nghiệp. Thiện ác hiện cảm, gọi là mạng. Nếu chỉ có nghiệp thì hợp với duyên xưa, cảm không dời đổi thì đâu được hiện thấy, cúng tế là được phước, hung bạo là chịu ương họa, đều chẳng phải chỗ nghiệp xưa cảm, cúng tế là chỉ ngầm giúp mà thôi. Hung bạo cũng là thuận hiện báo riêng). Thi nói: S8an1 bìm rậm rạp, bày nơi cành nhánh, đâu con Quên tử, cầu phước chẳng hồi. Lời ấy sao bày ư? (Thi, đại nhã chương cuối của Hạn Lộc. Hạn là tên núi, Lộc là chân núi. Lấy chẳng trái đạo của Tiên tổ cầu phước mà đối. Hồi là trái). Nhưng nghiệp đời trước có định, chẳng định, mà cảm tánh mạng đời nay có biến, chẳng biến (nghiệp ở thời báo có định và chẳng định, tánh mạng có biến, chẳng biến. Nếu thuận thì hiện biến làm rắn, v.v... báo riêng thì biến mà báo chung thì chẳng biến). Nghiệp đó nếu nhất định, mạng của chỗ cảm xác thật là chẳng thay đổi. Nếu nghiệp đó chẳng nhất định, mà mạng của chỗ cảm thì có thể tổn ích (như nhờ thiện lực chuyển trọng, khiến ác nhẹ v.v... cũng vậy). Nhưng nghiệp đời nay có định, chẳng định, mà khiến tánh mạng chỗ cảm của đời trước có biến, chẳng biến. Nghiệp đó nếu định, năng sửa đổi nhân xưa (nghiệp như thiện có công năng sửa đổi điều ác của đời trước). Mạng chẳng nhất định khiến có cùng thông (mạng chẳng định, gọi là Biệt báo, vốn vì ác nên cùng, nay do thiện lực sửa đổi đó nên thông). Nghiệp đó nếu chẳng nhất định thì một sao chẳng thái (nghĩa là chẳng nhất định có thể sửa đổi). Phàm như Xá-lợi-phất, A-na-luật gặp Phật làm pháp y, gặp Kỳ-bà làm thế y mà chẳng dứt sạch sái xưa (sái là bệnh, như Xá-lợi-phất bị Huyết Lỵ) thầy thuốc bảo hãy uống ngó sen, bèn sai Mục-kiền-liên đến hồ Mạn-đà-la lấy ngó sen để ăn. A-na-luật bị hỏng mắt ,v.v... đều là nghiệp xưa). Nhan Hồi, Mẫn Tổn gặp Khổng Tử là bậc đức hạnh, gặp chư hầu toàn chuyên hiền trí mà chẳng dứt bỏ được nghèo nàn, yểu mạng, bởi mạng của chỗ cảm đời trước nhất định, nên đời nay hành thiện chẳng thể được ích (Nhan Hồi, tự là Tử Uyên, đệ tử của người Lỗ, con của Nhan Lộ,

nhà nghèo khổ, ba mươi tuổi chết. Mẫn Tổn, tự là Tử Khiên cũng người đất Lỗ, có hiếu hạnh nhà nghèo khó, gặp phải mẹ ghẻ bức khổ, làm phí tể của nhà họ Lý). Bạt-nan-đà nhà giàu có tiền vàng đến mấy ức). Vua A-dục tán khốc mà oai mạnh (vua A-dục giết hại vô độ, xây dựng địa ngục, v.v... mà oai phong chấn động cả góc biển, gặp được Sa-môn Cúc-đa cảm hóa, xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp). Họ Quý ra quân chết dưới cửa sổ (Quý Hoàn Tử đuổi ra Lỗ Chiêu Công Âm chết ở Càn Hầu mà nhiếp cúng tế, cuối cùng được chết ở nước Lỗ). Đạo Chích ăn nem ruột mà được thượng thọ (Đạo Chích làm giặc, ngày ở Đông lăng giết hành nhân lấy tim gan làm nem, Khổng Tử chẳng thể cảm hóa, cuối cùng bị chết). Bởi mạng của chỗ cảm đời trước đã nhất định, đời nay làm điều bất thiện mà chẳng thể tổn (đây do xưa có nghiệp thiện, hiện ác chẳng thể ngăn). Mạt- lỵ dâng thức ăn được làm phu nhân của Quốc vương (Mạt-lỵ phu nhân, Thích quan Thứ sinh rất xấu, vua cha chẳng muốn thấy, bèn dò hỏi thở than cúng dường Phật, niệm tụng chẳng nghỉ, Phật vị hiện thân, biến đổi được đoan nghiêm. Vua Ba-tư-nặc lấy làm phu nhân). Ván thuyền nhường chết mà thần biển trao mạng (luận Đại Trang Nghiêm chép: Có vị Tỳ-kheo đi biển bị gió đánh hư thuyền, có vị Tỳ-kheo tuổi trẻ được tấm ván thuyền, thấy vị Thượng tọa bị chìm, nghĩ rằng: Phật dạykính trọng bậc Thượng tọa, bèn nhường tấm ván cho thần biển thấy vậy vui mừng, đều đưa ra khỏi biển mà được sống còn). Triệu Tuần xót thương Ế Tang (Triệu Tuyên Tử ra thấy Ế Tang người đói, hỏi bèn trả lời là không ăn đã ba ngày, liền lấy thức ăn giúp đỡ. Về sau, bị Tấn Linh xuýt chó cắn, Ế Tang Linh liền giết cho đẩy xe cứu đó mà ra). Phiếu mẫu xót thương đối với Hoài Âm (Hoài Âm hầu Hàn Tín, chưa gặp đói lắm, thấy mẹ già đải tơ đến đó, mẹ cho ăn, về sau giúp nhà Hàn, được phong, Hoài âm hầu. Mẹ đã chết, mở phần mộ đặt ngàn vàng vào đó), đều là nhất định của thiện nghiệp đời nay vậy, mạng của đời trước chẳng định, nên năng biến suy theo thạnh (từ Mạt-lỵ trở xuống đều là thuận hiện nghiệp thiện). Tiều khách chỉ gấu mà cánh tay rơi (Kinh Luật Dị Tướng chép: Có tiều phu vào núi gặp lúc tuyết lớn rất lạnh, có con gấu trắng cắp đưa vào hang, đến lúc tuyết tan thì xuống núi gặp người thợ săn, cầm dao dẫn đó chỉ nơi gấu ở, vừa đưa tay chỉ đó, thì cánh tay cũng rơi mất) Tỳ-kheo ăn thịt mà lủng ruột (có người đuổi Dê chạy vào chùa, thấy vị Tỳ-kheo chỉ cho mới bắt giết Dê lấy thịt ăn, vị Tỳ-kheo ăn rồi, khắp mình mẩy dưới da chạy xuyên lủng ruột mà chết, xuất xứ từ luận Biện Chánh) Lý Khắc bị giết ở Thí Quân (Tấn Hiến Công sủng ái... có mà đuổi các công tử, giết

thân sinh Thái tử lập nhà Tề. Lý Khắc giết đó, người trong nước lại lập Trác Tử. Lý Khắc lại giết mà đón Di Ngô lập nên, là vì Tuệ Công. Tuệ Công đến từ Tần, bảo với Lý Khắc rằng: Ông giết hai vua và một đại phu, nghĩa là Tuân Tức, mới tự sát, vì Tuệ Công xét khảo đó). Trương Lộc sinh chí với Ngụy Tướng (Trương Lộc tức là Phạm Tuy, cùng Tu Giả vào Tần, Tần rất vui mừng. Tu Giả trở về dèm pha với Ngụy Tề, Ngụy Tề mới uống rượu, kế đánh gãy răng, thả trong nhà xí, sống được bèn trốn chạy vào Tần, đổi xưng là Trương Lộc, Tần bái làm tướng, về sau mưu tính thâu lấy Ngụy, Ngụy Tề khiến Tu Giả phụng sứ Trương Lộc, mới khiến Tu Giả làm lừa. Nhưng nay lấy Ngụy Tề, Ngụy Tề bỏ chạy đến chết, cuối cùng mất ở Ngụy), đó đều là nhất Định của nghiệp bất thiện đời nay (đây đều là thuận hiện nghiệp, báo của bất thiện), mạng đời trước bất định nên năng hóa còn làm mất (gốc ngọn thọ đời trước hết làm nghiệp đời nay khiến hết mà thọ hiện quả). Đề-bà-đạt-đa hại bậc Thánh chảy máu chân (xô đá núi làm tổn thương chân Phật). Phá tăng luân phải chịu đọa Nê-lê một kiếp, bởi nhất định của nghiệp bất thiện mới sinh (cũng là thuận theo hiện định nghiệp bất thiện). Vua A-xà-thế giết cha, thấy ở Phật, tin ở pháp, khỏi khổ lớn của không chọn lựa (vua A-xà-thế giết cha là vua Tần-bà-sa-la, địa ngục khổ thấy thân bị lở loét dữ dội, bèn quy tâm hướng về cầu Phật, Phật dùng ánh sáng soi chiếu mà ghẻ lở được lành, lại nói pháp cho nghe, được khỏi khổ địa ngục. Vô Trạch là tên địa ngục, tức vì chẳng phân thiện ác). Bởi chẳng nhất định của nghiệp bất thiện mới sinh (nhờ sám hối mà tội diệt, đây là thời báo đều chẳng nhất định, nên nghèo yểu của Nhan Hồi, Mẫn Tổn là trả lại nhân bất thiện ở xưa, đức hạnh đó có thể làm báo thiện cho đời sau, giàu sang sống lâu của Quý Chích, là đáp lại cái nhân nghiệp thiện thuở xưa, còn nghịch bạo đó có thể làm trọng khổ của đời sau, thật chẳng đáng nghi ngờ. Phàm thuốc chẳng quy thù là một, mà vinh tiện đều khác (quy là da nứt nẻ, có người bán thuốc để chữa trị, lành rất hay, Nam nhân mua phương thuốc đó đem về dâng lên vua, gặp lúc chinh chiến cần dùng, nên rất được lộc đó, xuất xứ từ Trang Tử). Tước đất của chư hầu là một, mà hưng vong chẳng đồng (Tần Thỉ Hoàng tước đoạt đất của chư hầu mà chẳng phong, quân Hán đến đất Tần, không cứu đó mà mất. Lệ thực đó thấy Hán Vương khuyên khiến phong đất cho chư hầu, lúc Trương Lương đến, vội ngưng bỏ, ở trong màn mượn gân làm thẻ để viết lời đó mà chẳng thể được, bèn chẳng phong, quả nhiên nhà Hán hưng thạnh). Thật do có vận khéo vụng mà tánh mạng có thể đổi và chẳng thể đổi, cho nên quân tử biết chẳng thể đổi

của tánh mạng mà vui trời biết mạng, tiểu nhân chẳng biết thì dẫm mình tháo động (chẳng biết đạo, không lấy làm quân tử), vì vậy họa phước an nguy có thể thấy rõ ràng. Nghĩa là lành dữ thường lý, do mạng chẳng do vận, đây chẳng đủ đoán (vận có chẳng phải thái, cát hung do người). Phàm mùa đông cỏ phủ lấp mà chẳng chết, đâu từng chẳng do vận ư? (Do vận dụng mà có thể khỏi). Có vì tánh năng thì mạng chung do vận chẳng do mạng, đây cũng chẳng đủ đoán, (cơ bèn cậy vận động chẳng tin xưa, nghiệp thì cũng chẳng thể). Phàm mùa lạnh, cây tưới mà chẳng tươi, tươi là thấm đượm, như cây bách già cũ nhiều nước đâu khiến được tốt, bởi vì lực cứng) nào từng chẳng do mạng ư? Phàm cả hai đều tin đầy đủ, mới được gọi đó là thấu đạt sâu xa. Vì vậy, tin có vận thì tin của nghiệp, tin có mạng thì tin của quả (vận là nghiệp nhân, mạng là nghiệp quả). Tin vận mạng mà chẳng tin nghiệp quả đó thì nào khác nghe sáng ba chiều bốn thì giận, mà nghe sáng bốn chiều ba thì mừng ư? Trang Tử nói: như nói dời sáng ba chiều bốn thì cả bầy khỉ đều giận, tức nói sáng bốn chiều ba thì cả bầy khỉ đều mừng, mà chẳng biết danh khác nhưng sự đồng). Nên các bậc Tiên Thánh Nho xứ này tuy chẳng bày nói ở nghiệp quả mà ngầm đem vận mạng khiên, khiên là nhất định, vì vận mạng ngầm định nghiệp lý). Danh khác mà nghĩa một. Dịch chép: Biết có, đó là thần ư? Họ Trang nói: Muôn vật ra ở cơ. Âm Phù nói: Tâm sinh ở cơ, tử ở cơ (vốn làm vật thấy vật mà có sinh. Tâm năng phát cơ, mắt sáng thấy cơ. Tâm sinh tử ở nơi vật, cơ của thành bại thấy ở mắt. Trương Trạm nói: Cơ là trước hết của các hữu, chỗ tôn sùng của Động. Cơ là nhỏ nhiệm của động, bởi nó ở nghiệp vận. Hoặc nói: nghiệp dấy ở động, báo đó lý đồng đều, sao có khinh trọng, định và chẳng định ư? (Chỗ phát nghiệp là đồng, sao có thọ báo khinh trọng, v.v... chẳng nhất định ư?) Đáp: Tâm có mừng giận, sự có ân khốc (tâm hành của năng phát có chẳng đồng), nên hình chẳng nhẫn đối với sắc. Sính cháy bỏng đối với tâm (Vô đạo của trụ, cải đổi hình của nóng bỏng, hành ngược của mổ chẻ, đây là trọng của nghiệp). Mà Thư chép: Hựu quá không lớn, hình quá không nhỏ (hựu là buông tha, chẳng vì tội lớn mà chẳng tha, chẳng vì lỗi nhỏ mà chẳng giết). Kinh nói: Dù viên sắt nhỏ cũng chìm dưới nước, dù bát sắt lớn cũng nổi được, chớ cho là thế (nghiệp tuy trọng mà hối mạnh cũng khỏi, nghiệp tuy khinh mà chẳng sám cũng phải chịu). Lại nếu đem ba nghiệp ba thời hợp lìa làm tám (thân miệng ý đơn gọi là lìa, ba nghiệp cùng chung v.v... gọi là hợp. Hai thứ ly hợp gồm ba nghiệp ba thời làm tám, ba thời ba đời), gồm thì trọng, sai thì nhẹ(ba nghiệp đồng phát gọi là trọng, chẳng đồng phát gọi

là nhẹ) khinh thì chẳng nhất định, trọng mới nhất định. Do đó, Bình-sa chết đói bởi nghịch tử (Bình-sa tức vua Tần-bà-sa-la) họ Thích chết bởi Hung Vương (tức vua Lưu-ly) Nghiêu thông minh mà Hồng Thủy (nước lớn mênh mông, bát ngát Hoài Sơn, dân dưới Tương lăng mê mờ v.v..., Thang nhân đức mà đại hạn (Thang do nhân đức mà có thiên hạ, bảy năm đại hạn, cầu nguyện nơi rừng sâu, v.v...) Trương Nghị, đơn Báo đem dưỡng cầu sống, đều chẳng thể sống (Trương Hựu vốn người đất Tề là kẻ lo sợ cẩn thận, thấy cửa cao treo sổ thì không ai chẳng chạy, năm bốn mươi tuổi vì bệnh nóng nhiệt bên trong mà chết, lỗi này so với tháo trệ bên ngoài. Đơn Báo là người đất Lỗ, ở nơi hang núi uống nước, chẳng dùng Dân chung lợi, tuổi đã bảy mươi mà có sắc mạo của trẻ thơ, chẳng may bị Hổ đói ăn thịt, đây là trệ ở bên trong. Báo dưỡng bên trong, Hổ ăn bên ngoài. Nghị dưỡng bên ngoài, bệnh tấn công bên trong, đều là cầu sống mà chẳng được sống). Bạc-câu-la, Chu Hậu Tắc chẳng lấy dưỡng cầu cống, đều ngược lại sống, bởi định của vận mạng (Bạc-câu-la, Hán dịch là Thiện Dung, có thí một trái Ha-lê-lặc, suốt chín mươi mốt kiếp chẳng bị bệnh đau đầu, gặp mẹ kế dùng phương tiện giết, trải qua năm nạn mà chẳng chết, sau khi xuất gia, mắt chẳng nhìn người nữ, thân chẳng vào chùa ni, chẳng vì người nữ nói một câu pháp. Vua Vô Ưu biết đó là người ít muốn bố thí tháp đó một tiền vàng, vọt lên khỏi đất mà chẳng nhận. Chu Hậu Tắc là con của Đế Khốc, do Khương Nguyên sinh ra, sinh ra mình đầy lông, bèn bị vất bỏ ở lối hẹp núi lạnh rừng sâu. Ba lần vất bỏ mà chẳng chết, do đó đặt tên là khí (vất bỏ). Thiện bá Chủng Sĩ Nghiêu, đến mười lăm đời, Tôn Văn Vương được thiên hạ). Gió dữ thổi mà được cứu giúp (có người đi buôn ra biển gặp phải gió dữ thổi tấp vào nước quỷ La sát, đều niệm Phật mà được khỏi). Phú-la chánh mà từ tạ hẳn (có vị Tỳ-kheo thấy Luân vương oai thế nên kính mến, đêm ngày siêng năng mong cầu, Đức Phật lo ngại đó chẳng được giải thoát, sắp rơi mất phước Thiên luân, bèn vì sửa Phú-la, Phú-la là giày ủng lớn, nghiệp luân vương mất). Tang Cốc chẳng phải họa của Ân Tông (Ân Thái thú lấy con của Y Duẫn là Y Trắc làm tướng, Tang Cốc cùng sống ở triều, nhất thả đại cung sợ mà tu đức. Tang Cốc chết ba năm, Trùng Dịch mà đến là mười sáu nước, mới gọi là Trung Tông) Huỳnh Cảm đẩy lùi tai ương của Tống đô (sao Hỏa thấy phần dã của Tốn, Cảnh Công buồn mà tu đức, saop hỏa bèn thối ba nhà; Văn Vương, Tích Vũ Vương ba tuổi (tuổi là thọ. Vũ Vương nằm mộng thấy thượng đế chín tuổi, Văn Vương ban cho đó ba tuổi nên thành chín mươi ba tuổi). Tần Mục tha Mạnh Minh mà lại chết, bởi vận mạng

chẳng nhất định (tướng của Tần là Mạnh Minh đi đánh Tấn hai lần, qua sông chẳng lợi, Tận Mục tha cho, sau đốt thuyền mà suy, Tấn chẳng ra, mới rửa nhục trước mà trở về). Lấy việc người của Liệt Khảo Lý đây, há nói là không nghiệp ư? (Đây đều là việc nghiệp lý rõ ràng). Đó có cậy Trọng Huyền là, lấy làm nhạn bày lông dê quỳ sữa, quạ đen chim trắng, gai nhọn răng vuông, mùi lan vẫn hôi kia là số tự nhiên (vì đây đều là nghĩa tự nhiên mà ngoại đạo chấp), đâu do nghiệp ư? Người Trọng không vỗ chiếu bảo rằng: Chẳng đúng, Lão Thánh nói: Tự nhiên là đạo. Chí Đạo cùng muôn vật đồng thể, nên nói muôn vật tự nhiên (muôn vật cùng Chí đạo chẳng tức lìa), tức nói: Một âm một dương, đó gọi là đạo (đạo là vắng lặng không tự thể, thần không phương mà Dịch không tự thể, tại âm lấy sinh, tại dương lầy thành, nên nói một âm một dương gọi là Đạo) Họ Trang nói: Tại ngói sỏi, tại đề bại, chẳng phải cho là muôn vật không nghĩa của nhân duyên (vì chạm mắt đều là Đạo) Bẩm tánh mạng là, nghiệp vận làm nhân duyên (hữu tình: Đều nhờ nghiệp xưa huân tập làm nhân duyên) ở ngoài vật là lấy khí số làm nhân duyên, (vô tình là nương căn chủng làm nhân, khí số âm dương làm duyên). Cho nên Nhạn Dê trưng bày bởi nghiệp tập (nhạn bay dê quỳ, toàn do nghiệp tập)... gai cầu đó ở nước đất (mượn nước đất làm duyên tăng thượng) qua trở lại mớm, kiêu trở lại mổ, bởi dư tập của hành thuận nghịch ở đời trước, quýt tốt ở Nam mà chanh tốt ở Bắc, bởi tuỳ chỗ biến của trung thổ (trồng ở Giang Nam thì thành quýt, trồng ở Giang Bắc thì thành chanh) nước thì thấm xuống, lửa bốc lên, kim theo da, mộc cong thẳng, thổ viện lúa mạ, thủy mặn, hỏa đắng, kim cay, mộc chua, thổ ngọt, nhân năm khí thành năm chất, toả làm năm vị, ngưng làm năm sắc chảy thành năm âm, sau đó lẫn lộn. Cương như cứng mềm, chỗ bẩm có khác, muôn tượng sinh ra, đâu khác nghĩa nhân duyên ư? (trên đây đều là nghĩa trong Văn Hồng Phạm) nếu lại ttrách vì gốc của tạo hóa thì âm dương làm sao lập bày, mà cưu mang phức tạp, giả sử đem vàng thấy khác, cung vi phân nghe thì tàn khốc (nếu mỗi mỗi nghiên cứu đến tận cùng, thì phẩm loại đó rất nhiều). Muôn vật bắt đầu ở Thái cực, không nhân duuyên gặp nhau xúc loại thành tượng, chẳng sinh mà sinh (muôn vật vốn chẳng sinh, duyên hợp mà sinh) sinh ở bất sinh (đạo vốn vô sinh, muôn vật nương đó mà sinh) âm dương vô tâm (tạo đó chẳng phải ngã, Lý Tự Huyền Ứng, nên nói là vô tâm). Trời đất không có công (Lão Tử nói: Trời đất chẳng có nhân, lấy muôn vật làm chó nhồi bông). Bậc thánh chẳng tể (nên nói dứt thánh bỏ trí, cướp lớn bèn dứt Họ). Lão nói: Không danh là bắt đầu của đất trời, có danh

là mẹ của muôn vật (không danh là gốc của Diệu đạo, quyền cùng trời đất. Có danh là đượm sinh muôn vật, nên gọi là mẹ). Họ Trang nói: Đống lớn ợ khí gọi là phong (Văn Như Hải nói: Đống lớn là tự nhiên, ợ là nhả, khí là mạo) do đó trước tiên của tượng đế chẳng thật có mà có bắt đầu. Nếu lại tránh lấy ngoại vật xúc khí lưu hình, mạng bên trong cũng do nghiệp nào đó (ngoài nói như nhân vô tình đánh chạm, mạng trong mà khởi ghét thương, đâu là nghiệp ư?) thật chẳng đáng so sánh, phàm vật ngoài vô tâm, vô tâm thì nghiệp, mạng bên trong thì mang tình, ân tình thì nghiệp khởi, nên bay ngói và ném ngói đều đến người thì có giận và chẳng giận, sao ở đây không riêng biết ư? (Lưu Tử nói: Bay ngói đánh người, thuyền rỗng chạm mình, tuy có tâm ganh ghét mà chẳng oán, vì kia vô tình đánh cá vậy) có chỗ nói: Nghiệp thiện ác, báo thí sẽ đến, nên kinh Dịch nói: Nhà chứa nhóm điều thiện sẽ có thừa niềm vui, nhà chứa nhóm điều bất thiện sẽ có thừa sự tai ương, sao Cổ lai sinh Thuấn, Thuấn lại sinh Quân, thuyền lại sinh Võ ư? (Cổ Ngu khờ mà sinh Thuấn thánh, Thuấn bậc thánh mà sinh Quân chẳng ra gì, Huyền hung bạo mà sinh Võ thánh, nghĩa này thế nào?). Đáp: Bậc thánh nêu lý trời là lập giáo, nói thì nhiều mà chẳng nói thì ít, nói là thuận mà chẳng nói là trái (bậc thánh nêu tốt lành ương ác, là thường lý của đất trời. Lại nói thì thuận, chẳng thể nói thiện chiêu với ác, đâu dẫn dắt vật ư?) nên Công Lưu kịp Vương Quý khắc sinh thánh nối dõi, còn Văn Vương đại tạo ở Chu Bang (Chu là từ hậu tắc bá chủng, đức tỏa muôn dân, đời Công Lưu giữ quan đó, chẳng chứa lâu Tây Nhung đến niên hiệu Quý Lịch sinh Thánh tử, Văn Vương sinh Võ Vương, mà được thiện hạ gồm ba mươi bảy đế, hơn tám trăm năm, vì đều là dòng chứa thiện, lưu tỏa an vui) Phất Phụ đâu bằng chánh, khảo phụ khắc xa nhân đức, đến Trọng Ni quang định văn giáo (sau nhà Thang, con nhỏ mở đầu Phong Tống, đến Phất Phụ đâu nhường vị cho Lệ Công. Nhân ban cho họ Khổng. Đến chánh khảo phụ ba, mạng càng thêm cung, đời tu nhân đức, đến Khổng Tử thì chứa thánh nhiều, năng tỏa sáng văn giáo đó) vì thế khảo xét, lịch tượng lúc trao người là trinh chỗ đó, tiếp thức hằng ghi (trinh là chánh, thức là dụng, lịch tượng nhật nguyệt năm sao là bảy chính) đó hoặc mới nhiễu thố loạn biến hóa làm hung, chỉ thành thì tai ương khác. Nếu lại hoặc gì tiếng chẳng thay vang, hình chẳng mậu ảnh (mậu là đổi hình chẳng thể nơi ảnh) sao có ông cha tạo tác mà con cháu phải chịu quả báo (tự làm tự chịu, mỗi chẳng đều nhau) thì nghĩa có thể được rõ ràng, phàm thiện ác theo loại giúp nhau, mà chẳng thay nhau, mà chẳng thay nhau, nên người trước dùng phước tạo tác, đời sau dùng

phước nối tiếp, chẳng phải không phước mà làm con cháu đó, người trước dùng họa gậy tạo, đời sau dùng họa tiếp nối đó, chẳng phải người không họa mà làm con cháu đó, nên rồng hợp với mây, hổ hợp với gió (rồng ngâm thì mây nổi, hổ gầm thì gió sinh) núi đồng đổ mà chuông cảnh động (chuông ở điện Hán rung động, núi đồng ở Thục sụp đổ, tợ loại tương ưng) tro lau tiêu mà dừng nguyệt khuyết (Hoài Nam Tử nói: Tuỳ tro lau mà vầng trăng khuyết, ghi chú là: Vì lấy tro lau vầng trăng khuyết một mặt đó, thì vầng trăng cũng khuyết) bởi số của ứng hợp (vì loại tương cảm). Thường lý vì tán dâm nhượng khấu, thương sinh phá sản, mới gọi là tội của thân (thường lý là bỉ tục, nhượng khấu là trộm cướp, nên dâm, đạo, sát đều là thân nghiệp hành) lời xấu lừa dối lấn phạm quân thân, mới gọi là tội của miệng (ngữ tập). Cơ lự vô pháp, ngầm độc ôm ngược, mới gọi là tội của tâm, ngũ thường không giữ, ở tục đối với trung hiếu chẳng hành, xuất gia đối với từ bi chẳng dầy, thề sống ở nhỏ nhiệm chứa nhóm mà thành hình, thì là tội (nước giọt tuy nhỏ, dần đầy chum lớn) thường lý vì theo vật mà hại thân, tôn mô kình quỵ (tôn mô là lễ bái, kình là chắp tay, quỵ là ngồi kiểu người Hồ) mới gọi là phước của thân, tụng lời tán pháp, vui người tiến mình, mới gọi là phước của miệng, ghét thương bặt dứt, kỵ khắc chẳng vào, mới gọi là phước của tâm, chẳng hề biết chỗ thi thố của tay chân, chỗ đến của nói bàn, chỗ trải qua của suy tư, dấy ý giới ích, khởi nơi tuệ tâm, xét tội vẫn nặc (nặc là sám hối) thì gọi là phước, cho nên ngũ cốc chẳng đổi, chủng đó trăm hành, chẳng trái ngược báo đó, Trọng Ni, Trang sinh nói: Di Tề nhân từ mà chết đói (Bá Di, Thúc Tề, Liêu Đông Cô Trúc con của hai vua, cha chết nhường ngôi trở về Chu, nghe Võ Vương đánh Trụ, gõ đầu ngựa mà can ngăn chẳng nghe, bèn ở ẩn tại phía Nam Thủ Sơn, chẳng ăn gạo thóc của Chu, cho đến đói chết) Vĩ Sinh tín mà chìm chết (Vĩ Sinh và cô gái cùng ước hẹn dưới cầu, chưa đến mà nước lũ dâng tràn, sợ thật tín nên chẳng chuyển dời đến nổi chìm chết) Ngũ Tư Trung mà gục khiến chết (Ngũ Viên tự là Tử Tư làm tướng đất Ngô can ngăn phu sai chẳng lấy Tây Thi, vua chẳng nghe theo, bèn gục xuống kiếm mà chết, Việt Âm thâu tóm Ngô) vì thế việc ngoài không tất (tất là chuyên, là định) đó là lạm danh hại đức, mất đạo Trung Dung, chẳng gọi là vì thiện mà chuốc hoạ. Xưa kia Đại Sĩ ngồi dưới đạo thọ đánh phá thiên ma, là nghiệp đó (Đức Như lai ngồi dưới cội Bô-đề thành đạo, phá bốn thứ ma, đó là: Ma trời, ma năm uẩn, ma phiền não và ma chết) ở nơi hản núi rửa máu chân, là nghiệp đó, đến Tân Châu, ăn thóc ngựa, là nghiệp đó, nên nói báo nay thí khéo đáp nghiệp xưa đâu mất. Lễ nói: Tử hạ an

táng con mình mà mắt mù, Tăng tử điếu rằng: Tôi nghe nói bạn bị mù mắt cho nên khóc. Tăng Tử khóc Tử Hạ cũng khóc nói: Trời ơi! Tôi vô tội, tăng tử tức giận bảo: Thương đã thế, sao ông không tội được (thương là tên của Tử Hạ) tôi và ông tôn thờ Phu tử ở khoảng Thù Tứ, lui mà già ở trên Tây Hà (đất của Hoa âm) khiến người của Tây Hà nghi ngờ ông là Phu Tử, đó là tội thứ nhất, tang nghiêm thân của ông mà khiến dân chưa có ai hay biết, là tội thứ hai, tang con ông mà ông bị mù mắt, là tội thứ ba, (một là chẳng xưng thầy, hai là đối với nghiêm cha mẹ ân bạc, ba là đối với con mà sâu dày là tội) mà nói sao tự cho là không tội ư? Phàm như họ Tăng mới gọi là thấy tâm trời đất, biết mầm mống của họa phước, Thạch Đài Trọng chết (là con cháu của Thái phu Thạch Trước nước Vệ) không có Đích tử, có sáu thứ tử, bói lý do làm nối dõi (cát là theo) tắm gội đeo ngọc là điềm (tâm đều torng sạch cầu mong là điềm tốt) năm người tắm gội đeo ngọc, Thạch Kỳ Tử bảo: Ai có giữ tang của nghiêm thân mà tắm gội đeo ngọc ư? Chẳng tắm gội đeo ngọc (tâm vua đã biết lễ), Thạch Kỳ Tử Điềm người Vệ, lấy quy làm có biết, cho nên biết là nghiệp lý ngầm ẩn sâu mầu, nhà Nho nói đời này, nhà Phật có ở cả ba đời, một căng một dùn phạm vi thiên hạ đầy đủ, trong kinh cũng nói: Giết lầm có quả báo lầm, có vị Tỳ-Kheo ở núi, đạp nhầm một con kiến, kiến chết mà heo rừng chạm đá đổ lăn, Tỳ-kheo ấy cũng chết nhầm ở đó, mà đời có sắc tuy nhân mà hành trái với lời nói tuy đượm nhuần mà tâm bí (bí là hiểm, cái gọi là sắc lệ mà bên trong nói mềm mỏng, Nguỵ mà biện) huyễn thanh danh, mạo lợi lộc, biết thiện lại tệ, kỵ ác mà bè đảng, xả người mà gấp mình, giúp cao yếu thấp, lực hành tiếm hiền, sợ tội mà đổi dáng, phá rách hành sự, mở bày mong báo đó, đều chẳng thấy công đó lỗi lầm cùng mài rửa, ân hại cùng giúp, bậc thượng trí xét ở mình, còn trung trí tìm ở người và hàng hạ trí thì mịt mờ, đều gọi là tổn ích tự nhiên, phàm Lý Quảng chẳng phong hầu (Lý Quảng người xứ Lũng Tây, hiệu là Hán Phi tướng quân, tay khéo bắn chẳng phát nào trật, từng bắn Thạch Hổ, ứng dây đàn mất lông, đánh Phiên giết hại rất lắm. Do đó cuối cùng chẳng được phong hầu) Bạch Khởi chết ở Đỗ Ngự (Bạch Khởi là tướng nhà Tần, khéo đánh hố trống, Triều hàng chết bốn mươi vạn, cuối cùng chết ở trạm Đỗ ngự) Ngu Hủ cùng triều ca (ngu kinh ở Hán khéo giữ ngục, hủ là con cháu đó, hủ tấu với đế lấy ba quân ở Ung Châu làm tỉnh Truân Điền, cuối cùng chết một cách bất ngờ) tuy giữ tiết tháo trung thành với chủ mà đều phải công hại vật, nên đến ngày chết mới thức tỉnh sai lầm trước đó!

XIV. HẠNH TRỤ TRÌ

(Khám đất tượng đắp là Phật bảo, quyển vâng pho đỏ là Pháp bảo, đầu tròn áo vuông là Tăng bảo, đây là đạo Trụ trì)

Phủ quỷ trở đậu (bình, thớt) (đều là đồ đựng vật cúng tế ở tông miếu) chế độ văn chương, làm khí của lễ, thăng giáng trên dưới, chu toàn hạt tập (hạt là áo cừu tức thượng phục. Lễ nói: Tập là chỗ trên cửu chẳng công hẳn thêm hạt lẽ cừu trắng áo gấm để hạt đó) là văn của lễ, chuông trống quản khánh (chuông vàng trống da quản trúc khánh đá) vũ thược can thích (vũ là bảng tước, thược giống như địch mà có ba lỗ, đây là lễ của Văn Thuấn, con là Thuẩn, thích mà ngọc, thích thú phủ, đây là lễ của Võ Thuấn) là khí (đồ vật) của nhạc, co duỗi cúi ngước, chuế triệu thư tật, là văn của nhạc, đặt đó thì lễ nhạc phế, thêu, viết, hoạ, khắc, tài hương án pháp, là khí của đạo đức, cắt tóc hở vai, bái nhiễu thiền giảng trai giới là văn của đạo. Thí đó thì đạo đức mỏng (thỉ là phế, vi là yếu núp, nói Phật lên cung trời Đạo-lợi ba tháng (Phật Đản sinh mới bảy ngày, thì phu nhân Ma-da sinh lên cung trời Đạo-lợi, đức Phật lên đó trãi qua mùa hạ vì mẹ mà giảng pháp) vua Ưu-đà-diên (vua Nam Hải) nghĩ nhớ ngâm vịnh lo chẳng về. Mục-kiền-liên đem ba mươi hai người thợ lên chiêm ngưỡng tướng tốt, khắc gỗ tử đàn làm tượng, vua cùng dân cả nước đều được đối diên với thần, phát khởi việc làm tượng bắt đầu từ đó, Đức Phật mới thành đạo ngồi dưới thọ vương, giả nhân dâng thức ăn (Đức Phật mới thành đạo, Trưởng giả Đế-lý-phú-bà dẫn năm trăm người cưỡi xe đi buôn bán đến dưới núi, mưa gió rất lớn, thần núi bảo rằng: Đức Như lai thành đạo, nên đến đó cúng dường. Họ bèn đến núi), thỉnh cầu chỉ bày tạo phước, Đại thánh trao cho móng tay và tóc, bảo về nước xây tháp, việc phát khởi tháp miếu, bắt đầu từ đó, Đức Phật thành đạo được mấy năm, hóa lực phong hành, đến núi Tượng Đầu, vào thành Vương Xá (Hán dịch là Thượng Độ, do Bình-sa thống lãnh) vua Bình-sa dẫn các hàng sĩ thứ trong cung, ngự đến chỗ đồng trống, nhân đem vườn Trúc-xa-lan-đà làm bảo xá cúng Phật (Ca-lan-đà, Hán dịch là Hảo thanh điểu, xưa có vị vua đi sắn bắn, ngủ dưới gốc cây, con rắn lớn ở đây bò ra sắp chích nộc độc vào vua, chim đó kêu buồn để thức tỉnh vua, do đó mà xả bỏ khu vườn ấy cho chim nương ở, nay vua xả thí để xây chùa, có nơi nói: Ca-lan là chuột là sai. Phật bảo chư tăng ở, viêc xây dựng già-lam bắt đầu từ đó, chánh pháp có hai: Đó là giáo và chứng, giáo là vốn trì thuyết, chứng ở tu hành, chẳng trì thì chân văn thiếu, chẳng nói thì chí lý bị lấp bít, chẳng tu thì hạt giống

thánh dứt bặt. Nên ngài Thế Thân nói: Pháp không lâu mau, tùy ba người trú thế, (kinh sư, Luật sư, Luận sư là ba người. Lại trì, thuyết chứng là ba người). Người còn thì pháp còn, người mất thì pháp mất, có chỗ cho là: Chánh tượng ngàn năm, Mạt pháp gấp mười lần, đây chỉ nêu đại hạn đó, bày hưng táng đó nơi thiên hạ. Hoặc cho rằng đại thánh nói có chúng như pháp thuyết giới thì pháp ta trụ, do luật sư trì luật, nên Phật pháp trụ, thọ năm ngàn năm (giới kinh nói: Nếu chẳng giữ giới cấm, dụ như chỗ nên Bồ-tát, như lúc mặt trời lặn, thế giới đều tối tăm) đây là nêu lợi ích để bày khuyên. Nên kinh, luật, luận là giáo bản của trụ trì, tăng trì thực là công liệt của trụ trì, chuyên giáo mà pháp chúng thạnh, tuyên công mà kim giới trị, nên khiến chí đạo thuần ý, ngưng vị chẳng tan, như đại canh đó ở đảnh (tế canh của tông miếu, chẳng đặt để năm vị, nên Tả Truyện chép: Đại Canh chẳng đặt để). Linh thần ban chỉ, đây là pháp độ của trụ trì, trời ba học khổng, dương đức như lông chim hồng (khổng là rất lắm, như là nhẹ, nói chỗ tập quang hoa như lông chim hồng nhẹ bổng.) người nghĩ phục đạo thiện nên năng lâu dài, muốn cho phong chân mối huyền lấy lấn lướt ở thiên hạ, lại chẳng thể được, ở Tây Vực, trị sự tăng gọi chung là: Yết-ma-đà-na Hán dịch là Duy-na, cũng lấy Duyệt chúng mà gọi. Nước kia khắc hạn ở khuyết vị, thánh xưa nêu hiền thì người nhân kế đó (Duy-na là chưởng sự tăng, ở Tây Vực cầu đó rất khó, phần nhiều giao cho người hiền làm, kế là lấy người nhân tiếp đó) mà thánh của của Trung quốc chẳng hiển bày ở thánh, chỉ đức chỉ hạnh, tìm cầu đó ở mình ư? Đối với người không thường, người khinh vâng, thật thì có khuyết (nếu dùng hạng người chẳng thường và khinh dễ tin làm khuyết thì không có thỉ chung) đã ngu phúc tốc (tốc còn âm là tẩm, cũng là loại quả bại. Nên cho kẻ phu không tốt lành đảm nhận khiến hạ dân hoá độ, thà làm nhóm cướp ở rừng chầm (chủ trông coi ruộng tăng, chẳng phải người tài khí, chỉ tham cầu hưởng lợi, chẳng chuyên tu tập, như nhậm quan vị, chẳng phải người đó châu huyện chẳng an bình, thà ở với trộm cướp nơi rừng chầm, cũng chẳng hơn đây) lúc Đức Phật tại thế, Tôn giả Ẩm quang thống chiếp đại chúng ở Linh Sơn, Thân tử tới nơi Trúc Lâm, Đạp-bà-ma-la mới mười sáu tuổi đắc quả La-hán, sau đó tự tư duy thân chẳng bền chắc, xin việc tri tăng, đức Đại thánh xót thương đó thật nguyện (nguyện là cẩn nguyện) bảo tăng sai, đã khẩn thiết với chức đối ăn mặc đau đáu chẳng rỗi cấp, trước vật sau mình, dẫn dụ huyền lữ (dụ là hòa, huyền lữ là tăng) lưu toả tiếng tăm khắp tám phương, hoàng giác vừa ý đó mới ngợi khen, bảo rằng: Đệ Tử ta vì tăng mà trông coi phòng nhà đồ nằm, sai

theo thứ lớp thỉnh thực, Đạp-bà-ma-la là bậc nhất, tại Kế-tân có trưởng giả Đạt-ma-đa-la là người thổi nếu ở tăng trù, có hai vị Tỳ-kheo khách từ xa muốn bày siêng năng, ban đầu chẳng biết tôn giả, bèn đến trước mặt hỏi: Đại thánh tôn đức nay hiện ở đâu? Đạt-ma chỉ và bảo: Ở nơi phòng tối thượng của tôi, hai vị Tỳ-kheo theo lời dẫn sang, mà Đạt-ma vội dùng thần lực đến chỗ mình ở trước, hai vị Tỳ-kheo đến sau, ngầm nhận biết là chỗ đã gặp trước đó, kính lễ dưới chân rồi hỏi rằng: Đại đức tiếng tăm vang khắp Diêm phù, sao tự thân làm việc thổi nấu (đơn là đốt, lớn là tân (củi), nhỏ là chưng) làm việc nặng nhọc ở nhà xý này ư? Đạt-ma vị nhiên bảo (vị nhiên là than thở) ông đã có hỏi thì tôi đâu giấu được: Tôi đã nhiều đời kiếp chịu khổ sinh tử, hiểm nạn lâu dài, đã suốt năm trăm đời làm chó, chỉ được ăn no hai bữa, huống chi các đường ác khác. Nếu khiến cho đầu tôi đốt cháy, tôi đều đốt đó, huống chi đốt lửa này và các chi khác ư? Tại Trung Hạ (Trung Hoa) vào đời Diêu Tần, người bỏ tục thì mười nhà có đến một nửa, La-thập vào quan, học đồ doanh lương (doanh lương là lộng sọt) chẳng xa ngàn dặm mà đến cả ba ngàn vị, do đó lập Đạo Khế làm tăng chánh. Tuệ Viễn làm Duyệt chúng (tức Duy-na) Pháp khâm, Tuệ Bân trông coi tăng lục (bạ thư, như nay là tăng phán) cấp xe kiệu kẻ lại, tăng chánh trật tự đồng như Thị trung, ngoài ra có sai biệt, tại Chấn đán (Trung Hoa) đây có tăng quan, bắt đầu từ đời Tần, thời Nguỵ lập giám phước tào, lại đổi làm làm Chiêu huyền ty, đầy đủ có quan thuộc, để quyết đoán việc tăng thời Chu Tề đổi làm sùng huyền thự (Bắc Chu, Hậu Chu, như công đức ty) thời Đông Nguỵ, Cao Tề còn thống đó, thời Tống, Tề, Lương, Trần còn chánh đó, lại chùa ba quan (như nay là Tam Cương) thuộc về thống chánh. Nhà Tùy thế nhà Chu, mở mang Phật pháp rất thạnh, các vị Tam tạng trong nước được chia ra an trí ở mười thống, nay quốc gia bãi bỏ Thống, lập hai Lục, (trông coi kinh ấp, Tăng lục trông coi kinh thành, các châu bên ngoài lập riêng Tăng chánh) Tam cương đặc biệt lấy đức vọng tìm người. Tháp ở nước Lam-ma là xưa cùng các nước chia Xá-lợi mà xây dựng, qua năm tháng lâu xa đất đai hoang phế, chỉ có voi rừng ngậm hoa dâng cúng, dùng ngà ủi dọn cỏ dơ, dùng vòi quét rưới, có vị Sa-môn du phương cảm việc đó, bèn phản giới làm sách cần, sửa sang nền móng cũ, đốc thúc nhiều người chung làm đến cùng (phản giới là xả giới, sách cần là Sa-di, vì sao? Vì có giới thì cuốc đất chặt cây bày đất đốt lửa đều là phá giới nên chẳng thể làm việc sửa sang đó). Đời Tấn có Tằng Tôn của đạo kính vương Hữu quân đến núi Nhã Da xây tinh xá Huyền Lưu, phản giới như việc ở Lam-ma, nên người nhân làm thiện, thiên hạ đồng

đó, kẻ bất nhân làm điều bất thiện, thiên hạ cũng đồng đó, (người tốt lành làm thiện chỉ ngày không đủ, người hung dữ làm điều bất thiện cũng chỉ ngày là đủ) Thôi Tuệ Nguyên dựng chùa ở Võ Lăng, sau khi chết, dưới núi Võ Đang có người thấy đó thần sắc rất khoan khoái, gởi lời với chư tăng trong chùa rằng, chớ để cho nghiệp chùa bị hư phế, từ đó giữa hư không y theo thời khắc mà có tiếng khánh (nay núi Vụ Trung ở Ngang Châu đất Thục, và chùa Kim Các ở Bành Châu, giữa hư không đều có tiếng chuông khánh, tán tụng, v.v...). Tại Quảng Châu, Pháp Hiến xây chùa ở núi Tạng Vi, có hai đứa trẻ dắt tay nhau, ngâm ca rằng: Tạng Vi có đạo đức, hoan lạc mới Vị ương (vị ương là Tần cung), ca xong bỗng nhiên biến mất. Thần do thành cảm, đạo bởi thần giúp, chẳng thành tâm sao có đức, chẳng phải thần sao giúp được, nên chỗ trinh ứng tốt lành càn gắng ở chưa tốt lành, thời Tề, Chu ngang đến chỗ quán cũ của Lôi Thứ Tông ở Chung Sơn xây chùa Thảo Đường, hoặc gọi đó là Sơn Tỳ, thỉnh cầu Tuệ Ước làm chủ chùa, Tuệ Ước cho rằng ấp ở tuy gần mà tiêu điều ngoài vật, ngầm thưởng tổ thành, bèn có ý trọn đời ở đó. Chu Ngung ngợi ca rằng: Sơn Tỳ ước chủ, khắp thế gian trong sáng, thời Lương Võ xây chùa Quang Trạch, ban chiếu mời Pháp Vân làm chủ chùa, sáng lập tăng chế, nhã có khuôn phép về sau, Pháp Vân có hiếu đức, lại dùng nghiệp hành tiếp nhận điều tốt lành của trời, đội ân sủng của nước. Hiếu là tôn thờ người đã chết như tôn thờ người còn sống, nghĩ người thân như chẳng muốn sống, Tăng tử vì tôn thờ người thân nghe chịu tang của người thân, nước uống chẳng đổ vào miệng suốt bảy ngày, chất củi cao để nghĩ nhớ người thân, khóc huyết ba năm, chưa từng thấy răng (ý nói khóc không tiếng như huyết đổ ra, cười nhỏ nhiệm nên chẳng thấy răng) nếu Pháp Vân không có sự nhường nhịn của Tăng Mân thì chết bởi chẳng nổi chịu tang (pháp Vân chịu tang mẹ, gần như hủy diệt, tăng Nâm khuyên dỗ đó mới chịu ăn uống) Sa-di Tuế Đàm suy nghĩ kinh Pháp Hoa, từng đến chỗ non sâu dựng đá làm thính chúng, nắm cành thông mà giảng, nên về sau đầu tiên có ra kinh ấy, tuy có lắm sư nhưng khó thể sánh bằng, từng ở tại một chùa khi đang giảng, thì cảm được hoa trời như tuyết rơi đầy giữa hư không mà bay vào nhà, lúc giảng xong mới biến mất, bấy giờ có vị tăng nguyện muốn được như Pháp Vân, mộng thấy vị thần răn bảo: Pháp sư Vân ở thời Phật Đăng Minh đã giảng kinh này, ông nên mau thố ý đó(thố là bỏ) chớ mong việc chẳng hy vọng, nay cuối thời pháp môn, mọi người hướng về ý đó (đều thú hướng về ý mình) các bậc tiền triết để lại ví dụ, người sau nào đoái hoài, trái với đức, hướng tới lợi, luôn xem thường trụ như cao du thì

đút lót cầu ty đó (siêm là nhìn trộm, dùng tiền của cầu chủ vụ, đã được rồi thì nắm vào đó mà công phù sướng ở hữu vị, bèn khiến cho chuyên mong mõi hấp tấp chẳng nghiêm túc tăng mạng, rối ren trật tự sáu hòa, lấn lướt công của chín nhận, đến các kho lẫm chứa khóm trống không, ruộng hoang đã xanh (đây là nói đem việc chùa thường trú vụt nhiên khiến phá hoại đến nỗi ruộng hoang phế, bèn mưu tính cầu lui khỏi, hoặc là mưu tính cớ già, hoặc cáo từ bởi bệnh, phủ tự chẳng hề xem xét điện tối, kiểm xem gian trực (Hán Thư âm nghĩa nói: Thượng Công gọi là tối, Hạ Công gọi là điện, gian là tà, trực là chánh) vội vàng thì toại trái thuận, đến nỗi khiến hạng giảo phu được kế rất lắm, vã lại hàng thủ nhĩ kia (thủ nhĩ là bạn nhỏ) ở tục còn đợi nhân trị, há xuất gia thì năng vì vật đặt để trị ư? Chỉ chùa phủ mới đầu lấy của cải mà tuyển chọn, mà kia mang tội cũng trọn lấy của cải mà khỏi, hoặc chỗ chúng chẳng tệ, xưng tội đó để tố cáo mà loan truyền đến chủ ngục, vả lại, phải trái lại vùi lấp đến người tố cáo nơi lý (Tệ là ngăn che, phả là nghiêng lệnh, mới đầu cầu làm chủ trì, dùng của cải mà cầu, đến sau xâm chiếm lại dùng của cải mà cầu khỏi, hoặc bị tăng tố tụng đến quan, quan cũng vì tình may trái lại buộc tội người tố cáo, đây đều là trong công nuôi lớn xấu ác) chưa hề dụ đến phủ ấp, đã tịch điền nghiệp đó bày làm đình lữ (dụ là hiểu, tịch là vay mượn, xưa kia mười một là thuế, dân cày ruộng mười mẫu, công mượn sức đó cày một mẫu làm cống thế đình, thật lữ trăm thì tiến cống) hoặc vì phương ngoài cầu tìm, hoặc vì bay đi nhìn đó (công phù đoái hoài tăng lữ, hoặc cho là các bậc phương ngoài vượt tục, hoặc cho là thần tiên tiên cao sĩ trông nom, thì nên chọn bậc hiền đảm nhậm) đến nỗi ngoài chính hoá, chẳng có chọn hiền khuyến khích người có tài năng, giúp đỡ sửa sang (vì công phủ cho là người của ngoài vật mà chẳng trị đó! Là khiến cửa phước đổ vỡ, người thần than thở, được chẳng phải có đất mà lọt mất oai tuệ đó ư? Thứ truy đến ngục buộc nơi công phủ, tội đầu chúng (chúng tăng có tội khiến công phủ chỉnh sửa, là tội của tăng) đầu chúng chuyên lý, hào thế cản trở là tội của quan tục (ruộng tăng vô cớ bị nhà công xâm chiếm là lỗi của người làm quan) có hai tội mà chẳng tu xét thì loạn sao dứt được, có mượn quan tịch của họ Thích, khuôn ngăn pháp âm của ruộng tăng, nhọc làm cho bằng, chim đạp lắc đầu, lấy ở yên buông thỏng mình (hoặc chủ trì viện xá, hoặc trông coi ruộng rẫy, hoặc giảm tăng chúng, xâm tổn của thường trú, buộc gá vào Châu huyện, nương cậy hình thế, thiết bày đề phòng, khiến người luận tụng chẳng được thắng đó. Sau đó yên xe, trang sức tôi tớ, chim đạp lắc đầu, rất là được ý) được chí toại tánh, đó tại ta mà thôi,

chùa có tổn ích chẳng xua chẳng đuổi, chùa có của cải gieo trồng chẳng tự thân chẳng gần, chùa có chuông khánh kẻ chẳng ra gì chẳng đánh, chùa có sân cửa, chẳng quét chẳng rưới, đối với của cải cũng khó khăn, chỉ cầu mà thôi (chỉ cẩu thả mà thôi) đây mới là cục bướu treo của pháp tộc, là biền chỉ của nhân lưu. (Năm ngón tay lại mọc thêm một ngón, gọi đó là biền chỉ, là vô dụng, nay lấy đây để dụ). Người là xuất gia chuyên lấy hành pháp làm hình dung, chẳng lấy mưu cầu lợi làm hình dung, nên năng tùy trời cao thấp, tại chỗ lợi ích vật, như Nam huân mà hoà muôn phẩm, như phước của thương tinh một phương (sao giác gọi là sao thọ, cũng gọi là sao lão nhân, là tinh của thương long, thấy là có phước) sao chỉ khí ngắn vụt gió, lực cản ngựa chạy, dõng nơi an mình, liêm ở thủ thiện ư? Nên người bậc trung mến mộ dưới xâm lấn mà thành tục (vì tập để thành tánh) khiến người khuôn hoằng thống lý, trọn ít hạng đó, phàm cuối thời Hạ Ân, đến đâu đều giết chết không ai chẳng hóa thành ác, thời Đường Ngu, đến đâu đều phong, không ai chẳng hóa thành thiện (dân của Kiệt Trụ nhà gần có thể giết, dân của Đường Ngu nhà gần có thể đóng) nay đại pháp sắp vùi lấp, chúng ta theo du (du là mỏng bạc, lại là cẩu thả) không ai chẳng hóa thành kẻ chẳng ra gì, đó hoặc mời vừa đến phù nguồn giáo, xóa bỏ mối tệ, sơ thưa sóng đạo, đóng thuyền làm cầu) lại lưới chốt lưới của chi mua (Chi tuần, v.v... mua chuộc Tuệ Viễn) đuổi tìm cơ cầu của vân ước (học trò của Pháp Vân, Tuệ Ước) hẳn cũng chẳng phải chỗ nay chuộng, hoặc có nghiệp hạnh mỏng bạc sùng khí vọng vi chương (như nay người học trò mạng một kinh một luận, hoặc các vị ngâm vịnh uẩn thức, v.v...) tụ họp đó có lợi thì không chỗ từ tạ, đối với việc chúng thì mói là phòng ngoại đạo, bẻ ý của duy trì, chợt làm từ nơi trang sức (phải làm đến từ để cầu được khỏi) đây là bẻ mũi nhọn của tộc bào, chưa ném mũi nhọn lương bào (Trang Tử nói tộc bào mới học mổ trâu, sẽ bẻ gãy mũi nhọn đó, nếu dưới mắt Lương Bào không toàn trâu thì gọi là ném mũi nhọn không hề bị tổn) quân tử chẳng trọng, đây chẳng như đó (chẳng vuông tròn) bậc thượng thiện như nước, đây chẳng như nước đó, đạo trời học là trước ở thực hành mà sau giữ đó hành ngại mới giữ, giữ thông thì hành, đang hành mà giữ, gọi là uốn nắn, kẻ trộm thứ quan làm lý, biết hiền trao vật báu, xét phỉ báng tỏ bày oan (được người thì xét phỉ báng, không trệ ngại thì tỏ bày oan) bỏ cẩu thả chuyên ban tuệ, đây có sáu là: Giúp sanh dân đến rốt ráo, mà biểu pháp của sư vong trấn giữ phương ngung, sao chẳng hàng đó như vậy ư? Đến như khuấy buộc người hiền có tài năng, phân lao nhọc chiết ty, chẳng đượm nơi mình, không trái với chúng,

trăm lỗi đều quy về mình, các điều lành đều nhường cho người, ân trước cho người có công, sau bố thí một cách bình đẳng cho người, khiến hành ở chỗ thân, sau cùng đến khắp chỗ sơ, tâm thường thương ghét, sự đồng đều tốt xấu, nổi trôi như thuyền chẳng buộc, thong dong như dạo như đùa, đâu được chẳng là đạo ư? Thời nhà Ân thì có đại phu, thời nhà Chu có trụ sử, thêm Tất viên lại (Bành tổ, Lão Tử và Trang Tử) đều là những bậc của lộc vị, tại đục thì như châu ngọc bỏ vào nước, được ân sủng thì như gió lướt cỏ, đêu hề lấy việc bên ngoài là ghé cặp ở đạo đức ư? (hoà quang là đồng trần). Xưa, Khổng Miệt bị ấp oán bởi ba lỗi (Khổng Miệt là con của anh Khổng Tử, cùng Khổng Tiện đều tôn thờ Khổng Tử, Khổng Tử qua Khổng Miệt mà khởi đó là: Ông làm quan thì được gì và mất gì? Đáp: Chưa có được gì, còn mất thì có ba thứ: Vương sự như điếc, sao học tập được, là học chẳng tỏ sáng, bổng lộc ít tiền cháo, chẳng bằng thân thích, là cốt nhục càng xa, việc công nhiều gấp, chẳng được viếng tang thăm bệnh, là đạo bạn bè khuyết, có ba lỗi này) Mật Tử tiện làm ấp, mừng bởi ba điều được (Mật chẳng bằng, Khổng Tử đến hỏi, đáp: Chỗ được là có ba: Mới đầu nói nói nay được mà hành, là học càng tỏa sáng, bổng lộc cung cấp đủ cả thân thích, là cốt càng thân gần, tuy có việc công mà gồm để viếng tang thăm bệnh, là bạn bè càng tin gần nhau, Khổng Tử bùi ngùi khen: Quân tử thay như người! Nước Lỗ không có quân tử, nay sao lấy đây). Trong Ni khen bằng như quân tử chẳng phải có của Khổng Miệt, buồn thay! Chất của có luỵ, trăm năm đời người, ở phàm thì mượn chùa Quan, ở thánh thì thuộc chùa Tiên, ở chùa Quan sao từ chối lấy việc người để ở đó ư? Đó có chùa Tiên mà tôi chẳng thể đến (như tại núi Vụ Trung ở huyện Đại Ấp, thuộc Châu Ngang có năm trăm vị La-hán ở, núi Tam Học có Đền thánh, núi Nga My có Bồ-tát Phổ Hiền, v.v... lại như truyện Cảm Thông, có vị tăng mất tên đến chùa Tiên Trúc Lâm) xưa kia Trúc-pháp-du đến Thiên Thái, Viên Thông ở Xích Thành đến Nghiệp Đông, Tuệ Bảo ở Thạch Cổ nghỉ nhờ nơi Nham Thật (đều là chùa Tiên) không ở đâu chẳng có sư trưởng có oai nghi, sắp muốn gởi hình kia chẳng cho ta ở lại, nên trong nhân gian thường nghe rừng sâu cách vách tiếng chuông khánh phạm hưởng, đèn thần, tượng lạ, đây có thể nêu bày, tăng ở mỗi nơi thuyết giới, ngày giải hạ chẳng được không thanh tịnh trang nghiêm pháp vũ, cả chúng giúp đỡ, nghiễm nhiên ở trước của bậc thánh. Luận Nhập Đại Thừa nói: Mười sáu vị Đại La-hán như Tân-đầu-lô, La-hầu-la, v.v... vâng thừa di cố, bèn đi khắp cõi người (sau Phật diệt độ, ở nước Kế-tân, vua Thắng Quân, tôn giả Nan-đề-mật-đa-la vì đó nêu ra mười

sáu vị Đại A-la-hán) đời gần đây ở quận Tử Đồng có đại trưởng lão luật sư họ Hồ cũng là người cảm thông, quận Nam Bỉ có núi Linh Thứu, Hồ lãnh đồ chúng mà nhập hạ an cư thuyết giới, ban đêm số người thì đã nhất định mà số thẻ thường quá, chúng chẳng biết vì sao (tăng thường lấy đêm rằm và đêm cuối tháng, sai một vị tụng giới kinh, phải phát thẻ, trước tăng số có bao nhiêu vị, Sa-di bao nhiêu vị, khiến biết số thẻ ít nhiều) đến cuối mùa hạ, có vài vị Sa-môn người Hồ ra khỏi núi, đến mé đường vẫy tay chào giã biệt với người trồng lúa, Luật sư nghe vậy vội chạy theo, đồ chúng đó bốn vị rong ruổi, họ cách thì chẳng xa nhưng chẳng được thấy, Tâm của bậc thánh là từ tâm ngã nhân, linh của quỷ quỷ thần từ linh của ngã nhân (chí thành cảm đến thần minh) Tuệ Tuấn mắc giảng ở nơi không có nước, sắp chuyển dời đồ chúng, thần núi cho là nhả dòng nước lớn (như chùa Tuệ Nghĩa ở Tử Châu không có nước, có Sa-môn Thần Hiểu niệm tụng kinh Kim Cương trong bảy ngày, đến kỳ hạn quả nhiên đào được dòng suối, nay vẫn hiện còn) tăng phạm thuyết giới, ban đêm đến nghỉ lại ở chùa khác, quán thụ nghĩa là phế bỏ việc đó, Linh Kỳ tức giận mà xô ngã. Đó thật cùng điều chẳng thể tiếm. Đời Lương, tăng Tuệ Siêu làm Đại Tăng chánh, khéo vui với sơn thủy, tiếng của cây thông vang đến mấy dặm, ở thì lắm nhiều trẻ nhỏ tôi tớ, trông vương hầu còn chẳng bằng, huống chi Tăng Chánh phải chánh ở mình để làm chính, chẳng phải liêm thì làm sao có ở chánh ư? Đạo đạt đến làm Tăng chánh ở châu Nam Duyên, bải nhậm chỉ có năm bó nên giấy sao liêm cùng ô trược không khái nhau (khái giống như bình, bình là đấu hộc) Tăng Mân chẳng lập đại hội bảo với môn nhân, đệ tử rằng: Đại hội tuy có công của một thời khởi phát, tôi thiếu thốn tay chân sức lực, gạo củi rau nước, giẫm đạp rưới đốt, tổn hại lắm nhiều như nhờ sức lực của quan, sai sử làm tuy đông nhiều, cùng khó hết ý nên tôi chẳng làm, có người bàn rằng: Tĩnh là khéo động, động là khéo tĩnh đó, đó là bậc giúp khắp (hình tháo khéo tĩnh chất là đạo của ái cương. Lại như nghĩa dùng khoan giúp mạnh) nếu tĩnh mà hành tĩnh, thì thứ tâm vắng lặng, đức chẳng tỏa sáng (vì vết đó ngầm ẩn) nếu ở động mà vượt quá động thì vật lý đượm rõ, đạo đức phù Nguy. Nên bậc Hiền là đi giữa đông tĩnh, đến bên ngoài có không, gồm muôn thiện của vô vi, không thiện chẳng làm. Cung thất của đại Võ nhỏ xấu mà tận lực với thành trì, ăn uống rau lá mà rất hiếu với quỷ thần, đâu khéo tay chân chai cộm mà cẳng chân không lông ư? (Hạ Võ trị nước,... cẳng chân không lông, Vĩ Chiêu nói lông trên cẳng chân là lông nhỏ) bởi chẳng riêng an đó, mà muốn đem công thí cho cả thiên hạ vậy, Thiện Đức con của Trưởng

giả tạo lập hội thí lớn (kinh Duy-ma-cật nói). Bậc thánh vui vẻ mà dạy dỗ, bày lớn giúp đỡ nhiều phước cùng tâm xa, an vui vô cùng, nên ở Tây Vực có Bát-già-vu-sắt (tức hội cúng lớn) bậc thượng trí thực hành, chứa nhóm mà năng tán, kết quy ban cho về mình, kết quy của cải về người, trần tích tải khắp thật thì gồm tốt lành (Trần Hoàn Tử đậu âu phủ chung thí lớn cho dân đều cùng khắp, về sau được nối dõi nhà Tề). Bậc đại sĩ làm lợi ích chúng sanh, tuy hại ở mình cũng không lẫn tránh, huống chi chẳng phải hại ư? (Bồ-tát tu hành, thân làm núi thịt cá gạo, muốn đi đường lớn, sao nhìn đường nhỏ) nếu vì hưng công mà tổn hại vật mạng thì cờ tháp đất cây nghi tượng ăn mặc các thứ có ra là tội của ai ư? Xá-lợi-phất đi khất thực, quán trùng giữa hư không, như ngựa chạy mau, như thóc trong bình, bèn trải qua nhiều ngày bỏ ăn, đấng Đại Thánh bảo rằng: Phải nhìn bằng mắt thịt sẽ ăn được, Linh Dụ răn học chúng rằng: Không sang hèn không lớn nhỏ, đều nói tên mình, gọi kia là nhân giả, dứt bỏ mắng đánh, trái hẳn khiển, kia sao bày đến ở đây ư? Đây hoặc có thể truyền mà chẳng thể nối tiếp, Thi nói: Ta ôn hoài minh đức, chẳng lớn tiếng mà dùng sắc (ý nói văn nương chẳng nói lớn tiếng mà dùng nhan sắc, lại nói: Chẳng hay chẳng biết là thuận tắc của đế) Trọng Ni nói: Thanh sắc đó ở cuối người vậy (ra oai khoe sắc, đâylà bậc hạ) chẳng dùng hình luật mà bình trị, ở đời đều chuộng, chỉ vì người thời nay sợ oai mà khinh thường đức (oai thắng ân) bậc thánh còn bệnh đó, Thi nói: Nếu Quân tử giận, loạn thứ chóng tan (nói quân tử nếu giân thì chúng loạn đó hẳn vỡ tan). Lại nói: Vua giận bừng bừng, viện chỉnh lữ đó, ý nói dùng oai dừng loạn, ngựa tốt thì nhờ hàm buộc, chim đẹp thì nhờ cắt chải, gỗ tốt thì nhờ mổ khoét, chưa hề có việc bỏ ở đây mà năng tự đặt để tốt đẹp, Dịch chép: Tiểu nhân chẳng hổ thẹn chẳng nhân, chẳng sợ, chẳng nghĩa, chẳng thấy lợi thì chẳng khuyên, chẳng bày oai thì chẳng trừng, nhỏ trừng mà lớn răn (trừng là trách, nghĩa là tội, trách thương hại tổn khí, mà bèn lớn răn làm phước, lợi của dấy công) cho nên ngự chúng phải là đạt nhân ở lúc chưa hiển, hình nhân ở chưa loạn khiến người ngửa trông oai tuệ cố gắng mà chỉ sợ. Có thể gọi là mở đầu cho thiện, đầu tiên đã lập, im lặng như năm khí tuyên nhau, tám gió mở bày, đông đúc đáng vừa, ngôn hành có chương, tuy có tý phốc (tý là mắng trách, phốc là đánh bằng gậy) mà không dùng đó, ấy gọi là thiện chung. Người ít có chung mà Linh Dụ có tiếng tăm chung (chỉ cho Linh Dụ làm được, người khắc ít làm được) quán phàm tuy thẳng đánh nhục mà khiển ra khỏi chúng, hoặc thì cũng đã quá lắm (khiển là trách phạt, như nay trao y bát ra khỏi nhà) kinh chép: Sát sinh này là quả báo của

sát sinh, địa ngục này là quả báo của địa ngục, luật mở dạy trao hủy lười chẳng phạm, là nghĩa gì ư? Bởi muốn dùng hình mong ở không hình. (đây là tội phạm cẩn thành, khiến đó chẳng phạm) nên ngợi khen điều thiện thì dụ cho thiện, bày nêu ác thì lấp ác, dụ dỗ La-hầu-la, quát mắng Điều-đạt việc ấy chẳng đúng ư? (La-hầu-la là con của Phật, Điều-đạt là oan đối của Phật) mà bậc nhân tha thứ ở tâm, kẻ giảo tha thứ ở miệng, người nhân là bậc trung thành cho nên tha thứ ở tâm, kẻ giảo là quỷ quyệt nên tha thứ ở miệng (bậc nhân là trung thành, nên tha thứ tại tâm kẻo giảo hư dối nên tha thứ ở miệng) ở tâm thì đi theo vật đến lợi ích, ở miệng thì hư bại vật uốn nắn từ , người thời nay nhỏ ngu nghe ở miệng mà chẳng biết ở tâm, dùng mặt mềm mại làm từ tuệ (xảo ngôn khiến sắc đủ cung kính: Là người đều vui thích) dùng hạnh cao mà cương ngạo, kia chẳng biết di lệ của nhà Chu (Cơ Chu loạn chúa) hạ đường mà chầu chư hầu, ngu ngơ mà tước mà tước, viên đế hiên viên là thầy của khởi đánh loạn, chẳng được cho đó là vua của vô vi (viên đế đánh họ cộng công, Hoàng đế đánh Sy Vưu) Làm thầy là lợi ích ở pháp, sao nói thương xót người (Tuất là ưu lo, lợi giúp chẳng vì hại mà chẳng làm, dụ như như người vì nước nhà sao sợ bởi đánh giết ư) nhưng vì ở đời có dự của tích kiểu ế trực đức ty giá trạng điên từ bi, thạnh đảng của kính mến tanh nồng khiến kẻ không tiết tháo thì hành mất mình, khuôn phép việc đó (khiến hạng thiếu trinh so sánh mình so sánh mình mà làm) trái lại vì lòng từ của Đại thánh mà chẳng thêm ở ta, bèn khiến năm thứ ngựa ác bảy loại trị người rơi hẳn dưới đất, nay giáo ta thúc thế (thúc thế là cuối đời) pháp đồ nhiều nạn, bạn gian giúp loạn, như sự bền chắc của bào tang (bào là mọc rậm rạp) muốn do tôi thẳng phải độ có thể chẳng thận trọng căn cơ, cũng là giáo của bậc thánh, xưa khách Tam tạng thấy không tội che giấu, nhường mà theo đổi (theo luật, Tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, thì cho ở riêng mười ngày, gọi là Ba-lợi-bà-sa, ý nói tỉnh tội, mười ngày chưa mãn, lại phạm tăng tàn chẳng che giấu, bèn nói đã phát lộ thì chẳng nên Yết-ma làm tội che giấu, có Tam Tạng khách thấy như thế, bèn trách nhường, do đây mới theo mà sửa đổi) Xá-lợi-phất gặp Yết-ma phi pháp (xưa, trong già-lam các tịnh nhân nam nữ lớn nhỏ, bốn vị Tỳ-kheo làm pháp Yết-ma khiến họk giá thú, Xá-lợi-phất biết đó là phi pháp muốn cản ngăn, trước đến bạch Phật, Phật bảo: Ông không nên ngăn cản, một chẳng thể quở trách nhiều, lại vì kia đông mà ông ít, sợ phản lại khiến hại, do đó bèn im lặng mà chẳng ngăn). Đó là do công Lưu lánh nước Địch, yếu mà dùng đức (công lưu là con cháu của Hậu Tắc, Hậu Tắc tôn thờ Nghiêu được phong Thai làm tắc quan, chẳng ra

khỏi huyệt, mất quan trốn ở tây ngã, đến công lưu lại sửa chức đó, người Nhung tham đất ấy bèn đuổi, đến Thái vương thì dời đến đất bân ở phía nam Kỳ Sơn, Văn Vương thọ lệnh, Võ Vương đánh Ân mà có thiên hạ) Văn Vương phạt sùng sư, cưỡng mà lấy loạn (sùng là nước của chư hầu, sùng hầu Phí Trọng là bề tôi tai mắt của Trụ, chẳng tu đức, nên Văn Vương dấy bịnh đánh đó, lúc nắng hạn, quân dấy khỏi mà mưa) đều mở mang biến thông tinh chiếu. Đó có mưu chẳng đạo tài, tạo phước chẳng nhanh chóng, sùng đài thấp mà đổi làm, hoa dong xấu mà bày nguy (dùng của cải bởi xâm ngược tạo việc của bình cấp, phòng nhà ruộng thoáng, gác chuông hoa rạng) của cải do uổng lạm, sự tham mạo, thật là tội phước chẳng bù nhau, Phóng sinh là thương xót kia sắp hiển tặng (Tề sắp giết trâu thệ chuông, Tuyên vương bảo dùng dê đổi, Mạnh Tử bảo: Vương keo lận một con trâu, Vương nói: Chẳng nỡ thấy nó chết. Bảo: Vương chỉ thấy trâu đó, chưa thấy dê, quân tử đối với cầm thú, thấy nó sống mà chẳng nỡ thấy nó chết, nghe tiếng nó kêu mà chẳng nỡ ăn thịt nó. Vì vậy quân tử chẳng gần kẻ nấu bếp) gặp mà còn đó, đó gọi là phước đời đời. Xưa Triệu Giản Tử ngày mồng một tết thì phóng sinh, người trong nước đua nhau bắt vật dâng lên, ân kia sinh đến hại thì chẳng bằng không phóng thả. Nên duy trì là tính đức chẳng tính lợi thì do đức mà lớn, tính lợi chẳng tính đức thì đức do lợi gọt vót, than ôi! Pháp đã suy đồi, kiếp cùng vẩn đục, thánh phàm cách biệt, trời rồng ẩn ngầm, quỷ mỵ tác oai, chánh tà khó phân rõ, cầu nguyện chùa tháp để trấn giữ lại, mượn trinh triết để gánh vác, đâu chỉ đài hương che ảnh, pháp cúng trơn-da, hưng vong chẳng hệ thuộc ở phổi ruột, cười nói tự vui sớm tối, điềm nhiên chó trắng qia lỗ hổng (chó trắng là mảy bụi qua khung cửa) truân tịch chìm hồn (truân là dày, tịch là đêm, trọn đêm tức là đêm dài sinh tử, Sở Tử nói) truy điền không công của một ruộng, thiết vi có khổ của trăm tội, lắng nghe lý này, ai chẳng lạnh tim chua mũi ư? Chỉ vì lưới huyền rối ren từ lâu, vườn xanh xanh rộng, bản tịch cất nơi vương phủ, tỉnh phú đưa về quận huyện, chữ dâng đón rước, như sợ của ấp tư, đối với tôn lại, cho nên liêm nhu, lánh sắc lánh lời, mà chẳng ở vậy (khiết mình để lánh Châu huyện) ngu ác là phí sức của mà không ích, ruộng vàng hoá thành nhánh gai, thật thì nguyên do của hoạn, phàm như vậy bởi đem phế nhà chùa nơi phủ huyện, sao chỉ cười ở hai Võ ư (phủ huyện lấn cày chẳng nhường hai võ). Nên đến với dân là ở biết người do an người, nên xét ngôn hành, đối với thiện đó là thì bẻ eo mất lễ của thềm bậc, vả lại dùng sức viện giúp chẳng phải thì nên giáng, khiến quân tử tiểu nhân chẳng đồng ngày, thật thì kỳ làm tươi

tốt, trải vàng trông như có thể đợi, do đó sự hưng khởi của chùa miếu, hưng thạnh hữu đạo, nên vào cảnh đó từ nước lớn đến tử nam, cờ miếu sửa sang, tăng đồ nghiêm trang thì cũng là vì thấy thanh tịnh của tục chính. Ở Tây Vực, thường trụ cung cấp sự ăn mặc cho tăng, vì sản sinh của ruộng vườn là do ở người cúng thí, đâu thí chỉ luận ở ăn mặc ư? Phàm tăng ăn uống theo giờ đánh chuông mới ăn, tuấn thì quy về tăng chẳng phải mình có (Tuấn là dư thừa, chứa thức ăn thừa là phạm giới) cõi khác chẳng dùng pháp chẳng thông, của cải ba thánh vào ra hữu ty, chẳng phải thì có lận (tài sản của Tam bảo do Điển tọa trông coi, không có mà giấu cất là lận), thế lực vua tôi cầu mong đầy đủ, cố khước từ chẳng chẳng được, giặc cướp người dữ dốc lực chẳng thể cưỡng, cuối cùng trái với ước muốn, tăng bị bệnh không thuốc thang, tuỳ mình có mà cung cấp, còn nếu nghèo khổ không có áo mặc thì tuỳ của cải mà sắm sửa, y phục của người chết thì theo họ đã an táng rồi mà sung vào của chúng tăng (nếu có tài sản của Tam bảo thường trụ chứa nhóm đó dễ bị giặc cướp hoặc pháp vua đoạt lấy, chư tăng nghèo bệnh, hoặc nghèo không áo mặc, sắm sửa y phục cung cấp cho đó, sau khi tang chết thì sung nạp vào của tăng thường trụ) nếu có người làm việc nặng nhọc, thì dùng y phục, thức ăn mà bồi bổ (như nay người chủ sự riêng cho thí lợi) nên trong luật gọi là loại phước lợi ích, mà người nhậm việc, mỗi việc chẳng phải chuyên, nêu hẳn chúng tăng, hỏi chúng tăng không thường thì nên lập tri pháp, nên trong luật gọi là người xử phân (như nay người chủ đứng đầu chùa viện) nếu đem vật chẳng phải ta có mà buông tâm tán mất, sự đó tự lỗi ta, hỏng nghiệp mất công, cưu làm tính ăn, lượng địch không tiết (cưu là nhóm họp, lượng là cân đong, thước tấc không pháp) đến nỗi khiến thương tổn tài sản của chúng, chức ty đây lại chịu tội. Xưa, Sa-môn Gia-xá thấy chùa tăng trên biển lấy máu mủ làm thức ăn, dùng đồ vật đánh nhau, bởi vào thời Phật Ca-diếp đồng ở một tịnh vũ, có khách tăng đến mà tức giận cất giấu thức ăn. Đời Tống, Pháp Phong chết làm quỷ không ăn, đi rảo quanh chùa phát ra tiếng lửa đói, vì chuyên nhậm việc chùa khắc bạ ở Lâm Ngang, vị tăng họ Tôn thấy thân như nhà xí bưng bát ăn đồ phẩn uế, bởi gặp năm mất mùa cắt thìa bớt cháo, trí hoài chết làm kẻ tớ của chúng vì chùa bày mượn người nên vậy (như ở chùa Thánh Thọ, Sa-môn Thanh Huấn niệm tụng kinh Diệu Pháp Liêm Hoa, mỗi lúc đến nơi Tống chung, thì đối với người sắp xếp thức ăn đòi lấy rượu thịt và sắc đem về, một hôm chợt mất tiếng, trải qua cả năm chẳng thông thức ăn dần dần không thông nước uống, tự bảo là đọa vào loài quỷ đói) soi rọi minh vận này, sao chẳng là trưng.

Truyện Cao Tăng gồm mười khoa (một là dịch kinh, hai là giải nghĩa, ba là tập thiền, bốn là nói về luật, năm là hộ pháp, sáu là cảm thông, bảy là di thân, tám là đọc tụng, chín là hưng phước, mười là tạp khoa) lấy trụ trì làm hưng phước, tôi thường khảo xét hành sự thật đó thì có phước hưng, xưa kia tôi nghe các vị phạm tăng hỏi thầy tôi rằng: Đồi Dung Hấn sở hẳn tốt nướng áo duệ là ở ư? Hoa hiên ỷ sơ hẳn an bằng tháo tuyết là ở ư? Tiếc thay nay nghiệm như chẳng hư! Lại nói Phật-đồ-trừng xây dựng hơn tám trăm chín mươi ngôi chùa, Thiên Thai xây dựng ba mươi lăm ngôi, nay tôi chẳng thể xây một hai ngôi, bởi chẳng phải phu (chẳng phải trượng phu) nhờ ở các người, nhân giọt lệ tiếp ngươi, tại tôi cuồng hoặc, chẳng chịu gánh vác (Thượng Thư nói: Người cha đó chẻ củi, người con đó chẳng chịu gánh vác) khiến thử ánh sáng còn lại gửi chứa hạnh khó khăn, làm pháp cân tựa, thẹn trông mây giữa trời, thảm thương mãi mến mộ!

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 9

XV. DỊ HỌC

(Dị học là học bên ngoài, tập giải của dị tông giúp cho chỉ quy của bản giáo)

Người là pháp khí rộng lớn hư thọ là tốt, người tâm xa thì thấy nghe làm vui (Lễ nói: Ngọc chẳng giũa chẳng thành vật dụng, người chẳng học chẳng biết đạo lý. Khổng Tử nói: Ngày biết chỗ đó mất, tháng không mất khả năng đó, ôn cũ biết mới, có thể tôn làm thầy, là tốt đẹp). Nên đấng Đại thánh là các bậc triết vương xưa mừng vui khen ngợi tài rộng trọi là trí cao thương, khiến đầu tròn chân vuông, hiền ngu ở nơi riêng biệt (người mà chẳng học như mặt tường đứng, da của hổ báo như da của chó dê) sư Tá-bà-đa (là tông của Tiểu thừa ở Tây Vực, Hán dịch là Quảng giải sư, rộng thông mẫn trí, dẫn lợi pháp hoá, trong mười hai thời cho phép để một thời học bên ngoài, nên đối với Tông đó phải phân biệt được nội ngoại, khéo giải luận nghĩa, Đàm-vô-đức bộ (Hán dịch là Pháp (cảnh bộ, tức từ Hoá Địa bộ phân ra) tục nghệ chú thuật vì ngại mình hại, dùng cả nhàn tà mở học chẳng phạm (tông đó lập năm tạng: Một là luật, hai là kinh, ba là luận, bốn là chú, năm là Bồ-tát tạng) kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng ngợi khen Bồ-tát là: Nghĩ nhã tài sâu vua trong văn, ca múa bàn nói được chúng mừng (quyển mười bốn) Luận Đại Trí Độ hiển bày kết tập, La-hán đức nói: Đọc tụng ba tạng, biết kinh sách trong ngoài, ngoại đạo có mười tám thứ sách lớn, cũng đọc biết hết (tức luận Tỳ- già-la, Phệ-đà, v.v...) xa xem gió trước, bậc thánh đều chẳng hạn cục chỗ biết, bỏ điều thiện nhỏ, gần thì sùng văn đức, xa thì thành chủng trí (huân tập để thành chủng tánh). Xưa có vị La-hán chẳng biết nghĩa của muối đỏ, các tục ngoài đảng lấy làm cười chê (tại thành Xá-vệ, Bà-la-môn Pháp Dự thường thỉnh tăng thọ thực, hỏi về nghĩa đó, người đáp được thì tự cho là thức ăn ngon, người chẳng đáp được thì khiến người dưới cho thức ăn dở, vì vậy các Tỳ-kheo

đều chẳng được đến nhà đó, nhân đến chỗ Phật, cách Phật không xa có vị Tỳ-kheo La-hán Pháp Dự bèn hỏi: Sao gọi là muối đỏ? Muối có mấy thứ? Tỳ-kheo ấy bảo: Tôi biết ông là Pháp Dự, khinh mạn Tỳ-kheo, nay lại làm phiền tôi, muối chỉ là muối, nghe Tỳ-kheo nói vậy rồi, mịt trong tâm mờ đến chỗ Phật. Phật bảo: Tỳ-kheo này chưa học với thầy, nên chẳng thể hiểu đáp về muối, có Tỳ-kheo tên là Phất-hy-lô, Phật bảo đến hỏi nghĩa muối, Tỳ-kheo bảo: Muối có hai nghĩa: Một là chủng vị như nước biển lớn đồng một vị mặn, hai là tánh vị thì có muối đen muối đỏ, muối Tân-đầu, muối Bạt-già, muối Tỳ-lãm, muối Ca-già, muối Tư-đa, muối Tỳ-ca, lược nói cón hai thứ là muối sống và muối rang đó là nghĩa muối. Pháp Dự nghe xong vui mừng mà lui) bởi ra từ nhà mục nát, thì phàm phu sinh tử mạo thay, chẳng bằng (mạo là xa. Đại thánh ra vườn nhà cũ kỹ hư nát, còn ở phàm phu sinh tử chẳng thể bằng) nói việc bên ngoài thì thánh trí giải thoát, hoặc chẳng như phàm phu (chỉ dùng một hành một trí, dứt hoặc chứng thánh ở chỗ biết chưa khắp, hoặc chẳng bằng phàm phu) hái đống phù ở kỹ tử, buộc vũ nghi ở hồng hộc, săn văn thể ở hổ báo, thì ở vật có mấy (cơ là gần, đống là phù, gần với kỹ tử, Vũ Nghi gần với hồng hộc, văn thể gần với hổ báo, vì loại đó tìm có thể được) La-hán biết khắp thì chẳng thể (bốn gia giai đoạn hạnh còn như phóng mũi trên trong tối, hoặc trún hoặc chẳng trún huống chi hàng Tiểu thánh ư?) xưa có người ở vùng ngoại ô thành Vương Xá chẳng cho rằng Đại thánh có trí biết khắp muôn vật, nên đem những sự hèn xấu thô mục để hỏi, Đại thánh thương xót các việc ấy mà trình bày, mục tộc kỳ lạ nghe đó hớn hở kính tin, nhân đều hợp với đạo (Nan-đà chăn Trâu, cho rằng Phật sinh nơi cung vua, xuất gia thành đạo chắc chắn chẳng hiểu việc thả trâu, Vậy đâu thể gọi là biết khắp. Bèn đến hỏi Phật, Phật vì đó giảng nói kinh Thả Trâu một quyển, đều là việc của chỗ an dưỡng bốn mùa, dòng họ đó vui mừng xuất gia, đều được đạo quả) nên đệ tử họ Thích bên trong xét mình, đối với môn tấn tu đáng học mà không học, đáng biết mà không biết thì kết tội không học chẳng hiểu biết. Sở học của Tây Vực gồm có Năm minh (một là Thanh minh, nghĩa là giải thích văn tự, hai là y phương minh, nghĩa là y thuật bói toán, ba là công xảo minh, nghĩa là tất cả nghề nghiệp, bốn là Nhân minh, tức ba thứ tông, nhân, dụ, định ra tà chánh, năm là Nội minh, nghĩa là thấu đạt nhân quả, rốt ráo chân tông) đó là thuộc tha-tất-đà, đây gọi là Thanh minh, là một trong Năm minh, vì đó rộng ghi thanh giáo các pháp, mà tục điểm kia gồm nói là: Tỳ-hà-yết-la-lặc-noa xưa gọi là luận Tỳ-già-la, đại số có năm như năm kinh ở xứ này: Một gọi là Chương

Tất Đàm, lấy thành tựu cát tường làm nghĩa, có đủ nơi người mới học, vốn lấy bốn mươi chín chư tương thừa thành mười tám chương, gồm có hơn muôn chữ, gồm có hơn ba trăm bài tụng, mỗi bài tụng gồm bốn câu, mỗi câu tám chữ, gồm ba mươi hai chữ, tương truyền do trời Đại tự tại nói (văn này tương truyền tại Tây Vực, nay chẳng thể biết hết) hai là Tô-tát-la (tức Tố-tát-lãm, Hán dịch là Khế Kinh, tức giải kinh của Thanh giáo) là chánh kinh căn bản của tất cả thanh minh, lược giải thích yếu nghị, có một ngàn bài tụng, do tiên Hồng-nho-bà-nễ thời thượng cổ soạn, người đó được Đại tự tại hộ trì, mặt có ba mắt, ba là Đà-đô có một ngàn bài tụng, chuyên công hiển chữ, như kinh trên (cũng như kinh trên là căn bản của Thanh minh) bốn là Tam-khí-la, là nghĩa hoang sơ, cứng cỏi, ý như mở mang điền mẫu, gồm có ba chương, mỗi chương đều có ngàn bài tụng (có ba thiên) rộng hiển bày thanh vận hợp thành thể chữ (như ở xứ này có bốn thanh như trắc, v.v..., là trước tiên của học) năm là Bí-lật-để-tôn-đát-la, tức là giải thích Tô-đát-la (có bốn thứ trên là chánh kinh, dưới đây đều là giải thích), trong đó diệu nhất có mười tám ngàn bài tụng, giải thích bản kinh đó (là giải thích bản kinh trên) là do Xà-da-điệt để đại học sĩ soạn, người ấy là đầu tiên của nước này (vào niên hiệu Trinh Quán vua Võ Đức thời Tiền Đường) đến Tây Vực chẳng học tập ở đây, với chỗ học đồ đó vậy! Trong đó còn có Bí-lật-để-tô-đát-la giải thích hai mươi bốn ngàn bài tụng, do học sĩ Bát-điên-tổ-la soạn đây lại hiển bày kinh trước (giải thích chánh kinh ở trước) lại có luận Ha-lợi-phạt-trí hai mươi lăm ngàn bài tụng, nói rộng về nhân sự thanh minh, hưng phế của các nhà, (như Thư sử ngày nay). Tức lấy người ấy làm con mắt của luận, tất cả sách này ở khu vực khác pháp tục thông học, mới đầu là có biết (dị vực tức các nước Tây Vực) luận sư ở phương kia, trước có Long Mãnh, Đề-bà (Long Mãnh tức là Long Thọ, con nhà Phạm Chí ở Nam Ấn-độ, soạn luận Đại Trí Độ gồm mười muôn bài tụng, Đề-bà người xứ Nam Ấn-độ, tài vượt mọi người, trong nước có đúc tượng trời Đại Tự Tại bằng vàng cao hai trượng, dùng pha-lê làm mắt, đề-bà đục lấy, mộng thấy thần đòi mắt, bèn đưa tay móc mắt trả lại, bèn khuyết một mắt, xin xuất gia với Long Mãnh, sau bị ngoại đạo giết chết, Mã Minh là thầy của Hiếp tôn giả, vốn là ngoại đạo, vì vua Nguyệt Thị nói pháp, ngựa rơi lệ hý buồn, lại có thuyết nói lúc chào đời các con ngựa đều kêu hý nên đặt tên là Mã Minh) kế có Vô Trước, Thiên Thân (người Bắc Ấn-độ, ra đời khoảng sau Phật diệt độ chín trăm năm) Tăng Hiền, Thanh Biện (Tăng Hiền còn gọi là Chúng hiền, Thanh Biện soạn luận Chưởng Trân, dùng hạt cải đánh hang Tu-la, đợi Di-lặc

ra đời mà hỏi nghĩa) gần đây thì có Trần-na, Hộ pháp, Pháp Xứng, Giới Hiền, Sư Tử Nguyệt, An Tuệ, Tuệ Hộ, Đức Quang (Giới hiền thì Pháp sư Huyền Trang thời Tiền Đường lúc đến Tây Vực còn gặp) không ai chẳng đầy đủ nội điển, ngoại điển, đại sĩ nói Mã Minh soạn ca từ Thái Tử Tô-đạt-noa (Thái Tử thích bố thí xả việc nam nữ ,v.v...) và thơ bản hành (nói về việc Phật thành đạo, v.v... cùng Phật ở sở hành tán, nay đều ở trong tạng) Long Thọ đem đại thư gửi Bà-đa-bà-hán-na nước Nam Ấn-độ, người ở xứ đó đều tụng vịnh (như văn tuyển của xứ này) lấy làm hoa mà điển, trong đó có Ma-đát-lý-chế-đà được Phật đã thọ ký trước rộng bày tán kinh. Mới đầu soạn bốn trăm bài tụng, tiếp theo soạn năm trăm bài tụng, Vô Trước và Thế Thân là những nhà tu từ ở Tây Vực, không ai chẳng khen ngợi cung kính, noi theo điều tốt đẹp (Luận ngữ chép: Toản (khoang đục) đó càng chắc, ngữa đó càng cao, tổ tập là noi theo thầy, là tổ tông, học tập) tại nước Thân-độc đó coi Bà-la-môn là trên hết, chẳng tính cùng ba chủng tộc (Bà-la-môn vốn là con cháu của Phạm Thiên, đức tôn vậy, Sát-đế-lợi chỉ là quý, nên đều chẳng bằng) vì thế có bốn sách Vi-đà, có tới mười muôn bài tụng (Một là A-do, Hán dịch là Phương Mạng, nghĩa là Y Phương, v.v... hai là Thù-dạ, nghĩa là Tế Tự, là sách vậy; ba là Bà-ma, nghĩa là lễ nghi mười tướng âm nhạc đấu pháp các sự ,v.v... bốn là A-đạt-bà nghĩa là chú thuật, v. v... đều do Phạm Thiên nói ra, đều truyền trao bằng miệng, chẳng viết ra trên da, hay lá bối (bảy tuổi đến cầu thầy, miệng tụng học, học thành làm thầy của nước nhà) ở nước ấy tương truyền rằng: Có học pháp thông minh: Một gọi là phúc thẩm sinh trí (nghĩa là suy tìm đạo lý, xem xét nghĩa vị) hai là hiển bày tự mẫu (từ chữ sinh chữ, từ tiếng sinh tiếng) an thần ở trong tuần tháng suy tư như suối vọt, nếu không có pháp này thì không lấy gì để tụng các lời như khơi bấn, xưa kia Phật-đà-da-xá, Cầu-na-bạt-na là hạng người đó, mới đầu Da-xá đến đất Tần, sắp bày việc phiên dịch, người Tần thử đó, đem trao sai Tịch Dược Phương và các sách, nội trong ba ngày đọc tụng xong, Cầu-na đọc tụng hơn trăm muôn lời, các vị Tam Tạng pháp sư ở các nơi, ít có vị nào chẳng đến, tại Hoa Hạ (Trung Hoa) từ dòng họ Toại nhân ngửa trông đầu cực để định phương danh (Phục Hy là thuần độn của dân, chỉ biết mẹ, chẳng biết cha, chỉ biết che trước chẳng biết che sau, đói thì cầu ăn, no thì bỏ thừa, Thái Hạo hàng phục giáo hóa, nên gọi là Phục Hy ngước nhìn thiên văn, cúi xét địa lý dể nói về phương vật) Bào Hy dùng đó để hoạ bát quái, tạo thư khế đến như ba phần năm điển tám sách chín khâu, đều là sách vở để lại của người xưa (Baphần là sách của Ba Hoàng, Năm Điển

là sách của Năm Đế, tám sách là sách về tám quái, chín khâu là chí của chín châu) như chỗ đọc của sở ỷ thị (thời Sở Linh Vương, tả sử ỷ tướng năng đọc Ba Phần Năm Điển Tám sách Chín Khâu) đến lúc Trọng Ni san thi định lễ nhạc, tán dịch đạo, tu Xuân Thu, dựng lại phong tục đã đổ hoại (nhà Chu từ thời U Lệ, theo hướng đông dời về lạc ấp, chư hầu chuyên đánh nhau, lễ nhạc đổ nát. Lỗ Ai công mười một tuổi, phu tử từ đất Vệ về lại đất Lỗ, mười bốn năm gặp được Kỳ Lân, bèn sửa Xuân Thu, san Thi, định Lễ, chấn chỉnh phong tục đã đỗ nát, nên có sáu kinh (Xuân Thu, Lễ Ký, Chu Dịch, Thượng Thư, Mao Thi, Nhạc Âm) nên Khổng Tử nói: Ôn nhu đôn hậu thi giáo (chẳng học thi không lấy gì để nói) sơ rộng biết xa là thư giáo (đạo của Chánh Vương nói) Quảng Bác dịch lương là nhạc giáo (tình của Hoà Dân, khiết tịnh tinh vi là dịch giáo (cùng lý tận tánh) cung kiệm trang kính là lễ giáo (an trên trị dân) thuộc từ tỷ sự là Xuân Thu giáo (chánh đạo của khen chê, sự loại gần nhau) Tả Thị Quốc Ngữ (Tả Thị Minh đem việc Xuân Thu chưa hết nghĩa đặt quốc ngữ để lấy lẫn nhau) Sử Ký của Mã Thiên (Tư Mã thiên bị tội giam trong nhà nuôi Tằm, nhân đó tu chỉnh Sử Ký cho đến thời Hán Võ gồm một trăm ba mươi quyển) từ thời Hán Nguỵ về sau đều có thư chí (Ban cố có Tiền Hán Thư một trăm hai mươi quyển, Tư Mã Bưu có hậu Hán Thư tám mươi quyển, Trần Thọ có Tam Quốc Chí ,v.v... sách vở các nước rất nhiều) gồm cả trăm họ đầy đủ nơi mục của Kim Mã Thạch Cừ (đều là phủ của sách Hán Tạng, lại gần đây, có kinh Tịch Chí, Tây Tề của họ Ngô, Đông Tề của họ Mẫu, đều thấy trong mục lục). Còn về khởi đầu của Văn Chương là Ca Ngu Tụng Ân, cho đến Chu Đức Hạ Suy thi nhân rất thạnh. Sau thi nhân thì Tao Tống Biến ở Phong Nhã (Tao là Khuất Nguyên, Tống là Tống Ngọc) đều là thi nhân của sáu nước. Cổ Mã Dương Ban dần biến ở Tao (Giả Nghị, Tư Mã Tương Như, Dương Hùng Bang Cố). Cho đến An Biến ở Giả Mã (thời Hán Hiến đế) Tấn Tống đã giáng, hàm thiều chẳng tiếp (Hàm thiều là nhạc của Nghiêu Thuấn) khoảng thời Tề Lương, văn vẻ nối nhau (Tỷ Ước, Lưu Hiệp, Nhậm Phưởng, Tạ An ,v.v...) sáu thư của Phương này (tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thành, chuyển chú, giả tá) định chỗ ra của văn tự, nên cùng Đại Triện thì chẳng mê lầm văn tự. Xứ kia có sáu thích (một là trì nghiệp, hai là y chủ, phân ra y sĩ, ba là tương vi, bốn là đái số, phân ra đồng y sĩ, năm là lân cận, sáu là hữu tài) nói về nhân của danh đề cho nên cùng tận thế ngữ, điển ngữ thì đối với danh đề hữu đắc (tất cả danh đề chân tục thế đế đều dùng sáu thích mà nhiếp, không gì chẳng biện nhận Tông chỉ ấy) ngoài Khương Tăng Hội, Chi Đạo Lâm, Trừng Thập,

Ân, Viễn, học trò của La-thập có bốn vị thánh (Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ) đời Lương có Tăng Hựu, đời Chu có Đạo An, đời Tùy có Ngạn Tông, đầu thời Tiền Đường có Tịnh, Tuyên, Lâm, Khái (Tuệ Tịnh, Đạo Tuyên, Pháp Lâm, Minh Khái) không ai chẳng suốt rành bản giáo, hiểu thấu kinh sử, nghiên cùng từ bút, đều chuyên việc soạn thuật, rất mực khuôn phép, tiếp nối (đều là những vị cao tăng dịch kinh trong khoảng niên hiệu Trinh Quán) Lễ nói: Nghe rộng biết nhiều mà nhường đôn, khéo hành mà chẳng biếng lười, gọi là Tăng quân tử. Chi Độn chú giải Thiên tiêu Dao của Trang Tử, khách như Hy Huyền đề cao thấu đạt, Tuệ Tịnh soạn Anh Hoa Tập (thi tập) các bậc văn vẻ ngợi ca soi xét, do vậy bày chánh trời người, chiết trung sư luật, văn trường pháp uyển, đời nào rộng hay, từng có vị khách nghe nghĩa thật tướng của Viễn Công qua lại thời gian đổi đời, càng thêm vị nghi ngờ, Viễn Công bèn dẫn nghĩa của Trang Tư làm liên loại, mọi người lầm hoặc mới ngộ, từ sau thời của An Công, nghe Viễn Công chẳng phế bỏ sách thế tục, khoảng niên hiệu Nguyên Gia đời Tống (Văn đế) ngày Tỵ (mồng ba tháng ba) xa giá đến Khúc thủy, bảo Tuệ Quán cùng các sĩ triều phú thi, Tuệ Quán ngay chỗ ngồi dâng trước, khoảng niên hiệu Kiến Đức thời Chu, Trần Chu Hoằng Chánh đến sính hỏi mưu đàm sĩ, Đàm Diên đầu tiên ứng đó (thời Võ đế nhà Chu) đại giá đích thân đến thích điện, Đàm Diên ngồi tại chiếu ép nâng, người trần trải áo, cúi đầu bái nghe (trải bày khăn áo đảnh lễ mà nghe) nhân dàn bày thi thơ gồm mười bày Giản Diên, Đàm Diên dùng vận đó đáp hoà, như đã tụng rành từ trước, kia mới đắp vẽ tượng Đàm Diên đưa về Trần (Chu đóng đô ở Trường An, Trần đóng đô ở Kim Lăng) sớm tối hướng về phương Bắc kính lễ, gọi là Bồ-tát Đàm Diên, phàm ở đời lấy dung từ đức hạnh khó dùng cầu đầy đủ nhân, khó nói khuyết chân, có thể gọi là rành rành khó cùng làm nhân (nhưng dung của Tử Trương, từ của Tử Trách, đức hạnh của Nhan Hồi mỗi có khác) Linh Dụ lúc mới xuất gia, thầy bảo tụng kinh, tay cầm quyển mà nói trước rằng: Tôi đối với ba Tạng cho, đến Nho giáo, rất mong thông hiểu, không để du chí đó (du là biến đổi) từ đó học toả anh tài đương thời người đời gọi là Bồ-tát Linh Dụ, Lương Võ lúc lớn tuổi, ban chiếu bãi bỏ đạo pháp (Hoằng Minh Tập chép: Lương Võ lúc đầu sùng đạo, đến niên hiệu thiên giám năm thứ hai bỏ đạo trở về Phật, có văn từ đầy đủ) xem thường cả Nho giáo, kia hoặc lo ngại người đắm sâu chẳng trở lại (bậc thánh khiến tập ngoại điển chỉ giúp biết đó, nhưng lo ngại thành rồi đắm mê đường tà) hoặc chánh mất cùng cực đó, số của sắp mất (nếu mất chánh thì mê lý). Hễ có ích đối

với sinh dân, Đại thánh chưa hề vất bỏ (giáo của Nho đạo đều lợi ích cho người, vì vậy giáo tôi chẳng hẳn trừ bỏ). Nên trong kinh nói: chẳng hoại tục đế mà kiến lập chân đế, hai giáo kia là hành của Nhân Trí cũng là quả báo của người trời, như thanh hư ít muốn nhân hiếu trung tín, đều là hạnh của trời, người, chỉ báo trả ở trời người là bậc thềm để vào cửa đạo, sao hẳn bỏ mà khinh thường đó? Bậc thánh chẳng riêng tư ở mình, đâu vì mình chẳng muốn mà thí thiên hạ ư? (Chẳng thể vì mình chẳng muốn mà khiến thiên hạ đều vất bỏ). Nay trọng Danh giáo, kia còn không thân sơ, trọng Lễ nhạc kia còn không có vua tôi, trọng luật lịch kia còn mờ nóng lạnh, trọng hình pháp kia còn loạn di điển (di là thường, tức điển pháp), trọng khiêm nhường kia còn khuôn tiếm cạnh, trọng đạo đức kia còn chuộng phù ngụy, huống chi thêm đó khiến người hai giáo sau hỗn độn như chim thú (nếu người chẳng học tập hai giáo thì nào khác chim thú) mà muốn đem vô sinh để dạy răn ư? (Nho đạo còn mờ tối, huống chi bày cho chân lý). Hễ muốn đẹp xinh đen vàng trước phải sạch trắng, muốn hợp đạo đức trước trải qua nhân nghĩa, nên đại thánh lưu lại giáo pháp đã hai ngàn năm, mà người Trung quốc vì trước có hư vô nhân trí của Khổng Lão, mà sau biết giáo pháp Tinh Chân. Hồi hướng sùng phụng là nhà nhà như mặt trời giáo pháp. (Hiếu Kinh nói: Chẳng phải nhà đến mà mặt trời thấy đó). Người của bốn Di, chẳng phải chỗ kịp của hai giáo, đến nay còn chẳng thể trai giới huống chi thần thức có thể dạo chơi trong Tám giải ư? (Tám giải thoát quán, tên gọi như trong có quán ngoài không sắc, v.v...) Nên Thích giáo nhờ hai giáo làm tiên khu (dẫn trước), mà Lão giáo nói tự nhiên là tên gọi tương tợ chân như. Nói muôn vật tự nhiên, nghĩa là đạo của tự nhiên cùng muôn vật là một (muôn vật là sự pháp hữu vi, tự nhiên chân lý vô vi. Sự pháp muôn vật cùng chân lý vô vi chẳng tức chẳng lìa vậy), chẳng phải muôn vật chẳng do nhân duyên (chẳng nói muôn vật chẳng từ nhân duyên mà sinh) gọi đó là Tự nhiên. Nay các người nói chưa đạt (hạng người dị chấp) mới hủy nghĩa nhân duyên của nội giáo, vọng phát huy lý tự nhiên, đây là Vực đồng kiến với cùng ngoại đạo ở Tây (như ngoại đạo Tự nhiên nói: Ai gai nhọn khắc họa cầm thú, ai đào sông biển cùng dòng ngòi, bão gió chợt nổi dậy, trở lại tự định muôn pháp phải biết đều tự nhiên) đâu gọi là hai hóa của Ca-diếp ư? (Kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh chép: Lão Tử là do Ca-diếp hóa thành) mà ở môn Thù Tứ lấy nhân làm chí hạnh chẳng phải đạo đức thì hẳn trước ở nhân. Nên tuy do vậy có thể khiến trị phú của ngàn thừa (phú của chư hầu, có thể khiến Tử Lộ trị. Đỏ cũng có thể khiến Thúc Đái lập ở Triều (Công Tây

Hoa có thể khiến làm quan Thông sứ lập triều cùng Tân khách nói). Sở Tử Văn không có sắc của Tam Tỵ (Sở Lịch Duẫn, họ Đấu, tên Cốc, tự Ô Thố, ba quan làm Lệnh Duẫn chẳng ưa thích, Tam Tỵ bỏ chức cũng chẳng giận. Chính của Lệnh Duẫn phải cáo với Lệnh Duẫn mới). Trần Văn Tử bỏ ngựa của mười thừa, tìm nhân xưng. (Trần Tu không, bấy giờ Thôi Trữ giết vua, Văn Tử bỏ bốn mươi con ngựa mà chạy ác). Chỗ Trọng Ni chẳng cùng (Khổng Tử đều nói: Chẳng biết nhân đó mà rõ Đạo nhân đó là khó). Kia nhân vậy là chung cả trăm hạnh, hiệp ở một đức (đức của chuyên một) chưa có chẳng lý do. Nhân mà rộng lớn. Tại năm xứ Ấn-độ gọi là Bồ-tát, ở chín châu gọi là người nhân. Bởi người năng từ tuệ, từ tuệ năng nhân, Bồ-tát là cực hạnh của hành nhân. Quân tử dần được môn đó. Nếu Lương Võ chẳng do hai giáo, đâu được làm quân tử Nho mà đến nơi Đại phương ư? (Phương là đạo, nếu nói Lương Võ chấp cục, thì đâu được gọi là quân tử Nho mà đến với Đại đạo?) Nay vì người luận hẳn bày thế của Tôn Ngô (Tôn Võ Ngô khởi đều là tướng tốt của sáu nước, đều có trước thuật Binh thư khéo giỏi đánh trận. Nay luận nghĩa là cùng địch leng keng, như thế đánh của Tôn Ngô). Người học giới hẳn dốc tiết của Nhan Liễu (Nhan Thúc Tử ở một mình, có thiếu nữ đang đêm mưa gió phòng sụp đổ tìm đến ngủ nhờ. Thúc Tử chống cự chẳng thôi, ra khỏi phòng khiến đó vào nhà. Liễu Hạ Tuệ họ Triển tên Ly, Thực ấp Liễu Hạ thụy là huệ, đêm lạnh vợ chẳng kịp Quốc môn, Liễu Hạ Tuệ đem áo che đắp, đến sáng mà đi, chẳng phạm lỗi hạnh của nam nữ chẳng hành). Hạng nương thiền hẳn mộ cao của Sào Do (Hứa Do Sào Phụ đều là cao sĩ đời vua Nghiêu, Nghiêu sắp thiền vị, ghét đó mà rửa tai ở ẩn, chẳng ra làm quan). Hạng duy trì thì nghĩ biến của Tề Lỗ. (Hạng gìn giữ giềng mối hẳn phải đổi thay giúp dẫn, như Tề một biến đến Lỗ, Lỗ một biến đến Đạo) nên trì ngoại giáo để cặp dụ, trông nội pháp để khơi chí, cũng ác có hại (ác là sao, mới đầu dùng ngoại giáo dẫn dắt, sau dùng nội giáo chỉ dạy cũng nào có hại). Leo cây là tranh cao, đào suối là tranh sâu. Chẳng có nhu trước sao làm dũng sau, chỉ họ Lương tuy rất tin, mà chẳng xét còn mất khi xưa, thức hằng sự đó (thức là dùng) chợt muốn đổi vật theo đạo để cùng tánh của vật, chẳng vui đông dã rốt cùng, ngự mà kết cục ở an lành (Nhan Hồi thấy Đông Dã cuối xe biết đó sẽ bại, vì ngựa đó chưa điều tốt, đã cưỡi thì quả nhiên xe hư mà ngựa tổn thương). Thường đọc văn dứt rượu thịt, từ quá hơn Phật, khinh thân vay pháp, việc hơn Đế vương (ba lần xả thân vào chùa, làm tôi tới cho chúng, bề tôi lo đủ trăm muôn tiền xin chuộc đó ở chúng tăng, im lặng mới trở về, tuy cúi mình làm tòa ngồi

cũng chưa hơn đây, đâu chắc như vậy!) Vả lại ban bảo ở Lỗ gấm lụa chẳng được có hình của cầm thú, mà ghét cắt rọc, khởi ý giết hại tổn thương, (sợ thương tổn Đạo Nhân thứ). Đây tuy được phương thuật của Dưỡng Hổ, mà cũng dè răn người có tâm giết hại (Mục Chánh Lượng ở thời Chu Tuyên Vương khéo nuôi dưỡng Hổ, lấy sinh vật của chẳng cho làm nhân giết đó mà tức giận, chẳng lấy toàn vật cho đó làm nát hoại mà tức giận. Đói no theo giờ, đạt tâm tha thứ đó chẳng nghịch ý đó, chẳng khiến nó mừng, mừng lại chắc chắn tức giận, tuy muốn dứt tâm giết hại mà vụt sinh niệm giết đó. The lụa vốn không có tướng giết, nay gượng khởi ý nghĩ giết, đây là từ không bày có, cũng là nghĩa dạy người có tâm giết hại). Tông miếu giao tế, dùng bún làm hy sinh, chẳng làm thì chẳng làm, sao lừa dối cha ông ư? Mà đều có mắc trái đó (lấy bún làm thịt thì thành lừa dối, chẳng làm thì lại mắc lỗi với cha ông). Ông do truy mà tiếp nối, chẳng xét gian si, thức bày khoe ngạo, đề trên khiếu đường Tố phủ, đặc biệt chẳng biết là dụ dịch đến cướp (nay có người tự đấm mặc nâu sồng đến hiển vinh, chẳng biện rành thiện ác, rỗng buông tuồng ngạo nghễ, mà lại gồm lấy việc của tổn bỏ Thượng giáo, đề rối ren trên tường vách vải chắn, có thể gọi là tự chuốc đến Bàn Cật (xưa, vào thời nhà Chu, Đạo An soạn luận Nhị Giáo, đời Tùy, Ngạn Tông soạn Luận Thông Cực. Buông tuồng tâm mắt, ra vào huyền áo, giả lập khách chủ, trước bày nạn ấy, sau mới giải thích. Đem thám trách dị đảng, chanh gai đường tà, làm pháp liệu thản (trước giả lập Dị tông, cật nạn bản giáo, sau mới trả lời, dự bị chỗ thấy của Dị Tông). Nhưng ở đời sau, Lý Trọng Khanh, v.v... được xuyên lủng đó làm trộm, ẩn chỗ thông đó, diễn chỗ khó đó, để chế luận mười dị, chín mê ,v.v... dối lừa chỗ kia chẳng biết đó (đều là hạng người tà kiến ở thời Tiền Đường, dùng sự học hỏi cạn cợt lừa dối, chẳng thấy luận của Đạo An, Ngạn Tông vậy). Tế Hủy từ đó, há chẳng phải hai kẻ mưu thuần mà lại gặm cắn (đều do hai ông soạn luận phòng ngại nhỏ nhiệm, lại gặp trộm đồ để kích nhau), đem an mà mua nguy, chỉ luận đây chưa xong. Tà nạn chưa dứt, phàm các bậc tiên vương dùng cân đấu bỏ trộm, mà người lấy đó ở trộm (đặt kiếm là ngầm vì giết giặc, nay giặc lại được lấy dùng) dùng binh khí để dứt giết hại, mà người lấy đó ở giết hại, nên chỗ phòng ngại vượt nhiều, chỗ vốn vượt xa. Ôi, khó thay! Nhưng giữ Bản giáo là chất phác thì có thừa, người gồm Dị học đua tranh thì có thừa, chẳng phải quân tử chẳng dùng nghiêm cẩn cùng cực (nếu giữ Bản tông, có thể tự chất phác, nhân tập học Dị tông, bèn nhiều cạnh tranh, như gồm cả Dị tông ngoại học mà khiêm cẩn, thì đáng gọi là Tăng quân tử), nên

các bậc Hiền triết nói: Học đó ở thân, như Nhĩ như Nhạc, phàm nhĩ (bánh bột) dùng giấm thịt muối mai. Tề mà khiến hòa. Tế mà chẳng kịp, tiết lộ lỗi đó, mà sau hưởng đó. Năm tạng trung bình (tế là thêm, tiết là bớt, đây là Tề Hầu cùng Lương Khâu chiếm cứ Đài Yến Thuyên. Yến Tử đối từ của Tề Hầu. Tả Truyện thứ hai mươi bốn văn có khác chút ít). Nhạc dùng kim thạch ty trúc vận đó khiến hài hòa (kim là chuông, thạch là khánh, ty là cầm sắt, trúc là tiêu, bầu là sinh tranh, thổ là viên, cánh là trống, mộc là chỉ ngữ gọi là tám âm), tiết sắp thừa sót, bấn chỗ dân đó (sau của năm tiếng, chẳng cho phép đàn, thì có nhiều tay tiếng dâm ,nên bấn tiết đó) mà sau nghe điều đó là Năm khí chánh (khí của năm hành). Nếu chuyên ở một vị một âm, thì ở vậy sao lấy. Xưa kia Tuệ Viễn soạn luận Sa-môn bất kính, chỉ muốn nêu lý mình mà chẳng hủy Nho đạo. Người đến ở nay nhân ban cho đó. Thời nhà Chu, Đạo An soạn luận Nhị Giáo, quên công chỉ lỗi, lời phát tâm đấu. Vũ văn thị lén nhìn, được đâm Hổ của Biện Trang Tử (xưa, Biện Trang Tử thấy hai con Hổ đấu nhau vì giành ăn. Sắp chết, người nhà can xin để xem nó đấu. Lớn thì sẽ bị thương, nhỏ thì sẽ chết, sau đâm đó có thể một phát mà được cả hai. Quả nhiên đúng vậy. Nay Đạo An cùng ngoại tông hủy nhau đều cùng cực dấu vết đó, Chu Võ được mà lén nhìn và dùng mưu đó), nhưng Đế Ung cậy oai (Ung là tên của Chu Võ. Đế lên ngôi vào niên hiệu Võ Thành năm thứ ba, đến niên hiệu kiến Đức năm thứ hai thì phế hủy Phật giáo, Đạo giáo, đến niên hiệu Đại Thành năm thứ nhất thì băng̀ . Hủy diệt từ năm Quý Tỵ đến năm Mậu Tuất), chẳng tin chẳng lắm ở Hoàn Huyền. Mà hoàn thì phục, Chu thì chống cự (Hoàn Huyền sắp khiến Tăng bái và sa thải trừ bỏ, Viễn Công dâng thư mới ngưng, lại soạn luận bất bái). Há chẳng vì tài thức sâu cạn mà có thể biết. Chỉ thời có kẻ chẳng học, tâm trí mù điếc, cậy ngu bạc đó như heo như dê, rất ngang trái chạy theo. Xem nơi trí nghề, lớn mặt mà cười đó, cho là dính mắc văn tự, sánh quá núi Đại, chưa nói là nặng (đó là hạng bình thường ngu tối cạn cợt như heo như dê, vụt lấy tập học văn tự làm quá hơn núi non). Các bậc Tiên thánh cho là Tăng bầy dê, chẳng quá lắm ư? (Kinh luật gọi là Tăng dê câm). Lại có kẻ cuồng quyến, vất bỏ Bản giáo, tạm xem phần tố, dạo diễn bên trong khi thường, như heo dính sình, sạch sẽ thì kỵ (cuồng quyến là dạo rảo mà chẳng trúng. Họ có từ Thân mến Đạo, cắt ái làm tăng, mà chẳng biết tự gắng tiến tu, toàn vất bỏ giáo điển, chuyên tâm tập học bên ngoài, ngâm vịnh phong tao, mà đối với bản giáo lại sinh khinh thường. Nên các bậc cao đức thấy vậy kỵ như vật dơ, cái gọi là cô phụ các bậc Tiên thánh, không ích

lợi cho đàn việt sắp đọa ba đường ác, tự chuốc lỗi ấy). Như các vị Tuệ Lâm, Tuệ Hưu đời Tống, (hai vị ấy đều là Thi Tăng ở Giang Biểu, đối với Đạo Đức thì không có. Tuệ Lâm từ học chóng nổi trội, làm chỗ thưởng thức của Thái Tổ (Thái Tổ là Lưu Dụ), thường lên ngồi một mình trên giường, Nhan Diên rất ghét tài đó, thán trách chẳng bằng lòng đó rằng: Đây là tòa của Tam đài, đâu thể khiến hạng hình thừa ở đó ư? Tuệ Lâm biếng lười khinh mạn, tự cho là hiền nhân. Thầy của Tuệ Lâm là Đạo Uyên là người có học hạnh, vua Văn Đế rất quý trọng, thường đến nhà Phó Lượng, Tuệ Lâm đang ngồi đó, Đạo Uyên đến mà chẳng đứng dậy kính lễ, Đạo Uyên đổi sắc mặt tức giận. Phó Lượng đánh Tuệ Lâm hai mươi roi. Sau soạn luận Hắc Bạch, so sánh sáu Độ và năm giáo đều thực hành, tin thuận và từ bi đều lập, trong đó tự có nhiều thương hủy. Hà Thừa Thiên cho rằng Tỳ-kheo Tuệ Lâm chóng sinh thấy lạ. Nhan Diên cho đó ở trong nhà mà dò xét đó khuyết lại làm trộm hại đạo pháp, làm sao đất có thể dung ư? Về sau phạm tội tại Giao Châu, tức giận mà chết. Nhưng Phó Công đó là phạt quân tử ư? Chẳng vì mình mến vui bạn đảng quá mà mất hình luật, thật là giáo của Trúc vật. Tiểu nhân thì không như vậy, cùng bề tôi đó mà trái ngược vua, khen ty tiện đó mà xem thường tôn quý. Vả lại, vui chỗ lợi của mình mà lại quên xấu xa lớn. Tuệ Lâm làm văn, danh trùm các vị thượng tài, mê đắm tửu sắc mà không nghi pháp (ở Thục có Sa-môn Khả Bằng cũng vậy, chết ở Nghịch Lữ mà thây bỏ nơi đồng hoang). Hiếu Võ vì hạnh ô uế Sa-môn bèn ban chiếu buộc hoàn tục, bổ nhậm làm Dương Châu văn học, theo việc mắc hoạn mà bất đắc chí, cuối cùng ở cú dung lệnh. Có Sa-môn Minh Giải, Thiên thập lầm thư đan thanh cho là tuyệt nghệ, thấy người hậu học mang cặp mà gọi là lừa con. Khoảng niên hiệu Hiển Khánh (đời vua Cao Tông thời Tiền Đường) chùa Tây Minh hoàn thành, ban chiếu khiến Linh Nhuận chọn người có đức hạnh ở đó. Các Quan liêu đề cử Minh Giải. Nhuận Công bảo: Công, v.v... là Quốc khí, Danh thần mở lời chẳng dễ thích nghi tâm, giới định tuệ học tăng trưởng ruộng phước, đâu chấp nhận nêu hạng họa sư rượu thịt để đáng Hồng Ký? Minh Giảng nghe vậy rất lấy làm oán hận, Vua ban chiếu trưng bày bốn khoa chẳng kể tăng tục, bèn ứng thí đỗ đạt, mừng vui nói: Nay được bỏ da lừa. Sau làm quan không thành, đói lạnh bị bệnh sắp chết, thấy mười người dị hình cầm đuốc cháy đỏ mà rước, là điềm chẳng lành. Nên lượng của tiểu nhân có nghề của quân tử, chưa hề chẳng điên lật bại nhục, thật trời ban cho chẳng lành. Đó như voi cuồng đốt đuôi (lấy bó lau buộc ở đuôi ngựa mà đốt, khiến nó chạy đạp kẻ địch, gọi là

toại tượng) giận gà giúp cánh (Quý Hậu ở gần chỗ đá gà, họ Quý dùng vàng tháp giúp cánh ga, họ Hậu dùng vàng làm khoảng cách hai nhà, nhân đó đánh nhau đến loạn lạc) chỉ thêm hại đó. Nên Dịch nói: Phụ lại cưỡi khiến cướp đến (Dịch giải quẻ sáu mươi ba hào từ, nói ở chẳng phải vị đó, giẫm chẳng phải chánh đó, cưỡi hai vác bốn để dung thân là giặc cướp đến, chỗ tự mình khiến nên). Nói tiểu nhân chẳng đáng có trộm nghĩ đoạt đó, chẳng phải riêng tài nghệ do đó, nhưng mạo cũng chưa từng chẳng vậy (chẳng phải tài đó mà có nghề đó là vì điên đảo, chẳng phải tài đó mà có mạo đó, cũng khiến điên đảo) nên Dương Hóa tượng Khổng Tử (bề tôi ở nhà họ Quý tại đất Lỗ tên là Dương Hóa dáng mạo tợ Khổng Tử mà hại họ Quý, vì làm loạn chạy ra khỏi đất Lỗ nên Khổng Tử từng đến Khuông, bị Khuông vây bắt, lầm nhận là Dương Hổ, vì Dương Hổ từng hung bạo đối với Khuông). Hạng Tịch như Đế Thuấn (Hạng Vũ. Thuấn mắt có hai con ngươi, Hạn Vũ mắt cũng có hai con ngươi) đều là văn độc trạng hổ, mà cuối cùng tàn mới thọ. Nay vì Thích mà chẳng dùng Đạo, chỉ dùng Nho học mà nghe kia, bởi cắt tóc một người tục, đó có thể khiến được trọn lâu dài ư? (Gần đây có vị thi tăng ở núi Vân Đảnh tên là Chiêu Phù khinh Phật hủy người, lao đầu xuống sông mà chết, ở Đông Xuyên có Sở Loan tự thắt cổ mà chết, Bình Ưng chết nơi nhà khách, Lãnh Nhiên bày đói đỏ đất mà chết. Quy Phù suốt năm ung nhọt, đều là những kẻ khinh mạn) xưa kia ở đời Tấn, Đạo Bảo sắp cạo tóc làm thơ rằng: "Mới biết nước muôn dặm, phát từ nguồn Lạm Thương". Thật là ý đạo chợt nhiên. Các hàng thức giả cảm lời đó mà khuyên tiến, đó là làm Văn Phu Đạo, Huề làm y, Đào Thổ làm khí (Đạo huề là ca sa, Đào thổ là bình bát). Khiến người mặc mà giữ gìn. Điềm nhiên vô vi, sau đó lấy kinh luật làm dây mực, lấy văn chương làm nhuận sắc, đó năng chẳng nghĩ dung phục mà thần phước gì ư? Thi nói: Duy Đề ở Lương, chẳng ướt cánh nó, kia con của nó, chẳng xứng y phục đó (Đề là chim Ô trạch, Lương là ngư Lương, nay chim trạch ở Lương mà ướt cánh nó là chưa nghe việc đó. Đây là Thi Bản Thứ Tào Cộng Khéo dùng tiểu nhân lên tước vị đó, chỉ sạch y phục đó vui chơi mà thôi, không có tâm trị nước, như Đề Ô ở tại Lương. Nay Thích Tử chẳng có tăng hạnh mà ở trong ruộng tăng cũng vậy). Tôi từng thấy các người xuất gia là đọc sách làm văn, chỉ biết tục tình mà chẳng biết gì ngoài khác, đến lúc mắc bệnh thở gằn, lệ tràn hoen my, oán lầm ngày trước, chừng đó tuy hối tiếc mà có thể đuổi kịp chăng? Thương thay! (Ở đất trải vàng, nhận ăn của Đàn việt, mặc áo của tín thí, mê đắm Phần Tố, chẳng việc tiến tu, tự cậy tài rộng, khinh thường hiền

thiện, miệt thị bản giáo, lấy làm bỏ vật. Đây là Tỳ-kheo tặc trú, một mai gió đuốc thổi đến, có thể chẳng bận rộn chăng?) Nhưng có ôm khí Lâm Lang, rọi dáng voi rồng, núi cao bụi trần đã rộng lại sáng, dốc chí ham học, mở sách tìm cầu những điều chưa nghe, chuyên thấm đượm tốt lành để sùng đức đó. Còn như quán sát Di Thúc nhường nước, được lòng nhân đó. Làng gọi là hơn mẹ, Tăng Tử không vào, được tâm hiếu đó (Tăng Sâm là người chí hiếu, hạnh thứ có hơn mẹ làng, Tăng Sâm ghét danh đó mà chẳng vào). Liễu Hạ Tuệ viện ở một mình được lòng trinh đó, Nhan Thúc Tử từ người nữ ở gần, được cẩn thận đó. Tôn Thúc Ngao tước càng cao, thân càng thấp hèn (thân làm Sở lệnh Duẫn mà thường khiêm nhường hạ mình), được phòng ác đó. Chánh Khảo Phụ ba lần bảo trốn tường (Chánh Khảo Phụ là Tổ của Trọng Ni, Tống Quân bảo một lần mà cúi, kế bảo mà khom lưng, bảo lần thứ ba leo tường mà chạy), Mạnh Chi trở lại chẳng đánh được nhường đó (Mạnh Chi tức Trắc, Lỗ và Tề đánh nhau, Lỗ bại, Mạnh Chi trở lại chạy mà điện sắp vào cửa nước, người trong nước nêu công đó, đánh ngựa đó bảo: Chẳng phải dám sau, ngựa chẳng tiến tới, chẳng muốn lấy công đó, nên nói được nhường đó). Liệt Ngự Khấu chẳng nhận thóc của Trịnh Tử Dương, được biết khó khăn (Liệt Ngự Khấu người đất Trịnh, nhà nghèo, có vị khách nói với Trịnh Tử Dương. Trịnh Tử Dương đưa thóc cấp cho, Liệt Tử kính bái mà chẳng nhận, người vợ thấy vậy vỗ tim bảo: Thiếp nghe vợ con của người có đạo đều được an vui, nay bị khó khổ đói khát, vua ban cho, tại sao tiên sinh không nhận? - Đáp: Vua chẳng tự biết, vì có người nói mới cho tôi, là tội của tôi. Về sau, quả nhiên Tử Dương gặp khó khăn) Viên Tinh Mục ói nhả thức ăn của Hồ Khâu Phụ, được ghét ác đó (Viên Tinh Mục đi xin ăn đến Hồ Khâu Phụ, Khâu Phụ chẳng dùng chén mà cho thức ăn. Tinh Mục ăn xong, hỏi: Ông là ai? - Đáp: Tôi là Khâu, người của Hồ Phụ. Hỏi: ngươi có phải trộm không? Bèn ói ra mà chết. Người của Hồ Khâu là trộm, ghét đồ bất nghĩa đó). Tạ An mừng giận chẳng lộ ra sắc mặt, được lượng đó (Tạ An, tự là An Thạch, làm tướng của Hiếu Võ Đế thời Đông Tấn, Phù Kiên dẫn trăm vạn chúng đánh Tấn, Tạ An cũng không sợ, Đế lúc Tạ Huyền, v.v... phá được đó, Tạ An cũng chẳng mừng vui. Thật đáng biết lượng). Vương Kính Chi từ Võ ở nhà cháy, được xem xét đó vậy (Võ, Bộ, Vương Nguyên Độ tự là Tử Kính, con của Tấn Hữu Quân, nhà đó bị cháy, Tử Kính áo mão thông dong mà đi ra). Đái Quỳ chẳng trống đàn nơi nhà Vương, được thanh cảnh đó (Đái Quỳ và Đái Ngung là hai anh em đều giỏi đánh đàn, cả hai đi dạo đến nhà họ Vương, có mời Đái Ngung trổi

trống đàn, Đái Ngung liền nổi trống, mời tới Đái Quỳ, Đái Quỳ bảo người Sứ rằng: Chỗ trống đàn của Quỳ tôi chẳng phải là lệnh nhân của nhà họ Vương, bèn đạp nát đàn trước mặt người sứ, tức sự hơn kém của hai Đái có thể biết). Họ năng châm chước một tốt lành ở tự thân để tỏa sáng ở cốt mục nát, huống chi gần đó ư? (Quân tử chóng mất nơi đời mà danh chẳng xưng, học như chẳng kịp còn sợ mất). Khổng Tử nói với Lỗ Ai Công rằng: Người có năm hạng, có người dung có người sĩ, có người quân tử, có người Hiền, có người Thánh. Người dung là tâm chẳng làm khuôn phép cẩn thận lúc sắp qua đời, miệng chẳng nhả lời cách huấn (cách là pháp, Tả Truyện nói: Tâm chẳng là nghĩa đức, thì kinh gọi là Ngu, miệng chẳng nói lời trung tín gọi ồn ào, chẳng chọn hiền, chẳng gá thân, chẳng lực hành để định chí, thấy nhỏ tối lớn mà chẳng biết mục đích, theo vật như dòng, mà chẳng biết chỗ chấp đó. Đây là người dung, người sĩ là tâm có chỗ định, tính có chỗ giữ, tuy chẳng năng tận đạo thuật, hẳn có suất (suất là thuật, là theo), tuy chẳng tốt lành khắp trăm thiện nhưng hẳn có xứ, cho nên trí chẳng chuyên nhưng nhiều hẳn xét chỗ biết đó, lời chẳng chuyên nhiều, hẳn xét chỗ gọi là, hành chẳng chuyên nhiều nhưng hẳn xét chỗ do đó. Trí đã biết, lời đã nói, hành đã do, thì như tánh mạng, hình hài chẳng thể thay đổi. Giàu sang chẳng đủ để ích lợi, nghèo hèn chẳng đủ để tổn hại, đây là người sĩ. Người quân tử là nói hẳn trung tín mà tâm chẳng vọng (không có tâm dối vọng). Nhân nghĩa ở thân mà sắc không đánh (không tự kiêu), tư lự thông minh mà từ chẳng chuyên, dốc hành tin đạo mà tự cố gắng chẳng nghỉ, dầu đèn như sắp có thể vượt mà chẳng bao giờ kịp. Đây là người quân tử. (Dầu đốt là dáng chẳng tiến, Việt là vượt qua, quân tử tuy năng làm đáng quý, đáng tin dùng mà chẳng thể khiến cho quý mình, tin mình, dùng mình. Vì vậy, xấu hổ chẳng tin, chẳng xấu hổ chẳng thấy tin, xấu hổ chẳng hay, chẳng xấu hổ chẳng thấy dùng, chẳng dụ ở ngợi khen chẳng oán phỉ báng, dẫn đạo mà hành). Người hiền là, đức chẳng vượt qua nhàn (nhàn là pháp). Hành trúng dây thước, nói đủ pháp với thiên hạ mà chẳng thương tổn ở thân, đạo đủ giáo hóa trăm họ mà chẳng thương tổn ở gốc (nói khắp thiên hạ mà không lỗi miệng, hành khắp thiên hạ mà không oán ác), giàu thì thiên hạ không uyển tài (ngấn dài kinh gọi là uyển tài uyển tích, nay có nương oán thiên hạ mà không oán ác, gọi là dùng nghĩa được). Thí thì thiên hạ chẳng bệnh nghèo (bệnh là hoạn), đây là người Hiền, Bậc Thánh là đức hợp trời đất, biến chung vô phương, cùng thỉ chung của muôn sự, hợp tự nhiên của thứ phẩm, bày Đại đạo đó mà bèn thành tình tánh, sáng đồng trời trăng, hóa hành như

thần. Hạ dân chẳng biết đức, trông thấy chẳng gần (trăm họ dùng thường ngày mà chẳng biết). Đây là bậc Thánh. Công nói: Lành thay! Ông chẳng phải là hiền thì quả nhân tôi chẳng nghe lời này. Nay năm hạng người này làm Tăng của năm nghi, thật ra đều chẳng trái gốc. Nếu khiến cắt rọc Tôn ty đó, mài gọt tình tháo đó, bỏ đây lấy kia, đổi người dùng làm Sĩ Quân Tử, đổi Sĩ Quân Tử làm Hiền thánh, thì Tăng của thiên hạ đều là Cao tăng. Nên tượng của đẽo đá khắc cây khuôn vàng. Đá thì đá, cây thì cây, vàng thì vàng. Chẳng phải biến hóa thì chẳng thể đổi gốc thái đó, mà người có sinh mà biết, có học mà biết. Chỉ có biết thì chẳng khó ở chuyển đổi (đổi dung thành trí, đổi phàm thành thánh), chỗ khó đó là do chẳng biết. Ở đời cho rằng Bàn-đặc chẳng học mà chẳng gọi đó là vô đạo (bình sinh chỉ tụng nửa bài kệ mà đắc quả Thánh. Kệ tụng là: Giữ miệng nhiếp ý thân chớ phạm, hành như thế là được độ). Thiện Tinh học rộng mà chẳng gọi là lập một đức (Tỳ-kheo Thiện Tinh vốn họ Thích, thông minh dối làm quỷ Bạc-câu-la để dọa cho Phật sợ hãi mà đọa vào địa ngục) ấy là chẳng đạt. Bàn-đặc là bậc Thánh, Thiện Tinh là người dung, Bàn-đặc chẳng học mà sinh biết, Thiện Tinh tuy học mà chẳng biết. Nếu khiến Bàn-đặc không sinh biết thì chẳng phải thánh, Thiện Tinh có học biết thì chuyển thiện. Sinh ra đã biết, thì ngàn năm không có một người, học mà biết thì đầy khắp thiên hạ. Nếu lấy một của ngàn năm nói phế bỏ ở thiên hạ là, chẳng phải chí của bậc Thánh, huống chi học để giúp sinh ra đã biết. Nếu vàng đó có lệ (lệ là mài, tánh vàng tuy bén mà nhờ ở mài). Thuyền đó có tiếp (tiếp là mái chèo, Thượng Thư nói: Như Tế xuyên dùng ngươi làm thuyền chèo) chỉ lợi và nhanh, vật chẳng thể thêm. Xưa, Trọng Ni nói: Quân tử chẳng thể chẳng học, Tử Lộ nói: Ở Nam Sơn có loại trúc chẳng mềm mà tự thẳng, chặt mà dùng bắn, thấu nơi da tê, lấy đó mà nói học để làm gì? Khổng Tử bảo: Buộc mà vẫy, bịt mà gắng, nó vào há chẳng càng sâu ư? (Nhân bịt vẫy mà càng sâu). Tử Lộ kính bái nói: Nên cây do dây mà thẳng, đất tự nước mà bằng. Vua dùng người vật, chưa có ai chẳng học mà tự đạt đến kỳ công biết đạo. Người chẳng học, đó giống như bức tường (không thấy gì), người học rộng chẳng ra khỏi cửa mà biết khắp thiên hạ, mới đầu tôi nghe nói, tâm còn ở thân xem thường đó, đối với chỗ không học thật như che mắt, với chỗ biết xa thật chẳng do chân. Nên vực của có sinh (vực là sườn bờ) quý ở có học đã học, quý ở biết và đã biết, thì kính mến soi chiếu rộng của Đại giác, thành có ngày của biết khắp, nên ngày qua tháng lại còn sợ mất, Phật đà khẳng khái, trọng thư dưới màn, tiếc thời gian bóng chẳng trở lại

(Huân Trọng Thư đọc sách ba năm dưới trướng, chẳng nhìn vườn rau, Phật-đà như trên đã chú thích). Xưa kia, Hoàng Bá (là Tướng đời Hán) cùng Hạ Hầu Thắng đồng ở dưới ngục. Bá muốn theo Thắng học kinh, Thắng từ chối vì bị tội sắp chết. Bá nói: Sáng nghe đạo, tối chết cũng thỏa mãn. Thắng gọi là Hiền bởi lời nói đó, bèn nhận đó lại đổi thay, giảng đọc chẳng biếng lười (Hán Chiêu Đế sắp bàn nghị lập miếu Võ Đế làm Thế Tông. Thắng tấu Võ Đế xa xỉ giết hại chẳng nên lập miếu, bèn bị tội hủy báng Tiên vương, cùng Hoàng Bá đồng bị bắt, Bá bèn cầu theo học. Được tha đều khỏi). Thường Đề cầu pháp với Pháp Dõng, (Bồ-tát Thường Đề nói ở kinh Bát-nhã) dùng hài cốt đặt hương hoa, gồm đợi ở cửa cung, suốt bảy năm, có chỗ nghe khác. Ở tôi thì ít chí, thật học mà biết, chẳng đủ giáo biết. Khốn đó nơm nớm khẩn cần thẹn luống qua đời nay (từ đây trở xuống, là Bắc Sơn tự thuật). Có soạn Họ Thị niên chí, Biên niên tự sự chuyên thành rừng chầm (Niên Chí ba mươi quyển, lại soạn Pháp Hoa Huyền Tiên mười quyển, Nhị Chúng Sơ Học Nghi Luật Tân Sớ Yếu Quyết, mười quyển, Thức Tâm Trừng Quán Câu-xá v.v... luận sao tất cả hơn trăm quyển). Lời của một nhà Bỉ dã, Kinh Bộ ấp khấu loạn mà mất. Bỉ vì học không thầy cố định, bèn hiểu rõ chỉ thú của ba giáo tham huyền, chọn lọc mà ghi chép, đến tuổi già thần nhọc, chẳng cùng tận chỗ chí muốn mà có bảo với chúng tôi rằng: Trời trăng đã qua, già suy đã đến. Cái thích văn tự ư? (Cái là sao chẳng, thích là buông bỏ), tôi hoãn nhĩ mà cười (hoãn nhĩ là dáng cười) nói: Điều ấy tôi chẳng biết. Nay tôi tự muốn thật nghĩa của phục tinh, đâu từng tính lợi mà tiến, độ xỉ mà phế ư (xỉ là tuổi). Bỏ học mà thần rỗng, thì khéo có sự bổ ích, chẳng thì nghe lời ồn náo, không như tụng lời làm ưu (Thính ngôn là lời trần tục, nhọc làm huyên náo. Tụng ngôn là lời của Điển nhã, nghe nơi kinh tế, ưu là thắng). Nhưng Pháp Hoa thật gần gũi (kinh Pháp Hoa chẳng chấp nhận gần gũi văn bút thế tục, chữ nghĩa ngoại đạo), Hoa Nghiêm trách người học rộng, vì sợ phong chỗ ưa thích (phong là dính mắc). Kín bày ngăn ngại đó gọi là chẳng vậy: Là đồng tử Thiện Tài kia trải qua một trăm mười thành quách làm gì.

■

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 10

XVI. NGOẠI TÍN

(Nói về Phật giáo đối với ngoại tông có người tin, có người chẳng tin)

Phía Tây của Đại Hoang (Vương Kỳ của Thiên tử cách năm trăm dặm là Điện phục, năm trăm dặm nữa là Hầu phục, năm trăm dặm nữa là Hooãn phục, năm trăm dặm nữa là Yếu phục, năm trăm dặm nữa là Hoang phục. Hoang phục cách chốn kinh đô hai ngàn năm trăm dặm, ngay chỉ ngoài Đại hoang, cảnh vực ở cực Tây), Thân-độc khác phong (tức phong hóa của trời Tây, có khác với Trung hoa). Lúc đầu thời Thái cổ, chí Thánh chưa sinh (cái gọi là Như lai) có tiên ngoại đạo, làm đầu Tông giáo ở đời, thì Tăng-già vệ thế (thời đầu có ngoại đạo Tăng-già lập nghĩa hai mươi lăm đế, ngoại đạo Vệ Thế nói sáu cú nghĩa, v.v...) khoảng giữa thì Lục sư (một là Bất-lan Ca-diếp, hai là A-di-mãn, ba là Cù-da-lũ, bốn là Ba-hưu-ky, năm là Tiên-tỷ-lô trì, sáu là Ni-kiền-tử), về sau thì có đến chín mươi lăm thứ (tức là ngoại đạo Uẩn lìa Uẩn chấp ngã v.v...), trông cao núi chầm, mưu kinh địch của ta, sắp nguy hại chánh pháp, tiến thực Huyền lư, xâm lấn cảnh chân, chặt phá cầu thuyền, tuy giúp đó nhiều, chẳng bằng tôi ít. Vì vậy, Xá-lợi-phất một nêu nhọc độ sai hết ốm (đàn là hết, tức ngoại đạo Thắng Luận, vì Tiên này thân hình xấu xí nên ban đêm ra ngoài khất thực, gọi là Hưu Lưu, vì Ngũ Đảnh Tử lập sáu cú nghĩa, sau hóa thành đá, bị Bồ-tát Trần Na phá, một tiếng gầm mà đá nát vụn) nên lấy thẳng đánh loạn, miệt có chẳng tế, chỉ mạn lũy đã cao, mác tà khó rạp, rừng rậm thổi nhóm, bến mê đông vào, khiến cho biển khổ sóng cả vỗ tràn không ngằn mé, đường hiểm lữu chước, dệt cùng chẳng ký (chước là khí cụ bắn chim, lữu là dùng cụ bắt cá, ký là đốn là nói người tu hành chẳng đến). Bậc Thánh lấy đó làm bệnh, quần sinh vì đó trọn thương. Ôi! Sao chẳng như thế? Từ phía Tây Bạch mã Phạm văn đưa đến cống lạc (niên hiệu Vinh Bình thứ mười đời vua Minh Đế thời Hậu Hán, Ca-diếp Ma-đằng cùng Trúc-Pháp-Lan dùng

Bạch mã chở kinh tượng đến đất Lạc), tin hủy thay nhau thổi bùng, vua tôi bất nhất (bấy giờ, ở Ngũ Nhạc, Đạo sĩ Chữ Thiện Tín v.v... cầu tỷ thí, thiêu đốt kinh tượng). Vả lại, màu mỡ của vực xa, chín phục gọi là Hoang biểu, tục của Đoài Phương, bốn biển ngấm làm người nhung (chín phục là chín châu, Đoài Phương là Tây quốc), mà kia lại cho rằng Trung quốc phong lược làm Nho bang, vùng ven phía Đông Thông lãnh là biên duệ. Tình người đều xem trọng nơi họ ở, mà khi ngạo đối với bang khác, đều nói Phật sao chẳng sinh tại Trung quốc (người Chấn Đán tự cho đất này là nước trung tâm). Tương truyền nói: Tại Trung thiên ngày Hạ chí, lường ảnh mà hết phô bày (ngày Hạ chí ở Trung Ấn-độ Tây thiên, tàn cây giữa ngày không bóng, bởi được giữa ngày của Diêm-phù đi chánh ở trên, nên kia xưng là trung tâm. Ở xứ này tuy Thiệu Bá tương trạch Chu Công đến dựng (bản đô của nhà Chu ở Cao Kinh, Thiệu Công tương trạch ở giáp nhục, chu Công đến thành chu tạo dựng, nay là Lạc kinh), mà Chu Lễ nói: Chức Đại Tư đồ cảnh của Nhật chí một thước năm tấc (Lạc Kinh tuy là trung tâm của Chấn Đán, giờ ngọ ngày Hạ chí, tàn cây còn có cảnh dài một thước năm tấc, thì riêng địa phương khác càng nhiều), gọi đất đó là chỗ hợp của giữa đất trời, chỗ giao của bốn mùa, chỗ hội của gió mưa, chỗ hòa của âm dương. Trăm vật gò an, mới xây dựng vương Quốc. Nay ở huyện Dương Thành, Hà Nam được là giữa của Trung Hạ mà bóng lại có thừa. Đó chẳng tại Dương thành thì lại quá một thước năm tấc, mà trời cao ngàn dặm dưới đất một tấc. Nên đây, ngoài Tây Vực cả ngàn dặm, lại Nhung hạ làm bang, xưa nay đâu nhất định, y lạc hóa thì làm Nhung (Tả truyện chép: Có Nhung của Y Lạc, lại có đánh Nhung của Lục Hồn, đều ở tại Lạc), Ngô Việt biến đổi mà làm Hạ (Ngô Việt vốn là Di, mà Công tiễn phu sai đều làm bá chủ Trung Quốc), nên chí thánh nương theo thời, vốn chẳng hạn cục phương tục, chỉ lấy Đại thiên Diêm-phù làm nội địa, đáng ở đây thì ở đây, đáng ở kia thì ở kia, đâu vì văn võ chẳng ở tại Lạc thì chẳng phải vua của thiên hạ ư? (Văn Vương ở Tây Nhung, Võ Vương ở Kỳ Hạ) mà Tây Vực thời Không Luân Vương, chia thiên hạ làm bốn chủ: Đông lấy người làm chủ, chánh do lễ nhạc phát xuất từ xứ này. Nhân nghĩa trùm cả tám hoang, gọi là trung chẳng phải do đất. Thời Tống, Hà Thừa Thiên hỏi Tuệ Nghiêm rằng: Nước Phật dùng lịch gì? Tuệ Nghiêm đáp: Ở kia, ngày Hạ chí ở giữa không có bóng. Ngũ hành chuộng thổ đức, tám tấc là một thước, một lượng đáng xứ này mười hai lượng, kiến thìn làm đầu năm (Tuệ Nghiêm đích thân đến Tây thiên trở về nên hiểu rõ việc này) và xét hạch phân chí (xuân thu phân, đông hạ

chí). Bạc thực tú độ a hành âm dương mới lấy làm vậy, chỉ vì các vị Tam Tạng Pháp sư từ Tây Vực đến vượt biển trùng dịch, trải qua lắm hiểm nạn, khinh thường trăm chết mà đạt đến một sống, đã đến mà chẳng biết làng nước ở đâu. Hẳn đáng buồn vậy, phiên dịch chỗ đó, so lại với điển của Hoàn Trung đã trái, xem nghe càng ngược, muốn khiến kẻ chứa chất mù tối, trái phong chẳng phải thảo, đi ngược nước thấy bờ chạy, chỉ thêm tức giận, thật lại khó (vì các Pháp sư phiên dịch đến đã xa vời, chẳng thấu đạt ngôn ngữ của xứ này, đến nỗi khiến Từ có chất phác mà văn chẳng trôi chảy hoa mỹ, như kinh do An Thế Cao dịch, v.v... người chẳng rõ, nghịch bèn trái nhau, càng thêm sự báng bổ, thì là chưa thể). Ủng môn Chu Thừa Mạnh Thường tao tiết thê cảm làm trống đàn đó, đàn một trổi mà nước mắt tuôn rơi, chẳng biết chỗ cùng cực. Ung Môn là đất Tề, Mạnh Thường là Điền Văn con của Tề Công, Chu Thừa làm trống đàn, đàn trỗi mà lệ chẳng thể ngưng rơi) những kẻ tà ngu nhân cơ hội Vương hầu nghi ngờ mỏng manh. Vì đó thổi bùng, hễ mở miệng thì chê trách phỉ báng dao động. Chẳng phải ta vậy (đây là nói về những kẻ khinh hủy tôn giáo, nhân làm quan của thời chính, đối với giáo tôi có sự nghi ngờ, nhân khiến cổ vũ ở miệng lưỡi để hủy báng, đến nỗi khiến tâm các vị Vương hầu xoay lại mà tin), là vì nhờ kia vị trọng tài lớn, lời nói và việc làm là chỗ y cứ của chúng sanh, hành làm thời hiến (Phật pháp giao cho vua tôi, phàm kẻ tại viên quan tài học, nhờ để hộ trì, chỗ ở Tam bảo rất nên viên phụng, quý tài lớn vị trọng đó để hoằng hộ Tông giáo. Chuẩn là dây, hiến là pháp). Thuận là dụ dịch, trái thì kích bác (dịch là dẫn dắt, người tin thuận thì vỗ vai mà dẫn, người chẳng tin thì kích bác mà trách) khiến người yếu biết chỗ về, ăn dâu mà tiếng tốt (Hoàng oanh ăn dâu mà tiếng hay, như nghe pháp mà kính tin) là Phật pháp được bền chắc của thành vàng hồ thang (nhờ Tôn Quan làm ngoại hộ thì Phật pháp có sự bền chắc của Thành hồ), mà công kích thì không gì chẳng bại, như luật mất thầy (Nếu có ngoại đảng công kích, không gì chẳng tự nhiên mà sụp bại). Cái khó của họ Thích mà họ Thích chẳng trái đó, là sao (người ngoài hỏi có nạn giáo của họ Thích, mà dẫn giáo của họ Thích đáp đó, mà chẳng thể trái lánh khó đó là có nguyên do gì?) Thí như Âm Khiên ở mùa, mặt trời soi rọi. Dương Khiên ở mùa, mưa lớn đổ xuống(mưa lâu là mất mùa của âm, thì phải quang tạnh mới giải nắng hạn lâu, mất mà của Dương thì phải mưa ngọt mới giải đó). Nếu âm giúp ở âm, Dương giúp ở Dương, thì nước của chín năm hạn của bảy năm chưa đủ nhiều (Nghiêu có nước chín năm Thang có hạn bảy năm). Nên các bậc Hiền Đức xưa kia không vị sao oai,

không thưởng làm sao có vui, không giải thích làm sao tin, chỗ đó đáp chống, phần nhiều lấy Thích giáo làm chứng, trái lại nhờ y cứ đó (đáp nạn nếu chuyên dẫn giáo mình làm chứng như dùng âm giúp âm,

Âm giúp âm, dùng dương giúp dương) vì vậy di khéo lắng tĩnh bạo lại mê thủ loạn, dẹp bỏ biện luôn của Công Phủ Long (di là bình, thủ loạn là lấy làm hơn, Công Tôn Long là người đất Triệu, Ngu hương từ dùng Hàm Đan xin phong Bình Nguyên. Long dùng biện nhanh chóng can ngăn mà dừng, người sau nói: Long có biện luận của Bạch Mã,) dứt hủy của họ Thúc Tôn. Thúc Tôn Võ Thúc hủy báng Trọng Ni, Tử Cống nói: Phu tử chẳng thể hủy, hiền của người khác là khâu lăng, hiền của phu tử là trời trăng, chẳng thể được vượt qua) tuy có phương bào chẳng như phục miện (phục miện là Nho sĩ có người hủy phu tử thì có khả năng đối đáp. Đâu thể Thích tử phương bào gặp người hủy thầy mà không đối đáp được, có thể chẳng xấu hổ ư? Hẳn nhờ ở học, phương bào là áo ca-sa) xưa kia Hà Thừa Thiên soạn luận Đạt Tánh, Nhan Diên bắt bẻ, đồng thời có Nhan quang lộc là triều sĩ đời Tống, có Văn Thường ưa uống rượu) Phạm chuẩn tạo nghĩa hình thần diệt, thẩm Ước chất vấn (đều là hiền sĩ đời Lương, văn ở trong Hoằng Minh tập) nên sài lang chẳng phải sư tử thì chẳng chế phục được rắn heo chẳng phải Mạc-da thì chẳng dứt, mà kinh gọi là người ngoài viện triển như (triển là viện, giả tín tâm làm ngoài trao, xét như ở đây) thì chẳng mất danh. Than ôi! Có trời đất, có sinh thành, có người tin, có người chẳng tin vậy (đã trời đất tạo hóa thì có muôn vật nhân luân, bèn trong nhân luân có người tin có kẻ chẳng tin, vì tình chẳng đồng). Tin đó như Hán Hiển Tông (tức Minh Đế, chúa thứ hai thời hậu Hán) Pho Võ Trọng (tức Phó Hựu) Ngô Đại Đế (tức Tôn Quyền) Chi và Hám (Chi Khiêm và Hám Dịch) Đông Tấn đến lúc thọ chung đến Vương mông, Hy Siêu, Hứa Tuân, Tạ Thượng, v.v... Tống Văn Minh, đến tông Vương, Hà Nhan, v.v... Nguỵ Tông Cung, Nam Tề Lưu Cầu, Lương vua tôi đào ẩn cư (Đào Cảnh Thuần, tự là Ẩn Cư, hiệu là Trinh Bạch tiên chủ) Nhan chi thôi đời Bắc Tề (đây đều là những người tin sâu) chẳng tin, như Tấn Thái Mô (tự là Đạo Minh, thời Đông Tấn, Đông đế bảo làm bài tụng tán Phật, kiên quyết chẳng theo, bèn nói phỉ báng Phật, dưới sân an ủy khỏi làm thứ dân) Nguỵ Triệu Vương Độ, Tống Chu Lãng, Ngu Nguyện, Nguỵ Trương Phổ Tế, Lý Dương, Dương Huyễn Chi, Tề Lưu Trú, Lương Tuần Tế (đây là những kẻ thật tâm hủy giáo chẳng tin) Phàm tin là lắng một tâm soi cùng muôn hóa, hoặc chưa sót chỗ còn, phải báo cầu thí, trọng lý nhân duyên, dốc tâm kinh giới, lùi tàn khốc không nạp hoàng, tiến tốt

đẹp đặt hàm quang (hoàng là khang, như đặt nơi khang) chẳng tin là: thần dụng chẳng phải hư, biết thô nghĩa đục, hoặc ghét cờ tháp cao phí, pháp tịch rộng sâu, tăng ở sảng khải (sảng khải là cao sạch) pháp đồ quý lớn, sư giận của mình (sư là buông) trái với lời của Dương, ngựa chạy chẳng kịp lưới, vùi lấp đảng tà. Buồn thay! Nhưng có hơn người tin là như Tề Văn Tuệ Thái Tử Cánh Lăng Vương, Lương cao tổ, Trần Văn Đế Tuyên. Ngụy Văn thành, Hiến văn, Hiến Văn, Tế Cao Dương (tức Bắc tề, ở đây nói các người tin, v.v... đều thấy ở Hoằng minh tập). Hoặc mở diễn kệ vàng, hoặc xả bỏ ngôi báu, hoặc cho dân vào đạo, hoặc dốc của nước xây chùa (Nay Đại Tống đây, hoàng đế tạo Đại tạng kinh bằng chữ vàng chữ bạc mấy tạng, khắc tạng kinh ấn hơn mười ba vạn bản, nâng cấp chùa viện trong thiên hạ, mỗi năm từ Bộ ban Diệp độ tăng hơn tám ngàn vị. Thái Tông mới lên ngôi độ thiên hạ hệ trướng đồng tử xuất gia). Đó có quá ở chẳng tin là, như Thác Bạt (Ngụy Võ Đào), Vũ Văn (Chu Võ), Thôi Hạo (hậu Ngụy), Phó Dịch (đầu thời Tiền Đường) vì tai hoạ ương nghiệt nắng hạn sao chổi. Họ có Quân chủ bàn nghị và sa thải. Đây thật sạch sẽ tốt đẹp, chẳng phải của kẻ chẳng tin. Xưa kia, Hoàn Huyền giáo nói (giáo là lệnh): Sa-môn có năng bày thuật kinh cáo, giảng nói nghĩa lý, giới cấm tu chỉnh, đủ đề tuyên nghi đại hóa. Đó có trái với đây là, hẳn khiến bải đạo, Viễn Công giữ thư nói với Hoàn Công là: Phật giáo bị lấn lướt, uế tạp lâu ngày, mỗi ngày một tìm đến, ôm hận đầy lòng, thường sợ vận ra chẳng phải ý, luân tư gần kịp (Luân tư là dần thấm). Trộm thấy thanh trừng các đạo nhân giáo thật ứng bản tâm. Phàm, kinh do vị phân, thì đục trong khác thế, cong do thẳng chánh, thì bất nhân tự xa, mạng lệnh đây đã hành thì hai lý đó được, sau đó khiến các kẻ ngụy sức dứt mượn đường của đạo. Người ôm chân không phụ ghét ganh của tục. Đạo tục giao thông. Tam bảo lại hưng thạnh (xưa sa thải gồm có hai ý: Một là vì sùng trọng giáo môn, ghét sự thâu lạm đó. Nên trừng thải gian ngoa, chuyên khiến thanh tịnh. Tống Thế Tổ, Vương Độ, Nhan Viên Thi, Chu Lãng, Ngu Nguyện, Trương Khổ Tuệ, Lý Dương, Vệ Nguyên Tung, Cố Quán, Na Tử Tài, Cao Đạo Nhượng, Lô Tư Đạo, trong đời Cao tổ thời Tiền Đường có hai mươi bốn vị. Hai là vi ghét ganh xương hiển nguy thân cấp oán, nên phải trừ dẹp để thỏa sướng cõi lòng, Nguỵ Thái Tổ, Chu Cao Tổ, Thái Mộ, Lưu Trú, Dương Huyễn Chi, Tuân Tế Chương, Cừu Vu Đà, Lưu Tuệ Lâm, Phạm Duẩn, Phó Dịch, Vương Văn Đồng mười một người, thật tâm hủy diệt) Huyền giáo do đó chẳng bằng Lô Sơn, phàm huyết thai ăn hạt là; tin và chẳng tin đâu có hai, chỉ người hủy bỏ chánh khí

của năm tài, hẳn gìn giữ ở chánh tánh chánh mạng (Bậc hiền là bẩm thụ thanh khí của Năm hành) khắc soi mậu hành (rõ được hạnh của khuyên gắng) đó nhờ ở ruộng phước, nên mới tin. Bẩm khí lạnh hẹp hòi quá khứ (phức là ngang ngạnh) diệt mất lý trời, đó nhờ họa mất nên chẳng kính tin. Nếu khiến Đường Ngu Nguyên Khải, Hạ Ân Y Phó (Đường Ngu là Nghiêu Thuấn, Nguyên Khải là mười sáu tướng, Hạ là Võ, Ân là Thang, Y Duẩn truyền thuyết) mười loạn của Chu (loạn là trị, Thái Công, Chu Công, Triệu Công, Tất Công, Nam Công đánh mất nên Sinh Thái điên, Diên Thiên Văn mẫu mười) ba kiệt của Hán (Trương Lương, Tiêu Hà, Hàn Tín) ngước nhìn Kim Dung, cúi nghe ngọc trụ thì chưa từng chẳng tin, dấy nói động của năm bên trong, các hữu kia sao như vậy, bởi làm thiện chỉ ngày chẳng đủ (các vị này tuy chưa gặp thánh giáo, nếu gặp thì tâm rất kính tin) nếu khiến Kiệt Trụ Trang, Chích, Dương Hóa, Tử Tạng thấy mà như mù, nghe mà như điếc (là Kiệt hạ, là trụ ân), Trang Kiêu là giặc ác sở Thục, Đạo Chích là giặc dữ ở Lỗ, Dương Hóa con của Quý Hoàn nhà làm bề tôi bạo ngược ở Lỗ, Tử Tạng là Trịnh Tử Tạng, mù nghe thiện, chẳng đủ hóa) kia sao như vậy? Bởi người hung dữ làm điều bất thiện cũng chỉ ngày chẳng đủ, chỉ sống đó có bờ mé, thể chẳng phải vàng đá, vui chẳng đủ chí, buồn nối tiếp đó, lão thánh xưng thân là đại hoạn, Trọng Ni than kề vai như mất (phù sinh trôi nhanh, đâu đáng quý) mà Thích giáo khác gì, thành tâm chuyên tổn, lấy phước làm đầu, mà ở họa trước hết, thật cái gọi là lỗi của năng ác chẳng năng thiện. Nếu kia thật có, tuy muốn tự tuyệt, nào tổn thương ở trời trăng ư? Như chỗ giáo môn kia nói: Nhân quả thật vốn có, ngươi buông hủy đó cũng vào năng tổn thương đạo đó, Tử Cống nói: Người tuy muốn tự tuyệt, nào thương tổn ở trời trăng ư?) nếu kia quả thật không, mến mộ Lập Hư Thiện, đủ để xa hại (như chỗ Phật giáo nói sự của nhân quả vốn không, rỗng cầu khen thiện cũng đủ xa hại) phàm hư bỏ giết còn hơn đồ điếu, hư nghĩ tài còn hơn trộm cướp, hư sạch mình còn hơn đục lạm, Duy Bạ chẳng tu (nghĩa là chẳng trị khuê môn) huống chi ai biết đó hẳn chẳng hư thay, mà Thích giáo nói trộm của hóa của, ăn thịt hóa thịt, hại chẳng hóa cần mất lãnh (hóa là mua bán đổi chác, nay thí tài cho người khác thì cũng sẽ nay hại người thì sẽ bị người hại, làđạo của giao dịch. (Lãnh là cổ) nếu khiến chẳng hóa, thiện thì thật (thật chẳng trộm chẳng giết v.v... gọi là tự làm thiện, việc đó là thật) lời nói đã thật, người đó đâu dối ư? Phật-đồ-trừng, Hành Nhạc Tư đại có khả năng thấy xa nhiều đời (đều được quán xét trước) Chi Lâm, Đạo An có khả năng biết rộng học nhiều, Lưu Di Dân, Lưu Cầu cung cờ chẳng đoái nhìn (đều là cao sĩ đời

Tấn, là từ vinh đó, xưa kia chiêu mộ tài sĩ là dùng cung và cờ) Hứa Tuân, Tông Cửu lam lũ suốt năm. Há Phật pháp không thật đó, mà năng khiến kia lập chí chẳng giúp ư (đây đều là bậc hiền minh, tình đâu sai lầm). Xưa, khoảng đầu niên hiệu Võ Đức, bề Tôi lớn chẳng mưu, bề tôi gần mong chỉ (thời Cao Tổ, Phó Dịch cho rằng: Nhà Đường xuất phát từ họ lý, lấy Lão Tử làm Tổ, bèn sàm tấu, khiến trừng thải) lấy đế hệ xuất phát tử Huyền Nguyên, văn minh rộng lớn cùng thiên hạ đều một, sắp hại giáo ta, ong bò cạp lại có độc, bối cẩm có chương (bối cẩm là từ ngữ văn sức) chỉ đế thời thông minh, trọn vãng du tệ (võng là không, du là chỗ, tệ là mờ tối, Phó Dịch v.v... tuy phiền hoặc thánh, mà thông đế không chỗ tối tệ) kia ganh ghét chẳng khắc phu của Ngạn thánh (quyên là tham, tật là ganh, khắc là thắng, Ngạn thánh, Pháp lâm Đạo tuyên v.v... Phó Dịch tình tuy tham ganh mà trọn chẳng thể thắng kia). Dung phần đức đó, không chỗ thấm da (phần là cứng, dùng hung đức khiến cho thấm đượm, mà da nhậm trông ngắm bên ngoài, chẳng thể thực hành) mặt trời cao sáng, sắp rụng lại nâng, du vân mờ mịt, đã tan lại chóng (mặt trời Phật lặn mà lại sáng, mây tuệ tan mà lại nhóm) thật có linh của Tông miếu xả tắc thời Tiền Đường, khắc giữ ở phước của con cháu lê dân, phàm đất trời bang vực, lấy nguyên mục tư (trời sinh muôn dân, dựng lên trông coi) dùng quỷ thần tuy đó (tuy là an, thần là thông minh, chánh trực, phước thiện, họa dâm) nếu người làm vua mất lý thì linh thần xả bỏ (thần là Ni phó, họ Vũ văn hủy diệt Phật pháp, thần ni thấy thiện thần đều trở về Tây, sau quả nhiên nước mất, gần đây họ Sài hủy tương Đại bi bằng đồng tại trấn Châu, cuối cùng mắc bệnh dữ mà chết) chẳng giữ ở núi sông, núi sông chẳng yên, thì tai họa làm vậy, nên trời trái với thường, đất chuyên chở yêu, người mang ân loạn, lúa mạ dịch bệnh (núi đổ sông cạn, muôn sao mất độ, đất động núi gầm, giặc trộm đua nổi, yêu quái dẫy đầy, nước cạn, khô khan) cúng tế làm sao có. Xưa kia Kiệt Trụ Chu U (Kiệt Hạ Quý sủng ái Mạt Hy, Trụ Ân Tân sủng ái Đát Hỷ, Chu U sủng ái Bao Tự, đều vì sắc đẹp hôn loạn triều chính mà mất thiên hạ) ao rượu rừng thịt, làm kỳ kỹ dâm ô để vui chơi phụ nữ (Trụ có ao rượu rừng thịt, núi rượu gò nem, có hình phạt thiêu đốt, chặt cẳng người tội, moi tim người hiền, mổ bụng phụ nữ mang thai, v.v... làm đều trái ngược chẳng hợp với thần kỳ, huống chi núi đổ sông động, sao băng quỷ khóc, huống chi cắt trừ thiện đạo, muôn linh không nương, há được phụng hót nơi giao, ngọc chúc làm điều đó, thềm Thái như đá ư (đời Nghiêu chim Phụng làm ổ nơi gác, bốn mùa điều hòa gọi là ngọc chúc) đến thời cao nghiệp, Sa-môn Tuệ Tịnh, pháp Lâm ghé

nghỉ ở Nho Vọng Ngạn, dao hoa điệp thúy (thúy là văn năm sắc, tử đối với phản) vàng tấu hài hưởng, mang đức ân đó, dùng nghĩa cưỡng đó, ngâm mài muôn phủ, nghiêng úp hang ổ, có môn hạ điển nghi lý sư chính, soạn luận nội đức thông mạng chánh tà gồm ba thiên nêu chỗ lầm hoặc, so sánh rõ gọt bỏ (văn ở Cổ Hoằng Minh Tập quyển mười bốn) văn mà có chứng cứ rất đầy đủ, đó làm đủ vì tỳ tán chân môn, mở rộng huyền cực, đời sau trông xem nên ngậm miệng bít vực, chẳng còn nghi ngờ phỉ báng, chỉ văn ngầm ẩn hàng phàm phu cạn cợt chẳng biết (đời gần đây có luận Quy Chánh và Thích Giáo Phế Hưng Ký v.v... cũng là việc đó) vả lại, tôi trung con hiếu nên kiêu phước phòng hại (kiêu là cầu) để giữ gìn quân thân, cung kính cầu nguyện cúng tế, tinh cần thuốc thang, đâu hẳn biết có không ích mà cố chuyên (chỉ như Tần Hoàng ham đạo, Hán Đế cầu tiên, hoặc vàng bạc uổng đốt tụng lộc cuối cùng có thành gì) Đo lường không thương tổn mà cố phạm, Lễ chép: Nghi sự không chất, như Thôi Hạo dẫn mình chuyên đoán, để đưa tặng thích của quân thân (Nguỵ Võ vì bệnh dữ mà chết, Thôi Hạo mổ thây đó) sao được Thôi, gọi là trung hiếu ư? Nay có kẻ phùng tâm còn muốn dự Thôi, sao họ mờ tối (dự là hứa) giẫm vết của quỷ, đâu được hại, nếu lấy từ thời Đông Hán về trước ở đời chưa có Phật, nước nhà tự yên, nay nên trở lại xưa đó (điệp này là người ngoài cật nạn) thì Nghĩa Hiên về trước chưa có văn tự, thiên hạ theo tánh (Hy Hiên về trước chưa có văn tự, đế đạo vô vi tự lý) cơ khổng dần thấm, người dùng gông cùm (cho nên bó buộc tây chân) đến cả sai trác (sai là nhỏ chết, trác là lớn chết, thì nay là bệnh Dịch lệ, Tần Chánh chôn lấp, cũng đâu có tội (Tần Chánh là Thỉ Hoàng ở ngôi ba mươi bốn năm, bác học thuần ở Việt Tần, khiến phong con em làm chư hầu. Lý Tư nói: Các trò chẳng thầy xưa mà học xưa chẳng phải hai đời các thứ chẳng được Tần Ký thì đều đốt hủy, các người có cất giấu thì thư và lời của trăm nhà hiền triết đều đốt bỏ, người làm kệ thi thư thì giết chết) nếu dùng người của bốn di tất dặc ăn ngon (tất là lưới thỏ, dặc là dùng chỉ tơ sống buộc mũi tên mà bắn chim, phu tử dặc mà chẳng bắn đêm) sao làm thí giới (người của bốn di lấy giết hại làm cày cấy, làm sao có việc thí giới ư) mà đời nối tiếp khung lư (khung lư là phướn trướng) thì dân của bốn di đâu từng có giáo của cơ Khổng, thực hành lễ nghĩa mà vua tôi cha con nối tiếp, vì thế Cơ Khổng cũng có thể phế bỏ (từ thời Đông Hán về trước, không có Phật Pháp, nước của bốn di không Nho giáo, nước của bốn di cũng tự xử lý, nếu Phật giáo có thể phế bỏ, thì Nho giáo cũng có thể phế bỏ) nếu lấy bình thí giúp nhà cấp người đủ (nghĩa là thí khắp cấp đủ) thì chẳng

hẳn ở nơi trai giới, thật cũng ruồng đuổi người đó đồ thán (nếu chẳng trì trai giới mà thí thì do giết, trộm, dâm, v.v... mà ban cho người đó). Tâm từ ban cho Tông miếu chẳng sửa, thì chẳng được ban cho người đó) phàm tâm từ cho, Tông miếu chẳng sửa, chẳng được gọi là Hiếu. (Từ tuy kịp dưới mà kính chẳng bằng Tổ, đâu gọi là hiếu ư) nhiều vật buông ác, hương hỏa chẳng tu, chẳng được gọi là phước (như giết ngựa tế trời ,v.v...) việc đó không hiếu không phước mà mong người an vui vững chắc, như ôm gốc mà đợi bóng râm (gốc là phần thừa của cây đã chặt, giết mạng cầu phước, như nương cây không lá, đâu có bóng râm) nếu cho Phật không hình hưởng, chẳng nên thờ cúng, thì Giao Tế Tiên Vương Tiên Công ai có thấy nghe mà dốc lễ đó ư? (cha ông cũng không nghe thấy, sao cố tế cúng)? Nếu cho quỷ thần chẳng thật, các bậc tiên nho chỉ dẫn người kính đó, thì sao lo Phật giáo chẳng thật mà khiến người làm lành ư? Chỉ kẻ phỉ báng làm ác chẳng đầy, chẳng đáng sợ nghe, người nghe nghe ác chẳng thỏa lòng, chẳng đủ để nương theo hủy báng, lỗi đó đều đồng, mà đời của hơi hám ồn náo, mến thì lớn tốt lành, xấu ác thì dày tội lỗi. Có họ Ngu, tông của nhân hiếu, cấp trủng lấy biến của Bình Dương, chẳng phải tiếp nhường mà lấy (Cấp Trũng Thư chép: Thuấn bắt tù Nghiêu ở Bình Dương để đoạt vị đó, chẳng phải thọ thiền, nay thấy có thành Tù Nghiêu) Y Duẩn bày nêu của người thần, Cấp Trũng lấy đồng cung phản đánh bèn lại hạ chính (Y Duẫn làm tướng Thái giáp, Thái giáp chẳng nghe lời dạy của Y Duẩn, Y Duẩn thả đó ở đồng cung, ba năm sau chợt đổi lỗi đó mới về lại vị đó, để trọn đạo nhân thần. Nay Cấp Trũng Thư nói: Y Duẩn thả Thái giáp ở đồng cung, Thái giáp từ trong hang lỗ ngầm ra giết Y Duẩn mà tự lập, so với văn của thượng thư hoàn toàn khác) hễ chẳng phải luận của kính đình, thì làm sao có thấu cùng ư? Nên phải theo Nghiêu điển ân thư mới có thể là kinh, Trong Ni nói: Công Kích ở mối khác, đó là hại (các nhà xuyên tạc, hại ở chánh nghĩa) vì sao chẳng như vậy ư? Xem xét xưa nay soạn chế (văn chương nội giáo) phần nhiều trước biếm Chu Khổng mà hàng Lão trang, cho là năng văn (như lời tựa nhân sớ ,v.v... đây là nguyên do của mở cửa nhận giặc trộm, buông thứ cho bọn địch kỳ đảng (kỳ là giáo, thí như buông thứ đạo kiêm chẳng phải Nho giáo thì là giáo, đạo và Nho kết đảng làm trao). Một kẻ cướp còn chẳng thể đùa bỡn, huống chi kết xung của hai kẻ cướp ư? Khiến địch quả nhiên đến, mạnh mẻ hùng dũng lấy ngu cứng làm can lỗ, lấy chê trách làm mâu mác, tấm tức bừng giận, chứa can thử nhai (thử nhai là tức giận) đến nỗi khiến ngu thì xiên mà biến, nhân thì mãn mà tật (xiên là cười, biến là múa, hạng hạ ngu

nghe thì cười, mãn là sầu hận, bậc hiền nhân thấy mà ghét) sắp muốn cổ xúy mà dập đè, Bỉnh vũ mà đến (thí như muốn cổ xúy thế lực mà dập đè, nắm vũ để chiêu vời đó, đều chẳng thể được) thật khó có thể, phàm tiết một ngoạn lửa ở hang, lúc đầu dùng nắm cỏ đốt nơi cung thất. Một là phu bội ngược, mới đầu phàm ngu đã lên trách thánh hiền (lửa của bếp lò năng nghệ cung vi, phỉ báng của tà phu, đâu sợ Thánh Hiền ư?) sao không khéo thận trọng (không gì chẳng vậy, tại sao chẳng nói năng thận trọng)? Cổ ngữ nói: Hành vô lễ sẽ tự kịp (kính người thì người hẳn kính mình, lấn lướt người thì người cũng thù mình) xưa, Lã Bố (hạ tướng của Tào Tháo thời Nguỵ) Cưởng Viên Hoán khiến viết thư trách mắng, Lưu Bị trách rằng: Chỉ có đức có thể nhục người chẳng nghe dùng mắng. Kia hẳn quân tử ư? Vã lại chẳng hổ thẹn lời nói của tướng quân, (đạo của quân tử phạm mà chẳng bắt chước) kia thật là tiểu nhân ư? Lại ý của tưởng quân thì nhục ở đây chẳng ở kia, nên chim cùng dường thì mổ lại, thú cùng đường thì cắn lại(Thiết Văn nói: Tranh giữ vật) người cùng đường thì lừa dối, ngựa cùng đường thì chạy trốn, khiến cho mổ trốn chẳng đến được, đó chỉ là thượng trí ư? Vì vậy nay giáo tôi rõ ràng chẳng của di, ai chẳng đảng hành ta xem thường, tuy tỏ vẻ vui ở ngoài mà thật ruột thất ở trong (di là thương, hối là mạn, tượng giáo đã bị lấn lướt, ai chẳng bạn thổi, là hối mạn. Bậc sĩ của Nho đạo ngoài tuy kính thuận trong kết ruồi ganh) chỉ quả hành dục đức, ngầm dựng im hóa, chẳng thích sở đoản kia, vui sở trường kia, trăm hoặc một đó, nếm mùi đạo ta, tự nhiên xoay chỗ (đối với hai giáo kia chỉ thực hành ân đức, nêu sở trường của giáo kia, nối chẳng đủ của giáo kia, trong trăm người hoặc gặp một người, vị đạo là xan phong, tự nhiên quy tâm. Hễ đến nước Lõa hình thì cởi xiêm mới hợp (Võ đến nước Lõa hình vui vẻ cởi áo, bởi thuận theo tục đó) vả lại người nay là người của xứ này, Nho đạo là giáo của nước này. Tục đó dù biết cũng chẳng thêm gì cho ta, cũng cô mỗi A-tỳ cửa đó (A-tỳ là bằng đẳng, cô là vả lại) dãi bày sừng chống, đâu được chẳng đẹp mà theo, xinh mà lo lắng, hoảng mà dời đổi, khiến vui mà phục sao, đâu ở lời thường thù tạc ư (cái gọi là giỏi đánh không trận, giỏi đóng không cửa) nếu vì kia nói bất chí thì người rất lo. Bất chợt dời tiết nói đạo của tôi, nhưng bậc thánh cũng đều đương cơ ngự vật, như Phật nói phước trời người cho Đề vị nghe, mà Đại thánh đâu chẳng muốn khiến người đến tịch diệt hết ư? Chỉ ở thời đó chẳng làm lời (giả sử nói chí giáo, chẳng hợp căn cơ đó thì chẳng lợi cho người). Lão thánh đó đâu chẳng muốn cho đến xung mạc hết ư? Kinh gồm hai thiên (đạo đức hai thiên) được nói gồm biện trị ở nước nhà,

giúp cứu đời đó chẳng cùng ép phế (tuy tựa đề là đạo đức, mà chẳng bỏ pháp trị nước) Trọng Ni đâu chẳng muốn người đến hoàng đạo hết ư? Chỗ sửa sáu điển, gồm còn Bá Vương, sắp bào cử mà không sót, nên phú đảo chẳng gì lớn so với đất trời, biến hóa chẳng gì lớn đối với bậc thánh, mà thật hai giáo đó đối với ta tán mà chẳng hại. Tôi đối với hai giáo, bao gồm mà có kết quy, sao gọi uống rượu ngon chẳng ganh, nếm cặn bã là ganh (chí nhân quân tử khác đường mà đồng về, kiêu bạc tiểu nhân là chẳng phải a đảng) chỉ người phần nhiều chẳng tự tin mình ngu, mà đối với có thể nhầm mà vui mừng (chẳng biết mình ngu mà điều chẳng bằng) chưa biết đan bích, khéo ép nâng văn vẻ, chưa biết nghiên mực, khéo chê khen triện lệ, chưa biết lễ nhạc, khéo lên xuống pháp độ, chưa biết cung vũ, khéo thưởng phạt âm luật, đó có chiêm tôi, từ này năng không có vưu sự tham học của ta thì thuyền Hoằng là thích hợp. (Trực là tránh, chiêm là thấy, sợ người sau thấy ngữ lục tham huyền mà trách ở mình, nay bởi tự tôi lấy vưa tánh tình mà soạn) chẳng dám gọi là ở quân tử, đàn cầm của Chiêu Văn (Văn Như Hải Vân đều là những vị khéo giỏi về đàn cầm thuở xưa) phải quấy cả hai đều đến, sao chẳng cổ xúy ư? (chẳng vì người phải quấy mà chẳng cổ xúy) phàm Đãi đại phu năm mươi, biết bốn mươi chín năm quấy (Vệ đại phu đệ viện, tự là Bá Vương thấy người cày hỏi, trâu cày cũng là trâu vì sao có sức mạnh? Người cày chẳng đáp, đuổi thẳng trâu đến chỗ xa, đáp rằng: Hai trâu đều có sức mạnh, đáp chẳng bằng, sợ có oán Đệ Viện nói: Một nông phu còn sợ hai con trâu oán, nay ta năm mươi biết quấy của bốn mươi chín năm) Khổng Tuyên Phụ sáu mươi năm biết năm mươi chín năm quấy, như Toản Yên Kỳ cùng Hạp Cửu mà thôi (hạp là nắp hòm) Tề quân treo thưởng để đợi can ngăn, lo mất ở trị (Tề oai vương treo thưởng rằng: Có mặt can ngăn quả nhân thì nhận thưởng trên, viết thư can ngăn thì nhận trung thưởng, bàn tán phỉ báng thợ triều thì nhận hạ thưởng) Hán tướng biếm tước để dứt can ngăn (Tiêu Hà lấy đất trong vườn bán cho người buôn, Cao Hoàng rất tức giận, Hà bèn cởi mũ dời gót để xin tôi, Đế mới thả) xét đó năng giữ. Tuy lấy bỏ chẳng đồng mà đều có thích nghi, đó có trở ta tham Nho đạo, (trở là hoại) ta đối với ai kia thế nào, vượt tục khinh quan (vì kia có nhiều nước, có phong tục cắt tóc văn thân) Tề mua giày hèn (Tề Cảnh Công khéo chặt chân người, Yến Tử nhà ở gần chợ, công đổi mà chẳng chịu, Công hỏi: Ở gần chợ mà biết sang hèn chăng? Yến Tử đáp: Gót quý là giày hèn, Cảnh Công từ đó là tỉnh hình). Đâu chẳng phải lợi của mình mà mất hoa của quân tử (học để trang sức thân, chẳng thể mình không ích lợi mà phế bỏ. Đạo

của quân tử trang sức thân ư?) xưa ngựa của Khổng Tử sút dây giẫm phá lúa má của người nhà quê, người nhà quê đuổi từ cửa Tử Cống, nhận từ của ngữ nhân (Tử cống là bậc tài tình, ngữ nhân là kẻ nuôi ngựa, mà người nhà quê bỏ lời của Tử cống chẳng cho lại ngựa, mà nhận lời của ngữ nhân mà trả lại ngựa, vì loại đó hợp nhau). Bởi người hèn chẳng ưa thích hiền bàn lâu dài. Khổng tử nói: Xưa kia họ quý Tôn tặng ta ngàn chung thóc mà giao lợi ít thân, kính thúc ở nam cung tặng ta cỗ xe mà đạo lợi hình, nên đạo tuy quý, hẳn có thời mà sau trọng, có thế mà sau hành, là sự ban tặng của hai người thì đạo của khâu sắp phế. (phu tử mới đầu sắp ra đất Lỗ, Sính Chu hỏi lễ, họ quý tặng ngàn chung thóc, Hy Tử họ Mạnh tặng xe, bèn khiến ý tử, kính thúc ở Nam cung theo thầy mà tôn thờ Trọng Ni, và học trò thưa hỏi có tới ba ngàn người). Xưa Đức Đại thánh sắp nhập diệt, bảo với vua và đại thần khắp các nước (Như lai sắp nhập diệt, đem giáo pháp và viec nội hộ Tỳ-kheo giao phó cho vua tôi có sức lực) cũng như đạo của Trọng Ni. Tây Vực không sang hèn già trẻ, ở đó người Tẩu trí ngạn (Vĩ Chiêu nói: Lão mà có đức gọi là tẩu, trí hơn ba trăm người gọi là Ngạn) đều gọi là Ưu-bà-tắc, mẹ và vợ đều gọi là Ưu-bà-di. Hán gọi là cận sự nam, cận sự nữ. Đào thần năm giới, gần thiện thờ thánh, ở tục ngầm tốt đẹp. Các bac tiên thánh cũng giao phó giáo pháp, khiến dốc sức kiêm đạo, như Tu-đạt-đa, Tỳ-xá-khư xem vương hầu là bậc á. Xưa, Tôn Quyền chưa đạt nguyên do của giáo đem hỏi Hám Trạch (là đại sử lệnh đời Ngô). Trạch đáp rằng: Tôi xét biết Phật là Đấng pháp vương Vô thượng, chỗ về vương của các thánh, giáo gia tất cả (gia là trùm khắp), xa gồm muôn tượng, sâu đồng biển lớn, chẳng chọn hạng nhỏ, chiếu cùng trời trăng, chẳng hiềm sao đuốc (hiềm là ngăn trở), gặp xúc thì hóa, gặp vật thì thừa (xúc là đối, thừa là chở, như chuông lớn đợi đánh, tợ thuyền lớn mà chở nhiều). Trên cõi trời, trong loài người, tự tại tôn quý. Dù trời có công che khắp, đất có sức chở khắp, đều là Chư Phật kiến lập khiến nên. Tống Văn Đế hỏi Hà Thượng Chi và Dương Huyền Bảo (Thượng Chi là quan Thị trung đời Tống, Huyền Bảo là Lại bộ lang trung) rằng: Trẫm từ nhỏ đọc kinh chẳng nhiều, ngày tỷ lại càng không rảnh (tỷ là gần đây). Nhân quả ba đời chưa phân biệt mà đặt vào lòng, lại chẳng dám lập dị, chánh vì các khanh thời tục, sanh ra kính tin. Phạm Thái (là Xa Kỵ tướng quân) và Tạ Linh Vận, đều xưng văn điển sáu kinh vốn lấy cứu tục làm chính, hẳn cầu chân áo tánh linh, đâu được chẳng lấy kinh Phật làm chỉ nam ư? Gần đây thấy Nhan Diên Chi bắt bẻ luận Đạt Tánh, Tông Bính cật nạn luận Hắc Bạch, nói Phật pháp mênh mông, rất là danh lý, đều là mở

dẫn ý người, đều khiến khách khắp nơi đều cảm hóa đây, thì trẫm khoanh tay ngồi yên đến thái bình. Lại có việc gì? Thượng Chi tâu: Hạng người dần dặc, phần nhiều chẳng tin pháp, vì bề tôi ngu tệ lại sau khen phủi, chẳng dám cán đáng, còn các bậc anh tài đời trước thì chẳng cô phụ minh chiếu. Trung triều đã xa (tức Tây Tấn), lại khó biết hết, từ khi vượt sông về sau (tức thời Đông Tấn), Vương Đạo, Chu Khải, Sưu Lượng, Vương Mông, Tạ Thượng, Hy Siêu, Vương Thản, Vương Cung, Vương Mật, Quách Văn Cử, Tạ Phu, Đới Quỳ, Hứa Tuân, Phạm Uông, Tôn Xước, Trương Huyền, Ân Khải, v.v... (đều là hiền sĩ đời Đông Tấn), hoặc mũ lọng của tể phụ, hoặc vũ nghi của nhân luân, hoặc đặt tình ở giữa trời đất, hoặc chống vết ngoài mây khói, đều bẩm chí quy y, chỉ tâm sùng tín, khoảng đó thì tỷ đối là có Lan, hộ, khai, tiềm, thâm, Độn, sùng, thúy (tám vị đều là cao tăng). Đều ở torng dấu vết Á hoàng, đều là người chẳng lường (hoàng trung là bậc thánh). Pháp sư Tuệ Viễn nói: hóa của họ Thích, vô thí chẳng thể, thương đạo hẳn tự nguồn giáo cứu tục cũng là chân yếu. Trộn tìm thuyết này, có khế hợp lý mầu. Vì sao? Làng có trăm nhà mà mà có mười người giữ năm giới thì mười người thuần cẩn, ấp có ngàn nhà mà có trăm người tu mười điều thiện thì có trăm người hòa mục, gìn giữ phong hóa này để khắp hoàn khu, biên hộ ức ngàn, thì người nhân từ có trăm muôn, phàm hành được một điều thiện thì bỏ một điều ác, bỏ một điều ác thì dứt một hình luật, dứt một hình luật ở một nhà, muôn hình luật dứt ở đất nước, thì lời của bệ hạ nói ngồi yên đến thá bình là đó. Nên Phật-đồ-trừng đến đất Nghiệp, Thạch Hổ, giết hại, giảm nửa thành trì, tháp báu phát ra ánh sáng, Phù Kiên dùng chày cưa chấm dứt (Thạch Hổ là hậu Triệu, Phù Kiên là Tiền Trần). Mông Tốn phản cấn bất kể thân thích, ngược như Hổ Lang (thơ Cừ Mông Tốn Bắc Lương đời vốn là người Hồ, xem khắp các sách, hiểu thiên văn, giết Hà Nghiệp tự xưng là Lương Châu Mục, sau vào Cô Tàng, lên ngôi lấy hiệu là Tây Hà Vương), cuối cùng cải ngộ thành người thiện (tai vị được ba mươi năm, dịch kinh Niết-bàn). Đạo nhân pháp kiến năng lực tịch muôn người, gần lọan hà vị, măt trói chịu chết, để đên sư ách, đây chẳng phải là chỗ nội giáo khắp cùng ư? Khi ấy, Dương Huyền Bảo Tiếp tâu: Thầm sợ Tần Triệu luận thuật cường binh, tôn Ngô hết kế thôn tính, sắp không lấy ở đây. Văn Đế bảo: đây chẳng phải khí cụ của chiến quốc, thật như lời khanh. Thượng Chi tâu. Phàm lễ ẩn dật thì chiến sĩ biếng lười, quý nhân đức thì binh khí suy, nếu lấy Tôn Ngô làm tâm chí ở cấn nuốt, cũng không lấy đạo của Nghiêu Thuấn, đâu chỉ Phật giáo mà thôi ư? Văn Đế vui mừng

bảo: Họ Thích có khanh cũng như Quý Lộ của họ Khổng, cái gọi là lời xấu ác chẳng để vào tai. Xưa, Mâu Tử, Hy Gia Tân, Tông Bính, Chu Hạo Chi, Lưu Hiệp đều hợp đạo khống nho, nương theo kinh làm huấn, cảnh răn đường của Pháp Vương, hiến công được xấu xa, mà ngôn hành kia đâu do hình khuyên mà thôi? Đời Ngụy, từ niên hiệu Thái Diên năm thứ năm bắt đầu xảy ra bệnh sốt rét, niên hiệu (Thái Diên năm thứ năm tức năm Kỷ Mão, Bắc Lương bắt đầu diệt Phật pháp) Niên hiệu Thái Bình Chân Quân năm thứ bảy tức năm Bính Tuất chấm dứt giết hại. Năm đó là niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi ba đời Tống. Tháng hai năm Nhâm Thìn tức niên hiệu Chánh Bình năm thứ hai đế băng, Thái Tử Hoãng chết trước (bắt đầu đế Nam Chinh, có người sàm tấu Thái Tử Hoãng hành dâm trong nội, Đế tức giận, Thái Tử Hoãng lo sợ mới mưu tính phản nghịch. Đế biết, nhân đó dối chết, sai người gọi Thái Tử Hoãng đến, dùng lộng sắt mà giam, đánh ba ngàn gậy, sau mơi giết). Ngô Vương lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Bình, tháng mười một năm đó thì băng (niên hiệu Chánh Bình năm thứ hai, Ngụy Thái Võ bị Thường Thị Tông Ái giết hại, Cảnh Mục Thái Tử Quang lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Bình, Tông Ái cũng hại, lập Cảnh Mục Tử Tuấn hiệu là Văn Thành Đế, đổi niên hiệu là Hưng An) Văn Thành Đế lên ngôi, đổi niên hiệu là Hưng An, là phục hưng (lại khôi phục hưng thạnh Thích giáo). Chu lấy niên hiệu Thiên hòa năm thứ tư tức năm Kỷ Sửu bàn nghị sự hưng phế. Đến niên hiệu Kiến Đức năm thứ ba tức năm Giáp Ngọ thì giết hại khắp nơi, lúc đó tương đương với niên hiệu Thái Kiến thứ sáu thời Trần Tuyên Đế (Chu Võ tên Ung, Phật giáo Đạo giáo đều hủy từ đó) niên hiệu Tuyên Chánh năm thứ nhất, tức năm Mậu Tuất, đế băng, Thiên Nguyên, nối ngôi, tức là Tuyên Đế, Húy là Bân, con trưởng của Võ Đế, thâu thuế vào chợ mỗi người một đồng tiền. Đến Lạc Dương, ngựa trạm cách bốn trăm dặm, Hoàng hậu mới giá mà đi, đi sau là tội, tự xưng là Thiên Nguyên hoàng đế, Hàm Dương nước biến thành máu) đến năm Kỷ Hợi, đổi niên hiệu là Đại Thành năm thứ nhất, mùa xuân lại hưng thịnh. Chỉ mạng trời chẳng ở thường. Vì Võ mở hạ mạng, vì thang mở ân mạng, đó sắp mất, vì Kiệt Trụ diệt (Võ tự họ tên Văn Mạng, thang họ tử tên Thiên Ất. Kiệt là cháu mười bảy đời của Võ, Trụ là cháu ba mươi đời của Thang) chỉ có chí đạo chẳng ở thường, vì Hán Ngụy đầu tiên, vì Tấn Tống mở rộng, đó sắp mất, vì hai võ diệt. Ý trời vì muôn vật bất nhất, viec ngoài đâu hẳn phước là năng hưng, họa là năng diệt, chẳng hưng đâu có phế, chẳng phế đâu có hưng ư? Xưa Huyền Cao chết ở Giao Nam, qua đêm đệ tử mới đến, bèn ngồi dậy

bảo rằng: Đại pháp ứng hóa, tùy duyên thạnh suy, lý thường vắng lặng, chỉ nghĩ thương các ông, chẳng bao lâu lại phải như ta, các ông sau khi chết, pháp sẽ hưng thạnh lại! (đạo nhân Huyền Cao, là thầy Của Thái Tử Hoãng nên bị chết ở Bình Dương, ánh sáng soi chiếu về chùa. Đệ tử nhận biết mơi xin lại thây, thây đưa về đến chùa, bèn ngồi dậy bảo các đệ tử, về sau quả nhiên đại pháp diệt). Đầu niên hiệu Hưng An đời Ngụy (tức năm Giáp Ngọ, thời hoàng đế Văn Tiên), Cao Tông ban chiếu rằng: Làm đế vương thì phải cầu phụng minh linh hiểu rõ nhân đạo, đó năng ban giúp sinh dân lợi ích các loài, vì trước còn bày phong liệt đó, cho nên Xuân Thu mừng lễ Tông minh, tế điển nghi tộc công thí (Lễ nói: Công thí ở dân thì cúng tế, nhạc khắp nơi thì dân cúng tế, năng ngự đại nạn thì cúng tế đều được v.v...) huống gì Thích giáo Như lai, công của Đại thiên, Tuệ khắp Cảnh Trần. Tầm sinh tử là khen đạt quán, xem văn nghĩa là quý diệu môn, giúp cấm luật của chính hóa, lợi ích thiện tánh của trí nhân, dẹp bỏ đám tà, mở bày chánh giác, nên từ đời xưa đến nay không ai chẳng sùng chuộng, cũng là chỗ nước nhà ta tôn thờ. Thế Tổ Thái Võ hoàng đế, mở rộng bờ hoang, đức đượm xa khắp, Sa-môn đạo sĩ khéo hành thuần thành, như hạng Tuệ Thủy (Tuệ Thủy chân trắng hơn mặt, người đời gọi là Bạch túc A-luyện-nhã, thời Ngụy Thái Võ dẹp trừ Thích giáo, ban lệnh ai lấy được đầu của chư tăng thì được thưởng vàng. Tuệ Thủy đứng nơi cửa nước, người nào đến thì cho đầu, trong quan thưởng cấp chẳng rỗi, do đó mà ngưng) không có nơi xa nào chẳng đến, phong nghĩa chiêu cảm nhau, luôn luôn như rừng, cao sâu nơi núi biển, quái vật lắm nhiều, các bọn gian dâm được dung nương gá, ngay trong chùa viện mà có hung đảng vì vậy tiên triều nhân tỳ vết đó mà thề giết kẻ có tội, hữu ty mất yếu chỉ, tất cả cấm đoán. Hoàng đế Cảnh Mục thường luôn bùi ngùi (phụ vương của Văn Tuyên Đế tôn xưng là Cảnh Mục), gặp lúc việc quân việc nước quá nhiều, chưa rảnh tu chỉnh lại, vì trẫm tiếp nối ngôi vị vua đến muôn bang, nghĩ thuật chỉ trước để làm hưng long đạo nay. Nay ban khắp các châu thành quận quyện nơi đông người ở, mỗi nơi được dựng một ngôi chùa, mặc tình của cải đồ dùng, chẳng hạn định thời gian. Như đó có người kính mến đạo pháp muốn làm Sa-môn, bất kể già trẻ, xuất xứ từ gia đình lương thiện, tánh hạnh trong sạch, làng xóm rõ ràng thì cho xuất gia, châu lớn được năm mươi người, châu nhỏ được ba mươi người, đủ để cải hóa xấu ác đi đến tốt lành, hiển dương truyền bá đạo giáo. (Trên đây là chiếu văn phục hưng Phật giáo của hoàng đế Văn Tuyên thời hậu Ngụy). Đầu đời nhà Chu diệt pháp, sau đó lập Thông Đạo quán, chọn lựa môn nhân

có tiếng tâm trong Thích giáo và Lão giáo gồm một trăm hai mươi vị mặc y đội mão nắm hốt mang giày, xưng hiệu là Thông Đạo Quán Học Sĩ. (Vệ Nguyên Tung tâu đặt như vậy), khắp nơi mọi người cắt tóc để râu. (tức các vị cao tăng), Đế bèn cười, tháng giêng niên hiệu Đại Thành năm thứ nhất, Thiên Nguyên ban chiếu rằng: (Tuyên đế) dựng lớn Huyền phong, Tam bảo tôn trọng, đac biệt nên tu kính, pháp hóa rộng khắp, lý đáng quy sùng, trong hàng Sa-môn kỳ cựu chọn bảy người đức hạnh thanh cao đến phía Tây điện chánh võ an đặt hành đạo, qua tháng hai thì đổi niên hiệu là Đại Tượng năm thứ nhất, ban sắc chiếu rằng: Phật pháp rộng lớn từ ngàn xưa đều tôn sùng, đâu có chìm ẩn, bỏ phế chẳng hành, tù nay về sau, tù hàng Vương Công trở xuống cho đến thứ dân đều nên tu sự, biết ý trẫm như vậy. Bèn ở hai kinh mỗi nơi xây một ngôi chùa, ngoài ra ở các châu quận chưa cho phép chung. Ngày mồng tám tháng tư ban chiếu: Phật giáo từ lúc hưng khởi cho đến nay đã trãi qua nhiều năm tháng, nói về chí lý thật tự khó rõ, chỉ vì thế gian dần hồi mỏng bạc mà chẳng nương Phật pháp, đến nỗi khiến pháp thanh tịnh biến thành dơ đục, Cao tổ Võ hoàng đế phế bỏ mà chẳng lập, chính vì như thế, nay trẫm tình còn chỉ đạo, nghĩ hoằng pháp thiện mới chọn lựa luyện hạnh, cung kính theo lý này, khiến hình phục chẳng sửa đổi, đức hạnh vẫn còn, kính bày đạo tràng muốn hành pháp thiện, từ hàng vương công trở xuống đều nên biết rõ. Đến ngày hai mươi, lại ban sắc tuyển chọn các vị sa-môn ý đức trinh khiết, học nghiệp cao rộng trong hàng kỳ cựu, gồm một trăm hai mươi vị, chớ cắt tóc hủy hình đến chùa Trắc Hỗ, vì nước nhà mà hành đạo, mọi thứ cần dùng do của công chu cấp. Sa-môn nhậm Đạo Lâm trải qua hai đời cao tổ Thiên Nguyên, can ngăn tấu nỗi có nghi thức, đế vui vẻ mới nói, luôn xoay mắt nhìn. Đại pháp tiếp nối hưng thạnh, người đó rất có công (Chu Võ, niên hiệu Kiến Đức năm thứ hai phế hủy hai giáo, tức niên hiệu Thái Kiến năm thứ năm đời Trần Tuyên Đế, cũng là niên hiệu Võ Bình năm thứ tư thời hậu chủ Bắc Tề, niên hiệu Đại Định thứ mười hai vua Minh Đế, đời Hậu Lương. Năm đó là năm Quý Tỵ). Tùy văn lúc còn ngầm ẩn, có Thần Ni Trí Tiên bảo rằng: Phật pháp sắp diệt, tất cả thần minh nay đã về phương Tây. Con sẽ làm cha lành khắp thiên hạ (tức Tùy Văn Đế), nên trùng hưng Phật pháp, thần linh trở lại đây. Tĩnh đế trẻ nhỏ, dùng Tùy Công phụ chỉnh, muốn cho sa-môn trở lại như cũ mà chưa thể được, đến lúc đổi mạng nhà Chu (Chu tĩnh đế húy là Diễn, con trưởng của Tuyên đế, lên ngôi đổi niên hiệu là Đại Định, dùng Tùy Công Dương Kiên làm Thừa tướng, phục hưng lại Phật giáo, Đạo giáo, làm vua được một năm, trốn

đến đất Tùy ở trong cung riêng, vâng phụng làm giới quốc công, thực ấp muôn hộ, tất cả đều y theo Chu chế. Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ nhất, đế băng vừa tròn chín tuổi), bèn ban lệnh cạo tóc, như Đàm Diên, Linh Dụ, Tuệ Viễn, v.v... đều chẳng mất người đó. Đầu thời Tiền Đường. Cao Tổ hỏi các quan rằng: Phó Dịch có nói: Phật giáo vô dụng, trẫm muốn theo đề nghị đó, không biết ý khanh như thế nào? Ngụy Công Bùi Tịch bước tới tâu: Thần nghe Tề Hoàn Công cùng Quản Trọng và Bào Thúc, Ninh Thích, v.v... uống rượu mà đi. Hoàn Công bảo Bão Thúc rằng: Nên vì quả nhân mà chúc , Bão Thúc bưng rượu mà chúc rằng: Nguyện cho vua của tôi không quên ra đất Cử (Tề Công tôn vô tri làm loạn, Tiểu Bạch trốn ra đất Cử, người Tề giết Vô tri, sau đó, Bão Thúc giúp Tiểu Bạch vào lập làm Hoàn Công), Nguyện Quản Trọng không quên bị Lỗ trói (Tề loạn, Quản Trọng cùng Tử Củ trốn sang Lỗ, người nước Lỗ thâu nhận, gặp Tiểu Bạch vào trước, bèn đánh Lỗ bại, mới giết Tử Củ, mà sinh trói Quản Trọng, đến Bão Thúc cởi mở đó ở Cảnh) Nguyện Ninh Thích không quên Phạn Ngưu (Ninh Thích sứ xe ăn cơm tại Ngưu Hạ, thấy Hoàn Công gõ sừng mà ca hát, Hoàn Công bèn dùng đó) Hoàn Công rời khỏi chỗ ngồi mà cảm tạ rằng: Quả nhân cùng vài ba đại phu không hề quên lời của phu tử! Thì xã tắc của Tề không phế. Lời này thường suy nghĩ từ lâu. Xưa kia bệ hạ mở lập nghĩa sư, chỉ nương nhờ Tam bảo, nói là an ngôi cửu ngũ, thề nguyện mở mang huyền môn, nay bệ hạ lục hợp quy hưởng nhân từ, giàu có khắp bốn biển, muốn thâu nhận sự cuồng giản của dịch (tức Phó Dịch) mà hủy phế Phật tăng. Đây thì thiếu đức tin xưa của bệ hạ, tỏ bày lỗi nay của bệ hạ. Nguyên nguyên thất vọng (nguyên nguyên là lê già), lý chẳng thể, cho nên biết, hiền của văn võ hẳn trời thửa buông, chẳng phải chỉ bề tôi của xã tắc, thật cũng là bề tôi của Pháp Vương. Đã làm hộ vệ cho nhà vua, cũng là bình phiên ở Thánh giáo, hễ là trưởng dân hành trước ở một làng, trí sinh ở một quan, bày đức của tiếng cây gió, làm giảo ngưỡng cửa si manh, dân manh kia nào có biết được. Nêu thẳng bày nơi các công, dân kia cho đó là thẳng vốn không đặc biệt soi xét ủy hơn hàng thượng lưu, đâu được chẳng xét động đó, thận trọng ngôn từ đó, rõ bày niềm tin đó. Lễ nói: Nghiêu Thuấn dùng nhân mà chăn dắt thiên hạ, mà dân theo. Kiệt Trụ dùng bạo mà chăn dắt thiên hạ mà dân cũng theo, lại nói: Dưới tôn thờ trên, chẳng theo chỗ khiến, mà theo chỗ hóa. Trên tốt là vật, dưới hẳn có rất nhiều. Nay thứ khẩu lem lém (âm điệp, tiếng nịnh nọt) bệnh ở chẳng tin. Tâm tôi mờ mờ lẫn cả giận, sao làm tín ư? Tin có ba thứ: Có trí, có ngu và có đảng, trí thì

chọn vật, người vui soi xét đó, như thuấn nêu cao đào, thang nêu Y du-ẩn. Với bậc nhân thì đến, kẻ bất nhân thì xa. Ngu và Đảng thì mọt đục thương tổn. Ngu chẳng hiện rõ ở trên ngực, đối với tin chỗ đó như hưu hầu mà quan đó (xưa kia Hạng Võ giết mổ ở Hàm Dương, đốt phá cung quyết, ba tháng lửa chẳng tắt, mà về Hạ Bi, quân tử của Tần có lời nói rằng: Làm của Hạn tịch như Hưu Hầu mà quan! Mến mộ tượng rồng mà sợ rồng thật (Diệp Công ăn rau ở lá, họ Thẩm, tên là Gia Lương, tự là Tử Cao, ham thích rồng nên học vẽ, cửa nẻo phòng nhà có cả. Trời vì thấy rồng thật, nên thấy đó mà kinh sợ, cuối cùng bị chết). Lấy cuồng thả làm Tử Đô (Tử Đô có dung mạo rất khôi ngô, cuồng là đồng, thả là ngữ từ. Thi nói: chẳng thấy Tử Đô mới thấy cuồng thả. Thi đây nghĩa là nói Thích Trịnh chẳng gọi là Hiền). Lấy đại thiên làm La-hán (Đại thiên là tăng của nước Thổ-hỏa-la, gây năm tội nghịch. Vua Võ Ưu cúng dường, tôn là La-hán). Cái may của tiểu nhân, chẳng may của quân tử (chẳng nên dùng mà được, dùng gọi đó là may, nên dùng mà chẳng được, dùng gọi đó là chẳng may). Đảng thì mất hiền và ác (nên quân tử chẳng đảng), gìn giữ gian hại thiện, bội loạn không pháp, khiến ngựa của phục sương mà bị kỵ đánh ở hung độc (ngựa của xa bàng) mà ẩn trốn là lọan chẳng sâu của núi rừng. Hai kia là chân, nếu dẫn kéo then chốt của tin và chẳng được tin. Bắc Sơn, người nhà quê ngắm nhìn ngôn từ văn vẻ của tôi (nghĩa là đó của chỗ ở) mà bảo: Là đạo đức thì ở kinh. Ngoài có sáu điển trăm họ, đủ để dạo thần vui mắt, ngồi ngay thẳng để im lặng tư duy, nay mới mở bày nghiêm xét giản độc nhẹ nặng tinh hồn. Khuôn phép đàng hoàng, đố hết vậy thôi (tự có điểm tịch nội ngoại, đâu cần khư khư soạn đây). Tôi cất giữ mà mất chứng cứ, tù từ suy nghĩ mà đáp rằng: Đường trưng chẳng đủ để hẹp nơi sông hồ, mà chẳng cưu mang ở lau đậu (chẳng thể vì hẹp nhỏ đó mà bèn chẳng sinh ở lau đậu). Bồi đắp chẳng đủ để thấp ở hành hoác mà chuyên chổ ở chanh gai (hành hoác là Nam nhạc, bồi lũ là gò đống, chanh gai là nhọn). Muôn vật xưa nay đều có phần, xưa kia Dương Hùng thấy biết ở Quân Sơn. (Dương Hùng tự là Tử Vân, ưa thích xưa cũ, có phỏng thuật Chu Dịch, thảo Kinh Thái Quyền mười quyển. Trương Bình Tử thấy bèn bảo: Chỉ có thể che đậy chum tương. Đến lúc Hoàn Đàm thấy bèn bảo: Có thể so với Thánh. Về sau, uất làm đại thú lục tích ghi chú đó). Tả xung được ngợi khen ở Hoàng Phủ (Tả Tư tự là Thái Xung, soạn phú tam đô, nhà cửa giếng cẩu, đều có giấy bút, được... phú thành của chuế thư, Hoàng Phủ Mật trông thấy mà ngợi khen, dưới đô xưng gọi là giấy quý). Ngu trí chẳng che giấu, cũng đâu có nhất định? Gặp và chẳng gặp

thương xót mẫn tôi (hề là sao, mẫn là nghĩ thương). Tầm Dịch tu trước, xa mến mộ nhận biết trước (tức mến mộ Tử Vân, Thái Xung vậy). Gá kia... ngõ hầu thiện đạo, khắc phụng thành gà, còn lợi một nửa, đã chẳng phải học trò chúng tôi, suốt ngày ăn no, thì trời cao đất dày đâu từng thiển ư? (nếu người chẳng học thì suốt ngày ăn no, không hề dụng tâm, đâu biết trời cao đất dày ư? Thiển là dáng mặt dày dặn, cũng chẳng lấy không biết làm thẹn). Cục tích thay! (dáng vẻ thân tâm lo sợ)

LỜI BẠT

Bẩm học tứ tử tán thuật.

Sa môn húy Tuệ Bảo ở Thảo Huyền Đình, tự là Quan Dụng, họ Vương. Người ở huyện Huyền Võ, thuộc Đông, gia đình đời trước vốn tập học Nho tổ, hoặc bày lực sắp xếp, hoặc cao chuộng việc đó, sáng rỡ khổ... chẳng đủ rõ ràng. Đai sư xuất gia từ thuở bé, hai mươi tuổi thọ giới, dạo rão biển học, lấy truyền diễn làm... nhã luận, từng lên tòa ẩn cơ, bảo người chung quanh rằng: Tôi xem qua sử tăng, cao nghiên tinh cứu trong ngoài, sau đó năng vào đời lập giáo, ra loại nhổ dây, cách chiếc luân nhậm trọng đến xa xôi, chưa nghe trước đó, mới ở ngoài sự giảng tạp, rộng xem các sách, sâu nơi đại dịch Xuân Thu, cùng cực người trời, rõ ràng khen chê. Các bậc danh hiền đương thời đều ứng phục cầu học đến cửa, đều nói là lên nơi Long môn, toản Tam Quốc Giản Yếu Chí mười quyển, từ đầu đến cuối chuốt gọt lắm nhiều, tản mát của Trần Thọ. soạn Cẩm Phụng Nang mười quyển ẩn phát Thánh Hiền, lời hay khéo hành, không sót vượt kinh Trích Đề mười quyển, Tài chương các hành sử gia móc sâu sách ẩn, năm vị tử ba, ngữ luận, ngọc khê tân các bốn mươi quyển, ca hành yếu kiên thân tâm yếu định, niệm phải từ nhẫn lượng phải thoáng rộng.

Ngày mười lăm tháng tám năm Bính Tý, lịch đời Minh Trang Mặc Lâm Hạn Nguyên Biện Trì tụng.

LỜI BẠT BẮC SƠN LỤC

Điện trung thừa trí sĩ Khâu Tuấn soạn.

Hiến Tông đời Đường, lên ngôi năm đầu, lấy niên hiệu là Nguyên Hòa. Bấy giờ văn chương hoàn hảo, loại như lân loan cầu hổ, lan quế châu bối, vọt mầm tinh sương, tràn khắp vũ trụ, như Hàn Thối Chi, Liễu

Tử Hậu, Nguyên Vi Chi, Bạch Cư Dị, Lưu Võ Tích, Lý Quán đều dùng tài nhọn đến vơi tạo hóa, thí tợ Tôn Ngô khởi tiễn đang thơi Chiến Quốc tranh thắng của võ dũng quyền thuật. Khâu Tuấn ở Hà Nam, thường xem Sử truyện và di biên đô đều bùi ngùi hưng cảm, tiếc chẳng được đuổi tìm chân tay, tháng giêng năm nay, bị đuổi về ở đất Hấp, bị bệnh nên ngụ ở tại Võ Lâm cạnh chùa luật Tịnh Trụ. Một hôm, Sa-môn Duy Hiền mang lễ đến biếu tại chỗ ở chật hẹp. Vừa thấy, ân nghiễm thanh thúy, nghi có chỗ chất chứa mà đến, chợt cùng đó trò chuyện thì chí khí lanh lợi, sắp muốn phát bỏ cảnh chiếu, mênh mông vô ngại. Học thư dịch phong nhã, Xuân Thu rất xác thực, huống chi bản giáo? Chợt từ trong tay áo đưa ra sấn biểu năm biên, lại nói: Đây là do Thần Thanh đệ tử của Thiệu Trúc ở Đông Thục soạn thuật, đặt tên là Bắc Sơn Lục, đầu tiên là Ngãi Nho, đến cuối là Ngoại Tín, gồm mười sáu thiên, giữ kỹ đã ba kỷ, sợ mất truyền bá, chung phạt của tệ thiện. Xưa kính mến quân tử công ở đạo đó, chẳng nịnh hót ở thế thái, khác nhặt lấy đó có thể chăng? Tuấn bèn nhận, đêm đó chẳng đến gối nằm, chong đèn để đọc, trọn ba cổ, xét đại khái. Lấy lập không tịch làm gốc, muốn thiên hạ phải về nơi hang lớn. Hội kinh thuật của Lão Tử, Khổng Tử các thuyết của Trang, Liệt, Tuấn, Mạnh, Quản, Yến, Dương, Mặc, Ban, Mã, rong ruổi trong đó, y cử muôn ngã rẽ mà đến một đường chánh. Kỳ đó thì như núi, thuần đó thì như vực, biến đó thì gió sấm, bình đó thì quyền hành, khôi hoằng đó biện bác rất lắm như vậy. Than ôi! Từ năm Bính Tuất thuộc niên hiệu Nguyên Hòa, mãi đến năm Giáp Thân tức niên hiệu Hy Ninh thứ nhất đời Tống, tất cả hai trăm sáu mươi ba năm, mà đại Nho xưa kia miệt một câu gọi là dùng Bao Bí ở thần thánh là sao? Bởi chuyên chỗ giữ đó chẳng dám dùng kinh Toại Sinh lầm lỗi mắng nhục, chẳng phải ganh ghét tài năng đó. Nhưng Tuấn Sinh ở thời Thái Bình. Lão còn phế bỏ, thiếu kém trí lực để giúp Thiên Tử, không lợi tuệ để cứu sinh nhân, chỉ tu luyện để làm cho thân đó bền chắc, thiền định để đồng trần. Nên Lỗ luận chép: Ta thì khác đối với không thể, không chẳng thể ở ngày nay, vì thế mừng sư duy hiền hạnh nghiệp cần chỉnh, năng nhổ người xưa, thực uất ở đời khác, không vạch lấy để trang sức mình, sau đó bọn áo vá nách, ai chẳng thăm mặt ở cửa của Trâu Lỗ ư!

Mùa đông tháng mười hai, năm Đinh Dậu, ghi ở cuối quyển./.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 193

LUẬN HỘ PHÁP

SỐ 2114

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2114

LUẬN HỘ PHÁP

LỜI ĐỀ TỪ NHÂN KHẮC IN LẠI LUẬN HỘ PHÁP

Thiền sư Đoan Văn-Hoán Công trú trì chùa Khai Nguyên ở Tô Châu, chẳng quản đường xa ngàn dặm đến cầu xin rằng: "Tôi có luận Hộ Pháp gồm một vạn hai ngàn ba trăm bốn mươi lăm lời, do Thừa tướng Trương Thương Anh là Đại Học Sĩ ở Điện Quán Văn thời nhà Tống soạn thuật. Luận ấy mang ý chỉ hoằng tông phò giáo rất mực rốt ráo. Ngày trước Sa-môn Tuệ Khâm người đất Mân, từng khắc các bảng in. Hàn Lâm thị giảng Học sĩ Ngu Tập đã viết lời tựa đó. Ngoài sự gặp phải binh lửa, các bản ấy từ lâu đã không còn. Văn phong chính trực của sách này không thể không lưu truyền, nên đã cho khắc bản ấn tống. Nay công việc đã hoàn thành, vậy xin có lời đề tựa ở đầu sách". Tôi ghi lời tựa rằng:

Chân Tánh Diệu minh, có như Thái không, chẳng bó buộc bởi phương hướng nơi chốn, mới đầu không hình đoạn, rỗng lắng mà tịch tĩnh, mênh mông mà lắng trong. Ra chẳng biết chỗ cùng tột, vào chẳng biết nơi chấm dứt. Cùng với vật không ngằn mé. Viên diệu mà thông. Đang lúc ấy không có tên gọi của chúng sinh và Phật, không có tướng của Tự và Tha. Các thứ đều hàm nhiếp, các thứ đều vô ngại, nào có trong một pháp có thể nói ư? Cớ sao Thái phác đã tan, hư dối Thánh Chân bạc bẽo, lo toan rong ruổi với vật, chỉ rảo theo trần duyên nghiệp thức? Chánh như người mê mờ, tự thân bị dập vùi trong đầm lớn, khói sương mịt mờ, rắn hổ tung hoành, tranh nhau lại bức ép muốn thêm sự độc hại, tóc phủ chạy cùng chẳng rõ rành phương hướng. Ở Tây phương

có Đại Thánh nhân vì xót thương nên với Ba thừa, mười hai phần giáo không thể không giảng nói. Đó là nguyên do kiến lập giáo pháp ấy vậy. Chúng sinh nghe pháp ấy, vâng theo mà thực hành, lại như thấy được ánh sáng vầng Nhật, gặp bạn lành ưu thắng, vì xua đuổi các thứ xấu ác, dẫn dắt lên đường thông suốt, tức lìa khỏi khiếp sợ mà đến được an ổn. Nguyện may mắn ấy ai có thể thêm ư? Chẳng thấm đượm đức hạnh sâu mầu ấy, trở lại theo trái mà nói bài xích. Đó tợ như cầm nắm kiếm bén để tự tổn thương mình, vậy thì làm sao mà không tổn hại Đại pháp ư? Tâm người điên đảo sa đọa chẳng gì quá hơn vậy. Có người nhận biết, lại thấu rõ tâm xót thương của Đức Như Lai, mà luận Hộ Pháp cũng không thể không làm vậy. Than ôi! Tam Hoàng trị vì thiên hạ khéo dùng theo thời, Ngũ Đế thì cải đổi dùng lấy Nhân tín, Tam Vương lại sử dụng Trí dũng, bởi phong khí tùy theo thời mà chuyển đổi, nên người trị vì cũng nhân thời mà ngự biến. Thành Chu đã giáng, tối tăm ồn náo láng bóng, hợp nhiên đều làm. Xiềng xích chẳng đủ để bắt tù, búa bén chẳng đủ để làm cai.

Thánh nhân ở phương Tây trải qua giảng bày thuyết Nhân quả luân hồi, khiến người mến mộ cứng mạnh nghe đó đỏ cổ đổ mồ hôi lưng, rụt rè sợ lui. Tuy đối với loài sâu kiến cũng không dám giẫm đạp, há chẳng có đủ để bổ ích trị hóa ư? Vì thế Liễu Tông Nguyên nói "Âm bay Vương độ" là ấy vậy. Đó còn nói qua loa vậy thôi. Với người bậc trên xét soi nội quán thì chẳng Quán. Chẳng phải tức chẳng phải lìa, có thể để khỏi thấp kém dơ bẩn mà tận cùng cao sáng, vượt ba cõi mà đạp đến Diệu giác, thật chẳng thể lừa dối vậy. Cớ sao nói tệ đó? Cớ sao bài xích đó? Người ở đời trông xem luận này có thể kính sợ mà Tư duy, kinh hãi mà soi xét vậy. Tuy nhiên Tôi có một lời nói đều vì môn đồ giòng họ Thích mà nói, đó là sườn nhà bền chắc, gió mưa chẳng thể thấm ướt lay động. Người mạnh mẽ gìn giữ đầy đủ, tật bệnh chẳng thể xâm lấn. Những bậc sĩ Truy y lại cũng tự trái gốc ấy ư? Tôi thật lấy làm quái lạ.

Phàm người đọc tụng lời của Phật Đà mà thực hành hạnh của Ngoại Đạo, là tự hủy hoại giáo pháp vậy. Giới luật không nghiêm trì, mà rong ruổi theo ngoại duyên, là tự hủy hoại giáo Pháp vậy. Truyện nói: "Nhà hẳn tự hủy hoại mà người sau hủy hoại đó". Còn ai lớn hơn vậy ư?

Nay nhân sự cầu thỉnh của Thiền sư, mới khẩn thiết vì các vị kẻ Tăng người tục mà nói chung đó vậy. Dù ai hiểu tôi hay buộc tội tôi thì tôi đều chẳng thể từ chối vậy. Thiền sư là người ở Dự Chương, biết quý báu Đại pháp, như nhìn giữ tròng mắt. Nhưng, thân mặc áo giấy,

tự thực hành khổ hạnh. Gặp sông, người bệnh muốn qua thì làm cầu bè đó; giữa đường gặp lỗi lầm thì đắp gạch đó; gặp lốt khô bão táp, khiến phơi bày thề bít đó, như trời yên tĩnh đi giữa đường thông, chuyển dời đến ở chùa hiện nay. Mới đầu mở Đại giới đàn để truyền trao giới pháp cho người, giúp cứu mẹ bị phạm hiến pháp nước nhà. Thiền sư ứng cơ thiết giáo, dẫn dắt dân chúng làm việc thiện, dốc lực đối với Phật pháp, chẳng phải ngôn từ có thể nói hết được vậy. Nay lại khắc bản luận này để lưu truyền, thật không thẹn với Sa-môn có đạo ấy vậy!

Ngày mồng chín tháng chín Năm Hồng Võ thứ bảy (1368) thời nhà Minh. Hàn lâm Thị giảng Học Sĩ, Trung thuận Đại phu tri chế cáo. Đồng tu Quốc sử kiêm Thái tử Tân thiện Đại phu Kim Hoa Tống Liêm kính soạn.

LỜI TỰA LUẬN HỘ PHÁP
(NGUYÊN TỰ)

Thiên hạ không hai đạo, Thánh nhân không hai tâm. Bởi đạo sinh trước đất trời, phô bày xưa nay mà thường còn. Thánh nhân đắc chân của Đạo để trị thân. Ngoài giống mối ấy ra, đất trộn phân để trị Thiên hạ nước nhà, há chẳng lớn ư? Nên Thánh nhân hoặc sinh ở Trung quốc, hoặc sinh ở phương Tây, hoặc sinh ở Đông di Tây di. Sinh tuy khác phương mà đắc chân của Đạo ấy như hợp phù khế, chưa từng có khác vậy. Phật sinh ở phương Tây, đắc chân của Đạo để trị thân, dùng tịch diệt làm an lạc ấy vậy. Tự chứng đắc Diệu hữu Chân không, viên minh rộng lớn, không thể nghĩ bàn. Vì vậy Khổng Tử nói: “Phật là Thánh nhân ở phương Tây!” Khổng Tử là bậc Thánh nhân, là thầy của muôn đời, đâu nói hư dối ư? Khổng Tử tôn kính Phật như thế, các học giả học Khổng Tử mà không tin lời Khổng Tử nói, trái lại sinh phỉ báng bài xích, thì đâu khác gì bài xích Khổng Tử? Đó đều chẳng phải là học trò của ta vậy.

Cư Sĩ Vô Tận thấu đạt uyên nguyên của Đại Đạo, rõ suốt Nho giáo Thích giáo không hai, đau xót những kẻ phàm phu tục học mờ tối, chẳng tỏ ngộ chân tánh của chính mình. Tại trong hành xử thường ngày mà điên đảo vọng tưởng, chẳng được môn ấy mà vào, ôm hoài ganh ghét sâu nặng, khua môi múa lưỡi, chuyên bài xích Phật làm hay giỏi, tự so sánh Mạnh Tử, chống cự công của Dương mặc, khiến người

đời sau ngợi ca, cho đó là học trò của Thánh nhân. Học giả đui điếc há chẳng phải khinh tâm ư? Khinh tâm tức là kinh Trời, vậy thì Luận Hộ Pháp há được chấp nhận ư?

Trông xem nghị luận ấy cứng mạnh chân chánh, lấy cho nghiêm minh, dẫn chứng thành thật, phô bày rõ ràng đầy đủ, sáng tỏ như mặt Nhật, tín như bốn mùa, chẳng phải trong ngực vượt thoát, gồm suốt yếu diệu của chí đạo. Sở dĩ đạt được thế nên hay giải thích nghi ngờ của thiên hạ, dứt sự phỉ báng của thiên hạ, thật đáng làm chuẩn mực cho hàng hậu học vậy. Mạnh Tử nói: "Người dốc hết tâm ấy thì biết được tánh ấy, biết được tánh ấy thì biết được Trời và Phật ấy". Với chỗ nói là chỉ thẳng Tâm người thấy Tánh thành Phật. Không lấy làm khác vậy. Phật dùng giới định tuệ làm Đại yếu của Đại Đạo. Với điều mà Nho giáo tôi nói trừ dẹp phẩn hận, lấp diệt tham dục, đó tức là Giới vậy. Tịch nhiên bất động, đó tức là Định vậy. Cảm mà bén thông thiên hạ, đó tức là Tuệ vậy. Với ba điều ấy, Nho giáo và Thích giáo nào chẳng tương đồng? Bởi vì phương sách biên ghi đều là cặn bả của người xưa, nếu đọc tụng cặn bả mà chẳng nhận biết ý chỉ cốt yếu của Thánh nhân, thì cùng hạng người xoay mặt vách tường nào có khác gì? Ở Hạnh Đàn, đồ chúng có tới ba ngàn mà đắc đạo của Phu tử chỉ một mình Nhan Tử mà thôi, còn chưa đạt được một gian. Trên Linh Sơn có cả trăm vạn đồ chúng, tỏ ngộ Huyền cơ thì chỉ một mình Ca-diếp mà thôi, huống hồ trông ngóng Thánh nhân! Với thời gian vài ngàn năm, nghe mỹ phong ấy, đọc xem Kinh sách ấy đều muốn tạo nên thành vức của Thánh nhân cũng chẳng khó ư? Thích nghi tà thuyết ấy lan tràn bàn nghị dấy khởi, thì luận của Hộ Pháp xác thực không thể bài bác vậy.

Ngày Rằm tháng sáu năm Tân mão (1171) thuộc niên hiệu Càn Đạo thời Nam Tống.

Cư Sĩ Vô Tận cùng Trịnh Hưng Đức ở Nam gian cùng soạn thuật.

LUẬN HỘ PHÁP

Thời Nam Tống, Thừa tướng Trương Thương Anh,
hiệu Vô Tận cư sĩ soạn thuật.

Khổng Tử nói: “Sáng sớm được nghe Đạo, chiều tối chết cũng cam vậy”. Lấy Nhân Nghĩa, Trung Tín làm Đạo ư? Thì Khổng Tử hẳn có Nhân Nghĩa Trung Tín vậy. Lấy trường sinh thân cận lâu dài làm Đạo ư? Thì nói chiều tối chết cũng cam vậy. Nếu vậy thì cầu nghe đạo gì ư? Há chẳng phải là Đạo của Đấng Đại giác từ tôn biết tâm thấy tánh Vô thượng Bồ-đề ư? Nếu không như vậy, sao Liệt Tử cho rằng Khổng Tử nói: “Khâu tôi nghe ở phương Tây có Đại Thánh nhân, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không giáo hóa mà tự thực hành. Mênh mông thay! Dân không thể biết gọi là gì!” Liệt Tử là người học theo Khổng Tử mà bèn nói như thế, tin chắc là không hư dối vậy.

Khổng Tử là bậc Thánh nhân còn tôn quý Đạo ấy, mà những người học theo Khổng Tử ngày nay chưa đọc được sách trong trăm mười quyển, mà trước tiên bài bác Phật Pháp cho là cấp vụ. Nghĩa là sao? Đâu riêng Khổng Tử tôn quý Đạo ấy ư? Đến như các bậc Thần kỳ trên dưới không ai chẳng tôn sùng kính phụng. Huống gì phàm phu ngày nay luôn buông ý phá hủy bài xích, tự mê mờ tánh tịnh của chính mình, có thể chẳng đáng thương ư? Hàn Dũ nói: “Phàm những người làm sử, nếu không có họa bởi người thì cũng có hình phạt của Trời”. Đâu có thể không khiếp sợ mà khinh thường đó ư? Bởi vì người làm Sử tức nhặt nhạnh các sự tích có thật để vỗ về mọi người mà còn có hình phạt và tai họa, huống gì vô cớ mà khinh bạc để phá hủy Đại Thánh nhân ư? Vả lại, người ngày nay đã trong vô lượng kiếp lại còn chìm đắm trong các thú, nương nhờ chút ít sức thiện mà được thân này, thọ yểu riêng biệt chưa định. Đến tuổi bảy mươi cũng tạm gởi gắm nơi Nhân gian vậy. Vì căn lành yếu kém, chẳng thể thân gần nung nấu Đạo ấy rốt ráo, chốc lát già suy kéo đến, làm người sống rỗng chết trôi, tự đáng buồn đau. Nào có thời gian rảnh, tung phóng nghiệp thức vô minh. Xướng tạo đầu mối, dẫn dụ đồng đảng Xiển đề đời sau, trái với tánh giác, hợp với trần lao, đồng vào biển ái, tội lỗi tích chứa cho thân sau. Vậy có thể chẳng cẩn trọng ư?

Vả lại, Đức Phật nào mong cầu gì ở đời, chỉ đem từ bi rộng lớn, nguyện lực sâu nặng, thương thấy hết thảy chúng sinh qua lại trong sáu đường nhận chịu các thứ khổ không lúc nào tạm dứt, nên từ cung trời Đâu Suất thị hiện vào nhà của Quốc Vương Tịnh Phạn, làm Thái tử đệ nhất, đạo đức văn võ đoan nghiêm đỉnh đạt. Với trong các bậc Thánh nhân chưa từng có ai được như thế. Đến tuổi hai mươi, Ngài vất bỏ ngôi báu Kim Luân, xuất gia tu đạo, thành Đẳng Chánh giác, làm thầy của Trời người, tùy cơ giảng nói Tam thừa Ngũ giáo. Đến sau cùng, đem chánh pháp Nhãn tạng Niết-bàn Diệu tâm phó chúc cho Đại Ca-diếp. Ấy là truyền riêng ngoài giáo, lại tiếp tục truyền trao, nhiều người tiếp gót thượng căn. Cho nên, khi Hoàng Đế Thái Tông (Triệu Quýnh 975-998 thời Bắc Tống) của bản triều chúng ta viết lời tựa kinh Kim Cang Bát-nhã đã có lời than là nghiệp nông cạn chẳng tu, thương ngu mê chấp trước. Chẳng phải chỗ biết của hàng Hạ sĩ, thì hàng thiển cận đâu có thể tầm cứu ư? Lớn thay lời nói của Thánh nhân, rất đáng tin phục! Nhất là từ sau khi Phật pháp lưu truyền đến phương Đông, Đại tạng giáo thừa không nơi nào chẳng có. Nên tôi thường nói rằng: "Muốn bài bác giáo điển ấy thì phải đọc hết Kinh sách ấy, tìm cầu sâu xa nghĩa lý ấy, nhặt lấy điều không hợp với Nho giáo tôi, cho người học Phật thấy đó, phân chiết nghi ngờ, biện giải lầm hoặc, và sau đó bài xích mới có thể được vậy". Nay chẳng thông rành nghĩa lý ấy mà vọng bài xích đó thì là bài xích chim Yến cười chim Côn Bằng, như khuẩn nấm mà khinh tùng bách vậy.

Âu Dương Tu nói: "Phật khơi bày những việc không nghiệm chẳng thật". Bởi cũng chưa tư duy đó vậy. Thường vì người tạo vọng, chứ Phật đâu có tâm ấy ư? Thật vì muốn cấp giúp người đói rét để thoát khỏi hoạn nạn mà thôi. Phật xả bỏ sự quý trọng giàu sang cùng tột, vì Đạo quên thân, chẳng phải gấp của đói rét, không hoạn nạn nào miễn khỏi. Người bày hư vọng ấy, mưu đồ gì ư? Nếu vì tạo vọng mà dẫn dụ, đồ chúng phàm phu ấy còn biết tự thân ta không vui, nào rảnh giúp đỡ sau ta, mà Phật đâu không biết ư? Người đời xưa nay, có chút hẹp hòi khinh dối hẳn bị mọi người vất bỏ, huống gì các bậc Hiền giả có sự nhận biết ư? Nếu như Phật có mảy may vọng tâm thì sao có thể khiến Phật giáo đó lầu dài phô bày từ ngàn xưa, ban trải khắp cùng mười phương; Trời rồng quỷ thần không ai chẳng khuynh tâm; Bồ-tát, La-hán lại cùng nhau hoằng hóa? Thử luận bàn điều đó, người có tâm hư vọng dối trá tìm cầu niềm tin nơi hàng thấp kém hạ ngu còn chẳng thể được, huống gì đối với Thánh nhân có khả năng nhiếp phục hạng đầy đủ thần thông

ư?

Trong kinh nói: “Như Lai nói lời chân, nói lời thật, nói lời Như, nói lời không cuống hoặc, nói lời không sai khác”. Lại nói: “Chư Phật Như Lai không nói lời hư vọng”. Đáng tin thay lời nói đó rõ ràng như vầng Nhật tỏa sáng! Mạnh Tử nói: “Đọc tụng lời của vua Nghiêu, thực hành hạnh vua Nghiêu, là chỉ vua Nghiêu mà thôi vậy”. Tôi thì nói rằng: “Đọc tụng lời Phật dạy, thực hành hạnh Phật làm, là chỉ Phật mà thôi”. Sao ân hận ấy ư? Phật Tổ tu chánh vào Đạo, đi tắt nhanh nhẹn như thế, mà người trái lại cho là khó, thì rất đáng xót thương! Nắm chắc cốt yếu, đó chỉ là giới định tuệ mà thôi. Nếu hay Trì giới, quyết định không rơi lạc vào Tam đồ; nếu hay nhiếp định lực, quyết định công phu vượt qua sáu dục; nếu hay Định Tuệ viên minh thì thấu đạt Tri kiến Phật, vào ngôi vị Đại thừa. Nào có gì khó ư? Kinh Thi nói: “Đức nhẹ như lông, Dân tốt đẹp khắc cử đó”. Đó là nghĩa gì ư?

Hàn Dũ cùng Thiền sư Đại Điên bàn luận qua lại vài ngàn ngôn từ, cuối cùng bị Thiền sư Đại Điên hỏi một câu rằng: “Ông tự lương học vấn nhận biết của mình có thể như Phật Đồ Trừng ở thời nhà Tấn chăng? Có thể như La Thập ở thời Diệu Tần chăng? Có thể như Bảo Chí ở thời Nam Lương chăng?” Hàn Dũ nói: “Đối với những người ấy thì tôi không bằng được”. Thiền sư Đại Điên bảo: “Ông không thông minh như những người kia, mà chỗ những người kia vâng theo tôn thờ, ông lại cho là chẳng phải, nghĩa là sao?” Hàn Dũ chẳng thể trả lời thêm gì cả. Đó, ông nói trong Thiên hạ, Phật nào phòng ngại gì việc người đời ư? Trong kinh Kim Cang Bát-nhã nói: “Cho nên Như Lai nói hết thảy các Pháp đều là Phật Pháp”. Trong kinh Duy-ma-cật có lời kệ tụng rằng:

“Kinh sách thuật chú cấm / Khéo léo các kỷ nghệ / Đều hiện hành việc ấy / Lợi ích các Quần sinh”.

Trong kinh Pháp Hoa lại nói: “Các nghề nghiệp nuôi sống đều thuận theo chánh Pháp”. Phó Đại sĩ Bàng Đạo Nguyên đâu phải không có vợ con ư? Như vậy là thân ở chốn trần lao mà tâm thường Thánh tịnh, thì bèn có thể chuyển thức thành Trí, giống như nắm đất thành vòng, hết thảy phiền não đều là Bồ-đề, hết thảy pháp thế gian không gì chẳng là Phật Pháp. Lớn lao hùng vĩ thay!

Âu Dương Tu nói: “Phật là Đại hoạn của Trung quốc”. Sao nói quá lắm thế ư? Sao chẳng suy nghĩ đó? Phàm là có hại đối với người, sao không bị người nhàm chán và trời diệt dẹp ư? Sao có thể bám sâu bền chặt nơi Thiên hạ vậy? Còn Kiệt Trụ là Thiên tử ở Trung quốc, dấu vết hủy hại mỗi một rõ ràng, mà trong Thiên hạ đời sau vẫn cùng oán

trách đó? Huống gì Phật là người Thượng cổ ở phương xa, chỉ chuyển lời không truyền đến xứ này. Người trời đều quy hướng mỹ hóa, tợ như cỏ rạp theo gió. Nếu chẳng phải là Đại thiện, Đại tuệ, Đại lợi ích, Đại nhân duyên để cảm cách tâm của trời người, mà trù khắc vậy ư? Tất cả các trọng tội đều có thể sám hối, còn tội phỉ báng Phật Pháp không thể sám hối. Chân thật thay lời nói ấy vậy! Phỉ báng Phật pháp thì tự mờ tối tâm vậy. Tâm ấy tự mờ tối thì như đồ gốm đã phá hư không thể trở lại vẹn toàn, tro than không thể trở lại thành cây gỗ vậy! Có thể sám hối được chăng? Phật dạy: "Chỉ có lưu thông Phật Pháp tức là báo đáp ân đức của Phật". Nay đối với Phù Đồ, tuy trong trăm ngàn không một người có khả năng phảng phất người xưa. Đâu phải tội của Phật Pháp, mà tội của người ấy. Tuy là như vậy, lễ chẳng phải ngọc gấm mà chẳng phô bày, nhạc chẳng phải chuông trống mà chẳng truyền. Nếu chẳng nhờ đồ chúng đó để giữ gìn pháp ấy thì Phật Pháp cũng đợi sắp hết tuyệt, không còn nghe vậy. Tiếp nối thọ mạng Phật pháp cậy nhờ đâu ư? Người lạm dụng kính nghi pháp phục đó, giết dẹp đó tự có Quỷ thần vậy, cảnh tỉnh đó tự có quả báo vậy, nghiêm cách đó tự có hình phạt hiến pháp vậy, luật chế đó tự có quy củ vậy. Bọn tôi sau cùng được ư? Tuy nói như vậy nhưng khi tôi đến đây vẫn còn canh cánh trong lòng hai thuyết, đó là : Tô Tử Chiêm từng nói với tôi rằng: "Đồ chúng giòng họ Thích, chỗ bó buộc giáo pháp của chư Phật, không thể đem hàng Thức tục mà đãi đó. Hoặc có việc mà đến dưới sân, thì tôi theo phải lấy việc phó chúc lưu thông làm tâm niệm, khiến cho rộng rãi, sơ lược có thể vậy". Lại nữa, Tăng Phùng Nguyên lúc làm Quận nói là: "Trong giòng họ Thích, nếu có người đến tố tụng, xét duyệt nếu thật có tội, hẳn phạt không tha thứ. Còn như có thể miễn khỏi, thì bảo: "Phật pháp giao phó cho các vị Quốc Vương Đại thần, nếu không phạt một răn trăm thì kẻ xấu ác thêm nhiều. Ngay hiện đời nay, muốn chỉnh tề đó mà xả bỏ bọn tôi thì người ấy là ai ư?" Tôi xét lời của hai ông ấy nói thì Tăng Phùng Nguyên chỗ được lắm nhiều vậy. Với người có điều bất thiện, thật có thể xấu ác vậy.

Sao không nghĩ Hoàng ân độ điệp, chẳng buộc phải làm việc, là ân huệ của Nhân chủ ư? Sao không nghĩ lời người xưa có nói "một người con xuất gia, chín giòng tộc được thác sinh lên trời ư?" Sao không nghĩ giả từ người thân xa bỏ thế tục, đáng phải làm việc gì ư? Sao không nghĩ tấc bóng thời gian dễ qua mau mà Đạo nghiệp khó thành ư? Sao không nghĩ Đạo nhãn chưa tỏ sáng mà bốn ân khó báo đáp ư? Sao không nghĩ Hạnh nghiệp không tu mà lạm ứng nhận sự cung kính ư?

Sao không nghĩ Đạo chẳng phải ta tu thì ai tu ư? Sao không nghĩ chánh Pháp sắp suy sụp mà ma pháp tăng mạnh ư? Bởi vì xưa kia ở thời Tôn giả Vô Trước gặp Bồ-tát Văn-thù đã có phàm Thánh chung ở, phàm Thánh lẫn lộn, huống gì nay cách Thánh càng xa, tìm cầu thuần nhất đó, cũng chẳng khó khăn ư? Nhưng nghĩ chỗ gởi gắm của Đại pháp tợ như vạch cát lượm vàng, nhóm đá tìm Ngọc. Tung mười hộc cát được một mảnh vàng, chất một núi đá được một tấc ngọc, còn có thể lấy làm trân quý của đời vậy. Chẳng riêng gì đồ chúng học Phật làm vậy, mà ở thời Khổng Tử cũng đã phân Quân tử nho và Tiểu nhân nho, huống gì nay là hậu thế, người vận mặc Nho phục đâu phải đều là Khổng Mạnh Nhan Mẫn ấy ư? Tuy nói người học cầu làm Quân tử, há được bảo đảm họ đều là quân tử đó ư? Xem qua từ xưa cướp lớn gian thần, mạnh phản làm loạn, hung nghịch lôi kéo lắm nhiều kẻ sĩ tài cao lược rộng. Đó đâu phải tội bởi Tiên Vương Thánh giáo ư? Đó đâu phải bất thiện bởi Kinh sử ư? Lấy đó mà luận, chư Tăng ở thời mạt pháp Tượng giáo, hư bại phần nhiều từ người không có giới luật, chỗ chưa thể khỏi của Thế lực vậy.

Hàn Dũ nói: "Phật là một pháp của Di Địch, từ thời Hậu Hán lưu truyền đến Trung quốc. Ở thời Thượng cổ chưa từng có vậy. Từ đời Hoàng đế trở xuống, đời Văn Võ trở lên, khắp đều chẳng dưới trăm năm. Đời sau phụng sự Phật dẫn kính cẩn, niên đại rất thúc ngặt". Xấu đẹp thay, Hàn Dũ tự khinh! Hàn Dũ há không nghe Mạnh Tử nói: "Thuấn Đế sinh ở Gia Bằng, chuyển đời đến Phụ Hạ, chết tại Minh Điều, vốn người xứ Đông Di. Văn Vương sinh ở Kỳ Chu, chết tại Tất Dĩnh, vốn người xứ Tây Di." Thuấn Đế và Văn Vương đều là Thánh nhân, làm pháp cho đời sau trong thiên hạ, sao có thể cho người ấy là Di mà phế dẹp pháp ấy ư? Huống gì Đức Phật do từ quốc vương Tịnh Phạn là trung tâm của Nam Thiệm-bộ châu, chẳng phải là Di vậy. Nếu cho là từ thời thượng cổ chưa từng có mà không thể thực hành, thì Si Vưu mù chột sinh ở đời Thượng cổ; Chu Công, Trọng Ni sinh ở đời sau, đâu có thể xả bỏ Thánh hiền ở thời Chu suy mà lấy Hung ngu ở thời Thượng cổ ư? Vả lại, thời Thượng cổ, con người hoang dã sinh sống nơi hang huyệt, ăn lông uống máu mà trên rườn dưới nhà toản toại đổi cách lấy lửa phát khởi ở đời sau đều chẳng đủ dùng vậy. Nếu cho rằng thời Thượng cổ con người thọ khảo, mà đời sau phụng sự Phật dần kính cẩn nên niên đại rất thúc ngặt, luận nói của trận linh bít tai, Hàn Dũ há không biết việc của Ngoại Bính hai năm, Trọng Nhâm bốn năm ư? Há không biết yếu của Khổng Lý, Nhan Uyên, Nhiễm Bá Ngưu ư? Lại nữa, Thư Vô Dật nói: "Từ thời đó trở về sau, cũng không, hoặc khắc thọ, hoặc mười

năm, hoặc bảy tám năm, hoặc năm sáu năm, hoặc ba bốn năm." Thời ấy ở phương này chưa nghe tên Phật Pháp, từ sau đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán, Phật Pháp mới lưu truyền đến đây, Đại Sư Nhị Tổ (Tuệ Khả) thọ 107 tuổi, Quốc Sư An thọ 128 tuổi, Hòa Thượng Triệu Châu thọ một trăm hai mươi tuổi, đâu phải lỗi quá của Phật Pháp ư? Lại nói như kia nếu có thể có bằng chứng thì gia tộc của Thần đáng đến diệt mất. Đó cũng tự tệ quá lắm vậy.

Phật là Đấng Đại từ Đại bi Đại hỷ xả, tự tha không gián đoạn, oán thân đều xem bình đẳng. Như Đề-bà-đạt-đa, đã gieo rắc lắm thứ xâm hại đối với Đức Phật, mà Phật trọn vẫn xót thương đó, còn thọ ký sẽ thành Phật. Mà đời sau nếu cầu Hỷ Thứ Họa phước lấy làm linh, thì là cầu mời cúng tế, Quỷ thần nho nhỏ vậy, sao được gọi đó là Đại Từ Bi phụ ư? Con người ở đời có độ lượng, còn có thể gặp vật có dung thứ, phạm mà chẳng xét kiểm, huống gì Thánh nhân tâm bao gồm Thái hư, lượng rộng khắp pháp giới ư? Tin hay không tin, nào thêm tổn hại gì! Phật như bậc Đại y Vương khéo ban bố pháp dược. Người có bệnh tin mà uống đó, bệnh ấy hẳn lành, còn như người bệnh không tin, bởi tự vất bỏ vậy, đâu phải lỗi quá bởi Y Vương ư? Sâu trùng mùa Hạ không thể nói là băng sương, Ếch ở đáy giếng không thể nói là biển Đông. Tôi đối với Hàn Dũ mà thấy điều đó như vậy. Nếu cho rằng vì phụng sự Phật mà thúc ngặt tuổi thọ, thì người hủy phá Phật đáng nên sống thọ lâu dài, và người ở đời sau bài bác Phật nên đông nhiều, Sĩ thứ cũng chẳng đủ để nói đó. Như trong thời Tiền Đường, hạ tuần tháng tám năm Hôi Xướng thứ năm (845) thời vua Võ Tông (Lý Viêm 841-846) phế hủy Phật giáo, đến đầu tháng ba năm sau (846) chỉ mới được nửa năm mà vua băng hà, đó là gì ư? Còn như cũng trong thời Tiền Đường, các vị như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Lư Đồng, Lý Cao,... Hàn Dũ cũng tự biết mình chẳng bằng họ, nhưng các ông ấy cũng chưa từng bài bác Phật giáo và cũng chẳng mất danh tiếng.

Tâm tình của mọi người không ai chẳng tốt lành đồng mà xấu ác khác, phải đây mà quấy kia. Vả lại, điều ưa thích của người đời là việc phấn hoa vừa ý, còn điểm hành tập của người giòng họ Thích là pháp giản tĩnh dứt tâm. Đó là điểm trái ngược với người đời. Các người có Trí phải nên xét điểm ưu thắng của Lý, điểm tồn tại của Đạo, lại sao có thể phải quấy chẳng nguyên từ đây kia ư? Người ở dưới rừng ăn nghỉ Thiền yến, gìn giữ khuôn phép, đều là pháp thức của Phật Tổ. Xưa nay y theo đó mà thực hành, khắp đều chứng thành Thánh Đạo. Mỗi lúc thấy người dèm pha ở đời, không hợp với lưu tục nên vậy. Phật thiết lập giáo pháp

rất công mà rất rộng, lại đâu chỉ hàng nâu sòng cắt tóc được riêng làm ư? Nên ở thời tiền Đường, Tướng Bùi Công Mỹ soạn lời tựa Kinh Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán, nói rằng: "Lúc mới thành Chánh giác, Đức Thế Tôn than rằng: "Kỳ thay! Hết thảy chúng sinh đều có đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà chẳng chứng đắc". Khi đó xưng là pháp giới tánh, giảng nói Kinh Hoa Nghiêm. Đức Phật tùy căn cơ mà dẫn dắt nên có lắm ngăn mở quyền biến. Không thể chấp nhất mà tìm cầu đó.

Âu Dương Vĩnh Thúc nói: "Ở đời không có Phật, tiếng tăm của Thi thơ Nhã tụng, đó là dân chúng cầu mong được phước như vậy". Tâm của Vĩnh Thúc tốt đồng xấu khác, phải thì như vậy, nhưng chẳng thể nghĩ ngợi thông cả phương xa, sau đó hẹp hòi vậy ư? Nếu hẳn dùng chính sách buộc dây ban thí đó ở hiện nay có thể được chăng? Rất không biết Lý của thiên hạ! Vật hiếm thì quý. Nếu khiến người đời khắp đều là Nho, thì ai chẳng mong cầu vinh hạnh, ai chẳng mưu tính lợi lộc. Người mong cầu mưu tính đông nhiều thì đua tranh dấy khởi, đua tranh dấy khởi thì đố kỵ phát sinh, đố kỵ phát sinh thì khen chê hơn kém, khen chê hơn kém thì oán thù tạo tác, oán thù tạo tác thì đè lấp lắm nhiều, đè lấp lắm nhiều thì tâm ngu xuẩn không đâu chẳng đến. Tâm ngu xuẩn không đâu chẳng đến thì làm Nho cũng chẳng đủ lấy làm quý, chẳng đợi Nho giả làm chẳng đủ quý vậy. Sĩ phong như thế thì tìm cầu bình trị của thiên hạ cũng khó vậy. Phật đem giáo pháp phó chúc cho các hàng Quốc Vương Đại Thần chẳng dám tự khuyên vậy, muốn khiến đồ chúng độ ở đời sau không oai thế để tự tôn quý. Sáng ngời đạo đức lấy làm tôn quý, không tước lộc để tự sinh sống, y theo giáo pháp mà mong cầu sự sống, đến nơi mọi người mà khất thực, khiến đó dẹp bẻ kiêu mạn, hạ tâm đối với hết thảy chúng sinh. Lại nữa, Kinh Duy-ma-cật nói: "Phật bảo Tôn giả Ca-diếp đến thăm bệnh Duy-ma-cật, Tôn giả Ca-diếp tự nhớ nghĩ, xin trước đến trong thôn nghèo bần và lúc đang hành hạnh khất thực, Duy-ma-cật đến mà bảo: "Chỉ Đại Ca-diếp có tâm từ-bi mà chẳng thể rộng khắp, nên xả bỏ nhà sang giàu theo đến nơi nghèo bần mà khất cầu vậy". Pháp Sư Tăng Triệu ghi chú rằng: "Ca-diếp cho rằng người nghèo bần bởi xưa trước chẳng gieo trồng cội phúc, nên sinh vào trong thân nghèo bần. Nếu nay không tích chứa việc thiện thì sau lại càng tệ hơn. Vì xót thương chúng sinh chịu khổ lâu dài như thế, nên phần nhiều đến nơi họ mà khất thực". Lại nói: "Thấy người đến mong cầu, nên khởi tưởng là bậc thầy tốt lành". Pháp Sư La Thập ghi chú rằng: "Vốn không có ý ban thí, nhân người kia đến mong

cầu, phát khởi ngã tâm ban thí, coi đó là thầy của ta, nên khởi ý tưởng là bậc Thầy tốt lành vậy". Chẳng nuôi dưỡng vợ con, khiến việc ấy giản đơn, phiền lụy nhẹ nhàng và Đạo nghiệp dễ thành. Thay đổi hình nghi pháp phục là khiến đó xa lìa trần cấu, mà luôn luôn tự cảnh tỉnh vậy. Tiếc thay! Người trộm ăn môn ấy, chí nguyện suy kém chẳng thể mong ngóng kịp người xưa. Rất đáng than vậy.

Vả lại, dẫn dắt dân chúng sống lành ở đời không gì lớn bằng giáo, cùng lý tận tánh, không gì vượt qua Đạo. Kia nương giáo thực hành Đạo, mong cầu đạt đến Niết-bàn, lấy đó để báo đáp ân đức, lấy đó để giúp đỡ Quân vương và thân tộc cũng chẳng đạt đến ư? Nên các bậc Thánh Quân đời sau vì đó mà xây dựng chùa chiền, đặt để ruộng vườn, chẳng quên phó chúc, khiến họ an tâm hành Đạo. Tùy phương thiết hóa, tiếng tăm vượt ngoài bốn hạng dân, thân ở trong pháp Lục hòa. Giới ấy nghiêm tịnh thì phước che trùm cả trời người, Tâm ấy chân chánh thì Đạo đồng với Phật Tổ. Nguyên thâm ân ấy, phải tự nghĩ đó là do Quân Vương ban bố vậy. Nếu hay dùng Thiền luật tinh chuyên, đối với đất trời không hổ thẹn, bày dẫn hết thảy chúng sinh, nhỏ thì chuyển đổi thiện, xa thì lìa tội lỗi, lớn thì tỏ ngộ Tâm chứng Thánh trên hộ giúp pháp giúp vô vi, kín ngầm giúp ân khó báo đáp, thì chẳng sai lầm làm Đệ tử của Như Lai vậy. Nếu trái phạm giới luật của Phật Tổ, lạm ứng ăn không, tội đâu không trút đổ ư? Trên đời tuy có ba vua tên Võ vì thọ sự thỉnh cầu của Hạ thần tà ác, ý nhạy bén dẹp trừ, đã phế hủy giáo pháp, về sau theo đó lại càng hưng thạnh, như túc vật của gió sương, cũng tạm thời vậy. Như sau Đông có tươi tốt của Xuân, người muốn chặt phá hết cỏ cây mà hay khiến sau Đông không Xuân thì có thể được vậy ư? Nếu biết sau Đông có Xuân thì sao khổ nhọc tự gánh xấu ác ấy mà rõ bày kia làm Thiện vậy, đối với tự mình nào có ích lợi gì ư?

Tôi từng quán xét trong số đồ chúng ấy, có người từ bỏ vinh hoa, vất xả giàu sang; có người thông mẫn sáng suốt, kia cũng không biết giàu sang có thể vui, sắc xuân đáng mừng, ngọt ngon của béo tốt, đẹp xinh của xe cộ y phục, mà cam tâm ở nơi sâu thẳm tịch mịch, ăn canh cỏ lệ, vận mặc gai bố chỉ để khỏi đói lạnh. Nếu chưa thể thấu đạt Đạo ấy thì hẳn dần có chỗ tự đắc ấy vậy. Có người bàn nghị rất ganh ghét đồ chúng ấy là chẳng do cấy cày mà ăn. Đó cũng là người biết một mà chẳng biết khác đó vậy. Há chẳng rõ xem khắp Đô ấp lớn, người không biết cày cấy mà ăn thì mười người đã có hết bảy tám, cho đến trên rừng núi sông biển, cướp trộm gian xảo; dưới chợ búa quán trọ, xướng vui đùa cợt; giữa khoảng nguồn hẹp đường cong, lại khinh công phụ phản;

trong đền Thần miếu vũ, thầy trò bói tế đều như vậy cả. Có phải là riêng đối với người gìn giữ tường thành, Tâm thức mà đâm ganh ghét đó ư? Nay dân chúng trong hộ tịch tự cày cấy, số đó có được bao nhiêu ư? Giòng họ Thích có người dao cầy giống lửa, gieo trồng cây rừng, tẩy rưới rau quả, làm ruộng ra sức gặt hái, đâu riêng gì nay vậy.

Như xưa kia Thiền sư Địa Tạng, mỗi lúc tự cày ruộng, thường có lời nói rằng: “Các phương nói Thiền tràn đầy đất, tranh như tôi trong đó gieo ruộng rộng ăn cơm”. Thiền sư Duy Chánh Bách Trượng bảo Đại chúng khai khẩn đất ruộng, nói rằng: “Đại chúng vì Lão Tăng khai khẩn ruộng đất, Lão Tăng vì đại chúng giảng nói nghĩa Đại pháp”. Thiền sư Đại Trí bảo rằng: “Một ngày không làm, một ngày không ăn”. Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn rằng: “Nay đang mùa Hạ, ông làm được việc gì?” Ngưỡng Sơn đáp: “Cày được một mảnh đất, gieo được một thửa ruộng”. Quy Sơn bảo: “Ông làm vậy, có thể gọi là không sống luống qua tấc bóng thời gian”. Thiền sư Đoạn Tế thường nhóm tập Đại chúng trồng tùng nấu trà, Thiền sư Thông Động Sơn thường tự tay trồng tùng trên đảnh Kim cang, nên nay mỹ phong của Tùng làm phổ thỉnh vẫn hiện còn vậy. Giòng họ Thích tuy đông nhiều mà mỗi người chỉ một thân một cháo một cơm, bổ phá ngăn ngừa rét lạnh mà điều họ tốn phí cũng ít vậy. Vả lại, họ đã nhận thọ ân nước nhà, tiếp nối mạng mạch Tam Bảo, mà lại muốn khiến họ làm nông có thể được ư? Huống gì ruộng vườn họ theo lệ ngoài thuế khóa, lại có khoa phu Quan lại ở các Viện nghạch qua lại, cung cấp các thứ xuất ra trong năm còn nhiều hơn so với dân thường vậy. Họ đối với công tư nào có hao tổn gì?

Tôi thường chỉ trích các quan nay có hư danh khuyến nông, mà cậy thật hoạn ép nông. Vả lại, lợi dụng của đời, giả như có ích thì chẳng khuyên mà người tự theo vậy. Nay trái ngược công tạo dựng tư, xâm lấn chái ướt không thôi, hoặc đoạt lấy thời vận đó, làm việc chẳng cần kíp tức là đè ép đó vậy, nào có khuyên ư? Nay những kẻ biếng lười, trong mười người có hết bảy tám, còn cày cấy thì mười người chỉ có vài ba mà thôi. Người cày cấy tuy thiếu, nếu khiến thường được mùa thì thóc đậu cũng như nước lửa vậy. Những năm gần đây hoặc nắng hạn, hoặc bão lũ không năm nào không có. Giống má ở bốn phương tươi tốt mà chẳng thật, mỗi năm thường có chỉ vài ba, nếu được quá lắm thì hơn một nửa, đâu phải thiếu người canh cày mà lương thực chẳng đủ ư? Lão Tử nói: “Ta không làm mà dân tự giàu có”. Nếu không do hòa khí khiến nên thì sao có năm được mùa? Tuy cày cấy nhiều mà sao năm có lắm hung xấu, lại cáo buộc đó bởi Thế số, ý do Lý trời cũng tự có chuẩn lượng ư?

Năm thường được mùa thì lúa thóc càng rẻ, người cấy cày càng ít, đó là lý rõ ràng.

Chư Tăng do từ Phật Tổ lưu xuất, có người tu hành khổ hạnh, có người tu mật hạnh, mỗi người tự có Tam-muội, tuỳ phần giữ gìn thường đức, đau đáu giữ giới luật, niệm niệm sống trong Định tuệ. Hay xả bỏ điều mọi người khó xả bỏ, hay làm những việc mọi người không thể làm. Phú quý bên ngoài chỉ như mây nổi, nhìn sắc thanh chỉ tợ âm vang trong hang cốc. Cầu Đạo thì mong cầu Đại ngộ sau đó mới thôi, ban thí của cải thì nghĩ nhớ chúng sinh mà chẳng quên. Nay nhàm chán chư Tăng, tức là nhàm chán Phật Tổ vậy. Phật lấy trì giới xứng đáng với hạnh hiếu, không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không hư dối, không ăn các thứ tanh nồng và uống rượu. Lấy đó làm tự lợi lợi tha thì đức Nhân tỏa khắp hàm linh vậy. Lại nữa, đâu chỉ cha mẹ ở đời hiện tại ư? Bởi nghĩ nhớ hết thảy chúng sinh từ vô lượng kiếp lại đều từng vì ta mà làm cha mẹ thân thích, nên dùng đức Từ mà bình đẳng đó, và mong tất cả đều được giải thoát, lấy đó làm hạnh hiếu, há chẳng ưu tối ư?

Vả lại, thông minh chẳng thể địch nổi nghiệp lực, giàu sang đâu thể thoát khỏi luân hồi, núi đồng đâu bù đắp nổi đói chết, hang vàng chẳng nghe cầm giữ được lâu dài? Tôi tủi nhục với đàn em là đã lớn tuổi, làm Quan đến chức Tể tướng nói Thánh Triều, đó đối với danh lợi ở thế tục nào ân hận ấy ư! Người thành khẩn buộc niệm ngay đây, vì họ có tự đắc ở niềm an lạc vô cùng, lại nghĩ nhớ nhân sinh huyễn hóa, chẳng những như bọt bóng nổi tan. Ngay lúc ngũ uẩn đây có đủ hoàn toàn mà chẳng nghe Đạo, có thể không tiếc ư? Nếu ở Thế gian lại có Diệu Đạo có thể đem ẩn tâm tôi tự chịu, vượt quá chân như Niết-bàn, tôi đây không thể bỏ đây mà theo kia ư? Ghét nghèo bần, muốn giàu sang, sợ chết ham sống, uống ăn nam nữ, ruộng vườn của ải, . . . mọi việc, mọi người đều biết đó, Quân tử chẳng mến quý đó, chỗ mến quý ấy chính là Vô thượng Diệu Đạo.

Hoặc có người bảo tôi rằng: “Tăng là người hủy hoại hình thể, trốn lánh việc đời, mà ông hỗ trợ họ sao nhiều lắm vậy?” Tôi trả lời là: “Bởi tôi còn sự chân thành đối với Di phong của Phật Tổ, đâu giúp đỡ ai khác ư? Há ông chẳng nghe Mạnh Tử nói: “Người trẻ tuổi thì mến mộ mẹ cha, lúc biết sắc đẹp thì mến mộ Thiếu ngãi”. Ai cho là vì khăn tóc mà cưới gã vợ chồng, hẳn vì con hiếu người hiền”.

Nay trong thế tục, lan tràn uống rượu, ham mạnh đánh đấu để lại nguy ách cho mẹ cha, ngang nhau đều như vậy, lại an phận với Hình tướng mà chẳng chịu luận bàn về Tâm. Tiền bối có người làm bộ “Luận

Không Phật". Sao tự tệ quá lắm vậy? Nay, phàm các thứ Nhật nguyệt muôn sao, sấm sét gió mưa rõ ràng ngay tai mắt người, há không có người chủ trương ư? Núi to sông lớn, miếu mạo thần kỳ, có thể gọi là không ư? Ở thế gian tà tĩnh vọng lượng, Quỷ thần nho nhỏ, vẫn còn kính sợ tin đó là có, sao riêng đối với Phật mà sinh nghi ngờ ư? Trong vô lượng đời kiếp trở lại tu hành khổ hạnh khó làm, thành Đẳng chánh giác là Bậc Chí Thánh trong các Bậc Thánh, là Vua pháp trong Trời người, thấu suốt pháp thần đầy khắp pháp giới mà cho đó là không, có thể được chăng?

Kinh Đại Tập nói: "Thương chủ Thiên tử hỏi: "Ngày Phật còn tại thế, với mọi sự cúng dường, Thế Tôn là người thọ nhận, và người cúng thí được phước. Vậy sau khi Phật diệt độ, cúng dường hình tượng, ai là người nhận thọ?" Phật dạy: "Chư Phật, Pháp Thân Như Lai nếu còn tại thế hay sau khi diệt độ, với mọi sự cúng dường, phước ấy không khác". Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: "Phật lấy Pháp làm Thân, thanh tịnh như hư không". Tuy nhiên, chư Phật mà gọi Đạo ấy, bởi là môn Thiện quyền phương tiện vậy. Nếu hẳn cho Phật là không, tức rơi lạc vào Không kiến (chấp Không), và Đoạn kiến (chấp Đoạn) của ngoại đạo, tự mê mờ tự vất bỏ, thật đáng buồn thương ấy vậy.

Như Đại Sư Vân Môn nói: "Ta đang lúc nếu thấy có một gậy đánh giết, cho con chó ăn". Đó là hạng người Đại thừa Tiên giác, mở gút vất dây, dứt nghi phá chấp mà thôi, đâu phải hạng người sơ học có thể giẫm đạp ngang bằng đó ư? Đó có thể cùng nói với người trí, chẳng thể nói với người ngu. Đó là hưng khởi của giáo vậy. Khôi phục hoằng dương thì có Thánh nhân đầy đủ Thần thông, tin hướng theo đó thì có Hiền triết căn khí lớn, cho đến linh thiêng như Trời đất quỷ thần không ai chẳng cảnh mộ, đâu phải không vậy ư? Đại để chỗ mến chuộng hẳn theo từng loại đó, phỏng định đó hẳn theo luân thường đó. Bát-nhã chánh tri, Bồ-đề chân kiến, đâu phải hạng người phàm ngu có thể trông nhìn thấy ư?

Nên Đồng An xét nói: "Tam Hiền còn chưa thể rõ yếu chỉ ấy. Thập Thánh nào có thể thấu đạt Tông ấy? Duyên giác, Bích-chi, bốn quả Thanh văn còn chẳng thể xếp bày đó, huống gì các hạng dưới đó ư? Tại Thánh thì là Đại thừa Bồ-tát, tại trời thì là Phạm Thiên Đế Thích, tại người thì là Đế Vương Công hầu, hạng thượng căn đại khí công thành danh toại. Ở trong Tăng tục hẳn cũng xưa trước có linh cốt, phụ quá vượt đàn ở đời thì có lượng mới có thể thấu triệt". Nên Cổ đức nói: "Nghe mà chẳng tin còn kết nhân của Phật chủng, học mà chẳng thành,

còn có phước lợi ích Trời người". Tiếc thay! Người ngu mê mờ mà chẳng chịu học, người thông tuệ nghi ngờ mà chẳng đến.

Ở đời có hạng người Thế trí biện thông, hẳn vì công danh dẫn dụ, nghĩ suy từng ngày đua tranh từng buổi, đốt mỡ theo từng tấc bóng, sáng rỡ cấp thiết, giẫm trải săn lùng trong sáu kinh Tử sử, gấp việc ứng đối trước mắt, còn tạp chẳng đủ, nào rảnh để quan tâm đến đây ư? Hoặc có người thành danh trên đường Quan sĩ, công danh ngập chìm nghĩ ngợi đó, giàu sang làm mỏng dạt tâm thức đó, nên lại cho rằng Đạo này là chẳng cần kíp, tự nhiên đặt để mà chẳng hỏi chẳng biết. Tấc bóng thời gian có hạn, già chết chợt đến, tới lúc nguy ách cùng cực, tuy có hối hận nào có đuổi kịp. Ở đời có Đại Đạo lý dài xa như thế mà chẳng trông nhìn bờ mé ghé dừng, thẹn với Thánh hiền xưa trước lắm vậy! Đã chẳng thể nghe Đạo thì hẳn nổi trôi trong sinh tử, vào ra các Thú, mà kẻ mê mờ cam tâm chịu vậy, là lỗi quá tại ai ư?

Thiền sư Khuê ở Tung nhạc nói: "Phật có Tam năng và Tam bất năng. Phật có khả năng không hết thảy Tướng thành Trí môn Pháp, mà không có khả năng diệt ngay Định nghiệp. Phật có khả năng biết rõ mọi việc của Hữu tích trong muôn ức kiếp, mà không có khả năng dẫn dắt người vô duyên. Phật có khả năng cứu độ hết thảy Hữu tình mà không có khả năng cùng tận Hữu tình giới. Đó gọi là Tam năng và Tam bất năng vậy". Nay có người tâm phẩn hận, miệng tấm tức, nghe Phật tợ như giặc thù, thấy Tăng tợ rắn Hổ. Tôi cuối cùng so với đó sao cùng tận vậy. Vả lại, Phật còn chẳng thể giáo hóa dẫn dắt người vô duyên. Tôi như kia sao ư?

Có người bàn nghị cho rằng: "Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương kính phụng Phật mà mất nước". Đó bởi họ chưa tham cứu Phật lý, chưa đủ để cùng bàn nghị vậy. Vận nước có ngắn dài, Thế số có bình trị và tạo loạn, Tôi không biết đó vậy. Đế Nghiêu Đế Thuấn là bậc Đại Thánh mà vận nước chỉ một đời mình. Ngôi vị họ mất bởi con họ ngu xuẩn, và sau mất đó cũng bởi con họ ngu xuẩn. Đâu phải tội bởi trời ư? Từ khi mở mang cho đến đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán trở về trước, Phật pháp chưa lưu truyền đến Trung Hoa, mà nước nhà thường gặp phải hoạn nạn, là tại sao vậy? Trương Yến Công ở thời Tiền Đường ghi lại nói, ở thời Nam Lương có bốn người có khả năng biết được mọi việc Trời đất quỷ thần, biến hóa rõ ràng như các ngón trên bàn tay, mà Thái tử Chiêu minh cũng là học trò của Thánh nhân vậy. Vả lại, Thánh là để bình trị nước nhà, bình trị thiên hạ, làm giềng mối có thừa vậy, há không biết trước rõ ràng mà

cẩn trọng chọn lựa việc có thể làm để báo cùng vua Võ Đế ư? Bởi vì Định nghiệp không thể trốn lánh vậy. Than ôi! Định nghiệp không thể tạo tác, như nước lửa không thể hòa vào nhau. Quả báo ấy đến như bốn mùa xoay chuyển không sai. Như Tôn giả Sư Tử ở Tây Vức và Đại Sư Nhị Tổ (Tuệ khả) ở xứ này đều chẳng miễn khỏi. Lại đâu ngay Tôn giả Sư Tử và Đại sư Nhị Tổ ư? Mà Đức Thích Ca Như Lai vẫn còn bị cản trở chẳng miễn khỏi như quả báo Kiếm vàng, Thóc ngựa. . ., huống gì hàng phàm phu sơ học ư? Bởi tu là sửa đổi điều đã qua và tu chỉnh việc sắp đến. Vả lại, nghiệp xưa trước đã trả lại rồi, thì điều thiện trong tương lai há bỏ ta ư?

Nay, phàm như người mang thân hình nữ thật kém hơn so với thân nam, vội muốn kính phụng Phật mà có thể tức thời biến đổi làm thân nam ư? Hẳn phải đến lúc hết báo thân này, và nguyện lực có chờ đợi ở đời sau vậy. Vua Võ Đế hưởng thọ chín mươi tuổi, chẳng là không nhiều, vì bệnh mà chết, chẳng đến xấu ác lớn, chỉ sai lầm xả bỏ thân mạng vì vua trước thấy điềm họa, bói được biến của quẻ Lân thượng cửu. Lấy quý đó mà không địa vị cao và không dân chúng. Vì đó tự thấp kém, muốn mưu đồ thôi dứt tai họa chuốc rước phước lành, vua Võ Đế tự sai lầm vậy, đối với Phật nào có ư? Vua Võ Đế là căn khí Tiểu thừa, tin tưởng quả báo hữu vi, do đó mà không gặp được Đại pháp của Tổ sư Bồ-đề Đạt-ma. Quá tin Niết-bàn, chấp trong không quyền, cũng bởi do Định nghiệp mà khiến nên như vậy. Chỉ vì Thánh nhân khai sáng giáo Pháp vốn vì Thiên hạ đời sau, đâu phải vì một người mà thiết lập!

Khổng Tử nói: “Nhân là thọ”. Mà sức cân xoay đó làm Nhân, mà xoay lại yểu vậy. Đâu phải lời nói của Khổng Tử không ứng nghiệm ư? Bởi vì chẳng phải vì một người mà nói vậy. Vua Võ Đế kính phụng Phật là loại xoay đó làm Nhân ư? Binh lính Hầu cảnh đến mà nhóm tập các Sa-môn niệm tụng Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đó là quá tin nơi vết bùn mà không hay quyền nghi vừa biến. Cũng như ở thời Hậu Hán, Hướng Hủ, Thượng giác làm loạn, Hủ dâng tiện nghi, có lắm nhiều dèm pha đánh giết, mọi người chung quanh không muốn nước nhà dấy động binh lính, chỉ truy tìm Tướng Quân ở trên sông. Tại phía Bắc, Hướng đang đọc tụng Hiếu kinh, ngay đó giặc tự tiêu diệt. Lại như truyện Cái Huân ở thời Hậu Hán. Năm Trung Bình thứ nhất (184), tại đất Bắc, Khương Hồ cùng Biên Chương. . . giặc loạn, Lũng Hữu phù phong, Tống Kiêu làm Thú, gặp hoạn nạn có lắm giặc phản, nói cùng Cái Huân rằng: “Tại Lương Châu hiếm ít học thuật nên thường có nhiều bạo phản, nay muốn viết nhiều Hiếu Kinh, khiến mỗi nhà đều

tụng tập đó, ngõ hầu có thể sai khiến người bất nghĩa". Đó cũng là sử dụng nhưng mà bất thiện vậy, đâu phải tội của Hiếu Kinh ư? Ước lại thì biết nghiệp tiền định của vua Võ Đế, họa chẳng dừng ngay đó, do vì tạo thiện mà dứt dẹp đó, nên có thể khiến thọ đến như vậy.

Vua Võ Đế thường đem việc Xả tắc còn mất thời vận ngắn dài mà hỏi Hòa thượng Chí Công. Chí Công tự chỉ vào cổ mà chỉ bày đó, bởi qua lời sấm Hầu Cảnh vậy. Lúc Hòa thượng Chí Công sắp thị tịch, vua Võ Đế lại đem việc trước mà thưa hỏi. Chí Công bảo: "Tháp của bần Tăng hư hoại thì xả tắc của Bệ hạ cũng theo đó mà hoại mất vậy". Sau khi Hòa thượng Chí Công thị tịch, vâng phụng sắc chiếu vua ban mà tạo lập tháp đã hoàn tất. Bỗng nhiên vua Võ Đế suy nghĩ rằng: "Tháp gỗ đó có được lâu dài ư?" Bèn bảo triệt phá để xây dựng lại tháp đá. Quý mưu đồ chẳng hư nát, vì ứng lời dự ghi đó, tháp phá vừa mới xong thì binh lính Hầu Cảnh đã vào vậy. Bậc Chí nhân đâu phải không biết trước ư? Như An Thế Cao, học trò của Bạch Pháp Tổ, cố đến làm hoàn tất việc đối trả của đời trước, chẳng ngại xa ngàn dặm tự đến nơi đất chết, vì đó là Định nghiệp không thể trốn tránh vậy. Như Quách Phác ở thời nhà Tấn cũng tự biết chẳng miễn khỏi. Huống gì nhận biết phá hư huyễn, xem việc chết như trở về đó ư? Đâu có rõ biết đời trước có sự phụ trái mà muốn khiến đó lánh chông miễn khỏi ư?

Âu Dương Vĩnh Thúc đề bạt nơi Vạn Hồi thần tích Kỷ Bi rằng: "Ở đời tương truyền Đạo sĩ nhục mà Lão Tử rằng: "Phật dùng thần quái họa phước khổng động người đời, khiến đều kính tin quy hướng, nên các Tăng Ni được hưởng thụ đầy đủ. Mà Lão Tử tôi cao đàm thanh tịnh, bèn khiến bọn chúng tôi hoang vắng". Đó tuy là lời nói thô xấu, nhưng có biện cứ vậy. Vĩnh Thúc nói vậy, cũng là nhỏ có tài mà chưa phải thấu đạt thông phương đến Đại Đạo đó vậy, và chẳng suy lường gốc ấy như vậy. Phàm việc của Thần quái họa phước thì đời nào không có, chỉ lời của các Nho gia, văn từ lược bớt vậy. Lại nữa, huống gì những người chân thật học Phật há lấy sự ấm no làm chí ý ư? Vả lại, Đạo sĩ cũng là người bỏ tục, nếu vì xuất gia cầu Đạo thì không vì hoang vắng mà oán thán. Nếu lấy mưu đồ nếm mút lúc quá làm tâm, thì chẳng cầu thoát lìa, chẳng nghĩ nhớ Nhân quả. Ở Thế gian có muôn đường, nơi nào chẳng thể được ư? Hoặc làm Tư Đồ, hoặc học làm Thầy thuốc, bói quẻ, trăm thứ nghề nghiệp, giết bán phụ bại đều có thể làm vậy. Bỏ đây lấy kia nào ai ngăn cấm?

Vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời tiền Đường lúc mới bốn tuổi đã có Thần nhân trông thấy mà bảo rằng: "Dáng dấp rồng

phụng phô bày ngày trời, hẳn hay trị thế an dân”. Đến lúc tuổi chưa đến hai mươi mà quả nhiên dựng công nghiệp lớn. Cũng có thể gọi là Quân Vương Hữu vi lớn vậy. Âu Dương Tu chỉ một sách sống, chỉnh sửa Đường Thư lấy ý riêng ức đoán vọng bày chuyện khen chê, so sánh vua Thái Tông là bậc Trung tài chúa của hạng dân ngu, mà đời sau theo và hòa đồng đó, không dám bàn nghị đó là sai quấy. Than ôi! Người học tùy theo thời cao thấp, mà Âu Dương Tu chuyên được tốt lành trước thật than vậy. Người làm sử hẳn phải văn đó viết thẳng then chốt việc đó, chẳng hư mỹ chẳng ẩn xấu, nên gọi đó là Thật lục. Mà Âu Dương Tu biên Sử, các hàng công khanh ở thời tiền Đường ưa thích Đạo lắm nhiều, họ cùng các Thiền sư vân du có cơ duyên sự tích, thảy đều xin bỏ cả, đến lúc đề cập các Quan sĩ thì lấy sáu mươi mốt vị cư sĩ mà tự xưng là sao vậy? Lấy cư sĩ tự xưng thì biết có Phật vậy. Biết có mà bài bác đó thì là ham danh mà khinh thường tâm, đâu phải là Nhân sĩ đoan chánh ư? Nay dụng người tứ ý bài bác Phật để bán danh cũng lắm nhiều vậy. Như ở thời Tiền Đường, Liễu Tử Hậu chuyển dời sách. Hàn Thối Chi chẳng phải nhọc sức bài bác Nhị giáo, mà trong “Hàn Thối Chi Tập” không trả lời thư cùng Liễu Tử Hậu. Đâu phải Hàn Thối Chi biết Liễu Tử Hậu nói xác đáng mà im lặng theo đó, nên chẳng cùng biện luận lại? Ở đời gần đây, có Vương Phùng Nguyên làm Bổ thư. Xấu tệ thay Phùng Nguyên! Chỉ một con chồn rét lạnh sống ngu vậy, sao cứ khư khư Xiển-đề quá lắm vậy? Hàn Thối Chi đâu phải không có khả năng làm một quyển sách mà đợi người đời sau bổ túc như vậy? Đó là Vương Phùng Nguyên không biết lượng nên như thế. Bởi từ thời nhà Hán, nhà Đường trở lại, các bậc Đế Vương Công Hầu kính phụng Phật đông nhiều không thể tính kể, đâu hại gì đó làm Thánh nhân ư?

Tôi từng nói Âu Dương Tu rằng: “Nói lời của Tiên Vương mà làm chỗ thấy của hàng thất phu ngu cải, vì công kích vạch mổ đó là thất phu ngu cải vậy. Ông luận việc trong thiên hạ ở đời sau có thể như vậy ư?” Quá lắm thay! Âu Dương Tu tự xấu tệ, mà muốn xấu tệ đối với người, lại muốn xấu tệ thiên hạ đời sau. May rằng lời nói ức đoán đó lan tràn cuối cùng hẳn dừng tắt nơi người trí, tuy bị các bậc cao sĩ uyên bác cổ kim chê cười, mà vẫn chưa khỏi dụ dẫn mê hoặc hạng người sống cuồng vội tiến vậy. Với người như thế mà khiến hầu vua thì nịnh hót vua đó, diệt tuyệt chủng tánh Phật, diệt mất Tuệ mạng Phật. Cùng họ làm bạn, thì dẫn đưa bạn đó giết chết chân tánh, rong ruổi theo hư danh, trọn đời chẳng qua chỉ là một chút thông minh phàm phu vậy. Đó như đời sau ghét xấu Đạo sao tu ư? Sắp có nghĩa là ở đời không còn riêng có

Diệu Lý Chí Đạo. Dừng ở ngay đó, duyên sức mảy mún văn chương mà thôi! Đâu chẳng phải như điều Trang Samh nói là thà Bá tự lắm nhiều ở nước, mà không biết lại còn có Biển ư? Nếu vậy, khiến đó đắc chí, thì khiến người đời sau trọn không được nghe giáo pháp nhiều đời kiếp khó gặp, giáo pháp siêu nhiên xuất thế, há chẳng buồn ư? Khập khểnh đường chánh của trời người, mù chột mắt chánh của trời người, mờ tối chân giáo nhân quả, mỏng dạt thuần phong của Định tuệ, không quá lắm so với Âu Dương Tu vậy!

Tôi từng trông xem thước sách của Âu Dương Tu lắm lời vì âu lo nung đốt, già bệnh tử buồn thương. Tuy ở địa vị giàu sang, mà áy náy vậy như không người dung thức, quán xét nguyên do ấy đều thật tình vậy. Đó bởi chẳng thông rành nghiệm rõ lý tánh, vì vậy nghĩ nhớ như thế. Lớn thay! Đạo Chân Như viên đốn, đâu hẹp hòi cạn cợt như cảnh giới của Trượng phu ư? Luân hồi trong Lục Đạo, quả báo của Tam đồ, do tự Tâm tạo, thật không duyên khác. Có nghĩa là Tam-đồ Lục đạo ấy tự nhiên mà vậy, sao tự vất bỏ đó quá lắm vậy? Một khi mất hẳn thân người, ăn năn hối hận sao kịp. Muôn pháp trong ba cõi chẳng có pháp nào không nhân mà tự vọng chuốc lấy quả. Nếu chẳng trông nhìn lại nhân quả tức là tự khinh thường tâm đó, tự khinh thường tâm đó thì không nơi nào chẳng đến.

Trong đời gần đây có Trình Hạo ở Y Xuyên nói rằng: "Điều nhà Phật gọi là xuất thế tức là chẳng phải việc làm ở trên đời này mà là xuất thế vậy". Kẻ sĩ Đại phu không biết uyên nguyên mà luận bàn về Phật, đại loại là như vậy. Rất không biết Sắc Thọ Tưởng Hành Thức là pháp thế gian, còn Giới Định Tuệ, Giải thoát tri kiến là pháp xuất thế gian. Người học Phật tỏ ngộ trước có khả năng thành tựu thông đạt pháp xuất thế gian thì gọi đó là xuất thế, gần như loại Cập Đệ của Nho giáo. Tôi thì gọi đó là lên Rồng chặt gãy Quế, há thật cưỡi Rồng mà họ cầm nắm Quế ư?

Phật Tổ ứng hiện ở đời vốn vì quần sinh, cũng như trong giáo tôi nói tốt xấu của Thánh nhân cùng dân chúng đồng hoạn nạn. Trong thời gian năm trăm năm hẳn có Vương giả dấy khởi và hẳn có tên tuổi ở nơi đời, đâu lấy chẳng hành tại trên thế giới là phải ư? Và Siêu nhiên tự lợi mà quên đời, đâu phải ý của Thánh nhân Đại thừa ư? Tuy là như vậy, nhưng nay chẳng kịp thấy xưa, có thể là rất thôi. Xuất thế của xưa trước như tiền Đồng xanh vạn trong trong vạn, chặt cành Quỳnh từng tấc đều là Ngọc, chỉ Chiên Đàn từng mảnh đều là Hương. Nay thì mắt cá lẫn lộn châu ngọc, Huân Du cùng chung vườn, hạng chất thịt Dê lòng Hổ có

lắm nhiều vậy. Bèn đến nỗi Ngọc đã đều đốt, người xưa trong khoảng thời gian hai ba chục năm không một khoảnh khắc tạp niệm thân tâm. Niệm niệm tương ưng như gà ấp trứng, tầm thầy hỏi bạn, tâm tâm tương khế, ấn ẩn tướng chứng. Giũa mài đào thải sạch hết không nghi ngờ, ẩn vết vùi tên, lắng lẫn giữa chúng. Quả đạo chín ngát hương, chư Thánh lại ra làm thầy của trời người; một lời nửa câu sáng xưa vượt nay, muôn dặm đồng phong, ngàn xe hợp vết. Nay thì tập học của tai miệng, thêm hư bại Như Lai, khoát da Sư Tử mà làm hạnh Dã Can. Lúc nói tợ như tỏ ngộ mà đối cảnh trở lại mê mờ, chỗ gìn giữ như hàng thất phu trong trần tục, lược không hổ thẹn. Làm công hối lộ, kín dùng xin gởi, cướp bóc thường trú, giao kết với hạng có quyền thế, Phật Pháp điêu tàn phần lớn do duyên đó, được chẳng vì vậy mà lạnh tim ư?

Tôi thường mến mộ trong bản triều chúng ta có Vương Văn Khương Công trước thuật luận "Đại Đồng", cho rằng giáo điển của Nho Lão Thích men từ cạn đến sâu, như đồng một biến đến Lỗ, Lỗ một biến đến nói Đạo, thật luận đích xác như vậy. Tôi liền phải mà rõ đó. Tôi cho rằng, quần sinh mất chân mê tánh, bỏ gốc theo ngọn, đó là bệnh. Ngôn ngữ của Tam giáo dùng để xua trừ lầm hoặc ấy, đó là thuốc. Nho giáo khiến đó cầu làm Quân tử tức trị bệnh của da dẻ. Sách Đạo khiến đó thường ngày dứt mất đó lại dứt mất đó, tức là trị bệnh của huyết mạch. Phật giáo chỉ thẳng gốc rễ, chẳng còn ở cành lá, đó là trị bệnh của cốt tủy vậy.

Đó, với người không có tín căn tức là bệnh nặng dữ, không thể cứu chữa vậy. Người đời tin nói tánh, mà Phật thấy tánh. Nho giáo nhọc tâm mà Phật thì an tâm, Nho giáo thì tham trước mà Phật thì giải thoát, Nho giáo thì huyên hoa mà Phật thì thuần tĩnh, Nho giáo thì chuộng quyền thế mà Phật thì quên nghĩ nhớ, Nho giáo thì tranh quyền mà Phật giáo thì tùy duyên, Nho giáo thì hữu vi mà Phật giáo thì vô vi, Nho giáo thì phân biệt mà Phật giáo thì bình đẳng, Nho giáo thì có tốt xấu mà Phật giáo thì viên dung, Nho giáo thì mong trọng mà Phật giáo thì nghĩ khinh, Nho giáo thì cầu Danh mà Phật giáo thì cầu Đạo. Nho giáo thì tán loạn mà Phật giáo thì Quán chiếu, Nho giáo thì trị ngoài mà Phật giáo thì trị trong, Nho giáo thì gồm rộng mà Phất giáo thì giản dị, Nho giáo thì tiến cầu, mà Phật giáo thì dừng hết. Không nói là Nho giáo là không công mà cũng là sự động tĩnh chẳng đồng vậy.

Lão Tử nói: "Thường vô Dục để quán huyền diệu đó, như là nạn khóa vàng trong nhà Phật vậy". Đồng An sát nói: "Vô tâm còn cách một lớp ải". Huống gì đắm trước ý để quán Huyền diệu ư? Lão Tử nói:

"Không thấy có thể muốn, khiến Tâm chẳng loạn". Còn đối với Phật tuy thấy có thể muốn, tâm cũng chẳng loạn, nên nói Tám thứ gió: Danh lợi, suy hư, hủy báng, ngợi khen, tán thán, dèm chê, khổ, vui chẳng thể lay động Như Lai, như bốn thứ gió thổi ụp vào núi Tu-di vậy. Lão Tử nói: "Mềm yếu chí ấy", Phật thì lập nguyện lực lớn. Lão giáo lấy huyền tẫn làm căn của Trời đất, còn Phật thì bảo: "Nếu người muốn biết rõ cảnh giới của chư Phật, nên thanh tịnh tâm ý mình như hư không. Ngoài ra không một pháp nào có thể dựng lập, chánh pháp còn xả bỏ huống gì là phi pháp". Lão giáo lấy ân trùm một chuyên khí biết dừng chẳng đợi chẳng làm mà thành tuyệt Thánh dứt Trí, đó chính là bốn thứ bệnh Tác, Chỉ, Nhậm, diệt trong kinh Viên Giác đã nói. Lão giáo nói: "Bỏ đây lấy kia", còn Phật giáo thì viên đồng thái hư, không thiếu không dư. Bởi vì lấy bỏ do đó chẳng như. Lão Tử nói: "Tôi có hoạn nạn bởi tôi có thân". Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì lấy thân làm Như Lai chủng. Pháp sư Tăng Triệu giải thích rằng: "Phàm phu chìm đắm trong các thú, bởi phiền não che mờ, tiến tới thì không vui thích tịch diệt, thối lùi thì lo sợ sinh tử". Nên có thể nhấc gót trần lao để được Tâm vô thượng, gieo căn sinh tử mà phô bày hoa Chánh giác. Bởi may có được thân này mà phải dõng mãnh tinh tấn để thành quả, rõ đạo. Như trên Cao Nguyên đất bằng chẳng sinh mọc Hoa sen, ở trong bùn sình ẩm ướt mới sinh loài hoa ấy. Cho nên trong bùn sinh tử mới có chúng sinh khởi Phật pháp vậy. Lão Tử nói: "Trông nhìn đó mà chẳng thấy, gọi là Di; lắng nghe đó mà chẳng nghe, gọi là Hy". Phật thì bảo: "Lìa sắc cầu quán, thì chẳng phải chánh kiến, lìa âm thanh mà mong nghe đó là nghe tôi". Lão Tử nói: "Dự chừ, như Đông giẫm trải sông. Do chừ, nhưng sợ bốn phía gần gũi". Phật thì bảo: "Tùy lưu xuất nhận được tánh, không mừng cũng không buồn". Lão tử nói: "Trí tuệ lưu xuất, có Đại ngụy". Phật thì bảo: "Trí vô ngại Thanh tịnh đều từ Thiền định sinh, dùng Đại Trí tuệ để đạt đến bờ kia". Lão Tử bảo: "Ta riêng như mờ tối, ta riêng như mê muội". Kinh Lăng Nghiêm thì lấy minh lực làm Như Lai, Tam tổ thì bảo: "Rỗng ruốt sáng sạch". Đại Trí thì bảo: "Linh Quang sáng suốt, chóng thoát căn trần". Lão Tử bảo: "Đạo làm nên mọi vật, chỉ hoảng chỉ hốt, sâu thẩm từ mờ tối chừ, trong đó có Tinh". Phật giáo thì "chuyên việc thấy chân thật rõ ràng, tự chịu tự trọng". Lão tử bảo: "Đạo pháp tự nhiên". Kinh Lăng Nghiêm thì bảo: "Chỗ biết của Thánh trước, xoay chuyển cùng truyền trao". Lão Tử nói: "Vật mạnh thì già lão, đó có nghĩa là chẳng phải Đạo". Còn Phật giáo là "một niệm quán khắp vô lượng kiếp, không đến không đi cũng không dừng trú". Vì có nghĩa là Đạo

không xưa nay nên đâu có trẻ già? Huyễn thân con người cũng là Lão, đâu có nghĩa trẻ là Đạo? Còn già lão chẳng phải Đạo ư? Già lão tức bền chắc, muốn dứt giặc. Phật thì thấy hết thảy các Pháp đều là Phật Pháp. Lão Tử nói: "Đạo mà mở lời nhạc nhẽo đó không mùi vị". Phật thì bảo: "Người tin lời ta nói tợ như ăn đường mật, trong ngoài đều ngọt ngon". Lão Tử nói: "Bậc Thượng sĩ nghe Đạo, chuyên cần mà thực hành đó; bậc Trung sĩ nghe Đạo, nửa còn nửa mất; hàng Hạ sĩ nghe Đạo bèn cười òa lớn đó". Nếu căn cứ trong Tông môn chuyên cần mà thực hành đó, chánh là hạng Hạ sĩ, vì nơi khác lấy Thượng sĩ đến Trung sĩ, cả hai để nói đó. Lão Tử nói: "Bít hang ấy đóng cửa ấy". Thích giáo thì thuộc tạo tác, vì làm là hư bại, chấp là mất hẳn, lại thành rơi lạc vào không. Lão Tử dứt bỏ trí ngu, dân lại buộc dây mà dùng đó. Phật thì dùng Trí Ba-la-mật, biến nghiệp thức chúng sinh làm trí phương tiện, đổi tên mà chẳng đổi Thể, chẳng có nghĩa Lão Tử không Đạo vậy. Đó cũng là sự bất đồng của cạn và sâu vậy.

Tuy sách của Tam giáo, mỗi tự dùng theo Đạo họ để làm đẹp đời sửa tục. Như chiếc Đảnh ba chân không thể khuyết thiếu một. Nếu y theo Khổng Tử mà thực hành mọi sự thì gọi là giáo Quân tử; y theo Lão Tử mà thực hành mọi sự là người thiện thanh hư, chẳng mất trời người, có thể vậy. Nếu nói là Đạo diệt hết các lụy, thuần hóa thanh tịnh bản nhiên đó, thì tôi không dám vâng mạng. Tôi thường ví dụ đó là người đọc sách Nho thì như thúc giục đốt cháy phụ vào bếp táo mà chóng giàu sang. Người đọc sách Phật thì như ăn đắng nuốt rít nghẹn mà đạt đến thân Tiên. Mới đầu đó như đây, công hiệu đó như kia, người giàu sang trước lúc chưa chết ấm no mà thôi, so sánh đó với thần tiên thì ai hơn ai kém? Nho gia chỉ biết đạo của Khổng Mạnh, mà bài bác Phật, nghĩa là như chó nhà Thuấn vậy. Nhà Thuấn có con chó, nhà Nghiêu đến cửa thì nó gào sủa. Chó như thế chẳng thể gọi nhà Thuấn là Thiện mà nhà Nghiêu là bất Thiện, vì chó ấy thường thấy là ông Thuấn mà chưa từng thấy ông Nghiêu vậy.

Ngô Thư nói: "Ngô Chúa Tôn Quyền (Đại Đế 222-252 thời Đông Ngô) hỏi Thượng thư lệnh Hám Trạch rằng: "Khổng Khâu và Lão Tử có thể đem so sánh với Phật chăng?" Hám Trạch đáp: "Nếu đem Khổng Khâu và Lão Tử so sánh với Phật pháp thì xa đó mà càng xa vậy, cớ sao? Vì Khổng Khâu và Lão Tử thiết giáo là pháp trời chế dùng, không dám trái lại trời, còn chư Phật thiết giáo, các trời đều vâng làm không dám trái chống Phật. Lấy đó mà nói thì chẳng thể so sánh rõ ràng vậy". Ngô chúa rất vui vẻ.

Hoặc có người nói: "Kinh Phật không đáng khoe bày người trì tụng hẳn có được công đức", bởi không biết chư Phật Như Lai dùng lời thành thật chính mình tự đắc tự chứng suy nghiệm của mình đưa đến cùng người vậy, đâu phải lời nói hư dối ư? Trong các kinh đều nói: "Đem vô lượng các thứ trân báu mà bố thí chẳng bằng công đức của người trì tụng một câu kệ kinh pháp". Bởi vì trân báu là chấp trụ tướng mà bố thí, chỉ là phước báo sinh trong trời người mà thôi; còn nếu hay trì niệm như điều giảng nói trong kinh Pháp mà thực hành, hoặc ở Trung đạo của chư Phật, chỉ một lời kiến đế thì tâm thông thần hội, chấp trước rơi rụng nghi ngờ tiêu mất, thấu rõ được vật và ta là Nhất như vậy. Suốt xưa nay ở ngay đương niệm, thì Đạo thành Chánh Đạo, giác ngộ ngang bằng sự giác ngộ của chư Phật. Có ai lớn so với đó ư? Nho gia há không nói: "Làm việc ấy mà không công ấy, chỉ các nhà sư chưa từng thấy vậy". Hoặc có người nói: "Mới đầu thì không Kẻ sĩ mà cuối cùng lại làm Thánh nhân". Luận ngữ nói: "Học, có lộc trong ấy vậy". Dịch nói: "Nhà tích chứa điều thiện, hẳn có thừa an vui". Kinh Thư nói: "Tạo tác việc thiện, giáng hiện tốt lành". Lý ấy cũng hẳn nhiên vậy. Há Thánh nhân tôi chẳng lấy lộc cùng an vui và tốt lành khoe bày với người ư?"

Hoặc có người nói: "Tụng kinh là để dâng hiến Quỷ Thần, kia sao lấy dùng ư?" Tôi bảo rằng: "Hẳn ông chưa nghe: Tài thí còn nhẹ, pháp thí mới tối trọng". Người xưa có việc phải đi xa, lúc chia tay chẳng mong cầu trân báu chỉ xin một lời nói lấy làm ân huệ. Như Yến Tử tụng một lời mà Tề Hầu dè dặt hình xử. Cảnh Công nói một lời thiện mà kẻ mê hoặc lùi trở về nhà.

Đệ tử trong cửa Thánh nhân tôi, hoặc hỏi về Hiếu, hỏi về Nhân, hỏi về Chính sách, hỏi về Bè bạn, hỏi về phụng sự Quân Vương, hoặc hỏi nước nhà. Có được một lời lớn tốt lành để cứu lầm lỗi mà trọn đời làm Quân tử ấy vậy. Đó chỉ là lời nói trọn đời trị thế, so với lời nói chân thật của Đức Như Lai Đại từ, thì cảm thông cả tám bộ Trời Rồng, chấn động mười phương thế giới. Hoặc có người hướng theo dưới một lời nói mà tâm địa mở sáng, trong khoảng một niệm, tánh thiên sáng suốt, cao vượt ba cõi, chóng thoát sáu trần, trong mát thân tâm, cắt phải nghiệp lụy, Khế Chân đạt bản vào Thánh vượt phàm, được ý sinh thân tự nhiên vô ngại, tùy duyên làm chủ, gặp duyên tức tông; trước chứng đắc Bồ-đề, kế tiếp thực hành tế độ. Pháp của Thế gian có gì hơn vậy ư? Hết thảy quỷ thần, mỗi mỗi đều muốn thoát khỏi Thú ấy. Họ đối với xứng tánh thật của Như Lai mừng vui mong đợi hộ trì, đáng nên vậy. Huống gì Phật là Pháp vương Vô thượng, từ Kim khẩu giảng nói Thánh

giáo Linh văn. Một lúc trì tụng đó thì là pháp luân chuyển đất, Dạ xoa xướng giữa hư không báo cùng Tứ Thiên vương. Thiên vương nghe rồi, lại triển chuyển cho đến Phạm Thiên, khắp cùng U minh, rồng thần mừng vui tợ như luân ngôn lan tỏa chiếu lệnh khắp nơi. Giữa khoảng Hoàn Vũ không ai chẳng khâm trọng kính phụng. Lại nữa, huống gì Phật là cha lành của cả bốn loài chúng sinh. Như cha bảo người con ấy, sao nhẫn chẳng vâng theo? Công năng của việc Tụng kinh có ý chỉ như thế. Trong giáo điển nói: "Nếu người có khả năng suốt bảy ngày bảy đêm tâm không tán loạn, tùy theo mọi điều làm, nhất định có cảm ứng". Nếu thân hình hiện còn mà thần thức vượt đi, ngoài vắng lặng mà trong lay động thì tìm hàng tính điểm mà thôi, nào khác chim muông mùa Xuân hót ban ngày, côn trùng mùa Thu kêu đêm. Tuy trăm muôn biến quả nào ích gì ư? Tôi cho rằng, Cảnh Cung bái giếng tuông ra suối, Lỗ Dương khua mác mà dừng mặt Nhật, thật điều cảm ấy chỉ trong khoảnh khắc, với thời gian bảy ngày còn là sai xa. Mười ngàn con cá được nghe danh hiệu Phật mà làm thành mười ngàn Thiên tử, năm trăm con Dơi nhân vui thích lời Kinh mà thành năm trăm Thánh hiền. Rắn Trăn nhân tu sám mà sinh lên trời, Rồng nghe giảng pháp mà ngộ Đạo. Người xưa đâu khinh thường ta ư? Ba tạng giáo thừa là Quyền giáo, thật tế lý địa chỉ một việc đây là thật vậy.

Chỉ có Phật Thế Tôn là Pháp cứu cánh, mà hết thảy pháp là vì chúng sinh mà thiết lập. Nay chẳng mượn Quyền giáo mở dẫn sơ cơ mà vội muốn đạt tới Thật tế Lý địa, cũng như thấy Đạn mà nghĩ đến con vọ nướng. Đó như điều mà Đại Sĩ Thiện Tuệ nói: "Qua sông phải dùng bè, đã đến bờ chẳng cần thuyền". Đó chẳng vậy ư? Phật pháp hóa độ Thế gian như mặt nhật giữa trời trong xanh, mà người mê mờ không tin, đó là do người mù không thấy Nhật Nguyệt vậy, đâu phải lỗi của Nhật Nguyệt ư? Chỉ tùy có giảng thuyết, phương tiện có nhiều môn, chưa dễ rốt ráo vậy. Ngươi học tợ như người tập bán, thời gian lâu mới trúng. Đại sĩ Táo Bách nói: "Còn tu tức bại, buông lung toàn trái, gấp cũng chẳng thành, hoảng cũng chẳng được. Chỉ biết chẳng dừng, hẳn không hư bỏ". Lại nữa, trời Bạch Lạc hỏi Thiền sư Khoan rằng: "Không tu không chứng, nào khác gì phàm phu?" Thiền sư Khoan bảo: "Phàm phu vô minh, hàng Nhị thừa chấp trước, lìa hai bệnh ấy gọi là chân tu". Người chân tu chẳng được quá chuyên cần, chẳng được quên lãng. Quá chuyên cần thì gần chấp trước, quên lãng thì rơi lạc vào vô minh. Đó là tâm yếu, đó thật là pháp môn của hàng sơ học nhập Đạo vậy.

Hoặc có người nói: "Phật giáo có chân ngôn thí thực, có công

năng biến ít thành nhiều, như chỉ bảy hạt mà biến khắp mười phương. Há có lý ấy?" Tôi trả lời: "Chẳng những vậy, há ông không nghe một chén rượu nồng của Câu Tiễn mà đông nhiều quân lính đều say? Loan Ba một lần rưới rượu, mà cả Thục Châu làm mưa? Nói tâm linh đến, không cảm nào chẳng thông, huống gì nương gá nguyện lực rộng lớn của chư Phật mở thoáng thiện tâm đó, biến ít làm nhiều, có gì phải nghi ngờ ư?

Huyền Diệu thay! Tri kiến của Phật rộng lớn sâu xa, đầy đủ sáu thứ Thần thông. Chỉ cần có được Túc mạng thông thì trong một niệm vượt vào nhiều kiếp, chỉ cần có được Thiên nhãn thông thì trong một nháy mắt khắp cùng sa giới. Vả lại, như Tôn giả A-na-luật là tiểu quả Thanh văn chỉ có đủ một thông Thiên nhãn còn có thể quán khắp Đại thiên thế giới như trông nhìn vật trong lòng bàn tay, huống hồ Phật đầy đủ Chân Thiên nhãn ư? Tôn giả Xá-lợi-phất là tiểu quả Thanh văn, ở trong hàng Đệ tử Phật chỉ xứng là Trí tuệ Đệ nhất, còn có thể quán căn khí của người đến tám ngàn đại kiếp, huống gì Phật đầy đủ Chánh biến tri ư? Chỉ Tri kiến ấy rộng lớn sâu xa thì thuyết Pháp cũng rộng lớn sâu xa như vậy. Há tư lự của hàng phàm phu có thể đến kịp ư? Thử lấy nhỏ để thí dụ lớn. Thông thường ở con người, có người rất thông minh, có người lắm ngu độn. Người rất thông minh thì đối với các dấu vết hưng vong trị loạn từ thời thượng cổ, các luận của sáu kinh Tử sử, mọi việc đều có thể biết. Đến như các nước hải ngoại tuy chẳng đặt chân đến cũng có thể xem đọc sách mà biết đó. Với người lắm ngu độn, thật không biết như vậy. Đâu có thể cho sự nhận biết kia là hư dối ư?

Từ sau khi Phật giáo lưu truyền vào xứ này, trong khoảng thời gian ấy có các Thánh nhân xuất hiện đắp đổi thay nhau lưu thông. Thử lấy những điều thấy nghe từ tai mắt của mọi người để luận bàn đó. Như Bồ-tát Quán Thế Âm thị hiện trong Triều đại vua Văn Tông (Lý Ngang 827-841) thời tiền Đường. Tại Tứ Châu, Đại Thánh xuất hiện ở triều đại vua Cao Tông (Lý thị 650-684) thời tiền Đường. Tại huyện Nghĩa Ô ở Vụ Châu, ngày mồng tám tháng năm, năm Ất Sửu (Năm Ất Sửu tức năm 485; còn năm Kiến võ thứ tư tức là năm 497 vậy), lúc Phó Đại sĩ vừa chào đời có Sa-môn Tung tu hạnh Đầu đà người xứ Thiên Trúc đến mà hỏi: "Xưa trước Tôi cùng với ông ở nơi Đức Phật Tỳ-bà-thi đồng phát thệ nguyện, nay y bát hiện đang còn trên cung trời Đâu suất, ngày nào ông sẽ trở về lại?" Và bảo Phó Đại sĩ đến trông nhìn hình trong nước, thấy có vầng sáng lọng báu. Phó Đại sĩ nói: "Cứu độ chúng sinh là việc cần gấp, sao lại nghĩ đến sự an lạc kia ư?" Về sau, lúc hành

Đạo, thường thấy ba đức Như Lai là Thích Ca, Kim Lật và Định Quang tỏa phóng ánh sáng theo nơi thân thể. Tại Thọ Hương ở Quấc Châu có Trương Vạn Hồi Pháp Vân Công, sinh ngày năm tháng năm, năm Trinh Quán thứ sáu (632) thời tiền Đường, có người Anh tên là Vạn Niên, đã lâu xa ở tận Liêu Tả cách cả muôn dặm. Người mẹ giòng họ Trình nghĩ mong tin tức của Vạn Niên. Vào một sáng sớm, Vạn Hồi nói cùng mẹ là đi thăm anh, đến chiều tối thì mang thư anh trở về. Thiền sư Phong Can sống thường cưỡi hổ ra vào; Hàn Sơn,Thập Đắc thường theo gìn giữ. Tại Phụng Hóa ở Minh Châu, có Hòa thường Bố Đại ngồi mà thị tịch tại chùa Nhạc Lâm mà sau đó lại hiện ở chùa khác. Đầu niên hiệu Thái Thủy (465) thời tiền Tống, có Thiền sư Chí Công vốn con nhà họ Tống ở Kim Thành, qua vài ngày tháng không ăn mà sắc mặt không lộ vẻ đói khát, nói năng có lắm điều Linh ứng. Ở đời Thạch Lặc thời nhà Tấn, có Phật Đồ Trừng trong lòng bàn tay có ánh sáng soi chiếu xa cả ngàn dặm. Tại Trấn Châu có Thiệu Hóa, đến lúc lâm chung, thì lay lắc Linh vọt lên giữa hư không mà đi. Ở Ngũ Đài có Đặng Ẩn Phong gặp quan binh cùng Ngô Nguyên Tế đánh nhau, bèn bay tích trượng vượt giữa không trung mà qua. Quân lính hai bên bèn liều giải tán. Tung Nhạc Đế thọ giới pháp nơi Thiền sư Nguyên Khuê, Ngưỡng sơn tiểu Thích-ca có vị La-hán đến dự thăm đều thọ giới pháp ở hai vua. Cùng loại như Phá táo Trụy đều hay chứng quả Quỷ Thần.

Đại sư Đạt-ma sống thọ hơn một trăm năm mươi tuổi, thị tịch năm Thái Hòa thứ 19 (495) trong đời vua Hiếu Minh Đế (Năm Ất Sửu tức năm 485), an táng tại núi Hùng Nhĩ. Sau đó ba năm, Tống Vân vâng phụng Sắc đi xứ Tây vức trở về gặp Đại sư tại Thông Lãnh, có mang theo một chiếc giày cỏ, nhắm hướng Tây mà đi. Về sau Vua Hiếu Trang Đế (Nguyên tử Du 528-530) thời Bắc Ngụy nghe tấu trình, bèn khai quật Tháp mộ để trông xem quả thật chỉ còn một chiếc giầy. Văn-thù-sư-lợi sau khi Đức Phật diệt độ đã bốn trăm năm mà vẫn còn ở tại nhân gian. Núi Thiên Thai ở Nam Nhạc là nơi các vị A-la-hán dừng ở ứng cúng trời người, từng hiện bày Thánh tích. Ở Định Châu, Nam An Nham chủ có lắm nhiều linh dị. Thiền sự Thiện Giác ở Hoa Lâm Đàm Châu, Tôn giả Nghiêm Dương ở Tân Hưng Võ Minh đều dùng Hổ làm kẻ theo hầu. Luật sư Đạo Tuyên là vị Trì luật tinh nghiêm, cảm đến con của Tỳ Sa-môn Thiên vương làm thần Hộ giới, mượn được chiếc răng Phật tôn thờ trên trời, nay hiện còn tại nhân gian. Hoàng Đế Huy Tông (Thiệu Cát 1107-1126 thời Bắc Tống) lúc mới lên ngôi nhân lấy trông xem, Xá-lợi cách hộp thủy tinh rơi rớt như mưa giọt. Nên trong Thái Bình

Thạnh Điển, có Ngự chế bài tụng rằng:

"Đại Sĩ Thích-ca Văn
Hư không bằng mảy trần
Có cầu đều cảm ứng
Không đâu chẳng phân thân
Ngọc cách ngàn vòng sáng
Kim càng trăm luyện mới
Con nay cung kính lễ
Nguyện cứu khắp quần sinh".

Hoàng Đế biết tôi ưa thích Phật pháp, nên từng vì tôi mà nói việc ấy. Như điều rút nêu trên thì chư Bồ-tát Thánh nhân đều học theo Phật vậy. Tôi cho rằng, nếu Phật có mảy may vọng tâm thì sao có thể nhiếp phục đối với những vị Thánh nhân đầy đủ Thần thông vậy?

Phật giáo có các vị như Di Thiên Thích Đạo An. Sa-môn Tuệ Viễn ở Đông Lâm, Sa-môn Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ, Sa-môn Tuệ Vinh ở thời nhà Trần, Sa-môn Pháp Hiển ở thời nhà Tùy, Sa-môn Pháp Vân, Trí Văn ở thời nhà Lương,. . . đều có khả năng mỗi ngày ghi nhớ vài vạn lời, lúc giảng thì hoa trời rơi trên tòa, đá cũng gật đầu. Há đó là người thường ư? Như Lý Trưởng giả, Bàng cư sĩ, . . . chẳng phải là học trò của Thánh nhân ư? Tôn Tư Mạo biên tả Kinh Hoa Nghiêm, lại thỉnh cầu chư Tăng tụng kinh Pháp Hoa; Lã Động Tân tham thiền thiết cúng, đó đều là Thần Tiên vậy, đâu chịu vọng làm việc không ích lợi ư?

Huống hồ nay kẻ phàm phu dám tự ý phá bỏ bài xích, chỉ lời Phật nói bày lý bày sự, có thật có quyền, hoặc một nửa, hoặc tròn đầy, bày Tiệm bày Đốn, mỗi mỗi có thừa xác đáng. Nếu chẳng phải người có Đại tín căn thì chưa thể không lầm hoặc. Cũng như trong Nho giáo của tôi nói là: "Ông chẳng nói sức quán loạn thần". Mà Xuân Thu đã nói ở Tấn, Thần giáng ở Tử. Dịch nói: "Thấy Heo lấm bụi chở một xe Quỷ". Đó chẳng phải Thần quái thì gì? Mạnh Tử không nói lợi mà nói: "Khéo dạy được của dân". Ở đời Tống thọ gồm vàng. Đó chừng phải lợi thù gì? Bởi lời nói của Thánh nhân, từ quyền đến biến, có trái với thường mà hợp Đạo. Lại sao có thể đem lời nói trước sau chẳng đồng mà bàn nghị Thánh nhân ư? Cùng chư vị đồng chí hướng, mong đối với lời nói của Phật Tổ, rõ vạch tin chắc, thật chứa sức lâu dài tự sẽ chứng đó, mới nghiệm là không hư dối. Người trong thiên hạ chẳng phải vậy, mà tôi muốn chỉnh sửa đó, chỉnh sửa như điều Mạnh Tử gọi là một Tiết ở Châu, riêng như Tống Vương Hà. Tôi đâu có khác vậy ư? Chỉ muốn lấy

công diệt tư, khiến tất cả mọi người dùng thân khó được này mà biết có Vô thượng Bồ-đề, mỗi tự nhận biết kho báu ở nhà mình, cuồng tình tự hết, mà thắng tâm sạch sáng chẳng từ người khác được vậy. Tôi đâu sợ kia ư?

Ở đời vua Huệ Đế (Từ Mã Trung 290-307) thời Tây Tấn; Vương Phù ngụy tạo Kinh Hóa Hồ, bởi không biết Phật đản sinh năm thứ 24 đời Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước tây lịch) thời Tây Chu, và thị tịch năm thứ 52 đời Mục Vương (Cơ Mãn 976-921 trước tây lịch) thời Tây Chu. Trải qua đời Cung Vương (Cơ Ý Hổ), Ý Vương (Cơ Gian), Hiếu Vương (Cơ Tích Phương), Di Vương (Cơ Tiệp), Lệ Vương (Cơ Hồ), Tuyên Vương (Cơ Tĩnh), U Vương (Cơ Trịnh), Khuynh Vương (Cơ Nhâm Thần), Khuông Vương (Cơ Ban), Định Vương (Cơ Du) cả thảy mười sáu đời vua, sau Phật diệt độ hai trăm bốn mươi hai năm, đến năm thứ ba đời vua Định Vương (Cơ Du 606-585 trước Tây lịch) Lão Tử mới ra đời. Lúc Lão Tử qua Lưu sa thì Phật Pháp đã lan tỏa xa khắp năm xứ Ấn Độ và đến các nước lân cận, tiếng tăm vang khắp thiên hạ đã hơn ba trăm năm, nào đợi Lão Tử hóa Hồ ư?

Lã Hạ Khanh ghi lời tựa kinh Bát Sư nói rằng: “Kẻ tiểu nhân không biết sợ hình ngục mà sợ trục lăn của Địa ngục, tuy sống được vì khinh ở đời, chết cũng chẳng khỏi ở dưới đất vậy”. Nay có người khí phách gian hùng bừng bừng, đủ để đồ thán đối với người mà trái lại chẳng dám làm, vì có Địa Ngục báo ứng không thể trốn lánh vậy. Nếu khiến người trong thiên hạ, mọi sự không lớn nhỏ, vì có nhân xưa nên khiến chẳng dám khinh tâm họ, khéo nghĩ nhớ gìn giữ chúng sinh, mỗi mỗi không phong tục xâm lấn tranh đoạt, thì đâu không hình thể mà làm đời của Cực trị ư? Nếu cho rằng Phật không ích lợi gì đối với thiên hạ thì tôi không tin vậy.

Rõ ràng thay! Trên đường trời người lấy phước làm trước tiên; trong biển sinh tử, tu Đạo là cần gấp. Nay có muốn khoái lạc trời người mà chẳng gieo trồng phước, muốn ra khỏi sinh tử mà không rõ Đạo, là như chim không cánh mà muốn bay, cây không rễ mà tươi tốt, sao có thể được ư? Xưa nay người thọ năm phước nếu chẳng phải Thiện báo thì gì? Người mắc chịu sáu cực, nếu chẳng phải ác báo thì gì? Đó đều do điều tu ở quá khứ mà nay nhận thọ quả báo. Sao chẳng tin ư?

Hoặc có người nói: “Thiên Đường là dối bày, Địa Ngục chẳng phải nói thật”. Sao ngu như vậy? Phật dạy Lục đạo mà trong đó Trời, người, quỷ và súc sinh rõ ràng khá biết, bốn đạo đã rõ ràng vậy, còn lại hai đạo A-tu-la và Địa ngục, chỉ chẳng phải mắt thịt phàm phu thấy

được chứ đâu phải hư dối ư? Thí như việc Thần quái đời nào không có, cũng như trải qua sử sách biên ghi, há không mắt tai nghe thấy? Dù là người ngu cũng biết đó có vậy. Con người phần nhiều tin ở đây mà nghi ngờ kia, như trọn ngày biết số mười mà không biết đó là hai lần năm vậy. Có thể gọi đó là bậc Hiền ư?

Từng có người bạn đồng liêu nói cùng tôi rằng: "Giới của Phật răn cấm người không được ăn thịt, cũng chẳng xa vời ư? Thử cùng ông mà luận rõ đó. Như gà gáy báo giờ giấc, chồn mèo để bắt chuột, trâu bò dùng sức cày ruộng, ngựa thay chở bộ, chó để gìn giữ, không giết ăn nó thì đã đáng. Còn heo, dê, ngan, vịt các loài thủy tộc,. . . nó vốn chỉ là vật cung cấp nấu ăn, nếu chẳng giết ăn, thì nó nẩy nở nhiều làm hại, sao không ăn dùng ư?"

Tôi trả lời rằng: "Không phải như vậy. Ông chưa biết rõ Phật Lý, Tôi sẽ vì ông mà nói sơ lược ngằn mé ấy, rõ ràng hiển bày thiện ác báo ứng. Chỉ có Phật dùng Chân Thiên nhãn và Túc mạng thông nên có khả năng biết đó. Nay Ác đạo chẳng dừng nghỉ, Tam đồ sôi sục hoài là bởi vì hết thảy chúng sinh đắp đổi ăn nuốt lẫn nhau, xưa trước cùng trái nhau mà lặng lẽ âm thầm đền trả, đâu phải không như vậy ư? Vả lại, các loài chúng sinh lớn như cá Kình, Ngao, Sư tử, Voi, Ba-xà, Cá Côn, Chim Bằng, các loài chúng sinh thân nhỏ như muỗi, ve, sâu kiến chấy rận. . ., phẩm loại tuy lớn nhỏ có khác nhưng chúng đều đồng một tánh. Con người tuy là tối linh cũng chỉ một loài riêng đó thôi. Nếu chẳng thể tích chứa điều thiện sáng đức, biết tâm thấy Đạo, cứ lờ mờ, lấy tham dục làm ưu thắng, thành tựu các thứ tập khí ác nghiệp, chỉ trong khoảng thời gian hai ba chục năm thì cùng các loài kia nào khác gì ư?

Vả lại, Ca-lâu-la Vương mỗi lúc trải cánh rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, A-tu-la Vương thân dài tám mươi bốn ngàn do tuần. Lấy đó mà quán xét thì đây chẳng phải ngay đầu mảng lông, sao có thể mưu họa đó sai? Tâm thức lớn tối linh mà khinh thường các loài khác nhỏ mọn chẳng linh và tự ý giết hại ư? Chỉ như lao ngục ở thế gian là chỉ để trị người có tội, còn người không việc gì tự chẳng cùng vậy. Người có trí không thể nói là dựng xây Đô huyện, thiết quan bày cục, không thể để trống lạnh tức phải làm một vài đoạn việc, sang đến kia để cùng ồn náo vậy. Nay tuy chúng sinh nhiều vô tận, ác đạo mênh mông, nếu không oán đối tức tự giải thoát, lại còn gì phải nghi ngờ ư? Nếu có chuyên tâm tha thiết tu hành, quyết muốn chứng đắc Đạo quả Vô Thượng Bồ-đề, mà lại ăn nuốt máu thịt chúng sinh, thì điều ấy không thể có. Chỉ có người giàu sang, Tể chế bang ấp, lại phải thông một tuyến đường.

Xưa trước, Lục Tuyên Đại phu hỏi Nam Tuyền rằng: "Đệ tử ăn thịt là phải, hay không ăn thịt là phải?" Nam Tuyền trả lời: "Ăn là Lộc của Đại phu, không ăn là Phước của Đại phu". Lại nữa, vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long 424-454) thời Tiền Tống hỏi Tôn giả Cầu-na-bạt-ma rằng: "Cô hồn thân theo quốc sự, tuy muốn trai giới không giết hại, sao có thể được đúng như Pháp". Cầu-na-bạt-ma đáp: "Điển tu của Đế vương cùng thất phu đáng khác. Đế Vương chỉ chân chánh mở lời phát lệnh khiến người thần vui hòa. Người thần vui hòa thì gió mưa thuận thời tiết, gió mưa thuận thời tiết thì muôn vật được toại sự sinh sống. Lấy đó mà Trì trai, trai ấy cũng thành đạt vậy. Vì không giết hại ấy đức cũng lớn vậy, nào hẳn phải nghỉ một bữa ăn ngon để toàn mạng một con vật ư?" Vua Văn Đế vỗ án ngợi khen rằng: "Kẻ phàm tục mê mờ lý xa, chư Tăng chấp trệ ở giáo gần, nếu như lời ông nói thật đáng gọi là Đạt đạo trong thiên hạ vậy. Có thể lấy để luận bàn ngằn mé của trời người vậy".

Do đó mà bàn luận, thì Đế vương Công hầu có ân đức lớn, đào luyện mong đúc thiên hạ thì đáng vậy. Gia đình sĩ thứ Xuân thu cúng tế dùng đó theo thời, còn có thể sám hối. Còn ngươi đầu tròn áo vuông, vâng thừa giới luật Phật, thọ nhận tín thí của người, mà trái lại, theo lệ trần tục, ăn uống rượu thịt, chẳng riêng chuốc lấy khinh thường nơi người, mà chóng ngang trái đối với trời, cũng dưới áo ca sa thân người mất đi rất là thống khổ, sao nhân đành không suy nghĩ ư? Với Nho giáo thì không đoạn dứt sát sinh, không giới răn rượu thịt, đối với trộm cướp thì chỉ nói mạn tàng răn cướp mà thôi, đối với dâm dục thì chỉ nói chưa thấy ham đức như ham sắc mà thôi, sao có thể khiến người không phạm ư?

Phật thiết giáo thì nêu rõ Thiện ghét ác, rất sâu sắc thấm thiết, rõ ràng hiển bày quả báo, nói Địa Ngục rất mực nghiêm ngặt, mà kẻ hiểm dối cường bạo còn chẳng chừa sửa đổi Tâm, huống gì không lấy làm cảnh răn đó ư? Nhưng Ngũ giới chỉ là vết thô của răn thân, là bước đầu tu hành, như lên cao hẳn phải từ thấp, như trèo xa hẳn phải từ gần. Người cầu Đạo chứng Thánh cũng mới đầu chẳng do đó mà vào vậy, đến như mất tư lự hết Thiện ác, dung hòa chân vọng, hợp nhất Thánh phàm, đơn truyền Đạo mật ấn, lại chẳng phải dùng giấy mực hình dung và miệng lưỡi mà biện giải vậy. Văn chương cái thế chỉ là hư danh, thế cao kinh trời chỉ thêm nghiệp tập. Nếu đem so sánh với Pháp Định Tuệ, trị Thần minh vốn có là quá lượng người vượt ngoài ba cõi thì ai nhiều so với đó ư? Các hàng sĩ nông công thương mỗi mỗi có phần nghề ng-

hiệp của họ. Nghèo giàu thọ yểu tự có từ Tiền định. Phật pháp tuy mất, đối với ta đâu có ích gì? Phật pháp tuy còn, đối với ta nào tổn hại gì? Công danh thì lộc vốn buộc chặt ở mạng, chẳng phải do phỉ báng Phật mà có được; vinh hiển giàu sang thì đạt cũng tại nơi thời, chẳng phải do bài xích Phật mà khiến nên. Chỉ trong một thời gian, thao túng Tâm bất thiện, vọng làm cửa họa, chẳng chỉ vô ích, phải đến họa hoạn sau là gì? Người có trí cẩn trọng đó, kẻ ngông cuồng phóng túng đó. Báo ứng hơn kém ở trong lục Đạo do đó mà phân. Tôi chẳng xiểm nịnh vậy. Mong cùng những người đồng chí, hay ý trái, đều bỏ trần lao, hòa hợp tánh giác để đồng đến nơi Đạo, đó há chẳng thiện tâm mỹ ư? Hoặc với người có căn tánh Xiển-đề ở nơi Tâm hẳn không lấy nói đây là phải. Tôi không giúp đỡ vậy.

LỜI BẠT LUẬN HỘ PHÁP

Thánh nhân gieo trồng giáo, thiết lập giáo tuy khác, nhưng đối với việc chuyển hóa con người, chuyển đổi Thiện dứt bỏ ác thì đó chỉ một vậy. Nên nói làm giáo chẳng đồng mà đồng kết quy về Thiện. Phàm như muốn vượt ngoài thế gian, rõ suốt sinh tử thì chỉ có học của nhà Phật. Cư sĩ Vô Tận được Đâu suất mừng vui đó, ý chỉ bất truyền, dùng đại biện tài tung hoành giảng thuyết, còn lo toan cách Phật đã xa, tà kiến lắm nhiều, không biết tông hướng thượng, vọng có lời phỉ báng, đó là nguyên do tạo luận Hộ Pháp này vậy.

Thiền sư Cổ Mai ở Ngưỡng Sơn, Ninh Cao, Mân Kiến có người Đệ tử là Sa-môn Tuệ Khâm, lúc du phương gặp được luận này mới cùng Sa-môn trú trì Trí Liễu và các Thượng sĩ bàn tính bảo thợ viết khắc bảng in để rộng lưu truyền. Có thể gọi là khéo dụng tâm đó vậy. Luận này một khi đã lưu xuất, mọi người có được mà đọc xem, thật như nghèo bần mà được của báu, mờ tối mà được đuốc sáng. Thật đúng là Kim thang hộ trì chánh pháp Như Lai, là kiếm bén chặt rừng rậm tà kiến. Những bậc sĩ đời sau nếu chưa thấu đạt then chốt sâu mầu của vô tận, đến nơi chỗ đến vô tận, vọng lấy bài xích Phật làm cao, vì cầu danh dự lưu truyền nơi đời, các người học mù điếc sao chẳng tự thẹn với tâm mình ư? Nhưng vì những hạng người đó không thể dốc sức đối với Đạo của Phật Tổ, cũng riêng không thẹn ấy ư?

Tôi từng ngồi yên im lặng tâm cảnh dung hợp lẫn lộn mà làm,

chẳng đắm nơi hữu, tự nhiên mà tuyệt chẳng tìm ở vô. Nói lớn thì thiên hạ chẳng thể chuyển tải, nói nhỏ thì thiên hạ chẳng thể phá diệt. Tuy người có trí nhưng đó còn như có chỗ chưa hết vậy. Sau đó mới biết, phàm có thể dùng ngôn từ mà ngợi ca, có thể dùng ngôn từ mà hủy hoại, thì rất là thô thiển của Đạo ấy vậy. Đến như Thật tế Lý địa, thanh tịnh Diệu minh, ngưng lắng như nhiên, trong không một pháp, thì trái lại, đâu là chỗ hủy hoại, đâu là chỗ hộ trì ư?

Sa-môn Tuệ Khâm mới vui mừng xin vì cuối sách viết lời bạt. Tôi xin ghi rằng:

Rõ chữ suốt nhà
Tìm khắp lại về
Ngồi tòa giảng pháp
Chữ Khâm trùm khắp
Tâm sạch khổ hạnh.
Chẳng riêng ở mình".

Đó đều đủ để phục hưng hoằng dương Đạo của Cổ Mai, và đều biết đó vậy.

Ngày Rằm tháng hai, năm Chí Chánh thứ năm (1945) thời nhà Nguyên – Khuê Dương các, Thị thư học sĩ, Hàn lâm thị giảng học sĩ, Thông phụng Đại phu tri chế cáo, kiêm Tu quốc sử Ngô tập Vi Tiếu Đình kính ghi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 193

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

SỐ 2115

(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC

LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2115

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

MỤC LỤC

- Quyển đầu: Hạnh Nghiệp Ký (tức lời tựa, do Trần Thuấn Du soạn)

- Quyển 1: Sách phụ giáo (phần Thượng): Nguyên giáo, Khuyến thư và Lời tựa (gồm bốn bài).

- Quyển 2: Sách phụ giáo (phần Trung): Nói rộng về Nguyên giáo (và lời tựa gồm 26 bài).

- Quyển: Sách phụ giáo (phần Hạ):

- Luận về Hiếu (và lời tựa gồm 13 bài), -Tán Đàn Kinh; Luận về Chân Đế không Thánh.

- Quyển: -Luận về Hoàng Cực; giải nghĩa Trung Dung (05 bài).

- Quyển 5: -Luận Nguyên (gồm 40 bài): -Lễ Nhạc, -Đại Chính, -Chí Chính, Thưởng Phạt, - Giáo hóa, -Hình Pháp, -Công Tư, -Luận về chữ Tín, -Nói về mạng, Hỏi về Hoàng Đế.

- Quyển 6: - Luận Nguyên: Hỏi về Quân binh, -Bình về từ nhường, - Hỏi về tước Bá, -Nói về Tốn, -Nhận Văn, - Tánh Đức, / Tồn Tâm, - giải thích về Phước, - Bình giải về Ẩn, - Thí dụ về Dụng, - Thích nghi của vật, - Thiện ác, - Tánh Tình, - Chín phái triết học, - bốn đầu mối

- Quyển 7: - Luận nguyên: - Trung Chánh, - Minh phân, - Xét Thế, - Hình Thế, - Quân Tử, - Biết người, - Luận về Phẩm chất, - giải thích gièm pha, - Phong tục, - Nhân Hiếu, - Hỏi kinh, - Hỏi về tương giao, - Đạo Thầy, - Đạo Đức, - Trị Tâm (Hết phần luận nguyên).

- Tạp trước (gồm 06 bài): - Ghi lại xưa trước, - Nói về Văn, - Bàn

nghị trả lời nắng hạn, - Biện về Di Huệ, - Thuật về vua Thái Tông thời tiền Đường, - giải về Dịch Thuật,

- Quyển 8: - Tạp trước (gồm 06 bài): - Bài Tiêu Dao, Tây sơn / di văn, - Văn / ai Đồ Long, - ghi về Rồng ngâm, - giải thích về Tịch Tử, - Tịch Tử giải ngạc.

- Thư: Thư vạn lời dâng tấu Hoàng Đế Nhân tông.

- Quyển 9: - Thư: - Tiếp theo trước, Thư dâng tấu Hoàng Đế Nhân Tông.

- Thư khải (gồm 13 bài): - Dâng Hàn Tướng Công (có 04 bài).

- Dâng Phú Tướng Công, - Dâng Trương Đoan Minh, - Dâng Điền Xu mật, - Dâng Tăng Tham Chính, - Dâng Thiệu Nội Hàn, - Dâng Lã Nội Hàn, - Dâng Âu Dương thị lang, - Dâng Tăng Tưởng Công, - Cảm tạ Lý Thái Úy.

- Quyển 10: - Thư Khải Trạng: - Thư gởi Quan Ngạn Trưởng Bí, - Thư đáp Như Bí Hiệu, - Thư gởi Chương Biểu Dân Bí, - Thư gởi Chương Bí và Phan Bí, - Thư gởi Mã Trứ Tác, - Thư gởi Viên Ngoại Chu cảm, - Thư đáp Bí thư Vương Chánh Trọng. - Nhận sự thỉnh mời của núi Phật Nhật trước, dâng Trạng cảm tạ Thái Quân Mô Thị lang, - Trạng văn gởi Thông Phán và lại Quan, - Trạng văn gởi Chư Tôn Túc Tăng quan ở các chùa, - Thư gởi các Đàn Việt, - Trạng văn Trình bày bắt đầu đến núi Phật nhật, - Tiếp Trạng văn trước của Hàng Châu tri phủ Quán Văn Hồ thị lang, - Tiếp Trạng văn trước của Tri huyện Tiền Đường, - Tiếp thư trước của Thiền sư Đại giác, - Cảm tạ Vương thị độc thị lang, - Cảm tạ Thẩm Tư Phong đề hình, - Cảm tạ thơ của Vương Mật Giáng Tri phủ, - gởi Doanh Châu Lý cấp sự, - gởi Quảng Tây Vương Đề Hình, - gởi Trần Lệnh cử Hiền Lương, - gởi Nhuận Châu Vương cấp sự, - gởi Vương Đề Hình Học sĩ, - gởi Lục Thôi quan, - gởi Trương Quốc Bác Tri huyện, - Cảm tạ Tiền Đường Phương Thiếu Phủ, - Cảm tạ Nhân Hòa Triệu Thiếu Phủ, - Cảm tạ Thẩm Thiếu Khanh Kiến Phỏng, - gởi Tổ Long Đồ bãi nhậm Hàng Châu, - Thơ tiễn gởi Dương Công Tế, - Trạng văn trở lại chương lam Bộ môn. - gởi Thiền sư Nguyệt ở Thạch môn, - gởi Thiền sư Nam ở Hoàng Long (Bức riêng), - Đáp Thiền sư Nam ở núi Hoàng Long (Bức kế tiếp). - gởi Thiền sư Viên Thông, - Lại gởi Thiền sư Viên Thông, - Đáp gởi Thiền sư Viên Thông nhường viện, - Đáp Trưởng lão Vạn Thọ, - gởi Trưởng lão Vạn Thọ, - Cảm tạ Tăng Chánh Bảo Nghiệp ở Hàng Châu, - Đáp hồi lui tiệc Trà Kim Sơn, - gởi Tri sự Đông Lâm, - gởi Sở Thượng nhân, - Phát cúng dường chủ gởi Đàn-na.

- Quyển 11: - Đề lời Tựa (gồm 23 bài): - Đề tựa Truyền Pháp

chánh Tông Định tổ đồ (cùng Tổ Đồ dâng trình), - Đề tựa Lục Tổ Pháp bảo Ký, - Đề tựa Ngữ lục của Hòa thượng Lương ở Minh Châu, - Đề tựa Võ Lăng tập, - Đề tựa Nguyên Tông tập, - Đề tựa Thơ Di Thạch, - Đề tựa mười bài vịnh của Pháp Vân, - Đề tựa Thơ Pháp Hỷ Đường, - Đề tựa Sơn Tỳ Đường, - Đề tựa Thú Hiên, - Đề tựa Sơn du xướng hòa thi tập, - Lời bạt thơ Sơn Du, - Đề tựa gởi Nguyệt thượng nhân canh tự, - Đề tựa Chu cảm Chi Canh Tự, - Đề tựa Tống Tầm Dương Diêu giá bộ, - Đề tựa thơ đưa tiễn Quách Công Phủ Triều Phụng, - Đề tựa bài ca đưa tiễn Vương Trọng Ninh, - Đề tựa thơ đưa tiễn Chu Cảm Chi, - Đề tựa thơ đưa tiễn Chu Công Tế, - Đề tựa thơ đưa tiễn Bí thư Chu Cảm Chi trở lại phương Nam, - Đề tựa thơ đưa tiễn Lâm Dã Phu tú tài về Triều Dương, - Đề tựa bài ca đưa tiễn Sư Phạm Tài Cát về Thiên Thai, - Đề tựa đưa tiễn Pháp Sư Chân về Lô Sơn.

- Quyển 12: Chí, Ký, Minh, Bi (gồm 12 bài): - Võ lâm sơn chí, - Du Nam Bình Ký, - Giải Độc Tú Thạch Danh, - Bài Ký Vô Vi quân Sùng thọ Thiền viện Chuyển Luân Đại Tạng, - Bài Ký các Thiên Phật ở Viện Sùng Phước tại Chương Châu, - Bài minh Song các ở Lặc Đàm, - Bài minh Thanh Hiên, -Bài minh Nam Hiên, - Bài minh Cựu Nguyên, - Đề vách tường Đình Hà Hương, -Bia Văn Trung Tử, - Khúc ký Pháp sư Từ vân ở Thiên trúc.

- Quyển 13: - Bia, Ký, Minh, Biểu (gồm 07 bài): - Bài minh tháp Thiền sư Cần ở Tư Thánh, Tú Châu, Bài ký ảnh đường của Hòa thượng Xiêm ở Tư Thánh, Tú Châu, - Bài minh Tháp Đại sư Phổ Từ ở Linh Ẩn, Hàng Châu. - Biểu văn Tháp Đại đức Cổ Thiệu ở chùa Bảo Thọ núi Thạch Bích. - Ai từ Trí Chính Thị Lang Trung Sơn Công, - Ai từ Lý Hối Thúc Thôi Quan, - Ai từ Chu thúc trí.

- Thuật, Đề, Thư, Tán, Truyện, Bình (gồm 12 bài): - Thuật Hành Đạo Xá lợi ở chùa Tinh Nghiêm tại Tú Châu, - Ảnh Đường Viễn công ở Lô Sơn. - Đề Mai Phước truyện hậu, Thư văn Trung tử truyện hậu, Thư Lý Hàn lâm tập hậu. - Thư Chư các Võ Hầu Truyện. Thư Phạm Tuy truyện hậu. - Tán truyện Đoàn Thái Úy, -Tán Hảo Thiện, - Truyện Lạc Thiền, -Truyện Hàn Khoáng, Bình Sách Bắc Sơn Thanh Công.

- Quyển 14: Phi Hàn: phần thượng (Bài 1 và lời Tựa)
- Quyển 15: Phi Hàn: Phần trung (Bài 2-13)
- Quyển 16: Phi Hàn: Phần Hạ (Bài 14-30)
- Quyển 17: Thơ Cổ Luật (gồm 60 bài)
- Quyển 18: Thơ Du Sơn xướng hòa cùng Dương Công Tế Ngộ xung mai (gồm 19 bài).

- Quyển 19: - Phụ lục trước thuật của các Sư: - Bài tựa Ngự Khê của Sa-môn Thích Hoài Ngộ ở Thảo Đường, Đông giao. - Lời tựa tiếp theo do Oánh Đạo Ôn thuật. - Thơ ở tháp Thiền Lễ Tung ở Huệ Hồng, ở Thạch môn (gồm 31 vận). - Thơ Thiền sư Thủ Đoan Điếu Tung ở núi Lăng Già (gồm 100 vận, lại dẫn). - Tán tu Tĩnh ở núi Thiên trú, Long thư (và Dẫn). - Đề sau Thủ thiếp của Đại sư Minh Giáo do Linh Nguyên sưu (02 bài). - Thiên thai Tùng vũ trai do Nguyên Hức soạn (và lời tựa). - Sớ Ngữ. - Lời tựa Chỉ Nam do Tăng Cang Ty Đô Cang Thiên Ninh Hoằng Tông ở Phủ Gia Hưng soạn. - Lời tựa của Văn Tú Trú trì Kính Sơn ở Hàn Châu soạn.

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

BÀI KÝ VỀ HẠNH NGHIỆP CỦA ĐẠI SƯ MINH GIÁO-ĐÀM TÂN

Khắc bản đá tại núi Linh Ẩn, Hàng Châu

Thượng thư Đồn điền viên ngoại lang Trần thuấn Du soạn.

Ngày mồng bốn tháng sáu năm Hy Ninh thứ năm (1072) thời Bắc Tống, Sa-môn Đại sư Minh Giáo thị tịch tại chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu, hưởng thọ sáu mươi sáu tuổi với năm mươi ba Tăng lạp. Qua ngày mồng tám tháng ấy, y theo pháp Trà tỳ, gom thâu di cốt, trong sáu căn có ba căn không cháy rã, xương đảnh đầu lưu xuất xá-lợi, sắc màu hồng trắng sáng đẹp, hình trạng như hạt đậu lớn, và ba vật thường hành trì như chuỗi châu bằng gỗ cũng không hư hoại. Khi ấy, các hàng Tăng sĩ cùng cả mọi người trong xứ truyền báo cho nhau, kinh ngạc tán thán đảnh lễ. Đến ngày mồng bốn tháng sau, gom tất cả các thứ không tiêu cháy rả hoại ấy an táng tại bên tả viện Vĩnh An, nơi chỗ ở ngày trước của Đại sư. Lúc sanh tiền, Đại sư thường cùng tương giao với cư sĩ Trần Thuấn Du, chuyên đàm luận nói về ngằn mé của sanh tử mà thôi. Nay gặp hậu sự như vậy, không thể không thuật nói lại đó.

Đại sư húy Khế Tung, tự là Trọng Linh, hiệu là Tiềm Tử. Người xứ Đàm Tân-Đằng Châu, vốn giòng họ Lý, thân mẫu người giòng họ Chung. Năm lên bảy tuổi, Đại sư xuất gia, năm mười ba tuổi được độ và xuống tóc, qua năm sau, thọ giới Cụ túc. Năm mười chín tuổi, Đại sư du phương xuống Giang Tương, vượt Hành Lô. Trên đầu thường mang đội tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và xưng niệm danh hiệu Bồ-tát mỗi ngày mười vạn biến. Từ đó, tất cả các thứ Kinh sách chương cú ở trong thế gian tuy chẳng tập học mà đều hay tốt. Đại sư đắc pháp với ngài Thông Công ở Động Sơn, Xuân Châu. Trong khoảng niên hiệu Khánh Lịch (1041-1049) thời Bắc Tống, Đại sư vào Ngô Trung; đến Tiền Đường, vui thích ở Hồ Sơn mới bắt đầu cởi giá vậy. Bấy giờ, các kẻ sĩ trong thiên hạ học làm cổ văn, mến mộ theo Hàn Thối Chi, bài bác Phật giáo mà tôn sùng Khổng Tử. Ở Đông Nam có Chương Biểu Dân,

Hoàng Ngao Ngung, Lý Thái Bá rất là hùng kiệt, các học giả đều tôn sùng đó. Trọng Linh (Đại sư) riêng sống một mình soạn thuật nguyên giáo, luận về Hiếu có hơn mười bài, nói rõ về Đạo của Nho giáo và Thích giáo là Nhất quán, để chống lại lý thuyết ấy. Các ông kia đọc xem đó, đã mến thích văn từ ấy, lại lo sợ lý ấy ưu thắng mà chẳng thể đoạt nổi, nhân đó mới cùng giao du.

Phàm gặp các kẻ sĩ Đại phu vốn bài xích Phật giáo, Trọng Linh đều khẩn khoản vì họ nói đó. Do đó mà người bài xích ngầm dứt, và về sau mọi người ưa thích Đại sư càng đông nhiều. Trọng Linh ngợi ca họ vậy. Đại sư ở trong một phòng thất lặng lẽ không tích chứa vật gì, cùng người đàm nói thanh bạch, lửng thửng đến trọn ngày. Khách nếu là những kẻ sĩ không tu khiết hành nghi thì không thể đến vậy. Bấy giờ, có hai Khanh lang công tuổi đã già nua trở về, rất muốn bạn kết giao ngoài vật, thường muốn đồng đi đến Kính Sơn nói cả Hành sắc, Lang Công cũng phong Ấp vào dự vậy. Khi đã thấy gặp Trọng Linh mà có lấy làm tôn kính cung dưỡng đó. Trọng Linh biết đó mà chẳng chịu đi nên sai người đến cảm tạ Lang Công rằng: "Từ chỗ Tôi ưa thích nào phải cầu giàu sang mà cầm nắm roi ư?" Sự thanh khiết của Đại sư đại loại như vậy.

Khoảng trong niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1054 thời Bắc Tống), Đại sư bỏ chỗ ở ấy theo hướng Nam đến Thành Sơn, sau đó không bao lâu, lại bỏ chỗ đó để trở về. Đại sư lại trước thuật "Thiền Tông Định Tổ Đồ". "Truyền Pháp Chánh Tông Ký". Đại sư trước tác các sách ấy là vì bùi ngùi xót thương sự lăng trì của Thiền môn, nhân đó xét khảo trong các kinh điển. Vì từ sau Đức Phật, Tôn giả, Đại Ca-diếp riêng được Đại pháp nhãn tạng làm Sơ Tổ, đổi chuyển dần xuống Bồ-đề Đạt-ma là hai mươi tám đời Tổ đều kính nhiệm phú chúc, chẳng lập văn tự, nên gọi đó là truyền riêng ngoài giáo. Ở điểm không sao có thể quan xét. Lý Công Cẩn có được sách ấy, lại khâm trọng danh cao của Đại sư, tấu trình ban tặng pháp y phương bào sắc tía. Trọng Linh lại suy nghĩ: "May sanh gặp thời Thiên tử và Đại thần đều hộ đạo đạt pháp", mới ôm sách ấy đem đến Phủ Doãn long đồ Vương Trọng Nghĩa ở chốn kinh đô. Quả nhiên dâng tấu trình, vua Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-1062) thời Bắc Tống đọc xem rồi ban sắc chiếu giao cho Viện truyền pháp biên theo thứ tự để ban bày tán thán, và bèn ban tặng Đại sư hiệu là "Minh Giáo". Trọng Linh lại dâng biểu chối từ, vua không chấp thuận. Trong triều, từ hàng Thừa tướng trở xuống không ai mới gặp mà chẳng tôn trọng Đại sư, lưu giữ mời ở lại tại chùa Mẫn Hiền, Đại sư không nhận, xin trở về

lại Đông Nam. Thế rồi có người giảng giải Phú Đồ ghét Đại sư có lời lưu truyền riêng mà xấu hổ tông tộc ấy chẳng còn chỗ gọi là hai mươi tám đời tổ, mới cùng tạo Thuyết cho đó là chẳng phải vậy. Trọng Linh nghe thế rất lấy bức mình nên lại trước thuật, rộng dẫn các kinh luận của Thánh hiền, các tập lục xưa nay để làm chứng có đến vài vạn lời. Những kẻ sĩ, hiền giả mà mến chuộng Phật Pháp, luôn luôn đến mà bài xích, oán ấy lâu dài vậy. Có người tuy bình sanh sâu nặng với Trọng Linh còn Đại sư chẳng thể cùng mọi người đồng quên khoảng phải quấy ấy. Mãi đến lúc Đại sư thị tịch, những điều luận nghị phải phải quấy quấy của ba tấc lưỡi, rốt cùng chỉ có vài vật không hư hoại cũng đủ để chứng minh đó.

Than ôi! Khiển kẻ cùng đoạt đó, bất công biện thuyết đó chẳng khế hợp ư? Đạo thì sao để đến thế ư? Tuy nhiên, sở dĩ Trọng Linh tự đắc mà vui với chính mình bởi chẳng dự ở đó, đâu có thể vì hạng thấy cạn ít nghe mà nói ư? Trọng Linh ở Đông Nam tối hậu mật học, Thái Quân tìm đến Thống soái Hàng Châu, thỉnh mời an đặt Đại sư ở núi Phật Nhật, lễ kính nồng hậu. Nhưng Đại sư lời cao hạnh trội nên chẳng thiếu học giả đến tựa nương, người chẳng thể theo vậy. Đại sư có các đệ tử là Từ Dũ, Động Thanh, Động Quang trước thuật sách từ Định Tổ Đồ mà xuống, gọi là "Gia Hưu Tập", lại còn có "Trị Bình Tập" gồm hơn trăm quyển, cả thảy có hơn sáu mươi vạn lời. Người cậu là Sa-môn Pháp Đăng khắc phụng thành tạng đó để tin cho đời sau.

Ghi ngày mồng năm tháng chạp năm Hy Ninh thứ tám (1075) thời Bắc Tống.

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

Sa-môn Khế Tung ở Đông Sơn, Đàm Tân, Đằng Châu soạn.

QUYỂN 1

SÁCH PHỤ GIÁO (PHẦN THƯỢNG)

NÓI VỀ NGUYÊN GIÁO

Vạn vật có tánh tình, xưa nay có sanh tử. Nhưng mà sanh từ, tánh tình Sanh Tử mới đầu chẳng phải là không cùng Nhân mà có đó. Tử hẳn có nhân ở Sanh, Sanh hẳn có nhân ở Tình, Tình hẳn có nhân ở Tánh. Khiến muôn vật nổi chìm ở sanh tử vốn do tình làm lụy đó vậy. Có Thánh nhân quán sát rộng mới suy nhân ấy ở trước sanh, chỉ bày nguyên do nó lại vậy, chỉ sự thành ấy ở sau chết, bày nguyên do nó tu vậy, nên dùng Đạo ấy dẫn dắt thiên hạ. Vạch tình ngụy ở hiện nay, vốn hẳn thành ở tương lai. Phàm, sanh đã có trước, có sau cùng với hiện nay, há chẳng là ba đời ư? Vì khéo thành ở tương lai, bởi nguyện do tu ở hiện nay, thì nay mới cùng thông, do nó đã tích tập trước, đoán có thể thấy vậy. Tình vốn phát xuất từ tánh, đều là tình vậy. Giả sử tình tập có thiện ác, mới hóa độ vậy thì ngầm tự nhiên, cùng loại đó tương cảm mà thành. Điểm thành tình tập ấy có mỏng dạt, có dày dặn, có khi ấy có lớn có nhỏ. Thánh nhân thích nghi đó, nên Thánh nhân phô bày pháp ấy làm Ngũ thừa, làm Tam tạng. Riêng Ngũ thừa lại cao vợi xuất hiện, lắm nhiều ấy chẳng thể tính kiểm. Với thượng cực thì làm Thánh đạo đó, với hạ cực thì làm nông, làm thương, nghề nghiệp, thuốc thang, trăm cách, việc xấu nhỏ ở trong thế tục, đều phô bày nguyên do ấy vậy. Nhưng cùng với Ngũ thừa đều gồm nó ở Tam tạng. Cùng lớn trong đó thì đứng đầu là Ngũ thừa: - Một là Nhân thừa; - hai là Thiên thừa; - ba là Thanh văn thừa; - bốn là mười hai Duyên giác thừa; - năm là Bồ-tát thừa. Trong đó, ba thừa sau là bao trùm dẫn dắt hạng ấy siêu nhân xuất thế ấy vậy. Khiến hạng lớn ấy thanh khiết mọi dơ bẩn, thẳng đến chân

tế, thần mà thông đó, ở đời không được lén nhìn đó. Còn hai thừa trước do vì tình đời dính chặt mà dục đó không thể liền bỏ dứt. Căn cứ tình ấy mà chế định đó.

Về Nhân thừa tức là năm giới: - Một là không sát sanh, nghĩa là phải mến quý sự sống, không thể vì mình mà hung bạo với một vật nào khác, không chỉ chẳng ăn thịt nó vậy. - Hai là không trộm cắp, nghĩa là với vật bất nghĩa thì không lấy, không chỉ chẳng xin mà lấy vật của người khác. - Ba là không Tà dâm, nghĩa là chẳng quấy loạn với người chẳng phải vợ hay chồng. - Bốn là không vọng ngữ, nghĩa là không dùng lời nói khinh thường người khác. - Năm là không uống rượu, nghĩa là không làm say loạn để tu tâm đó.

Với Thiên thừa thì mở rộng năm giới đó thành mười thiện: - Một là không sát sanh, - Hai là không trộm cắp, - Ba là không Tà dâm, - Bốn là không vọng ngữ. (Bốn điều đó nghĩa đồng như ở năm giới). - Năm là không nói lời thêu dệt, nghĩa là không trang sức lời quấy, - Sáu là không nói lưỡi đôi chiều, nghĩa nói việc người không nói sau lưng, - Bảy là không nói lời thô ác, nghĩa là không mắng rũa, cũng còn gọi là không nói lời phi nghĩa, - Tám là không tật đố, nghĩa là không ganh ghét đố kỵ, - Chín là không sân nhuế, nghĩa là không để sự phẩn hận tích chứa nơi tâm, - Mười là không Si mê, nghĩa là không mê mờ với mọi điều Thiện ác.

Người gồm tu cả mười Thiện ấy thì quả báo do đó mà sanh lên trời vậy. Còn người tu năm giới trước, vốn do đó mà làm người vậy. Nếu như trong Thiên hạ mỗi mỗi đều lấy đó mà tu thì nếu không sanh lên trời, mọi người cũng đều thành thiện vậy. Mọi người đều hiền thiện mà ở đời chẳng bình trị, thì điều đó chưa từng có vậy.

Xưa trước, vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long 424-452) thời tiền Tống bảo cùng bề tôi là Hà Thượng Chi rằng: “Vừa có được Bài luận của Nhan Diên Chi và Tống Bích trước thuật, phát minh Phật pháp nghĩa lý rất sáng tỏ, đều là khai mờ dẫn giúp ý người, nếu khiến khắp cả mọi nơi đều cảm mỹ hóa đó, thì Trẫm sẽ khoanh tay ngồi đợi hưởng thái bình vậy, đâu còn phải làm việc gì?” Hà Thượng Chi nhân đó tiến tới tâu: “Phàm, trong làng có trăm nhà mà mười người trì Năm giới tức mười người thuần thục. Trong Ấp có ngàn nhà mà trăm người tu mười Thiện thì trăm người Hóa mục. Giữ gìn mỹ phong đó thì dạy khắp hoàn vũ, có cả ức ngàn cửa nhà thì có trăm có trăm vạn người có đức Nhân. Phàm người hay thực hành một việc thiện thì dứt trừ được một việc ác, dứt trừ một việc ác thì chấm dứt một hình luật, chấm dứt một hình luật ở một

nhà, thì muôn hình luật sẽ chấm dứt trong một nước. Vậy là Bệ hạ nói ngồi đợi hưởng Thái bình là thật đó".

Lời nói ấy được đó vậy, nếu đem Nho giáo mà so sánh thì cùng với chỗ gọi Ngũ thường Nhân Nghĩa..., tuy khác tên hiệu mà đồng một thể vậy. Phàm, Nhân nghĩa là dấu vết bình trị của một đời Tiên Vương, đem dấu vết ấy mà bàn nghị thì mới đầu chẳng khác gì nhau, nếu dùng lý để suy đó thì mới đầu chẳng đồng. Dấu vết xuất phát từ Lý. Lý noi theo dấu vết. Dấu vết là ngọn, Lý là gốc. Quân tử tìm cầu gốc mà bỏ ngọn có thể vậy. Nói rằng: "Xem cái sở dĩ đó, nhìn cái nguyên do đó, xét chỗ an đạt đó, người sao giấu diếm được ư? Người sao giấu diếm được ư?" Mạnh Tử nói: "Chẳng đo lường gốc ấy mà tề bằng ngọn ấy, thì cây gỗ tấc vuông có thể khiến cao vút đến núi lầu". Có nghĩa là, mọi sự việc hẳn phải đo lường ở gốc nó mà tề bằng ngọn nó, và sau mới nói đó. Nếu như đem dấu vết của một đời mà trách đến ba đời, nào khác gì đem giẫm trãi mười bước cật hỏi giẫm trãi trăm bước, mà sao dấu vết ấy lẫn lộn vây, há chẳng là ta ít ư? Đó đâu biết chỗ đến xa gần thế nào và bước giẫm ít nhiều làm sao vậy.

Nhưng, Thánh nhân thiết lập giáo mà phô bày khác thích nghi. Nói đến một đời thì phải thuận theo tình người đó vì trị trong khoảng thời gian của hình sống ấy. Nói đến ba đời thì phải chánh ngay thần người đó, chỉ bày duyên nghiệp ngoài sống chết. Trong Thần nông chỉ nói: "Trăm thứ thuốc thang tuy khác mà đồng ở điểm trị liệu bệnh". Hậu Tắc Phiếu nói: "Trăm thứ lúa thóc tuy khác mà đồng ở điểm để người ăn dùng". Thánh nhân lập giáo chẳng đồng mà đồng ở điểm làm thiện vậy.

Có người hỏi: "Đạo của Phật là vì chỉnh trị ba đời, chẳng phải chỗ tiếp nhận của tai mắt. Ông lấy gì để làm rõ đó?"

Xin đáp: "Tôi cho rằng, người chết mà thần thức chẳng chết, lấy đó mà nghiệm vậy. Thần thức ở nơi con người tợ như lửa ở trong củi, trước củi tuy cùng lửa đồng cháy, nay sở dĩ lửa hết hay thường cháy ư?"

Lại hỏi: "Thần lý mịt mờ, hình thể đó đã tan rã, ai có thể khống ngự chỗ đến đó, quả thật là làm người ư? Hay là bay lặn ở các loài khác ư?"

Xin đáp: "Đó cũng có thể thông hành vậy. Nếu dùng nghiệp của tình tập ấy mà suy thì quả báo ấy không sai. Há ông không nghe trong Hồng Phạm nói về Ngũ Phước và Lục cực ư? Với Ngũ phước, có nghĩa là người dùng Tâm ấy hợp với Hoàng cực và Thiện dụng là năm, nên

dùng hưởng ứng mà khuyên đó. Với lục cực, có nghĩa là chẳng dùng Tâm ấy hợp với Hoàng cực, mà Thiện dụng là sáu, nên dùng oai mà cản trở đó. Phàm, hình thể đó còn mà ứng của thiện ác đã vậy. Khi Thần thức đó đi thì quả báo thiện ác há chẳng vậy ư? Trong kinh Phật nói: “Hết thảy các pháp lấy ý sanh hình, tức là nghĩa ấy vậy”.

Lại hỏi: “Phật nói dứt tình mà điều làm lại như vậy, há chẳng phải là tình ư? Hay Phật cũng có tình ư?”

Xin đáp: “Hình tượng khắp đều có tình, sao riêng Phật không tình ư? Hạnh Phật là tình, mà chẳng tình vậy”.

Lại hỏi: “Việc làm của Phật đã thuộc loại Nhân nghĩa, mà Nhân nghĩa sao được chẳng gọi là tình ư?”

Xin Đáp: “Nhân là thế nào? Phải chăng nghĩa là mến quý và ban cho. Nghĩa là thế nào? Phải chăng nghĩa là thích nghi? Thích nghi và mến quý đều xuất phát từ tánh mà là dụng của hình thể. Đó chẳng phải tình là gì ư? Căn cứ tình ấy mà nói thì Nhân nghĩa là thiện của tình ấy vậy. Tình mà làm đó, và thế ấy gần quyền, chẳng tình mà làm đó và thế ấy gần lý. Tánh tướng đồng, mà tình tướng khác vậy. Khác vậy mà thiên hạ ít chẳng cạnh tranh, đồng vậy mà thiên hạ ít chẳng an, Thánh nhân muốn dẫn đó đến chỗ an, do đó suy tánh mà đồng với quần sanh; Thánh nhân muốn dứt sự cạnh tranh đó, nên suy lòng mà ở nơi muôn vật. Gọi là vật thì không kể là côn trùng, không kể là động vật hay thực vật, Phật đều ngang bằng mà ban cho đó, chẳng khiến tổn mất đó. Gọi là Sanh thì không kể sang hèn, chẳng kể Hiền ngu, Phật đều đồng nhất mà dẫn dắt đó. Khiến tự tìm cầu đó, suy tánh ấy mà tự đồng với quần sanh, há chẳng có nghĩa là lớn thật thay? Suy lòng ấy ở khắp muôn vật, há chẳng có nghĩa là Đại từ ư? Đại từ nên cảm người đó vậy, sâu rộng thật nên hóa vật đó vậy. Thế nên, trong Trung Quốc ngoài Tứ-di Bát man, người nào nghe lời của Phật mà làm thiện tức có phước, làm ác tức có tội, và ít chẳng lường nhưng gom thâu tâm ác đó, vui vẻ nêu ý thiện đó, giữ thuyết ấy thành khẩn chẳng dám để mất đó. Nếu vang hưởng Năm giới và Mười thiện, từ các hẻm xóm đều đồng cảm hóa mà thực hành đó, từ làng đến ấp, từ ấp đến châu, từ châu đến cả nước, những bậc quan sĩ của Triều đình, cung dịch Thiên tử, tu hành đó rất chí thiết, thì không sát sanh tức là Nhân, không trộm cướp tức là Liêm, không tà Dâm tức là Chánh, không dối vọng tức là Tín; Không say, không loạn, không nói lời thêu dệt tức là thành thật; Không nói lời hai lưỡi, không dèm pha, không nói lời xấu ai, không nhục mạ, không thù oán, không tật đố, không tranh đua, không ngu si, không mê muội. Có được một

điều đó đủ để thành thật ở tự thân và lại thêm nơi người, huống gì Năm giới Mười thiện toàn đủ, thì đâu có kẻ làm người em mà chẳng kính đối với anh, kẻ làm con mà chẳng hiếu đối với cha, kẻ làm vợ mà chẳng kính đối với chồng, kẻ làm bạn mà không đem điều thiện dẫn nhau đến cùng, kẻ làm bề tôi mà chẳng trung với vua, người làm vua mà chẳng nhân từ đối với dân, phải trong thiên hạ không có như vậy, người làm vậy chỉ sợ họ qua cùng chẳng kịp làm khối nghiệm vậy. Phật đâu tạm kết khối ở người vậy. Như vậy thì Đạo của Phật không riêng của một người làm đó, ước cũng có ý đối với nước nhà thiên hạ vậy, nào từng chẳng còn vua tôi cha con ư? Đâu phòng ngại gì đạo sanh dưỡng ư? Chỉ vì nó lưu xuất từ sửa trị mà dàn bày đó, cũng là lý của hóa ấy ẩn mà khó thấy, nên ở đời chẳng được mà tin hết.

Dịch nói: "Im lặng mà thành đó, chẳng nói mà tin ở đức hạnh". Mạnh Tử nói: "Dân mỗi ngày chuyển đổi thiện mà chẳng biết làm đó". Há chẳng vậy ư? Con người lầm hoặc ở tình lâu dài vậy, tình quá lắm đến nỗi tệ bạc. Thánh nhân mến thương đó, làm pháp đó tương giao sửa trị, nên gọi là Đế, gọi là Vương. Tuy đạo ấy có lắm phương mà còn chẳng rãnh cứu, dùng Nhân ban ân đó, dùng Nghĩa chỉ giáo đó, thưởng là muốn tiến triển thiện đó, phạt là muốn cản trở ác đó, tuy phạt ngày càng nhỏ, thưởng ngày càng tốn phí mà thế tục càng mỏng dạt. Nếu như nghe có chẳng dùng thưởng phạt mà được dân chuyển đổi thiện xa lìa ác, thì các Thánh như Nghiêu Thuấn cũng hẳn vui vẻ mà đến đó, đâu có nói người ấy chẳng nhân. Đạo của tôi mà làm thiện thì tôi chẳng lấy thiện ấy. Hẳn Đạo tôi mà làm thiện mới đáng thiện đó vậy. Nếu là Thánh nhân mà riêng Đạo đó thì sao có Đạo của Thánh nhân mà riêng ư? Phàm, Rồng đi quẩy động nói sông biển mà mây khí tự nhiên nổi cả bốn bề, Hổ dữ gầm tiếng ở núi rừng mà gió dữ vì vèo cùng lại. Bởi các loại ấy tự tương ưng vậy. Nên người thiện chẳng thân gần mà người thiện đồng đó, người ác chẳng ân nghĩa mà người ác dung đó. Thuấn ưa hỏi mà xét lời nói gần, che ẩn điều ác dương bày điều thiện, đến khi nghe một lời thiện thấy một hành động thiện, thì như ngoài sông bến biển tự nhiên chẳng thể cản ngăn vậy. Võ nghe lời nói thiện thì kính bái. Khổng Tử thường nói rằng: "Người thiện, tôi chẳng được mà thấy gặp đó. Được thấy có thường đó có thể vậy". Lại nói: "Ba người đồng đi, hẳn có một vị là thầy của Ta vậy". Chọn người thiện mà theo đó, còn người bất thiện thì sửa đổi đó. Nhan Tử có được một điều thiện thì thành khẩn phục ứng chẳng dám để mất đó, Mạnh Tử nói: "Ưa thích điều thiện, tốt lành ở thiên hạ". Lại nói: "Thành thật thân có Đạo, chẳng rõ

điều thiện chẳng thành thật thân ấy”. Đó là năm vị Quân tử, từ xa xưa là người rất vui thích điều thiện, vì loại thiện ấy hẳn đồng loại ở nơi Phật. Giả sử họ chẳng chết mà thấy Đạo tôi lưu truyền là hẳn tự nhiên theo mà suy đó. Ôi! Cũng là điều không may của đời sau vậy! Không được họ cùng gặp mà cùng chứng, còn khiến học trò của hai nhà do dự mà chẳng cùng tin. Ôi! Tình người không ai chẳng chuyên ở chính mình mà sơ lược ở người, phải đây mà quấy kia. Quấy phá thì tranh giành, chuyên quá thì bó buộc. Quân tử thông mà thôi vậy, nào hẳn tạm chuyên. Quân tử đáng mà thôi vậy, nào hẳn tạm quấy. Ăn uống nam nữ mọi người đều hay biết quý, mà Quân tử chẳng quý, chỗ quý của Quân tử là họ quý hay biết Đạo và nhận rõ Lý. Nay có Đạo lớn Lý xa như vậy mà tôi chẳng biết chẳng nhận rõ. Tôi thẹn với người nhiều lắm vậy!

Thường thử luận rằng: “Phàm muốn người tâm phục mà tự tu, chẳng gì bằng cảm được bên trong đó; muốn người nói thuận mà vâng theo, chẳng gì như chế bên ngoài đó. Chế bên ngoài đó nếu chẳng dùng nhân đạo mà thiết giáo thì không thể đạt đến thành quả. Cảm bên trong đó nếu chẳng dùng Thần đạo mà thiết giáo thì chẳng thể hẳn hóa đó. Nên Phật làm đạo trước dùng ở Thần mà sau dùng ở nhân, bởi cũng có nghĩa là cảm bên trong mà chế bên ngoài vậy. Thần, nghĩa là tinh thần của con người, chẳng có nghĩa là việc của Quỷ thần dâm hoặc, nghĩa là người tu tinh thần ấy thiện và giẫm trải thực hành đó, sống thì được phước tuệ, chết thì thần ấy trong sạch bay cao. Tinh thần chẳng tu, giẫm trải thực hành tà vọng, thì sống không an vui mà chết thì thần ấy chịu trách phạt. Nên thiên hạ nghe đó, tâm họ cảm động, ác thì cản trở, thiện thì như thế. Ngầm lặng chuyển hóa như thế, đời nào chẳng có. Nhưng giáo ấy làm ở Trung Quốc hẳn có vì Thế số cùng thích nghi mà lại, ứng tâm người cùng cảm mà đến. Không như vậy thì người nào dùng pháp ấy mà tu đó, đất trời ứng đó, Quỷ thần noi theo đó? Giả sử thích nghi đó số tính đó chưa hết, lý tương cảm chưa cùng, thì sao có thể mến thương đó mà tạm còn, ghét đó mà tạm đi. So sánh việc người đó như Vương như Bá, tức là thuận thời ứng người mà làm vậy, há chẳng vậy ư? Huống hồ họ có diệu đạo ngầm quyền, lại đối với người ấy mà làm việc tà ư?

Phàm, Diệu đạo nghĩa là thanh tịnh tịch diệt, nghĩa là họ diệt hết hệ lụy mà thuần thanh tịnh bản nhiên ấy vậy. Chẳng có nghĩa khi chết họ sanh lấy không hoang, là diệt tuyệt đó vậy. Lấy đó để đến thì thành Thánh thần, vì vượt ngoài đời vậy. Ngầm quyền nghĩa là Đạo khởi dụng của chẳng dụng, nghĩa là họ cứu vớt quần sanh ra ngoài tình đắm ấy

vậy. Xét hóa vật đó tự hóa thì Hoàng đạo gần đến, xét quyền dụng đó ứng với đời thì không đâu chẳng đến. Nói về Hóa đó hẳn đời sau chẳng thể đến đó, nói về Quyền đó im lặng rõ đó thì không đời nào không đến. Xưa kia Thánh nhân sắp tịch diệt, đem Pháp đó giao cho Vua, giao cho Đại thần, giao cho Trưởng giả và người có năng lực, chẳng phải giao riêng mình mà tạm tôn ở người vậy. Bởi muốn nhân đạo đó mà hành đạo, nhân thiện đó mà làm thiện. Kinh của Phật hẳn cũng lắm phương vậy. Học trò đời sau chẳng thể dùng thích nghi mà trao cho người. Đến nỗi khiến người tin đó quá tin, khiến vua có nịnh thiện xúi dục, liền vất bỏ nước làm nô lệ xuống dưới. Ở đời có người hiểu thiển cận bèn muốn bỏ có nghiệp chuyên thắng Tăng đến cao. Đó chẳng có nghĩa là dùng tâm Phật mà hành đạo vậy. Đâu phải trong Kinh chẳng nói là Chư Phật tùy nghi giảng nói Pháp ý thú khó hiểu, nên người làm Phật chẳng chỉ mặc áo nhuộm màu cạo tóc mà thôi. Nhưng Phật dụng tâm như vậy há nhỏ thông ư? Đó có muốn dùng như Dương Mặc mà dèm pha đó. Phàm, Dương Mặc là ngưng trệ một mà bó buộc ở trần tục, lấy đó mà so sánh với Phật cũng chẳng quá lắm ư? Người đời chẳng tham cứu Phật lý rõ ràng, người học Phật nhân đó mới lầm hoặc cho rằng thuyết đó không điển cứ. Sự thấy của Phật vượt ngoài người xa, sao có thể vì mình mà không thấy mà so sánh với cái thấy của người ư? Cho rằng lời Phật nói nhiều kiếp là hư dối ư? Ở đời hẳn có tích chứa tháng mà thành năm, tích chứa năm mà thành đời, lại sao biết tích chứa đời mà không thành kiếp ư? Giả sự việc ấy xa vời, tai mắt chẳng xúc tiếp mà cho đó là không như vậy, thì điều nói của Lục nghệ là việc trên đời, nay chẳng nhân truyện đó mà ai thân gần trông thấy đó, đó có thể gọi là hư dối ư? Cho rằng, lời Phật rất là hư dối ư? Ở đời hẳn có người rong tâm vượt giữa không mà đi, tuy bốn góc trên dưới sâu thẳm nào từng có bờ mé, so sánh đó với Phật nói là thế giới ấy không cùng, nào chẳng vậy ư? Cho rằng lời Phật giáo hóa là hư dối ư? Ở đời hẳn có người trong mộng mà mộng, vừa lúc mộng ấy mà việc họ gặp cùng thân ở đời và vừa mộng ấy hoặc đồng hoặc khác, không gì chẳng loại ấy. Trong mộng đã mộng thì sao biết trong chết chẳng có hóa ư? Điều Phật thấy đã xa mà vật Phật biết cũng nhiều. Nên Thánh nhân mở rộng giáo đó để giáo hóa nhiều loài, muốn họ không chỗ đến mà chẳng hóa đó. Nay nói, Phật là Thánh nhân ở phương Tây, pháp ấy thích nghi với man di, mà chẳng thích nghi với Trung Quốc, đó cũng do các bậc Tiên Nho chưa suy nghĩ vậy. Thánh nhân là tôn xưng của người có Đạo che trùm lớn khắp, há có lớn có Đạo mà chẳng được gọi là Thánh nhân sao? Và khi có Đạo của Thánh nhân

truyền đến mà chẳng thực hành ư? Nếu vì người đó xuất sanh từ Man di nên vậy thì như Thuấn là người Đông di, Văn Vương là người Tây di, mà đạo họ tương tiếp tỏa ngời thực hành ở Trung Quốc. Có thể người đó là Di mà chống Đạo đó ư? Huống gì Phật xuất sanh vốn chẳng phải Man di vậy?

Hoặc có người nói: Phật chỉ nói về tánh, tánh thì để cùng như Trung Dung nói vậy, mà không dùng điều Phật làm. Đó lại chẳng phải vậy. Như Phật của tôi nói về tánh, cùng sách đời đồng nhất vậy, là Thánh nhân đồng tánh ấy vậy. Đồng tức là đó, mà khác sao dùng xử đó? Như nước nhiều được đồng đó thì sâu làm sông biển, đất nhiều được đồng đó thì tích chứa làm núi non. Đại nhân nhiều được đồng đó thì mở rộng làm Đạo đức. Than ôi! Tôi sao có thể nhiều được đồng người đó, đồng thành thật tâm đó, đồng trai giới thân đó, đồng suy đức đến với người, đem phước của tôi và người thân để giúp Quân Vương liêm chính với thiên hạ vậy.

Lại nói: "Sao quá nhàm chán vậy ư? Bọn ông tạp nhiên đầy trong thiên hạ chẳng thuộc bốn hạng dân, tự bày bố thí báo ứng đó để ăn mặc nơi người. Không làm khốn khổ Thiên hạ cũng đã may lắm vậy, lại sao có thể bổ ích trị bình đời đó và đem phước đến với Quân Vương và người thân ư?"

Xin đáp: Có vậy, ở điều tôi nói ông, ông cũng biết môn luận đức nghĩa của Tiên Vương mà chẳng tính công đức ư? Phàm, Tiên Vương chế định về dân, vì sợ đời tệ, dân hỗn tạp mà dễ loạn bèn vì đó mà phòng ngăn. Nên bốn hạng dân đó khiến mỗi tự thuộc hạng họ, đâu phải cấm dân không được vì lợi mà cùng dân làm ân huệ? Như nay Phật im lặng mà thành lời thì thiện, đến đâu thì đem Đạo đó để cảm hóa người, bỏ ác mà theo thiện, một ăn mặc đó thừa để đãi người chẳng phải nhàm vậy. Nếu chẳng thể như thế tức tự tội của người đó, đâu phải pháp của Phật sai lầm ư? Mạnh Tử nói: "Ở đây có người, vào thì hiếu ra thì để". Giữ Đạo của Tiên Vương để tiếp đãi người học sau, mà chẳng được ăn nơi ông, sao ông tôn quý xe kiệu tượng gỗ mà khinh thường người làm nhân nghĩa vậy? Nho gia há chẳng vậy ư?

Từ thời Nghiêu Thuấn trở về trước, dân đó chưa phân bốn hạng, ở thời đó mọi người đâu đều là nông hay công mà chưa nghe họ ăn dùng không đủ. Đến đời Bình Vương (Cơ Nghị Cữu 770-719 trước Tây lịch) thời Đông Chu, việc chế tĩnh điền còn áp dụng mà dân đã thiếu thốn lại tệ hại. Đến thời nhà Tần phế bỏ Vương chế mà thiên hạ càng nhiễu loạn. Lúc bấy giờ Phật và Lão đều chưa có làm gì, há cũng bởi giáo

ấy đưa đến bốn hạng dân mà làm dịch lệ vậy ư? Người sống trong đất trời, ăn dùng của họ sợ vốn có phần, ông cũng là lo cho đời quá lắm, vì tính toán của người rất ước lược. Báo ứng là, như Nho gia luôn nói rằng: "Tích chứa thiện có an vui, tích chứa ác có tai ương" cũng rõ rồi vậy. Nếu nói về Bố thí thì Phật vì người đó muốn có chỗ bố thí ban huệ hẳn xuất phát từ thiện tâm. Tâm quả thật là thiện so với tốt chứng thì có thể chẳng ứng đó, ai làm dối bày ư? Phàm xả thí ban huệ thật khó có thể của tình người. Đó nếu như có thể làm được điều khó thể, thì làm thiện ấy cũng chẳng đạt đến ư? Luận Ngữ nói: "Như có rộng bố thí đối với dân mà hay cứu tế đông nhiều", đó thì thế nào? Có thể gọi là Nhân ư? Khổng Tử nói: "Việc gì ở Nhân, hẳn là Thánh vậy". Nghiêu Thuấn còn bệnh ở đó, bởi nói Thánh nhân khó đó, cũng sợ họ chưa thể làm vậy. Phật hẳn lấy phải mà khuyên đó, ý cũng cởi mở người ăn Kinh mà rộng rang thiện tâm họ vậy. Ở đời nên trông nhìn đó cùng người làm ban thí, thì công tư như thế nào? Chẳng nên ngạo ở chỗ ban thí ấy vậy. Lễ giúp có việc ở trời đất quỷ thần, tuy một ngày cúng tế hẳn vài ngày trai, bởi muốn người chân thật tâm họ mà trong sạch thân họ vậy. Do đó, cầu hẳn có phước ở đời vậy. Nay Phật làm tâm đó thì lớn mạnh thành thật, trai giới thì trọn đời, so với vài ngày tu trai giới đó, phước cũng đạt đến vậy. Há hết không chỗ giúp ư?

Hoặc nói: Nam có vợ nữ có chồng, giữ trọn vẹn tóc da vì kính phụng di thể của cha mẹ, đó là Đạo nhân luân vậy. Thế mà bọn ông trái lại tự làm tu hành đó siêu nhiên, muốn cao hơn thiên hạ, nhưng tu đó lại ngõ hầu gì ư? Làm sao đủ để biện giải đó?

Xin đáp: Người làm Phật, trai giới tu tâm, nghĩa lợi chẳng thủ, tuy danh cũng quên. Đến lúc toại thông ở Thần minh, làm đức đó ước cũng đạt đến vậy. Suy đạo đó đối vời người thì không vật gì chẳng muốn thiện đó, làm Đạo đó ước cũng lớn vậy. Dùng Đạo để báo ân, ân nào chẳng báo. Dùng đức để nối dõi đức, đức nào chẳng nối dõi? Mình tuy chẳng cưới vợ mà đem Đức đó giúp cha mẹ, hình thể tuy bên ngoài có hủy hoại mà dùng Đạo đó cứu tế vậy. Thân Thái Bá há chẳng khuyết hình thể ư? Mà đó cũng là Đức của Thánh nhân vậy. Bá Di Thúc Tề há chẳng không cưới vợ, lớn lên đến nơi núi rừng ư? Mà đó cũng là Hiền của Thánh nhân vậy. Mạnh Tử thì suy đó là: "Bá Di là người thanh bạch của Thánh vậy". Chẳng nghe vì khuyết hình thể không cưới vợ mà thiếu đó. Ông riêng quá với học trò của tôi ư? Phàm ở đời chẳng khuôn phép đối với Đạo đã lâu. Tuy cha anh Hiền như Nghiêu Thuấn, Chu Công còn chẳng thể hẳn chế định đối với con em họ. Nay, đời cách

Phật xa, giáo cũng sắp đến thời cuối, sao được không người tà cậy vào tu để trốn yếu ư? Tuy pháp sắp thế nào đi nữa, trong rừng lớn hẳn có cây chẳng phải là gỗ quý, trong ruộng rộng hẳn có mầm móng chẳng thật, ngay đó có thể vậy. Không thể vì người mà phế hủy Đạo.

Lại nói: Lời nói và giáo như rõ ràng, thật có thể chuộng vậy. Nhưng mà thuyết của biện giáo đều bày ở mới nay, so sánh đó ai là ưu thắng ư?

Xin đáp: Ông già ngu vậy! Nếu như vậy đều là giáo của Thánh nhân, con nhỏ sao dám liền bàn nghị! Nhưng Đạo của nhà Phật tôi, Nho gia cũng trộm thường nghe đó, như Lão gia thì tôi rất lưu ý, chẳng đặng đừng mà nói đó. Các giáo cũng như đồng nước do lội vào mà gắng phơi bày có cạn sâu. Thánh nhân của Nho gia là người trị thế, còn Phật Thánh nhân là người trị xuất thế vậy.

KHUYẾN THƯ THỨ NHẤT

Năm sách của tôi vừa ban xuất chưa đầy tháng, mà đã có khách tìm đến cửa nói rằng: "Kẻ hèn tôi nghe sơ về Đại Đạo, vừa thấy như nói rộng về nguyên giáo, có thể gọi là lội vào sâu của Đạo ấy. Khuyến thư là bởi đó cảnh răn tiệm của đời vậy. Phần lớn người học hẳn trước từ cạn mà sau sâu, muốn đó chẳng phiền mà dễ vào vậy. Như nay trước nói về giáo nghĩa rộng, mà sau khuyến thư, kẻ hèn tôi chẳng hiểu đó nghĩa là gì?"

Xin đáp: "Đây tôi không phô bày nghĩa khác, lần lượt lấy nguyên giáo đây, nói rộng nguyên giáo cùng nhân mà làm. Nên lấy đó theo thứ lớp mà xếp bày ấy vậy".

Người khách lại nói: "Kẻ hèn tôi hẳn muốn ông đưa khuyến thư đến trước mà bày nói rộng về giáo lui sau, khiến người trông xem đó trước sau có thứ tự men từ cạn đến sâu, cũng chẳng tốt lành ư?" Tôi im lặng chấp thuận vậy mà người khách lại xin đó rằng: "Nếu năm sách tuy mỗi mỗi đều có đề mục của nó, chưa như gần mà gọi tên chung đó, khiến lưu truyền trăm đời mà chẳng lìa nhau, cũng chẳng cùng tốt lành ư?"

Tôi theo đó mà cảm tạ người khách ấy rằng: "Nay các vị quan liêu Tiên sinh nhàm chán Đạo của tôi đã đông nhiều, riêng ông lại khéo ưa thích mà giúp đỡ đó. Ông có thể gọi là dốc lòng với Đạo, và có công đối với làm thiện vậy". Liền vì đó mà tôi bảo thợ chuyển dời từ hai thuyết tăng thành ba pho, gồm cả năm sách mà đặt tên đó là "Sách Phụ giáo" vậy.

Về dụng ý của tôi khi làm khuyến thư, đã có người hỏi: "Lấy gì để khuyên ư?" Xin đáp: "Khuyến có nghĩa là phàm người Quân tử phải tự tin tâm họ, sau đó mọi sự tùy theo tên gọi mà làm đó. Xưa trước có Thánh nhân tên là Phật, trước tiên chứng đắc nhân tâm rất mực chí chánh, mới muốn suy đó cùng khắp thiên hạ đồng như vậy. Mà người học trong thiên hạ trái lại không thể tự tin tâm họ như vậy bèn quả quyết cùng bài bác thuyết của Phật. Để chăm chuyên tên gọi đó, tôi thường vì hạng người đó mà xót thương vậy. Phàm tên gọi của Nhân sinh sao thành thật ở nơi tâm, nay bỗng nhiên đó nói thành thật, mà thuận theo tên gọi khư khư, mê hoặc thật quá lắm vậy? Phàm, tâm là gốc Đạo nghĩa của Thánh nhân. Tên gọi là quyền khiến thiện của Thánh nhân. Chuyên ở quyền đó mà gốc đó chẳng xét, đó làm thiện, có quả thật thiện ư? Đó làm Đạo nghĩa có quả thật Đạo nghĩa ư? Ngày nay, người học lấy vừa hợp nghĩa làm lý, lấy hành nghĩa làm Đạo. Đó chỉ là Đạo lý trung tiết việc bên ngoài, chưa dự vào đạo lý Đại đạo của Thánh nhân. Phàm, Đại lý hẳn là chủ của thường Đạo, phàm phu mọi vật chẳng tự làm chủ đó mà bị làm đó quả có đáng ư?

Ở thời nhà Hán, có người tên là Mâu Tử từng trứ thuật sách để luận về Phật Đạo nói rằng: "Đạo làm vật thì ở nhà có thể vì phụng sự người thân, trông coi việc nước thì có thể vì chỉnh trị dân chúng, riêng sống một mình có thể vì tự trị thân, giẫm trải mà thực hành thì khắp đầy đất trời vậy". Đó là nói về thế đạo nhờ Phật đạo mà làm căn bản ấy vậy. Phàm Sách của Quân tử từng biết tâm họ như thế nào ư? Biết đó mà cẩu thả bài bác đó, tức là tự khinh thường tâm đó vậy. Nhưng đây chẳng chỉ ngay tâm người như vậy, mà tâm của đất trời cũng vậy. Và tâm của Quỷ Thần các loại khác cũng đều như vậy, mà đất trời Quỷ Thần càng không thể vì đó mà khinh thường đó vậy. Nhưng đây chỉ xem thấy qua sách của Bách gia, mà Bách gia mới đầu đã hết vậy. Phật là cùng cực sâu mầu vi nhiệm, vì tận cùng sự biến của sanh tử, vì thông sự đi lại của Thần minh, cho đến ở núi Đại Diệu, nên người đời dùng Pháp đó mà phụng sự trời đất thì trời đất ứng đó, dùng sách đó làm cốt yếu ở Quỷ thần thì Quỷ thần thuận đó. Đến như người trong bốn biển dùng thuyết đó mà bỏ ác theo thiện, không đợi phải khen của tước thưởng, rõ ràng vẫn hướng đến mà tự hóa. Đó không gì khác vậy, bởi suy cho cùng, Đạo ấy thật sự cùng đất trời muôn vật đều đồng, và trời người Quỷ thần tự nhiên cùng cảm mà như thế vậy".

Lại nói: "Đó, tôi biết như thế, mới đầu theo tôi, tên gọi giáo mới là như vậy".

Xin đáp: Phàm muốn tên gọi đó mà khuyên đó, chỉ thật sự ở làm thiện, thì học trò của Thánh nhân hẳn nhiên đã đạt đến vậy, nào hẳn nhờ bài xích Phật mới là Hiền ư? Nay có người thường ngày làm thiện vật ở đó, vì đó đã chuyên, đến lúc ngủ thì mọi việc làm của họ trong mộng cũng ngẫu nhiên. Đang như vậy thì người ấy dùng tên gọi là mộng ư, hay dùng là hồn mộng ư? Đó hẳn dùng hồn mà mộng ấy vậy. Như vậy thì thiện và ác thường cùng tâm thân gần, sao phải nhọc đem tên gọi khoe khoan với đời mà chẳng nhìn lại tâm phách ấy ư? Quân tử tự khinh trọng, quả thật như thế nào ư? Xưa kia, Hàn Tử vì thấy Phật pháp riêng hưng thạnh, mà ghét người đời thời bấy giờ kính phụng Phật mà chẳng dùng phương đó. Tuy dùng sách để đè ép đó, đến gốc Đạo đó mà Hàn Tử cũng rất suy trọng đó, nên trong lời tựa tiễn đưa Sa-môn Cao Nhàn, Hàn Tử nói: “Nay Đại sư Cao Nhàn người giòng họ Phù Đồ, một chết sống mở ngoài dán chặt. Vậy Tâm ấy hẳn lạnh dạt không nơi phát khởi, đó đối với đời hẳn điềm nhiên không chỗ tham đắm”. Còn tôn xưng Thiền sư Đại Điên thì nói: “Rất thông minh, nhận rõ Đạo lý”. Lại nói “Thật có khả năng ngoài hình hài dùng Lý để tự thắng, chẳng bị sự vật xâm loạn”. Tâm của Hàn Tử đối với Phật cũng có chỗ Thiện ư? Mà Sách Thiền của Đại Điên cũng nói rằng: “Hàn Tử thường cùng hỏi Pháp ấy”. Đó hẳn là vậy. Đến lúc Hàn Tử làm Giáng Châu Thứ sử Mã phủ Quận hành trạng mới nói rằng: “Tư Đồ Công qua đời, chích cánh tay hút máu viết kinh Phật hơn ngàn lời, mong lấy đó để báo đức”. Lại nói: “Sống chịu tang có quả hơn hạnh người”. Lại nói: “Nhén hút điểm lớn đó làm hành trạng, gá mượn lập ngôn ở Quân tử mà mưu đồ đó chẳng hủ bại”. Đó đâu phải hết việc chẳng phải làm Phật ấy ư? Hàn Tử là Hiền nhân, gặp việc chế biến, đang tự có quyền đạo. Vừa lúc nhường nhún giòng họ Lão thì Hàn Tử nói: “Đó thấy nhỏ vậy, ngồi đáy giếng trông xem trời bảo là trời nhỏ, chẳng phải tội trời vậy”. Lại nói: “Thánh nhân không bậc thầy cố định”. Học trò của Tránh Hoàng, Sư Tương, Lão Đam, Đàm Tử, tuy Hiền đó mà chẳng kịp Khổng Tử. Khổng Tử nói: “Trong ba người cùng đi hẳn có một vị là thầy của ta”. Đó cũng có nghĩa là Khổng Tử mà bắt chước Lão Đam vậy, cùng chư Tăng hỏi Tư Mã Thiên về việc Khổng Tử hỏi Lễ ở Lão Đam đồng loại vậy. Nhưng Lão Tử mỏng dạt với Lễ, đâu chuyên giảng nói Lễ ư? Đó cũng còn Đạo ấy vậy. Nghiệm xét sách của Thái Sử Công thì Khổng Tử nghe Đạo ở Lão Tử là rõ ràng vậy. Xưa kia, Mạnh Tử xua đuổi kẻ phu làm Dương Mặc, mà Hàn Tử cùng Mặc nói rằng: “Khổng Tử hẳn dùng Mặc Tử, Mặc Tử hẳn dùng Khổng Tử, nếu chẳng cùng dùng thì

chẳng đủ làm Khổng Mặc". Nho gia chẳng chuộng nói việc sống chết quỷ thần, mà Hàn Tử nguyên là Quỷ xưng Thần kỳ của Liễu Tử Hậu ở La Trì mà chẳng nghi ngờ. Hàn Tử nào từng dính chặt ở một mối mà chẳng tự thông ư? Hàn Tử là Hiền thánh, há chẳng định phải quấy đó mà nói trái lòng ư? Người đời sau sẽ tìm cầu đó nơi tâm Hàn Tử, chẳng hẳn theo lời đó nói vậy".

Lại nói: "Tôi đối với sách của Nho gia tôi, thấy tâm đó cũng lâu vậy, đến lúc thấy thuyết phục tánh của giòng họ Lý công tự phát rõ, không chấp thủ nơi Phật vậy. Chỉ khác chẳng hạn chọn giếng mà uống, sung đói chẳng hạn chọn bếp mà ăn, được ông xét tâm đó làm thiện chẳng hạn, có thể vậy, đâu ép người hẳn theo nói tôi mà không như vậy. Các sách khác tuy thấy thuyết tánh mạnh so sách lớn, sợ có chỗ chưa tận cùng vậy. Tôi thấy bản Triều chúng ta đây soạn "Cao Tăng Truyện" nói là Lý Tập Chi từng đến nghe pháp ở chỗ Đạo nhân Duy Nghiễm. Và lấy sách của giòng họ Lý rõ ràng đó mà vi chỉ thật như được ở Kinh Phật. Chỉ văn tự và viện dẫn đó là khác vậy, nhưng Phật cũng có phần nhờ các Quân vương phát minh ư?"

Xin đáp: "Tuy nhiên, ông vì hết Đạo, của ông ư? Nói ở đây tôi tạm muốn các ông dễ hiểu vậy, chứ vội hết Đạo của tôi thì sợ ở đời lừa dối lời tôi mà cùng chẳng tin vậy, chớ người đã mong đọc xem sách tôi đều là nói rộng về nguyên giáo thì có thể rõ ràng vậy".

KHUYẾN THƯ THỨ HAI

Giáo hóa của thiên hạ là thiện mà thôi vậy, còn pháp của Phật chẳng phải thiện ư? Sao các ông lại bài bác đó? Đó hẳn vì giáo ấy và giáo của mình chẳng đồng nên vậy. Đó há chẳng phải điểm mà Trang Tử gọi rằng: "Người đồng đối với mình thì có thể, còn chẳng đồng đối với mình tuy thiện vốn bất thiện gọi là kiêu căng vậy". Tôi muốn các ông vì công mà chẳng làm kiêu căng vậy. Luận Ngữ nói: "Người nghe nhiều, chọn điều thiện mà theo đó". Lại nói: "Quân tử đối với thiên hạ không thích nghi không gì chẳng sánh cùng nghĩa. Thánh nhân ép đề cũng chước thiện ấy mà lấy vậy. Nào từng vì cùng với mình chẳng đồng mà bỏ điều thiện của người ư?" Từ khi Tam Đại chánh sách của họ đã suy mà ác ở đời càng lắm nhiều, lễ nghĩa gần như chẳng rỗi riêng trị, mà pháp của Phật mới truyền bá đến các Hoa hạ, bèn cùng Nho gia đều khuyên, mà ở đời cũng vừa hợp hóa đó. Người chuyển đổi thiện xa ác có vậy, người tự được dùng để chánh tánh mạng có vậy, mà dân mãi đến nay nhờ đó. Nên tôi nói rằng Phật giáo mới cùng giúp và làm tốt

đẹp đời vậy. Chỉ tại minh số tự nhiên, người chẳng thể tạm thấy được, lấy lý mà ngầm so sánh đó thì không gì chẳng như vậy. Nên pháp của Phật làm lợi ích ở thiên hạ, đè ép cũng đạt đến vậy. Nay nói Phật làm hại ở Trung Quốc, lời nói ấy quá lắm vậy. Quân tử sao chưa suy nghĩ đó? Đại khái nếu là việc hại, chẳng kể lớn hay nhỏ, chẳng bị trách phạt ở người hẳn bị trách phạt ở trời, ít có được tồn tại lâu dài ở nơi đời vậy. Nay Phật pháp lưu truyền vào Trung Quốc đã cả ngàn năm, quả thật nếu là làm hại thì trời người sao có thể dung thứ đó như vậy. Như Phật pháp ba lần bị phá hủy ở Trung Quốc mà sau ba lần ấy lại nổi dậy mạnh hơn, là cũng có thể nghĩ rằng Phật pháp hẳn có phần lớn hợp với trời người đó vậy. Quân tử cho rằng Phật pháp bỏ phế lẽ thường của trời mà chẳng gần tình người, do vậy mà ghét đó. Nhưng Phật pháp chuyển đổi tình người đang tuyệt có âm đức, ở Quân Vương và người thân đó vậy, mà ý ấy rất xa không thể vội nói. Tạm lấy đạo trời để cùng ông đối chất đó thì cha con chồng vợ là lẽ thường của trời, nay Phật dẫn dắt người cắt bỏ tình thường mà chuyên tu thanh khiết đó. Bởi trái với thường mà hợp với đạo, sợ đó có chỗ đến với tình thường. Nếu không như thế thì trời đã nhàm chán từ lâu. Như Thánh Hiền xưa trước phụng sự Phật, và cùng tán thán đó thật lắm nhiều, hẳn không thể tính kể. Hãy lấy từ thời Tiền Đường để làm rõ đại khái đó, thì phàm là thiên hạ cho đến Vương đạo thì ai sánh cùng vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650)? Ngay lúc Pháp sư Huyền Trang phiên dịch các kinh Phật mà cha con vua Thái Tông đề văn “Đại Đường Thánh giáo tự trị”. Tướng trong thiên hạ mà tối Hiền thì ai sánh cùng Phòng Đỗ Diêu Tống ư? Như tướng Phùng Lương Công, Huyền Lĩnh Tắc mà cùng Pháp sư Huyền Trang phiên dịch kinh. Đỗ Lai Công như ẩn mất thì vì pháp mà tôn quý Huyền Uyển ở Minh Triệu, mãi đến lúc sắp qua đời mới nói Huyền Uyển nên vì đời mà làm thầy. Thừa tướng Cảnh ở thời tiền Tống thì vì Phật Pháp mà học đòi ở Đàm Nhất. Bùi Tấn Công thì huân tu học nghiệp với Đường Vi Cao. Thừa tướng Thôi, các bậc tài đức ở đương thời đều kính trọng, thiên hạ mến phục làm người đó, mà trong thiên hạ ai Hiền như người ấy ư? Bùi thì giữ lễ làm học trò đối với Sa-môn Pháp Khâm ở Kính Sơn, Thôi thì học đòi Đạo nhân Duy Nghiễm ở Như Hội. Ân trung tiết lớn đối với nước nhà thiên hạ đến chết vẫn không biến đổi thì ai sánh bằng Nhan Lỗ Công? Lỗ Công thường lấy giới xưng là học trò đối với Sa-môn Tuệ Minh ở Hồ Châu, hỏi đạo nơi Sa-môn Nghiêm Tuấn ở Giang Tây. Thuần hiếu mà thanh chánh thì ai sánh cùng Nguyên Tử Chi ở Lỗ Sơn? Tử Chi chịu tang mẹ thì chích máu biên tả kinh tượng Phật (Những

việc trên thấy ở Đường Thư của Lưu Hy và Truyện Cao Tăng biên soạn trong bản triều chúng ta).

Từ thời vua Đường Thái Tông đến thời vua Đức Tú triều Nguyên đều là vua tôi rất mực Thánh hiền, giả như pháp của Phật không chánh mà khéo làm mê hoặc cũng sao có thể làm hoặc loạn các Thánh Hiền như vậy ư? Đến như các nhà Nho, nhà văn như Văn Trung Tử ở thời nhà Tùy, như Nguyên Kết, Lý Hoa, Lương Tú, Quyền Văn Công, Bùi tướng Quốc Hưu, Liễu Hạ Hậu, Lý Nguyên Tân ở thời Tiền Đường, tám Quân tử ấy chỉ chẳng mắng nhục Phật là chẳng Hiền vậy. Không thể cho họ đều không biết xưa nay trị loạn thành bại cùng với tà chánh phải quấy ấy vậy, mà tám Quân tử cũng chưa từng cho Phật là quấy phải mà chẳng suy tôn đó. Như vậy các ông cần nên suy nghĩ đó. Nay, sở dĩ chúng ta làm người, đặc biệt rất nhờ ở Thần minh mà như vậy. Thần minh truyền đến nơi người cũng như người dời chuyển phòng nhà ấy vậy. Xưa trước nói, Dương Hựu trước kia là con của giòng họ Lý; Thôi Hàm là thân sau của Lô Lão, những loại như vậy xưa nay từng có. Các ông hẳn cũng từng nghe đó, lấy đó mà suy, thì Hiền hào của các ông ra đáng vì trị đời, là cũng nhờ Thần minh xưa trước mà khiến nên như vậy. Lại sao biết đó xưa trước chẳng dùng pháp của Phật mà trị Thần minh ư? Do đó, tôi càng muốn các ông xét hình ấy mới đầu và hãy tìm cầu ở trong đó, chẳng nhọc lấy vật bên ngoài mà tự xiềng xích. Nay làm sách nay là vì muốn khuyên đó, chẳng ngay vì pháp ấy vậy. Lại cùng các ông đều bẩm linh làm người rất quý so với trong muôn vật, mà muôn vật biến hóa lan tràn rối ren chỉ thân người là khó được. Các ông là Nhân kiệt lại càng khó được vậy. Nhưng đây cũng là sanh tử quỷ thần hốt hoảng, chẳng đủ chiếm lấy làm thí dụ. Xin nên lấy việc con người mà nói đó. Mong các ông ít thủ chấp vậy.

Phàm lập ngôn, do vì khuyên thiện mà cản ngăn ác, cùng thiện ấy ác ấy đáng và chẳng đáng thì tổn ích kết quy về âm đức. Nay với người trong làng xóm, muốn dùng lời nói mà làm nhục người, cũng hẳn suy nghĩ "Ấy là người phước đức, không thể làm nhục họ, làm nhục thì chỉ tổn hại phước ta mà thôi". Nhưng Phật buông tha, chẳng đủ dự vào Thánh hiền ở đời, đâu chẳng như người phước đức trong làng xóm ấy ư? Nay một lời mắng nhục buông ra thì hàng sanh sau học cuối trăm đời so sánh đó, tổn ích âm đức đó cũng ít nên cẩn trọng suy nghĩ đó". Xưa kia, Hàn Thối Chi chẳng chịu làm Sử, bởi sợ khen chê không đáng đó mà tổn hại đến âm đức vậy, nên gởi thư nói cùng Lưu Sanh rằng: "Chẳng có họa ở người thì có trời trừng phạt". Lại nói: "Nếu có quỷ thần dẫn

dất người không phước, thì khen chê của những người làm sử kia chỉ ở người đời vậy". Nếu Phật có đạo đức thần kỳ sợ chẳng những đối với người ở đời vậy, đó lại chưa thể chê bai nhiều vậy. Trong Liệt Ngự Khấu Xưng, Khổng Tử từng nói: "Khâu tôi nghe ở phương Tây có Đại Thánh Nhân, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, chẳng dạy mà tự thực hành. Mênh mông thay! Dân chẳng thể được gọi tên vậy?" Khiến Liệt tử quên lời tức đó, như xưng đó thì Thánh nhân hẳn chẳng thể khinh thường đó vậy.

KHUYẾN THƯ THỨ BA

Tôi từng xem sách của Dương Văn Công, người trong bản triều của chúng ta. Ông ta có ý tự cho rằng: Thuở nhỏ nhạy bén đến việc sĩ tiến, mong ngóng thường như có vật làm ngăn ngại trong lòng ngực, đến lúc học pháp của nhà Phật, vật ấy bỗng nhiên phá tan, không còn ngăn ngại, mà tâm vô cùng thư thái. Cho nên Dương Văn Công nhờ đó mà trọn làm bề tôi tốt, làm con hiếu thảo, và thiên hạ xưng gọi ông là người có tiết tháo lớn. Lại nghe có Tạ Đại Phu Bí cùng Tra Đạo Đãi Chế rất thông đạo tôi, nên họ làm người hiền thật nhân đức, làm chính trị mà chuộng thanh tĩnh và điều họ sửa trị đều có tiếng tăm vết tích. Đến lúc Tạ Đại phu sắp qua đời, tắm rửa sạch sẽ, vận mặc áo mão nghiễm nhiên, không bệnh tật ngồi ngay ngắn mà trút hơi thở cuối cùng. Xưa trước, Duẫn Đãi Chế Sư Lỗ qua đời tại Nam Dương, tinh thần chẳng loạn, các bậc sĩ quân tử đều ngợi khen Sư Lỗ chết được chánh tông, tôi cũng như thế đó. Đến lúc gặp Chu Tùng Sự Viêm ở Tiền Đường, nghe được điều như vậy. Lần nọ Chu quân khéo giỏi về phương mạch, đang lúc Sư Lỗ bệnh gấp kíp mà Phạm Tư Chính bảo Chu ban đêm đến để hầu. Duẫn Đãi Chế nói cùng Chu rằng: "Tôi chết sống sao như Chu Quân vậy, mạch không thể vậy". Nhà Sư Lỗ cũng nói cùng Chu rằng: "Tôi cũng tự biết mạng mình rồi vậy". Nhân đó tự nói vốn nhờ học Phật ở Thiền sư Pháp Chiêu nên nay tôi mới được như vầy. Đến canh ba đêm đó, tiếng trống vừa lặng yên, người bèn tựa ghế mà qua đời. Về sau tôi thấy Duẫn Đãi Chế nói cùng lời tựa của ông tiễn đưa Hồi Quang, nghiệm lời nói của Chu Tùng Sự là thật vậy. Nhưng pháp của Phật lợi ích sự sống của người như kia, lợi ích sự chết của người như đây, sao cho rằng Phật không ích lợi gì đối với thiên hạ ư? Mà trong thiên hạ mọi người im lặng tự được đó. Như bốn Quân tử ấy là hạng người gì ư? Cho đến người dùng Năm giới Mười thiện ngầm mà tự tu, mà cha có lợi ích ở điều Thiện, con có lợi ích ở việc Hiếu, vợ chồng anh em có lợi ích ở

Hòa mục, ước cũng đông nhiều vậy.

Ngày trước tôi thấy ở Tầm Dương có Chu Hoài Nghĩa, cả gia đình đều thọ trì Mười thiện, từ hiếu nhân huệ mà tiếng tăm vang khắp xóm làng, người trong quê hương chẳng có ý cùng làm hại nhau. Tuy trẻ nhỏ ở đầu đường hay người già trong chợ đông, hễ thấy cha con nhà họ Chu thì đều xưng gọi đó là người Hiền thiện vậy! Điều chẳng nhẫn khinh thường đó. Tôi từng nói rằng, giả sử khắp trong thiên hạ đều như gia đình họ Chu, thì đâu chẳng là đời của Chí Đức ư? Phàm, các bậc Tiên nho chẳng kham tánh mạng ở nơi đời, bởi vì nó sâu sắc chẳng phải mọi người dễ kịp đến đó vậy. Chưa thể dùng cứu tệ của dân, hãy dũng Lễ nghĩa bao gồm tình người mà chế đó. Như tánh ấy cùng với Thần đạo sợ riêng đợi ở người Hiền vậy. Luận Ngữ nói rằng: “Hồi ấy ngõ hầu từng không chẳng như vậy ư”. Nay nói: “Người ở thời Tam đại, chưa có thuyết của Phật pháp, há chẳng dùng tâm đó mà làm người ư?” Xin nói rằng: “Nào hẳn ở thời Tam đại mà như ở thời Tam Hoàng cũng chưa có lời nói của Khổng Tử và Lão Tử, người thời ấy há chẳng dùng tâm mà làm vua tôi cha con chồng vợ ư? Phàm Quân tử đối với Đạo phải có tinh thô cạn sâu đó, chẳng nên nói hỗn độn như đây vậy. Phật đâu ngay vì đời chẳng dùng tâm đó mà làm người ư? Bởi vì muốn họ càng chí mà càng chánh vậy. Thái sơn có ổ chim ở ngọn cây tầng mé mà người bắn chẳng đến. Vực sâu ngàn nhận có cá ngầm lặng ở nơi suối sâu hang tối mà người bắt chẳng được. Bởi chúng nó nương náu càng cao và lặng ẩn càng sâu thì càng an ổn. Chỗ ngậm ẩn càng sâu thì sự sống càng thích đáng an ổn. Mạnh Tử nói: “Khổng Tử lên Đông sơn mà Tiểu Lỗ, lên Thái sơn mà nhỏ thiên hạ”. Lời đó thí dụ Đạo đạt đến vậy. Xưa trước tôi cùng người luận bàn việc đó mà người đó vì tiếng tăm kiêu căng dùng hơi chống kháng. Tuy tâm vậy đó mà nói chẳng liền theo. Phàm chống kháng và kiêu căng tình người mà tâm thật chí diệu, sao có thể mặc tình người mà chợt nhiên tâm chí diệu ư? Đó cũng là mê mờ vậy. Các ông là bậc Hiền đạt không vì kìa đã mê mờ như vậy”.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 2

SÁCH PHỤ GIÁO (PHẦN TRUNG)

NÓI RỘNG VỀ NGUYÊN GIÁO

Lời tựa dẫn: Ngày trước tôi đem Năm giới Mười thiện hợp cùng Ngũ thường của Nho giáo mà làm Nguyên giáo, vì gấp muốn cởi mở sự mắng nhục Phật của các Nho sĩ ở đương thời. Như với Đại bản của Thánh Nhân tôi thiết giáo, tuy nhìn qua khái quát, mà chưa rảnh nói hết, muốn đợi riêng làm sách để nói rộng đó. Nguyên giáo lưu truyền đến nay đã bảy năm, gặp Trương Cát ở Đan Khâu gởi thư khuyên tôi nên hoàn thành đó. Tuy thuộc bản thảo, do đó điều kiện chưa thành đạt, muốn đốt bỏ đó, lại vừa lúc thư đến, tợ như được tâm của Thánh nhân vậy. Mới đầu tôi làm Nguyên giáo học đòi theo kinh Hoa Nghiêm, trước lập Bồ-tát thừa, bởi lấy cái gọi là “y bản khởi mạt” (y gốc sanh ngọn) ấy vậy, và nương theo Luận Trí Độ mà ly hợp Năm giới Mười thiện. Nhưng lập ngôn tự có thể tài, vì người ấy lại không biết mà cùng nhau chê trách, đương thời hoặc có người vì đó mà cải đổi. Sách nay lại trước nêu bày Nhân thừa Thiên thừa, cũng theo từ chỗ gọi “Nhiếp mạt quy bản môn” (gom ngọn về gốc) của Kinh Hoa Nghiêm. Diệu chỉ của Năm giới Mười thiện thì chẳng vượt ngoài Danh số đó. Sở dĩ tôi làm hai sách là bởi muốn phát minh Đại thống của Tiên Thánh, thiết giáo để dẫn dụ những điểm không biết Phật của thế Nho, nên lời đó muốn thành văn, lý đó muốn giản đơn. Thế đó không thể phân cành nói lan tràn, nếu biện giải khúc chiết giáo nghĩa của các kinh thì chương cú còn vậy. Kẻ biết tôi, dèm chê tôi về nguyên giáo đó, nói rộng về nguyên giáo vậy. Nói rộng về nguyên giáo gồm có hai mươi lăm bài, tổng cộng có hơn tám ngàn một trăm lời. Chấp bút viết tại phòng núi Vĩnh An ở Linh Ẩn từ năm Bính Thân (1056).

Duy tâm, gọi là Đạo. Xiển dương Đạo đó gọi là giáo. Giáo là in

dấu của Thánh nhân. Đạo là Đại bản (gốc lớn) của chúng sanh. Rất lắm chúng sanh xích chặt gốc ấy từ lâu lắm vậy. Thánh nhân chẳng làm mà muôn vật trọn mê muội. Thánh nhân do đó cùng muôn vật sáng lớn, Tâm không có ngoài, Đạo không có trong, nên vật không gì chẳng dự ở Đạo, Thánh nhân chẳng riêng, Đạo chẳng bỏ vật. Chỗ còn của Đạo, Thánh nhân đều cùng, cho nên làm giáo đó, thông u thông minh, thông thế gian và xuất thế gian, không gì chẳng thông. Thông nghĩa là Thống (bao gồm), bao gồm để chánh đó, muốn đó đều cùng Thánh nhân đồng đức. Rộng lớn linh minh không gì đến bằng Đạo, thần đức diệu dụng không gì đến bằng Tâm. Theo vọng nghiệp ràng buộc không gì bằng mê gốc, trôi nổi trong các thú không gì quá bằng sanh tử. Biết quá hoạn của chúng sanh, không ai khéo bằng Thánh nhân, cùng muôn vật chánh gốc chẳng gì khéo bằng thiết giáo. Chánh nên minh, minh nên diệu, diệu nên Đạo ấy ngưng vậy. Cho nên, giáo là giềng mối lớn của Thánh nhân phát minh Đạo cứu đời vậy. Phàm giáo ấy là Thánh nhân nương thời ứng cơ, đại dụng chẳng thể nghĩ bàn, cho nên với hàng Đại cơ thì đốn, hàng Tiểu cơ thì tiệm. Với hàng tiệm ấy thì nói về Quyền, với hàng đốn đó thì nói về Thật. Thật nghĩa là Đại thừa, Quyền nghĩa là Tiểu thừa. Thánh nhân dùng Đại thừa và Tiểu thừa mà nắm hết các cơ, và U hay minh đều hết vậy. Dự vào đến mà nghe tiệm, dự vào tiệm mà nghe đến, đó lại là Diệu giác của Thánh nhân đối với trời người mà trời người chẳng lường biết vậy. Thánh nhân nêu bày Quyền do vì dẫn đến Thật. Thánh nhân hiển bày Thật vì vậy gá ở Quyền. Nên Quyền và Thật riêng đủ mà chưa từng lìa đoái hoài nhau. Quyền ấy là có hiển quyền có minh quyền. Thánh nhân hiển bày quyền đó là làm Thiển giáo làm tiểu đạo, Thánh nhân ngầm quyền đó là làm khác Đạo làm khác giáo, làm cùng thiện ác đồng việc ấy. Cùng người không tin dự làm duyên xa đó mà đắc đạo. Hiển Quyền có thể thấy, mà minh quyền chẳng thể lường. Thật ấy là Chỉ Thật. Chỉ Thật thì vật và ngã duy nhất. Vật và ngã duy nhất nên Thánh nhân lấy quần sanh mà thành đó. Nói Quyền của Thánh nhân thì thiện khắp cùng thiên hạ, Đạo trùm khắp bách gia, đó là Đại quyền cứu thế tế vật vậy. Nói Thật của Thánh nhân, thì bàng bạc khắp pháp giới cùng muôn vật đều hết, đó là Đại đạo của thiên hạ cùng lý tận tánh vậy. Thánh nhân là Thánh giả của Thánh nhân, vì chẳng sanh tử mà thị hiện tử, thị hiện sanh cùng mọi người đồng vậy, mà chẳng thấy nguyên do ấy vậy. Đâu phải Thần linh xưa là một Thánh nhân hiển trí rộng lớn hưng thạnh khắp cùng ư? Nên làm giáo đó có Thần đạo và có Nhân đạo, có thường đức và có kỳ đức.

Không thể lấy một mà cầu chung, không đem thế đạo phỏng bàn được nơi tâm thông, và mất nơi dấu vết kiểm hiệu.

Bình trị người, bình trị trời, không gì tốt lành bằng Năm giới Mười thiện. Tu Tiểu tiểu Thánh và Tiểu Thánh, chẳng gì thạnh bằng Tứ đế và Thập nhị nhân duyên. Tu Đại Thánh để dẫn đến Đại Đại Thánh, chẳng gì thạnh bằng Lục độ vạn hạnh. Phàm năm giới mười thiện, sở dĩ lìa đó đạt đến trời, sở dĩ hiệp đó giúp người. Nói thành công đó thì có hơn có kém, nói sở dĩ đó như vậy thì đạo của Đại nhân là một. Phàm, Tứ đế Thập nhị nhân duyên, lìa đó thì ở Tiểu Thánh, hiệp đó thì tại Tiểu Tiểu Thánh; nói thành công đó thì có Long sát, nói thừa đó thì Tiểu Thánh và Tiểu Tiểu Thánh đồng đạo vậy. Phàm, Lục độ ấy là đứng đầu vạn hạnh, nói rộng vạn hạnh ấy là Đại Thánh cùng với Đại Đại Thánh. Chỗ thừa ấy tuy hơi có phân, đến lúc họ lấy vạn hạnh siêu cực thì cùng Thánh nhân của Đại Đại đồng nhất vậy. Vạn hạnh ấy tức là muôn thiện vậy. Thiện của Thánh nhân bởi tmà làm đó. Vừa biến thừa hóa không nơi nào mà chẳng ở. Cho nên Thánh nhân dự việc ở của trời người mà trời người chẳng lường biết. Phàm, Thần ấy là diệu vậy, việc ấy là thô vậy. Thô là chỉ người biết đó, diệu là chỉ Thánh nhân biết đó. Thiên hạ vì bỉ ngã mà đua tranh, vì sự tướng phải quấy của Nho và Phật, mà biết của thiên hạ là việc của Nho và Phật, đâu biết đó là đất hoang dính nơi Nho và Phật ấy ư? Phàm, hàm Linh mù trời mịt đất, khắp u khắp minh, khắp cả di dịch cầm thú, chẳng vì thần đạo di luân mà xưa nay hầu như có bỏ vật. Thánh nhân trùng đồng, Nho sợ bỏ sót vật, cho nên Thánh nhân dùng thần đạo làm.

Tâm hẳn đến (Chí), đến hẳn biến. Biến là thức vậy; đến là như vậy. Như là diệu, là vạn vật ấy vậy. Thức rối ren muôn vật khác, muôn vật ấy vậy. Biến ấy là cơ của động, đến ấy là gốc của diệu. Thiên hạ không gì chẳng có gốc, thiên hạ không gì chẳng động, nên muôn vật ra từ biến vào nơi biến. Muôn vật khởi từ đến rồi trở lại nơi đến; biến của muôn vật thấy ở tình, đến của thiên hạ còn ở tánh, vì tình có thể biện rành biến hóa của muôn vật, vì tánh có thể quán sát đại diệu của thiên hạ, khéo phàm tình tánh có thể dùng nói giáo đạo của Thánh nhân. Muôn vật đồng linh gọi đó là tâm, nơi Thánh nhân giẫm trải gọi đó là đạo. Đạo có lớn có nhỏ, tâm có thiện có ác. Thiện ác có dày mỏng, lớn nhỏ, cạn sâu, nên có Đại Thánh có thứ Thánh, có Tiểu Thánh, có trời, có người, có Tu-la, có Quỷ Thần, có loại lông vẫy, có địa ngục. Quần sanh là từ một tâm mà lưu xuất vậy. Thánh nhân là từ một đạo mà lìa vậy. Đầu mối lớn nhỏ của Thánh nhân không thể không xét, thiện ác

của quần sanh hẳn không thể không thận trọng. Phàm, Tâm và Đạo đâu khác ấy ư? Vì Thánh nhân và quần sanh tạm khu vì riêng biệt đó nên gọi là Đạo là Tâm vậy. Tâm lớn thay đến ấy vậy. Sâu tối quá cả Quỷ thần, sáng tỏ quá cả Nhật nguyệt, rộng lớn bao trùm cả đất trời, tinh vi suốt cả lân hư. Sâu tối mà chẳng sâu tối nên rất sâu tối; sáng tỏ mà chẳng sáng tỏ, nên rất sáng tỏ; lớn mà chẳng lớn nên tuyệt lớn; nhỏ nhiệm mà chẳng nhỏ nhiệm nên rất nhỏ nhiệm. Tinh nhật Tinh nguyệt, linh Quỷ linh Thần, mà diệu thay trời đất tam tài, như là có, như là không, như là chẳng có chẳng không, như là chẳng chẳng có chẳng chẳng không. Đó có thể dùng tướng trạng ngôn ngữ mà có thể kịp ư? Không thể dùng tuyệt đối đãi huyền giải thí dụ. Được đó ngay trong nháy mắt, mất đó tại nơi mảy lông. Đó có thể cùng người đạt đến đồng biết, không thể cùng người học mà nói. Thánh nhân vì khó sáng tỏ khó đạt đến ấy mới làm các giáo, nói đó, nghĩa đó, dụ đó, chánh đó. Tuy phô bày lắm nhiều mối, đó đều muốn người chẳng xiềng xích vậy, mà người học còn mê mờ. Nay thiên hạ hỗn độn, gọi đó là Tâm, nói đó mà chẳng rõ ràng, biết đó mà chẳng xét. Giả sự nhận ý thức cho là cùng Thánh nhân đồng được thú Đạo ấy vậy, cũng chẳng xa ư?

Tình phát xuất từ tánh, tánh ẩn ở tình. Tánh ẩn thì đạo của đốn và thật đều dứt vậy. Cho nên, Thánh nhân dùng tánh làm giáo mà dạy người. Động của thiên hạ phát sanh từ tình, lầm hoặc của muôn vật chánh ở nơi tánh. Thiện ác của tình và tánh, thiên hạ có thể chẳng xét ư? Biết thiện ác mà không biết thủy chung của thiện ác, đó đạt đến biết ư? Biết chung cục đó mà không biết khởi đầu đó, đó đạt đến biết ư? Chỉ có đạt đến biết của Thánh nhân, biết thủy biết chung, biết nhỏ nhiệm, biết tan mất, thấy đó suốt cả chết sống, u minh, mà thành tượng thành hình đất trời, đến xa mà phát khởi từ tình. Vũ trụ rất lớn mà bên trong ở tánh, nên muôn vật chẳng gì thạnh bằng tình tánh ấy vậy. Tình ấy là đầu tiên của hữu, có hữu thì có ái, có ái thì có tham dục, có tham dục thì có nam nữ muôn vật sanh tử. Cảm của sanh tử thì thiện ác theo loại biến. Thủy đó chung đó theo sống chết mà chưa từng dừng nghỉ. Tánh ấy là đạt đến của Không. Đạt đến Không thì chưa từng Không; ra sanh vào tử mà chẳng phải sanh chẳng phải tử. Đạo của Thánh nhân do đó mà tịch mà minh vậy, chỉ cảm chỗ thích nghi. Phàm tình ấy là nguy là thức, được đó thì làm ái làm huệ, làm thân, làm thân sơ. Làm sơ thì hoặc thiện hoặc ác, mất đó thì là khinh là dối, làm hung tàn làm chẳng từ tốn, làm tham làm đắm chìm tham dục, làm mất tâm, làm diệt tánh. Phàm, tánh ấy là Chân là Như, là đạt đến, là không tà, là thanh là tịnh.

Gần đó thì làm Hiền làm người chân chánh, xa đó thì làm Thánh thần làm Đại Thánh nhân. Thánh nhân dùng tánh làm giáo để dạy người mà chẳng dùng tình. Đó nếu là tích chứa thì tánh tình ở tại vật, thường vậy uyển vậy. Tham tầm đó chẳng được, khơi tháo đó chẳng tuyệt, Đất trời có cùng, tánh linh chẳng hết; năm thú đổi thay, tình lụy chẳng tan. Cho nên, tình tánh ấy có nghĩa là thiên hạ không thể chẳng chọn vậy. Phàm, lấy tình mà dạy người, đó là ở trong khoảng sanh tử, dùng tánh mà dạy người đó là vượt ngoài vòng sanh tử. Tình giáo đó gần, tánh giáo đó xa, rộng ngoài sanh tử mà không đó. Đó là mê lý trời mà tuyệt nguồn của sanh sống vậy. Nhỏ biết chẳng kịp đến lớn biết, cục hạn của giầm gà chỉ trong khoảng vò hủ, cũng chẳng vậy ư?

Tâm động gọi là nghiệp, nhóm nghiệp gọi là cảm, cảm ấy nghĩa là thông cả trong và ngoài. Trong thiên hạ, tâm ai chẳng động? Nghiệp của muôn vật, ai mà chẳng cảm? Làm lý của người rất sâu sắc, làm thế của cảm rất xa vời. Cho nên, dân chúng chẳng thấy mà chẳng sợ, giáo của Thánh nhân cẩn trọng ở nghiệp, muốn người đó hẳn cảnh tĩnh, muốn tâm đó cẩn trọng máy động. Cảm bên trong gọi là chiêu, cảm bên ngoài gọi là ứng. Chiêu nghĩa là nhân ấy, ứng nghĩa là quả ấy. Nhân quả hình tướng là đều là dự vậy. Phàm, tâm động có nghịch có thuận, nên tình của thiện ác sanh vậy. Tình của thiện ác đã phát, nên họa phước ứng đến vậy. Tình đó có cạn sâu, báo đó khinh trọng. Khinh thì có thể đổi chuyển, trọng thì chẳng thể dứt. Thiện ác có trước sau, họa phước có nhanh chậm. Tuy mười đời, muôn đời mà cùng cảm ấy chẳng vượt qua, đâu phải một đời mà thôi vậy? Phàm, thiện ác chẳng nghiệm ở một đời mà nghi ngờ, đó cũng là kẻ mê mờ về nhân quả vậy. Báo nếu chẳng do nhân quả thì thiên hạ lấy gì để khuyên người thiện? Cây không thấy nó lớn mà ngày một tươi tốt, mài chẳng thấy nó tiêu mà ngày một dần không. Nghiệp đó ở người như vậy, có thể chẳng cẩn trọng ư?

Vật có Tánh, vật có mạng, vật ham sống, vật ghét chết, các loài có khí huyết thảy đều như vậy. Thánh nhân do đó muốn sống mà chẳng muốn giết hại. Phàm sống và giết đều có nhân quả, thiện ác có cảm ứng. Nhân đó thiện thì quả đó Thiện, nhân đó ác thì quả đó ác. Phàm tâm ham thích sống là thiện, tâm ưa thích giết là hại là ác. Cảm của thiện ác có thể không thận trọng ư? Người ăn vật, vật cung cấp người, xưa trước cùng mắc nợ nhau mà ngầm cùng đền trả, bởi do nghiệp khiến nên như vậy. Người cùng với vật mà chẳng hay biết, cho rằng vật tự nhiên trời sanh để nuôi dưỡng người. Trời sao quá tà vậy! Hại tánh mạng để nuôi dưỡng tánh mạng. Đạo trời rất mực, nhân đức há như vậy

ư? Phàm, lý cùng đền trả cho nhau mù tối khó mà nói đó, thế bất giết tích chứa mà khó thôi nghỉ vậy. Nên pháp xưa trước khiến không được hung bạo. Phàm với vật không nên vây nhốt, không kịp thành đàn. Cần câu mà không lưỡi không móc, không bắn dừng nghỉ, đó dừng giết hại dần ư? Phật giáo dạy người nên nuôi sống mà không được giết hại, có thể chẳng suy nghĩ ư? Rõ ràng thay!

Tin lớn thì gần, tin nhỏ thì xa, gần trái xa, xa trái gần, do tình ngăn che mà khiến nên như vậy. Thiên hạ chẳng gì gần bằng tâm. Thiên hạ chẳng gì xa bằng vật. Người phàm chẳng tin tâm đó mà tin vật đó, cũng chẳng gần trái xa, xa trái gần ư? Cũng chẳng mê buộc điên đảo bày biện ư? Tâm ấy là nguồn của thông minh duệ trí. Chẳng được nguồn ấy mà chỗ phát có thể không trói buộc ư? Thánh nhân do đó mà muốn người tự tin ở tâm họ. Tin tâm họ mà chánh đó thì làm thành thường, làm thành thiện, làm thành hiếu, làm thành trung, làm thành nhân, làm thành từ, làm thành hòa, làm thành thuận, làm thành sáng suốt. Thành sáng suốt thì cảm đất trời, động Quỷ thần mà thôi vậy, sao lại có thể đạt đến Đại đạo của Thánh nhân ư? Cho nên Thánh nhân lấy tin tâm đó làm lớn. Phàm, Thánh nhân nói rộng lớn đó, nói ước lược đó, chỉ bày đó, khéo bày đó đều do vì chánh tâm người và cùng người tin cậy. Người mà không tin lời nói của Thánh nhân là chẳng tin tâm họ vậy, tự vứt bỏ, tự lầm hoặc, đâu có thể gọi là sáng suốt ư? Là bậc Hiền ư?

Tu-đa-la-tạng nghĩa là gì? Là hợp lý, là kinh, Kinh nghĩa là thường, là xuyên suốt, là nhiếp thâu. Hiển bày điều đó của Tiền Thánh và Hậu Thánh đều như vậy, chẳng gì khéo bằng thường. Gìn giữ nghĩa lý mà chẳng mất, chẳng gì khéo bằng xuyên suốt (=Quán), bao gồm tất cả chúng sanh mà dạy đó, chẳng gì khéo bằng nhiếp thâu vậy!

A-tỳ-đàm tạng nghĩa là gì? Là Đối pháp, là Luận, luận ấy là Phán, là Biện. Phát minh Tông thú của Thánh nhân, không gì khéo bằng Biện. Chỉ chỗ cạn sâu của Đạo ấy không gì khéo bằng phán. Tỳ-ni-tạng nghĩa là gì? Tức là giới, là luật; Luật ấy là chế. Mở các thiện ngăn các ác không gì khéo bằng chế. Nhân thừa, Thiên thừa nghĩa là gì? Tức là tiệm của tiệm vậy. Dẫn dắt thế tục chẳng gì thạnh bằng đạt đến tiệm. Thanh văn thừa nghĩa là gì? Tức là quyền, là Tiệm, là Tiểu Đạo. Duyên giác thừa nghĩa là gì? Cũng là Tiểu Đạo. Tùy từng đồ vật mà thích nghi đó, chẳng gì thạnh bằng quyền, cùng đó tiến mà chẳng cùng đó hừ, không gì thạnh bằng tiệm. Bồ-tát thừa nghĩa là gì? Tức là Thật, là Đốn, là Đại Đạo. Ngay tâm người mà trao Đại Đạo, không gì thạnh bằng Bồ-tát thừa vậy. Thừa đó cùng thông với Diệu giác, đó gần như ấy vậy. Tứ

luân nghĩa là gì? Tức là phong, là thủy, là kim, là địa. Tứ luân ấy là thiên địa, do đó mà thành hình. Quán xét về Tứ luân thì thủy chung của đất trời có thể biết vậy. Tam giới nghĩa là gì? Tức là Dục giới, là Sắc giới, là Vô sắc giới. Tam giới ấy là nơi nương tựa của hữu tình. Quán xét Tam giới thì trong ngoài của Lục hợp có thể rõ ràng mà không nghi ngờ vậy. Lục đạo nghĩa là gì? Là Địa ngục, là súc sanh, là ngạ quỷ, là Tu-la, là người, là trời. Lục đạo ấy là chỗ cảm của tâm thiện ác. Quán xét Lục đạo thì có thể cẩn trọng làm tâm ấy vậy. Tứ sanh nghĩa là gì? Là Thai sanh, là Noản sanh, là Thấp sanh, là Hóa sanh. Tứ sanh ấy là chỗ thành của hữu tình. Quán xét Tứ sanh thì có thể biết nguyên do của hình mạng ấy vậy. Nhà nào không giáo, sách nào không nói? Nói gần mà chẳng nói xa, thiên hạ làm sao biết xa ư? Dạy người mà chẳng dạy lại người khác, vật ấy có chỗ bỏ sót ư? Phàm, sâu tối, xa vời hẳn là nơi tai mắt người không kịp tới được. Hoảng hốt, bay lặn, hẳn là nơi sức người chẳng thể cứu giúp. Người chẳng thể đến kịp, nên Thánh nhân hay đến kịp đó; người chẳng thể cứu giúp, nên Thánh nhân hay cứu giúp đó. Thánh nhân không thể kịp thiên hạ, đó trọn là mê mờ. Phàm, sâu tối xa vời làm sao Thánh nhân chẳng thể cứu giúp? Hàm linh sắp đắm chìm mà không chỗ cứu vớt ư? Cho nên, giáo của Thánh nhân đối với xa gần, tối sáng, không nơi nào chẳng khắp, không chỗ nào chẳng hiển trước. Thiên hạ rộng lớn đó thảy đều đầy đủ, ai có như giáo của Thánh nhân ấy vậy?

Trời rất cao, đất rất xa, quỷ thần rất sâu tối. Tu pháp của Thánh nhân tôi thì trời đất ứng đó, dứt một lời của Thánh nhân tôi thì Quỷ thần thuận đó. Trời đất và Thánh nhân đồng tâm, Quỷ thần cùng Thánh nhân đồng linh, bởi vì loại ấy cùng cảm mà vậy. Tình chẳng đồng thì người trợn mắt, loại chẳng đồng thì vật trái phản. Chẳng phải Đạo ấy thì Nhu Tử không theo. Nay, phàm cảm trời đất, chấn động quỷ thần, được trăm nhà di địch, đổi thay xưa nay mà tâm ấy chẳng lìa, thì Đạo của Thánh nhân tôi thật là Đại thông đại chí (=Rất Thông rất đạt đến), đoán có thể thấy vậy.

Phật nghĩa là gì? Chánh ở một ấy vậy. Người nghĩa là gì? Dự ở một ấy vậy. Phật cùng người là một mà thôi vậy. Muôn vật gọi đó là Danh, chí lý gọi đó là Thật, chấp Danh mà mê mờ Thật, Thiên hạ biết đến đó ư? Đạo còn nơi người gọi là nhân, Đạo ở nơi Phật gọi là quả. Nhân ấy là nói ở chưa đạt đến, quả ấy là nói đã đạt đến vậy. Đạt đến thì chánh, chánh thì không chỗ ở mà chẳng tự đắc vậy. Phật đâu hẳn ở hình của Hình, nơi tích của tích. Hình tích là còn ở giáo ấy vậy. Giáo ấy

là làm vốn của chánh ấy vậy. Riêng vạn vật chẳng gì thạnh bằng Danh, đồng muôn vật chẳng gì thạnh bằng Thật. Thánh nhân dùng Thật chỉ dạy người, muốn người đại đồng đó vậy. Thánh nhân dùng Danh để lại chỉ dạy người là phòng đại dị của người vậy. Quán xét nguyên do giáo của Thánh nhân, thì đạt đến của Danh và Thật, đoán có thể thấy vậy.

Người nào không tâm? Người nào không diệu? Giáo nào không Đạo? Đạo nào không trúng? Đại khái nói trúng thì thiên hạ chẳng rảo theo đến đạo ấy. Hổn độn nói diệu ấy thì thiên hạ chẳng cầu đến tâm ấy. Chẳng hết ở đến tâm đến đạo, thì là ngụy, là cuồng, là kiêu căng, là khinh mạn, do đó mà chẳng tu vậy. Sanh tử là nhân theo biến hóa, do đó mà chẳng cảnh răn vậy. Diệu có diệu, có đại diệu; trúng có sự trúng có lý trúng. Phàm sự trúng ấy là chế trúng của của muôn vật ấy vậy. Lý trúng ấy chí chánh của tánh lý ấy vậy. Phàm diệu ấy là diệu của diệu vậy. Đại diệu ấy là diệu ấy lại diệu vậy.Diệu là Bách gia đều nói mà chưa từng kịp đến đại diệu ấy. Đại diệu là chỉ Thánh nhân tôi suy đó, cùng cực các diệu ấy vậy. Phàm, sự trúng là Bách gia đều vậy, tôi cũng như vậy. Lý trúng là Bách gia tuy dư trúng mà chưa từng đạt đến trúng, chỉ có Thánh nhân tôi chánh trúng ấy để nghiệm đó không gì chẳng trúng vậy. Nói là Tâm, là Đạo, là Danh ấy vậy. Nói là Trúng, là Diệu, là ngôn ngữ ấy vậy. Danh và ngôn tuy khác nhau mà chí linh là một vậy. Một tức là một, muôn lại muôn, chuyển đó triển đó, tương giao dung nhiếp mà hạo nhiên chẳng cùng. Phàm, đại diệu lại huyền, đó như đây ấy vậy. Nên nó ném Đại Thiên đến phương ngoài, đặt để Tu-di nơi hạt cải, mà Bậc Chí nhân chẳng nghi ngờ, chỉ nói diệu mà thôi vậy, nói trúng mà thôi vậy, lại đâu lấy gì để thêm. Nói biển hẳn là sâu, mà chín vực sâu nơi biển, con của Di Khê đâu tin ở đùa bởn.

Giáo không thể câu nệ, Đạo không thể trống không. Câu nệ giáo là quả đắm ở vết tích, trống không đạo là bỏ mất gốc. Câu nệ ấy là quả, trống không ấy là chẳng kịp. Đó là hoạn chỉ một vậy. Do đó Thánh nhân làm lý hẳn chân thật, làm sự hẳn quyền biến, mà sự và lý đều lấy đại trúng được vậy. Phàm, sự có thích nghi, lý có đạt đến. Theo thích nghi ấy mà thích nghi đó, do vậy, làm giáo của Thánh nhân vậy. Ngay đạt đến ấy mà đến đó, vì vậy, làm Đạo của Thánh nhân vậy. Hai vua ở thời nhà Lương và nhà Tề (vua Võ Đế-Tiêu Diễn 502-550 thời nam Lương và vua Tuyên Đế-Cao Dương 550-560 thời Bắc Tề) trái thích nghi ấy mà phụng sự giáo, cũng chẳng là câu nệ ư? Hai vua ở thời nhà Ngụy và nhà Chu (vua Thái Võ Đế-Thác Bạt Đào 428-452 thời Bắc Ngụy và vua Võ Đế- Võ Văn Ung 561-579 thời Bắc Chu) hết sạch đạt đến ấy

mà dự đạo, cũng chẳng là trống không ư? Phàm, giáo của Thánh nhân chỉ thiện mà thôi, còn đạo của Thánh nhân chỉ chánh mà thôi. Người ấy chánh người ấy, việc ấy thiện việc ấy, chẳng kể là Tăng sĩ chẳng kể là Nho sĩ, chẳng hẳn là kia, chẳng hẳn là đây, Kia và đây là tình, Tăng và Nho là vết tích vậy. Thánh nhân giáng tích, do vì còn gốc, Thánh nhân thực hành tình do vì thuận tánh. Còn gốc mà chẳng trệ nơi vết tích, có thể nói là quyền; thuận tánh mà chẳng trệ tình có thể dùng nói là thật.

Ngày xưa, Thạch Hổ, dùng quyền bính nước nhà mà giết phạt, ông lại nghi là phụng sự Phật mà không thấy giúp đỡ, Phật Đồ Trừng mới bảo cùng Thạch Hổ rằng: "Vương giả phải dùng tâm thể đại thuận để đồng hợp Tam bảo, nếu nó là hung ngu chẳng thể giáo hóa chuyển đổi, sao được chẳng trách phạt. Chỉ hành hình với người có thể hành hình, có thể phạt với người có thể phạt. Nếu như hình phạt chẳng trúng, tuy khinh của cải mà kính phụng Phật nào có ích gì?"

Vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long 424-454) thời tiền Tống, nói cùng Sa-môn Cầu-na-bạt-ma rằng: "Trẫm thân theo việc nước, tuy muốn trai giới chẳng giết hại sao được như Pháp?" Sa-môn Cầu-na-bạt-ma đáp: "Chỗ tu hành của Đế Vương so với thất phu có khác. Đế Vương chỉ chánh mở lời phát lệnh, khiến tâm thần người vui hòa. Tâm thần người vui hòa thì mưa gió thuận, mưa gió thuận thì muôn vật được toại sự sanh trưởng. Lấy đó mà trì trai, trai cũng đạt đến vậy; lấy đó mà không giết hại, đức cũng lớn vậy, nào hẳn bỏ bữa ăn ngon nửa ngày, để toàn mạng của một cầm thú mới là tu ư?" Vua Văn Đế, vỗ án ngợi khen rằng: "Người thế tục mê mờ lý xa, chư Tăng dính kẹt ở giáo gần. Nếu như lời của ông nói, thật đáng gọi là đạt đạo của Thiên hạ, có thể luận cùng ngằn mé của trời người vậy". Sa-môn Phật Đồ Trừng và Cầu-na-bạt-ma là các bậc chí nhân ở thời xưa trước, có thể gọi là biết được quyền biến vậy.

Thánh nhân dùng Ngũ giới để dẫn dắt thế tục, dạy người tu, người dùng gieo giống người. Tu đó thì ở tại thân đó, gieo giống đó thì ở tại thân đó. Cùng người thuận lý, đó gọi là thiện, theo thiện không vết tích gọi đó là hóa. Thiện đó nên người mến mộ mà tự khuyên. Hóa đó nên ở nơi người mà chẳng hiển bày. Cho nên thiên hạ không được lấy kiểm hiệu công ấy, thiên hạ không thể được lấy bàn nghị đức ấy. Nhưng thiên hạ ít xấu ác, ai biết chẳng phải nhân mà tổn đó. Thiên hạ nhiều thiện, ai biết chẳng phải nhân mà ích đó. Có người cho rằng, Phật không có chỗ trợ giúp bình trị thiên hạ vủa Vương giả. Đó là người chẳng thấy được Lý vậy.

Thiện chẳng tu thì nhân đạo dứt tuyệt; tánh chẳng sáng tỏ thì thần đạo diệt mất. Thường luôn của đất trời là thần, linh tộc của muôn vật là người. Thần ấy mờ tối sanh, sanh là do vì khác vậy. Người ấy mất linh tộc là do vì suy vậy. Thánh nhân trọng thần đạo, do vì suy tánh mà nối dõi đó vậy. Người, trời, Thánh nhân, ai chẳng từ tự tánh mà sanh ra? Thánh nhân, trời, người, ai chẳng từ thiện mà thành? Sanh ra hẳn là có gốc ấy vậy, được thành hẳn là giáo ấy vậy. Lắm nhiều thành đó là Đại thành ấy vậy; muôn gốc đó là gốc lớn ấy vậy. Thánh nhân dùng tánh nối dõi, bởi cùng thiên hạ sâu dày gốc lớn ấy vậy. Thánh nhân dùng thiện để lợi ích, bởi cùng thiên hạ chuyên Đại thành ấy vậy. Gốc của cha mẹ là gốc thứ, thành của cha mẹ là thành thứ. Gốc thứ và thành thứ có khả năng thành hình người mà không có khả năng khiến đó hẳn là người vậy. Để khiến đó hẳn là Thần, hẳn là gốc lớn Đại thành trước đó vậy, mà sau đó tiếp thành gốc thứ thành thứ là có nghĩa biết gốc vậy. Phàm, thiên hạ lấy cha con vợ chồng làm Nhân đạo là thấy duyên của Nhân đạo mà không thấy nhân ấy vậy. Duyên là gần, nhân là xa. Phàm, thiên hạ biết dùng biến hóa tự nhiên làm Thần đạo, là thấy đó vậy mà không thấy đó sở dĩ vậy. Vậy là hiển bày, sở dĩ vậy là u ẩn, cho nên Thánh nhân suy đó sở dĩ vậy là dùng hết u minh của Thần đạo vậy. Suy xa đó mà lược gần đó, dùng để nghiệm nhân quả của Nhân đạo vậy. Thánh nhân họ cùng thủy chung của thiên hạ ư? Thánh nhân chẳng tự tương tục. Tộc ấy cùng với tộc người mà tương tục đó. Họ làm tộc mà chẳng làm Đại tộc ấy ư? Thánh nhân chẳng tự nối dõi. Nối dõi ấy cùng với gốc tánh, mà cùng thiên hạ nối dõi đó, họ làm nối dõi cũng chẳng nối dõi lớn ấy ư?

Giáo nói về Bố thí nghĩa là gì? Bố thí, ở nguyên giáo tôi tuy có luận bàn mà chưa tường tận, đây mới tường tận ấy vậy. Bố thí ấy là Thánh nhân muốn người làm phước vậy. Phàm, phước đâu có hình tượng ư? Tại nơi họ làm, tâm thiện hay là bất thiện. Người có tâm tham lam keo lận đó là bất thiện, người có tâm cứu người giúp vật đó là thiện. Thiện tâm cảm đó thì làm phước. Tâm chẳng thiện cảm đó thì làm cực. Lý của Phước và Cực còn ở trong Hoàng cực của Nho gia. Hoàng cực là bởi nhập mà chẳng bàn nghị ấy vậy. Phàm, nói là Bố thí tức Thánh nhân muốn người phát tâm cảm phước ấy vậy. Phát tâm đó có ưu liệt (Hơn kém) thì ứng đó cũng có hậu bạc (Dày mỏng). Vì Phật sự mà phát tâm Bố thí đó là ưu vậy. Vì thế sự mà phát tâm Bố thí đó là liệt. Thánh nhân muốn phước của người hẳn là sâu dày, nên trước ưu mà sau liệt. Liệt có nghĩa là thấp hèn, ưu có nghĩa là hơn thắng. Nho gia nói phước là Bị

(đủ cỏ). Bị là tên của Bách Thuận. Không gì chẳng thuận đó gọi là Bị. Ấy là nói duyên đó mà chẳng nói nhân đó. Chẳng phải nhân thì thiên hạ không biết sở dĩ họ làm phước vậy. Đất chỗ gieo trồng mỏng thì vật được trưởng thành chẳng tươi tốt. Đất chỗ gieo trồng tốt thì vật được thành hẳn là lớn mạnh. Cho nên, Thánh nhân chỉ bày hơn kém (ưu liệt) của người, đâu có chỗ cẩu thả ư? Như dùng của cải mà Bố thí cho người, phước ấy có thể lường được vậy. Dùng pháp để bố thí cho người, phước ấy chẳng thể lường được. Có thể lường là vì thế gian mà nói, không thể lường là vì xuất thế gian mà nói đó vậy.

Giáo hẳn tôn trọng Tăng nghĩa là gì? Tăng là người lấy Phật làm giòng họ, lấy Như Lai làm nhà, lấy Pháp làm thân, lấy Tuệ làm mạng, lấy Thiền duyệt làm thức ăn, nên chẳng cậy giòng họ thế tục, chẳng tạo dựng gia đình thế gian, chẳng sửa sang hình hài, chẳng tham sống, không sợ chết, chẳng đắm chìm trong năm mùi vị. Họ có Giới để phòng ngừa thân, có Định để nhiếp tâm, có Tuệ để biện minh. Nói về giới ấy là trừ sạch ba thứ mê hoặc mà trọn đời chẳng dơ bẩn; nói về Định ấy là lặng lẽ tư lự chân chánh thần minh mà trọn ngày chẳng loạn; nói về Tuệ ấy là sùng đức biện hoặc mà hiển nhiên. Dùng đó để tu thì gọi đó là Nhân, dùng đó để thành thì gọi đó là Quả. Họ đối với vật thì có từ có bi, có thệ nguyện lớn, có ban ân huệ lớn. Từ ấy là thường muốn an muôn vật, Bi ấy là thường muốn cứu các khổ, Thệ nguyện ấy là thề cùng thiên hạ thấy được Chân đế. Ân huệ đó là dùng chánh pháp ban trải cho quần sanh. Thần mà thông đó, trời đất chẳng thể kềm kẹp; kín đáo mà thực hành đó, Quỷ thần chẳng thể lường biết. Họ diễn nói pháp thì biện giảng không ngưng trệ. Họ hộ pháp thì phấn phát chẳng đoái hoài tự thân. Họ hay nhẫn việc mà người chẳng thể nhẫn, hay làm việc mà người chẳng thể làm. Họ sống với chánh mạng là khất thực mà ăn nhưng chẳng lấy làm xấu hổ. Họ ít tham muốn là mặc y phục phấn tảo khâu vá, trì Bát mà chẳng lấy làm nghèo bần. Họ không tranh đua là có thể nhục mà không thể khinh. Họ không oán là có thể đồng mà không thể tổn. Dùng thật tướng tiếp đãi vật, dùng chỉ từ để tự tu. Nên họ đối với thiên hạ hay hẳn hòa hay kính khắp. Họ nói năng không hư dối, nên họ làm niềm tin rất thấu đạt. Họ tu pháp vô ngã nên họ nhường nhịn rất chân thành. Họ có oai đáng kính, có nghi đáng làm khuôn phép. Người trời mong ngóng mà nghiễm nhiên. Hay làm phước cho đời, hay dẫn dắt phàm tục. Họ quên lũ hình hài phó thác cho cầm thú mà chẳng keo lận. Họ đọc tụng xong vào giữa nắng mưa mà chẳng từng phế bỏ. Họ vì Pháp mà ra, đi giữa nhân gian khắp cùng tụ lạc, xem danh dự

chỉ như tiếng vang trong hang cốc, nhìn lợi lộc chỉ tợ lướt giữa bụi trần, trông vật sắc chỉ như gợn nắng, ấp ấm nghèo bệnh, kiệu đài lộn xộn mà chẳng lấy làm thấp hèn, vì Đạo mà sống vậy. Tuy ở nơi núi sâu hang cùng, dùng cỏ làm áo mặc, lá cây làm thức ăn, vẫn yên nhiên tự đắc. Không thể dùng lợi mà dụ dỗ, không thể dùng thế mà khuất nhục. Tạ Thiên tử chư hầu mà chẳng lấy làm cao. Họ độc lập vậy, do Đạo mà tự thắng, tuy hình ảnh cùng gom thâu mà chẳng lấy làm cô quạnh. Họ sống với đoàn thể dùng pháp làm quyến thuộc, nhóm tụ người cả bốn biển mà chẳng lấy làm hỗn độn, đó đáng nên học vậy. Tuy Ba tạng, Mười hai bộ loại kinh giáo và sách của Bách gia dị giáo, không gì chẳng biết; ngôn từ của tha phương khác tộc, không gì chẳng thông. Tố thuật pháp ấy thì có văn chương, hành trung đạo ấy thì chẳng Không chẳng Hữu, họ tuyệt học vậy. Lìa niệm thanh tịnh thuần chân nhất như, chẳng lại có chỗ phân biệt. Tăng, họ làm người thấu đạt, họ làm tâm đoàn, họ làm đức hoàn bị, họ làm đạo lớn, họ làm bậc Hiền chẳng phải chỗ gọi là Hiền của người đời. Họ làm bậc Thánh, chẳng phải chỗ gọi là Thánh của người đời. Họ là Hiền thánh xuất thế thù thắng. Tăng là như vậy, có thể chẳng tôn trọng ư?

Dùng thế pháp làm Tịch tăng (xếp đặt sơ bộ chư tăng) nghĩa là gì? Tịch tăng chẳng phải có từ xa xưa, đó là do ý Bao Chu (vua Võ Đế-Võ Văn Ung 561-579 thời Bắc Chu) vậy. Tăng là người xa lìa trần tục, họ ở ngoài bốn hạng dân. Tịch tăng là Dân chúng nuôi dưỡng chư tăng vậy. Thánh nhân tôi ở đời, nước nhà có tăng, dùng tăng pháp để trị nước nhà, có tục dùng tục pháp để trị đó, mỗi mỗi dùng theo pháp riêng của họ mà trị đó, chưa từng nghe dùng thế pháp để kiểm chứng chư tăng. Đâu chẳng phải do Thánh nhân đã ẩn, Đạo ấy rất suy, đồ chúng ở tạp quá lắm, Phật pháp chẳng thắng người ấy mà vậy ư? Vũ gia sanh Ứng long, Ứng long sanh Phụng hoàng, Phụng hoàng sanh các giống chim, vật lâu mới biến, thế đó là tự nhiên. Đã biến thì không thể không chế. Chế là ở nơi khu đó biệt đó tà chánh cong thẳng. Không thể xem đại khái vậy. Đá có ngọc, cỏ có lan, trong loài người há không có bậc Thánh Hiền ư? Biểu dương một điều thiện thì thiên hạ khuyến thiện, lễ một bậc Hiền thì thiên hạ kính mộ bậc Hiền. Các bậc Cao tăng từ xa xưa cho đến gần nay, thấy Thiên Tử chẳng xưng tên, dự chế thư thì gọi là Sư là Công. Sa-môn Tăng Viễn ở Chung Sơn, xe kiệu đã đến nơi cửa mà vẫn ngồi yên trên sàng tòa không nghinh đón. Sa-môn Tuệ Viễn ở Hổ Khê, Thiên Tử đến Tầm Dương mà ban chiếu chẳng ra khỏi núi. Thời ấy, tiếp đãi người ấy, tôn quý đức của họ, cho nên Đạo của Thánh nhân đó phấn phát, học

trò họ kính chuộng Đức. Nho gia nói: "Quý Đức làm gì vậy? Để làm họ gần nơi Đạo vậy". Nho gia há chẳng vậy ư? Người đời sau mến mộ Cao tăng, giao tiếp với Khanh Đại phu còn chẳng tiếp đãi, giữ lễ của kẻ hạ sĩ. Họ đi họ ở chẳng như hạng người thường ngu tự đắc, huống gì như Sa-môn Tăng Viễn ra mắt Thiên tử ư? Huống gì như Sa-môn Tuệ Viễn tự nhiên ư? Mong ngóng dấy nổi của Đạo tôi. Tôi và mọi người cùng tu, đó có thể được ư? Còn giáo ấy mà chẳng cần người ấy còn, các nơi lấy gì làm lợi ích ư? Chỉ có đây chưa từng không rơi lệ vậy.

Giáo gọi là Trú trì, nghĩa là gì? Trú trì ấy nghĩa là Tịch nhân gìn giữ pháp ấy khiến mãi an trú mà chẳng diệt mất vậy. Giới Định Tuệ là dụng cụ của gìn giữ Pháp. Vườn tăng chuyên vật là vốn gìn giữ Pháp. Pháp ấy là Đạo của Đại Thánh. Vốn là dụng cụ đợi người ấy mà sao cử khắp, khéo dụng cụ ấy mà chẳng khéo vốn, ấy thì không thể vậy. Khéo vốn ấy mà không khéo dụng cụ ấy cũng không thể vậy. Đều khéo thì có thể dùng để gìn giữ mà an trú đó vậy. Xưa kia, Trú trì nơi Linh Sơn, lấy tôn giả Đại Ca-diếp thống nhiếp đó. Trú trì ở Trúc lâm lấy lấy Tôn giả Xá-lợi-phất làm chủ đó. Cho nên giáo của Thánh nhân thạnh, pháp của Thánh nhân trường tồn. Thánh nhân đã ẩn, đó là số đời cùng mất, mênh man đã lâu vậy. Chúng ta kiêu hãnh mới dùng Trú trì danh đó, lợi đó, thế đó. Thiên hạ cùng tập mịt mờ rối ren vậy, ngõ hầu thành phong thành tục. Thánh nhân chẳng xuất hiện lại, như vậy, ai làm đó chánh? Hàng ngoại vệ chẳng trông nhìn chẳng chọn lựa, muốn phong hóa của Thánh nhân tôi chẳng suy, mong Pháp của Thánh nhân tôi càng xương thạnh mà không thể được vậy. Buồn thay! Tôi mong ngóng làm sao?

Tăng trị chánh mà phẩm trật sánh với Thị trung, nghĩa là gì? Trị chánh chẳng phải có từ xa xưa, mà được bắt đầu từ thời Diêu Tần. Trị chánh có thể được vậy, Trị phẩm trật thì không thể được vậy. Tăng là người vất bỏ vinh lợi, vì đức thắng vượt cao ngoài đời, đâu dự vào sự sủng ái bổng lộc ư? Đem Tăng so sánh phẩm trật, há chẳng phải tạo ra mối tranh giành thế quyền ở đời sau ư? Đạo mài giũa chẳng sáng, không biết mắc mưu đó dần dần, là lỗi quá của Đạo mài giũa vậy. Phàm, Tăng là người được sinh ra từ giới định tuệ, Chánh ấy là sanh ra từ thật sáng ấy vậy. Tăng chẳng thật sáng thì sao có thể thành Giới, thành Định, thành Tuệ ư? Chẳng thành giới định tuệ thì tôi không biết họ lấy gì để làm chánh vậy. Ở thời nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương, nhà Trần, cả bốn triều đại cũng men theo thời nhà Tần mà làm Trị chánh. Hai thời nhà Ngụy, nhà Tề và Hậu Chu cải đổi chế của nhà Tần mà đặt Trị thống. Nhà Tùy tiếp theo nhà Chu mà đặt Trị thống. Đến thời Tiền

Đường thay đổi nhà Tùy, bãi bỏ thống mà đặt là Lục. Quốc Triều chúng ta men theo chế của thời Tiền Đường, ở hai Kinh đô thì đặt là Lục, ở các quận thì đặt là Chánh. Phàm từ xưa đến nay men nương thay đổi tuy khác, mà làm chủ ấy chỉ là một. Thiên hạ khó ở được người mà xưa nay đều vậy. Nếu được Chánh đó, thì chúng ta ngõ hầu không tà vậy. Thận trọng đó thay! Thận trọng đó thay! Khó người ấy vậy.

Hữu hình ra Vô hình, Vô hình ra Hữu hình, nên Đạo của bậc Chí thần không thể dùng Hữu để tìm, không thể dùng Vô để lường. Không thể vì Động mà mất, không thể vì Tĩnh mà được. Đạo của Thánh nhân không ư? Thì đời đời sau lại. Đạo của Thánh nhân chẳng không ư? Thì sanh sao chẳng hết sạch? Khéo thấu rõ không và chẳng không, đối với Đạo của Thánh nhân đó mới ngõ hầu vậy. Phàm, kiểm nghiệm về không chẳng gì bằng xét ở Hữu hình. Xét Hữu hình chẳng như biết Vô hình. Biết Vô hình thì có thể dùng để trông nhìn Thần minh. Trông nhìn Thần minh mới đầu có thể dùng để nói Đạo. Đạo ấy là tích chứa của Thần. Nhận biết nói nó tự sanh ra. Nhận biết đó là nguồn đại hoạn. Cho rằng, Đạo của Thánh nhân là không, đó là đắm chìm nơi không hỗn độn mịt mờ, bệnh lại càng bệnh thêm vậy. Thiên hạ như vậy ai có thể trị đó ư?

Thiên hạ không tin tánh làm nhân của Thánh nhân, thiên hạ không tin tánh làm quả của Thánh nhân. Thiên hạ lầm hoặc tánh mà không biết tu tánh, thiên hạ nói tánh mà không biết thấy tánh. Không tin tánh cùng Thánh nhân đồng nhân, tự mê muội vậy. Không tin tánh cùng Thánh nhân đồng quả, tự vất bỏ vậy. Chẳng tu tánh mà tánh chìm đắm lầm hoặc vậy. Không thấy tánh mà họ nói tánh là chẳng xét vậy. Cho nên, chỉ tu không gì bằng nhân, khắc thành không gì như quả. Toàn tánh không gì bằng tu, xét tánh chằng gì bằng chứng. Nhân ấy là phô bày của tu tánh, quả ấy là hiệu nghiệm của thành tánh. Tu ấy là dụng của trị tánh, chứng ấy là nghiệm của thấy tánh. Thiên hạ tâm họ mới tán đó, loạn đó, biếng lười đó, khinh mạn đó. Cho rằng không hẳn nhân mà trống không phô bày ấy, thì thiên hạ lấy gì khuyên họ tu tánh mà tiến đến thành đấy ư? Tâm của thiên hạ mới nghi ngờ đó lầm hoặc đó, mà chẳng định vậy. Cho rằng không hẳn quả mà trống không hiệu nghiệm ấy, thì thiên hạ lấy gì để chỉ bày họ thành tánh và hiển bày quả ấy có chỗ đạt đến ư? Cho rằng chẳng hẳn tu mà trống không dụng cụ ấy, thì thiên hạ tánh họ có thể chẳng ngăn che, quả tỏ sáng lại tịnh ư? Chấp có chấp không, chấp thường, chấp đoạn, trong thiên hạ thuyết ấy mới rối ren cùng lẫn lộn mà chẳng biện rành. Cho rằng chẳng hẳn chứng mà

trống không ứng nghiệm ấy, thì thiên hạ có thể dùng riêng họ thấy tánh đó là chánh hay tà ư? Là đạt đến hay chẳng đạt đến? Bách gia đều nói tánh mà không việc ở nhân ở quả, ở tu, ở chứng. Họ đối với tánh quả thật có hiệu nghiệm rõ ràng ư? Chư Tử chuyên việc tánh, mà chẳng cầu ở nhân, ở quả, ở tu ở chứng. Họ đối với tánh có thể đạt đến đó ư? Cho nên, Thánh nhân của tôi nói tánh, hẳn trước tiên ở nhân quả tu chứng ấy vậy. Diệu chỉ thay! Thiên hạ khá nên suy nghĩ đó vậy!

Giáo của Thánh nhân còn ở đạo, đạo của Thánh nhân còn ở giác. Giác thì tỏ sáng, bất giác thì chẳng tỏ sáng, chẳng tỏ sáng thì quần linh do vậy cách biệt với Thánh nhân. Giác ấy là chẳng phải tiệm giác, cực giác. Cực giác là hay hoàn tất việc của Thánh nhân, giác ấy, đó gọi là Phật. Huống gì ấy, đó gọi là Thừa, giác đó để thành Đạo của Thánh nhân. Thừa đó để đến địa vức của Thánh nhân, các bậc Tiền Thánh Hậu Thánh ai chẳng như vậy ư? Xét sở giác của Thánh nhân vốn ở nơi thường giác của quần sanh vậy. Chúng sanh giác thường ngày mà chưa từng giác, giác như mộng, hiểu mà còn mê muội, cho nên Thánh nhân vạch bày mà chỉ cho đó. Muốn họ tìm cầu đó, dẫn dắt mà tiến đến đó, muốn họ đạt đến đó. Có người cho rằng, Phật sao từ mà loạn đó, làm nhà mà ném vất vật báu, giẫm đạp trên đường mà xả bỏ đất. Lầm hoặc cũng quá lắm vậy. Giác ấy là dùng nói ở gần thì dứt trần lao, lắng Thần minh, chánh gốc để tu ngọn, dùng nói ở xa thì rõ suốt sanh tử đại ngụy bên ngoài để đến vắng lặng mà thường tỏ sáng. Nhàn nhàn cùng Thánh nhân đồng đức, giác đó có công hiệu vậy. Như vậy, lớn thay? Đạt đến ư? Không thể dùng ngôn từ nói hết, không thể dùng trí để đắc. Thần mà minh, còn ở nơi người ấy!

Việc làm của Thánh nhân tôi, đang ở đời nhà Chu hưng thạnh, khí lành hiện ở đời Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước tây lịch thời tây chu) mà Chu thư chẳng biên chép, bởi lánh dị vậy. Hóa nhân từ Tây cực mà đến, tới thời Mục Vương (Cơ Mãn 976-921 trước tây lịch thời Tây chu) thời thần du (= Phật diệt độ). Điều ứng của Thánh nhân đến Các Hạ vậy. Mười tám vị Dị Tăng đến trong thời nhà Tần, mà Thủy Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước tây lịch) lấy làm quái lạ, khi ấy Phật pháp đã dần truyền bá ở phương Đông. Đến thuyết mộng Kim nhân ở thời Hậu Hán (= Minh Đế-Lưu Trang 58-76, mộng thấy người vàng), thanh giáo bèn phấn phát. Đó là minh số đang dấy khởi vậy. Ra từ kia mà chẳng ra ở đây, tại sao? Vì kia là một trung tâm lớn của một thiên hạ, để phô bày trung tâm lớn của tâm đó, quyền đó, Đạo đó vậy. Thánh nhân dùng Đạo làm, dùng quyền thích nghi do đó ra bày vết tích. Phàm Đạo

ấy là lý trung của Thánh nhân, quyền ấy là sự trung của Thánh nhân vậy, chỗ sanh ra là phô bày trung tâm của Thánh nhân vậy. Phô bày trung thì tâm của Thánh nhân có thể biết, lý trung thì Đạo của Thánh nhân đạt đến vậy, sự trung thì sự của Thánh nhân được vậy. Truyện nói kia là một thiên hạ, chỗ bao gồm ấy như ở Trung Quốc cho là thiên hạ ấy vậy gần như có trăm số, mà Trung Quốc cho là Thánh nhân tôi chẳng sanh ra từ Trung Quốc mà sanh ra từ giống Di. Há chỗ thấy đó chưa rộng lớn ư? Xuân Thu dùng Từ đánh cử bất nghĩa, mới di địch đó, dùng người địch cùng người Tề thề bắt giết được nghĩa, mới Trung Quốc đó. Xuân Thu hẳn là pháp của Thánh nhân Nho gia vậy, đâu hẳn lấy chỗ sanh ra mà bàn nghị người ấy ư? Nhưng loại chẳng đủ để hết người, vết tích chẳng đủ để hết Đạo. Vì loại mà mong cầu Thánh nhân cũng chẳng trói buộc ư? Vì vết tích mà bàn nghị Đạo của Thánh nhân cũng chẳng là hư vọng ư? Thánh nhân xuất hiện sau đời của Ngũ đế, Tam vương, mà chẳng xuất hiện trước đời Ngũ đế, Tam vương, tại sao vậy? Thánh nhân chẳng phải cẩu thả mà xuất hiện. Thánh nhân vì chỗ cảm của tâm người mà xuất hiện. Trước đời Ngũ đế, Tam vương, tâm quần sanh chẳng cảm, nên Thánh nhân chẳng lại. Sau đời Ngũ đế Tam vương, tâm quần sanh cảm, vết tích của Thánh nhân do đó mà đến. Đạo ở nơi chúng sanh, đó gọi là Nhân; Đạo ở nơi Thánh nhân, đó gọi là Duyên. Nhân duyên có chín mùi và chưa chín mùi. Nhân duyên chín mùi, tuy chúng sanh chẳng cầu mà Thánh nhân hẳn đến. Nhân duyên chưa chín mùi, tuy chúng sanh mong cầu đó, mà Thánh nhân chẳng ứng. Vậy biết, Thánh nhân cùng chúng sanh bởi vì đạo mà tự nhiên tương cảm. Chẳng như ở đời có chỗ làm vì tình mà thủ vì tình mà xả ấy vậy.

Thánh nhân biết xa đạt đến xa, Thánh nhân tiên giác đạt đến giác. Cho nên giáo đó suy buộc từ trước Thái cực, tức Đạo là mở đầu của trời đất vậy. Nên sách làm rộng làm nhiều làm chẳng ước lược. Mênh mông thay! Chẳng thể dùng một lần qua mong cầu, chẳng thể dùng một ngày mà hết. Trị sách ấy, đó gọi là học; Học giáo ấy, đó gọi là xét; xét đạo ấy, đó gọi là đạt đến. Thiên hạ chẳng phải đạt đến mà không gốc, chẳng phải giáo mà không tỏ sáng, chẳng phải sách mà không biết. Cho nên, nghiên cứu đạo của Thánh nhân là không thể bỏ giáo ấy. Tham tầm giáo của Thánh nhân là không thể vất sách ấy. Nay biện giải Đạo ấy mà cự giáo ấy, kiểm hiệu giáo ấy mà chẳng đoái hoài sách ấy, cũng chẳng hư vọng ư? Nho gia nói: "Tuy có thức ăn ngon mà chẳng ăn, không biết ý chỉ ấy vậy. Tuy có chỉ đạo mà chẳng học tức chẳng biết khéo ấy vậy". Chẳng ấy việc ư? Cho rằng Đạo đó không đủ pháp, suy

Đạo mình để biện giải đó; cho rằng sanh ấy chẳng đủ rõ, viện dẫn sách mình đi để so sánh đó. Phàm cùng người làng tố cáo mà dẫn người nhà làm chứng, xác đáng ư? Hẳn là chẳng xác đáng vậy? Đạo ấy là gốc của thiên hạ, sách là vết tích của thiên hạ; Sự ấy là dị của thiên hạ; Lý ấy là đồng của thiên hạ. Dùng lý mà chất ngại sự là công của thiên hạ, tìm vết tích để nghiệm gốc là thường của thiên hạ vậy. Phàm, vất sách mà biện giải Đạo, bỏ lý mà đoán sự, thiên hạ như vậy mà làm đó, ông thấy có nên chăng?

Thời xưa có cổ Thánh nhân là Phật, là Nho, là Bách gia. Tâm thì một mà vết tích đó thì khác. Một ấy là đều muốn mọi người làm thiện, khác ấy là phân gia mà mỗi mỗi làm nên giáo riêng của họ. Thánh nhân mỗi mỗi có làm giáo của họ nên phương pháp họ dạy người làm thiện có cạn có sâu, có gần có xa. Và đến cả dứt tuyệt ác mà người chẳng tổn hại nhau thì đức của họ đồng vậy. Ở sau thời Trung cổ, đời ấy rất bạc bẻo, Phật là giáo đó cùng mong mà ra đời, cùng giúp để mở rộng, làm thiện trong thiên hạ là ý trời đó ư? Hay làm của Thánh nhân đó ư? Chẳng lường biết vậy. So sánh trong thiên hạ không thể không có Nho gia, không có Bách gia, không thể không có Phật. Khuyết thiếu một giáo thì tổn mất một thiện đạo của thiên hạ. Tổn mất một thiện đạo thì ác rong thiên hạ tăng thêm nhiều vậy. Phàm, giáo ấy là vết tích của Thánh nhân; làm được đó, là tâm của Thánh nhân vậy. Thấy tâm đó thì thiên hạ không có chẳng phải, theo vết tích đó thì thiên hạ không có chẳng quấy. Cho nên, bậc Hiền là quý biết được tâm của Thánh nhân. Văn Trung Tử nói: “Quán sát Hoàng Cực nói thẳng bàn nghị, biết Phật giáo có thể dùng một vậy”. Vương thị gồm như thấy được tâm của Thánh nhân vậy.

■

ĐÀM TÂM VĂN TẬP

QUYỂN 3

SÁCH PHỤ GIÁO (PHẦN HẠ)

LUẬN VỀ HIẾU

Lời tựa dẫn: Phàm, đối với hiếu các giáo đều tôn trọng, mà Phật giáo lại rất tôn trọng việc đó. Tuy nhiên, ở đó nói chẳng rất rõ ràng so với thiên hạ, cũng bởi chúng ta không có khả năng phô bày đó, mà tôi thường bùi ngùi rất lấy làm hổ thẹn. Nhớ lại lúc mới bảy tuổi, tôi là con đầu mới mở tay chân, liền bảo cho xuất gia. Vừa hơi lớn, các người anh cho là trẻ con có thể dạy dẫn để đoạt chí ý đó, riêng mẹ tôi bảo: "Đó là lệnh của cha, không thể cải đổi". Đến lúc gấp áo, sắp muốn đi phỏng đạo bốn phương, thì người trong giòng tộc lại lưu giữ. Cũng là mẹ tôi bảo: "Người đã theo Phật, chuyên việc đạo đó thích nghi vậy, đâu có thể vì tình ái mà ngăn trệ người, con nên đi đi". Than ôi! Sanh ta là cha mẹ, nuôi nấng ta là cha mẹ. Me tôi lại dạy đạo để tác thành cho tôi. Lưới trời lồng lộng lấy gì để báo đáp đức lớn đó? Từ khi xa rời quê hương, trải suốt hai mươi bảy năm, tôi chưa từng chẳng muốn trở về lại phương Nam, đến nơi phần mộ để tu pháp làm minh tán cho cha mẹ, nhưng vẫn chưa toại nguyện ấy. Năm Tân mão (1051), tự vì hoằng pháp mắc phải nạn, mà qua năm sau (1052) tại quê hương cũng gặp trộm cướp lớn. Phần mộ của cha mẹ tôi được không bị hung bạo cướp bóc, trông ngóng đó tự nhiên rớm rơi nước mắt. Lại sang năm nữa (1053), gặp việc càng có chỗ cảm, tôi bèn trước thuật "Hiếu Luận" (= Luận bàn về Hiếu) gồm mười hai chương, nêu bày Tâm ấy vậy. Trong đó phát minh chỗ lý sâu ý kín trong Đại hiếu của Thánh nhân tôi, hợp cùng chỗ nói của Nho gia, gần như cũng hết vậy. Hàng hậu học của chúng tôi cũng có thể lấy xem đó vậy.

*****

CHƯƠNG 1: MINH HIẾU (Nói rõ về Hiếu)

Hai ba ông xuống tóc mới học nơi đạo tôi, nghe cha mẹ họ thường bảo, họ cho mình đã là Phật tử nên từ bỏ cha mẹ mà chẳng lui tới. Tôi từng bảo họ rằng: "Phật tử tình có thể chánh, mà đối với song thân không thể bỏ sót vậy". Ông cũng nghe từ trước, Thánh nhân tôi mới đầu khởi động làm Đại giới, liền nói: "Hiếu gọi là giới, bởi lấy Hiếu làm đầu mối của giới vậy". Ông dự vào giới mà muốn bất hiểu, đó chẳng phải giới vậy. Phàm, hiếu ấy là chỗ trước tiên của Đại giới. Giới ấy là nguyên do sanh của các thiện, làm thiện nhỏ, giới thiền làm sao sanh ư? Làm giới nhỏ, hiếu giới sao tự có ư? Nên trong kinh nói: "Khiến ta chứng thành Đạo Vô thượng Chánh chân, là do hiếu đức vậy".

CHƯƠNG 2: HIẾU BẢN (gốc Hiếu)

Hữu vi trong thiên hạ không gì lớn hơn so với sanh. Ta vốn nhờ cha mẹ sanh, nên trước ở nơi cha mẹ vậy. Minh đức trong thiên hạ không gì thiện so với giáo. Ta nhờ thầy chỉ giáo, nên trước ở nơi thầy vậy. Việc diệu trong thiên hạ không gì diệu hơn so với Đạo. Tôi nhờ Đạo lấy dùng, nên trước ở nơi Đạo vậy. Phàm, Đạo là gốc của thần dụng, thầy là gốc của dạy bảo, cha mẹ là gốc của sanh thân hình. Ba gốc ấy là ba gốc lớn của thiên hạ. Mũi nhọn có thể xâm phạm vào, ăn uống có thể không, nhưng ba gốc đó chẳng thể quên vậy. Tiền Thánh và Hậu Thánh của tôi, họ thành đạo thiết lập giáo, chưa từng chẳng trước ba gốc ấy vậy. Trong Đại giới nói: "Hiếu thuận cha mẹ sư tăng, hiếu là pháp chí đạo". Chẳng đó vậy ư? Chẳng đó vậy ư?

CHƯƠNG 3: NGUYÊN HIẾU.

Hiếu, có thể thấy, và có thể không thấy. Không thể thấy là Lý của hiếu, có thể thấy là Hạnh của hiếu. Lý ấy là chỗ nguyên do sanh ra của hiếu. Hạnh ấy là nguyên do hình dung của hiếu vậy. Tu hình dung đó mà trong đó chẳng tu thì phụng sự cha mẹ chẳng dốc lòng, ban ân cho mọi người chẳng thành thật. Tu bên trong đó mà hình dung cũng tu, đâu chỉ phụng sự cha mẹ mà ban ân cho mọi người, đó cũng là chấn động đất trời cảm cả Quỷ thần vậy. Đất trời cùng với hiếu đồng linh, nên thần của đất trời không thể dùng bất hiếu mà cầu, không thể dùng dối hiếu mà khinh. Phật dạy: "Hiếu thuận là Pháp chí đạo". Nho giáo nói: "Phàm, hiếu an đặt đó mà lấp bít cả trời đất, mù mịt đó mà giăng cả bốn biển, ban thí đó đến đời sau không sớm tối". Nên nói, hiếu là kinh của trời, là nghĩa của đất, là hạnh của dân. Đạt đến thay! Thật lớn

làm Đạo của hiếu! Cho nên, Thánh nhân tôi muốn người làm thiện, hẳn trước thành thật tánh đó, sau mới phát các hạnh đó vậy. Hiếu hạnh nghĩa là dưỡng thân. Hành mà không thành thật thì dưỡng đó có lúc mà thiếu thốn vậy. Phàm lấy thành thật mà hiếu đó, thì đó là phụng sự thân trọn vẹn vậy, giúp đỡ người vật quân bằng vậy. Hiếu ấy là công hiệu, thành thật ấy là thành. Thành là thành Đạo đó, công hiệu là công hiệu hiếu đó. Làm hiếu mà không công việc là chẳng phải hiếu vậy. Làm thành thật mà không thành là chẳng phải thành thật vậy. Cho nên, hiếu của Thánh nhân lấy thành thật làm quý. Nho gia cũng chẳng nói đó ư? Quân tử lấy thành thật đó làm quý" vậy.

CHƯƠNG 4: BÌNH HIẾU.

Thánh nhân dùng tinh thần cưỡi biến hóa mà giao tiếp làm người nuôi dưỡng, thay vì xưa nay hỗn độn mịt mờ mà thế tục chưa từng tự giác. Nên họ thấy trâu dê hiện nay đó là tinh thần cha mẹ xưa trước đến vậy, nên ở giới giết hại, chẳng khiến hung bạo đối với một vật nhỏ, thuần chỉ nghĩ nhớ người thân. Thí dụ cha mẹ hiện nay thì hẳn ở đạo ấy, chỉ sợ họ thay đổi kiếp sống mà vùi lấp tinh thần đến loài khác vậy. Nên họ truy tìm cha mẹ đã quá vãng thì kịp đến bảy đời, làm cha mẹ lo toan họ chưa vậy thì kịp đến sanh lại, tuy quỷ quyệt nhưng hình hài ở đời mà tại đạo ấy vậy. Thiên hạ tạm dùng không giết hại đó để khuyên, thì dạy răn của thích sống ghét chết còn có thể dời phong đổi tục vậy. Thiên hạ tạm lấy vùi lấp tinh thần đó làm cha mẹ lo toan, còn có thể mở rộng ư? Làm con hiếu, tâm phải cẩn trọng việc tang lễ nghĩ nhớ tổ tiên xa xưa vậy, huống gì đó đối với biến hóa mà được thật đó vậy. Kiểm xét, phàm ở đời gọi là hiếu chỉ hạn cục trong một đời mà tối tăm huyền lãm. Tìm cầu nơi người mà chẳng tìm cầu nơi Thần. Nói là chẳng làm xa mà ai làm xa ư? Là chẳng làm lớn mà ai làm lớn ư? Kinh nói: "Nên sanh tâm hiếu thuận, tâm mến thương gìn giữ hết thảy chúng sanh" là nghĩa ấy vậy.

CHƯƠNG 5: TẤT HIẾU.

Đạo của Thánh nhân lấy thiện làm dụng. Thiện của Thánh nhân lấy hiếu làm đầu mối. Làm thiện mà chẳng trước ở đầu mối ấy tức chẳng phải thiện vậy. Làm Đạo mà chẳng ở dụng ấy tức không phải Đạo vậy. Dụng do đó nghiệm Đạo, đầu mối do đó hành thiện. Hành thiện mà thiện ấy chưa hành đối với mẹ cha, thì có thể tỏ thiện ư? Nghiệm Đạo mà chẳng thấy ở tỏ thiện của Đạo thì có thể làm Đạo ư?

Cho nên, làm Đạo của Thánh nhân không đâu là chẳng thiện. Làm thiện của Thánh nhân chưa từng bỏ sót mẹ cha. Mẹ cha là gốc lớn sanh ra thân hình, là ân lớn của nhân đạo vậy. Chỉ có Thánh nhân làm hay trọng gốc lớn ấy, báo đáp ân lớn ấy. Nay, làm Đạo trong thiên hạ ai có thể so cùng với Thánh nhân? Phàm, Đạo của Thánh nhân rất thấu đáo, cao vời riêng tôn quý trời người, chẳng thể được mà sanh đó, không thể được mà tử đó. Và đó ứng vậy thì đồng với trời người, còn hẳn thuận với nhân đạo, mà chẳng dám quên thân mẫu đã qua đời, chẳng dám chống lệnh mời của thân phụ. Nên lúc mới thành Đạo mà trước tiên Đức Phật lên trời dùng Đạo ấy dẫn dụ mẫu thân Phật, ba tháng sau mới trở lại nơi đời, ứng mạng lệnh trở về lại quê cũ, chỉ bày cho thân phụ vào Đạo mà cả nước nhà đều chuyển hóa. Đến lúc đám tang thân phụ, Thánh nhân tự thân lại cùng mọi người giòng họ Thích gánh khiêng quan tài đến nơi hỏa táng. Thánh nhân có thể gọi là cùng với nhân đạo mà rất thuận vậy. Người đời nay vừa mới làm học trò đó, đối với Thánh nhân chỉ là kẻ học sau đi cuối đường, mà muốn chẳng dự làm hiếu, cho rằng ta xuất gia chuyên việc Đạo, thì tôi đâu dám vậy. Đó đâu thấy tâm của người xuất gia ư? Phàm người xuất gia sắp dùng Đạo mà tỏa thiện, tỏa thiện mà chẳng thiện đối với cha mẹ họ, há nói là Đạo ư? Chẳng chỉ không thấy tâm họ, ước cũng cô phụ đối với pháp của Thánh nhân. Trong Kinh nói: "Cha mẹ cùng với Bồ-tát một đời sẽ bổ xứ làm Phật đồng đẳng, nên phải thừa sự cúng dường". Cho nên trong luật dạy, người đệ tử Phật được giảm bớt phần ăn mặc mà phụng dưỡng mẹ cha họ. Nếu mẹ cha có chánh tín thì có thể mặc tình cung cấp đó. Còn như mẹ cha không chánh tín thì nên cung cấp phần nào đó, mà có điều dẫn dắt ấy vậy.

CHƯƠNG 6: QUẢNG HIẾU.

Thiên hạ lấy Nho làm hiếu mà chẳng lấy Phật làm hiếu, lại nói: "Đã là hiếu, còn gì phải thêm vậy?" Ôi! Đó là thấy Nho mà không thấy Phật. Phật là cùng cực vậy. Vì Nho chỉ giữ đó, còn Phật mở rộng đó. Vì Nho chỉ là người, còn Phật ở cả Thần. Hiếu ấy thấu đạt lại lớn vậy. Nước hẳn đổ xuống khơi tháo mà lan tràn, chỗ nói đến cũng chẳng nhanh ư? Lửa hẳn bốc lên, thổi mà tỏa đó, nơi nó khắp cũng chẳng xa ư? Nguyên Đức Tú là người Hiền ở thời Tiền Đường, chịu tang thân mẫu, buồn cảm rất lắm, chẳng thể tự bắt chước, chích thịt ra máu họa vẽ tượng Phật, viết kinh Phật mà các nhà làm sử ngợi khen đó. Lý Quán là người có tiếng tăm ở thời Tiền Đường, chịu tang cha mà chích máu biên tả Kinh Kim Cang Bát-nhã, ban trải đến người ấy để ngầm giúp cha,

bèn có mùi hương khác lạ tỏa phát nơi phòng nhà, tỏa ngát mấy ngày liền cùng khắp chung quanh gần đó. Phàm, thiện hẳn có lớn như vậy và có nhỏ như vậy. Phàm, Đạo hẳn có cạn như vậy và có sâu như vậy. Đạo sâu là diệu ở chất sống biến hóa vậy. Thiện lớn là suốt cả trời đất thần minh vậy. Thiện của Phật là thiện lớn ấy vậy, Đạo của Phật là Đạo sâu ấy vậy. Quân tử hẳn chí họ lớn âu cũng từ đó vậy, Luận Ngữ chẳng nói đó ư? Nghe nhiều nên chọn người thiện ấy mà theo vậy".

CHƯƠNG 7: GIỚI HIẾU.

Với Ngũ giới: Một là không giết hại, - hai là không trộm cướp, - ba là không tà dâm, - bốn là không nói hư dối, - năm là không uống rượu. Phàm, không giết hại là Nhân vậy, không trộm cướp là Nghĩa vậy, không tà dâm là Lễ vậy, không uống rượu là Trí vậy, không nói hư dối là Tín vậy. Với năm điều đó, tu hành thì thành người cho bản thân và hiển bày vinh hạnh mẹ cha, cũng chẳng là hiếu ư? Với năm điều đó, nếu có một không tu thì vất bỏ tự bản thân lại làm nhục cả mẹ cha, cũng chẳng là bất hiếu ư? Phàm, Ngũ giới có chứa nhóm của hiếu, mà người đời chẳng thấy, chợt nhiên mà chưa từng tin vậy, nên trong thiên hạ phước không đến mà hiếu chẳng khuyên vậy. Đại giới nói: "Hiếu gọi là giới". Bởi còn ở đó vậy. Nay thiên hạ muốn có phước thì không gì bằng thuần hiếu. Thuần hiếu thì chẳng bằng tu giới. Giới ấy là pháp chánh thắng của Thánh nhân, dùng ý thanh tịnh mà giữ đó. Phước ấy như lấy đến chung quanh vậy. Trong Lễ của Nho gia, há chẳng nói: "Ta đánh thì khắc, cúng tế thì thọ phước". Bởi được Đạo ấy vậy. Và trong Thi đó há chẳng nói: "Vui kính Quân tử, cầu phước chẳng thôi". Tức là đều nói lấy chánh ấy vậy. Phàm, chánh của thế gian còn như vậy, huống gì chánh của xuất thế ấy ư?

CHƯƠNG 8: HIẾU XUẤT.

Hiếu sanh ra từ thiện, mà mọi người đều có thiện tâm, chẳng dùng Phật đạo mở rộng đó thì làm thiện chẳng lớn, mà làm hiếu nhỏ vậy. Làm Đạo của Phật, xem cha mẹ của người như cha mẹ của mình, giữ gìn sự sống của vật như sự sống của mình. Nên họ làm thiện thì đối với côn trùng thảy đều nghĩ nhớ; làm hiếu thì Quỷ Thần đều khuyên. Nhờ hiếu đó mà ở nơi đời thì cùng đời hòa bình mà mất phẩn hận đấu tranh. Nhờ thiện đó mà ra nơi đời thì cùng đời đại từ mà khuyên đời ấy vậy. Cho nên chuyên việc Đạo của Quân tử không thể không giải bày, chuyên việc thiện của Quân tử không thể không cân lường. Trong

Trung Dung nói: "Giả sử chẳng đạt đến đức, đạt đến Đạo thì chẳng ngưng dừng". Nghĩa là như thế đó.

CHƯƠNG 9: ĐỨC BÁO.

Nuôi dưỡng chưa đủ để báo ân cha mẹ, mà Thánh nhân dùng đức để báo ân đó. Đức chẳng đủ để báo ân cha mẹ, mà Thánh nhân dùng đạo để đạt đó. Đạo ấy chẳng phải là Đạo của Thế gian thường gọi, mà là Diệu thần minh ra khỏi sanh tử, là chí đạo của Thánh nhân ấy vậy. Đức ấy chẳng phải là Đức của Thế gian thường gọi, mà đủ muôn thiện, khắp u khắp minh, là chí đức của Thánh nhân vậy. Nho gia há chẳng nói ư? Điều quân tử gọi là hiếu là ý trước giữ chí dẫn dụ cha mẹ đến với Đạo. Tham dự ngay nuôi dưỡng ấy, sao có thể làm hiếu ư? Hoặc nói: "Điều Quân tử gọi là hiếu, mọi người cả nước đều xứng nguyện vậy". Xin nói: "May thay! Có ông như vậy". Điều gọi là hiếu, tuy nhiên đã vậy, bởi ý đồng mà nghĩa khác vậy. Phàm, báo ân trong thiên hạ, chỉ Thánh nhân tôi có thể gọi là rất mực báo ân ấy vậy. Làm hiếu trong thiên hạ chỉ Thánh nhân tôi mới có thể gọi là thuần hiếu ấy vậy. Trong Kinh nói: "Chẳng như dùng giáo của Tam Tôn độ cha mẹ trong một đời đó". Thư nói: "Thóc lúa chẳng tỏa mùi thơm, chỉ có Minh đức tỏa mùi thơm". Chẳng đó vậy ư? Chúng tôi mắc nợ cô phụ mẹ cha mà còn thẹn đối với Thánh nhân ấy vậy.

CHƯƠNG 10: HIẾU LƯỢC

Thiện ở thiên hạ thì Đạo là lớn; hiển vinh cho cha mẹ, thì đức làm ưu. Cáo thì chẳng được đạo đức ấy. Không cáo thì được Đạo mà thành Đức. Cho nên, Thánh nhân liền trốn đến ở núi rừng, kịp đến lúc đem Đạo mà trở về, đức tỏa khắp trên dưới, mà thiên hạ ngợi ca đó là có con như vậy. Tôn quý mẹ cha đó mà nói là cha mẹ của Đại Thánh nhân vậy. Thánh nhân có thể lược bỏ đầu mà mưu tính cuối, khéo thực hành quyền biến vậy. Quân tử xưa trước đã từng có người làm vậy, như Ngô Thái Bá là hạng người đó, hẳn là chí lớn có thể dùng để phô bày đại nghĩa, hẳn là trong sạch lớn có thể gìn giữ đại chánh. Thánh nhân suy thắng đức ở nơi người trời, hiển bày chí chánh nơi chín hưởng, nên pháp của Thánh nhân chẳng đoái hoài nối dõi ở đời. Quân tử xưa trước hẳn có làm vậy, như Bá Di, Thúc Tề là hạng người ấy vậy. Đạo hẳn tôn quý ở nơi người, nên Đạo tuy ở con mà cha mẹ có thể dùng kính bái đó, Quan nghĩa gần đó vậy. Lễ nói: "Đã làm Quan mà tự đó, Đạo của Thánh nhân vậy, thấy ở mẹ, mẹ kính bái đó". Thế tục hẳn gốc ở chân,

chân ấy đã tu, thì tuy Tăng mà có thể chống kháng lễ đối với Vương hầu vậy, mà võ sự gần đó vậy. Lễ nói: "Giới là chẳng kính bái". Vì đó kính bái mà phải bái vậy, chẳng bái là trọng tiết, mẹ bái là trọng lễ vậy. Lễ tiết mà Tiên vương còn trọng đó, Đại Đạo sao có thể chẳng trọng ư? Thế tục nói: "Thánh nhân không cha". Hẳn là ưa thích phá hủy của hạng tiểu nhân ấy vậy. Kia mù mờ mà đâu thấy Thánh nhân làm hiếu sâu xa vậy thay!

CHƯƠNG 11: HIẾU HẠNH.

Đạo Kỷ phụng sự người mẹ, lúc mẹ đi đầu thì dùng thân mình khiêng cõng, hoặc cùng hỗ trợ đó, mà Đạo Kỷ hẳn nói: "Mẹ tôi chẳng phải là mẹ ông vậy. Hình hài mẹ lụy, tôi mới phụng sự, đâu có gì nhọc đến ông ư?" Đó có thể gọi là thuần hiếu đối với mẹ vậy. Huệ Năng khéo lo liệu cháo củi để nuôi dưỡng mẹ già. Lúc sắp muốn theo thầy, còn lo nạn không biết lấy gì tích trữ cho mẹ, gần như muốn làm mướn đợ để lấy giúp. Đến lúc trở về thì người mẹ đã qua đời, bùi ngùi không được đem Đạo để mẹ thấy đó, bèn dựng lập chùa tại nhà ở để làm thiện đó. Cuối cùng chết cũng về chết ở đó, nên nói là rụng về cội vậy. Huệ Năng là bậc chí nhân, đâu lường khác đức đó, còn chỉ bày cho người mà chẳng quên gốc ấy vậy! Đạo Phi gặp đời loạn lạc, mới cõng cha đến trốn trong núi Hoa Âm, đi xin ăn để về nuôi dưỡng. Người cha chết, Đạo Phi đến tìm kiếm hài cốt đó, đến nơi thì đã lộn lạo cốt chẳng thể phân biệt. Đạo Phi bèn khẩn cầu, vụt nhiên liền có hài cốt nhảy vọt đến trước mặt, đó là hài cốt của người cha vậy. Đạo Phi có thể gọi là người toàn hiếu. Trí Tạng là vị Tăng cứng rắn thẳng thắn ở thời trước, tôn thờ thầy tôn kính như phụng sự cha. Thầy tịch thì giữ tâm trung ba năm vậy. Thường Siêu tôn thờ Thầy trúng lễ, đến lúc Thầy tịch cũng phụng thờ như lúc hiện còn, nên người Yên ngợi ca đó là Hiếu để vậy. Nên trong luật chế, Phật tử hẳn giảm bớt phần ăn mặc để phụng dưỡng mẹ cha vậy. Như những vị trên chẳng bỏ sót mẹ cha, đối với ý của Thánh nhân là được đó vậy. Trí Tạng, Thường Siêu kính cẩn tôn thờ Thầy, bởi cùng hợp đối với Đại giới của Phật mới đầu hoằng giáo, có thể pháp ấy vậy.

CHƯƠNG 12: CHUNG HIẾU.

Tang của cha mẹ cũng đâu buồn, nhưng mang mặc tang chế thì chẳng phải chỗ thích nghi, dùng Tăng phục vải thô có thể được vậy. Phàm ứng xử hẳn đồng như người con ở thế tục nhưng địa vị thì khác. Quá liệm thì theo thời đến nhà đó, đưa tang thì hoặc phù trợ hoặc chỉ

dẫn. Ba năm hẳn giữ tâm tang, sống tĩnh lặng tu ngã pháp, tán minh của cha mẹ. Qua kỳ hạn chịu tang, chỉ ngày kỵ cha mẹ, thì ngày Rằm tháng bảy, hoặc thiết lập trai hội giảng tụng kinh giáo như Pháp Vu lan Bồn. Đó có thể gọi là hiếu đến chung cùng vậy. Xưa kia có tiên sinh Cổ Hoàng người xứ Thiên Trúc, chịu tang cha thì đứng nghiêm trang trước linh sàng ấy, như dùng tâm tang mà lược bỏ khóc than quần quại vậy. Còn Đại Thánh nhân đến lúc đưa tang Phụ Vương thì hoặc khiêng gánh quan tài, hoặc chỉ dẫn. Đại thánh nhân như Mục-kiền-liên chịu tang mẹ khóc mà thương cảm, thiết trai ban thí quỷ thần. Mục-kiền-liên cũng là Thánh nhân vậy, còn chưa thể hết sạch tình, chúng ta muốn vô tình đó ư? Nên Phật tử đang lúc chịu tang cha mẹ buồn thương nghĩ tưởng có thể như Mục-kiền-liên vậy. Tâm tang có thể trước như Đại Thánh nhân vậy. Chịu tang thầy hẳn như tang của cha mẹ, mà kỳ hạn chịu tang Thập sư thì có thể rút bớt. Chỉ có đối với thầy bẩm pháp đắc giới thì giữ tâm tang ba năm có thể vậy. Pháp Vân đang lúc chịu tang của cha mẹ, buồn cảm rất lắm, uống ăn chẳng màng qua nhiều ngày. Pháp Vân là vị Cao Tăng thời xưa trước vậy. Tuệ Ước gần như là bậc chí nhân, lúc cha mẹ qua đời cùng chia tay quyết biệt mà đều gào khóc, như chẳng thể tự còn sống nỗi. Nhưng tang chế khóc than tuy trong giáo ta lược đó, bởi muốn họ hết ghét thương để đến cảnh Thanh tịnh. Nếu như thương ghét chưa quên thì tâm thức đến nơi các vật. Đến lúc có tang mà chẳng khóc cũng là sự an nhẫn của người vậy. Nên lúc Đức Phật nhập Niết-bàn, đại chúng đấm ngực kêu gào, mà máu huyết hiện nơi Hoa Ba-la-xa, bởi họ chẳng nhẫn vậy. Luật Tông nói: "Chẳng bày buồn khổ cũng là đồng xấu hổ của hàng Đại tục vậy". Chúng ta lúc gặp tang có thể chẳng buồn đau ư?

ĐÀN KINH TÁN

(Xưng gọi là Kinh, tức tự người sau tôn trọng pháp đó, chứ chẳng phải ý của Lục Tổ vậy. Nay theo xưa cũ đó không dám cải đổi. Cũng có thể gọi là Kinh, tức là gọi theo ở cuối quyển Hạ bản Kinh ấy vậy).

Tán nghĩa là cáo, mở kinh mà tỏa cáo vậy. Đàn Kinh là nêu bày tâm ấy của bậc chí nhân. Tâm nào ư? Chính là Diệu tâm do Phật truyền vậy. Lớn thay! Tâm ấy vốn mới đầu biến hóa mà thanh tịnh thường như. Phàm vậy, Thánh vậy, u vậy, hiển vậy, không nơi nào mà chẳng tự được có. Thánh ngôn thì sáng tỏ, phàm ngôn thì mờ tối. Mờ tối ấy là biến, sáng tỏ ấy là trở lại. Biến và trở lại tuy khác nhau mà Diệu tâm chỉ một. Mới đầu, Đức Phật Thích-ca lấy đó mà truyền cho Đại Quy

Thị, Đại Quy Thị lần lượt tương truyền cho đến đời thứ ba mươi ba là truyền đến Đại Giám (Lục tổ Huệ Năng thụy hiệu là Đại Giám Thiền sư). Đại Giám tiếp tục lưu truyền ngày càng rộng vậy. Thuyết đó ước cũng hẳn nhiều mối, hẳn có sanh đồng mà thật khác ấy vậy. Hẳn có nghĩa nhiều mà tâm chỉ một ấy vậy. Nói là tâm máu thịt (= con tim), tâm Duyên lự, tâm Tập khởi, tâm Kiên thật, như Tâm và Tâm sở lại càng nhiều vậy. Đó gọi là danh đồng mà thật khác ấy vậy. Nói là tâm chân như, tâm sanh diệt, tâm phiền não, tâm Bồ-đề. Trong Tu-đa-la nói các loại như vậy hầu như không thể tính kể. Đó gọi là nghĩa nhiều mà Tâm chỉ một ấy vậy. Nghĩa có nghĩa giác, có nghĩa bất giác, Tâm có chân tâm, có vọng tâm, đều vì riêng của Chánh Tâm ấy vậy. So với trong đầu kinh chỗ gọi là Tâm cũng nghĩa giác của nghĩa, thật tâm của tâm vậy.

Xưa kia, Thánh nhân sắp ẩn, mới bảo Đại Quy Thị cốt yếu của truyền pháp ngoài giáo. Ý sợ mọi người mắc kẹt nơi dấu tích mà quên trở về, nên muốn người đời sau ngay gốc mà chánh ngọn, nên trong Kinh Niết-bàn nói: “Ta có chánh pháp Vô thượng, đều đã phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp vậy”. Đạo của trời còn ở dị, đạo của đất còn ở giản, đạo của Thánh nhân lấy cốt yếu làm then chốt của pháp giới môn, làm chỗ nhóm hội của vô lượng nghĩa, làm trục xoay của Đại thừa. Kinh Pháp Hoa há chẳng nói: “Diệu pháp đó là bí yếu của chư Phật”. Kinh Hoa Nghiêm há chẳng nói: “Dùng phương ít bèn nhanh thành Bồ-đề”. Cốt yếu ở nơi đạo của Thánh nhân là lợi mà lớn vậy thay! Nên tông chỉ của Đàn Kinh là tôn quý tâm yếu vậy. Tâm ấy hoặc là sáng, là tối, là không, là linh, là tịch, là tĩnh, có vật, không vật. Nghĩa là một vật ấy hẳn tràn khắp nơi muôn vật, nghĩa là muôn vật bao gồm nói một vật; một vật như muôn vật, muôn vật như một vật. Đó nghĩa là có thể nghĩ bàn vậy, và đến cả chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn vậy. Thiên hạ gọi đó la Huyền giải, gọi đó là Thần hội, gọi đó là tuyệt đối đãi, gọi đó là mặc thể, gọi đó là minh thông. Một đều lìa đó, xua đuổi đó, xua đuổi đó lại xua đuổi, cũng sao có thể đến đó. Nhỏ nhiệm đó quả nhiên riêng được cùng tương tợ của bậc chí nhân vậy. Ai có thể tin ư? Suy mà nói rộng ra đó thì không trải qua chẳng thể được vậy. Tham tầm mà xét lựa đó thì không chỗ chẳng đáng. Buông đến chứng tánh thì chỗ ấy thấy rất gần, buông đến tu tâm thì chỗ đến chí chánh, buông đó đến sùng đức biện hoặc thì chân vọng dễ hiển bày, buông đó ở xuất thế thì Phật Đạo chóng thành, buông đó ở cứu đời thì trần lao dễ hết. Đó là Tông chỉ của Đàn Kinh, do vì đi bên cạnh thiên hạ mà chẳng nhàm chán. Kia cho rằng tức Tâm tức Phật là cạn cợt, sao đó chẳng biết lượng vậy? Dùng dùi gãy để

thăm dò đất mà cho là đất cạn; dùng lỗ nhà thủng để nhìn trời mà cho là trời nhỏ. Đâu phải trời đất như vậy ư? Nhưng Bách gia tuy tạm thắng đó mà chẳng như vậy, mà bậc chí nhân thông lại suốt đó, hợp với các kinh, đoán có thể thấy vậy. Bậc chí nhân biến mà thông đó, chẳng can dự danh tự, chẳng thể lường vậy. Nên với Hiển thuyết đó thì có luân có nghĩa, với mật thuyết đó thì không đầu không đuôi. Người thiện có nhạy bén thì được sâu đó, kẻ thiện có chậm lụt thì được cạn đó, có thể phỏng định, có thể bàn nghị ư? Chẳng đặng đừng huống gì đó là Viên Đốn giáo vậy, là Tối thượng thừa vậy, là Thanh tịnh thiền của Như Lai vậy, là Chánh tông của Bồ-tát tạng vậy. Người bàn luận cho đó là Huyền học, cũng chẳng rõ ràng ư? Thiên hạ gọi đó là Tông môn, cũng chẳng thích nghi ư?

Đàn Kinh nói Định Tuệ làm gốc là mở đầu đến với Đạo vậy. Định ấy là Tĩnh, Tuệ ấy là minh. Minh và quán đó tĩnh để an đó. An tâm đó có thể thấu rõ tâm vậy. Quán đạo đó có thể để nói đạo vậy. Nhất hạnh Tam-muội nghĩa là Pháp giới nhất tướng vậy. Nghĩa là muôn thiện tuy khác đều chánh ở một hạnh ấy vậy. Vô tướng làm thể là tôn quý Đại Giới vậy. Vô niệm làm tông là tôn quý Đại Định vậy. Vô trú làm gốc là tôn quý Đại Tuệ vậy. Phàm, Giới Định Tuệ là đạt đạo của Tam thừa. Phàm, Diệu tâm là vốn lớn của Giới Định Tuệ vậy. Dùng một Diệu tâm mà bao gồm cả ba pháp, nên nói là Đại vậy. Vô tướng giới là giới ấy hẳn là Chánh giác vậy. Tứ Hoằng Nguyện là nguyện độ độ Khổ, nguyện đoạn đoạn Tập, nguyện học học Đạo, nguyện thành Tịch diệt. Diệt không chỗ diệt, nên không chỗ chẳng đoạn vậy. Đạo không chỗ Đạo, nên không chỗ chẳng độ vậy. Vô tướng sám là sám không chỗ sám. Tam quy giới kết quy một ấy. Một ấy là nguyên do sanh ra của Tam Bảo. Thuyết Ma-ha Bát-nhã nghĩa là đạt đến trong của Tâm ấy. Bát-nhã ấy là phương tiện của Thánh nhân, là Đại trí của Thánh nhân, hẳn hay Tịch đó, tỏ sáng đó, quyền đó, thật đó. Thiên hạ cho là Tịch ấy có thể hết sạch các ác. Thiên hạ cho là tỏ sáng đó có thể nhóm tập các thiện. Thiên hạ cho là quyền đó có thể làm Hữu vi lớn. Thiên hạ cho là thật đó có thể làm Vô vi lớn. Đạt đến thay Bát nhã ấy vậy! Đạo của Thánh nhân nếu chẳng Phải Bát-nhã, chẳng tỏ sáng vậy, chẳng thành vậy. Việc chuyên của thiên hạ chẳng phải Bát-nhã, chẳng thích nghi vậy, chẳng đáng vậy. Làm của Bậc Chí nhân, dùng Bát-nhã chấn động, cũng chẳng xa ư? Ngã pháp vì hạng người thượng căn mà nói là thích nghi đó vậy. Khinh vật trọng dụng là chẳng thắng, phương lớn trao nhỏ thì là quá vậy. Từ trước trở lại im lặng truyền phân giao, nghĩa là mật

thuyết vậy. Mật ấy là chẳng phải không nói mà mờ tối chứng vậy. Chân mà mật đó vậy. Chẳng hiểu pháp ấy mà liền hủy báng, nghĩa là trăm kiếp ngàn đời đoạn mất chủng tánh Phật, phòng ngại thiên hạ, mất tâm ấy vậy. Lớn thay làm của Đàn Kinh! Gốc ấy chánh, vết tích ấy công hiệu, nhân ấy chân, quả ấy chẳng sai bậy. Tiền Thánh và Hậu Thánh khởi đó như vậy, chỉ bày đó như vậy, trở lại đó như vậy, mênh mông lan tràn như sông lớn trút đổ, như thông suốt của hư không, tợ tỏ sáng của Nhật Nguyệt, như không ngăn ngại của hình ảnh, như có thứ lớp của Hồng tiệm vậy. Diệu mà đắc đó, đó gọi là gốc. Suy mà dùng đó, đó gọi là vết tích. Lấy chẳng phải mới đầu đó là mới đầu đó, đó gọi là nhân; lấy chẳng phải thành đó mà thành đó, đó gọi là quả. Quả chẳng khác Nhân, đó gọi là Chánh quả; Nhân chẳng khác Quả, đó gọi là Chánh nhân. Vết tích hẳn đoái hoài đến gốc, gọi đó là Đại dụng, gốc hẳn đoái hoài đến vết tích, đó gọi là Đại thừa. Thừa ấy là dụ đạo của Thánh nhân. Dụng ấy là khởi giác của Thánh nhân. Phàm, Đạo của Thánh nhân chớ đạt đến ở Tâm, giáo của Thánh nhân chớ đạt đến ở Tu, Điều thần nhập đạo chớ đạt đến ở Nhất tướng chỉ quán. Khuôn phép thiện thành đức chớ đạt đến ở Nhất hạnh Tam-muội. Vốn tất cả giới chớ đạt đến ở Vô tướng. Chánh hết thảy định chớ đạt đến ở Vô niệm. Thông hết thảy trí chớ đạt đến ở Vô trú. Sanh thiện diệt ác chớ đạt đến ở Vô tướng giới. Thuần Đạo suy Đức chớ đạt đến ở Tứ hoằng nguyện. Khéo quán lỗi quá chớ đạt đến ở Vô tướng sám. Chánh chỗ hướng tới chớ đạt đến ở Tam quy giới. Chánh Đại thể lựa chọn Đại Dụng chớ đạt đến ở Đại Bát-nhã. Phát Đại tín chuyên Đại đạo, chớ đạt đến ở chí lớn. Cùng lý tận tánh của thiên hạ chớ đạt đến ở mặc truyền. Muốn tâm không lỗi quá chớ khéo ở chẳng hủy báng. Định tuệ làm nền tảng của đạo đầu tiên, Nhất hạnh Tam-muội là đầu mối của đức. Tông của Vô niệm nghĩa là giải thoát, gốc của Vô trú nghĩa là Bát-nhã. Thể của Vô tướng nghĩa là Pháp thân. Vô tướng giới là ưu tối của giới, Tứ hoằng nguyện là cùng cực của nguyện. Vô tướng sám là thấu đạt của Sám. Tam quy giới là chỗ quay về chân thật vậy. Đại trí tuệ là khuôn phép lớn của Thánh phàm, làm người thượng căn thuyết là nói thẳng vậy. Mặc truyền là thấu đạt của truyền, giới răn phỉ báng là xác đáng của giới. Phàm, Diệu tâm chẳng phải chỗ thành do tu, và chẳng phải chỗ tỏ sáng của chứng vậy, mà vốn tự thành vậy, vốn tỏ sáng vậy. Vì người mê làm tỏ sáng trở lại tỏ sáng do đó mà chứng. Vì người trái với thành trở lại với thành do đó tu vậy. Vì chẳng phải tu mà tu đó, nên gọi là chánh tu vậy. Vì chẳng phải tỏ sáng mà tỏ sáng đó, nên gọi là chánh chứng vậy. Bậc Chí nhân

mờ tối vậy, chẳng thấy oai nghi đó, mà thành đức làm hạnh hòa nhã như vậy, Bậc Chí nhân như không nghiêm trì gì mà đạo hiển bày nơi thiên hạ vậy, bởi vì chánh tu mà tu đó vậy, vì chánh chứng mà chứng đó vậy. Khi ấy, nói là không tu, không chứng, không nhân, không quả, xuyên tạc tủn mủn tranh làm thuyết ấy xiềng xích của Bậc Chí Nhân vậy.

Ôi! Buông phóng giới định tuệ mà hẳn rảo đến trống không của hỗn mang thì tôi chưa như đó. Sao vậy? Quá lắm thay! Hàm thức chìm đắm tâm mà nỗi thức, thức cùng với nghiệp chuyên chở nhau các hưởng mà chưa từng ngừng dứt vậy. Tượng đó, hình đó, người cùng vật đều sanh rối ren giữa khoảng đất trời, có thể thắng số ư? Được hình đó ở nơi loài người hẳn là một trong muôn vàn vậy, người mà hay rõ biết, hầu như hiếm ít vậy. Thánh nhân nghĩ nhớ đó, tuy dùng nhiều nghĩa phát mở đó, mà thiên hạ còn có chỗ chẳng tỏ sáng ấy vậy. Thánh nhân cứu đó, tuy dùng lắm phương chữa trị đó mà thiên hạ còn có chỗ chẳng tỉnh ấy vậy. Bậc Hiền giả vì trí đoạn, kẻ bất tiếu vì ngu bít, hạng người trung bình thì vô ký hôn mê. Đến lúc họ cảm vật mà phát vui đó giận đó; buồn đó, vui đó, càng tệ là muôn mối mịt mù như đi đêm mà chẳng biết chỗ đến. Họ nhân nói lời nói của Thánh nhân, thì tính đó, lấy đó, như trong sương mù mà trông nhìn xa, cho là có vậy, cho là không vậy, cho là chẳng phải có vậy, cho là chẳng phải không vậy, cho là cũng có vậy, cho là cũng không vậy. Vì không thấy mà liền che mờ, nên trọn đời mà chẳng được xét đó vậy. Biển do vì ở nơi nước, cá rồng, chết sống tại biển mà chẳng thấy ở nước. Đạo do vì ở Tâm, người ấy trọn ngày nói Đạo mà chẳng thấy ở tâm. Buồn thay! Tâm hẳn vi diệu sâu xa, khó tỏ sáng, khó nhóm họp, họ là như vậy đó. Thánh nhân đã ẩn, thiên hạ trăm đời tuy dùng sách truyền mà chẳng được đó tỏ sáng chứng nghiệm. Nên Tông của Đàn Kinh cứ bày mà chỉ thẳng Tâm đó, mà thiên hạ vừa biết tức chánh ở tánh mạng vậy. Như vạch mây mốc thì chóng thấy trời xanh, như lên núi Thái mà chỗ thấy rỗng rang như vậy. Vương thị dùng phương ở Sách đời, nói là: “Tề một biến đến ở Lỗ, Lỗ một biến đến ở Đạo”. Lời nói ấy gần đó vậy. Kinh Niết-bàn nói: “Mới đầu từ vườn Lộc-dã, cuối cùng đến sông Bạt-đề, trong suốt thời gian năm mươi năm, ta chưa từng nói một chữ”. Đó là chỉ bày pháp chẳng phải văn tự vậy, nghĩa là ngăn ngừa người dùng văn tự mà tìm cầu vậy. Nói nương tựa pháp không nương tựa người, vì pháp là chân thật mà người là hư giả. Y cứ nghĩa chẳng y cứ ngữ vì nghĩa là thật mà ngữ là hư giả. Nói ý cứ trí mà chẳng y cứ thức, vì trí là thấu đạt mà thức là hư vọng. Nói y cứ Kinh liễu nghĩa là tận lý mà chỗ Bồ-tát cho là tuyên thuyết Đại Niết-

bàn, nghĩa là Tự thuyết cùng đồng với Kinh. Chỗ Thánh nhân gọi là bốn người xuất hiện nơi đời (tức là bốn y cứ) hộ trì chánh pháp cần phải chứng biết đó. Cần phải chứng biết nên Bậc Chí nhân để chánh ngọn ấy vậy; tự thuyết cùng với đồng kinh, nên Bậc Chí nhân nói kinh như kinh. Y cứ nghĩa và y cứ kinh liễu nghĩa, nên Bậc Chí nhân hiển thuyết mà hợp nghĩa hợp kinh vậy. Y cứ pháp y cứ trí, nên Bậc Chí nhân mật thuyết biến đó thông đó mà chẳng bị cẩu thả ngăn trệ. Chỉ bày Pháp chẳng phải văn tự nên tông của Bậc Chí nhân chuộng ở mặc truyền. Thánh nhân như Xuân đào, đào mà phát đó vậy. Chí nhân như Thu rửa, rửa mà thành đó vậy. Thánh nhân bảo đó mà Chí nhân hiệu nghiệm đó. Chí nhân hẳn là Thánh nhân đó, là môn đó, kỳ đức un đúc khác lạ, lớn vậy! Phàm, Bậc Chí nhân mới đầu khởi từ nhỏ nhiệm, tự cho là không biết văn tự thế tục. Đến lúc thành đạt thấu đáo, mới ngồi một nơi giảng nói mà hiển bày Đạo cứu đời, cùng như chỗ gọi là làm của Đại Thánh nhân vậy. Như khế hợp tương phù vậy, hẳn Huyền đức ấy phải là hạng Thượng trí sanh mà biết đó, dẫn từ bên ngoài pháp ấy mà chỉ bày không biết ấy vậy. Chết đã gần bốn trăm năm mà lời pháp lưu truyền khắp bốn biển chẳng ngưng dứt. Các bậc đế Vương, các vị Hiền giả trải ba mươi đời cầu Đạo đó mà càng kính. Nếu chẳng phải thấu đạt chỗ thấu đạt của Đại Thánh nhân thì trời đã nhàm chán đó từ lâu vậy. Đâu có thể được như thế ư? Tôi hẳn đâu hết được Đạo đó, may mắn muỗi nhặng uống nước biển cùng dự hưởng mùi vị đó, dám cúi đầu trải bày đó để lại cho người học sau ấy vậy.

LUẬN CHÂN ĐẾ KHÔNG THÁNH

Chân đế là gì? Nghĩa là cực diệu tuyệt đãi vậy. Thánh nhân là gì? - Nghĩa là Thần trí hữu vi vậy. Hữu vi thì dùng ngôn ngữ làm quyền. Tuyệt đải thì dùng yếu chỉ làm thật. Thật đó, do vậy toàn tâm mà hết sạch vết tích; quyền đó, do vậy gom thâu ngọn mà trở lại gốc. Nhưng mà Chân đế ấy là nào dung phỏng nghị ở khoảng ấy ư? Tạm thử ngụ ngôn để rõ sáng tích chứa ấy vậy. Phàm Chân đế là Nguyên tâm của các tâm, là thật tế của các Thánh. Nó là như vậy, chẳng phải như vậy chẳng phải chẳng phải như vậy. Ẩn các tâm mà chẳng mờ tối, hiển Thánh trí mà chẳng tỏ sáng. Thần minh chẳng thể lường khéo léo trải qua chẳng thể cùng. Nên Kinh Bát-nhã nói: "Đệ nhất Chân đế không thành không đắc". Nói Thể đó mà còn đó, thì thanh tịnh rỗng rang, Thánh phàm hết sạch; nói cđó mà dụng đó, thì lan tràn muôn vàn cổ vũ các động. Nhưng Thể mà còn đó, như gốc ấy vậy; Chiếu mà dụng đó tợ ngọn ấy

vậy. Ngay tâm đó mờ tối ở thấu đạt gốc vậy, im lặng ở thanh tịnh, mà tuyệt Thánh bỏ trí, đó cũng thích nghi vậy. Chỗ gọi là Đệ nhất nghĩa đế rỗng rang không tịch, không có Thánh nhân, ai làm trói buộc ư? Mà người Tần cho là quá lắm, sân hẹp chẳng gần tình người, nếu không phải Thánh nhân mà biết không ấy là ai ư? Đó cũng là chưa thí dụ yếu chỉ ấy vậy. Nếu phàm Thánh đều biết giác là ảnh hưởng của Chân đế, phan duyên của vọng tâm. Còn ở ảnh hưởng tức ngăn trệ nơi danh số, vì phan duyên thì mờ hoặc ở phân biệt. Đó thì chẳng phải Thánh mà Thánh, mà là Thánh nhân. Sở dĩ Đại Thánh không biết mà biết, thật biết đó, do vì biết khắp. Người xưa có hỏi ở người xưa rằng: "Thế nào là Đệ nhất nghĩa đế?" Đáp rằng: "Rỗng rang không Thánh". Lại hỏi: "Đối trước mặt Trẫm là ai?" Đáp rằng: "Không biết". Nhưng người ấy chẳng phải mê mờ Thánh mà hẳn không biết vậy, bởi không muốn người dùng ngôn từ hình tướng mà cầu tìm Chân đế ấy vậy. Vì hỏi người không tỏ ngộ, mới trở lại nói đó là: "Đánh dấu nơi thuyền để tìm kiếm rơi". Xa cũng xa vời vậy. "Dùng ngón tay chỉ mặt Trăng". Ngón tay ấy đâu phải mặt trăng, nên dùng ngôn từ mà thí dụ Đạo, cũng như nhìn ngón tay mà không nhìn mặt trăng ấy. Chẳng phải là biết mặt trăng vậy. Do đó, bậc trí nhân thường diệu ngộ ngoài ngôn từ và ảnh tượng, mà riêng đắc ở ngoài hình hài. Cư sĩ Tịnh Danh im lặng vậy mà Bồ-tát Văn-thù ca ngợi, Tôn giả Không Sanh dùng Vô thuyết mà thuyết, Vua trời dùng không nghe mà nghe. Đó chẳng vậy ư?

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 4

LUẬN HOÀNG CỰC

Thiên hạ đồng đó, nên gọi là Đại Công, thiên hạ trung chánh, nên gọi là Hoàng Cực. Trung chánh do vì đồng tâm của muôn vật, chẳng phải trung chánh do vì lìa tâm của muôn vật. Lìa đó thì thiên hạ loạn vậy, đồng đó thì thiên hạ bình trì vậy. Khéo làm thiên hạ hẳn trước gìn giữ Hoàng cực mà đạt đến Đại Công vậy; chẳng khéo làm thiên hạ, trước hẳn buông phóng Hoàng cực mà phế bỏ Đại công. Cho nên xưa trước Thánh nhân suy Hoàng Cực ở nơi vua người, chẳng phải đâu khác, vì muốn họ bình trị thiên hạ vậy. Giáo Hoàng cực ở nơi người dân, chẳng phải đâu khác, vì muốn thiên hạ đó bình trị vậy. Triều đình nước nhà là đại thể của thiên hạ, phú quý rộng cao là đại thế của thiên hạ. Giữ gìn được đạo ấy thì thể và thế yếu kém. Đạo ấy là chẳng phải đạo nào khác mà là đạo của Hoàng cực vậy. Chu Văn Vương, Chu Võ Vương đánh dẹp họa loạn, khôi phục Vương nghiệp lớn. Phú quý sùng cao mà cha con tiếp nối nhau, bói chọn nhiều đời, bói thời gian lâu dài. Tuy xưa qua nay lại, chưa có ai quá hơn vậy. Công đức thanh danh ấy rõ ràng rực rỡ sáng tỏa đến vô cực, chỗ gọi là gìn giữ được đạo ấy vậy. Mãi đến thời các vua Di Vương, Bình Vương, Trang Vương, Kính Vương xuống nhà mà đặt lễ chư hầu, chuyển dời về hướng Đông mà tạm lánh Nhung Địch. Các nước mạnh giăng bày, mà chẳng có khả năng cấm chế, phú quý cao chẳng thể tôn trọng, nguy ngập sắp suy sụp cơ nghiệp lớn của Tiên Vương ấy vậy, chỗ gọi là gìn giữ mất đạo ấy vậy. Than ôi! Nhà chỉ vài người, sanh sản của năm mẫu mà hàng thất phu thất phụ làm chủ đó. Họ làm người rất mực ngu hèn vậy, họ làm trị bình quá ư nhỏ nhoi vậy. Đến lúc người có tiết tháo trung chánh mà đến đó, nên nhà người thân gần đó, làng xóm thân cận kính mộ đó. Đó là sự mở mạng gia đạo còn có thể nhiều đời truyền đến con cháu, huống hồ đầy đủ Đại thể của thiên hạ. Nhân Đại thể của thiên hạ mà có thể đặt để đó làm vốn, có để

làm thế đó, dùng Hoàng cực mà khắp đó, sao có chẳng theo mà phục đó, há chẳng kề vai giẫm gót mà về đó? Thi nói: "Thục nhân Quân tử, chánh phải người nước nhà, chánh phải người nước nhà. Hổ chẳng muôn năm". Nghĩa là đó vậy. Hoặc nói: "Hoàng cực là đạo gì vậy?" Xin nói, đó là Đạo trời, Đạo đất, Đạo người, Tam tài mà một đó. Lại nói: "Sao nói vậy". Xin nói: "Đạo trời chẳng trung chánh thì nhật nguyệt muôn sao chẳng tỏ sáng, gió mưa sương tuyết chẳng đúng mùa, ngũ hoàng xoay chuyển rối ren, muôn vật chẳng sanh. Đạo đất chẳng trung chánh, thì núi non gò đồi sụp đổ, sông ngòi rạch ngưng chảy, cỏ cây trăm thật chẳng thành, Thành hoàng am cốc nghiêng đổ. Đạo người chẳng trung chánh, thì tánh tình tương loạn, trong làm cuồng vọng, ngoài làm họa hại. Đối với mình thì tương tổn sự sống, đối với kẻ khác thì tương tổn đến người. Nên tuy trời có cao sáng rộng lớn, mà nhỏ Hoàng cực, ai làm trời ư? Tuy đất rộng dày không ngằn mé, mà nhỏ Hoàng cực thì ai làm đất ư? Tuy người được khí tốt và linh so với muôn vật, mà nhỏ Hoàng cực, thì ai làm người ư? Nên Hoàng cực chẳng phải Thánh nhân làm đó vậy. Nên nhân chỗ suy đó để dạy người ở ấy vậy. Y Duẫn nói: "Ta là Tiên giác của dân trời ấy vậy, ta sắp dùng đạo ấy để giác ngộ dân ấy". Thánh nhân nghĩa là Tiên giác đó vậy, nên do đó mà Thánh nhân cẩn trọng đối với Hoàng cực đó, Họ cấp cấp đó ở làm người vậy, họ lo buồn thiên hạ quá lắm vậy. Tại sao? Từ sau đời Thuấn Võ, thời ấy càng bạc bẻo, rầm rầm rỉ rỉ người ai không lỗi quá. Nhỏ thì lỗi quá với nhà họ, lớn thì lỗi quá với nước họ, lại lớn thì lỗi quá với thiên hạ họ. Hoàng cực khi ấy phải chấn động đó. Mới đầu, suy hành ở Cửu thù, Võ Vương được đó, dùng tạo thiên hạ của Chu. Thiên hạ đã lớn lại lâu dài, do đo Ngũ phước, Lục cực buộc Hoàng cực ở một thân. Tốt nêu xấu bày buộc Hoàng cực ở một nước một thiên hạ, Hoàng cực đó có thể lìa ư? Ôi! Người đời không ai mà chẳng nhấc đá để chánh nặng nhẹ của vàng, kéo dây mực để chánh thẳng cong của cây gỗ. Đến lúc họ sở dĩ làm thân, làm thiên hạ nước nhà mà không biết nâng nhấc Hoàng cực mà chánh đó, phải trí của Thánh hiền hào kiệt, trái lại ra ở dưới dân thợ trăm nghề. Mạnh Tử nói: "Phải, chẳng làm vậy. Quấy, chẳng thể vậy". Phàm vua người ngày xưa họ có làm vậy, nhấc Hoàng cực mà thực hành đó, nên chẳng đợi nghi, chẳng do dự, chẳng xét ở thần, chẳng chọn ở người. Tuy Nghiêu đem thiên hạ cho người đó, mà người của thiên hạ chẳng phải vì không thân gần người đó mà oán Nghiêu. Tuy Võ đem thiên hạ đến với con họ, mà người của thiên hạ, chẳng vì riêng thân gần đó mà oán Võ. Thang một lần chinh chiến từ Cát Thủy mà thiên hạ tin đó,

xoay mặt hướng Đông mà đánh Tây gây oán, xoay mặt hướng Nam mà đánh Bắc cừu oán. Nói: "Sao làm sau ta? Dân trông ngóng đó như nắng hạn mà trông ngóng mây mưa vậy, mà thiên hạ cũng chẳng vì khổ nhọc. Họ phải chinh phạt mà oán đối với Thang, bởi cùng thiên hạ chung đó. Thuấn dùng thất phu mà nhận người thiên hạ; Chu Công dùng thiên hạ phong họ đồng giòng họ hơn năm mươi nước. Mà Thuấn và Chu Công chưa từng dùng riêng mình mà nghi ngờ ở thiên hạ, và thiên hạ cũng dùng công của Thuấn và Chu Công đối với thiên hạ vậy. Chu có mười người loạn thần mà nước đó bình trị. Trụ có ức triệu người Di mà nước đó diệt mất. Tai sao? Dụng được trung chánh nên chẳng hẳn nhiều vậy, dụng không trung Chánh, tuy nhiều nào ích gì? Hoặc có người nói: "Sao gọi là dụng được trung chánh?" Xin nói: Với người tài lớn thì trao cho việc lớn, với người tài nhỏ thì trao cho việc nhỏ. Người kham nỗi việc lớn, không thể vì có thất bại chút ít mà vất bỏ họ. Người thích nghi với việc nhỏ, không thể đem Đại thành mà giao phó cho họ. Thi nói: "Núi có cây Tần, nơi ẩm thấp có cây Linh. Hỏi ai tương tư? Người đẹp phương Tây, kia người đẹp vậy. Người vậy của phương Tây". Bởi nghĩ, nhà Chu dùng người lớn nhỏ được thích nghi với họ vậy. Thưởng, phạt, gạt bỏ, nhấc lên là quyền lớn của Vua vậy. Hiệu lệnh hình pháp là giáo lớn của Vua người. Giáo chẳng trung chánh thì dân họ nghi ngờ, quyền chẳng trung chánh thì thế đó là khinh thường. Hoặc hỏi: "Sao gọi là quyền và giáo đó trung chánh ư?" Xin nói: Thưởng là do vì tiến công vậy, chẳng vì cẩu thả mến thương mà thêm sâu dày. Phạt là do vì ép tư vậy, chẳng vì cẩu thả ganh ghét mà thêm nặng nhọc. Gạt bỏ là do vì trừng trị lỗi quá đó, chẳng vì hai pháp sang hèn đó. Nhấc lên là do vì đưa đạo ấy lên, chẳng vì phá hủy danh dự mà khảo xét người ấy. Hiệu lệnh là do vì ổn định dân, chẳng thể khinh xuất mà thường cải đổi. Hình pháp là do vì ước chế dân, không thể làm nhiều và cẩn trọng lớn. Làm nhiều và cẩn trọng lớn thì dân phiền mà không ân. Khinh xuất thường cải đổi thì dân lầm hoặc mà không chuẩn mực. Vì phá hủy hay danh dự mà khảo xét người ấy thì kẻ thương ghét được tứ ý buông lời. Vì hai pháp sang hèn thì người cao sáng được cậy thế đó. Vì cẩu thả ganh ghét mà thêm nặng nhọc thì mất tại bất nhiên. Vì cẩu thả mến thương mà thêm nồng hậu thì mất tại chẳng phải Lễ. Lễ là dung của Hoàng cực. Nhạc là tiếng của Hoàng cực. Chế độ là khí cụ của Hoàng cực. Chẳng cử khí cụ ấy thì tỉnh điền sai, thuế khóa loạn, xa phục cung thất trên tiến dưới bức. Chẳng kích động tiếng đó thì người thần chẳng hòa, phong tục lưu đảng; chẳng rõ bày dung đó, thì tôn ty

không riêng biệt, trên dưới lộn xộn. Phàm, Hoàng cực chẳng vì xưa mà có, chẳng vì nay mà không, chẳng vì Nghiêu Thuấn Võ Thang mà lâu dài, chẳng vì Kiệt Trụ u lệ mà tiêu mất, chỉ tại người thực hành đó vậy. Thực hành đó thấu đáo, do vậy mà làm Đế làm Vương; thực hành đó không thấu đáo, do vậy làm Ngũ bá làm Chư hầu. Tuyệt bỏ mà chẳng thực hành, do vậy mà bị mất nước. Người đắc làm Thánh, người trở lại làm Hiền, người vất bỏ mà chẳng học, họ làm tiểu nhân vậy. Hoặc nói: "Tần Hán họ đối với Hoàng cực thấu đáo đó ư?" Xin nói: Tần mất nước ấy tuy chẳng luận bàn mà Hoàng cực đoán có thể biết vậy. Hán đó đối với Hoàng cực, xem sách họ thì mỗi mỗi có thể biện rành. Đại khái mà nói đó cũng chưa thấu đáo. Họ ở khoảng Vương Bá, hoặc là dùng làm ấy vậy.

GIẢI TRUNG DUNG

BÀI MỘT

Hoặc nói là: "Trung Dung cùng với Lễ Ký, nghi ngờ như khác nhau vậy. Do vì lời tựa đều sai mà ghi chế độ vậy. Trung Dung là mới chánh ở thuyết tánh mạng mà thôi, so với Kinh Lễ cũng chẳng khác ư?"

Ông già từ từ mà biện giải đó rằng: Ông há không biết Trung Dung ư? Phàm, Trung Dung là cùng cực của Lễ mà nguyện của Nhân nghĩa vậy. Lễ, Nhạc, Hình, Chánh, Nhân, Nghĩa, Trí, Tín tám điều đó là một ở Trung Dung ấy vậy. Người mất ở trung tánh tiếp ở vật mà mừng, giận, buồn, sợ, thương, ghét, phát sanh, tham dục phát sanh vậy. Có bậc Thánh nhân sợ lý trời đó sắp diệt mà nhân luân chẳng ghi vậy, nên vì đó mà làm Lễ, Nhạc, Hình, Chánh, để tiết chế mừng, giận, buồn, sợ, thương, ghét, tham dục ấy vậy. Vì đó làm Nhân, Nghĩa, Trí, Tín để mở rộng giáo Đạo đó vậy. Làm Lễ đó có trên dưới trong ngoài, khiến người mừng chẳng được cẩu thả thân gần, người giận không được cẩu thả xa vời. Làm Nhạc đó, có âm của Nhã chánh hòa bình để tiếp hơi khí đó, khiến người mừng và người tham dục chẳng được quá lắm. Làm Hình đó, có giết phạt đổi trách, khiến người giận mà phát ác không cùng lấn bước. Làm Chánh đó, có thưởng có phạt, khiến người buồn được nói ra, người sợ có khuyên răn. Làm Nhân đó, để dạy khoan hậu mà dung thứ vật. Làm Nghĩa đó, để dạy họ làm việc gì hẳn thích nghi. Làm Trí đó, để dạy họ mở lời mà không khinh thường. Nên Lễ, Nhạc, Hình, Chánh là Đại tiết của thiên hạ. Nhân, Nghĩa, Trí, Tín là Đại giáo của thiên hạ. Tình đó phát chẳng vượt quá tiết đó, hạnh đó tu mà chẳng mất giáo đó,

thì Đạo của Trung Dung ngỏ hầu vậy. Phàm, Trung Dung là lập Đạo của người, nên Quân tử là tướng hữu vi vậy, là tướng hữu hành vậy, hẳn tu Trung Dung sau đó mới cử vậy, uống ăn có thể tuyệt bỏ vậy. Thế của phú quý sùng cao có thể nhường vậy, mà Trung Dung không thể bỏ vậy. Họ thành thật Tâm họ, họ tu thân họ, họ chánh gia đình họ, họ bình trị nước nhà họ, họ tỏa minh đức khắp cả thiên hạ. Bỏ Trung Dung họ lấy gì làm vậy? Người mất nước diệt thân, đó hẳn là quên Trung Dung nên vậy! Thư nói: "Đạo ấy không thể xa lìa trong khoảnh khắc. Có thể lìa, tức chẳng phải Đạo vậy". Nghĩa là ở đó vậy.

BÀI HAI

Hoặc hỏi rằng: "Chỗ gọi là Lễ, Nhạc, Hình, Chánh là Đại tiết của thiên hạ. Nhân, Nghĩa, Trí, Tín là Đại giáo của thiên hạ. Tình đó làm chẳng vượt quá tiết đó, hạnh đó tu chẳng mất giáo đó, thì Đạo của Trung Dung ngõ hầu vậy. Kẻ hèn tôi đang mù mịt chưa thấu đạt ý đó, ông nên lại vì tôi mà nói đó".

Ông già bảo: Trẻ em có trí thay! Có thể nghe Đạo vậy. Phàm, giáo ấy là sở dĩ suy ở nơi người vậy, tiết ấy là sở dĩ chế nơi tình vậy. Nhân, Nghĩa, Trí, Tín cử thì nhân tình được chỗ ấy vậy. Người chẳng bạo sống đó, lý sống của người được vậy. Tình chẳng loạn tánh đó, lý tánh của người tránh vậy, thì Đạo của Trung Dung còn vậy. Nên mừng, giận, buồn, vui, thương, ghét, tham dục nó lôi kéo người, vì mất Trung Dung ấy vậy. Nhân, Nghĩa, Trí, Tín, Lễ, Nhạc, Hình, Chánh nó dẫn người để trở về Trung Dung ấy vậy. Nên nói Nhân, Nghĩa, Trí, Tín, Lễ, Nhạc, Hình, Chánh, tám điều đó là một ở Trung Dung ấy vậy. Phàm, Trung Dung ấy là chẳng làm vậy, chẳng khí cụ vậy, sáng tỏ như Nhật Nguyệt mà không thể nhìn thấy, sân tối nói Quỷ thần mà không thể lường vậy, chỉ là Quân tử nên hay dùng Trung Dung toàn vẹn, chỉ tiểu nhân nên hay dùng Trung Dung biến. Toàn vẹn đó là làm thiện thì không chỗ chẳng đến vậy. Thư nói: "Mọi người đều nói: Ta biết chọn ở Trung Dung mà chẳng thể kỳ hạn một tháng gìn giữ đó". Là Thánh nhân, đâu chẳng muốn thủy chung của người ở Trung Dung mà cẩn trọng Biến ấy vậy. Thuấn lấy đó làm vua của người, mà đời sau tôn xưng là Thánh. Nhan Hồi lấy đó làm người Bề tôi, mà đời sau tôn xưng là Hiền. Võ Vương và Chu Công lấy đó làm người con, mà đời sau tôn xưng là Hiếu. Trung Dung đâu có hư vọng đó ư? Ôi! Đời sau người làm vua, người làm bề tôi, làm con cháu của người, mà đời sau đó chẳng ngợi khen, thì chẳng gì đâu khác, chỉ bởi không tu Trung Dung nên vậy.

BÀI BA

Hoặc hỏi là: Hồng Phạm nói: “Hoàng Kiến đó có cùng cực”. Thuyết giả nói: “Đại lập đó có Trung ấy vậy”. Đó thì cùng với điều ông gọi là Đạo của Trung Dung là khác hay là đồng ư?

Xin nói: Cùng với Hoàng cực phần nhiều đồng mà phần ít khác. Đồng là vì điểm đồng đó hướng đến trị thể; khác là vì khác đó ở giáo đạo vậy, Hoàng cực giáo vậy, Trung Dung đạo vậy. Trung Dung đó nói: Mừng, giận, buồn, vui đó chưa phát, gọi đó là Trung phát; đều Trung tiết, gọi đó là Hòa. Trung ấy là gốc lớn của thiên hạ, Hòa ấy là đạt đạo của thiên hạ. Thấu đạt Trung Hòa là địa vị của trời đất vậy. Đó cũng chẳng vào ra muôn vật vậy. Giáo ấy là chánh vạn vật nguy vạn vật, nên dùng giáo làm Trung vậy. Hồng Phạm đã nói: “Không thiên không lệch là nghĩa của Tuân vương, không có làm khéo là Đạo của Tuân vương, không có làm ác là Đường của Tuân Vương. Không thiên, không đảng, Vương đạo thênh thang; không đảng không thiên, Vương đạo bình bình; không phản không trắc, Vương đạo chánh trực. Nhóm Hữu cực đó kết quy ở Hữu cực, đó cũng chẳng chánh trực muôn vật ư? Phàm, Trung Dung ở nơi Hồng Phạm, nó cùng làm trong ngoài vậy. Như người có Tâm vậy. Người mà không Tâm thì sao để hình sống ư? Tâm mà không người thì cũng làm sao thi hành tư lự đó ư?

Hỏi: Trịnh Thị giải về Thiên mạng gọi đó là Tánh. Nói là Thiên mạng nghĩa là mạng của trời sanh người ấy vậy. Đó gọi là tánh mạng. Mộc thần thì Nhân, Kim thần thì Nghĩa, Hỏa thần thì Lễ, Thủy thần thì Trí, Thổ thần thì Tín. Xét về nghĩa của Trịnh Thị, đáng nghi ngờ đó. Nếu Thiên mạng sanh người, tánh ấy thì tùy chỗ cảm mà có đó vậy. Cảm ở Mộc thần thì tánh Nhân; cảm ở các thần, Kim, Hỏa, Thủy, Thổ thì là tánh Nghĩa, Lễ, Trí, Tín vậy. Tợ như chẳng phải tập mà được đó vậy. Cùng với điều ông nói là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín đó đối với tánh hẳn do giáo mà thành đó cũng chẳng khác ư? Mong được nghe vì sao nó như vậy?

Ông già bảo: Khoái thay lời hỏi của ông! Tôi thường mắc bệnh với Thuyết của Trịnh trị chẳng được rõ ràng, mà chưa rãnh để bàn nghị đó. Nhưng Trịnh thị đâu có khả năng rốt ráo để thuyết tánh mạng ư? Phàm, gọi Thiên mạng đó nghĩa là tánh, Thiên mạng là số của đất trời; tánh tức tánh linh, bởi cho người do số của trời đất mà sanh hợp tánh linh ấy vậy. Tánh là lý vốn có, bởi tình cảm mà có đó. Thánh nhân vì tánh của người đều có ân ái cảm kích, biết riêng tư lự theo tình ấy, nên đem giáo ấy, nhân tiện mà sung vào. Ân ái có thể để thành Nhân, cảm

kích có thể đó để thành Nghĩa, biết riêng có thể để thành Lễ, tự lự có thể để thành Trí, cùng theo có thể để thành Tín. Ai có nhân cảm mà được tánh ấy ư? Phàm, vật chưa thành hình thì tánh và sanh đều không, ai làm có thể cảm ư? Người đã sanh, thì nào đợi cảm thần vật mà có tánh ấy ư? Còn các thứ kim, mộc, thủy, hỏa, thổ kia nó làm vật vô tri, ai có thể chăm chăm mà bảo nó vậy ư? Quái lạ thay! Lời nói của Trịnh tử cũng chẳng nghĩ đó, quá lắm vậy. Như nói đó thì Thánh nhân sao dùng giáo làm, mà hoặc giả im lặng như đó vậy.

BÀI BỐN

Hoặc nói là: "Tôi thường nghe tánh của người có thượng hạ như tay chân vậy, không thể chuyển đổi. Nên Khổng Tử nói: "Chỉ bậc Thượng trí và hạng Hạ ngu không đổi thay". Hàn Tử nói: "Thượng ấy là thiện mà thôi, Hạ ấy là ác mà thôi". Mạnh Tử nói: "Vậy nên, tánh của chó cũng như tánh của trâu, tánh của trâu cũng như tánh của người". So với điều ông gọi là tánh, tôi nghi ngờ đó. Nếu không Hiền chẳng ngu, không người và vật, lẫn lộn thành một chẳng phân biệt thượng hạ đó, mà chân có thể thêm ở đầu, đầu có thể đặt để nói chân, điên đó đảo đó, đâu thấy nó chẳng chuyển đổi ư? Ông sao dùng khác so với thuyết của Thánh Hiền ư?"

Ông già bảo: Tôi tuy cùng ông trọn ngày bàn nói, mà ông còn ngoan cố chẳng hiểu, gần như tôi không biết làm sao nữa vậy! Ông tiếp nhận lời tôi nói mà không dùng tâm thông, lại lấy sự mà trách tôi ư? Tôi tuy nói khéo cũng sao tránh khỏi bị trách lắm lời ư? Trọng Ni nói, chỉ có bậc Thượng trí và hàng Hạ ngu chẳng chuyển đổi, bởi nói người có tài và không tài mà phân định vậy. Người tài mà thông minh là bậc thượng, kẻ không tài mà mờ tối là bậc hạ vậy, chứ đâu nói tánh ấy có thượng hạ ư? Nên Khổng Tử trước đã nói: "Tánh cùng gần giống nhau, do tập quen mà dần xa nhau", mà thượng trí và hạ ngu chẳng đổi thay. Tiếp đó, tạm dùng tánh có thượng hạ mà chẳng đổi thay vậy. Tánh của ăn uống nam nữ thì chỉ ở nơi bậc trí, mà kẻ ngu chẳng được có đó. Nếu đều có đó thì không thể cho là tánh đó cố định ở thượng hạ vậy. Lời của Hàn Tử nói là lấy ở Trọng Ni, chỗ gọi là không đổi thay ấy vậy. Không thể xa rõ ràng ở nghĩa đó, mà tạm dùng thiện ác để định thượng hạ ấy, há không thành thật ấy ư? Thiện ác là thuộc về tình, chẳng phải tánh tình. Tình có thiện ác mà tánh không có thiện ác. Tại sao? Vì tánh tĩnh lặng, tình giao động. Hình của thiện ác thấy ở nơi động vậy. Lời của Mạnh Tử nói tánh của chó cũng như tánh của trâu, tánh của trâu cũng như tánh

của người, tức là Mạnh Tử chỉ chỗ ưa muốn (= Dục) của tánh vậy, nên đó chẳng đồng vậy. Còn điều tôi nói về tánh, tức như điểm mà hai ông kia nói là tình vậy. Tình thì ai chẳng khác ư? Tánh thì ai chẳng đồng ư? Nhưng mà chó trâu như người vậy, mọi người như Thánh Hiền vậy. Lấy gì để thấy ở mọi người cùng như Thánh Hiền ư? Phải nói thật sự ông không biết vậy. Chó trâu thì là chó trâu vậy, mọi người thì mọi người vậy, Thánh Hiền thì Thánh Hiền vậy. Phàm, chó trâu sở dĩ làm chó trâu là vì tánh chó trâu mà chẳng khác biệt vậy. Mọi người sở dĩ làm người là vì mọi người linh mà chẳng thông minh vậy. Người Hiền sở dĩ làm người Hiền vì người Hiền thông minh mà chưa thành vậy. Thánh sở dĩ làm Thánh là vì Thành thành tựu thông minh vậy. Phàm, Thánh ấy tức chỗ gọi là Đại Thành vậy, la Đạo của Trung Dung vậy. Tĩnh lắng cùng với đất trời đồng lý đó, giao động cùng bốn mùa hợp vận đó. Cho nên, Thánh nhân dùng Lễ thì an vị Vua tôi vậy, cha con thân gần vậy, anh em kính nhường vậy, nam nữ phân biệt vậy, già có chỗ dưỡng, trẻ có chỗ dạy, mạnh khỏe có chỗ làm việc, yếu đuối có chỗ được an. Hôn thú tang táng thì thủy chung được thích nghi đó. Trời đất muôn vật không gì chẳng có thứ lớp. Dùng Nhạc đó thì Triều đình hòa mục, thiên hạ không âu lo, âm dương hòa khí, mưa gió phải mùa. Phàm, loại có khí huyết không gì chẳng phô bày sống vui nơi giao xã tông miếu mà quỷ thần lại nương nhờ. Dùng Hình đó thì quân lính tù ngục tố tụng đúng lý, mà bốn phương tám hướng sợ oai đó, dân ấy xa lìa ác mà chuyển đổi thiện. Dùng Chánh đó thì người Hiền ngày một thăng tiến, kẻ nịnh ngày một dứt trừ, chế độ lớn khắp, thanh minh văn vật có thể để chỉ bày cho đời sau. Dùng Nhân đó thì bốn biển an. Dùng Nghĩa đó thì muôn vật thích nghi. Dùng Trí đó thì sự nghiệp lan tỏa. Dùng Tín đó thì thiên hạ dùng thật ứng. Do đó mà Thánh nhân dùng Trung Dung làm vậy”.

BÀI NĂM

Người ấy lại kính bái, bước tới trước mà nói: “Thấu đạt thay! Lời của ông nói. Mà nay về sau, tôi biết được Trung Dung là làm thấu đáo vậy, là chí đạo của thiên hạ vậy, kể cả trời đất, quỷ thần, cũng không lấy làm quá vậy. Chúng ta chẳng phải Trung Dung thì làm sao sống vậy? Dám hỏi, Trung Dung có thể dùng để học ư?”

Xin nói: “Đó nghĩa là sao? Sao chẳng thể học vậy? Phàm, Trung Dung chẳng phải im bặt hết sạch mà không dụng vậy. Nên chí thuận thì biến, biến thì thông vậy. Tiết là do vì chế cái biến ấy; học là do vì thực hành cái thông ấy. Biến mà thích hợp nghĩa do đó làm Quân tử; thông

mà mất giáo, do đó làm tiểu nhân. Nên nói, Trung Dung là Chánh ở học ấy vậy. Nhưng mà làm sao để học ư? Xin nói, nên học Lễ, học Nhạc vậy. Lễ nhạc tu thì Trung Dung thấu đạt vậy. Lễ do vì chánh sự thấy nghe vậy, chánh cử động vậy, chánh nói năng vậy, ngăn ngừa tham dục vậy. Nhạc là do vì tuyên uất nghẹn vậy, hòa khí huyết vậy. Thấy nghe chẳng tà, cử động chẳng loạn, nói năng không vọng, tham dục không làm, tư lự điềm sướng, khí huyết hòa bình mà Trung dung. Sau đó dùng Nhân để an đó, dùng Nghĩa để thực hành đó, dùng Trí để thông đó, dùng Tín để giữ đó, mà Hình và Chánh còn ở khoảng ấy vậy".

Lại nói: "Như người xưa, họ sao có thể Trung Dung vậy, và kẻ hèn tôi xin theo người đó vậy?"

Xin nói: "Do từ sách mà có thể đọc xem đó, thì Thuấn, Khổng Tử, tiếp theo đó thì Nhan Tử, Tử Tư, Võ Vương, Chu Công, thì gọi họ hay dùng Trung Dung mà hiếu vậy".

Lại nói: "Nghiêu cùng Võ, Thang, Văn, Võ, Chu Công há chẳng phải là Thánh nhân ư? Trên thì họ chẳng đến Nghiêu, dưới họ chẳng kịp Võ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, nghĩa là sao vậy?"

Xin nói: "Khổng Tử không nói, thì tôi đâu dám bàn nghị ư?"

Lại nói: "Mạnh Kha học ở Tử Tư, ông ta có hay Trung Dung chăng?"

Xin nói: "Tôi không biết".

Lại nói: "Lý Cao ở thời Tiền Đường có hay giỏi Trung Dung chăng?"

Xin nói: "Lý Cao là người bắt chước Trung Dung, còn có hay giỏi chăng thì chưa nghe vậy?"

Lại hỏi: "Ông có hay giỏi Trung Dung không?"

Xin nói: "Tôi là kẻ ngu dốt, đâu dám vậy, ước cũng từng học ở Đạo của tôi, vì Trung Dung gần như Đạo của tôi, nên trộm mà nói đó, chứ đâu dám cho là hay giỏi Trung Dung ư?"

Người ấy nói: "Kẻ hèn tôi tay không thông mẫn, nhưng xin tuân vâng lời chỉ dạy đó!" Rồi cúi đầu kính bái mà lui ra.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 5

LUẬN NGUYÊN

LỄ NHẠC

Lễ là khởi nguồn của Vương đạo, Nhạc là chung cùng của Vương đạo, chẳng có Lễ thì không lấy gì để cử hành, chẳng có Nhạc thì không lấy gì để trước thành. Nên Lễ Nhạc là Vương Đạo, do vì nương cậy mà sanh thành đó vậy. Lễ là nhân tình người mà chế trung, Vương (= Vua) nhân Lễ mà làm chính sách. Chính sách là nhân Lễ nhạc mà sáng tỏ công hiệu. Tình người không gì sâu đậm bằng sông mà dưỡng bằng Lễ nhạc. Tình người chẳng gì vất bỏ bằng chết mà dùng Lễ chánh để táng đó. Tình người không ai chẳng có nam nữ, mà Lễ thích nghi xếp đặt đó. Tình người không ai chẳng có thân sơ, mà Lễ thích nghi với Nghĩa vậy. Tình người không ai chẳng nghĩ của cải, mà Lễ dùng để tiết chế đó. Phàm, Lễ cử thì tình xứng vật vậy. Vật được lý thì Vương chánh hành vậy. Vương chánh hành thì người ấy vui mà khí ấy hòa vậy. Vui là do vì tiếp tâm người mà thấu đạt hòa khí. Cung, Thương, Giác, Chủy, Vũ - năm thứ ấy là âm của nhạc. Vàng, đá, tơ, trúc, bầu, đất, da, gỗ - tám thứ ấy là khí cụ của Nhạc vậy. Âm và khí cụ cùng một chủ ở Nhạc vậy. Âm tuy hợp biến chẳng phải được ở nhạc thì âm mà thôi vậy. Cho nên, Vương giả đãi nhạc mà ghi thành chánh đó vậy. Thánh nhân đãi nhạc để hình ấy thạnh đức vậy. Nhưng mà đời nào không có nhạc ư? Đời nào không có Lễ ư? Lễ càng phiền toái thì chính trị càng hư nát, Nhạc càng cử thì thời càng loạn. Bởi do chế nghi của Lễ ấy chẳng được thật đó vậy; do vì âm thanh của Nhạc ấy chẳng được nguyên gốc đó vậy. Phàm, gốc của Nhạc là ở nhân hòa vậy. Thật của Lễ là ở vật chánh đáng vậy. Xưa kia, có Ngu Thị tu ngũ lễ nên đó bình trị riêng đạt đến vô vi, ân đượm khắp động vật thực vật, mà chim Cưu chim Thước ở trên ổ có thể cúi mà trông nhìn, vừa cử động thì phượng Hoàng bay lại. Cho nên

Khổng Tử nói: "Thiều rất hay và rất khéo vậy?" Bởi nói Thuấn tu lễ mà được thật của Lễ, làm Nhạc được gốc của Nhạc; Thúc Tôn thông chế Lễ chuyên việc nghi của Lễ ấy vậy. Đỗ Quỳ tu nhạc, cử văn của Nhạc ấy vậy. Cử văn thì thích nghi đó, nhưng thấm đượm đó chưa đến vậy. Chuyên việc nghi thì thích nghi đó mà chánh đó chưa thuần vậy. Phàm, sở dĩ nhạc khua chấn ở Vương Đạo, Nhạc sở dĩ hoàn toàn ở Vương Đức vậy. Nên, Vương giả muốn thấu đạt đạo ấy mà chẳng làm ở Lễ, muốn lưu tỏa đức đó mà mà chẳng thấu đạt ở Nhạc, tuy họ là bậc Chí Thánh cũng không như đó vậy. Tại sao? Vua người là do từ Lễ nhạc mà sanh ra, người dân do từ Lễ nhạc mà thích ứng vậy. Chỗ sanh ra mà chẳng dùng thành thật thì chỗ thích ứng dùng nghiêm sức hư vọng vậy. Chỗ sanh ra chẳng dùng Tự thân thì chỗ thích ứng chẳng cùng Khuyên nhau vậy. Cho nên, Lễ quý ở điểm trên thực hành, Nhạc quý ở điểm dưới công hiệu. Phàm, Lễ của Tông miếu do đó dạy Hiếu vậy; Lễ của chư hầu do đó dạy trung vậy; Lễ của hyếu do đó dạy kính vậy; Lễ của tạc thù do đó dạy nhường vậy; Lễ của hương ẩm do đó dạy thứ lớp vậy; Lễ của giảng giáo do đó dạy dưỡng vậy; Lễ của quân binh do đó dạy hòa vậy; Lễ của hôn sính do đó dạy thuận vậy; Lễ của trảm suy khốc khấp do đó dạy ai vậy. Phàm, giáo là giáo ở Lễ vậy, Lễ là hội ở Chính vậy, Chính để phát Nhạc, Nhạc để phát Âm. Âm để phát Nghĩa, nên Thánh nhân trị thành mà tạo nhạc vậy, nhân âm để thạnh đức vậy. Nhân âm Cung đó trầm trọng rộng lớn để chỉ bày Thánh đó; nhân âm Thương đó cứng gắt để chỉ bày đoạn đó, nhân âm Giác đó hòa hoãn để chỉ bày Nhân đó; nhân âm Chủy cứng gấp để chỉ bày Trí đó; nhân âm Vũ nhẹ nhuần để chỉ bày Kính đó. Luật lã chánh vậy để chỉ bày âm dương hòa vậy; tám gió bốn khí hòa vậy để chỉ bày muôn vật đó toại vậy. Còn sợ e người chưa thấy nên Vũ mà bày tượng đó, muốn họ thấy vậy. Sợ e người chưa đều vậy, nên Thi dùng lời nói đó muốn họ biết vậy. Cảm mà hóa đó thì dời phong đổi tục còn ở phải vậy. Phải là phương của Tiên Vương làm Nhạc ấy vậy.

ĐẠI CHÍNH

Đại chính nói Đại công đó vậy, đạo của Đại công ở tại nơi trời thì Quân tử chẳng tạm có khả năng vậy, tiểu nhân chẳng tạm tranh giành vậy. Đức đủ ở vua thì vua được đó, đức đủ ở bề tôi thì bề tôi được đó. Nào hẳn cẩu thả có thể được sống đó thì sống đó, được chết đó thì chết đó, nào hẳn cẩu thả tranh giành. Đời không cẩu thả thì Pháp không chỗ nhàn, người không tranh đoạt thì binh lính không chỗ nổi. Nghiêu Thuấn

do đó mà vái nhường trị vì vậy. Đại công là gì? Suy chí thành mà cùng thiên hạ đồng thích nghi vậy. Thánh nhân đại đồng nên chỗ làm của họ thì Đại công vậy. Thành thật dùng Đạo thì dùng Đạo truyền thiên hạ vậy, thành thật dùng chánh thì chánh dùng người ấy. Thành thật làm lớn thì Quỷ pháp ở trời đất; thành thật làm nhỏ thì xét nhỏ ở Thần diệu. Nên hay, Đạo thành mà chẳng riêng tư địa vì họ vậy; chính thành mà chẳng có công họ vậy; nuôi dưỡng muôn vật mà chẳng hiển bày đức Nhân đó vậy; chu cấp muôn vật mà chẳng bỏ sót Trí họ vậy. Nên Thánh nhân lớn hữu vi mà không hệ lụy vậy, lớn vô vi mà hóa thuần vậy. Thành thật ấy là Đạo trời vậy. Công ấy là Đạo người vậy. Thánh nhân tu đạo trời mà để chánh ở đạo người. Thành thật là chẳng thấy, công là thấy, do chỗ thấy mà xét chỗ không thấy thì đạo của Thánh nhân sáng tỏ vậy. Nghiêu tuân theo tứ chánh mà người ấy xứng vậy, vật do đó được toại theo thời vậy, dân do đó được sanh tử ấy vậy. Thuấn tuân theo Sáu quan, bốn nhạc, mười hai mục mà người ấy xác đáng vậy. Nên chính ấy cũng đạt đến vậy, giáo cũng hiển bày vậy. Nghiêu có con tên là Chu, Thuấn có con tên là Quân, hai người con đó đạo không đủ để ở ngôi, mới đem thiên hạ giao cho người Hiền. Nên Nghiêu trao cho Thuấn, rồi Thuấn trao đến cho Võ. Bởi lấy thiên hạ làm công, mà dân là người của thiên hạ, vậy ai làm có cẩu thả riêng tư mà tranh giành? Người Địch tuy chưa hóa mà Thánh nhân càng do đức mà nghĩ nhớ đến đó, nên đức là được chính ấy vậy. Chính là phát thành thật ấy vậy. Thành thật là xuyên mốt trời đất người vật quỷ thần vậy. Cho nên Thánh nhân thành thật đó thì năm tài bốn thời không gì chẳng như vậy. Dịch nói: "Trung phù lợn cá tốt". Lại nói: "Hạc kêu dưới râm, con ấy hòa đó, Ta có tươi tốt, tôi cùng vậy chẳng như". Nên chính trị của Nghiêu Thuấn do đó giản đơn vậy, dùng người do đó xác đáng vậy. Chính trị giản đơn thì không phiền rối pháp; dùng người xác đáng thì không hư vọng ở quan vậy. Bày biện năm Hình vì gìn giữ lỗi sai của dân mà chẳng sáng rõ, tu năm lễ do vì chánh cung kính của người mà chẳng biếng lười vậy. Chí lớn chân chánh do đó mà làm Đế vương; Đại công thuận trị do vậy mà nhún nhường. Suy Đế ở nơi Thái Thượng, bình phẩm Trị Đạo mà do đó khuyên vậy. Kết quy nhún nhường ở nơi Đại Đức, biện hành thời nghi do đó giáo vậy. Về sau, chính không thấu đáo gọi đó là Đế được chăng? Thị chẳng công, gọi đó là nhún nhường được chăng? Hóa của Đại công ngấm tắt mà người kham cẩu thả riêng tư; Trí dùng tính toán kiểm hiệu khinh thường, Ngu dùng khí lực tranh giành. Ngay lúc ấy, dùng Đế hóa chẳng thể được vậy, dùng Đế nhún nhường cũng chẳng thể được vậy.

Nên nói: "Giặc Đế Đạo bắt đầu từ thời nhà Tần, loạn nhường đức từ thời nhà Hán vậy".

CHÍ CHÍNH

Chí chính là nói chí nghĩa ấy vậy. Thiên hạ dùng nghĩa cử thì chính có thể phô bày, và tà có chỗ đè ép vậy; thiện có chỗ khuyên, ác có chỗ cản trở. Ghét thương phải quấy, việc ấy lắm mối có chỗ quyết định vậy. Quyền trời có thể dùng để phù nghĩa, quyền đó tuy trọng hẳn thành vậy. Nghĩa có thể dùng để hành quyền, nghĩa ấy tuy khinh hẳn cử vậy. Quyền chẳng dùng nghĩa tụ hội rất có thể đó cuối cùng là giặc. Nghĩa không dùng quyền phù, mất đó thì hẳn loạn. Nên xưa kia, người chiếm Đại Chính hẳn có quyền đó vậy, theo Đại Bính (Quyền lớn) hẳn giúp chính đó vậy. Thang Võ vận Đại quyền, nhờ đó mà phù nghĩa ấy vậy. Chu Chiêu từ nép mất Đại quyền nên nghĩa do đó mà loạn lạc vậy. Nghĩa ấy là gì? Vức Đại trung mà cùng thiên hạ đồng thích nghi vậy. Thích nghi đó thì được chỗ đó, thiên hạ gọi đó là hữu đạo vậy. Thích nghi đó mà chẳng phải chỗ đó thì thiên hạ gọi đó là vô đạo vậy. Thánh nhân dựng xây khuyết trung để chánh chỗ thích nghi của thiên hạ vậy. Đời đó biến mà dân đó rất cẩu thả riêng tư. Lớn thì riêng tư ở nước họ, vừa thì riêng tư ở nhà họ, nhỏ thì riêng tư tự thân họ. Người hiệp nghĩa thì ít, kẻ phản nghĩa thì nhiều. Nên Hậu Thánh vì sợ tranh giành đó lại loạn mà bày có luật hình chẳng phải cẩu thả hung bạo, bày có binh lính chẳng phải cẩu thả giết hại vậy. Muốn chăn dắt người mà hướng đến nghĩa ấy vậy. Ở người cầm nắm cùng người bất nghĩa đông nhiều được dùng mà bỏ đó, cùng đông nhiều quan bất nghĩa được dùng mà trị đó. Bởi vậy, Võ, Thang, Văn, Võ, Chu Công - năm Thánh nhân đó cẩn trọng Đại chính cho nên chẳng cẩu thả chiếm Đại quyền, hành Đại quyền nên chẳng cẩu thả nhường địa vị lớn vậy. Đánh Hữu Hổ, thả Hạ Kiệt, giết Cát chém Trụ, nhiếp phục thiên hạ phạt quán thái vậy, lấy ở nhà truyền thiên hạ, mà người trong thiên hạ vâng theo, phục đó mà không có oán thán đó vậy, bởi chính đó thấu đạo vậy. Nên Dật Thi nói: "Hoa của Đường Lệ, lệch phản đó mà. Há chẳng nghĩ đó, nhà là xa mà". Thư nói: "Hình ấy ở nơi không hình, dân hiệp ở Trung thời, là công tốt thay!". Quân tử dùng phải cũng chẳng thận trọng chính mà trọng quyền ư? Đó là tệ của chính đó vậy. Người hẳn nhân đó mà làm thế, tệ của quyền đó vậy. Người nhờ đó để làm loạn, nghĩa là chính ấy tên còn mà thật đã mất vậy, có nghĩa quyền là nhậm uổng mà quên chánh vậy. Di Vương xuống nhà mà giao cùng chư hầu, có thể gọi là Chính ấy chẳng đủ vậy.

Ẩn Công cẩu thả nhường nước ngàn thừa, có thể gọi là quyền đó chẳng đủ vậy. Tề Hoàn Công dùng Bá mà tự khoe, có thể gọi là Quyền đó mới bắt đầu tà vậy. Chu Công Vương dùng Vương mà tự giáng, có thể gọi Chính đó mới bắt đầu nhỏ vậy. Phàm, Chính ấy ở Quyền còn lường đó có đại khái vậy. Quyền đó ở Chính còn câu đó theo đá vậy. Được người đó thì chánh đó vậy, chẳng phải người đó thì khinh thường đó vậy. Nên nói, Đạo ấy là đãi người mà hưng long vậy, ai gọi là thời ư?

THƯỞNG PHẠT

Thưởng phạt công minh là Vương Đạo chấn hưng vậy; thưởng phạt tư lợi thì Vương Đạo ngấm tắt vậy. Thánh Vương muốn đạo đó hành nên sửa trị công tư ấy vậy. Thưởng phạt để chánh thiện ác là công minh vậy. Thưởng phạt để giúp mừng giận là tư vậy. Công đó do vì đồng với thiên hạ vậy; tư đó do vì khác với thiên hạ vậy. Thiên hạ đồng đó, Đạo ấy há chẳng hưng thịnh ư? Thiên hạ khác đó, Đạo ấy há chẳng suy ư? Thưởng phạt là Đại Trung của thiên hạ, thích nghi cùng thiên hạ mà chung đó vậy. Vương chính là do vì chánh thiện ác vậy. Thiện của thiên hạ không thể không thưởng. Ác của thiên hạ không thể không phạt. Thưởng phạt trúng do đó làm chính vậy. Thưởng ấy là gần với ân đó vậy. Phạt ấy là gần với oai đó vậy. Ai có mừng mà chẳng muốn suy ân ấy ư? Giận mà chẳng muốn thêm oai ấy ư? Nên nói, chẳng phải người chí công cao minh, không thể trao cho dùng quyền thưởng phạt ấy vậy. Truyện nói: “Có thể cùng thích nghi Đạo, nhưng chưa thể trao cho Quyền”, bởi cẩn trọng đó thấu đáo vậy. Hồng Phạm nói: “Không có làm tốt là Đạo của Tuân Vương, không có làm xấu là đường của Tuân Vương”. Bởi giới đó sâu sắc vậy. Cuối thời nhà Chu chẳng phải không có thưởng phạt, mà bởi thưởng phạt được có ra từ riêng tư ấy vậy. Có ra từ riêng tư, do đó khiến thiên hạ loạn lạc vậy. Dùng riêng tư thưởng, thì ân đó về với riêng tư ấy vậy. Dùng riêng tư phạt, thì oai ấy ở nơi riêng tư đó vậy. Oai để chăn dắt chúng, chúng hẳn theo đó. Ác để nghĩ nhớ chúng, chúng hẳn công hiệu đó. Mọi người tâm vô thường cùng lợi hại mà suy đồi. Họ lợi thì tạm gá theo, hại thì tạm miễn khỏi. Chọn ở chánh ngụy, đó cũng ít vậy. Người xưa thí dụ đó như trâu ngựa, chỉ thường giao chính mình ấy vậy, mềm dịu vậy, nịnh nọt đó cùng chúng làm đó, không thể cản trở vậy. Phàm, thưởng phạt là Đại quyền của Tiên Vương hành Đạo vậy. Muốn Đạo đó hành thì không thể xem thường thưởng phạt chỉ trong khoảnh khắc ở riêng tư vậy. Nhỏ riêng tư dùng đó thì quấy rầy phải hình luật vậy. Lớn riêng tư dùng đó thì quấy rầy phải binh lính vậy.

Quấy rầy binh lính thì sanh ra ở chư hầu tự phải mới đầu vậy. Quấy rầy luậ hình sanh ra ở Đại phu tự phải mới đầu vậy. Nên thời Xuân Thu, chư hầu chuyên chinh chiến mà Xuân Thu chịu tội đó. Xuân thu chư hầu chuyên phong bít mà xuân thu chịu tội đó, bởi chẳng cùng thưởng phạt của chư hầu ấy vậy. Đại phu của Xuân thu chuyên thủ mà Xuân thu chịu tội đó. Đại phu của Xuân thu chuyên cùng mà Xuân thu chịu tội đó, bởi chẳng cùng Thưởng phạt của Đại phu ấy vậy. Xuân thu do đó chỉ bày thưởng phạt của Vương giả ấy vậy. Ông nói: "Tội ta là đó chỉ Xuân thu ư? Thánh nhân mạo phạm tội mà làm Xuân thu, do vì sợ thưởng phạt của đời sau ấy vậy.

GIÁO HÓA

Lễ nghĩa là chỗ còn của giáo, tập thượng là chỗ công hiệu của hóa. Chẳng phải chỗ còn thì giáo ấy không thấu đáo vậy, chẳng phải công hiệu thì hóa ấy chẳng chánh vậy. Cho nên, người khéo giáo thì giữ gìn Lễ nghĩa vậy. Người cẩn thận hóa hẳn đề phòng tập thượng ấy vậy. Thiên hạ không thể không giáo, trăm họ không thể không hóa. Vì thiên hạ trăm họ, người trên giáo hóa đó có thể mất ư? Giáo hóa là phong vậy, dân hay vật vậy, phong ấy cao thấp thì vật theo đó mà nổi chìm. Thánh nhân toan lo mọi người trôi dạt dòng, xấu ác mà chẳng trở lại, nên cẩn trọng ở sự giáo hóa ấy vậy. Phàm, giáo là sanh ở Quan chính vậy, hóa là thành ở dân tộc vậy. Lễ nghĩa là bày ở Triều đình nước nhà mà thấy ở thiên hạ vậy. Thi nói: "Chu đạo như dùi mài, đó thẳng như tên bắn". Chỗ Quân tử giẫm trải, chỗ tiểu nhân nhìn thấy, chỗ sanh ấy như khí mạch vậy, chỗ thành ấy như Tứ thể vậy. Người muốn dự Tứ thể đó mà chẳng chỉnh sửa khí mạch nói thì chưa từng có vậy. Chỗ sanh là chánh thì chỗ thành là ngay. Chỗ nhìn là tu thì chỗ thấy là trị. Cho nên, xưa trước ở nơi Quan chính, hẳn trước phải tu lễ nghĩa để chánh tự thân mình, mà sau mới suy đến ở mọi người vậy. Người chưa theo đó, hẳn tự lường, vậy giáo đó chưa đến ư? Thì thêm sức tu để khuyên đó. Lại cũng chưa theo đó, thì đó là phong tục dâm tà ấy vậy. Mới đầu có thể nêu pháp để răn trừng họ phạm Lễ trái Nghĩa ấy vậy. Thang nói rằng: "Muôn phương như thế, có tội tại một mình ta". Cho nên phạt một tội mà người sáng tỏ, nêu một lệnh mà người theo đó. Chỗ gọi là giáo tu ở trên mà người hóa ở dưới vậy. Đời sau thì không như vậy, chẳng trị chỗ giáo mà muốn chỗ hóa vậy, có được chăng? Cũng là lầm hoặc vậy. Lễ ấy là trung, Nghĩa ấy là chánh. Trên chẳng trung chánh thì dưới hẳn là khinh tà vậy. Cảm của giáo hóa là tự nhiên của thế ấy vậy, như ảnh

hưởng đó theo hình và tiếng vậy. Ngạn ngữ nói: “Hình ngay bóng thẳng, vọng theo tiếng hòa”. Đến lúc đó không thẳng không theo thì trách hình và tiếng ư? Hay trách bóng và hưởng ư? Cho nên, Quân tử vào nước xét xem tục đó chuộng, mà sau mới bàn nghị chính trị ở đó vậy.

HÌNH PHÁP

Có người hỏi: “Xưa trước, pháp rộng rải, luật hình giản đơn, mà lỗi quá gian trá của dân ít ỏi. Đời sau pháp tuy nghiêm cẩn, luật hình lắm nhiều, mà lỗi quá gian trá của dân lại đầy nhiều. Đó là tại sao?

Xin nói: “Thời xưa sử dụng Hình pháp còn ở gốc đó, nên dân mắc lỗi lầm hiếm ít; đời sau chế đạt Hình pháp chỉ còn ở ngọn, nên dân mắc lỗi quá lắm nhiều vậy”.

Lại hỏi: “Sao gọi là gốc là ngọn ư?”

Xin nói: “Chính giáo là gốc đó vậy, Hình pháp là ngọn đó vậy. Cẩu thả khinh gốc mà trọng ngọn, đó như rưới dầu để cứu lửa cháy, dùng như vậy tuy càng nhiều, lửa càng cháy dữ, chẳng do đâu mà ngấm tắt”.

Lại hỏi: “Kẻ hèn tôi thật không biết nguyên do của chính giáo làm gốc như thế nào, mong ông nói rõ cho điều đó?”

Xin nói: “Thiện ác của người đâu phải vốn có ở tánh họ, mà do vật đổi dời nên vậy. Nên mở lợi đó thì sinh mừng, suy hại đó thì tức giận. Từ xưa, các bậc Thánh nhân biết nó như vậy, nên chế ra Điền Lý để thông đó, an đặt nơi sanh sống, xếp đặt trường lớp để dẫn dắt họ cùng Hiếu để. Đầm cầu giao thông, dạy họ chẳng cùng tranh lợi. Bến chợ bình phẳng, dạy họ chẳng cùng khi phụ; làm mười một loại thuế khóa để dạy họ kiểm hiệu riêng tư sung phụng công. Tạo ra Lễ để tiết chế tình buồn vui đó; làm Nhạc để chánh tập tục xưa cũ; dùng Hiệu lệnh để định lời nói đó; dùng Hình pháp để ngăn ngừa sai phạm đó. Chẳng may có một người phạm pháp đang bị Luật hình, mà Thánh nhân còn tìm xét đó ở chính mình, nói là: “Khiến dân như vậy, là bởi Trẫm dạy họ chưa thấu đáo”. Chính người đó chưa tu, mà khoan tha đó không dùng Hình pháp trừng phạt vậy. Võ Vương đi tuần thú phương Nam, đến chợ Thương ngô, thấy ở chợ đó bắt tội giết người, Võ khóc mà xuống xe, và bảo mọi người chung quanh rằng: “Như tội nhân đây chẳng thuận mà đến, nhưng Quân vương sao làm thương tổn họ?” Võ bảo: “Người của Nghiêu Thuấn đều dùng tâm của Nghiêu Thuấn làm tâm họ, nay Trẫm làm vua, mà người tự biết tâm họ, thật là đau xót đó vậy!”

Ở thời Văn Vương, có hai nước Ngô Nhuế tranh giành biên cương

mà tố tụng đến Văn Vương. Văn Vương dùng ngôn từ mà giải thích đó, xong rồi bảo: “Chính đó không tỏa sáng khiến nó như vậy”. Và thuần chuyên chính Ngô Nhuế, do đó mà chấm dứt tố tụng. Phàm tình người ai chẳng thích tốt mà ghét xấu, tham sống mà sợ tổn thương. Nếu như đồng có để được an lạc, sự sống đó được hòa đồng, tộc loại đó được toại tánh, người được ngợi ca, đâu chịu bẳng quên vậy chẳng cùng theo mà làm đó. Tuy người Di mạch hẳn mà không thể không biến của như vậy đó. Thánh nhân thời xưa sở dĩ dùng sức thúc đẩy ở giáo hóa nên người thời xưa ít vấp lỗi quá, mà khép đẹp tục ấy vậy. Bởi chính giáo đó thấu đạt vậy. Chính giáo thấu đạt nên không chỗ dùng Hình pháp đó vậy. Quân tử chẳng đặng đừng mà dùng đó, chẳng phải chuyên đó. Khổng Tử nói: “Đạo đó dùng đức, Tề đó dùng Lễ, có xấu hổ tạm cách. Đạo đó dùng chính, Tề đó dùng Hình, dân miễn khỏi mà không xấu hổ”. Nên nói: “Hình ấy là thành”. Từ thời thượng cổ, hết thảy mà thành đó ấy vậy. Hình chẳng dự chương, nên dân không biết pháp, dân không biết pháp thì không chỗ sanh đầu mối tố tụng đó.

Có Ngô thị biết đời sau đó càng bạc bẻo, sợ Quan lại khéo xảo pháp cẩu thả trình bày, nên chế ra năm thứ Hình pháp ở nơi sách ông là: Lưu rộng năm Hình pháp; Tiên làm Quan hình; Phác làm giáo hình, Kim làm Thục hình, Sảnh tai tứ xá Hổ Chung tặc hình”. Đời sau đến đó càng suy mà Sách đó Hình danh không thể thắng số. Hình càng nhiều mà dân càng xấu ác. Bởi gốc ngọn đó lên ngược mà gìn giữ nên vậy. Mãi đến lúc đồng bạn Hàn Phi, Thân Tử, Thương Ưởng cẩu thả làm Hình luật tàn khốc, người Tần dùng đó, chưa trọn đời mà nước đó diệt mất chẳng còn. Nhưng như Hình của Phủ Hầu, Pháp của Tán Hầu, vì thấu đáo công mà gìn giữ, còn có thể dùng cứu tệ của một đời. Làm sao sau đó Tục Sử lại Kiêu hãnh? Văn pháp theo tâm đó làm cạn sâu. Hình phạt theo tình đó làm nhẹ nặng. Phàm, Pháp là Tiên Vương sở dĩ dùng đó để chuyên cấm gian trá và các điều tệ hại vậy. Hình là Tiên Vương sở dĩ dùng đó để chế ngăn hung bạo, và tệ đó làm bạo. Chẳng phải riêng làm hung bạo, cũng sở dĩ dẫn người sanh hung bạo; chẳng phải riêng làm gian trá, cũng sở dĩ dẫn người sanh gian trá. Cho nên, luận Hình pháp của Quân tử chú trọng ở gốc đó mà không trọng ở ngọn đó”.

Người ấy lại nói: “Lời ông nói, có thể gọi là xa vời vậy, chẳng thích nghi với thời biến. Như luận của ông chỉ thích nghi với thời xưa mà chẳng thích nghi với thời nay. Dân ngày nay thấm đậm điều ác, nếu không dùng Hình pháp thì không thể trị. Dân thời xưa còn thuần phác, hẳn giáo hóa mà có thể khuyên, nếu như đem giáo hóa ở thời nay thì

ngục tù càng nhiều, mà kẻ giết người không ngừng nghỉ vậy".

Xin nói: "Ông thật là người thông rành thời cuộc mà lấp bít Đạo. Nghĩa là thời thế xưa như nay vậy, nghĩa là Đạo thiện như ác vậy. Dân thời xưa thuần phác, bởi được Đạo ấy vậy. Dân ngày nay hư ngụy, bởi mất Đạo ấy vậy. Tôi mắc hoạn Đạo đức đó không tu, chẳng mắc hoạn với dân đó không chóng hóa; mắc hoạn Chính giáo đó không thấu đáo, không mắc hoạn dân đó chẳng thuần. Kinh Thi nói: "Chặt cây, chặt cây, đó thì chẳng xa; cầm búa để chặt cây, liếc mà nhìn đó còn lấy làm xa". Là nói Đạo đó không xa tu mà thấu đáo đó vậy. Khổng Tử nói: "Đức đó lưu hành nhanh đến như đặt trạm mà truyền mạng". Tức nói Chính giáo hóa dân nhanh chóng vậy.

Vua Văn Đế (Lưu Hằng 179-156 trước tây lịch thời tây Hán?) thời nhà Hán tu luyện, im lặng làm chính chuyên ở khoan hậu, thẹn nói lỗi quá của người, hóa thành mà đời không tục cáo kiện bới móc. Sai Trương Thích Chi làm Đình úy, muốn đó gìn giữ pháp rất nhẹ, khi ấy Hình phạt lớn giảm bớt, cuối năm bị giam ngục chỉ còn bốn trăm người, thiên hạ có phong Hình thố. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời Tiền Đường dẹp đời họa loạn muốn dùng văn để trị thiên hạ, dẫn Phòng Kiều, Đỗ Như Hối các nho sĩ cùng dốc sức muốn hưng thịnh Vương Đạo, thiên hạ bèn đại trị. Như thế suốt ba mươi năm, nhà dân cửa ngoài chẳng đóng; đi ngoài núi Lữ hành mà chẳng cần mang lương thực, cuối năm bị giam ngục không quá ba mươi người, tha cho họ về nhà mà các người ấy đúng kỳ hạn thảy đều đến lại. Lúc ấy, thiên hạ cũng ngõ hầu phong của Hình thể. Nhưng ở hai đời trong nhà Hán nhà Đường, mỗi đều tiếp nhận tục cũ của nhà Tần nhà Tùy, dân đó đâu chỉ nhã thiện sư? Nên xưa nói là: "Trị thiên ha, nhìn sức đó hành như thế nào vậy". Người ấy im lặng kính bái rồi lui ra.

CÔNG TƯ

Công Đạo là dẫn dắt chúng đông, Tự Đạo là tự giẫm bước một mình. Công tư có khác điểm xuất phát mà cùng chung điểm hướng đến vậy. Chỗ gọi là cùng chung điểm hướng đến tức hướng đến ở Nghĩa vậy. Công chẳng dùng Nghĩa, để chọn lựa thì không lấy gì để đồng thiên hạ; Tư không dùng nghĩa để tự xử thì không lấy gì để giữ cửa mình. Nghĩa ấy là cửa ngoài của hai Đạo, công tư do đó mà hợp bày. Cho nên, Quân tử nói, ở công thì chuyên ở Công Đạo, nói ở tư thì toàn ở Tư Đạo. Chẳng phản công mà giúp tư, chẳng xét tư mà loạn công, nên đốc xuất người mà người theo đó, giữ chính mình thì mình được đó. Thi nói: "Há chẳng

nhớ về, việc vua chẳng xét, tâm ta buồn thương". Bởi nó có được Công Đạo vậy. Việc vua chẳng xét là không thể sanh lúa thóc, bởi nói đó mất Tự đạo vậy. Kia là Quân tử vậy, chẳng hưởng không vậy, bởi nói đó chẳng vì tư mà xâm phạm công vậy. Mưa nơi ruộng công ta, bèn đến ruộng tư ta vậy, bởi nói đó chẳng vì công mà quên tư vậy. Vừa mới lúc nhà Chu suy mà Tư Đạo mạnh mẻ. Chư hầu ấy chuyên đánh chiếm, Đại phu ấy chuyên việc chính. Khuyết lễ, nhạc, tế, tự, điên đảo chẳng luân thường, hơn hai trăm năm rối ren đại loạn mà chẳng cản ngăn. Xuân Thu làm nên Chánh ở Công Đạo. Kịp đến thời nhà Tần, dùng thử pháp của Thương Quân mà Công Đạo trở lại mạnh. Thiên hạ lại khốn khổ bởi thuế khóa, trăm họ chết chóc bởi luật hình. Nhà Tần chẳng cải đổi, đời sau đó cũng diệt mất, nhưng Công Đạo chẳng hẳn mạnh vậy, Tư Đạo chẳng hẳn yếu vậy. Chánh mà thôi vậy. Vương chế mười một điều thuế khóa, Tỉnh điền thì tám nhà được chín trăm mẫu. Đầm cầu chẳng cấm, cửa xét chẳng đi, tội nhân không làm tớ. Già, ta già đến cả người cũng già; trẻ, ta trẻ đến cả người cũng trẻ, đó mới là quân bình của công tư vậy. Phàm công tư ấy là còn ở nơi lớn thì nước nhà Triều đình, đó gọi là công, trăm họ nhà cửa vây quanh, đó gọi là tư. Còn ở nơi nhỏ thì mọi người là công, chỉ ở một người gọi là tư. Nếu được nghĩa, tuy nó nhỏ cũng có thể tôn quý. Nếu không phải nghĩa, tuy nó lớn cũng xem thường vậy.

Vua Văn Đế (Lưu Hằng 179-156 trước Tây lịch) thời Tây Hán, vì ngàn vàng mà bãi bỏ Lộ Đài, có thể gọi đó là giúp tư vậy, vì một lộng Thần, mà cản trở Pháp, có thể gọi đó là phòng ngại công vậy. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời tiền Đường, mới bàn nghị Thái tử, dốc sức mà nói: "Bái xin cậu nó cho nó", có thể gọi đó là ngăn tệ công mà tỏa sáng tư vậy. Lan Tương Như chẳng xét Liêm Phả, có thể gọi đó là tôn trọng công mà xem thường tư vậy. Quản Di Ngô ba lần trở phản điếm, có thể gọi đó là tôn trọng tư mà xem thường công vậy. Cữu Phạm, có thể gọi đó là mới đầu công, Tuân Tức, có thể gọi đó là sau cùng công vậy. Vương Bôn, có thể gọi đó là khi miệt công, khi miệt tư. Thiếu Thố xin cắt đoạn, có thể gọi đó là cẩu thả công vậy. Bình Tân bày liêm kiệm, có thể gọi đó là cẩu thả tư vậy. Hoắc Quang vì vật báu đó mà chẳng đánh giặc, có thể gọi đó là chẳng thuần công vậy. Công Nghi từ bõ quỳ chức đó, có thể gọi đó là thuần công vậy. Tăng Tử khấu dứt mà phản Võ thành, có thể gọi đó là chẳng cẩu thả tư vậy. Nhan Chân Khanh vì hại chết đó, có thể gọi đó là chẳng dùng tư mà khuất công vậy. Đông Hạ buộc sừng tứ sanh, có thể gọi đó là vì công mà khuất tư

vậy. Kiềm Lũ Nghiêm quân bình, có thể gọi đó là an tư đó vậy. Lỗ Liên đoạn cành cây, có thể gọi đó là chẳng vì công mà biến đổi tư vậy. Than ôi! Công, tư, lớn, nhỏ, nó ở tại vật há chẳng sờ sờ ư? Đâu phải tự mờ tối mà khinh thường Trung ấy ư?

LUẬN TÍN

Với nhân đạo, tín là đầu mối vậy. Người mà không tín, thì đạo lấy gì để giáo? Đạo suy Tín do đó thực hành, Tín dẫn Đạo, do đo thấu đạt. Quân tử chuyên việc Đạo cho nên cẩn trọng đối với Tín vậy. Tín của Vua còn ở Chính, Tín của cha còn ở thân, Tín của thầy bạn còn ở Pháp. Chính sai lầm thì dân không chỗ tin, Thân khinh thường thì con không chỗ tin, Pháp mất thì Hoạn học không chỗ tin. Nên người khéo làm chính, chánh hiệu lệnh mà dân đó chẳng dám trái. Người khéo làm Thân, chánh ân ái mà con họ chẳng dám nghi ngờ. Người khéo làm Pháp, chánh học hành mà học trò họ chẳng dám bất kính. Quân tử chánh tín vậy, tiểu nhân cẩu thả tín vậy. Chánh tín nên thực hành lâu mà chẳng trái Đạo ấy. Cẩu thả tin nên cho lâu mà hẳn mất nghĩa vậy. Tiểu nhân chẳng tin Thiên mạng, Quân tử chẳng tin bất nghĩa. Chẳng tin Thiên mạng nên vọng cầu mà lắm sai quấy. Chẳng tin bất nghĩa nên không vọng mà tự đủ. Nhưng mà, Chánh tin của tiểu nhân chẳng như phát Đạo của Quân Tử, vâng tin của Quân Tử chẳng như miễn khỏi sai quấy của tiểu nhân. Lắm thay! Đời sau không tin vậy. Nhưng chẳng phải không tin của người, đó do vì người làm tin chẳng đủ, tin nên vậy. Bày đạt lộ là sách vở, bày người dân là giáo lệnh. Sách vở lầm hoặc thì đạt lộ do đó mà mê mờ mất hướng Nam bắc; giáo lệnh mất thì người dân do đó mà khinh thường trên dưới. Thang, Võ có giáo mà thiên hạ bẩm nhận, có thể mà thiên hạ cùng theo đó cũng là chỗ phô bày đầu mối vậy. Vì người đời sau ban lệnh mà tự lầm hoặc, hành sự mà tự khinh thường, nói Đạo mà tự trái phản, như vậy là phô bày không tin đến với dân đó vậy, đến với con họ, đến với học trò họ. Họ làm không tin cũng chẳng thích nghi ư? Sợ đời mất thành thật, Nghiêu Thuấn do đó cẩn trọng đối với tín. Sợ đời mất tín, thang, Võ do đó cáo thề, Sợ đời mất cáo thề, Xuân thu do đó cẩn trọng thề ước. Sợ đời mất thề ước, chư hầu do đó giao thề ước. Nhưng thề ước càng nghiêm cẩn mà biến đổi càng nhiều. Con tin càng nặng mà loạn càng lắm. Nên nói, chư hầu tạm tin mà chẳng phải tin, Tam Vương suy tín mà chuốc lấy tín, Ngũ Đế ôm giữ tín mà tin lớn. Tin lớn nên chẳng lệnh mà dân tự hóa, suy tín nên có lệnh mà dân tự theo, không tín nên tuy có lệnh mà dân chẳng kính.

Chẳng lệnh là hóa đó thành thật vậy, có lệnh là giáo đó chánh vậy. Tuy lệnh mà chính ấy loạn vậy. Võ Vương đánh Trụ, tám trăm chư hầu chẳng hẹn mà nhóm tụ tại Mạnh Tân, Võ Vương dùng Đại nghĩa tin ở thiên hạ, nên thiên hạ chẳng nhẫn không theo vậy. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời tiền Đường ban luật hình xác đáng đối với dân mà dân đó đúng kỳ hạn đều đến. Vua Thái Tông dùng Đại hình đối với thiên hạ, mà thiên hạ không dám chẳng phục vậy. Có thể tin mà chẳng tin là không trí; không đáng tin mà tin là không tốt lành. Tin đáng tin là tin thành thật vậy, tin không đáng tin là tin nịnh bợ vậy. Tin nịnh bợ là nguy ách hẳn đến, tin thành thật là an ổn hẳn đến. Tin của Quân tử là chỗ bó buộc của an ổn và nguy ách, không thể chẳng cẩn thận vậy. Quân tử tin lời nói của người mà không đo lường tình của người, tiểu nhân đo lường tình của người mà chẳng tin lời nói của người vậy.

THUYẾT MẠNG

Vật đều tại mạng, không biết mạng thì mọi sự mất chỗ của nó vậy, nên người quý tận lý mà tạo mạng. Mạng ấy là tương giao của trời người, nên nói có Thiên mạng, có nhân mạng vậy. Thiên mạng tức chỗ tụ hội của trời, nhân mạng tức nơi truyền trao của người. Phàm, Thiên ấy là đứng đầu của Tam cực, Thánh nhân trọng cái đầu ấy, nên gồm nói chung là Thiên mạng. Thiên mạng thấu đáo thì nhân mạng hẳn vậy. Chỗ thấu đáo đó tuy u minh nhưng nó có công hiệu, hẳn đó tuy sang hèn nhưng nó có chuẩn định. Sang hèn có chuẩn định nên không thể quanh co mong cầu ở trời. Quanh co mong cầu ở trời thì phế mất nhân đạo, U minh có công hiệu nên không thể cẩu thả cậy ở người, cẩu thả cậy ở người thì trái nghịch với Thiên đạo. Cho nên, người xưa có chỗ làm là không dám khinh thường Thiên mạng. Có chỗ giữ mà không dám vượt nhân mạng. Thế nào gọi là Thiên đạo ư? Thiên Đạo là thích thuận vậy. Thế nào là Nhân đạo ư? Nhân Đạo là tu giáo vậy. Nên người xưa, đức hợp Thiên đạo mà thiên mạng thuộc đó, đức đến Nhân đạo mà nhân mạng an ổn đó. Xuân thu là trước xuân mà kế đến Vương, đó là Thánh nhân hiển bày tôn quý Thiên mạng của Vương giả để chánh kế đến Vương. Đó là Thánh nhân văn minh Vương pháp Thiên mà hợp Thiên đạo vậy. Cho nên, được Thiên mạng thì gọi đó là Chánh thống, phế bỏ Nhân đạo thì gọi đó là loạn luân. Hoặc hỏi: “Nói Chánh thống sao rõ ràng ư? Ông hãy nói hết đó vậy?” Xin nói: “Xưa kia, dân gặp phải ách nạn Hồng thủy, thiên hạ mắc bệnh đó, Võ dùng cần lao để cứu vớt thiên hạ đã đắm chìm, công đức hợp với trời, mà Thiên mạng quy về

đó, nên nói là Chánh thống vậy. Cuối thời nhà Hạ, dân không hơn nổi sự hung ngược đó, thiên hạ phải chịu khổ đó, do Thang là bậc Chí Nhân nên Thiên mạng quy về đó, nên làm Nhân thống vậy. Cuối thời nhà Ân, như Hạ Văn Vương là bậc Chí Đức mến thương dân nên Thiên mạng sắp quy về, mà Võ Vương tiếp thừa đó, nên làm Thiên thống vậy. Ở thời nhà Tần nhà Tùy, mọi người phải khổ bởi mở mang đó. Ở thời nhà Hán, nhà Đường mới dùng khoan nhân, khua động ngũ quý ngụy loạn vậy. Triều đại nhà Tống chúng ta dùng Thần Võ mà bình trị nên Thiên mạng đều quy về vậy.

Hoặc hỏi: "Thiên sự (việc trời) sâu tối, chẳng thể thấy nghe tiếp nhận, mà gọi là Thiên mạng, lấy gì để làm rõ đó ư?"

Xin nói: "Tâm người kết quy ở Đức đó, và Ngũ hành Thất chính thuận theo thời đó ấy vậy. Như Thuấn, Vũ, Thang, Võ do đó mà hưởng thiên hạ. Thái Thệ nói: "Trời nhìn tự dân ta nhìn, trời nghe tự dân ta nghe", do đó mà rõ ràng Thiên mạng vậy. Khác đó là ở đời sau suy Đồ sấm phù thụy, cho là được mạng ấy vậy. Dùng Ngũ hành cùng thắng, cho là được Đức ấy vậy. Ngũ thắng thì cơ hồ nhàm chán thắng vậy. Phù Thụy thì cơ hồ Thần kỳ. Cuối thời nhà Ngụy, Nam bắc tạp nhiên xưng chế mà đua nhau tự cho là được Thiên mạng và đem binh lính cùng xâm chiếm nhau. Khắp trong bốn biển dân chết như cỏ rạ. Phàm nhân mạng là nhân tâm người mà an ổn con người, đó thì tâm người quy về đức ấy vậy. Ngũ hành Thất chính thuận theo thời ấy vậy. Tuy nói vâng phụng mạng của trời mà kỳ thật an ổn mạng của trời ấy vậy. Đời sau bất nhân mà bỏ đức, mới bắt đầu khác đó mà khiến như vậy. Bị tội đó nên chẳng dung thứ luật hình. Thiên mạng là mạng lớn vậy, Nhân mạng là bẩm thọ trời mà thành hình, cũng là mạng lớn vậy. Tương giao mạng lớn là quý dùng khí hội, hội đó chẳng được chánh ấy vậy. Tuy thành người đó mà chẳng phải người thiện, tuy thành hình đó mà chẳng phải hình đẹp. Nên trời ấy là Thường thừa, chánh mà mạng người, nên người ấy thường gìn giữ mà thừa trời. Như vua chẳng phải được trung đó thì không thể suy mạng ở dưới đó, Bề tôi chẳng phải có chức đó thì không thể bẩm mạng ở trên đó. Cha bảo con đó hẳn đối đãi bằng hiếu, con vâng lệnh cha hẳn phải cung, đó là Đạo của trời người vậy. Nên xưa trước gọi là chánh thấy, nghĩa là dùng một chánh mà thông thiên hạ vậy. Thông đó chẳng chánh thì thiên hạ lấy gì để thông ư? Đời sau chẳng kịp xưa trước lắm nhiều vậy, đâu phải thiên mạng lại đến chánh đó ư?

HỎI VỀ HOÀNG

Có người hỏi: "Nay xưng là Hoàng mà chẳng liệt bày Đạo đó, với học sĩ thật hẳn nghi ngờ đó mà không biện rành. Tuy nhiên, Bách gia tạp xuất, quân tử cho là chẳng phải chỗ tin vậy. Đó quả thật là có hay không có ư? Ông là bậc chí học, không lầm lẫn Thánh nhân, hẳn có thể dẫn nêu phân quyết. Xin vì tôi mà nói rõ đó vậy".

Xin nói: "Sao nói là Hoàng Đạo không có ư? Chỉ đặc biệt là không thấy vậy. Phàm, Hoàng Đạo là Đại giản vô vi, chẳng thể được mà nói đó, vời vời chẳng lặng, hợp thể ở nguyên cực. Nguyên ấy là trùm của bốn đức, gốc của năm thủy, Thể mà còn đó, Thánh nhân do đó mà hóa vậy. Suy mà làm đó, Thánh nhân do đó mà giáo vậy. Giáo ấy có nghĩa là của Ngũ Đế, hóa ấy có nghĩa là của Tam Hoàng. Khéo suy giáo hóa thì Đạo của Hoàng Đế sáng rỡ như vậy. Cổ Ngữ nói: "Đức hợp với Nguyên là Hoàng, Đức hợp với Trời là Đế, cùng với nhân nghĩa hợp là Vương". Ai bảo Hoàng không đạo chân thật ư?"

Lại hỏi: "Như vậy, Khổng Tử hợp suy mà rộng đó, mà Tố thuật nào riêng tôn quý Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ mà thôi vậy?"

Xin nói: "Thánh nhân nói làm là hẳn lấy điểm thích nghi của thời ấy. Nếu chẳng phải thích nghi đó, tuy là Nghiêu Thuấn hẳn không nhọc làm vậy. Nên nói, Khổng Tử là thời của Thánh ấy vậy. Nói Khổng Tử hay dùng thời đáng làm mà làm đó vậy. Xưa kia, Khổng Tử ở đời nhà Chu đang lúc suy, nhân châm chước thời của đời sau hẳn cũng càng bạc bẻo và hư ngụy, nhân đó chẳng xưng lấy Đạo của Đại giản để hóa. Cho nên, suy ở Lễ, Nhạc, Hình, Chính ấy vậy, bởi để hợp với thời của đời sau mà trị nó thích nghi như vậy. Nhưng Lễ nhạc tạo lớn, chẳng phải tạo ở Nghiêu Thuấn. Hình Chính đầy đủ lớn, chẳng phải đầy đủ ở Văn Võ. Do đó, Khổng Tử suy tôn quý ở Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ ấy vậy. Nên Hoàng Đạo là Thánh nhân còn mà chẳng suy vậy. Vương Đạo là Thánh nhân suy mà chẳng nhường vậy. Dịch nói: "Giòng họ Bao Hy mất, giòng họ Thần Nông làm. Nghiêu Thuấn rũ áo xiêm mà thiên hạ bình trị". Đó là Thánh nhân hiện Hoàng Đạo mà còn ấy vậy. Lễ nói: "Hành của Đại đạo cùng Anh của Tam đại, Khổng Khâu chưa hợp đó vậy, mà còn chí vậy". Đó là Thánh nhân ngợi ca Hoàng Đạo mà không được hành ấy vậy. Đến lúc có Doanh Lương mà rảo đến hành đó, chẳng xét nguyên do nó đã trải qua mà rảo tới hành đó, tiếp vì đường gồ ghề mà cùng đua tranh. Như vậy, tuy là ngu phu cũng cười đó không biết Đạo vậy. Cùng với các học giả ngày nay biện bày nào khác gì ư? Lão Tử, Trung Sanh, cũng từng luận Hoàng Đạo, mà học sĩ thường lấy làm

sách của Thánh nhân. Xen tạp chỗ phát xuất mà xem thường, đó cũng chẳng phải rõ ràng vậy. Phàm, Hoàng Đạo, dùng theo Dịch mà nói thì Văn Vương, Chu Công là Tiên đức đó vậy. Lão Trang kia sao có khả năng đứng đầu đó ư?"

Lại hỏi: "Khổng Tử nói: "Sách của Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế, gọi đó là Tam phần, nói là Đại đạo. Sách của Thiếu Hạo, Hiến Đế, Cao Tân, Đường Ngu, gọi đó là Ngũ điển, nói là Thường đạo vậy". Nay ông luận về Hoàng Đế mà nào thấy chỗ gọi đó là Đại đạo, thường đạo ấy ư?"

Xin nói: "Giòng họ Khổng kia cũng dùng dấu vết giáo hóa ấy mà đặt để mục đích đó vậy. Tôi vốn nơi Đạo chân đó mà nói, vết tích giáo hóa đó vậy. Thể của Đạo vốn vậy. Lén nhìn dấu tích thì thích nghi đó có Đại có Thường, tận cùng gốc thì Hoàng và Đế là nên một. Khổng Tử có thể gọi là thấy ngoài biến ấy vậy, sao đủ để biết Đạo sâu ư? Hoặc giả hiểu vậy mà làm.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 6

LUẬN NGUYÊN

HỎI VỀ BINH LÍNH

Người khách đem luận Binh lính mà hỏi. Ông già buồn bả nói: "Sao hỏi đến tương thuộc ấy? Tôi là người nhà quê sao biết được binh lính ư?" Người khách nói: "Ông học đó gồm cả Nho, đạo, của Nho đủ cả văn võ. Binh lính cũng là công hiệu của võ vậy. Không biết võ sao gọi đó là đạo?" Xin nói: "Đạo ấy là binh lính nào chân thật cũng là nhân nghĩa mà thôi". Người khách ấy không thấu đạt, tạm lánh đi. Ông già mới tự nhiên nói với mọi người còn ngồi lại rằng: Binh lính là hình, phát xuất từ nhân mà chủ ở nghĩa. Vì phát xuất từ nhân nên dùng đức nhân mà thương xót loạn, vì chủ ở nghĩa nên dùng nghĩa mà dừng hung bạo. Dùng nghĩa mà dừng hung bạo nên cùng chánh mà chẳng cùng loạn. Dùng đức nhân mà thương xót loạn nên mưu cầu sống mà chẳng mưu tính giết hại. Cho nên, binh của Ngũ Đế, gọi đó là Chánh hình, Binh của Tam Vương, gọi đó là nghĩa chinh. Nghĩa chinh cử động mà thiên hạ không ai chẳng nghĩ nhớ, Chánh hình thi hành mà thiên hạ không ai chẳng thuận theo. Sau Viêm Đế không buông tuồng, mà giòng họ Hiên Viên trần bày ở Thác Lộc, binh lính chưa tiếp mà người đó đã phục, giòng họ Cọng Công Phong Thỉ Dân đó, mà Chuyên Đế đánh đó, cũng chưa đánh mà bèn phục. Thang xoay mặt hướng Đông mà đánh Tây Di oán, xây mặt hướng Nam mà đánh Bắc Địch oán, nói sao làm sau ta, dân trông đó như đại hạn mà trông ngóng mây mống vậy!" Trụ vì vô đạo mà Võ Vương đánh đó, đến nơi Mạnh Tân chẳng loan báo mà chư hầu tự hội. Trụ có ức triệu người Di, chẳng dùng ở Thương mà dùng ở Chu. Chu suy mà binh đao một biến, chỗ gọi là nhân nghĩa bèn mất vậy, mới phát ở hung bạo mà dẫn đến dối trá. Nước mạnh dùng binh hoành hành, nước lớn dùng binh lực lưỡng, nước tức giận dùng

binh loạn, nước tham dùng binh xâm chiếm. Tề mới đầu thắng ở Sở, mà Tề về sau mắc nợ Tần. Đắp đổi hưng thịnh, đắp đổi diệt mất, cùng loại như đánh cờ làm vui vậy. Phàm, binh là việc nghịch vậy, không thôi thì Quân tử dùng đó. Cho nên Thánh nhân chuộng đức mà chẳng chuộng binh lính, do vì rõ biết binh lính không thể chuyên tạo thiên hạ. Cốc Lương Tử nói: "Mang áo giáp, đội mũ trụ chẳng phải chỗ để nước nhà hưng thịnh vậy chỉ dùng để giết bạo loạn vậy". Văn Trung Tử nói: "Nước mất đánh binh, nước Bá đánh trí, nước Vương đánh nhân, nước Đế đánh đức, nước Hoàng đánh vô vi". Thánh nhân không lấy binh làm chuộng, có thể dùng nhân nghĩa làm, nên nói nhân nghĩa mà thôi vậy. Binh lính trống rỗng sức lực dối trá, mà Quân tử chẳng cùng. Tôi cùng đó ư?" Mọi người ngồi đó cùng ngợi khen là: "Chưa từng nghe vậy!" Xong, Kính bái mà ra về.

BÌNH VỀ NHƯỢNG (Nhường nhịn).

Ở đời nói về Nhượng tức là nên có sự khinh trọng, bởi người học lẫn lộn làm một mà phải biện luận đó. Đối với Lễ, không riêng biệt thì đời sau lấy gì để thủ pháp ư? Như Thiên tử đem thiên hạ mà nhường cho chư hầu, đem nước nhà mà nhường cho các khanh Đại phu, đem tước vị mà nhường cho các Sĩ thứ, đem danh lợi mà nhường. Đó đều có nguyên do mà nhường ấy vậy. Họ do vì nhường đó mà được chánh, thì Lễ đó có thể giữ vậy. Sở dĩ nhường đó mà không được chánh đó thì Lễ đó lấy gì thủ ư? Phàm, nhường đó có dùng thời mà nhường, có dùng nghĩa mà nhường, có vì danh mà nhường, có vì thế mà nhường, có vì cẩu thả mà nhường. Do thời mà nhường là nhân, do nghĩa mà nhường là khuyên, vì danh mà nhường là kiêu, vì thế mà nhường là khốn cùng, vì cẩu thả mà nhường là loạn. Như Ẩn Công ở Lỗ, đó là cẩu thả mà nhường vậy. Hiếu Bình ở thời nhà Hán, đó là vì thế mà nhường vậy. Quý Trát, Tào Tử Tạng ở thời nhà Ngô, đó là vì danh mà nhường vậy. Thời của Nghiêu đại đồng, thời đó có thể nhường nên từ tốn đến Hiền mà thiên hạ đội nhờ đức nhân ấy vậy, nên nói do thời mà nhường là nhân vậy. Đời của Võ có nhiều thế lực tranh giành, thời ấy không thể nhường cho người, nên người con tiếp thừa đó mà thiên hạ cũng đội nhờ đức nhân ấy vậy. Thái Bá, Bá Di do Hiền tướng suy mà nghĩa đó có thể nhường vậy; nhường đó để khuyên trăm đời, nên nói do nghĩa mà nhường là khuyên. Quý Trát, Tử Tạng đang lúc các nước cùng đua tranh mà cha con giao đánh tàn hại nhau, mới vì nhường danh phấn phát, do vì kiêu kích thời ấy vậy, nên nói vì danh mà nhường là kiêu vậy. Hiếu Bình ở

thời nhà Hán, quẩn bách bởi thế của bề tôi mạnh mẻ mà tự thân khốn cùng gần như chẳng thể chấn chỉnh, bèn đem thiên hạ đó mà nhường, nên nói vì thế mà nhường là khốn cùng vậy. Ẩn Công ở Lỗ chẳng vì công mà nhường, chẳng phải người mà cẩu thả nhường ngôi, cuối cùng đưa đến dân loạn, nên nói vì cẩu thả mà nhường là loạn vậy. Mạnh Tử nói: "Trời cho Hiền thì cho Hiền, trời cho con thì cho con". Tuân Tử nói: "Nghiêu Thuấn Thiền nhượng", hoặc dùng chữ Thiện [??] theo văn của Tuân Tử vậy. Ở đây có ý nói là chuyên tâm, theo lý thì dùng chữ Thiện cùng với chữ Thiên là tương tợ nghĩa vậy, là chẳng thế vậy. Thiên Tử oai thế và địa vị Chí tôn không địch ở thiên hạ, phàm có ai cùng nhường vậy. Dương Tử nói: "Duẫn triết, Nghiêu thiện, Thuấn tôn trọng thì chẳng khinh ở Do vậy". Hàn Tử nói: "Nghiêu Thuấn truyền Hiền là muốn thiên hạ được chỗ vậy, nhưng bốn ông đều chẳng đạt thời của Thánh Hiền". Nói vậy ai rõ ràng ư? Như Nghiêu chẳng phải thời đó thì đâu chịu đem thiên hạ mà nhường cho người khác ư? Giả sử Võ được thời của Nghiêu mà thiên hạ đâu kịp thời người con đó ư? Chỗ gọi là Nghiêu, Thuấn, Võ họ phấn phát ở trên muôn đời là chánh vì thời đó mà làm đó ấy vậy. Nghiêu, Thuấn, Võ là thời của Thánh ấy vậy. Than ôi! Đời sau người đó tự riêng quá lắm ư? Thời của Võ mà người truyền trao chẳng được gốc. Võ nói: "Tôi mến mộ Nghiêu Thuấn, vì họ truyền nhượng (nhường ngôi)", đó cũng vọng vậy. Họ biết thời ư?

HỎI VỀ BÁ

Có người hỏi: "Quân tử xưng Vương hoặc chẳng xưng Bá, có nghĩa Bá là nắm quyền, Vương là tu tín, mà Bá sao gọi là không tín ư? Hẳn là nghi ngờ Đạo ấy vậy. Mong ông biện giải đó, khiến sự việc của Hoàn văn đều được rõ ràng vậy".

Xin nói: Vương chuộng đức, Bá chuộng công. Phàm, Vương có quyền, Vương giả dùng quyền mà thực hành đức vậy. Bá có quyền, Bá giả dùng quyền mà thủ công vậy. Thủ công nên quyền đó chưa hẳn là không riêng tư. Hành đức nên quyền đó chưa hẳn là không công vậy. Cho nên, công là làm quyền, mà tư làm dối trá vậy. Vương có Tín thành thật tin vậy, Bá có Tín giả dối tin vậy. Giả dối tin nên càng lâu càng biến đổi. Thành thật tin nên càng lâu càng tin. Tề Hoàn Công mới nhóm hội chư hầu, từ Bắc Hạnh đến U có mười một chúa thế mà chư hầu đều thuận, vì tín đó còn vậy. Kịp đến Thành duyên lăng mà chư hầu đều tan, vì tín đó biến đổi vậy. Văn Công ở thời nhà Tấn, họ đánh chiếm Sở đạp đất tới thề, vì công tự cao bèn với Thiên Vương. Đó bày rõ dối

trá vậy. Cho nên, Quân tử ngợi khen đó là ngợi khen công đó đáng thời vậy. Chẳng ngợi khen là ghét đó dối trá lại chẳng thành thật. Thi ngợi khen là dùng móng vuốt lấy gỗ để ném ta, dùng ngọc Quyền Cư để báo đáp đó. Chẳng những báo đáp đó mà vĩnh viễn dùng làm tốt lành vậy. Công khéo phát vậy. Ông nói khí cụ của Quân vương trọng nhỏ ư? Xem thường đạo của Bá vậy. Bá ở thời Trung cổ, có khác Lễ mà không khác Đạo, Bá của thời Hậu cổ, có khác Đạo mà không khác Lễ. Giữ chức mạng mà chẳng chiếm chinh, cũng chẳng có khác Lễ ư? Tin chinh phạt mà chuộng sức dối trá, cũng chẳng có khác Đạo ư? Nên nói, Bá chẳng phải xưa cổ vậy, loạn Vương chính bắt đầu từ Hoàn Văn. Nay Thế tục nói: "Bá Đạo vừa biến trị là chẳng thể không dùng vậy". Trọng Ni nói: "Quản Trọng cùng Hoàn Công bá chư hầu là một khuôn thiên hạ. Dân mãi đến nay nhận ban trao đó. Nhỏ nhen Quản Trọng, tôi nó trùm tóc vạt áo bên tả vậy. Tôi vất bỏ đó. Ôi! Khiến cả thiên hạ cuồng dối quỷ quyệt truyền đến cả con cháu thuyết của Ngô khởi đắm chìm mà chẳng trở lại vậy. Đó thật là lời của người ngu, sao đủ để biết ý của Thánh nhân ư? Chỗ gọi là vừa biến là bởi Quân tử dùng nghĩa của Chánh ấy vậy, đâu nói dùng Trí dối trá mà biến Chánh Đạo ấy vậy. Xuân thu dèm pha biến chánh xưa để chư hầu dùng riêng tư mà biến công ấy vậy. Phàm, Chí Đạo ở đời chẳng nghĩ nhớ công. Nghĩ nhớ công sợ người ấy nhân công mà đua tranh lợi vậy; hiển bày quyền sợ người ấy nhân quyền mà sanh dối trá vậy. Cho nên, hóa của Nghiêu Thuấn thuần mà hóa của Văn Chương nhường. Nhà Hán nói: "Nhà ta đạp dùng Vương Bá mà trị thiên hạ, tạm nồng hậu mà cuối cùng bạc bẻo, ít nhường nhịn mà lắm đua tranh".

NÓI VỀ QUẺ TỐN

Dịch nói: "Tốn dùng hành quyền, nghĩa là sao? Xin nói: "Quân tử nhân đại thuận mà cư xử sự việc đó ấy vậy. Thời chẳng thuận, dù là Nghiêu Thuấn cũng chưa bắt đầu làm vậy, vì trọng Tốn thuận đó thấu đáo vậy. Dương đắc ngôi vị mà trung chánh đáng ngôi vị vậy. Lương Chánh để dùng Tốn, dùng đó xác đáng vậy, nên Quân tử làm đó vậy. Nhân thuận đó giẫm trải trong đó hiệu nghiệm dụng đó. Nói đó chẳng như thực hành vậy, vật đó không gì chẳng cùng vậy. Nhưng mà thuận của trời hẳn là Đại quyền, sau đó thông soái chánh ấy vậy; làm của quyền hẳn là Đại nhân, sau đó xử lý biến ấy vậy. Quyền ấy có nghĩa là vừa biến ấy vậy. Phàm, Đại nhân biến đó vậy, công tiểu nhân biến đó vậy. Tư quyền ấy là chỗ buộc của trị loạn an ách, nên quyền ấy không

dùng người giả vậy. Khổng Tử nói: "Có thể cùng học mà không thể cùng Đạo, có thể cùng Đạo mà chưa thể cùng lập, có thể cùng lập mà chưa thể cùng quyền", bởi cẩn trọng đó thấu đáo vậy. Chí thuận là thời của Đại hữu vi, Địa vị Trung chánh là địa vị của Quân vương. Cương chánh thì dùng Tốn, Đại quyền của Thiên hạ vậy. Chỉ Thiên Tử ở địa vị đó và hành quyền đó vì thuận theo thời ấy vậy. Dùng Tốn vì để chế vật ấy vậy. Chế chẳng đến nơi thì loạn vậy. Cẩn trọng kín đáo thì dân không biết đó, do vậy mà gian chẳng sanh. Nên Văn ngôn nói: "Đồng thanh cùng ứng, đồng khí cùng cầu". Nước đổ ướt, lửa đến nóng, mây theo Rồng, gió theo Hổ, Thánh nhân làm mà muôn vật trông thấy, gốc ở trời là thân gần trên, gốc ở đất là thân gần dưới, thì mỗi mỗi theo loại đó vậy. Cửu Nhị nói: "Tốn tại dưới sàng" bởi nói thấp kém mà mất chánh ấy vậy, không thể để dùng Tốn vậy. Dùng Tốn thì vật chẳng cùng mà lại loạn vậy. Thượng Cửu nói: "Tốn tại dưới sàng", chôn vùi mất búa vốn liếng, trinh hung đó, bởi nói qua thời ấy thì dùng, chặt không thể được. Đó là mất quyền ấy vậy. Cửu Ngũ nói: "Canh trước ba ngày, canh sau ba ngày". Bởi nói cẩn trọng ban xuất hiệu lệnh đó vậy, nên hiệu lệnh khinh phát và thường luôn cải đổi. Cho nên, dùng Tốn không nên tại Cửu nhị vậy, Thượng cửu dùng Tốn hẳn không thể được vậy. Cửu ngũ họ dùng Tốn ấy vậy, vì thích nghi chuyên ở hiệu lệnh ấy vậy.

NHÂN VĂN

Có người biện luận rằng: "Văn ở đời lớn mạnh, thiên hạ đó sắp thành vậy. Nhưng lớn mạnh đó là văn ngôn, mà văn ngôn sao đủ để nghiệm thiên hạ thành ư? Vậy, Văn gì có thể nghiệm được?"

Xin nói: Hẳn đó là Nhân văn vậy. Dịch nói: "Xem xét Nhân văn mà thiên hạ hóa thành". Đó là nghĩa ấy vậy.

Lại hỏi: "Sao gọi là nhân văn?"

Xin nói: "Văn võ là Đạo của Vương (Vua) vậy. Văn võ cùng cứu tế để sáng rỡ nhân đạo, nên nói là Nhân văn vậy. Văn là Đức, Võ là Hình, Đức dùng an đặt đại nghiệp, Hình dùng hỗ trợ thạnh đức. Đức đó thấu đạt, Hình đó kế tiếp. Nhóm ca Văn Võ do đó lấy văn mà gồm cả. Nên nói là Nhân văn vậy. Phàm, Thánh nhân dùng thạnh đức để giáo thiên hạ, mà thiên hạ gìn giữ Đức đó vậy, bày Đại hình do vì ước chế đó vậy. Đã chánh thì dùng Hình mà thấu đạt đức. Đức ấy là đãi Hình mà giúp đó, Hình ấy là đãi Đức mà quên đó. Cho nên văn võ đều được thì chính đó hòa mà dân đó an. Hình và Đức đều tệ, thì chính đó mất mà dân đó tan. Quân tử do đó mà nhìn sự thành bại của thiên hạ vậy. Tôi

quán xét Chu Văn, văn võ đều thấu đạt đó vậy, Tuyên đó lấm hình mà bình, đức đó suy vậy. Tôi quán xét Hán Văn, cao văn ít thấu đáo, ân huệ đó giảm đức, võ đó lắm nhiều binh lính vậy. Tôi quán xét Đường văn, Văn Hoàng Đại Chánh mà ít rối ren vậy".

Lại hỏi: "Đạo của Tam Đại có chất có văn vậy".

Xin nói: Văn mà mất chất, Vương đạo đó có thể hết ư? Nên nói: "Chất văn hẳn là Thánh nhân sở dĩ vừa biến mà cứu tế vậy". Chất văn gốc chánh mà ngọn tệ vậy. Chất nếu chẳng tệ sao dùng văn làm? Văn nếu chẳng chính sao dùng chất làm? Nên điều ông gọi là văn là Ngôn văn trị chánh vậy. Khổng Tử nói: "Chất của Ngu Hạ, văn của Ân Chu thấu đáo vậy".

Lại hỏi: "Ngôn văn sắp vô dụng ư?"

Xin nói: "Ai không dùng vậy? Nhân văn là thấu đáo, ngôn văn là kế tiếp vậy. Dùng ngôn văn mà nghiệm người ấy, người ấy ẩn náu ư? Nên Nhân văn là chỗ còn của Đạo thiên hạ vậy. Ngôn văn là chỗ ngụ của chí Thánh Hiền vậy. Trước thiên hạ mà sau Thánh Hiền là Thánh Hiền phát ở chính mình vậy; thiên hạ thấu đáo công vậy, nên công là thấu đáo, mà chính mình là kế tiếp đó vậy. Ai nói ngôn văn đó không dùng ư?

TÁNH ĐỨC

Tánh sanh người là đó tự được ấy vậy, mạng sanh người là đó được ở trời ấy vậy. Đức có khả năng chánh nó sanh người ấy vậy. Nghề có khả năng giúp nó sanh người ấy vậy. Nhưng tánh mạng có dày mỏng, mà Đức nghề có lớn nhỏ. Tánh mạng là chỗ sanh tuy được mà chưa từng toàn được, bởi nó dày mỏng ấy vậy. Đức nghề là chỗ người thích nghi khả năng, mà chưa hẳn toàn năng, bởi nó lớn nhỏ ấy vậy. Người thời xưa dày tánh đó mà mỏng mạng đó, có vậy, mà người xưa chẳng lầm hoặc. Người thời xưa thành đạt ở nghề, mà khốn cùng ở đức, có vậy, mà người xưa chẳng loạn. Nên nói Thánh Hiền không toàn đức, Quân tử không toàn năng. Có bên trong đó mà không bên ngoài đó, Thánh Hiền do đó mà không toàn đức vậy; có khả năng ở đức mà không khả năng ở nghề, Quân tử do đó mà không toàn năng vậy. Đức ở trên nghề ở dưới. Quân tử tu trên đó mà chẳng chánh dưới đó, nên Họ chẳng hẳn khéo so với trăm nghề khéo, mà tôn quý ở trăm nghề khéo vậy. Tánh bên trong mạng bên ngoài, Thánh Hiền chánh tánh đó mà chẳng nhậm mạng đó, nên họ khốn cùng đó mà chẳng lo âu, mà trông đó chẳng ngăn ngại vậy. Y Duẫn là bậc Hiền nhân thời xưa, vừa cày ở ruộng tâm, ruộng đó cày

vì họ hay chuộng đó, mà Y Duẫn chẳng dám cùng họ so sánh. Lã Vọng là bậc Hiền nhân thời xưa, vừa câu cá ở Táo Tân, ngư nhân ở Tân vì họ hay chuộng đó, mà Lã Vọng chẳng dám cùng họ so sánh vậy. Đến lúc hai vị trí đó hiển bày ở thời nhà Chu nhà Thương, mà thiên hạ trăm họ do đó mà chánh vậy. Khổng Tử là bậc Thánh nhân thời xưa, vừa dốc sức dò hỏi ở thời Xuân Thu, còn một Lữ nhân mà chưa rãnh nghỉ vậy. Vừa lúc mạng lớn sai lầm mà loạn vật, vật sao chẳng mất Đạo ấy vậy? Nhan Tử, Tử Tư, Nguyên Hiến, Mạnh Kha là những bậc Hiền thời xưa, khốn cùng ở xóm làng hẹp vắng, an vui đó sắp trọn cả cuộc đời mà các vị ấy chẳng đổi niềm vui đó. Phàm, Đức ấy là gồm cả Nhân, Nghĩa, Trung, Hiếu vậy. Tánh ấy là Nguyên Đạo đức tư lự ấy vậy. Nhân nghĩa trung hiếu tu mà đủ để suy ở người vậy. Học của Quân tử là học Chánh ấy vậy, nào hẳn phải nhiều ư? Đạo Đức tư lự sáng tỏ mà đủ để an sự sống ấy vậy. Tận của Thánh Hiền là tận sự sống ấy vậy. Nào hẳn đều vậy ư? Cho nên đời của Thánh nhân, mà người đoán tướng bói cầu không chỗ bày khéo léo ấy vậy. Trước của Quân tử mà Tôn ngô tỏ bày Thương không chỗ khoe pháp ấy vậy. Học của người Ân gọi là Tự, học của người Chu gọi là Tường. Phàm, học của Tam Đại đều do vì chiếu người mà học ở Đức vậy. Đức nghĩa là gốc của học vậy. Văn và nghề là ngọn của học vậy. Thánh giáo ấy của Tam Đại do vì thiên hạ học ở gốc ấy vậy. Tệ giáo ấy của Tam Đại do vì thiên hạ học ở ngọn ấy vậy. Học ngọn nên thiên hạ đều hư ngụy, học gốc nên thiên hạ đều thuần hậu. Cho nên, Quân tử quý họ thuần gốc ấy vậy, Thánh Hiền quý họ tận lý vậy. Người xưa có nói là: "Giàu sang của Tấn Sở không thể kịp". Kia dùng giàu sang đó, còn ta dùng đức nhân của ta; kia dùng tước vị đó, còn ta dùng nghĩa của ta. Ta đâu ân hận ư? Người xưa có nói: "Vui trời đất, mạng tôi nào lo âu ư? Cùng lý tận tánh, tôi nào nghi ngờ ư?"

ĐỂ TÂM

Dạy người là giúp người tồn tâm ấy mới gọi là dạy vậy. Để tâm là xét chỗ cảm đó mà lưu tâm vậy. Để tâm ở thiện thì loại thiện ứng đó, để tâm ở ác thì loại ác ứng đó. Tâm đó chẳng định hình tượng ở chỗ để ấy vậy, ứng đó chẳng định tên gọi ở chỗ cảm ấy vậy. Chỗ cảm ấy còn mà ứng đó, đâu chẳng nhanh chóng mà số cảm ứng chưa từng sai lầm vậy. Tôi từng nghiệm đó. Người đó nghe họ dụng tâm mới đầu thiện mà người ít chẳng mến thương vậy. Nghe người dụng tâm mới đầu ác mà người ít chẳng ghét đó vậy. Tuy mừng giận chưa sanh ra đó, mình đã bị nó ghét thương lại rồi. Nên người để tâm hẳn cẩn trọng chỗ sở dĩ cảm

ấy vậy. Mà người biện giải hẳn quán xét chỗ sở dĩ ứng ấy vậy. Cho nên, Thánh nhân cảm tâm người mà thiên hạ hòa bình, nên nói quán xét chỗ cảm đó mà tình của trời đất muôn vật có thể thấy vậy. Có người đến đây nói: “Người chẳng biết đó, dùng tâm xấu ác mà khinh người, đợi ác tích chứa mà họa đến”. Ai cho là tâm không thể thấy ư? Lại có người đến đây nói: “Tâm, không thể khinh thường, đem tâm thiện mà đãi người, đợi thiện tích chứa mà phước đến”. Sao nói người có thể khinh thường ư? Nên nói: “Họa phước cùng với thiện ác tương giao vậy. Than ôi! Người không toàn tin đã lâu lắm thay! Tin chỗ tâm đó mà không tin chỗ cảm đó vậy. Phàm, trời đất rất xa mà thành thật cảm đó là thông. Tánh lý rất gần, mà vật cảm đó diệt. Nghiêu Thuấn chẳng khuyên nhà mà thiên hạ thuần hậu. Thuần hậu đó là cảm vậy. Trụ Kiệt chẳng người dụ dỗ mà thiên hạ hư ngụy. Hư ngụy cảm đó vậy. Cảm ứng đó nghĩa là họ có thể gấp ư? Tốt chưng bày do vì ứng, chỗ cảm của thiện chính ấy vậy. Xấu chưng bày do vì ứng, chỗ cảm của ác chính ấy vậy. Ngũ phước là chỗ để tâm của người thiện, nghiệm của tốt lành vậy. Lục cực là chỗ để tâm của người ác, nghiệm của xấu xa vậy. Trời người cùng dự mà chưa từng ngang trái vậy. Ôi! Đâu có người làm đó mà người thật vời đó. Phàm, chính là bày chỗ đồng có của thiên hạ vậy, chỗ nguyên do của muôn dân vậy. Thiện ác của chính, dân do đó mà theo đó vậy. Nên nghiệm đó như mưa tạnh ấm gió lạnh. Ngũ (Phước?) là bày đồng đó của thiên hạ ấy vậy, tự nơi một thân người vậy. Thiện ác của người, thân do đó mà chấn động đó ấy vậy. Nghiệm Phước cực đó là nêu bày tự đó của một thân ấy vậy. Phương gia cảm nguyệt mà thủy, Dương toại cảm nhật mà hỏa vậy, mây theo rồng, gió theo hổ vậy. Người phương Nam cất tiếng ca... (mất 02 chữ thuộc Địa Danh) cỏ múa. Núi đồng mới đổ mà Cảnh Dương chuông ngân vọng. Đó là cùng cảm của vật ấy vậy. Nhân đạo do tình cảm nên đời đời chẳng cùng. Thánh nhân do Thần cảm nên u minh thông một. Cho nên để tâm ở Hiền mà Hiền thấu đáo, để tâm ở Ngu mà Ngu lại, để tâm ở cha mẹ thì người con có hiếu, để tâm ở học thì học trò đó khuyên. Chỗ gọi là ra ở đâu trở lại ở đó. Lời nói đó là gồm vậy.

GIẢI VỀ PHƯỚC

Ở đời nói, phước là chuyên lợi mà nói đó. Tôi cho rằng, phước là chuyên Đạo mà nói đó vậy. Do lợi và đạo nên phân chia phước làm thành hai mối. Lợi phước là thường nhiều có vậy. Đạo phước là thường ít có vậy. Nhiều nghĩa là mọi người, ít nghĩa là Thánh Hiền. Nên nói,

phước của Thánh Hiền là chỗ được của Thánh Hiền vậy, phước của mọi người là chỗ được của mọi người vậy. Thánh Hiền có chỗ được mà Thánh Hiền vui đó, mọi người có chỗ được mà mọi người ham muốn đó. Ham muốn đó nên thiên hạ đua tranh lợi vậy, vì thấy vui nên thiên hạ an tánh vậy. Cho nên, người ở đời không vui đó là chẳng làm vui đó vậy; có ham muốn đó, chẳng làm an vậy. Được cái được của Thánh nhân gọi là trọng, được cái được của mọi người gọi là khinh. Trọng chỗ trọng do vì dẫn dắt thiên hạ đều thuần Đạo, khinh chỗ khinh do vì dạy thiên hạ xem thường lợi vậy. Tề Hầu, Sở Tử họ giàu sang mà thiên hạ chẳng thể kịp, đến lúc họ vì đó mà cùng nhau tranh giành giết hại, tuy nói là phước đó mà kỳ thật là họa đó. Nhan Hồi, Nguyên Hiến họ bần tiện mà thiên hạ chẳng ai bằng, đến lúc họ vui Đạo toàn Đức mà đời sau mến mộ tiếng tốt họ vậy. Tuy nói là cực đó mà kỳ thật là phước đó. Nay trong thế tục nhìn thấy vui của Quân tử nhưng thân họ chẳng khua động bảo: "Phước sau làm Thánh Hiền ư?" Thấy nhà cao sáng, phóng thế đầy ham muốn nói: "Chỉ do phước vậy". Sắp nhảy vọt ý mà mưu toan giàu sang, đó sao gọi là an phước ư? Giả sử khắp thiên hạ đều cùng dẫn nhau trái Đạo mà hướng đến lợi, đó là tội của nó vậy. Phàm, phước của Thánh nhân là gốc của phước; phước của mọi người là ngọn của phước. Tu gốc để đến ngọn là người xưa có vậy, như Thuấn là hạng người đó. Dùng ngọn mà thực hành gốc, người xưa cũng có vậy, như Chu Công là hạng người đó. Còn Thánh nhân của tôi trước nói: "Đạo làm nền tảng phước có thể dùng để tu hành ấy vậy". Nên Quân tử có Đạo mà không giàu sang, gọi là thời vậy mà Quân tử chẳng ân hận; có giàu sang mà không có Đạo gọi là nhục vậy, mà Quân tử xấu hổ đó. Giàu sang mà có Đạo, Quân tử mở rộng đó vậy. Đời sau bỏ Thánh Hiền mà theo mọi người, cũng chẳng phải khinh gốc mà trọng ngọn ư? Gốc ngọn điên đảo thì trời sao cùng nồng hậu ấy ư?

BÌNH VỀ ẨN

Văn Vương và Thái Bá, họ là đồng đạo với nhau vậy. Văn Vương mới đầu phụng sự Trụ, mà tự ẩn đức, Thái Bá sau cùng trốn Ngô mà ẩn sanh. Xuất xử của Quân tử hoặc nói hoặc nín vậy, đều do vì dạy răn vậy. Văn Vương và Thái Bá họ đồng đạo và đồng làm dạy răn vậy. Nên nói: "Đời loạn thì ẩn đức, đời bình thì ẩn danh". Ẩn danh là do vì cảnh răn nạn tranh danh ấy vậy. Ẩn đức là do vì xa lìa nạn hại đức ấy vậy. Xa lìa hại là thời của Thánh nhân, cảnh răn tranh giành là hóa của Thánh nhân. Hóa để cảm người, đó là Chí Đức của Thánh nhân; thời

để dạy người là Đại nghĩa của Thánh nhân vậy. Nhỏ nhiệm Đại nghĩa thì vua tôi đời sau sao được dùng đó mà toàn Đạo. Nhỏ nhiệm Chí Đức thì chiêu mục đời sau sao được dùng đó lễ tự vậy. Đạo của trời đất xa vậy, sống đó có thể thấy, mà sở dĩ đó sống thì không thể thấy vậy. Đạo của Thánh nhân cũng xa vậy, họ làm có thể thấy, mà sở dĩ họ làm thì không thể thấy.

Có người biện giải về sự sống, nói: “Có Hứa Do khinh thiên hạ mà trốn đi, nghĩa đó cao, mà việc đó đáng nghi ngờ vậy. Nếu việc đó thành thật mà nghĩa đó rộng lớn cũng có thể vì thẹn tâm trộm nước ấy ư?”

Xin nói: “Như Hứa Do nếu chẳng làm vậy, chưa như làm không cẩu thả của Thánh nhân vậy. Có thể làm thì làm đó, không thể làm thì không làm đó. Cho nên, Thuấn y cứ Trung Dung mà ẩn vậy, có thể thì thực hành đó, bằng không thì thôi vậy. Thuấn là người thấu đạt đó vậy, chẳng mất Đạo đó vậy. Trong một làng, có bậc Hiền ẩn thì Lễ của làng đó có thể biết vậy. Đạo của một sách ẩn thì văn của sách đó có thể biết vậy. Nên gọi là văn hẳn là khéo, văn không khéo thì mất Đạo đó vậy. Gọi là Lễ hẳn là tu, Lễ không tu thì mất Hiền đó vậy. Cho nên bình trị hay loạn lạc của một thiên hạ, do ẩn hiện của Hiền nhân mà sở dĩ rõ ràng vậy. Có thể không trọng ư? Sự động tĩnh của một Hiền nhân, dẫn thiên hạ đó giáo hóa mà sở dĩ khuyên vậy. Có thể không thận trọng ư? Lã Vọng ẩn ở Đông Hải là xứng ẩn vậy. Bá ẩn ở Tây Sơn là hận ẩn vậy. Ẩn của Nhan Hồi là không phải thời chẳng oán thời, vui ẩn vậy. Ẩn của Nguyên Hiến là chẳng hèn luận vì bọn tục, là kiêu ẩn vậy. Ẩn của Tứ Hạo là bỏ đi mà lánh loạn, trở lại để giúp, chính là đạt ẩn vậy. Trịnh Tử ở Cốc khẩu là chân tu ẩn vậy, Nghiêm Quân ở Thành Đô là hòa bình ẩn vậy, Man Thiến ẩn ở Thiều là ngọn ẩn vậy, Tử Vân ẩn ở Quan là tạm ẩn vậy. Tôn Tư xa tít Lô Hồng ở một nơi chẳng dơ bẩn Đạo, ra chẳng khuất nhục tiết, là cao ẩn vậy. Ẩn của Thương Quả là dối trá ẩn vậy. Lý Tất thân ở Triều đình mà danh ở miền quê, tiếp nhận lộc mà chuộng Vua là giả ẩn vậy. Lý (mất Tên) thân phục mà đạt lời, là ẩn vì mua danh vậy.

DỤ VỀ DỤNG

Nước hẳn hơn lửa, mà thiện hẳn hơn ác vậy. Nếu dùng đó mà không được Đạo đó, thì tuy nước lửa thiện ác cũng không thể được hơn đó vậy. Nước cản chế lửa, hẳn là đối với lửa vừa mới đốt mà nước có thể hơn vậy. Thiện cản chế ác, hẳn là đối với ác chưa thành hình mà

thiện đó có thể hơn vậy. Đến lúc ác đó đã thấu đạt không thể ngăn bít mà muốn suy thiện để cứu ác. Lửa đã cháy bừng không thể dập tắt mà muốn múc nước để rưới lửa. Thế ấy có thể hơn đó chăng? Quân tử và Tiểu nhân là nơi xuất phát của thiện ác ấy vậy. Cho nên Quân tử dùng thì họ chính thiện, tiểu nhân dùng thì họ chính ác. Như muốn chính thiện mà chuyên dùng tiểu nhân, kịp lúc ác đó bừng bừng dữ dội, trên dưới đều muốn Quân tử cứu giúp đó thì đâu phải gì múc nước mà rưới ấy ư? Tuy có là Thánh như Nghiêu Thuấn Võ kia, tôi biết họ không đến đó. Tại sao? Vì khéo dùng người của thời xưa là dùng Quân tử hẳn trước, dùng Tiểu nhân hẳn sau. Quân tử dùng trước là thiện được để cản chế ác vậy. Tiểu nhân dùng sau là khiến ác được để chuyển đổi thiện vậy. Lễ không dung Tiểu nhân thêm vào nơi Quân tử, không khiến kẻ ngu cao sánh với bậc Hiền, do đó mà lớn mạnh thiện mà cản trở ác vậy. Thi nói: "Tâm ta chẳng phải đá, không thể lay chuyển vậy. Tâm ta chẳng phải chiếu, không thể cuốn vậy. Oai nghi chỉnh tề không thể chọn vậy. Tâm lo âu lẳng lặng, giận ở đàn nhỏ, gặp gắng gỏi đã nhiều, mà chịu xem thường không ít. Lắng lời mà tư duy đó, tỏ rõ có mốc nêu". Tâm ta chẳng phải đá, không thể lay chuyển, tức là Quân tử chỉ có thể dùng cùng giữ vậy. Oai nghi tề chỉnh không thể chọn tức là Quân tử có Pháp có thể dùng cùng làm vậy. Tâm lo âu lẳng lặng, giận ở đàn nhỏ, tức là ghét Tiểu nhân thêm vào nơi Quân tử vậy. Gặp gắng gỏi đã nhiều mà chịu xem thường không ít là ghét sự đùa bỡn chính của Tiểu nhân vậy. Lắng lời mà tư duy đó, tỏ rõ có mốc nêu tức là oán chẳng dùng Quân tử vậy. Tuy Đạo của Tiểu nhân chẳng thể không thêm vào nơi nhà của thạnh đức; tuy Đạo của Quân tử chẳng thể không cản trở ở nước đã hư phá. Dùng bỏ đó là chính ấy vậy. Một Tiểu nhân đã phá hoại trước đó, tuy có trăm Quân tử cũng không thể tu sửa sau đó vậy. Một Quân tử bình trị ở trên đó, tuy trăm Tiểu nhân cũng không thể làm loạn dưới đó. Thế của tà và chánh là như vậy. Người đánh cá của Kiệt khiến con họ đến bắt cá ở khe Di. Kẻ xấu xa chuyên làm đó, người có khả năng hỗ trợ đó, đến lúc kẻ xấu xa mắc nợ chỗ sai sử đó vậy. Lưới tuy rách nát và đem giềng mép ấy bảo người có khả năng chỉnh sửa. Người có khả năng trọn không thể làm được vậy.

VẬT THÍCH NGHI

Quân tử phát thân vì Đạo mà chẳng vì tài của, thứ dân mưu sanh dùng sức mà chẳng dùng trá, Đại phu làm việc vì nghĩa mà không vì lợi. Ba điểm đó là chánh vậy, sau đó thiên hạ có thể dùng để quán sát

Vương đạo Phàm, Vương đạo là chánh thích nghi, vật lớn nhỏ chánh thích nghi đó thì nào có loạn đời ư? Phàm, Đạo nghĩa hẳn là chỗ thích nghi của Quân tử, và Đại Phu. Lợi và sức hẳn là chỗ thích nghi của thứ dân. Nếu Quân tử mà chuyên tài của, Đại phu mà chuyên lợi, thứ dân mà hoan vui trí dối trá là đánh mất thích nghi đó vậy. Đại phu ở trên như áo, thứ dân ở dưới như xiêm. Trên thích nghi với áo, dưới thích nghi với xiêm là hẳn vậy. Nếu đem trên mặc dưới, đem dưới mặc trên, cũng chẳng đảo ngược mà loạn ư? Đạo đó nào có công hiệu ư? Nhiễm Cầu thường làm Tể Lý Thị, làm Lý Thị mà nhóm tu gom góp. Khổng Tử ghét đó, bảo: "Cầu chẳng phải học trò của ta vậy". Trẻ con khua trống mà đánh đó, như Cầu vì người mà lợi đó còn chẳng dung. Quân tử mà như vậy, huống gì chính mình mà vì lợi đó, ai có thể dung ư? Mạnh Tử nói: "Trên nói đua tranh lợi, mà nước nhà nguy ách". Rõ ràng an ổn nước nhà thiên hạ là tại nghĩa mà chẳng tại lợi vậy.

THIỆN ÁC

Ác có hình tướng là nhỏ vậy, ác không hình tướng là lớn vậy. Thiện có tên là thứ đó, thiện không tên là rốt ráo vậy. Thiện có tên là dạy mà sau là Nhân ấy vậy, thiện không tên chẳng phải dạy mà Nhân ấy vậy. Ác có hình tướng là giết người, ác không hình tướng là dèm pha người. Ác của dèm pha người còn ở tâm, ác giết người còn ở sự việc. Sự việc ấy có thể biện rành mà tâm không thể thấy vậy. Giáo (= Dạy) là tình, chẳng phải giáo là tánh. Tình có thể đổi thay mà tánh không thể biến cải vậy. Đùa vui với con của người lân cận, khéo dùng lời dẫn dụ nó có thể làm thiện, lời xâu khiêu khích nó có thể vì giận, đến lúc nó trở về với cha mẹ nó, tuy lời nói có tốt xấu mà không thể thân sơ đó vậy. Đó như Đạo chích làm thức ăn thịt người mà mọi người đều hay ghét đó. Thiếu Chánh Mão hiển bày ở triều mà mọi người chẳng thể biện minh đó. Cho nên, Quân tử thiện thiện vậy, hẳn xét tên đó đồng; ác ác vậy hẳn biện tình đó khác. Phàm, thưởng phạt là do vì chánh thiện ác vậy. Thông minh chẳng thể cùng tận thiện ác đó, thì chẳng đủ cùng bàn nghị thiện ác vậy. Nên xét dèm pha ở nhỏ nhiệm, phạt dèm pha ở gìn giữ. Hình sát thích nghi bàn nghị, tánh thiện là thích nghi nhậm đó, tình thiện là thích nghi sai khiến đó. Xét dèm pha không nhỏ nhiệm thì không thể quán sát tâm họ sở dĩ làm đó vậy. Phạt dèm pha không gìn giữ thì không thể ngăn cấm ác lớn đó vậy. Hình sát không bàn nghị thì không thể nghiên cứu thành thật đó vậy. Nhậm lấy tánh thiện thì an nguy ách chẳng khua động, sai khiến tình thiện thì oai phước chẳng chuyên vậy. Thiện

thiện được chỗ thích nghi ấy vậy thì Đại Hiền tận đức đó mà Tiểu Hiền tận tài đó vậy. Ác ác được chỗ thích nghi ấy vậy thì dèm pha người tâm ấy chưa đổi, mà giết người phạm lại tội ấy vậy. Sao có chánh thiện ác mà trị đạo chẳng thấu đạt đó ư?

TÁNH TÌNH

Tánh quý ở tĩnh nên tánh biến mà không thể quá đổi. Tình mắc hoạn ở phiền nên tình phát mà không thể quá sớm. Quá sớm thì thương hòa, quá đổi thì thương trung. Trái với trung hòa thì âm dương ràng rịt, tổn dân thọ thì vật lắm bệnh dịch. Cho nên, Thánh nhân đó lớn trị vậy. Dùng Nhân để nồng hậu tánh người, dùng Nghĩa để tiết chế tình người, do đó mà âm dương hóa mà toại sanh vật ấy vậy. Lễ dạy, tuổi hai mươi là đội mũ, bởi vì Thần đó mạnh mà có thể dùng để tư lự; dạy tuổi ba mươi thì lấy vợ, bởi vì khí đó xung mà có thể hơn phối ngẫu. Nên Quân tử thời xưa trước quán sát âm dương do đó mà biết được sự được mất của tánh tình; quán sát tình tánh, do đó mà biết được đạo của Thánh nhân có hành chăng. Sau đó, đem được mất đó mà nghiên cứu tướng gốc ngọn ấy cùng người chủ khởi bệnh dịch của thiên hạ. Tuy Y Duẫn là kẻ hèn thất phu mà còn nói là thất phu thất phu. Có chẳng đượm âm trách của Nghiêu Thuấn, như đã suy mà nhận đến trong ngôi. Thường Ngũ tựu kiết ngũ cang Thang mà chẳng cản trở, đó vì thiên hạ tự nhận như thế đến chuyên cần vậy. Nay dân trong thiên hạ vừa mới tuổi búi tóc chưa cắt mà vì lợi hại cùng khinh thường cha mẹ thì sợ đó, chỉ bởi nó gian xảo quá sớm vậy. Chỉ vừa trẻ con mà nam đã vợ, nữ đã chồng, quá đó thì dâm bôn, đó cũng chẳng tánh biến quá đổi ư? Tình phát quá sớm ư? Sấp chẳng có chỗ nương ư? Muốn đời giẫm trải trung hòa thì đâu khác đi buôn Hồ mà Nam viên, họ sao có thể đến đó vậy. Ngũ quán âm dương ràng buộc thì lạnh nắng gió mưa tầm thường chẳng kịp mùa, và trăm thứ lúa thóc gieo trồng chưa từng không tật bệnh. Người chết yểu ở đời thường có nhiều, mà người thọ hiếm ít. Vừa thấy tánh tình mất đó, đó công hiệu vậy. Người mất tình tánh đã như vậy mà Đạo của Thánh nhân hành đó, há nói là thấu đáo ư? Mưu định còn nói: "Thiên hạ rất an ninh". Đó cũng nịnh hót vậy, mà dối trá chẳng chịu biết họ mất tiết giáo, gốc đó làm người chủ. Khởi bệnh của thiên hạ, thì lại sao quý ở đương thời ư? Cổ ngữ nói: "Giữa ngày thì nóng đốt, tháo dao thì hại", tức nói vừa dùng ở đương thời vậy. Như Y Duẫn mới đầu thì khốn cùng hèn tệ chẳng rỗi, kia muốn vừa dùng, nắm cán đáng dùng mà chẳng chịu làm đó. Nay nhân thời vừa dùng, nắm cán đáng dùng mà chẳng

chịu làm đó, cũng chẳng vì Y Duẫn thẹn ư?

CỬU LƯU (Chín phái triết học)

Nho gia, đạo họ chuộng hoàn bị; Lão gia, đạo họ chuộng giản đơn; Âm Dương gia, đạo họ chuộng thời; Mặc gia, đạo họ chuộng tiết; Pháp gia, đạo họ chuộng nghiêm; Danh gia, đạo họ chuộng quán sát; Tung hoành gia, đạo họ chuộng biến; Tạp gia, đạo họ chuộng thông; Nông gia, đạo họ chuộng túc (đủ). Nhưng mỗi mỗi đều có sở trường và sở đoản vậy. Nếu phải bỏ Sở đoản mà nhóm tụ sở trường cũng để giúp trị đạo vậy. Ban Cố vốn xuất phát từ tôn Nho, Tư Mã Thiên nhóm hội đó kết quy về tôn Thủy. Tôn Thủy là tâm đó mở rộng vậy, tôn Nho là tâm đó chuyên vậy, nên thường chẳng phải Mã Thị làm trước đó, Hoàng Lão làm rất rối ren, đó cũng hẳn chẳng thấy họ tôn Nho thấu đáo ấy vậy. Như Đạo của Hoàng Đế, nó ở tại Dịch. Dịch ấy là gốc của muôn vật, là khởi nguồn của Lục nghệ (06 nghề) vậy. Họ trước đó cũng chẳng thích nghi ư? Đâu phải trí của Ban Cố cũng có chỗ chẳng kịp ư? Sở trường của Bá Di là thanh, mà sở đoản là hẹp; sở trường của Liễu Hạ Huệ là hòa mà sở đoản là cung. Mạnh Tử tôn quý sở trường của hai vị đó thì gọi là Thánh nhân, là thầy của trăm đời, tức là Bá Di và Liễu Hạ Huệ ấy vậy. Tâm chuyển đổi ước cũng cùng họ Mạnh hợp vậy, nên Quân tử khéo đó.

TỨ ĐOAN (Bốn đầu mối).

Tư Mã Trường Khanh và Dương Tử Vân, người đó văn đó đều được tôn xưng ở đời, như Dương Tử làm kịch Tần Mỹ Tân, Trường Khanh làm Phong Thiền Thư. Lời nói của Phong Thiền quái là ở dâm đồ thêm đó khéo lớn ở tâm ấy vậy, lời nói của Mỹ Tân cẩu thả nói vậy. Ký nói: “Nước không có đạo, họ im lặng đủ để dung Hiền, mà chẳng im lặng thì ai cùng im lặng ư?” Đó đều chẳng thích nghi làm mà làm ấy vậy. Triều Thố luận đạo của Ngũ Đế Tam Vương hòa hợp cùng cực đó vậy. Nghi Hiền ở Quản Tử Trọng, Yến Tử Anh, đến lúc họ xin xét phong của chư hầu, lưỡi chưa cuốn mà Triều Thố đã giết sạch cả dòng tộc, bởi thời chưa đáng nói mà nói đó vậy. Đông Phương Sóc, Mai Thừa, tài tuấn của họ như bụi vọt sách bay hịch chạy chẳng đủ phấn phát bút đó nhưng đều chẳng thể so sánh với một Quan đến một Chính. Bởi tài rỗng mà chẳng được khả năng thật ấy vậy. Lưu Hướng, Lưu Hâm đều là Hiền Nho của nhà Hán, kịp trị truyền vậy, cha con mỗi mỗi chuyên học nói mà nhà tự phải quấy, bởi được tạo mà chẳng được cùng cực đó vậy.

Đạo mà chẳng cùng cực tức chẳng phải đạo, tài mà chẳng công hiệu là tài rỗng, phát mà chẳng phải thời là nghịch lý, làm mà chẳng thích nghi là mất nghĩa. Cho nên, sự quý ở hợp nghi, trí quý ở biết thời, khí quý ở vừa dùng, pháp quý ở chiết trung. Trung ấy là đầu mối của Đạo nghĩa vậy; dụng ấy là đầu mối của khí hiệu; thời ấy là đầu mối của động tĩnh; nghi ấy là đầu mối của sự chế. Bốn đầu mối này là thấu đáo đạo của Quân tử ấy vậy. Người khéo học mà không được đầu mối đó thì không cùng tận, người khéo làm mà không được đầu mối đó thì không khắp vậy. Cho nên thời xưa Thánh Hiền học đạo mà có đạo, dấy sự mà giúp sự còn ở đầu mối mà thôi. Vài ba ông ở đời nhà Hán, tuy kích ngang mà không chỗ thành đức ấy, ước cũng chưa được đầu mối mà ấy vậy.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 7

LUẬN NGUYÊN

TRUNG CHÁNH

Vật đạt đến lý, gọi đó là trung, thiên hạ chẳng khinh, gọi đó là chánh. Vừa Trung thì thiên hạ không việc quá, trở lại chánh thì thiên hạ không người loạn. Trung chánh ấy là gốc của Vương đạo, nhân nghĩa là giềng mối của Đạo đức. Người vì mạnh yếu ghét thương mà loạn mất luân thường đó. Mà Thánh nhân làm giáo Đạo vì đặt để người ở trung chánh ấy vậy. Giáo là công hiệu, Đạo là dẫn dắt, dùng Nhân nghĩa để chỉ bày tỏ, khiến người đó mà nghiệm xét đó vậy. Dùng Lễ nhạc danh khí mà chỉ bày, dẫn dắt người, do đó mà rảo đến đó vậy. Hồng Phạm nói: "Nhóm Hữu cực đó mà kết quy về Hữu cực đó". Đó là Quân tử sở dĩ thực hành Đạo họ ấy vậy. Thời người đó họ chỉ cực của Hoàng, đó là Quân tử sở dĩ tiến người rão đến đạo họ ấy vậy. Thi nói: "Sở ấy võng cực, vài ba đức đó". Đó là Quân tử sở dĩ ghét người chẳng do phải mà đến đạo họ ấy vậy. Cho nên, trị người chẳng phải dùng Trung chánh còn thành thật đó, thì chẳng đủ để cùng bàn nghị nhân nghĩa lễ pháp vậy. Giáo người ta mà chẳng dùng Trung chánh tu thành thật đó thì cũng chẳng thể cùng bàn nghị nhân nghĩa lễ pháp vậy. Phàm, pháp của Thánh nhân như cân như đong mà gìn giữ đó tại người ấy vậy. Gìn giữ đó chẳng được người đó. Khí cụ tuy trung chánh mà người chẳng được vì khinh thường đó vậy. Âm của vàng đá trung chánh, thì chỗ vang hưởng đó cũng chấn, mà chỗ ứng đó hòa. Thành thật trung chánh của người thì chỗ làm đó thấu đáo mà chỗ cảm đó rõ ràng. Cho nên, Quân tử ở thời xưa cẩn trọng chỗ gìn giữ đó và thực hành chỗ được đó. Tuy nghèo hèn ở nơi nhà tối cuối làng mà chẳng đổi thay vậy. Tuy là giàu sang, cưỡi thế sùng cao đáng tôn quý của thiên hạ mà chẳng biến cải vậy. Đến lúc họ cảm vậy, chẳng oai mà người sợ, chẳng nói mà người

tin. Chẳng nhọc tâm chẳng mệt sức mà giáo hóa họ hành vậy. Quỷ thần hỗ trợ đó, trời đất giúp đỡ đó. Cớ sao vậy ư? Bởi lý của trời đất cùng người đồng vậy. Đồng cái gì ư? Đồng trung chánh đó ấy vậy.

MINH PHẦN.

Muôn vật có số, lớn nhỏ có phần. Do số mà biết cớ của biến hóa, do phần mà biết lý của trời đất. Cho nên, Quân tử đối với Thiên Đạo không chỗ lầm hoặc vậy, đối với Nhân đạo không chỗ nghi ngờ vậy. Khí ngưng tụ mà sanh, sanh thì có ăn uống; khí tan mất mà chết, chết thì cùng đất diệt, đó là phần của Nhân đạo vậy. Cao lớn không cùng, nhật nguyệt muôn sao mà thôi, các vật khác chẳng dung, đó là phần của Thiên đạo vậy. Chở núi khua nước, giúp sống vàng đá cỏ cây, đó là phần của Địa đạo vậy. Số người cùng cực, tuy trời đất chẳng thể trọng đó, trời đất biến đổi, tuy người chẳng thể cùng đó, đó là Định phần của Trời đất vậy. Nay nói trời có thể bay lên, biển có thể lặn vào, vàng ròng có thể khéo thành, hợp mây khí cùng thần tụ hội mà chẳng chết. Đó sao biết có của biến hóa mà thấy lý của trời đất ư? Tuy người ngu cũng nói họ không ấy vậy, mà Tề Oai, Yến Chiêu, Tần Vương, Hán Võ rối ren rão đến đó, lưu luyến mà quên trở về, loạn chế của tuần thú, rối ren lễ của tế tự. Ai bảo bốn người chủ ấy thông minh Thánh trí độ vượt so với người ngu ư? Thiên đạo là Đại công, Nhân đạo là Đại đồng. Đồng là đồng họ sống chết, công là công họ cùng người tương tuyệt vậy. Nếu họ công với mọi người và riêng tư với một người, ai bảo là trời ư? Nếu họ đồng với hình sống mà riêng tử chẳng chết, há có thể gọi là người ư? Cho nên, Thánh nhân đều ít nói về Thiên đạo, bởi chẳng cùng trời mà lầm hoặc người ấy vậy; thường Thánh tế tự, bởi chẳng vì người mà biến đổi thần đạo ấy vậy.

XÉT THẾ

Gom vàng trăm vật mượn kẻ trộm mà gìn giữ, tuy chưa mất vàng đó, mà người lân cận hẳn lấy làm nghi ngờ vậy. Tự con đến nơi vực sâu chẳng thể lường biết, tuy chưa đắm chìm người con ấy, mà cha mẹ nó hẳn vì lo âu vậy. Như thế đó đã đáng lo, lại nghi ngờ vậy. Phàm, oai quyền là lợi khí của thiên hạ, họ trọng đâu ngay trăm dật vàng ấy ư? Mà giao phó nó cho hạng người ngu xuẩn nịnh bợ cầu may, nịnh bợ cầu may đâu ngay trộm cướp ư? Mà xưa trước Quân tử chẳng nghi ngờ trăm vạn sư lữ, tánh mạng chúng đông đó đâu ngay sự sống của một trẻ con ư? Mà hoang bạo đối với Nhung Địch xấu xa, Nhung Địch đâu ngay vực

sâu chẳng thể lường biết ư? Mà xưa trước Quân tử chẳng lo âu. Nhưng xưa trước, nước đó loạn lại mất, sao thường đáng nghi ngờ mà chẳng nghi ngờ ấy ư? Đáng lo âu mà chẳng lo âu ấy ư? Hoặc nói: “Nghi ngờ đó thế nào?” Xin nói: Nghi ngờ đó chẳng như gom cán đó mà chánh đó. Hoặc nói: “Lo âu đó như thế nào?” Xin nói: Lo âu đó chẳng như gìn giữ dân, suy ân mà ban trải tin. Hoặc nói: “Xưa trước há không ân tín ư? Mà Nhung Địch chẳng nghĩ nhớ”. Xin nói: “Ân tín ngày trước là âm thanh mà chưa thật vậy, hẳn được người có đức nhân, mà sau đó ân thêm, hoặc được người có lòng nghĩa mà sau đó tin làm. Kia giữ lấy xấu xa, ai thành thật đức nhân ư? Ai thành thật lòng nghĩa ư?

HÌNH THẾ.

Thế do hình bày, nó mất rất chóng; hình do thế làm, nó lạm rất lắm. Nghiêu Thuấn chẳng phải không hình đối với thiên hạ, mà thiên hạ chẳng oán, bởi dùng hình đó là dùng đức mà chẳng dùng thế. Kiệt Trụ chẳng phải không thế đối với thiên hạ, mà thiên hạ bỗng mất, bởi giăng bày thế đó là chẳng dùng đức mà dùng hình vậy. Phàm, vật không gì chẳng có thế, mà thế của nước nhà Triều đình thì thế đó lớn vậy. Ở đời không gì chẳng có hình, mà hình của Nghiêu Thuấn, hình đó chánh vậy. Dùng thế lớn để hình dân, dân tuy tạm sợ mà chẳng phục. Họ Tần dùng hình để uy hiếp thiên hạ, mà đường xá không dám ngụ ngôn, nhưng mới hai đời mà nhà Tần đã diệt mất. Võ Vương phấn phát oai để phạt Trụ, lại có thiên hạ chẳng những ba mươi đời. Nhưng họ dùng hình và thế chỉ một vậy, mà số ngắn dài chẳng cân bằng, bởi do vì họ cùng đó có khác vậy. Nên thời xưa, Quân tử ở trên mọi người, chẳng chuyên thế đó mà chuyên ở đức đó vậy. Do đó, làm hình chánh mà làm chính trị vậy. Đời sau thì trái đó, làm người ở trên thì dùng hình mà có xương thế, làm người ở dưới thì cậy thế mà xem thường hình, muốn người không oán, họ có thể được chẳng?

QUÂN TỬ.

Có người khách hỏi: “Học của Quân tử có chỗ ham muốn chăng?” Xin nói: “Có”. Mà người khách ấy cười, tiếp nói: “Quân tử cũng có ham muốn ư?” Xin nói: “Đúng vậy, Quân tử học ham muốn thấu đáo, mà đạo muốn chánh. Chánh thì đối với sự không rối ren; thấu đáo thì đối với Tâm không lầm hoặc. Cho nên, Quân tử an, an trọn đời họ mà không đua tranh. Tiểu nhân thì không như vậy. Tiểu nhân học ham muốn lợi, mà đạo muốn bán ra, bán ra thì chẳng thể không rối ren đối

với Sư, lợi thì không thể không lầm hoặc đối với tâm. Cho nên, tiểu nhân xao lãng, xao lãng trọn đời mà tự làm nhọc. Đó là Nghiêu Thuấn cùng người đồng, mà Thánh nhân do đó cùng người khác vậy". Người khách kính bài rồi đi ra.

BIẾT NGƯỜI.

Biết người đó mà chẳng thể nuôi dưỡng họ, là chẳng phải Trí; mến thương người đó mà chẳng thể dạy họ, là chẳng phải Nghĩa; khéo người đó mà chẳng thể thử, là chẳng phải Tín; nhậm người đó mà không thể toàn vẹn họ, là chẳng phải Nhân. Nuôi dưỡng người Hiền là thật của Trí, dạy người Hiền là chánh của mến thương, dùng người Hiền là công hiệu của khéo, toàn vẹn người Hiền là công của nhậm. Nhậm mà không công, ai làm Nhân ư? Khéo mà không hiệu, ai làm tím ư? Mến thương mà không chánh, ai làm Nghĩa ư? Nuôi dưỡng mà không thật, ai làm Trí ư? Quân tử, họ cùng với người, chẳng mất Trí, chẳng khuyết Nghĩa, chẳng lỗi Tín, chẳng thiếu Nhân, do đó, đạo tu mà đức hoàn bị, thân danh tôn quý mà thiên hạ ngợi ca. Nên nói: "Biết người Hiền chẳng như nuôi dưỡng người Hiền; nuôi dưỡng người Hiền chẳng như dạy dỗ người Hiền; dạy dỗ người Hiền chẳng như dùng người Hiền; dùng người Hiền chẳng như thành người Hiền". Thành người Hiền là sau cùng, biết người Hiền là mới đầu vậy. Sau cùng và mới đầu là trời đất bốn mùa mà còn mà chẳng... vậy. Người đó chẳng cẩn trọng ư? Cùng họ mất mới đầu, sao cùng họ được cuối cùng ư? Lại chẳng làm tốt của thủy chung vậy. Tề Hoàn Công mới đầu dùng Thú mà nhìn Quản Trọng, đến đốn lúc lấy làm tướng, bèn đồng Bá thiên hạ. Hoàn Công là chỗ gọi chẳng thể thủy mà hay chung vậy. Hán Văn Đế mừng có được Giả Sanh, bùi ngùi được đó đến muộn vậy, đến lúc họ dùng xấu ác mà bùng phát ra mới thô suất đó, rốt cùng không Đại dụng. Văn Đế, có thể gọi là có khả năng mới đầu mà không khả năng chung cùng. Cao Tông ở thời nhà Ân khởi truyền thuyết đối với hình người, vốn để trị thiên hạ, mà đến nay thiên hạ cho là Thánh nên cùng xét đó. Cao Tông có thể gọi là có khả năng mới đầu và có khả năng chung cùng vậy.

PHẨM LUẬN

Đường Sử đem Phòng Đỗ sánh với Tiêu Tào, nhưng Phòng Đỗ văn nhã có thừa, Tiêu Tào vương tá chẳng đủ. Đức thì Phòng Đỗ thấu đạt đó vậy. Xét Phòng thì một nửa tài, xem Đỗ thì thuần Đạo. Quân tử nói: "Đỗ ích Hiền vậy". Diêu Sùng, Tống Cảnh họ chẳng kịp Bích

Ngụy ư? Diêu và Tống đạo chẳng hơn tài, mà Ngụy thì nhàm chán binh. Binh thì biết tướng. Yên Công văn quá Thủy Hưng, mà công chánh chẳng kịp, Đại tướng quân Quan chẳng như Định Lương, mà công đến trọn cùng không riêng tư vậy. Viên An khoan hậu thì thường cùng gần họ, chánh và nhân thì khác, Thí Phòng Quan, Nhân Chân Khanh so với Lý Cố, Trần Phan đời đó đạo tuy khác mà giữ trung gìn chánh chỉ một vậy. Phần Dương Vương bớt võ mà chuộng tín là người nhân vậy. Đoàn Đại úy trung dũng cùng đoái hoài, là người nghĩa vậy. Tấn Công chung thủy không đánh giết là người nhân vậy. Lời nói của Tuân Tử gần biện rành vậy, tức tận thiện mà chưa tận mỹ vậy. Đáng tánh ác thuyền nhượng, quá lời nói ấy vậy. Lời nói của Dương Tử là hay nói vậy, tự cho là cùng lý mà tận tánh vậy. Kịp đến lúc gặp loạn mà họ ném bò các thì cùng với chỗ xử tử của Tử Lộ, Tăng Tử đâu khác gì ư? Thái Sử Công nói tuy rộng mà đạo có kết quy, Ban Thị thì chưa thấu đáo vậy, đáng chỗ gọi ở đời là hẳn không như đổi thay lương sử ấy vậy. Giả Phó chống Vương Chế mà chánh Hán pháp. Đẹp thay! Đáng không có thêm đó vậy. Thuật của Tam biểu Ngũ nhĩ, Ban Cố luận đó thô suất vậy, thành thật thô suất vậy. Đối sách của Đổng Giao Tây, đẹp thay, được chánh mà hợp cực, chỗ gọi là tá của Vương giả, chẳng phải làm quá vậy. Lời nói của Khốn Lộ thì có thể làm lấy vậy, có thể bỏ vậy. Văn của Tướng như sáng lệ, nghĩa ít mà từ nhiều. Văn của Từ nhân vậy. Lời nói của Vương Sung, lập dị lại. Lời nói của Hoàn Khoan, sô công vậy. Văn của Hàn Lại Bộ, văn đó cứng mạnh vậy. Họ làm Nguyên quỷ đọc mực làm gì vậy. Văn của Liễu Tử Hậu, văn đó hào hùng vậy, chuốc bớt rườm rà thì thấu đáo vậy. Thơ Chánh Phù rất thấu đáo vậy. Văn của Lý Tập Chi bình khảo chẳng như Lý Hoa. Văn của Hoa chẳng như Lương Túc. Văn của Túc, Quân tử hoặc có chỗ lấy vậy. Văn của Lý Nguyên Tân, văn của từ nhân vậy. Văn của Hoàng Phủ Đề, giữa khoảng của văn từ ấy vậy. Làm người của Quách Thái Hoàng Hiến vậy, lời vụng về mà mẫn tiếp thực hành, học trò của Nhan Tử ư? Làm người của Từ Trĩ, là triết nhân vậy. Biết thời biến mà cẩn trọng động tĩnh vậy. Trốn đời của Viên Phụng Cao mà chẳng quên hiếu chẳng tổn thương hòa, là bậc sĩ của Trung Dung vậy. Luận nói: "Dẫn khí đó do vì xét khéo vụng của khuôn phép đó. Biện người đó do vì chỉ bày có thầu đáo chăng của Đạo đó". Nhưng khuôn phép khéo giúp chỗ dùng của đời, Đạo thấu đáo chánh chỗ học đòi của đời, chỗ học đòi được thì việc của Thánh Hiền lớn mạnh mà thuyết của khác mối chấm dứt vậy. Cho nên, Quân tử khu đó, biệt đó, phải đó, quấy đó, đợi có chỗ bù đắp vậy. Đâu không vậy ư?

Ký nói: "Văn lý kín xét đủ để có khác vậy". Mạnh Tử nói: "Tâm phải quấy là đầu mối của Trí vậy". Đó cũng có nghĩa là biện Đạo vậy.

GIẢI DÈM PHA.

Làm người tuy đồng mà đồng rão bước nơi loạn, có thể chống kháng vậy, mà không chống kháng là thương dung vậy. Làm Đạo tuy khác, mà đồng rão bước nói Trị, có thể cùng vậy, mà chẳng cùng là thương bó buộc vậy. Quân tử dùng nghĩa thì không chỗ thương. Thương Ngô Hác Tử vốn chí tâm với thiên hạ, chánh tình tánh ấy vậy; suy chí chánh thiên hạ, toán tánh mạng ấy vậy, giúp đó trị, ước cũng cùng cực đó. Thế Nho viên ngọn đó mà hẳn bài bác đó, há chẳng thương ư? Nghĩa là Quân tử có thể vậy ư? Trọng Ni nói: "Đạo ta chỉ một mà xuyên suốt đó". Lời mầu nhiệm của Thánh nhân, tôi thường tận đó vậy, sao được bậc sĩ của Trung Dung cùng nói đó.

PHONG TỤC

Người Tần dùng pháp của tiến thủ, mà tục họ, mọi người đều muốn tự giàu sang, đến lúc có vợ chẳng nhờ mượn Cô để ky trửu (?) mà bệnh nhục. Người Hán dùng Diêm thiết thay Nông, mà tục đó rão hướng theo lợi, đến lúc có dân cùng kẻ lại bày lợi dùng ngay cung cấp. Nhân nghĩa bỏ mất, mà của cải tài lợi phát đạt. Phong Lễ nhượng liêm tiết mất vậy. Cho nên tục của người Tần ngày một loạn lạc, tục của người Hán ngày một tệ hại. Phàm, Tần và Hán nền tảng của họ là Thế, đâu chẳng phải lớn và bền chắc, mà cuối cùng mất loạn, chỉ bởi thương tổn phong đó, hủy hoại tục đó mà khiến nên vậy. Phong tục là da dẻ, nước nhà là cốt thể con người, Da dẻ đã hư tệ, thì cốt thể đó có thể chẳng mất ư? Cho nên Tiên Vương chẳng cự vật không pháp, cẩn trọng tập tục vậy. Thi nói: "Không vì khương chức lớn tư duy ở đó, ham vui không hoang, Lương Sĩ lấm lét nhìn". Bởi ngôn động dùng lễ nghĩa để chánh phong tục ấy vậy. Nay người trong lưu tục cẩu thả kiểm xét công tự gá, vì lợi mà tước bỏ sân, khiến trong xóm làng tự nhiên bớt bỏ. Vì lợi mà cùng cao, cũng chẳng thương phong ư? Cũng chẳng bại tục ư? Quân tử cũng chẳng lo âu ư?

NHÂN HIẾU

Cha con chẳng dùng đạo, tuy cầm thú cũng có thể thân gần, thì Quân tử vì sao riêng biệt ư? Cho nên, Thánh nhân dùng nghĩa mà thương con, gọi đó là Nhân; dùng Lễ để phụng sư cha, gọi đó là Hiếu. Làm con

của Thuấn, làm cha của Văn Vương có thể gọi là nhân hiếu đó vậy. Thiên hạ nên theo pháp ấy.

HỎI VỀ KINH.

Hỏi rằng: "Sử cho rằng: Dịch và Xuân thu là Thiên đạo vậy. Nhưng mà Xuân thu và Dịch rất thấu đáo với kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ ư? Tôi muốn tôn trọng mà chuyên đó. Theo ông đó như thế nào ư?

Xin nói: "Đâu vậy được ư? Ngũ Kinh đều là thấu đáo, sao chỉ ở Dịch và Xuân Thu ư? Phàm, Trị của Ngũ Kinh như thành Âm Dương của Ngũ thành vậy. Nếu mất một thì đạo của càn khôn rối ren vậy. Mà nay chỉ tôn trọng hai kinh, còn bỏ Thi, Thư, Lễ, thì trị đạo cũng chẳng khuyết ư? Lễ là hình dung của Thái cực, Thi là công hiệu của giáo hóa, Thư là còn của sự nghiệp, Dịch là cùng cực của trời người, Xuân Thu là cân của thưởng phạt. Cho nên, người khéo nói Xuân thu hẳn có căn từ thưởng phạt. Người khéo nói Dịch hẳn gốc ở trời người. Người khéo nói Thư hẳn xét ở sự nghiệp. Ngươi khéo nói Thư hẳn suy từ giáo hóa. Người khéo nói Lễ hẳn tông chủ từ Hoàng cực. Phàm, biết được Hoàng cực thì có thể cùng cử chế độ của Đế Vương, biết giáo hóa có thể cùng nói dời phong đổi tục, biết sự nghiệp có thể cùng bàn nghị chỗ làm của Thánh Hiền, biết trời người có thể cùng hoàn tất thủy chung của muôn vật, biết thưởng phạt có thể cùng biện cơ của thiện ác vậy. Cho nên, Quân tử bỏ Lễ thì lệch, bỏ Thi thì quá, bỏ Thư thì vọng, bỏ Dịch thì lầm hoặc, bỏ Xuân thu thì loạn. Năm kinh ấy đối với Quân tử là như vậy đó. Thi, Thư, Lễ đó có thể bỏ sót được ư? Mạnh Tử nói: "Sở dĩ làm ra Xuân thu là vì thấy quyền ấy làm vậy". Văn Trung Tử nói: "Lý do phát khởi là xuất phát từ tâm mà làm vậy". Phạm Ninh chiết trung của Thánh nhân, nhìn Lý của Xuân Thu vậy. Chỗ còn của Văn Trung Tử thấy Dịch nên khua động đó vậy, chỗ thiết bày của Dương Tử Vân thấy Dịch nên mở rộng đó vậy. Vương Phụ Tự nói trời mà không quá đối với Thần, nói người mà hẳn chánh ở Sư. Họ thấy tâm của người làm Dịch vậy. Thi của Tử Hạ tự Quan Tuy, biết chính của Thi làm giáo vậy. Nói Thi của Mạnh Tử là thấy chỗ làm ý của Thi vậy. Nói Thi của Mao Trành là sâu sắc của Thi vậy. Nói Thi của Trịnh huyền, là cạn cợt của Thi vậy. Nói Thi chẳng như theo làm giản của Mao Công vậy. Truyện Ngũ hành làm, Thư Đạo mới bắt đầu loạn vậy; nghĩa Hoàng cực hành, Thư Đạo đó gần chánh vậy. Khổng An Quốc thích huấn mà thôi vậy. Sự nghiệp của Thánh Hiền thì không chỗ phát vậy. Đái Thị đối với Lễ chưa được thật của Lễ ấy vậy. Trịnh Thị giải thích Lễ lại chẳng như biết Lễ của

Tử Đại Thúc vậy". Người hỏi kính bái mà nói: "Như vén được mù lòa vậy". Vui vẻ mà lui.

HỎI VỀ TƯƠNG GIAO.

Có người khách hỏi: "Tôi muốn chọn lựa tương giao, thì sợ thương ở giới, tôi muốn phi ấn giao, thì lại sợ thương ở tạp. Trung Dung nói: "Thiên hạ nước nhà có chín kinh, mà tương giao bè bạn là thứ nhất trong đó". Thi nói: "Cùng chim kìa còn tìm cầu tiếng của bạn, huống gì người ấy mà chẳng tìm cầu bạn sống?" Nhưng với tôi muốn không tương giao có thể được chăng? Sắp tương giao thì do dự ở hai điểm đó quyết định chưa rõ. Nếu ông là tôi thì xử trí như thế nào?" Xin nói: "Vì người theo Đạo thì Quân tử chọn lựa tương giao, vì Đạo theo người thì Quân tử phiếm giao. Vì Đạo mà phiếm giao thì mở rộng Đạo ấy vậy. Vì người mà chọn lựa tương giao là xét Đạo ấy vậy. Truyện nói: "Phiếm thương chúng đông mà thân gần với Nhân", là nói phiếm giao mà suy Đạo ấy vậy. Hệ Từ nói: "Định tương giao đó mà sau mới tìm cầu", là nói rõ Đạo mà theo tương giao ấy vậy, hẳn có Đạo mà sau phiếm giao. Đạo không sung ở chính mình mà làm phiến giao, giao ấy hẳn hỗn tạp vậy. Cho nên Quân tử chẳng làm tương giao hổn tạp, hẳn chánh Đạo mà sau đó chọn lựa tương giao. Đạo chẳng chánh ở mình mà làm chọn lựa tương giao, giao hẳn nhọc không vậy. Quân tử chẳng làm giao nhọc không. Quách Thái là người Hiền thời xưa cùng tương giao với hạng người giết mổ, bán rượu, làm nông dân thường, mà Quách Thái chẳng nhàm chán tương giao đó, bởi có Đạo mà suy Đạo ấy vậy. Bá Di lại là người Hiền thời xưa, cùng người trong làng mà đối xử, như dùng áo mão của Triều đình mà ngồi chễm chệ, trông nhìn xa đó mà chẳng cùng tiếp, bởi không thể chất Đạo mà dốc thuần Đạo ấy vậy".

Lại hỏi: "Ở đời sở dĩ họ thích nghi tương giao đâu phải một mối vậy. Nay sao dùng chánh mà cầu tìm Đạo của chỗ tương giao ấy ư?" Xin nói: "Nhưng Đạo của tương giao loạn lạc đã lâu vậy. Tôi thường nghĩ nhớ mà chưa rảnh để biện giải đó, nay nhân vì ông mà nói hết vậy. Phàm, xưa nay con người hoặc có vì thế mà tương giao, có vì lợi mà tương giao, có vì khí mà tương giao, có vì danh mà tương giao. Vì danh mà tương giao thì không thành thật; vì khí mà tương giao hoặc đồng xấu ác; vì lợi mà tương giao, lợi tan thì tuyệt; vì thế mà tương giao, thế qua đi thì giải tán. Ở thời Liệt Quốc, Vương Công văn võ cầu tương giao ở áo vải, rong sính ngựa xe, rão nơi ôm cửa quán mổ mà chẳng rảnh. Hàng thất phu trên tương giao, đến nổi có người sáng sớm buôn bán

hàng tạp, mà chiều tối rất mực giàu sang, ôm vòng đeo ngọc, tiếng tăm khua động cả nước nhà, cuối cùng chẳng khỏi nhà tan nước mất mà chỗ tương giao trở lại làm cừu thù. Đó là tệ hại của vì danh lợi khí thế mà tương giao và chẳng xét Đạo tương giao đó nên vậy. Đời sau còn cho đó là phải mà cùng mến chuộng. Nên người trong xóm làng lúc bình thường gặp nơi rót rượu thì khẳng khái đều muốn sống chết vì đó vậy, một mai lợi tan thế mất thì có hiềm khích hục hặc cừu thù mà sống là tốt đối với bạn bè. Như Trương Nhĩ, Trần Dư, Tiêu Dục, Chu Bác, là thuộc loại tương giao đó vậy. Cho nên, Quân tử rất thận trọng tương giao như vậy. Mạnh Tử nói: “Bạn là bạn đức vậy”. Tương giao của Quân tử, dùng nghĩa mà cùng cho, vì đức mà cùng chánh. Cho nên tương giao của Quân tử lâu dài mà cùng tốt lành, tương giao của tiểu nhân lâu dài càng khinh rẻ. Quân tử thà nói nơi chốn chợ đường mà không nói tương giao của tiểu nhân ấy vậy”. Người khách vui vẻ lui ra.

ĐẠO LÀM THẦY

Quân tử không lấy cái không phải thầy mà làm thầy người. Chẳng vì không phải thầy mà làm thầy đối với người, nên Quân tử dạy răn tôn trọng mà Đạo chánh vậy. Thầy là nêu Đạo, nêu là bày phương. Nêu chẳng chánh thì khiến người mất hưởng đó. Thầy chẳng chánh thì khiến người mất trí đó. Nghiêu làm thầy đối với hàng Quân Vương, Thuấn làm thầy đối với Vụ Thành Chiêu, Võ làm thầy đối với Tây vương Quốc, Thang làm thầy đối với Thành Tử Bá, Văn Vương làm thầy đối với thời Tử Tư, Võ Vương làm thầy đối với Quách Thúc, và Khổng Tử làm thầy đối với bảy mươi hai vị Hiền, Tử Hạ làm thầy Chư Hầu, Tử Tư làm thầy Mạnh Kha; Mạnh Tử, Tuân Khanh đều làm thầy đối với học trò họ. Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ khéo làm thầy đối với người mà đời sau những người nối dõi Đế Vương cúi xét đó. Khổng Tử, Tử Hạ, Tử Tư, khéo làm thầy người mà đời sau những người nối gót Thánh Hiền cúi xét đó vậy. Trong thiên hạ, giáo làm gốc đó vậy, giáo là Đạo làm chủ đó vậy. Đạo là thầy làm đầu mối đó vậy. Chánh đầu mối đó do vì làm Đạo vậy, chánh chủ đó do vì làm giáo vậy, chánh gốc đó do vì làm thiên hạ vậy. Cho nên, Quân tử thời xưa chẳng cẩu thả tôn trọng mà làm thầy người, chẳng cẩu thả theo mà làm thầy đối với người. Họ để tâm ở nơi thiên hạ vậy. Nay trong thiên hạ, giáo đó chưa thấu đáo, cũng chẳng là tội cẩu thả vì người làm thầy ấy ư? Cũng chẳng phải tội chẳng chọn lựa thầy đối với người ư?

ĐẠO ĐỨC.

Tôn quý thì chẳng gì tôn quý bằng Đạo, đẹp xinh thì chẳng gì đẹp xinh bằng Đức. Chỗ còn của đạo đức, tuy hàng thất phu chẳng cùng vậy, chỗ chẳng còn của đạo đức, tuy hàng Quân Vương trong thiên hạ chẳng thông vậy. Bá Di, Thúc Tề là kẻ đói khát xưa trước, nay đem người đó mà so sánh thì người vui. Kiệt Trụ U Lệ là kẻ chủ người thời xưa, nay đem người đó mà so sánh đó thì người oán vậy. Cho nên, bậc Đại nhân mắc hoạn đạo đức đó mà chẳng sung túc tự thân, chứ không mắc hoạn oai thế địa vị đó chẳng tại nơi chính mình.

TRỊ TÂM.

Có người khách vì thấy tôi ở nơi hang cốc lặng lẽ không tạo dựng gì, nên hỏi rằng: "Ông sao im lặng, hẳn làm gì ư?"

Tôi đáp: "Không làm gì cả, tôi trị tâm tôi vậy".

Lại hỏi: "Toàn lý làm gì ư?"

Tôi đáp: "Toàn lý để chánh nhân Đạo. Phàm, tâm tức là Lý vậy. Vật cảm mới bắt chước, chẳng trị thì chìm mất lý mà làm vật; vật hơn lý thì người đó nguy vậy. Lý thấu đáo, tâm thấu đáo vậy, khí là kế tiếp vậy. Khí cậy tâm, tâm cậy khí, nên tâm động mà khí vì đó rão theo. Nay kẻ dâm kẻ bạo mất lý mà mịt mờ chẳng trở lại là do chẳng trị lỗi quá của Tâm vậy".

Lại nói: "Tâm thì tôi biết đó, còn lý thì chưa thấu đạt, vậy lời nói của Tử Tư và lời nói của ông có đồng chăng?

Tôi đáp: "Đồng".

Lại hỏi: "Lời nói của Lão Tử cùng lời nói của ông có đồng chăng?"

Tôi đáp: "Vết lớn thì đồng mà cùng Thần cực Hóa thì khác".

Lại hỏi: "Ông khác hai vị kia thì lấy gì làm chứng nghiệm ư?"

Tôi đáp: "Tôi chánh đó là ở nơi thuyết của thầy tôi là bậc Thánh nhân xưa trước vậy".

Lại hỏi: "Nhúng chánh của ông, tôi muốn nghe có được chăng?"

Tôi đáp: "Điều đó chưa dễ nói vậy, chỗ chánh của tôi là thông biến của sanh tử, vượt có của trời đất, bày đó thì tục hẳn rất quái lạ mà cùng xỉa xói mắng nhiếc vậy. Nếu muốn câu đó, ông nên tham tầm trong sách này do tôi làm vậy". Người khách ấy kính bái mà lui.

(Hết phần luận nguyên)

TẠP TRƯỚC
(Có 06 bài)

GHI LẠI XƯA TRƯỚC.

Chương Quân Biểu Dân vì làm quan mà đến ở Tiền Đường chưa bao lâu, đã nêu ra văn của Âu Dương Tu Vĩnh Thúc, Thái Quân, Mô Duẫn, Sư Lỗ, để chỉ bày cho kẻ học như tôi, và nói: “Ngày nay, các bậc sĩ ở bốn phương dùng cổ văn đem đến Kinh đô, mới mẻ lộ bày đầu sừng tranh cùng cao thấp với Tam Quân tử không thể tính kể. Xem văn đó lời lẽ của nhân nghĩa sáng rực như vậy”.

Trước tiên tôi cùng Biểu Dân chúc mừng rằng: “Bản triều chúng ta từ lúc dùng văn trở lại, đâu có ai hưng thạnh như ngày nay vậy! Đó là do đức của Thánh Quân mà may mắn của thiên hạ vậy. Lùi lại mà suy nghĩ đó. Nguyên, làm của cổ văn do vì phát triển nhân nghĩa mà biện rõ chính giáo vậy. Ở thời Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ, nhân nghĩa họ thấu đáo, chính giáo họ chánh. Khổng Tử dùng văn đó phấn phát mà phô bày, đời sau được pháp đó, nên người làm Vua và bề tôi có lễ, thì nước nhà chẳng loạn. Vừa lúc Chu Đạo suy, chư hầu mạnh bạo cùng khinh thường, trên dưới mất lý. Khổng Tử không có địa vị ở đương thời và không được hành sự, nên lấy đó dùng khen chê, chánh thưởng phạt. Nên đời say tuy có bề tôi gian, con hư sợ hãi mà không dám tạm làm. Đến thời Chiến Quốc, hợp theo thuyết của Liên Hành để lay động thiên hạ. Chỉ riêng Mạnh Kha, Tuân Huống dùng văn gìn giữ nhân nghĩa mà biện giải chính giáo. Đương thời tuy chẳng lắm khua động, mà người học kính ngưỡng, biết có chỗ hướng đến. Đến lúc nhà Hán mở vận, Giả Nghị, Đổng Trọng Thư, Tư Mã Thiên, Dương Hùng... cùng nhau dùng văn đó mà khởi xướng, mà thiên hạ hòa cùng hưởng ứng, nên Hán Đức do đó được lớn và đời đó do vậy mà lâu dài. Đến thời nhà Tùy, Vương Thông cũng dùng văn đó, kế tiếp là việc làm của Khổng Tử. Qua thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) lấy học trò đó phát triển mà thử nghiệm đó, nên thời Tiền Đường có được thiên hạ rất bình trị. Mà Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên lại dùng văn đó, theo mà mở rộng đó, nên Đạo của Thánh nhân càng tôn quý. Nay các Nho sĩ tranh nhau dùng văn đó phấn phát, thì thạnh đức hồng nghiệp của tổ tông triều đại nhà Tống chúng ta càng phô bày, nhân nghĩa của Thiên tử càng hiển trước, chính giáo của Triều đình càng biện rành. Nhưng mà Khanh sĩ Đại phu bên trong xem văn đó, biết sở dĩ tu nhân nghĩa mà

phụng thượng, chánh chính giáo mà đợi trăm họ muôn nước. Trăm họ bên ngoài xem văn đó biết sở dĩ nghĩ nhớ nhân nghĩa mà phụ nước nhà. Nghe giáo lệnh, mà không dám chẳng theo. Bốn phương tám hướng xem văn đó vì tin đức nghiệp của Tổ tông ta, biết có thể lớn và có thể lâu dài vậy. Khiến họ trông nhìn mà sợ đó, và nói: "Nhà Tống có nhiều quân tử dùng văn đó để hành Đạo xưa. Lễ nhạc của Trung Quốc sắp tu sửa lớn, không thể không phục vậy!" Dịch nói: "Văn minh để chánh nhân văn vậy". Lại nói: "Xem nhân văn để hóa thành thiên hạ. Nhung Địch kia phản mạng hung ác ngầm ở biên bỉ, nay Triều đình đang thực hành chinh phạt để giết hạng bất đình đó, mà văn đó hưng thạnh ngùn ngụt đến như vậy. Đó cũng là dừng cản loạn lạc chẳng chuyên ở oai võ, làm sáng tỏ văn đức mà nghĩ nhớ đó vậy. Quân tử xem đó cho là hạ hóa thành Thiên hạ vậy, nên cùng Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ so sánh Đạo đức đó thay! Phàm, Linh của xã tắc lâu dài, lịch số chẳng cùng tận, tuy hưng thạnh đẹp xinh của thời nhà Hán nhà Đường mà sao đủ để sánh cùng đây!

NÓI VỀ VĂN.

Chương Biểu Dân mới đầu đến từ Kinh đô, cho rằng các hàng sĩ nhân đề cao văn của Âu Dương Vĩnh Thúc, tự nhiên đều mến mộ mà làm đó, được khách vui nghe. Trong khách có một vị vội nói: "Văn hưng phát thì thiên hạ bình trị vậy". Tiềm Tử tôi nói với khách rằng: "Văn của Âu Dương là ngôn văn, thiên hạ bình trị là do hưng phát của Nhân văn. Nhân văn nhờ ngôn văn mà phát huy, mà Ngôn văn cậy Nhân văn làm cội gốc. Nhân lễ nghĩa trí tín là Nhân văn vậy, chương cú văn tự là ngôn văn vậy. Văn chương được gốc thì chỗ phát xuất đó tự chánh, như Mạnh Tử nói: "Lấy chung quanh đó thì được nguyên đó". Văn của Âu Dương phần lớn ở gốc Nhân, Tín, Lễ Nghĩa. Các ông phải mến mộ cội gốc của Vĩnh Thúc khá vậy, sao vụn vặt mà phỏng chương cú thể thế mà thôi vậy? Cuối thời nhà Chu, đến thời Liệt Quốc, Doanh Tần đâu phải không có người khéo giỏi văn, mà Đạo của Thánh nhân phế mất. Bởi vì Nhân văn chẳng đủ xem vậy, bởi văn đó không ai làm gốc mới vậy. Khổng Tử không địa vị, Đạo đó chẳng hưng hành, bệnh đó chẳng đặng đừng. Học trò đem văn của Xuân thu và sáu kinh biên ghi đó để lại cho đời sau nên nói: "Ta muốn biên ghi đó, không lời chẳng như". Thấy ở hành sự đó sâu sắc rõ ràng vậy. Thánh nhân đâu riêng việc không văn ấy ư? Vua tôi, cha con, thầy trò, bè bạn, văn từ đó có gốc từ Nhân Nghĩa Lễ Tín ngùn ngụt mà thiên hạ chẳng bình trị, thì

chưa từng có vậy. Dịch nói: "Quán sát nhân văn thì thiên hạ hóa thành". Há chẳng vậy ư? Khách ngồi nghe tôi nói đều ngạc nhiên, chẳng biện luận gì nữa.

BÀN NGHỊ TRẢ LỜI VỀ NẮNG HẠN

Gặp năm nắng hạn, có khách bàn luận đến phỏng hỏi tôi rằng: "Nay là tháng năm, vậy là đã hơn bảy tháng chẳng có mưa, cương vực nước Ngô đất đỏ ngàn dặm, lúa mạ khô héo, nông phu hoang mang không biết phải làm sao. Trăm thứ lúa thóc nhảy vọt mắc mỏ gấp bội giá cả, đường sá lắm người đói khát nhìn nhau, người làm chính cầu đảo khắp núi sông, rúc rảo đó cần gấp như cứu nước lửa, mà mưa trọn chẳng đến. Dân chưa khỏi bàng hoàng như vậy, xin hỏi ông thì nên làm như thế nào?"

Khi ấy tôi trả lời rằng: "Đó là việc do các Quan nhân mưu tính, chẳng phải việc của kẻ quê mùa tôi vậy, nên tôi cũng chẳng biết nói với ông sao cả. Tôi thường nghe những người lớn nói, gặp những lúc nắng hạn như vậy, gọi đó là Hung niên (năm xấu). Người vì nước lo cho dân, không gì bằng mở kho lẫm để cứu đói khát đó, và sau đó chỉ bảo họ tiết kiệm nước non suối giếng, cẩn thận đê bờ, bảo các Quan lại cùng họ làm thủy đạo, dẫn dân cùng dốc sức ngăn chặn sông ngòi, trút đổ vào ao bờ để cấp tưới tẩm. Quán xét chợ đường, cân bằng vật giá. Nếu có kẻ nhân thừa cơ bấn lợi khinh dối người nghèo yếu thì dùng pháp luật để trách phạt đó. Khuyên người có thừa sang sẻ cho kẻ không đủ, ước hẹn người không đủ đến năm bình an hảy đáp đền, trạm đường không trọng đi lại để buôn bán thông thương, dân nhỏ buôn bán vặt vảnh dung thứ họ. Xét Hình ngục, làm sáng tỏ oan uổng của dân, như vậy thì cũng là một Đạo để cứu nắng hạn vậy".

Người ấy lại hỏi: "Cầu đảo Thần ở núi sông có nên đó ư?"

Xin nói: "Đối với Lễ cũng có vậy, nhưng có tai ương của bão lụt hạn hán, dịch bệnh, dùng doanh tạo thần ở núi sông. Cử pháp xưa để thuận tâm của dân vậy. Như lúc gió mưa đến, bão lụt hay hạn hán chẳng lấn áp quấy rối, chẳng phải do ở núi sông vậy".

Người ấy bỗng nhiên nói: "Tôi là kẻ quê kệch, chưa rõ biết nguyên do của bão lụt và hạn hán, ông lại nên vì tôi mà nói đó".

Tôi nói: "Cực Dương, đó gọi là Hạn hán". Hồng Phạm Cửu Trương nói: "Tiếm thường ráo sạch". Lại nói: "Vương tỉnh chỉ năm, Khanh Sĩ chỉ tháng, Sư duẫn chỉ ngày". Năm tháng ngày giờ chẳng đổi, trăm thứ lúa thóc dùng thành, lại dùng minh tuấn, dân dùng chương, nhà dùng

bình khương. Năm tháng ngày giờ đã đổi, trăm thứ lúa thóc dùng chẳng thành, lại dùng mờ tối không minh tuấn, dân dùng nhỏ bé, nhà dùng chẳng an ninh. Thuyết giả nói: "Phàm Tiến ấy là nào quá lại sai vậy?" Nói sai của chính mình mà dân không giáo vậy. Dân không giáo thì tứ ý bạo hình, tứ ý bạo hình thì phạt không xác đáng, phạt không xác đáng thì dân oán đó. Cùng với chỗ cảm của Tứ ý bạo hình nên hạn hán thuận đó. Phàm năm tháng ngày giờ không đổi, trăm thứ của thóc dùng thành, lại dùng minh tuấn, dân dùng chương, nhà dùng bình khương vậy. Ấy là sao? Bởi Vương theo Vương Đạo mà chẳng mặc ý mừng giận, vọng gạt bỏ hay tấn cử Khanh sĩ Sư Duẫn. Khanh sĩ Sư Duẫn giữ khuyết chức không tiếm vọng để khinh thường Vương quyền. Như vậy thì việc nước tu, việc nước tu thì khí đó hòa hợp; khí hòa hợp nên trăm thứ lúa thóc thành mà Trị Đạo sáng tỏ vậy. Tuấn Lương được chỉ để hành Đạo đó. Đó là trên có Nhân nghĩa mà dưới không oán cừu, nên nước nhà an bình vậy. Phàm ngày tháng năm giờ đã đổi, trăm thứ lúa thóc dùng chẳng thành, lại dùng mờ tối không minh tuấn, dân dùng nhỏ bé, nhà dùng chẳng an ninh vậy. Tại sao? Bởi vua đoạt chức tôi, mà tôi mạo phạm chính vua vậy. Như vậy thì việc nước chẳng tu, việc nước chẳng tu thì dân chẳng hòa, dân chẳng hòa nên trăm thứ lúa thóc chẳng thành, mà Trị Đạo mờ tối vậy. Đạo của Tuấn Lương chẳng hiển bày. Đó là trên chẳng Nhân nghĩa, mà dưới dân thán oán, nên nước nhà chẳng an vậy. Nay Thiên tử là bậc Thánh minh, mà các bậc tuấn kiệt tại vị, chỗ gọi là Hình chính Lễ nhạc, đâu nghe quá sai vậy. Nhưng Triều đại nhà Tống chúng ta có thiên hạ, gà gáy chó sủa suốt khắp bốn biển, nó làm rộng lại xa vậy. Khác phương khác tục, chính giáo đâu thảy đều đến mà Hình phạt hay không sai lầm vậy. Chỉ có Hình chính, Lễ nhạc chánh thì gió mưa theo thời mà lại, nắng hạn bảo lụt không do đâu gây nên. Ác dùng cầu đảo làm gì?" Người hỏi cho đó là phải, kính bái mà đi.

BIỆN GIẢI VỀ BÁ DI VÀ LIỄU HẠ HUỆ

Mạnh Tử nói: "Bá Di hẹp hòi, Liễu Hạ Huệ bất cung, Quân tử chẳng như vậy". Lại nói: "Bá Di là Thanh của Thánh, Liễu Hạ Huệ là Hòa của Thánh". Lại nói: "Thánh nhân là thầy của trăm đời. Bá Di, Liễu Hạ Huệ là bậc đó vậy. Nên nghe phong của Bá Di, kẻ tham hóa liêm khiết, người hèn có lập chí. Nghe phong của Liễu Hạ Huệ, kẻ rít lận hóa rộng rãi, người bạc bẻo hóa đơn thuần". Mới đầu nói "Quân tử chẳng như vậy", ấy là ngôn từ của Mạnh Tử chống đó. Tiếp đến nói "Thanh và Hòa" ấy là ngôn từ ngợi khen đó. Và sau lại nói "Thánh

nhân thầy của trăm đời”, ấy là ngôn từ mến mộ đó vậy. Đã chống cự và văn ngợi khen mến mộ đó, người học phần nhiều bị lầm hoặc, có người lấy lời đó làm bất bình. Với tôi hẳn không như vậy. Nghĩa là lời nói của Mạnh Tử ý chỉ xa vời vậy. Phàm, Quân Tử cùng người cùng tương thích về nghĩa mà thôi vậy, nên họ đi hay ở không cố định không hẳn vậy. Như người đó mới đầu xấu ác mà một ngày nọ bỗng nhiên vì Đạo mà tìm cầu ta. Quân tử hẳn tiếp đó, tiếp đó được thành thật đó thì ở. Như ngươi đó mới đầu chẳng xấu ác mà một ngày nọ dùng vô Đạo theo ta, Quân tử hẳn thắng đó, thắng đó mà không được thì bỏ đó đi. Quân tử ở đó chẳng phải cẩu thả theo vậy, bởi nghĩa có thể theo vậy. Quân tử bỏ đó đi, chẳng phải cẩu thả vậy, vì nghĩa có thể đi vậy. Nên việc đi hay ở của Quân tử chẳng phải cẩu thả theo vậy, mà chuyên tại nghĩa đó vậy. Bá Di kia xấu hổ Triều lập người ác, xấu hổ nói cùng người ác, suy ác, ác ở tâm, chỉ nghĩ lập người cùng quê hương, áo mão đó chẳng chánh. Ngong ngóng mà bỏ đó đi như sắp vấy bẩn vậy. Vì chư hầu làm không thanh khiết, tuy có thiện, họ từ mạng mà chẳng nhận vậy, vì họ trọn làm không thanh khiết, quả nhiên không ở rồi. Còn Liễu Hạ Huệ kia là mày làm mày, ta làm ta, tuy cởi trần truồng bên cạnh ta, mày sao có thể vấy bẫn ta ư? Chỉ họ tự thị chẳng đoái hoài trị người. Hổn nhiên tạm cùng ở đó, quả nhiên không bỏ đi rồi. Liễu Hạ Huệ cùng người không tu chung ở nhà mà chẳng thể chánh đó, đã chẳng thể chánh đó, lại không thể bỏ đó đi. Đó là khinh thường người ấy vậy. Bá Di được người thiện từ mạng vì chí thành cùng cầu mà chẳng chịu sang sẻ thành thật đó. Đã chẳng thể giúp đỡ thành thật đó lại không thể ở đó. Đó là vất bỏ người ấy vậy. Vất bỏ người ấy là chẳng cùng người làm thiện vậy, khinh thường người ấy là cùng người vô lễ vậy. Cùng người vô lễ thì sao mà cung ư? Chẳng cùng người làm thiện, sao mà dung ư? Dùng Đạo của Quân tử mà kiểm xét đó, thì sự đi hay ở của hai người đó, cũng chẳng trái nghĩa mà thích nghi vậy. Mạnh Tử nói: “Quân tử chẳng do vậy”. Như Bá Di mắt chẳng nhìn sắc xấu ác, tại không nghe tiếng xấu ác, chỗ giăng trải chính đó, họ chẳng nhẫn ở vậy, Thanh liêm tự thân, họ lại trị loạn mà chẳng biến đổi. Chẳng phải người được Thanh và Thánh nhân, sao có thể giữ đó? Như Liễu Hạ Huệ tiến tới mà chẳng ẩn Hiền hẳn vì Đạo đó bỏ sót mình ở ẩn mà không oán, họp cùng mà chẳng xót thương. Nếu chẳng phải Hòa của Thánh nhân, sao có thể nhẫn chịu ư? Mạnh Tử đang ở thời Chiến Quốc vô Đạo vậy, mà tôi gian, con hư trông nhìn khinh bỉ tứ ý làm; tham, hèn, rít lận, bạc bẻo tranh thế xung mạo lợi. Tuy chết chẳng đoái hoài, họ có tiết nghĩa. Mạnh Tử vì xấu hổ Đạo của Nghiêu Thuấn

chẳng hành, nghĩ cùng phong Thanh liêm khoan hòa, kiêu kích thời đó, nên hẳn tôn trọng Bá Di và Liễu Hạ Huệ là thầy của trăm đời ấy vậy. Mới đầu nói là hẹp hòi và bất cung là biện bày họ chẳng vì nghĩa mà làm người, bởi muốn khiến người cẩn trọng sự đi hay ở, nên có ngôn từ chống cự đó vậy. Lại nói là "Thanh và Hòa" tức là phải rõ biết họ mỗi mỗi đều có một đức của Thánh nhân vậy. Muốn người biết Hiền là người đó, nên có ngôn từ ngợi khen đó vậy. Lại nói "Thánh nhân thầy của trăm đời" là có dùng để cảnh răn ở đời vậy, muốn người nghe phong đó mà tự hóa, nên có ngôn từ kính mộ đó vậy. Bá Di và Liễu Hạ Huệ đặc biệt riêng lập tự nhậm ấy vậy, chẳng đoái hoài dạy người, nên chỗ làm của họ cũng chẳng đoái hoài phải quấy của đời vậy. Mạnh Tử, người hành Đạo ấy, họ khuyên dạy người nên chỉ chỗ họ làm, phải thì lấy đó, quấy thì chánh đó, do đó sự việc của Bá Di và Liễu Hạ Huệ tuy được mất, mà cả hai còn ở sách họ vậy.

THUẬT VỀ VUA THÁI TÔNG THỜI TIỀN ĐƯỜNG

Mới đầu vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650 thời tiền Đường) vào thăm Văn Tĩnh nơi tù ngục, sao âu lo gấp của thiên hạ vậy. (Trong khoảng niện hiệu Đại Nghiệp 605-617 thời nhà Tùy, Lưu Văn Tĩnh bị cùng Lý Mật liên nhâm giam trong tù ngục, Thái Tông vào thăm, mới nói rằng: "Nay thăm khanh chẳng phải vì tình nhi nữ, mà cùng khanh mưu tính việc lớn vậy). Can gián Ban sư ở Hoắc Ấp, gào khóc vì cảm, đâu là hợp nghĩa của Trung Hiếu vậy (mới đầu Cao Tổ-Lý Uyên-618-627 khởi nghĩa sư ở Tây Hồ Trung Quốc. Tống Lão Sanh là tướng lãnh thời nhà Tùy chiếm cứ ở Hoắc Ấp để cự nghĩa sư. Qua thời gian lâu, lương thực hết, Cao Tổ bàn nghị trở về lại Thái Nguyên, Cao Tông muốn phải vào Hàn Dương, Cao Tổ không chấp thuận, tiếng gào khóc nghe trong màn trướng). Giết Kiến Thành, Nguyên Cát mưu hại Thái Tông, sự việc bị bại lộ, Thái Tông cho dẫn Uất Trì, Kính Đức,... cả thảy chín người vào cửa Huyền Võ, giết trước Điện Lâm Triều. Cùng Khả Hãn giết Bạch mã mà ước thề, sao tin hành đến Di Địch vậy. Thái Tông mới lên ngôi, Khả Hãn đánh chiếm Kinh Châu, thống lãnh trăm vạn binh lính đến trên cầu sông Vị thủy. Thái Tông riêng một mình lên khinh nhìn quân lính. Khả Hãn thấy kinh sợ mà xin hòa, nên giết Bạch Mã ước thề trên Tiện Kiều mà đi). Chống xiểm nịnh của Đức Di, sao cản trở người nịnh trong Thiên hạ. (Đầu niên hiệu chánh Quán (Trinh Quán?) Tấu Tần Vương phá trận lục khúc, phong Đức Di đối đáp rằng: "Bệ hạ dùng Thánh võ đánh dẹp loạn, Huyền cực tấu nhạc tượng đức định, văn

dung lấy làm so sánh". Thái Tông bảo: "Trẩm hay dùng võ công để định thiên hạ, nhưng trọn dùng văn đức để thỏa văn trong bốn biển. Đạo danh của võ tùy theo thời đó, ông cho rằng văn dung chẳng như giẫm gắng, nói thế quá sai vậy). Đột Quyết đều loạn, vì họ không tội đối với ta, không nên nhân tiện mà đánh đó, sao là có lễ của thưởng phạt ư? (Đầu niên hiệu Chánh Quán, Đột Quyết các bộ phản đánh đó mà binh lính phản lại, quần thần xin nhân tiện ấy mà đánh đó. Thái Tông bảo: "Đâu có mới cùng đó họa, lại nhân nó loạn mà đánh diệt nó ư? Theo Bộ lạc hết phản, sáu vật đều chết, Trẩm trọn chẳng đánh, đợi lúc nào nó có tội hẳn sẽ bắt sau). Bàn nghị thương tha, sao thưởng phạt đó chánh ư? (Thái Tông bảo quần thần rằng: "Tha kẻ có tội mới chẳng khuôn phép cả bọn, xưa nói một năm lại tha, người tốt câm ngọng, nên Trẫm chẳng từ tha, ngõ hầu được bốn biển đều an thái vậy). Cùng Đỗ Yêm luận bàn về Nhạc, sao biết chính vậy? (Thái Tông mới bắt đầu tấu Tân nhạc, bảo cùng thị thần rằng: ":Làm của Lễ nhạc là Thánh nhân duyên vật. Vật mà thuyết giáo, dùng làm như theo lễ phép. Hưng suy của Trị, đều do ở đó". Ngự sử Đại phu Đỗ Yêm nói: "Đời trước còn mất từng do ở Nhạc, nên mất của nhà Trần là vì cây ngọc sau sân, mất của nhà Tề là vì bè bạn đi đường. Nghe đó không ai chẳng buồn khóc". Thái Tông bảo: "Không phải vậy. Phàm, Âm nhạc nó cảm tâm người, người vui nghe đó thì vui, người buồn nghe đó thì buồn. Nước sắp mất, tâm dân đó khổ, chỗ làm của khổ tâm, nghe nhạc thì buồn, đâu có tiếng nhạc khiến người vui mà buồn được ư? Nay cây Ngọc, bè bạn âm vang đó hiện còn, khiến ông tấu đó, ông thì chẳng buồn vậy). Cùng Khổng Dĩnh Đạt luận Tịch Điền, sao biết kinh vậy? (Đầu niên hiệu Chánh Quán, tịch điền, phương điền cấp, Thị trung Khổng Dĩnh Đạt nói: "Xét theo Lễ, Thiên tử ở Nam giao, chư hầu ở Đông giao. Tấn võ ở Đông nam, nay ở thành Đông là chẳng hợp Lễ xưa". Thái Tông bảo: "Lễ duyên tình người cũng nào có cố định. Ngô thư nói: "Bình trật Đông làm". Nay Trẩm hiện ở đất của Thiếu Dương, mộng ở Đông giao, bởi đó thích nghi vậy, cũng nào chẳng hợp với Lễ xưa ấy ư?). Bãi bỏ bàn nghị xây dựng lầu các, nào tiếc sức dân vậy? (Quần thần cho rằng, trong cung thấp ẩm, xin dựng xây một Các để ở. Thái Tông bảo: "Trẩm đức thẹn so với Hán Văn, đâu có thể quá nhọc sức dân vậy", trọn không chấp thuận). Gần đặt hình thố, sao thiên hạ đó có giáo vậy? Ở chẳng đóng cửa, đi chẳng mang theo lương thực, sao thiên hạ đó liêm chính lắm vậy! (mùa Đông năm Chánh Quán thứ tư, bỏ hình phạt bốn mươi chín người, gần đặt Hình thố, nhà ở ven ngoài, tối không đóng cửa, người đi đường chẳng

mang theo lương thực). Người bị tội hình đáng thời hạn thảy đều đến, sao thiên hạ không khi phụ vậy! (mùa Đông năm Chánh Quán thứ bảy, tự thân Thái Tông xem ghi tử tù gần ba trăm chín mươi người, bèn ban lệnh mùa thu năm sau trở lại chịu hình phạt. Đến kỳ hạn các tù nhân đều nhóm lại, mà chiếu để nguyên đó). Nhân lời của Ngụy Trưng, sao cùng người làm Thiện vậy! (Thái Tông nhận lời can gián đấu tránh của Ngụy Trưng, thấy ở bản truyện có lắm nhiều). Từ xưa trước ngợi ca Võ, Thang, Văn, Võ, sở dĩ làm Võ Thang Văn Võ là chánh vì họ do Đạo của Nhân nghĩa mà làm Quân vương thiên hạ vậy. Đến đời sau lại dùng nhân nghĩa mà làm Vương giả như Võ Thang Văn Võ vậy.

Tôi đọc Đường thư thấy được sự việc của Thái Tông, như ghi thuật trên còn lắm nhiều, chẳng thể kể hết được. Nguyên chỗ kết quy đó đều hướng đến nhân nghĩa. Cốt yếu đó khác với Võ Thang là mất vậy. Những người bàn luận ở đương thời cho rằng, Thái Tông là người Đại đô, cùng loại như Hán Cao, thuần võ, đồng như Ngụy Võ. Phàm, Hán Cao ít văn đức, mà Ngụy Võ chẳng kịp Bá đạo, há có thể cùng Thái Tông phỏng luận ư? Tiếc thay! Muốn dùng Chu Lễ để trị mà bọn phòng ngụy chẳng thể tán thành đó. Nếu khiến Vương Thông chưa chết, nhà Đường được dùng đó (Thái Tông, Văn Trung Tử nói: “Nếu có dùng ta, thì ta lấy Chu Lễ để theo đó), thì bói năm bói đời, nào những ba trăm mười tám đời vậy. Mạnh Tử nói: “Năm trăm năm hẳn có Vương giả xuất hiện”, thời gian đó hẳn có danh tiếng ở đời là việc làm của Thái Tông, thật là Vương giả vậy, mà chẳng chỉ Văn Trung Tử có thể ca ngợi vậy thay!

THUẬT GIẢI VỀ DỊCH

Tử Hác Tử sửa Dịch, Bình Sanh được Đại pháp của Thánh nhân làm Dịch, mới giải Dịch để tự phát pháp đó, cho rằng Thánh nhân sở dĩ làm Dịch là ở trị đạo, trị Đạo đạo ở vua tôi. Vua và bề tôi theo pháp Âm Dương để thành Hào, xếp Hào để thành Quẻ, lập Quẻ để thành Dịch. Cho nên, người cầu tìm trị đạo hẳn đọc xem ở Dịch, người cầu tìm Dịch tướng hẳn đọc xem ở Quẻ, người cầu tìm thể của Quẻ hẳn đọc xem ở Hào. Người cầu tìm Hào biến hẳn nguyên ở Âm Dương. Âm Dương ấy là gốc của làm Dịch, là Đại Phạm (khuôn phép lớn) của trị đạo. Âm Hào là đạo của bề tôi, Dương Hào là đạo của vua. Hào của Âm Dương thăng giáng được chỗ đó thì quẻ tốt, Hào của Âm Dương mất chỗ đó thì quẻ ấy xấu. Cho nên, Đạo của vua tôi chánh thì chính đó vậy, Đạo của vua tôi rối ren thì chính đó loạn vậy. Trị là tu Tam cương Ngũ thường

vậy, nên Tam tài thuận vậy, muôn vật được toại vậy. Loạn thì luân thường muôn sự đều bại hoại vậy. Phàm, thiên hạ muốn đời trị loạn, khuôn phép thành thật ở Đạo, Dịch đó đầy đủ vậy.

Vừa ngưng bút mới ra sách đó, đem chỉ bày cùng Tiềm Tử tôi, muốn tôi loạn mà sáng tỏ đó. Tiềm Tử tôi xét thấy đó nói các điều có thứ tự, tuy lắm trăm mà không gì chẳng cùng pháp của Thánh nhân hợp đó. Nhấc lên vậy mà tự lập nghĩa, biệt bày tinh tế mà lại rất lớn, đại lược như loại của càn khôn đại súc tiểu súc quẻ. Tuy người khéo sửa dịch thời xưa trước cũng chẳng vượt quá đó vậy.

Tiềm tử tôi nhân nói với người đó rằng: "Sách của ông là phải vậy, nhưng mới đầu của Dịch, xuất phát từ Hà Đồ, chỗ thấy của Hà Đồ chỉ số của Âm Dương rất làm gốc đó vậy, mà pháp của vua tôi cùng với Thần vật đó hài hòa mà ra vậy. Tuy nhiên, công hiệu của tốt xấu trị loạn chưa hiển trước mới giúp vậy. Thánh nhân là vua thiên hạ mà phát đó, nên Bao Hy xuất hiện vậy, chỉ bày cùng Thần đạo vừa nhóm hội, toại Quẻ đó mà lại Hào đó, dùng pháp đó để làm vua thiên hạ. Nhưng pháp đó chẳng phải Thánh nhân làm, vua không thể bày đó. Thánh nhân chẳng phải dùng đó, chẳng thể vua đó. Nên Dịch cùng Thánh nhân mà cùng tu vậy. Khổng Tử là bậc Thánh nhân, tuy biết pháp đó mà không ở ngôi vị, than rằng chẳng được như Phuc Hy hành Đạo đó. Ở thời ấy học trò viết văn mà lưu truyền đó vậy, nên nói: "Chim Phụng chẳng đến, Hà chẳng ra Đồ; tôi đã là như vậy". Nhưng truyền đó từ Khổng Tử đến Thương cù, lại qua chín đời, đến Dương Hà là người thời nhà Hán thì sở truyền đó bèn dứt tuyệt. Về sau, các Nho sĩ dùng, đã thấy mỗi mỗi tự làm nên chủ trương riêng, rối ren rong sính thuyết khác của họ, thầy trò tiếp nối cùng ưu thắng, chẳng lại giữ Đạo của Thánh nhân. Thật Đạo của Dịch bèn nhỏ bé, mà ông đang lúc Dịch đạo chi ly lộn lạo tràn lan khó xét, mới cứng rắn riêng suy khuôn phép của Thánh nhân giải sách đó để lại cho người học. Việc đó đối với Đạo của Thánh nhân cũng có sức lực vậy".

Tử Hác Tử lại nói với Tiềm Tử tôi rằng: "Tôi xét quả tạp, thuyết đó mới rườm rà lại nặng nhọc, gần như chẳng phải ý của Thánh nhân, đó bởi do người học đời sau bao quát các giả mà có lời ngợi ca đó vậy. Dự ở mười Dực cũng chẳng nhục ư? Tôi thường gọt bỏ đó, mới lìa phần tựa quẻ, làm đó thành hai thiên thượng hạ, mà để giúp ở mười Dực có thể được ư?"

Tiềm Tử Tôi nói: "Dương Tử Vân cho rằng, người học xét đó phải mà thôi vậy. Kính ngưỡng Thánh nhân mà biết nhỏ của các thuyết vậy.

Ông chẳng phải đó, quả thật mà bài bác lời khinh lờn Thánh nhân đó là thích nghi vậy, sao lại nghi ngờ đó ư?"

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 8

TẠP TRƯỚC

(Có sáu bài - Tiếp theo)

TIÊU DAO

Trời đất đều ở công, muôn vật đều ở sanh, nhật nguyệt đều ở sáng, bốn mùa đều ở hành. Đạo của sanh sanh đồng, nhưng mà sở dĩ làm sanh sao một? Nghĩa là công chẳng khác, nghĩa là sanh chẳng khác, nghĩa là sáng không hai, nghĩa là hành chẳng riêng, khiến đều mặc nó tự nhiên mà ấy vậy. Như người vừa gặp hổ, lang, rắn, rồng thì các loài hổ, lang, rắn, rồng ấy lại nội tính hung dữ gầm gừ, nhưng sao tất cả đều ở chung dưới gầm trời ư? Nên nói: "Đạo cũng tự nhiên, chẳng phải Đạo cũng tự nhiên. Đạo cũng tự đắc, chẳng phải Đạo cũng tự đắc". Xưa kia, như Hoàng Đế, Cao Tân, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, Hạ Võ, Tây Bá, Hậu Tắc, Khổng Tử, Tăng Sâm, Tử Lộ, Bá Di, Triển Cần, Kiệt Trụ, U lệ, Á lai, Đạo chích,... đó đều cũng chẳng sanh ư? Mà sở dĩ làm sanh sao thường ngang bằng ư? Ăn ngủ cùng người đồng, mà động tĩnh cùng người khác. Như chỗ gọi là buộc, lấy gì để rõ đó? Làm sanh của Hoàng Đế là tu đức, chấn động cả binh lính, thị năm khí, trồng tỉa năm thứ giống, vỗ về muôn dân mà an thiên hạ, qua đi mà lên mây trời. Làm sanh của Cao Tân là thuận nghĩa của trời, biết gấp của dân, nhân từ mà oai, ban huệ mà tin, sắc màu đó thạnh vượng, đức đó cao vợi, động đó là thời, phục đó là sĩ,, đã giữ nắm trong quyết mà biến khắp thiên hạ. Làm sanh của Đế Nghiêu là nhân từ đó như trời, biết đó như Thần, ở đó như mặt Nhật, trông nhìn đó tợ vầng mây, giàu mà chẳng kiêu, sang mà chẳng buông, bình ổn trăm họ, hiệp hòa muôn nước. Làm sanh của Đế Thuấn là cha ngu mẹ khờ mà chẳng mất Đạo con, vừa hai mươi tuổi mà hiếu hạnh vang danh, trọn đạp Đế vị mà minh đức đến thiên hạ. Làm sanh của Hạ Võ là đức đó chẳng trái, nhân đó có thể gần, gắng

gỏi sâu xa mà làm kỷ cương, vì trị nạn Hồng thủy, nên công đến thiên hạ. Làm sanh của Tây Bá là dốc nhân kính lão, thương trẻ lễ dưới, cách chính hà ngược, đoạn tụng ngu nhuế, bẩm mạng Thiên minh, là Quân Vương muôn nước. Làm sanh của Khí Chậu Tắc, là thích nghi cùng đất mới làm thầy nông, thiên hạ được lợi đó vậy. Làm sanh của Khổng Khâu là tổ thuật Hiến chương văn võ của Nghiêu Thuấn, lễ nhạc do đó mà thành, nhân nghĩa do đó mà sáng. Làm sanh của Tăng Sâm là Hiếu đạo rực rỡ. Làm sanh của Tử Lộ là chí nghĩa tỏa sáng. Làm sanh của Bá Di là khơi khích Đại liêm. Làm sanh của Liễu Hạ Huệ là nghĩ nhớ chí Hòa. Làm sanh của Kiệt là chung hung đức tàn hại tổn thương trăm họ, riêng tự thân chẳng gìn giữ bèn phóng túng mà chết. Làm sanh của Trụ là chống cự can ngăn, trong sức điều quấy, ham mê rượu chè dâm nhạc, hèn với phụ nữ mà giết người không tội, đối với tự thân mang ách lửa chết rất mực xấu xa. Làm sanh của U Lệ là tiếp theo Kiệt Trụ. Làm sanh của Ác Lai là gian loạn vua tôi. Làm sanh của Đạo Chích là trông nhìn khinh bỉ, buông tuồng làm giặc.

Phàm, Đạo cũng tự nhiên, như Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn là nghĩa ấy vậy. Chẳng phải Đạo cũng tự nhiên, như Kiệt, Trụ, U, Lệ, là nghĩa ấy vậy. Đạo cũng tự đắc, như Tăng Sâm, Hứa Do, Bá Di, Liễu Hạ Huệ là nghĩa ấy vậy. Chẳng phải Đạo cũng tự đắc, như Ác Lai, Đạo chính là nghĩa ấy vậy. Dao và kiếm đồng bằng sắt cùng nghĩa là tự nhiên. Ở kiếm được bén nhọn, nước do đó giao tê, đất do đó đoạn hổ hủy, tung mà thử đó hì hì vậy, đó sao biết tánh của vàng hao hút như vậy ư? Cho nên, Thánh nhân nhậm ở Đạo của tự nhiên, chẳng nhậm sanh của tự nhiên, được ở chánh của tự nhiên, chẳng được ở tà của tự nhiên, nên tĩnh cùng trời đất hợp, động cùng cầm thú khác. Nhưng giận chẳng được công kích, nghèo hèn chẳng được dung, lìa các Hữu mà lập ở Diệu, nên Quân tử không thể không biết Đạo. Đạo ấy nghĩa là Đại Diệu vậy. Chí tịch mà thông các động, chí không mà hợp với vạn hữu. Thung dung ở tiếng mà người thông minh không thể dùng hết âm đó, sáng rỡ ở sắc mà người thông minh chẳng thể dùng sạch cảnh ấy, gọi đó là không thể được. Trọn trời đất mà chưa táng mất, gọi đó là có thể được. Cùng trời đất mà chưa có, có có ở không, không không ở có. Có không đều bỏ sót, mà trở lại với tướng trạng không thể, nên nói chẳng phải chí Thần của thiên hạ, ai có thể cùng đó ư? Do vì nắm cả trời đất, xoay chuyển nhật nguyệt. Trời đất nhật nguyệt tuy là lớn vậy, nhưng nào thường chẳng làm Dụng của Đạo ư? Vô danh là mới đầu của trời đất, Hữu danh là mẹ của muôn vật, nghĩa là đó vậy. Có người ở đó, chẳng phải nguyên ở

đạo xỏa tóc đi cuồng. Nghĩa là ta tự nhiên vầng trời rối ren ở trong nhìn nghe, rong ruổi vật ngoài, đem giam giữ tánh ấy vậy, lại sao đến được ở sanh? Phàm, người có hai đại, đó là Tánh đại và Tình đại vậy. Tánh đại nên hay sanh thần muôn vật, Tình đại nên hay ngăn che tâm của Thánh nhân. Vàng cùng cây gỗ đồng cọ mài thì bốc cháy, cây gỗ chẳng hơn nên cháy vậy. Tình và Tánh cùng chế cảm thì loạn, tánh không hơn nên diệt mất vậy. Sao biết? Phàm, Tánh toàn, đông người chẳng làm Thánh ư? Tình toàn, Thánh chẳng làm đông người ư?

Hoặc có người nói, nhà sáng vách bít, cửa cao bảng vợi, đó là nơi hàng trưởng giả mến mộ hay đến, mà chim qua đó thì bay nhanh, thú qua đó thì chạy vôi, Tiểu nhân qua đó thì đuổi theo gió mà đi. Nhưng mà chim thú sanh sống ở rừng chầm, Tiểu nhân thành từ xóm làng. Phần đó đã định mà tánh đó không thể biến đổi. Đó là ba loại cùng mà đi, chẳng như vậy ư?

Đến đây mới nói: Tánh toàn thì đông người có thể làm Thánh, tình toàn thì Thánh có thể làm đông người. Đó là chỗ chưa từng có ở đời vậy. Tiêu Dao nói: “Chẳng đợi Hoàng Đế mà luận Đại trí, tượng lớn gục ở con trùng đục khoét; chẳng phải Bành Tổ mà nói Đại viên, Thung lớn gục bởi có Thuấn anh hẳn vậy”. Phàm, so lường vì Mạnh Tân sao có thể dùng dùi? Nhìn mây trời sao có thể dùng ống trúc? Nhìn Đại Đạo sao có thể dùng hình hài. Nên Thần chiếu mà Tâm chẳng trệ là có thể cùng nói Đạo vậy. Phàm, ở con của Việt, Di, Khê sanh mà đồng tiếng, trưởng thành mà khác tục. Xưa kia, Thái giáp buông tuồng hung bạo chẳng có đạo pháp như Thang mà Y Duẫn dạy đó ba năm thì chuyển đổi thiện tu đức cuối cùng chầu chư Hầu. Ở thời nhà Chu, Tuyên Vương (Cơ Tĩnh 827-781 trước tây lịch) là con của Lệ Vương (Cơ Hồ 841-827 trước tây lịch), mà Chu Công mời Công Phụ đến tu chính nên hay khua động Di phong của Thành Khang. Tề Hoàn Công tham mê nhạc chẳng phải lễ, là do Quản Trọng làm bạn vậy. Nên có thể một chánh thiên hạ mà làm lớn Ngũ Bá, như dựng Dao đổi ngà vậy, nên cha con nghi kỵ, nước đó đại loạn. Tử Lộ kia là người hùng dõng, hơn ở Trọng Ni, nên hay đem Nghĩa xiển dương, khúc nhạc của Danh quỳ vậy, đánh đá vỗ đá mà trăm thú đều múa. Thuế khóa của Tồ Công, sáng ba chiều bốn mà chúng đông chết oán, bầu ba trống đàn mà cá bơi lội ra nghe. Bá Nha đánh đàn cầm mà sáu ngựa ngưỡng thức ăn. Thái Giáp, Tề Hoàn là người bên trong du phương, mắt thấy tai nghe chưa hẳn vượt ngoài sự vật. Tâm tình cùng đánh nhau lượn đi lượn lại chẳng dừng, một mai làm người chỗ hóa Lễ nghĩa hơn đó, còn có thể bỏ ngu hèn mà hầu mong ở

Hiền giả. Họ như thế đó, cầm thú kia vậy, do tình người động vì muốn đuổi theo vật còn có thể cảm nhạc mà thuận dưỡng. Chín thứ ấy đâu khác sanh mà riêng ở tạo hóa ư? Sao phải Thủy đây mà chung kia, thú ở mà người theo, huống hồ là Đại thông ư? Huống hồ là Đại toàn ư? Mênh mang chỉ Thần, chết sống chẳng hóa ấy vậy. Lại nữa, sao người mà chẳng làm Thánh ư? Nên Tuân Khanh nói: "Thần chẳng lớn so với hóa đạo, Phước chẳng lớn ở không họa". Chỉ người đến nước khác hẳn biết đường. Người đi muôn dặm hẳn chứa hành trang. Đến mà chẳng biết đường của Hồ Việt, thì vùi mất thân chẳng thăm thấy nước khác. Đi mà chẳng nhấc động nửa bước chân thì trọn đời chẳng lìa cửa nước. Nên Quân tử mắc hoạn không biết lý chẳng mắc hoạn tên họ không đẹp, mắc loạn không hành. Đạo mà không mắc hoạn Tâm đó chẳng thần. Thường thử luận nói: "Thánh Ngu là Nghiêu Kiệt". Khí họ có khác mà Tánh họ thường một. Tánh chẳng phải khí mà chẳng phải có, khí chẳng phải Tánh mà chẳng sanh. Nên khí ấy là đợi ở tánh, tánh ấy là mượn ở khí, khí và tánh chưa từng trái nhau. Người xưa đã được mẹ họ đã biết con họ. Đã biết con họ lại giữ được mẹ họ, lấp vùi thân chẳng chết. Nên, phàm, tương giao của Âm Dương là sanh Ngũ hành. Tánh nhân Âm Dương mà gặp tương giao đó, nên làm Thánh nhân, làm Hiền nhân, làm Nhân nhân, làm Nghĩa nhân, làm Tiểu nhân, làm ngu nhân. Còn Lễ vận nói: "Người là đức của trời đất, là tương giao của Âm Dương, là tụ hội của Quỷ thần, là khí lành của Ngũ hành". Phàm, Thánh nhân là được toàn Âm Dương. Nhân nhân và Nghĩa nhân được ở một của Ngũ hành. Cầm thú lại được nhỏ nhiệm của nhỏ nhiệm ấy vậy. Phàm, tánh đó cùng với khí của lửa đó ở củi vậy. Tánh của lửa nó sáng rỡ chỉ một, đến lúc đốt ở cây cỏ thì ánh sáng đó chưa đồng vậy. Cho nên người đến với Đạo thời xưa chẳng vì tâm sai sứ khí, chẳng vì khí nhiễu loạn tâm. Tâm đó chẳng động, thì người chánh tánh mạng. Nên Lão Đam nói: "Quy căn gọi là Tĩnh, Tĩnh gọi là Phục mạng. Phục mạng thì Diệu quán ở sắc mà theo đến vậy". Chẳng phải không, chẳng phải không ấy là thường không có vậy. Chỉ sắc ấy là có tức chẳng phải Thường vậy. Biết sắc tuy vọng mà không, chưa từng làm không. Người lầm hoặc đều làm sắc mà cách ở không ấy vậy. Mà sắc ấy là cũng chẳng làm có thể giúp ở vạn vật rối ren khác mà đây sao chẳng đồng. Nhưng, tuy biết chưa kịp Thánh mà sở dĩ làm Thánh, lại sao khuyết đó? Nghĩa là, đó chẳng phải sắc, vức lớn của muôn vật. Nghĩa là đó chẳng phải không, Đại Tông của muôn vật. Do đó, Tam thừa đồng đều quán, tâm không mà vào Đạo. Được như vậy thì trải qua đại loạn mà chẳng quấy nhiễu, giẫm đến

tai ách mà chẳng nguy ngập. Chẳng làm mà tự hóa, chẳng tháo mà tự chánh. Trời đất có mất mà đây chưa từng mắc hoạn đó có chung, Nhật Nguyệt có ngấm tắt, mà đây chưa từng mắc hoạn đó có cùng. Đó hoặc là Chân Đạo Tiêu Dao, chỗ hướng đến của các người đi vậy.

VĂN DỜI TÂY SƠN

Tự Nhiên Tử, có đạo của Tây Sơn ấy vậy. Ở nơi nghiêng hẹp suốt ba mươi năm, giao du xen tạp với già nông già vườn mà chưa từng một ngày đem nói việc gặp vật. Khoảng đầu niên hiệu Khang Định (1040) thời Bắc Tống, Triều đình cầu Nho ở Thảo Trạch. Biết mình sắp đem Đạo dâng hiến Thiên tử, Tự Nhiên dẫn đi chẳng đoái hoài.

Tôi, đối với Tự Nhiên Tử có nguyên cớ vậy, nghe mà lầm hoặc đó, nghĩa là Tự Nhiên Tử là bậc Hiền, không nên chẳng thấy gặp, mong nghĩ vừa đang xa cách chẳng được cùng nói, nên dùng văn từ để dụ hiểu đó rằng: “Ông Tự Nhiên Tử đọc sách thâm cứu Đạo của Nghiêu Thuấn, đâu nên tự riêng tự đắc chí. Suy ở thiên hạ cùng người chung đó, chẳng đặng đừng ở núi rừng mà thôi. Xưa kia, Tăng Điểm, Nhan Uyên vui thích Đạo, trọn sống ẩn ước mà chẳng đổi thay. Kia vì thời mạng rất rối ren mà như vậy, còn nay thiên hạ một nước Vua là người có Đạo, thời của Tự Nhiên Tử hẳn khác vậy. Sao được so với hai vị kia đồng thời gian mà nói ư? Tôi thường nói: Đạo của người ẩn có ba, đó là Thiên ẩn, Danh ẩn và Hình ẩn. Hình ẩn ấy là giấu kín núp sâu một lần đi mà chẳng trở lại, chẳng phải chỗ ưa thích của người ngạo đời vậy. Như Trương Trở, Kiệt Nịch là hạng người ấy vậy. Danh ẩn là chẳng trông nhìn trị loạn cùng sự nổi chìm của thời cuộc, trốn lộc chu toàn sự sống là chỗ họ ưa thích, như Đông phương Man Thiến, Dương Tử Vân là hạng người ấy vậy. Thiên ẩn ấy là Tâm chẳng ngưng trệ bó buộc tuyệt ở sự không cố định không hẳn phải. Có thể hành tức hành, có thể dừng tức dừng, thông chỗ biến, đó là chỗ họ ưa thích, như Thái Công Vọng, Khổng Tử, Nhan Uyên là hạng người ấy vậy. Ông Tự Nhiên Tử, chỉ ở Khổng Tử mà chỗ giữ cùng như Trương Trở, Kiệt Nịch ấy vậy. Trương Trở, Kiệt Nịch kia là vạch vạch xén xén, riêng khéo tự dưỡng, chẳng có tâm âu lo thiên hạ, chưa đủ cùng vậy. Tự Nhiên Tử hẳn nên suy tư đó, cùng Đạo đó ở núi rừng sao như ở tại thiên hạ; cùng vui đó với khỉ vượn hươu nai sao như vui cùng vua tôi cha con? Chí đó xa mà tiết đó lại lớn, vì đó danh tiếng rực rỡ, đất trời soi chiếu muôn đời, cũng chẳng thạnh vậy thay! Tự Nhiên Tử tư duy đó, hành vậy không tạm dung cùng người biết nói, đâu vì tôi làm nói cuồng ư?

VĂN BUỒN THƯƠNG ĐỒ LONG

Đồ Long (giết mổ Rồng), xưa trước có Chu Bình Mạn vì học chỗ sai lầm mà cùng ở đương thời. Bình Mạn, không biết là người thế nào, tánh tình cứng mạnh, lấy sự cắt gà mổ trâu chẳng đủ để hết dõng nghị đó, nghĩ gởi khác thường đó giết (Đồ) đề vừa ở trí, nên hết ngàn vàng vốn học ở thầy, suốt ba năm học thành mà không chỗ dùng, nó khéo léo bướng bỉnh, ở đời không chỗ tin, đến cắt dê mổ chó là dương dương đi trước, mọi người nơi chợ giếng trông thấy thì chỉ và cười mà nói: "Ô hay! Bình Mạn đến vậy". Trải ngàn vạn năm có người nghe phong đó mà tự cảm, tạm làm thành bài văn để mở bày việc đó. Long (Rồng) là loài Tình linh thuần dương ở giếng trùng vẩy. Chẳng có định hình cậy thần mây khí mà biến hóa chẳng lường, nên đối với người đời hiếm được mà trông thấy. Kia (= Đồ) muốn tuyệt tinh quái ấy, dứt trừ hung bạo cho người ở sông biển, hết hình sống đó, sạch chủng loại ấy. Chẳng thể du nhận ở không liên can, trí cùng Thần gặp, mà Rồng có thể giết ư? Thường nghe, đất nước ở trong biển, người đó như vậy, nương gió cưỡi mặt nhật vào ra ngoài đất trời, đi lại không dấu vết. Kia là đồ nhấm thịt rồng là vốn chỗ cấp giúp, Đồ long đó là việc của người kia vậy. Nhưng việc của Đồ long ở xưa thì dùng ở nước đó. Còn nay (thời của Bình Mạn) hoặc mất, cơ hồ dứt vậy. Bình Mạn thân thế thì khác với người kia, mà làm Đồ Long đâu phải thích nghi đó ư? Nhưng Bình Mạn chẳng phải không biết đó chẳng phải mình nhậm ư? Bởi tánh cùng Đạo đó hợp mà hình tích ngoài quên, lại nào rảnh để tính dùng của thế tục chẳng dùng ư? Phàm, Long đó làm vật mà nó cũng là Thần vậy, làm thuật của Đồ là khó thể được của người. Bình Mạn ở đó thì cứng rắn làm thế, cùng lại chẳng dừng, đó là tánh của Bình Mạn vậy. Thần Võ Diệu được ở dõng của Thánh nhân ấy vậy. Than ôi! Đồ Long nghe đó ở xưa, nay đời nào mà không có một lần thấy ở tánh của Bình Mạn. Chỗ gọi là người Thánh Hiền là hay tận tánh của người, tận tánh của muôn vật. Thánh Hiền ấy còn chưa nghe khác tâm của Bình Mạn, mà chánh chỗ gởi đó, huống gì là tục của khư khư, họ có thể biết Bình Mạn ư? Đạo của Đồ Long chẳng làm cùng ư? Đau đáu giữa khoảng Lục hợp, xưa vậy lại nay, người đi họ có thể buồn, người lại họ có thể thương.

GHI VỀ RỒNG NGÂM.

Năm mười chín tuổi, tôi sang hương Phong Ninh thuộc ấp của tôi, đến ở nhà của Diêu Đạo Cô. Đạo cô khác với phụ nữ vậy. Nhà đó tại Sơn Cân, lưu ở tạm vài ngày, bèn nghe nơi hông núi của nhà đó có âm

thanh phát ra ở giữa khoảng bờ ao, thư thả như khua dọng chuông lớn, như thế vài tiếng. Mới đầu tôi lấy làm quái lạ, ngoảy trông nhìn đó thì chẳng phải có chuông có thể phát ra tiếng. Khoảnh khắc sau, tôi đem hỏi Đạo Cô, Đạo Cô tỏ vẻ cung kính mà nói: "Lạ thay! Rồng ấy ngâm vậy. Người nghe đó là điềm lành lớn vậy. Ông về sau hẳn sẽ tốt lành!" Đạo Cô lúc còn trẻ con từng đến lấy nước trong khe, thân cảm nước bọt của Rồng, đến đêm người lễ, ánh sáng Rồng tỏa phát nơi phòng nhà, người con gái ấy bèn chết mất, chết mà sống lại, và chẳng còn vui thích ở nhà đó. Người trong làng cho đó là Thần, bèn vì dựng lập Tinh lô ở tại trong núi. Nhưng Diêu nữ từ nhỏ riêng giữ trai giới thanh khiết, mới đầu nghịch nói việc tốt xấu trong nhân gian, những việc đó đều có ứng nghiệm. Đến lúc tôi thấy gặp thì đã già, tuổi ngoài sáu mươi, khí lực và dáng mạo vẫn lãnh nhiên. Chẳng còn nói việc tốt xấu của người, chuyên mặc túi mũ áo vải ở trên lầu cao, chuyên trì tụng kinh Phật, tuy cả muôn lời mà mỗi một ngày đêm hẳn xong vài pho (Kinh Diệu Pháp Liên Hoa). Vì tấm lòng từ thiện đó, nên người làng ấy tự nhiên cùng hóa. Tôi từng hỏi cô ấy nguyên do gì được trao kinh. Cô đáp: "Thuở mẹ thiếu thời từng có vị Thần Tăng nương giữa hư không mà đến dạy cho mẹ (Đạo Cô) vậy". Tôi tin chắc điều Đạo nói về Rồng ngâm là không dối vọng vậy. Tôi đọc xem sách xưa nói người như vậy có lắm nhiều, như Phòng Quan, Tiết Lệnh lúc nghèo hèn nương náu nơi núi rừng, đều nói là gặp nghe được Rồng ngâm, mà sau đó quả thật Phòng Quan làm Tể tướng, Tiết Lệnh làm đến Thái Tử thị độc. Tức điều nghe của họ đều có ứng nghiệm vậy. Than ôi! Tôi tuy chẳng bằng hai người đó, nhưng mà tuân theo Đạo để hành thôi, đâu phụ đối với Thánh Hiền. Mà rất cùng vì Hoằng pháp bị người ngu vu khống vùi dập, bèn bày xấu xa nói thiên hạ. Sao chỗ nghe đó chưa khác mà sự ứng nghiệm chẳng đồng ư? Điều Diêu thị nói đó đáng nghi ngờ vậy! Theo ý tôi, phàm, Rồng là biểu tượng của Quân Vương vậy, há nay thiên hạ đang bình trị hưng thạnh, tiếng tăm văn vật, vì gặp thời ấy được lấy mà ca đó. Đó là nghiệm ấy vậy. Nếu chẳng vậy thì Rồng thần cũng có hư vọng để nghe đó ư?

GIẢI VỀ TỊCH TỬ

(Bởi thuở thiếu thời, Sư từng xưng mà sau đổi hiệu là Tịch Tử).

Tịch Tử là học Phật ấy vậy. Vì Đạo sở đắc đó là tịch tĩnh áo diệu (vắng lặng sâu mầu), nên bảo gọi là Tịch Tử. Tịch Tử đã nghiên cứu học ấy, lại vui tập theo Nho. Sách tập theo Nho có lắm nhiều mà vui

làm văn từ, nên làm chỗ rõ của người học. Người học Phật cho rằng, Tịch Tử hẳn nhiều tâm ư? Chẳng thể chuyên thuần Đạo đó, sao vì đó mà ngự vậy. Người học Nho cho rằng, Tịch Tử chẳng phải người thật làm Phật mà chỉ xin gá vết trong Pháp nhà Phật.

Tịch Tử tôi trộm cho rằng, hai hạng người trên là không biết nên nói vậy, không thể không bảo cùng họ, nhân đó nói cùng hai người khách rằng: Vui thích Nho của tôi là bởi lấy đó đối với trung đạo của tôi có chỗ hợp mà làm đó vậy. Điều Nho gọi là Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín, cùng với nhà Phật tôi gọi là Từ bi, Bố thí, cung kính, không ngã mạn, Trí tuệ, không nói lời hư dối, lời thêu dệt. Họ làm tiêu mục tuy chẳng đồng, mà do vì họ lập thành thật tu hành đẹp đời dạy người đâu khác ấy ư? Làm tâm của Thánh nhân là muốn mọi người đều thiện, khiến họ đều thảy bỏ tội ác, tạm đồng có đem đạo đó khiến người làm thiện. Đâu nói kia tuy thiện chẳng phải do trong giáo nhà Phật tôi mà sở dĩ làm thiện, tôi chẳng thiện đó vậy. Như vậy thì đâu được gọi là Thánh nhân ư? Nên tôi vui thích Nho cũng muốn mờ mờ sáng chỉ của Thánh nhân mà cùng người làm thiện vậy. Lại nữa, nhà Phật tôi đó dùng muôn hạnh mà làm người vậy, nay những điều Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín của Nho há chẳng phải chỗ nhà Phật tôi thi hành muôn hạnh ấy ư? Vì tôi muôn hạnh lại làm sao ngủ ư? Lại nói với đó rằng: "Khách không vì tôi vui thích Nho mà nói là gá vết tích tạm dung trong Pháp nhà Phật vậy. Tịch Tử Tôi tuy không lớn quá người, há không thể làm việc giữ cửa đánh mõ gõ bảng để tạm dung thân đó ư? Cam nhận xuống tóc, nhẫn chịu sự mến thương, miệng chẳng dám thường ăn cả thứ máu huyết tanh nồng. Vì người phụng Phật thật vì giáo đó rộng lớn, Đạo đó sâu sắc, lấy đó để tu thân thì thanh tịnh trai giới, lấy đó để tu tâm thì chánh tĩnh không vọng, lấy đó mà suy ở người thì đổi bỏ ác làm thiện. Thiện là làm Thánh thật, vì đó đối với sống chết thủy chung thì thông ở Quỷ thần biến hóa. Tuy đói rách khô khan gá nơi cỏ rác mà chẳng nhẫn đổi dời chánh vì chỗ còn đó như vậy. Phàm, chợ giếng, tiểu nhân lấy trợ đạo cùng thầy, có một lời nói lợi chỗ làm đó, còn có thể trọn đời đổi đức của thầy đó. Tịch Tử tôi tuy hẹp hòi, sao chẳng Hiền so với bọn chợ giếng ư? Được Đạo của người mà kiêu hãnh, vì phụ giáo đó mà nô lệ đó, người chẳng nhẫn làm vậy. Tịch Tử Tôi làm đó ư? Ngửa trời cúi đất, tôi chẳng dám khinh đối với Thánh nhân vậy. Khách may không lấy đó vì nói vậy.

Hai người khách cùng đem giáo đó cùng biện luận. Tịch Tử tôi cũng theo mà dẫn dụ đó rằng: Khách không tranh cải vậy. Nho và Phật là giáo của Thánh nhân vậy. Chỗ xuất phát đó tuy chẳng đồng mà đồng

kết quy ở trị đạo. Nho là Đại hữu vi của Thánh nhân ấy vậy, Phật là Đại Vô vi của Thánh nhân vậy. Hữu vi là để trị đời, vô vi là để trị tâm. Trị tâm là chẳng tiếp ở sự, chẳng tiếp ở sự thì chí của thiện thiện ác ác không thể được mà dùng vậy, Trị đời là thích nghi tiếp ở sự, thích nghi tiếp ở sự thì Lễ của thưởng thiện phạt ác không thể không cử vậy. Tâm đó đã trị thì gọi đó là tình tánh chân chánh. Tình tánh chân chánh thì cùng chỗ dẫn dắt của lễ nghĩa mà thấu đạt đó cũng chẳng hội hợp ư? Nho là muốn người nhân giáo để chánh sự sống đó, Phật là muốn người do giáo để chánh tâm đó (Hoặc nói muốn người chánh Tâm để hành giáo đó). Tâm ấy là suốt triệt Thần minh. Thần minh ấy là đời không được nghe thấy, nên nói Thần minh hẳn dụ lấy xuất thế. Nay kéo dẫn ở đời mà bàn nghị xuất thế đó, đó cũng không nghĩ quá lắm vậy. Nên người trị thế không phải Nho thì chẳng thể được, người trị xuất thế chẳng phải Phật thì không thể được.

Hai người khách lại cùng biện luận về ngọn của giáo ấy... Tịch Tử tôi lại vì dẫn dụ đó rằng: "Quân tử đối với sự cần nên đo lường gốc đó để tề ngọn đó, thì chí thường được mà lời nói chẳng mất vậy. Nay các vị mỗi tự chẳng rõ sở dĩ làm giáo đó mà biện luận chỗ phụng giáo đó. Tôi chưa thấy người đạt được đó vậy. Tạm biện luận ngọn đó, ai chẳng thể biện luận vậy?

Hai người khách tạm dừng. Nhưng Tịch Tử tôi cùng người giao du, chẳng tiếp thế họ, chẳng phụng hào phú họ, chẳng cần danh dự họ, chỉ muốn họ đạt đạo cùng mình hợp vậy. Như cùng đó thấy họ nói to lớn cùng rỉa rói nhau, chợt nhiên chẳng vui thích đó. Hoặc có người hỏi Tịch Tử tôi rằng: "Tợ như ông khéo ở Phật, bởi đề cao đạo của ông để chỉ bày ở đời vậy?" Tịch Tử tôi nói: Đạo tôi khó nói vậy, nói ở gần thì thường chẳng cùng cực, nói ở xa thì thường tự đắc. Còn ở người mà thông ở Thần đạt ở Thánh, trải qua sống chết biến hóa mà chẳng mất, chưa dễ mỗi một cùng người đời nói vậy. Người thành thật muốn cầu đó phải nên tham tầm ở nội thư do Tịch Tử tôi trứ thuật vậy.

TỊCH TỬ GIẢI NGOẠI

Tịch Tử làm kẻ ẩn của giòng họ Hác, tánh giản đơn sạch sẽ, chẳng hẹp hòi giữ lễ hà khắc, nên bị người thế tục phỉ báng oán ghét, trọn đem ngạo dối mà gán cho đó. Mới đầu, Tịch Tử dùng thuyết của Lưu tục nên chẳng đủ để đoái hoài, tuy bọn thông mẫn khuôn phép đó cũng chưa từng kính phụng giáo. Đến lúc lớn, đạo nghiệp tạm tu, mà sự phỉ báng đó càng lắm, lại cùng khuôn pháp càng chuyên cần, Tịch Tử

vỗ về than rằng: "Ở đất thật không có người biết được ta vậy?" Mới bị người khuôn phép cùng đó nói rằng: "Ở đời cho tôi là ngạo, há chẳng phải vì tôi riêng lập hạnh một mình chẳng cùng đời xen tạp đó ư? Lại đâu phải vì tôi không thể lời ngọt dáng mềm mà cùng đời thuận theo cúi ngưỡng ư?" Người khuôn phép nói: "Chẳng ra là phải vậy". Tịch Tử nói: "Nói Đạo đức lễ nhạc, cốt yếu là ở thành thật, chẳng phải ngay trong sức dung mạo mà chuyên việc cúi ngưỡng nói năng vậy. Tôi ghét người theo Lễ ở trong thế tục, chỉ dáng mạo cung kính mà thân thì gấng gỏi. Xét thành thật đó thì trong muôn phần chẳng được một. Bên trong thì tự khi dổi mình, bên ngoài thật khinh ngạo người. Nên tôi đối với người muốn họ thành thật tin, chẳng chuyên ở dung mạo nói năng cúi ngưỡng vậy. Chỗ gọi là người thì ai chẳng thể dùng thành thật tin để tiếp đó. Thành thật tin đó thông, tuy dung mạo vái nhường cũng chẳng là ngọn ư? Xưa kia, Nghiêm Tử Lăng đến Hán mà nằm, thấy Hồng Lô đến Đường mà chẳng bái. Chánh có nghĩa là dùng thành thật tin để đãi thiên hạ vậy. Ông cho rằng hai người kia họ chẳng phải là phải ư? Hẳn lấy làm ngạo thì tôi đây không như họ. Tại sao? Tục ngày nay cho đó là cung kính mà chẳng hỏi Nhân hay nghĩa hay bất nghĩa. Chỗ có quyền lợi thì chiếu cỏ cũng gấng gỏi, rong chạy đến dưới đó cam chịu sai khiến thân mà chẳng hết. Còn khi quyền và lợi chẳng còn, thì tuy Hiền và nghĩa cùng ngồi thì hẳn ngôn láo, cùng nhìn thì hẳn trừng trợn, bày dẫy kiêu khí lấn lướt người. Thư nói: "Ngạo Lang minh đức chánh" là nghĩa của đó vậy. Than ôi! Chỗ làm của thế tục như thế, chỉ chẳng tự dẫn lỗi quá của họ, mà trái lại dèm pha ta, cũng như phủ bụi đó mà cười chẳng sạch. Ông đi đi vậy, không cải đổi khuôn phép tôi".

(Hết phần Tạp trước)

THƯ

THƯ VẠN LỜI TẤU DÂNG HOÀNG ĐẾ NHÂN TÔNG

Ngày, tháng, năm.

Thần là Sa-môn Khế Tung, ở Lan-nhã Vĩnh An tại Linh Ẩn, Hàn Châu kính cẩn mê muội liều chết kính dâng thư lên Hoàng đế Bệ hạ.

Thần nghe, cùng mà chẳng quên Đạo học đó là Hiền vậy, mất mà chẳng quên nghĩa chí sĩ đó là Đức vậy. Ở đây có người tuy chẳng phải Hiền Đức mà chưa từng quên Đạo nghĩa ấy vậy. Nay muốn nghiên cứu tận tường nhỏ nhiệm nơi pháp của Thánh nhân, ấy mới gọi là chẳng quên Đạo vậy. Nay lo âu khuyết mất chánh trị của Bệ hạ (Hoàng Đế Nhân Tông tức Triệu Trinh. 1023-1064 thời Bắc Tống) tức là chẳng quên nghĩa vậy. Thần là người đó vậy. Thần thường vì thấy xưa nay văn hưng phát, các nhà Nho dùng văn để bài bác Phật, mà Phật đạo xâm suy. Thiên hạ, người làm thiện đó lầm hoặc, nhưng đây vì liên quan với chính hóa của Bệ hạ, chẳng ra sức cứu thì Đạo và giáo hóa đó mất. Nên ở trong núi, thần thường trộm viết sách để khuyên nhũ đời. Tuy nhiên cũng mong truyền tấu đến nơi Đan trì của Bệ hạ, mà nhỏ nhiệm thành thật, không đủ khả năng trên cảm, thường sợ già chết nơi hang hốc cùng chí ý đó trái nhau. Nay chẳng lánh phạt trách chết mất, lại ôm thư đó tìm đến dưới cốc, thành thật mong muốn Bệ hạ xét đó toan tính ở Đạo chẳng nghĩ gì thân, vì pháp chẳng vì danh, mở sách đó mà xem sơ, tuy có phải chịu nép cúi dưới búa dùi cũng không chỗ hối hận vậy.

Nếu nay các nhà văn đều nói hẳn bài bác Phật, nên ở đời chẳng dùng, mà chỉ mỗi tôn quý đạo của Quân Vương, kính mộ chính của Tam đại, đó đâu biết đạo của Phật cùng với Vương đạo hợp vậy. Phàm, Vương đạo là Hoàng Cực, Hoàng Cực có nghĩa là Trung đạo. Mà Đạo của Phật cũng nói Trung đạo, đó đâu chẳng vậy ư? Nhưng mà vừa Trung cùng chánh chẳng thiên lệch, chẳng tà, tuy đại khái cùng Nho đồng, và đó suy vật lý mà cùng thần cực diệu thì cùng đời muôn tướng vậy. Nên pháp đó gọi là: Tùy dục, tùy nghi, tùy đối trị, tùy Đệ nhất nghĩa. Đó, họ dạy người thực hành điểm gọi là Trung đạo. Như Tùy dục thì hãy chớ nói luận bàn. Còn điểm họ gọi là Tùy nghi là bởi nói phàm việc gì thì hẳn tùy thích nghi đó mà thích nghi vậy. Điểm họ gọi là Tùy đó đối trị, bởi nói với thiện thì thiện trị đó, với ác thì ác trị đó. Hai điều đó cùng pháp của Đại Vương dùng mừng thưởng để tiến thiện, dùng hình phạt để răn trừng ác, đâu xa nhau ư? Chỉ tâm Phật là Đại công, còn Đạo của thiên hạ là thiện mà thôi vậy. Chẳng hẳn đã ra là tốt đó, chẳng hẳn đã

ra là xấu đó. Nhưng Thánh nhân hẳn là Thần mà làm đó, mà Nhị Đế Tam Hoàng vọng về biết đó chẳng phải là biến của Phật ư? Phật chẳng phải là gốc của Nhị Đế Tam Hoàng ư? Thi nói: "Thần đó cách tư, chẳng thể độ tư, cũng có thể xạ tư". Đó bởi nói chế có nghĩa không thể lường của Thần vậy. Tạm dùng chỗ thích nghi đó mà thích nghi đó vậy. Bệ hạ là Bậc chân chủ Đế Vương vậy, thích nghi thiện với Đạo của Đế Vương vậy. Nay Bệ hạ chuyên chí Thánh đoạn, cùng khắp Hoàng Cực mà đến với thiên hạ, nhậm Hiền và Tài, chính sự lớn nhỏ hẳn được chỗ đó. Hiệu lệnh chẳng mất tin đó, chế độ văn vật chẳng mất thích nghi đó, với người đáng thưởng thì thưởng đó, với kẻ đáng phạt thì phạt đó, khiến Bệ hạ sử dụng đạo đức của Nghiêu Thuấn càng sáng càng phấn phát, thì Đạo của nhà Phật quả nhiên ở nơi thị thể của Bệ hạ vậy. Kinh nói: "Dùng ngữ ngôn trị thế, giúp sống các nghề nghiệp... đều thuận chánh pháp". Đó là nghĩa đây vậy. Lấy đó mà suy thể xa của Thánh nhân, chẳng chỉ luận ở vết tích gần đó vậy. Nhưng thể xa là người phần nhiều không thấy, vết tích gần là chưa tăng phần nhiều buộc chấp, chỉ Bệ hạ là bậc Thánh nhân, xa gần thảy đều quán sát. Mong Bệ hạ phát mở thể xa đó, khiến các nhà Nho được biết đó, dẫn dụ vết tích gần đó, khiến chư tăng thông suốt. Phàm vết tích là thuộc về giáo, mà thể là thuộc về Đạo. Chẳng Phải Đạo thì giáo ấy không có gốc, chẳng có giáo thì Đạo ấy không hiển bày. Nên giáo và Đạo cùng cần vậy.

Xưa trước, vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) thời tiền Đường, muốn kính mộ đạo đó mà không phụng giáo đó, đó chẳng phải là biết đạo vậy. Vua Ý Tông (Lý Thôi 860-874) thời tiền Đường đắm mê giáo đó mà không tỏ rõ đạo đó, đó cũng là chẳng phải biết giáo vậy. Vua Võ Tông (Lý Viêm 841-847) thời tiền Đường, khinh miệt Phật, bởi không biết Đạo và giáo ấy vậy. Thần trộm thấy Bệ hạ tán tụng văn Phật thừa, Bệ hạ đáng gọi là bậc Đại minh. Phàm giáo đạo của nhà Phật như vậy, mà người học mới có không hiểu, Bệ hạ đánh thức như vậy, sao họ chưa nghĩ đó vậy? Hồng Phạm nói: "Nhóm hội đó có cực, kết quy đó có cực, gồm tất cả gọi đó là Hoàng kiến". Đó là ý của có cực, rõ ràng Vương Đạo chỉ lấy đại trung làm chuẩn, hẳn không bè đảng, không lệch không phản không trắc. Đó hội hơp đó có Trung đạo là đồng kết quy Trung đạo đó vậy. Pháp của Xuân Thu tôn quý Trung Quốc mà khinh thường Di địch. Thời đó, chư hầu tuy Trung Quốc hoặc mất nghĩa ấy cũng là Di địch đó, còn tuy Di địch mà tạm được nghĩa ấy, cũng là Trung Quốc đó vậy. Đó cũng là Khổng Tử dùng Đạo của Đại trung đó vậy. Nên Truyện nói: "Quân tử đối với thiên hạ là không vừa không chớ vậy". Nghĩa đó

cùng so sánh thì đồng nghĩa lý vậy. Thánh nhân chỉ dùng vừa lý làm thích đáng, đâu chẳng vậy ư? Mà người học sao chẳng xét ý chỉ của Hồng Phạm và Xuân Thu trước lời của Trọng Ni dùng làm nghị luận? Sao họ lấy bỏ cùng pháp của Thánh nhân cùng là pháp nhà Chu, mà nhọc muốn cẩu thả cho Tam Đại không Phật ư? Phàm, ở thời Tam Đại, dân đó mới đầu thích nghi một giáo trị đó, nên riêng dùng một giáo ấy vậy. Sau thời Tam Đại, dân đó thì một giáo không thể trị nổi. Hoặc nói: Thiên đạo lại dùng Phật giáo cùng mà chung trị đó ư? Phàm, thiên hạ đó không thể khinh, chẳng gì quá so với ngằn mé của trời người vậy. Nay muốn rõ đó, không gì bằng đem thiên hạ mà nghiệm đó. Phật giáo truyền đến Hoa Hạ đã cả ngàn năm, nêu cử Pháp đó hẳn trời đất quỷ thần thuận đó, người dân theo đó, sâu cảm mà lớn hóa là càng lắm nhiều vậy. Việc đó, chỗ thấy nghe xưa nay đều có thể dùng từ đối đáp mà trù tính vậy. Phàm, chỗ gọi là giáo đều là Thánh nhân xưa thuận Thiên thời, hợp lòng người dân, tùy chỗ thích nghi mà làm đó để cứu đời bình trị ấy vậy. Nhưng tâm của Thánh nhân thích nghi với tâm trời tương đồng, chỉ tại toại người chứ chẳng vì vùi dập ác mà thôi vậy. Đâu hạn cục giáo ấy ở một hay hai ư? Thư đâu chẳng nói: "Làm thiện vốn chẳng đồng, mà đồng kết quy ở trị đạo vậy". Nay người bàn luận chẳng tham tìm sâu xa nguyên do của giáo đó, lần lượt thấy học trò họ chẳng mọi việc ở nhà, trốn thoát ra ngoài hình hài, chẳng tự ăn mặc, lấy làm dôi la cách xa thế tục mà đay nghiến sâu xa dèm pha đó. Nhọc ghét đen sạm cho là bệnh hoạn mà không thấy bệnh hoạn mạch đó sâu vậy. Đen sạm chẳng qua là biến đổi da dẻ đó vậy, còn bệnh hoạn ở mạch đến sâu thì dứt tuyệt tánh mạng con người ấy vậy. Nay Thánh nhân dẫn dắt họ, gọt đẳn tình ái phó mặc thân ngoài đời, muốn họ đến gốc của toàn tánh mạng, để trị bệnh lớn của sanh tử, ấy gọi là Trị xuất thế đó vậy. Như Lão Tử nói: "Sở dĩ tôi có hoạn nạn lớn bởi vì tôi có thân, đến lúc tôi không còn thân thì tôi nào có hoạn nạn gì ư?" Người nay chẳng lui chút khả năng đó cùng thiên hạ trị liệu bệnh lớn đó, mới liền so sánh thế giáo mà dèm pha, đó cũng là chỗ thấy chưa thấu đạt vậy. Tóm lại, thường nghe rằng, phàm việc tạo hình thì dễ thấy, còn ở lý thì khó thấy, bởi hình đó là sáng rỡ mà lý đó sâu mầu vậy. Nếu nay Phật giáo mở rộng lợi ích, việc của thiên hạ lắm nhiều, chỉ họ làm lý sâu mầu mà người học ít thể thấy đó. Thần tuy chẳng đủ cùng biết, nay thử suy đại khái đó vậy, ngay thẳng tấu dâng Bệ hạ, mong Bệ hạ rũ lòng đó để dẫn dụ người học trong thiên hạ, thì đó là may lớn của sanh tử vậy.

Thần nghe, Phật pháp cốt yếu là ở người chánh tâm, tâm họ quả

thật chánh, thì họ làm giáo thấu đáo, làm đức thạnh vậy. Bởi điều họ nói, tình tánh biện rành, chân vọng đều đã xét vậy. Nếu nay Bệ hạ dùng Thái hòa để dưỡng nuôi thành thật, dùng Nhân, Ân, Lễ, Nghĩa mà thương nhớ thiên hạ, tuy thạnh mỹ đó đã có công hiệu, tạm dùng Phật pháp để chánh tâm thì họ làm đạo đức càng sung càng tốt vậy. Kinh nói: "Diệu tịnh minh tâm, tánh nhất thiết tâm" là nghĩa của đây vậy. Xưa trước, trong thời Tiền Đường, vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756), mới đầu dẫn học trò của Phật giáo và Lão giáo thực hành vô vi kiến tánh, bèn tự thanh tịnh theo việc ở huân tu, nên trong suốt thời gian niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thiên hạ đại trị ba mươi năm liền, chứa nhóm mỹ phong của Trinh Quán (tức vua Thái Tông-Lý Thế Dân 627-650 thời Tiền Đường) mà Thiên tử thọ bảy mươi tám tuổi, hưởng vận nước suốt bốn mươi lăm (712-756). Đó bình thường biết, nếu chẳng phải nhân Phật pháp hỗ trợ đạo đức thì đó được như vậy ư? Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, chuyên tu trai giới nghiêm khiết hơn cả Cao tăng, cũng hưởng vận nước năm mươi năm, mà Giang Biểu, Tiểu Khang có tuổi thọ đặc biệt vượt ngoài trường thọ, đó cũng là ứng nghiệm do Phật Pháp hỗ trợ trị vì vậy. Khiến ở thời Tiền Đường chẳng tràn tình, thời Nam Lương chẳng quá kém. Biết người nhận người, họ làm đạo đức rất cẩn trọng từ đầu đến cuối, há chẳng tận thiện tận mỹ ư? Nhưng đây vốn chỗ Bệ hạ lưu ý, đó ngầm giúp Duệ thánh của Bệ hạ ấy vậy. Đó là Bệ hạ tự biết mà tự chứng đắc vậy, đâu mượn lời của Sô nghiêu? Nhưng đâu hẳn trình bày đó..., bởi muốn mong Bệ hạ ban chiếu để chỉ bày người học, khiến họ biết được Pháp của Phật có lợi ích đối với đạo đức của Đế Vương như thế đó.

Thần lại nghe: Pháp của Phật lấy dấy thiện dứt ác làm đầu mối lớn đó, đây lại là rất ích lợi ở sự giáo hóa của Bệ hạ ấy vậy. Xin thử kiểm hiệu đó, như nay trong thiên hạ nước nhà, ở Châu đặt trường lớp, ở Ấp mở trường học để phát khởi giáo hóa ấy vậy. Thuyết của Thi, Thư, Lễ, Nghĩa do dân hành tập, muốn họ làm thiện ngày càng nhiều, và mong họ gian ác không nảy mầm nơi tâm, Quan tướng lại giúp đỡ tuyên dương chính hóa. Dù là văn Nho của thời Tam Đại, Nhị Hán có xương thạnh, mà xướng của Văn Nho thạnh tuy ở Tam Đại cũng không lấy làm hơn đó vậy, nhưng mà làng xóm hương ấp, nhà mọi người còn có vậy. Chưa từng nghe âm của Thi thư, miệng chẳng nói từ của Lễ nhạc, như thế đó nào hạn cục gì? Bởi lại tập nghe Phật dạy làm thiện khiến được phước, làm ác khiến mắc tội. Tội thì thông cả Quỷ thần, phước thì thông cả sanh tử. Với người đó, phía dưới các hàng Ngu nam nữ phu

phụ, phía trên đến các vị có luân thường Hiền triết, ít ai chẳng dùng đó mà cùng hóa. Khắc kỷ trai giới, lại phóng sống mà chấm dứt giết hại, hoặc theo ngày tháng năm, hoặc tu trọn thân đó, xưng trọng kinh Phật, thiên hạ trong bốn biển, ngõ hầu khắp cả xóm làng được khoan dung vậy. Nhưng trong khoảng đó, đổi tâm cải hạnh, làm nhân, làm từ, làm hiếu, làm liêm, làm cung làm thuận, làm chân, làm thật, ý đó cũng không thiếu vậy, đó là chỗ xưa nay tai mắt thường tiếp vậy. Quả như từ nhà đến phòng mà tiếp làm việc đó như vậy sợ chẳng những cả nửa thiên hạ vậy. Tuy đầu mối của họ rão tập cùng với Nho gia chẳng đồng, nhưng đến nơi vào thiện thành trị thì cùng với sự đặt để của Thi Thư Lễ Nghĩa đâu khác gì ư? Chỗ gọi là rất lợi ích với giáo hóa của Bệ hạ là đó vậy. Đường Thư nói: "Tuy giáo của họ khác phương nhưng không tổn lý nguyên", là nghĩa của đây vậy.

Lại nghe pháp của nhà Phật dùng Năm giới Mười thiện làm giáo để dắt thế tục. Nghĩa là, tu tập Năm giới là chỗ để thành người, tu tập Mười thiện do đó sanh lên trời, hai đầu mối ấy chẳng trị đó mà buông phóng tâm ư? Mười ác là chẳng chỉ không đến nơi trời người mà sau lại chìm đắm thần đó đến nơi phụ trái vậy. Nay người trong thiên hạ dùng Năm giới Mười thiện để tự tu hẳn đã lắm nhiều, phần lớn theo thiện thì không ác, không ác thì chẳng phiền hình phạt. Nay do giới thiện mà chẳng phiền Hình pháp của Bệ hạ, trong thiên hạ đâu nói là không ích lợi vậy, bởi không căn cứ mà tự rõ thấy vậy. Và trong thiên hạ, ở các Quận ấp luật hình đó có lúc mà giảm bớt, ngục tù đó có lúc mà trống không, bình thường biết đó chẳng phải nhân Âm trợ mà ấy vậy. Ở thời Tiền Tống, Hà Thượng Chi nói với vua rằng: "Người hay thực hành một việc thiện thì bỏ một việc ác, bỏ một việc ác thì dứt một tội hình. Một tội hình chấm dứt ở một nhà thì muôn tội hình chấm dứt ở một nước, thì lời nói của Bệ hạ là ngồi yên đợi đến Thái bình, phải vậy". Nhưng Phật Pháp hay cùng Bệ hạ giảm bớt Hình ngục đó", lại như thế vậy.

Ước lại nghe: "Phật là bậc Thần linh duệ trí, xưa trước gọi là người rất chẳng thể lường vậy. Sanh tử biến hóa vẫn tự nhiên, mà chết sống chẳng thể biến hóa, bởi đạo vô sắc của họ là Đại Diệu, Diệu đến cả trời đất quỷ thần, mà trời đất quỷ thần vui mừng đó. Họ làm Thánh nhân vậy, cũng khác với chỗ gọi là Thánh nhân ở đời vậy". Phạm Hoa Tây Vức luận nói: "Chỗ giáng tập của Linh Thánh, nơi nổi sanh của Hiền ý". Bùi Hưu cũng nói: "Biết Phật làm Đại Thánh nhân, giáo đó có việc chẳng thể nghỉ bàn". Đó là hai người ấy mới đầu biết Phật sở dĩ làm Thánh nhân vậy. Nên họ làm Pháp làm lời mới có thể cảm trời

đất mà nghĩ nhớ quỷ thần u minh. Cần yếu Pháp đó, khâm chuộng lời đó mà người xưa thường phát ở Đồng bóng bói quẻ cầu đảo, tiếp xúc ở mộng mỵ hẳn cũng lắm nhiều. Sông biển sóng cả nổi cuộn, thuyền đó muốn chìm, người đó muốn đắm, kịp lúc chí thành vào kinh của Phật thì sóng yên nước lắng, dân được khỏi hại. Dân muốn nắng tạnh, nếu dùng Pháp đó mà khẩn cầu, ít việc gì không công hiệu nhưng đó chỉ là Phong dư Pháp thừa cho thiên hạ làm phước làm lành mà như vậy. Đây là chỗ thường tiếp xúc của tai mắt con người vậy, cùng với Bệ hạ cầu trời đất, tế Xã tắc, khấn nơi trăm thần mà cùng dân làm phước, đâu có gì khác ư? Tế Pháp nói: "Thí Pháp đến dân thì tế đó, hay ngăn tai ương lớn hay trừ hoạn nạn lớn thì tế đó". Như nay Phật Pháp trên thì kín giúp đạo đức của Thiên tử, tiếp đến thì cùng thiên hạ hỗ trợ giáo hóa, tiếp theo nữa thì giảm bớt Hình ngục. Lại tiếp theo nữa là cùng thiên hạ tạo phước dứt họa. Dùng pháp của Tiên Vương mà quyết đoán đó là đáng bài xích hay đáng phụng sự? Nhưng các Nho gia cho rằng, Phật giáo và Đạo giáo là dị đoan, ghét họ xen tạp Nho thuật để phòng ngại đạo hạnh của Thánh nhân mới đem so sánh với tục pháp của Dương Mặc mà bài bác đó. Đó cũng là sai lầm của Quân tử vậy. Mà Phật, Lão cùng với Khổng Chu, từ xưa các bậc Đế Vương đều dùng giáo đó để trị đời đó, ngõ hầu cả trăm đời là giáo của Phật cao vợi nhưng liên quan với trời đất người thần, đâu đem Dương Mặc làm sánh ví? Bởi người bàn luận chưa nghĩ đó, vì vậy mà cho là phòng ngại. Đại khái việc đó khác mà ý khác là ít có thể giúp việc. Ý đồng mà việc chẳng đồng, ít chẳng giúp việc. Phàm, đối với việc chẳng giúp mới gọi là cùng phòng ngại, mà giúp việc thì đâu gọi là cùng hay phòng ngại ư?

Nay, Phật, giáo đó hẳn đồng, dẫn dắt người mà làm thiện, tuy chỗ làm của họ có trước sau, bởi vì trước sau mà cùng giúp vậy, ai cho là có phòng ngại đạo của Thánh nhân ư? Phàm như, kinh Nho cùng kinh Phật có ý tương tợ vài đầu mối ngậm mà chứa đó, cũng nhờ Phật giáo mà phát minh đó. Nhưng ý sâu kín mà lại xa vời, mà các hàng hậu Nho chú giải rút từ nơi giáo, chẳng thể xa thấy yếu chỉ sâu mầu của Thánh nhân, đâu chẳng phải chỗ truyện gọi là Văn chương của Phu Tử có thể được mà nghe vậy. Lời nói của Phu Tử, tánh hợp Thiên đạo, không thể được mà nghe vậy. Nay thử so sánh đó, cũng mong Bệ hạ duỗi bày cho người học, như Trung Dung nói: "Tự thành thật sáng suốt, đó gọi là tánh. Tự sáng suốt thành thật đó gọi là giáo". Đó há chẳng phải chỗ kinh nói là "thật tánh nhất tướng" tương tợ ư? Trung Dung chỉ nói thành thật đó, chỉ chưa từng cùng tận sở dĩ thành thật ấy vậy, đến trong nhà Phật diễn nói

sở dĩ thành thật đó thì chỗ gọi là cùng Pháp giới. Khắp vạn hữu, muôn hình như đại địa, sâu tối cả Quỷ thần, thường chỉ bày mà trời đất quỷ thần chẳng thấy sở dĩ đó. Đây chỉ nói đại lược đó vậy. Còn như điều gọi là Trùng huyền điệp diệu thì trong các kinh vẫn hiện còn vậy. Ở đây nghi ngờ nếu cùng Thánh nhân mở rộng thuyết Thành thật ấy mà nghiệm đó vậy. Khổng Tử nói: "Chất vấn đến Quỷ thần mà không nghi ngờ, mà trăm đời để chờ đợi Thánh nhân mà không lầm hoặc". Lý ấy há chẳng phải đây vậy? Lại nói: "Chỉ thiên hạ chí thành tức có thể thấu tận tánh đó. Có thể thấu tận tánh đó thì có thể thấu tận tánh người, thấu tận tánh người thì thấu tận tánh vật, cho đến cùng với trời đất dự tham". Đó là sáng tỏ trời đất, người và vật tánh đó đều thông vậy. Há chẳng cùng chỗ gọi muôn vật đồng một chân tánh ở trong Phật giáo tương tợ ư? Trung Dung tuy nói Đại đồng đó, mà chưa khai mở vì sao đồng ấy vậy. Đến trong nhà Phật suy lý do đồng đó thì gọi là người và vật vốn đều một thanh tịnh. Đến lúc nó nhiễm đó, bèn thành người thành vật, mới sai biệt so với Thánh nhân. Đó là chỗ gọi là đồng mà dị, dị mà đồng ấy vậy. Tỏ rõ Đồng đó, do vì khiến họ cầu gốc để tu vết tích mà hướng đến đạo của Thánh nhân; tỏ rõ Dị đó, do vì khiến họ tu vết tích mà trở lại gốc không dám lạm đạo đức của Thánh nhân vậy. Sách đó lại nói: "Chí thành chẳng ngưng dứt, không ngưng dứt thì lâu dài, lâu dài thì chứng nghiệm, chứng nghiệm thì lo lắng xa để đến lo lắng lâu vậy. Do đó thành vật lớn dày để phối với đất, cao sáng phối với trời, lo lắng xa không ngằn mé. Như thế đó không thấy mà rõ ràng, không động mà biến, không làm mà thành. Đạo của trời đất có thể một nói mà cùng tận vậy". Há chẳng cùng như trong nhà Phật nói "Pháp giới thường trú chẳng tăng chẳng giảm" tương tợ đó ư? Trung Dung nói ý đó còn khiêm nhường chưa vượt khỏi trời đất đó vậy. Đến trong chỗ luận về pháp giới của nhà Phật thì gọi đó rộng lớn linh minh mà bao trùm cả mười phương ấy vậy. Đó, chỗ gọi là lớn dày cao sáng đâu chỉ cùng trời đất tương phối mà thôi? Kinh nói: "Không biết ngoài sắc thân, tất cả sơn hà đại địa hư không đều là vật bao hàm ở trong chân Tâm diệu minh", há chẳng vậy ư? Mà Khổng Tử chưa khai phát đó, bởi tôn quý đất trời mà muốn hành giáo đó vậy. Đó, chỗ gọi là lo lắng lâu do vì thành vật, đó cũng có thể tìm cầu nó nơi ý của bao hàm vậy. Đó lại nói: "Họ làm vật hai thì sanh vật đó chẳng lường. Đạo của trời đất lớn dày cao sáng lo lắng lâu". Nay trời đó rõ ràng lắm nhiều và nó không cùng vậy, nhật nguyệt nuôn sao cũng lắm nhiều, muôn vật che chở, cho đến đất đó gom một có lắm nhiều... Đó há chẳng cùng chỗ trong Phật giáo nói là "mới đầu của thế

giới là có Quang minh phong luân trước trời Sắc giới, sau có an trú phong luân mà thành trời đất" tương tợ ư? Trung Dung tuy tôn trọng sở dĩ sanh đó, mà chưa thấy sở dĩ sanh đó vậy. Đến trong nhà Phật, chỗ gọi là sở dĩ sanh của trời đất núi sông là nó vốn do sở dĩ biến của tâm thức quần sanh mới sanh các tướng hữu vi ấy vậy. Nên kinh nói: "Tưởng lắng thành cõi nước, Tri giác là chúng sanh". Chỗ Khổng Tử gọi là "Họ làm vật hai, sanh vật đó chẳng thể lường", tương tợ đây mà không nghi ngờ cũng rõ ràng ấy vậy. Như thuyết Ngũ phước Lục cực ở trong Hồng Phạm, đó là lời nói cùng cực về báo ứng của nhà Nho ấy vậy. Thần từng lén trộm khảo xét trong đó, ý chỉ nhỏ nhiệm như liên quan đến chỗ trong nhà Phật gọi là Tam giới ấy vậy, mà các chú giải cũng dẫn nêu ở giáo, mà lại chẳng thể suy xa đó, đâu là ấy vậy. Trong đó điều thứ nhất nói "Hung đoản triết thọ", và điều thứ năm nói: "Ác ác xấu vậy". Như có bị chết non, vừa mới sanh thì chết, há cũng do ác chính gây nên mà khiến hung đoản chiết ư? Bởi con người tướng trạng họ gian xấu là thân hình họ cha mẹ sanh ra vốn đã định, đâu hẳn cho rằng ở hiện đời ác chính mà khiến đó ư? Nhưng Thánh nhân bao gồm ý đó mà chưa khai phát đó, há chẳng vì tình người tiện gần mà mê mờ xa, chưa hiện tiền đem đời sống khác nói đến nghi ngờ đó, đó cũng có chỗ chờ đợi ấy vậy. Ở đời này tu hay không tu thì quả báo xấu đẹp đó lại sẽ có ở đời sau vậy. Lấy đó mà tìm cầu ý của Khổng Tử thì có thể tường tận vậy. Như Hệ Từ nói: "Từ đầu đến cuối nên có thuyết của sanh tử. Tinh khí làm vật, du hồn làm biến, cho nên biết tình trạng của Quỷ thần". Đó há chẳng như chỗ nhà Phật nói "sống chết đều do thần thức vào ra các thú tương tợ ư? Khổng Tử chỉ lược nói, bởi đó là khái phát đầu mối vậy. Đến trong nhà Phật, đã nói rõ sanh tử biến hóa chẳng phải do trời đất biến hóa tự nhiên, sanh tử mỗi tự do nghiệp quả cảm họ làm người, làm Quỷ thần, làm các loại khác, mà sanh tử biến hóa đó sở dĩ như vậy. Đến đây cũng chẳng càng rõ ràng ư? Thi nói: "Thần đó cách tư, chẳng thể đạt tư, cũng thể xạ tư". Thư nói: "Nay khiến đa sanh, Tiên triết vương ở trơi". Đó chẳng chỉ Thánh nhân muốn khiến kính đối với Quỷ thần mà ý cũng cho là Tinh minh của người bất diệt, không thể không trị đó vậy. Đó cùng như trong nhà Phật nói người người làm đức làm thiện giúp Thần để trong sạch thăng hoa, có gì khác ư? Khổng Tử chỉ chẳng hiển bày nói rõ đó. Đến trong nhà Phật thì suy mà tường tận đó vậy. Tấn Thư nói: "Vương Thản Chi cùng Thúc pháp sư ước hẹn việc ứng nghiệm quả báo". Đó cũng rõ ràng vậy. Phật giáo, họ nói không hư dối có lắm loại như vậy. Mà vài thuyết như đây đều tạo đầu mối đó ở Nho, mà rộng suy

kiểm hiệu ở Phật, há Thánh nhân tự dùng minh số ngầm thông chẳng khiến người mà liền biết ư? Nếu không như vậy, thì sao đạo lý đó cùng xuyên suốt như thế? Hán Thư nói: “Bởi tuân theo tục, không phương vừa hợp vật khác, nhóm lấy các đồng kết quy, chỉ các nghi ngờ nói, thì Đạo Đạo thông vậy”. Há chẳng vậy ư? Mà Liệt Tử cũng nói là: “Khổng Tử từng nói ở phương Tây có Thánh nhân, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không hóa mà tự hành. Mênh mông thay! Dân không thể gọi tên là gì!” Nhưng thuyết của Liệt Tử tuy chẳng biên ghi trong năm kinh sáu sách, bởi trân trọng Thánh nhân ở Trung Quốc để lập giáo. Hoặc tuy có nói đó mà chẳng nên biên ghi đó. Chư Tử được dùng biên ghi đó ư? Đó là Nho giáo và Phật giáo chẳng thể cùng trái, lại càng rõ ràng vậy.

Ước lại nghe trong nhà Phật nói, đối với Đạo đó chưa có rốt ráo thì gọi đó là Quyền giáo; đối với Đạo đó mà rõ ràng rốt ráo, thì gọi đó là Thật giáo. Thật giáo thì dùng Đốn cho người nhận thọ, Quyền giáo thì dùng Tiệm cho người nhận thọ. Nên chỗ gọi Nhân thừa, Thiên thừa là bởi nói Tiệm của Tiệm ấy vậy. Nay đem giáo Ngũ thường của nhà Nho mà so sánh đó, chánh cùng với Năm giới Mười thiện trong Nhân thừa và Thiên thừa đó của Phật giáo tương đồng vậy. Há Thánh nhân của nhà Nho cũng chẳng dùng Quyền của nhà Phật mà dùng Tiệm để dạy người ư? Trong kinh Phật nói: “Khổng tử là Nhu Đồng Thánh nhân xưa trước vậy”. Hoặc đó đã vậy, nên Truyện nói: “Có thể cùng vừa Đạo, chưa thể cùng Quyền”. Quyền ấy cũng chẳng quá làm mà chẳng dễ biết vậy. Nhưng Phật pháp truyền bá đến đây cũng đã lâu dài vậy, xem trọng đối với người là Thánh Hiền của vua tôi, sao có thế tính đếm hết được. Mà Thánh Tổ của Bệ hạ (tức vua Chân Tông-Triệu Hằng 998-1023 thời Bắc Tống) tông phụng pháp đó mà trang trải đó, đó lại hơn cả Thiên tử ở thời xưa trước vậy. Tiên Hoàng Đế là bậc Chí Thánh rất biết đó vậy, tuy làm “Sùng Thích Luận” mà mở rộng đó. Nay, Bệ hạ là bậc minh Thánh lại thảy đều tường tận Đạo diệu đó, thiên hạ mới hướng phong mộ đức, muốn nhân Bệ hạ mà lấy Phật làm thiện vậy. Người học ở đời sao họ chưa biết tin vậy. Nhưng tuy đời của Đại Công có thể dùng để hiển bày Đại đạo, người đại minh có thể để dứt nghi ngờ lớn. Nay Bệ hạ là bậc Thánh nhân thật Đại minh vậy. Bệ hạ ở đời thạnh, Đại công thạnh vậy, mà Chánh Đạo của Phật và Nho, hai Thánh nhân dứt đoạn nghi của thiên hạ, đâu chẳng thuộc Bệ hạ ở ngày nay vậy. Thần mong Bệ hạ ban xuất Thư đó cho các Công khanh được rõ biết. Nếu thuyết đó chẳng lắm sai lầm hư vọng thì mong trải bày khắp thiên hạ, khiến các

nhà Nho rõ theo đó, các nhà Phật rõ theo đó, mỗi tự dùng pháp họ mà tán thán hóa trị của Bệ hạ như chỗ luận bàn trước, để lại làm giám định muôn đời, mà về sau cấm tuyệt thuyết cùng nhau rỉa rói đó. Khiến Phật pháp đổi thay lại mới đầu từ Thánh triều của Bệ hạ. Đó chẳng chỉ là may mắn của học trò nhà Phật, mà ước cũng là may mắn của sanh linh trong thiên hạ, và đâu chỉ may mắn của sanh linh mà Quỷ thần trong thiên hạ cũng rất vui mừng vậy.

Thần lại nghe, Bệ hạ lưu truyền Phật Pháp ở trong thiên hạ, hẳn muốn họ cùng sống mà làm phước đó, kiểm xét người trong thiên hạ để làm học trò đó là hẳn muốn thực hành giáo pháp đó vậy. Muốn giáo đó hành thì hẳn muốn đem pháp đó mà dẫn dắt người làm thiện vậy. Như vậy thì thiên hạ làm thiện làm phước thật lắm nhiều ở pháp đó. Pháp thực hành cũng chẳng thật do ở học trò đó vậy. Vì thế thiên hạ chuyên học trò đó mà làm gấp. Nếu còn Pháp đó mà học trò họ chẳng được người đó, thì Pháp đó cũng nào lấy làm công hiệu vậy. Dịch nói: "Nếu chẳng phải người đó, Đạo chẳng được hư hành". Đâu chẳng vậy ư? Nhưng mà được nghi chế ở học trò đó, đến thời đó mà học tập đó khiến thành khí cụ đó. Đến thời đó thì học tập đó dễ thành người vậy. Qua thời đó thì giáo đó dẫn dụ khó vào vậy. Xưa kia, Phật chế khiến người tuổi đủ hai mươi mới cho thọ giới cụ túc. Xuất gia thì cho làm Sa-di tùng sự đó. Sa di thì chấp thuận cho họ từ nhỏ mà xuất gia. Ý đó là vì người đời sau căn khí càng chậm lụt mà người đốn giải hiếm ít. Hẳn giúp họ sớm giáo, tập hành từ nhỏ. Khi tâm họ chưa lạm mà dần đượm nói Đạo, đến năm hai mươi tuổi mới được thọ giới cụ túc, bởi vì tập tánh đã thành và chí lự đã định, có thể khiến họ giữ giới mà hành Đạo vậy. Họ tự đã vậy hẳn có thể suy đó đem thiện đến người. Nên nói, trong Tam Bảo tương thừa mà tiếp tục Tuệ mạng của Phật thì chỉ nhờ ở Tăng Bảo vậy. Quy chế của xuất gia đó ở luật bộ rất lấy làm Định Pháp, chẳng thể tạm thoát vượt. Xưa trước, có lời dâng trình Bệ hạ rằng: "Người chưa đủ tuổi hai mươi thì chưa cho họ xuất gia. Sao họ cùng với Phật chế giáo ngang trái vậy ư?" Người hai mươi tuổi mà xuất gia, hãy khiến họ dự vào hàng Tăng thắng duyên, thì có thể được vậy. Nếu muốn họ thành khí pháp lớn để hành Đạo và cùng Bệ hạ dẫn dắt người làm thiện, sợ họ chưa thể được vậy. Điều đó có thể tự nghiệm biết. Phàm người hai mươi tuổi mới xuất gia, giả sử họ hơi thông lại minh, trong một kinh sa sả mà còn chẳng rảnh tập học điều khác, suốt ba - bốn năm chỉ ở. Đến lúc họ thử đó, nêu cử một mà được thì trăm người chẳng được một vài người vậy. Hạng kế đó, suốt năm sáu năm mới tụng một kinh. Hạng kế

tiếp đó là ám độn thì hoặc mười năm mà chỉ có thể tụng được đó. Nếu họ như vậy, may được thọ giới mà làm Tăng thì người đó tuổi không ba mươi thì đã bốn mươi vậy. Căn cứ khiến người đó phải ba mươi lăm, ba mươi sáu tuổi mà cho dự thọ Đại giới, còn sợ họ chống cách mà chẳng hơn họ học tập vậy, huống gì để họ đến ba bốn mươi tuổi mà muốn họ thông minh luyện tập, với chỗ gọi là Thiền, là giảng, là luật, là giới định tuệ. Đạo của Thánh nhân tông giáo khác, ngôn ngữ của khác phương khác tục, thì đó lại sợ họ chẳng thể vậy. Hẳn đó khiến người hai mươi tuổi mới cho xuất gia, cũng chẳng sai lầm ư? Lại nói: Vì họ tuổi nhỏ mà dự vào hàng Tăng luân thêm trên những người già lớn mà lấy làm ngờ vực, mới nói chế đó? Nhưng đây dùng Pháp của tăng sắp ngồi mà luật thành đó có thể vậy. Phàm, Pháp của tăng sắp ngồi cũng có lấy tiếng tăm và đức hạnh mà cùng suy đặt trên dưới ấy vậy, chẳng chỉ niên lạp họ cao là phải trên, còn người danh đức mà tuổi nhỏ hẳn phải ở dưới vậy. Nay vì xếp ngồi cao thấp đó mà bèn định thành uy chế xuất gia đó, há gọi là được việc thích nghi đó ư? Phàm, Phật chết luật của người xuất gia, bởi họ trò đó là cội nguồn của sở sanh, nếu chìm ngỉm nguồn đó mà muốn dòng đó trong, là cũng lầm hoặc vậy. Đại khí người biết Đạo mà có chỗ giữ, họ làm điều quấy thì ít vậy. Họ không biết Đạo mà không chỗ giữ, họ làm lỗi quá hẳn lắm nhiều vậy. Như ở đời gần đây, chư Tăng vì lỗi quá mà xúc phạm hình cấm của Bệ hạ, bởi họ tập học chẳng chánh, không có chỗ gìn mà khiến nên ấy vậy. Thần trộm sợ hàng học trò đó từ nay và về sau càng không chỗ giữ, và thường xúc phạm hình cấm, và giáo đạo đó mà nhục đó vậy. Lại lo pháp đó càng không được người đó, mà Pháp mầu của Thánh nhân bèn diệt mất vậy! Bởi vậy mà thường chẳng ngủ chẳng ăn, ăn chẳng ngon. Thật mong muốn Bệ hạ trở lại quy chế xưa trước, tâm hành theo Pháp của Tiên đế, chuyên cùng Phật chế mà cùng gần vậy. Xuất gia thì chẳng hạn định tuổi tác lớn nhỏ, miễn hạnh nghiệp họ có phần tinh chuyên thì nên mở rộng đó, tâm họ càng thành thật thì nên chánh đó. Như thế thì ngõ hầu trong muôn vàn có được một người đó vậy!

Lại cầu mong Bệ hạ chuyên nhất vị Sư Suất, nên khuyên họ chánh. Họ chánh mà mở rộng đó, như thế cũng ngõ hầu trong muôn vàn đồ chúng đó có được một người làm khuôn phép đạo mà ít lỗi quá vậy. Chỗ gọi là Sư Suất, như nay chủ Thiền trong chúng đông, chủ giảng trong chúng đông trong thiên hạ. Như chỗ gọi là Trị chánh mà nay là Tăng chánh ở trong các châu quận vậy, quả thật chẳng lấy đó làm kiêu hãnh, mà làm thành thật, có thể trang trải giáo pháp đó. Vậy, mong ít

dùng thêm lễ phục, hoặc giả nếu vì công đó mà xuất đó cũng dẫn giúp đó. Xét Quan lại lừa dối mà không khuất hình luật vùi dập. Được thế, có thể khiến đồ chúng đó kính mộ đó, khâm chuộng đó vậy. Đó cũng là một Đạo khuyên tu vậy. Đồ chúng đó như muốn cầu thầy học Đạo vượt xa ngàn dặm, các Quan Hữu Ty chẳng vì bằng cớ mà cản trở họ, khiến người không có tâm bực tức, qua lại đều được giúp đỡ vậy. Nhưng quy chế của bằng cớ vốn dùng để ngăn ngừa ác, mà đến các Quan lại nhỏ khinh thường đó mà trở ngăn ngại thiện, đó lại tại giữ trăm việc, mà nên sâu xét đó. Như Thần nương náu nơi hang núi chẳng tính toán gì ở đời cũng đã dài lâu vậy. Vừa rồi có người viết thư muốn khiến Thần ra khỏi núi, mà người già lụn vén áo cùng ở lại mà nói là: "Ông vì Đạo tự thắng ở chốn núi rừng, có thể gọi là được vậy". Mới một sáng sớm mà liền động, sao chẳng tự trọng đi ở đó. Tạm lưu lại, Thần nói cùng người đó rằng: "Phật Pháp tôi thật là nguồn Đạo của Thánh Hiền, là gốc thiện của thiên hạ". Nay người đó không biết mới cùng nhau dèm pha Phật, cản trở Pháp, tôi lo sợ họ làm tổn hại gốc thiện của thiên hạ muốn đến cậy nhờ tôi. Đế mà khuyên dụ đó cũng chẳng muốn giúp họ trị đời vậy". Thần minh ở trên, thật mong nghe lời đó, chẳng như huyễn thuật khác buôn bán kiêu hãnh, muốn có cầu vậy. Nhưng bình sanh vì Pháp chẳng vì riêng mình cũng chẳng trọng ư? Mà Thần một mực giữ chết, đâu đủ tự làm khinh trọng vậy. Người đó lại nói: "Đế tôi đem chùa miếu giao cho ông, trải khắp cả bốn biển. Há chẳng thạnh ư? Vậy biết làm sao?" Thần lại nói với người đó rằng: "Ông thuộc hạng người biết một mà không biết hai, Phàm, Đạo của Thánh nhân là ở chánh, chứ không ở thạnh vậy". Và Thần khư khư giữ chí của sâu kiến, đó thật như vậy. Như được Bệ hạ duổi xét trời đất, thì đó là may mắn vậy!

Thư của Khế Tung tôi, trước và sau xưng là Thần (Bề Tôi) nhưng ở trong xưng tên thôi, cũng có nguyên do nói vậy. Phàm gọi là vua tôi, Thánh nhân dùng để định ở công là tôn ty vậy. Từ xưa chỉ phải áo mão dây đai ấy vậy. Nay làm Tăng xuống tóc, hủy bỏ hình nghi, khuôn phép cùng nhân gian tuy khác mà tạm cho áo mão, lời xưng cùng loạn, chẳng là mất sự nghi đó ư? Khổng Tử nói: "Hẳn phải chánh danh vậy". Gọi người xuất gia làm tăng mà dự làm bề tôi, danh đó đâu phải là chánh ư? Nho sĩ có người trên chẳng là bề tôi của Thiên Tử, dưới chẳng phụng sự chư hầu. Xưa kia, Vương Bá Nghiêm Quang chẳng phải bề tôi, chẳng xưng danh ở Hán, đâu phải họ tự nhiên vậy? Chư Tăng vốn giẫm Đạo vượt ngoài đời, lại dám mạo phạm xưng của người bề tôi vậy. Nhưng Tăng mà người bề tôi đó, khéo có ra ở đời gần đây, chẳng xét lệ đó

vậy. Vì trong Thư trước và sau xưng là bề tôi, là bày tỏ trước sau chẳng dám trái lệ, còn bên trong xưng tên là tỏ bày chẳng dám quả thật dùng trái chỗ thích nghi đó để ra mắt cùng Bệ hạ vậy. Can phạm Thiên oai, chẳng nhậm khiếp sợ, đến mà chẳng tuyên!

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 9

THƯ (Tiếp theo)

THƯ DÂNG TẤU HOÀNG ĐẾ NHÂN TÔNG

Ngày... tháng chạp,

Thần tăng là Sa-môn Khế Tung được ban tặng áo bào sắc tía ở Lan nhã Vĩnh An, chùa Linh Ẩn tại Hàn Châu kính cẩn mạo muội liều chết, dâng tấu thư lên Hoàng đế Bệ hạ.

Thần nghe: Người phụng sự trời hẳn nhân ở núi, người phụng sự đất hẳn nhân ở đầm. Nhưng chỗ nhân có cao và sâu thì chỗ phụng sự dễ thấu đáo vậy. Như Bệ hạ sùng cao sâu lớn thì như núi và đầm cùng cách cả vạn vậy. Vừa có người đang theo phụng sự đạo họ, bỏ Bệ hạ mà chẳng liền cầu đó, tuy họ khư khư trọn đời dứt tuyệt thế duyên, thì mấy ai được chí như họ vậy. Ước lại nghe kinh Phật nói: "Giáo pháp của ta thảy đều giao phó cho các Quốc vương, Đại thần". Đó chánh có nghĩa là Phật giáo tổn ích buông giữ là tại nơi Thánh minh của Bệ hạ vậy, như vậy thì học trò của Phật đem Pháp đó muốn có chỗ gọi là làm thì đâu nên không nhờ Bệ hạ mà tự bỏ ở cỏ rác ư? Thần tủi nhục làm học trò của Phật, thật muốn phù trì pháp đó, nay phát khởi từ núi non xa cả ngàn dặm, ôm sách đó đến nơi cửa cung, cầu mong Bệ hạ ban ân lớn để thành tựu chí đó vậy.

Thần thường cho rằng: Giòng họ Năng-nhân giảng truyền giáo pháp, hẳn lấy Thiền làm tông đó, mà Phật làm Tổ đó. Tổ là Đại phạm của giáo đó. Tông là Đại thống của giáo đó. Đại thống chẳng tỏ sáng thì người học Phật trong thiên hạ không được một chỗ đến đó. Đại phạm chẳng chánh thì chẳng được chất ở chỗ chứng đó. Phàm xưa nay các hàng Tam học đua tranh nhau lấy sở học của mình cùng làm ưu thắng. Bởi do tông chẳng tỏ sáng, Tổ không được chánh nên khiến làm thành hoạn nạn đó vậy. Nhưng chẳng phải Tổ tông đó vốn chẳng tỏ sáng

chẳng chánh, mà chỉ bởi người đời sau làm sách sai lầm lưu truyền vậy. Lại do người học Phật ở đời sau không có khả năng khảo xét tường tận mà hiệu chánh đó, mới có người bó buộc giáo mà không biết yếu chỉ vi diệu của Phật là ở ngoài ngôn từ. Còn người nói Thiền thì không tin sở thuyên của Phật đại khái thấy ở trong giáo. Tuy cùng thuộc một loại đầu tròn áo vuông mà rối ren tự cùng phải quấy, cứ như vậy xưa nay nào từng tạm dứt!

Thần tự không biết lường, bình sanh trộm muốn suy một Tổ tông đó cho người học Phật trong thiên hạ chấm dứt tranh cải, giải tan nghi ngờ, khiến trăm đời biết học đó có chỗ bao gồm vậy. Nên ở trong núi thường dốc sức tham tầm ở Đại tạng, hoặc Kinh hoặc Truyện, kiểm nghiệm chỗ gọi là Thiền tông đó, suy chánh chỗ gọi là Phật Tổ đó, thì các sách được thấy quả rất rối ren. Tuy sách xưa hẳn bài xích đó, sách của chỗ thấy quả thật rõ ràng, tuy sách xưa nhưng hẳn cũng lấy đó. Lại họ nêu ra sự tích niên đại của Phật Tổ quả thật sai lầm, như các loại sách Truyền Đăng vậy. Cho nên, Thần lấy ký Truyện của các nhà, lấy niên đại lâu dài đó, kiểm xét đó, chỉnh sửa đó, biên thành sách đó có hơn mười vạn lời, đề hiệu là "Truyền Pháp Chánh Tông Ký"; còn sách họa vẽ hình tượng Phật Tổ thì đề hiệu là "Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ"; còn sách suy nhóm gốc ngọn của Tông tổ, thì đề hiệu là "Truyền Pháp Chánh Tông Luận", gồm cả thảy mười hai quyển. Lại dùng lụa nhũn của Ngô họa vẽ phần gọi là "Định Tổ Đồ". Một mặt, tại Thần ngu cạn, tự cho rằng Phật của mình giảng giáo chỉ mới hai ngàn năm. Giáo đó truyền khắp Trung Quốc gần được ngàn năm, còn Thiền tông truyền đến Hoa Hạ chỉ năm trăm năm, mà là Tông là Tổ, sự tích gốc ngọn đó ở đây hơi rõ ràng, có thể lưu truyền bổ khuyết giáo Pháp của tiên Thánh một trong muôn phần vậy. Vừa đang lúc Bệ hạ dùng chí đạo từ đức để trị vì thiên hạ, trời đất muôn vật hòa bình an ổn, mà giáo của Phật và Lão được Tỳ tán Đại hóa. Bệ hạ dũ thần thuyền duyệt càng vào Diệu đạo đó, tuy các bậc Đế Vương xưa trước cả trăm đời chưa từng có cùng lý tận tánh như Bệ hạ đây vậy. Đó cũng là ngằn mé nhóm tụ học trò của nhà Phật khó gặp mà có được một thời của Bệ hạ vậy. Thần do đó mà chăm chăm khẩn khẩn, chẳng trốn lánh trách phạt tiếm vượt mạo phạm đó, liền đem sách và biểu đồ ấy dâng tấu, muốn mong Bệ hạ như xét đưa vào Đại tạng cùng kinh luật đều lưu truyền. Sự sống của Thần như sâu kiến đã đến lúc chiều muộn, đối với đời hẳn không chỗ đợi, chỉ đau đáu mong muốn giáo pháp đó chẳng dần nhỏ bé, chẳng mờ tối, mà lưu truyền trang trải đến vô cùng, người được nhờ đó mà

chuyên việc đạo làm thiện, thì ngày Thần tuy đã chết mà vẫn như năm còn sống vậy; chẳng dám kiêu hãnh muốn nhục đến ân điển mưa mốc của Bệ hạ vậy. Chỗ chứng cứ rõ văn đó đều rút từ Đại kinh Đại luận rất rõ ràng. Chỗ gọi là "Truyền Pháp Chánh Tông Luận" và "Định Tổ Đồ" như được Bệ hạ trời đất rủ xét khiến đó được cùng ban ân lớn, thì mong được xếp như "Cảnh Đức Truyền Đăng Lục", "Ngọc Anh Tập" vậy. Chiếu ban kiện truyền pháp biên ghi vào Đại tạng, tức may mắn lớn của Thần sống chết đó; và chẳng chỉ là may mắn lớn của Thần mà ước cũng là may mắn lớn của giáo môn trong thiên hạ vậy. Nếu Bệ hạ duệ đoán, chấp thuận sự cầu thỉnh của Thần, thì xin đem sách đó gồm mười hai quyển, đặc biệt ban gián Trung thư thi hành "Truyền Pháp Chánh Tông Ký" và "Định Tổ Đồ" đó, và gồm "Sách phụ giáo" do Thần biên thuật trước, in thành bản một bộ ba sách. Sách đó cũng suy hội đạo của Thánh nhân ở hai giáo, đồng ở tốt đời lợi người vậy.

Kính cẩn dâng thư tấu trình phiền nhiễu, Thần chẳng nhận kích thiết thấu đến nỗi lo lắng, Thần rất mực lo sợ thành thật kính cẩn nói.

THƯ KHẢI
THƯ DÂNG HÀN TƯỚNG CÔNG.

(Trước sau có bốn thư)

Ngày... Tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn bắc hướng cúi bái, kính dâng thư đến Tập hiền Tướng công Các hạ. Tôi nghe: Ngày xưa, Thánh nhân lập cực để thống lãnh thiên hạ, thiên hạ gọi đó là chí công. Phàm, người chí công thì chỉ có người thiện mới cùng đó, chỉ người ác mới chống đó. Cùng thiện thì không đây kia, chỉ trị mà thôi. Chống ác thì không thân sơ, chỉ loạn mà thôi. Đó là bởi tâm của Thánh nhân vậy. Đến lúc có thân thân tôn tôn thì nước có vua tôi, nhà có cha con, hẳn thân, hẳn sơ, hẳn gần, hẳn xa. Tam cương Ngũ thường không thể đoạt mất thứ lớp đó. Đó là giáo của Thánh nhân vậy. Phàm, giáo là quý ở tu, mà tâm là quý ở thông vậy. Giáo ấy là kinh chế của Thánh nhân, Tâm ấy là đạt đạo của Thánh nhân vậy. Thiên hạ hẳn biết đạt đạo, mới có thể luận ở chí công. Nếu chẳng đạt đạo thấy Tâm của Thánh nhân, tuy tu giáo cũng chỉ bó buộc ở giáo mà mất thiện đạo của thiên hạ vậy. Tôi tuy cố chấp hẹp hòi, học ở bình sanh đó tự cho là được Tâm của Thánh nhân. Lớn lên muốn suy đó để giúp chỗ làm đạo đức của Vương công Đại nhân. Nay già tệ cốc núi, đầu bạc dần theo mà cuối cùng không

chỗ gặp, bùi ngùi dốc thở, chỉ sợ nó rỗng không, cùng cây cỏ đồng sanh đồng chết mà chẳng được chút ít phát đó vậy. Vừa mới nay trộm nghe Các Hạ đem đức khoan dung nhân hậu mà trông giúp thiên hạ. Trong thiên hạ, có người luận đạo của chí công cho rằng, vừa được điều đó ở Các Hạ vậy. Tôi mừng lại được may mắn lớn, nên chẳng kể xa vài ngàn dặm đến dâng bày thuyết phát minh đó và chỗ gọi là bình sanh thấu đạt được Tâm của Thánh nhân đó. Nhưng chẳng phải hẹp hòi tự mừng mến mộ danh và vinh thân vậy.Thật muốn suy giáo Đạo đó để dẫn dắt làm thiện trong thiên hạ vậy. Nguyện mong Các Hạ không mặc nhiên đối với nhà Phật tôi ấy vậy. Trộm lo lắng giáo đó đến nay rất suy, mà đồ chúng đó chẳng thể đều tu để chấn động Đạo đó. Các Sĩ Đại phu vì không biết rõ nguyên do đó, nên hoặc bàn nghị mà dèm pha đó, rối ren như vậy, nên khiến Quân tử thì xem thường đó, tiểu nhân thì nghi ngờ đó. Nhưng Pháp đó truyền bá đến các xứ của Hoa Hạ đã có ngàn năm, chỗ đến thay Thánh Hiền của vua tôi nhiều không thể tính kể, đều tôn quý kính phụng đó, khiến cùng Nho đều hóa thiên hạ. Bởi dùng Đạo của Đại Công mà lấy đó. Vì đó tốt đẹp đời có lợi ích đối với sanh linh, giúp chỉnh trị mở rộng giáo hóa ấy vậy. Như Thư nói: “Hội đó có cực, quy đó có cực”. Lại nói: “Làm thiện chẳng đồng, đồng quy ở Trị”. Kia chẳng phải có Đại hợp ư? Đạo của Thánh nhân lập cực, từ xưa các Thánh Hiền đâu còn mà kính đó mãi đến ngày nay vậy? Chẳng chỉ không còn có Thánh Hiền mà thiên hạ cũng nhàm chán đó lâu rồi vậy. Như nay thiên hạ dấy khởi mở trường lớp, dùng thuyết nguyên do Đạo đức của Thánh nhân tập cho các học sinh. Bởi muốn họ tuyên truyền giáo hóa của nước nhà. Tuy nhiên nhân nghĩa đó tươi tốt để phô bày nơi thiên hạ, mà các hàng nam nữ phu phụ trong thiên hạ đâu phải mọi người đều dự ở dạy răn của Ngũ thường ư? Đến lúc họ nghe được chỗ nhà Phật nói là làm thiện có phước, làm ác có tội, tổn hại thân họ, lụy đến Thần họ, mà khắp xóm làng đều hóa, mọi người kính mộ làm thiện ngõ hầu như khắp cả bốn biển. Nếu đến nhà đến phòng mà xét đó, thì sợ mười nhà thì đã có đến bảy tám nhà tin theo. Như trước chỗ gọi là hỗ giúp chánh trị mở rộng giáo hóa, đây là đó vậy. Pháp đó lại có thể cùng người chánh tâm, cùng Thần mà cực hóa. Bên trong có ích với người làm đạo đức của Thánh Hiền, lại thấu đạt đó vậy. Mà người học làm sao không cầu tâm của Thánh Hiền, dấy khởi thiện ở ngày xưa, chẳng dùng Đạo chí công chọn lựa mà lấy đó ư? Lần lượt thấy đồ chúng đó lộn xộn, không có khuôn phép Đạo đó, mà bèn bài xích pháp đó. Nhưng đồ chúng đó do tại nước nhà chánh nguồn dòng đó chọn lựa kỷ cương đó.

Biểu dương người làm thiện đó mà khuyên đó vậy. Pháp đó sao nhục ư? Khổng Tử nói: "Không vì người mà phế bỏ ngôn từ". Nghĩa đó là đây vậy. Cúi mong Các Hạ rủ lòng làm chánh trị giáo hóa, chủ mà trang trải đó, thì may mắn lớn cho sanh linh trong thiên hạ vậy.

Ước lại nghe, phòng nhà cao nguy nếu không chống đỡ hẳn sẽ sụp đổ, nước úng chẳng chảy thông hẳn sẽ vỡ bờ. Đạo của Thánh nhân đã nhỏ bé lại mờ tối, nếu chẳng suy mà làm sáng tỏ đó cũng cơ hồ sẽ dứt mất. Tôi mới lo suy bại của Sư pháp đó, ở trong núi thường trộm biên thuật sách đề hiệu là "Sách Phụ giáo", chỉ hơn ba vạn từ, dùng để suy nguyên Bản giáo, làm sáng tỏ ý làm giáo của Thánh nhân, muôn một dùng để cứu thế lực sắp sụp đổ đó. Mới đầu muốn trình tấu đến Thiên Tử, mà hẹp hòi vời xa chẳng khác thượng đạt, lại muốn dâng đến Các Hạ, cũng lại chẳng thể thông đó. Thế rồi nhân người từng trải đến Kinh đô, ý họ cũng muốn truyền vang đến Các Hạ xem nghe. Nay lại đã một năm mà việc đó cứ chìm nổi chưa quyết chắc, mà trong tâm lo lắng như giẫm đạp nước lửa, gấp muốn họ giúp đỡ. Nên chẳng trốn lánh sự trách phạt là tiếm vượt, mới mạo muội xin dâng cái gọi là "Sách phụ giáo" in ấn một bộ ba sách. Mong Các Hạ nhân lúc rãnh rỗi việc luận đạo kinh bang, lược cùng xem đọc, nếu chẳng lắm sai lầm, có thể giúp Các Hạ lưu thần với Đạo của Thánh nhân tôi, thì chí bình sanh tôi chẳng lấy làm nhục vậy. Còn như Các Hạ là người Đại Hiền chí công, chống cự mà phó mặc đó, thì pháp của nhà Phật mênh mang không còn nơi cậy nhờ rồi vậy. Nay lại đem luận Hoàng Cực một thiên cũng do tôi biên thuật, biên ghi thành một sách cũng theo đây mà dâng trình, đó là lúc thiếu thời hành Đạo được rãnh rỗi mà làm nên, thô sơ sáng tỏ Đạo của Thánh Hiền trị thế. Kính cẩn nhân chủ bộ quan ải đến dưới chấp sự, bụi trầm vấy bẩn đài sáng, chẳng hơn nỗi lo sợ rất lắm, chẳng tuyên. Sa-môn Khế tung tôi kính cẩn tấu bạch!

BỨC THƯ THỨ HAI DÂNG TRÌNH HÀN TƯỚNG CÔNG

Ngày... tháng...,

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn cúi bái dâng thư đến cùng Chiêu Văn tướng công Các Hạ. Tôi người hèn mọn, nép nơi núi rừng, trộm hiểu Các Hạ dùng Chí Công mà làm chủ thiên hạ, cùng người làm thiện rỗng rang không chỗ chẳng dung. Nên năm trước tôi từng đem "Sách Phụ giáo", nhân chủ bộ quan ải Cảnh Nhân đến dưới chấp sự, đợi đến nay ôm sách đó từ phương Tây rảo bước mà lại, nguyện dâng đến Thiên Tử. Đến kinh đô đã hơn tháng trời, thành thật trước tiên muốn thấy Đại

Quân tử, mong chỉ dạy đi ở đó có thích nghi chăng? Vả lại, nghi ngờ thư của ông quan ải nỗi chìm chăng? Quả có phiền nhiễu Các Hạ xem nghe ngóng giúp! Buồn bã từ lâu mà chẳng tự quyết. Bỗng nhiên liền đến, sợ Các Hạ không biết chí sở dĩ đến đó, cho là có sự mong cầu, không đến thì việc đó xếp trệ, nên lại dâng thư tỏ ý trong muôn một, mong Các Hạ rõ cho chút ít. Nhưng sự xuống núi của tôi, bởi muốn hiến cống sách tôi biên thuật có hơn mười vạn từ. Sách đó là bổ ích cho sự khuyết chánh của giáo Pháp, là Tổ là Tông trong nhà Phật vậy, nhờ cậy Thiên Tử xét đưa vào kinh tạng, để chấm dứt sự nghi ngờ tranh cải của người học Phật, khiến trăm đời biến đó có chỗ bao gồm, ý đó dừng ở phải vậy. Chẳng phải bắt chước những người khác tự làm kiêu hãnh thân sanh, muốn có chỗ mong cầu vậy. Các Hạ nếu như chẳng lấy làm quái lại sai lầm, dẫn mà cùng nói, thì ý sở dĩ đến đó được tỏ bày vậy. Chẳng chỉ được tỏ bày chí đó, cũng sợ đối với cùng tận ngằn mé tánh mạng sâu mầu của Các Hạ mà có chỗ giúp đỡ vậy. Và đâu riêng giúp đỡ thuyết tánh mạng đó, ước cũng có bổ ích cho Pháp của Hiền Thánh trị chính, Hoàng Cực của Các Hạ vậy. Mảy trần mạo phạm đến Đại thừa tướng tôn nghiêm, tội không nói lánh trốn chẳng bày. Tôi kính cẩn tấu bạch.

BỨC THƯ THỨ BA TRÌNH LÊN HÀN TƯỚNG CÔNG

Ngày tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn cúi bái, lại dâng thư đến Chiêu Văn tướng công Các Hạ. Gần đây, tôi đem thư theo hướng Tây lại đến nơi Thiên Tử. Thành thật vì Các Hạ đang vì nước nhà mà giữ tâm chí công tên thiện, mới ngày từ hướng Tây rão bước cấp cấp chỉ sợ đến sau. Kịp may gặp thấy đó, Các Hạ ấm áp tự nhiên dùng lễ tiếp đãi, sau đó, tấu thư xét đưa đến chính phủ, mà Các Hạ tận tay giúp đỡ, đặc biệt sánh đó với Sử bút. Điều may mắn lớn đó, có nghĩa là bình sanh tôi chuyên cần làm thiện, quả khó mà gặp được đó mà phát dương vậy. Lại sau đó trộm nghe: Các Hạ càng đem văn đó cùng các Công ngợi khen đó ở nơi Quán các, mà trong các Sĩ Đại phu nghe có nói là: “Đại thừa tướng thật là chí công cùng người làm thiện vậy”. Như tôi là người khác giáo phương ngoài, Đạo đó lúc niên thiếu có thể xem, mới đặc biệt cùng công khanh vinh dự đó. Như vậy thì người học trong Thiên hạ rất đáng tự lo lắng, họ làm Đạo mà chẳng chuyên vậy, nào phải lo Hiền Sĩ Triều đình đó không thấu đáo ư? Nhưng tôi, ngoài học Phật ra, có phần chuyên việc bút mực muốn phát huy bản giáo đó vậy, đâu có văn cao biết xa đáng với công tướng Đại Hiền ngợi khen giúp đỡ ư? Đó có thể gọi là rất may

mắn mà rất nhục vậy. Nhưng dự sự ban ân của Các Hạ đó, chẳng làm chẳng lớn, tâm chí cứ khư khư đó, không làm không được. Vậy nên vụt nhiên tiện trở về lại núi rừng, nay vẫn còn bồi hồi ở kinh đô, chưa liền đi, vì ý sở dĩ đến chưa cùng tận chưa đạt quả, vâng phụng mạng của Các Hạ quý trọng lưu lại, nên dám chẳng trốn lánh sự trách phạt can phạm đó, mới càng đến nói ở chung quanh Các Hạ vậy. Mong Các Hạ khoan thứ mà nghĩ thương cho. Tôi ở núi rừng biên thuật sách thảo luận, kinh sách nội ngoại chẳng những vài ngàn quyển, tích chứa suốt vài mươi năm, có phần tiêu nhọc hình thần đó. Lại chẳng kể cách xa ngàn dặm mang đến mà tấu dâng, chẳng phải cẩu thả như những người khác kiêu hãnh muốn riêng tư đó mà có sự mong cầu vậy. Đó thật vì lo lắng Tông Tổ của Bản giáo không sáng tỏ. Vì xưa nay những người học Phật không thấy được Đại thống đó, vọng cùng nhau tranh đua hơn kém, rất mất ý của Thánh nhân tôi xưa trước. Cứ chăm chăm khẩn khẩn đó, mới chuyên làm chánh đó, ngưỡng nhờ Triều đình xét đưa vào trong Đại tạng, làm Phật giáo lập thắng sự của muôn đời, ngõ hầu người học tuân làm định đoán. Lại muốn tự kiểm xét mình làm con Phật làm thiện nhỏ bé đó vậy. Mới ngày vừa trong núi ra, giữa đường gặp các người già lớn cho rằng tôi thức tâm làm Pháp, không ai chẳng chúc tụng, mong thành việc đó mà trở về. Nay sách đó đã tấu trình, đợi chờ mạng lệnh đã hơn sáu mươi ngày, mà chưa được nghe gì cả. Trong lòng rất tự nghi ngờ đó. Hoặc sách đó còn có chỗ sai lầm chẳng xứng đủ chỗ lấy của bậc Đại Hiền ư? Hoặc Các Hạ đang bận việc nước lớn lao, chưa rãnh để xét tận tường phải quấy đó ư? Thành đô hay thôn ấp tốt tươi mà lâu thì tệ phong trần đó vậy. Phải áo ở nơi rừng chầm mà chí gốc ngọn đó chưa toại, chỉ sợ phụ trái Đạo đó thuộc ý chỗ cầu chúc. Chẳng chỉ phụ trái ý chỗ cầu chúc đó, cũng sợ chỗ còn của bình sanh không công hiệu. Mà giáo pháp Tổ tông đó, muôn đời trọn không trở lại chính vậy. Vì thế, càng muốn mong ân huệ lớn của Các Hạ lại nghĩ nhớ cho là tôi vì Pháp chẳng vì thân, vì Đạo chẳng vì danh, làm cho giáo Đạo đó muôn đời hẳn chánh, chẳng vì chính mình mà cầu ân đượm một thời của nước nhà vậy. Thần minh ở trên, thật nghe lời đó.

Ước lại nghe, Phật Pháp là thần diệu chẳng thể lường, nên thông cả trời đất Thần minh, lấy đó làm thắng duyên là Diệu đến vô cùng vậy. Nay chỗ gọi là Tông đó là Đại bản của giáo đó, chỗ gọi là Tổ đó là Đại phạm của Pháp đó vậy. Vừa hiện nay Thiên Tử là bậc Thánh minh, mà Các Hạ là Hiền triết công chánh đoán mà định đó, khiến người học Phật đời sau kính ngưỡng tin đó mà nói: “Tại thời Đại Tống, Thiên Tử và

Tướng Quốc Hàn Công từng chọn lựa mà định đó vậy". Các hàng Tam học đó không dám nhiễu loạn mà Phật Pháp càng tỏ sáng. Quả thật là có trời đất thần minh ngầm vì hỗ trợ, thì cảnh phước thắng duyên há chẳng quy về Thiên Tử và Các Hạ đó ư? Tôi tủi nhục được sự ân ái của Các Hạ ngợi khen giúp đỡ như nói ở trước. Như vậy, nguyện mong Các Hạ thủy chung ban ân lớn đó, khiến sớm thi hành, chớ để các người đố kỵ liền sanh khởi bàn nghị, để thành tựu chí khư khư lúc bình sanh đó. Mong kịp nước mùa Xuân từ hướng Đông trở về lại núi rừng, là may mắn lớn lắm vậy. Tôi sẽ quyết gắng tinh thành, dốc hết tư duy hành đạo để báo đức huệ vời vợi của Các Hạ, cung kính chờ đời mạng lệnh vui mừng suốt sớm hôm chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi lo sợ kính cẩn tấu bạch.

BỨC THƯ THỨ TƯ KÍNH TRÌNH LÊN HÀN TƯỚNG CÔNG

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung Tôi kính cẩn trông về hướng Bắc cúi bái, dâng thư đến Chiêu Văn Tướng Công Các Hạ. Tôi ngày trước đem sách Thiền mong nhờ Triều đình ban ân cùng Bí tạng, làm cho giáo của Phật Pháp muôn đời sáng rỡ khắp thiên hạ, đồ chúng đó không ai chẳng mừng chẳng vui. Đó là do Các Hạ xét đến cho thành việc đó mà lại xứng đạo. Văn đó truyền bá đến các Sĩ Đại phu, mãi đến ngày nay trong thiên hạ không ai không biết. Tôi lấy làm hổ thẹn đối với sự thấy biết của Các Hạ rất sâu xa, thọ nhận ân ban nơi Các Hạ rất nồng đượm, sáng rỡ chốn núi rừng quá lắm vậy. Ngày thường muốn nghĩ hướng dẫn một lời để báo đáp ân đức của Các Hạ mà chưa thể trọn. Nhưng vừa rồi đem sách đó mà thông đến kẻ chấp sự ở dưới, là công hiệu của chí nguyện sắc son đó vậy. Nhờ Các Hạ giúp cùng càng sáng rực trùm khắp tuyệt cả xưa nay vậy. Bởi Các Hạ khéo dùng đạo của Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Kha, Tuân Huống mà ấy vậy. Nay có người viết sách sâu sắc tha thiết để suy diễn đạo của mười Thánh Hiền kia, mà chánh sự trị loạn của đời, đó nghiên cứu cùng cực sâu xa, tự cho rằng không nhục đối với làm sách của Giả Nghị, Đổng Trọng Thư vậy. Đó có thể nhờ ở Các Hạ hùng tài biết xa, một vài trong muôn phần vậy. Cúi tự xét nghĩ, tôi phóng lãng ngoài đời, vết tích đó cùng với đời tuy khác, liền viết sách đó lo nghĩ người đời không biết ghét ghanh mà chợt vậy. Nên kín ngầm đó tự nói là Tiền Tử, chẳng dám hiển bày tên đó vậy. Nay Các Hạ là bậc chí công cùng người trong thiên hạ làm thiện, chẳng phân biệt phố phường hay quê mùa, hiển bày hay

ẩn mất đó, nên thiên hạ đều phục đó. Tôi mới chẳng kể xa ngàn dặm gởi sách đó mà đem đến. Nếu có thể xem thuyết đó không dối vọng trong muôn vật, thì quả thật có chỗ giúp đỡ tán thán, thì tôi cũng có chút phần báo đáp đức tốt của Các Hạ, mà được triển bày công hiệu nhỏ bé ấy vậy. Trôi dạt giang hồ bó buộc thanh khiết riêng lập đó cùng với đời chẳng hợp, mà người xót thương đó chẳng phải cùng một nửa. Hoặc như Các Hạ ban cho một chữ ngợi khen mà xiển dương, đó lại là ân huệ lớn an ủy một đời tôi giữ chứa sáng rỡ đó riêng nói sâu thẩm vậy. Ngưỡng vấy bẫn thạnh mạng, can phạm Đài sáng, tội không thể trốn lánh chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch.

THƯ DÂNG PHÚ TƯỚNG CÔNG

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn vọng về Bắc cúi bái, hiến dâng thư đến Chiêu Văn Tướng Công Các Hạ. Tôi nghe, ngày xưa có người miền quê hoặc đem thức ăn ngon rau cần, hoặc dùng toán cửu cửu dâng hiến vua nước đó. Phàm thức ăn và toán cửu cửu là việc tầm thường, sao đủ khiến Vương Hầu giúp đó? Nhưng tâm họ khéo chuyên với vua đó vậy. Vừa rồi, tôi chẳng kể xa ngàn dặm mà lại dâng thuyết đó với Tướng Quân tôi, thật so với thức ăn rau cần và toán cửu cửu chẳng khác đó. Mà tâm chí đó cũng may nhờ Các Hạ rõ xét đó mà chẳng mặc nhiên vậy. Với nhà Phật tôi, Pháp nghiệp đó hay cùng người chánh tâm tẩy rửa phiền loạn đó, giữ gốc mà yên ổn bên trong. Nên nay muốn đem đó đợi chờ Các Hạ lúc nhàn rỗi việc luận đạo kinh bang, khiết tĩnh để nuôi dưỡng ngầm thông minh đó, mới an cực đó vậy. Phàm, chỗ gọi là chánh tâm chẳng phải như chỗ thế gian gọi là chánh, bởi việc đó vượt ngoài thanh tịnh chí chánh vậy. Tâm chí chánh thì Thần tỏ sáng, Thần tỏ sáng thì khí hòa, khí hòa thì thể tĩnh thuận. Bốn điểm trên là trị Thân đó, mà tâm càng trị vậy. Thái Sử Công nói: "Chẳng trước tự định Thần mà nói ta có thể trị thiên hạ, do đâu ư?" Ấy là nói gần đó vậy. Nhưng Đạo đó lại hay cùng sanh nhân từ thủy đến chung, chỉ bày thần sáng đó đi lại, căn cứ sở nhân của muôn vật mà quyết định sở quả của thí báo. Nhưng đó lại sâu mà xa vậy. Các Hạ là bậc Đại Hiền nhận biết cao vợi, nghĩa là quả đây có thể để lưu Thần rồi vậy. Như nay các Nho Sĩ nói: "Thuyết của tánh mạng, ở Trung Dung tôi đã có vậy". Lão gia nói: "Đạo Đức kinh của tôi đã có vậy, sao hẳn nói là Phật ư?" Đó là nông nỗi tự chấp vậy, nên có cạn sâu xa gần ấy vậy, sao có thể luận bàn đại khái! Xin vì Các Hạ mà nói rõ đó. Phàm, Trung Dung là tạo đầu mối của Thánh

nhân và tánh mạng. Còn đạo của tôi là viên cực của Thánh nhân và tánh mạng. Tạo đầu mối Thánh nhân muốn người biết tánh mạng vậy, chỉ sâu Thánh nhân muốn người đến tánh mạng vậy. Viên cực là Thánh nhân muốn người rốt ráo tánh mạng đó, nhóm hội ở trời đất muôn vật xưa nay biến hóa không gì chẳng diệu ở tánh mạng vậy. Vậy nên đó khiến người thấy Đạo thật tận tường gốc hóa, biết rõ ngoài vật đó làm vọng, dừng tâm thần đó nhọc mệt, mà nhà Phật nói đó rất ứng nghiệm vậy. Họ làm Đạo đã rộng mà họ nói cũng tản mạn, nên người học ở đời càng tùy cũng nói lan tràn đó mà chẳng tham tầm cốt yếu đó. Than ôi! Người học Đạo chẳng xét vậy.

Xưa trước ở thời tiền Đường, Dương Tư Đồ Quan mệnh danh là Hiền tướng, thường vì đó mà trước thuật truyện Tiên sinh Vương Khai để suy rộng ở thiên hạ, bởi biết bao gồm cốt yếu của Đạo đó mà ấy vậy. Nay Các Hạ là khí cụ đạo đức của Phụ tướng, quá hơn xa so với Dương Công vậy. Nếu chẳng vì Phật giáo chủ trương không, mà lấy đó chút ít là may mắn của thiên hạ vậy. Nhưng Đạo đó lại có thể khiến người dứt ác mà làm thiện. Nay thiên hạ hợp nhiên cùng Nho đều khuyên, đó chẳng chỉ bên trong có ích đối với Đạo đức của Thánh Hiền, mà cũng dẫn bên ngoài có hỗ trợ đối với giáo hóa của nước nhà, và cũng lại thích nghi với tâm ý của Các Hạ vậy. Vừa lúc hiện nay, giáo đó rất suy, đồ chúng đó chẳng phân chọn dèm pha mà hủy báng đó rối ren, tôi trộm sợ đạo đó tự phải mà nhỏ bé dần dứt mất vậy. Đèn đuốc không tiếp nối, đèn ấy ánh sáng ấy cũng bèn diệt vậy. Khe suối sông ngoài không dẫn thông, nguồn đó dòng đó cũng bèn tuyệt vậy. Giáo đạo của Thánh nhân cũng như vậy, chẳng hỗ trợ cứu thì bèn mất vậy. Nên tôi trộm thường biên thuật sách hiệu là "Phụ giáo" để phát sáng phù trì Đạo đó, gồm cả thảy hơn ba vạn từ. Mới đầu muốn tấu dâng sách đó lên Thiên Tử, mà thành thật nhỏ nhiệm không thể thượng đạt; lại muốn dâng đến Các Hạ lại chẳng khắc thông đó. Thế rồi mới nhân người có từng trải đến kinh đô cũng có ý muốn truyền trao đến Các Hạ xem nghe. Lại đã hơn cả trăm trời cứ nổi chìm chẳng quyết định, nỗi lo lắng trong tâm như đang ở trong nước lửa, chợt muốn đó giúp đỡ để thành tựu chí của bình sanh đó, mới chẳng trốn lánh sự trách phạt mà phạm tủi nhục, liền đem sách đó đến, như mảy trần vấy bẫn Đại thừa tướng tôn nghiêm. Muôn một phần mong Các Hạ xót thương khổ nhọc chuyên cần làm giáo và Đạo đó, tôi chẳng dám như những hạng người thường khác vụn vặt cẩu thả chỉ biết vinh thân và danh của họ mà thôi. Kính cẩn đem "Sách phụ giáo" một bộ ba sách do tôi biên thuật, và lại đem "Luận Hoàng Cực"

biên thành một bản. Nhưng luận đó là lúc thiếu thời nhân lúc hành đạo được rảnh rỗi mà biên thuật, tuy văn từ cạn cợt gần tục mà có phần phát sáng pháp của Thánh Hiền trị thế. Ngưỡng nhờ chủ bộ quan ải đưa đến dưới người chấp sự, chẳng dám trông mong đại từ, lo sợ vượt quá thấu đáo chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch!

THƯ DÂNG TRƯƠNG ĐOAN MINH

Ngày...tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn soạn thư gởi dâng đến Tỉnh chủ Đoan Minh thị lang Các Hạ. Tôi kẻ hẹp hòi không tích trọng, may Các Hạ thương nghĩ đó đến nay đã lâu vậy. Ngày trước tôi từng làm tệ văn, nhân được Thị lang Lang công vấy mảy trần thấy nghe, mà tủi nhục được ngợi khen là: “Chẳng chỉ thông rành Không tông, mà cũng văn cách cao vợi!” Tôi hổ thẹn được ban ân lớn đó, cảm đó nhớ đó mãi suốt tám năm nay vậy. Tôi tự cho rằng, nương gá nơi núi sâu cùng cốc, tuy muốn một lần tiếp kiến oai nghi của Đại Quân tử, hẳn không thể được vậy. Nhưng mỗi lúc muốn làm một việc thiện, suy một lời thiện, để báo đáp ân lớn của Các Hạ giúp đỡ, để mở lớn thắng duyên khắp cùng dấy thiện của Các Hạ, nên thường còn đó ở tâm. Gần đây, tôi trộm biên thuật “Quảng Nguyên Giáo”, tiếp đến là ba pho với tựa đề là “Sách phụ giáo”. Có người xứ Ngô làm bảng mẫu in ấn muốn lưu truyền đó, dám đem nhờ Các Hạ làm chấp sự để hoàn tất chí ý đau đáu đó. Nhưng sách đó đại để là vì các hàng thế Nho không biết Phật là Đại Thánh nhân, Đạo đó rộng cứu tế khắp sanh linh trong thiên hạ, Pháp đó ngầm giúp giáo hóa nước nhà, nên đặc biệt dụ hiểu người nghi ngờ đó, cởi mở người dèm pha đó, mà sở dĩ làm vậy. Nhưng Phật tôi từng đem pháp đó giao phó cho các Quốc Vương Đại thần, mà Vua Thánh, tôi Hiền là chỗ buộc lợi ích của giáo tôi vậy. Nay muốn cứu sự suy vi của Pháp đó, hỗ trợ sự không chấn động của giáo đó, mới đem thuyết đó cầu đến nơi Các Hạ, lại thích nghi đó vậy. Cúi mong, chỉ Các Hạ dùng tài cao học rộng đứng đầu các Hiền, dùng đức trọng danh tiếng dẫn trước quần thần, hòa nhã nhưng gánh vác trông mong của Đài Phụ trong thiên hạ, mà càng có biết sâu hiểu xa chẳng hạn cục ở thế giáo, siêu nhân; mà đặc biệt còn lưu ý tới Diệu lý của Phật giáo, tham tầm chân áo Thánh mạng của Thánh nhân, đó lại thích nghi với nhà Phật, là vì Đạo đó mà cậy nhờ vậy. Các Hạ là người nhân từ minh mẫn, thiết nghĩ, tôi vì lo toan Đạo đó mà chẳng lo toan thân, vì Pháp chẳng vì danh, khoan thứ trách phạt tiếm vượt đó. Vì sách đó xứng với Thánh Hiền truyền đến

Quân tử, được thiên hạ không cản trở tâm làm thiện đó, nước nhà chẳng mất hỗ trợ giáo hóa đó, thì chẳng chỉ may mắn cho ngay tôi, mà cũng là Pháp của Phật, tôi được chỗ hoằng truyền đó, "Sách Phụ giáo" một bộ ba sách. Kính cẩn nhờ Thôi Thái Bác, liền thông trình đến mọi người. Dám can phạm đài từ, chẳng quản lo sợ đến quá lắm mà chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch!

THƯ DÂNG ĐIỀN XU MẬT.

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn soạn thư gởi dâng đến Xu Mật Thị lang Các Hạ. Tôi, người u tối ngoài đời, mới dám đem thư đó mà liền cầu Hiền Thánh ở Triều đình, đâu thích nghi vậy ư? Nhưng lo sự sắp hủy diệt của Đạo đó, hẳn phải hộ trì Bản giáo đó, cũng sao được đắm chìm chỗ giữ đó mà không biết biến đó ư? Phàm, Thánh Hiền, ở Triều đình là sở thuộc gom ích của Đạo tôi vậy. Nếu chẳng đến mà tỏ bày đó, thì pháp của Thánh nhân tôi gần như phế hủy mà diệt mất vậy. Đó cũng là ý như trong Kinh nói, Phật pháp giao phó cho các Quốc Vương Đại Thần vậy. May mắn Các Hạ là người nhân từ minh mẫn, xót thương lo ở Đạo Pháp đó, chẳng vì thân danh, khoan thứ trách phạt tiếm mạo đó, mà lấy chút ít thuyết đó, chẳng chỉ may mắn của người này, mà cũng sáng rỡ giáo Đạo đó vậy. Và không chỉ sáng rỡ của Đạo giáo ấy, mà ước cũng là may mắn lớn của sanh linh trong thiên hạ vậy. Tôi thường vì văn của Văn nhân ngày nay bài bác Phật quá lắm, đó cũng bởi các Quân tử ở đời chẳng nhìn Lý sâu, chẳng nghiên cứu Thể xa, chẳng xét nghiệm thiện đó lợi ích rộng lớn trong thiên hạ. Nhọc vì mắt tiếp xúc việc cạn gần đó cùng với Nho gia chẳng đồng, mới liền chẳng phải đó. Phàm, giáo của nhà Phật truyền bá đến các xứ Hoa đã cả ngàn năm, khắp cùng thiên hạ mà hóa độ đó vậy. Đó cũng là thạnh vậy. Đó hẳn có công sâu tối lớn đức ngầm, hợp với trời đất, thông cả Thần minh, lợi ích giáo hóa, khéo tốt lành phong tục ấy vậy. Nếu không thế thì trời nhàm người ghét từ lâu rồi vậy. Vì lo sợ người bàn luận không thôi, hàng hậu sanh chẳng tỏ ngộ càng học mà làm đó, chẳng chỉ tệ với Đại Đạo của Thánh nhân, mà cũng là cản trở tâm làm thiện trong thiên hạ, tổn mất hỗ trợ giáo hóa của nước nhà, nên tôi chăm chăm gắng sức ngu tối đó, liền biên thuật sách khai phát làm sáng nguyên do Phật tôi làm giáo đó, ngõ hầu dụ khuyên các hàng Hiền nhân Quân tử ở đời, mà tự thấy thối lùi vậy, Vì sức chưa đủ nên lời nói đó chưa ai tin, nếu chẳng nhờ Thánh Hiền của Triều đình, có thế lực cao sáng, có thức độ tận ngằn mé chân

trời, suốt đạt lý sâu, thể xa của Thánh nhân thì sách đó sao được truyền vậy? Vừa rồi, tôi gặp được người xứ Ngô đem sách của tôi trước thuật đề là "Sách Phụ giáo" làm bảng in mới xong, dám chẳng ngại xa ngàn dặm, tôi ngóng trông phong mà đưa đến nơi cửa Các Hạ. Cúi nghĩ, chỉ Các Hạ dùng tài cao học rộng vượt lên khoa lớn, dùng Đức lành, tiếng tăm vinh hạnh ở nơi Hữu mật, hòa nhã tự nhiên gánh vác mong ngóng của Tể Phụ trong thiên hạ, lại càng có biết sâu hiểu xa, thấu đạt chân áo tánh mạng của Thánh nhân. Đó mới thích nghi với nhà Phật, là vì Pháp đó mà cậy nhờ đó vậy. Nếu không vì văn ngọn không đầy đặn làm tủi nhục ân ban lớn, mà lấy đó truyền trải đến Hiền nhân Quân tử ở Triều đình, thì tôi thật may mắn với ngàn muôn sống chết vậy. Đó cũng là được chỗ gởi gắm của Phật tôi đem giáo Pháp giao phó vậy. Sách tôi dâng hiến gồm mười bộ ba mươi có đề tựa sách ở ngoài bìa. Kính cẩn nhân Thôi Thái Bác đem thông đến người chấp sự dưới, vết trần vấy bẩn Đài nghiêm, chẳng nhậm lo sợ đến cùng, chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch.

THƯ DÂNG TĂNG THAM CHÍNH

Ngày...tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn soạn thư gởi dâng đến Tham chính chấp sự Các Hạ. Tôi nghe, Phật giáo từng liên hệ đến chánh trị mà tương quan đến giáo hóa ấy vậy. Nếu có người nào muốn chánh sự tổn ích của Pháp đó, cứu sự suy tổn của giáo đó, mà chẳng cầu đến Tể giáo hóa Ty chánh trị, thì người đó tuy dốc hết tâm chí thành cấp cấp ở chốn hoang hóa đến già lại chết, hẳn không thể được toại chí ý ấy vậy. Nay, Tể giáo hóa, Ty chánh trị trong thiên hạ chỉ có các Thiên tử Tể tướng cùng Các Hạ tham dự Đại chính vua Thánh tôi Hiền ấy vậy. Nên tôi chẳng ngại xa ngàn dặm đem sách đó nhân người mà cầu đến Các Hạ, bởi cũng có ý đối với giáo đạo vậy. Cúi nghĩ, chỉ Các Hạ dùng đại công làm tâm, dùng các thiện làm trị, chẳng chợt nhiên với người hẹp tối đó, chẳng phế bỏ lời hoang đường đó, mà duỗi chút ít lắng nghe, chẳng chỉ may mắn của ngay người này, ước cũng đối với Đạo của Thánh phương Tây cũng tăng thêm phần tỏa sáng ấy vậy. Tôi thường cho rằng, Phật giáo đó làm thiện ở đời, hẳn rộng lớn đó thảy đều đầy khắp. Chỗ gọi là ban thí đó đến người thiện mà càng thiện, ban thí đó đến kẻ bất thiện mà cũng làm thiện. Nay chỗ khuyên của giáo tôi chẳng kịp, chỗ cấm của Hình pháp chẳng được, ngầm tính tâm khinh thường. Tuy ngu như hàng thất phu thất phụ nghe chỗ tôi nói là làm thiện có phước làm ác

có tội, ít ai chẳng giảm ác đổi thiện vậy. Nếu đến nhà đến phòng mà cứ xét, thì sợ mười nhà có đến tám chín, mà thiên hạ nếu như vậy, đời sau càng mỏng dạt mà loạn đó bèn ít. Ai biết chẳng phải nhân Phật giáo ngầm hỗ trợ mà ấy vậy. Nên Đường Thư nói: "Tuy nói là giáo của phương khác, mà không tổn nguồn làm Lý". Như ở trên chỗ gọi là tương quan ở giáo hóa, là nghĩa đây vậy. Phàm, dùng Đạo đó an Thiên tánh, mà biết nguyên do đi lại của Thần minh; tu thân trị tâm để thông đến chí Đức chí Đạo của Thánh nhân, xưa nay như thế có lắm nhiều vậy. Nay các người bàn luận dùng văn để bài bác Phật cho rằng không ích lợi đối với trị thế, đó cũng là các Quân tử ở trong đời không biết lý sâu, chẳng thấu đạt thể xa, chẳng thấy nguyên do của Phật giáo ấy vậy. Kẻ ngu tôi lấy đó làm lo ngại, sợ người bàn luận chẳng thôi, các hàng sanh sau học cuối tập tành mà làm theo đó, thì chẳng chỉ khuyết mất hỗ trợ giáo hóa của nước nhà, mà cũng tổn hại giúp đỡ của Âm đức đó vậy. Ở trong núi, tôi thường trộm biên thuật sách, suy sáng yếu chỉ của Phật giáo, dùng để dẫn dụ khuyên người học. Nhưng tôi tự nghĩ, riêng nơi sâu tối, không có thế lực, trọn chẳng thể toại việc truyền trao sách đó đến với thiên hạ vậy. Nếu chẳng có người cao sáng đặc đạt Đại nhã thanh thắng Quân tử, thì không thể thành chí nghiệp đó. Nên liền muốn mong Các hạ đồng vì Đạo đó xưng tán đến Thánh Hiền, ban trải đến Quân tử, lại nghĩ nhớ Phật giáo ở nơi thiên hạ. Nếu buông giữ pháp đó, thì càng thêm tổn đồ chúng đó, một khi đã xẩy ra, đến nơi Triều đình xử đặt, như trên chỗ nói liên hệ nơi chính trị, nghĩa đó ở đây vậy. Nay vì chánh thuyết tổn ích đó mà cầu đến cửa của Các Hạ, cũng thích nghi đó vậy. Các Hạ là người tài cao đức trọng, thiên hạ đều chiêm ngưỡng; khoan nhân đại minh, Triều đình đều nể phục, nếu vì lo Đạo đó chẳng lo thân, vì Pháp chẳng vì danh, thương xót chí đó, thâu nhận sách đó, suy mà trang trải đó, khiến thiên hạ biết sở dĩ làm giáo của Phật. Quân tử giúp đó để mở rộng thiện đó, tiểu nhân nhờ đó mà chừa đổi bất thiện đó, chẳng chỉ là may mắn của tôi, mà cũng là may mắn lắm của sinh linh trong thiên hạ vậy. Sách đó đề là "Sách Phụ giáo" gồm mỗi bộ ba sách có đề tên ở ngoài, kính cẩn nhân Thôi Thái Bác đem truyền thông đến người chấp sự dưới, mảy trần vấy bẫn Đài từ, chẳng nhậm lo sợ quá lắm, chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi tấu bạch!

THƯ DÂNG TRIỆU NỘI HÀN

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn soạn thư gởi dâng đến Bách ty Nội

Hàn Các Hạ. Tôi thường nghe, Phật tôi xưa đem Pháp đó giao phó cho các vị Quốc Vương Đại Thần, thật ý đó là muốn nhờ thế của Vua tôi và Đại thần để chánh tổn ích đó vậy. Nên Vua Thánh, tôi Hiền là chỗ mà Đạo tôi muôn đời cậy nhờ đó vậy. Đồ chúng ở đời sau như toan lo Pháp đó, cứu suy tệ đó, mà muốn có chỗ gọi là làm thì không thể không nhờ Thánh Hiền của Triều đình đó vậy. Như tôi chẳng ngại xa ngàn dặm mang sách đó mà đến cầu nơi cửa của Các Hạ, hẳn cũng vì làm Pháp đó mà như vậy. Cúi nghĩ, chỉ Các Hạ làm đức có lường xa, lập triều có tiết lớn, dùng văn chương làm Tông của từ thần, địa vị gần Quan, hiển bày thường ngày tiếp sủng quan của Thiên tử. Lại đặc biệt chú ý đến Phật lý, dốc sức tham tầm áo diệu tánh mạng của Thánh nhân, điều đó càng thích nghi với nhà Phật là dùng Đạo đó mà theo đó ấy vậy. Tôi thường vì các Nho Sĩ ngày nay trong thiên hạ không biết Phật là Đại Thánh nhân, đạo đức đó rất lợi ích đối với sanh linh trong thiên hạ, giáo pháp đó rất hỗ trợ giáo hóa của nước nhà. Nay trong thiên hạ tự nhiên đua tranh làm sách mà dèm pha đó, nên tôi thường trộm lo dèm pha đó chẳng chỉ cản trở người làm thiện, mà lại tự tổn âm đức đó. Tôi liền biên thuật sách đề là "Sách Phụ giáo", để khai phát làm sáng tỏ Phật Đạo, muốn dùng để khuyên dụ các hàng Quân tử ở nơi đời. Nhưng tự nghĩ, mình nép sâu xa bỏ, sức lực chẳng thể toại sự chấn động đó, nhọc trọn đêm than thở, mới mạo phạm trách phạt tiếm đổi, dám đem sách đó ngưỡng nhờ Các Hạ cao minh lan truyền đến các Thánh Hiền Quân tử. Nếu khiếm được những kẻ bài bác đó trong muôn một xoay tâm biết Phật, biết sở dĩ của giáo Pháp đó, rộng làm thiện đó, mà chẳng tổn âm đức, thì đó cũng là một Đạo của bậc Nhân Hiền dụng tâm vậy. Làm thắng duyên đó đáng phải đời đời kính phụng Các Hạ, đồng như trời đất thần minh thật nghe lời đó. Thản như Các Hạ chẳng thốt nhiên duỗi ban chút ý tôn quý, thì muôn vàn may mắn lắm của tôi vậy. "Sách Phụ giáo" đó khắc bảng in một Bộ ba quyển và Thư, nhờ Thôi Thái Bác nhận đưa đến người chấp sự dưới. Can phạm vấy bẩn Đài từ, chẳng nhậm lo sợ quá lắm. Chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch!

THƯ DÂNG LÃ NỘI HÀN.

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn soạn thư gởi dâng đến Nội Hàn Lã Công Các Hạ. Tôi từng làm luận kém cỏi, may nhờ Các Hạ khéo giúp đó. Về sau tuy muốn lợi ích dâng gởi thuyết đó để thủy chung Các Hạ nghe xem ban giúp đức nghĩa. Thiết nghĩ, tôi bỏ núp ở chốn núi rừng

chẳng thể toại đó, nay nghe Chiếu ban trở về, càng dùng bút tay lớn phát huy chế mạng của Thiên Tử. Đây không thể chẳng cố gắng, đã vì cầu đạt chí đó vậy, may Các Hạ chẳng chợt nhiên kim hẹp đó mà thiếu lưu ý vậy. Tôi nghe người khéo giỏi Lý đó thì thiên hạ gọi là chí công. Nay trong thiên hạ chỗ gọi là giáo của Thánh nhân là Chí (rốt ráo) vậy. Tuy sanh đó chẳng thuộc loại nào, mà khảo xét lý đó đều muốn người hướng thiện, thì lý do đó chưa từng khác vậy. Nhưng như ngày tháng năm, số đó tuy gần xa sai khác mà công của thành năm đó chỉ một vậy. Nên ở thời trẻ mạnh, tôi đều đọc sách đó tìm cầu ý đó, được ý đó thì thường đem nói với người là: "Đó đều đáng theo, mà không thể chống cự vậy". Đã nói với người, lại mắc hoạn đó chẳng rộng lớn, mới đem đó làm sách, muốn rộng khuyên đó. Sách biên thuật đó tuy tích chứa có hơn mười vạn ngôn từ, mà danh tiếng nhỏ bé, thân phận ẩn tối chẳng thể truyền đó, tôi muốn nhờ đến Thánh Hiền để cùng khua động đó, mà mãi đến cuối cùng cũng không chỗ gặp. Đến lúc già tệ ở nơi núi hang, các Đệ tử sợ sách đó cùng với Thầy họ đều ẩn mất, nên có cầu xin để khắc bảng gỗ in, khắc xong lại xin gởi đến các Sĩ Đại Phu. Mới đầu, vì tránh sự chê trách là hiếu danh, mà chẳng theo cầu xin đó. Tôi tự bảo đó rằng: "Từ xưa các bậc chí nhân đều vì cứu độ giáo pháp đó mà chuốc lấy dèm pha chất thân. Người vì đạo xa lớn sao lại giúp hàng lưu tục dèm pha vậy ư?" Mới bỗng nhiên đưa hết sách đó đến các Tiên sanh Tấn thân. Tuy chưa từng biết lập là để ban trải đến các người đó, huống gì khiến nhục Các Hạ một lời coi xét, mà Các Hạ là người biết cao lường xa, vốn lấy thiện của thiên hạ mà làm ý của mình, mà dám chẳng trình bày đó ư? Kính cẩn đem sách đó một bộ ba sách được gọi là "Sách Phụ giáo", ngoài bì có đề nhờ vị Tăng đưa đến người chấp sự dưới. Thản như nhọc nhục Các Hạ dụ hiểu đó ở người, thì thắng duyên công ngầm, đức ẩn đó đáng kính phụng Đại Quân tử đồng đó, Thần minh trị đó thật nghe lời này. Mảy trần vấy bẩn cao sáng, đâu giằng nỗi lo sợ quá lắm chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch!

THƯ DÂNG ÂU DƯƠNG THỊ LANG.

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn cúi bái dâng thư đến Tham chính Thị lang Các Hạ. Tôi nghe ngày xưa có Lý ưng lấy Danh Nho làm chỗ buộc phong giáo thiên hạ, nhưng ước mong đó đã quá cao. Các kẻ sĩ trong thiên hạ không thể được mà liền tương giao, mới đề ở cửa là "Long môn". Nay các bậc sĩ trong thiên hạ chỉ cửa của Các Hạ như

Long môn vậy, mà cửa của Các Hạ khó lên, là quá hơn so với Lý ưng vậy. Các Hạ là người văn chương tuyệt xuất, tham tầm kinh thuật, biện rành trị loạn, bình giải người vậy, phải phải quấy quấy hẳn công hẳn xác đáng. Mà các kẻ sĩ trong thiên hạ muốn đến nơi cửa của Các Hạ chẳng có đức đó thì sao dám cúi ngưỡng trước Các Hạ! Không chỉ chẳng dám việc cúi ngưỡng đó mà cũng sợ họ trông nhìn phong mà cứng lưỡi không giám giẫm bước đến ngạch cửa của Các Hạ có lắm nhiều vậy. Như tôi là người quê kệch ở chốn núi rừng, không danh trạng, nay đem sách đó tấu dâng đến Thiên Tử, nhân mà được mây dưới phong, Các Hạ chẳng liền bài xích bỏ đi, mà dẫn đó cùng nói ấm áp, mới vì đọc sách đó làm văn mà thấy hỏi. Đó là đặc biệt Đại Quân tử cùng người làm thiện, dẫn dụ đó muốn họ thấu đáo vậy. Tôi phóng lãng ngoài đời, chuyên vì ngu tự toàn vẹn, chỗ gọi là Văn chương kinh thuật, biện rành trị loạn, bình xét người vật, hẳn chẳng phải chỗ tôi có khả năng vậy. Vừa rồi mới được giẫm đạp đến của Các Hạ, tủi nhục Các Hạ nhã hỏi, trông nhìn lại bình sanh mà hổ thẹn biết lấy gì để xứng với sự tiếp đãi của Các Hạ ư? Nhưng tôi tự ở chốn núi rừng lại, liền muốn đem thuyết của núi rừng, lại cùng đem sách Tánh mạng đó, dâng đưa thuyết núi rừng đó là có sách mới biên soạn "Võ lâm sơn chí" một quyển, Sách Tánh mạng đó có "Sách Phụ giáo" in một bộ ba sách. Kính cẩn theo lễ dâng hiến, mảy trần vấy bẩn cao sáng, tội không chỗ trốn lánh, rất mực lo sợ, chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch.

THƯ DÂNG TĂNG TƯỚNG CÔNG.

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn dâng thư đến Tập Hiền Tướng Công Các Hạ. Tôi tuy chẳng thông mẫn, bình sanh tạm lấy việc Hộ pháp khuyên thiện làm trách nhiệm của chính mình. Mỗi lúc mong cầu đến các Tiên sinh tấn thân biết viên có thông chí lý của thiên hạ đồng dùng duy trì. Nên từng dùng "Sách Phụ giáo", nhờ Đại thần Thôi Thái Bác hiến cống đến người chấp sự dưới. Thật do nhờ Các Hạ là người biết cao thấy xa, biết Phật rộng lớn đủ đầy làm Thánh nhân từ thời xưa trước vậy, muốn mong Các Hạ suy mà khuyên đó, còn không biết sách đó quả nhiên từng được Các Hạ xem nghe vậy. Mà tôi nay theo hướng Tây đi đến, hẳn muốn đem sách Thiền Tổ Đồ nguyện dâng đến Thiên Tử. Ngày đến kinh đô, thật muốn vâng phụng sự chỉ bảo của Các Hạ đi ở thế nào cho thích nghi, mà chậm trễ không thể đến được. Vài ngày trước, may được xin ở người lính gác cửa gặp khách, nhưng môn đồ lưu

giữ, lọc lừa y nhiên mà trở về. Nhưng Các Hạ đối với việc thiên hạ hẳn lớn vậy, sợ chẳng rãnh để tận tường ý tôi vì sao trở lại núi rừng, liền gởi lại thư này, mong Các Hạ rũ lòng trông xét. Nhưng sở dĩ tôi trở về là vì Tổ tông của Phật giáo tôi đang bị lu mờ, chẳng được tỏ sáng, nên mới soạn sách "Truyền Pháp Chánh Tông Ký" gồm hơn mười vạn ngôn từ, cùng với sách "Định Tổ Đồ", một mặt muốn nhờ Thánh minh rũ lòng xét đưa vào Đại tạng, truyền đó để tránh. Phàm các Phật tử Tam học trong giáo tôi, khiến họ muốn đời biết đó có chỗ bao gồm vậy. Cũng là chí nguyện như trên vậy. Chẳng những người học khác tự vì thân, vì danh mà tính toán kiêu hãnh, muốn cẩu thả có chỗ mong cầu vậy. Các Hạ thản vì thành thật đó chẳng sai lầm giáo mà thành đó, chẳng chỉ tự may mắn mà thôi, mà đó cũng là may mắn của giáo môn trong thiên hạ vậy. Mạo muội can phạm Đài sáng mà tội không thể trốn tránh, chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch!

KHẢI VĂN CẢM TẠ LÝ THÁI ÚY

Ngày... tháng...

Ngày hai mươi mốt tháng sáu vừa qua, Sa-môn Khế Tung tôi cúi mong riêng nhờ chỗ bạn tặng Pháp y sắc tía, một bức điệp và một phong thư. Ngày đến Hàn Châu, Tri phủ Đường Công vời gọi ra núi, tận mặt ban trao kiện sắc điệp và thư đó. Đó cũng do Thái úy làm công danh trong đó, tiến cử luận mà khiến có ân ban như vậy. Ngày đó, tôi tự cho mình đạo đức mỏng manh rỗng trống không xứng đáng ân ban lớn của Thiên Tử, vài ba phen chối nhường, tuy ngôn từ ý tứ khẩn thiết, mà Đường Công trọn chẳng dung giữ chí sắc son đó. Qua ngày hôm sau, Đại chúng ở chùa Linh Ẩn bảo đắp mặc phục chương đó. Tuy vâng phụng sáng rỡ lớn đó mà sâu tối hẹp hòi không nghĩa là nhục với mỹ mạng của nước nhà, nhục với Các Hạ ngợi khu tiến cử, mà thật là cảm mà sợ vậy.

Cúi nghĩ, Thái uý là người tài thức khí vận, là anh hào của đương thời, cao hoa của cửa nhà, rất thân thích với Đế gia, còn cúi nhặt chút thiện nhỏ nhoi của lão già miền quê u tối, suy mà ngợi khen đó, khiến dự ân đượm của người chủ. Đó chẳng chỉ vui nói thiện của người, ước lại trung với nước nhà thiên hạ vậy. May mắn lắm! May mắn lắm!

Như thư của Các Hạ gởi lại nói: "Đọc sách "Phụ giáo" đó, biết đó cùng còn thành thật có thể để phục người ấy vậy". Lấy đó mà nói, thì Các Hạ cũng còn có Tâm nghĩ nhớ chỗ còn đó. Như đó có thể dùng để phục người, đâu dám xứng đáng đó, nhưng chỗ tiết tháo chí ý đó chẳng

phải muốn cẩu thả ở vinh danh vì thân mà thôi vậy. Xin càng vì Các Hạ mà nói đó: "Tôi mới đầu vì Bản giáo tích chứa dần suy, đồ chúng đó hiếm ít người hay giũa mài tinh tường. Quân tử không tin, Tiểu nhân chẳng kính, nên tôi lo lắng Đạo của Thánh nhân mờ tối, mà thiên hạ mất gốc làm thiện đó, vì thế mà quyết chí phù trì đó vậy. Sách đó lúc đầu mới thành, thành thật trông mong thượng đạt, nhờ thạnh đức của các Quân tử Quần Hiền của Triều đình, họ khuyên dễ hành, họ truyền dễ rộng. Chỉ tâm nguyện cứu đạo đó, nên như đứng ngồi trong nước lửa, mong muốn người giúp đỡ đó, chẳng đoái hoài chỗ lưu trụ gọi là nói khoát mà tự khoe đó vậy. Nay đối với Đạo chưa có chỗ bổ ích khuyên thiện không công hiệu, mà liền tủi nhục với ân huệ lớn, cũng thích nghi làm Tâm nào ư? Mạnh Tử nói: "Tuy có cày bừa chẳng như chờ đợi thời". Nay quả thật là thời của Thánh Hiền, may Các Hạ lưu ý vậy. Nếu Đạo tôi càng khuyên, Quân tử càng tin, tiểu nhân cùng kính, nhờ thắng duyên đó để báo ân ban tặng của Thánh Quân, nhận biết của Các Hạ, đó cũng là thấu đáo vậy. Trong Thiền tôi chẳng dám chuyên dùng văn tự để tự mừng vui, mà chỉ nhờ đó để truyền Đạo đó vậy. Đó lại may nhờ Các Hạ xét đó. Kính cẩn nhờ Lục Viên ngoại đến chuyển dâng tấu Khải văn cảm tạ, chẳng nhậm cảm ân, lo sợ quá lắm! Cúi nghĩ, chỉ Đài từ duỗi ban xét nghĩ, chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tâu Khải Văn.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 10

THƯ - KHẢI - TRẠNG

THƯ GỬI QUAN NGẠN TRƯỜNG BÍ THƯ

Ngày... Tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn dâng gởi thư đến Ngạn Trường Bí hiệu. Trước tủi nhục với Ngạn Trường quan hầu, có được thuyết Phụ giáo của Tiền Tử tôi, mừng cùng đã hợp, để lại thư luận đạo của Đại Công có hơn trăm từ, mới cùng ngợi khen quá nhiều, mà Tiền Tử tôi nhân Ngạn Trường từ phương Tây đến mới gởi thư Thừa tướng, để nói về thạnh suy của đạo, chỉ sợ thư nói chẳng hết ý đó, nên lại xếp đặt Ngạn Trường thấy gặp Thừa tướng càng vì nói đó. Phàm, Đạo của Đại Công là Chí Đạo của Thánh nhân ấy vậy. Đạo của Đại Công hành thì chẳng vì thiên hạ cẩu thả thân sơ, chẳng vì trung hiếu mong cầu thế lợi. Bởi bề tôi hợp trung, con hợp hiếu, với người đáng thân thì thân đó, với người đáng sơ thì sơ đó. Đó đều là thường đạo của Nghiêu Thuấn ấy vậy. Nhưng Đạo của Đại Công gốc nó ở tại thành (thành thật) và minh (sáng tỏ) vậy. Thánh nhân cói thành, do đó cùng trời đất thông, Thánh nhân phát minh, do đó cùng Hoàng Cực hợp. Như Trung Dung nói: “Mừng giận buồn vui chưa phát thì gọi đó là Trung, phát mà đều trung tiết thì đều gọi đó là Hòa”. Trung ấy là Đại bản của thiên hạ, Hòa ấy là Đạt đạo của thiên hạ. Nghiêu Thuấn sở dĩ thấu đạt Đạo ấy là bởi hay Thành và Minh mà gìn giữ gốc đó vậy. Phàm, Đạo của Thành và Minh mà Thánh nhân còn khó đó. Nên Khổng Tử nói: “Hành của Đại Đạo. Khâu tôi chưa kịp đó, mà có chí vậy”. Đời sau, đối với người Trung hiếu dùng khuyên mến mộ thấu đáo thì dùng Trung hiếu gìn giữ đó, gấp kíp đó. Mà người thế lợi Trung hiếu tranh giành làm rối ren lan tràn tương giao khắp thiên hạ vậy. Người thành thật Trung, thành thật Hiếu thì chẳng cẩu thả chẳng bè đảng, làm sao cùng đó hỗn tạp một đời. Lại đâu có thể tự rõ ràng. Người gìn giữ, người gấp kíp kia cũng tự cho là

làm tâm của người mà cùng mình đồng loại, chẳng lại tín có thành thật đó vậy. Nên Đạo của Thành và Minh thênh thang chẳng thể lại thấy vậy. Gốc đạo của Đại Công cũng lại chẳng biết đó vậy, huống gì lại có thể giữ và duy trì đó ấy vậy! Ngạn Trường đáng là riêng có khả năng nghị lực suy Thành và Minh mà duy trì luận đạo của Đại Công. Đâu phải bẩm tánh tự được cao xa đó, chẳng tập tành đó, nung đúc đó mà vậy ư? Mới đầu, sách của Tiềm tử tôi lưu xuất, mà các học trò tiên sinh tấn thân lần lượt ngợi khen văn đó hay khéo. Tôi đại khái có đọc sách của Bách gia vậy. Riêng mình Ngạn Trường cho rằng, tôi còn để tâm ở Đại Công, sách đó chuyên cần lại thấu đáo vậy. Chẳng dốc thuần ham chuộng đạo đó cùng biết đến sâu thì sao có thể được vậy ư? Vừa nay các bậc Đại Thánh Đại Hiền cùng tụ hội tại Triều đình, vừa dùng Đạo của chí công mà trị vì thiên hạ. Thích nghi Ngạn Trường khua động bản nguyên đó, gắng sức dùng Đạo của Thành và Minh mà giá thuyết, nhờ sở dĩ làm giáo hóa đó, thì công đức thắng nghiệp hiệu nghiệm rõ ràng lại càng lớn vậy. Gắng đó thay! Gắng đó thay! Chẳng tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch!

THƯ ĐÁP NHƯ BÍ HIỆU

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn gởi thư cùng Bí Hiệu Như Quân túc hạ. Gần đây, tôi tủi nhục xem đọc thư tay, ngợi khen quá lắm, thỏa thê vì chưa cùng biết làm hận. Tôi là người gì ư! Đáng với ân huệ lớn đó chăng? May lắm, may lắm! Tôi là người vốn hẹp hòi bình thường, tự lường không vì an đặt tâm. Nhân cầu thuyết của Thánh nhân lấy đó làm thiện, đã trị được đạo của tôi, lại tham tầm Nho thuật. Cả hai đều có chỗ được thì trộm dùng văn từ để khai phát đó. Mà đương thời các Hiền hào chẳng dùng đó, tiếm trộm văn vẻ ngông cuồng cùng chống cự, còn lấy làm có thể nói dẫn đó cùng giao du. Tuy nhiên tiếp họ giao du ràng buộc đến như là bạn thân, mà chưa từng tỏa sáng để bày hết tâm đó. Bởi vì bạn đảng người đời đối với giáo hiếm ít không chẳng hợp. Tuy muốn nói đó mà tự nhìn lại, nói đó đâu có thể đều tin ở đời, nên thường than thở áy náy, rất chẳng tự được. Đến lúc đọc thấy lời Tựa của Bí Hiệu tiễn đưa Oánh thương nhân, cũng nói rằng Phật giáo dạy người làm thiện có ích ở đời, chẳng theo bọn loạn ở đời để cùng chê trách. Đó nếu chẳng phải thông đạt biết xa, trông thấy thâm tâm của Thánh nhân, thì sao có thể luận bàn thấu đáo như vậy ư? Chẳng đợi cùng biết, hẳn tin Bí Hiệu thức độ cao vời vượt xa ngoài đồng bạn của đương thời.

Mà thích nghi cho tôi dốc lòng tận tâm để cùng nói đó. Huống lại là thư tủi nhục, chỉ có Đạo cùng Văn Khuất Tiết là cùng mến mộ, tuy to lớn có đạo đức như các Cao tăng xưa trước, cũng rất thích nghi đến với thuyết đó để mở rộng chí của Bí thư, huống gì tôi khư khư đang đây, sao có thể im lặng tự giấu kín ư? Phàm, Phật Đạo đại chí, suy mà hành đó, không gì chẳng thể, vì cùng lý tận tánh đó thì có thể khiến người nhập thần vượt ngoài sanh tử biến hóa. Tuy Đạo của Tam Hoàng ngũ đế, chưa từng kịp đó. Đó thật chưa phải chỗ của hàng kinh doanh thế gian có thể phỏng bàn. Dùng đó để trị thế dẫn dắt người đời thì có thể khiến người sanh khởi từ tâm thanh khiết tự thân, đổi theo thiện xa lìa ác, dừng tranh đấu, không giết hại, bình trị thiên hạ nước nhà. Với giáo của Ngũ giới Thập thiện đó so cùng Ngũ thường nhân nghĩa thì Thể chỉ là một mà tên gọi có khác, đó lại là chỗ nên giữ của Hữu vi vậy. Xưa nay các nhà Nho biện giải đó có lắm nhiều mà đều chẳng đo lường gốc đó để tề bằng ngọn đó, nhọc cho điều Phật làm gọi đó là quá hoặc chẳng kịp, mà nhân đó họ cùng nhau bới móc trăm mối. Than ôi! Nhạc của Thuấn lấy ở người để làm thiện, Võ nghe được lời nói hiền thiện liền kính bái; Khổng tử chọn người có điều thiện mà theo đó. Nhan Tử có một lời nói thiện thì đau đáu giữ trong lòng không dám để mất. Những người Thánh Hiền từ xưa như thế để dẫn đến đời sau mà người sau còn chẳng thể theo đó, đến nỗi nghịch loạn táng tánh diệt thân phá nhà mất nước ấy vậy. Huống gì lại bài xích thiện đạo, cản trở người làm đó như thế thì lấy gì để khuyên đời sau ư? Than ôi! Khiến người đời sau chẳng dốc tâm làm thiện cũng như tội của người vọng biện luận vậy. Bí Hiệu đang vì nước nhà làm chính, quả nhiên có thể suy đó để mở rộng đạo của Nghiêu Thuấn, thì làm chính đó làm trị đó cũng chẳng quá lớn quá xa ư? Gặp phong tạm trải nổi lòng nhớ nghĩ vì đáp, để cảm tạ ý sâu dày, chẳng khuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bach.

THƯ GỬI CHƯƠNG BIỂU DÂN BÍ THƯ

Ngày... tháng...

Sa-môn Khế Tung tôi kính cẩn dâng thư đến cùng Bí Hiệu Biểu Dân túc hạ. Tôi đọc sách nêu bày, nghiên cứu chỗ kết quy của ý nghĩa, trải qua vài ba ngày mới thấy hết ngằn mé mênh mông ấy. Như ngắm nhìn sông biển mà chẳng biết nguồn nó; xa tít như trông nhìn muôn sao mà chẳng được nguyên cớ nó; như hổ đầy vằn mà khiến người kinh hãi. Nghi ở đời này không có vậy. Mới đầu chưa cùng biết, Biểu Dân đến nơi chỗ tôi ở mà hỏi văn. Vì lấy sự ngu tối, bỏ quên gia thế sang quý,

chịu cùng kẻ khô khan chìm lắng dùng đạo nghĩa mà cùng qua lại, vừa thấy gặp thức độ trí thấy đó xa vậy. Đến ngày khác cùng chung đó rão bước tham quan. Đó đi, tôi thật cùng người tin cao vợi chẳng đồng như người đương thời, càng thấy Hiền tánh của Biểu Dân vậy. Nay được văn đó, lại thấy được sở dĩ đó dụng tâm, lấy sự nghiệp của Thánh Hiền làm trách nhiệm của chính mình. Từ lý sâu vợi mà thuần, ý nghĩa ước lược mà chánh, thật đáng tin mà hành vậy. Tuy người xưa khéo giỏi văn từ, thích nghi không lấy làm khác đây vậy. Lấy làm đau đáu nơi cõi lòng mà chẳng ngừng nghỉ. Thật là bậc Hiền, thật là bậc Hiền vậy! Tôi người ở chốn núi rừng, hẳn thích nghi im lặng mà tự giữ, sao có thể luận phải cùng quấy, mà có thể nói và không nói, cũng có chí đó mà chẳng nhẫn vậy. Tôi nghe, học của Quân tử, là muốn tham tầm đạo đó, tham tầm muốn tự được đó vậy. Đối với Đạo tạm được đó, thì chỗ phát đó không đâu chẳng thấu đáo vậy. Chỗ gọi là Đạo nghĩa, là Nhân nghĩa ấy vậy. Nhân nghĩa xuất phát từ tánh vậy. Nhân sanh lộn lạo, không ai chẳng có tánh. Sở dĩ họ không thấu đáo nhân nghĩa là do vì không học nên vậy. Học đó mà chẳng tự đắc là do họ học cạn mà tập hành chẳng chánh nên vậy. Phàm, Thánh và Hiền danh xưng tuy khác, mà sở dĩ họ làm Thánh Hiền đâu khác nhau ư? Thánh đó là đắc ở Thành và Minh, mà Hiền đó cũng đắc ở Minh và Thành. Thành ấy là sanh mà tự biết đó vậy. Minh ấy là học mà biết đó vậy. Đến lúc họ thấu đạt nhân nghĩa thì chỉ là một vậy. Biểu Dân học đó sâu sắc, đối với Đạo có chỗ tự đắc, nên văn từ phát ra đó tốt đẹp vậy. Như chỗ Hàn Tử gọi là: "Người của Nhân nghĩa, họ nói hòa nhã vậy". Văn của mười Thiên đều thiện mà bàn nghị Võ biện cũng rành mạch. Đúng là chí thiện vậy! Xem ở đời chỗ gọi là người làm văn miệt như vậy. Tạm phát đó chưa rồi, sắp phát lớn đó thì nâng cả trời đất, vén vừng Nhật Nguyệt. Họ Hàn ấy, họ Mạnh ấy, chẳng phải là không có đồ chúng đó vậy. Lại sai lầm đưa đến nói cuồng, vì xoay lại thạnh biên, chẳng vì tuyên bày. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch!

THƯ GỬI HAI BÍ THƯ CHƯƠNG PHAN

Cụ vị Khế Tung gởi thư đến cùng hai Danh Nho túc hạ. Gần đây nhục vì Thơ bị mời gọi, mà thúc trị tiếp theo đó. Thơ đó phong điệu cùng cao, đều thích nghi phục người đó vậy. Tôi tuy muốn làm đáp trả đó, lại như thấy cầu gỗ cao chẳng thể vin. Vã lại, Thơ đó là để trang bày ý tương cảm vậy. Nhưng Biểu Dân cho là tôi dùng văn mà thúc trị, cho là tôi dùng tài mà chung cùng nói vậy. Phàm, Văn và Tài đều là

việc của Thánh nhân, mà tôi là một lão quê đâu thích nghi cùng vậy. Như bần đạo mới đầu rất ngu dốt, nhân dùng Thánh đạo của Phật để trị đó, mà thức lự đó cẩn chánh, đến lúc tham tầm sở dĩ làm của Nho, bởi chuyên thông tâm của Thánh nhân hai giáo, cũng muốn làm văn để phụ đó. Đạo tôi vì theo thích nghi của thế tục, chẳng phải cẩu thả hư danh ở đời mà ấy vậy. Đại khái, ân đối với đời mà có thành thật là tuy cùng thấu đạt mà chẳng dám quên mới đầu đó. Nay được Đạo của Thánh nhân mà thành thật thấu đạt đó có thể quên ư? Bần đạo thường bệnh, mà chư tăng bình thường ít nhận biết. Đạo tôi chẳng tu đợi ở danh, làm đức rỗng bối rối vậy. Vì việc cuối đó cầu văn tự của Nho, muốn vì trang sức đó, đến nỗi khiến họ dèm pha vậy, tuy đều là giáo Đạo mà nhục đó. Không thể hiểu rõ, nhưng là khắc vào đá, khắc vào bảng để khoe khoan với thế tục. Trọn ngày mênh mang vậy, mà lấy làm đức đó, hạng người như vậy rất nên đuổi khỏi nhà Phật tôi. Bần đạo càng không được ở người, đó đâu nên bỏ đạo tôi mà tự muốn dùng văn đó tài đó khư khư, mà trộm vinh dự đối với Hiền giả? Tuy chết chẳng dám vậy. Nên lúc nhận chịu ân huệ gần như vất bỏ sách mà khóc, nói: “Nay nhờ Thiên tử rất sáng suốt thấu đạt biết xa, vừa duyệt ý ở chánh pháp Nam Tông. Tôi cố tự bỏ ở cỏ rác, trọn không thể vì đạo đó hơi tiến tới. Vì trên nhờ ở Thánh minh của Quân vương, sao có thể lại vì ngu dốt đó mà lụy đến giáo đạo ư? Các ông cũng từng thấy tôi vì Phật giáo mà tu đó, làm thành thật đó, chẳng khinh ở trời đất, chẳng thẹn với thần minh, tạm cho đó là chưa thấu đạt vậy. Nên dùng Tăng đức mà cố gắng đó, không như vậy thì thôi. Nếu cho đó là nương gá vết tích chuyên dùng văn tự thấy giáo, thì không dám vâng mạng. Danh tệ sợ đó bẩm thạnh tập, mong vì gọt bỏ đó. Gia chương đó mỗi một đều vâng nhận. Chẳng tuyên bày.

THƯ GỬI MÃ TRỨ TÁC

Cụ vị Khế Tung tôi dâng gửi thư đến cùng Trứ Tác Mã Hầu Chấp sự. Tủi nhục ban cho riêng lời tựa bài minh tú thạch, ngôn từ rất tuấn phóng, ý nghĩa cao nhàn, như chẳng nhọc tư lự, chỉ một lần cất bút để thành văn đó. Nhưng đây thích nghi phát huy Thạnh đức Đại nghiệp của Thánh nhân, đâu phải đá núi du vật mà có thể đáng với đẹp xinh đó vậy. Giữ gìn đùa vui trọn ngày, mến mộ mà ngắm nhìn, người không chỗ tài năng thì làm sao thù tạc giáng phục. Giáng phục mới đầu như vậy, đá và núi đều chìm nghỉm trong cỏ xanh không biết mấy trăm ngàn năm. Đến đời gần đây, người khéo giỏi việc đưa ra, nhưng Nam Bình Nhan thạch đại khái đều kỳ đặc, mà đá đây lại rất kỳ, núi đó thấy ở đời đã vài mươi

năm vậy. Riêng tú thạch lẫn lộn trong các đá chẳng phân, đó đâu phải quái lạ kỳ đặc đẹp xinh xưa trước, chẳng phải chỗ biết của hạng người thế tục, nghi ngờ đợi thật thưởng đó tinh xét để biện rành ư? Một mai chấp sự quả thật dùng văn ấy mà phát đó, lan truyền đến người, chưa qua vài ngày, người đi trong xua tìm cầu đá đó mà đi đi lại lại có vậy. Đó là riêng Tú thạch khó gặp, Chấp sự chẳng ẩn giấu mà hiển bày ra đó. Tôi do đó mà cảm khái người xưa nay có ôm kỳ cặp dị, trọn chìm vất bỏ trong cỏ hoang, chẳng như đá đó là hạng nào? Người đó tuy ôm tài thức hiếm có ở đời mà không biết ở chính mình, chỉ cùng hàng dong tục xen lẫn trên dưới, giả như một lần gặp người học mờ tối họ không ganh ghét lại phỉ báng, cũng may mắn đó vậy. Huống hồ mong họ trọng ngôn ngữ mà cùng suy ư? Than ôi! Ở đời, người không vui thích thiện của Đạo nhân đông nhiều vậy. Như chấp sự thấy một vật mà chẳng vất bỏ đẹp xinh đó, còn dùng văn từ ngợi ca ở đời. Tin rằng tâm lượng của Chấp sự thích thản quá hơn người trăm ngàn đồng bạn, nên khiến Chấp sự được địa vị ở Triều đình. Suy tâm đó ở người thì các kẻ sĩ chìm đắm hổn tục trong thiên hạ ai chẳng được phấn phát tài nghề đó. Mà làm đức của Chấp sự lại thạnh so với nay vậy. Nghe xưa trước có Thuấn và Nhan Tử rất hay làm thiện cùng người, nên đời sau ca tụng đó là Thánh Hiền. Tuy muôn đời chẳng thôi nghỉ, mà Chấp sự quả thật như thế quyết tiến không thôi. Tôi dẫn thấy ở đời ca tụng hiền đức của Chấp sự, mênh mang tràn khắp bốn biển mà chẳng thôi vậy. Nhưng chọn lựa riêng một bài thơ cổ Tú thạch, mảy trần dâng phụng ý cao, câu từ phàm tình hạ cực. Phụ thẹn trông thấy. Khế Tung tôi kính cẩn tấu bạch.

THƯ GỬI VIÊN NGOẠI CHU CẢM CHI

Cụ vị Khế Tung tôi kính cẩn dâng thứ đến cùng Viên ngoại Cảm Chi túc hạ. Ngày trước muốn qua nơi chỗ ở hỏi vườn mới đó đất rất đẹp, sắp đặt phần mộ của Tiên phụ ở khoảng vườn đó, tôi đã cùng Thiên Hưu cùng luận bàn, người đó cũng mừng vui. Đang lúc vội vàng mà chưa xong việc bàn nói, dò xét sau lại thấy vậy, gặp việc bất chợt mà chẳng tiếp kiến. Thời trước tuy nghe nói thế mà nghi Cảm Chi... nói rỗng vậy. Khi đã nghe ở Tôn Quan mới tin Cảm Chi làm kinh quái đó. Vài ngày lại chẳng thể tự xử. Than ôi! Cảm Chi trung hiếu đó có xứng danh vậy, cớ sao chợt nhiên lìa chỗ giữ đó như vậy. Lúc trước, Cảm Chi cùng tôi nói Tiên phụ đó bảo tạm thời đưa hài cốt về quê nhà cùng mẹ hiền đều an táng. Mới nghe, Cảm Chi đau đớn sợ trái lời trăn trối. Nghĩa là Cảm Chi vâng phụng lời cha trọn đời không cải đổi vậy. Nhưng ý cha

hiền đâu vì thân đó trưởng thành ở Phong, lại sanh đồng bạn của Cảm Chi người ở Nam, chất trực đáng thương. Đó ở Phong làm đất cũ cũng chí đó vậy, nay trở về an táng nơi quê cũ là muốn con cháu nghĩ nhớ xưa cũ mà chẳng quên gốc vậy. Than ôi! Chí của cha hiền cũng xa đó vậy! Nếu như ở đất của xứ khác, thần linh thanh thuần, hay khiến người ngày nay an táng mà mai sau con cháu bèn làm văn võ. Nếu con cháu hiểu đâu chịu trái lời dạy răn của cha mẹ mà làm theo kế tính của con cháu ư? Huống gì muôn vàn không công hiệu đó vậy. Cảm Chi đọc sách không quên Đạo nghĩa, sao chẳng nghĩ cải đổi đó, nghĩa là an táng chỉ lấy cái nghĩa của nồng hậu quá đó vậy. Mạnh Tử nói: "Con Hiếu vùi giấu người thân, chỉ không nhẫn thấy hình hài đó phô bày vậy". Đến thời Tam Đại chỉ sợ sang hèn tiếm bức, xa xỷ hoặc liêm kiệm mất chỗ, nên vì làm Kinh Lễ, muốn người ứng dụng lễ tang an táng có tiết, chẳng nghe tìm cầu nơi núi sông thổ địa mà an táng người thân để làm vốn của giàu sang. Vì thuyết do bởi do Âm dương gia (các nhà chủ thuyết Âm Dương) vọng bày họa phước để cổ động thế tục. Mà thế tục miệt mài ở giàu sang, chẳng đoái hoài tu đức, rối ren nhưng vui theo thuyết đó, mong như được chí đó, cũng chẳng lầm hoặc ư? Nếu lầm hoặc đó Hiền mà có biết, nên cũng nêu ra truy tìm Thánh Hiền làm pháp thời xưa trước, ác được cùng tục nổi chìm. Tôi đây vì chẳng lấy của Cảm Chi vậy. Nghe xưa trước, có Chu Công đó làm phận người con cháu có Thánh đức Đại nghiệp, cùng trời đất muôn đời chẳng sánh, thật do Tổ tông đó tích chứa đức nhiều đời mà khiến đó vậy. Nay cảm Cảm Chi làm con cháu tính toán là phải nghĩ trung hiếu nhân nghĩa, nếu có chỗ chưa thấu đáo, thì gắng sức thấu đáo đó. Thuyết khư khư của Âm Dương gia kia, sao đủ để lưu ý? Tôi vốn kỳ lạ Cảm Chi khéo tiết tháo khảng khái, có phong thái của người xưa, đến đây rất sợ có chỗ khuyết tổn, nên chẳng dám lặng im có thể được chăng? Càng thích nghi đổi thay châm chước đó, nếu tự cho là có dị kiến, tôi quả nhiên hành theo chí đó, chẳng phải mong chỗ dám biết vậy. Ngoài ra chờ đợi cùng thấy thay đổi luận. Chẳng tuyên bày.

THƯ ĐÁP BÍ THƯ VƯƠNG CHÁNH TRỌNG

Cụ vị Khế Tung tôi phụng dâng thư cùng Bí Hiệu Chánh Trọng túc hạ. Gần đây, có vị khách từ trong tiệm thuốc đưa lại một lá thư gửi cho tôi vào tháng bảy. Mở đọc, thấy như cùng tương tiếp phong độ Chánh Trọng, rất ổn chỗ hoài mong. Nhưng vì tôi thường qua lại đó là xứng Đạo, do đó rất đặc biệt suy cao. Đây tợ như chưa từng có vậy.

Người nhà Phật tôi, đức đó lại chẳng đủ vang đạt, im lặng ở chốn núi rừng, thời chốn chẳng lường, nên đó thích nghi vậy, sao đủ... Mà Hiền giả Chánh Trọng đủ để tự dựng lập lớn, lại còn chăm chăm vì chẳng được chí cắt xén làm lo. Như vậy thì nào lo đạo đức đó không thấu đáo ư? Xưa kia, Lạc Chánh Tử làm chính trị, mà Mạnh Tử vui mừng nói là: "Người đó tốt lành vậy". Gần có xem thường xa ngàn dặm mà vì thiện đó nên lại bảo đó ấy vậy. Ý tốt lành của Chánh Trọng so với Lạc Chánh Tử, đâu ngay xa ngàn dặm đến báo ư? Nên nhờ ở thiện nhân trong thiên hạ có thể vậy. Đây tuy khuất ấp kia may mắn lại cố gắng đó. Đạo đó gần có chỗ trang bày đó vậy, chỗ gọi là văn tập, đó tuy gần thành một sách chỉ năm ngàn từ, để phát minh Đạo của tôi vậy. Vì Chánh Trọng mới chuyên Nho sợ chưa nhàn rỗi đó, sợ chưa liền thông. Cuối Thu như thành Gia Hựu tập, phải trước tiên thỉnh mời đến người chấp sự dưới, chưa cùng thấy nghe, mong gấp bội gìn giữ chẳng tuyên bày.

NHẬN THỈNH MỜI ĐẾN Ở NÚI PHẬT NHẬT, TRƯỚC DÂNG TRẠNG VĂN CÙNG THÁI QUÂN MÔ THỊ LANG.

Vừa rồi có người ngày nay cúi mong Tri phủ Đoan Minh Thị Lang, cùng Thai tạo đặc sai nha tiền Từ Tân..., xa ban cho tiền, văn sớ và Thiếp cả thảy bốn bức đến Nhuận Châu, thỉnh mời tôi đến trù trì Thiền viện Tịnh Huệ. Ngày hai mươi tháng này tôi đến Đăng Vân Thiền tự đã cung kính nhận Quân mạng xong, cúi tự xét nghĩ, tôi đạo đức rỗng hư, khí thức nổi cạn, đang dự ân ban lớn thật lấy làm nhục trộm. Nhưng mà giáo pháp suy tệ, các hàng chư Tăng suy sụp biếng lười. Đó bởi ý của Thị Lang nghĩ nhớ Tây Thánh (Thánh nhân ở phương Tây) phó thác, đặc biệt muốn khua động nổi dậy mỹ phong đã suy sụp, cúi nhặt tiếng tăm tầm thường mà trao ngôi vị làm Thầy. Từ sớ uyển nhã, rộng giúp cần trọng, chỉ sợ chẳng hơn nổi chỗ cử, mảy trần nhuốm lụy cao sáng, vừa thẹn vừa may, tình thấp hèn không nhậm, lo sợ cảm kích rất lắm. Kính cẩn dâng Trạng văn tấu tạ.

GỬI CÙNG THÔNG PHÁN VÀ CÁ C QUAN DƯỚI.

Gần đây, Khế Tung tôi cúi được đặt ân từ Đại phủ xa ban cho Di văn, mời gọi Danh sơn trao cho ngôi vị làm Thầy. Đã xét chính mình hư bạc, đến lúc nghe mạng lệnh lại càng lo sợ, trông nhìn lại chẳng thư thả từ tốn nhịn nhường, thẹn nhục trộm mà không có trạng. Trạng chỉ là quan tôi. Đạo cùng cực Nhất quán, thức bao gồm cả chín phái triết học, gom tất cả các lời lấy làm công, dò hỏi các thiện mà khiến trị, vui theo

giáo của Tây Thánh, mở rộng thắng duyên đó, vinh ngờ Phan của Đông hầu, trọng mạng lệnh sáng đó. Từ ý mới đẹp ban ân thương tưởng cũng sâu sắc, đã trùm đủ đức mà có nguyên do, bói hướng theo phong mà chẳng phải xa tít. Kính cẩn trước sai vị Tăng mang trạng văn đến dâng tấu, gồm tỏ bày cảm tạ. Cúi mong Tôn Từ, rủ ban soi xét.

TRẠNG VĂN GỬI CÙNG TĂNG QUAN TÔN TÚC Ở CHƯ SƠN.

Vừa rồi Khế Tung tôi, nay đây chợt vì tiếng tăm hư bạc, sai lầm đang thạnh mạng, dự phần giúp đỡ lớn của Hầu Phủ, du phương tham tầm ý chỉ Thiền môn, theo tự xét ngu mờ thật đáng gọi là nhục trộm. Đó bởi tôi là người nghĩ nhớ Thánh Pháp đã ngấm chìm, suy phong nghĩa để cùng dẫn trước, cúi nhặt tài mọn, dung dự tham chức lớn, chọn thiện đức để lưu lại, làm Đạo lực sung đó. Tuy miệt mài dẫn dắt vì có nguyên do, thẹn leo trèo lên không Trạng, hướng đến thăm thấy chẳng phải xa, thuật tán không cùng khắp. Kính cẩn trước sai vị tăng mang Trạng văn nêu bày ý thành khẩn của kẻ dưới, tỏ bày dâng xin cảm tạ.

THƯ GỬI CÙNG CÁC ĐÀN VIỆT

Tôi bày tỏ rằng: Nay đây tạm dùng tiếng tăm trống rỗng sai lầm, đang giữ mạng tốt lành, dự khen giúp vinh dự của Phủ Hầu, được thăng chức cao trong chốn quan trường. Theo xét, ngu hèn thành thật làm tủi nhục mạo phạm, đó bởi tôi là người khúc nhã, Đạo nghĩa duỗi tán Phật thừa, cung phụng thanh quy của ngoại hộ, mở rộng việc ưu thắng khó nghĩ. Gần hướng đến suy hội để bói chọn thời buổi tốt, cảm biên ghi mới nghĩ nhớ. Các dung diện tường tự, chẳng tuyên bày.

TRẠNG VĂN TRÌNH BÀY BẮT ĐẦU ĐẾN NÚI PHẬT NHẬT.

Vừa rồi Khế Tung tôi, nay cúi được Thi phủ Đoan Minh Thị lang đài mạng giúp đến trú trì Thiền viện Tịnh Tuệ, chỉ đội ân tỏa sáng, đâu nhận cảm thẹn. Ngày mồng năm tháng này đã bắt đầu lìa Nhuận Châu, tham kiến tức thời, kính cẩn trình bày trạng văn dâng tấu.

TRẠNG VĂN TIẾP HÀNG CHÂU TRI PHỦ QUÁN VĂN HỒ THỊ LANG

Khế Tung tôi đây cúi xét, được thỉnh đến Bắc Khuyết bái mạng. Đông phan, trọng ân đặc thù mưa mốc, bẩm kín nhận then chốt, tụng sống lại đã làm, phong tọa trấn bên dương. Cúi nghĩ chỉ có Tri phủ Quán văn thị lang là người Nghệ uyển thạc Nho, là bậc thượng triết

trong sanh linh, giẫm đạp ngạch cửa của Thánh nhân, chiếm sư tông của Văn chương, rưới sáng văn vẻ ở rừng ngôn từ, phát huy chiếu lệnh của Đế Chúa, trử Hồng huân nơi Chốt phủ, tăng công Đại Thánh, cậy chú phương nông, xin trình bày kín hơn, ban huệ mỹ tục của toàn Ngô, rung động vinh quang của nước cũ. Dân mong mỏi khuynh thành, như đợi trông cha mẹ, Hồ nghinh đầy đường mong thấy có phương. Tôi tủi nhục làm chủ Kỳ Viên, lạm đang là bậc thầy, nguyện chỉ ngày xưa mong tiếp Thánh trần, đâu nghĩa là tuổi già riêng được nương gá quỷ bộ, nghĩ suy yếu đó mỏi mệt quá lắm, thẹn tham dự đoán rước đó chưa rước. Cúi nghĩ, Đại từ duỗi ban nghĩ xét, tình thấp hèn không nhậm trông ngóng, tịnh khâm kính quá lắm.

TIẾP TRẠNG VĂN TRƯỚC CỦA TIỀN ĐƯỜNG TRI HUYỆN

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Cúi xét vinh hạnh vâng phụng chiếu mang, quang lâm huyện phủ. Nhân từ mẹ cha xa vài trăm dặm, xứng thời trông mong của mây mống. Người vui lợi kiến, tụng khởi sống lại. Cúi nghĩ, chỉ Tri huyện ty môn tài chức cao sáng, khí lượng xa lớn, tiếp nối hiên niện sáng rỡ nhiều đời, đề cao quy mô của Danh gia, tiếng tăm tốt lành tràn nơi triều thạnh. Đông mong ngóng mến mộ, vết cao hiển trước ở Huệ chính, Tây Triết khâm chuộng phong, Hương Nguyên dự không dám khinh thường, Hồ tương đã tranh tiếp trước. Ngưỡng mây xanh mà rủ che, kính cẩn nghinh trọng văn trước, cúi mong chỉ xét nghĩ...

TIẾP THƯ TRƯỚC CỦA THIỀN SƯ ĐẠI GIÁC

Khế Tung tôi lại xin tỏ bày: Gần đây trộm nghe, phụ theo chúng mạng đến trấn Tệ sơn. Tổ tịch thêm tỏ sáng, Đạo tôi lại khen động, tức lúc cúi nghĩ chỉ pháp hầu tốt lành chín chắn. Tôi kẻ kiều ngụ ở Long Sơn, theo hướng Bắc rảo đến rất là bất tiện. Chẳng kịp ra nghinh đón Thuyền ngự, rất thẹn sợ vậy. Kính cẩn trước phụng dâng khải văn tỏ bày. Chẳng tuyên bày.

TẠ VƯƠNG THỊ ĐỘC THỊ LANG

Khế Tung tôi lại xin tỏ bày: Trộm cho là Tri phủ Thị độc Thị lang là người vĩ khí thuần thành, thật là Danh thần của đời Thánh, cử lên hiển vị quý trọng nhiều đời, mà lại rộng thông biết xa, rộng tán dương Phật thừa. Các hàng chư Tăng trong thiên hạ, đều kính ngưỡng làm thành trì. Tôi ngày trước ngu chẳng tự độ, liền dâng phụng thư riêng đến nơi cung quyết để phù trì chỉ giáo. Thị Lạng nghĩ tưởng công hiệu nhỏ

nhiệm đó, đặc biệt cùng cử dụ, Thiên tử chấp thuận theo, bèn thành tựu chí ý sắc son ấy vậy. Đó bởi Thị lang toàn thành xinh đẹp đó, sức lớn tán thán hộ trì mới khiến như thế. Đang cùng chư Tăng trong thiên hạ gắng sức hành Đạo, để khua động ân huệ lớn mà chẳng dám quên vậy. Tình kém hèn không nhậm nghĩ nhớ phong thái, ca vịnh đức hạnh, chúc tụng, biết kết quy thấu đáo đó.

CẢM TẠ THẨM TY PHONG ĐỀ HÌNH

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Hôm qua cúi được giáng trọng, được tiếp bái phong thái thuần tố, rất yêu tư duy lâu nay trái ngược. Nhưng mà may nghe được sai mỹ của phong tục Đàm Tân, đó là Thái Thú nhân hiền phong hóa khiến nên vậy. Tôi thường bùi ngùi kia xa phương khác tục, Phật thừa chưa tỏa khắp. Tuy rất già suy, còn muốn dùng Di pháp của giòng họ Năng-nhân khuyên chủng dẫn dắt ấp tử lấy làm thượng thiện, còn nhớ công nghi lưu lại mến thương hỗ giúp, khiến đó một vài năm được toại chí thấp hèn, lại mạnh vượt lướt tục, người đó may mắn lắm mà thắng duyên còn có vậy.Thuyền Tiên đầu trình đoái hoài chẳng thể ra ải tiễn đưa, nhạc càng buồn bả áy náy chợt xa muôn dặm. Xin chỉ khéo thấy dấu giày tôn quý, kính cẩn sai tang mang đưa khải văn tham tạ.

CẢM TẠ VƯƠNG MẬT GIÁN TRI PHỦ BAN TẶNG THƠ.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Ngày mười bốn tháng này, từ Hàng Châu đưa đến nơi ban tặng một bức Khuê Thập, mở bày đọc xem, vừa kinh sợ vừa mừng vui, ngưỡng đội ân sáng, không nhận cảm thẹn. Cúi nghĩ, chỉ Tri phủ Mật Gián ngôi vị tôn quý trọng vọng, đáng bậc danh thần của Thánh Tống, tài thức cao xa, là bậc đài các mô phạm. Cúi nghĩ, tôi là người tối tăm hẹp hòi ở ngoài vật, dùng lời nói hoang tàn quê kệch ấy mà cùng phát đó, cách luật nhã trọng, phong vận cao xa, đó có nghĩa là mượn chút bóng tàn của Nhật Nguyệt so với lửa đuốc, mượn âm lớn của Thiều Hộ mà sánh với trống đất, sáng rỡ thiện nhỏ đó khuyên hàng tiểu học kia, tủi nhục ban ân lớn ấy thật làm may mắn lắm. Vừa thuộc ở núi dạy răn chúng ít, chẳng rỗi tự thân đến người chấp sự dưới, kính cẩn trước nhờ khải văn dâng cảm tạ, cúi xin Đài từ rủ ban nghĩ xét.

GỬI DOANH CHÂU LÝ CẤP SỰ.

Khế Tung tôi lo sợ xin tỏ bày: Năm trước nhân sứ giả từ phương Bắc trở về, thường được dâng tấu trạng, tin hẳn đã truyền đến Cao

minh. Nay bèn cúi nghĩ, chỉ Đài hầu mừng thắng, cao dương chính trị giản tỉnh an vệ, đạo khí hẳn càng được Diệu lý. Tôi nương náu nơi núi rừng u tối hẹp hòi, lại đây ngầm kín, lần lượt thẹn trái nghi phong xa, nay làm người thân vậy. Nghe Bí Hiệu nói sẽ đến Vinh Thị, tạm đây tỏ bày chút ít trắng trong thấp kém trong muôn vật. Chỉ mong xét nghĩ. Chẳng tuyên bày.

GỬI QUẢNG TÂY VƯƠNG ĐỀ HÌNH

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Người không danh vọng, liền bị đồng bọn đó cùng ghét ganh làm loạn không thôi, vì thế đó nên chẳng dám đi lại, thật là sáng rỡ nơi hương ấp đó phế bỏ. Ngày qua mây quang lâm yên tốt lắm nhiều vậy, đây được dự Đại Hiền án bộ tệ thuộc, sắp chế đồ lễ ở gốc đường, trước gội rửa ban sắc giáo, há không sâu cảm thẹn! Tôi riêng sống không buộc ràng, nói nhiều trái nghịch vật, sắp xa nép ở La phù, đằng thú Thẩm Công nghi hiềm Nho tướng cùng có kỳ hạn, cuối Đông đầu Xuân, quyết hạo nhiên trở về Nam, phải đầu hầu xe trái xa Tân minh, muôn vàn xin vì nước nhà mến thương. Kính cẩn xin dâng khải văn trải bày chút ít khư khư. Chẳng tuyên bày.

GỬI HIỀN LƯƠNG TRẦN LỆNH CỬ

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Từ Hồ Bàng xung mạo sương tuyết cùng đến đã vài tháng vậy. Sau khi giả biệt chỉ đau đáu vậy. Lúc tháng tám, tiếp thư chỉ bày, mới biết Lệnh cử là người chí quan rất thiện, chẳng vì khiển trách đổi dời mà để ý. Ngoài việc công ra, xin sang cửa đối diện mây mà ngồi. Đạo tình thanh thắng, mới nhìn xuống trần tục, siêu nhiên tự vui. Tuy lúc của Trời bạch lạc, cửu giang, đâu lấy gì hơn đó? Phong thái vang khắp mọi người, chỉ cảnh phục không rỗi. Lệnh cử đáng bậc Hiền hào ở đời, lại dùng vật ngoài tự như vậy. Thanh quy đó, tổ đức càng tuyệt người xa vậy. Lão tệ tôi như mây nổi lá rụng phiêu bạc còn như chẳng định, tuy có gấp bội hứng của Tam Hạp Ngũ Lão, sao được toại đó? Còn xa cao luận, muôn vàn xin khéo gìn giữ tôn lý. Chẳng tuyên bày.

GỬI NHUẬN CHÂU VƯƠNG CẤP SỰ

Khế Tung tôi lo sợ xin tỏ bày dâng cùng Tri phủ cấp sự Kỷ Hạ. Tôi nương náu nơi núi rừng hoang tịch chẳng tiện, hành lý lâu khuyết rong ruổi Trạng. Chẳng hơn trông nhìn hệ thuộc, cúi xét cờ xý ngọc bội đã chấn Nam tử, huống kia sách cứ cả vài vạn nhà, cũng chẳng lại đội

ban sắc lớn ư? Không nhậm khâm trọng tán tụng, cảnh phục đó thấu đáo, nóng bức lắm. Cúi xin dâng vì Quốc triều tự trọng, kiến thành chúc tụng, kính cẩn phụ thêm khải văn dâng tỏ bày. Chẳng tuyên bày.

GỬI VƯƠNG ĐỀ HÌNH HỌC SĨ

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Cúi từ kinh đô, thôi vâng phụng quý trọng trở về núi, tuy vang vọng rộng án đến giang ngoại, trọn không vì vâng phụng thư. Vừa biết xe theo đã đến Quận này, cúi nghĩ chỉ Tôn Lý đẹp xinh. Tôi gần đây tự sống lại, khế thư muốn đồ họa để tấu nạp, nhưng vì bệnh chưa giảm để rão đến trước. Nay dung mạo hơi có chút bình phục, đang dùng ý nhỏ dâng tỏ bày. Kính cẩn đây trước trải bày khư khư, cúi nghĩ, chỉ nghĩ nhớ xét cho. Cho tuyên bày.

GỬI LỤC THÔI QUAN

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Từ thẳng mắt thành đàm chợt đổi thay lương tiết, vườn tường vắng vẻ, trọn mất đời rối ren, đủ để tự đắc. Ngoài ra truy tìm lại cũ, khéo hé mắt nhìn tưởng thanh tài, tâm treo cao lay động, trạng mạo khó cùng tận, như hiểu đợi chờ việc, minh mẫn vượt hẳn đồng bạn ở đương thời, muôn vàn đầu lưỡi một từ cùng khen thưởng. Huống ở dự ngắm nhìn, sao chẳng vui vẻ. Trong nắng nóng muôn vàn mong khéo gìn giữ chẳng tuyên bày.

GỬI TRI HUYỆN TRƯƠNG QUỐC BÁC

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Đầu mùa Hạ dần nóng, cúi nghĩ chỉ Tri huyện Quốc Bác tôn hầu khởi ở muôn phước. Ngày nay, tôi được che râm mát, thích nghi như vậy có gì sánh bằng. Cúi xét, vinh phụng minh mạng đến trấn Huyện phong, thuần ban ân dân đó, nhã xứng vật trông mong. Tôi chưa rãnh dự tham chúc mừng, tình thấp kém không nhận mừng vui ngắm trông, y theo kính thiết đó thấu đáo, kính cẩn phụng dâng khải văn, chẳng tuyên bày.

CẢM TẠ TIỀN ĐƯỜNG PHƯƠNG THIẾU PHỦ

Cụ Chánh, vừa rồi Khế Tung tôi, được cúi nhờ Tiên úy mật hiệu đặc uổng xe lọng đến thưởng Nham cục, Hành vũ thêm sáng, chư Tăng xưng mừng. Hạn định vì Quy chế mùa Hạ còn thư thả, rão hướng theo phong, thẹn sợ rất sâu, cảnh phục nhọc thuyết. Kính cẩn dâng trạng văn thăm tạ. Cúi nghĩ chỉ Tôn từ rủ ban nghĩ xét. Chẳng tuyên bày.

GỬI NHÂN HÒA TRIỆU THIẾU PHỦ

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Ngày trước cúi vâng đến phỏng thăm Sơn xá, không lấy gì để tiếp đãi, chẳng giằng nổi thẹn sợ. Tiếp đem Khuê Thập thấy Sủng điều, phong điều cao nhã, đâu thể thứ tối tăm hẹp hòi đó có thể xin tiếp. Chẳng lường hoang đường, gắng gượng hòa đó. Chỉ để lấy cười danh tượng lớn tay, nắng nóng ẩm ướt chỉ tự trọng. Chẳng tuyên bày.

GỬI THẨM THIẾU KHANH PHỎNG THĂM

Khế Tung tôi lo sợ xin tỏ bày: Ngày qua vâng phụng được giáng phỏng thăm khách xá. Ngưỡng đội tôn quý ban ân, chẳng nhậm thẹn sợ, chỉ vì già tệ chẳng kham việc người, chưa vậy quả nhiên tức đến dưới án. Kính cẩn sai đệ tử mang đưa Khải Văn dâng tạ, cúi nghĩ chỉ Thiếu Khanh cúi xét nghĩ nhớ. Chẳng tuyên bày.

GỬI TỔ LONG ĐỒ BẢI NHẬM HÀNG CHÂU

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Nay đây cúi xét Tri phủ Long Đồ bãi trấn Danh phan, liền ngay đó rão theo sắc chiếu trở về cung khuyết đi thuyền dẫn đầu đường. Tôi ở núi rừng trốn bệnh, chẳng thể ra xa ngoài biên giao đưa tiễn, nhọc thêm buồn bả luyến mến nhân đức, cung kính vâng phụng tự lộ đó. Cúi nghĩ chỉ Đài từ nghĩ xét.

THƠ TIỄN GƯỞI DƯƠNG CÔNG TẾ.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Chẳng vạch hàng ngũ lại, chợt quá hơn mười ngày, khí xuân còn cạn, cảnh sắc còn lạnh, chỉ trong thân thể không bệnh tật gì chăng. Gần cửa ải Duyên Phước, chẳng cố tập khí, thà quên nhân được lầm vọng đó, bởi vừa tánh đã rồi, đâu dám phong nhã có thể cùng ư? Nhưng người vụng dùng chẳng như người Trí rung động Cù. Huống gì Túc hạ sức lực có thừa, có thể vì tôi làm cái bừa, chớ để bàng quan cướp mất miệng Hồ lò mà cười.

TRẠNG VĂN TRỞ VỀ CHƯƠNG GIÁM BỘ MÔN.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Ngày trước cúi được đặc trụy thanh nhã, vốn lữ quán hùng tráng cậy chẳng nhậm cảm đội, dung thể bệnh trước hơi thuyên giảm, đang chạy chung quanh để tiếp thừa thạnh thứ. Kính cẩn dùng Trạng văn dâng nạp, cúi nghĩ chỉ rủ xét. Chẳng tuyên bày.

GỬI THIỀN SƯ NGUYỆT Ở THẠCH MÔN.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Trước đây ba tháng được sách của Công Hối và lời bạt của Bi Phong Dao, ẩn dụ ân cần rất lắm. Nếu chẳng phải là bạn chí cốt thâm giao, sao chịu như vậy. Đối với đó cảm bội muôn một vậy. Nhưng lời tựa văn rất hay đẹp, chỉ đức đó mỏng bạt, chẳng nhậm khen thưởng vậy, thật lấy làm tủi nhục đó. Từ lâu Công Hối cách biệt chỗ dụ hiểu, sao già mà càng Hiền như thế, mừng vui lại khác thường. Tôi chỉ bạc đầu nếp xếp chẳng thể tự khua động, huống gì rãnh rỗi ở giáo Đạo ư? Xem đó được chẳng thẹn ư? Gá ở nơi Thạch Bích đã gần hai năm, tuy nhiên từ vừa rất vui, trông nhìn đời người như mộng, sao đủ kham ỷ cậy. Ngoài chăn đắp và bình bát ra, chỉ đồ thư tạp nhiên ở trong thất, những gì mến chuộng của thế tục không lưu giữ một vật. Gần đây có trước thuật Hiếu Luận gồm mười hai chương, phỏng Kinh Hiếu của Nho phát minh ý Phật, cũng tợ khả quan. Tôi tuy chẳng Hiền làm người làm tăng đó, cũng có thể gọi là chí ở nguyên giáo mà hành ở Hiếu luận vậy. Nay đem cùng gởi, bởi vì Công Hối khéo hay đối với người thân vậy. Chỗ ở tuy lao lạc, đối với Phật pháp, ý đó cũng không dám biếng lười, từ từ đang làm giáo môn trước thuật một bộ sách lớn. Chỉ lo công đó to lớn, nếu quả thật thành tựu, trước sẽ cùng tỏ bày. Công Hối đạo đã khua động một phương, tôi chẳng biết nói sao, chỉ khéo đem thân thế đây làm chí chúc, chuyên người trở lại, đặc biệt đây dâng tỏ bày.

GỬI THIỀN SƯ NAM Ở HOÀNG LONG.

Khế Tung tôi lại xin tỏ bày: Hòa thượng có nhân duyên lớn, dừng ở nơi đâu thì tại đó người học nhóm tụ nương theo. Thật là việc lớn lao của trong đời mạt pháp, muôn vàn may mắn càng cố gắng tôn dùng. Tôi lạm làm chủ Thiền tịch, đức mỏng lời nhỏ, chẳng làm được chỗ đáng tin cậy của đương thời, rỗng nhọc tai mắt. Gần đây tôi có ý muốn lẫn nấp ở La Phù, nếu đi trên đường hẳn ra Giang nam, sẽ bái cầu Cao Hội. Hòa thượng Công Hối lúc bình sanh tâm giao, nay già ở một bờ mé hai năm, giáo hóa chư tăng không thấu đáo, không nghe tiếng đó. Hoặc nhân Thư để lại, xin làm gọi tên. Hoàng Long là một ngôi chùa danh tiếng ở thời xưa trước, nên xưng gọi là Thanh Thê, Pháp Trường mỗi lúc đàm nói đề cập đến phong cảnh Tích thúy, nghe đó khiến người thần động tâm bay. Nay người nào được ở đó vậy. Cháu ngoại kẻ ngu tôi sớm làm nhục giáo hối, cũng chỉ tợ như người, đoái hoài con nhỏ, lấy gì để báo đáp trọng ân, đường xa chẳng kịp dùng vật thô thiển tạm tỏ bày chung quanh. Chỉ chăm chăm khâm nịnh vậy.

ĐÁP THIỀN SƯ NAM Ở NÚI HOÀNG LONG.

Khế Tung tôi cúi đầu. Tuy nghe Tổ Đồ Tồng Ký đã nhục nhặt xem, mà chưa vâng phụng bình phẩm. Tâm quê kệch được không ân hận vậy, nhục ban ân giáo mặc mới quá hình khen trang sức, đâu là Đại thiện tri thức vì pháp muốn có chỗ kích khuyên đó? Vừa cảm vừa thẹn. Tôi bình sanh tuy quen lờn hèn nhác không dựng lập lớn, nhưng cũng mạnh dạn nghe bậc Sĩ sạch xa biết cao. Hơn ba mươi năm, nhọc cảnh phục Đạo Tố, chẳng được một cùng thắng hội, đó làm đau đáu, biệt lại lãnh Đại chúng ở Long Sơn. Khâm chuộng khéo thiện đó, sách nào có thể viết hết. Ánh Xuân may mắn ngàn vạn vì pháp tự trọng. Tăng trở về kính cẩn bày trải khư khư.

GỬI THIỀN SƯ VIÊN THÔNG.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Đầu mùa Hạ năm trước nghe Sư dời Tích đến Sùng Thắng, mừng vui yên ổn, mừng vui yên ổn! Lô Sơn nói chốn ưu thắng trong thiên hạ, chỗ phát xuất Tông giáo, được Đại thiện tri thức trấn thủ trang nghiêm, là may mắn lớn của người học vậy. Thù thượng nhân đến, quả nhiên nghe Thanh quy càng cử, lại mừng vui đó vậy. Chỉ mong lâu dài ở đó có thể vậy, xin chớ có ý niệm đến phương khác là rất đẹp xinh. Tôi già suy, chợt nhiên khách đến cậy nhờ, không sức hoằng pháp. Nhọc khâm tham muốn ở hay vết tích vậy, càng xa phong luận, ngàn vạn khéo gìn giữ. Nhân giới kính cẩn tri lộ đây. Chẳng tuyên bày.

LẠI GỬI THIỀN SƯ VIÊN THÔNG.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Đông lâm trong bọc, rất nhục bút tay, biết lùi pháp tịch, chuyên dưỡng chí thú cao, khâm chuộng tham muốn. Chỉ Lô Sơn không được trấn trú trang nghiêm, cũng là bất hạnh của Thiền lâm, thấy mời ở Hổ khê đủ nhận phong nghĩa thạnh trọng. Chỉ tôi đẩm ướt ngưng trệ, chẳng thể liền bái Nhã Hội, rất lấy làm ân hận vậy. Ngoài ra, các xứng khác, chưa vạch trông thấy, ngàn muôn khéo mến.

ĐÁP THIỀN SƯ VIÊN THÔNG NHƯỜNG VIỆN.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Ngày trước người chuyên truyền đến, hoa ngậm nhân đã được đẹp, bãi bỏ ngầm đạo, ở đây duyên đức mới thạnh niên lạp cùng. Nhưng sau vội kinh hãi tai mắt mọi người, lại nghe các hàng tăng tục, xin lưu lại đây cả ngàn vạn, lại theo dư luận. Tôi già tệ đức bạc, chẳng thể vì đó làm giềng mối. Thiên hạ cùng biết đạo ấy,

sao sai lầm dùng người này làm thay thế? Tại Tiền Đạo suy tình nhường đó, tuy tự cao trùm, mà người kém liệt, chung cùng lấy gì đáng khắc. Muôn vàn phải tự quên nhã ý vì chúng ít lưu lại. Già tệ Đông tây nam bắc người như vậy, hẳn không vết tích cố định. Vâng phụng thấy chưa kỳ hạn, ngàn vạn lưu ý.

ĐÁP TRƯỞNG LÃO TRƯỜNG THỌ.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Người chuyên đến, tủi nhục, tay giáo an ủy dụ hiểu, chân đạp mũi nhận lâu, cốt yếu đó chẳng quên vậy. Muôn cảm, muôn cảm! Hòa thượng Pháp Ấn không thể cứu liệu, bèn khiến như vậy, thương cảm không thôi, đòi văn chí tháp đó. Tuy khéo nhục cùng biết đến đối với hậu thiện đáng đây đâu có thể nghiêm sức nhún nhường ư? Vả lại, lấy vụng nắn thẳng bút hãy vâng phụng khuê mạng, cùng bày tỏ thành thật của bình sanh giao khế vậy. Dùng bỏ đổi thay lại ở chọn lựa đó càng nóng đốt ngàn muôn, vì pháp tự trọng. Kính cẩn dâng thư đáp này, chẳng dám tuyên bày.

GỬI TRƯỞNG LÃO VẠN THỌ.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Âm tín tuy chẳng cùng thông, mà khâm phục Đạo vốn nhọc cần thiết đó. Tôi không danh trạng, già lão càng dốc lòng. Khoảng cuối mùa Xuân, thôi bỏ ở núi Phật nhật, vào ẩn núp sâu tại Long Sơn, tiêu nhiên, người chẳng kham, lo âu đó, mà tôi chưa từng nhàm chán. Lại muốn khiến vâng phụng hỏi hiểu Đạo, bởi Hoài Nam chưa trở về, nên chẳng thành quả, nhưng vừa gặp Táo quân, mới biết dậy ở Thanh thắng. Khéo an ủy dấu tích cô quạnh, ngu hèn thấy mưu tính đến Lô Sơn trị hành, đương đều kính bái Đạo tràng. Đông lạnh chưa thấy gián cách, muôn vàn xin khéo mến thương. Kính cẩn trải bày khư khư đây mà chẳng dám tuyên bày.

CẢM TẠ TĂNG CHÁNH BẢO NGUYỆT Ở HÀNG CHÂU.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Đã già lão vì suy yếu tật bệnh, xin cáo miễn khỏi Trú trì, đặc biệt được rủ lòng thăm hỏi, quá hình còn giúp đỡ, ngưỡng đội Đạo quyến, đâu giằng nổi cảm thẹn. Còn vì quy chế mùa Hạ chưa rỗi để đến trước kính lễ, kính cẩn dùng khải văn dâng tạ.

LUI TIỆC TRÀ KIM SƠN (Hồi đáp)

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Vừa sáng sớm, Giám tự gởi Tiên bảo đến chỗ ở để dự tiệc trà, ý muốn thương cầu khẩn, đâu có thể nói dụ là biết

thành tố. Tôi tuy chẳng khéo cùng người tương giao, đâu vì việc của ngày mai mà tự khuyết mất tiết nghĩa, không phiền cũng ngoài thanh tập. Vừa đang lúc nắng hạn, tạm làm thư bãi lui, kính cẩn bảo người hồi nạp, cúi mong thương xét.

GỬI TRI SỰ ĐÔNG LÂM.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Nay là vâng thừa giới xứ từ xa đưa thư tặng hỏi vì chỗ mượn Hiền Thắng Tập ngày trước, không danh trạng tự ẩn giấu đó, tiện mạng lệnh mừng vui xa đến sáng rỡ khác nhiều. Tôi người cúi nhặt hư thanh, lại suy cao nghị, theo xét ngu đó, lấy gì đáng khắc? Thẹn vì già mỏi mệt, lại kéo dắt sự duyên hướng đến chưa đường hoàng. Chỉ xấu hổ sâu, lâu trệ người lại, càng ghét hận sợ. Giới sứ trở về phụng dâng trạng văn trải bày cảm tạ, cúi mong thương nghĩ.

GỬI SỰ THƯỢNG NHÂN

Ngày mười tháng này, người lại được tặng bút nói chỗ mừng Đạo ý thanh tịnh, không duyên việc khác. Con người ở đời nhân là đệ nhất. Việc đó chớ khiến mắt tục trông thấy. Một vài năm lại rất chẳng vui mừng nghe, tư lự tiêu hết, không việc gì có thể kham chịu. Xưa nói: “Ngàn dặm đồng phong”, tức nghĩa đây vậy. Chỗ hỏi anh em chẳng riêng ngu mê, lại gồm ngược thẳng. Tôi làm quá lời, lại du như gió qua cây, chỉ càng rầm rỉ tai, bệnh tại trong mình, không do đâu để trừ. Túc Hạ tuy có tình của anh em, cũng làm sao được? Làm sao được?

PHÁT CÚNG DƯỜNG CHỦ GỬI ĐÀN NA.

Khế Tung tôi xin tỏ bày: Hợp đây bè bạn ưu thắng, xứng đáng nhờ Đàn Hiền. Tuy vốn khâm chuộng ở Lệnh Du, còn chưa bày ở trắng trong, ngóng mong nhọc thiết, tiếp bái gặp chưa kỳ hẹn; khí thu còn trong lành, trân quý dưỡng dục đó. Hóa nhân hành chuyên, đây phụng dâng văn khải, chẳng tuyên bày.

■